DONNA TARTT

Cánh chim vàng

Giải Pulitzer 2014

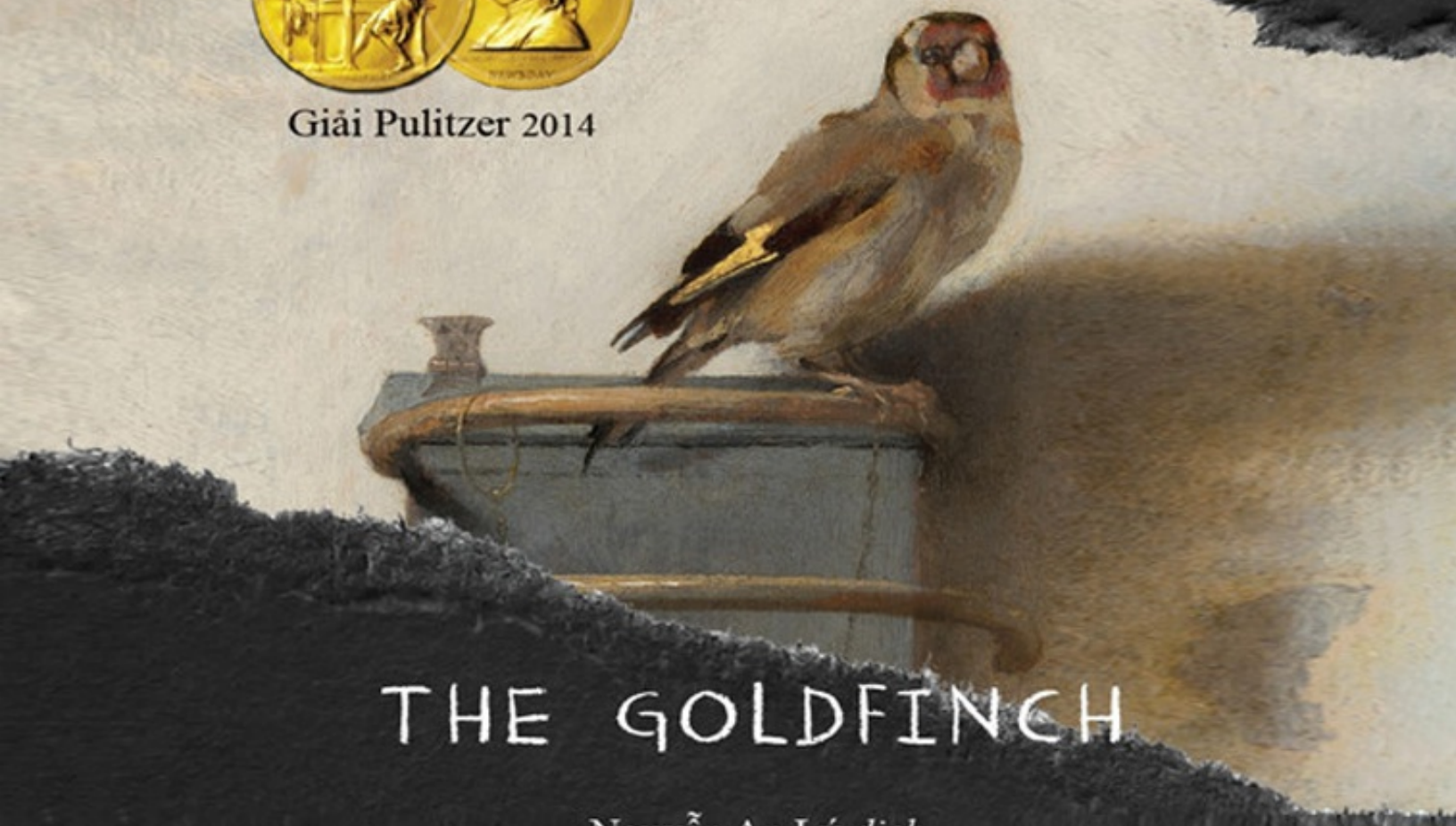

THE GOLDFINCH

Nguyễn An Lý *dịch*

MEGA+ alphabooks NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

CON SẺ VÀNG

Nguyên tác: The Goldfinch

Tác giả: Donna Tartt

Dịch giả:Nguyễn An Lý

Số trang: 932

Nhà xuất bản Thế giới

Nhà phát hành: Alphabooks

Cuốn tiểu thuyết mới phát hành, được giải Pulitzer 2014.

Nếu có điều kiện các bạn hãy mua sách giấy ủng hộ nxb.

http://tieulun.hopto.org

Đại diện Ban Quản Trị Group “Hội Những Người Thích Đọc Sách Bằng Kindle” xin chân thành cảm ơn tất cả các bạn đã cùng tham gia hoàn thành nên quyển Ebook này. Tuy rằng có tới gần 1.000 trang nhưng các bạn đã không bỏ cuộc và cùng chúng mình hoàn thành.

Các thành viên trong nhóm Ebook “Con Sẻ Vàng” gồm có:

1. Nguyễn Ngọc Thuỷ - Leader Team
2. Phạm Vũ Hoà
3. Trịnh Thanh Phương
4. Nguyễn Tuấn Thành
5. Ryder Nguyễn
6. Duyên Bích
7. Kiều Anh
8. Lê Minh Tâm
9. Thái Huỳnh
10. Võ Hoàng Nhật An
11. Nguyễn Ngọc Sơn
12. Hà Tiến Thành
13. Trịnh Minh Hiếu
14. Nguyễn Trần Anh Văn

Rất mong các bạn tiếp tục đồng hành với chúng mình để làm thêm các dự án ebook mới trong tương lai.

“Ebook được làm hoàn toàn phi lợi nhuận với mục đích - được

mang theo những quyển sách hay, hot đi theo bên mình qua những chiếc Kindle. Mọi hình thức sao chép, kinh doanh đều trái với nguyên tắc làm việc của nhóm"

http://tieulun.hopto.org

PHẦN 1

Cái phi lý không giải phóng mà trói buộc [1]

—ALBERT CAMUS—

http://tieulun.hopto.org

01
Cậu bé cầm đầu lâu

i.

TRONG NHỮNG NGÀY CÒN Ở AMSTERDAM, tôi mơ thấy mẹ lần đầu tiên sau nhiều năm. Tới lúc ấy tôi đã ở lì trong khách sạn hơn một tuần liền, chẳng dám gọi cho ai cũng không dám ra ngoài, tim nảy thình thịch trước những âm thanh dù hết sức vô hại: tiếng chuông thang máy, tiếng lạch xạch khi xe thức ăn đi qua, thậm chí tiếng chuông điểm mỗi giờ ở nhà thờ - de Westertoren hay Kritjberg[2] cũng nhuốm màu u ám, như tiếng chuông báo tử trong truyện cổ. Ban ngày tôi ngồi ở đầu giường, vắt óc tìm cách giải mã bản tin thời sự trên tivi (một việc vô vọng, vì nửa chữ Hà Lan tôi cũng chẳng biết) rồi tới khi bỏ cuộc, lại đến ngồi bên cửa sổ nhìn ra phía con kênh, trùm thêm cái áo khoác lông lạc đà ngoài quần áo thường - vì tôi vội vã rời New York, đồ mang theo chẳng đủ ấm, kể cả khi ngồi trong nhà.

Ngoài kia, đâu đâu cũng rộn rã náo nhiệt. Giáng sinh tới nơi rồi, đêm đến đèn lấp lánh khắp các cây cầu bắc qua con kênh; các *dames en hem*[3] 2 má đỏ, khăn quàng bay bay trong luồng gió lạnh cóng người, lao xe đạp tưng tưng trên mặt phố rải sỏi, đuôi xe chẳng cây thông. Chiều chiều, một nhóm nhạc nghiệp dư chơi những bản Giáng sinh nghe run rẩy lí nhí, lơ lửng trong làn khí mùa đông.

Những khay thức ăn gọi lên phòng vứt bừa phứa; thuốc lá đốt văng mạng; rượu vodka hâm hẩm mua ở cửa hàng miễn thuế.

http://tieulun.hopto.org

Trong mấy ngày giam lỏng chôn chân, tôi dần dà thuộc từng phân căn phòng này như kẻ tù nhân thuộc xà lim của hắn. Đây là lần đầu tôi đến Amsterdam; tôi chưa thăm thú gì mấy trong thành phố, thế mà bản thân căn phòng, cùng vẻ đẹp ảm đạm gió lùa nắng gọi, đã gợi lên sắc ngọt vị Bắc Âu, như mẫu hình cả nước Hà Lan thu nhỏ: màu vôi trắng lành mạnh ngay thẳng kiểu Tin lành, sánh cùng vẻ xa hoa rực rỡ theo tàu buôn từ phương Đông đưa lại. Tôi tần ngần ngắm lâu đến mức vô lý cặp tranh sơn dầu tí xíu khung mạ vàng treo trên tủ ngăn kéo, một bức vẽ những người nhà quê trượt trên mặt hồ đóng băng bên nhà thờ, bức kia vẽ tàu buồm lướt phăm phăm trên biển mùa đông dợn sóng: chí là tranh chép trang trí, không có gì đặc biệt, nhưng tôi săm soi nghiên cứu như thể mã hóa bên trong bức tranh đó là chìa khóa đi vào trái tim bí mật của các danh họa Flanders. Ngoài kia mưa tuyết gõ vào kính cửa và lun phun trên dòng kênh; và dù tấm chăn thêu kim tuyến trông thật ấm cúng, còn thảm đi rất êm chân, thì ánh nắng mùa đông vẫn tô lên cái vẻ lạnh lẽo thời 1943, thời đói kém thắt lưng buộc bụng, món trà loãng không đường và những tối ôm bụng lép đi ngủ.

Mỗi sớm lúc ngoài trời còn tối đen, trước khi khách sạn đổi ca và tiền sảnh dần đầy người, tôi lại đi xuống lấy báo. Nhân viên khách sạn đi lại lặng lẽ thì thầm trò chuyện, mắt bình thản trượt qua như không nhận thấy tôi, cái ông khách Mỹ phòng 27 chẳng bao giờ ló mặt xuống lúc ban ngày; và tôi gắng trấn an mình rằng người trực đêm (vét tối màu, đầu húi cua, kính gọng sừng) hẳn sẽ cố làm mọi cách để tránh phiền hà hay ầm ĩ.

Tờ *Herald Tribune* không nhắc đến điều đang vò xé lòng tôi; trái lại, nó tràn lan trên các mặt báo Hà Lan, những khối chữ in sin sít bằng thứ tiếng xa lạ nhởn nhơ trêu ghẹo khó mà hiểu được. *Onopgeloste moord*. Onbekende[4]

Tôi lên lầu chui lại vào giường (mặc nguyên quần áo, vì phòng quá lạnh) rồi xòa đống báo trên mặt chăn: ảnh chụp xe cảnh sát, dải băng vàng ngăn hiện trường, cả chú thích ảnh cũng không luận ra được, và mặc dù có vẻ chưa đi đến dược cái tên, nhưng họ có bản mô tả nhân dạng tôi không thì chịu, không cách nào biết được, hay có khi họ đang ém thông tin chưa công bố.

Căn phòng. Máy sưởi. *Een Amerikaan met een strfblad*[5]. Nước kênh xanh ô liu.

Vì tôi đang ốm, bị cảm, và nói chung là không có việc gì làm (không chỉ quần áo ấm, tôi còn quên cả sách), hầu như cả ngày tôi chỉ nằm trên giường. Đêm hình như xuống từ giữa chiều. Chốc chốc - giữa sột soạt giấy báo xung quanh - tôi lại chập chờn ngủ, và phần lớn những cơn mơ đều vẩn lên cái nỗi lo mơ hồ đã thấm ra ngoài thế giới lúc tỉnh: trát tòa án, vali bầy tung trên đường nhựa làm áo quần vung vãi khắp nơi, những sảnh sân bay dài vô tận, còn tôi chạy thục mạng tới những chuyến bay mình biết sẽ không bắt kịp.

Cơn sốt mang đến những giấc mơ quái dị và sống động hết sức, những trận tắm mồ hôi vật vã không biết đang đêm hay ngày, nhưng tới đêm cuối cùng - đêm tệ nhất - tôi mơ thấy mẹ: một giấc mơ chóng vánh và kỳ bí, giống như thấy vong hiện về. Tôi mơ thấy đang đứng giữa cửa hiệu của Hobie - chính xác hơn là giữa một không gian ma mị trong mơ dựng sơ sài mô phỏng theo cửa hiệu - thì bỗng nhiên mẹ đột ngột hiện ra sau lưng, cho phép tôi nhìn thấy bóng mẹ trong gương. Nhìn thấy mẹ, tôi sững người vì sung sướng: đúng là mẹ rồi, đứng đến từng chi tiết nhỏ nhất, từng chấm tàn nhang trên mặt, mẹ đang mỉm cười với tôi, mẹ đẹp hơn mà vẫn chẳng già đi, mái tóc đen nhánh, cái nét nhếch lên ngồ ngộ ở khóe miệng, không phải mơ mà là sự hiện diện có

thực choán đầy căn phòng: bản thân mẹ là một lực, một tha tính đang sống thực. Và dù muốn lắm, tôi cũng biết mình không được quay lại, biết rằng nhìn mẹ trực diện sẽ vi phạm giới luật của cả hai cõi, của mẹ lẫn của tôi; mẹ đã đến với tôi bằng đường duy nhất mẹ có thể, và mắt chúng tôi gặp nhau trong gương một hồi lâu lặng yên; nhưng vừa lúc mẹ định cất lời - trong vẻ vừa buồn cười, vừa trìu mến vừa phiền muộn rất đỗi lạ lùng - thì một màn sương cuộn lên giữa đôi bên và tôi tỉnh dậy.

ii

MỌI CHUYỆN HẲN ĐÃ TỐT ĐẸP HƠN nếu mẹ còn sống. Nhưng thực tế là, mẹ mất từ khi tôi còn nhỏ; và dù tất cả những điều xảy ra từ lúc đó đến giờ hoàn toàn là lỗi của tôi, thì khi mất mẹ, tôi đã mất đi tấm biển chỉ đường dẫn tới nơi chốn hạnh phúc, tới một cuộc đời đông đủ hay đầm ấm hơn.

Ngày mẹ mất là dấu mốc chia đôi ngả: Trước và Sau. Và dù thật thảm khi thú nhận điều này sau chừng ấy năm, nhưng chưa có ai làm tôi cảm thấy được yêu thương như mẹ. Ở bên mẹ mọi thứ đều sinh động hẳn lên; mẹ như bừng tỏa vầng sáng sân khấu khiến bất kỳ điều gì qua đôi mắt mẹ cũng tươi tắn sắc màu hơn thường lệ - tôi còn nhớ vài tuần trước khi mẹ mất, cùng ngồi ăn tối muộn trong nhà hàng Ý dưới Làng Greenwich[6], mẹ đã chộp lấy tay áo tôi, khi đột ngột và đáng yêu đến mức gần như đau đớn, chiếc bánh sinh nhật thắp nến được bưng trên tay đoàn phục vụ đi từ bếp ra, vòng ánh sáng rung rinh vẽ một đường trên trần nhà tối, và rồi chiếc bánh đặt xuống, lung linh giữa gia đình kia, tô rạng khuôn mặt một cụ bà, những gương mặt tươi cười chụm lại, bồi bàn lùi lại tay chắp sau lưng - bữa tiệc sinh nhật bình thường như vẫn thấy trong bất kỳ nhà hàng cỡ trung nào

trên phố, và chắc chắn tôi cũng chẳng nhớ nó nếu không phải vì mẹ mất ít lâu sau đó; nhưng sau khi mẹ ra đi, tôi cứ nghĩ hoài nghĩ mãi về buổi tối hôm ấy, và hẳn sẽ còn nghĩ đến nó suốt đời: vòng ánh nến, hoạt cảnh về niềm vui giản dị đời thường đã mất hẳn khi tôi mất mẹ.

Mẹ cũng đẹp nữa. Điều ấy không quan trọng lắm; nhưng đúng là vậy. Hồi mới chân ướt chân ráo từ Kansas tới New York, mẹ làm người mẫu không chuyên, mẹ nhát máy ảnh nên không mấy thành công; mọi nét đẹp ở mẹ đều không chuyển được lên phim.

Thế nhưng mẹ lại trọn vẹn là mình: một điều hiếm có. Tôi không nhớ nổi đã bao giờ gặp ai thực sự giống mẹ chưa. Tóc mẹ đen, da mẹ trắng, đến hè thì nổi tàn nhang, mắt xanh màu sứ rực sáng; và gò má cao trộn lẫn dị thường chất da đỏ và chất Hoàng hôn Celt[7] khiến thỉnh thoảng mẹ bị nhầm là người gốc Iceland. Thực tế thì mẹ lai Ireland và Cherokee[8], sinh ở thị trấn nhỏ bang Kansas giáp ranh Oklahoma; và mẹ thích chọc cười tôi bằng cách tự nhận là dân "Okie", dù mẹ chải chuốt, mau xúc động và duyên dáng như một chú ngựa đua. Cái chất ngoại lai ấy tiếc thay lại hiện lên quá cứng và khắc nghiệt trong ảnh - tàn nhang đã bị xóa hết bằng phấn, tóc túm đuôi ngựa sau gáy như một lãnh chúa Nhật trong *Truyện kể Genji*[9] và không thể hiện được chút nào hết về sức ấm, tính khí vui tươi khó đoán tôi yêu nhất ở mẹ. Có thể thấy rõ qua vẻ bất động trong các bức ảnh là mẹ không tin tưởng ống kính chút nào: mẹ toát ra sự cảnh giác, như con hổ gồng mình chuẩn bị đỡ đòn tấn công. Nhưng ngoài đời mẹ đâu có thế. Mẹ di chuyển thoăn thoắt mê hồn, cử động thanh thoát đột ngột, lúc nào cũng ngồi mớm mép ghế như một chú chim đầm lầy thân dài duyên dáng sắp giật mình vù bay. Tôi yêu mùi nước hoa gỗ đàn hương của mẹ, gắt và bất ngờ, yêu tiếng sột soạt áo sơ mi hồ cứng mỗi lần mẹ bất đồ thụp xuống hôn lên trán. Và tiếng mẹ

cười khiến cho người ta chỉ muốn quẳng ngay việc đang làm dở mà lẽo đẽo theo mẹ khắp phố phường. Mẹ đi đâu cũng có đàn ông liếc nhìn, vài kẻ đôi khi còn nhìn theo kiểu khiến tôi hơi khó chịu.

Mẹ chết là lỗi của tôi. Mọi người thường hơi quá sốt sắng khi cam đoan rằng không phải thế; mà đúng vậy, *trẻ con mà, ai biết được, tai nạn kinh hoàng, số đen, trời kêu ai nấy dạ*, tất cả đều tuyệt đối đúng và tất cả tôi đều không mảy may tin.

Chuyện xảy ra ngày 10 tháng Tư ở New York, cách đây đã mười bốn năm. (Tay tôi như chùn lại trước cái ngày ấy; tôi phải ép nó viết ra, ép bút chạy trên mặt giấy. Đấy từng là một ngày hết sức bình thường, nhưng giờ thì ngày ấy chĩa ra trên lịch như đầu đinh gỉ.)

Nếu ngày ấy đã diễn ra đúng theo dự kiến, nó sẽ lặn không vết tích vào nền trời, mất tăm theo toàn bộ năm lớp Tám của tôi. Liệu giờ tôi còn, nhớ gì về nó? Chẳng mấy, hoặc không chút nào. Nhưng lúc này ký ức về buổi sáng hôm ấy còn sắc nét hơn hiện tại, rõ đến cả cảm giác ướt và dấp dính trong không khí. Đêm hôm trước vừa mưa, dông bão kinh hồn, hàng hiệu ngập nước, vài ga tàu điện ngầm phải đóng cửa; còn hai mẹ con tôi đang đứng trên tấm thảm lép nhép ngoài cửa chung cư đợi chú Vàng, người bảo vệ mẹ ưa nhất và cũng tôn sùng mẹ, đang đi giật lùi trên Phố 57 một tay giơ cao, huýt sáo gọi taxi. Xe vùn vụt lao qua quạt nước bẩn sang hai bên; những đám mây bứ nước sà xuống ngay trên đầu các tòa nhà chọc trời, dạt trôi ngang, chiếm chỗ những mảng trời xanh trong, và ở dưới này, trên mặt đường, dưới tầng khói xăng dầu, gió ẩm và dịu như mùa xuân.

" Ài, có khách mất *dồi* chị ạ," chú Vàng kêu vọng lại trong tiếng xe cộ, ồn ào, vừa bước tránh sang bên, khi có chiếc taxi tạt quành góc đường và tắt đèn trên nóc. Chú là người nhỏ con nhất trong

đội bảo vệ: gầy gò, xanh xao nhưng hoạt bát, gốc Puerto Rico nhưng da sáng màu, xưa có hồi đấm bốc ở hạng lông. Dù mặt phì lên vì rượu (thỉnh thoảng vào ca đêm chú còn bốc mùi J&B.), chú vẫn dẻo dai, cơ bắp và nhanh nhẩu - lúc nào cũng hoặc, đang, trêu đùa cà kê, hoặc đang kiếu ra góc đường hút thuốc chuyển tư thế trên hai chân và hà hơi vào đôi tay đi găng trắng khi trời lạnh, hoặc pha trò bằng tiếng Tây Ban Nha khiến mấy chú bảo vệ khác cười nôn ruột.

"Sáng nay chị vội *nắm* hả?" chú hỏi mẹ. Tên ghi trên thẻ là BURT D. nhưng ai cũng gọi chú là Vàng, vì chú có một chiếc răng bịt vàng và vì họ chú - de Oro - nghĩa là "vàng" theo tiếng Tây Ban Nha.

"Không, vẫn còn nhiều thời gian, không sao đâu." Nhưng trông mẹ yếu lả và tay mẹ run rẩy khi thắt lại chiếc khăn vừa tuột ra, phất phơ trong gió.

Chắc cả chú Vàng cũng nhận thấy, vì chú liếc nhìn ra chỗ tôi (đang lần đằng sau tựa vào bồn cây xi măng trước chung cư, một mực cố tránh nhìn mẹ) có phần chê trách.

"Hai mẹ con không đi tàu điện à?" chú hỏi tôi.

"Ờ, chúng tôi phải chạy mấy việc," mẹ nói, hơi ngập ngừng, khi nhận ra tôi không biết đáp lại thế nào. Bình thường tôi ít khi để ý đến quần áo mẹ, nhưng trang phục của mẹ sáng hôm ấy (áo khoác dài trắng, khăn hồng mỏng như tơ, giày lười hai màu đen trắng) đã hằn kỹ vào ký ức đến nỗi bây giờ tôi khó mà nhớ nổi mẹ theo cách nào khác.

Tôi mới mười ba. Tôi ghét phải nhớ lại chuyện sáng hôm ấy chúng tôi gượng gạo với nhau đến nỗi cả chú bảo vệ cũng nhận thấy; lệ thường mẹ con tôi vẫn trò chuyện rôm rả, nhưng sáng ấy

cả hai không biết phải nói gì vì tôi vừa bị đình chỉ học. Ngày hôm trước trường vừa gọi cho mẹ ở công ty; mẹ về tới nhà lặng thinh, giận dữ; và kinh khủng nhất là tôi còn không biết mình bị phạt vì cớ gì, dù tin chắc đến bảy tám phần là thấy Beeman (trên đường từ phòng thầy tới phòng nghỉ giáo viên) đã nhìn ra cửa sổ chiếu nghỉ tầng hai vào đúng thời điểm không nên nhìn và thấy tôi đang hút thuốc trong sân trường. (Hoặc đúng hơn, thấy tôi đứng lớ ngớ bên thằng Tom Cable trong lúc nó hút thuốc, nhưng ở trường tôi như thế là tội ngang nhau.) Mẹ ghét thuốc lá. Ông bà ngoại - trong những chuyện mẹ kể vẫn thường khiến tôi tròn mắt nghe, và đã mất trước khi tôi có dịp được gặp, thật bất công- xưa là những người dạy ngựa mát tính, chu du khắp miền Tây và kiếm sống từ việc nuôi giống ngựa nòi Morgan[10], những người hoạt bát, yêu cocktail và chơi bài canasta, năm nào cũng đi xem giải đua Kentucky và trữ thuốc lá trong các hộp bạc để khắp nhà. Rồi một hôm bà ngoại vừa từ chuồng ngựa bước vào nhà thì gập người ho ra máu; và từ đó tới hết thời niên thiếu, cuộc sống của mẹ có thêm máy thở oxy đặt ở hiên trước và những phòng ngủ cả ngày buồng kín rèm.

Nhưng - điều tôi sợ, và cũng không phải không có lý - vụ thuốc của Tom mới chỉ là phần nổi của tảng băng. Ở trường, tôi sa vào rắc rối cũng kha khá lâu rồi. Tất cả đã bắt đầu, hoặc đúng hơn là đã sầm sập đổ xuống từ lúc bố tôi cuốn gói, rũ bỏ mẹ con tôi trước đó vài tháng; cả hai mẹ con nhìn chung không ưa bố lắm, và không có ông chúng tôi sống vui hơn nhiều, nhưng người ngoài ai cũng có vẻ choáng váng và xót xa khi biết ông rũ tuột chúng tôi đột ngột như vậy (không tiền, không trợ cấp nuôi con, cũng không thèm nhắn địa chỉ mới), còn các thầy cô giáo ở trường, bên Upper West Side, thì thương hại tôi, sốt sắng muốn tỏ ra cảm thông và trợ giúp tới nỗi dành cho tôi - tuy tôi đi học bằng học

bổng - đủ thứ ưu tiên, được nộp bài trễ hạn, được gia hạn thêm cơ hội lần sau, rồi lần sau nữa: cuộn dây cứ dần dà nhả trong vài tháng trời, đến khi tôi đã tuột xuống tận đáy hố rất sâu.

Thế là cả hai - mẹ và tôi - bị triệu tập đến họp ở trường. Giờ hẹn mãi tận mười một rưỡi, nhưng vì đằng nào mẹ cũng phải xin nghỉ cả buổi sáng nên chúng tôi xuất phát sang West Side sớm - để ăn sáng (kèm với, như tôi đoán, một cuộc "cạo đầu" ra trò) và để mẹ mua quà sinh nhật cho ai đó ở công ty. Đêm hôm trước mẹ thức đến hai rưỡi sáng, vẻ mặt căng thẳng trong ánh sáng từ màn hình, viết email và thu xếp công việc để sáng còn nghỉ.

"Chả biết chị thấy sao," chú Vàng đang nói với mẹ, khá sừng sộ, "chứ tôi xin đủ với cái thứ xuân ướt nhách này *dồi*. Mưa với chả miếc..." Chú rùng mình, làm điệu bộ kéo cổ áp kín lại và liếc nhìn trời.

"Hình như dự báo nói đến chiều sẽ tạnh đấy."

"*Vơng*, tôi biết, nhưng tôi thì ham hè lắm *dồi*." Xoa tay vào nhau. "Ai cũng đi sạch, ghét hè, kêu hè nóng, nhưng úi chà, tôi *nà* con chim nhiệt đới. Càng nóng càng khoái. Nóng ơi đến đi!" Vỗ tay, bước lùi trên gót chân dọc phố. "Mà tôi nói chị nghe nhá, biết tôi thích gì không, thích nhất là ở đây *nặng* phắc, tháng Bảy ấy...? nhà nào cũng vắng, như đang ngủ, chả ai ở nhà, chị biết không?" Bật ngón tay, xe vẫn vụt qua. "Đấy là lúc tôi được nghỉ hè."

"Nhưng đứng ngoài này anh không chết cháy à?" Ông bố khó gần của tôi vẫn ghét cái thói quen ấy của mẹ - sẵn sàng trò chuyên với phục vụ ở quán, người gác cổng, mấy ông già ho hen ở hàng giặt khô. "Mùa đông ít nhất thì anh cũng có thể mặc thêm áo khoác..."

"Chị nhá, gác cửa mùa đông á? Nói chị nghe, *nạnh* chết thôi.

Chị mặc thêm cả đống áo mũ cũng vậy. Chị đứng đây quãng tháng Một tháng Hai, xong gió thổi vào từ sông? Hóa đá *nuôn*."

Vừa nhấp nhổm gặm móng tay, tôi vừa theo dõi đám taxi chạy qua vèo vèo mặc kệ cánh tay chú Vàng giơ lên. Tôi đã chuẩn bị tinh thần sẽ phải khốn khổ chờ cho tới buổi họp mười một rưỡi, và cố lắm mới đứng yên được mà không buột ra những câu hỏi tai hại. Tôi hoàn toàn không tưởng tượng nổi họ định chụp cái gì xuống đầu mẹ con tôi, một khi đến văn phòng; chỉ nghe chữ "họp" là tôi đã hình dung một buổi hội đàm giữa các loại quan chức, các kiểu kết tội và đối đầu, và khả năng bị đuổi học. Bị cắt học bổng sẽ là thảm họa; nhà tôi đã cạn tiền từ hồi bố bỏ đi; cả tiền thuê nhà cũng chỉ vừa đủ trả. Trên hết: tôi lo đến thắt ruột là làm cách nào mà thầy Beeman đã phát hiện ra Tom Cable với tôi vẫn thường phá cửa vào các nhà nghỉ mùa hè vắng chủ hồi tôi tới ở với nó ngoài khu Hampton[11]. Tôi nói "phá cửa" dù thực ra chúng tôi không bẻ khóa, cũng không đập phá cái gì hết (mẹ Tom làm văn phòng nhà đất; chúng tôi mở cửa bằng chìa dự phòng nhón từ bảng móc khóa trong văn phòng). Chủ yếu chúng tôi chỉ ngó nghiêng các tủ và lục lọi các ngăn kéo, nhưng cũng lấy vài thứ: bia trong tủ lạnh, vài đĩa game XBox với một DVD (Chó Danny của Lý Liên Kiệt) và tiền, tổng cộng đâu chừng 92 đô-la: những tờ 5 và 10 đô nhàu nát bỏ trong lọ bếp, những vốc tiền lẻ trong phòng giặt.

Mỗi lần nghĩ đến chuyện này tôi lại thấy chóng mặt. Mấy tháng rồi tôi không đến chỗ Tom, nhưng dù tôi cố tự trấn an rằng thấy Beeman không biết chúng tôi lén vào mấy nhà đó đâu - làm thế quái nào biết được? - thì trí tưởng tượng trong nỗi kinh hoàng vẫn hoạt động hết công suất. Tôi hạ quyết tâm không xì Tom ra (dù không chắc nó có xì tôi hay chưa) nhưng vì thế lại há miệng mắc quai. Làm sao tôi lại ngu đến cỡ đó cơ chứ? Phá cửa vào nhà

người khác là phạm pháp; cả đống người đã phải ngồi tù vì vụ đó rồi. Đêm hôm trước tôi thức chong chong hàng giờ, vật vã trăn trở, nhìn mưa quất từng đợt tả tơi vào cửa sổ và suy tính xem nói gì nếu bị truy hỏi. Nhưng bào chữa bằng cách nào đây nếu thậm chí tôi còn không biết họ đã biết những gì ?

Chú Vàng thở dài đánh sượt, bỏ tay xuống và bước giật lùi bằng gót chân về chỗ mẹ đứng.

“Bó tay *nuôn*, ” chú nói với mẹ, một mắt vẫn nhìn ra phố mệt mỏi. “Đằng SoHo ngập, chị nghe chưa, mà Carlos còn bảo đầu kia mấy phố bị *Niên* Hợp Quốc cấm đường nữa.”

U ám, tôi nhìn đám công nhân lục tục bước xuống khỏi xe buýt xuyên Manhattan, buồn tẻ như một bầy ong vò vẽ. Nếu chịu khó đi bộ về phía tây một hai phố sẽ dễ gặp may hơn, nhưng tính chú Vàng chúng tôi đã thuộc quá rõ, thế nào chú cũng phật lòng nếu chúng tôi: chủ động đi. Nhưng đúng lúc ấy - đột ngột khiến cả ba giật bắn - một xe còn để đèn nóc cắt làn lạng vèo tới chỗ chúng tôi, làm bắn vọt lên một cánh nước mùi xí- thải.

“Ầy chà!” chú Vàng kêu lên, nhảy vội tránh trong lúc cái xe hãm lại - rồi nhận ra mẹ không có ô. “Chờ tí,” chú nói, dợm chân định chạy vào sảnh chung cư, tới bộ sưu tập ô bỏ quên hoặc lạc chú cắm trong ống đồng bên lọ sưởi đợi các ngày mưa đem ra phân phát.

“Đừng,” mẹ gọi với, mở trong túi tìm cái ô gập nhỏ xíu sọc xanh đỏ như kẹo Giáng sinh, “không cần đâu anh Vàng ơi, tôi có rồi.”

Chú Vàng nhảy lại ra vệ đường, đóng cửa xe cho mẹ. Rồi chú cúi mình gõ lên cửa sổ.

“Chúc chị một ngày may mắn nhé,” chú nói…

TÔI VẪN THÍCH coi mình là người tinh nhạy (chúng ta ai mà chẳng thế), và khi chép lại những chuyện này thật khó cưỡng lại ý muốn vẽ thêm bóng đen lơ lửng trên đầu. Nhưng lúc ấy tôi mù và điếc trước tương lai; mối lo duy nhất đang bóp nghẹt tôi là cuộc họp ở trường. Lúc tôi gọi Tom báo mình bị đình chỉ học (thì thầm qua điện thoại bàn; di động đã bị tịch thu), nó chẳng tỏ ra ngạc nhiên mấy tí. "Theo," nó ngắt lời tôi, "đừng nói ngu nữa, không ai biết gì đâu nếu mày chịu khó khóa mõm lại"; và trước khi tôi kịp thốt thêm lời nào, nó bảo "Giờ tao phải đi đã" rồi dập máy.

Ngồi trong xe, tôi cố vặn cửa sổ xin tí gió: không ăn thua. Xe bốc mùi như có người vừa thay tã bẩn trong đấy, hay có khi ai đó bĩnh ra thật cũng nên, rồi tìm cách khỏa lấp đi bằng cách phóng tay xả nước xịt phòng mùi dừa ngửi như mùi dầu thoa chống nắng. Mặt ghế nhờn, dán đầy băng dính, bộ giảm xóc thì gần như đơ hẳn. Mỗi lần vấp phải gờ giảm tốc răng tôi lại gõ vào nhau, cả mớ đồ thờ cúng tạp nhạp móc trên gương chiếu hậu cũng gõ vào nhau: mấy mặt dây chuyền, cái gươm cong tí hon nhún nhảy trên sợi xích nhựa, một thầy tu râu dài vấn khăn trên đầu đưa cặp mắt sắc lẻm nhìn xoáy vào băng ghế sau, lòng bàn tay giơ lên làm phước.

Dọc Đại lộ Công viên, từng dãy tulip đỏ đứng nghiêm chào chúng tôi phóng qua. Nhạc phim Bollywood - vặn nhỏ chỉ còn nghe nhèo nhẽo gần như ma mị - khi cuộn xoáy khi khuấy động một cách mê hoặc, vừa đủ ngưỡng tôi nghe thấy. Lá non bắt đầu nhú trên cây. Mấy người giao hàng cho các tiệm D'Agostino và Gristede đẩy những xe trĩu nặng thực phẩm; các bà công sở mặt cáu bẳn gõ gót giày xăm xăm trên vỉa hè, lôi theo bọn nhóc mẫu

giáo trì níu; một công nhân mặc đồ bảo hộ vun rác trong rãnh nước vào xẻng cán dài; dân luật sư và chứng khoán ngửa bàn tay nhìn trời mày cau nhăn tít. Trong lúc xe lạng trên đại lộ (mẹ trông vẻ rất khổ sở, bám chặt tay ghế làm điểm tựa) thì tôi ngó ra cửa sổ nhìn những bộ mặt đau bao tử giờ làm việc (những bóng lo âu trùm áo mưa, nhô nhúc từng bầy tăm tối chỗ qua đường, những người uống cà phê trong cốc giấy, nói điện thoại và lén lút đánh mắt sang hai bên), cố không nghĩ tới những tương lai kém dễ chịu có lẽ đang rình đón: vài cái trong đó là tòa án thiếu niên, hay nhà tù.

Chiếc xe đột ngột đảo vòng rất gắt, quành vào Phố 86. Mẹ trượt sang đâm sầm vào tôi rồi chộp lấy tay tôi; tôi thấy mẹ đã dính mồ hôi và trắng nhợt như cá tuyết.

“Mẹ bị say à?” Tôi hỏi, trong thoáng chốc quên bẵng mối lo riêng. Mẹ có cái vẻ đăm chiêu khổ não, cái vẻ tôi quá quen: môi mím chặt, trán dấp nước, đồng tử mở to trong cặp mắt mờ đi.

Mẹ mở miệng định nói - rồi bụm chặt tay lên miệng khi chiếc xe dừng khựng chỗ đèn đỏ, làm chúng tôi ngã nhào tới trước rồi lại ra sau, đập mạnh vào ghế.

“Cố đợi chút,” tôi nói với mẹ, rồi nhoài tới gõ vào tấm kính nhựa dẻo nhớp nháp, làm bác tài (một ông người Sikh đội khăn) giật mình ngạc nhiên.

“Ông ơi,” tôi nói qua lưới mắt cáo, “tới đây được rồi, cho nhà cháu xuống đây.”

Ông người Sikh - trong cái gương quấn tràng hoa - chăm chú nhìn trả. “Mấy người muốn xuống đây?”

“Vâng, cho cháu xuống.”

“Nhưng đây không phải địa chỉ mấy người nói.”

“Cháu biết. Nhưng xuống đây cũng được,” tôi nói và nhìn lại mẹ - mascara đã lem ra mặt, vẻ lả đi, đang bới tìm ví trong túi.

“Bà ấy có sao không?” Bác tài băn khoăn hỏi.

“Không, không, không sao cả. Cho chúng cháu ra là được, cảm ơn ông.”

Tay run rẩy, mẹ chìa ra một nắm tiền ẩm ướt rồi đẩy qua lưới. Trong khi ông Sikh thò tay qua nắm lấy (với vẻ cam chịu, mắt nhìn chỗ khác) thì tôi bước ra, giữ cửa xe cho mẹ.

Mẹ hơi loạng choạng khi bước lên vỉa hè, tôi nắm lấy tay mẹ. “Mẹ không sao chứ?” Tôi lí nhí hỏi khi chiếc xe chạy đi. Chúng tôi đang ở nửa trên Đại lộ 5, trước cửa mấy đại dinh thự nhìn ra công viên.

Mẹ hít một hơi thật dài, rồi quệt trán và bóp chặt tay tôi. “Phù,” mẹ nói, phe phẩy bàn tay quạt mặt. Trán mẹ vẫn còn bóng và mắt còn hơi lạc thần; mẹ có cái vẻ xơ xác của con chim biển bay lạc vào cơn gió thổi bạt. “Xin lỗi con, vẫn còn hơi lảo đảo, ơn Chúa ra khỏi cái xe ấy rồi. Mẹ không sao đâu, cần chút khí trời thôi.”

Dòng người tuôn chảy quanh chúng tôi trên góc đường lộng gió: những cô bé mặc đồng phục, vừa cười vừa chạy đuổi nhau vòng tránh chúng tôi; những bà vú em đẩy xe nôi lộng lẫy, trong xe ngồi từng đôi hoặc ba bé con. Một ông bố dáng luật sư cáu bẳn vượt qua rất sát, nắm tay đứa con trai lôi đi. “Không được, Braden,” tôi nghe ông ta bảo nó, còn nó thì đang lót tót cố bắt kịp, “con không được tư duy như thế, quan trọng là phải kiếm việc nào mình *thích*...”

Chúng tôi bước sang bên tránh dòng lũ bọt xà phòng khi người lau dọn đổ ụp cái xô trên vỉa hè trước cửa tòa nhà.

“Nói xem,” mẹ bảo, đầu ngón tay ấn thái dương, “là mẹ tưởng tượng thôi, hay đúng là cái xe ấy *đáng sợ* một cách… ”

“Rất là ẹo? Theo kiểu dầu Nhiệt đới Hawaii pha *phưn* trẻ con?”

“Thật ra là… ” - quạt tay trước mặt - “cũng không sao nếu không phải hơi tí lại cà gật cà gật. Mẹ đang hết sức bình thường thì tự dưng gục luôn.”

“Sao mẹ không lên ngồi ghế trước?”

“Con nói cứ y như bố con.”

Tôi nhìn đi chỗ khác ngượng chín - vì cả tôi cũng nghe thấy, thấy cái điệu gì cũng biết đáng ghét của bố trong giọng mình. “Mình đi lại đằng Madison, kiếm chỗ nào cho mẹ ngồi đi,” tôi nói. Tôi đang đói ngấu, mà ở đó lại có một quán tôi kết.

Nhưng - gần như rùng mình, cơn buồn nôn lại ập qua thấy rõ - mẹ lắc đầu. “Khí trời.” Quệt vội mascara nhòe dưới hai mắt. “Khí trời mới dễ chịu!”

“Cũng được,” tôi nói hơi vội quá, sốt sắng muốn tỏ ra chiều ý- “Tùy mẹ thôi.”

Tôi đang rất cố gắng tỏ ra dễ thương, nhưng mẹ - còn đang hổn hển váng vất - đã nghe ra giọng đó; mẹ chăm chú nhìn, cố đoán tôi đang nghĩ gì. (Đây lại một thói quen xấu nữa chúng tôi đã nhiễm phải, sau hàng năm trời sống bên bố: cố tìm cách đọc ý nghĩ người khác.)

“Sao?” mẹ hỏi. “Con muốn đi chỗ nào à?”

“A không, không hẳn,” tôi nói, lùi một bước và nhìn xung quanh hơi rầu lòng; dù đói thật nhưng tôi thấy mình cũng không có quyền đòi hỏi.

“Mẹ không sao đâu. Chờ một phút thôi.”

“Hay là…” chớp mắt bứt rứt, mẹ muốn gì, làm sao cho mẹ vui? “hay mình qua công viên ngồi?”

Tôi nhẹ người thấy mẹ gật đầu. “Cũng được,” mẹ nói bằng giọng tôi vẫn gọi thầm là giọng Mary Poppins của mẹ, “nhưng ngồi tới lúc mẹ lại sức thôi nhé,” và chúng tôi đi về phía ngã tư giao với Phố 79: qua những bụi cây xén hình thú trồng chậu đá kiểu ba rốc, những cửa nặng nề trang trí sắt uốn. Ánh nắng đã phai thành sắc xám công nghiệp ảm đạm, gió nồng như hơi bốc từ vòi ấm đun. Bên kia đường trong công viên, các họa sĩ đang dựng quầy, mở toan, treo lên những bức màu nước chép hình nhà thờ Thánh Patrick và cầu Brooklyn.

Chúng tôi im lặng đi bên nhau. Đầu óc còn đang bận rộn tính toán những rắc rối của mình (bố mẹ Tom có bị gọi không? Sao tôi không nghĩ ra mà hỏi nó?) cũng như tính sẽ gọi gì ăn sáng chừng nào kéo được mẹ tới quán kia (trứng tráng trộn hành ớt và khoai áp chảo, thêm thịt hun khói; còn mẹ sẽ ăn như mọi khi, bánh mì lúa mạch nướng với trứng chần và cốc cà phê đen) nên tôi hầu như không để ý đang đi về đâu thì chợt nhận ra mẹ vừa nói gì đó. Mẹ không nhìn tôi mà nhìn sang bên công viên; nét mặt mẹ khiến tôi nhớ lại một bộ phim Pháp nổi tiếng không nhớ tên, có những người lơ đãng đi lại trên những con phố bạt gió và nói rất nhiều, nhưng có vẻ không phải nói chuyện với nhau.

“Mẹ vừa bảo gì cơ?” Tôi nói sau vài giây ngắc ngứ, rảo bước để bắt kịp mẹ. “Hỏng…?”

Mẹ giật mình, cứ như đã quên có tôi ở đấy. Cái áo khoác trắng - lật phật trong gió - càng tôn thêm dáng cò quăm dài cẳng, cứ như mẹ sắp xòe cánh bay mất qua công viên.

“Hỏng cái gì cơ?”

“À.” Mẹ hơi ngơ ngác rồi lắc đầu cười, tiếng cười khanh khách quen thuộc. “Không. Mẹ bảo là *lỗ hổng thời gian*.”

Dù đây là một cụm từ lạ lùng nhưng tôi hiểu mẹ muốn nói gì, hoặc tôi tưởng rằng mình hiểu - cái rùng mình tách rời thế giới, những giây vụt mất trên vệ đường như cú nấc nuốt thời gian, hay một vài khung hình bị cắt khỏi bộ phim.

“Không có gì, cún con ạ, chỉ là do khu này thôi.” Vò xù tóc tôi, khiến tôi mỉm cười xấu hổ: *cún con* là tên ở nhà hồi bé, giờ tôi không thích nữa và cũng chẳng thích bị vò xù tóc; nhưng dù ngượng nghịu tôi cũng mừng khi thấy mẹ đã vui lên. “Lúc nào cũng ở đúng chỗ này. Mỗi lần đến đây mẹ cứ ngỡ như mình trở về tuổi mười tám, vừa bước chân xuống xe đò vậy.”

“Ở đây sao?” Tôi nghi ngờ hỏi và cho phép mẹ nắm tay, dù bình thường không có chuyện đó. “Lạ thế.” Tôi thuộc làu thời kỳ mẹ mới tới Manhattan, cách Đại lộ 5 một quãng kha khá - ở Đại lộ B, sống trong căn hộ một phòng trên đầu quán rượu, bên dưới dân dạt vòm ngủ chắn ngang cửa và ẩu đả trong quán tràn cả ra đường, với một bà già khùng tên Mo nuôi hơn chục con mèo trái phép, trong cầu thang tầng trên cùng đã xây bít lại.

Mẹ nhún vai. “Ừ, nhưng chỉ có trên này là vẫn y như lần đầu mẹ thấy. Như hầm xuyên thời gian. Bên phía Lower East Side - ở con biết dưới đó thế nào mà, lúc nào cũng có gì đó mới, nhưng với mẹ thì cảm giác như vừa ngủ trăm năm tỉnh dậy ấy, mỗi lúc một thêm xa, Có những hôm mẹ mở mắt mà tưởng trong đêm người ta đã đến xáo trộn các cửa hàng hết cả. Mấy nhà hàng cũ đóng cửa, rồi thì quán bar mới tinh đúng mốt chiếm chỗ cửa hàng giặt khô ngày xưa.

http://tieulun.hopto.org

Tôi im lặng tỏ ý thông cảm. Dạo gần đây mẹ cứ nhắc mãi về thời gian trôi, có thể vì sinh nhật mẹ sắp đến rồi. *Mẹ già quá rồi mà cứ phải làm chuyện này*, mới mấy hôm trước mẹ vừa nói khi cả hai cùng bới tung căn hộ, lục tìm dưới đệm xô pha rồi dốc ngược mọi túi áo choàng áo vét cho đủ tiền lẻ trả cậu giao hàng ở quán ăn.

Mẹ cắm sâu hai tay vào túi áo. "Trên này thì yên ổn hơn," mẹ nói. Giọng mẹ tưng tửng, nhưng tôi vẫn nhìn thấy sương kéo đến trong mắt mẹ; hẳn nhiên đêm qua mẹ không ngủ được, vì tôi. "Công viên Upper Park là một trong vài nơi hiếm hoi vẫn thấy được thành phố trong dáng vẻ thập niên 1890. Cả Công viên Gramercy, và Làng Greenwich nữa, một góc của nó. Hồi mới đến New York mẹ nghĩ khu này cứ như đủ cả Edith Wharton với *Franny và Zooey*[12] với *Bữa sáng ở Tiffany*[13] trộn vào làm một vậy."

"*Franny và Zooey* là ở West Side chứ."

"Ừ, nhưng hồi đó mẹ ngố quá đâu có biết. Chỉ biết một điều là ở đây khác hẳn dưới Lower East toàn dân lang thang thích phóng hỏa thùng rác.Trên này đến cuối tuần là cứ như cổ tích - vơ vẩn trong bảo tàng - long nhong một mình quanh Công viên Trung tâm,.."

"Long nhong á?" Phần lớn những chuyện mẹ nói tôi nghe thật lạ lẫm, còn long nhong nghe có vẻ một thuật ngữ luyện ngựa hồi mẹ còn trẻ: có thể là nước chạy nhởn nhơ nào đó, dáng đi nào đó của họ nhà ngựa giữa phi nước kiệu và chạy bước nhỏ,

"Ừ, con hiểu mà, lượn vòng chơi rong như mẹ vẫn làm ấy. Tiền không có, tất thủng gót, sống bằng cháo yến mạch. Con có tin vài lần mẹ còn đi bộ lên tận đây vào cuối tuần không? Để dành tiền đi

tàu về. Đấy là hồi còn dùng vé xèng chứ không dùng thẻ nhựa. Với lại mặc dù vào cửa bảo tàng phải trả tiền? Cái gọi là 'mức gợi ý đóng góp' ấy? Ờ, chắc hồi ấy mẹ táo gan hơn nhiều bây giờ, hoặc có thể chỉ là do họ thấy tội nghiệp mẹ, vì là. .. Ôi không," mẹ chợt đổi giọng và đứng sững lại, làm tôi bước quá vài bước mà không nhận ra.

"Sao?" Tôi quay lại. "Sao thế ạ?"

"Cảm thấy gì ấy." Mẹ ngửa bàn tay nhìn trời. "Con thấy không?"

Và vừa khi câu ấy thốt ra, ánh sáng như sầm xuống. Trời tối lại rất nhanh, mỗi giây mỗi tối hơn; gió khua lao xao cây trong công viên, những lá non mảnh dẻ vàng óng nổi hằn trên nền mây đen kịt.

"Trời, ai mà ngờ được," mẹ nói. "Sắp dông to rồi." Mẹ nghiêng người ra phía đường, nhìn hướng bắc: chẳng thấy xe.

Tôi lại nắm tay mẹ. "Đi nào," tôi nói, "sang bên kia đường sẽ may hơn."

Sốt ruột, chúng tôi đứng đợi vài giây cuối cùng cái đèn đi bộ nhấp nháy báo Xin Chờ. Từng mẩu giấy đang xoay vòng trong không khí, lả tả lăn trên phố. "Mẹ, xe kìa," tôi nói khi nhìn theo Đại lộ 5, nhưng vừa lúc đó một ông có vẻ doanh nhân giơ cao tay chạy ra lề, và đèn xe tắt ngúm.

Bên kia đường, các họa sĩ chạy kéo bạt nhựa che tranh. Xe bán cà phê cũng bắt đầu hạ vách cuốn. Chúng tôi vội vã sang đường và vừa qua đến nơi, một hạt mưa to bự vỗ đánh bộp xuống má tôi. Những chấm tròn nâu lác đác - cách xa nhau, to như đồng mười xu - bắt đầu nở xòe trên lề đường.

"Ôi khỉ thật!" mẹ kêu lên, loay hoay tìm ô trong túi - cái ô nhỏ

che một người còn chưa đủ, nói gì hai.

Rồi mưa rơi, từng vạt lạnh buốt tạt xéo vào trong, từng bụm gió lồng lộn trên đỉnh cây, phần phật trên mái bạt các hàng quán bên kia đường. Mẹ thì đang loay hoay không mấy thành công với cái ô con đỏng đảnh không chịu bật. Người đi trên phố hay trong công viên giơ báo hoặc cặp táp lên che đầu, lúp xúp theo cầu thang chạy lên hiên cổng bảo tàng, cả phố chẳng có chỗ trú mưa nào khác. Và náo nức như đi hội, mẹ con tôi hối hả lên cầu thang, núp dưới cái ô lẩy bẩy sọc xanh đỏ, nhanh nhanh nhanh, giống như đang dắt nhau chạy khỏi thứ gì khủng khiếp chứ không phải đâm đầu vào nó.

iv

CÓ BA ĐIỀU QUAN TRỌNG xảy đến với mẹ sau khi khăn gói quả mướp đáp xe đò từ Kansas lên New York, không bạn bè, gần như không xu dính túi. Điều số một là Davy Jo Pickering, một tay săn người của làng giải trí đã để lọt vào mắt xanh cô gái chạy bàn trong quán cà phê ở Greenwich: một cô bé còm nhom đi giày Doc Martens, mặc đồ hàng tầm tầm, bím tóc sau lưng dài đến nỗi ngồi lên được. Khi cô bé bưng cà phê tới, ông ta đã đặt giá ban đầu bảy trăm, sau đó một nghìn đô-la để trám chỗ một cô gái khác cúp việc ngày hôm ấy, trong buổi chụp hình làm ca-ta-lô ngay bên kia đường. Ông ta đã chỉ cô thấy cái xe studio di động, dụng cụ chụp ảnh đang dựng trong công viên quảng trường Sheridan; ông ta đã đếm các tờ tiền, trải ngay lên mặt quầy. “Chờ tôi mười phút,” cô đã đáp, dọn ra nốt các món trong bữa sáng ông ta gọi, rồi treo tạp dề lên móc và bước thẳng ra ngoài.

“Tôi chỉ làm mẫu cho đơn đặt hàng ấy mà,” mẹ lúc nào cũng cẩn thận giải thích cho mọi người xung quanh - thế có nghĩa là

mẹ chưa bao giờ đi chụp cho các tạp chí hay bộ sưu tập thời trang hoành tráng, mà chỉ chụp tờ rơi cho các chuỗi cửa hàng, những bộ đồ giản dị vừa tiền nhắm tới các cô gái nhỏ ở Missouri hay Montana. Mẹ nói thi thoảng cũng vui lắm, nhưng chủ yếu thì khá cực: diễn đồ bơi vào tháng Một, rét run vì cúm, hoặc vải tuýt hay len giữa hè nắng gắt, mất hàng giờ xông hơi giữa lá vàng giả làm thu trong lúc quạt giữa trường quay thổi gió nóng hầm hập, một anh trang điểm cứ dứt mỗi phiên chụp lại chạy vào dặm phấn thấm mồ hôi cho mẹ.

Nhưng những năm tháng khoe dáng giả đò sinh viên ấy - giữa những bối cảnh hóa trang giả vờ làm sân trường đại học, từng nhóm hai hay ba cô đứng cứng đơ, áp chặt sách vào người - đã giúp mẹ tích cóp đủ để thực hiện ước mơ làm sinh viên thực sự: mẹ vào học lịch sử hội họa ở Đại học New York. Mẹ chưa bao giờ được nhìn thấy bức danh họa nào tận mắt, trước khi chuyển đến New York sống năm mười tám tuổi, và mẹ háo hức muốn bù lại quãng thời gian đánh mất của mình - "hân hoan tột độ, thiên đàng thần tiên", mẹ đã tả như thế về thời kỳ chìm lút đầu trong sách hội họa và dính mũi vào những phim chiếu cũ (Manet, Vuillard) tới lúc hoa cả mắt. ("Nghe thì cũng dở hơi thật," mẹ thường bảo, "nhưng mẹ thấy chẳng có gì hạnh phúc cho bằng được cứ thế ngồi ngắm chỉ nửa tá tranh ấy từ giờ đến hết đời. Muốn hóa điên thì chẳng còn cách nào hay hơn.")

Trường đại học là điều quan trọng thứ hai đến với mẹ ở New York - và hẳn là điều quan trọng nhất, theo ý mẹ. Và nếu không phải vì điều thứ ba (gặp rồi lấy bố tôi - một điều thua xa hai cái đầu) thì hẳn mẹ đã xong bằng thạc sĩ và tiếp tục lên tiến sĩ rồi. Cứ lúc nào được vài giờ rảnh là mẹ lại phi thẳng đến mấy cái bảo tàng hoặc Frick, hoặc Nghệ thuật hiện đại, hoặc Bảo tàng Trung tâm - vì thế tôi chẳng lấy làm ngạc nhiên khi đứng dưới hàng

hiên nhỏ giọt, nhìn qua bên kia Đại lộ 5 nhòa nhạt những giọt mưa trắng nảy tưng tưng trên mặt đường, thì mẹ rũ ô và bảo: "Hay là mình vào trong ngó nghiêng một chút, đợi tạnh mưa. "

"Ừm..." Tôi thì chỉ muốn đi ăn thôi.- "Cũng được ạ."

Mẹ liếc nhanh đồng hồ. "Cũng nên. Trời này khó gọi taxi lắm."

Đúng là thế. Nhưng tôi thì đói mềm người. *Lúc nào mình mới được ăn đây*? Tôi bực dọc nghĩ khi theo mẹ lên cầu thang. Rất có thể hết buổi họp mẹ cáu tôi đến nỗi chẳng thèm dắt đi ăn trưa nữa, tôi sẽ phải về nhà ăn bột ngũ cốc hay gì đấy.

Nhưng bảo tàng thì lúc nào cũng như đang mở hội; và khi đã vào đến trong, chìm giữa tiếng ồn ào hoan hỉ của khách tham quan khắp xung quanh, tôi có cảm giác lạ lùng như đã bị tách rời khỏi bất kỳ điều gì đang chực chờ tôi trong ngày hôm nay. Sảnh Lớn rất ồn, hôi mùi áo khoác thấm mưa. Một đám đông các ông bà già người châu Á ướt như chuột diễu qua, có một cô hướng dẫn lùa họ đi; mấy cô bé Hướng đạo sinh lem luốc chụm đầu rì rầm gần quầy gửi áo; bên bàn hướng dẫn xếp một hàng dài học viên trường võ bị mặc quân phục xám, không mũ, tay chắp sau lưng.

Đối với tôi - một đứa trẻ thành phố lúc nào cũng bưng kín trong bốn bức tường - bảo tàng thú vị chủ yếu là vì cái mênh mông của nó, như một cung điện có các phòng nối nhau chạy mãi không ngừng, càng đi xa càng quạnh vắng. Một vài buồng ngủ không có khách hay phòng tiếp khách chăng dây cấm, tít sâu trong khu Nội thất châu Âu, dường như chìm trong giấc ngủ huyền bí do phù phép nào đấy, như từ hàng trăm năm nay chưa có bước chân ai ghé qua. Kể từ hồi được phép đi tàu điện không cần người lớn, tôi thích đến đây một mình, đi vơ vẩn tới khi lạc lối, càng lúc càng tiến sâu trong mê lộ những gian trưng bày tới khi, thi thoảng, thấy mình đứng giữa những sảnh bị lãng quên

bày binh khí hay gốm sứ cả đời chưa thấy bao giờ (và dăm ba cái chẳng bao giờ tìm lại được).

Trong lúc lơn tơn xếp hàng sau lưng mẹ, tôi ngửa đầu nhìn vòm trần cao hai tầng lừng lững trên đầu: nếu nhìn thật lâu, đôi khi tôi tự đánh lừa bản thân rằng mình đang trôi lửng lơ trên đó như một cọng lông tơ; nhưng trò này tôi chơi từ bé, giờ thì đã nhạt rồi.

Trong khi đó, mũi đỏ ửng và còn đang lấy lại nhịp thở sau khi chạy ù qua mưa, mẹ đang lần sờ cái ví, miệng nói: "Có khi xem xong mẹ chạy qua hàng lưu niệm chút. Mẹ tin Mathilde chẳng ưa tặng sách hội họa đâu, nhưng nếu tỏ ra phật ý thì cô ta sẽ có vẻ ngốc nghếch lắm."

"Èo," tôi đáp. "Quà cho Mathilde ấy à?" Mathilde là "Giám đốc Nghệ thuật", trong công ty quảng cáo của mẹ, con gái một đại gia nhập khẩu tơ lụa người Pháp, trẻ hơn mẹ và õng ẹo khét tiếng, hơi tí là làm toáng lên nếu xe cộ hay thức ăn chiêu đãi không vừa ý mình.

"Ừ." Không nói gì thêm, mẹ chia thanh kẹo cao su cho tôi, tôi cầm lấy, rồi bỏ lại gói kẹo vào ví. "Ý mẹ là Mathilde lúc nào cũng ca bài đó, món quà thích đáng không phải là món tốn cả đống tiền, chẳng có gì bằng cục chặn giấy vừa tiền hoàn hảo kiếm được ở chợ đồ cũ. Và mẹ cũng đồng ý là được vậy thì tuyệt lắm, nhưng đây là nếu có ai trong công-ty thừa thời gian vào phố lục lọi chợ đồ cũ. Năm ngoái đến lượt Pru ấy? Cô ấy phát hoảng lên rồi chạy vào Saks giờ ăn trưa, rốt cuộc phải tự chi thêm năm chục bảng ngoài tiền của công ty, mua kính râm, Tom Ford thì phải, mà vẫn còn nghe Mathilde lải nhải về 'chủ nghĩa tiêu dùng của người Mỹ'. Mà Pru đâu có phải người Mỹ chứ, người Úc mà."

"Mẹ đã xin ý kiến Sergio chưa?" tôi hỏi. Sergio - có mặt ở văn

phòng thì ít mà trên trang tạp chí giấy bóng, khoác vai các nhân vật như Donatella Versace thì nhiều - là ông chủ đại triệu phú của công ty; nói "xin ý kiến Seigio" cũng tương đương như nói "nghĩ xem Jesus sẽ làm gì?"

"Sách hội họa đối với Sergio là Helmut Newton, hay là cái cuốn bày phòng khách mà Madonna làm trước đây."

Tôi toan hỏi Heimut Newton là ai, nhưng rồi nghĩ ra ý hay hơn, "Sao mẹ không mua cho cô ấy cái thẻ tàu điện ấy?"

Mẹ đảo tròn mắt. "Kể ra làm được thì cũng hay đấy." Ở công ty vừa có một trận om sòm khi xe Mathilde kẹt giữa khúc tắc đường, làm cô ta mắc lại ở một xưởng trang sức Williamsburg.

"Tặng... ẩn danh cũng được. Đặt một cái lên bàn cô ấy, cái thẻ cũ vào, không còn tiền. Xem thử cô ấy làm gì."

"Con muốn biết cô ấy làm gì thật không?" mẹ hỏi trong lúc luồn thẻ thành viên qua cửa soát vé. "Đuổi việc cô thư ký lập tức, sau đó tống cổ thêm nửa phòng Sản xuất."

Công ty quảng cáo nơi mẹ làm chuyên về phụ kiện trang phục cho phụ nữ. Suốt cả ngày, dưới con mắt kích động và có phần nham hiểm của Mathilde, mẹ điều hành các buổi chụp ảnh có hoa tai pha lê lấp lánh trên nền tuyết. Giáng sinh giả, hay túi xách da cá sấu - nằm vô chủ trên băng sau những chiếc Limousine bỏ không - sáng ửng giữa quầng thiên quang long lanh. Mẹ giỏi việc ấy; mẹ hợp với vị trí sau ống kính hơn là trước; và tôi biết mẹ rất khoái thấy tác phẩm của mình xuất hiện trên tường hầm tàu điện ngầm hay bảng quảng cáo giữa Quảng trường Thời đại. Nhưng bỏ qua một bên bề nổi hào nhoáng bóng bẩy (sâm-panh kèm bữa sáng, những túi quà từ trung tâm Bergdorf), ngày làm việc lúc nào cũng dài, và tận thẳm sâu bên trong công việc là một

sự trống rỗng mà tôi biết khiến mẹ buồn. Điều mẹ thực tình muốn là quay lại học tiếp, dù chúng tôi đều biết còn rất ít cơ hội khi bố đã bỏ đi.

Được rồi, mẹ nói, rời cửa sổ bán vé và đưa tôi cái huy hiệu kẹp áo vào cửa, con chú ý giờ giúp mẹ nhé? Lần triển lãm này rất rộng đấy" - mẹ chỉ lên tờ áp phích lớn, CHÂN DUNG VÀ TĨNH VẬT: BẮC ÂU DANH TÁC THỜI ĐẠI HOÀNG KIM - "một buổi hôm nay mình không xem hết được đâu, nhưng có vài thứ…"

Giọng mẹ trượt đi khi tôi lẽo đẽo theo sau một quãng lên Cầu Thang Lớn - giằng xé giữa nỗi rụt rè muốn bám sát mẹ, và ý thích tụt lại đằng sau vài bước, giả vờ không đi cùng.

"Mẹ ghét cưỡi ngựa xem hoa kiểu này lắm," mẹ đang nói khi tôi dấn lên bắt kịp ở đầu cầu thang, "nhưng đằng nào thì mấy triển lãm kiểu này cũng phải đến hai hay ba lần. Có bức *Giờ học giải phẫu*[14] chúng ta nhất định phải xem, nhưng cái mẹ muốn thấy thực sự là một bức nhỏ tí xíu, hiếm hoi vô cùng, cửa một họa sĩ là thầy dạy của Vermeer[15]. Một Đại Danh Họa chẳng mấy ai biết đến. Mấy bức Frans Hals cũng khá quan trọng. Con biết Hals đúng không? *Tửu đồ vui vẻ*? Với các tổng quản viện tế bần[16] nữa?"'

"Vâng," tôi dè dặt đáp. Trong mấy bức mẹ vừa kể tên, tôi chỉ biết duy nhất có *Giờ học giải phẫu*. Một trích đoạn của bức tranh được in trên áp phích quảng cáo buổi triển lãm: da thịt tái ngắt, đủ sắc độ của màu đen, những thầy phẫu thuật mắt vằn máu, mũi đỏ cà chua như nghiện rượu.

"Mỹ thuật Đại cương ấy mà," mẹ nói. "Rẽ trái, đây."

Lên tới tầng trên lạnh buốt xương, vì tóc tôi vẫn còn ướt mưa. "Không, đầu này cơ," mẹ túm tay áo tôi nói. Triển lãm ở nơi quá

khó tìm, và trên đường chúng tôi đi khắp các gian trưng bày nhộn nhịp (lách vào rồi lại tách ra khỏi từng cụm người, rẽ phải, rẽ trái, lộn lại qua những mê lộ bảng chỉ đường và sơ đồ rối rắm) thì những bản in lớn thùi lùi bức *Giờ học Giải phẫu* hiện ra vô tội vạ ở những ngã tư bất thình lình, như những biển đường dữ tợn, vẫn cái xác với cánh tay bị lột da, dưới có mũi tên đỏ chỉ hướng: *phòng mổ phía này*.

Tôi không phấn khích lắm trước cái viễn cảnh ngắm một đống tranh vẽ người Hà Lan mặc áo đen sì đứng quanh phòng, nên khi đi qua cánh cửa đôi bằng kính - từ những hành lang âm vang bước vào cái tĩnh lặng của thảm nuốt tiếng chân - ban đầu tôi cứ tưởng lại vào nhầm hành lang nữa. Những bức tường sáng ửng ánh sương mờ trầm ấm và sang trọng, vẻ mềm mịn không cá tính thời cổ xưa; nhưng chỉ giây lát sau tất cả đã vỡ òa thành đường nét rõ rành, thành màu sắc, thành ánh sáng Bắc phương trong vắt -chân dung, nội thất, tĩnh vật, vài bức nhỏ tí xíu, bức khác đường hoàng vương giả: các phu nhân bên các đức ngài, các phu nhân ôm chó nhỏ, những trang nhan sắc u hoài khoác áo choàng thêu tinh xảo, những thương nhân đứng một mình, trang sức và lông thú lộng lẫy. Những bàn tiệc bị phá phách vương vãi táo gọt dở và vỏ quả óc chó; những thảm thêu vắt rủ bên đồ bạc; những bức *trompe l'oeil*[17] đánh lừa con mắt, côn trùng bò lổm ngổm hay hoa với những vết kẻ sọc trên cánh. Và chúng tôi càng đi sâu, những bức tranh càng thêm lạ lùng tuyệt diệu. Những quả chanh gọt vỏ, mép vỏ chanh hơi se lại nơi lưỡi dao cắt vào; cái bóng xanh xanh trên đám mốc. Ánh sáng lóe trên mép ly rượu vang đã vơi nửa.

"Mẹ cũng thích bức này," mẹ thì thầm khi tiến đến bên tôi đang đứng trước một bức tĩnh vật nhỏ vừa, đặc biệt ám ảnh: con bướm trắng trên nền màu tối, lửng lơ trên mấy trái cây đo đỏ[18],

Cái nền màu đen sô-cô-la ấm cúng tỏa ra sức ấm khó gọi tên gợi lên những nhà kho chật chội và lịch sử, bước đi của thời gian.

"Họ rất giỏi xử lý cái ranh giới này, các danh họa Hà Lan ấy: chín tới độ ngả sang thối rữa. Quả này đã đạt đến độ hoàn hảo, nhưng sẽ không còn được lâu, nó hỏng đến nơi rồi. Đặc biệt là ở đây," mẹ nói, vươn qua vai tôi đưa ngón tay vạch theo trong không trung, "khúc này này - con bướm ấy." Cánh dưới như rắc phấn, mong manh như thể chỉ cần mẹ chạm phải là màu sẽ phai ra. "Ông ấy tạo hình đẹp biết bao. Tĩnh lặng, nhưng lại có thoáng run rẩy vô cùng nhẹ."

"Ông ấy vẽ bức này mất bao lâu?"

Đang đứng hơi sát bức tranh, mẹ lùi lại để ngắm tổng thể - hoàn toàn không để ý anh bảo vệ miệng nhóp nhép kẹo cao su đã để mắt tới mình, đang chăm chăm theo dõi mẹ từ đằng sau.

"À, chính người Hà Lan đã sáng chế ra kính hiển vi," mẹ nói. "Họ là dân tộc của những thợ trang sức và thợ mài kính. Họ muốn mọi thứ càng chi tiết càng hay, vì cả những thứ tí hon cũng nói lên điều gì đó. Nếu con thấy ruồi hay côn trùng xuất hiện trong tranh tĩnh vật - một cánh hoa tàn hay một đốm đen trên quả táo - thì đấy là thông điệp mật của họa sĩ. Ông ấy muốn nói với con rằng những vật sống không phải là sống mãi - tất cả đều chỉ phù du. Cái chết giữa cõi sống. Chính vì thế mà tranh tĩnh vật được gọi là *nature morte* - tự nhiên chết. Có thể thoạt nhìn giữa những tươi đẹp và bừng nở, con chưa nhận thấy nó ngay, cái chấm rữa nát nho nhỏ ấy. Nhưng nhìn kỹ, con sẽ nhận ra."

Tôi cúi lại gần đọc mảnh giấy chú giải, in chữ hoa rất kín đáo trên tường, cho biết tác giả bức tranh - Adriaen Coorte, không rõ năm sinh năm mất - sinh thời không ai biết đến, mãi tới thập niên 1950 người ta mới định danh được tranh của ông. "Mẹ," tôi

nói, “mẹ có thấy cái này không?”

Nhưng mẹ đã đi tiếp rồi. Phòng rất lạnh và trầm lắng, trần hạ thấp, không hề ồn ã âm vang thiên giới như ngoài Sảnh Lớn. Dù lượng người vào đây xem cũng khá đông, căn phòng vẫn mang cái vẻ miên man thiêm thiếp như một vùng nước đọng, lặng lờ như hút chân không, chỉ nghe những tiếng thở rất dài hay tiếng thốt nho nhỏ kịch tính như một phòng kín học sinh trong giờ thi. Tôi theo sau cách một quãng trong lúc mẹ đi chéo từ bức chân dung này qua bức khác, nhanh hơn nhiều lệ thường xem triển lãm, từ hoa tươi sang bàn đánh bài sang hoa quả, bỏ qua khá nhiều bức vẽ (cái vại rượu bạc hay con gà lôi chết thứ tư thứ năm gì đó), đi thẳng đến vài bức khác không do dự (“Còn đây, Hals. Đôi lúc ông khá sáo khi vẽ tửu đồ[19] hay dân nữ[20] nhưng khi nào có hứng, thì ông ấy hứng -thần kỳ- luôn. Không thèm tỉ mẩn nắn nót gì hết, cứ thế trát vào khi nét trước còn đang ướt, soạt, soạt, tay đưa rất nhanh. Khuôn mặt hay bàn tay - vẽ rất chăm chút, ông biết mắt người xem bị hút về đó, nhưng nhìn quần áo kia - thật qua loa - gần như chỉ phác họa. Xem nét bút lông phóng khoáng và hiện đại chưa!”). Chúng tôi đứng khá lâu trước bức chân dung Hals vẽ một cậu bé cầm đầu lâu[21] (“Theo, đừng có nổi đóa nhé, nhưng con có thấy cậu ta giống ai không? Giống ai đó” - giật giật tóc sau gáy tôi - “lâu lắm rồi chưa cắt tóc?”) - và cả hai bức chân dung lớn vẽ các sĩ quan đang tiệc tùng[22] mà mẹ nói là cực nổi tiếng và có ảnh hưởng cực lớn đến Rembrandt.[23] ("Van Gogh cũng mê Hals. Ở đâu đó viết về Hals ông đã bảo, *Frans Hals có không dưới hai mươi chín sắc độ xám*! Hay là Hai mươi bảy nhỉ?”) Tôi đi theo mẹ, cảm giác hơi mụ mị, mừng rơn thấy mẹ chuyên chú vào tranh, hình như đã quên bẵng mỗi phút đang tuột đi. Có vẻ là nửa tiếng dành ra đã sắp cạn rồi; nhưng tôi vẫn muốn la cà thêm, đánh lạc hướng mẹ, hy vọng một cách rất ấu trĩ

là thời gian sẽ trôi vèo đi và chúng tôi sẽ lỡ luôn buổi họp.

“Đây rồi, Rembrandt,” mẹ nói, “Ai cũng bảo bức này nói về lý tính và khai sáng, về buổi bình minh của tính hiếu kỳ khoa học và đủ thứ nữa, nhưng mẹ chỉ thấy đựng tóc gáy vì họ quá đỗi lịch sự và trịnh trọng, đứng chen chúc quanh bàn xác cứ như quanh bàn búp phê ở tiệc rượu ấy. Ngoại trừ..- mẹ đưa tay chỉ - “con có thấy hai ông ngơ ngác ở sau cùng không? Hai người đó không nhìn xuống tử thi - mà nhìn thẳng vào mình. Vào mẹ với con. Cứ như họ thấy mình đang đứng đây, trước mặt họ - hai du khách từ tương lai tới. Họ giật mình. 'Các người làm gì ở đó?’ Hết sức tự nhiên chủ nghĩa. Nhưng lại nữa” - mẹ đưa ngón tay lần theo cái xác mà không chạm vào - “nếu con nhìn thử sẽ thấy tử thi không hề vẽ theo kiểu tự nhiên. Nó phát sáng rất khác thường, thấy không? Cứ như đang giải phẫu tử thi người ngoài hành tinh ấy. Con thấy nó hắt sáng lên mặt những người đang cúi xuống nhìn không? Như thế có nguồn sáng từ bên trong tỏa ra ngoài? Ông ấy vẽ nó phóng xạ như vậy vì muốn hút ánh mắt người xem vào đó - khiến thi thể nhảy ra ngoài bức tranh về phía chúng ta. Còn đây nữa” - mẹ chỉ xuống bàn tay đã lột da - “con có thấy ông nhấn mạnh bằng cách vẽ bàn tay rất to, to ngoại cỡ so với phần còn lại của cơ thể không? Thậm chí còn xoay ngược nó lại, khiến ngón cái đáng ở ngoài thì lại quay vào trong, thấy chưa? À, không phải ông ấy vẽ nhầm đâu. Da đã lột khỏi tay rồi - nhìn là thấy ngay, có gì đó không ổn - nhưng ngón tay quay vào trong khiến trông nó còn *không ổn* hơn nữa, vô thức của ta nhận thấy dù ý thức chưa kịp xác định là có chuyện gì, chỉ biết có gì đó rất không đúng, không phải. Mẹo hay.” Chúng tôi đang đứng sau một đám đông khách du lịch châu Á, quá nhiều cái đầu trước mặt đến nỗi tôi hầu như chẳng nhìn thấy bức tranh nữa, nhưng mặt khác tôi cũng không lấy gì làm bực dọc, vì đã thấy cô gái đó.

http://tieulun.hopto.org

Cô ta cũng thấy tôi. Chúng tôi đã liếc qua nhau suốt trong lúc đi qua các gian trưng bày. Tôi cũng không hiểu cô bé này có điểm gì đặc biệt, vì cô ta nhỏ hơn tôi và trông cũng hơi dị dị - hoàn toàn chẳng giống các cô nàng tôi vẫn thầm thương trộm nhớ ở trường, những mỹ nhân lạnh lùng nghiêm trang ưa ném cái nhìn khinh miệt khắp hành lang trường và chỉ cặp kè những gã lớp lớn. Cô bé này tóc màu đỏ rực, cử động nhanh thoăn thoắt, khuôn mặt sắc nét là lạ lại pha vẻ tính quái, mắt cô ta cũng có màu rất lạ, nâu vàng như ong mật. Và cô ta cũng gầy, nhìn những xương là xương, có thể coi là xoàng xĩnh nữa, nhưng có gì đó ở cô ta khiến lòng tôi mềm lại. Cô ta đang vung vẩy cây tiêu dài trông khá tơi tả - cũng là trẻ con thành phố ư? Trên đường đi học nhạc à? Cũng có thể không, tôi nghĩ trong lúc lượn lờ sau lưng cô ta, theo mẹ sang gian bên cạnh; quần áo cô ta hơi tẻ, kiểu dân ngoại ô; hẳn là khách du lịch thôi. Nhưng cô ta đi lại dáng vẻ tự tin hơn hầu hết những cô bé tôi từng quen, và ánh mắt ranh mãnh, bình thản trượt qua khi cô ta đi lướt bên cạnh suýt chạm vào nhau khiến tôi muốn phát cuồng.

Tôi đang đi sau mẹ, chỉ để ý nửa vời những gì mẹ nói, thì mẹ dừng phắt lại trước một bức tranh khiến tôi suýt đâm vào.

“Ồ xin lỗi...!” Mẹ nói mà không nhìn, bước lùi lại chừa chỗ cho tôi. Trông mặt mẹ bừng sáng như vừa có ai rọi đèn.

“Đây chính là bức mẹ đã nói,” mẹ nói. “Tuyệt không?”

Tôi nghiêng đầu về phía mẹ, làm bộ chăm chú nghe, trong lúc mắt lại lạc về phía cô bé. Đi bên cô là một nhân vật tóc bạc trắng rất kỳ khôi, mà nhìn khuôn mặt sắc tôi đoán chắc là có họ hàng với cô, có thể là ông nội: áo khoác vải nanh sói, đôi giày buộc dây dài hẹp bóng loáng như gương. Đôi mắt ông ta chụm vào nhau, cái mũi khoằm khoằm như mỏ chim, dáng đi có phần khập

khiễng - nói cho chính xác là cả thân người đổ nghiêng về một bên, vai bên này nhô cao hơn hẳn bên kia; chỉ cần sụm người xuống tí nữa thì hoàn toàn có thể gọi ông là gù. Nhưng bất chấp mọi thứ đó, từ ông vẫn toát lên vẻ thanh nhã. Và rõ ràng ông ta rất yêu chiều cô cháu, cứ nhìn thái độ hứng khởi và chịu khó khi ông cập kiễng đi bên cạnh cô, cẩn thận từng bước chân, đầu nghiêng về phía cô là biết.

"Đây có thể nói là bức tranh đầu tiên từng đi vào trái tim mẹ," mẹ vẫn đang nói, "Chắc nói con không tin đâu, nhưng bức này có trong cuốn sách mẹ hay mượn thư viện từ hồi bé tí. Mẹ thích ngồi trên sàn cạnh giường, ngắm hàng giờ liền, mê mải không chịu được - cái chú nhóc này! Và thật đấy, ít người hình dung nổi có thể biết thêm bao nhiêu điều về một bức tranh bằng cách ngồi thật lâu với một bản sao, kể cả là bản sao không tốt lắm cũng vậy. Ban đầu mẹ yêu chú chim, như yêu một con vật nuôi trong nhà, và cuối cùng mẹ chuyển sang yêu cách ông ấy vẽ nó." Mẹ bật cười. "Thực ra là *Giờ học giải phẫu* cũng ở trong cuốn đó, nhưng nó làm mẹ phát khiếp. Mỗi lần giở nhầm phải trang đó là mẹ lại đóng ập sách lại."

Cô bé và ông già đã đi tới bên chúng tôi. Làm điệu bộ, tôi vươn người tới nhìn bức tranh mẹ nói. Bức này rặt nhỏ, nhỏ nhất trong toàn bộ triển lãm, và cũng là bức đơn giản nhất: một chủ sẻ lông màu vàng, trên nền trơn màu sáng, cái cẳng sậy bị xích vào giá đậu.[24]

"Ông ấy là học trò của Rembandt và là thầy của Vermeer," mẹ nói.

"Và chính bức tranh nhỏ này là mắt xích còn thiếu giữa hai bậc thầy kia - cái ánh nắng trời trong trẻo ấy, con thấy ngay ánh sáng trong tranh Vermeer là từ đâu ra. Tất nhiên hồi còn nhỏ, mẹ

chẳng biết, mà cũng chẳng quan tâm đến mối quan hệ lịch sử ấy. Nhưng đúng là nó rất rõ."

Tôi lùi một bước nhìn cho rõ. Một sinh vật nhỏ thẳng thắn và nhìn rõ là thực tế, không sến sẩm màu mè; và cái kiểu thu mình trong thân hình gọn gàng chắc lẳn - màu sáng trên mình nó, nét mặt cảnh giác thăm dò. của nó - khiến tội nhớ lại những bức ảnh chụp mẹ hồi còn nhỏ: một chú sẻ đầu đen đôi mắt chăm chú.

"Thảm kịch khét tiếng trong lịch sử Hà Lan," mẹ vẫn đang nói. "Một phần lớn thành phố bị hủy hoại."

"Cái gì cơ?"

"Thảm họa ở Delft ấy. Làm Fabritius chết ấy. Con không nghe thấy lúc nãy cô giáo kể với đám trẻ à?"

Tôi có nghe. Khi đi qua bộ ba bức phong cảnh điêu tàn cùa một ông tên là Egbert van der Poel, nhìn từ các góc khác nhau về cùng một vùng hoang địa ngún khói: những xác nhà cháy đổ nát, cối xay gió cánh quạt rách tươm, lũ quạ đảo tròn trên bầu trời khói bốc. Một bà có vẻ quan cách lớn tiếng giải thích cho nhóm học sinh chừng cấp hai đứng bên, rằng một nhà máy thuốc súng ở Delft đã nổ tung vào thập niên đầu thế kỷ 17, và rằng họa sĩ bị ám ảnh vụ hủy diệt thành phố của mình đến nỗi ông không ngừng vẽ đi vẽ lại cảnh ấy.

"Ừm, Egbert là hàng xóm của Fabritius, ông ấy hóa điên sau khi chứng kiến vụ nổ nhà máy - hoặc ít nhất là mẹ có cảm giác thế, nhưng Fabritius thì thiệt mạng và xưởng vẽ của ông cháy rụi. Hầu hết tranh của ông cháy hết, trừ bức này." Hình như mẹ đang chờ tôi thốt lên câu gì, nhưng thấy tôi không phản ứng, mẹ tiếp: "Ông là một trong những bậc thấy vĩ đại nhất thời mình, đây cũng là một trong những giai đoạn vĩ đại nhất trong lịch sử

hội họa. Nổi tiếng kinh khủng vào hồi đó, Thật đáng buồn, vì sót lại chỉ còn khoảng năm sáu bức gì đó, từ thành tựu cả đời người. Phần còn lại đã mất hết - tất cả những gì ông từng vẽ."

Cô bé và người ông đang đứng bên cạnh lặng yên lắng nghe mẹ nói, làm tôi hơi ngượng. Tôi nhìn đi chỗ khác, và rồi - không kìm nổi - lại đưa mắt về. Họ đang đứng rất gần, gần đến nỗi chỉ cần đưa tay ra là chạm tới. Cô bé đang giật ống tay áo ông già, níu tay ông thì thầm gì đó vào tai.

"Tuy nhiên, theo ý mẹ," mẹ vẫn đang nói, "đây là bức tranh kỳ diệu nhất trong cả cuộc triển lãm này. Fabritius lần đầu phơi ra một thứ mà tự ông đã phát hiện thấy, mà cả thế giới họa sĩ trước ông chưa từng biết đến - ngay cả Rembrandt cũng chưa."

Thật khẽ khàng - khẽ đến nỗi tôi chỉ nghe loáng thoáng - cô bé thì thào: "Nó phải sống cả đời như thế à?"

Tôi cũng đang nghĩ đến điều tương tự; cái cẳng bị xiểng, sợi xích kinh hãi; người ông thì thào đáp lại gì đó nhưng mẹ (có vẻ không nhận thấy có họ ở đấy, dù họ đang đứng ngay cạnh) lùi một bước và bảo: "Một bức tranh bí ẩn, đơn giản biết bao. Rất đỗi dịu dàng - như mời gọi ta tiến lại gần, con hiểu không? Bao nhiêu gà lôi chết nãy giờ và đột ngột, một chú chim nhỏ nhắn đang sống."

Tôi tự thưởng cho mình thêm một cái liếc kín đáo về phía cô bé. Cô đang đứng lò cò một chân, hông đánh sang một bên. Rồi - bất thình lình cô bé quay lại nhìn thẳng vào mắt tôi; tim nhảy lên vì bối rối, tôi nhìn chỗ khác.

Tên cô là gì? Sao cô không đi học? Tôi đã cố đọc thử dòng chữ viết ngoáy trên bao đựng tiêu, nhưng dù đã ghé lại gần hết cỡ mà không quá lộ liễu, tôi vẫn không đọc ra những nét bút dạ nhọn

đậm nét, như vẽ hơn là viết, như dòng graffiti xịt trên toa tàu điện ngầm. Cái họ thì ngắn, chỉ có bốn năm chữ cái; chữ đầu tiên có vẻ là R, hay là P?

"Người ta vẫn chết, hẳn rồi," mẹ vẫn nói tiếp. "Nhưng đồ vật bị mất đi mới thật đau lòng, vô nghĩa. Mà hoàn toàn vì cẩu thả nữa chứ. Cháy nổ hay chiến tranh. Điện Parthenon dùng làm kho trữ đạn dược. Phải nói mỗi vật chúng ta cứu được từ lịch sử đều là một phép màu."

Ông già đã bước đi mất, giờ đã cách đó vài bức tranh; nhưng cô bé vẫn nấn ná vài bước đằng sau, chốc chốc lại liếc về phía tôi với mẹ. Da dẹp quá: trắng như sữa, tay sáng như hoa cương đẽo ra. Trông cô có dáng thể thao, dù trắng thế kia thì không thể nào là dân quần vợt được; chắc cô học múa ba-lê, hoặc thể dục dụng cụ, hoặc có khi nhảy cầu lặn chăng, tập đến tối muộn bên những bể trong nhà mờ tối, vọng âm, khúc xạ, gạch đáy sàn đen thẫm. Ngực uốn căng, mũi chân chụm lại, xuống xuống mãi cho đến tận đáy bể bơi, một tiếng ùm vô thanh, áo bơi đen láng, bong bóng sủi trào thoát khỏi cái thân hình nhỏ đang căng rạ.

Sao tôi lại cứ si mê nghĩ về người khác như thế này? Có bất thường không khi cứ mải mốt đeo đuổi người xa lạ trong những hình dung mê sảng và sống động đến chừng ấy? Chắc là có. Khó mà hình dung có kẻ lạ mặt qua đường nào lại thình lình quan tâm theo cách đó đến tôi. Thế mà đấy lại là lý do chính khiến tôi theo Tom đột nhập vào những nhà kia: tôi mê mẩn người lạ, tôi muốn biết họ ăn thức gì, bát đĩa họ dùng ra sao, họ xem phim nào, họ nghe nhạc gì, tôi muốn ngó dưới gầm giường, dòm vào những ngăn tủ bí mật, và ngăn bàn đầu giường, lộn túi áo choàng của họ. Nhiều lần tôi thoáng nhìn thấy những người có dáng vẻ hay ho trên phố, để rồi mấy ngày sau còn thao thức nghĩ về họ,

tưởng tượng cuộc đời họ sống, bịa ra đủ thứ chuyện về họ trên đường đi xe điện ngầm hay xe buýt xuyên trung tâm. Đã hàng năm trời qua mà tôi vẫn không thôi nghĩ về hai đứa trẻ tóc đen mặc đồng phục trường Công giáo - hai anh em - tôi từng nhìn thấy chúng ở ga trung tâm, đang hợp sức cùng lôi ông bố khỏi cửa quán bar bốc mùi đáng ngại, nắm lấy ống tay áo vét ông ta mà kéo. Tôi cũng chưa quên cô gái xanh rớt dáng vẻ di-gan ngồi xe lăn trước cửa khách sạn Carlyle, nói liến thoắng tiếng Ý với chú chó xù bông đặt trong lòng, thêm một gã khá bảnh đeo kính râm (bố? hay vệ sĩ?) đứng sau xe, hình như đang thỏa thuận làm ăn gì đó trên điện thoại. Hàng năm trời tôi đã xoay chuyển những người lạ ấy trong ý nghĩ, đoán thử họ là ai, họ sống ra sao, và tôi biết rồi hôm nay về nhà mình sẽ lại nghĩ hoài vè cô bé cùng ông già kia y như vậy. Ông già ấy giàu; nhìn lối phục sức là biết. Tại sao chỉ có hai người? Họ gốc ở đâu? Có thể họ thuộc một gia đình New York đông đảo, lâu đời, phức tạp nào đấy - nhạc sĩ hay là giáo sư, một trong những gia đình nghệ sĩ West Side nhiều cành nhánh vẫn thường thấy ở Columbia hay những suất diễn chiếu ở Lincoln Center. Hoặc cũng có thể - vì ông già khiêm nhường và văn nhã quá chừng - có thể ông chẳng phải là ông cô. Có thể ông là nhạc sư, còn cô là thần đồng thổi tiêu được ông khai quật từ một thị trấn u buồn nào đó và đưa lên đây trổ tài ở thính phòng Carnegie Hall...

"Theo?" Thình lình mẹ hỏi. "Con nghe mẹ nói không đấy?"

Giọng mẹ làm tôi sực tỉnh. Chúng tôi đã đến gian cuối. Đi tiếp sẽ là cửa hàng lưu niệm - bưu thiếp, quầy tính tiền, những chồng sách hội họa giấy bóng - và than ôi, mẹ vẫn không quên canh giờ.

"Mình phải ngó thử xem còn mưa không," mẹ đang nói, "Vẫn còn một ít thời gian" (nhìn đồng hồ, ngó qua dẫn tôi lên bảng đèn

Lối ra) "nhưng mẹ nghĩ là phải chạy xuống tầng dưới thôi nếu còn muốn mua gì cho Mathilde. Tôi nhân ra cô bé kia đang quan sát mẹ nói - mắt tò mò liếc từ cái đuôi ngựa đen mượt xuống cái áo khoác vải sa-tanh trắng chiết eo - và vui thích lặng người khi trong thoáng chốc được thấy mẹ qua con mắt cô bé kìa, như một người lạ. Cô ta có thấy gốc mũi mẹ hơi gồ lên một tí khó nhận ra, hậu quả cú ngã gãy mũi khi trèo cây hồi nhỏ? Hay những quầng đen bao quanh mống mắt lam nhạt khiến trông mẹ có phần hoang dại, như một sinh vật săn mồi mắt sắc một mình rong ruổi đồng bằng?

"Biết sao không..." mẹ ngoái lại đằng sau "nếu con không phiền, có khi mẹ chạy lại ngó qua *Giờ học giải phẫu* một cái rồi mình đi.

Lúc nãy mẹ không nhìn kỹ được, mà mẹ sợ sẽ không còn dịp quay lại trước khi hết triển lãm." Mẹ dợm chân đi, gót giày lộp cộp vội vã – rồi ngó lại tôi như muốn hỏi: không đi cùng à?

Chuyện bất ngờ đến nỗi nhất thời tôi không biết đáp sao. "Ờm," tôi đáp khi hồi lại, "con sẽ chờ mẹ trong cửa hàng."

"OK," mẹ nói. "Mua hộ mẹ cái thiếp nhé? Mẹ sẽ quay lại ngay."

Và thế là mẹ hối hả đi, trước khi tôi kịp nói thêm lời nào. Tim đập thình thịch, mừng không tin nổi, tôi nhìn mẹ thoăn thoắt bước đi xa dần trong chiếc áo khoác sa-tanh trắng. Đây rồi, cơ hội bắt chuyện với cô bé kia; nhưng mình nói gì với cô ấy bây giờ, đầu tôi điên cuồng hỏi, nói gì đây? Tôi thọc sâu hai tay vào túi áo, hít thật căng một hai lần cho trấn tĩnh, rồi thì, bụng dạ phấn khích tưng bừng, quay lại phía cô.

Nhưng tôi rầu cả lòng khi thấy cô đã biến mất. Chính xác thì không phải biến mất, mà mái tóc đỏ vẫn ở đằng xa, miễn cưỡng

(hoặc có vẻ thế) di chuyển sang đầu kia phòng. Người ông đã đưa tay khoác lấy cánh tay cô, và vừa phấn khởi thì thầm, vừa lôi cô đi xem bức nào đó trên tường đối diện.

Tôi những muốn bắn chết ông ta. Lo lắng, tôi nhìn qua cánh cửa vắng người. Rồi ấn tay sâu hơn trong túi, mặt đỏ lựng, tôi bước rất lộ liễu dọc tường gian triển lãm. Đồng hồ vẫn quay; mẹ có thể trở lại bất kỳ lúc nào; và dù biết mình không đủ can đảm xông tới mở miệng cất lời, nhưng ít nhất tôi cũng có thể ngó cô một lần cuối thật lâu. Mới mấy hôm trước tôi vừa thức khuya xem *Công dân* Kane[25] với mẹ, và rất mê ý nghĩ rằng có ai đó thoáng nhìn thấy một người lạ mê hoặc đi ngang đường và nhớ cô cho đến trọn kiếp. Có thể ngày nào đó, tôi cũng giống như ông già trong phim, ngả người trên ghế bành, mắt nhìn xa xăm mà nói: "Con biết không, đã sáu mươi năm trôi qua, ta chẳng bao giờ còn nhìn thấy cô gái có mái tóc đỏ ấy lần nữa, nhưng biết sao không? Không một tháng nào trong từng ấy năm mà ta không nghĩ, về cô ấy."

Tôi đã đi quá giữa phòng thì có biến. Một người bảo vệ bảo tàng chạy băng ngang khung cửa hàng lưu niệm giáp phòng đó. Trong tay anh ta ôm vật gì.

Cô bé kia cũng nhìn thấy. Đôi mắt nâu vàng gặp mắt tôi: ánh nhìn giật thột dò hỏi.

Bỗng một người bảo vệ khác chạy vụt khỏi cửa hàng. Hai tay giơ lên, anh ta đang gào thét.

Những cái đầu ngẩng phắt. Sau lưng tôi tiếng ai đó, vô cảm rất lạ: Ô! Ngay giây sau, tiếng nổ rùng rùng điếc lỗ nhĩ rung chuyển căn phòng.

Ông già, mặt ngơ ngác, ngã nhào sang bên. Cánh tay ông duỗi

dài - năm ngón xòe nổi cục - là điều cuối cùng tôi còn nhớ. Gần như chính lúc đó một luồng chớp đen nháng lên trước mặt, gạch vữa đất đá lổn nhổn bay rào rào tứ tung khắp xung quanh, một trận gió nóng ập tới quàng tôi bắn qua phòng. Và một hồi lâu tôi không biết gì nữa.

v.

TÔI KHÔNG BIẾT MÌNH bất tỉnh bao lâu. Khi hồi lại, tôi tưởng như mình đang nằm sấp, duỗi người trong hố cát hay trong sân chơi tối om nào đấy - ở nơi nào đó tôi không biết, một khu nhà bỏ hoang chăng. Một bầy trẻ trai đầu gấu vườn loắt choắt đang túm tụm quanh tôi, vung chân đá lia lịa vào be sườn, vào gáy. Cổ tôi bị ngoặt sang một bên, hơi thở bị ép khỏi ngực, nhưng thế vẫn chưa phải cái tệ nhất; cát vào đầy mồm, tôi hít cát vào phổi.

Lũ trẻ rì rầm thành tiếng.

Đứng dậy thằng chó kia.

Nhìn nó kìa, nhìn nó kìa.

Nó chẳng biết cái mẹ gì cả.

Tôi lật ngửa, giơ tay che lấy đầu và rồi - giật mình chếnh choáng như không thực - nhận ra chẳng có ai hết.

Trong một giây tôi nằm, choáng váng không cất mình nổi. Chuông báo động oang oang vọng về từ đằng xa. Dù lạ, tôi vẫn tưởng mình đang nằm trong sân vườn có tường bao, trong một khu nhà xây dở bị bỏ bê nào đấy.

Tôi vừa bị kẻ nào đó giã cho nhừ tử: khắp người đau như dần, xương sườn nhức nhối, đầu ù như choảng ống thép. Tôi tìm cách nhúc nhắc quai hàm, sờ túi xem có đủ tiền đi tàu về nhà không

thì mới đột nhiên vỡ lẽ không biết mình đang ở đâu. Tôi nằm im phắc, càng lúc càng nhận thấy có gì đó rất không ổn, không ổn rồi. Ánh sáng kia không bình thường, không khí cũng thế: mùi chan chát lại đắng gắt, có thứ hóa chất không rõ vơ vẩn như sương mù, đốt cháy họng tôi. Lợi dính gì xào xạo, và khi lật người tìm cách nhổ nó ra, đầu nhức như búa bổ, tôi thấy hiện ra qua lớp lớp khói mù nước mắt là một thứ lạ thường đến mức tôi phải trân mắt nhìn một lúc.

Tôi đang ở giữa một cái hang trắng lởm chởm. Dải vải lòng thòng rủ xuống từ trên trần. Mặt đất lổn nhổn những đống gì đó xám xịt như nguyệt thạch, khắp nơi toàn kính vỡ, sỏi vụn, cả một trận lũ những rác rến, gạch vữa không phân biệt được, với những thứ gì như giấy, phủ đầy lớp tro mỏng mịn như sương giá đầu mùa. Tít trên cao, hai cây đèn chiếu sáng lòa qua lớp bụi, cứ như đèn pha xe bị lật trong sương mù, lệch đường, một bên chiếu lên trời, bên kia lăn nghiêng đổ những cái bóng méo mó.

Tai tôi ù lên, cả người tôi cũng ù lên, cảm giác khó chịu hết sức từ xương đến óc đến tim đều đập ình ình như chuông vừa bị gióng. Vang từ đâu đó xa xôi rất khẽ, tiếng rít chát chúa của còi báo động rên từng chặp đều đặn máy móc. Tôi cũng không biết tiếng động phát ra từ trong hay ngoài mình nữa. Cảm giác là cô độc, giữa chết chóc mùa đông. Chẳng gì có lý dù là thứ lý nào đi nữa.

Tay tì xuống bề mặt nào đó không hẳn nằm ngang, tôi đứng dậy, làm trút xuống một đợt sỏi dăm lả tả, nhăn mặt vì đầu lại nhói lên. Không gian tôi đang đứng có độ nghiêng rất bất thường, bất thường từ tự nhiên. Một bên bụi và khói lặng phắc, lơ lửng thành từng lớp bít kín không khí. Còn bên kia, khối gạch đá bị xắt nát chất đống thành một đụn dốc tanh bành ngay ở chỗ đáng ra

phải là mái, hay trần nhà.

Quai hàm tôi đau nhức; mặt và đầu gối xây xước; miệng khô như giấy ráp. Chớp mắt nhìn khắp cảnh hỗn độn, tôi nhận ra một chiếc giày chơi quần vợt; những đống nát vụn nhuộm đen thẫm; một cây gậy chống bằng nhôm bị bẻ cong. Tôi đứng, người lắc lư, ngạt thở váng vất, không biết nên quay phía nào hay nên làm gì nữa, thì đột ngột cảm thấy tiếng chuông điện thoại vang lên đâu đây.

Mất một lúc tôi không dám chắc, gắng nghe thật kỹ; âm thanh ấy, lại ngân lên: văng vẳng và nhèo nhẽo, có vẻ kỳ quái. Vụng về, tôi lần sờ đi qua cảnh đổ nát - làm rơi rào rào những ví hay balo trẻ con bụi bặm, giật tay về khi chạm phải vật nóng hay mảnh thủy tinh vỡ, càng lúc càng lo sợ khi thấy ở nhiều chỗ, đống đổ nát thụt xuống dưới chân mình, và thấy những khối mềm bất động lù lù đằng khóe mắt.

Mãi tới khi đã xác định mình không hề nghe thấy điện thoại nào hết, chỉ là tiếng ù trong tai đánh lừa, tôi vẫn tiếp tục tìm, máy móc thực hiện những cử chỉ kiếm tìm với vẻ tập trung chuyên chú như một con robot đã lập trình. Giữa những bút máy, túi xách, ví da, mắt kính vỡ, chìa khóa thẻ phòng khách sạn, gương bỏ túi, bình xịt nước hoa, đơn thuốc bệnh viện (Roitman, Andrea, alprazolam 0,25 mg), tôi bới được một chiếc đèn pin đeo móc chìa khóa và một chiếc di động đã ngừng chạy (nửa vạch pin, không có sóng), rồi vứt vào túi gấp đi chợ tìm thấy trong ví bà nào đấy.

Tôi thở khò khè, họng tắc bụi thạch cao, đầu đau không nhìn nổi. Tôi chỉ muốn ngồi, nhưng chẳng có chỗ nào để ngồi cả.

Rồi tôi nhìn thấy chai nước. Ánh mắt tôi ngoặt lại, rất nhanh, quét khắp cảnh hoang tàn tới khi lại bắt được nó, cách chừng bốn năm mét, nửa vùi trong đống nát vụn: chỉ vừa đủ nhận ra cái

nhãn, màu xanh lơ tủ lạnh quen thuộc.

Cử động nặng trĩu và đờ đẫn như mở đường xuyên tuyết, tôi đi vòng vèo qua những đống nát tươm, rác rến vỡ dưới chân răng rắc, chói tai như băng hà. Nhưng chưa đi được mấy thì trong khóe mắt, tôi đã thấy có gì cựa quậy trên mặt đất, đập vào mắt giữa không gian im phắc, màu trắng trêu màu trắng, khẽ cựa mình.

Tôi đứng sững. Rồi lê thêm vài bước. Đây là một người đàn ông, nằm ngửa, bụi phủ từ đầu đến chân trắng xóa. Lớp đổ nát bụi tro ngụy trang quá kỹ, nên phải một giây tôi mới nhận rõ hình thù ông: màu phấn trên màu phấn, đang ráng sức ngồi dậy như một bức tượng vừa bị đẩy đổ khỏi bệ. Đến gần hơn, tôi nhận ra ông rất già và gầy yếu, tấm thân gù xấu xí; tóc ông – phần còn lại - đã bị thổi dựng đứng trên đầu; má ông một loạt đốm bỏng lấm chấm trông rất gớm, còn đầu ông, phía trên tai, là một mảng đen xì dính dấp kinh hoàng.

Tôi vừa tới bên thì - nhanh không tưởng nổi - cánh tay trắng bụi phóng lên chộp cổ tay tôi. Hoảng sợ, tôi giật lùi, nhưng ông ta càng tóm lấy tôi chặt hơn, trong tiếng ho liên hồi có độ ướt rất khó chịu.

Đâu rồi...? Hình như ông đang nói. Đâu rồi...? Ông đang cố nhìn lên tôi, nhưng cái đầu nặng rũ trên cổ, cằm gục xuống lăn lăn trên ngực khiến ông phải trợn ngược mắt nhìn như một con kền kền. Nhưng đôi mắt trên khuôn mặt nát bấy thì thông minh và tuyệt vọng.

“Ôi trời ơi,” tôi nói, cúi xuống toan giúp ông, khoan, khoan đã - và rồi tôi ngừng lại, không biết phải làm gì. Nửa thân dưới ông nằm xoắn vặn trên đất, như một mớ quần áo bẩn.

Ông chống hai tay đỡ mình dậy, vẻ rất can trường, môi mấp máy, vẫn cố nâng người lên. Người ông đầy mùi tóc cháy len cháy. Nhưng nửa thân dưới ông như thể không còn nối với nửa trên; ông bật ho rồi lại ngã sụm xuống.

Tôi nhìn quanh, cố xác định vị trí của mình, cú nện vào đầu đã làm tôi mất phương hướng, lại hoàn toàn mất cảm giác về thời gian, thậm chí không biết đang là ngày hay đêm. Vẻ điêu tàn tráng lệ của không gian xung quanh làm tôi rối trí - cái khoảng không cao vợi không khí loãng tít trên đầu, lớp lớp khói mỏng dần gối lên nhau rồi căng phồng như nóc lều ở nơi lẽ ra là trần nhà (hay bầu trời). Nhưng dù không biết mình đang ở đâu, hay vì sao, cảnh hoang tàn xung quanh vẫn thoáng gợi lại thứ gì đó lờ mờ trong ký ức tôi, đậm chất xi-nê trong ánh sáng chát chúa của những cỗ đèn ắc quy xách tay. Tôi từng xem trên mạng các cảnh phim quay một khách sạn bị đánh bom giữa sa mạc, những phòng san sát như tổ ong chính vào thời khắc đổ sập, bị ngưng đọng giữa luồng sáng gắt đúng y như thế này.

Rồi tôi nhớ ra chai nước. Tôi bước lùi, nhìn khắp bốn phía, tới khi bắt gặp ánh xanh bụi bặm khiến tim nhảy lên.

“Này nhé,” tôi nói, hơi lùi lại. Cháu cần...

Ông già đang dõi mắt vào tôi, vừa hy vọng vừa tuyệt vọng, như con chó đói lả không còn sức bước.

“Không... ông đợi đây. Cháu sẽ quay lại.”

Như người say, tôi lảo đảo đi qua cảnh tàn phá - luồn lách rồi dấn bước, co cẳng thật cao tránh giẫm phải các đồ vật, lầm lũi qua gạch đá và xi măng và giày dép và túi xách và hàng đống mẩu vụn cháy xém không dám đưa mắt nhìn quá gần.

Bình nước còn đầy ba phần tư, cầm bỏng tay. Nhưng vừa nuốt

một ngụm cổ họng tôi đã tham lam đòi nữa, và tôi đã uống quá nửa - vị nhựa lờ lợ, ấm như nước ngâm bát đĩa bẩn - trước khi nhận ra mình đang làm gì, buộc mình đóng nắp và bỏ vào túi mang lại chỗ ông.

Quỳ xuống cạnh ông. Đá găm vào đầu gối. Ông đang run, hơi thở khào khào không đều, mắt không nhìn tôi mà vơ vẩn đâu đó lên cao, dán chặt vào thứ gì đó tôi không thấy,

Tôi đang lần mò lấy chai nước thì ông đưa tay lên mặt tôi. Thận trọng, những ngón tay bẹt xương xẩu của người già gạt tóc rủ xuống mắt tôi, nhổ cái gai thủy tinh găm vào lông mày rồi vỗ vỗ đầu tôi.

“Được rồi, được rồi.” Giọng ông rất yếu, rất ngập ngừng, rất ấm áp, lẫn tiếng khò khè ghê sợ từ đáy phổi. Chúng tôi nhìn nhau hồi lâu, một phút dài lạ lùng rồi đây cả đời tôi sẽ không bao giờ quên nổi, như hai con vật ngang đường nhau lúc chiều hôm, khi trong mắt ông vụt ánh một tia lửa trong trẻo đầm ấm khiến tôi nhận ra chân tướng sinh vật trước mặt mình - cũng như ông nhận ra tôi, tôi tin vậy. Trong một giây chúng tôi được mắc vào nhau, rung lên trong một nhịp ngân chung như hai cỗ động cơ cắm chung nguồn điện.

Rồi ông lại rũ xuống, lịm đi đến nỗi tôi ngỡ ông đã chết. - “Nào,” tôi vụng về nói, luồn bàn tay đỡ vai ông. “Giỏi lắm.” Tôi nâng đầu ông dậy hết mức có thể, giúp ông uống nước trong bình. Ông chỉ uống được tí chút, chỗ nước chảy gần hết xuống cằm.

Lại ngật xuống. Cố gắng quá sức ông.

“Pippa,” ông nói khản đặc.

Tôi nhìn khuôn mặt bỗng đỏ ửng, ngờ ngợ nhận ra nét quen

thuộc trong ánh mắt, trong đôi mắt thẫm đỏ rất trong. Tôi từng thấy ông rồi. Và tôi cũng từng thấy cô bé nữa, hình ảnh vụt hiện, rực rỡ như lá thu: lòng mày đỏ thẫm, mống mắt nâu vàng. Khuôn mặt cô phản chiếu trong mặt ông. Cô ở đâu?

Ông đang cố nói gì đó. Đôi môi nứt nẻ động dậy. Ông muốn biết Pippa đâu.

Khò khè, gấp gáp thở. “Nào,” tôi bứt rứt nói, “ông cố nằm yên một lát.”

“Bảo nó đi tàu, như thế nhanh hơn. Trừ khi họ cho xe đưa nó đến.”

“Đừng lo,” tôi ghé lại gần nói. Tôi thì không lo chút nào. Tôi tin chắc sắp có người vào đón chúng tôi rồi. “Cháu sẽ đợi cùng ông đến khi người ta tới.”

“Cháu tốt quá.” Bàn tay ông (lạnh và ram ráp như bột) siết chặt tay tôi. “Ta không gặp cháu từ hồi cháu còn nhỏ xíu. Giờ cháu đã lớn phổng lên rồi.”

“Nhưng cháu là Theo mà,” tôi nói, sau một giây lúng túng.

"Tất nhiên rồi.” Ánh mắt cũng như bàn tay ông nắm lấy tay tôi, chăm chú và nhân từ. “Và các cháu đã lựa chọn không thể tốt hơn, ta đoan chắc đấy. Bản Mozart trội hơn hẳn bản Gluck, không phải sao?

Tôi không biết đáp lại thế nào.

“Với hai cháu thì sẽ dễ hơn. Bọn trẻ các cháu đi diễn thử bị đối xử khắc nghiệt quá...” Lại ho. Máu dính môi, đặc và đỏ. “Chẳng được cho cơ hội lần hai.”

“Ông này... ” Cảm thấy không phải nếu cứ để ông tưởng tôi là người khác.

“Ôi, nhưng mà các cháu chơi hay quá đỗi, cháu yêu ạ, cả hai đứa. Cung Sol trưởng ấy. Nó cứ vang mãi trong đầu ta. Nhẹ như mơ, chạm rồi buông...”

Ngâm nga vài nốt không rõ. Một bài hát. Đấy là một bài hát.

“... và chắc ta đã kể rồi phải không, chuyện ta học dương cầm ấy, ở nhà bà già người Armenia? Có con thằn lằn xanh sống trên cây cọ, xanh như giọt kẹo, ta thích ngắm tim nó... thoắt hiện trên bệ cửa sổ... ánh sáng thần tiên trong vườn... *dupays saind*[26]... đi bộ hai mươi phút mà như hàng dặm.. .”

Trong phút chốc, tôi cảm thấy rõ nhận thức của ông đang vuột khỏi mình, càng lúc càng trôi xa như chiếc lá trong lòng suối. Rồi nó lại dạt về và ông lại bên tôi.

“Mà cháu kìa! Giờ cháu mấy tuổi rồi?”

“Mười ba ạ.”

“Học Trường Lycée Français hả?”

“Không, cháu đi học bên bờ Tây.”

“Thì cũng tốt thôi, ta nghĩ thế. Hàng bao nhiêu giờ tiếng Pháp! Ngồi gạo từ vựng thật quá khổ cho học sinh. *Nom etpronom*[27], loài rồi lại ngành. Chẳng qua là một lối sưu tầm sâu bọ.”

“Ông nói gì ạ?”

“Ở quán Groppi lúc nào người ta cũng nói tiếng Pháp. Nhớ Groppi chứ? Ô sọc và kem hạt dẻ cười?”

Ô *sọc*. Khó mà tập trung suy nghĩ nổi khi đầu tôi đang nhức như búa bổ thế này. Tôi đưa mắt qua vết xẻ dài trên da đầu ông, máu bết đen xì, như một vết rìu chém. Càng lúc tôi càng nhận ra có những khối hình kinh khủng rất giống người đổ sụm giữa

cảnh tan hoang, những khối mờ tối không thấy rõ, hình như đang lẳng lặng áp sát lại khắp quanh tôi, bóng tối tràn lan giữa những thân mình búp bê vải nhưng là thứ bóng tối có thể nâng người ta lên cuốn trôi đi, giữa cõi ngủ mê, sóng đuôi tàu sủi bọt rồi lặn mất vào đại dương lạnh căm đen thẳm.

Bỗng nhiên có việc gì đó không ổn. Ông như bừng tỉnh, lắc lấy lắc để tôi. Bàn tay vỗ vỗ. Ông cần gì đó. Ông cố bẩy người lên, hít vào thật sâu khiến gió huýt trên mũi.

“Sao vậy ạ?” Tôi rùng mình tỉnh lại. Ông đang thở gấp, cuống quýt, giật giật tay tôi. Sợ hãi, tôi ngồi phắt dậy nhìn tứ bề, chờ đợi thấy mối nguy hiểm mới đang ập tới; dây điện đứt, lửa bùng lên, trần nhà sắp sập.

Chộp tay tôi. Siết rất đau. “Đừng để đây,” ông cố gắng thốt lên.

“Cái gì cơ?”

“Đừng để lại. Đừng.” Ông đang nhìn ra đằng sau tôi, cố sức chỉ vào thứ gì đó. “Mang nó đi khỏi đây.”

Xin nằm xuống đi...

“Không! Không được để chúng thấy!” Ông đang hoảng hốt, bấu rất chặt cánh tay tôi tìm cách đu người dậy. “Chúng nó đã lấy trộm hết thảm rồi, chúng nó sẽ mang ra nhà kho hải quan...”

Lúc đó tôi nhận ra ông đang chỉ một mảnh ván chữ nhật bụi bặm gần như khuất hẳn giữa đống xà dầm gẫy và rác rưởi, nhỏ hơn cả cái máy tính xách tay của tôi ở nhà.

“Cái đó à?” Tôi hỏi và ghé nhìn gần hơn. Trên bề mặt lấm tấm những giọt sáp chảy, dán bừa những nhãn lở rách ngang dọc. "Ông muốn cái đó à?”

“Xin cháu.” Mắt nhắm nghiền. Ông đang ho khổ sở đến nỗi

không nói nổi.

Tôi thò tay, cầm mép tấm ván lôi nó lên. Nhìn thì nhỏ mà cầm nặng không ngờ. Một góc mảnh ván còn bám mẩu khung gãy dài nhọn.

Lấy ống tay áo quệt bụi trên bề mặt. Chú chim vàng nhỏ xíu, lờ mờ hiện ra dưới lớp bụi trắng. Thực ra là *Giờ học giải phẫu* cũng ở trong cuốn đó, nhưng nó làm mẹ sợ phát khiếp.

Vâng, tôi ngái ngủ đáp. Tôi quay lại, vẫn cầm bức tranh, định chìa cho mẹ xem, rồi nhận ra mẹ không đứng đấy.

Hoặc đúng hơn - mẹ vừa ở đấy mà lại không ở đấy. Một phần của mẹ ở đấy, nhưng nó vô hình. Phần vô hình mới là phần quan trọng. Điều này tôi chưa bao giờ hiểu ra trước đây. Nhưng khi định nói to câu ấy, lời lẽ dính vào nhau và, giật thột như bị dội nước lạnh, tôi nhận ra rằng mình đã nhầm. Cả hai phần phải ở chung với nhau. Không thể có phần này mà thiếu phần kia được.

Tôi quệt cánh tay qua trán, chớp mắt cho bụi bặm rơi ra và vận toàn lực, như nâng đôi tạ nặng quá sức, cố lôi tâm trí trở lại. Mẹ đâu rồi? Mới một khắc trước còn có ba người ở đây và trong đó - tôi biết chắc - một người là mẹ. Nhưng giờ thì chỉ còn hai.

Sau lưng tôi, ông già lại ho hắng và run lên bần bật kích động, gắng sức nói. Tôi ngoảnh lại tìm cách chìa bức tranh cho ông. “Của ông này,” tôi nói, rồi quay sang nói với mẹ - ở vị trí hình như mẹ vừa đứng - “Đợi một lát con quay lại ngay.”

Nhưng không phải ông cần bức tranh. Bứt rứt, ông đẩy nó lại phía tôi, miệng lắp bắp gì không rõ. Nửa bên phải đầu ông đẫm máu đã quánh đến nỗi tôi không nhìn ra đâu là tai nữa.

“Gì ạ?” tôi nói, đầu óc còn luẩn quẩn nghĩ về mẹ - mẹ đâu rồi? “Ông bảo gì cơ?”

“Cầm lấy.”

“Thế này nhé, cháu sẽ quay lại sau. Cháu còn phải…” Tôi không nói được, khó nói thành lời, nhưng mẹ muốn tôi về nhà, ngay bây giờ, tôi phải chờ mẹ ở nhà, đấy là điều mẹ đã nói rất rõ.

“Đem nó đi!” Ấn vào tay tôi. “Đi đi!” Ông đang cố ngồi dậy. Mắt ông sáng quắc điên dại, vẻ kích động làm tôi phát hoảng. “Chúng nó lấy hết bóng đèn, chúng nó đập nát nửa số nhà trên phố rồi…”

Một giọt máu lăn dọc cằm ông.

“Xin ông,” tôi nói, khua tay vội mà sợ không dám chạm vào ông. “Xin ông nằm xuống cho…”

Ông lắc đầu, cố tìm cách nói gì nữa, nhưng chỉ gập người ho thêm một tràng dài nghe ướt và thê thảm. Khi ông chùi tay lau miệng, một dải máu đỏ tươi hiện trên mu bàn tay.

“Có. người đang đến đấy.” Không biết tôi, có thật sự tin điều ấy không, cũng không biết nên nói gì khác.

Ông nhìn thẳng vào mặt tôi, kiếm tìm tín hiệu rằng tôi đã hiểu, rồi khi thất vọng lại cào cấu mặt đất tìm cách ngồi lên.

“Cháy,” ông nói, tiếng nước lọt khọc trong họng. “Biệt thự ở Ma’adi[28] *On a tout perdu*[29]”

Ông lại ho lên một chặp. Bọt bong bóng sùi qua mũi ông, đỏ thắm. Ở giữa cảnh phi thực ấy, những chồng đá chôn người, những cột trụ tan tành, tôi có cảm giác như trong mơ, như thể mình đã phụ lòng ông, như thể đã vụng về và xuẩn ngốc mà làm hỏng một nhiệm vụ cốt tử giao cho mình trong cổ tích. Giữa cảnh gạch đá tan hoang không nhìn thấy dấu hiệu nào là có cháy, nhưng tôi vẫn bò lại đó, bỏ bức tranh vào túi, cốt sao cho ông khỏi nhìn thấy nữa để đừng sốt ruột.

“Ông đừng lo,” tôi an ủi. “Cháu sẽ…”

Ông đã dịu lại rồi. Ông đặt tay lên cổ tay tôi, đôi mắt sáng và kiên định, dường như có luồng hơi mát lạnh bất cần lý trí phả vào tôi. Tôi đã làm đúng việc cần làm rồi. Mọi thứ sẽ ổn cả.

Tôi còn đang tắm trong niềm khoan khoái từ ý nghĩ này thì ông lại siết tay tôi vỗ về, như nghe thấy tôi nói lớn thành tiếng. Chúng ta sẽ thoát khỏi đây thôi, ông bảo vậy.

“Cháu biết.”

“Lấy giấy báo bọc lại rồi cất tận cùng đáy rương ấy, cháu ạ, Cùng mấy món kỷ vật kia.”

Nhẹ người thấy ông đã bình tâm, mệt lả vì trận nhức đầu, ký ức về mẹ đã nhòa như cánh bướm đêm run rẩy, tôi thả mình ngồi xuống cạnh ông rồi nhắm mắt, cảm thấy an toàn và bình yên lạ lùng. Mơ màng và lơ đãng. Ông thì thào nói như mê sảng: những cái tên ngoại quốc, những món tiền và con số, vài từ tiếng Pháp nhưng chủ yếu là tiếng Anh. Có người sắp đến xem đồ đạc đấy. Abdou sẽ bị mắng vì ném đá cho mà xem. Không hiểu sao tất cả đều hợp lý và tôi thấy khu vườn rợp cọ cùng cỗ dương cầm và con thằn lằn xanh đậu thân cây, rõ như đang lật các trang cuốn sách ảnh gia đình.

Cháu về một mình có sao không, hở cháu? Tôi nhớ ông có hỏi vào một lúc nào đấy.

“Tất nhiên là không sao rồi ông.” Tôi đang nằm trên sàn cạnh ông, đầu đặt ngang tầm lồng ngực già mảnh khảnh, khiến tôi nghe rõ từng ngắc ngứ khò khè trong tiếng thở. “Hôm nào cháu cũng đi tàu một mình.”

“Vậy cháu vừa nói giờ cháu sống ở đâu nhỉ?” Bàn tay ông đặt

trên đầu tôi, rất hiền từ, như người ta đặt tay lên đầu chú chó cưng.

“Phố 57 Đông ạ."

“À phải! Gần Le Veau d’Or?”

“Vâng, cách vài khối nhà ạ.” Le Veau d’Or là một nhà hàng mẹ rất thích đi, thời chúng tôi có tiền ấy. Lần đầu tiên trong đời tôi ăn ốc là ở đấy, cũng như ngụm Marc de Bourgogne đầu tiên uống từ ly của mẹ.

“Ở phía Công viên à?”

“Không, ở phía sông ạ.”

“Cũng gần mà cháu. Bánh meringue và trứng cá. Lần đầu nhìn thấy thành phố này ta mê nó biết mấy! Nhưng cũng không giống nhau, phải không? Ta nhớ nó khủng khiếp, cháu nhớ không? Cái ban công, với...”

“Khu vườn.” Tôi quay lại nhìn ông. Mùi nước hoa và tiếng nhạc. Giữa cái đầm lầy rối tung trong đầu, tôi bắt đầu có cảm giác ông là một người bạn thân hay họ hàng tôi đã lãng quên, một người bà con bên mẹ vắng mặt đã lâu...

“Ồ, còn mẹ cháu nữa chứ! Thật đáng yêu! Ta chẳng bao giờ quên lần đầu mẹ cháu ghé qua nhà chơi. Thực là cô bé xinh xẻo nhất trên đời ta từng gặp.”

Làm sao ông biết tôi đang nghĩ đến mẹ? Tôi định hỏi, nhưng ông đã ngủ thiếp rồi. Mắt ông nhắm lại nhưng hơi thở nặng và dồn dập, như đang chạy trốn thứ gì đó.

Chính tôi cũng bắt đầu gà gật - tai ù ù, tiếng vo ve sâu thẳm với cái vị kim loại tanh tanh trong miệng như khi đi nhổ răng - và chắc hẳn tôi đã trượt vào rồi nằm lại trong vô thức nếu không

phải vì lúc nào đó ông đã lắc tôi, rất mạnh, khiến tôi kinh hoàng sực tỉnh. Ông đang lẩm bẩm gì đó, kéo kéo ngón tay trỏ. Ông đã tháo nhẫn, cái nhẫn vàng rất nặng với viên đá quý khắc hoa văn, và đang tìm cách ấn cho tôi.

"Thôi, cháu không cần đâu," tôi nói và tránh đi. "Ông làm thế để làm gì chứ?"

Nhưng ông vẫn ấn vào bàn tay tôi. Hơi thở ông ra bong bóng và rất kinh. "Hobart và BlackweII," ông nói, nghe như thể đang chết chìm từ trong ra. "Nhấn cái chuông xanh."

"Chuông xanh?" tôi nhắc lại, vẫn chưa hiểu lắm.

Đầu ông ngặt ra lăn lăn sang hai phía, mất định hướng, môi run rẩy.

Mắt đã lạc thần. Khi mắt ông lướt qua tôi mà không thấy, tôi rùng mình.

"Bảo Hobie chạy khỏi cửa hàng đi," giọng ông khản đặc.

Tôi không tin nổi mắt mình khi thấy dòng máu tươi ứa khỏi khóe miệng ông. Ông dứt dứt cà vạt làm nó tuột ra; "để cháu," tôi với tay định giúp, nhưng ông đập vào tay tôi xua đi.

"Cậu ấy phải đóng cửa rồi chạy ngay!" ông nói giọng khò khè. "Cha cậu ấy đang cử người đến đánh cậu đấy... "

Mất ông trợn lên, mi mắt chớp chớp. Rồi ông trùng mình, rũ xuống như không khí đã bị hút khỏi người xẹp lép, ba mươi giây, bốn mươi, như một đống quần áo cũ nhưng rồi - gắt đến nỗi tôi rúm người - ngực ông phồng lên khọt khẹt như ống bễ, giữa tiếng ho rền như trống phun ra vòi máu táp vào người tôi. Vận hết sức bình sinh, ông chống hai khuỷu tay nhỏm dậy - suốt khoảng ba mươi giây hoặc hơn ông thở hồng hộc như chó thở, ngực đập dồn

cuống quýt, phồng rồi xẹp, phồng rồi xẹp, mắt dán chặt vào thứ gì đó tôi không thấy và bàn tay mãi siết lấy tay tôi, như nghĩ nếu bám thật chắc ông sẽ thoát nạn.

“Ông có sao không?” tôi hỏi - rối rít, muốn khóc òa lên, “Ông nghe cháu nói không?”

Trong lúc ông đập tay vật vã - như con cá rời khỏi nước - tôi toan đỡ đầu ông dậy, hoặc cố tìm cách đỡ, loay hoay sợ làm ông đau, trong khi ông cứ bấu chặt tay tôi như thể đang lơ lửng bên rìa tòa cao ốc chực rơi. Mỗi hơi thở là một lần rướn lên sòng sọc đứt đoạn, một tảng đá lớn nai muốn đứt cơ mới nhấc lên được rồi lại lập tức đánh rơi. Có một lúc ông nhìn thẳng vào tôi, máu trào lên miệng, định nói gì nữa, nhưng lời lẽ chỉ thành một dòng bong bóng chạy xuống cằm.

Rồi - khiến tôi nhẹ cả người - ông dịu lại, lặng đi, bàn tay tóm tay tôi lỏng ta, tan chảy, hình như đang chìm, đang xoay tít, như đang cứ thế nằm ngửa mà bập bênh trôi ra xa tôi, trên dòng nước đưa đi. - Ông đỡ chưa? Tôi hỏi, và rồi...

Thật cẩn thận, tôi nhỏ ít nước vào miệng ông - môi ông động đậy, tôi thấy môi ông động đậy và rồi, quỳ gối, như cậu bé hầu trong câu chuyện, tôi lau bớt máu khỏi mặt ông bằng vuông khăn hoa thấy trong túi ông. Trong khi ông trôi dần - từng nấc từng vĩ độ, một cách không thương xót - vào lặng thinh, tôi đu người ngồi xổm dậy nhìn thật kỹ vào khuôn mặt vỡ nát.

“Ông ơi?”Tôi gọi.

Một bên mí mắt mỏng như giấy đang nhắm hờ khẽ giật, một bên chớp khẽ nổi gân xanh.

“Nếu ông nghe được cháu gọi thì bóp tay nhé.”

Nhưng bàn tay nằm trong tay tôi mềm nhũn. Tôi ngồi đó nhìn

ông, không biết phải làm gì. Đến lúc đi rồi, muộn lắm rồi - mẹ đã nói rất rõ rồi mà - nhưng tôi vẫn chưa nhìn ra lối nào rời khỏi nơi mình đang ở, và thực tế là không hiểu sao rất khó hình dung mình có thể ở chốn nào khác trên cõi đời - hình dung còn cõi đời nào khác, ngoài nơi đây. Cứ như tôi chưa bao giờ biết đến cuộc đời nào khác.

"Ông có nghe cháu gọi không?" Tôi hỏi lần cuối, ghé thật gần, áp sát tai vào cái miệng đầy máu. Nhưng chỉ thấy im lặng.

vi.

KHÔNG MUỐN LÀM PHIỀN, sợ nhỡ ông đang ngủ, tôi cố hết sức khẽ khàng đứng lên. Toàn thân đau như dần. Trong một khắc tôi đứng nhìn xuống ông, chùi tay vào áo đồng phục trường - máu ông thấm đẫm khắp người tôi, dính bết vào tay tôi - rồi nhìn khắp hoang địa đá sỏi mặt trăng, cố xác định phương hướng và nghĩ xem nhanh nhất là đường nào.

Sau một hồi chật vật, cuối cùng tôi cũng vào được chính giữa nơi ấy- hoặc có vẻ là vậy, tôi thấy một bên cửa đã bị chắn ngang bởi những mảng gạch đá vỡ chia ra, nên quay lại mở đường sang phía kia. Bên này, khung ngang trên cửa đã rụng, trút xuống một chồng gạch cao gần ngang đầu tôi, mở ra một khoảng không vẩn khói trên cùng đủ lao nguyên chiếc xe hơi xuyên qua. Tôi bắt đầu kỳ cạch trèo về phía đó - leo lên rồi lại vòng qua từng tảng xi măng lớn - nhưng chưa đi được mấy tôi đã nhận ra sẽ phải quay lại thôi. Có thể thấy lờ mờ ảnh lửa liếm trèn những bức tường từng là quầy lưu niệm của buổi triển lãm, lấp lóe rồi nhảy nhót trong bóng nhập nhòa, có những vết từ tận sâu nơi sàn nhà trước kia.

http://tieulun.hopto.org

Cánh cửa kia trông rất đáng ngại (thảm xốp lát sàn vấy đỏ; mũi giày đàn ông thò ra dưới chồng gạch vụn) nhưng ít nhất phần lớn những thứ rơi chặn cửa cũng không đặc lắm. Lảo đảo quay lại qua phòng, hụp người tránh dây điện nổ lách tách từ trên trần, tôi xốc cái túi qua vai và hít một hơi dài, nhào vào đống đổ nát.

Ngay lặp tức tôi muốn chết ngạt vì bụi khói Và vì mùi hóa chất rít gắt. Vừa ho vừa thầm cầu nguyện đừng có thêm dây điện đứt lòng thòng xuống nữa, tôi dò dẫm từng bước trong bóng tối trong lút đủ thứ mảnh vụn trút xuống rơi đầy mắt: gạch vụn, những mảng vữa, từng tảng từng cục có Chúa mới biết là gì.

Vật liệu xây nhà có thứ nhẹ, có thứ không. Tôi càng len lỏi vào được sâu thì xung quanh càng tối, lại càng nóng. Cứ chốc chốc lối đường trước mặt lại hẹp đi hoặc đột ngột bị chặn, trong tai thì rộ lên tiếng huyên náo tưng bừng không biết từ đâu sinh ra. Tôi phải ép mình lách qua những chỗ hẹp, lúc thì bước, lúc thì bò, giữa những xác người trong cảnh tàn phá mà tôi cảm thấy hơn là nhìn thấy, khi có vật gì nằng nặng mềm mềm dựng tóc gáy lún xuống dưới chân, nhưng còn tệ hơn nữa là cái mùi: mùi vải cháy, mùi tóc và thịt cháy và mùi tanh của máu tươi, đồng, thiếc, muối.

Hai bàn tay tôi đầy vết cắt, đầu gối cũng không khá hơn. Tôi thụp người luồn dưới thứ này hoặc đi vòng tránh thứ khác, vừa đi vừa lần sờ tìm đường, đánh hông dò theo mặt bên cái dầm hay xà dài gì đó tới khi nhận ra đã đến trước mặt một khối rất lớn rất đặc chắn ngang, có lẽ là tường. Rất khó khăn - chỗ này hẹp quá - tôi vòng người lại chực thò tay vào túi kiếm thứ chiếu sáng.

Tôi định lấy cái đèn pin móc chìa khóa - ở đáy túi, dưới bức tranh - nhưng mấy ngón tay lại chạm phải cái điện thoại. Tôi bật nó lên - và suýt lập tức đánh rơi, vì ánh sáng rọi cho tôi thấy một bàn tay người thò ra giữa hai tảng xi măng. Ngay giữa cơn kinh

hoàng tôi vẫn nhớ đã thầm tạ ơn trời đấy chỉ là một bàn tay, dù mấy ngón tay sưng vù, đen trũi như thịt tôi sẽ không bao giờ quên được; cho đến giờ đôi lúc tôi vẫn rùng mình lùi lại nếu trên đường phố có ông ăn mày nào phóng ra một bàn tay y hệt như vậy, sưng phồng, cáu bẩn quanh đầu móng tay đen xì.

Vẫn còn cái đèn pin- nhưng tôi muốn lấy điện thoại. Nó phả ánh lờ mờ khá yếu vào khoảng không tôi đang đứng, nhưng vừa lúc tôi đủ trấn tĩnh khom người xuống nhặt, màn hình lại tắt ngấm. Cái bóng xanh lè ma quái in trên võng mạc còn nhảy nhót trước mặt tôi giữa màn đen. Tôi quỳ xuống, bò loanh quanh trong bóng tối, đưa cả hai tay mò mẫm khắp đám đá nát và thủy tinh vụn, quyết phải tìm kỳ được mới thôi.

Tôi nghĩ là mình biết nó ở đâu, hoặc đại khái ở đâu, nên cứ tìm mãi, hẳn là lâu hơn cần thiết; mãi đến lúc định bỏ cuộc đứng dậy tôi mới nhận ra mình đã rúc vào một chỗ rất thấp không đủ vươn mình, dường như có mặt phẳng rất chắc ngay trên đầu tôi chỉ chừng tám phân. Xoay người không được, lùi lại cũng không xong, tôi đành cứ thế bò tới, hy vọng sẽ đến chỗ quang, và rồi chẳng mấy chốc đã nhích từng phân đau đớn, lòng tuyệt vọng chỉ muốn buông xuôi còn đầu thì ngoẹo sang một bên.

Hồi lên bốn, có lần tôi bị kẹt nửa người trong cái giường gấp ở nhà cũ trên Đại lộ 7, kể lại nghe có vẻ là một tai nạn nực cười nhưng lúc ấy thì không phải thế; tôi nghĩ chắc mình đã chết ngạt nếu không có Alameda, bà giúp việc nhà hồi đó, nghe thấy tiếng kêu cứu nghèn nghẹn đã chạy đến lôi tôi ra. Tìm cách xoay trở trong cải khoảng không thiếu khí này cũng không khác mấy, chỉ thấy tệ hơn: kính vỡ, kim loại nóng, mùi quần áo cháy xốc óc, đôi lúc thêm vật nào đó mềm mềm chịn vào người làm tôi phải cố không nghĩ xem là thứ gì. Trận mưa mảnh vụn vẫn tới tấp trút

xuống đầu không ngớt; cổ họng tôi đặc nghẹt bụi, nhưng đang ho sặc sụa, sắp hoảng vía mất trí đến nơi thì nhận ra đã nhìn thấy, dù mờ mịt, bề mặt nhám của đống gạch vỡ khắp quanh mình. Ánh sáng, thứ ánh sáng chỉ vừa đủ biết là có sáng, len vào hầu như không nhận ra từ bên trái, cách sàn chừng mười lăm phân.

Tôi hụp người thấp hơn nữa, nhận ra mình đang nhìn xuống mặt sàn đá mài tối lờ mờ của phòng trưng bày tầng dưới. Một đống đồ đồng trống có vẻ là trang thiết bị cứu hộ (dây thừng, rìu, cờ lê, bình khí thở in chữ CHNY) nằm tản mát trên sàn.

“Có ai không?” tôi gọi lớn - rồi chẳng chờ nghe trả lời, tụt xuống tìm cách luồn lách qua lỗ hổng càng nhanh càng tốt.

Lỗ hổng rất hẹp; chỉ cần thêm vài tuổi hay nặng thêm hai ba ký nữa chắc tôi đã không qua nổi. Giữa chừng, cái túi mắc phải gì đó, và trong một phút tôi đã tưởng mình sẽ phải bỏ của chạy lấy người, tranh hay không tranh cũng mặc, như con thằn lằn trút đuôi, nhưng ở cú giật cuối cùng nó cũng lọt qua cùng một trận mưa vữa rơi lả tả. Trên đầu tôi có cái rầm ngang, nhìn như thể nó đang đỡ lấy một đống vật liệu xây dựng rất nặng, giữa lúc lăn lộn luồn lách bên dưới tôi vẫn điếng người sợ lúc nào đó nó sẽ trượt xuống cắt đôi người tôi, tới khi nhận ra có ai đó đã lắp con đội chống nó lên.

Xuống đến nơi rồi, tôi lồm cồm bò dậy, bủn nhủn và choáng váng vì nhẹ nhõm. “Có ai không?” tôi lại gọi lớn, không hiểu vì sao thiết bị ở khắp nơi mà lính cứu hỏa lại chẳng thấy ai. Gian trưng bày rất tối nhưng hầu như không hư hại, những lớp khói mỏng như giấy càng lên cao càng đặc hơn, nhưng cũng nhận ra được vừa có luồng lực cực lớn quét qua đây nếu nhìn vào đèn đóm và những chiếc camera an ninh đang nằm phơi bụng lên trần nhà. Nỗi mừng rỡ vì được ra chỗ thoáng khiến phải một

phút sau tôi mới nhận ra sự lạ lùng rằng chỉ có duy nhất mình đang đứng giữa gian phòng đầy những người. Ai cũng đang nằm bẹp, ngoại trừ tôi

Phải có đến một tá người trên sàn nhà - không phải ai cũng còn nguyên vẹn. Trông họ như vừa bị ném xuống từ một độ cao cực lớn. Ba hay bốn thân mình được đắp tạm áo khoác lính cứu hỏa, chân thò ra ngoài. Một số khác phơi mình xoãi chân tay giữa thanh thiên bạch nhật, giữa những vết ám sau vụ nổ. Những vệt bẩn hình nước té hay hình sao chứa một vẻ hung bạo như những vết hắt hơi ra máu lớn, hình ảnh chuyển động điên loạn giữa cảnh tính tại. In đậm nhất trong trí nhớ tôi là một bà trung tuổi mặc áo sơ mi in hoa văn trứng Phục sinh Faberzhe lấm tấm máu, trong có vẻ vừa mua tức thì trong hàng lưu niệm. Đôi mắt kẻ viền đen đậm trơ trơ nhìn trần nhà; màu da rám nắng hẳn nhiên là rám nhân tạo, vì làn da vẫn ửng màu mơ chín khỏe khoắn dù nửa trên cái đầu đã bay mất.

Sơn dầu xỉn, vàng mạ đen. Bước từng bước dè dặt, tôi đi ra giữa căn phòng, người lắc lư vì hơi mất thăng bằng. Tôi nghe rõ tiếng thở chính mình thoát ra rồi lại đi vào khọt khẹt, cái âm thanh có vẻ cạn cợt bất thường, lại có vẻ nhẹ bẫng như ác mộng. Dù không muốn nhưng tôi vẫn phải nhìn. Một người gốc Á nhỏ nhắn, thảm hại trong chiếc áo gió nâu, nằm cuộn tròn trong vũng máu đọng lại. Một anh bảo vệ (cả người chỉ còn nhìn rõ mỗi bộ đồng phục, vì mặt đã cháy hết) cánh tay quặt sau lưng, chân chỉ còn là thanh củi còng queo kinh sợ.

Nhưng điều chính, điều quan trọng nhất: trong những người nằm giãi ở đây không có ai là mẹ. Tôi buộc mình kiểm tra tất cả, không chừa một ai, từng người một - kể cả không thể ép mình nhìn vào mặt họ, tôi cũng thuộc chân, thuộc quần áo, thuộc đôi

giày hai màu trắng đen của mẹ - và rất lâu sau khi đã có kết luận chắc chắn tôi còn bắt mình đứng đó hồi lâu, rúc sâu vào trong chính mình như con bồ câu rù nhắm nghiền mắt.

Gian trưng bày kế: thêm nhiều người chết nữa. Ba người tất cả. Một ông béo mặc áo gi lê Argyll; một bà lão người lở loét; một cô bé như chú vịt con trắng sữa, thái dương có vết trầy đỏ nhưng ngoài ra toàn thân lành lặn. Nhưng sau đó thì không còn ai. Tôi đi qua vài gian trưng bày đặt rải rác thiết bị cứu hộ, nhưng dù trên sàn có vết máu, lại không thấy người. Tới khi tôi đến gian có vẻ ở rất xa nơi mẹ đã vào, nơi mẹ đã trở lại, cái gian treo *Giờ học giải phẫu* - mắt nhắm nghiền, lòng cầu khẩn thật lực – vẫn chỉ thấy cáng với thiết bị cứu thương, và trong lúc tôi đi ngang phòng, trong sự im lặng đinh tai điếc óc, nhìn theo tôi chỉ còn hai ông Hà Lan ngơ ngác nãy vừa trố mắt nhìn tôi và mẹ từ trên tường: các người làm gì ở đó?

Rồi bỗng có thứ gì đó bùng nổ. Tôi còn không nhớ nguồn cơn ra sao nữa, chỉ biết mình đang ở một nơi khác hẳn và đang chạy, chạy mãi qua những căn phòng trống huơ hoác, ngoại trừ bầu khói lãng đãng khiến nội thất huy hoàng dường như nhẹ bẫng và không thực. Lúc trước các gian trưng bày đều có vẻ thẳng hàng ngay lối, một chuỗi ngoằn ngoèo nhưng logic những nhánh sông đổ về một đích chung là hàng lưu niệm. Nhưng lộn ngược lại từ đó, chạy rất nhanh theo chiều ngược lại, tôi nhận ra đường chẳng thể gọi là thẳng được: cứ chốc chốc tôi lại đâm vào tường trống hay rẽ vào những gian cụt. Cửa với lối đi chẳng hiện ra nơi tôi trông đợi; những bệ không có tượng phục kích tôi trong sương mù. Lúc đảo quá gấp qua một chỗ cua tôi suýt đâm thẳng vào một toán lính canh của Frans Hals; những anh chàng to con thô tháp má đỏ lựng, mắt giàn giụa nước do mải mê bia bọt, cứ như cảnh sát New York mở tiệc hóa trang. Lạnh lùng, họ nhìn tôi, cặp

mắt phán xét và giễu cợt chứng kiến tôi tỉnh ra, lùi lại, rồi cắm đầu chạy tiếp.

Ngay cả vào ngày đẹp trời cũng có lúc tội lạc đường trong bảo tàng (đi thơ thẩn trong các gian Nghệ thuật châu Đại Dương, toàn cột totem và thuyên độc mộc) và đôi khi phải tới hỏi nhân viên bảo vệ nhờ chỉ đường ra ngoài. Khu hội họa là đau đầu nhất, vì cứ chốc chốc người ta lại đổi cách bố trí; và càng chạy loanh quanh giữa các gian phòng vắng tanh trong bóng sáng chập chờn ma mị, tôi lại càng khiếp sợ. Tôi cứ nghĩ mình biết đường ra cầu thang chính, nhưng ngay khi vừa ra khỏi khu Triển lãm Đặc biệt thì xung quanh đã trở nên rất lạ lẫm, và thêm một hai phút nháo nhào chạy qua những góc đoán liều nữa tôi nhận ra mình đã lạc hẳn. Không hiểu thế nào tôi đã chạy vượt cả các bức danh tác Ý (rất nhiều ông Ki-tô trên thập giá, rất nhiều vị thánh sửng sốt, rất nhiều rắn và thiên thần giao chiến) để lọt vào nước Anh thế kỷ 18, cái phần bảo tàng tôi hiếm khi từng đến và không hề biết ở đâu. Những bức phối cảnh trang nhã dài hút mắt trải ra trước mặt tôi, những phòng rối rắm mê cung tạo cảm giác một biệt thự ma ám: những chúa đất đội tóc giả ngất ngưởng, những mỹ nhân lạnh lùng trên tranh của Gainsborough[30] kênh kiệu nhìn xuống thằng bé khốn khổ. Những gian bày tranh phối cảnh lâu đài là điên đầu nhất, vì chúng hình như chẳng dẫn ra cầu thang hay ra sảnh chính nào, mà chỉ dẫn tới những gian trưng bày tranh vẽ lâu đài y hệt như các bức kia; và khi suýt òa lên khóc thì tôi chợt thấy cánh cửa nhỏ lặn vào một bên tường phòng tranh.

Phải chú ý lắm mới thấy cánh cửa ấy: nó quét sơn tiệp màu với bức tường bao quanh, là thứ cửa mà trong hoàn cảnh thông thường có lẽ lúc nào cũng khóa. Tôi còn nhìn ra nổi là vì nó không đóng hẳn: cạnh bên trái không nằm khít trong tường, không rõ vì sơ ý hay vì cắt điện nên hệ thống khóa không làm

việc. Nhưng mở nó ra cũng không dễ - cửa bằng sắt rất nặng, tôi phải vận hết sức mà kéo. Thình lình, phụt ra tiếng hơi nho nhỏ, nó bật ra bất ngờ làm tôi loạng choạng,

Lách người qua cửa, tôi thấy mình đang đứng trong một hành lang tối ở khu văn phòng, ở đây trần thấp hơn nhiều. Đèn ắc quy cũng không sáng bằng trong phòng chính, mắt tôi phải điều tiết mất một lúc.

Hành lang này có vẻ dài đến hàng dặm. Sợ sệt, tôi lần theo, ngó vào trong những phòng cửa để ngỏ. *Cameron Geisler*, Giám đốc tiếp nhận. *Miyako Fujita*, Trợ lý giám đốc tiếp nhận. Các ngăn kéo bàn mở toang, ghế bị đẩy khỏi bàn. Giữa khung cửa một phòng, chiếc giày cao gót lẻ loi nằm nghiêng.

Khung cảnh hoang vắng ấy rùng rợn kinh người. Hình như đằng xa tôi nghe thấy tiếng xe cảnh sát hụ còi, có thế cả máy bộ đàm và tiếng chó nữa, nhưng tai vẫn còn ù đặc sau vụ nổ nên tôi tin chắc mình hoang tưởng đấy thôi. Tôi càng lúc càng khiếp hãi nhận ra mình chưa từng thấy một bóng lính cứu hỏa, cảnh sát hay bảo vệ nào - thực tế là không một bóng người còn sống.

Vào tới khu vực “Không nhiệm vụ miễn vào”, xung quanh không đủ tối để dùng chiếc đèn pin móc khóa, nhưng cũng không đủ sáng để tôi nhìn rõ. Đây hình như là khu vực kiểm kê hay chứa hàng nào đó. Mỗi phòng đều kê những tủ tài liệu cao chạm trần, là những kệ kim loại để khay nhựa đựng thư và thùng các-tông. Hành lang hẹp khiến tôi nhấp nhổm vì cảm giác bị nhốt, tiếng chân vang vọng làm một hai lần, thần hồn nát thần tính, tôi quay phắt lại xem có phải có kẻ đang chạy đuổi theo mình trên hành lang không.

“Có ai không?” Tôi thận trọng hỏi, ngó vào vài phòng trong số đi qua. Nhiều phòng trông mới toanh ít đồ đạc, số khác chật chội

bẩn thỉu, từng bó giấy tờ sách vở ngổn ngang.

Florens Klauner, Ban Nhạc cụ. Maurice Orabi-Roussel, Nghệ thuật Hồi giáo. Vittoria Gabetti, Hàng dệt. Tôi đi qua một căn phòng tối rộng thăm thẳm có chiếc bàn thợ dài giữa phòng, những vụn vải khác màu bày ra trên bàn như những miếng tranh xếp hình. Ở cuối phòng để lẫn lộn những giá trang phục có bánh xe, trên mắc cả mớ bao nhựa bọc quần áo, chẳng khác gì những giá để cạnh thang máy nhân viên ở hàng Bendel hay Bergdorf.

Tới một ngã ba tôi nhìn hết bên này đến bên kia, không biết phải rẽ sang phía nào. Tôi ngửi thấy mùi sáp đánh sàn, mùi dầu thông và hóa chất, mùi khói hăng. Các văn phòng và nhà xưởng trải dài vô tận về khắp các phía: một mạng lưới hình học khép kín, cố định, không bản sắc.

Phía bên trái tôi, ánh sáng lập lòe từ cỗ đèn trần. Nó kêu rì rì rồi ngưng lại, như bị nhiễu tĩnh điện, và trong ánh tỏa chập chờn, tôi thấy máy nước uống đặt cuối hành lang.

Tôi chạy bổ tới đó - nhanh đến nỗi hai bàn chân gần như trượt ra dưới thân mình - và nuốt ừng ực, mồm ấn vào vòi nước, quá nhiều nước lạnh, quá nhanh, làm cơn đau xói óc muốn xuyên thủng thái dương. Vừa nấc cụt, tôi vừa xả hết máu trên tay và té nước rửa đôi mắt xót. Những mảnh thủy tinh tí xíu gần như vò hình rơi lanh tanh xuống khay sắt dưới vòi nước, như những cây đinh bằng băng.

Tôi đứng dựa vào tường. Ánh đèn neon trên đầu - nhấp nháy, chớp bật chớp tắt - khiến tôi chao đảo. Vận sức, tôi lại bắt mình đứng thẳng; tôi đi tiếp, hơi lắc lư trong ánh chập chờn không yên. Đi về phía này khung cảnh có vẻ công nghiệp hơn rõ rệt: những giá kệ gỗ, chiếc xe đẩy hàng, khiến người ta nghĩ đến những vật phẩm đóng thùng được đưa đi, được trữ lại. Tôi lại đi qua một ngã

ba nữa, nơi một nhánh rẽ trơn trượt tối tăm đi hút vào bóng tối, và tôi vừa định bỏ qua nó mà đi tiếp thì thấy ánh đèn đỏ cuối đường ghi chữ LỐI RA.

Tôi trượt; tôi vấp phải chân mình ngã nhào; tôi lại đứng dậy, vẫn còn nấc, chạy theo hành lang vô tận. Tít cuối hành lang là cánh cửa có thanh sắt chắn ngang, như các cửa an ninh ở trường.

Cửa mở ra nghe kẹt một tiếng. Tôi chạy xuống cầu thang tối mờ, mười hai bậc, rẽ ở chiếu nghỉ, lại mười hai bậc nữa xuống dưới cùng, những ngón tay này trên tay vịn sắt, tiếng giày nện vang vọng xung quanh như cả tá người đang chạy cùng tôi. Chạy hết các bậc đến một hành lang xám tẻ ngắt, lại thêm một cánh cửa có thanh chắn nữa. Tôi lao cả người vào cửa, đẩy hai tay mở toang - và hứng trọn một mặt toàn mưa và tiếng còi rú điếc óc.

Tôi nghĩ chắc mình đã gào rất lớn, vì quá mừng thoát được ra ngoài, dù giữa tiếng ồn ấy chắc chẳng ai nghe thấy: như thể cố gào át tiếng máy bay xuống đường băng sân bay LaGuardia giữa trận mưa dông. Dường như tất thảy mọi xe cứu hỏa, xe cảnh sát, xe cứu thương và xe cứu hộ, các loại trong cả năm quận, cộng thêm Jersey, đều đang rền rĩ và sầm sập lượn quanh Đại lộ 5, một âm thanh đủ khiến bụng dạ mở cờ: cứ như pháo hoa mừng Năm mới, Giáng sinh và Quốc khánh cùng bắn tưng bừng một lúc.

Hành lang ấy đã ném tôi ra giữa Công viên Trung tâm, qua cánh cửa phụ bỏ không giữa khu nhận hàng và ga-ra xe. Những lối dạo cho người đi bộ vắng tanh giữa màu xanh xám đằng xa; những ngọn cây oằn xuống trắng lóa, vật vã trong gió. Đằng sau nữa, trên con phố ướt nhèm mưa, Đại lộ 5 đã bị chặn xe. Giữa dòng nước như trút, từ tận đây tôi chỉ vừa đủ thấy cảnh đại náo giữa ánh đèn sáng trưng: cần cẩu và xe lớn, cảnh sát dẹp đám đông lùi lại, đèn đỏ, đèn vàng, đèn xanh; pháo sáng nháng lên,

đảo tròn, rực rỡ trong cảnh hỗn loạn loang loáng.

Tôi giơ khuỷu tay chắn cho mưa khỏi chảy vào mặt, co cẳng chạy qua công viên không người. Nước mưa găm vào mắt tôi, nhỏ giọt xuống trán, hòa tan ánh đèn trên đại lộ thành vệt mờ thắc thỏm ở đằng xa.

Cảnh sát thành phố, Cứu hỏa thành phố, những xe lớn của chính quyền đang đỗ, cần gạt nước điên cuồng: đội Cảnh khuyển, Binh đoàn cứu hộ sở Cứu hỏa, đội rà phá bom mìn thành phố. Những áo mưa đen càng phồng lật phật trong gió. Một dải băng vàng ngăn hiện trường căng ngang cổng cổng viên, phía Cổng Thợ Mỏ. Không ngần ngại tôi nhắc dây, luồn qua bên dưới rồi chạy ra nhập vào đám đông.

Giữa quang cảnh rối bởi chẳng ai để ý tới tôi. Mất một lúc tôi chạy sấp ngửa trên đường, nước mưa vã trên mặt. Nhìn đâu cũng thấy lướt qua những hình ảnh kinh hoàng của chính mình. Người ta chụm lại rồi trào lên quanh tôi nháo nhào: cảnh sát, cứu hỏa, những người đội mũ bảo hộ, một ông già ôm khuỷu tay gãy và một bà mũi đổ máu cam được viên cảnh sát lơ đễnh xua về Phố 79.

Tôi chưa bao giờ thấy chừng ấy xe cứu hỏa tập trung vào một chỗ: Squad 18, Fighting 44, Ladder 7, Rescue 1, Ladder 4 – Niềm tự hào Khu Trung. Lách qua một biển xe đang đỗ và áo mưa đen công vụ, tôi liếc thấy một cỗ xe cứu thương Hatzolah: những chữ cái Hebrew viết sau đuôi, một phòng bệnh nhỏ sáng đèn thấp thoáng sau cửa xe mở. Nhân viên cứu thương đang lúi húi bên một người phụ nữ, tìm cách giữ bà ta nằm yên trong lúc người bệnh cựa quậy muốn ngồi lên. Một bàn tay nhăn nheo, móng đỏ chót khuơ khuơ vào không khí.

Tôi giơ nắm đấm đập cửa. “Các ông phải vào lại đi,” tôi hét.

“Vẫn còn nhiều người trong đó..

“Còn một quả bom nữa,” người hộ lý hét trả mà không thèm nhìn tôi. “Chúng tôi phải sơ tán.”

Trước khi não tôi kịp ghi nhận thông tin này, một gã cảnh sát khổng lồ đã bổ xuống tôi như đòn sấm: một gã não đặc mặt chó bun, tay lực lưỡng như lực sĩ cử tạ. Gã thô bạo chộp cẳng tay tôi, xua rồi đẩy tôi sang bên kia đường.

“Mày làm cái chó gì ở đây?” gã gầm lên, át hẳn tiếng tôi cự cãi trong lúc cố vùng thoát.

“Thưa ông...” Một bà mặt máu bê bết chạy lại, tìm cách khiến gã chú ý - “Thưa ông, hình như tay tôi bị gãy rồi..

“Tránh xa khỏi tòa nhà!” gã thét vào mặt bà ta, hất tay bà ra rồi quay sang tôi - “Cút!”

“Nhưng..”

Giơ cả hai tay gã xô mạnh đến nỗi tôi lảo đảo suýt ngã. “TRÁNH XA KHỎI TÒA NHÀ!” gã hét lớn, vung hai tay khiến vạt áo mưa lật lên. “XÉO NGAY!” Gã còn không buồn nhìn tôi; đôi mắt gấu nhỏ tí dán chặt vào thứ gì đó đang xảy ra tít trên đầu tôi, tận đầu phố, và vẻ mặt gã làm tôi thất kinh.

Vội vã, tôi luồn lách qua đám các nhân viên cứu hộ sang vỉa hè đối diện, ngay phía trên Phố 79 - vẫn không quên để mắt tìm mẹ, dù không thấy. Xe cứu thương và các loại xe bệnh viện ken đặc: Cấp cứu Beth Israel, Lenox Hill, dòng Trưởng lão New York, Cấp cứu EMS Cabrini. Một ông người đầy máu mặc vét nằm ngửa sau hàng thủy tùng cảnh, trong mảnh sân tí xíu sau hàng rào ngôi biệt thự Đại lộ 5. Một đoạn băng vàng đã chăng lên, quay cuồng lật phật trong gió - nhưng cảnh sát và cứu hỏa cùng mũ bảo hộ đẫm nước mưa cố nhấc dây lên chui qua chui lại như chẳng hề

bận tâm.

Mọi ánh mắt đều đổ dồn lên đầu phố, và phải mãi sau này tôi mới biết lý do: trên Phố 84 (xa quá tôi không nhìn thấy), đội cảnh sát mặc áo phòng hộ đang gỡ một quả bom chưa nổ bằng cách phun vòi rồng vào nó. Quyết phải nói chuyện bằng được với ai đó nhằm cố hiểu xem chuyện gì đã xảy ra, tôi tìm cách lách về phía một cỗ xe cứu thương nhưng cảnh sát đã lại xông qua đám đông, xua xua rồi vỗ tay, đẩy mọi người lùi lại.

Tôi túm được áo một lính cứu hỏa - một anh có vẻ trẻ và dễ gần, nhai kẹo cao su. "Trong đó vẫn còn có người!" tôi hét.

"Ờ, ờ, biết rồi," anh cứu hỏa hét lại, chẳng thèm nhìn tôi. "Chúng tôi được lệnh rút lui. Người ta bảo năm phút, năm phút nữa sẽ cho chúng tôi vào lại."

Bàn tay đẩy nhanh vào lưng. "Đi, đi!" tôi nghe ai đó hét.

Một giọng đặc sệt thô bạo: "Bỏ tay khỏi người tao!"

"ĐI NGAY! Tất cả mọi người đi ra!"

Lại có người khác đẩy lưng tôi. Lính cứu hỏa đu người trên thang xe, nhìn về phía đền Dendur; cảnh sát đứng vai kề vai căng thẳng, mặt không biểu cảm giữa làn mưa. Lảo đảo đi qua họ theo dòng người cuộn chảy, tôi thấy những cặp mắt mờ đi, những cái đầu gục gặc, những bàn chân vô thức gõ nhịp đếm thời gian.

Cho tới khi nghe thấy tiếng "đoàng" từ quả bom bị gỡ, và tiếng hoan hô ồm ồm như cả một sân cổ động viên bóng bầu dục dâng lên từ Đại lộ 5, tôi đã bị đẩy đi mãi xa về phía Đại lộ Madison. Cảnh sát - cảnh sát giao thông - đang khua tay lia lịa, đẩy lùi dòng người ngơ ngác. "Nào các ông các bà, đi đi, đi đi." Họ đi xuyên qua đám đông, vừa đi vừa vỗ tay. "Tất cả về phía đông. Tất cả về phía đông." Một gã cảnh sát - rất to con, để râu dê và xỏ khuyên, trông

như đô vật chuyên nghiệp - phóng tay xô một anh chàng giao hàng mặc áo phông có mũ đang tìm cách giơ điện thoại chụp ảnh, làm anh ta nhào vào tôi, suýt húc tôi ngã khuỵu

“Coi chừng!” anh chàng giao hàng thét lên the thé rất đáng ghét, và tay cảnh sát lại xô thêm cú nữa, lần này mạnh đến nỗi anh ta ngã ngửa vào cống.

“Ông trời con này điếc hả?” gã hét. “Đi ngay!”

“Không được động vào tôi!”

“Tao đập vỡ sọ mày thì được chứ?"

Giữa Đại lộ 5 và Madison đúng là một trại tâm thần. Tiếng quạt trực thăng phần phật trên đầu; tiếng nói không rõ trên loa cầm tay. Dù đã chặn xe cộ nhưng Phố 79 vẫn ken đẩy xe cảnh sát, xe cứu hỏa, những cục bê tông ngăn đường, và hàng dẫy người la hét, hoảng sợ, ướt nhẹp. Một vài người đang chạy từ Đại lộ 5 lại; vài người khác lại cố chen lấn xô đẩy về phía bảo tàng; nhiều người giơ cao điện thoại di động tìm cách chụp ảnh; số khác đứng lặng phắc, miệng há hốc, trong lúc đám đông dồn ứ xung quanh, nhìn đám khói đen trên nền trời mưa dông trùm lên Đại lộ 5 với ánh mắt như xem người sao Hỏa đổ bộ.

Tiếng còi báo động; những bụm khói trắng mọc ra từ rãnh thoát khí trên lề đường. Một người vô gia cư quấn chặt tâm chăn bẩn đi đi lại lại, trông vừa háo hức vừa ngơ ngác. Tôi ngó quanh hy vọng thấy mẹ trong đám đông, hoàn toàn tin tưởng chỉ chút nữa sẽ nhìn ra mẹ; mất một lúc tôi cố lội ngược dòng giữa đám người bị cảnh sát dồn đuổi (kiễng trên đầu ngón chân, ngóc cổ cố nhìn) cho tới khi nhận ra chẳng ích gì mà cố lách ngược lại, mà tìm mẹ giữa cơn mưa như trút, giữa đám bát nháo này. Mình sẽ đợi mẹ ở nhà vậy, tôi nghĩ. Nhà là nơi mẹ con tôi hẹn gặp nhau;

nhà là thỏa thuận cho tình huống khẩn cấp; chắc mẹ cũng đã nhận ra tìm tôi trong cảnh chen lấn bẹp ruột như vậy chỉ vô ích. Nhưng dù thế tôi vẫn thấy phật lòng một cách vô lý và nhỏ nhen, giữa lúc đi bộ về nhà (đầu đau muốn vỡ sọ, mắt nhìn một thành hai) tôi vẫn nhìn xung quanh tìm mẹ, khắp những khuôn mặt chăm chú vô danh bốn bể. Mẹ đã thoát được, đấy là điều quan trọng nhất. Mẹ đứng cách khu vực bị nổ nghiêm trọng nhất cả mấy gian cơ mà. Trong số xác người đâu có thấy mẹ. Nhưng dù chúng tôi đã thỏa thuận từ đầu, dù làm thế là việc hợp lý nhất, không hiểu sao tôi vẫn không tin nổi mẹ đã rời bảo tàng mà không có tôi.

http://tieulun.hopto.org

02
Giờ học giải phẫu.

HỒI CÒN BÉ, chừng bốn năm tuổi, điều tôi lo sợ nhất là một hôm nào đó có thể mẹ sẽ không về sau giờ làm. Toán cộng trừ chủ yếu chỉ dùng theo dõi mẹ từng bước chân (còn bao nhiêu phút mẹ sẽ rời công ty? Bao nhiêu phút nữa đi ra tàu điện?) và ngay từ trước khi biết đếm, tôi đã kỹ lưỡng học cách xem đồng hồ, khổ sở ngẫm ngợi cái vòng tròn thần bí vẽ bút sáp trên đĩa giấy, một khi đọc thủng sẽ là câu thần chú "Vừng ơi" mở cánh cửa bí ẩn về nề nếp đi về của mẹ. Thường lần nào mẹ cũng về nhà đúng giờ đã hẹn, nên chỉ cần muộn mười phút là tôi đã đi ra đi vào; muộn hơn nữa là tôi sẽ ngồi bệt trên sàn cạnh cửa ra vào, như con chó con bị bỏ rơi, căng tai chờ tiếng cành cạch khi cỗ thang máy lên đến nơi.

Gần như ngày nào hồi tiểu học tôi cũng nghe đủ thứ tin tức rất đáng ngại trên kênh 7. Nhỡ một ông lang thang mặc áo gió quân sự bẩn thỉu xô mẹ xuống đường ray chờ tàu số 6 thì sao? Hay là đẩy mẹ vào ô cửa tăm tối nhà nào đó, đâm phập con dao hòng giật cái túi xách của mẹ? Nhỡ mẹ đánh rơi máy sấy tóc vào bồn tắm, bị xe đạp đâm ngã ngay trước mũi ô tô, đi khám răng bị phát nhầm thuốc rồi ngộ độc chết - như từng xảy ra với mẹ một thằng bạn cùng lớp?

Tưởng tượng có chuyện gì xảy đến với mẹ lại tăng thêm phần kinh hãi bởi bố tôi thuộc loại rất khó trông cậy. Rất khó trông cậy là cách nói của những người khéo miệng, tôi nghĩ thế. Ngay cả lúc khoan khoái vui vẻ ông cũng vẫn hay đánh mất phiếu lương, hoặc ngủ quên để cửa căn hộ mở toang, vì ông là sâu rượu. Và khi

không vui - tức là hầu như lúc nào cũng vậy - mắt ông vằn đỏ, mặt lầm lầm, bộ vét nhàu nhò như thể ông đã mặc nguyên đồ lăn tròn trên sàn, và ông toát ra cái vẻ lặng phắc bất thường như một món đồ bị nén hơi sắp bùng nổ.

Dù tôi không hiểu duyên cớ nào làm cho ông u uất đến thế, nhưng điều này thì rõ: lỗi là ở chúng tôi. Mẹ và tôi làm ông khó chịu. Chỉ tại chúng tôi mà ông phải đeo bám thứ công việc ông không ngửi nổi. Mọi điều chúng tôi làm đều khiến ông cáu. Ông đặc biệt ghét phải ở cạnh tôi, dù cũng chẳng có mấy dịp: Sáng sáng, khi tôi sửa soạn đi học, ông ngồi cù rũ với đôi mắt sưng húp bên cốc cà phê, tờ *Wall Street Journal* trải rộng trước mặt, cái áo choàng tắm không buộc, tóc dựng đứng từng vệt bò liếm, đôi khi còn run tay đến mức khiến cà phê đổ sánh ra khi đưa cốc lên miệng. Đề phòng, ông nhìn tôi đang đi vào, cánh mũi phồng lên nếu tôi làm ồn khi dùng dao nĩa hay cái bát đựng ngũ cốc.

Ngoại trừ những buổi sáng gượng gạo này thì tôi chẳng mấy khi thấy ông. Ông không ăn tối ở nhà, không đến dự hội hè ở trường; ông chẳng chơi với tôi cũng chẳng nói chuyện gì nhiều khi về nhà; mà thực tế là ông hầu như chỉ về nhà vào cái giờ tôi đã lên giường ngủ; lại có những ngày - chủ yếu là ngày nhận lương, hai tháng một lần vào thứ Sáu - mãi đến ba bốn giờ sáng mới nghe loảng xoảng tiếng ông về: cửa đập sầm, cặp táp rơi đánh xoạch, va đụng tứ tung hết chỗ này đến chỗ khác đến mức nhiều đêm tôi bật dậy kinh hoàng, nhìn chăm chăm lũ trăng sao dạ quang dán trên trần lo có phải kẻ sát nhân nào vừa đột nhập vào căn hộ không. Cũng may là lúc say rồi, bước chân ông chậm lại thành một nhịp điệu giật cục không lẫn vào đâu được - bước chân Frankenstein, tôi thường nghĩ vậy, cẩn thận nện xuống, mỗi bước chân cách nhau lâu đến vô cùng - và lúc nhận ra kẻ va vấp trong bóng tối chỉ là ông, chứ không phải tên sát nhân hàng loạt

hay kẻ tâm thần phân liệt nào, tôi sẽ lại thiếp đi chập chờn trong giấc ngủ. Đến hôm sau, ngày thứ Bảy, mẹ và tôi sẽ kiếm cớ chuồn ra khỏi cán hộ khi ông còn chưa kịp tỉnh giấc ngủ bê bối, sũng mồ hồi trên xô pha. Hoặc nếu không, cả ngày chúng tôi rón rén đi quanh nhà, sợ không dám đóng cửa quá mạnh hay động đến ông chút nào cả, còn ông ngồi trước tivi, mặt băng giá, tay cầm chai bia Tàu từ cửa hàng đồ ăn mang về, mắt mờ xỉn, xem thời sự hoặc thể thao nhưng để chế độ tắt tiếng.

Cũng vì thế cả mẹ lẫn tôi đều thấy chẳng việc gì phải cuống lên khi một sáng thứ Bảy tính dậy nhận ra đêm qua ông không về nhà. Mãi đến Chủ nhật chúng tôi mới bắt đầu lo ngại, mà cả lúc đó cũng không phải lo ngại như kiểu những người bình thường; khi đó đã bắt đầu mùa bóng chày giữa các trường trung học; có thể tin chắc ông có đặt cược cho trận nào đó, và chúng tôi nghĩ có lẽ ông đã nhảy xe buýt đến Atlantic City mà không báo về. Phải mãi đến hôm sau, khi cô Loretta là thư ký của ông gọi đến vì không thấy ông đến chỗ làm, chúng tôi mới mang máng thấy vấn đề nghiêm trọng. Mẹ gọi cho cảnh sát vì sợ ông bị cướp hay bị đâm chết khi uống say đi ra khỏi quán nào; mấy ngày tiếp theo, chúng tôi như ngồi trên lửa nóng lòng chờ nghe điện thoại hay người gõ cửa. Rồi đến gần cuối tuần, một mẩu thư sơ sài của bố tôi gửi đến (dấu bưu điện ở Newark, New Jersey), mấy dòng ngoằn ngoèo nét bút căng thẳng thông báo với chúng tôi ông đã bỏ đi để "bắt đầu cuộc đời mới" ở một nơi không nêu tên. Tôi còn nhớ lúc ấy đã ngẫm nghĩ cái chữ "cuộc đời mới", như thể nó sẽ tiết lộ chút gì nơi ông đã đi; vì sau khi tôi nhì nhèo năn nỉ quấy nhiễu mẹ suốt một tuần, cuối cùng mẹ cũng chịu thua và cho tôi xem thư ("hừ, được thôi," mẹ cam chịu nói khi mở ngăn kéo lấy nó ra, "mẹ cũng chẳng hiểu bố muốn mẹ bảo con ra sao nữa, thôi thì cứ để con nghe trực tiếp từ bố"). Thư viết trên giấy của một

quán trọ Doubletree gần sân bay. Tôi cứ nghĩ trong đó sẽ đầy những đầu mối giá trị cho biết nơi trú chân mới của bố, nhưng thay vào đó ấn tượng nhất chỉ là sự cụt ngủn (bốn năm dòng gì đó) và cái kiểu chữ liến thoắng bất cẩn mặc mẹ chúng mày, cứ như ông chỉ ngoáy vội trước khi chạy ra siêu thị.

Về nhiều mặt, bố tôi biến mất là cả một sự nhẹ nhõm. Đương nhiên tôi chẳng việc gì phải nhớ bố, và xem ra mẹ cũng không, dù trái lại chúng tôi rất buồn khi phải cho bà giúp việc Cinzia nghỉ vì không đủ tiền nuôi bà nữa (Cinzia đã khóc mùi và đòi được ở lại làm không công; nhưng mẹ đã tìm được cho bà chỗ làm bán thời gian cũng trong tòa nhà, ở nhà một cặp vợ chồng có con nhỏ; chừng tuần một lần bà lại ghé qua làm tách cà phê với mẹ, còn nguyên cái choàng bảo hộ bên ngoài quần áo khi lau dọn.) Tấm ảnh bố tôi còn trẻ, da rám nắng đứng trên đỉnh dốc trượt tuyết lẳng lặng biến mất khỏi tường, thay vào đó là ảnh mẹ con tôi ở sân trượt băng Công viên Trung tâm. Đêm đêm mẹ thức khuya, bấm máy tính nhẩm chồng hóa đơn. Dù căn hộ thuê thuộc loại "bình ổn giá", sống mà bớt đi khoản lương của bố vẫn là cuộc bấp bênh qua ngày đoạn tháng, vì cái "cuộc đời mới" nào đó ổng đã tạo lập cho mình ở chốn nào đó hẳn nhiên không bao hàm khoản trợ cấp nuôi con. Về cơ bản, chúng tôi vui lòng tự giặt đồ dưới hầm, xem phim suất chiếu nửa giá, mua bánh mì nướng qua ngày và đồ ăn Tàu gọi về rẻ tiền (mì hay bánh trứng hấp), dành từng xu từng hào đi xe buýt. Nhưng trong lúc lệt xệt về đến nhà hôm ấy - vừa lạnh vừa ướt, vừa đau đầu muốn rơi cả răng - tôi chợt nhận ra rằng vắng bố, trên đời sẽ chẳng còn ai đặc biệt quan tâm lo lắng đến mẹ và tôi; chẳng còn ai đứng ngồi không yên tự hỏi chúng tôi mất tăm đâu cả sáng, sao vẫn chưa thấy có tin tức gì. Dù có ở đâu trong cái Cuộc Đời Mới đó (xứ nhiệt đới hay đồng cỏ, thị trấn trượt tuyết tí hon hay Đại Đô Thị Hoa Kỳ) thì hẳn ông

cũng đeo dính lấy màn hình tivi; cũng dễ hình dung có thể ông còn sốt sình sịch lên và quát tháo nữa, như vẫn hay làm khi nghe những tin tức động trời chẳng can hệ gì đến ông, lốc xoáy hay cầu sập: ở những bang chân trời góc biển nào chẳng hạn. Nhưng có lo đến mức nhấc điện thoại hỏi thăm chúng tôi không? Hẳn là không - cũng như ông sẽ chẳng quan tâm gọi hỏi han cái công ty cũ, dù chắc hẳn ông cũng nghĩ đến các cựu đồng nghiệp ở trung tâm, nghĩ không biết cái đám đó lọ nước mắm đếm củ dưa hành (như ông vẫn gọi những người cùng làm) đang làm ăn ra sao ở 101 Phố Công viên. Liệu đám thư ký có sợ mất vía, vơ hết ảnh chụp trên bàn rồi xỏ giày đi bộ về nhà? Hay là tầng mười bốn đã mở một thứ tiệc lặng lẽ, mọi người gọi bánh xăng-uých về rồi tụm quanh cái tivi trong phòng họp?

Dù đường về nhà dài đến cả tỉ năm, tôi chẳng còn nhớ gì về nó trừ cái vẻ xám lạnh ướp mưa trên Đại lộ Madison - những cái ô nhấp nhô, đám đông trên vỉa hè lầm lũi chạy về trung tâm, cảm giác vô danh của những người co cụm như trong những ảnh đen trắng cũ tôi từng thấy, chup những vụ ngân hàng phá sản hay xếp hàng chờ phát bánh mì trong thập niên 1930. Cái đầu nhức với màn mưa hùa nhau thu hẹp thế giới thành một vòng tròn tắc thở, khiến tôi chẳng thấy gì ngoài cái lưng cong gập của những người đi trước trên vỉa hè. Thực tế là đầu tôi đau đến nỗi hầu như chẳng thấy mình đang đi đâu nữa; một hai lần tôi còn suýt bị xe đụng khi xông xuống lối qua đường mà quên nhìn đèn. Hình như chẳng có ai biết đích xác đã có chuyện gì, dù lọt vào tai tôi mấy chữ "Triều Tiên" ông ổng từ loa một chiếc taxi đậu gần đó, và "Iran" với "al-Qaeda" lầm bầm trên miệng mấy người đi qua. Một cậu da đen gầy khẳng kheo để tóc tết, ướt như chuột lột đang đi đi lại lại trước bảo tàng Whitney, giơ nắm đấm dứ dứ lên trời và hét đổng: "Cài khóa an toàn vào, Manhattan! Osama bin Laden lại cho

chúng ta rung chuyển rồi!”

Đầu lả đi chỉ muốn ngồi xuống, nhưng không hiểu sao tôi vẫn khập khiễng đi tiếp được, bước chân cà nhắc như món đồ chơi bị trục trặc nửa phần. Cảnh sát huơ tay múa chân; cảnh sát huýt sáo rồi ngoắc tay. Nước rỉ xuống chóp mũi tôi. Chạy đi chạy lại trong đầu tôi, trong lúc chớp mắt gạt mưa, là ý nghĩ: mình phải về nhà với mẹ càng nhanh càng tốt. Chắc là mẹ đang rối rít cuống cuồng chờ tôi ở căn hộ; chắc mẹ đã bứt tóc bứt tai vì lo lắng, tự nguyền rủa mình sao lại tịch thu điện thoại của tôi. Ai cũng đang loay hoay không gọi điện được, người đi bộ xếp hàng dài cả chục, hai chục người ở vài trạm điện thoại công cộng trên đường. Mẹ ơi, tôi nghĩ, mẹ ơi, tìm cách bắn tin thần giao cách cảm rằng mình còn sống. Tôi muốn mẹ biết mình vẫn ổn, nhưng cùng lúc tôi cũng nhớ đã dặn lòng chỉ đi chứ không chạy, nếu không tôi sẽ ngất xíu khi còn chưa về đến nhà. Thật may mẹ đã bỏ đi chỉ vài phút trước đó! Mẹ đã bảo tôi đi thẳng vào giữa trung tâm vụ nổ; chắc hẳn mẹ nghĩ tôi chết rồi.

Và cứ nghĩ đến cô bé đã cứu mạng mình mắt tôi lại cay cay. Pippa! Cái tên kỹ quái và khô khan, rất thích hợp với một cô tiểu yêu ranh ma tóc đỏ. Mỗi lần nhớ đến ánh mắt cổ nhìn mình, tôi lại thấy chóng mặt vì ý nghĩ chính cô, một người hoàn toàn lạ mặt, đã cứu tôi khỏi khu triển lãm mà bước vào ánh chớp đen trong cửa hang bưu thiếp, vào hư vô, vào tận cùng của mọi sự. Liệu tôi có cơ hội nào cho cô biết cô đã cứu mạng tôi không? Còn ông già nữa: đám cứu hỏa và cứu hộ đã tràn khỏi tòa nhà chỉ vài phút sau khi tôi ra, tôi vẫn hy vọng có ai đã lộn trở lại cứu ông ấy - cửa đã được nậy, họ biết có ổng ở trong mà. Liệu tôi, có còn cơ hội nào trông thấy một trong hai người bọn họ?

Khi rốt cuộc cũng về đến nhà, tôi đã lạnh tận xương tủy, đầu

nôn nao, đi loạng choạng. Nước chảy ròng từ trên quần áo ướt lướt thướt, ngoằn ngoèo sau lưng thành một đường zigzag ngang sàn sảnh vào.

Vừa đi qua đám đông trên phố, cảnh cô quạnh ở đây khiến tôi rùng mình. Mặc dù trong phòng kho cái tivi xách tay vẫn bật, và đâu đó trong tòa nhà máy bộ đàm đang léo nhéo, tôi chẳng thấy chú Golden cũng như Carlos hay Jose, hay bất cứ ai trong số bảo vệ quen.

Xa hơn nữa ở đằng trong, buồng thang máy để đèn đứng ngoác miệng chờ đợi, như chiếc tủ trên sân khấu ảo thuật chờ biến mất người. Những bánh răng bắt vào nhau rùng mình; từng cái một, những con số trang trí cũ màu ngọc trai nhấp nháy trôi qua trong lúc tôi lên tới tầng bảy. Bước vào hành lang tối mờ trước nhà mình, tôi nhẹ người đến phát khóc - vẫn sơn tường màu nâu lông chuột, vẫn cái mùi nước tẩy sàn bí bức như mọi khi.

Chìa khóa vặn xoành xoạch trong ổ. “Mẹ ơi?” Tôi gọi lớn và bước vào bóng mờ tối trong nhà: rèm kéo hết, rất tĩnh lặng.

Tiếng tủ lạnh rì rì trong lặng yên. Trời ạ, tôi nghĩ và giật nảy người, mẹ vẫn chưa về à?

“Mẹ?” Tôi lại gọi. Tim trĩu xuống, tôi đi thật nhanh qua hành lang giữa, rồi vào giữa phòng khách đứng bối rối.

Không có chìa khóa mẹ trên móc bên cửa, không có túi mẹ trên bàn. Chân giày ướt kêu lép nhép trong tĩnh lặng, tôi đi vào tận trong bếp - cũng không ra dáng bếp lắm, chỉ là hốc tường vừa đủ đặt cái lò hai vòng, quay ra lối thông gió. Ở đó có cốc cà phê của mẹ, bằng thủy tinh xanh lá, mua ở chợ đồ cũ, vành còn dấu son môi.

Tôi đứng tận mắt nhìn chiếc cốc chưa rửa, đáy còn một tấc cà

phê nguội, nghĩ xem phải làm gì. Tai tôi vẫn khi ù khi ong, đầu đau đến nỗi không tập trung nghĩ được: từng đợt sóng tối om dội vào mép trường nhìn của tôi. Tôi đã quá mải nghĩ xem mẹ sẽ lo lắng thế nào, mải cố về đến nhà cho mẹ biết mình vẫn ổn, đến nỗi còn chẳng hề nghĩ ra có thể chính mẹ lại không ở nhà.

Mỗi bước đi một nhăn mặt, tôi bước dọc hành lang tới phòng ngủ của bố mẹ: về cơ bản vẫn không thay đổi sau khi bố bỏ đi, nhưng có lắm đồ đạc hơn và có vẻ nữ tính hơn vì chỉ còn mình mẹ. Máy trả lời điện thoại trên bàn, bên cái giường ngổn ngang bừa bãi vẫn tối đen: không có tin nhắn.

Đứng giữa cửa, váng vất vì đau, tôi cố tập trung. Cảm giác chao đảo vì những chuyển động ban ngày chạy xuyên người, cứ như vừa ngồi quá lâu trong xe.

Việc gì trước phải làm trước: tìm điện thoại, kiểm tra tin nhắn. Có điều là tôi không biết điện thoại mình ở đâu. Mẹ đã tịch thu máy sau khi tôi bị đình chỉ học; mới tối qua khi mẹ tắm, tôi đã gọi vào số mình tìm thử, nhưng có vẻ mẹ đã tắt máy rồi.

Tôi nhớ mình đã vọc tay vào ngăn trên cùng tủ ngăn kéo của mẹ, đào bới qua một lũ khăn choàng tanh bành: hết lụa lại nhung, lại khăn thêu của người da đỏ.

Rồi vận hết sức mình (dù nó cũng không nặng lắm), tôi lôi cái ghế dài để cuối giường lại, trèo lên nhìn tầng tủ trên cùng. Sau đó tôi ngồi xuống thảm, người đờ đẫn, má áp vào chiếc ghế dài, ong ong như muốn điếc.

Có gì không ổn rồi. Tôi nhớ mình đã giật bắn người nhỏm dậy, thình lình tin chắc lò bếp đang hở gas và tôi đang hít đầy khí độc vào người. Nhưng không ngửi thấy mùi gì cả.

Cũng có thể tôi đã đi vào cái buồng tắm nhỏ thông với phòng

mẹ, tìm trong tủ thuốc xem có aspirin hay thuốc gì chữa đau đầu không - cái đó tôi không biết. Điều tôi biết là có một lúc tôi ở trong phòng mình mà không biết đã vào bằng cách nào, một tay chống tường đứng cạnh giường, cảm giác sắp nôn ọe. Và rồi mọi thứ rối tung lên chẳng phân tách rành mạch ra được nữa cho tới khi tôi ngồi bật dậy trên ghế xô pha phòng khách, ngơ ngác nhìn quanh khi nghe thấy âm thanh tựa như tiếng cửa mở.

Nhưng không phải cửa nhà tôi, là nhà khác trên hành lang. Phòng tối mò, tôi nghe tiếng xe cộ giờ chiều, giờ tắc đường dưới kia. Trong cảnh chạng vạng, tôi lặng phắc mất một hai giây đứng tim khi các âm thanh rời nhau ra, những đường nét quen thuộc dần hiện lên - cái đèn bàn, cái ghế tựa hình cây đàn lia - trên nền cửa sổ mở ra trời chiều. “Mẹ à?” Tôi nói, và nỗi hoảng sợ nghe mồn một trong giọng tôi.

Tôi đã thiếp ngủ mặc nguyên bộ đô ướt dính bụi cát; xô pha, cũng ẩm luôn rồi, hằn rõ vệt hình người dính nhớp chỗ tôi vừa nằm. Luồng gió lạnh ngắt khua lọc xọc mấy cái rèm sáo, hồi sáng mẹ để cửa ngỏ trước khi đi.

Mặt đồng hồ chỉ (6 giờ, 47 phút). Càng lúc càng sợ hãi, tôi bước cứng nhắc quanh nhà, bật sáng trưng các loại đèn - cả đèn trần phòng khách chẳng mấy khi bật vì nó sáng gắt nhức mắt quá.

Đứng giữa ô cửa vào phòng mẹ, tôi thấy ánh đèn đỏ nhấp nháy trong bóng tối. Cảm giác nhẹ nhõm tuyệt trần ập lên người, tôi phóng tới quanh giường, mò mẫm tìm nút trên máy trả lời tự động, và phải vài giây sau tôi mới nhận ra không, không phải giọng mẹ, chỉ là giọng một bà làm cùng chỗ mẹ, hớn hở đến phi lý. “Ê! Audrey, Pru nè, gọi điện hỏi thăm tí thôi. Ngày khốn nạn nhỉ? Nè, mấy bản in cuối của Pareja về rồi đó, lúc nào gặp nhau nói chuyện tí, nhưng hạn dời lại rồi nên không lo, chưa cần ngay

đâu. Hy vọng là nàng vẫn ổn, rảnh gọi lại nhé."

Tôi đứng sững, hồi lâu nhìn cái máy, cả khi nghe tiếng tít hết tin. Rồi tôi vén rèm cửa sổ, ngó xuống đường.

Đang là cái giờ ấy; giờ dân chúng về nhà. Tiếng còi xe thấp thoáng dưới phố. Đầu tôi vẫn nhức muốn vỡ toác ra, lại thêm thứ cảm giác (lúc ấy còn mới, nhưng đến giờ, không may thay, đã quá quen rồi) như vừa tỉnh dậy sau cơn rượu chè túy lúy, cảm giác có nhiều việc vô cùng quan trọng đã bỏ bẵng không làm.

Tôi quay lại phòng mẹ, bàn tay run rẩy bấm số di động của mẹ, luýnh quýnh bấm nhầm số, phải gọi lại từ đầu. Nhưng không thấy mẹ trả lời, chỉ thấy tiếng tổng đài. Tôi để lại lời nhắn (Mẹ ơi con đây, con lo quá, mẹ ở đâu?) rồi ngồi xuống giường mẹ, hai tay ôm lấy đầu.

Mùi nấu nướng từ mấy tầng dưới bắt đầu bay lên. Những giọng nói lí nhí không rõ từ mấy căn hộ bên cạnh: những tiếng thậm thịch không rõ nghĩa, ai đó đóng mở các loại tủ. Tối rồi, mọi người bắt đầu về nhà sau giờ làm, thả túi cặp xuống, vò đầu chó mèo và trẻ con, bật tivi nghe thời sự, chuẩn bị ngồi vào bàn ăn. Mẹ ở đâu? Tôi cố nghĩ ra mọi thứ lý do có thể khiến mẹ kẹt lại đâu đó, nhưng chẳng ra cái nào dù ai mà biết, có thể khúc đường nào đó bị chặn nên mẹ không về được. Nhưng nếu thế thì sao không gọi?

Hay mẹ đánh rơi điện thoại chăng? Tôi nghĩ. Hay bị hỏng rồi? Hay mẹ đưa cho ai đó cần hơn?

Vẻ tĩnh lặng trong căn hộ làm tôi sợ. Nước chảy khòng khọc trong đường ống, gió giật lách tách rèm sáo nghe rất hắc ám. Thấy mình chỉ ngồi vô tích sự trên giường, cảm thấy phải làm gì đó, tôi lại gọi, nói thêm một tin nhắn nữa, lần này không ngăn

được giọng run lên. Mẹ, con quên mất, con về nhà rồi. Mẹ gọi lại nhé, ngay khi được, OK? Rồi tôi gọi đến cả hộp thư thoại ở công ty mẹ nữa cho chắc ăn.

Cái lạnh chết chóc bắt đầu bò lan ra giữa ngực, tôi trở lại phòng khách. Đứng đó một lúc, tôi lại ra bảng tin trong bếp xem mẹ có nhắn gì không, dù đã biết rõ là không. Quay về phòng khách, tôi ghé mắt ra cửa sổ nhìn đường phố nườm nượp bên dưới. Hay mẹ đã chạy ù ra hàng thuốc hoặc quán ăn vì không muốn đánh thức tôi dậy? Một phần trong tôi chỉ muốn bỏ ra phố tìm mẹ, nhưng họa là điên mới nghĩ sẽ thấy mẹ giữa đám đông giờ cao điểm, thêm nữa nếu rời căn hộ, mẹ gọi về sẽ không gặp.

Đa quá giờ thay ca bảo vệ trực dưới nhà. Tôi gọi điện xuống, hy vọng gặp Carlos (người lớn tuổi nhất, oai vệ nhất trong số bảo vệ) hoặc Jose thì tốt nữa: đấy là anh người Dominica to con hớn hở mà tôi ưa nhất. Nhưng chẳng thấy ai trả lời, có đến hàng thiên niên kỷ sau mới thấy một giọng ngoại quốc nheo nhéo ngắc ngứ cất lên: “A lô?”

“Có chú Jose không ạ?”

“Không,” giọng kia nói. “Không. Gọi lại *xau* đi ”

Tôi đã nhận ra giọng cái anh châu Á có vẻ khiếp nhược, lúc nào cũng đeo kính bảo hộ và găng tay cao su, chuyên đánh bóng sàn và dọn rác cùng đủ thứ việc lặt vặt khác trong tòa nhà. Mấy, người bảo vệ (hình như cũng chẳng biết tên anh ta) chỉ gọi là “thằng mới”, rồi kêu ca ban quản lý sao lại đưa vào một tay tiếng Anh chẳng biết, tiếng Tây Ban Nha cũng không. Bất cứ chuyện gì xảy ra trong tòa nhà, họ cũng đổ tội cho anh ta: cái thằng mới lại không dọn tuyết trên lối đi cho tử tế, thằng mới không bỏ thư vào chỗ cần bỏ, không quét sân sạch như cần sạch.

“Gọi lại *xau* đi” Thằng Mới đang khấp khởi đề nghị.

“Không, chờ đã,” tôi nói khi anh ta định dập máy. “Cháu cần gặp ai đó”

Im lặng không hiểu.

“Xin chú, có ai ở đó không?” tôi nài nỉ. “Chuyện khẩn cấp lắm”

“OK,” giọng kia thận trọng đáp, nhưng vẫn có vẻ đợi nghe khiến tôi lại nhen hy vọng. Tôi nghe rõ tiếng thở ra hít vào trong lặng yên.

“Cháu là Theo Decker,” tôi nói. “Căn hộ 7C, cháu gặp chú dưới nhà nhiều lắm? Mẹ cháu vẫn chưa về nhà, cháu không biết phải làm gì.”

Im lặng dài và bối rối. “7,” anh ta lặp lại, cứ như cả câu chỉ hiểu mỗi phần đó.

“Mẹ cháu,” tôi nhắc lại. “Bác Carlos đâu? Không có ai khác ở đấy à?”

“Xin lỗi, *cốm on*?” anh ta cuống quýt nói rồi cúp máy.

Tôi cũng dập máy, kích động kinh khủng, rồi sau vài giây đứng hóa đá giữa phòng khách, liền ra bật tivi. Thành phố rối tung; cầu dẫn ra các quận ngoại ô đều đã bị chặn hết, chắc vì thế mà Carlos và Jose không vào đi làm được, nhưng tôi chẳng thấy có lý do nào mẹ lại bị kẹt ở ngoài. Trên màn hình hiện số điện thoại để gọi nếu có người mất tích. Tôi chép lại vào mẩu báo, tự thỏa thuận, nếu đúng ba mươi phút nữa chưa thấy mẹ về, sẽ gọi.

Chép lại số đó làm tôi thấy nhẹ nhõm hơn. Không hiểu sao tôi tin rằng bản thân việc ấy đã là hành vi thần kỳ đưa mẹ bước qua cửa vào nhà. Nhưng bốn mươi lăm phút đã qua, rồi một tiếng, vẫn chẳng thấy mẹ, rốt cuộc tôi cũng đầu hàng và nhấc máy gọi

(đi đi lại lại, mắt sốt ruột dán vào tivi suốt trong khoảng đợi bên kia nhấc máy, suốt trong khoảng mấy chờ, quảng cáo đệm giường, quảng cáo dàn loa, giao hàng nhanh miễn phí không xét điểm tín dụng). Cuối cùng cũng có một bà vẻ hoạt bát nhấc máy, giọng hết sức sự vụ. Bà ta hỏi tên mẹ, hỏi số của tôi, bảo mẹ "không có trong danh sách" nhưng tôi sẽ được báo ngay nếu thấy có tên mẹ xuất hiện. Mãi tới khi dập máy tôi mới nhận ra quên không hỏi thứ danh sách bà ta nói là danh sách gì; và mất một hồi lo lắng dằn vặt không biết là bao lâu, đi vòng vòng vật vã qua hết bốn căn phòng, mở ngăn kéo, nhặt sách lên rồi bỏ xuống, bật máy tính của mẹ xem Google ra được gì không (chẳng ra gì cả), tôi gọi lại hỏi.

"Bà ấy không có tên trong danh sách tử vong," người đàn bà thứ hai tôi gặp đáp, giọng thản nhiên đến kinh ngạc. "Cũng không có trong danh sách bị thương."

Trái tim tôi nở rộ "Vậy là mẹ cháu ổn phải không?"

"Ý tôi chỉ là chúng tôi chưa có thông tin gì cả. Cậu đã để lại số điện thoại chưa? Nếu cần chúng tôi sẽ gọi lại."

"Rồi", tôi nói, "họ đã bảo sẽ gọi lại cho tôi."

"Miễn phí giao và vận chuyển," tivi vẫn nói. "Hãy nhớ hỏi về chương trình miễn lãi sáu tháng của chúng tôi."

"Vậy chúc may mắn," bà kia nói rồi dập máy.

Sự tĩnh lặng trong căn hộ thật thiếu tự nhiên; ngay cả tiếng ồn ào phát ra từ tivi cũng không xua tan được. Hai mươi mốt người chết, "hàng chục người khác" bị thương. Tôi hoài công dùng mấy con số ấy trấn an mình: hai mươi mốt thì cũng không quá nhiều, phải không? Hai mươi mốt chỉ là một nhúm người trong rạp phim, thậm chí trên xe buýt. Lớp Ngữ văn của tôi còn đông hơn

con số đó ba người. Nhưng chẳng mấy chốc, nghi ngờ và lo sợ mới lại chen chúc quanh tôi, và phải khó khăn lắm tôi mới không chạy ào ra khỏi nhà hét gọi tên mẹ.

Dù cực kỳ muốn ra ngoài phố tìm mẹ, tôi cũng biết mình cần ở yên. Mẹ con tôi phải hẹn nhau ở căn hộ: đấy là thỏa thuận, là quy ước đã đúc thành sắt kể từ hồi tiểu học, hồi tôi mang từ trường về nhà cuốn Dự Phòng Thảm Họa Cho Trẻ Em, vẽ những chú kiến hoạt hình đeo khẩu trang phòng độc, thu vén đồ dự trữ cho một tai họa không định rõ. Tôi đã giải hết các ô chữ, các bảng câu hỏi tù mù ("Em nên bỏ loại quần áo nào vào Ba-lô Dự Phòng Thảm Họa? A. Đồ bơi. B. Đồ nhiều lớp. C. Váy nhảy Hawaii. D. Giấy nhôm.") và, cùng với mẹ, đã vẽ ra một Kế Hoạch Dự Phòng Thảm Họa Gia Đình. Kế hoạch ấy rất đơn giản: chúng tôi hẹn nhau tại nhà. Và nếu một trong hai người không về được đến nhà, thì sẽ gọi điện. Nhưng thời gian trôi đi mà điện thoại thì không đổ, và tổng số thiệt hại về nhân mạng trên bản tin lên đến hai mươi hai rồi hai mươi lăm người, và tôi lại gọi cho số điện thoại khẩn cấp.

"Phải," người đàn bà nhấc máy đáp, cái giọng điềm nhiên làm tôi muốn phát điên, "tôi thấy là cậu đã gọi đến đây rồi, tôi đã ghi tên bà ấy vào danh sách?

"Nhưng mà... có thể mẹ đang nằm bệnh viện hay gì đó chăng?"

"Cũng có thể. Nhưng rất tiếc là tôi không thể xác nhận điều đó được. Cậu nói tên cậu là gì nhỉ? Cậu có muốn nói chuyện với tư vấn viên của chúng tôi không?"

"Người ta đưa nạn nhân đến bệnh viện nào?"

"Xin lỗi, thực sự tôi không thể... "

"Beth Israel? Lenox Hill?"

"Vấn đề là, điều đó còn tùy thuộc tình trạng thương tích nữa.

Nhiều người bị tổn thương mắt, bị bỏng, đủ thứ. Khắp thành phố ngay lúc bây giờ đây có biết bao người đang phải phẫu thuật...”

“Còn những người vừa kết luận tử vong mấy phút trước thì sao?”

“Thế này, tôi rất hiểu, tôi cũng rất muốn giúp cậu, nhưng tiếc là không thấy Audrey Decker trong danh sách của tôi.”

Mắt tôi lo lắng phóng quanh phòng. Cuốn sách của mẹ Jane và Prudence, của Barbara Pym úp mặt trên lưng xô pha; một trong mấy chiếc áo len cashmere mỏng vắt trên tay ghế dựa. Mẹ có một bộ sưu tập đủ các màu; cái này màu lam nhạt.

“Có thể cậu nên đi xuống Kho Quân dụng xem. Ở đó người ta có sắp xếp chỗ nghỉ cho các gia đình - có đồ ăn, có rất nhiều cà phê nóng, có cả nhiều người để nói chuyện nữa.”

“Nhưng cháu đang hỏi cô, có người chết nào mà cô không biết tên không? Hoặc người bị thương nữa?”

“Thế này, tôi rất hiểu tâm trạng của cậu lúc này. Tôi thật sự, vô cùng muốn có thể giúp gì được cho cậu, nhưng mà tôi không thể. Cậu sẽ được gọi lại ngay khi chúng tôi có thông tin cụ thể.”

“Cháu cần tìm mẹ! Làm ơn đi! Chắc mẹ cháu đang nằm ở bệnh viện nào đó. Cô không thể gợi ý cháu nên tìm ở đâu được ư?”

“Cậu bao nhiêu tuổi?” người đàn bà nghi ngờ hỏi.

Im lặng kinh ngạc một lúc, rồi tôi dập máy. Mất vài giây choáng váng tôi nhìn điện thoại, thấy nhẹ lòng nhưng đồng thời cũng hối hận, cứ như vừa va vấp làm đổ vỡ vật gì. Lúc nhìn xuống thấy hai bàn tay run rẩy, tôi nhận ra, dửng dưng như thể nhận ra pin iPod đã cạn, rằng lâu lắm rồi mình không ăn gì. Cả đời trừ cái hồi bị nhiễm khuẩn dạ dày chưa bao giờ tôi nhịn đói lâu như thế.

Thế nên tôi ra tủ lạnh, tìm hộp giấy đựng mì xào hải sản thừa từ tối qua rồi ăn ngấu nghiến bên kệ bếp, yếu đuối phơi mình trước ánh chói lòa từ bóng đèn trên đầu. Vẫn còn cả trứng hấp và cơm, nhưng tôi để lại cho mẹ phòng trường hợp mẹ về đến nhà đang đói ngấu. Đã gần nửa đêm rồi: thêm chút nữa là các quán đồ ăn sẵn sẽ đóng cửa. Ăn xong tôi rửa nĩa cùng mấy món pha cà phê từ sáng, lau cả kệ bếp để mẹ không phải làm gì thêm khi về nhà: chắc mẹ sẽ vui lắm, tôi nghiêm khắc tự nhủ, khi thấy tôi đã lau kệ bếp. Mẹ cũng sẽ vui nữa (hoặc ít ra tôi nghĩ vậy) khi thấy tôi đã cứu được bức tranh của mẹ. Hoặc mẹ sẽ tức điên. Nhưng tôi sẽ giải thích.

Theo bản tin tivi, thì giờ người ta đã biết kẻ chịu trách nhiệm vụ nổ là ai: những nhóm mà bản tin khi thì gọi là "bọn cực đoan cánh hữu" khi lại gọi "bọn khủng bố nội sinh". Chúng đã cấu kết với một công ty chuyển đồ và lưu kho; nhờ những đồng phạm chưa biết tên trong nội bộ bảo tàng, chúng giấu chất nổ trong giá trưng bày rỗng thuê đóng ngoài, bày bưu thiếp và sách hội họa trong cửa hàng lưu niệm. Trong số những kẻ thủ ác vài tên đã chết, vài tên khác bị bắt giữ, số còn lại đã tẩu thoát. Một vài chi tiết được nói kỹ hơn, nhưng tôi không thể nạp hết vào đầu được.

Lúc này tôi đang loay hoay với cái ngăn kéo bếp bị kẹt, nó đã bị đóng quá mạnh đâm ra kẹt tư đời nào trước cả khi bố bỏ đi; ở trong chẳng có gì, chỉ có khuôn làm bánh quy với xiên nhúng hoa quả và bàn xắt chanh chẳng bao giờ đụng đến; Mẹ đã mất hơn cả năm cố tìm trong tòa nhà xem có ai chữa được ngăn kéo (lại thêm cả nắm đấm cửa hỏng, vòi nước rỉ và nửa tá những thứ lặt vặt dở hơi khác). Tôi lấy dao cắt bơ, thử bẩy mép ngăn kéo, cố không làm trầy thêm lớp sơn vốn đã sứt sẹo. Lực ép từ vụ nổ vẫn còn âm sâu trong cốt tủy, như vọng âm của tiếng ù ù trong tai nay đã lặn sâu vào trong; nhưng tệ hơn nữa là tôi vẫn còn ngửi thấy mùi máu,

nếm thấy vị mặn và tanh trong miệng. (Tôi sẽ còn ngửi thấy nhiều ngày nữa, dù lúc ấy còn chưa biết.)

Trong lúc kỳ cạch bên cái ngăn kéo, tôi nghĩ xem có nên gọi cho ai nữa không, mà nếu có thì là ai. Mẹ là con một. Và mặc dù chính ra tôi vẫn còn một cặp ông bà còn sống nữa - ông nội và vợ hai, ở Maryland - tôi cũng không biết làm sao để liên lạc với họ. Quan hệ giữa bố tôi và bà mẹ kế Dorothy chỉ vừa ở mức chịu nhìn mặt nhau, bà ta vốn là dân nhập cư Đông Đức chuyên dọn vệ sinh thuê cho các văn phòng trước khi gặp ông nội. (Vốn là một tay bắt chước cừ, bố tôi từng nhại Dorothy nực cười và ác độc hết sức: một thứ hausfrau [nội trợ] chạy pin, môi mím chặt, điệu bộ giật cục, giọng lơ lớ như Curt Jurgens trong *Battle of Britain*.[31]) Nhưng dù bố có không ưa Dorothy đến mấy, thì cũng không sánh được với nỗi thù hằn dành cho ông nội: một hình nhân vừa cao vừa béo, bộ dạng đáng sợ, má đỏ hồng, tóc đen nhánh (tôi nghĩ chắc là tóc nhuộm), ưa mặc jacket và đồ caro màu chóe, chủ trương yêu cho roi cho vọt bằng thắt lưng với trẻ con. Chẳng phải chuyện chơi là cụm từ chủ yếu hiện lên trong đầu khi tôi nghĩ đến ông nội Decker - ví như khi bố tôi bảo "Sống với lão khi đó chẳng phải chuyện chơi" hay "Giờ ăn tối ở nhà đó thật chẳng thể coi là chuyện chơi được đâu". Tôi mới giáp mặt ông nội với Dorothy có hai lần trong đời, hai dịp căng thẳng tột độ, mẹ chồm người về phía trước trên xô pha, mặc nguyên áo khoác, ví bỏ trong lòng, những nỗ lực dũng cảm gợi chuyện theo nhau ngắc ngứ rồi rơi tõm xuống đáy hố. Điều chính yếu tôi còn nhớ là những nụ cười gượng từ các phía, mùi thuốc lá hút tẩu gỗ anh đào nồng nặc và lời phủ dụ không quá thân mật của ông nội rằng nhớ rụt bộ móng khỉ khỏi mô hình tàu hỏa của ông (một cái làng núi cao Alps choán nguyên một phòng trong nhà họ, trị giá hàng vạn đô-la theo lời ông).

Tôi đã làm cong lưỡi dao phết bơ vì găm nó quá chặt vào thành ngăn kéo bị kẹt - Một trong bộ dao tốt của mẹ, bộ dao bạc của bà để lại ngày xưa. Kiên cường, tôi tìm cách uốn ngược trở lại, cắn môi và dồn toàn ý chí vào mục tiêu này, trong lúc các hình ảnh xấu xí lúc ban ngày chớp nhoáng dâng lên giáng vào mặt tôi từng cú. Cố tránh nghĩ về chuyện đó cũng không khác gì cố tránh nghĩ về con bò tía. Đầu chẳng nghĩ được chuyện gì khác ngoài con bò.

Bất đồ cái ngăn kéo bật mở. Tôi nhìn xuống đống hổ lốn ở trong: những cục pin gỉ, cái bàn bào phô mai gãy, khuôn bánh quy hình bông tuyết mẹ đã bỏ không dùng từ tận hồi tôi học lớp Một nhét chúng với những thực đơn đồ ăn mang đi lem nhem của Viand hay Shun Lee Palace và Delmonico. Tôi cứ để nguyên ngăn kéo mở toang - để mẹ sẽ nhìn thấy ngay khi bước vào - và lượn ra ghế bành, quấn mình trong chăn, ngồi thẳng lưng cho dễ quan sát cửa chính.

Đầu tôi đang quay mòng mòng. Một hồi lâu tôi ngồi run rẩy, chùi đôi mắt đỏ trong ánh sáng từ tivi, trong lúc những bóng xanh chập chờn khó chịu hết ra lại vào. "Thực tế là chẳng có tin mới gì; hình ảnh cứ trở lại bảo tàng ban đêm (giờ trông đã bình thường lại hoàn toàn, ngoại trừ cái băng cảnh sát, vàng vẫn còn căng trên hè phố, đằng trước các bảo vệ cầm súng, từng đám khói chốc chốc phụt lên trên mái tỏa vào bầu trời sáng đèn pha).

Mẹ ở đâu? Sao mẹ còn chưa về nhà? Hẳn là mẹ sẽ giải thích cặn kẽ; mẹ sẽ xua tan nỗi sợ của tôi rồi tôi sẽ thấy mình thật ngố vì đã lo lắng đến thế.

Để tạm gạt mẹ ra khỏi đầu, tôi tập trung thật lực vào đoạn phỏng vấn từ đầu buổi tối đang phát lại. Một ông giám tuyển đeo kính, mặc áo khoác vải tuýt có nơ con bướm, rõ là đang choáng váng - đang nói thật đáng xấu hổ là người ta không cho Các

chuyên gia vào trong bảo tàng; chăm sóc cho các tác phẩm nghệ thuật. “Phải” ông ta nói, “tôi biết đấy là hiện trường tội phạm, nhưng tranh rất nhạy cảm với các thay đổi trong không khí và nhiệt độ. Tranh có thể bị hỏng vì nước, hóa chất hay khói. Có thể chúng đang tan ra ngay giữa lúc chúng ta đứng đây mà cãi cọ. Điều cực kỳ quan trọng là để cho các giám tuyển và chuyên gia bảo tồn vào những khu vực quan trọng để đánh giá mức độ thiệt hại càng sớm càng tốt…”

Bỗng thình lình điện thoại réo vang - vang một cách bất thường, như tiếng chuông báo thức lay tôi khỏi giấc mộng đáng sợ nhất đời. Khó mà diễn tả nỗi cảm giác nhẹ nhõm trong tối lúc ấy. Tôi vấp, suýt ngã dập mặt xuống đất khi nhào tới chộp điện thoại. Tôi tin chắc đấy là mẹ gọi, nhưng dòng tên người gọi làm tôi ngưng phắt: SGĐTENY.

Sở gì đó tại New York - nhưng sở gì? Sau một giây bối rối, tôi cũng bốc điện thoại. “A lô?”

“A lô, xin chào,” một giọng nói dịu dàng như ru gần như mẹ mìn cất lên. “Xin hỏi tôi đang nói chuyện với ai đây?”

“Theodore Decker,” tôi nói, giật mình. “Ai gọi thế?”

“Chào cháu, Theodore. Cô là Marjorie Beth Weinberg, cô là nhân viên xã hội ở Sở Gia đình Trẻ em?”

“Đấy là chỗ nào? Cô gọi về chuyện mẹ cháu à?”

“Mẹ cháu là bà Audrey Decker? Đúng vậy không?”

“Mẹ cháu! Mẹ ở đâu? Mẹ có sao không?”

Im lặng hồi lâu - lâu đến kinh hoàng.

“Có chuyện gì?” tôi thét lên. “Mẹ cháu đâu?”

“Bố cháu có ở đấy không? Cho cô nói chuyện với bố cháu được không?”

“Bố cháu không nghe điện được. Có chuyện gì thế?”

“Cô xin lỗi, nhưng đây là chuyện khẩn cấp. Cô e rằng bố cháu nhất thiết phải tới nghe điện ngay bây giờ.”

“Thế mẹ cháu làm sao?” tôi hỏi và đứng dậy. “Xin cô! Chỉ cần nói cho cháu mẹ ở đâu thôi! Có chuyện gì thế?”

“Cháu không ở một mình chứ, Theodore? Có người lớn ở với cháu không?”

“Không, họ ra ngoài uống cà phê hết rồi,” tôi đáp, hoảng loạn nhìn quanh phòng khách. Giày ba-lê nằm nghiêng dưới ghế. Hoa đinh hương tím biếc trong chậu bọc giấy bạc.

“Cả bố cháu cũng đi à ?”

“Không, ngủ rồi. Mẹ cháu đâu ? Mẹ có bị sao không ? Có chuyện gì thế ?”

“Cô e rằng phải nhờ cháu đánh thức bố dậy thôi, Theodore à.” “Không ! Không được !”

“Cô e đây là chuyện rất quan trọng.”

“Bố cháu không nghe điện được! Sao cô không nói luôn với cháu là cô chuyện gì ?”

“Ờ, thế thì nếu bố cháu không nói được bây giờ, có lẽ tốt hơn cả là cô để lại số điện thoại cho cháu nhé.” Giọng nói trong tai tôi dịu dàng thông cảm, nhưng vẫn khiến tôi nhớ tới cỗ máy Hal trong Chuyến du hành không gian - 2001.[32] “Nhờ cháu nói với bố gọi lại cho cô ngay khi có thể. Đây quả thật là chuyện hết sức quan trọng”

Bỏ máy rồi, tôi ngồi lặng phắc hồi lâu. Theo đồng hồ trên mặt lò từ đây nhìn thấy, thì đã 2 giờ 45 phút sáng. Chưa bao giờ tôi ở một mình và lại thức vào cái giờ này. Phòng khách thông thường rộng mở thoáng khí biết mấy, tưng bừng vì sự có mặt của mẹ, giờ đã rúm lại lạnh lẽo, nhạt nhẽo và khó chịu, như một ngôi nhà nghỉ hè lúc đang đông: vải lụa mong manh, thảm lá thùa thô ráp, chụp đèn giấy mua ở Phố Tàu, ghế ngồi quá nhỏ và nhẹ bẫng. Đồ đạc đều có vẻ gầy gùa, đứng chông chênh vẻ lo âu dè dặt. Tôi cảm thấy tim mình đang đập, nghe thấy từng tiếng cạch, tiếng tích, tiếng xịt của tòa nhà lớn già nua đang lịm ngủ quanh mình. Ai cũng đang ngủ cả. Cả tiếng còi xe xa xăm và tiếng xoành xoạch của những cỗ xe tải thi thoảng chạy trên Phố 57 nghe cũng nhạt nhòa không đáng tin, có lẻ như âm thanh vọng đến từ một hành tinh khác.

Chẳng mấy nữa tôi biết, bầu trời đêm sẽ chuyển sang lam thẫm; những giọt ánh trời lạnh giá dịu dàng đầu tiên của tháng Tư sẽ lọt vào phòng. Xe chở rác sẽ gầm rú hầm hừ dọc đường cái; chim chóc mùa xuân sẽ véo von trong công viên; chuông báo thức sẽ lanh lảnh trong các phòng ngủ khắp thành phố. Những anh chàng đu sau đuôi xe tải sẽ vứt từng bọc dày cộp New York Times và Daily News rơi bộp trên các vỉa hè ngoài sạp báo. Các ông bố bà mẹ khắp thành phố sẽ lê dép quanh nhà, tóc chưa chải bù xù trên áo choàng tắm hay đồ lót, bật cà phê, cắm máy nướng bánh mì, đánh thức con cái dậy đi học.

Còn tôi sẽ làm gì? Một phần trong tôi đang bất động, câm lặng vì tuyệt vọng, như lũ chuột phòng thí nghiệm đã bỏ cuộc nằm xuống giữa mê cung đợi chết.

Tôi cố thu xếp ý nghĩ cho sáng sủa. Suốt một lúc tôi có cảm giác hình như nếu ngồi thật yên và đợi, có thể mọi việc sẽ tự tìm

cách dàn xếp xong xuôi. Những đồ vật trong căn hộ rung rinh trong cái nhọc mệt nơi tôi: các vầng sáng lập lòa quanh đèn bàn; những nét sọc giấy dán tường như run rẩy.

Tôi nhấc cuốn danh bạ, lại đặt xuống. Ý nghĩ gọi cảnh sát làm tôi kính khiếp. Mà cảnh sát thì làm được gì? Xem tivi, tôi đã biết quá rõ phải đợi người ta mất tích đủ hai mươi tư giờ đã. Tôi đang tự thuyết phục mình ra ngoài kia tìm mẹ, dù đang nửa đêm cũng vậy, thây kệ cái Kế Hoạch Dự Phòng Thảm Họa Gia Đình đi, thì một tiếng ré đinh tai (cái chuông cửa) phá tan tành im lặng và tim tôi nảy lên mừng rỡ.

Lê chân chạy nháo chạy nhào về phía cửa, tôi vụng về mở khóa. “Mẹ à?” tôi gọi to và kéo chốt trên cùng, mở cửa toang - rồi tim tôi rụng xuống, rơi vụt sáu tầng lầu. Đứng trên thảm chùi chân là hai kẻ cả đời tôi chưa nhìn thấy: một bà Hàn Quốc mũm mĩm cắt tóc ngắn lởm chởm, một ông có vẻ gốc La tinh mặc sơ mi thắt cà vạt trông giống hệt Luis trong *Sesame Street*. Trông họ không hề đáng sợ, mà trái lại; thân hình trung niên tròn xoe của họ còn toát ra vẻ trấn an, trong bộ quần áo như hai thầy cô giáo dạy kèm, nhưng dù vẻ mặt cả hai đều rất từ tâm, ngay giây lát nhìn thấy họ tôi đã hiểu cuộc đời mình vẫn sống từ trước đến nay đã kết thúc.

03
Đại lộ công viên

i.

HAI NHÂN VIÊN XÃ HỘI cho tôi ngồi băng sau một chiếc xe hơi hẹp rồi chở tới một quán ăn dưới trung tâm, gần chỗ họ làm, loại quán kiểu sang trọng hão, lấp lánh những mặt gương vát cạnh và những cỗ đèn trần rẻ tiền mua Phố Tàu. An tọa xong (cả hai ngồi một bên, đối diện tôi bên kia), họ rút giấy bút từ cặp táp, tìm cách ép tôi ăn chút gì trong lúc họ nhấp cà phê và hỏi han. Ngoài trời vẫn còn tối, thành phố mới bắt đầu thức dậy. Tôi không nhớ mình có khóc, cũng chẳng nhớ mình có ăn, dù sau từng ấy năm vẫn còn ngửi thấy mùi trứng bác họ gọi ra - cứ nghĩ đến cái đĩa chất đầy ự bốc khói nghi ngút ấy tôi lại quặn cả bụng.

Quán ăn vắng teo. Những cậu hầu bàn ngái ngủ đang mở từng hộp bánh vòng và muffin sau quầy. Một toán thiếu niên ủ rũ, có vẻ vừa đi đàn đúm về, ngồi túm tụm ở bàn gần đấy, chì kẻ mắt đã lem. Tôi còn nhớ mình đã nhìn sang họ nài nỉ đến tuyệt vọng - một cậu mặc áo đại cán tướp mồ hôi, một cô gái tóc nhuộm lai hồng bộ dạng phờ phạc - và sang cả một bà già, phấn son kín mặt, mặc chiếc áo lông quá ngốt so với thời tiết, ngồi một mình bên quầy ăn lát bánh táo.

Hai nhân viên xã hội - họ làm đủ trò hòng bắt tôi nhìn sang, chỉ thiếu có bật ngón tay vào mặt hay lắc người tôi - hình như cũng hiểu đầu óc tôi biểu tình không chịu tiếp nhận những điều họ đang cố truyền đạt. Cả hai thay nhau chồm người qua bàn,

http://tieulun.hopto.org

nhắc đi nhắc lại điều tôi không muốn nghe. Mẹ chết rồi. Gạch đá rơi xuống đã đập vào đầu mẹ. Mẹ chết tức khắc. Họ rất tiếc phải báo tin này với tôi, đấy thật là phần đáng ghét nhất trong công việc của họ, nhưng họ rất cần tôi nắm được tình hình. Mẹ chết rồi, còn xác mẹ thì ở bệnh viện New York. Tôi có hiểu không?

"Hiểu ạ," tôi nói sau hồi lâu lặng im khi nhận ra họ chờ mình lên tiếng. Cái chữ *chết* mà họ nhắc đi nhắc lại không thèm vòng tránh có vẻ tương phản kỳ quái với giọng nói điềm tĩnh, với bộ vét bằng sợi tổng hợp, với tiếng nhạc pop Tây Ban Nha trên đài và những biển hàng tươi hơn hớn sau quầy (*Sinh tố hoa quả tươi; Ăn kiêng mà vẫn ngon; Món mới: Hamburger Gà Tây!*).

"*Fritas?*" người bồi xuất hiện cạnh bàn chúng tôi, tay giơ cao một đĩa khoai tây chiên bự.

Cả hai người trước mặt tôi đều giật mình; người đàn ông (cháu cứ gọi chú bằng tên nhé: Enrique) nói mấy câu tiếng Tây Ban Nha và chỉ qua cách đó mấy bàn, nơi đám trẻ ăn chơi kia đang vẫy vẫy.

Ngồi thờ thẫn, mắt đỏ lựng, cái đĩa trứng bác trước mặt nguội đi nhanh chóng, tôi hầu như không để lọt đầu những khía cạnh thực tế của tình hình. Bên cạnh điều vừa xảy ra, những câu họ hỏi về bố tôi hình như lạc đề tột độ, đến nỗi tôi chẳng hiểu vì sao họ phải nằng nặc hỏi về ông.

"Thế lần gần nhất cháu gặp bố là bao giờ?" Bà người Hàn Quốc hỏi; bà ta đã vài lần yêu cầu tôi gọi bằng tên riêng (tôi đã moi óc cố nhớ là gì nhưng không được). Nhưng tôi vẫn nhớ đôi bàn tay mũm mĩm đan vào nhau trên mặt bàn, và cái màu sơn móng tay nhìn gai cả mình: thứ màu tro ánh bạc, đâu đó giữa xanh lam và oải hương.

“Nói đại khái xem?” Ông tên Enrique gợi ý. “Về bố cháu ấy?”

“Tương đối thôi cũng được,” bà Hàn Quốc nói. “Cháu nghĩ mình gặp bố lần cuối là bao giờ?”

“Ờm,” tôi nói - chỉ nghĩ thôi đã khó - “thu năm ngoái gì đó chăng?” Cái chết của mẹ dường như chỉ là nhầm lẫn, có thể giải quyết bằng cách nào đó, chỉ cần tôi xốc mình lên, hợp tác với hai người này.

“Tháng Mười? Tháng Chín?” Bà dịu giọng, khi thấy tôi không đáp.

Đầu vẫn còn đau đến mức mỗi lần ngoảnh qua ngoảnh lại tôi đã muốn khóc nức lên, dù lúc này đau đầu chỉ là một nỗi phiền toái rất nhỏ - “Cháu không biết,” tôi nói. “Lúc ấy đã vào năm học rồi.”

“Vậy chắc là tháng Chín?” Enrique hỏi và ngước lên nhìn, trong lúc ghi chú vào cặp giấy. Tướng mạo ông ta khá dữ tợn - có vẻ không đúng chỗ trong bộ comple cà vạt, như một gã huấn luyện viên thể dục phát phì - nhưng giọng nói lại toát lên âm điệu ngăn nắp của thế giới công sở: của những hồ sơ trong tủ, những sàn lót thảm len xám, những công việc chạy đều theo mạch trong quận Manhattan. “Từ đó đến giờ không có liên lạc qua lại gì hết?”

“Có ai là bạn bè hay qua lại hoặc thân thiết có thể biết cách báo tin cho ông ấy không?” Bà Hàn Quốc hỏi, cúi sát về phía tôi vẻ lo âu săn sóc.

Câu hỏi làm tôi giật mình. Tôi chẳng biết có ai như thế cả. Ngay cả việc mường tượng rằng bố có thể có bạn bè hay qua lại (nói gì đến “thân thiết”) đã cho thấy người ta chẳng biết gì về ông cả, đến nỗi tôi không còn biết đáp ra sao.

http://tieulun.hopto.org

Mãi đến sau khi đĩa bát đã dọn đi, trong quãng lặng bứt rứt sau bữa ăn nhưng chẳng thấy ai đứng dậy ra về, tôi mới chợt ngộ ra điều đã sờ sờ ngay từ đầu, tất cả những câu hỏi có vẻ chẳng ăn nhập vào đâu về bố tôi, về ông bà nội (ở Maryland, tôi không nhớ thị trấn nào, một mảnh đất nửa quê nửa tỉnh nào đó sau lưng một cửa hàng Home Depot) cùng những ông chú bà bác không có mặt trên đời rốt cuộc sẽ đến đâu. Tôi là một trẻ vị thành niên không có người giám hộ. Tôi sẽ bị di dời lập tức khỏi nhà (khỏi "nơi cư trú", như họ cứ không ngớt gọi). Chừng nào còn chưa liên lạc được với ông bà đằng nội, chính quyền thành phố sẽ lãnh trách nhiệm về tôi.

"Nhưng các cô chú định làm gì cháu?" Tôi đã hỏi đến lần thứ hai, ngồi lùi sát vào lưng ghế, giọng càng lúc càng kinh hoảng. Khi tôi tắt tivi đi theo họ ra khỏi căn hộ, để làm chút gì ấm bụng như họ nói, tất cả có vẻ rất bâng quơ. Chẳng thấy nhắc gì đến chuyện tôi phải di dời khỏi nhà cả.

Enrique lại nhìn xuống sổ. "Thế này, Theo..." Ông ta cứ luôn miệng đọc là *Tê-ô*, cả hai đều đọc sai như thế - "cháu là trẻ vị thành niên đang trong hoàn cảnh nguy ngập cần được giải quyết tức thì. Chúng tôi sẽ phải đưa cháu vào cơ sở giáo dưỡng khẩn cấp nào đấy."

"Giáo dưỡng?" Chữ ấy làm bụng tôi nhộn nhạo; nó gợi lên những phòng xử án, những căn buồng khóa kín, những sân bóng rổ chăng đầy dây thép gai xung quanh.

"À, thì ta gọi là *chăm sóc* vậy. Và chừng nào mà nội cháu..."

"Khoan," tôi nói, choáng người khi thấy sự việc thoắt cái đã diễn tiến mất kiểm soát đến như thế, thấy cái ảo tưởng sai bét về một đôi ông bà thân thiết và trìu mến vang lên qua chữ *nội cháu*

trong miệng ông ta.

“Chỉ là thu xếp tạm thời trong khi chờ gặp được họ thôi,” bà Hàn Quốc lại cúi sát lại gần. Miệng bà ta có mùi bạc hà, nhưng ẩn sâu rất khó phát hiện bên trong lại là mùi tỏi. “Cô biết cháu buồn lắm, nhưng không có gì phải lo đâu. Nhiệm vụ của bọn cô là giúp cháu được an toàn tới khi liên lạc được với những người sẽ yêu thương chăm sóc cháu, đồng ý chứ?”

Chuyện này quá kinh khủng không thể là sự thực. Tôi nhìn chằm chằm hai khuôn mặt xa lạ đang ngồi, vàng bủng trong ánh sáng nhân tạo. Ngay cả giả định rằng Nội Decker và Dorothy là những người yêu thương chăm sóc tôi cũng thật lố bịch.

“Nhưng rồi cháu sẽ làm sao?” Tôi hỏi.

“Điều cốt yếu bây giờ,” Enrique nói, “là trước mắt phải đưa cháu vào một nơi nuôi dưỡng hợp thức. Nơi có ai đó đủ tín nhiệm, có thể phối hợp với Sở Dịch vụ Xã hội thiết lập phương án chăm sóc cháu.”

Thấy họ hợp sức nhau tìm cách xoa dịu tôi - giọng nói bình tĩnh và vẻ mặt thông cảm thấu hiểu - chỉ càng khiến tôi thêm hoảng loạn. “Thôi đi!” Tôi nói và giật người tránh bà Hàn Quốc, tay đang vươn qua mặt bàn tìm cách siết chặt tay tôi ra điều chở che.

“Nào *Tê-ô*. Để cô giải thích điều này. Bọn cô không hề có ý nói đến trường cải huấn hay trại giam giữ thiếu niên…”

“Thế thì là gì?”

“Nơi giáo dưỡng tạm thời. Cái đó chỉ có nghĩa là bọn cô sẽ tìm cho cháu một nơi ở an toàn, cùng những người đóng vai trò giám hộ do nhà nước chỉ định…”

“Thế nếu cháu không muốn đi thì sao?” Tôi nói to đến nỗi mọi người xung quanh quay lại nhìn.

“Nghe tôi,” Enrique nói, dựa người vào ghế và ra hiệu gọi thêm cà phê. “Thành phố có nhiều viện tạm trú được cấp phép dành cho các bạn trẻ gặp cảnh khó khăn. Đều là những nơi rất tốt. Và trước mắt thì đấy chỉ là một trong số các lựa chọn thôi. Vì trong rất nhiều trường hợp giống như cháu…”

“Cháu không muốn đi làm con nuôi!”

“Hãy chạy như chạy hủi ấy, bé ạ,” cô gái tóc hồng nói khá to ở bàn bên. Dạo này tờ *New York Post* không ngớt chạy bài về Johntay và Keshawn Divens, cặp sinh đôi mười một tuổi bị cha nuôi hãm hiếp rồi bỏ đói suýt chết đằng khu Morningside Heights.

Enrique vờ như không nghe thấy. “Nào, chúng tôi chỉ muốn giúp cháu,” ông ta nói, lại đan tay vào nhau trên bàn. “Và chúng tôi cũng sẽ xem xét các khả năng khác, nếu những người đó có thể cho cháu mái ấm an toàn và chu cấp đủ cho các nhu cầu của cháu.”

“Chú chẳng hề báo trước là cháu sẽ không được về nhà nữa!”

“Ờ, các phòng ban của thành phố đều quá tải - *sí, gracias,*” ông ta nói với người hầu bàn tới rót đầy cốc cà phê. “Nhưng đôi khi cũng có thể thu xếp kiểu khác nếu chúng ta được chấp thuận có điều kiện, nhất là trong những trường hợp như của cháu.”

“Cháu nghe chú ấy rồi đấy?” Bà Hàn Quốc gõ gõ móng tay trên mặt bàn formica để tôi chú ý. “Luật cũng không bắt ép cháu vào trong hệ thống nếu còn ai có thể đến ở với cháu một thời gian. Hoặc ngược lại cũng được.”

http://tieulun.hopto.org

“Một thời gian?” Tôi nhắc lại. Đấy là đoạn duy nhất lọt vào tai tôi trong cả câu ấy.

“Ví dụ như có ai mà cháu thấy có khả năng ở với họ một hai ngày gì đó? Thầy cô giáo chẳng hạn? Một người bạn của gia đình?”

Ngay tức thời tôi chỉ nhớ được và đọc cho họ số điện thoại của đứa bạn cũ Andy Barbour - số máy đầu tiên nảy ra trong đầu tôi, có lẽ vì đấy là số đầu tiên, ngoài số nhà mà tôi thuộc. Mặc dù hồi tiểu học Andy với tôi chơi cực thân (xem phim, ngủ lại nhà nhau, học hè ở Công viên Trung tâm lớp dạy đọc bản đồ và la bàn), tôi vẫn không thật hiểu vì sao tên cậu ta lại bật ra khỏi miệng tôi lập tức, bấy lâu nay chúng tôi còn chơi với nhau mấy đâu. Từ hồi lên cấp hai chúng tôi đã giãn nhau ra; phải đến mấy tháng rồi tôi chưa gặp lại cậu ta.

“Barbour, có chữ u,” Enrique vừa nói vừa viết lại. “Vậy mấy người này là ai? Bạn à?”

Vâng, tôi nói, bảo rằng tôi đã biết họ suốt cả đời mình cũng không sai. Nhà Barbour sống trên Đại lộ Công viên. Andy là bạn thân của tôi từ năm lớp 3. “Bố cậu ấy làm rất to ở Phố Wall,” tôi nói - rồi ngậm miệng. Tôi vừa sực nhớ ra bố Andy từng ở một thời gian không xác định trong viện tâm thần mãi Connecticut vì “lao lực”.

“Còn bà mẹ?”

“Mẹ cậu ấy với mẹ cháu là bạn thân.” (Cũng gần đúng, tuy không đúng hẳn: dù cả hai cư xử với nhau tuyệt đối lịch thiệp, mẹ cũng không đủ giàu hay quen biết rộng để bắt thân với một bà chuyên lên tạp chí giao tế như bà Barbour.)

“Không, ý tôi muốn hỏi bà ấy làm nghề gì?”

“Làm từ thiện ạ,” tôi đáp sau một thoáng bối rối, “Như là buổi Triển lãm Cổ vật ở Kho Quân dụng ấy?”

"Vậy bà ấy làm nội trợ?”

Tôi gật đầu, mừng thầm bà ta đã nghĩ ra một từ tiện dụng như thế, tuy không sai về mặt ngữ nghĩa nhưng những người quen biết sẽ chẳng đời nào dùng chữ đó nói về bà Barbour.

Enrique ký nét chữ rất bay bướm. “Chúng tôi sẽ xem thử. Không hứa trước được gì hết,” ông ta nói, bấm nắp bút rồi nhét trả vào túi. “Nhưng tất nhiên chúng tôi cũng có thể đưa cháu qua chỗ nhà đó nghỉ tạm mấy giờ tới, nếu đúng là cháu muốn ở với họ.”

Ông ta lách khỏi bàn, bước ra ngoài quán. Qua cửa sổ trước, tôi thấy ông ta đang đi đi lại lại trên hè gọi điện thoại, một ngón tay bịt lỗ tai. Rồi ông ta gọi số khác, nói chuyện nhanh hơn nhiều. Chúng tôi ghé qua căn hộ nhà tôi - chưa đến năm phút, chỉ đủ cho tôi vớ cặp và vài món quần áo chọn bừa rất không thích hợp - rồi lại vào xe (“Cháu thắt dây chưa đấy?”), tôi tì má vào kính cửa lạnh, nhìn đèn chuyển xanh suốt dọc Đại lộ Công viên, một khe vực trống tênh lúc bình minh lên.

Andy sống ở quãng đầu phố sáu mươi mấy, một trong mấy tòa nhà sang chảnh trên đại lộ, sảnh vào hệt như trong phim Dick Powell và bảo vệ chủ yếu vẫn là người Ireland. Gia đình ấy đã sống ở đấy từ đời thuở không nhớ nổi, và tình cờ tôi còn nhớ người ra cửa đón chúng tôi: Kenneth, người trực ca đêm. Ông kém tuổi hầu hết những người gác khác, trắng nhợt như xác chết và râu ria lởm chởm, phản ứng có phần chậm chạp vì toàn bị phân ca khuya. Dù ông cũng khá dễ chịu - vài lần còn vá bóng đá cho Andy với tôi, hoặc chỉ bảo nhẹ nhàng cách đối phó với bọn

lớn bắt nạt ở trường - nhưng khắp tòa nhà đều biết ông ta hơi có tí rắc rối rượu chè; và khi ông ta bước tránh một bên nhường đường cho chúng tôi qua hai cánh cửa long trọng, ném sang cái nhìn *tội nghiệp thằng nhóc quá* mà tôi sẽ còn nhận được vô số lần nữa trong những tháng tiếp theo, tôi ngửi thấy mùi chua nồng từ bia và giấc ngủ bốc ra.

"Cả nhà đang chờ quý vị," ông nói với hai nhân viên xã hội. "Mời mọi người đi lên."

ii.

CHÍNH ÔNG BARBOUR ra mở cửa: ban đầu he hé, rồi mở toang. "Chào buổi sáng, chào buổi sáng," ông nói và lùi lại. Ông Barbour nhìn có một tí chút hơi dị, da tái mà lại óng ánh bạc, cứ như những liệu pháp trong cái "trại chập" Connecticut (như ông gọi) đã khiến ông phát sáng; mắt ông màu xám dao động rất lạ, tóc trắng muốt khiến thoạt nhìn có vẻ già hơn tuổi cho tới khi người ta nhận ra khuôn mặt rất hồng và trẻ trung - như một cậu thiếu niên. Cặp má đỏ đắn và cái mũi dài quý tộc kết hợp với mái tóc bạc trắng khiến ông có dáng vẻ dễ gần, như một bậc khai quốc công thần cấp thấp, một nhân vật cỡ quèn nào đấy trong Quốc hội Lục địa[33] được nhấc lên thả xuống giữa thế kỷ 21. Quần áo ông có vẻ là đồ đi làm tối qua: sơ mi vía nhàu nhĩ, quần âu đắt tiền, vẻ như vừa nhặt đại trên sàn phòng ngủ.

"Vào đi," ông nhanh nhảu nói, đưa nắm đấm dụi mắt. "Chào cháu yêu, chào cháu," ông nói với tôi - làm tôi giật bắn người, khi nghe chữ *yêu* từ miệng ông, dù đầu óc còn đang bối rối.

Ông đi chân đất lạch bạch dẫn đường đằng trước, qua sảnh chờ hoa cương. Sau nữa, trong phòng khách trang hoàng lộng lẫy

(khắp nơi là vải hoa trơn bóng loáng và lọ gốm Trung Hoa), ban ngày hình như còn chưa đuổi được nửa đêm: những đèn chụp lụa sáng mờ mờ, những bức tranh lớn tối sẫm miêu tả các trận thủy chiến, những rèm cửa kéo lại che ánh nắng. Ở đó, bên cỗ đàn tiểu dương cầm, cạnh bình cắm hoa to cỡ thùng hàng biển, bà Barbour đang đứng, chiếc váy mặc nhà quết xuống tận sàn, rót cà phê vào mấy tách đặt trên khay bạc.

Khi bà ngoảnh lại cất tiếng chào, tôi cảm thấy rõ hai người bên cạnh đang định vị căn hộ và bà. Bà Barbour xuất thân từ một gia đình danh tiếng với họ Hà Lan rất cổ; bà thật lạnh nhạt, tóc thật vàng, giọng nói đều đều vô sắc tới mức đôi khi gây cảm giác cơ thể không đủ máu. Bà là một mẫu vật trác tuyệt về tính điềm đạm; chưa một lần có gì khiến bà sôi máu hay bực mình, và dù không đẹp, phong thái thư thả của bà có ma lực hớp hồn ngang sắc đẹp - vẻ bình lặng chứa sức mạnh đáng gờm đến mức các phân tử tự động sắp xếp lại vị trí mỗi khi bà bước vào phòng. Như một bức họa thời trang chợt lắc mình sống dậy, bà khiến mọi cái đầu đều ngoảnh lại khi bà lướt qua, dửng dưng không hề chú ý trời nghiêng đất lệch đằng sau; mắt bà ở rất xa nhau, tai nhỏ mọc cao rất sát đầu, eo dài còn thân người nhỏ nhắn, như một chú chồn yểu điệu. (Andy cũng thừa hưởng những đường nét ấy nhưng lại theo tỷ lệ rất cồng kềnh xấu xí, thiếu hẳn nét duyên chồn hương quyến rũ nơi bà.)

Ngày trước, sự dè dặt của bà (hay lạnh nhạt, tùy theo cách người ngoài tiếp nhận) có đôi khi làm tôi lúng túng, nhưng sáng hôm ấy tôi thật lấy làm biết ơn vẻ lãnh đạm ấy. “Chào cháu. Các bác đã quyết định cho cháu ở cùng phòng Andy,” bà nói không rào đón trước sau. “Xin lỗi, giờ này nó vẫn chưa dậy đi học. Nếu cháu muốn nằm nghỉ, cứ tự nhiên dùng phòng Platt.” Platt là anh trai Andy, nay đang đi học xa. “Cháu biết chỗ rồi phải không?

Tôi nói biết.

“Cháu có đói không?”

“Dạ không.”

“Được. Vậy các bác làm được gì cho cháu đây?”

Tôi nhận thấy tất cả đều dồn mắt vào mình. Cái đau trong đầu tôi át hết thảy mọi thứ có trong phòng. Trong cái gương lồi nhỏ treo phía trên đầu bà Barbour, tôi thấy toàn cảnh trong phòng phản chiếu lại, cỡ thu nhỏ rất quái dị: cả lọ gốm, cả khay cà phê, cả nhân viên xã hội luống cuống, tất cả.

Cuối cùng thì chính ông Barbour lại phá vỡ cảnh lúng túng. “Vậy thôi đi nào, ta hãy xếp sắp cho cháu vào chỗ thôi,” ông nói, vỗ lên vai tôi và rắn tay đẩy tôi ra khỏi phòng. “Không - lùi lại, đằng này cơ - cuối, cuối. Ngay đằng này.”

Lần duy nhất trong đời tôi từng thò chân qua cửa phòng Platt, vài năm trước, thì anh ta - một ngôi sao bóng vợt và cũng là một tay bị thái nhân cách - đã dọa sẽ đập cho nát xương Andy và tôi. Lúc ở nhà, anh ta rúc trong phòng cả ngày, cửa khóa ngắc (để hút cần, Andy bảo thế). Giờ thì mấy áp phích đã bị lột đi cả rồi, phòng trông rất sạch và trống trải, vì anh ta đã đi nội trú trường Groton[34]. Trong phòng để tạ, những chồng tạp chí *National Geographic* cũ, một bể cá cạn. Ông Barbour đóng đóng mở mở các ngăn kéo tủ, miệng liến thoắng liên hồi. “Xem thử trong này có cái gì nhé? Ga giường. Và… lại ga giường. Bác thì chẳng bao giờ vào đây cả, hy vọng cháu bỏ lỗi… à. Quần bơi! Sáng nay chắc chẳng dùng đến rồi, phải không nhỉ?” Lục tới ngăn kéo thứ ba, cuối cùng ông cũng kiếm được mấy bộ pyjama chưa mặc, còn nguyên nhãn giá, xấu như ma lem ma lọ, hình tuần lộc in trên nền flannel xanh chói lọi, chẳng trách không ai muốn xỏ vào.

“Rồi đấy,” ông nói, lùa tay vào tóc rồi đánh mắt lo âu ra cửa. “Bác sẽ để cháu được yên thân nhé. Chuyện xảy ra đúng là khốn nạn, có Chúa chứng giám. Chắc cháu đang nhọc lắm. Ngủ một giấc thật sâu là hiệu nghiệm nhất đấy. Cháu có mệt không?” Ông hỏi, săm soi nhìn tôi.

Tôi có mệt không ư? Tôi đang tỉnh như sáo, nhưng một phần trong tôi lại đang câm lặng và tê liệt, chẳng khác gì đang hôn mê.

“Hay cháu muốn có người ở bên không? Bác nhóm lửa trong phòng bên nhé? Cháu muốn gì cứ nói với bác.”

Nghe câu hỏi này, nỗi tuyệt vọng dồn ứ lên tôi - vì dù tôi đang khổ sở vô cùng nhưng ông cũng chẳng làm gì được cho tôi hết, và nhìn ông, tôi hiểu ông cũng biết vậy.

“Các bác ở ngay phòng bên, nếu cháu cần - ờm thì, tức là, bác sắp đến giờ đi làm rồi nhưng sẽ có *ai đó* ở đây...” Ánh mắt trắng nhợt của ông đảo khắp phòng, rồi lại đậu trên tôi. “Làm thế chắc cũng không phải lắm, nhưng tình huống này bác nghĩ cũng không hại gì nếu rót cho cháu một miếng tráng họng, như cụ nhà bác vẫn nói. *Nếu* chẳng may cháu lại muốn thế. Nhưng mà tất nhiên cháu không muốn đâu,” ông vội vã nói thêm khi thấy tôi hoang mang không hiểu. “Không phù hợp tí nào. Bỏ qua đi.”

Ông bước lại gần, và trong một phút khó xử tôi nghĩ có khi ông định chạm vào tôi, hoặc ôm tôi. Nhưng thay vào đó ông chỉ đập tay rồi xoa vào nhau. “Dù sao thì các bác rất mừng được đón cháu và hy vọng cháu sẽ cảm thấy tự nhiên như ở nhà. Nếu cần gì cháu hãy nói ngay, đồng ý chứ?”

Ông chỉ vừa bước ra thì đã vang lên tiếng thì thầm ngoài cửa. Tiếp đó là tiếng gõ. “Cháu có khách,” bà Barbour nói, rồi rút lui.

Và lụi xụi bước vào là Andy: mắt chớp chớp, tay loay hoay cầm

kính. Thấy rõ cậu ta vừa bị đánh thức dậy, lôi khỏi giường. Cậu ta ngồi xuống bên tôi trên mép giường Platt, làm lò xo giường kêu kèn kẹt, không nhìn tôi mà nhìn bức tường trước mặt.

Cậu ta hắng giọng, đẩy kính lên sống mũi. Yên lặng rất lâu. Cái lò sưởi dồn dập kêu lạch cạch rồi xì xuyt: Cả hai vị phụ huynh đã biến mất trong nháy mắt, cứ như nghe tiếng còi báo cháy.

"Hừm," cậu ta nói, sau một lát, bằng cái giọng vô cảm rờn rợn quen thuộc. "Nhọ thật."

"Nhọ," tôi đáp. Và hai đứa tôi ngồi bên nhau lặng yên, vai kề vai, nhìn mấy bức tường màu rêu thẫm trong phòng Platt có những ô vuông dán băng dính ở vị trí các áp phích ngày xưa. Vì biết nói gì hơn nữa?

iii.

MÃI TỚI BÂY GIỜ, nghĩ đến thời kỳ đó tôi vẫn bị xâm chiếm bởi một nỗi tuyệt vọng hồ như ngạt thở. Cái gì cũng thật kinh khủng. Người ta mời tôi nước ngọt có đá, áo len tôi không cần, thức ăn tôi không nuốt nổi: chuối, bánh kem, xăng-uých ba bốn lớp hay kem. Tôi vâng dạ khi có người hỏi đến, hầu như lúc nào cũng chỉ cắm mắt nhìn xuống thảm để không bị ai thấy mình đang khóc.

Dù rất khổng lồ kể cả so với chuẩn New York, nhưng căn hộ nhà Barbour lại ở tầng khá thấp, gần như không lấy được ánh sáng, ngay cả mặt nhìn sang Đại lộ Công viên cũng vậy. Ở đây không khi nào thực sự là đêm, cũng chẳng hề đích xác là ngày, nhưng ánh đèn trên gỗ sồi đánh bóng vẫn phủ lên tất cả cái không khí hội hè và an toàn như một câu lạc bộ tư. Bạn bè của Platt gọi đây là "ngôi nhà ma", còn bố tôi sau một hai lần đến đón

http://tieulun.hopto.org

tôi ngủ đêm tại đây, thì gọi là "nhà Frank E. Campbell", tức nhà tang lễ nổi tiếng. Nhưng tôi lại thấy được an ủi bởi cái tối ám bệ vệ, sang trọng thời tiền chiến này, rất dễ dàng rút lui vào trong nếu tôi không có hứng muốn nói chuyện, hoặc sợ bị người ta nhìn nhò.

Người ta cũng tới thăm tôi - mấy ông bà công tác xã hội, cố nhiên, rồi một vị bác sĩ tâm thần do thành phố phái đến (miễn phí), nhưng cũng có cả đồng nghiệp cũ của mẹ nữa (nhiều người trong đó, Mathilde chẳng hạn, xưa tôi từng nhại lại giống y như hệt cốt làm cho mẹ cười), rồi cả đống bạn bè từ hồi đại học và hồi mẹ còn làm mẫu. Một diễn viên hơi hơi có tiếng tên Jed mấy lần từng nghỉ lễ Tạ ơn ở nhà tôi ("Mẹ cháu là Hoa hậu Vũ trụ, chú nghĩ thế đấy!"), một bà làm đỏm lối thanh niên lập dị tên Kika, mặc áo khoác màu cam rực rỡ, kể với tôi rằng xưa kia cùng với mẹ, hai cô cháy túi ở East Village, từng mở một bữa tiệc tối tưng bừng cho mười hai người ăn mà chỉ tốn chưa đến hai chục (các món khoản đãi có cả những gói giấy đựng kem và đường cuỗm ở quán cà phê, cùng rau thơm ngắt trộm trên vườn cửa sổ hàng xóm). Annette, vợ góa của một lính cứu hỏa, nay đã ngoài bảy mươi, hàng xóm của mẹ hồi còn ở Lower East Side, cũng mang tới một hộp bánh quy mua ở lò bánh Ý gần nơi mẹ và bà từng sống, chính là món bánh quy bơ nhân hạt thông lần nào bà cũng mang đến chỗ căn hộ Sutton Place của chúng tôi. Rồi cả Cinzia, bà giúp việc cũ, bà òa khóc khi nhìn thấy tôi và xin một bức ảnh mẹ để cất trong ví bà.

Bà Barbour cắt đứt những cuộc thăm viếng nào kéo dài quá đáng, viện cớ tôi chóng mệt, nhưng tôi ngờ còn vì bà không chịu nổi những người như Cinzia và Kika chiếm dụng phòng khách của nhà bà không biết đến bao giờ. Sau khoảng bốn lăm phút gì đó, bà sẽ đến lặng lẽ đứng trong khung cửa. Và nếu họ không biết

ý mà rời đi, bà sẽ lên tiếng, cảm ơn họ đến thăm thật quý hóa quá - lời lẽ cực kỳ lịch thiệp, nhưng vẫn đủ cho họ nhận ra họ ở đã lâu rồi và vội vã đứng lên. (Giọng bà giống như giọng Andy, cũng trống rỗng và xa vắng diệu vợi; kể cả khi đứng ngay cạnh, bà vẫn có vẻ như đang truyền lại những tin tức từ sao Alpha Centauri.)

Xung quanh tôi, bên ngoài tôi, cuộc sống gia đình nhà họ vẫn tiếp diễn. Mỗi ngày chuông reo mấy bận: người giúp việc, người trông trẻ, bên cung cấp đồ ăn, gia sư, thầy dạy dương cầm, các bà ở giới giao tế và các ông kinh doanh đi giày lười nơ có việc với các quỹ từ thiện của bà Barbour. Hai em Andy là Toddy và Kitsey chạy đuổi lũ bạn học rầm rập qua những hành lang tối ám. Chiều chiều, các bà thơm nức nước hoa, túi lớn túi nhỏ hàng hiệu ghé vào làm chén trà hay cà phê; tối tối, các cặp vợ chồng mặc đồ dạ tiệc quây quần bên những ly vang và nước có ga trong phòng khách, giữa những bình lọ cắm hoa được mang đến hàng tuần từ một hiệu hoa tươi rất bảnh chọe trên Đại lộ Madison cùng số *Architectural Digest* và *New Yorker* mới nhất xòe ra hững hờ trên bàn trà.

Nếu ông bà Barbour có cảm thấy hết sức phiền toái vì bỗng dưng nhận thêm một đứa trẻ nữa trên tay mà chẳng hề báo trước, thì họ cũng rất lịch thiệp không để lộ ra điều gì. Mẹ Andy, giữa những trang sức sang trọng nhưng không phô trương và nụ cười gần như lãnh đạm - loại người nếu cần có thể bắt máy thẳng cho thị trưởng đề nghị ông giúp việc này việc nọ - dường như đứng trên tầm những hạn chế của hệ thống hành chính của thành phố New York. Đang cơn thương khóc và đầu óc tù mù, tôi vẫn ngờ ngợ cảm thấy bà đang giật các loại dây sau cánh gà để tôi được thoải mái hơn, che chắn tôi khỏi những cạnh sắc mũi nhọn trong bộ máy công tác xã hội và cả giới báo chí nữa - như giờ tôi tin chắc. Mỗi cuộc gọi tới chiếc máy điện thoại dai dẳng đổ

chuông đều nối trực tiếp đến máy cầm tay của bà. Những cuộc bàn luận thì thầm, những lời dặn dò người bảo vệ. Sau lần bắt quả tang Enrique giữa một trong vô số cuộc căn vặn không biết mệt nhằm dò xem bố tôi ở đâu, những đợt tra vấn lúc nào cũng khiến tôi muốn òa khóc - ông ta có hỏi tôi về vị trí đặt hỏa tiễn ở Pakistan thì cũng thế thôi - bà bảo tôi ra khỏi phòng, và chỉ một câu bằng cái giọng đều đều kiểm soát đã chấm dứt câu chuyện ("À, ông thấy đấy, *rõ ràng* là cậu bé không biết ông ta ở đâu, bà mẹ cũng không biết... phải, dĩ nhiên, tôi hiểu ông muốn tìm ra ông ta, nhưng hiển nhiên ông ta không *muốn* ai tìm được mình, ông ta đã làm *mọi việc* để tránh bị tìm thấy... ông ta không gửi tiền trợ cấp, ông ta để lại nợ nần, ông ta gần như đã cao chạy xa bay không nhắn nhủ một lời, nên thực lòng tôi cũng không hiểu ông sẽ làm được gì nếu liên lạc được với vị phụ huynh mẫu mực, người công dân tuyệt vời đó... phải, phải, đúng rồi, nhưng nếu ngay cả chủ nợ và chỗ làm của ông ta đều không tìm được, thì tôi không hiểu tiếp tục tra khảo thằng bé có ích gì, phải không? Chúng ta đồng ý kết thúc ở đây được chưa?")

Chế độ thiết quân luật từ khi tôi đến ở có vài điểm đã gây không ít trở ngại cho nhiều người trong nhà, tỷ dụ như các cô giúp việc không còn được nghe kênh thời sự Ten Ten WINS trong khi làm việc nữa ("Không được," bà bếp Etta sẽ nhỏ giọng và đánh mắt về phía tôi cảnh báo khi có một cô lau bếp định bật radio) và mỗi sáng, tờ *Times* được mang thẳng vào phòng ông Barbour, không còn để ngoài nhà cho mọi người trong nhà cùng đọc. Rõ ràng đây không phải lệ thường: em gái Andy là Kitsey thường rền rĩ "Lại có ai mang tờ báo đi *nữa* rồi" trước khi im bặt ăn năn khi nhận một cái nhìn của mẹ - và rồi tôi dần hiểu ra, tờ báo nay mất tích vào phòng làm việc của ông Barbour vì trong đó có những thứ người ta nghĩ tốt hơn hết là tôi không đọc.

Rất may, Andy, qua thời gian sát cánh bên tôi trong nghịch cảnh ngày xưa, hiểu rằng tôi ngán nhất là nói chuyện. Vào mấy ngày đầu tiên, cậu ta được nghỉ học ở nhà với tôi. Trong căn phòng kẻ carô bốc mùi ẩm mốc có chiếc giường tầng tôi từng ngủ lại bao nhiêu đêm thứ Bảy thời tiểu học, chúng tôi ngồi hai bên bàn cờ, Andy chơi cả hai tay, vì trong cơn mụ mị tôi còn chẳng nhớ quân nào đi cách nào nữa. "Ờ," cậu ta thường nói và đẩy kính lên sống mũi. "Được rồi. Cậu có chắc là mình muốn đi quân đó không?"

"Cái gì?"

"Ờ, hiểu," Andy đáp bằng giọng yếu ớt đến bực mình đã khiến bao nhiêu thằng đầu gấu xô cậu ta xuống lề đường trước cửa trường tôi qua nhiều năm. "Quân xe của cậu đang bị đe dọa thì đúng rồi, nhưng theo tớ tốt hơn thì cậu nhìn kỹ quân hậu đi - không, quân *hậu*, ở D5 ấy."

Cậu ta phải gọi tên thì tôi mới chú tâm. Trong đầu tôi vẫn đang tua đi tua lại cái khoảnh khắc mẹ và tôi cùng nhau chạy ngược lên thềm bảo tàng. Cái ô sọc. Mưa trút xuống, táp vào mặt đôi bên. Điều đã xảy ra không bao giờ còn đảo ngược được nữa, tôi biết, nhưng không hiểu sao cảm giác vẫn phải có một cách gì đấy để tôi quay lại con phố tắm mưa, khiến mọi việc đi theo đường khác chứ.

"Hôm trước," Andy bảo, "có một ông, tớ nghĩ chắc là Malcolm gì gì đó hay ông nào đó vẫn được coi là uy tín lắm, đại khái là, hôm trước ông ta làm ầm ĩ trên tờ *Science Times*, chứng minh rằng số lượng ván cờ có thể diễn ra còn lớn hơn cả số hạt cát trên toàn thế giới. Thật ngớ ngẩn là một cây bút khoa học của một tờ báo lớn lại thấy cần thiết phải đay đi đay lại một việc rõ như ban ngày thế."

http://tieulun.hopto.org

“Ờ,” tôi nói, khó khăn lắm mới bắt tâm trí mình quay lại đó.

“Vì ai chẳng biết là số hạt cát trên hành tinh có nhiều đến đâu thì cũng hữu hạn? Thật ngớ ngẩn là lại đi bình phẩm về một chuyện hai năm rõ mười như thế, cậu tưởng tượng xem, *Tin giật gân mới nhất!* Bày vẽ ra cứ như một chi tiết kỳ bí lắm.”

Andy và tôi đã kết bạn với nhau từ tiểu học, trong một hoàn cảnh có thể gọi là đau thương: đấy là sau khi cả hai được học vượt lớp nhờ điểm số cao. Giờ thì xem ra ai cũng nhất trí rằng việc ấy là sai lầm, với cả hai đứa, dù nguyên do khác nhau. Cả năm ấy - loạng quạng giữa những thằng con trai lớn hơn, to xác hơn, những đứa không ngần ngại ngáng chân hay xô ngã hay dập cửa tủ đồ vào tay chúng tôi, hay xé vở bài tập và nhổ bọt vào sữa rồi gọi chúng tôi là *giun sán* hay *pê đê* hay *đít còi* (cái họ Decker của tôi suy tự nhiên ra tên đó) - suốt cả năm ấy, Cuộc Cầm Tù Babylon của hai đứa như Andy gọi bằng cái giọng thều thào rầu rĩ, chúng tôi lẽo đẽo đi bên nhau như một đôi kiến quặt quẹo dưới tấm kính lúp: cẳng bị đá, bụng bị thụi, bản thân bị tẩy chay, chúi đầu vào xó xỉnh quạnh quẽ nhất ăn trưa để tránh làm bia hứng đạn cho những trận mưa gói tương hay viên gà rán. Suốt gần hai năm liền cậu ta là người duy nhất tôi có làm bạn và ngược lại. Thật chán nản và hổ thẹn khi nhớ lại thời kỳ ấy: những trận chiến Autobot và tàu bay Lego, những mật danh chúng tôi chọn từ *Star Trek* phiên bản cũ (tôi là Kirk, cậu ta Spock) hòng tìm cách biến nỗi khổ sở của mình thành trò chơi. *Báo cáo chỉ huy, dường như lũ người hành tinh đang giam giữ chúng ta trong bối cảnh giả dạng trường học dành cho thiếu nhi loài người trên Trái đất.*

Trước khi bị quẳng vào giữa một bầy nam sinh hơn tuổi rắn mặt, ưa đấm đá, với cái nhãn “học giỏi” treo ở cổ, tôi chưa bao giờ là đối tượng bị lọc ra để mắng chửi hay sỉ nhục ở trường. Nhưng

Andy tội nghiệp, chưa cần đợi đến năm vượt cấp, đã là mẫu hình truyền đời bị ăn hiếp: gầy gò lỏng khỏng, hay máy giật, dị ứng sữa, lại có làn da trắng đến gần như trong suốt và thói quen nhả ra những chữ như "tà ngụy" hay "thiên kinh địa nghĩa" trong câu chuyện bình thường. Cậu ta thông minh nhưng không bù lại vụng về; cái giọng không âm sắc, thói quen thở bằng miệng vì mũi triền miên bị tắc khiến cậu ta có cái vẻ hơi ngây ngô chứ không phải là trí tuệ vượt trội. Giữa đám anh chị em răng sắc lẻm, dẻo dai uyển chuyển như một bầy mèo con, chạy vù vù giữa bạn bè và đội bóng và những chương trình ngoại khóa hấp dẫn, Andy nổi bật như một đứa đầu đất ngờ nghệch vừa bước nhầm vào sân bóng vợt.

Tôi đã hồi lại phần nào sau năm lớp Năm sóng gió, nhưng Andy thì không. Tối thứ Bảy, Chủ nhật cậu ta ở nhà, không bao giờ được mời liên hoan hay rủ đi lượn công viên. Cứ theo tôi biết, thì đến giờ tôi vẫn là người bạn duy nhất của cậu ta. Và dù, dưới bàn tay mẹ, cậu ta mặc thứ áo quần hợp cách, không khác gì đám con trai nổi nhất trường - thậm chí thỉnh thoảng còn đeo kính áp tròng nữa - vẫn chẳng ai vì thế mà bị lừa cả: đám đầu bò đầu bướu thù địch đã quen từ thuở nhỏ nay vẫn xô đẩy và gọi cậu ta là "3PO"[35], dấu ấn từ một lần cậu ta sai lầm mặc áo Star Wars đến trường.

Andy chưa bao giờ là dạng lắm lời, từ nhỏ đã vậy, ngoại trừ vài lần lên cơn (tình bạn giữa hai chúng tôi chủ yếu có dạng trao đổi truyện tranh không lời). Nhiều năm chịu chọc phá ở trường đã khắc sâu hơn nữa bản tính khép mình ngậm miệng, giờ cậu ta không tung ra những từ ngữ kỳ dị lấy từ sách viễn tưởng nữa mà chỉ vùi thân vào Toán và Tự nhiên nâng cao. Môn Toán chưa bao giờ khiến tôi hứng thú - tôi thuộc loại người "thiên về văn", như người ta nói - nhưng trong khi tôi đã phụ lòng những triển vọng

học đường thời nhỏ trong mọi lĩnh vực, thấy điểm số cao chả có nghĩa lý gì nếu phải vì nó mà bò ra học, thì Andy lại học nâng cao tất cả các thứ và đứng chót vót đầu sổ điểm. (Đáng lẽ cậu ta đã bị đưa tới Groton theo chân Platt, một viễn cảnh đã gây phập phồng lo lắng từ hồi lớp Ba, nếu không vì bố mẹ cậu ta quá sợ - mà cũng hợp lý - phải để xa nhà đứa con từng bị bạn cùng lớp hành hạ đến mức chụp túi ni-lông vào đầu trong giờ chơi để suýt chết ngạt. Và còn những lo âu khác: tôi biết chuyện ông Barbour từng đi "trại chập" chính là vì Andy kể với tôi, với giọng thản nhiên lệ thường, rằng bố mẹ lo cậu ta có thể thừa hưởng phần nào chút gen xấu ấy.)

Trong mấy ngày nghỉ ở nhà với tôi, Andy xin lỗi vì còn phải học, "nhưng than ôi, đấy là điều cần thiết" - cậu ta vừa nói vừa sụt sịt mũi, quệt vào tay áo. Chương trình học nặng kinh khủng ("lò chuyên là lò điên") và cậu ta không thể chậm dù chỉ một ngày. Trong lúc cậu ta gò mình trên những chồng vở tưởng chừng không có điểm dừng (Hóa-Giải tích-Lịch sử Mỹ-Ngữ văn-Thiên văn-tiếng Nhật), tôi ngồi trên sàn, lưng dựa vào một bên tủ áo, đếm thầm: mẹ còn sống giờ này ba hôm trước, giờ này bốn hôm trước, một tuần trước. Trong đầu tôi điểm lại từng bữa ăn của hai mẹ con trong những ngày trước khi mẹ chết: lần cuối chúng tôi ghé vào quán Hy Lạp, lần cuối chúng tôi vào Shun Lee Palace, bữa tối cuối mẹ nấu cho tôi (mì Ý sốt kem), bữa tối áp chót (một món gọi là gà Ấn Độ, mẹ học của bà từ hồi ở Kansas). Thỉnh thoảng, để tỏ ra bận rộn, tôi lật giở những tập *Giả kim thuật*[36] cũ, hay một cuốn H. G. Wells có minh họa để bừa bộn trong phòng, nhưng ngay cả những hình vẽ cũng quá sức so với đầu óc tôi. Chủ yếu tôi chỉ trân mắt nhìn lũ bồ câu đập cánh ngoài bệ cửa sổ, trong khi Andy điền vào vô số ô vuông trong cuốn luyện chữ hiragana, đầu gối nhún nhảy dưới bàn.

Phòng Andy, vốn ngày xưa thuộc về một phòng ngủ lớn đã bị chia làm đôi, mở ra hướng Đại lộ Công viên. Bên chỗ qua đường còi xe inh ỏi vào giờ tan tầm, ánh chiều vàng rực trong những cửa sổ đối diện và lụi dần khi dòng xe dần vãn. Đêm trôi đi (ánh đèn đường huỳnh quang, những đêm tím trong lòng thành phố không bao giờ tối hẳn), tôi quật người từ bên này qua bên kia, trần nhà thấp sát trên chiếc giường tầng đè trĩu xuống đến mức đôi khi tôi bừng mở mắt, tin chắc mình đang nằm dưới gầm giường.

Sao con người ta có thể nhớ như tôi nhớ mẹ? Tôi nhớ mẹ đến nỗi tôi muốn chết: một nỗi đòi hỏi nặng mang hình khối, như nỗi khát khí thở khi chìm dưới nước. Nằm thao thức, tôi cố gọi lại mọi ký ức đẹp nhất về mẹ, cố khiến mẹ đứng yên trong trí nhớ để không quên - nhưng thay vì sinh nhật hay những ngày tươi sáng tôi lại toàn nhớ về những lần như, vài ngày trước khi bị giết, mẹ ngăn tôi trên đường ra khỏi cửa để rút sợi chỉ tuột trên áo khoác đồng phục. Không rõ tại sao đấy là một trong những ký ức rõ nét nhất về mẹ của tôi: đôi mày nhíu lại, cử chỉ chính xác khi mẹ đưa tay về phía tôi, đủ hết. Và cũng vài lần, vật vờ giữa mơ và ngủ, tôi ngồi bật dậy trên giường khi nghe tiếng mẹ rõ mồn một trong đầu, nhận xét những câu kiểu như *Ném cho mẹ quả táo nào*, hay *Không biết áo này cài khuy trước hay sau nhỉ?* hay *Cái xô pha đã rơi vào tình trạng đáng phải tự thấy hổ thẹn.*

Ánh sáng ngoài phố quét từng dải đen thẫm qua sàn. Tuyệt vọng, tôi nghĩ tới phòng ngủ trống trải nhà mình chỉ cách vài dãy phố, tới cái giường hẹp đắp tấm chăn chần đỏ đã sờn. Những vì sao dạ quang mua ở trung tâm thiên thể, một tấm bưu ảnh phim *Frankenstein* của James Whale. Lũ chim đã lại ríu ran trong công viên, thủy tiên đã ngỏng cổ: vào mùa này, khi thời tiết trở đẹp,

thỉnh thoảng mẹ con tôi thường dậy từ sáng sớm để đi bộ qua công viên chứ không lên xe buýt tới West Side. Giá như tôi có thể quay lại, thay đổi mọi chuyện đã xảy ra, tìm cách nào đó ngăn nó lại. Sao tôi không nhất quyết đòi ăn sáng chứ không đến bảo tàng nhỉ? Sao thầy Beeman không triệu chúng tôi tới vào thứ Ba, hay thứ Năm chứ?

Không rõ là đêm thứ hai hay thứ ba, sau khi mẹ mất - dù sao cũng là sau hôm bà Barbour đưa tôi đi bác sĩ khám cái đầu đau - gia đình họ mở tiệc lớn ở căn hộ, quá sát ngày nên không hủy được nữa. Người ta thì thầm với nhau, cảnh hoạt náo mà tôi không sao thấm nổi. Trở lại vào phòng Andy, bà Barbour nói: "Mẹ nghĩ con với Theo thích ở lại trong này hơn." Giọng bà như không, nhưng rõ ràng đây không phải gợi ý mà là ra lệnh. "Ngoài kia rất chán, mẹ tin các con không thấy vui đâu. Mẹ sẽ bảo Etta mang thức ăn trong bếp vào đây."

Andy và tôi ngồi bên nhau trên giường tầng dưới, ăn tôm nõn và bánh ác-ti-sô trên đĩa giấy - đúng hơn là cậu ta ăn, còn tôi ngồi, đĩa đặt nguyên trên đùi. Cậu ta đang bật DVD chiếu bộ phim hành động nào đấy, robot nổ tung, lửa và kim loại tưới như mưa. Từ phòng khách vọng vào tiếng ly chạm nhau, mùi sáp nến và nước hoa, và thỉnh thoảng, một chuỗi cười trỗi lên trong vắt. Tiếng dương cầm ngân nga réo rắt bài *It's all over now, baby blue*[37] dường như từ chiều không gian nào khác trôi về đây. Mất hết rồi, tôi đã rơi ra ngoài thế giới: cảm giác chóng mặt khi ở trong căn hộ không phải nhà mình, với gia đình không phải của mình đang dần hút hết sinh lực, khiến tôi ù đầu, váng vất, gần như muốn khóc, như một tên tù đang kỳ tra vấn bị giữ không cho ngủ suốt mấy ngày rồi. Hết lần này đến lần khác tôi nghĩ, *mình phải về nhà*, và rồi, lần thứ một triệu, *mình không về được*.

iv.

SAU BỐN NGÀY, mà cũng có thể là năm, Andy chất sách vở vào cái ba-lô đã dão và quay lại trường. Suốt hôm ấy, rồi cả hôm sau, tôi ngồi trong phòng cậu ta, tivi bật kênh Phim kinh điển Turner, là kênh mẹ vẫn xem khi vừa đi làm về. Hiện đang chiếu các phim chuyển thể từ tiểu thuyết Graham Greene: *Ministry of fear, The human factor, The fallen idol, This gun for hire*. Chiều hôm thứ Hai, trong lúc tôi đang chờ *The third man* chiếu, bà Barbour (đã bận xong đồ Valentino, chuẩn bị đi dự sự kiện ở bảo tàng Frick) ghé vào phòng thông báo rằng ngày mai, cả tôi cũng phải đi học. "*Ai* cũng sẽ thấy bức bối," bà nói. "Nếu ngồi trơ ở đây một mình. Không tốt cho cháu."

Tôi không biết phải đáp lại ra sao. Ngồi một mình xem phim là thứ duy nhất có vẻ còn hơi hơi bình thường đối với tôi từ khi mẹ chết.

"Đã đến lúc cháu cần quay lại một nếp sống nào đó rồi. Ngày mai. Bác biết là cháu không thấy vậy, Theo ạ," bà nói khi thấy tôi không đáp, "nhưng kiếm việc để làm là cách duy nhất sẽ khiến cháu dần khá lên."

Tôi cương quyết chỉ cắm mắt vào tivi. Tôi chưa đến trường kể từ hôm trước khi mẹ chết, và miễn là tôi còn ở nhà, thì có vẻ như cái chết của mẹ còn chưa chính thức. Nhưng chỉ cần tôi trở lại, đấy sẽ là một sự kiện công khai. Tệ hơn nữa, ngay ý nghĩ trở lại một nếp sống bình thường dù ở bất kỳ dạng nào dường như đã là phản bội. Điều ấy vẫn khiến tôi choáng váng mỗi lần nhớ đến, như một cái tát lại giáng xuống từ đầu: mẹ chết rồi. Mỗi sự kiện mới, mỗi điều tôi làm từ giờ cho đến hết đời, sẽ chỉ càng khiến tôi và mẹ thêm tách biệt: đấy là những ngày không còn hình bóng

mẹ, là khoảng cách cứ ngày một rộng thêm giữa chúng tôi. Cứ mỗi ngày qua, từ giờ đến hết đời tôi, mẹ sẽ lại càng xa thêm một ít.

"Theo."

Giật mình, tôi ngước lên nhìn bà.

"Cứ đi từng bước. Không có cách khác ra khỏi chuyện này đâu."

Ngày hôm sau tivi đang chiếu liên hoàn một chuỗi phim tình báo Thế chiến thứ hai (*Cairo, The hidden enemy, Code name: Emerald*) mà tôi rất muốn ở nhà xem. Thay vào đó, tôi lê mình khỏi giường khi ông Barbour ló đầu vào đánh thức cả hai dậy ("Dậy mà đi hỡi hai chàng ơi!") và cùng Andy đi ra bến xe buýt. Hôm ấy trời mưa, lạnh đến mức bà Barbour ép tôi mặc cái áo khoác len thô cũ rất xấu xí của Platt ra ngoài. Kitsey, em gái Andy, bước chân sáo đằng trước trong chiếc áo mưa hồng, chụm chân nhảy qua từng vũng nước đọng và giả vờ không quen biết gì chúng tôi.

Tôi biết sẽ là một ngày khủng khiếp và đúng là thế thật, kể từ giây đầu tiên tôi bước vào hành lang sáng chói, ngửi cái mùi quen thuộc của nhà trường: mùi nước tẩy trùng hương chanh và mùi thứ gì đó như tất bẩn. Những tấm biển viết tay khắp hành lang: bản đăng ký lớp tennis và nấu ăn, mời thử vai vở *Một cặp kỳ khôi*[38], dã ngoại đến đảo Ellis, vé thừa cho buổi hòa nhạc Chào Xuân, thật khó tin rằng thế giới đã chấm dứt mà không hiểu sao những hoạt động chuối củ này vẫn nhởn nhơ chạy tiếp.

Lạ nhất là: lần cuối cùng tôi ở trong tòa nhà này, mẹ vẫn còn sống. Tôi cứ nghĩ mãi về điều ấy, và lần nào cũng như mới lạ từ đầu: lần cuối cùng tôi mở cánh tủ này, lần cuối cùng tôi động vào

cuốn sách ngu xuẩn Sinh học chuyên sâu[39] này, lần cuối cùng tôi thấy Lindy Maisel bôi lên môi cái thỏi son nhựa đó. Thật khó hình dung nổi tôi không thể lần theo những khoảnh khắc ấy, quay về một thế giới nơi mẹ vẫn còn.

"Chia buồn với cậu." Tôi nghe từ những người quen, và cả những người cả đời chưa bao giờ nói chuyện. Những người khác, đang cười nói trong hành lang, chợt im bặt khi tôi đi qua, mắt đánh sang những cái nhìn nghiêm trọng hay khó hiểu. Những vẫn còn những người lờ tịt tôi đi, như bầy chó đang chơi lờ đi một con chó ốm hay què liệt: không nhìn tôi, tiếp tục đùa giỡn chơi nhởi khắp xung quanh như tôi không có đó.

Hơn ai hết, Tom Cable tránh mặt tôi dứt khoát như tránh một cô gái vừa bị bồ đá. Giờ ăn trưa không tài nào thấy nó đâu. Tiết tiếng Tây Ban Nha (nó lững thững đi vào mãi sau khi vào tiết, bỏ qua cảnh tượng hết sức khó xử khi cả lớp mặt mày nghiêm trọng bu quanh bàn tôi chia buồn), nó không ngồi cạnh tôi như thường lệ mà ở bàn đầu, bò ra bàn, hai chân vắt về một phía. Mưa gõ nhịp trên cửa sổ trong khi chúng tôi vật lộn qua một chuỗi những câu cú kỳ quặc phải dịch, thứ văn chương hẳn Salvador Dalí[40] cũng phải thấy khoái chí: tôm hùm và ô bãi biển, Marisol có hàng mi dài bắt taxi màu xanh lá mạ đến trường.

Hết tiết, trên đường ra khỏi lớp, tôi cố tình đi lên chào trong lúc nó đang thu dọn sách vở.

"Ồ, chào, mày sao rồi," nó nói, lạnh lùng, người ngả về sau, mày nhướn lên kênh kiệu. "Tao có nghe tin."

"Ừa." Đấy là kiểu của chúng tôi: quá ngầu so với đám xung quanh, lúc nào cũng giấu chuyện đùa riêng không ai biết.

"Nhục thật. Tệ cho mày."

“Cảm ơn.”

“Đáng ra mày phải giả ốm. Nói rồi còn gì! Chuyện ấy cũng làm mẹ tao phát nổ. Nổ tanh bành! À ờ,” nó tiếp, hơi nhún vai trong cái khoảnh khắc câm điếng tiếp theo, nhìn một vòng quanh kiểu ngây thơ vô số tội, như thể nó vừa ném quả bóng tuyết bọc tảng đá.

“Thế đấy. Còn thì,” nó nói, giọng đã lảng ngay sang chuyện khác, “bộ cánh hóa trang này là sao hả?”

“Gì?”

“À,” hơi bước lùi lại làm điệu bộ, mắt tia cái áo khoác carô len thô - “nẫng giải quán quân là *chắc*, nếu thi Ai Giống Platt Barbour.”

Và cho dù không muốn - đúng là một cú sốc sau bao nhiêu ngày kinh hoàng nín lặng, một cơn máy giật như có bệnh - tôi bật cười.

“Nói hay đó Cable,” tôi lấy giọng lè nhè đáng ghét của Platt. Cả hai chúng tôi đều giỏi bắt chước, và nhiều khi nói chuyện từ đầu đến cuối toàn bằng giọng mượn của kẻ khác: những phát thanh viên xuẩn ngốc, bọn con gái rên rỉ, đám thấy bà ngớ ngẩn khò khè. “Ngày mai tao sẽ mặc giả mày.”

Nhưng Tom không đối đáp hay đẩy xa câu đùa. Nó đã chán. “Ờ, có khi không,” nó hơi nhún vai và khẽ nhếch mép. “Gặp sau nhé.”

“Ờ, sau.” Tôi cáu: tóm lại là nó bị sao? Thế nhưng chúng tôi đã có truyền thống trò hài kịch đen ấy, mà ngoài ra chẳng ai thấy thú vị, tức là thóa mạ chửi bới lẫn nhau, nên tôi tin chắc nó sẽ lại đến chỗ mình sau tiết Ngữ văn hoặc đuổi theo trên đường về nhà, chạy tới sau lưng mà đập cuốn sách đại số vào đầu tôi cái bộp.

Nhưng không hề. Tới hôm sau, trước tiết một, nó còn không buồn nhìn trả khi tôi chào, và dáng điệu dửng dưng khi nó lù lù đi qua khiến tôi chết sững. Lindy Maisel và Mandy Quaife đứng bên tủ đồ quay lại nhìn nhau, bật cười hi hí, có phần sửng sốt: *xem kìa!* Bện cạnh tôi, đứa được phân công làm thí nghiệm chung là Sam Weingarten đứng lắc đầu. "Đúng là khốn," nó nói, lớn tiếng đến mức cả hành lang quay lại nhìn. "Mày là thằng khốn, Cable ạ, mày biết không hả?"

Nhưng tôi không để tâm - hay ít nhất là tôi không chạnh lòng hay buồn bực. Trái lại tôi nổi khùng. Tình bạn giữa tôi và Tom lúc nào cũng điên rồ, bất kham, hoang dại và tán loạn, có chút chông chênh, mức năng lượng sùng sục ấy vẫn còn nguyên nhưng dòng điện đã đảo chiều, những điện từ ầm ì chảy về phía ngược lại khiến giờ đây thay vì cùng nhau đùa bỡn giữa hành lang nhà trường tôi chỉ muốn nhấn đầu nó vào bồn tiểu, giật cho cánh tay nó gãy rời khỏi vai, dúi mặt nó xuống lề đường lõa máu, bắt nó ăn cứt chó và rác rến ở cống rãnh. Càng nghĩ tôi càng tức điên, tức đến nỗi thỉnh thoảng tôi đi đi lại lại trong nhà vệ sinh và lẩm bẩm. Nếu không phải Cable đã xì đểu tôi với thầy Beeman ("giờ thì, Theo ạ, tôi biết mấy điếu thuốc đó không phải của cậu")... nếu không phải Cable khiến tôi bị buộc đình chỉ học... nếu không phải mẹ xin nghỉ... nếu không phải mẹ con tôi đã có mặt ở bảo tàng vào cái thời khắc không may đó... hừ, đến cả thầy Beeman còn biết xin lỗi theo một hình thức nào đó. Vì đúng là kết quả học của tôi có vấn đề (cũng như hàng tá thứ khác thầy Beeman không biết), nhưng cái việc điểm hỏa, cái việc khiến tôi bị gọi lên văn phòng, toàn bộ cái vụ hút thuốc trong sân trường ấy - là tại ai? Cable chứ ai. Mà tôi cũng đâu có mong nó xin lỗi. Thực tế là tôi có định nhắc gì vụ đó với nó đâu, mãi mãi về sau. Chỉ có điều - giờ tôi thành kẻ bị ruồng bỏ rồi ư? Thành kẻ không có mặt? Nó còn

không định nói chuyện với tôi? Tôi nhỏ con hơn Cable nhưng không nhiều, và mỗi lần nó pha trò cười trong lớp, vì nó không thể ngưng pha trò, hay chạy qua tôi trong hành lang, giữa cặp bạn thân mới Billy Wagner và Thad Randolph (y như hồi nào chúng tôi chạy đua cùng với nhau, lúc nào cũng tràn trề năng lượng, cũng muốn quăng mình vào nguy hiểm và rồ dại) - thì trong đầu tôi chỉ nghĩ được một điều, ấy là tôi muốn đập nó nát nhừ người ra, giữa bọn con gái cười nói chỉ trỏ còn nó thì rúm người trước mặt tôi khóc lóc: *ồi, Tom, thương thế cơ! mày khóc cơ à?* (Tìm cách gây sự đánh nhau, tôi đã cố ý vô tình làm dập mũi nó bằng cách mở cửa nhà vệ sinh đập thẳng vào mặt nó, rồi đẩy nó vào máy nước uống khiến nó đánh rơi mớ khoai chiên phô mai kinh tởm xuống sàn, nhưng thay vì nhảy xổ vào tôi - như tôi muốn - nó chỉ nhếch mép cười và bỏ đi không một câu.)

Tất nhiên, không phải ai cũng tảng lờ tôi. Rất nhiều người bỏ thư tay hay quà tặng vào tủ đồ của tôi (có cả Isabella Cushing và Martina Lichtblau, hai con bé nổi nhất khóa), và cả kẻ thù truyền khiếp Win Temple hồi lớp Năm cũng khiến tôi giật mình khi xồ tới ôm siết tôi thật chặt. Nhưng phần lớn mọi người đều đối xử với tôi lịch sự một cách thận trọng và gần như sợ sệt. Đâu phải là tôi đi đâu cũng khóc mếu, hay thậm chí tỏ vẻ gì bất thường, nhưng chúng nó vẫn ngừng bặt câu chuyện nói dở nếu thấy tôi ngồi xuống bên cạnh trong giờ ăn.

Ngược lại, người lớn lại chú ý đến tôi một cách quá mức chịu đựng. Tôi được khuyên nào là ghi nhật ký, chia sẻ với bạn bè, làm một cái "sổ dán ký ức" (thật là những lời khuyên tâm thần, theo ý tôi: đám bạn cùng khóa đã đủ lóng ngóng khi ở gần rồi, dù tôi có cố cư xử bình thường cách mấy; chẳng cần phải khiến chúng thêm chú ý bằng cách đem thổ lộ can tràng, hay dùng tiết Mỹ thuật làm nghệ thuật trị liệu). Dường như tôi đã bỏ quá nhiều

thời gian đứng trong những phòng học trống hay văn phòng vắng (ngó trân xuống sàn, gật đầu như máy), bên những giáo viên lo âu giữ tôi lại sau giờ giảng, hay yêu cầu tôi tới gặp riêng. Thầy dạy Ngữ văn của tôi là Neuspeil sau khi ngồi trên mép bàn, kể một tràng gay cấn về chuyện mẹ mình phải chết tức tưởi trong tay một gã phẫu thuật gia kém cỏi, đã vỗ vai rồi ấn cho tôi một quyển vở trắng; bà Swanson, giáo viên tư vấn của trường, lại chỉ tôi mấy bài hít thở và gợi ý có lẽ tôi cũng muốn trút bỏ nỗi sầu muộn bằng cách đi ra đường ném đá cục vào cây; ngay cả thầy Borowsky (dạy Toán và đỡ có màn mắt ướt rượt hơn mấy vị kia nhiều) cũng dắt tôi ra một góc trên hành lang, ghé mặt cách mặt tôi không đầy năm phân và với giọng nói nhỏ nhẹ, tâm sự về cảm giác ăn năn sau khi anh trai thầy chết trong tai nạn xe cộ. (Ăn năn là điều xuất hiện thường xuyên trong những cuộc chuyện trò ấy. Chẳng lẽ các thầy cô giáo cũng tin - giống như tôi - rằng chính tôi là kẻ đã gây ra cái chết của mẹ? Xem ra là thế.) Thầy Borowsky đã ăn năn về chuyện để anh mình say khướt lái xe về sau đêm tiệc tùng ấy, đến nỗi trong một khắc ngắn ngủi còn toan tính tự khử mình. Có lẽ tôi cũng đã nghĩ đến chuyện tự tử. Nhưng tự tử không phải là giải pháp.

Mỗi lời khuyên răn tôi đều lễ phép nghe, với nụ cười cứng đờ và cảm giác phi thực cháy bỏng. Rất nhiều người lớn hình như coi vẻ đờ đẫn ấy là dấu hiệu tích cực: tôi nhớ nhất là thầy Beeman (một gã Anh phát âm điệu đàng quá mức, đội cái mũ bê rê vải tuýt rất đần độn, và bất chấp ông ta săn đón, tôi vẫn ghét cay ghét đắng, dù phi lý, coi là tác nhân gây nên cái chết của mẹ) đã khen ngợi sự chín chắn của tôi, cho biết rằng tôi "có vẻ đang đối phó với chuyện này giỏi kinh khủng". Và cũng có thể đúng là tôi đang đối phó giỏi kinh khủng, không biết nữa. Rõ là tôi không hú lên gào khóc, hay đấm thủng cửa sổ, hay làm như những người

đang trải qua cảm giác giống như tôi. Nhưng đôi khi, không lường trước, nỗi đau dội xuống từng đợt sóng khiến tôi tức thở; và khi sóng rút, còn lại trước mặt tôi là cảnh hoang tàn mặn muối, tắm trong ánh sáng thật chói chang, thật nôn nao và trống rỗng, khiến tôi không còn nhớ nổi thế giới từng ra sao trước khi chỉ toàn là chết chóc.

v.

THÚ THẬT LÀ ÔNG BÀ NỘI Decker chỉ còn rất mờ nhạt trong ý thức tôi, mà như vậy cũng hay, bởi bên Dịch vụ Xã hội chịu không tài nào lần ra họ sớm khi chỉ dựa theo những thông tin sơ sài mà tôi cung cấp. Nhưng rồi một hôm bà Barbour gõ cửa phòng Andy mà bảo, "Theo, bác nói chuyện với cháu một lúc được không?"

Dáng vẻ bà tự nó đã rõ rệt là một lời cảnh báo, tuy ở vào tình cảnh mình tôi không hiểu còn có gì có thể coi là đáng sợ nữa. Khi hai bên đã ngồi xuống phòng khách - cạnh một công trình những cành liễu hoa vàng cao cả mét và cành táo nở hoa do tiệm hoa vừa đưa tới - bà ngồi vắt chân rồi bảo, "Sở Dịch vụ Xã hội gọi cho bác. Họ đã liên lạc được với ông bà cháu. Không may là có vẻ bà nội cháu không được khỏe."

Tôi hoang mang mất một giây. "Dorothy à?"

"Nếu đấy là tên bà ấy."

"À. Đấy không hẳn là bà nội cháu đâu."

"Bác hiểu rồi," bà Barbour đáp, vẻ như bà không hẳn hiểu mà cũng chẳng muốn hiểu. "Sao cũng được. Hình như bà ấy không khỏe - đau lưng sao đó - và giờ ông nội cháu phải chăm sóc bà. Như thế, tình hình là, cháu hiểu không, bác tin là họ cũng áy náy,

nhưng theo họ hiện tại cháu xuống đó không tiện. Ít nhất là nếu cháu ở nhà họ," bà nói thêm khi thấy tôi không đáp. "Họ đề nghị sẽ trả tiền cho cháu ở quán trọ Holiday Inn gần nhà trong thời gian trước mắt, nhưng như vậy xem ra cũng không tiện, phải không?"

Tai tôi reo ù ù, một tiếng reo khó chịu. Ngồi dưới ánh mắt bình đạm màu xám băng của bà Barbour, không hiểu sao tôi chợt thấy hổ thẹn tê người. Quả là ý nghĩ đến ở với ông nội Decker và Dorothy đáng sợ đến nỗi hầu như tôi đã xóa sổ họ khỏi đầu mình, nhưng được biết họ cũng chẳng buồn chào đón tôi lại là một chuyện khác hẳn.

Vẻ thông cảm khẽ thoáng qua mặt bà. "Cháu đừng lấy thế làm buồn," bà nói. "Mà dù sao cháu đừng lo. Đã thỏa thuận rồi, cháu sẽ tiếp tục ở đây trong vài tuần tới, và ít nhất cũng học hết năm nay ở trường. Mọi người đều công nhận cách đó là tốt nhất. Mà này," bà cúi người tới gần hơn, "cái nhẫn đẹp quá. Nhẫn của gia đình để lại à?"

"Ờ... vâng," tôi đáp. Vì những lý do mà muốn giải thích chắc cũng không dễ, tôi đã nhiễm thói quen hầu như đi đâu cũng mang theo chiếc nhẫn của ông già. Bình thường tôi chỉ mân mê nó để trong túi áo khoác, nhưng thỉnh thoảng cũng lồng nó vào ngón giữa, dù nhẫn hơi to nên thường tuột đi trên tay

"Hay đấy. Của nhà ngoại, hay nhà nội?"

"Nhà ngoại," tôi đáp sau đôi chút chần chừ, thấy bồn chồn trước đề tài đang đi mỗi lúc một sâu.

"Bác xem được chứ?"!

Tôi tháo ra, thả vào lòng tay bà. Bà giơ lên trước đèn. "Đẹp quá," bà nói, "đá Carnelian đỏ. Và cả hình chạm này nữa. Đề tài

Hy-La à? Hay là gia huy?"

"Ừm… gia huy. Cháu nghĩ thế."

Bà ngắm nghía con thú thần thoại có vuốt. "Trông có vẻ như điểu sư. Hoặc sư tử có cánh." Bà nghiêng cái nhẫn dưới ánh đèn, nhìn mặt trong nhẫn. "Còn dòng khắc này thì sao?"

Thấy tôi ngớ ra, bà chau mày. "Đừng nói cháu chưa bao giờ nhận thấy chứ. Khoan đã." Bà đứng dậy đi ra bàn, dưới bàn có hàng bao nhiêu ngăn kéo và ô hốc rắc rối, lấy kính lúp rồi quay lại.

"Tốt hơn kính đọc sách bình thường," bà nói và nheo mắt nhìn qua kính. "Nhưng kiểu chữ cổ uốn lượn này khó đọc quá." Bà đưa cái kính lại gần rồi lại kéo ra xa. "Blackwell à. Có nhớ đến cái gì không?"

"À…" Thực ra là có, một cái gì xa thẳm hơn lời lẽ, nhưng ý nghĩ chưa kịp thành hình hẳn thì đã tỏa đi, biến mất.

"Lại có cả chữ Hy Lạp nữa. Thú vị thật." Bà bỏ lại cái nhẫn vào tay tôi. "Nhẫn xưa lắm rồi," bà nói. "Chỉ cần nhìn nước bóng trên mặt đá và các vết mòn nữa - thấy cái này không? Người Mỹ ngày xưa thường mua những mặt đá chạm Hy-La này ở châu Âu, vào thời Henry James, rồi đem khảm nhẫn. Lưu niệm chuyến Về Nguồn."

"Nếu họ không muốn nhận cháu thì cháu đi đâu bây giờ?"

Trong giây lát, hình như bà Barbour giật nảy mình. Nhưng gần như lập tức bà trấn tĩnh lại, bảo: "À, giờ cháu chưa nên lo đến chuyện đó. Hẳn tốt nhất vẫn là cháu ở lại đây thêm một thời gian, học hết năm nay, cháu không nghĩ thế ư? Còn bây giờ," bà hất đầu, "hãy cẩn thận cái nhẫn, coi chừng đánh mất. Bác thấy cháu đeo bị lỏng tay. Có lẽ cháu nên cất vào đâu an toàn, chứ không

đeo đi khắp nơi như vậy.”

vi.

NHƯNG TÔI VẪN ĐEO. Hoặc đúng hơn, tôi vẫn bỏ qua lời khuyên cất vào nơi an toàn mà tiếp tục mang nó trong túi. Khi nâng thử trên lòng bàn tay, cái nhẫn có vẻ rất nặng; nếu tôi gập tay lại nắm lấy nó, vành vàng ấm lên trong tay nhưng viên đá chạm trổ vẫn lạnh toát. Cái sức nặng và vẻ cổ xưa của nó, cái lối nửa lạnh lẽo nửa ngời sáng, đem lại cho tôi một nỗi an ủi lạ lùng; chỉ cần thật chăm chú vào cái nhẫn, nó sẽ thi hành sức mạnh kỳ lạ neo tôi lại giữa cơn trôi dạt, gạt bỏ thế giới bên ngoài, nhưng dù có thế tôi cũng không thật lòng muốn nghĩ về cơn cớ vì sao nó đến với mình.

Và tôi cũng chẳng muốn nghĩ về tương lai - vì dù vốn chẳng ngóng đợi gì cuộc sống mới ở Maryland hẻo lánh, cậy nhờ lòng hào hiệp giá băng của ông bà Decker, thì nay tôi đã bắt đầu lo âu thật sự về việc mình sẽ đi đâu về đâu. Xung quanh đều tỏ ra kinh hoàng trước ý nghĩ tôi đến ở Holiday Inn, như thể ông nội Decker và Dorothy muốn cho tôi vào kho xép trong vườn sau không bằng, nhưng tôi thấy cũng đâu đến nỗi. Tôi vẫn luôn mong được sống trong khách sạn, và cho dù Holiday Inn chẳng phải là một khách sạn như tôi hằng tưởng tượng thì thế nào chẳng có cách xoay xở được: hamburger gọi lên phòng, tivi trả tiền theo giờ xem, bể bơi vào mùa hè - có gì không ổn?

Tất cả mọi người (hai nhân viên xã hội, tay bác sĩ thần kinh Dave, bà Barbour) vẫn nói đi nói lại rằng thì là tôi chẳng thể nào sống một mình trong quán Holiday Inn ở ngoại ô Maryland được đâu, rằng dù sao đi nữa tôi sẽ không bao giờ thực tình rơi phải cảnh ấy cả - mà không nhận ra những lời lẽ mà họ tưởng là an ủi

thì lại chỉ làm tôi lo âu trăm bề. “Cần nhớ một điều,” Dave, tay bác sĩ tâm lý do thành phố chỉ định cho tôi nói, “rằng dù chuyện gì xảy ra đi nữa, cháu cũng sẽ được lo liệu.” Đấy là một gã tầm ba mươi tuổi, quần áo đen và kính mắt hợp thời trang, lúc nào cũng có cái vẻ như vừa chui ra từ buổi đọc thơ dưới tầng hầm nhà thờ ở đâu đây. “Bởi có rất nhiều người để mắt trông chừng cháu, những người chỉ muốn dành mọi điều tốt nhất cho cháu.”

Tôi đã dần học được cách nghi ngờ những kẻ lạ luôn mồm nói về điều tốt nhất cho tôi, vì đấy đích xác là những gì tuôn ra từ miệng hai nhân viên xã hội ngay trước khi đề cập đến chuyện con nuôi. “Nhưng mà... cháu nghĩ ông bà cháu tính thế cũng đâu có tệ quá,” tôi nói.

“Tệ gì?”

“Vụ Holiday Inn ấy. Có thể cháu ở nơi đó cũng OK.”

“Ý cháu là ở nhà ông bà cháu thì không OK à?” Dave tiếp lời lập tức.

“Không!” Tôi ghét gã nhất cái đó - cứ suốt ngày suy bụng gã ra bụng tôi.

“Được rồi. Ta sẽ diễn đạt theo cách khác vậy.” Gã đan tay vào nhau, ngẫm nghĩ. “Vì sao cháu thấy thà ở quán trọ còn hơn ở nhà ông bà?”

“Cháu đâu có nói thế.”

Gã ngoẹo đầu. “Không nói, nhưng thấy cháu cứ nhắc mãi đến Holiday Inn, như thể đấy là một lựa chọn chấp nhận được, thì chú hiểu ý cháu đấy là phương án cháu ưa thích hơn.”

“Chắc chắn là thích hơn nhiều bị cho đi làm con nuôi.”

“Phải...” gã nhoài người tới trước, “nhưng hãy nghe chú nói

này. Cháu mới mười ba thôi. Mà cháu lại vừa mất đi người chăm sóc chính. Hiện tại, sống một mình không phải là lựa chọn dành cho cháu. Ý chú muốn nói là, ông bà cháu đang gặp vấn đề sức khỏe như thế này thật không may, nhưng cứ tin chú, chắc chắn chúng ta sẽ tìm được cách khá hơn nhiều chừng nào bà nội cháu đứng dậy đi lại được."

Tôi chẳng nói gì. Rõ ràng gã ta không biết ông nội Decker và Dorothy là loại người ra sao. Cho dù bản thân tôi cũng chưa qua lại nhiều lắm, thì ấn tượng lưu lại chủ yếu vẫn là cảm giác nước lã hơn là máu đào, họ nhìn tôi cái vẻ như nhìn một đứa trẻ ngoài đường vừa từ khu mua sắm đi lạc vào đây. Viễn cảnh tới sống với họ hầu như là không tưởng tượng nổi, và tôi vẫn còn vắt óc xem có nhớ được gì từ lần cuối cùng đến thăm họ - bảy hay tám tuổi gì đấy, nghĩa là cũng chẳng nhớ gì nhiều. Có những châm ngôn thêu tay lồng khung kính treo tường, một dụng cụ bằng nhựa trên mặt bếp để Dorothy vẩy cho thức ăn ráo nước. Một lúc nào đó, sau khi ông nội Decker thét lên rằng hãy bỏ cái tay thối của tôi ra khỏi bộ đồ tàu quý hóa của ông, bố đã bỏ ra ngoài nhà hút thuốc (lúc ấy đang mùa đông) rồi không trở vào nữa. "Chúa ơi," mẹ nói khi cả nhà đã ra xe (chính mẹ là người có sáng kiến cho tôi làm quen với gia đình bên nội), và chúng tôi không bao giờ quay lại đó.

Mấy ngày sau lời đề nghị tới ở Holiday Inn, tôi nhận được tấm bưu thiếp tại địa chỉ nhà Barbour. (Ngoài lề: có phải đòi hỏi quá không nếu nghĩ rằng Bob và Dorothy, như chữ ký dưới tấm thiếp, đáng ra nên nhấc điện thoại gọi cho tôi? Hoặc lên xe lái tới New York xem xét tình hình cậu cháu? Nhưng cả hai việc đó đều không có - tôi cũng chẳng mong họ sẽ lao bổ tới sụt sùi thương cảm đâu, nhưng dù sao thì cũng tốt chứ, nếu họ có làm tôi ngạc nhiên bằng cử chỉ thân tình nào nho nhỏ, tuy trái thói quen.)

Thực tế là thiếp do Dorothy gửi (chữ "Bob", rõ ràng là nét chữ của bà ta, đã bị viết chèn vào bên cạnh "Dorothy" như một ý nghĩ đến chậm). Cái thú vị là trông như phong bì đã bị hơ nóng mở ra rồi dán lại - bà Barbour ư? Hay Sở Dịch vụ Xã hội? - dù tấm thiếp thì sờ sờ là kiểu chữ châu Âu cứng đờ nhấp nhô của Dorothy, vẫn xuất hiện mỗi năm chính xác một lần trên những tấm thiếp Giáng sinh, kiểu chữ mà như bố tôi có lần nhận xét, trông hệt như đang thông báo món cá đặc biệt hằng ngày trên bảng phấn trước quán La Goulue. Mặt trước thiếp có hình một bông tulip rủ đầu, bên dưới là dòng khẩu hiệu in hoa: KHÔNG CÓ KẾT THÚC.

Dorothy, như những gì ít ỏi tôi còn nhớ, vốn không phí lời, và tấm thiếp này cũng vậy. Sau đoạn mở đầu hết sức thân ái - rất tiếc về mất mát đau lòng của tôi, gửi tới tôi những lời an ủi chân thành nhất - bà ta đề nghị sẽ gửi tôi tiền vé xe khách đến Woodbriar, Maryland, nhưng đồng thời cũng ám chỉ mơ hồ tới tình trạng sức khỏe khiến bà ta và ông nội Decker sẽ rất khó khăn nếu muốn "đáp ứng những đòi hỏi" của việc chăm sóc tôi.

"Đòi hỏi gì?" Andy bình phẩm. "Nghe kiểu cậu đang đòi mười triệu đô tiền mặt không bị đánh dấu không bằng."

Tôi chỉ im lặng. Kỳ một điều là chính bức ảnh trên thiếp mới làm tôi lấn cấn. Đấy chỉ là thứ bưu thiếp thông thường vẫn bán ở các hiệu tạp hóa, rất bình thường, nhưng dù sao đi nữa, ảnh hoa héo có chụp nghệ thuật đến đâu cũng không phải thứ nên gửi cho người có tang mẹ.

"Tớ tưởng bà ta đang bị ốm liệt cơ mà. Tại sao lại là bà ta viết?"

"Biết chết liền." Tôi cũng đã băn khoăn chính điều ấy; thật kỳ quái là ông nội ruột của tôi lại không nhắn gửi gì và cũng chẳng buồn ký tên vào.

“Cũng có thể,” Andy u ám nói, “ông cậu đã mắc Alzheimer và bà ta đang cầm tù ông trong chính ngôi nhà mình. Để nắm được tiền của ông. Vợ trẻ thì hay thế lắm, cậu biết mà.”

“Tớ nghĩ ông chẳng có nhiều tiền đến mức ấy đâu.”

“Có thể là không,” Andy tiếp và hắng giọng ầm ĩ. “Nhưng không thể loại trừ cơn khát quyền lực. ‘Tự nhiên răng vuốt đỏ lòm[41]’. Có thể bà ta không muốn cậu tham gia vào tranh giành thừa kế.”

“Con trai ơi,” bố Andy thình lình ngẩng lên khỏi tờ *Financial Times*, “bố không nghĩ đây là một đề tài nói chuyện hay ho lắm đâu.”

“Ồ, thực tình con không hiểu sao Theo không thể ở đây với nhà mình chứ,” Andy nói lên chính ý nghĩ trong đầu tôi. “Con thích có cậu ấy ở cùng, mà phòng con thì rộng mênh mông.”

“À, rõ ràng là tất cả chúng ta đều muốn giữ cậu ấy cho mình rồi,” ông Barbour đáp lời với vẻ nhiệt tình không đủ sốt sắng mà cũng không đủ thành thực như tôi mong đợi. “Nhưng gia đình cậu ấy sẽ nghĩ sao? Theo như bố hiểu thì bắt cóc vẫn chưa được pháp luật ủng hộ đâu.”

“À, bố ạ, con thấy tình hình hiện giờ hẳn nhiên không thể xếp vào loại đó,” Andy nói bằng cái giọng xa vắng vẫn khiến người khác cáu tiết.

Ông Barbour chợt đứng phắt dậy, lon nước khoáng vẫn cầm trong tay. Ông không được uống rượu vì đang uống thuốc. “Theo, bác quên mất. Cháu có biết chạy tàu không?”

Mất một phút tôi mới hiểu ông đang hỏi cái gì. “Không ạ.”

“Ồ, dở quá. Andy đã vui *kinh khủng* ở trại hè tàu buồm trên

Maine năm ngoái, phải không con?"

Andy chỉ yên lặng. Đã mấy lần rồi nó kể với tôi đấy là hai tuần khổ sở nhất trong đời nó.

"Thế biết đọc cờ hiệu hàng hải không?" Ông Barbour hỏi tiếp.

"Là sao ạ?" Tôi hỏi.

"Trong phòng bác có một bản ký hiệu vô cùng kỹ lưỡng, nếu cháu muốn xem thì hay lắm. Đừng có nhăn nhó như vậy Andy. Đấy là một kỹ năng có ích, cậu bé nào biết được cũng tốt cả."

"Tất nhiên sẽ rất có ích khi cậu ấy cần vẫy tàu lai dắt chạy ngang qua."

"Lối bình phẩm tài khôn của con làm bố nhức cả đầu," ông Barbour nói, dù trông ông có vẻ lơ đãng hơn là cáu bẳn. "Chưa kể," ông lại quay sang tôi, "bác nghĩ cháu sẽ ngạc nhiên đấy, nếu biết cờ hàng hải xuất hiện thường đến mức nào, trong diễu binh, phim ảnh, và, hừm gì nhỉ, trong hí viện nữa."

Andy bĩu môi. "*Hí viện*," nó nói giọng nhạo báng.

Ông Barbour quay sang nhìn nó. "Vâng, *hí viện*. Con thấy chữ đó buồn cười lắm à?"

"Làm phách thì đúng hơn."

"Bố rất tiếc phải nói là bố không thấy có gì làm phách ở đây cả. Hẳn đấy chính là chữ cụ bà của con vẫn dùng." (Ông nội ông Barbour đã bị xóa tên khỏi danh sách thế gia Mỹ khi kết hôn với Olga Osgood, một nữ diễn viên điện ảnh hạng xoàng.)

"Chính vì thế."

"Thế con muốn bố gọi là gì?"

"Thực tình là, bố ạ, con băn khoăn lần cuối cùng bố đã nhìn

thấy cờ hiệu hàng hải trong *bất cứ* vở kịch nào là bao giờ kia."

"*South Pacific*," ông Barbour đáp mau mắn.

"Ngoài *South Pacific*."

"Bố đã chứng minh rồi."

"Con không tin là bố mẹ có từng xem *South Pacific*."

"Ô kìa, Andy."

"Hừm, kể cả xem rồi cũng thế. Một ví dụ không đủ để chứng minh."

"Bố khước từ tiếp tục cuộc nói chuyện ngớ ngẩn này. Đi nào, Theo."

vii.

Kể từ thời điểm này trở đi, tôi bắt đầu dốc hết sức mình làm một người khách kiểu mẫu: sáng sáng dọn giường, luôn nhớ nói cảm ơn và xin phép, làm tất cả những gì mà tôi biết là mẹ sẽ vui khi thấy tôi làm. Một điều hơi phiền là nhà Barbour không phải kiểu gia đình có thể bày tỏ lòng biết ơn bằng cách trông mấy đứa nhỏ, hay góp công rửa bát. Tính cả bà giúp việc vẫn đến chăm sóc cây - một công việc chẳng mấy tươi vui, vì căn hộ thiếu sáng đến nỗi cây nào cây nấy sớm muộn cũng chết cả - cùng trợ lý của bà Barbour, mà nhiệm vụ chủ yếu dường như chỉ là sắp xếp lại tủ ly cùng bộ sưu tập đồ sứ, thì có tổng cộng khoảng tám người làm cho nhà họ. (Khi tôi hỏi máy giặt đặt đâu, bà Barbour tặng tôi một cái nhìn như thể tôi xin kiềm và mỡ để tự đun làm xà phòng.)

Nhưng dù chẳng có đòi hỏi gì, thì cố gắng hòa nhập vào gia đình bóng loáng, rối rắm của họ vẫn khiến tôi nhức đầu kinh khủng. Tôi chỉ mong đúng một điều là được lặn hẳn vào nền cảnh

- vô hình giữa những hoa văn hoa lá kiểu phương Đông như con cá lẩn vào giữa san hô, nhưng trái lại, mỗi ngày phải đến cả trăm lượt tôi gây chú ý không mong muốn: bởi phải hỏi tìm từng thứ đồ nhỏ nhặt, dù chỉ là khăn lau hay băng vết thương cá nhân hay gọt bút chì; bởi không có chìa khóa, đi hay về đều phải bấm chuông cửa; bởi chính việc tôi cố gắng góp công bằng cách dọn giường mỗi sáng (cứ để Irenka hay Esperenza làm còn tốt hơn, bà Barbour bảo, vì họ quen việc và trải mép ga phẳng phiu hơn). Tôi làm gãy quả đấm trang trí nóc giá treo áo thuộc hàng đồ cổ khi mở tung cửa, hai lần lầm lẫn khiến còi chống trộm réo inh tai, lại còn một lần nhào vào giữa phòng ông bà chủ khi đi tìm nhà vệ sinh ban đêm.

May một điều là bố mẹ Andy chẳng mấy khi ở nhà nên chẳng thấy vướng bận gì tôi lắm. Trừ những hôm tiếp khách, bà Barbour thường rời căn hộ vào quãng mười một giờ sáng, trở vào nhà một hai tiếng trước bữa tối để uống gin pha chanh và "ngâm người tí chút" như bà nói - rồi lại mất mặt mãi đến khi chúng tôi đã đi ngủ. Ông Barbour còn vắng mặt nhiều hơn nữa, trừ vào dịp cuối tuần hay những lúc ông ngồi nhà ngoài, sau giờ làm, cầm cốc nước khoáng quấn khăn ăn, chờ bà Barbour vận đồ chuẩn bị ra ngoài.

Cho tới giờ thì vấn đề lớn nhất đối với tôi chỉ còn là đám anh em của Andy. Dù có cái may là Platt đã đến trường Groton gieo rắc kinh hoàng cho bọn nhỏ ở đó, thì Kitsey và đứa em út Toddy mới lên bảy rành rành là ghét việc thấy tôi chình ình ở đây, cướp nốt quãng thời gian ít ỏi của bố mẹ có thể dành cho mình. Tôi đã chịu đựng không biết bao nhiêu cơn hờn hay nổi đóa, đảo mắt và cười khẩy ở Kitsey, chưa kể kiểu phiền toái rất khó hiểu (theo tôi) và chưa bao giờ giải quyết được, là nó cứ càu nhàu suốt với bạn bè, mấy người giúp việc cũng như bất cứ ai chịu nghe, rằng tôi

vào phòng nó mó máy bộ sưu tập lợn bỏ ống trên giá bàn học. Còn Toddy thì ngày một thêm băn khoăn vì thấy tuần nối tuần tôi vẫn còn đây; sáng sáng nó trố mắt nhìn tôi không biết ngượng và liên tiếp hỏi những câu khiến mẹ nó phải thò tay bấu nó dưới bàn. Trước kia tôi sống ở đâu? Tôi còn định ở nhà họ bao lâu nữa? Tôi có bố không? Thế thì ông ta đâu rồi?

“Anh cũng đang thắc mắc điều đó,” tôi nói, làm bật lên một tràng cười kinh hoàng từ phía Kitsey; con bé rất được mến mộ ở trường và vào tuổi lên chín, nhan sắc bạch kim của nó đã sờ sờ chẳng kém gì Andy xấu xí.

viii.

Hãng chuyển đồ sẽ tới vào lúc nào đó để gói ghém đồ đạc của mẹ gửi đến nhà kho trữ đồ. Trước lúc đó, tôi được yêu cầu về căn hộ nhà mình, lấy mọi thứ gì tôi muốn hoặc cần. Trong đầu tôi vẫn nghĩ đến bức tranh một cách dai dẳng mà lại mơ hồ, rất không thích hợp với tầm quan trọng thực tế của nó, cứ như đấy là một bài thực hành ở trường chưa làm xong. Đến lúc nào đó tôi sẽ phải mang nó trả lại bảo tàng, dù lúc này còn chưa nghĩ ra làm cách nào để không gây ầm ĩ.

Chưa chi tôi đã lỡ thời cơ một lần rồi - khi bà Barbour xua khỏi căn hộ mấy người thanh tra đến tìm tôi. Nghĩa là: tôi đoán họ là thanh tra viên, hoặc cảnh sát không chừng, theo những gì bà chị trông trẻ người Wales tên Kellyn cho tôi biết. Hôm đó chị ta vừa đón Toddy từ nhà trẻ về thì mấy người lạ mặt xuất hiện, hỏi tìm tôi. “Comple hẳn hoi nhá,” chị ta nhướng một bên mày đầy ý nghĩa. Đấy là một cô gái phục phịch, lẻo miệng, má lúc nào cũng đỏ hồng như đang đứng cạnh lò sưởi. “Họ có cái vẻ đó.”

Tôi quá sợ không dám hỏi *vẻ đó* nghĩa là vẻ gì, và khi thận trọng đi vào nhà xem bà Barbour có muốn nói gì không, thì bà đang bận. "Bác rất tiếc," bà nói mà không nhìn về phía tôi, "nhưng chúng ta có thể để khi khác nói chuyện này không?" Chỉ còn nửa tiếng là khách đến, trong đó có một kiến trúc sư tài danh và một vũ công nổi tiếng trong đoàn ballet thành phố New York; bà còn đang loay hoay cài chưa được khóa dây cổ, và bực mình vì cái máy lạnh đang bị khật khừ.

"Có phải cháu đang gặp nguy không?"

Câu ấy buột ra khi tôi còn chưa biết mình đang nói gì. Bà Barbour dừng tay. "Theo, cháu đừng nghĩ nhảm," bà nói. "Họ rất tử tế, rất ân cần, nhưng vào lúc này thì bác không để họ quanh quẩn ở đây được. Đường đột xuất hiện chẳng thông báo trước. Dù sao bác cũng đã nói đây không phải lúc, mà họ cũng tự thấy đấy." Bà hươ tay chỉ bên nhà hàng bưng đồ ăn chạy tới lui, ông thợ máy đứng trên thang soi đèn pin xem ống gió máy lạnh. "Giờ đi chơi đi. Andy đâu?"

"Một tiếng nữa cậu ấy mới về ạ. Lớp thiên văn đi đến trung tâm quan sát thiên thể."

"Ừ, có đồ ăn trong bếp. Bác không đặt nhiều bánh tạc mini nên không được ăn, nhưng cháu muốn ăn bao nhiêu xăng-uých tùy thích. Bánh ngọt sau khi cắt rồi, cháu muốn ăn vài miếng cũng được."

Thái độ bà dửng dưng đến nỗi tôi quên khuấy vụ mấy người khách, tới khi họ đến tận trường tìm tôi ba ngày sau, vào giờ hình học, một già, một trẻ, ăn mặc vô hại, lễ phép gõ vào cánh cửa mở. "Xin phép hỏi Theodore Decker?" người trẻ có dáng dấp Ý hỏi thầy Borowsky trong khi người già thân thiện đưa mắt nhìn

quanh lớp.

“Các bác chỉ muốn nói chuyên với cháu thôi, được chứ?” người già hơn nói, trong lúc cả ba đi tới cái phòng họp đáng sợ nơi lẽ ra tôi đã ngồi cùng thầy Beeman và mẹ, cái ngày mẹ chết. “Đừng sợ.” Đấy là một ông da đen, đen trũi, để râu dê xám - nhìn dữ tợn, nhưng có vẻ cũng tốt tính, như một viên cảnh sát chịu chơi trên phim truyền hình. “Chẳng qua các bác đang cố xâu chuỗi rất nhiều sự việc ngày hôm đó, và hy vọng cháu giúp được một tay.”

Ban đầu họ làm tôi khiếp vía, nhưng cách ông ta nói *đừng sợ* đã khiến tôi tin, cho tới khi ông ta đẩy cửa phòng họp. Trong đó là đại cừu thù của tôi, thầy Beeman đội mũ lưỡi trai vải tuýt, vẫn khụng khiệng như mọi khi trong đủ bộ áo jacket và đồng hồ đeo dây, cả Enrique, tay nhân viên xã hội, bà Swanson, giáo viên tư vấn của trường (chính người đã khuyên tôi ném đá cục vào cây để vơi bớt nỗi lòng), tay bác sĩ thần kinh Dave mặc áo len cổ lọ và quần Levi đen như mọi khi - và tưởng tượng xem ai chứ, bà Barbour, đi giày cao gót bên bộ vét màu xám ngọc trai trông có vẻ đắt tiền hơn lương tháng của tất cả số người trong phòng cộng lại.

Nỗi kinh động chắc đã hiện ra sờ sờ trên mặt tôi. Hẳn là tôi sẽ không kinh hãi đến mức ấy nếu biết rõ hơn điều mà khi ấy tôi chưa hiểu: rằng tôi còn vị thành niên, và rằng phải có mặt bố mẹ hoặc người giám hộ cho tôi trong mọi cuộc nói chuyện với công quyền, chính vì thế mà tất cả những ai hơi có dính líu đến nhiệm vụ bảo vệ tôi đều được triệu tập. Nhưng điều duy nhất đến trong đầu tôi, khi nhìn thấy từng kia khuôn mặt cùng chiếc máy ghi âm đặt giữa bàn, đây là, những bên liên quan đã tập hợp lại đây để quyết định số phận tôi, để thanh toán tôi ra sao tùy ý họ.

Tôi ngồi cứng đơ, chịu trận những câu hỏi mào đầu (tôi có sở

thích nào không? có chơi môn thể thao nào không?) tới khi ai nấy đều thấy rõ rằng chuyện trò lót đường chẳng làm tôi bớt căng thẳng hơn tí nào hết.

Chuông hết tiết reo. Tiếng tủ đồ đập, tiếng người rì rào trong hành lang. "Mày *tiêu* rồi, Thalheim," một thằng bé ré lên khoái chí.

Tay người Ý - Ray, như anh ta tự xưng - kéo ghế đến ngồi trước mặt tôi, đầu gối hai bên đụng vào nhau. Anh ta còn trẻ nhưng đậm người, dáng vẻ như một tay tài xế limo hiền hậu, và đôi mắt cụp hình như ươn ướt, rơm rớm, ngái ngủ, như người say.

"Các chú chỉ muốn biết cháu nhớ những gì thôi," anh ta nói. "Thử khuấy động trí óc, hình dung đại thể về sáng hôm ấy, hiểu không? Vì nếu nhớ lại những việc nho nhỏ, biết đâu cháu sẽ nhớ được một điều có thể giúp ích cho các chú."

Anh ta ngồi gần đến nỗi tôi ngửi được cả mùi thuốc khử mùi. "Điều gì cơ ạ?"

"Sáng hôm ấy cháu ăn gì, chẳng hạn. Đấy cũng là một điểm bắt đầu hợp lý, hả?"

"Ừm..." tôi nhìn cái lắc tay vàng khắc tên của anh ta. Tôi không ngờ họ lại hỏi cái đó. Thực tế là: sáng hôm đó mẹ con tôi hoàn toàn không ăn gì, vì tôi đang bị quở mắng ở trường và mẹ thì quá bực, nhưng tôi ngượng không dám nói như thế.

"Cháu không nhớ à?"

"Bánh rán," rối trí, tôi buột ra.

"Thế hả?" Ray nhìn tôi tinh quái. "Mẹ cháu làm à?"

"Vâng."

“Thế bánh bỏ gì? Việt quất hay vụn sô-cô-la?”

Tôi gật.

“Cả hai?”

Tôi thấy cả phòng đổ dồn mắt vào mình. Rồi thầy Beeman nói, trịnh trọng như thể đang trong giờ Đạo đức Xã hội: “Không việc gì phải bịa ra câu trả lời nếu em không nhớ.”

Ông da den - ngồi trong góc phòng, cầm sổ ghi chép - liếc thầy Beeman một cái cháy xém cảnh cáo.

“Thực tình là hình như có một chút trục trặc về trí nhớ,” bà Swanson chen vào, thấp giọng, mân mê đôi kính đeo vào sợi dây trên cổ. Bà đã rất già, ưa mặc sơ mi trắng suông phồng, mái tóc bạc tết bím dài sau lưng. Lũ trẻ bị phái đến phòng bà nghe chỉ bảo vẫn gọi bà là “Bà Sư phụ”. Trong các giờ tư vấn ở trường, ngoài khuyên răn về tác dụng của đá cục, bà đã dạy tôi bài tập thở gồm ba phần để giải toả cảm xúc trong người, cũng như dạy tôi vẽ mandala[42] để thể hiện trái tim thương tổn. “Cậu bé bị đập đầu mà. Phải không Theo?”

“Thật thế à?” Ray đưa mắt nhìn tôi không giấu giếm.

“Vâng.”

“Cháu có đi khám bác sĩ không?”

“Không khám ngay,” bà Swanson nói.

Bà Barbour vắt tréo cổ chân. “Tôi có đưa cháu đến phòng cấp cứu bệnh viện Trưởng lão New York,” bà lạnh lùng nói. “Khi đến nhà tôi, cháu nói đang bị đau đầu. Phải mất khoảng một ngày trước khi cháu được khám. Hình như trước đó chẳng ai thèm hỏi thằng bé có đau ở đâu không.”

Enrique, người nhân viên xã hội mở miệng toan nói, nhưng một cái nhìn của ông da đen già hơn (Morris, tên ông ta chợt trở lại với tôi) đã làm ông ta ngậm miệng.

“Thế này nhé Theo,” anh chàng tên Ray nói và vỗ vào đầu gối tôi. “Chú biết là cháu muốn giúp các chú mà, cháu muốn giúp các chú, phải thế không?”

Tôi gật.

“Tốt lắm. Nhưng nếu các chú hỏi điều gì mà cháu không biết, thì cứ nói là cháu không biết, đừng sợ.”

“Các bác chỉ định đưa ra rất nhiều câu hỏi, xem có gợi lại được điều gì trong ký ức cháu không,” Morris nói. “Cháu thấy ổn chứ hả?”

“Cháu cần gì không?” Ray nói, mắt dõi vào tôi. “Uống nước nhé? Nước ngọt?”

Tôi lắc đầu - nước ngọt không được phép trong trường này - đúng lúc thầy Beeman nói, “Xin lỗi, nước ngọt không được phép uống trong trường này.”

Ray nhăn mặt vẻ *thôi đi* mà tôi không rõ thầy Beeman có thấy không. “Xin lỗi nhóc, chú cũng cố rồi,” anh ta nói khi quay lại phía tôi. “Để chú chạy ra ngoài quán mua cho cháu một lon nước ngọt sau, thế nhé? Giờ thì,” anh ta đập tay vào nhau. “Cháu nghĩ là mẹ con cháu đã vào bảo tàng được bao lâu trước vụ nổ đầu tiên?”

“Khoảng một giờ, chắc vậy ạ.”

“Chắc vậy hay chắc chắn vậy?”

“Chắc vậy.”

“Cháu nghĩ là hơn một giờ? Hay chưa tới một giờ?”

“Cháu không nghĩ là đã hơn một giờ,” ngừng một lúc thật lâu, tôi đáp.

“Cháu hãy mô tả mình còn nhớ gì về vụ việc.”

“Cháu không nhìn thấy gì,” tôi nói. “Tất cả đều đang bình thường thì bỗng chớp một cái rất lớn rồi ầm…”

“Chớp một cái rất lớn?”

“Ý cháu không phải thế. Cháu muốn nói là ầm một cái rất lớn.”

“Cháu nói là ‘ầm’,” người tên Morris bước tới trước, “Cháu có thể mô tả tường tận hơn một chút tiếng ầm ấy cụ thể nghe như thế nào không?”

“Cháu không biết nữa. Ầm… rất lớn thôi,” tôi nói thêm khi thấy họ vẫn nhìn mình như thể còn muốn chờ thêm gì nữa.

Trong khoảng im lặng tiếp theo, tôi nghe có tiếng píp píp lén lút: bà Barbour đang cúi đầu, giấu giếm đọc tin nhắn trên BlackBerry.

Morris hắng giọng. “Thế còn mùi?”

“Sao ạ?”

“Cháu có thấy mùi gì đặc biệt ngay trước đó không?”

“Cháu nghĩ là không.”

“Không có gì cả? Cháu chắc chứ?”

Trong lúc các câu hỏi cứ dội xuống - vẫn là những điều đó liên tục, xáo trộn đôi chút để làm tôi lẫn lộn, thỉnh thoảng lắm mới có câu mới đưa vào - tôi gồng mình, tuyệt vọng chờ tới cái lúc họ chuẩn bị đề cập tới bức tranh. Đơn giản là tôi sẽ phải thú nhận và

gánh chịu hậu quả thôi, dù hậu quả có thế nào (hẳn là nặng, bởi tôi đã quá nửa đường làm một đứa cô nhi được bang bảo trợ). Có một hai lúc, nỗi kinh hoàng đã khiến tôi suýt phun ra. Nhưng càng nghe họ hỏi (tôi bị đập đầu ở đâu? Đã gặp hay nói chuyện với ai trên đường xuống?) tôi càng vỡ lẽ rằng họ chẳng biết mảy may tôi đã gặp phải chuyện gì - tôi ở phòng nào khi bom nổ, hay thậm chí đi lối nào ra khỏi đó.

Họ mang theo sơ đồ tầng nhà, các phòng đều đánh số chứ không có tên, Phòng 19A và Phòng 19B, các số và chữ sắp hàng như ma trận lên đến 27. “Có phải cháu ở đây khi đợt nổ thứ nhất bắt đầu không?” Ray hỏi, chỉ vào sơ đồ. “Hay là ở đây?”

“Cháu không biết.”

“Cứ thư thả.”

“Cháu không biết, tôi lặp lại có phần cuống quýt. Tờ bản đồ phòng trông rất rối loạn, kiểu kỹ thuật số, như trong trò chơi máy tính hay hình phục dựng boong ke của Hitler mà tôi đã xem trên kênh Lịch sử, và thật tình tôi chẳng hiểu chút gì, cũng không thể liên hệ với khung cảnh còn nhớ trong đầu.

Anh ta chỉ vào một điểm khác. “Thấy ô này không?” anh ta hỏi. “Đấy là một cái bệ trưng bày, trên có đặt tranh. Chú biết là phòng nào trông cũng giống phòng nào, nhưng có khi cháu nhớ được mình ở đâu so với nó?”

Tôi trân trân nhìn sơ đồ, không trả lời. (Một phần nguyên do trông nó xa lạ như vậy là vì đấy là khu vực tìm thấy thi thể mẹ, cách hàng mấy phòng từ nơi tôi đứng khi bom phát nổ, dù phải sau này tôi mới biết điều đó.)

“Cháu không gặp ai trên đường ra,” Morris khích lệ, nhắc lại điều tôi đã nói với họ.

http://tieulun.hopto.org

Tôi lắc đầu.

“Không nhớ gì hết à?”

“À, thì có... người chết bị phủ kín. Đồ đạc khắp xung quanh.”

“Không ai đi vào hay ra khỏi khu vực nổ.”

“Cháu không thấy ai cả,” tôi bướng bỉnh nhắc lại. Câu này đã hỏi mấy lần.

“Vậy cháu không gặp lính cứu hỏa cũng như nhân viên cứu hộ.”

“Không.”

“Vậy thì chúng ta có thể kết luận rằng họ đã được lệnh rời khỏi tòa nhà khi cháu tỉnh lại. Tức là có một quãng thời gian trống chừng bốn mươi phút tới một tiếng rưỡi sau vụ nổ đầu tiên. Ước lượng như vậy có hợp lý không?”

Tôi nhún vai yếu ớt.

“Vậy là có hay không?”

Mắt dán xuống sàn. “Cháu không biết.”

“Cháu không biết cái gì?”

“Cháu không biết,” tôi nhắc lại, và khoảng im lặng tiếp theo dài và ức chế đến nỗi tôi tưởng mình sắp òa khóc.

“Cháu có nhớ mình nghe thấy vụ nổ thứ hai không?”

“Xin lỗi cho tôi hỏi,” thầy Beeman nói, “nhưng có nhất thiết phải thế không?”

Ray, người đang hỏi tôi, quay mình lại. “Xin lỗi?”

“Tôi không nghĩ là mình hiểu bắt cậu bé chịu đựng như thế nhằm mục đích gì.”

http://tieulun.hopto.org

Lấy giọng hết sức khách quan, Morris đáp, “Chúng tôi đang điều tra một hiện trường tội phạm. Nhiệm vụ của chúng tôi là phải tìm hiểu xem cái gì đã xảy ra ở đó.”

“Phải, nhưng hẳn các anh phải có phương pháp khác cho những vấn đề quen thuộc như thế chứ. Tôi nghĩ họ phải có đủ kiểu máy quay an ninh trong đó mới phải.”

“Tất nhiên là có rồi,” Ray nói hơi gắt “Chỉ có điều máy quay không nhìn xuyên được khói và đất bụi. Hoặc máy quay có thể bị nổ tung chĩa lên trần nhà. Giờ thì,” anh ta nói và thở dài, thả mình trong ghế. “Cháu nói là có khói. Cháu ngửi thấy, hay nhìn thấy nó?”

Tôi gật.

“Ngửi? Hay nhìn?”

“Cả hai.”

“ Cháu nghĩ khói đến từ đâu?”

Tôi định đáp không biết lần nữa, nhưng thầy Beeman còn chưa nói xong ý mình. “Xin lỗi các vị chứ, nhưng tôi chẳng hiểu nổi máy quay an ninh để làm quái gì nếu lúc gặp việc không hoạt động được,” ông ta nói bâng quơ với cả phòng. “Công nghệ ngày nay, rồi còn bao nhiêu tác phẩm trong đó…”

Ray quay đầu như định quát lên, nhưng Morris đang đứng trong góc nhà đã giơ tay lên tiếng.

“Cậu bé, là một nhân chứng quan trọng. Hệ thống theo dõi không được chuẩn bị cho một tình huống như thế. Giờ thì tôi xin lỗi, nhưng nếu ông không thể ngưng phát biểu thì chúng tôi buộc phải mời ông rời khỏi đây.”

“Tôi có mặt để bảo vệ cho cậu bé. Tôi có quyền đặt câu hỏi.”

“Chỉ những câu hỏi liên quan trực tiếp đến quyền lợi của cậu bé mà thôi.”

“Thật kỳ, tôi lại thấy là có liên quan đấy.”

Đến lúc này thì Ray, trên chiếc ghế trước mặt tôi, quay người lại. “Thưa ông? Nếu ông cứ tiếp tục gây cản trở cho việc điều tra?” anh ta nói. “Thì ông sẽ *phải* rời khỏi phòng đấy.”

“Tôi không hề có ý định cản trở hai anh,” thầy Beeman nói trong khoảng im lặng ngột ngạt tiếp theo. “Tuyệt đối không có ý định đó, tôi cam đoan đấy. Xin mời các anh tiếp tục đi,” ông ta nói và bực bội phẩy tay. “Tôi mà lại muốn ngăn hai anh à.”

Cứ thế các câu hỏi dằng dai mãi. Khói bay đến từ phía nào? Ánh chớp có màu gì? Ai đi vào hoặc ra khỏi khu vực ấy ngay trước đó? Tôi có để ý thấy điều gì bất thường, hoặc bất cứ điều gì, trước hay sau đó không? Tôi nhìn những bức ảnh họ bày ra trước mặt: chỉ là những du khách vô tư, không có ai quen thuộc. Ảnh chân dung những khách du lịch châu Á, những ông bà già, những bà mẹ trẻ, những thiếu niên trứng cá, mỉm cười trên nền xanh: những bộ mặt thông thường, không có gì đáng nhớ, nhưng không hiểu sao đều bốc mùi bi thảm. Rồi chúng tôi trở lại với sơ đồ. Có lẽ tôi nên cố thử, một lần nữa thôi, xem có xác định được vị trí mình trên đó không? Ở đây, hay là đây? Còn đây thì sao?

“Cháu không nhớ.” Tôi cứ nói hoài nói, phần vì tôi cũng không rõ, phần vì tôi đang hoảng sợ chỉ mong cuộc đối thoại chóng kết thúc, nhưng còn vì bầu không khí trong phòng đã trở nên sốt ruột rõ rệt: đám người lớn còn lại dường như đã lặng lẽ đồng ý với nhau rằng tôi chẳng biết quái gì hết, tốt nhất là để tôi yên.

Và rồi khi chưa kịp nhận ra, tất cả đã kết thúc. “Theo,” Ray nói khi đứng dậy đặt bàn tay nung núc thịt lên vai tôi, “chú có lời

cảm ơn cháu, cậu bé ạ, vì đã hết sức cộng tác với các chú."

"Không có gì ạ," tôi đáp, vẫn còn giật mình khi thấy chấm dứt lại đột ngột như thế.

"Chú hiểu rõ cháu thấy chuyện này khó khăn ra sao. Không ai, không có ai muốn trải qua lần nữa những chuyện như thế này hết. Chỉ là..." anh ta giơ hai bàn tay làm khung ảnh, "các chú đang thu thập từng mảnh một bức tranh xếp hình, cố gắng tìm hiểu xem cái gì đã xảy ra ở đó, và biết đâu cháu có vài mảnh trong tay, mà không ai khác có cả. Cháu đồng ý nói chuyện là đã giúp cho các chú nhiều lắm."

"Nếu cháu còn nhớ lại gì nữa," Morris nói và cúi người tới đưa tôi danh thiếp (đã bị bà Barbour cướp ngay lấy nhét vào ví bà), "thì cứ gọi cho các bác nhé, chịu không? Bà sẽ nhắc nhở cháu chứ, thưa bà," ông ta nói với bà Barbour, "nói cháu gọi cho chúng tôi nếu còn nhớ ra gì khác? Số trụ sở viết ngay trên thiếp, nhưng..." ông ta rút bút trong túi, "bà không phiền cho tôi xin lại một phút chứ?"

Không nói một lời, bà Barbour mở túi, trao lại tấm thiếp cho ông ta.

"Rồi, rồi." Ông ta bấm bút, viết loằng ngoằng một con số lên lưng thiếp. "Đấy là số di động của tôi. Cháu để lại lời nhắn ở trụ sở lúc nào cũng được, nhưng nếu không gặp bác ở đó, hãy gọi số di động, được chứ?"

Khi mọi người đang chen nhau ra lối cửa, bà Swanson lướt tới ôm chầm lấy tôi, vẻ thân mật như mọi khi. "Chào cháu," bà nói, giọng tin cẩn, như thể bà là bạn thân nhất của tôi trên thế giới. "Tình hình sao rồi?"

Tôi nhìn đi chỗ khác, làm vẻ mặt *cháu nghĩ là ổn thôi*.

Bà ve vuốt tay tôi như ve vuốt con mèo cưng nhất. “Mừng cho cháu. Bà biết hẳn là khó chịu lắm. Cháu có muốn qua phòng bà vài phút không?”

Âu sầu, tôi nhận ra tay bác sĩ Dave đang lượn lờ đằng sau, sau nữa là Enrique đang chống tay lên hông, mặt thoáng nét cười chờ đợi.

“Xin bà,” tôi nói, và nỗi tuyệt vọng hẳn đã vang lên trong giọng tôi, “cháu chỉ muốn về lớp thôi.”

Bà bóp chặt tay tôi và - tôi thấy rõ - ném ánh mắt về phía Dave và Enrique. “Phải rồi,” bà nói. “Tiết này cháu học phòng nào? Bà đưa cháu tới đó.”

ix.

TỚI LÚC ĐÓ ĐÃ LÀ GIỜ NGỮ VĂN, tiết cuối trong ngày. Chúng tôi đang học thơ Walt Whitman:

Thiên Vương sẽ hiện ra - hãy kiên nhẫn, trở lại đây đêm khác, Thất tinh sẽ hiện ra,

Chúng bất tử, mọi vì sao bạc sao vàng ấy sẽ đốt lên lần nữa.

Những bộ mặt vô cảm. Lớp học vào chiều muộn nóng và ủ rũ, cửa sổ mở toang, tiếng xe cộ từ dưới Đại lộ West End vẳng lên. Lũ học trò tì người trên khuỷu tay, vẽ bậy bên lề những quyển vở gáy xoắn.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ, ngó bồn nước cáu bụi trên mái nhà đối diện. Cuộc hỏi cung (theo cảm tưởng của tôi) đã khiến tôi chấn động ghê gớm, khuấy lên cả một tường thành những cảm giác rời rạc vẫn giáng xuống tôi vào những thời điểm bất chợt: cảm giác bỏng tức thở từ hóa chất và khói, tia lửa và dây thép,

ánh trắng xóa rợn người từ những cây đèn ắc quy, ập đến khiến tôi hóa ra đờ đẫn. Chúng vẫn ào tới vào những lúc bất kỳ, ở trường hay trên phố: đông cứng tại chỗ khi cơn sóng lại táp lên tôi, đôi mắt cô bé hút lấy mắt tôi trong tích tắc lạ kỳ méo mó trước khi thế giới tan tành. Đôi khi tôi vụt tỉnh, không biết người ta vừa nói gì với mình, chỉ thấy bạn thí nghiệm trong giờ sinh học đang trố mắt nhìn, hay người bị tôi chắn đường trước tủ nước ngọt ướp lạnh trong chợ Hàn Quốc đang bảo *ê nhóc, tránh ra, tao không có cả ngày đâu.*

Vậy thì bé yêu ơi sao con thương tiếc mình Thiên Vương?

Sao con chỉ nghĩ về ngàn sao vùi chôn?

Trong số những bức ảnh họ cho xem tôi không nhận ra cô bé ở đâu, ông già cũng vậy. Lặng lẽ, tôi thò tay trái vào túi áo sờ tìm chiếc nhẫn. Trong bảng từ mới mấy hôm trước đã có thêm từ *consanguinity*: gắn bó qua dòng máu. Gương mặt ông già đã nát bấy tới mức tôi không còn biết đích xác trông ông thế nào, nhưng tôi vẫn nhớ rõ cảm giác trơn nhẫy âm ấm của máu ông trên tay tôi - nhất là vì gần như máu ấy vẫn còn đó, tôi vẫn ngửi thấy nó, nếm thấy trong miệng mình, và tôi đã hiểu vì sao lại nói huynh đệ cắt máu ăn thề, hay là máu khiến người ta khăng khít. Trong môn Ngữ văn chúng tôi đã học *Macbeth* ở học kỳ thu, nhưng phải đến giờ tôi mới bắt đầu hiểu sao phu nhân Macbeth chẳng thể kỳ cọ máu sạch khỏi tay, vì sao máu ấy vẫn còn lại dẫu bà ta gắng rửa.

x.

Bởi có vẻ thỉnh thoảng tôi làm Andy thức giấc vì lăn lộn la thét trong khi ngủ, nên bà Barbour đã bắt đầu cho tôi uống một viên

thuốc nhỏ màu xanh tên là Elavil, mà theo bà sẽ giúp tôi khỏi hoảng sợ trong đêm. Điều đó làm tôi khá xấu hổ, nhất là vì cũng chẳng phải ác mộng hẳn hoi mà chỉ là những khúc đoạn lo âu, thấy mẹ tan làm muộn nên bị lỡ xe về - đôi khi tít trên mạn bắc, một khu hoang tàn lửa thiêu nào đó giữa nghĩa địa xe hơi và lũ chó bị xích ở sân nhà sủa ông ổng. Phiền muộn, tôi tìm mẹ trong những thang máy chở hàng và những căn nhà bỏ không, chờ mẹ trong màn đêm nơi những trạm xe buýt lạ, chạy đuổi theo những phụ nữ trông nhang nhác mẹ hiện bên cửa sổ những toa tàu vụt qua, chậm một khắc nghe điện thoại khi mẹ gọi đến nhà Barbour tìm tôi - những nỗi thất vọng, những cú vồ hụt khiến tôi vật vã rồi choàng mở mắt, hít mạnh hơi, nôn nao vã mồ hôi trong ánh sáng ban ngày. Đáng ghét nhất không phải lúc đi tìm mẹ, mà là lúc tỉnh dậy, nhớ ra mẹ đã qua đời.

Nhờ mấy viên thuốc xanh mà ngay cả những giấc mơ kiểu đó cũng tan vào màn đêm ngạt khí. (Bây giờ tôi nhận ra điều mà lúc đó không để ý, rằng bà Barbour đã làm điều trái phép vì dám cho tôi thuốc ngoài luồng, thêm vào số con nhộng vàng và quả trám cam tí tẹo mà tay bác sĩ thần kinh Dave kê đơn cho tôi.) Khi giấc ngủ đến, tôi như lăn xuống hố đen, và thường thì sáng dậy rất khó mở mắt.

“Trà đen là thứ cháu cần,” một sáng ông Barbour nói khi thấy tôi lờ đờ gà gật trong bữa sáng, rồi rót cho tôi một tách từ ấm trà ủ kỹ của chính ông. “Assam thượng hạng. Đặc ngang với mẹ bác thường pha ngày xưa. Thuốc men sẽ được gột sạch khỏi máu cháu cho mà xem. Biết Judy Garland không? Mỗi lần sắp diễn? Bà của bác kể rằng Sid Luft suốt ngày gọi điện xuống nhà hàng Tàu, gọi một ấm trà thật lớn để gột sạch thuốc an thần trong máu bà ấy, bác nghĩ là ở London thì phải, rạp Palladium, chỉ có mỗi trà đen là hiệu quả, đôi khi người ta còn không đánh thức nổi bà ấy

dậy, cháu tưởng tượng được không, nội việc lôi bà ấy khỏi giường và bắt mặc đồ diễn…”

“Không được để cháu nó uống thứ đó, cái đó không khác gì axit lỏng,” bà Barbour đáp khi thả hai viên đường và đổ một lượt kem lớn vào tách rồi mới trao cho tôi. “Theo, bác không muốn suốt ngày ta thán việc này; nhưng cháu phải ăn gì đi.”

“Vâng ạ,” tôi ngái ngủ đáp nhưng vẫn không làm động tác gì về phía cái bánh việt quất trước mặt. Đồ ăn trong miệng cảm giác như giấy bìa; hàng tuần rồi tôi không thấy đói.

“Hay cháu ăn bánh mì quế? Hoặc cháo yến mạch nhé?”

“Thật ngớ ngẩn là bố mẹ không cho chúng con uống cà phê,” Andy nói; cậu ta có thói quen tự mua một cốc Starbucks thật lớn trên đường đi học cũng như về nhà, ngày nào cũng vậy, mà hai bậc phụ huynh chẳng hề biết. “Đúng là đi sau thời đại kinh khủng khiếp.”

“Có thể,” bà Barbour lạnh lùng đáp.

“Nửa cốc cũng được rồi. Thật vô lý là mẹ lại muốn con đi học Hóa nâng cao lúc 8 giờ 45 phút sáng trong khi chả có tí caffein nào trong người cả.”

“Thương quá, thương quá,” ông Barbour nói mà không rời mắt khỏi tờ báo.

“Thực tế là, mẹ biết điều đó không đúng,” bà Barbour đáp. “Betsy Ingersoll bảo mẹ rằng…”

“Có thể bà Ingersoll không cho *Sabine* uống cà phê, nhưng một cốc cà phê thì chẳng đời nào giúp được Sabine Ingersoll chui vào bất kỳ lớp nâng cao nào cả.”

“Thật không cần thiết, Andy ạ, lại rất độc địa nữa.”

“Sự thật là thế mà,” Andy đáp đơn giản. “Sabine ngu như chuột ấy. Con nghĩ nó bảo vệ sức khỏe thì cũng đúng thôi, vì ngoài thứ đó ra nó chẳng có gì cả.”

“Thông minh không phải là tất cả, con yêu ạ. Cháu muốn ăn trứng không, để Etta nhúng một quả?” bà Barbour đã chuyển sang tôi. “Hay là trứng rán? Trứng bác? Cháu muốn gì cũng được.”

“Con thích trứng bác!” Toddy nói. “Con ăn bốn quả cũng được!”

“Không được đâu, nhóc à!” ông Barbour đáp.

“Được mà! Con ăn được sáu nữa cơ! Cả hộp con cũng ăn hết!”

“Đâu có phải là con đòi Dexedrine đâu,” Andy nói. “Mặc dù nếu muốn thì con kiếm ở trường dễ ợt.”

“Theo?” bà Barbour nhắc. Tôi nhận ra bà bếp Etta đang đứng chờ ở cửa “Ăn trứng nhé?”

“Chẳng có ai hỏi *bọn con* muốn ăn sáng cái gì cả,” Kitsey lèo nhèo, và mặc dù nó nói rất to nhưng cả phòng đều làm bộ không nghe thấy.

xi.

MỘT SÁNG CHỦ NHẬT, tôi trồi lên được vào ánh sáng từ một giấc mơ nặng trĩu và phức tạp, không còn lưu giữ lại gì ngoài cảm giác ù ù trong tai và nỗi đau vì thứ gì đó đã vuột khỏi tay, rơi vào đáy vực khiến tôi không bao giờ còn gặp lại. Nhưng không hiểu sao, từ giữa cảm giác chìm nghỉm nặng nề ấy, những đầu mối đứt đoạn, những mảnh vỡ đánh mất không dò được ấy, lại có một câu nói nổi lên, lấp lánh trên nền đen như một dòng tin bò chậm chậm ngang qua bên dưới màn hình tivi: *Hobart và Blackwell.*

Nhấn cái chuông xanh.

Tôi nằm im nhìn trần nhà, không muốn động đậy. Những tiếng ấy rõ ràng trong vắt cứ như có ai đó đã gõ ra mảnh giấy rồi trao cho tôi. Và tuyệt diệu nhất là, cả một mảng hồi ức lãng quên đã theo chúng mở ra, nổi lên bề mặt, như thể những viên giấy nhỏ mua ở Phố Tàu hễ thả vào cốc nước là nổ tung thành những đóa hoa.

Trôi nổi giữa cảm giác về một điều hết sức quan trọng, nỗi ngờ vực lại đến với tôi: đấy có phải ký ức thật chăng? ông đã thực sự nói với tôi như thế? hay chỉ là mơ? Ít lâu trước khi mẹ mất, có lần tôi tỉnh dậy mà tin chắc là một bà giáo tên là Malt (không tồn tại) đã bỏ vụn thủy tinh nghiền vào đồ ăn để phạt tôi tội vô kỷ luật - đấy là kết quả một chuỗi sự kiện cực kỳ logic trong thế giới giấc mơ - và tôi đã nằm sợ hãi suốt mấy phút trước khi tỉnh hẳn.

"Andy?" Tôi hỏi, rồi nhoài người nhìn xuống tầng giường dưới không có ai.

Nằm chong chong mất một lúc, vẫn nhìn trần nhà, tôi trèo xuống lôi cái nhẫn ra từ trong túi áo khoác đồng phục, giơ lên nhìn dòng chữ khắc dưới ánh sáng. Rồi thật nhanh, tôi cất nó đi rồi mặc đồ. Andy đã dậy cùng với mọi người nhà Barbour, đang ăn sáng - bữa sáng Chủ nhật rất được coi trọng ở nhà này, tôi đã nghe thấy cả nhà trong phòng ăn, ông Barbour đang nói gì đó rất dài và không rõ như thường lệ, ông ưa tràng giang đại hải về một vấn đề. Nấn ná ở hành lang một chút, tôi rẽ hướng ngược lại đi về phòng chung, lấy ra cuốn Trang Trắng bọc bìa thêu mũi nhỏ từ trong chiếc tủ nhỏ đặt điện thoại.

Hobart và Blackwell. Tìm thấy rồi - đấy rõ rệt là một nơi kinh doanh, dù ở đây không nói là kinh doanh thứ gì. Tôi thấy hơi chóng mặt. Dòng chữ giấy trắng mực đen khiến tôi phấn khích lạ

lùng, như thấy những mảnh ghép vô hình rơi vào chỗ.

Địa chỉ ghi ở Làng Greenwich, Phố 10 Tây. Băn khoăn một lúc, lo ngại rất nhiều, tôi cũng bấm số điện thoại.

Trong lúc đợi chuông reo, tôi nghịch cái đồng hồ xách tay bằng đồng trên bàn trong phòng, cắn môi dưới, nhìn những tấm tranh lồng khung vẽ các loài chim nước trên bàn điện thoại: Nhàn đầu xám, Cốc bút lông, Ó cá, Gà nước Ấn. Tôi chưa nghĩ ra sẽ giải thích mình là ai hay hỏi thông tin cần biết bằng cách nào.

"Theo?"

Tôi giật bắn mình như bị bắt quả tang. Bà Barbour mặc áo len cashmere màu tơ nhện xám vừa ghé vào, tay cầm cốc cà phê.

"Cháu làm gì thế?"

Đầu dây bên kia vẫn đổ chuông. "Không có gì ạ," tôi đáp.

"Nhanh lên. Đĩa của cháu sắp nguội rồi. Etta làm bánh mì nướng kiểu Pháp."

"Cảm ơn bác," tôi nói, "cháu đến ngay," giữa khi giọng nói ghi âm của công ty điện thoại yêu cầu quý khách hãy gọi lại sau.

Tôi đi tới chiếc bàn giữa nhà Barbour mà vẫn nghĩ về chuyện đó - cứ hy vọng ít ra cũng gặp máy trả lời tự động - và sửng sốt làm sao, ở ghế của tôi mọi khi không ai khác mà chính Platt Barbour đang ngồi (bự con hơn và đỏ mày say mặt hơn nhiều so với lần cuối cùng tôi gặp).

"À," ông Barbour ngắt giữa câu nói dở, lấy khăn ăn chấm môi rồi đứng bật dậy, "đây rồi, đây rồi. Chào buổi sáng. Cháu còn nhớ Platt chứ? Platt, đây là Theodore Decker - bạn của Andy, con nhớ không?" Trong lúc nói, ông đã rời khỏi phòng đi lấy thêm một ghế nữa, rồi nhét vào cho tôi rất vụng về ở góc bàn.

Khi tôi ngồi xuống chầu rìa cả nhóm - thấp hơn tất cả đến chục phân, ngồi trong cái ghế tre lỏng không không hợp bộ - Platt nhìn trả tôi thờ ơ, rồi ngó sang chỗ khác. Anh ta từ trường về nhà để dự tiệc, trông có vẻ còn đang say rượu.

Ông Barbour đã ngồi lại chỗ, tiếp tục chủ đề yêu thích của mình: đi tàu. “Bố đang nói dở. Tất cả là do thiếu tự tin. Con không tin vào mình khi lên tàu đáy bằng, Andy à,” ông tiếp, “và chẳng có lý do gì phải như thế cả, chỉ là do con thiếu kinh nghiệm điều khiển tàu một mình mà thôi.”

“Không hề,” Andy đáp bằng giọng xa vắng mọi khi. “Vấn đề cốt yếu là ở chỗ con ghét đi tàu.”

“Vớ vẩn nào,” ông Barbour đáp và nháy mắt với tôi như một kẻ đồng lõa, dù tôi không hiểu câu đùa. “Bố không chấp nhận cái lối lờ đờ nước hến ấy đâu! Hãy nhìn bức ảnh trên tường trong phòng chụp ở Sanibel mùa xuân hai năm trước kìa! Cậu bé ấy đâu hề chán ghét biển, bầu trời và những vì sao, không đời nào.”

Andy ngồi yên ngắm cảnh trời tuyết trên bình xi rô lá phong, còn ông bố thao thao bất tuyệt một cách vòng vèo khó theo dõi về tác dụng của đi tàu với việc rèn luyện tính kỷ luật và phản xạ ở đàn ông con trai, cùng đức tính kiên cường như những nhà hàng hải thời cổ. Như Andy đã kể với tôi, mấy năm trước nó chẳng phản đối lên tàu lắm vì hồi ấy còn được ở yên trong cabin đọc sách, chơi cờ với hai đứa em. Nhưng giờ thì nó đã đủ tuổi giúp chạy việc rồi, nghĩa là sẽ phải dành nhiều ngày dài căng thẳng hứng nắng và lao khổ trên boong, bên gã Platt chỉ thích bóp mũi thằng em: hụp người luồn dưới sào buồm, lao đao không xác định được phương hướng, khó lắm mới khỏi vướng phải dây nhợ hoặc lao đầu qua thành tàu trong khi ông bố quát thét ra lệnh và sung sướng tắm trong hơi nước mặn.

http://tieulun.hopto.org

“Chà, nhớ ánh sáng cái đợt đi Sanibel ấy chứ?” Bố Andy ngả người ra ghế, đảo mắt nhìn trần nhà. “Có *diệu kỳ* không nào? Hoàng hôn đỏ ối rực rỡ? Lửa và than? Không khác gì bom nguyên tử? Lửa thuần khiết xé *toang* rồi đổ *ập* xuống từ trên trời? Nhớ mặt trăng tròn mê tơi nằm giữa một quầng sương mù lam không, ở gần Hatteras ấy - có phải y như Maxfield Parrish không nhỉ, Samantha?”

“Mình nói gì kia?”

“Maxfield Parrish[43]? Ông họa sĩ tôi vẫn thích ấy? Hay vẽ bầu trời lồng lộng, mình biết mà...” - Ông dang rộng hai tay - “có những cột mây lừng lững ấy? Xin lỗi Theo, không cố ý làm cháu dập mũi.”

“Constable[44] mới vẽ mây.”

“Không, ý tôi không nói ông đó, ông này làm người ta mê đắm hơn nhiều. Dù sao thì - bố xin thề, cái bầu trời đêm ngoài biển hôm ấy mới *kỳ tuyệt* làm sao. Thật ma thuật. Thật *thần tiên*.”

“Đêm nào cơ?”

“Đừng có nói là con không nhớ chứ! Đấy là kỷ niệm đáng nhớ nhất cả chuyến đi!”

Platt đã rụt người lại trong ghế, cất giọng tai nghiệt: “Kỷ niệm đáng nhớ nhất cả chuyến đi với Andy là khi chúng ta dừng lại ăn trưa ở quán ăn vặt.”

Andy nói lí nhí, “Mẹ cũng không thích đi tàu.”

“Không thích phát cuồng như bố,” bà Barbour với lấy một quả dâu nữa. “Theo, bác mong ít nhất cháu cũng ăn một miếng nhỏ. Cháu không thể nhịn đói mãi thế được. Trông cháu gầy vêu vao rồi.”

Mặc cho những bài giảng ứng tác về cờ hiệu trong văn phòng ông Barbour, tôi cũng chẳng lấy làm hào hứng với chủ đề này lắm. “Bởi món quà lớn nhất mà ông từng tặng bố là gì biết không?” ông Barbour vẫn đang say sưa nói. “Đấy là biển. Tình yêu biển cả - *cảm xúc* nơi biển cả. Ông *đã tặng đại dương cho bố*. Và đúng là một tổn thất đau buồn với con, Andy à - Andy, nhìn bố đây này, bố đang nói với con đấy - một tổn thất to lớn nếu con đã quyết định chối từ chính thứ đã mang lại cho bố *tự do* và...”

“Con đã cố thích nó rồi. Nhưng con ghét nó từ trong bản chất.”

“Ghét?” Kinh ngạc - sững sờ. “Ghét cái gì? Ghét sao và gió ư? Ghét trời và biển ư? Ghét cảm giác *tự do* ư?”

“Nếu tất cả những thứ đó liên quan đến đi tàu - con ghét ”

“Ồ...” - nhìn quanh bàn, ánh mắt cầu khẩn đến cả tôi - “giờ thì nó đúng là cứng đầu cứng cổ thôi. Biển...” - lại với Andy - “con muốn xua đuổi thế nào cũng được, nhưng đấy là *quyền bẩm sinh* của con, nó nằm trong máu con, từ tận thời người Phoenicia, từ dân *Hy Lạp* cổ đại...”

Nhưng trong lúc ông Barbour tiếp tục tràng giang về Magellan cùng xác định phương hướng nhờ thiên văn và *Billy Budd* (“Ta nhớ Taff xứ Wales khi chìm xuống / Sắc ửng hồng điểm phớt má chàng”), những ý nghĩ của tôi lại trở về với Hobart và Blackwell: họ là ai, đích xác ra thì họ làm gì? Hai cái tên nghe như một cặp trạng sư già mốc meo, hoặc có khi là nhà ảo thuật cũng nên, hai kẻ đồng sự lần mò trong bóng tối chỉ thắp nến.

Có vẻ là dấu hiệu khả quan khi số điện thoại ấy vẫn đang hoạt động. Điện thoại nhà tôi thì đã ngắt rồi. Ngay khi tìm được cớ chuồn êm khỏi bàn ăn sáng cùng đĩa thức ăn chưa đụng đến, tôi quay lại bên điện thoại, Irenka đang loay hoay khắp phòng để hút

bụi và lau phủi đủ thứ đồ bày xung quanh, còn Kitsey ngồi máy tính ở đầu kia phòng, nhất quyết không chịu dù chỉ nhìn về phía tôi.

“Cậu gọi ai thế?” Andy hỏi - giống như cả gia đình, cậu ta có lối đi lặng lẽ đến nỗi đã tới đằng sau mà tôi không nhận ra.

Tôi chắc đã chẳng kể ra điều gì nếu không biết cậu ta rất giỏi giữ miệng. Andy chẳng bao giờ nói gì với ai, với bố mẹ lại càng không.

“Có mấy người này,” tôi nói thật khẽ, thậm chí còn đứng lùi lại một chút để ngoài cửa không thể thấy tôi. “Tớ biết là nghe kỳ lắm. Nhưng cậu có nhớ cái nhẫn của tớ không?”

Tôi kể về ông già, và đang cố nghĩ cách kể về cả cô bé, về mối liên hệ tôi đã cảm thấy giữa tôi với cô và khát khao muốn gặp lại cô. Nhưng Andy, theo đúng kiểu cậu ta, đã vượt lên trước, bỏ qua khía cạnh cá nhân để đi đến phương án tổ chức của sự việc. Cậu ta ngó cuốn Trang Trắng đang để mở trên bàn điện thoại. “Họ ở trong thành phố à?”

“Phố 10 Tây.”

Andy hắt hơi rồi hỉ mũi; chứng dị ứng theo mùa đang hành hạ cậu khổ sở. “Nếu không gọi được,” cậu ta nói sau khi gập khăn cất lại vào túi, “thì cậu đến đấy thử xem?”

“Được à?” tôi hỏi. Không gọi mà đến có vẻ đáng ngờ thế nào ấy. “Cậu nghĩ là được không?”

“Tớ thì sẽ làm thế.”

“Không biết nữa,” tôi đáp. “Có thể họ không nhớ tớ.”

“Nếu nhìn thấy cậu tận mắt họ sẽ dễ nhớ ra hơn,” Andy nói rất có lý. “Nếu không, ai biết được cậu là thằng thần kinh nào gọi đến

giả vờ này nọ. Đừng lo," cậu ta nói tiếp và ngoái nhìn sau lưng, "nếu cậu không muốn thì tớ không kể cho ai đâu."

"Thằng thần kinh à?" tôi hỏi. "Giả vờ gì cơ?"

"Ờ, ý tớ là, có ối loại người kỳ cục gọi đến đây đòi gặp cậu," Andy thờ ơ đáp.

Tôi im lặng, không biết nên phản ứng lại thế nào.

"Hơn nữa họ không chịu bắt máy mà, cậu còn định làm gì nữa đây? Cậu không còn cơ hội nào đến đó trước cuối tuần sau nữa đâu. Hơn nữa, thực sự cậu muốn nói chuyện này à..." - cậu ta liếc mắt dọc hành lang, Toddy đang nhảy nhót trong đôi giày mới có lò xo, còn bà Barbour đang tra hỏi Platt về vụ tiệc tùng ở nhà Molly Waterbeek.

Cậu ta có lý. "Phải," tôi đáp.

Andy đẩy kính dọc sống mũi. "Nếu cậu muốn tớ sẽ đi cùng."

"Không cần, không sao đâu," tôi đáp. Tôi biết là chiều hôm ấy Andy có tiết Thực hành tiếng Nhật để lấy điểm thưởng, đầu tiên là học nhóm ở trà quán Toraya, rồi đi xem bộ phim mới của Miyazaki ở Trung tâm Lincoln; Andy thì không cần điểm thưởng rồi, nhưng đi ngoại khóa cùng lớp hầu như là dạng giao tiếp xã hội duy nhất cậu ta có.

"Ờ, này," cậu ta mò trong túi lấy ra cái di động. "Cầm đi. Để phòng thôi. Đợi tí..." - cậu ta đang bấm trên màn hình - "tớ bỏ mật khẩu rồi đấy. Thoải mái rồi."

"Tớ không cần đâu," tôi đáp, nhìn cái điện thoại nhỏ hào nhoáng có màn hình chờ là Aki, cô gái ảo từ anime (ở trần và đi bốt cao ngang đùi rất sẹc xi).

"Có thể cần thì sao. Biết đâu được. Nhận đi," cậu ta thêm khi

thấy tôi ngần ngại. “Cầm lấy.”

xii.

VÀ THẾ LÀ QUÃNG 11 GIỜ 30, tôi đã trên xe buýt Đại lộ 5 đi tới Làng Greenwich, địa chỉ của Hobart và Blackwell bỏ trong túi, viết trên tờ giấy xé từ quyển sổ in tên đặt bên điện thoại của bà Barbour.

Xuống xe ở Quảng trường Washington, tôi đi loanh quanh tìm địa chỉ đó phải đến bốn mươi lăm phút. Greenwich với bố cục lộn xộn (những khối nhà hình tam giác, những ngõ cụt rẽ xiên xẹo chỗ nọ chỗ kia) thật rất dễ đi lạc, có đến ba lần tôi phải dừng hỏi đường: vào một hiệu báo toàn boong[45] và tạp chí khiêu dâm đồng tính nam, vào một hàng bánh đông đúc bật nhạc opera oang oang, chặn đường một cô gái mặc áo lót trắng và quần yếm đang lau rửa mặt ngoài cửa kính một cửa hàng sách bằng chổi lăn và xô.

Khi rốt cuộc cũng tìm ra Phố 10 Tây (vắng tanh), tôi đi dọc phố và đếm số nhà. Bên này chủ yếu là nhà dân ở, một khu trông có vẻ hơi nhếch nhác. Trước mặt tôi, một bầy bồ câu đang khệnh khạng bước trên vỉa hè ướt, ba con đi song song như những khách bộ hành quan dạng nhỏ con. Nhiều nhà biển số không rõ, và đúng lúc tôi đang nghĩ hay là đi qua rồi, liệu có phải lộn lại không, thì ngay trước mặt tôi đã là dòng chữ *Hobart và Blackwell* sơn trên một vòm cong gọn gàng kiểu cổ trên cửa sổ cửa hiệu. Bên trong lớp kính bụi bặm, tôi thấy những con chó sục lai bò Staffordshire và mèo bằng sành, đồ pha lê bám bụi, đồ bạc đã xỉn, ghế và đi-văng cổ, đệm ngồi thêu kim tuyến cũ ngả vàng, một cái lồng chim sứ men vẽ tinh xảo, những bia cột hoa cương nhỏ xíu đặt trên bàn tròn một chân mặt ốp hoa cương, một cặp vẹt mào

bằng thạch cao tuyết hoa. Chính là kiểu cửa hàng mẹ sẽ thích: chặt như nêm, hơi tồi tàn, sàn để đầy những chồng sách cũ. Nhưng cổng đã đóng, rõ ràng là không mở cửa.

Phần lớn các cửa hàng phải đợi đến trưa hay một giờ chiều mới mở. Để giết thời gian tôi đi qua Phố Greenwich, vào quán Elephant and Castle nơi mẹ con tôi thỉnh thoảng ăn mỗi lần xuống trung tâm.

Nhưng ngay khi bước vào tôi đã nhận ra đây là một sai lầm. Những tượng voi sứ không cùng bộ, và ngay cả cô hầu bàn tóc đuôi ngựa mặc áo phồng đen đang mỉm cười tiến lại gần tôi: thật quá sức chịu đựng, tôi còn thấy cả cái bàn trong góc mẹ con tôi đã ngồi ăn lần cuối cùng đến đây, tôi đành lắp bắp kiếu từ và chạy ra cửa.

Tôi đứng trên vỉa hè, tim đập thình thịch. Đám bồ câu bay là là trên bầu trời màu tro. Đại lộ Greenwich gần như không người, chỉ có một cặp nam mắt đỏ quạch trông như vừa thức cãi nhau suốt đêm, một bà tóc không chải mặc áo len cổ lọ quá cỡ dắt con chó lạp xưởng đi về hướng Đại lộ 6. Đứng ở Làng Greenwich một mình cảm giác thật lạ, vì đây không phải nơi có nhiều trẻ con chạy chơi ngoài đường sáng cuối tuần; nơi này có vẻ dành cho người lớn, sành đời, rượu chè nữa là khác. Ai cũng có vẻ còn chưa tỉnh cơn say, hoặc như vừa mới rời giường ngủ.

Vì chẳng thấy nơi nào mở cửa, và cũng vì hơi lạc lối không biết phải làm gì khác, tôi lại trở về gần chỗ Hobart và Blackwell. Từ trên bắc xuống đây, tôi thấy ở Greenwich cái gì cũng nhỏ nhỏ cũ cũ, dây thường xuân và nho chạy khắp các mặt tiền nhà, rau thơm và cà chua trồng ngay trong thùng trên hè phố. Cả những quán bar cũng treo biển vẽ tay, như những quán rượu nông thôn: ngựa, mèo đực, gà trống, ngỗng, lợn. Nhưng cảm giác gần gũi và

bé nhỏ từ họ cũng làm tôi nhận rõ thêm cảm giác về sự ngoài cuộc của mình, và tôi hối hả chạy qua những cánh cửa nhỏ mời mọc, đầu cúi xuống, càng ý thức rõ hơn bao giờ hết những cuộc sống sáng Chủ nhật tươi mởn đang bí mật diễn ra xung quanh.

Cổng bên Hobart và Blackwell vẫn đóng. Tôi có cảm giác nơi này đã không mở cửa khá lâu rồi; trông có vẻ lạnh lẽo tối tăm quá, không thấy có sức sống thầm lặng bên trong nào giống như những cửa hiệu khác trên phố.

Đang nhìn vào cửa sổ nghĩ xem nên làm gì thì thình lình tôi thấy có chuyển động bên trong, một cái bóng lớn lướt qua đằng sâu trong cửa hàng. Tôi đứng sững, im phắc. Cái bóng di chuyển nhẹ tênh như người, ta vẫn nói ma thường đi lại, không nhìn sang hai bên, đi rất nhanh qua một cánh cửa lặn vào bóng tối.

Rồi nó biến mất. Tay áp lên trán, tôi ngó vào bề sâu chật chội đen ngòm của căn phòng, rồi gõ lên mặt kính.

Hobart và Blackwell. Nhấn cái chuông xanh.

Chuông à? Đâu có chuông nào, lối vào cửa hàng chỉ thấy cánh cổng sắt lớn. Tôi đi sang nhà bên cạnh - nhà số 12, một căn chung cư nhỏ - rồi quay lại nhà số 8, xây bằng đá nâu. Có một cầu thang hiên dẫn lên tầng hai, nhưng lần này tôi nhận ra một thứ lúc trước không thấy: một cánh cửa hẹp lẩn vào khoảng giữa số 8 và số 10, gần như khuất sau một lô thùng rác bằng thiếc kiểu cũ. Bốn năm bậc thang dẫn xuống một cánh cửa không mấy đặc biệt, thấp hơn hè đường chừng một mét. Không có biển hay bảng gì, nhưng đập vào mắt tôi là một vệt sáng màu xanh rêu: một mảnh băng dính điện màu xanh dán dưới cái chuông trên tường.

Tôi đi xuống thang và nhấn chuông, nhấn mãi, rùng mình trước tiếng reo điên dại bên trong (khiến tôi chỉ chực bỏ chạy) và

hít mấy hơi dài cho thêm phần can đảm. Rồi, đột ngột đến làm tôi giật bắn, cửa mở ra, và trước mặt tôi là một người to lớn hoàn toàn không trông đợi.

Ông ta có lẽ phải cao đến mét chín là ít: hoang dại, đậm người, cái cằm chẻ quý tộc, dáng vẻ có gì đó gợi đến những tấm ảnh cổ chụp các nhà thơ Ireland và võ sĩ quyền Anh treo trong quán bia khu giữa thành phố nơi bố tôi hay đến uống. Tóc ông đã ngả bạc gần hết, lâu rồi chưa cắt, da trắng bệch bệnh hoạn, quanh mắt có những quầng thâm lớn đến nỗi trông như mũi ông bị dập. Khoác ngoài quần áo thường là một chiếc áo choàng họa tiết cánh hoa vương giả có ve áo sa-tanh, rủ xuống gần tận mắt cá chân và phất quanh ông như phục trang của vai nam chính trong một cuốn phim thập niên 1930 nào đó: cũ kỹ nhưng vẫn còn choáng ngợp.

Tôi ngạc nhiên đến mức không thốt nổi nên lời. Điệu bộ ông không hề tỏ ra sốt ruột mà ngược lại. Ông chỉ im lặng nhìn tôi dưới đôi mí sụp, đợi tôi lên tiếng.

“Cháu xin lỗi...” Tôi nuốt nước bọt nhưng cổ họng khô khốc. "Cháu không có ý làm phiền...”

Ông ta khẽ chớp mắt trong cái im lặng tiếp theo, như thể tất nhiên, ông hiểu cả, ông không hề tưởng đến chuyện đó.

Tôi lần tìm trong túi, rồi giơ cái nhẫn cho ông xem, đặt trên lòng bàn tay để mở. Khuôn mặt lớn nhợt nhạt giãn ra. Ông ta nhìn cái nhẫn rồi lại nhìn tôi.

“Cậu lấy ở đâu?” Ông ta hỏi.

“Ông ấy đưa cháu,” tôi nói. “Ông ấy bảo cháu mang đến đây.”

Ông ta cứ đứng đó nhìn tôi, rất kỹ. Trong một giây tôi đã tưởng ông định bảo không hiểu tôi đang nói chuyện gì. Rồi không nói một lời, ông lùi lại, mở cửa.

“Tôi là Hobie,” ông nói khi thấy tôi ngần ngại. “Vào đi.”

http://tieulun.hopto.org

04
Kẹo mút tẩm Morphine

i.

CẢ MỘT RỪNG DÁT VÀNG đông đúc láo nháo lóe lên trong luồng sáng chiếu xiên qua những ô cửa bụi xù: những thần tình yêu dát vàng, những tủ com mốt và chúc đài dát vàng, và lẩn bên dưới mùi gỗ cũ, có mùi dầu nhựa thông, sơn dầu và véc-ni hăng hăng. Tôi đi theo người kia qua xưởng theo lối đi quét sạch giữa đám mùn cưa, qua những bảng treo đồ và đủ thứ dụng cụ, những chiếc ghế bị tháo tung, những chiếc bàn úp ngược hươ chân móng trên không. Rất to con, nhưng ông có dáng đi rất thanh thoát, "như trôi" theo cách mẹ thường nhận xét, di chuyển như đang lướt đi êm ru. Mắt dán vào đôi gót chân xỏ dép lê của ông, tôi đi theo ông lên một đợt cầu thang hẹp, vào căn phòng mờ tối trải thảm dày, có những bình tro đen đặt trên bệ và màn tua rua kéo lại ngăn ánh mặt trời.

Cảnh im lặng làm tim tôi chùng xuống. Hoa đã héo, rữa ra trong các bình lọ Trung Hoa khổng lồ, cảm giác nặng nề ngột ngạt đè trĩu căn phòng: không khí có mùi chua ôi đến không thở nổi, đích xác là cảm giác ngạt thở trong căn hộ nhà tôi khi bà Barbour đưa tôi về lại Sutton Place lấy mấy thứ đồ dùng. Cái lặng lẽ ấy tôi quá biết: đấy là ngôi nhà khép mình lại khi có ai đó qua đời.

Ngay lập tức tôi ước giá gì mình không đến. Nhưng người kia - Hobie - xem chừng cảm thấy nỗi nghi hoặc trong lòng tôi, ông ta

http://tieulun.hopto.org

vẫn mang gương mặt có dáng dấp trẻ thơ: đôi mắt màu xanh ngây thơ rất trong trẻo và thảng thốt.

"Sao thế?" Ông hỏi, rồi thì: "Cháu có sao không?"

Sự quan tâm ấy làm tôi xấu hổ. Tôi lúng túng đứng trong cảnh tối ám đặc quánh, giữa một rừng cổ vật, không biết nên nói gì.

Có vẻ ông ta cũng không biết nên nói gì: ông mở miệng rồi lại ngậm miệng, rồi lắc đầu như để suy nghĩ cho rõ hơn. Ông ta chừng năm mươi, sáu mươi tuổi, râu không cạo, khuôn mặt hiền dịu và rụt rè với những nét rõ ràng, không thể gọi là điển trai mà cũng không xấu - người này hầu như ở đâu cũng sẽ là người to con nhất phòng, dù ông cũng có vẻ bệnh tật, có vẻ dấp dính khó gọi tên nào đấy, với cặp mắt quầng thâm và nước da tái nhợt khiến tôi nhớ đến những nhà tử đạo dòng Tên nhìn thấy trong các bích họa nhà thờ khi trường tổ chức cho học sinh tới Montreal: những người châu Âu lớn xác, giỏi giắn, trắng nhợt như xác chết, bị trói chân tay hay buộc vào cọc trong các trại của người bộ tộc Huron.

"Xin lỗi nhé, tôi đang hơi bấn..." Ông ta nhìn quanh, dáng vẻ lo lắng nhưng lãng đãng không xác định, như mẹ vẫn hay nhìn khi không tìm thấy thứ gì. Giọng ông thô nhưng có vẻ được học hành, giống thấy O'Shea dạy Sử sinh ra lớn lên ở một quận chợ trời Boston nhưng lại đi học Harvard.

"Cháu quay lại sau cũng được. Nếu như thế tốt hơn."

Đến đây ông ta liếc nhìn tôi hơi hoảng hốt, "Không, không.", ông nói - khuy tay áo đứt, ống tay dính bẩn lật phật quanh cổ tay - "cho tôi một phút bình tĩnh đã, xin lỗi cháu - đây rồi." ông lơ đãng nổi và quệt mớ tóc xám vướng trên mặt, "tìm thấy rồi."

Ông ta dẫn tôi ra cái xô pha tay cuốn hẹp, có vẻ cứng, lưng

chạm trổ. Nhưng trên đó đã vứt đấy các loại gối chăn, và hình như cả hai chúng tôi đã nhận ra cùng một lúc rằng ngồi giữa đống đồ đạc này rất thiếu thoải mái.

“À, xin lỗi!” ông lẩm bẩm và lùi lại nhanh đến nỗi suýt đâm sầm vào tôi, “tôi đã dọn lên đây rồi, như cháu thấy đấy, không phải là giải pháp tốt lành gì cho cam nhưng phải đành thôi vì tôi không nghe được rõ với bao nhiêu chuyện như vậy… ”

Quay ngoắt đi (khiến tôi không nghe hết câu nói dở), ông bước vòng qua một cuốn sách đáng úp mặt xuống thảm cùng một chén trà còn rõ vành nước nâu trong lòng chén, dẫn tôi sang một cái ghế bành khác rất cầu kỳ, có đệm, khâu chần và dún, có cả diềm phủ và mặt ghế may nút rất phức tạp - ghế bành kiểu Thổ, như sau này tôi học được; ông là một trong số ít người ở New York còn biết cách làm đệm cho loại ghế này.

Tượng đồng có cánh, hộp trang sức bạc. Lông đà điểu xám bết bụi cắm trong bình bạc. Tôi băn khoăn ngồi ghé xuống mép ghế, nhìn quanh. Tôi muốn đứng hơn, như thế sẽ dễ bỏ đi hơn.

Ông cúi người tới trước, hai tay đan vào nhau bỏ trong lòng. Nhưng không nói gì mà chỉ nhìn tôi chờ đợi.

“Cháu là Theo.” tôi hối hả nói sau khi thấy đã im lặng quá lâu. Mặt tôi đỏ bừng, cảm giác sắp bốc hỏa. “Theodore Decker. Mọi người gọi cháu là Theo. Cháu sống trên kia” tôi ngờ vực nói thêm.

“Ờ, tôi là James Hobart, nhưng mọi người đều gọi tôi là Hobie.” Ánh mắt ông rất trống trải và thành thực “Tôi sống dưới này.”

Tôi không biết nói gì, nhìn đi chỗ khác, không hiểu có phải ông đang đùa không.

“Xin lỗi.” Ông nhắm mắt một lúc, rồi lại mở. “Bỏ quá cho tôi. Mồ ma Welty… ” - ông nhìn xuống cái nhẫn trong tay - “là người

đồng sự của tôi."

Mồ ma ư? Cái đồng hồ mặt trăng - đung đưa đủ bộ bánh răng, dây xích, quả lắc, một cỗ máy đúng kiểu "Thuyền trưởng Nemo" - kêu rừ rừ rỗ to trong cảnh im lặng rồi gõ chuông điểm phút thứ mười lăm.

"Ôi!" tôi thốt lên. "Cháu chỉ... Cháu tưởng..."

"Không. Tôi xin lỗi. cháu chưa biết à?" Ông nói thêm, nhìn kỹ tôi.

Tôi nhìn chỗ khác. Tôi không ngờ mình đã mong gặp lại ông già đến mức ấy. Dù tôi đã thấy - đã biết như vậy - không hiếu sao trong lòng tôi vẫn ấp ủ nỗi hy vọng thơ trẻ rằng ông đã qua khỏi một cách thần kỳ, như là nạn nhân án mạng trên phim, sau quảng cáo lại hóa ra vẫn còn sống nguyên, đang lặng lẽ dưỡng thương trong bệnh viện.

"Thế làm sao cháu lại có thứ này?"

"Gì ạ?" Tôi giật mình đáp. Tôi vừa nhận rằng cái đồng hồ chỉ sai giờ: dù là mười giờ sáng hay mười giờ tối, thì cũng cách quá xa giờ đúng,.

"Cháu bảo là ông ấy đưa cho cháu à?"

Tôi ngọ nguậy trên ghế. "Vâng. Cháu..." Nỗi kinh động từ cái chết của ông cứ như vừa giáng xuống, như thể tôi đã lại phụ lòng ông lần nữa, và tất cả diễn ra lại từ đầu, từ một góc độ khác.

"Ông vẫn còn tỉnh à ? Ông đã nói chuyện với cháu?"

"Vâng", tôi mở đầu, rồi lại im. Thôi thấy thật khổ sở. Ở trong thế giới của ông già, giữa những đồ vật của ông, đã khiến cảm giác về ông trở lại thật mạnh mẽ: khung cảnh mơ ảo như dưới nước trong căn phòng, những lớp nhung màu đỏ đục, cảm giác

phóng túc, cái lặng lờ.

“Tôi thật mừng là ông không ở một mình” Hobie nói. “Nếu không ông sẽ buồn lắm.” Cái nhẫn nằm gọn trong bàn tay nắm chặt, ông đưa tay lên miệng và nhìn tôi.

“Ôi trời. Cháu chỉ là một cậu nhóc con thôi mà, phải không?” Ông ta nói.

Tôi mỉm cười gượng gạo, không biết nên đáp lại thế nào.

“Xin lỗi” ông nói bằng giọng khách quan hơn, tôi hiểu đấy là để trấn an tôi. “Chẳng qua là... Tôi biết là phải tệ lắm. Tôi có thấy. Thi thể ông...” - ông ta có vẻ khó khăn lắm mới tìm được từ - “trước khi gọi vào, người ta đã lau rửa hết sức và đã nói trước là sẽ không dễ dàng đâu, tất nhiên ta biết vậy nhưng... Không có cách nào chuẩn bị tinh thần chứng kiến một thứ như thế. Chúng tôi có nhập về một lô ảnh cùa Mathew Brady[46] mấy năm trước - từ thời Nội chiến, trông kinh sợ đến mức mãi mới bán đi được.”

Tôi không đáp. Tôi chưa có thói quen tham gia vào chuyện trò với người lớn, chỉ “vâng” hoặc “không” khi nào bị ép lắm, nhưng mặt khác tôi vẫn bị hút vào câu chuyện. Mark, bạn của mẹ và là bác sĩ, đã vào nhân dạng thi thể mẹ và chẳng ai nói lại gì mấy với tôi.

“Tôi có nhớ một câu chuyên từng đọc, có một người lính, không biết có phải ở Shiloh không?” Ông đang nói chuyện với tôi, nhưng không chú tâm hoàn toàn. “Hay Gettysburg? một người lính bị sốc nặng đến mức lên cơn tâm thần, đi chôn từng con chim và sóc trên chiến trường. Ở đó cũng có rất nhiều con vật nhỏ bị chết, dưới hỏa lực hai bên, những con thú bé xíu. Hàng trăm nấm mộ tí hon.”

“24 nghìn người chết ở Shiloh trong vòng hai ngày.” tôi buột

miệng.

Mắt ông hoảng hốt nhìn lên tôi.

“Ở Gettysburg là 50 nghìn. Đấy là do vũ khí mới. Đạn Minié[47] và súng liên thanh. Đấy là lý do số thương vong tăng vọt. Người Mỹ chúng ta đã đánh nhau trong chiến hào từ trước Thế chiến thứ nhất rất lâu. Không mấy người biết điều đó.”

Tôi thấy ông cũng không hiểu phải nghĩ gì trước thông tin này.

“Cháu quan tâm đến Nội chiến à?” Ông ta hỏi sau khi đã ngưng một lúc.

“À... vâng” tôi nói nhanh. “Hơi hơi ạ.” Tôi biết rất nhiều về hỏa pháo của phe Liên minh, bởi từng làm bài về đề tài đó, một bài lắm thông tin và quá sâu về kỹ thuật đến mức thầy bắt tôi viết lại; và tôi cũng biết số ảnh chụp người chết ở trận Antietam của Brady; tôi đã xem ảnh trên mạng, những thiếu niên mắt lõ trào máu đen ở mũi mồm. “Lớp cháu đi Lincoln sáu tuần.”

“Brady có hiệu ảnh không xa đây lắm. Cháu đã đến bao giờ chưa?”

“Chưa ạ.” Có một ý nghĩ bị giam hãm đang chực thoát ra, một cái gì đó rất quan thiết mà không thốt lên nổi, vừa được giải phóng khi nhắc đến những binh sĩ vẻ mặt trống tuênh kia. Giờ thì nó đã biến mất, chỉ hình ảnh là ở lại: những thiếu niên đã chết, tay chân dang ra, nhìn lên trời.

Tiếp đó là một khoảng lặng thật không chịu nổi. Cả hai chúng tôi đều không biết tiếp tục câu chuyện ra sao. Cuối cùng thì Hobie cũng vát tréo chân lại. “Tôi định nói là... tôi xin lỗi. Đã ép cháu nói” ông ta ấp úng thêm.

Tôi nhăn mặt. Khi vào trung tâm tôi đã tò mò đến độ không hề nghĩ rằng có thể chính mình cũng sẽ phải đưa ra vài câu trả lời.

“Tôi biết chắc nói về nó khó lắm. Chỉ là... tôi không nghĩ...”

Giầy của tôi. Lạ thay, tôi chưa bao giờ nhìn kỹ giày mình. Những vết trầy trên mũi. Dây giày đã tòe. *Thứ Bảy mình đi Bloomingdale mua cho con đôi mới nhé!* Thêm một điều không bao giờ xảy ra.

“Tôi không muốn ép uổng cháu đâu. Nhưng... ông biết chứ?”

“Vâng. Một chút. Ý cháu là...” Khuôn mặt chăm chú lo âu của ông khiến một phần xa xám nào đó trong tôi chỉ chực trào kể lể đủ mọi thứ ông không cần biết, không nên biết, những ruột gan tung tóe, những vệt hồi cố lặp đi lặp lại đáng ghét thường xuyên cắt ngang dòng ý nghĩ của tôi, cả khi đang thức.

Những chân dung đen đúa, những tượng chó tai rù trên bệ lò sưởi, quả lắc vàng đung đưa, tích tắc tích tắc tích tắc.

“Cháu nghe tiếng ông gọi.” Tôi dụi mắt. “Khi tỉnh lại.” Cứ như tìm cách giải thích giấc mơ. Không ai có thể giải thích giấc mơ. "Thế là cháu đi lại chỗ ông rồi ở cạnh ông rồi thì... không quá tệ đâu. ít nhất thì cũng không tệ đến như bác nghĩ đâu.” tôi nói thêm, vì nhận ra câu ấy nghe như một lời nói dối, dù đúng là thế.

“Ông nói với cháu à?”

Nuốt ực một cái, tôi gật đầu. Gỗ dái ngựa thẫm, cọ trồng chậu.

“Ổng tỉnh hả?”

Tôi lại gật. Vị chua chua trong miệng. Đấy không phải thứ có thể tóm tắt được, đấy là thứ không có ý nghĩa và vì thế không có lịch sử, bụi đất và tiếng còi rú, tay ông cầm tay tôi, cả một đời người trôi qua chỉ có hai chúng tôi, những câu nói lẫn lộn, những

cái tên những thành phố những con người tôi chưa bao giờ nghe đến. Dây điện đứt nổ lốp đốp.

Mắt ông vẫn dán vào tôi. Cổ họng khô khốc, tôi thấy hơi nôn nao. Giây phút này không dời qua giây phút khác như lẽ vẫn thế và tôi cứ đợi hoài xem ông có hỏi gì nữa không, gì cũng được, nhưng ông không hỏi.

Cuối cùng ông cũng lắc đầu như muốn sắp xếp lại suy nghĩ. "Chuyện này..." Có vẻ ông cũng bối rối như tôi; món tóc bạc tuột ra khiến ông trông như một vị vua mất vương miện trong vở kịch giả trang của tụi trẻ.

"Tôi xin lỗi!" ông nói và lại lắc đầu. "Chuyện này còn mới quá." "Là sao ạ?"

"À, cháu hiểu không, chỉ là..." ông cúi người tới, chớp mắt rất nhanh và kích động, "điều này rất khác so với tôi được kể. Người ta bảo là ông chết ngay tức khắc. Người ta nhấn đi nhấn lại điều đó."

"Nhưng mà..." Tôi tròn mắt kinh ngạc. Vậy ông nghĩ là tôi bịa ra ư?

"Không, không." ông vội vã nói và giơ tay lên trấn an tôi. "Chỉ là... Tôi nghĩ chắc họ nói vậy với tất cả mọi người. 'Chết ngay tức khắc'?" Ông nói thêm, giọng vô âm sắc, khi thấy tôi vẫn nhìn ông. "'Không đau đớn chút nào'? 'Không hề biết bị cái gì giáng trúng'?"

Rồi, đùng một cái, tôi hiểu, ý nghĩa đằng sau câu đó xuyên thấu vào tôi lạnh ngắt. Cả mẹ cũng đã "chết tức khắc". Và mẹ "không hề gặp đau đớn gì". Mấy người nhân viên xã hội đã ca đi ca lại bài đó, khiến tôi chẳng hề nghĩ xem tại sao họ lại biết chắc chắn như vậy.

"Mặc dù tôi phải nói là, rất khó hình dung ông ra đi cách đó."

Hobie thêm khi sự yên lặng lại đột ngột trở lại. “Chớp nháng lên, gục xuống không hay biết. Tôi có cảm giác, thỉnh thoảng vẫn vậy đấy, là chuyện không giống như người ta kể, cháu hiểu không?”

“Sao cơ ạ?” Tôi hỏi và ngước lên, còn đang choáng váng vì khả năng mới, tệ hại hơn, vừa mở ra trước mặt mình.

“Vẫy tay chào lần cuối.” Hobie đáp. Dường như ông đang tư lự nói chuyện một mình. “Ông thì sẽ muốn như thế. Cái nhìn cuối cùng, bài haiku chia tay - ông không muốn ra đi mà không được đứng lại chào ái trên đường đâu. ‘Giữa đào hoa, trà quán / trên đường xuống hoàng tuyền.’”

Giờ thì tôi không hiểu ông nói gì. Trong căn phòng bóng tối, một mảnh nắng duy nhất xuyên vào giữa hai lá màn, cắt ngang phòng rồi mắc lại sáng bừng lên trong một khay đựng những lọ thủy tinh họa tiết, đổ những cầu vồng bảy sắc rập rờn lung linh trên nóc tường như lũ trùng đế giày dưới kính hiển vi. Mùi khói củi rất nồng nhưng lò sưởi đã tắt ngúm, đen thẫm, tro bám đặc vỉ lò, như lâu lắm rồi không đốt.

“Cô bé!” tôi rụt rè nói.

Ông nhìn trở lại tôi.

“Có một cô bé nữa.”

Trong một phút ông dường như không hiểu. Rồi ông ngồi lại trên ghế, chớp mắt lia lịa như vừa bị nước té vào mặt.

“Sao ạ?” Tôi hỏi và giật mình. “Cô ấy ở đâu ạ? Cô ấy vẫn ổn chứ?”

“Không…” day day sống mũi “không.”

“Nhưng cô ấy vẫn còn sống chứ?” Tôi hầu như không tin nổi.

http://tieulun.hopto.org

Ông nhướng mày, theo cách tôi nghĩ là "có".' "Nó gặp may." Nhưng giọng điệu và dáng vẻ ông lại nói lên điều ngược lại.

"Có ấy có ở đây không?"

"Ờ..."

"Cô ấy ở đâu? Cháu gặp được không?"

Ông thở dài, vẻ như cam chịu. "Nó được dặn phải yên tĩnh, không được gặp người." ông nói và lục lọi trong túi. "Nó không bình thường - không biết nó sẽ phản ứng lại sao nữa."

"Nhưng cô ấy sẽ khỏe lại chứ?"

"À, chỉ có thể hy vọng thôi. Nhưng giờ thì nó vẫn chưa qua chặng nguy ngập. Đấy là cách nói mà đám bác sĩ cứ nhất định phải dùng." Ông đã lấy thuốc lá trong túi áo choàng tắm ra. Bàn tay run rẩy, ông châm một điếu, rồi khoát tay ném bao thuốc lên cái bàn sơn kiểu Nhật giữa hai người.

"Hử?" Ông hỏi và phẩy khói trước mặt, thấy tôi nhìn đăm đăm gói thuốc bị bóp nát, thuốc Pháp như người ta vẫn hút trong phim ngày xưa. "Đừng nói là cháu cũng muốn hút đấy."

"Không, cảm ơn bác." tôi nói sau một hồi im lặng khó chịu. Tôi khá chắc là ông nói đùa, dù cũng không hoàn toàn chắc.

Còn ông thì đang chớp mắt nhìn tôi rất dữ qua làn khói mờ, vẻ mặt đăm chiêu như vừa nhận ra thứ gì đó hết sức cốt tử.

"Chính là cháu phải không?" Đột ngột ông nói.

"Sao ạ?"

"Cháu là cậu ấy, phải không? Cậu bé có mẹ chết ở đó?"

Tôi choáng váng một lúc lâu không đáp lại được.

“Sao...” Ý tôi định nói sao bác biết, nhưng không nói hết lời được.

Luống cuống, ông dụi một bên mắt rồi thình lình ngồi thẳng dậy, quýnh quáng như vừa đánh đổ thứ gì ra bàn. “Xin lỗi cháu. Tôi không định... tôi chỉ định... câu đó nghe rất dở. Ôi trời... Tôi thật...” Ông ta làm dấu tay mơ hồ như muốn bảo tôi đã mệt lả rồi, đầu óc không nghĩ được bình thường nữa.

Tôi đánh mắt đi chỗ khác, không được lịch sự lắm - đột ngột táp vào người một đợt sóng xúc cảm mới rất ngột ngạt khó chịu. Từ hồi mẹ mất, tôi hầu như không khóc, và chắc chắn là không khóc trước mặt ai - cả lễ tang cũng không, trong khi những người không quen biết gì mẹ (cùng một hai kẻ đã biến đời mẹ thành Địa Ngục như Mathilde chẳng hạn) thì đang khóc mùi mẫn khắp xung quanh.

Ông nhận ra tôi đang bức xúc, liền định nói gì rồi lại thôi.

“Cháu ăn gì chưa?” Ông đột ngột hỏi.

Tôi quá đỗi kinh ngạc, không đáp lời nổi. Giờ thì thức ăn là thứ xa vời nhất trong suy nghĩ của tôi.

“À, tôi biết ngay là chưa mà.”.ông nói và khó khăn đứng dậy trên đôi chân lớn. “Ta đi kiếm thứ gì thôi.”

“Cháu không đói” tôi nói xẵng, đến mức chợt thấy hối hận. Từ khi mẹ chết, hình như ai cũng chỉ nghĩ đến một việc là nhét thức ăn vào họng tôi.

“Không đói, tất nhiên rồi.” Bàn tay bỏ không của ông lại xua đi một đám khói lớn. “Nhưng cứ đi với tôi. Cho tôi vui lòng. Cháu không ăn chay chứ?”

“Không!” Tôi bực tức đáp. “Sao bác lại nghĩ thế được?”

Ông cười lớn - tiếng cười gắt, cụt ngủn. “Đơn giản thôi! Rất nhiều bạn của cô ấy ăn chay, cả chính cô ấy nữa.”

“Ồ!” tôi nói khẽ, và ông nhìn xuống tôi với vẻ thích thú linh động nhưng thong thả.

“À, nói cho cháu biết, tôi cũng không ăn chay đâu.” ông nói. “Tôi thì ăn đủ thứ kỳ quái trên đời. Nên chắc là chúng ta sẽ ăn ý với nhau thôi.”

Ông đẩy một cánh cửa mở, tôi đi theo qua một hành lang chật chội, hai bên toàn những gương đã mờ xỉn và tranh cũ. Dù ông đi đằng trước rất nhanh, tôi vẫn háo hức muốn nán lại xem: những ảnh chụp gia đình, những cột trắng, những hàng hiên, những cây cọ. Một sân quần vợt, một thảm Ba Tư trải rộng trên cỏ. Người hầu nam mặc đồ pyjama trắng long trọng đứng sắp hàng. Mắt tôi đậu lại trên chính ông Blackwell: cái mũi khoằm khoằm, vẻ mặt thân thiện, mặc vét trắng rất sang, lưng đã gù gù từ thời trai trẻ. Ông đang ngả người bên tường chắn biển ở một xứ sở lắm dừa nào đấy, còn bên ông - đứng trên tường, tay đặt trên vai ông, cao vượt lên một đầu - là Pippa ở tuổi mẫu giáo đang nhoẻn cười. Còn bé tí như thế nhưng trông cô đã giống ông lắm rồi: màu da, cặp mắt, cái đầu nghiêng nghiêng cùng một góc, mái tóc cũng đỏ chẳng kém tóc ông.

“Đây chính là cô ấy phải không?” Tôi hỏi - và đồng thời nhận ra không thể thế được. Tấm ảnh này đã ngả màu, quần áo trong hình đã lỗi mốt, hẳn là chụp từ rất lâu trước khi tôi ra đời.

Hobie ngoảnh lại và tới nhìn. “Không” ông nhỏ nhẹ đáp, tay chắp sau lưng. “Đấy là Juliet. Mẹ của Pippa.”

“Bác ấy đâu rồi ạ?”

“Juliet à?... Chết rồi. Ung thư. Tới tháng Năm vừa rồi là sáu

năm.” Và rồi có lẽ nhận ra mình quá cộc lốc: “Welty là anh Juliet. Anh cùng cha khác mẹ thì đúng hơn. Cách nhau ba mươi tuổi. Nhưng ông dạy dỗ và nuôi lớn cô ấy như con ruột mình.”

Tôi bước gần lại cho nhìn rõ hơn. Cô bé trong hình tựa vào ông, má áp vào tay áo khoác ông rất dịu dàng.

Bobie hắng giọng. “Khi cô ấy sinh ra thì ông bố đã quá sáu mươi.” ông nói nhỏ nhẹ. “Ở tuổi ấy ông không còn để tâm được đến một đứa bé nữa, nhất là vốn từ đầu ông đã chẳng mê gì trẻ con.”

Đầu kia hành lang có một cánh cửa mở hé, ông đẩy ra, đứng nhìn vào bóng tối bên trong. Tôi kiễng chân cố nhòm vào trong, nhưng gần như lập tức ông lùi lại và đóng chặt cửa.

“Cô ấy trong đó ạ?” Dù quá tối không đủ nhìn, tôi cũng gặp ánh lóe lên dữ tợn từ đôi mắt con vật nào đó, ánh xanh xanh rợn người ở đầu kia phòng.

“Bây giờ chưa được.” Giọng ông khẽ khàng đến mức khó lắm tôi mới nghe thấy.

“Có gì ở trong với cô ấy?” Tôi thì thào - vẫn nán lại bên cửa không muốn rời đi. “Con mèo ạ?”

“Chó. Y tá không đồng ý, nhưng nó muốn để con chó nằm cùng giường và thực tình là tôi cũng không bắt nó ở ngoài được - nó cứ cào cửa rên rỉ - đây, phía này.”

Với bước chân chậm chạp, khó khăn, thân ngả về phía trước kiểu người già, ông đẩy cửa vào một căn bếp chật chội, trên trần có giếng trời, với một bếp lò chân cong kiểu cổ: đỏ chót như cà chua với những đường lượn duyên dáng như một cỗ tàu vũ trụ thập niên 1950. Sách chất đống trên sàn: sách, nấu ăn, từ điển,

tiểu thuyết cũ, bách khoa toàn thư; các giá để chen chúc đồ sứ cổ, có chừng nửa tá mẫu vẽ. Gần cửa sổ, bên lối thoát hiểm, một ông thánh bằng gỗ đã phai màu giơ bàn tay ngửa lên ban phước; trên tủ búp phê trên bộ trà cụ bạc, những con vật sơn màu xếp rải rác hàng đội đi lên tàu Nô-ê. Nhưng trong bồn rửa đầy bát đĩa, còn trên mặt bếp và bệ cửa sổ đầy những lọ thuốc, tách bẩn, hàng chồng ngất nghểu thư chưa bóc, cây con từ cửa hàng hoa gửi đến đã khô quắt trong chậu.

Ông nói tôi ngồi bên bàn, gạt những hóa đơn tiền điện và tạp chí *Cổ vật* cũ sang một bên. "Trà" ông nói, như thể vừa nhớ ra một món cần thêm vào danh sách đi chợ.

Trong lúc ông loay hoay bên bếp thì tôi nhìn những vòng cà phê nâu nâu trên khăn trải bàn. Bứt rứt, tôi ngồi lùi lại trong ghế và nhìn quanh.

"Vâng…"Tôi mở lời.

"Sao?"

"Sau cháu có được gặp bạn ấy không ạ?"

"Có thể." ông nói, lưng vẫn xoay về phía tôi. Thìa khuấy đập vào bát sứ xanh: cạch cạch cạch. "Nếu nó thức. Nó bị đau ghê lắm, uống thuốc thì lại buồn ngủ."

"Bạn ấy bị sao thế?"

"À…" Giọng ông vừa nhanh gọn vừa trầm lắng, và tôi nhận ra ngay vì đấy hầu như cũng chính là giọng tôi vẫn dùng khi có ai hỏi đến mẹ. "Nó bị nứt trên đầu rất ghê, sọ bị rạn, nói thật với cháu là nó còn hôn mê một thời gian, chân trái bị gãy nhiều chỗ đến nỗi suýt phải cưa mất. 'Bít tất đựng bi'" ông nói và bật cười không vui: "Ông bắc sĩ đã nói vậy khi nhìn phim chụp X-quang. Mười hai chỗ gãy. Năm lần mổ. Mới tuần trước." ông hơi xoay

người về phía tôi, “nó được tháo đinh, rồi nó nài nỉ được về nhà đến nỗi người ta phải chấp thuận. Miễn là có y tá đến chăm sóc thường xuyên.”

“Bạn ấy đi lại được chưa?”

“Ôi trời, chưa đâu.” ông nói và đưa thuốc lên miệng rít; không hiểu làm sao ông vẫn vừa nấu một tay, vừa cầm thuốc tay kia được, như một gã thuyền trưởng tàu lai dắt hoặc đầu bếp trại đốn gỗ trong phim cổ. “Nó ngồi dậy quá nửa tiếng còn chưa được nữa là.”

“Nhưng bạn ấy sẽ khỏe lại.”

“À, mọi người đều hy vọng thế.” ông nói, tuy giọng có vẻ chẳng hy vọng cho lắm. “Cháu biết không?” ông nói và lại nhìn về phía tôi, “nếu cháu cũng ở trong đó, thì cháu không sao thật là điều lạ đấy.”

“À.” Tôi vẫn chưa nghĩ ra cách đáp lại khi mọi người nhận xét (liên tục) rằng tôi “không sao”.

Hobie ho hắng rồi dập thuốc. “À.” Tôi nhận ra qua vẻ mặt rằng ông biết mình đã làm tôi chạnh lòng và thấy hối hận. “Chắc họ cũng gặp cháu nữa chứ? Toán điều tra viên ấy?”

Tôi nhìn xuống khăn bàn, “Có.” Càng ít nói về chuyện đó có lẽ càng tốt hơn.

“À, không biết cháu thì sao chứ tôi thấy họ khá tử tế - khá hiểu biết. Có một người Ireland - ông ta đã chứng kiến đủ chuyện như vậy rồi, kể cho tôi vụ đánh bom vali ở Anh và ở phi trường Paris, cái gì đổ ở quán cà phê vỉa hè tại Tangier, cháu hiểu đấy, hàng chục người chết mà cái người đứng ngay cạnh quả bom lại chẳng làm sao. Ông ta kể có nhiều hiệu ứng khá kỳ lạ, cháu hiểu đấy, nhất là trong các nhà cổ. Những không gian kín, hoặc bề mặt lồi

lõm, chất liệu phản quang - chẳng biết được sẽ ra sao. Cũng y như âm học ấy mà, ông ta bảo thế. Sóng xung chấn cũng giống như sóng âm, chúng bị dội lại, phản xạ trên bề mặt. Nhiều khi cửa sổ các nhà cách đó hàng dặm lại vỡ. Hoặc có khi…" ông ta giơ cổ tay gạt tóc khỏi mặt, "thỉnh thoảng ở ngay cạnh đó, lại diễn ra cái ông ta gọi là hiệu ứng che. Những thứ đứng rất gần tâm nổ lại còn nguyên vẹn - chén trà đứng yên trong cản nhà tan tành của phiến quân Ireland, kiểu đó. Người ta chết nhiều nhất lại là do các mảnh vỡ bay cháu hiểu không, co khí ở rất xa. Với tốc độ đó thì một viên sỏi hay mảnh thủy tinh vỡ cũng không khác nào viên đạn."

Tôi lần ngón cái theo mẫu họa tiết hoa trên khăn bàn. "Cháu…"

"Xin lỗi. Có lẽ không nên nói mấy chuyện này."

"Không không." tôi vội vã đáp; thực tế, đúng là nhẹ cả người khi nghe ông nói chuyện thẳng thắn và hiểu biết như thế về một điều phần lớn mọi người khác rón rén hết sức tránh đề cập đến. "Không phải thế. Chỉ là…"

"Sao?"

"Cháu chỉ đang nghĩ: Làm sao bạn ấy ra khỏi đó được?"

"À, đúng là gặp may thôi. Nó bị kẹt rất sâu dưới đống đổ nát - lính cứu hỏa chắc không tìm ra đâu, nếu không phải có một con trong bầy chó báo động. Họ bới được một chút, rồi bẩy cái xà lên - nghĩ xem, thực khó tin, nó vẫn tỉnh, nói chuyện với họ từ đầu chí cuối, dù bây giờ nó chẳng nhớ được chút nào. Điều kỳ diệu là họ đưa được nó ra trước khi có lệnh sơ tán - cháu bảo cháu bị ngất bao lâu nhỉ?"

"Cháu không nhớ nữa."

"Ờ, cháu gặp may đấy. Nếu họ phải chạy đi, bỏ mặc nó ở đấy,

kẹt dưới đống gạch đá - mà theo tôi hiểu thì có người đã bị vậy.... À đây, xong rồi." ông nói khi cái ấm lên tiếng véo von.

Đĩa thức ăn ông đặt trước mặt tôi trông chẳng ngon lành gì – chỉ là thứ gì đó vàng vàng phồng phồng quết trên bánh mì. Nhưng mùi rất thơm. Tôi thận trọng nếm thử. Đấy là phô mai đun chảy, bỏ thêm cà chua thái nhỏ, ớt và vài thứ nữa tôi không đoán ra, nhưng trần đời không có gì ngon hơn.

"Xin lỗi bác, cái này gọi là gì ạ?" Tôi hỏi và lại cẩn trọng cắn thêm miếng nữa.

Trông ông có vẻ ngượng ngùng. "À, món này không có tên."

"Ngon lắm ạ!" tôi nói và hơi ngạc nhiên khi nhận ra mình đói đến mức nào. Mẹ vẫn làm bánh mì nướng phô mai hơi giống thế này, thỉnh thoảng nhà tôi ăn vào các tối Chủ nhật mùa đông.

"Cháu thích phô mai à? Lẽ ra tôi phải hỏi trước"

Tôi gật đầu, mồm đấy thức ăn không nói được. Dù bà Barbour lúc nào cũng ép tôi ăn kem hay kẹo, thì cảm giác vẫn như tôi chưa từng ăn một bữa bình thường từ hồi mẹ mất - ít nhất là những bữa bình thường theo tiêu chuẩn chúng tôi, trứng bác hoặc trứng rán hoặc macaroni trộn phô mai ăn liền, trong lúc tôi ngồi trên thang gập trong bếp, kể cho mẹ những chuyện xảy ra trong ngày.

Trong lúc tôi ăn, ông ngồi bên kia bàn, kê cằm lên đôi tay lớn trắng bóc. "Cháu có giỏi gì không?" Đột ngột ông ta hỏi. "Thể thao chẳng hạn?"

"Dạ?"

"Cháu có thích chơi gì không? Kiểu thế?"

"Chơi à… cháu chơi điện tử. *Age of Conquest? Yakuza Freakout*?"

Trông ông có vẻ bối rối. “Thế ở trường thì sao? Thích môn gì nhất?”

“Chắc là Lịch sử ạ. Ngữ văn nữa.” tôi thêm khi thấy ông không nói gì. “Nhưng sắp tới Ngữ văn, sẽ chán lắm, suốt sáu tuần bọn cháu sẽ thôi không học văn học mà quay lại làm ngữ pháp, bây giờ thì đang phải phân tích câu.”

“Văn học à? Anh hay Mỹ? ,

“Mỹ. Bây giờ ạ. À, tức là lúc trước. Cả Lịch sử Mỹ nữa, năm nay. Mặc dù dạo gần đây thì chán lắm. Chúng cháu vừa qua Đại suy thoái, nhưng lại sắp hay rồi, sắp đến Thế chiến thứ hai.”

Đấy là cuộc nói chuyện khiến tôi thích nhất từ rất lâu nay trở lại. Ông hỏi tôi đủ thứ câu hỏi hay ho, như là tôi đã đọc ai khi học văn, và trường cấp hai khác cấp một như thế nào, môn gì tôi thấy khó nhằn nhất (tiếng Tây Ban Nha), thời kỳ lịch sử tôi thích nhất là gì (tôi cũng không biết, gì cũng được miễn là không phải Eugene Debs và Lịch sử Công đảng, cái đó thật mất quá nhiều thời gian), và tôi muốn làm nghề gì sau này? (bó tay) - những thứ bình thường thôi, nhưng thật là nhẹ người khi được nói chuyện với một người lớn có vẻ quan tâm đến tôi chứ không phải đến vận rủi của tôi, không moi móc thông tin hoặc kỹ càng bám lấy bản hướng dẫn Nói Gì Với Trẻ Mắc Nạn.

Chúng tôi đã chuyển sang đề tài các nhà văn - từ T. H. White và Tolkien đến Edgar Allan Poe, thêm một người tôi thích. “Bố cháu bảo Poe chỉ là nhà văn hạng hai” tôi kể. “Bảo ông ấy là Vincent Price[48] trong Văn chương Mỹ. Nhưng cháu nghĩ nói thế thì quá đáng.”

“Đúng thế!”; Hobie nghiêm trang đáp và cũng rót trà cho mình. “Ngay cả nếu không ưa Poe đi nữa, ông vẫn là người đã

nghĩ ra thể loại trinh thám. Khoa học viễn tưởng nữa. Về bản chất là ông đã sáng tạo ra một phần lớn của thế kỷ 20. Bác muốn nói là... thực tế giờ bác không ưa thích ông như hồi còn nhỏ nữa, nhưng nếu không thích thì cũng không thể coi ông là người tầm thường được."

"Bố cháu nghĩ thế đấy. Có hồi suốt ngày đọc Annabel Lee bằng giọng dở hơi không chịu được, cố tình chọc cho cháu tức. Vì biết cháu thích bài đó mà."

"Vậy bố cháu cũng là nhà văn à?"

"Không." Tôi không hiểu sao ông lại nghĩ thế. "Là diễn viên. Hồi xưa." Trước khi tôi ra đời ông đã diễn vai phụ trong vài bộ phim truyền hình dài tập, không bao giờ là nam chính, chỉ là gã bạn thân đàng điếm của nam chính, hoặc đối tác làm ăn bất lương và rốt cục sẽ bị thủ tiêu.

"Không hiểu bác đã nghe đến bố cháu bao giờ chưa?"

"Không đâu. Sau đó bố cháu chuyển sang làm văn phòng rồi. Hồi trước."

"Thế bây giờ thì sao?" Ông hỏi. Ông đã lồng nhẫn vào ngón út, và thỉnh thoảng lại xoay xoay bằng ngón trỏ và ngón cái tay kia, như để cho chắc nó vẫn ở đó.

"Ai biết được? Bố bỏ mẹ con cháu rồi."

Thật lạ là ông lại bật cười. "May quá hả?"

"À..." tôi nhún vai. "Chẳng biết nữa ạ. Có lúc bố cũng được. Chúng cháu ngồi xem thể thao và phim điều tra, bố cháu sẽ kể xem người ta làm hiệu ứng máu miếc các kiểu thế nào. Nhưng mà, nhiều khi... Cháu chả biết nữa. Nhiều khi bố cháu đến đón cháu ở trường mà say khướt ấy?" Tôi chưa bao giờ kể mấy chuyện

này với tay bác sĩ tâm thần Dave hay bà Swanson hay ai cả. “Cháu sợ không dám kể với mẹ, nhưng mẹ một đứa khác mách lại. Lại còn...” Câu chuyện dài quá, tôi đang thấy ngượng, tôi chỉ muốn cắt bớt đi, “bố bị gãy tay trong quán bar, bố đánh nhau với ai đấy trong quán, có một quán bar ngày nào bố cũng đi nhưng mẹ con cháu không biết là bố ở đấy vì bố bảo phải làm thêm giờ, và bố có một đám bạn bè mà mẹ con cháu chẳng hề biết rồi họ gửi bưu thiếp cho bố khi đi nghỉ mát ở mấy nơi như quần đảo Virgin? gửi đến nhà cháu luôn? vì thế mẹ con cháu mới biết? và mẹ cháu định bắt bố cháu đi cai rượu nhưng bố không chịu. Thỉnh thoảng các chú bảo vệ đến đứng ở hành lang ngoài cửa nhà cháu, làm ầm ĩ lên để bố cháu nghe thấy - để bố cháu biết có các chú ấy ở đó, bác hiểu không? Để bố cháu không làm gì quá đáng.”

“Làm gì quá đáng là làm gì?”

“Cãi cọ các thứ nhiều lắm. Chủ yếu là quát tháo. Nhưng...” bực bội nhận ra rằng mình đang nói nhiều điều không muốn nói - “chủ yếu là bố cháu làm ồn thôi. Như là... cháu không biết nữa, như là những lúc bố cháu phải trông cháu cho mẹ đi làm ấy? Lúc nào bố cũng cáu kỉnh. Cháu không được nói chuyện khi bố đang xem thời sự hay thể thao, đấy là luật ở nhà cháu. Ý cháu là...” Tôi rầu rĩ dừng lại, cảm thấy mình đã tự dồn mình vào đường cùng. “Nhưng dù sao thì cũng lâu lắm rồi.”

Ông ngả người trong ghế nhìn tôi: một người to con, điềm đạm và cẩn mật, dù có đôi mắt xanh trong lo âu như của cậu thiếu niên.

“Còn bây giờ thì sao?” Ông hỏi. “Cháu có thích những người đang ở cùng không?”

“Ờm...” Tôi ngưng lại, mồm đầy thức ăn, băn khoăn không biết nên miêu tả nhà Barbour thế nào. “Họ cũng tốt, cháu nghĩ thế.”

“Bác mừng lắm. Ý là, bác không rõ mình có hiểu Samantha Barbour không, dù bác cũng từng làm vài việc cho nhà họ ngày xưa. Bà ấy có con mắt tinh đời.”

Đến đó thì tôi khựng lại. “Bác quen nhà Barbour à?”

“Ông chồng thì không. Quen bà vợ thôi. Dù mẹ ông ấy cũng sưu tập đáng nể lắm - nhưng chắc là tất cả về tay cậu em rồi, do mâu thuẫn trong nội bộ gia đình gì đấy. Giá có Welty thì sẽ kể cho cháu rõ hơn. Dù cũng không phải ông hay đưa chuyện đâu.” ông vội vàng thêm, “Welty rất kín tiếng, kiệm lời vô cùng, nhưng người ta hay tâm sự với ông, ông thuộc loại người ấy, cháu hiểu không? Người lạ cũng đến kể lể với ông, cả khách hàng, những người ông hầu như không quen, ông là loại người thường khiến người ta đến gửi gắm nỗi buồn của họ.

“Nhưng mà phải.” ông đan tay vào nhau. “Mọi nhà buôn nghệ thuật và cổ vật ở New York đều biết Samantha Barbour. Trước khi kết hôn, bà là con gái nhà Van der Pleyn. Không mạnh tay mua lắm, dù Welty thỉnh thoảng cũng thấy bà ở các điểm đấu giá, và rõ là bà cũng có vài thứ đẹp.”

“Ai bảo với bác là cháu ở với nhà Barbour?”

Ông chớp mắt liên tục. “Trên báo có ghi.” ông đáp. “Cháu không xem à?”

“Báo à?”

“*New York Times*. Cháu không đọc à? Không hả?”

“Báo có viết về cháu à?”

“À không.” ông vội nói. “Không phải viết về *cháu*. Mà về những đứa trẻ mất người thân ở bảo tàng. Phần lớn đều là khách du lịch. Có một cô bé... một đứa trẻ sơ sinh thì đúng hơn... con của nhà

ngoại giao nào đó người Nam Mỹ…”

“Báo viết gì về cháu?”

Ông nhăn mặt. “À, cảnh ngộ một cậu bé mồ côi… phu nhân có lòng từ thiện giúp đỡ… đại khái thế. Cháu hình dung được mà.”

Tôi nhìn xuống đĩa, hổ thẹn vô cùng. Mồ côi ư? Từ thiện ư?

“Bài viết tử tế lắm. Bác hiểu là cháu đã bênh vực con trai của bà ta khỏi bị bắt nạt à?” Ông nói và cúi cái đầu lớn tóc bạc xuống nhìn vào mắt tôi. “Ở trường à? Một trong hai đứa trẻ năng khiếu được nhảy lớp?”

Tôi lắc đầu. “Gì cơ?”

“Con trai Samantha ấy? Được cháu bảo vệ khỏi một đám trẻ lớn hơn ở trường? Chịu đòn thay nó - đại khái thế?”

Lần nữa tôi lắc đầu, cực kỳ hoang mang.

Ông cười lớn. “Khiếm tốn thế! Cái đó không nên xấu hổ.”

“Nhưng… đâu phải như thế.” tôi đáp, cực kỳ rối trí. “Cả hai bọn cháu đều bị chọc ghẹo và đánh đập mà. Ngày nào chả vậy.”

“Bài báo có nói vậy. Vì thế việc cháu bênh vực bạn càng đáng quý hơn. Cả chai vỡ nữa?” Ông nói khi thấy tôi không đáp. “Có kẻ cầm chai vỡ định làm bị thương con trai Samantha Barbour, và cháu…”

“À, cái đó hả.” tôi ngượng ngập đáp. “Có gì đâu.”

“Cháu cũng bị thương. Vì tìm cách giúp bạn.”

“Chuyện không phải như thế! Cavanaugh tấn công cả hai bọn cháu! Có một mảnh chai vỡ trên hè đường.”

Ông lại bật cười - tiếng cười của người to con, trầm vang và thô

nháp, trái hẳn với giọng nói được rèn luyện của ông. “Ồ, dù chuyện là thế nào nữa.” ông nói, “thì rõ ràng cháu đã rơi vào một gia đình rất mực thú vị.” Ông đứng lên, đi ra tủ chè, lấy trong đó chai uýt-ki rồi đổ chừng hai đốt tay vào cái cốc không sạch lắm.

“Samantha Barbour không có vẻ là loại người ấm áp và thân thiện - ít ra thì cảm giác bề ngoài là thế.” ông nói. “Nhưng dường như bà ấy làm được rất nhiều điều có ích cho thế giới nhờ các quỹ và hoạt động gây quỹ của mình, cháu nghĩ thế không?”

Tôi im lặng trong khi ông cất lại cái chai vào tủ. Trên đầu, qua giếng trời, ánh sáng lọt vào đùng đục đa sắc: một màn mưa mỏng đập lách tách vào mặt kính.

“Bác có định mở lại cửa hiệu không?” Tôi hỏi.

“À...” ông thở dài. “Vốn Welty lo mặt đó - khách hàng và buôn bán. Bác thì, bác chỉ là người đẽo gọt, không phải nhà kinh doanh. Kẻ dưới xưởng và kẻ trên hiệu. Không mấy khi đặt chân lên đó - bác lúc nào cũng ở dưới này đánh ráp bôi xi. Giờ thì ông đã ra đi - chà, thật còn quá mới mẻ. Người ta gọi đến, hỏi những thứ ông đã bán, đồ đạc vẫn chuyển tới mà bác không hề biết ông đã mua, không biết giấy tờ để đâu, không biết cái nào là cho người nào... có cả triệu việc cần hỏi ông, giá có cách gì nói chuyện được với ông chỉ năm phút thôi. Nhất là... à, nhất là về Pippa. Chạy chữa cho nó, rồi thì...”

“Vâng” tôi đáp, biết giọng mình nghe vụng về đến thế nào. Chúng tôi đã lại bước vào địa hạt khó khăn là đám tang mẹ, những khoảng trống kéo dài, những nụ cười không đúng chỗ, địa hạt nơi không có chỗ cho lời.

“Ông là một người rất đáng yêu. Không có nhiều người như ông. Hiền từ, khiến người ta yêu mến. Ai cũng thấy thương ông vì

cái lưng, nhưng bác chưa bao giờ gặp ai có bản tính vui tươi tự nhiên như thế, và tất nhiên mọi khách hàng đều yêu quý ông... rất năng động, rất giỏi giao tiếp, lúc nào cũng thế... 'thế giới không chịu đến với tôi,' ông hay nói vậy, 'nên tôi phải đến với nó'... "

Bất thình lình chiếc iPhone của Andy reo: có tin nhắn.

Hobie đang đưa cốc dở chừng lên miệng, giật bắn mình. "Cái gì thế?"

"Đợi cháu một chút." tôi nói và thọc tay vào túi. Người gửi là Phil Lefkow, một đứa trong lớp tiếng Nhật của Andy: Hey Theo, Andy đây, ok chứ? Tôi vội tắt máy, nhét trả vào túi.

"Cháu xin lỗi!" tôi nói. "Bác đang nói gì nhỉ?"

"Quên rồi." Ông ngồi nhìn xa xăm một hai giây, rồi lắc đầu. "Bác chẳng hề mong sẽ được thấy nó lần nữa." ông nói và nhìn xuống cái nhẫn. "Thật đúng là ông, lại yêu cầu cháu mang đến đây - đặt nó vào tay bác. Bác thì... ờ, bác không nhắc đến nhưng cứ chắc mẩm đã có ai đó ở nhà xác bỏ túi nó rồi.

Lần nữa cái điện thoại lại réo lên eo éo rất đáng ghét. "Trời ạ, cháu xin lỗi!" Tôi nói và vội vã lục tìm. Andy nhắn:

Chỉ muốn biết là cậu chưa bị giết thôi!!!

"Xin lỗi ạ." tôi nói và nhấn phím hồi lâu cho chắc, "lần này thì tắt hẳn rồi."

Nhưng ông chỉ mỉm cười, nhìn vào cốc. Mưa gõ lên vòm giếng trời rồi lăn xuống, hắt những cái bóng ướt nước chảy dài trên tường. Quá ngại ngùng không biết nói thêm gì nữa, tôi chờ ông bắt lại câu chuyện - và khi ông vẫn im, chúng tôi chỉ ngồi đó thanh thản, trong lúc tôi nhấp món trà đã nguội (trà Vũ Di Phúc

Kiến, có vị khói là lạ) và cảm thấy đời mình thật lạ lùng, và ở đây cũng thật lạ lùng.

Tôi đẩy cái đĩa ra. “Cảm ơn bác” tôi ngoan ngoãn nói, mắt đảo quanh phòng, “đồ ăn rất ngon ạ” - đấy là nói (như đã thành thói quen gần đây) cho mẹ nghe, để nhỡ may mẹ có đang nghe.

“Lịch sự quá!” Ông nói và cười - cười tôi, nhưng không có ác ý, có vẻ thân thiện là khác. “Cậu thích không?”

“Thích gì ạ?”

“Con tàu Nô-ê của bác. Ông gật đầu về phía tủ búp phê. “Lúc nãy cháu vừa nhìn rất chăm chú, bác nghĩ thế.” Những con thú bằng gỗ đã mòn (voi, hổ, bò, ngựa vằn, cho đến cả một cặp chuột tí xíu) kiên nhẫn sắp hàng chờ đến lượt lên.

“Của bạn ấy à?” Tôi hỏi sau khi say mê ngắm một lúc lâu, bởi mấy con vật được xếp đặt thật tỉ mỉ (lũ hổ tảng lờ nhau, con công trống không nhìn công mái mà ngoảnh sang ngắm bóng mình trong máy nướng bánh), tôi hoàn toàn có thể hình dung cô bé bỏ hàng giờ sắp xếp, tìm cách chọn chỗ thích hợp nhất cho mỗi con.

“Không....” Tay ông lại đan vào nhau trên bàn, “đấy là một trong những món đầu tiên bác mua, ba chục năm trước. Trong một buổi đấu giá Hàng dân gian Hoa Kỳ. Bác không thật thích các thứ nghệ thuật dân gian, chưa bao giờ cả - món này cũng không phải là hàng cao cấp lắm, chẳng ăn nhập gì với bất kỳ thứ gì bác có, nhưng chẳng phải chính thứ không đúng đắn, thứ không hẳn khớp vào chỗ bao giờ cũng lại là thứ khiến người ta thấy thân thương nhất hay sao?”

Tôi ngả người vào ghế, không tài nào giữ chân yên được. “Giờ cháu được gặp bạn ấy chưa ạ?”

“Nếu nó tỉnh rồi...” - ông trề môi - “ờ, chắc là chẳng sao đâu.

Những chỉ một phút thôi nhé.” Khi đứng dậy, vóc dáng khổng lồ vai khòng của ông lại làm tôi bất ngờ lần nữa. “Nhưng phải báo trước với cháu nó hơi mơ mơ hồ hồ đấy. À...” đến giữa cửa ông ngoảnh lại - “và nếu được thì tốt nhất đừng nhắc đến Welty.”

“Bạn ấy không biết à?”

“Biết chứ..- ông nói nhanh - “nó biết, nhưng đôi luc khi nghe đến chuyện đó nó lại buồn rầu trở lại. Rồi hỏi chuyện xảy ra khi nào, và tại sao không ai nói với nó hết.”

ii.

KHI ÔNG MỞ CỬA, rèm đã kéo, mất một lúc mắt tôi mới điều chỉnh được với bóng tối ngát mùi hương và mùi nước hoa, dù lẩn quất vẫn có mùi thuốc, mùi bệnh tật. Trên đầu giường treo một tấm áp phích phim *Phù thủy xứ Oz* lồng khung. Cây nến thơm đang cháy nốt trong chiếc cốc đỏ, đặt giữa những món trang sức lặt vặt và tràng hạt, bản nhạc, hoa gấp bằng giấy ăn, những thiếp trái tim cũ - cùng với cả trăm tấm thiếp chúc sức khỏe thắt trên ruy băng và một chùm bóng bay bạc lơ lửng rờn rợn trên trần nhà, những sợi dây màu kim loại rủ xuống lòng thòng như tua sứa.

“Có người đến thăm cháu này, Pip.” Hobie nói lớn, giọng vui tươi.

Tôi thấy tấm chăn mỏng khẽ động. Một cái khuỷu tay giơ lên. “Ừm?” một giọng ngái ngủ đáp.

“Trong này tối quá, cháu à. Không chịu cho bác mở rèm ư?”

“Không, bác đừng mở, ánh sáng làm cháu đau mắt.”

Cô bé nhỏ nhắn hơn tôi nhớ, còn mặt cô - một vệt mờ mờ trong

bóng tối - thì trắng toát. Đầu đã cạo nhẵn, chỉ còn một chỏm tóc trước trán. Tiến lại gần có phần hãi sợ, tôi nhìn thấy ánh kim loại thoáng lóe trên thái dương cô - chắc là cặp tóc gì đấy, tôi nghĩ trước khi nhận ra ghim phẫu thuật bằng thép vạch một đường cong hiểm độc bên trên vành tai cô.

“Cháu nghe thấy hai người ở hành lang.” cô nói nhỏ, khàn khàn, nhìn từ tôi qua Hobie.

“Nghe thấy gì cơ, bồ câu?” Hobie hỏi.

“Nghe hai người nói chuyện. Cosmo cũng nghe thấy.”

Ban đầu tôi chưa nhìn thấy nó, nhưng rồi cũng thấy - một con chó sục nằm cuộn tròn bên cô, khuất giữa đám gối và thú bông. Khi nó ngẩng đầu, tôi nhìn thấy khuôn mặt lông bạc và đôi mắt kéo màng cho biết nó đã già lắm rồi.

“Bác cứ tưởng cháu đang ngủ, bồ câu à.” Hobie nói và đưa tay qua gãi cằm con chó.

“Bác toàn nói thế, nhưng cháu có ngủ bao giờ đâu. Chào cậu.” cô nói và nhìn tôi.

“Chào cậu.”

“Cậu là ai thế?”

“Tớ tên là Theo.”

“Cậu thích nghe nhạc gì nhất?”

“Tớ chả biết.” tôi đáp, rồi để không có vẻ ngớ ngẩn quá: “Beethoven.”

“Tuyệt quá. Trông cậu đúng là một người thích Beethoven.”

“Thế à?” Tôi hỏi, cảm thấy nghèn nghẹn.

“Ý tớ là khen đấy. Tớ không nghe nhạc được. Tại đầu tớ, đấy. Kinh khủng lắm cơ. Đừng bác.” cô nói với Hobie đang dọn dẹp đống sách vở bông băng và gói khăn giấy trên ghế cạnh giường, lấy chỗ cho tôi ngồi, “cứ để bạn ấy ngồi đây. Cậu ngồi đây đi.” cô nói với tôi và dịch người ra một chút trên giường.

Liếc sang Hobie để được ông đồng ý, tôi ngồi xuống khẽ khàng, chỉ ghé một bên, cẩn thận không làm động đến con chó lúc này đang ngẩng đầu soi mói nhìn.

“Đừng sợ, nó không cắn đâu. Ừm thì, thỉnh thoảng cũng cắn.” Cô nhìn tôi, cặp mắt ngái ngủ. “Tớ biết cậu.”

“Cậu nhớ tớ à?”

“Chúng mình có phải bạn nhau không?”

“Có” tôi đáp liền không nghĩ, rồi lại nhìn sang Hobie, ngượng ngập vì đã nói dối.

“Tớ quên tên cậu rồi, xin lỗi. Nhưng tớ vẫn nhớ mặt cậu.” Rồi, vừa xoa đầu con chó, cô vừa nói: “Tớ còn không nhớ được phòng mình khi về nhà. Tớ vẫn nhớ giường và mọi thứ đồ khác, nhưng căn phòng thì lạ.”

Giờ mắt tôi đã làm quen với bóng tối, đủ để thấy cái xe lăn trong góc phòng và những lọ thuốc trên bàn đầu giường.

“Beethoven cậu thích bài gì nhất?”

“Ờ...” Tôi đang nhìn tay cô đặt trên tấm chăn, lớp da mịn màng mặt trong khuỷu tay có dán một miếng băng cá nhân.

Cô đang nhổm ngồi dậy trên giường, nhìn qua tôi tới nơi Hobie chỉ là một cái bóng bên ngưỡng cửa sáng. “Cháu không được phép nói chuyện quá nhiều phải không?” Cô hỏi.

“Không được, bồ câu à.”

“Cháu có thấy mệt lắm đâu. Nhưng cũng không biết được. Cậu có mệt ban ngày bao giờ không?” Cô hỏi tôi.

“Cũng thỉnh thoảng.” Sau khi mẹ mất, tôi có thói quen ngủ gật giữa lớp hay thỉu đi trong phòng Andy sau giờ học. “Ngày xưa thì không bao giờ.”

“Tớ cũng thế. Giờ thì lúc nào tớ cũng thấy buồn ngủ. Không biết tại sao nhỉ? Tớ thấy thật là chán.”

Hobie - tôi nhận ra khi nhìn lại ô cửa sáng - đã bước ra ngoài một lúc. Không hiểu vì lý do kỳ quái gì, và rất khác với tôi mọi khi, từ nãy đến giờ tôi đã sốt ruột muốn với lấy nắm tay cô; giờ thì ông đi rồi, tôi bèn làm vậy.

“Cậu không ngại chứ?” tôi hỏi. Mọi thứ đều diễn ra rất chậm, như thể tôi đang bơi qua làn nước sâu. Thật lạ lùng khi nắm tay ai đó - nắm tay một cô gái - nhưng cũng thật bình thường đến lạ. Trước đây tôi chưa làm vậy bao giờ.

“Không. Tớ thấy rất vui.” Rồi ngưng một khắc - khiến tôi nghe tiếng con chó ngáy khẽ - có nói: “Cậu không phiền nếu tớ nhắm mắt vài giây chứ?"

“Không” tôi đáp và đưa ngón cái mân mê những khớp ngón tay cô, lần theo các đốt xương.

“Tớ biết là bất lịch sự lắm, nhưng tớ không thể nén được.”

Tôi nhìn xuống đôi mí mắt dưới bóng mi, đôi môi nứt nẻ, sắc tái và những vết bầm tím, những đường chéo kim loại xấu xí trên vành tai. Những điều hấp dẫn nơi cô và những điều đáng ra không thể coi là hấp dẫn, tạo thành một kết hợp lạ lùng, khiến đầu tôi vảng vất và bối rối.

Áy náy, tôi nhìn trở lại, thấy Hobie đang đứng bên cửa. Sau khi rón rén ra khỏi phòng, tôi đóng cửa thật nhẹ sau lưng và mừng thầm rằng hành lang thật tối.

Chúng tôi cùng quay trở lại phòng khách. “Cháu thấy nó thế nào?”ông hỏi khẽ đến mức tôi gần như không nghe thấy.

Tôi biết đáp lại thế nào bây giờ? “Cháu nghĩ là ổn ạ.”

“Nó không còn là chính mình nữa.” Ông ngừng lại âu sầu, hai tay thọc sâu vào túi áo choàng tắm. “Nghĩa là... nó vừa là nó, vừa không phải là nó. Nó không nhận ra rất nhiều người thân thiết với nó, và nói chuyện với họ rất khách khí, nhưng nhiều khi nó lại cởi mở quá mức với người lạ, nói năng thoải mái luôn miệng, với những người nó chưa gặp bao giờ, cứ như là bạn cũ. Người ta bảo đấy cũng là chuyện thường gặp.”

“Sao bạn ấy lại không được nghe nhạc ạ?”

Ông nhướng mày. “Ồ, nó thỉnh thoảng vẫn nghe chứ. Nhưng nhiều lúc, nhất là vào chiều tối, nghe nhạc làm nó phiền lòng - nó nghĩ mình phải tập đàn, phải luyện một bài cho trường, nó trở nên rất bức bối. Rất khó chịu. Còn về chuyện chơi nhạc ở mức nghiệp dư nào đó thì hoàn toàn có thể vào một ngày nào đó, ấy là người ta bảo vậy...”

Bất thình lình chuông cửa reo khiến chúng tôi giật bắn mình.

“A...” Hobie thốt lên, vẻ mặt sầu não, liếc vào đồng hồ đeo tay (tôi thấy rất cổ và cực kỳ tinh xảo), “chắc y tá đến rồi.”

Chúng tôi nhìn nhau; Chuyện giữa chúng tôi còn chưa xong, còn biết bao điều cần nói.

Chuông lại reo. Đầu kia hành lang, con chó đang sủa. “Hôm nay cô ta đến sớm.” Hobie hối hả đi ra cửa, trông vẻ rất thất vọng.

“Cháu quay lại sau được không? Thăm bạn ấy?”

Ông dừng lại. Ông có vẻ thất kinh là tôi lại còn phải hỏi. “Tất nhiên là cháu quay lại được rồi” ông đáp. “Xin cháu hãy quay lại...”

Lại chuông.

“Lúc nào cũng được” Hobie nói. “Xin cháu đấy. Bác và nó lúc nào cũng vui mừng chào đón cháu.”

iii.

“THẾ LÀ CÓ CHUYỆN GÌ ở đằng đó?” Andy hỏi khi chúng tôi mặc đồ dạ tiệc. “Có kỳ lắm không?” Platt đã đi cho kịp tàu về trường, bà Barbour thì ăn tối với ban quản lý dự án từ thiện nào đó, nên ông Barbour đưa cả đám còn lại đi ăn tối ở câu lạc bộ du thuyền (là nơi chúng tôi chỉ đi khi nào bà Barbour có việc bận).

“Cái ông ở đấy biết mẹ cậu.”

Andy thắt nút cà vạt và nhăn mặt kiểu: ai cũng biết mẹ cậu ta cả.

“Cũng hơi kỳ.” tôi nói. “Nhưng thật may là tớ đã đi. Trả này.” tôi nói và lục trong túi, “cảm ơn đã cho tớ mượn.”

Andy xem có tin nhắn không, rồi tắt đi nhét lại vào túi. Ngưng giữa chừng, tay còn bỏ trong túi, cậu ta ngước lên tuy không nhìn thẳng vào tôi.

“Tớ biết là mọi thứ tệ lắm.” cậu ta bỗng dưng nói. “Tớ rất xin lỗi là cậu lại rơi vào cảnh khốn nạn như thế này.”

Giọng cậu ta - vô cảm như giọng máy trả lời điện thoại tự động - khiến một phút sau tôi mới hiểu ý cậu ta là gì.

“Cô dễ thương kinh khủng.” cậu ta nói mà vẫn chưa nhìn hẳn vào tôi. “Tớ muốn nói là…”

“Ờ, được rồi.” tôi lẩm bẩm, không thiết tha gì với đề tài này.

“Tớ muốn nói là đến tớ cũng còn nhớ cô” Andy nói và lần này đã nhìn tôi, ánh mắt có phần kinh sợ. “Chưa bao giờ có ai tớ quen lại chết. Ờ, có ông ngoại Van der Pleyn. Nhưng chưa bao giờ có ai trong những người tớ thích cả.”

Tôi không đáp. Mẹ lúc nào cũng dành tình cảm đặc biệt cho Andy, kiên nhẫn ngồi hỏi han cậu ta về bộ đo khí tượng trong nhà, chọc ghẹo về điểm số trò *Galactic Battlegrounds*[49] cho đến khi cậu ta đỏ mặt tía tai vì khoái chí. Trẻ trung, tinh nghịch, ưa đùa giỡn và âu yếm, mẹ là phiên bản đối nghịch hoàn toàn với mẹ cậu ta: một bà mẹ biết chơi ném đĩa với chúng tôi trong công viên, bàn luận về phim xác sống, cho phép chúng tôi nằm trên giường mình sáng Chủ nhật ăn ngũ cốc Lucky Charms khi xem hoạt hình, và thỉnh thoảng tôi còn thấy bực, chỉ tí chút thôi, là cậu ta trông có vẻ thật ngớ ngẩn và sung sướng khi ở gần mẹ, chạy lẽo đẽo sau lưng mà lảm nhảm về Bàn 4 của trò chơi khỉ gió gì đó cậu ta đang theo đuổi, không dứt nổi mắt khỏi đằng lưng mẹ khi mẹ cúi mình lấy cái gì đó trong tủ lạnh.

“Cô thật cực kỳ…” Andy nói tiếp bằng cái giọng xa vắng. “Cậu có nhớ hôm cô đưa chúng mình đi xe buýt tới dự hội nghị fan truyện kinh dị tít tận New Jersey không? Rồi có cái thằng gớm chết tên Rip cứ chạy theo nài nỉ có đóng phim ma cà rồng cho hắn?”

Tôi biết cậu ta có thiện ý. Nhưng tôi hầu như không thể chịu nổi nói chuyện về bất kỳ để tài gì dính tới mẹ, hoặc tới Trước kia, và tôi ngoảnh đi.

“Tớ nghĩ thằng đó thậm chí còn không phải loại kinh dị nữa kìa.” Andy vẫn nói bằng cái giọng yếu ớt phát bực mình ấy. “Tớ nghĩ đấy là thể loại bệnh hoạn. Hầm ngục có những cô gái bị xích vào bàn thí nghiệm, thật chẳng khác gì phim khổ dâm. Cậu có nhớ hắn lạy lục xin cô gắn thử cặp nanh ma cà rồng vào không?”

“Nhớ. Đến lúc đó thì mẹ tớ đi gọi bảo vệ.”

“Quần da bó nữa chứ. Khuyên đeo khắp chỗ. Ý tớ là, biết đâu đấy, cũng có thể hắn đang làm phim thật, nhưng có vậy thì hắn vẫn là một thằng biến thái kinh tởm, cậu thấy không? Cái kiểu cười nhe nhởn ấy? Rồi cứ liên tục tìm cách nhìn xuống ngực áo cô?”

Tôi chĩa ngón tay thối vào cậu ta. “Thôi im đi và đi thôi.” tôi nói. “Tớ đói lắm rồi.”

“Thế cơ hả?” Tôi đã sụt bốn năm cân từ hồi mẹ mất, đủ để khiến bà Swanson (thật ngượng chín người) bắt đầu đem cân tôi trong phòng bà, chính bằng cái cân dành cho bọn con gái mắc chứng biếng ăn.

“Thế cậu không đói chắc?”

“Có chứ, nhưng tớ cứ nghĩ cậu đang giữ eo. Để còn mặc vừa váy dạ hội.”

“Ăn cứt đi” tôi hồ hởi đáp khi mở cửa - và đâm sầm ngay vào ông Barbour đang đứng sát bên ngoài, không hiểu đang nghe lén hay đang chuẩn bị gõ cửa nữa.

Chết điếng, tôi lắp ba lắp bắp - nói tục là một vi phạm rất nghiêm trọng tại nhà Barbour - nhưng ông có vẻ không phiền lòng lắm.

“À, Theo hả?” ông ranh mãnh nói và nhìn qua bên kia đầu tôi,

“dĩ nhiên là bác rất mừng khi biết cháu đã khá hơn. Đi thôi, chúng ta tới kiếm bàn nào.”

iv.

SUỐT TUẦN TIẾP ĐÓ ai cũng nhận ra tôi đã ăn uống khá hơn, kể cả Toddy. “Anh không tuyệt thực nữa à?” Nó tò mò hỏi tôi một sáng.

“Toddy, tập trung ăn sáng đi.”

“Nhưng con nghĩ là gọi thế mà. Những người không ăn ấy.”

“Không, tuyệt thực chỉ là người ở tù thôi.” Kitsey lạnh lẽo nói.

“Kitten? ông Barbour đe.

“Vâng, nhưng hôm qua anh ý ăn ba cái bánh xốp” Toddy nói tiếp, mặt rất háo hức tìm cách lôi kéo hai bậc bố mẹ thờ ơ vào câu chuyện. “Con chỉ ăn có hai. Sáng nay anh ý còn ăn một bát ngũ cốc và sáu miếng thịt muối nữa, nhưng bố mẹ bảo con ăn năm miếng thì quá nhiều. Sao con không được ăn năm miếng giống anh ý?”

v.

“À ĐÂY RÔI, CHÀO CHÁU” gã bác sĩ tâm thần học Dave vừa chào vừa đóng cửa, kéo ghế ngồi đối diện tôi trong phòng: thảm cầu nguyện Thổ, giá sách chất đầy giáo trình cũ (*Ma túy và xã hội; Tâm lý trẻ em: Cách tiếp cận mới*); rèm cửa màu be nếu bấm nút sẽ ro ro mở ra.

Tôi mỉm cười luống cuống, đưa mắt nhìn khắp phòng, chậu cọ, tượng Phật bằng đồng, nhìn đâu cũng được miễn không nhìn gã

ta.

“Thế đấy.” Tiếng ầm ừ từ xe cộ dưới Đại lộ 5 bay lên khiến cảnh im lặng giữa chúng tôi càng có cảm giác như cách vài thiên hà. “Hôm qua tình hình thế nào?

“À...” Tôi kinh khiếp những buổi gặp Dave tuần hai lần, tra tấn không kém gì đi nhổ răng; tôi cũng thấy ăn năn là không thể ưa gã ta hơn, trong khi gã ta thì cố gắng đến vậy, liên tục hỏi xem tôi thích phim gì, sách gì, in đĩa, in cho tôi, cắt các bài báo từ tạp chí *Game Pro* gã nghĩ chắc tôi sẽ thích - có lần còn đưa tôi đi ăn hamburger ở quán EJ - thế nhưng mỗi lần nghe các câu hỏi tôi lại cứng người, cứ như bị đẩy lên sân khấu giữa một vở diễn không thuộc lời thoại.

“Hôm nay cháu có vẻ lơ đãng.”

“Ơ...” Tôi cũng không để lọt mắt là có kha khá nhan đề sách trên kệ của Dave có chữ dục: *Tình dục tuổi thiếu niên, Tình dục và nhận thức, Các kiểu biến thái tình dục,* và cái tôi thích nhất*: Thoát khỏi bóng tối: Lý giải về chứng nghiện tình dục.* “Cháu nghĩ là cháu ổn ạ.”

“‘Cháu nghĩ là... à?”

“Cháu ổn ạ. Mọi thứ đều tốt.”

“Thế hả?” Dave ngả người trên ghế, nhịp nhịp đôi Converse. “Thế thì tuyệt.” Rồi thì: “Sao cháu không cập nhật tình hình cho chú xem dạo này thế nào nhỉ?”

“Ờ...” Tôi gãi gãi trán và nhìn lảng đi. “Tiếng Tây Ban Nha vẫn khó... cháu có thêm một bài kiểm tra bù nữa, chắc là thứ Hai tới. Nhưng cháu được điểm A bài sử về Stalingrad. Thế nên chắc điểm tổng kết B- sẽ được tăng lên B.”

http://tieulun.hopto.org

Gã ta im lặng thật lâu, vẫn nhìn tôi, khiến tôi cảm thấy như bị đánh bẫy và bắt đầu nghĩ ngợi xem còn gì để nói nữa không. Rồi: "Còn gì nữa?"

"À..." Tôi nhìn xuống hai ngón tay cái.

"Chứng lo âu dạo này thế nào?"

"Cũng không tệ ạ" tôi đáp và nghĩ mình bức bối chính vì chẳng biết gì về Dave. Gã ta thuộc loại người đeo thứ nhẫn cưới trông chẳng giống như nhẫn cưới - mà cũng có thể đó chẳng phải là nhẫn cưới, có thể chỉ là gã rất tự hào về dòng dõi Celt của mình. Tôi đoán gã mới lập gia đình, có con nhỏ - ở gã toát ra vẻ ngơ ngẩn, kiệt lực của kẻ mới làm cha, như thể thường phải dậy thay tã nửa đêm - nhưng ai mà biết được?

"Còn thuốc thang thì sao? Tác dụng phụ các loại?"

"Ưm..." tôi gãi mũi "chắc là có đỡ hơn ạ". Tôi đã bỏ dùng thuốc, chúng làm tôi mệt mỏi đau đầu đến nỗi gần đây tôi toàn nhổ xuống lỗ thoát nước trong nhà tắm.

Dave im lặng một chốc. "Vậy thì... cũng không sai nếu nói rằng cháu đang dần cảm thấy khá hơn phải không?"

"Chắc là không ạ" tôi nói sau một lúc im lặng, nhìn tấm trang trí treo tường sau đầu gã. Trông như một cái bàn tính treo lệch, đầy những hạt cườm bằng đất sét và dây thừng tết nút, và tôi đã dành hình như phải đến nửa cuộc đời gần đây chỉ ngồi nhìn nó.

Dave mỉm cười. "Giọng cháu nghe như thể đấy là điều đáng xấu hổ vậy. Nhưng cảm thấy khá hơn không có nghĩa là cháu đã quên mất mẹ mình đâu. Cũng không có nghĩa là cháu bớt yêu mẹ."

Tôi chưa bao giờ có ý nghĩ này. Căm tức gã đã nêu ra giả thiết

đó, tôi đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ, ngắm khung cảnh rầu lòng gã phải ngắm hằng ngày: cái nhà gạch trắng bên kia đường.

"Thế cháu có nghĩ ra vì sao mình lại thấy khá hơn không?"

"Không" tôi đáp cụt ngủn. *Khá hơn* còn không phải là từ diễn tả điều tôi đang cảm thấy. Điều ấy không có chữ nào nói được. Đúng hơn là những thứ quá bé nhỏ không đáng nói đến - tiếng cười trong hành lang trường học, con thằn lằn cuống quýt bò trong bể ở lớp Sinh - nay khiến tôi phút trước hân hoan rồi phút sau đã muốn òa khóc. Thỉnh thoảng khi tối đến, một hơi gió ẩm đấy bụi từ Đại lộ Công viên phả vào cửa sổ, đúng khi giao thông giờ cao điểm vãn dần và thành phố đang trút dần xe cộ chờ vào đêm; trời lâm thâm mưa, lá cây xoãi dài, mùa xuân đậm dần thành hạ; và tiếng còi thê lương giữa phố, mùi âm ẩm trên lề đường ướt như truyền điện, cảm giác về những đám đông cùng những cô thư ký cô độc đứng lặng cùng những ông béo xách túi đồ ăn mua về, nơi nơi là vẻ buồn khó nhọc của những con người xô đẩy nhau, giành nhau từng mẩu cuộc sống. Hằng tuần rồi tôi đã bị đông đá, tách rời với con người; giờ đây khi tắm, tôi vặn vòi sen hết cỡ rồi hú lên câm lặng. Mọi thứ đều rất và đau đớn và rối loạn và lệch lạc, nhưng không hiểu sao cảm giác vẫn như tôi vừa bị lôi từ lòng nước đá lên qua một lỗ hổng trên mặt băng, đứng giữa ánh nắng và giá lạnh tê người.

"Cháu vừa đi đâu thế?" Dave hỏi, tìm cách nhìn vào mắt tôi.

"Dạ?"

"Cháu vừa nghĩ đến gì thế?"

"Có gì đâu ạ."

"Thế hả? Khó có thể không nghĩ đến cái gì."

Tôi nhún vai. Ngoài Andy ra tôi chưa hề kể cho ai nghe mình

đã lên xe buýt đến nhà Pippa, và bí mật ấy nhuộm màu mọi thứ như dư quang của giấc mơ: những bông anh túc bằng giấy ăn, ánh chập chờn từ cây nến chảy, sức nóng dinh dính khi bàn tay cô nằm trong tay tôi. Nhưng dù sau một thời gian rất dài mới nếm trải được một thứ âm vang như thế, thực đến thế, tôi không muốn làm hỏng nó bằng cách đem ra kể lể, nhất là với gã ta.

Chúng tôi ngồi đó thêm một hồi lâu nữa. Rồi Dave cúi người về trước vẻ mặt lo âu, nói: "Cháu biết không, khi hỏi cháu đi đâu những lúc im lặng như vậy, không phải chú định bắt nạt hay làm khó gì cháu đâu."

"Vâng, cháu biết mà." tôi khó khăn nói và rứt rứt lớp vải tuýt bọc đệm trên tay ghế.

"Nhiệm vụ của chú là nói về bất cứ chuyện gì cháu muốn nói. Hoặc là..- tiếng gỗ cọt kẹt khi gã trở người trên ghế - "chúng ta có thể không nói gì cũng được! Chỉ có điều chú không biết cháu nghĩ gì trong đầu."

"À" tôi nói sau một chặng im lặng dài bất tận nữa, cố cưỡng lại ý muốn nhòm vào đồng hồ trên tay. "Cháu chỉ muốn nói là... " - còn bao nhiêu phút nữa? *Bốn mươi* à?

"Vì chú nghe tin, từ vài người lớn khác xung quanh cháu, rằng gần đây cháu đã có tiến bộ rõ rệt. Cháu tham gia vào giờ học trên lớp nhiều hơn." gã nói tiếp khi thấy tôi không đáp. "Giao tiếp xã hội cũng nhỉều hơn. Ăn uống bình thường trở lại." Trong cảnh im lặng, tiếng còi xe cứu thương vọng đến lờ mờ từ dưới đường. "Vậy nên chú mong cháu có thể giải thích cho chú có gì khác trước."

Tôi nhún vai và gãi gãi má. Làm sao giải thích được chuyện này? Nội ý nghĩ đó cũng là ngớ ngẩn. Ngay ký ức ấy cũng đã bắt đầu nhòa nhạt, lung linh như không thực, như một giấc mơ có

các chi tiết càng mau phai nếu càng cố tâm bắt lấy. Quan trọng là ở cảm giác, ở vị ngọt thắm âm thầm mạnh mẽ đến nỗi trốn lớp, trên xe buýt, trên giường, nếu cần cố tìm thứ gì đó an toàn hay dễ chịu, nơi nào đó hay trật tự gì đó để tim tôi khỏi thắt lại vì lo âu, tôi chỉ cần thả mình chìm xuống cái dòng chảy ấm như huyết quản, để luồng xoáy đưa mình đi đến chốn bí ẩn nơi tất cả đều yên lành. Những bức tường màu quế, những giọt mưa trên cửa kính, sự im lặng mênh mông, cảm giác về độ sâu và khoảng xa, như véc-ni quết qua nền bức tranh thế kỷ 19. Thảm mòn đến xơ chỉ, quạt giấy Nhật vẽ tranh, thiếp tình yêu cổ lặp lòe ánh nến, hề kịch câm và bồ câu và những trái tim kết vòng hoa. Khuôn mặt Pippa, vệt trắng trong bóng tối.

vi.

"NÀY" MẤY NGÀY SAU TÔI NÓI với Andy, khi rời khỏi Starbucks trên đường về, "chiêu nay cậu lại giấu cho tớ được không?"

"Được thôi" Andy đáp và nuốt ực một miếng cà phê. "Bao lâu?"

"Chưa biết." Còn tùy xem đổi tàu ở Phố 14 mất bao lâu, đi xuống trung tâm có thể mất đến bốn mươi lăm phút; ngày trong tuần xe buýt sẽ còn lâu hơn. "Ba tiếng?"

Cậu ta nhăn mặt; nếu bà mẹ có nhà sẽ có lắm câu hỏi phải trả lời. "Tớ bảo mẹ thế nào đây?".

"Bảo là tớ có việc ở lại trường hay gì đó."

"Mẹ sẽ nghĩ cậu bị phạt."

"Thì đã sao?"

"Không sao, nhưng tớ không muốn mẹ gọi đến trường hỏi

cậu.”

“Vậy bảo tớ đi xem phim.”

“Thế thì sẽ hỏi sao tớ không đi cùng. Hay nói cậu đến thư viện?”

“Thế nghe hèn quá.”

“Được rồi. Vậy ta sẽ bảo rằng cậu có một cuộc hẹn khẩn cấp không trì hoãn được với ông cảnh sát đang theo dõi cậu. Hay cậu đã ghé vào quán bar khách sạn Four Seasons làm hai ba ly cốc tai pha Uýt-ki.”

Cậu ta đang bắt chước ông bố, chuẩn đến nỗi tôi bật cười. “Fabelhaft[50]” tôi đáp bằng giọng ông Barbour. “Buồn cười lắm.”

Cậu ta nhún vai. “Cơ sở chính tối nay mở cửa đến bảy giờ” cậu ta tiếp bằng cái giọng nhạt nhẽo yếu ớt của bản thân. "Nhưng tớ không cần biết cậu đi nơi nào đâu nếu cậu quên nói.”

vii.

CỬA BẬT MỞ NHANH HƠN tôi dự kiến, trong lúc tôi còn đang nhìn lòng đường nghĩ về chuyện khác. Lần này ông đã cạo râu nghiêm chỉnh, người toát mùi xà phòng, mái tóc bạc dài đã chải cẩn thận giắt sau tai, và ăn mặc cũng đường hoàng chẳng kém gì ông Blackwell khi tôi gặp.

Lông mày ông trợn lên, rỗ ràng là ngạc nhiên khi thấy tôi. “Chào cháu!”

“Cháu đến không đúng lúc ạ?” Tôi hỏi và nhìn cổ tay áo trắng bong, thêu một ký tự tí xíu màu đỏ thắm Trung Hoa, nhỏ và cách điệu đến mức gần như không nhìn thấy.

“Không hề. Thực tình là bác đang hy vọng cháu sẽ đến.” Ông đeo cà vạt đỏ có hình vẽ màu vàng nhạt; giày da thắt dây; bộ vét màu xanh thủy quân cắt may rất khéo. “Vào đi! Xin mời.”

“Bác sắp đi đâu à?” Tôi hỏi và nhút nhát đưa mắt nhìn. Bộ vét làm ông trông như một người khác, không ủ ê lơ đễnh như trước, có vẻ năng nổ hơn - không phải Hobie trong lần tôi đến trước đây mang cái vẻ xác xơ của chú gấu Bắc cực xinh đẹp mà bị ngược đãi.

“À, có. Nhưng chưa. Thực tế là chúng tôi đang hơi bấn. Nhưng không sao.”

Thế nghĩa là sao? Tôi theo ông vào nhà - qua xưởng như một cánh rừng những chân bàn và ghế bật lò xo - qua phòng khách tăm tối vào bếp, nơi con chó Cosmo đang bứt rứt đi đi lại lại rên ư ử, móng chân gỗ tành tạch trên ván sàn. Khi chúng tôi vào đến nơi, nó bước thụt lùi vài bước và hung hăng ngước nhìn.

"Sao nó lại ở đây?” Tôi hỏi và quỳ xuống định vuốt đầu nó, rồi rụt tay lại khi thấy nó lảng đi.

“Hử?” Hobie hỏi. Ông có vẻ bận tâm suy nghĩ chuyện gì.

“Cosmo ấy. Không phải nó thích ở với bạn ấy à?”

“À. Bác gái của con bé. Không muốn nó ở trong đó.” Ông đang rót nước vào ấm trà ở bồn rửa, và - tôi nhận thấy - cái ấm run run trong tay ông.

“Bác gái à?”

“Ừ” ông nói và đặt ấm lên bếp, rồi quỳ xuống gãi cằm con chó. “Cậu chàng tội nghiệp, mày không biết phải nghĩ thế nào phải không? Margaret rất kiên quyết về chuyện để chó trong phòng người ốm. Hẳn là bà ấy đúng rồi. Còn *cháu* thì lại ở đây.” ông nói và liếc nhìn lại tôi, ánh mắt chợt rạng rỡ lạ lùng. “Lại dạt tới chỗ

chúng tôi. Pippa luôn miệng nói về cháu từ hôm cháu đến."

"Thật ạ?" Tôi mừng rỡ đáp.

"'Cậu ấy đâu rồi?' 'Có một cậu bé đến đây.' Vừa hôm qua nó bảo bác rằng cháu sắp quay lại và đây" ông nói với tiếng cười rất trẻ trung và đầm ấm, "cháu đã đến." Ông đứng dậy, khớp gối kêu lục cục, chùi mu cổ tay lên cặp mày trắng nổi gồ. "Nếu đợi thêm ít nữa cháu sẽ vào thăm nó được."

"Bạn ấy thế nào rồi ạ?"

"Đỡ hơn nhiều lắm" ông hoạt bát đáp mà không nhìn tôi. "Rất nhiều diễn biến. Bác nó sắp đón nó về Texas."

"Texas?" Tôi đáp, choáng váng.

"Thế đấy."

"Bao giờ ạ?"

"Ngày kia."

"Không được!"

Ông nhăn mặt - thoáng một cái rồi biến mất. "Phải, bác đang sắp xếp đồ đạc cho nó đi đây" ông nói bằng giọng hớn hở thực chẳng hợp với vẻ buồn bã vừa lướt qua mặt ông. "Dạo này người đi người đến suốt. Bạn học ở trường - thực ra hôm nay là ngày đầu tiên được yên ổn đấy. Cả tuần vừa rồi nườm nượp khách."

"Bao giờ bạn ấy về lại ạ?"

"À... còn lâu, thực ra là thế. Margaret đón nó về đấy ở."

"Ở vĩnh viễn ạ?"

"À không! Không phải *vĩnh viễn*" ông nói bằng cái giọng khiến tôi nhận ra vĩnh viễn chính là điều ông muốn nói. "Đâu có phải là

nó sẽ rời khỏi mặt đất này đâu.” ông nói thêm khi thấy vẻ mặt tôi. “Chắc chắn bác vẫn xuống đó thăm nó chứ. Và chắc chắn nó cũng sẽ còn về đây chơi.”

“Nhưng…” Tôi cảm thấy trần nhà vừa sập xuống đầu mình. "Cháu cứ tưởng bạn ấy sống ở đây. Với bác.”

"À thì đúng thế. Cho đến bây giờ. Dù bác nghĩ là nó ở đó thì tốt hơn nhiều.” ông nói thêm nhưng không có vẻ tin tưởng. “Đúng là một thay đổi lớn với mọi người, nhưng về lâu về dài bác nghĩ thế là tốt nhất.”

Tôi thấy rõ ông không tin một lời nào vừa thốt ra. “Nhưng sao không để bạn ấy ở đây?”

Ông thở dài. “Margaret là em cùng cha khác mẹ của Welty” ông nói. “Khác mẹ cùa Juliet nữa. Người thân gần nhất của Pippa. Dù sao cũng là máu mủ ruột rà, còn bác thì không. Bà ấy nghĩ Pippa về Texas sẽ cốt hơn vì giờ nó cũng khỏe đi lại được rồi.”

“Cháu chẳng thấy sống ở Texas có gì hay.” tôi điếng người đáp. “Ở đấy nóng lắm.”

“Bác nghĩ bác sĩ cũng không giỏi bằng ở đây.” Hobie đáp và phủi phủi tay. “Mặc dù về điểm này thì Margaret và bác có bất đồng.”

Ông ngồi xuống nhìn tôi. “Kính của cháu” ông nói. “Đẹp đấy.”

“Cảm ơn bác.” Tôi không muốn nói về đôi kính mới, một thay đổi không được hoan nghênh dù đúng là chúng giúp tôi nhìn rõ hơn. Bà Barbour đã chọn gọng ở E. B. Meyrowitz sau khi tôi bị đánh dấu trong buổi khám mắt ở trường. Gọng tròn màu mai rùa, cớ vẻ hơi người lớn quá, cũng hơi đắt tiền quá, và người lớn ai cũng sốt sắng quá khi quả quyết với tội rằng trông nó thật đẹp.

“Tình hình đằng ấy ra sao?” Hobie hỏi. “Cháu không tưởng tượng nổi chuyến thăm của cháu đã gây náo động thế nào đâu. Thực tế là bác cũng đang tính tự mình lên đó gặp cháu đấy. Chỉ có điều bác không muốn rời Pippạ, vì nó đã sắp đi rồi. Mọi thứ diễn ra nhanh quá, cháu hiểu không. Chuyện Margaret ấy. Bà ấy giống hệt ông Blackuell - chỉ cần bà ấy nghĩ ra việc gì đó là “đoàng”, đã làm xong.”

“Nó có đi Texas luôn không? Cosmo ấy?”

“Ồ không - nó ở đây là tốt rồi. Nó đã sống trong nhà này từ hồi mười hai tuần tuổi.”

“Không phải nó sẽ buồn à?”

“Hy vọng là không. Ừ, nói thật tình, nó sẽ nhớ con bé đấy. Cosmo với bác sống với nhau cũng tạm, cho dù nó đã suy sụp rất dữ từ hồi Welty mất. Thực ra nó là chó của Welty, chỉ gần đây mới bắt đầu thân thân với Pippa. Lũ chó sục nhỏ mà Welty vẫn nuôi nói chung không ưa trẻ con lắm, cháu biết đấy - Chessie mẹ của Cosmo đúng là một nỗi kinh hoàng.”

“Nhưng sao Pippa lại phải xuống đấy ở?”

“À” Ông nói và dụi mắt, “thực tình đấy là điều duy nhất có lý. Margaret là người thân gần nhất về giấy tờ. Dù Margaret và Welty gần như không ngó ngàng tới nhau hồi ông còn sống - ít nhất là trong những năm gần đây.”

“Tại sao?”

“À...” Tôi thấy là ông không muốn nói chuyện đó. "Lằng nhằng lắm. Margaret khá là không ưa mẹ Pippa, cháu hiểu không?”

Vừa nói đến đó, một người đàn bà cao ráo mũi nhọn vẻ năng nổ bước vào phòng; bà đã đủ tuổi có cháu ngoại, khuôn mặt độc

địa cao ngạo và mái tóc màu gỉ sắt đang ngả bạc. Bộ vét và giày trên người bà khiến tôi nghĩ đến bà Barbour, duy chỉ cái màu bà Barbour sẽ không đời nào đụng đến: màu vỏ chanh).

Bà nhìn tôi, rồi nhìn Hobie. "Gì đây?" Bà lạnh lùng hỏi.

Hobie thở hắt ra, trông ông thật khổ sở. "Có gì đâu, Margaret. Đây là cậu bé đã ở bên Welty khi ông qua đời."

Bà ta nghía mắt nhìn tôi qua cặp kính đọc sách - và rồi cười lên rất gắt, tiếng cười có vẻ cảnh giác

"Ồ chào cháu!" bà ta nói - đột nhiên cực kỳ ngọt ngào, chìa cho tôi đôi bàn tay đỏ gầy đeo đầy kim cương. "Tôi là Margaret Blackvvell Pierce. Em gái Welty. Em cùng cha khác mẹ, cháu hiểu không?" bà cải chính và liếc qua vai tôi nhìn Hobie khi thấy lông mày tôi sụp xuống. "Mẹ tôi là Susie Delaheld."

Bà nói ra cái tên ấy với vẻ quan trọng. Tôi liếc sang Hobie xem ông phản ứng thế nào. Bà nhận ra tôi làm thế, quắc mắt lườm ông một cái rồi quay lại - tươi tỉnh hớn hở - nhìn tôi.

"Cháu thật là một cậu bé xinh xẻo đáng yêu." bà bảo tôi. Cái mũi dài của bà ta màu hồng hồng ở chóp mũi. "Bác thật vô cùng vui mừng được gặp cháu. James và Pippa vẫn luôn miệng kể với bác về lần cháu đến chơi - thật phi thưởng. Cả nhà cứ rộn lên vì chuyện đó. Thêm nữa..." - bà ta siết chặt tay tôi - "bác phải cảm ơn cháu từ tận đáy lòng đã mang cái nhẫn của ông nội về lại cho bác. Nó có ý nghĩa với bác vô cùng."

Nhẫn của *bà ta*? Lần nữa, tôi đưa mắt nhìn Hobie bối rối.

"Hẳn là với cha của bác cũng có ý nghĩa vô cùng nữa." vẻ vồ vập của bà ta xem ra là cố ý, rất bài bản ("quyến rũ kinh người", như ông Barbour thường bình phẩm); thế nhưng cái sắc đồng phảng phất hao hao ông Blackwell - và Pippa - ấy vẫn khiến tôi

không định mà xiêu lòng. “Cháu biết nó đã từng bị mất một lần mà, phải không?”

Cái ấm huýt véo von. “Bà có dùng chút trà không, Margaret?” Hobie hỏi.

“Xin cảm ơn” bà ta đáp gọn. “Chanh và mật nhé. Với mấy giọt scotch nữa.” Quay sang tôi, đổi giọng ấm áp, bà ta bảo: “Bác xin lỗi vô cùng, nhưng có mấy việc người lớn các bác còn phải lo nữa. Sắp sửa phải đi gặp luật sư. Ngay khi nào y tá của Pippa đến.”

Hobie hắng giọng “Tôi thấy không có vấn đề gì nếu ...”

“Cháu vào thăm bạn ấy được không ạ?” Tôi hỏi, quá nôn nóng không đợi được ông nói hết câu

“Được chứ!” Hobie đáp vội trước khi bà Margaret kịp chen vào - và quay ngoắt đi rất khéo tránh vẻ mặt cáu kỉnh của bà ta. “Cháu nhớ đường mà phải không? Cứ đi theo lối kia.”

viii.

"CÂU ĐẦU TIÊN CÓ NÓI với tôi là: “Cậu tắt đèn hộ tớ được không?” Cô đang ngồi dựa trên giường, cắm tai nghe iPod, trông có vẻ lóa mắt và ngơ ngác trong ánh đèn điện trên đầu.

Tôi tắt đèn. Phòng có vẻ trống trải hơn, những hộp các-tông xếp sát tường. Cơn mưa phùn mùa xuân đang gõ vào cửa sổ, còn ngoài kia, trong sân nhà tối, một cây lê trổ bông trắng li ti trên nền gạch ướt.

“Chào cậu.” cô nói và siết chặt hơn đôi tay đặt trên chăn.

“Chào.” tôi nói và ước gì giọng mình không đến nỗi luống cuống như thế.

“Tớ biết là cậu mà! Tớ nghe thấy giọng cậu trong bếp.”

“Thế à? Sao cậu biết là tớ?”

“Tớ chơi nhạc mà! Tai tớ thính lắm.”

Giờ khi mắt đã quen với bóng tờ mờ, tôi nhận ra trông cô không xanh rớt như lần trước tôi gặp. Tóc đã mọc lại một chút, ghim phẫu thuật đã được tháo, dù cái vành tròn từ vết thương vẫn còn.

“Cậu thấy người thế nào?” Tôi hỏi.

Cô mỉm cười. “Buồn ngủ.” Cái buồn ngủ thấm đầy giọng cô, giọng nói khào khào nhưng nhỏ dần ngọt lịm. “Cậu có ngại chung không?”

“Chung cái gì cơ?”

Cô nghiêng đầu, lấy một bên tai nghe rồi đưa tôi. “Nghe chung.”

Tôi ngồi xuống bên cô trên giường, nhét nó vào tai: những hòa âm siêu trần, phi nhân, thấu tim, như phát sóng từ đài Thượng giới.

Chúng tôi nhìn nhau. “Cái gì thế?” Tôi hỏi.

“À…” cô nhìn xuống máy “Palestrina.[51]”

“Ồ.” Nhưng tôi không cần biết đấy là ai. Lý do duy nhất khiến tôi nghe là vì ánh sáng ướt mưa, cái cây trắng ngoài cửa sổ, tiếng sấm, và cô.

Sự im lặng giữa chúng tôi thật vui và kỳ lạ, nối với nhau bằng sợi tai nghe và những giọng hát băng đá khe khẽ âm vang. “Cậu không cần nói chuyện đâu” cô nói, “nếu không muốn.” Mí mắt cô đã trĩu xuống, giọng mơ màng như đang kể một bí mật. “Ai cũng

nói suốt, tớ chỉ thích im lặng thôi."

"Cậu vừa khóc đấy à?" Tôi hỏi và ghé nhìn cô sát hơn.

"Đâu có. Ờ... một tí thôi."

Chúng tôi ngồi đó, không nói gì, thế mà hoàn toàn không thấy ngượng ngập hay bối rối.

"Tớ phải đi đấy." lát sau cô nói. "Cậu biết chưa?"

"Biết rồi. Bác nói với tớ."

"Kinh khủng thật. Tớ không muốn đi." Cô có mùi muối, mùi thuốc, và gì đó nữa, như món trà cúc mẹ thường mua ở quán Grace, ngòn ngọt như cỏ.

"Bác cậu có vẻ tốt" tôi cẩn trọng nói. "Tớ nghĩ vậy."

"Tớ nghĩ vậy." cô ủ ê nhắc lại, đưa ngón tay chạy dọc rìa chăn. "Bác ấy khoe nào là bể bơi. Ngựa nữa."

"Có vẻ hấp dẫn."

Cô chớp mắt lúng túng. "Có thể."

"Cậu biết cưỡi không?"

"Không."

"Tớ cũng thế. Nhưng mẹ tớ biết đấy. Mẹ tớ yêu ngựa lắm. Mẹ suốt ngày dừng chân nói chuyện với ngựa kéo xe ở mé nam Công viên Trung tâm. Cứ như là..." tôi không biết phải diễn ta thế nào "như là chúng nó nói chuyện với *mẹ* ấy Như là, chúng tìm cách quay đầu, dù đang phải đeo che mắt, về phía mẹ tớ đang đi."

"Mẹ cậu cũng chết rồi à?" Cô lí nhí hỏi.

"Ừ."

"Mẹ tớ đã chết từ..." cô dừng lại ngẫm nghĩ "tớ chẳng nhớ nữa.

Mẹ chết sau kỳ nghỉ xuân ở trường năm nào đó, thế là tớ vừa được nghỉ xuân, vừa được nghỉ tuần tiếp theo nghỉ xuân. Còn có một chuyến dã ngoại ở trường, đến Vườn Bách thảo nữa, nhưng tớ không được đi. Tớ nhớ mẹ lắm."

"Mẹ cậu mất vì gì?"

"Mẹ bị ốm. Mẹ cậu có bị ốm không?"

"Không. Bị tai nạn." Và rồi - không muộn dấn sâu hơn vào chủ để này: "Nói tiếp nhé, mẹ tớ yêu ngựa lắm. Hồi còn nhỏ mẹ kể có một con ngựa của mẹ thỉnh thoảng thấy cô đơn? thế là nó sẽ đi tới tận nhà, ngó đầu vào cửa sổ xem có chuyện gì đang xảy ra."

"Tên nó là gì?"

"Thuốc Vẽ." Tôi rất mê những câu chuyện mẹ kể về những chuồng ngựa ở Kansas: cú và dơi làm tổ trên rui nhà, ngựa rống hay hí suốt ngày. Tôi thuộc hết tên bầy chó ngựa trong tuổi thơ của mẹ.

"Thuốc Vẽ à! Lông nó nhiều màu lắm phải không?"

"Lông nó màu đốm, kiểu thế. Tớ có thấy ảnh chụp. Thỉnh thoảng, mùa hè, nó đến ngó mẹ tớ khi mẹ đang ngủ trưa. Mẹ nghe thấy cả tiếng nó thở, cậu hình dung được không, ngay trong rèm."

"Dễ thương quá! Tớ thích ngựa lắm. Chỉ có điều..."

"Điều gì?"

"Tớ muốn ở lại đây hơn!" Bỗng dưng cô như sắp òa khóc. "Tớ không hiểu tại sao mình lại phải đi cả."

"Cậu nên bảo họ là cậu muốn ở lại." Tay chúng tôi đã chạm nhau từ bao giờ? Vì sao tay cô nóng thế?

“Tớ có bảo mà! Nhưng ai cũng nghĩ đến đó tốt hơn.”

“Sao vậy?”

“Tớ chẳng biết.” cô chau mày đáp. “Ở đó yên tĩnh hơn, họ bảo thế. Nhưng tớ không thích yên tĩnh, tớ thích có nhiều âm thanh để nghe.”

“Họ cũng sẽ bắt tớ đi chỗ khác.”

Cô chống tay nhỏm dậy. “Không!” Cô nói, vẻ hoảng hốt. “Bao giờ?” “Tớ không biết. Chắc là chóng thôi. Tớ sẽ phải đến ở với ông bà nội.”

“Ôi!” cô nói vẻ hoài nhớ và lại rơi người xuống gối. “Tớ chẳng có ông bà nào cả.”

Tôi lồng tay vào những ngón tay cô. “Ông bà tớ chẳng dễ chịu cho lắm.”

“Tội nghiệp cậu.”

“Không sao đâu.” tôi đáp, lấy giọng bình thường nhất có thể, dù tim đang đập đến mức tôi cảm thấy mạch phập phồng nơi đầu ngón tay. Tay cô trong tay tôi mịn như nhung và nóng như sốt, hơi hơi dấp dính.

“Cậu không có người thân nào khác à?” Mắt cô thật sẫm trong ánh sáng nhạt mờ từ cửa sổ, nhìn như mắt đen.

“Không có. Ờ...Bố tôi có tính không? “Không.”

Rồi đến một khoảng lặng kéo dài. Chúng tôi vẫn nối với nhau qua tai nghe: một cái nằm trong tai cô, cái kia trong tai tôi. Tiếng hát trong vỏ ốc. Những dàn đồng ca thiên thần, chuỗi ngọc âm thanh. Đột ngột thời gian như chậm hẳn lại, như thể tôi đã quên cách thở thế nào cho đúng lý, chốc chốc tôi lại thấy mình đang

nín hơi, rồi thở ra quá ồn ào, quá sốc.

“Cậu bảo đây là gì ấy nhỉ?” Tôi hỏi cốt để có chuyện nói.

Cô mỉm cười ngái ngủ, đưa tay lấy một que kẹo mút nhọn trông chẳng mấy hấp dẫn đặt trên giấy bạc trên bàn đầu giường.

“Palestrina.” cô nói lúng búng với cái kẹo trong miệng. “Lễ trọng. Hay gì đấy. Tất cả nghe đều khá giống nhau.”

“Cậu có thích bác ấy không?” tôi hỏi. “Bác Margaret ấy?”

Cô nhìn tôi mấy hồi lâu. Rồi cẩn trọng đặt lại que kẹo trên giấy gói, cô nói: “Bác ấy có vẻ tốt. Tớ nghĩ thế. Chỉ có điều tớ chẳng biết rõ bác ấy lắm. Nên rất kỳ.”

“Sao phải thế? Sao cậu phải đi?”

“Tiền nong gì đấy Hobie chẳng làm gì được, bác ấy không phải bác ruột tớ. Bác vờ, Margaret gọi thế đấy.”

“Giá mà bác ấy là bác ruột cậu.” tôi nói. “Tớ muốn cậu ở đây.”

Bỗng dưng cô ngồi bật dậy, ôm lấy tôi và hôn tôi, và máu tuột khỏi đầu tôi, thật hẫng, như đang trượt chân rơi xuống khỏi vách đá.

“Tớ…” Chợt tôi thấy kinh hoàng. Mê man, do phản xạ, tôi đưa tay lên lau nụ hôn đi - chỉ có điều không phải do nó ướt át hay ghê tởm, tôi cảm thấy dấu vết nó để lại như một vệt sáng dọc mu bàn tay mình.

“Tớ không muốn cậu đi.”

“Tớ cũng không muốn đi.”

“Cậu có nhớ đã thấy tớ không?”

"Lúc nào?”

“Ngay trước đấy.”

“Không.”

"Tớ nhớ cậu.” tôi nói. Không hiểu sao tay tôi đã nằm trên má cô, tôi vụng về rút lại và ép nó phải ở lại bên mình, nắm thành nắm đấm, gần như ngồi lên trên. “Tớ đã ở đấy.” Mãi đến lúc đấy tôi mới nhận ra Hobie đứng bên cửa.

“Chào cháu, cháu yêu.” Và dù giọng nói trìu mến ấy chủ yếu dành cho cô, tôi cũng nhận ra có một chút là cho tôi. “Bác đã bảo cậu ấy sẽ trở lại mà.”

“Bác bảo thế thật!” cô nói và nhỏm dậy. “Cậu ấy đang ở đây.”

“À, thế lần sau cháu sẽ nghe bác chứ?”

“Cháu có nghe bác mà. Cháu chỉ không tin bác thôi.”

Mép rèm trong suốt quệt qua bệ cửa sổ. Mơ hồ, tôi nghe tiếng xe cộ ngân nga bên ngoài. Ngồi bên mép giường có có cảm giác như đang ở thời khắc tỉnh thức, giao giữa giấc mộng và ánh ngày, nơi mọi thứ hòa vào nhau, lẫn vào nhau ngay khi chuẩn bị chuyển mình, tất cả trong một cú trượt êm như ru thăng hoa: ánh sáng nhuộm mưa, Pippa ngồi dậy, Hobie trên ngưỡng cửa, nụ hôn của cô (có cái vị đặc biệt mà giờ tôi đoán chắc là kẹo mút tẩm morphine) còn dinh dính trên môi tôi. Nhưng tôi không tin là morphine có thể giải thích cho cảm giác váng vất mà tôi cảm thấy vào thời khắc ấy, tâm trạng tươi tắn chìm trong lớp lớp hạnh phúc và cái đẹp. Còn mơ hồ, chúng tôi nói lời chia tay (không hứa hẹn sẽ viết thư, vì hình như cô vẫn còn yếu chưa viết được) và rồi tôi đã ra tới hành lang, và y tá đã ở đấy rồi, bà Margaret đã oang oang nói những gì không hiểu và Hobie đặt bàn tay trấn an trên vai tôi, sức nặng rất an lòng, như mỏ neo, cho tôi biết mọi chuyện đều ổn cả. Tôi chưa cảm thấy bàn tay nào như

thế kể từ khi mẹ qua đời - thân mật và neo giữ giữa một đầm lầy những sự kiện rối tung - và như con chó hoang khát thèm âu yếm, tôi cảm thấy lòng trung thành của mình ngả rõ rệt về phía ấy, lặn sâu vào máu, một niềm tin đột xuất, khiêm nhường, trào nước mắt, *rằng nơi này tốt, người này an toàn, mình có thể tin ông, ở đây sẽ không ai làm hại mình cả.*

"A!" Bà Margaret kêu lên, "cháu khóc đấy à? Cô nhìn thấy không?" Bà nói với cô y tả trẻ (gật gù, cười toét, háo hức muốn làm bà vui lòng, rõ ràng đã bị bà hớp hồn). "Cậu bé đáng yêu làm sao! Cháu sẽ nhớ nó chứ phải không?" Nụ cười của bà nở lớn, rất tin vào bản thân, vào sự chính đính của bản thân. "Cháu phải xuống thăm chúng tôi đấy, nhất định đấy. Tôi lúc nào cũng thích tiếp khách khứa. Cha mẹ tôi.. có một trong những ngôi nhà thời Tudor, lớn nhất Texas..."

Bà ta cứ huyên thuyên không ngớt, thân thiện như một con vẹt. Nhưng lòng tôi đã đặt vào nơi khác rồi. Và vị nụ hôn Pippa trên miệng - nửa đắng nửa ngọt, lạ lùng - vẫn ở lại với tôi trên suốt đường lên nửa bắc, chao đảo, mê ngủ trên xe buýt băng băng vượt phố, muốn tan chảy vì buồn rầu và yêu thương, một nỗi nhức nhối lung linh cất tôi vượt bổng lên tít trên cao thành phố gió tạt như một cánh diều: đầu tôi giữa những mây dông, trái tim tôi trên thượng giới.

ix.

TÔI GHÉT PHẢI NGHĨ đến chuyện cô đi. Tôi không chịu nổi phải nghĩ về chuyện đó. Ngày cô đi, tôi tỉnh giấc với trái tim suy sụp. Nhìn sang bầu trời bên trên Đại lộ Công viên nửa xanh nửa đen đầy đe dọa, bầu trời vẫn đục như một bức tranh vẽ cảnh Chúa đóng đinh, tôi hình dung cô cũng đang nhìn chính bầu trời

đen kịt ấy ngoài cửa sổ máy hay, và trong lúc tôi cùng Andy đi bộ ra bến xe buýt, những cặp mắt cụp xuống và không khí ủ ê chung trên phố dường như chỉ càng phản ánh và thổi bùng nỗi buồn trong lòng tôi.

"Ừ, Texas thì đúng là chán ngấy rồi." Andy vừa hắt hơi vừa nói; mắt cậu ta đã đỏ lên, chảy nước vì dị ứng phấn hoa, trông cậu ta còn giống con chuột thí nghiệm hơn cả lúc thường.

"Cậu đến rồi à?"

"Ừ - Dallas. Chú Harry và dì Tess có sống ở đó một thời gian. Chả có gì giải trí, chỉ có đi xem phim, lại chẳng có chỗ nào gần để đi bộ được cả, toàn phải có người chở đi. Lại có rắn chuông nữa, có cả án tử hình, mà tớ nghĩ như thế thì thật mọi rợ và vô đạo lý trong chín mươi tám phần trăm trường hợp. Nhưng chắc bạn ấy ở đấy thì tốt hơn."

"Sao lại vậy?"

"Chủ yếu là do khí hậu." Andy đáp và lau mũi vào cái khăn mùi xoa đã là phẳng, sáng nào cậu ta cũng bốc ra từ chồng khăn để trong ngán kéo. "Người ốm dậy ở nơi ấm thì tốt hơn. Nên ông ngoại Van der Pleyn của tớ mới chuyển đến sống ở Palm Beach."

Tôi không đáp. Tôi biết Andy là đứa trung thành, tôi tin cậy và đánh giá cao nhận định của cậu ta, nhưng vẫn có những lúc cậu ta làm tôi cảm thấy mình đang nói chuyện với một chương trình vi tính biết bắt chước lối nói năng con người.

"Nếu bạn ấy ở Dallas, nhất định bạn ấy phải đến Bảo tàng Tự nhiên và Khoa học. Tuy tớ nghĩ bạn ấy sẽ thấy nơi đó hơi nhỏ, hơi cổ lỗ. Phim IMAX tớ xem ở đó còn không có 3D cơ. Hơn nữa muốn vào phòng thiên văn còn phải trả tiền riêng, thật là ngớ ngẩn, nó thua xa phòng thiên văn Hayden."

“Ờ.” Thỉnh thoảng tôi cũng nghĩ đích xác thì cái gì mới có thể lôi Andy ra khỏi tháp ngà mọt toán của cậu ta được? Sóng thần? Cuộc xâm lăng của bọn rô bô Decepticon? Godzilla nện bước trên Đại lộ 5? Cậu ta đúng là một hành tinh không khí quyển.

x.

ĐÃ AI TỪNG CẢM THẤY cô đơn đến như tôi? Về lại nhà Barbour, giữa những ồn ã đủ đầy của một gia đình không thuộc về mình, tôi còn cô độc hơn thường lệ - nhất là vì năm học đang sắp hết, và tôi không rõ (cả Andy cũng thế) liệu mình có được đi cùng họ đến nhà nghỉ mát mùa hè ở Maine không. Bà Barbour với đẳng cấp tế nhị thường lệ vẫn tránh được đề tài đó bất chấp những hộp đồ ngổn ngang và vali mở toang khắp mọi xó xỉnh trong nhà; ông Barbour và hai đứa em đều rất phấn khích, nhưng Andy không tỏ thái độ gì khác ngoài kinh hoàng rõ mồn một. “Vui chơi dưới nắng trời.” cậu ta ghê tởm nói và đẩy kính (giống của tôi, chỉ có dày hơn nhiều) trên sống mũi. “Ít nhất thì chỗ ông bà cậu cũng ở trên đất liền. Có nước nóng. Cả Internet.”

“Tớ không thương gì cậu đâu.”

“Ừ, cứ để cậu đi với nhà này đi rồi sẽ thấy. Không khác gì phim *Kidnapped*. Cái đoạn bị bán làm nô lệ trên tàu ấy.”

“Thế còn đoạn phải đến nhà thể loại họ hàng kinh dị ở nơi khỉ ho cò gáy nào đó, những người còn không quen biết?”

“Ừ”, chính là tớ đang nói đến chuyện đó.” Andy nghiêm giọng đáp và đẩy ghế quay người nhìn tôi. “Mặc dù, ít nhất thì họ cũng không âm mưu thủ tiêu cậu phải không - đâu có vẻ có món thừa kế nào cần tranh chấp.”

“Không, cái đó thì chắc chắn không.”

“Cậu có biết tớ định khuyên gì không?”

“Khuyên gì?”

“Khuyên là…” Andy nói và đưa đầu tẩy bút chì cọ cọ mũi, “hãy học như điên ấy khi nào đến trường mới ở Maryland. Cậu có lợi thế, đấy là đã học trước một năm. Như thế cậu sẽ tốt nghiệp năm mười bảy. Nếu chuyên chú học hành thì chỉ cần bốn năm, có khi chỉ ba năm, cậu đã thoát khỏi đó và nắm học bổng để đi bất kỳ đâu cũng được.”

“Tớ không học giỏi đến thế đâu.”

“Phải.” Andy nghiêm nghị đáp, “nhưng chỉ tại vì cậu không chịu khó. Với lại tớ nghĩ cũng hoàn toàn hợp lý là trường mới của cậu dù cỏ ở đâu thì cũng không khắc nghiệt như ở đây.”

“Cầu trời là không.”

“Ý tớ là, trường công à?” Andy tiếp. “Maryland nữa. Không phải là khinh thị gì Maryland. Họ cũng có cả Phòng thí nghiệm vật lý ứng dụng và Viện khoa học thiên văn ở trường Johns Hopkins, chưa kể Trung tâm du hành vũ trụ Goddard ở Greenbelt nữa. Rõ ràng là bang này khá gắn bó với NASA. Cậu thì vào sơ trung được bao nhiêu?”

“Tớ không nhớ.”

“Ờ, không muốn nói cho tớ cũng được thôi. Quan trọng là, cậu hoàn toàn có thể tốt nghiệp điểm cao khi nào mười bảy - mười sáu cũng nên nếu cậu cố gắng - và rồi thì đi học đại học ở đâu cũng được.”

“Ba năm dài lắm."

“Dài với ta thôi. Nhưng xét về lâu về dài thì không dài tí nào. Cứ tưởng tượng xem.” Andy nổi giọng lý luận, "nghĩ đến mấy đứa

tội nghiệp óc bã đậu như kiểu Sabine Ingersoll hay thằng ngốc James Villiers xem. Hoặc con bò Forrest Longstrect."

"Mấy người đó có gì mà tội nghiệp. Tớ còn thấy cha Villiers lên bìa tạp chí *Economist*."

"Không, nhưng chúng nó đần như đệm ngồi. Cậu nghĩ xem, Sabine hầu như không biết đặt chân nào lên trước chân nào nữa. Nếu nhà nó không có tiền và nó phải tự lo thân, thì chắc nó chỉ có thể - tớ không biết nữa - bán trôn nuôi miệng là cùng. Longstreet thì chắc chỉ nằm chết đói trong xó. Như con chuột lang bị quên cho ăn."

"Cậu đang làm tớ tuyệt vọng đấy."

"Tớ chỉ muốn nói là, cậu rất khôn. Chưa kể người lớn ưa cậu."

"Hử?" Tôi nghi ngại hỏi.

"Thật" Andy đáp bằng cái giọng yếu ớt đáng ghét. "Cậu nhớ tên người ta, biết nhìn thẳng vào mắt người ta, biết bắt tay lúc cần bắt. Ở trường ai cũng chỉ chực quỳ rạp dưới chân cậu."

"Ừ, nhưng mà..." Tôi không muốn nói đấy chỉ vì mẹ tôi đã chết.

"Đừng có vớ vẩn. Cậu có giết người cũng thoát tội cho mà xem. Cậu đủ khôn để tự mình nghĩ ra lối thoát."

"Vậy sao cậu còn chưa nghĩ ra lối ra khỏi vụ tàu bè này?"

"Ồ, tớ nghĩ ra rồi, nghĩ ra rồi." Andy đáp vẻ u ám và quay lại với cuốn vở tiếng Nhật. "Tớ đã nghĩ ra rằng tớ sẽ còn phải trải qua bốn mùa hè địa ngục, ở đáy chảo lửa luôn. Ba mùa hè, nếu bố chịu để tớ đi học sớm, năm mười sáu. Hai, nếu tớ nghiến răng chịu đi cái chương trình mùa hè ở Trường Miền núi học làm nông hữu cơ vào năm hai. Rồi sau đó tớ sẽ không đời nào đặt chân lên cái tàu nào nữa."

“NÓI CHUYỆN VỚI NÓ trên điện thoại khó lắm, than ôi.” Hobie nói. “Bác không chuẩn bị tinh thần cho chuyện đó. Nó không ổn tí nào.”

“Không ổn ạ?” Tôi nhắc lại. Chưa được một tuần, và dù không hề có ý định trở lại thăm Hobie nhưng không hiểu sao tôi đã lại ở đây rồi: ngồi bên bàn bếp, ăn tới đĩa thứ hai cái món gì đó mới nhìn thì tưởng là một khối bùn trồng hoa đen đúa nhưng thực ra là một thứ trộn rất ngon lành gừng và quả vả, phủ kem với những vụn vỏ cam tí xíu hăng hăng rắc trên cùng.

Hobie dụi mắt. Lúc tôi đến ông đang chữa cái ghế trong hầm. “Đau đầu lắm.” ông nói. Tóc ông buộc túm ra sau đầu, đôi kính đeo cùng dây trên cổ. Dưới cái tạp dề làm việc đến giờ đang cởi ra vắt trên móc, ông mặc quần yếm cũ bằng vải nhung kẻ lấm xăng trắng và sáp ong, cùng cái áo sơ mi vải bông bạc phếch xắn trên khuỷu. “Margaret nói nó khóc ba tiếng đồng hồ sau khi nói điện thoại với bác tối Chủ nhật.”

“Sao bạn ấy không quay lại là xong?”

“Nói có Chúa, bác ước gì biết cách làm mọi thứ dễ dàng hơn.” Hobie đáp. Bàn tay trắng nổi u ở khớp đặt trên bàn, giỏi giang nhưng ủ rũ, nét vai ông có gì đó khiến người ta nghĩ đến một con ngựa kéo xe lành tính, hoặc có lẽ là một người thợ thuyền trong quán bia sau một ngày dài. “Bác nghĩ hay là bay xuống đó xem nó thế nào, nhưng Margaret không cho. Bảo nó sẽ không hòa nhập được tốt nếu cứ có bác quanh quẩn bên cạnh.”

“Cháu nghĩ dù sao bác cũng cứ đi thì hơn.”

Hobie nhướng mày. “Margaret đã thuê cho nó bác sĩ tâm lý - có

vẻ là một người rất nổi tiếng, chuyên dùng ngựa để chữa trị cho các trẻ em bị thương tổn. Và đúng là Pippa yêu động vật, nhưng dù có khỏe mạnh bình thường nữa nó cũng không thích ở ngoài trời cưỡi ngựa từ sáng đến tối. Hầu như cả đời nó đều luyện nhạc trong các thính phòng. Margaret rất hào hứng miêu tả chương trình âm nhạc ở nhà thờ nơi đó, nhưng dàn hợp xướng thiếu nhi hát chơi thì có gì làm nó quan tâm cho được."

Tôi đẩy cái đĩa thủy tinh đã vét sạch nhẵn. "Sao Pippa lại không quen biết bà ấy ạ?" Tôi lí nhí hỏi, và khi thấy ông không trả lời, nói thêm: "Có phải tại vì tiền nong không?"

"Không hẳn. Tuy rằng... ừ, cháu nói đúng. Tiền nong cũng có liên quan chút ít. Thế này nhé..." ông nói và cúi người tới trước, đôi tay lớn xòe rộng trên mặt bàn. "cha của Welty có ba con. Welty, Margaret, và Juliet, mẹ Pippa. Với ba người mẹ khác nhau."

"Ồ."

"Welty, con cả. Bác muốn nói đấy - con trai cả, đáng ra phải oách lắm, phải không? Nhưng ông ấy bị lao cột sống hồi lên sáu, lúc đó cha mẹ đang ở tít dưới Aswan, bà vú thì không biết là bệnh nặng, nên người ta đưa tới bệnh viện quá muộn – hồi nhỏ ông ấy rất thông minh, bác nghĩ vậy, cũng rất giỏi giao tiếp nữa, nhưng ông cụ Blackwell vốn không chịu nổi bệnh tật hay yếu đuối. Tống khứ ông đến Mỹ sống với họ hàng, hầu như không nghĩ tới ông nữa."

"Thật kinh khủng." Cách đối xử bất công ấy làm tôi choáng váng.

"Thế đấy. Bác nghĩ cứ theo lời Margaret, dĩ nhiên cháu sẽ thấy một chân dung hoàn toàn khác, nhưng ông ấy khắc nghiệt lắm,

cha Welty ấy. Dù sao, sau khi nhà Blackwell bị trục xuất khỏi Cairo - có lẽ trục xuất không phải từ thích đáng lắm. Khi Nasser[52] lên nắm quyền, người nước ngoài tất thảy đều phải rời Ai Cập - cha Welty làm trong ngành dầu khí, thật may là ông ấy còn có tiền bạc nhà đất ở nơi khác. Người nước ngoài bị cấm mang theo tiền hay tài sản giá trị khi rời khỏi Ai Cập.

"Dù sao thì..." Ông lại với lấy một điếu nữa. "Bác hơi ngoài để một chút. Vấn đề là Welty hầu như không quen biết Margaret, bà kém ông đến mười hai tuổi. Mẹ Margaret là người Texas, con gái một đại gia và tiền riêng cũng rất nhiều. Đấy là cuộc hôn nhân cuối cùng, lâu dài nhất của ông cụ Blackwell - một mối tình vĩ đại, nếu tin lời Margaret. Một cặp vợ chồng sáng giá ở Houston, tiệc tùng, máy bay riêng, săn thú rừng ở châu Phi - cha của Welty rất mê châu Phi và ngay cả sau khi buộc phải rời Cairo ông cũng thường quay lại đó.

"Dù sao thì..." Que diêm sáng lên, ông ho hắng khi phả ra đám khói. "Margaret là con gái rượu, tiểu thư trong nhà, được cưng nựng đủ thứ. Tuy nhiên suốt trong cuộc hôn nhân, ông già vẫn đi lại với đủ loại người, các cô giữ áo, hầu bàn, con gái bạn bè - và rồi đến khi ông đã quá sáu mười, một cô gái cắt tóc sinh cho ông đứa con. Đứa bé ấy, chính là mẹ Pippa."

Tôi không nói gì. Hồi năm lớp Hai đã có một vụ om sòm (được trang đàm tiếu của tờ *New York Post* tận tình ghi lại hằng ngày), bố một đứa cùng lớp tôi, Eli, có con với một người không phải mẹ Eli, có nghĩa là rất nhiều bà mẹ trong lớp đã chia bè cánh và nghỉ nói chuyện với số còn lại ngoài cổng trường trong những buổi chiều chờ đón con tan học.

"Lúc đó Margaret đang học đại học, ở Vassar.". Hobie nói đứt quãng. Dù đang nói chuyện với tôi như với một người lớn (tôi

thích thế), có vẻ ông cũng không thật thoải mái khi động đến chủ đề này. “Bác nghĩ là bà đã không nói chuyện với ông bố vài năm trời. Ông bố tìm cách dùng tiền bịt miệng cô gái cắt tóc, nhưng thói kiệt xỉ đã chiến thắng ông, ít nhất là thói kiệt xỉ trong vấn đề con cái. Thế là, như cháu thấy, Margaret - Margaret và Juliet, mẹ Pippa, chưa bao giờ gặp nhau, trừ trong phiên tòa, mà khi ấy Juliet mới là một đứa bé ẵm ngửa. Cha của Welty đã đi đến chỗ căm thù cô gái cắt tóc, nên trong di chúc ông nói rõ cả cô lẫn Juliet đều sẽ không nhận được một đồng trừ khoản trợ cấp nuôi con rất hẻo do pháp luật quy định. Nhưng còn Welty... ” - Hobie dụi tắt điếu thuốc - “ông cụ Blackwell đã suy nghĩ lại về phần Welty, và đã đối xử tử tế với ông trong di chúc. Và suốt trong màn kịch pháp lý kéo dài hàng năm ấy, Welty đã trở nên rất bức xúc khi thấy đứa nhỏ bị gạt đi, bị bỏ rơi. Mẹ Juliet không muốn giữ đứa bé, họ hàng cô ta cũng không, ông già Blackwell thì rõ ràng là không bao giờ, Margaret cùng bà mẹ thì nói thật nhé, sẽ vui lòng thấy nó lê la ngoài phố. Và suốt thời gian ấy có cắt tóc vẫn đi làm, để mặc Juliet một mình trong căn hộ.... nói chung là tình hình rất xấu.

“Welty không có bổn phận gì phải can dự vào, nhưng ông là một người giàu tình thương, không gia đình, mà lại yêu trẻ nhỏ. Ông đã mời Juliet đến đây nghỉ hè năm cô bé lên sáu, ‘JuleeAnn’ như hồi đó cô được gọi...”

“Đến đây á? Nhà này ạ?”

“Đúng, đến đây. Và khi mùa hè đã qua, đã đến lúc đưa cô trở lại, cô bé đang khóc lóc không muốn đi còn bà mẹ thì không chịu nghe điện thoại, ông bèn hủy vé và gọi điện khắp nơi lo liệu nhập học vào lớp Một cho cô. Sự dàn xếp này không bao giờ được hợp thức hóa - ông sợ dứt dây động rừng, như người ta nói - nhưng

hầu hết mọi người đều nghĩ rằng có bé là con ông, không hỏi han sâu xa gì. Ông đã ngoài ba mươi, đủ tuổi làm cha cô bé. Mà xét về thực tế, cũng không khác gì như vậy.

"Nhưng dù sao thì..." ông ngẩng lên và giọng điệu đã đổi khác. "Cháu bảo muốn xem xưởng à. Ta đi xuống bây giờ nhé?"

"Vâng ạ" tôi đáp. "Cháu thích lắm." Khi tôi mới tới, bắt gặp ông đang hí hoáy bên cái ghế chổng ngược, ông đứng dậy duỗi dài người, nói mình cũng đến lúc nghỉ rồi, nhưng tôi không hề muốn lên tầng trên - dưới xưởng đủ thứ phong phú và kỳ diệu quá chừng: như một hang động kho báu, vào trong mới thấy lớn hơn ở ngoài, ánh sáng từ những cửa sổ cao trút xuống, chạm lộng và đậu vàng, những dụng cụ bí ẩn tôi còn chẳng biết tên, và cái mùi rất sốc, đầy bí mật của véc-ni và sáp ong. Ngay cả cái ghế ông đang sửa dở - chân trước là chân dê, có cả móng chẻ - cũng có vẻ không phải là một món đồ dùng, mà là một sinh vật bị phù phép, như thể bất cứ lúc nào nó cũng có thể bật ngược người dậy, nhảy khỏi bàn mộc mà chạy lóc cóc ra đường.

Hobie với lấy cái tạp dề mặc lại vào người. Dù thật hiền lành và cử chỉ rất nhẹ nhàng, ông vẫn có thân hình của người sống bằng nghề khuân vác tủ lạnh hoặc chất đồ lên xe tải.

"Thế đấy!" ông nói và dẫn tôi xuống tầng hầm. "Cửa hiệu đằng sau cửa hiệu."

"Sao cơ ạ?"

Ông cười. "Khu hậu trường. Khách hàng chỉ thấy có sân khấu - bộ mặt bày ra bên ngoài - nhưng dưới này mới là nơi diễn ra tất cả những gì quan trọng."

"Phải." tôi nói và nhìn xuống mê cung trải ra dưới chân cầu thang, gỗ vàng óng như mật, gỗ sẫm như rỉ đường chảy, ánh lóe

lên từ đồng, bạc và vàng dát trong ánh sáng tờ mờ. Cũng như con tàu Nô-ê, mỗi món đồ đạc lại được xếp chung với đồng loại của nó: ghế đi với ghế, đi-văng với đi-văng, đồng hồ với đồng hồ, bàn và tủ ly cùng tủ chân cao đứng thành hàng thẳng tắp đối diện. Bàn ăn ở giữa, xếp thành những lối đi hẹp ngoằn ngoèo như mê lộ để người ta len lỏi vòng quanh. Ở cuối phòng, cả một bức tường những tấm gương cũ xỉn treo san sát, lấp lóa ánh sáng nhuộm bạc từ những phòng vũ hội và phòng khách thắp nến khi xưa.

Hobie nhìn lại tôi. Ông nhận ra trông tôi khoan khoái đến thế nào. “Cháu thích đồ cổ à?”

Tôi gật đầu - quả thế, tôi quả có thích đồ cổ thật, mặc dù chính tôi cũng chưa bao giờ hay biết.

“Vậy chắc ở nhà Barbour cháu phải thích thú lắm. Bác cho là mấy món Queen Anne và Chippendale ở đó cũng không thua gì đồ bày bảo tàng.”

“Vâng.” tôi do dự đáp. “Nhưng ở đây thì khác. Hay hơn.” tôi nói thêm, sợ ông không hiểu.

“Hay thế nào?”

“Cháu nghĩ là...” tôi nhắm tịt mắt, tìm cách tập trung ý nghĩ “dưới này rất thích, có bao nhiêu ghế đứng cạnh bao nhiêu ghế khác... bác thấy được các tính cách khác nhau, bác hiểu không ạ? Ý cháu là cái kia thì hơi...” tôi không nghĩ ra từ “ờ, hơi ngớ ngẩn, nhưng một cách hay hay - một cách dễ chịu. Còn cái kia thì kiểu như căng thẳng, có mấy chân dài khẳng khiu...”

“Cháu nhìn đồ đạc rất tinh đấy.”

“À...” lời khen làm tôi bối rối, tôi chẳng bao giờ biết phải làm thế nào khi được khen và luôn vờ như không nghe thấy - “khi đứng cạnh nhau có thể thấy ngay chúng được chế tạo thế nào. Ở

nhà Barbour thì...” tôi không rõ nên giải thích ra sao “cháu cũng không biết, giống như mấy cảnh trí bày thú nhồi ở Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên ấy.”

Khi ông cười lớn, vẻ u sầu ở ông bay biến - có thể cảm thấy bản chất hiền hòa đang tỏa rạng ra từ ông.

“Không, cháu nói thật đấy.” tôi quyết tâm đẩy tới cùng nhận xét của mình. “Bà Barbour có cái kiểu xếp đặt, cái bàn đứng một mình có ngọn đèn riêng chiếu vào, mọi thứ khác được xếp sắp và mình không được động vào chúng - cứ như những sa bàn đặt xung quanh con bò Tây Tạng gì đấy để minh họa cho môi trường sống của nó ấy. Cũng đẹp, nhưng mà với cháu...” tôi khoát tay về phía những lưng ghế xếp sát tường. “Cái kia trông như cây hạc, cái kia nữa thì như cái thìa, còn cái kia...” tôi đưa tay phỏng theo dáng cong cong.

“Lưng khiên. Mặc dù phải nói cho cháu biết, trên cái đó chi tiết đẹp nhất là thanh trục có núm rua. Chắc cháu không nhận ra đâu.” ông nói trước khi tôi kịp hỏi thanh trục là cái gì, “nhưng được ngắm nhìn đồ đạc của bà ấy hằng ngày cũng là một cuộc giáo dục thực sự - được nhìn từng món dưới những ánh sáng khác nhau, được lướt tay dọc theo chúng khi nào muốn.” Ông phà hơi thở vào kính, lấy góc tạp dề lau. “Cháu đã phải về lại đó chưa?”

“Cũng không gấp ạ.” tôi đáp, tuy đã hơi muộn rồi.

“Thế thì đi” ông nói. “Để cháu làm thử xem nào. Bác đang cần giúp một tay với cái ghế bé bỏng này đây.”

“Cái chân dê ạ?”

“Ừ, cái chân dê. Có một cái tạp dề nữa trên mắc - bác biết nó hơi rộng, nhưng cái này vừa được quét dầu hạt lanh nên bác không

muốn cháu làm bẩn hết quần áo."

xii.

GÃ BÁC SĨ TÂM THẦN, Dave đã hơn một lần nói rằng tôi nên học lấy một thú chơi – lời khuyên ấy khiến tôi phát ghét, vì những thú chơi gã đưa ra (bóng vợt, bóng bàn, bowling) đều có vẻ hết sức vớ vẩn. Nếu gã nghĩ một hai ván bóng bàn sẽ giúp tôi quên chuyện mẹ thì ngờ nghệch quá. Nhưng, nếu xét theo cuốn nhật ký trắng trơn tôi được thấy Neuspeil dạy Ngữ văn tặng, hay lời gợi ý của bà Swanson rằng tôi nên đi học lớp vẽ ngoại khóa, hay lời mời của Enrique đưa tôi đi xem bóng rổ ở nhà thi đấu Đại lộ 6, hay thậm chí cả những cố gắng được chăng hay chớ của ông Barbour khiến tôi để tâm đến các ký hiệu bản đồ và cờ hiệu hàng hải, thì rõ là rất nhiều người lớn tư duy theo kiểu này.

"Nhưng cháu làm gì lúc rảnh rỗi chứ?" Bà Swanson đã hỏi tôi trong cái phòng xám nhờ ma mị bốc mùi trà thảo dược và ngải, những số *Seventeen* và *Teen People* chất cao trên bàn đọc sách, và loại nhạc châu Á gì đấy kính coong lờ lững làm nền.

"Cháu không biết. Cháu thích đọc sách. Xem tivi. Chơi game *Age of Conquest II* và *Age of Conquest: Platinum Edition*. Cháu không biết." tôi nhắc lại khi thấy bà vẫn nhìn tôi

"À, những thứ ấy đều tốt cả, Theo à!" bà nói, vẻ mặt lo ngại. "Nhưng tốt hơn nữa là chúng ta có thể tìm ra hoạt động tập thể gì đó cho cháu. Cái gì đó phối hợp cùng nhau, để cháu làm chung với các bạn khác. Cháu đã bao giờ thử chơi môn thể thao nào chưa?"

"Chưa."

"Bà tập một môn võ tên là Aikido. Bà không biết cháu có nghe

đến nó chưa. Đấy là một cách lợi dụng chuyển động của địch thủ để tự vệ cho mình."

Tôi rời mắt khỏi bà, nhìn ra tấm ván trông dầu dãi vẽ Đức Trinh nữ Guadalupe treo đằng sau đầu bà.

"Hay nhiếp ảnh chẳng hạn." Bà đan hai bàn tay đeo đầy nhẫn lam ngọc trên mặt bàn. "Nếu cháu không thích vẽ. Dù bà cũng phải nói là, cô Sheinkopf có cho bà xem mấy bức vẽ của cháu hồi năm ngoái - một loạt mái nhà ấy, cháu biết đấy, các tháp nước, khung cảnh từ cửa lớp vẽ? Rất có óc quan sát - bà biết cảnh đó, thế mà cháu vẫn bắt được vài đường và nguồn năng lượng rất thú vị, bà nghĩ cô ấy dùng từ 'tính động', một cách chuyển động rất đáng chú ý, những mặt phẳng cắt lẫn nhau và góc nhọn tạo bởi các lối thoát hiểm. Ý bà là, thực ra cháu làm gì cũng không quan trọng quá, chỉ là chúng ta muốn tìm ra một cách giúp cháu... kết nối hơn."

"Kết nối với cái gì cơ?" Tôi nói bằng giọng có vẻ hơi quá xẵng.

Bà có vẻ giật mình. "Với người khác! Và..." bà phác tay chỉ ra cửa sổ "với thế giới xung quanh! Nghe này." bà nói bằng giọng thật dịu dàng, thật êm ru đến mức gần như thôi miên, "bà biết là mẹ con cháu có mối dây liên hệ thân thiết *kinh khủng*. Bà từng nói chuyện với mẹ cháu. Bà đã thấy hai người bên nhau. Và bà biết rõ cháu đang cảm thấy thương nhớ mẹ chừng nào."

Bà có biết được khối, tôi nghĩ và quắc mắt nhìn bà.

Bà nhìn tôi rất kỳ lạ. "Chắc cháu không ngờ được đâu, Theo." ba nói và lại ngả người vào lưng cái ghế phủ khăn choàng, "rằng những việc nhỏ nhặt hằng ngày lại có thể đưa ta ra khỏi nỗi tuyệt vọng. Nhưng không ai làm thay cháu được. Cháu mới là người phải để mắt tìm cánh cửa đang mở ra."

Dù biết bà có thiện ý, nhưng tôi vẫn rời khỏi đó với cái đầu gục xuống và những giọt nước giận dữ bỏng rãy trong mắt. Bà thì biết cái khỉ gì? Bà Swanson có một gia đình đại tướng - mười con, ba mươi cháu, nếu đếm trong những bức ảnh trên tường. Bà Swanson có một căn hộ to đùng ở Phố Tây Công viên với một ngôi nhà ở Connecticut, bà chẳng hề có ý niệm gì thế nào là phựt một phát, tất cả biến mất tăm. Bà thì dễ rồi, cứ ngồi chễnh ễnh trong cái ghế bành Hippy mà lải nhải về ngoại khóa với chẳng cửa mở.

Nhưng không đợi mà tới, một cánh cửa *đã* mở ra, ở một nơi ít ngờ đến nhất: xưởng nội thất của Hobie. "Giúp ông một tay" sửa cái ghế (chủ yếu là đứng chờ bên cạnh trong khi Hobie rạch toang mặt ghế, cho tôi xem mọt đục thân, những sửa chữa quấy quá, cùng những ác mộng khác ẩn dưới mặt đệm) đã nhanh chóng biến thành hai hoặc ba buổi chiều mê mẩn lạ kỳ mỗi tuần sau giờ học: dán nhãn các lọ, pha keo da thỏ, bới tìm trong các hộp phụ kiện ngăn kéo ("những mẩu lúc lắc ấy"), hoặc đôi lúc chỉ là xem ông dùng máy tiện chân ghế. Dù cửa hiệu tầng trên vẫn tắt đèn, cổng sắt vẫn đóng, nhưng trong cửa hiệu đằng sau cửa hiệu, những đồng hồ tủ đứng đang điểm giờ, màu gỗ dái ngựa sáng bóng, ánh nắng tỏa vào thành vũng vàng rực trên những mặt bàn ăn, và cuộc sống trong vườn thú tầng hầm tiếp diễn.

Các nhà đấu giá khắp thành phố đều nhờ đến ông; khách hàng tư cũng vậy; ông phục chế đồ đạc cho Sotheby, cho Christie, cho Tepper, cho Doyle. Sau giờ học, giữa tiếng tích tắc ru ngủ của những đồng hổ tủ đứng, ông dạy tôi cách phân biệt độ rỗ mặt và sắc loáng, màu sắc của các loại gỗ khác nhau, nhận ra sóng và độ bóng của gỗ phong vằn hay các vân sùi bọt của gỗ óc chó nhiều mắt, ướm thử sức nặng bằng tay, và cả ngửi mùi nữa - "đôi khi

nếu không biết đang gặp cái gì, dễ nhất là cứ ngửi một cái" - gỗ dái ngựa cay cay, gỗ sồi ngai ngái, gỗ anh đào đen hăng hắc rất dễ nhận, và gỗ cẩm lai thơm mùi hoa hồng, mùi nhựa hổ phách. Cưa và dao khoét côn, giũa có cán và giũa hai đầu, dao trổ và dao khoét, khoan quay tay và mộng vát chéo. Tôi học về ván lạng và thếp vàng, học mộng dương và mộng âm là gì, gỗ nhuộm giả mun và gỗ mun đích thực khác nhau ra sao, nóc lưng ghế Newport, Connecticut và Philadelphia phân biệt thế nào, tại sao cái tủ ngăn kéo Chippendale dáng bè bè trán cụt lại bị đánh giá thấp hơn cái chân quỳ cùng tuổi, cột góc có rãnh máng và tỷ lệ cho ngăn kéo mà ông gọi là "tỷ lệ nở".

Dưới tầng hầm - ánh sáng yếu, sàn đầy vỏ bào - cảm giác như có một con thú lớn vững chãi đang kiên trì đứng trong bóng tối. Hobie dạy tôi cách đọc ra đặc tính sinh vật trong những đồ gỗ quý, cái chất vâm váp, gần như thú vật giúp phân biệt những món thượng đẳng với các đồng bọn to bè, cứng nhắc, điềm đạm hơn, ông gọi từng món đồ là "cô bé" hay "cu cậu", trìu mến vuốt tay dọc thành hông tối màu nhưng bóng loáng của những tủ búp phê và tủ chân cao thân thấp như vuốt ve thú cưng. Ông là một thầy giáo giỏi, và sau khi kèm cặp tôi qua quá trình kiểm xét và so sánh, chẳng mấy chốc ông đã dạy tôi biết phát hiện đâu là hàng nhái: những vệt mòn quá đều đặn (đồ cổ thật bao giờ cũng mòn đi không đều), các cạnh do máy cắt chứ không phải do người bào (ngón tay nhạy cảm có thể phát hiện ra cạnh cắt máy, dù ánh sáng yếu đến đâu), nhưng trên hết là cảm giác gỗ quá khô và chết, không có độ bóng bẩy: cái phẩm chất ma thuật có được nhờ hàng thế kỷ được cầm nắm, được dùng, được bàn tay người động chạm. Mỗi lần suy ngẫm về quãng đời danh giá của những tủ chân cao và tủ bàn viết này - dài hơn và cao quý hơn cả đời người - tôi lại chìm vào thanh thản, như một tảng đá nơi lòng nước sâu,

đến nỗi khi tới lúc phải đi tôi sẽ bước ra ngoài đường, choáng ngợp và chớp mắt khi đối diện với ánh sáng gay gắt trên Đại lộ 6, hoàn toàn chưa hiểu mình đang ở đâu.

Nhưng tôi còn không yêu thích xưởng (hay "bệnh viện" như Hobie gọi) bằng yêu thích chính Hobie: nụ cười mệt mỏi, dáng gù gù do thân người quá khổ nhưng rất thanh lịch, đôi tay áo xắn lên, dáng vẻ cởi mở, cợt đùa, cái thói quen đưa mu cổ tay chùi lên trán, tính tình kiên nhẫn vui vẻ, và cả tư duy chính trực. Nhưng dù chúng tôi chuyện trò thoải mái, và số lần cũng chỉ lác đác, thì vẫn có điều gì đó không đơn giản. Ngay cả một câu "Cháu thế nào?" nhẹ bẫng cũng chứa đấy hàm ý, dù thoạt nghe thì không vậy; và câu trả lời không bao giờ thay đổi của tôi ("Khỏe ạ") cũng cung cấp đủ thông tin cho ông mà không cần phải nói toạc ra. Và dù ông không mấy khi gặng hỏi hay dò dẫm, tôi cảm giác ông còn hiểu tôi hơn cả một binh đoàn người lớn được trao nhiệm vụ "thám hiểm tâm tư tôi" như Enrique ưa miêu tả.

Nhưng hơn hết, tôi thích ông vì ông đối xử với tôi như một người bầu bạn, một người đối thoại bình đẳng. Cho dù đôi lúc ông chỉ muốn nói về người hàng xóm vừa phẫu thuật đầu gối, hay buổi diễn tấu nhạc xưa ông vừa đi nghe trên nửa bắc. Hoặc nếu tôi kể chuyện gì đó buồn cười ở trường, ông cũng lắng nghe chăm chú và tán thưởng; khác với bà Swanson (lúc nào cũng im phắc vẻ cảnh giác mỗi lần tôi buông một câu đùa) hay Dave (cười khằng khặc ngượng ngập, lần nào cũng quá muộn), ông hay cười, và tôi rất thích nghe ông kể chuyện đời mình: những ông chú thô lậu kết hôn muộn, những bà xơ ưa chõ mũi vào chuyện người khác khi ông còn nhỏ, cái trường nội trú nửa mùa sát biên giới Canada mà giáo viên toàn bợm rượu, cái nhà lớn ở mạn bắc bang mà ông bố bỏ mặc cho lạnh cóng, đến nỗi băng đóng cả trong cửa sổ, những chiều tháng Mười hai xám xịt đọc Tacitus hay *Sự trỗi*

dậy của nước cộng hòa Hà Lan của Motley. (“Bác *lúc nào* cũng mê lịch sử. Con đường chưa ai đi! Tham vọng lớn nhất thời trai trẻ của bác là dạy sử ở Đại học Notre Dame. Mặc dù bác nghĩ, như bây giờ cũng là một cách làm việc với lịch sử khác.”) Ông kể cho tôi chuyện con hoàng yến mù một mắt, cứu được từ cửa hàng Woolworth, sáng nào cũng hót đánh thức ông dậy suốt thời nhỏ; cơn sốt thấp khớp khiến ông nằm liệt giường sáu tháng trời, hay cái thư viện nhỏ của khu phố, rất cổ, rất quái, trần đắp phù điêu (“giờ thì, than ôi, bị đập rồi”) nơi ông thường đến để khỏi phải ở nhà. Rồi bà De Peyster, một bà con gái nhà quý tộc già sống một mình mà ông hay tới thăm sau giờ học, xưa là hoa khôi Albany và nghiên cứu lịch sử vùng, bà lúc nào cũng xoắn xuýt với Hobie, cho ông ăn bánh Dundee nhập từ Anh để trong hộp thiếc, sẵn sàng đứng hàng giờ giảng giải cho Hobie từng món một trong cái tủ ly bày đồ sứ, và là chủ nhân một chiếc trường kỷ gỗ dái ngựa nghe đồn từng thuộc về tướng Herkimer (cùng nhiều món khác), chính là thứ đầu tiên khiến ông quan tâm đến đồ nội thất. (“Cho dù bác khó mà hình dung được tướng Herkimer ngả ngớn trên cái ghế dài đú đởn kiểu Hy Lạp ấy.”) Chuyện mẹ ông, đã nhanh chóng đi theo đứa em gái mất khi mới ba ngày tuổi, để lại Hobie có một mình, chuyện ông cha trẻ dòng Tên là huấn luyện viên bóng bầu dục, khi được cô hầu gái người Ireland hoảng vía gọi điện đến báo cha của Hobie đang đánh ông bằng thắt lưng “tan xác đến nơi rồi”, đã nhao tới nhà ông, xắn tay áo và đấm ngã sóng soài ông bố. (“Cha Keegan ấy! Chính ông ấy đến nhà bác làm lễ rửa tội lần bác bị sốt thấp khớp. Bác là lễ sinh cho ông nên ông biết hết sự tình, đã thấy những vết lằn trên lưng bác. Gần đây có bao nhiêu giáo sĩ làm bậy với tụi nhỏ, nhưng ông ấy vẫn rất tốt với bác - bác thường tự hỏi sau này ông ấy ra sao, đi tìm ông ấy hoài mà không được. Cha bác gọi cho tổng giám mục, thế là rình

một cái, ông đã bị đấy đi Uruguay") Thật khác với nhà Barbour, nơi mặc dù ai nấy đều ân cần, tôi vẫn hoặc là tan biến giữa bầy con nít hoặc là đối tượng của những lời hỏi han long trọng rất khó chịu. Tôi cảm thấy vui hơn khi biết ông chỉ cách mình một tuyến xe buýt, thẳng băng dọc theo Đại lộ 5, và trong đêm khi tôi choàng dậy người run bần bật vì hốt hoảng, khi vụ nổ lại bộc phát khắp mình tôi, thì thỉnh thoảng tôi có thể dụ mình ngủ lại bằng cách nghĩ đến nhà ông, nơi đôi khi xuất kỳ bất ý người ta đã vượt thời gian về lại năm 1850, một thế giới toàn đồng hồ tích tắc và ván sàn cọt kẹt, nồi đồng và những rổ củ cải cùng hành tây trong bếp, lửa nến đồng loạt tạt sang trái khi cửa mở gió lùa vào, và những rèm cửa sổ cao trong phòng khách phồng căng bay phất phới như váy phồng vũ hội, những phòng mát mẻ, lặng lờ che giấc ngủ của đồ vật xưa.

Nhưng càng ngày càng khó giải thích những lần vắng mặt của tôi (phần lớn đều quá giờ cơm tối), và tài sáng tác của Andy cũng ngày một bị thử thách. "Hay để bác lên đó nói chuyện với bà ấy?" Một chiều Hobie nói, khi chúng tôi cùng ngồi trong bếp ăn bánh tạc anh đào ông mua ở chợ nông phẩm. "Bác sẽ vui lòng lên đó gặp bà ấy. Hay cháu muốn mời bà ấy xuống đây?"

"Có lẽ ạ." tôi nói sau khi nghĩ một chút.

"Có thể bà ấy sẽ thích cái tủ hai tầng Chippendale kia - cháu biết đấy, cái Philadelphia nóc cuộn ấy. Không phải mua, ngắm thôi. Hoặc nếu cháu muốn thì ta có thể mời bà dùng bữa trưa ở La Grenouille... " - ông bật cười - "hay thậm chí là nơi nào nho nhỏ dưới này khiến bà thích thú cũng được."

"Để cháu nghĩ xem." tôi đáp và rời sớm, đi buýt về nhà và ngẫm nghĩ. Hoàn toàn không liên quan tới lời lấp liếm thường xuyên với bà Barbour - ở lại thư viện muộn đêm này qua đêm

khác, bài tập sử trên trời rơi xuống - tôi thấy xấu hổ nếu phải thú nhận với Hobie mình đã nói nhẫn của ông Blackwell là một món đồ thừa kế. Nhưng nếu bà Barbour và Hobie chạm mặt, cái kim trong bọc thế nào cũng tòi ra. Có vẻ không cách nào tránh được.

“Cháu đi đâu về đấy?” Bà Barbour hỏi xẵng; bà đã diện đồ ăn tối nhưng còn chưa đi giày, từ trong căn hộ hiện ra tay cầm cốc gin pha chanh.

Thái độ của bà không hiểu sao khiến tôi cảm giác như một cái bẫy. “Thú thực là…” tôi đáp, “cháu vào trung tâm thăm một người bạn của mẹ cháu.”

Andy quay lại vô cảm nhìn tôi.

“Thế hả?” Bà Barbour ngờ vực nói, liếc xéo qua Andy. “Andy vừa bảo bác cháu lại phải học ở thư viện.”

“Tối nay thì không.” tôi đáp trơn tru đến nỗi chính mình cũng ngạc nhiên.

“Chà, bác phải nói rằng bác mừng được nghe vậy.” bà Barbour lạnh lùng đáp. “ Vì cơ sở chính luôn đóng cửa vào thứ Hai.”

“Con có nói Theo đến cơ sở chính đâu mẹ.”

“Cháu nghĩ có khì bác lại quen ông ấy đấy.” tôi nói, mong mỏi đánh lạc hướng bà khỏi Andy. “Hoặc ít ra là biết ông ấy.”

“Ai cơ?” Bà Barbour hỏi và lại chĩa ánh mắt vào tôi.

“Người cháu vừa đến thăm ấy. Ông ấy tên là James Hobart. Ông ấy là chủ một hiệu đồ nội thất dưới trung tâm - à, thực ra không phải chủ. Ông ấy chịu trách nhiệm phục chế.”

Lông mày bà đã thôi nhướng lên. “Hobart?”

“Ông ấy làm cho rất nhiều người trong thành phố. Thỉnh

thoảng cho cả nhà Sotheby nữa.”‘

“Vậy cháu không phản đối bác gọi cho ông ấy chứ hả?”‘

“Không hề ạ.” tôi chống chế. “Ông ấy bảo muốn mời tất cả đi ăn trưa một bữa. Hoặc nếu bác đồng ý, có thể xuống thăm xưởng một hôm nào đó.”

“Ồ!” bà Barbour đáp sau một hai giây kinh ngạc. Giờ thì bà mới là người lúng túng. Tôi không thể hình dung bà Barbour có bao giờ đi xuống quá Phố 14 vì bất kỳ cớ gì. “Ừm. Để xem.”

“Không phải mua gì đâu, xem thôi. Ông ấy có nhiều thứ hay lắm ạ.”

Bà chớp mắt, đáp. “Được rồi.” Bà có vẻ hoang mang - cặp mắt vừa chăm chú vừa lạc thần. “À, tuyệt rồi. Gặp ông ấy chắc sẽ rất thú vị. Bác đã gặp ông ấy chưa nhỉ?”

“Cháu nghĩ là chưa.”

“Được rồi. Andy, mẹ xin lỗi. Mẹ nợ con một lời tạ lỗi. Cả cháu nữa, Theo.”

Tôi à? Tôi không biết phải nói gì. Andy đang lén mút cạnh ngón cái, nhún một bên vai khi bà quay phắt ra khỏi phòng.

“Cái gì thế?” Tôi khẽ hỏi.

“Mẹ đang bực. Không phải tại cậu đâu. Platt về nhà.” cậu ta nói thêm.

Thấy cậu ta nói thế, tôi mới nhận ra tiếng nhạc nghèn nghẹt phát ra từ tận cùng căn hộ, tiếng thùm thụp rất trầm hầu như không nhận thấy. “Vì sao?” Tôi hỏi. “Có chuyện gì thế?”

“Ở trường có chuyện.”

“Chuyện xấu à?”

“Chúa biết.” nó đáp hờ hững.

“Anh ấy bị sao à?”

“Tớ nghĩ thế. Chẳng ai chịu nói gì cả.”

“Nhưng là chuyện gì chứ?”

Andy nhăn mặt, tỏ vẻ *ma nó biết*. “Anh ta ở nhà từ lúc bọn tớ đi học về - bọn tớ nghe thấy tiếng nhạc. Kitsey rất phấn khích, nó chạy vào hét chào nhưng anh ta quát tướng lên rồi sập cửa vào mặt nó.”

Tôi chùn người. Platt là thần tượng của Kitsey.

“Rồi thì mẹ về. Mẹ vào trong phòng anh. Rồi mẹ gọi điện một lúc.

Tớ *hơi hơi* tin là bố đang trên đường về đấy. Đáng ra tối nay bố mẹ ăn tối với nhà Ticknor nhưng chắc là thôi rồi.”

“Thế tối ăn gì?” Tôi hỏi sau một lúc ngưng. Bình thường vào những ngày đi học, chúng tôi vừa ăn tối vừa xem tivi và làm bài tập - nhưng nếu Platt ở nhà, ông Barbour đang trên đường về, và các kế hoạch tối đã bãi bỏ, thì xem ra sẽ lại có bữa tối gia đình trong phòng ăn.

Andy làm bộ chỉnh thẳng kính theo kiểu bà già thường lệ. Dù tóc tôi đen còn tóc cậu ta sáng màu, thì tôi vẫn biết rõ hai đôi kính y hệt nhau mà bà Barbour mua cho hai đứa khiến tôi trông như đứa em sinh đôi mọt sách của Andy - nhất là sau khi nghe một đứa con gái nào đó gọi ở trường “anh em đít chai” (hoặc là “anh em hít chai” gì đó, dù gì thì cũng không phải lời khen).

“Ta đi ra Serendipity kiếm cái hamburger đi.” cậu ta nói, “Tớ thật không muốn ở đây khi bố về đến nhà chút nào.”

http://tieulun.hopto.org

“Cho em theo với.” Kitsey bất ngờ nói, chạy ào vào dừng phắt trước mặt chúng tôi, mặt đỏ bừng, hơi thở gấp.

Andy và tôi nhìn nhau. Kitsey bình thường còn không muốn người ta thấy xếp hàng cạnh chúng tôi chờ xe buýt nữa kìa.

“Đi mà…” nó rên rỉ và nhìn từ đứa này sang đứa kia. “Toddy đi tập bóng đá rồi, em có tiền mà, em không muốn ở một mình với họ đâu, điii.”

“Thôi đồng ý đi.” tôi bảo Andy, và nó thoáng nhìn tôi biết ơn.

Andy thọc tay vào túi, “Được rồi.” cậu ta bảo nó, vô cảm. Đúng là một cặp chuột bạch, tôi nghĩ - chỉ có điều Kitsey là một nàng chuột kẹo bông trong truyện cổ tích, còn Andy là thứ chuột nuôi trong lồng lử thử, vô hậu, chỉ để người nuôi trăn cảnh mua về làm thức ăn là giỏi.

“Lấy đồ đi. Nhanh lên!” cậu ta nói khi nó vẫn đứng đó trố mắt nhìn. “Tao không chờ đâu. Và đừng quên mang tiền vì tao cũng không trả cho mày đâu.”

xiii.

MẤY HÔM SAU ĐÓ tôi không xuống nhà Hobie vì lo cho Andy, dù trong bụng rất thèm muốn thoát khỏi bầu không khí nặng như đeo đá trong nhà. Andy nói đúng: quả không có cách nào tìm hiểu xem Platt đã làm gì, vì ông bà Barbour cư xử như thể không có bất kỳ vấn đế gì xảy ra (chỉ có điều không thể không nhận thấy là có vấn đề), còn Platt thì đã khóa miệng, chỉ hầm hừ ngồi ở bàn ăn, tóc rũ xuống mặt.

“Thề với cậu.” Andy nói, “có cậu ở nhà còn hơn. Họ còn nói chuyện và có tí cố gắng tỏ ra bình thường.”

“Cậu nghĩ anh ấy đã làm gì?”

“Nói thật nhé, tớ không biết. Tớ không *muốn* biết.”

“Cậu muốn chứ.”

“Ừ thì muốn.” Andy nhượng bộ. “Nhưng quả thực tớ chẳng biết mô tê gì.”

“Cậu nghĩ anh ấy nhìn bài chăng? Ăn trộm? Hay nhai kẹo cao su trong nhà nguyện?”

Andy nhún vai. “Lần cuối cùng có chuyện với Platt, đấy là hồi anh ta táng vợt bóng vào mặt ai đấy. Nhưng *hồi ấy* còn không đến *như thế này*.” Và rồi, thình lình: “Mẹ yêu Platt nhất.”

“Cậu nghĩ thế hả?” Tôi lần lữa đáp, dù biết rõ là đúng thế.

“Bố yêu Kitsey nhất. Còn mẹ yêu Platt.”

“Bác gái cũng yêu Toddy lắm.” tôi nói trước khi nhận ra hàm ý của cậu ấy.

Andy nhăn mặt. “Tớ tưởng mình bị nhận nhầm lúc đẻ.” cậu ta nói, “nếu không phải trông tớ giống y đúc mẹ thế này.”

xiv.

“VẤN ĐỀ CỦA BÁC là học quá nhiều.” Hobie nói; “Hoặc ít ra cha bác nghĩ vậy.” Tôi đang ở trong xưởng, giúp ông phân loại vô số mảnh gỗ anh đào cũ, có cái thiên đỏ, có cái thiên nâu, tất cả đều vớt lại từ các món đồ đã hỏng, để kiếm đúng màu ông cần vá vào mặt trước cái đồng hồ tủ đứng đang sửa chữa, “Cha bác có một công ty taxi tải” - (cái này thì tôi biết, công ty ấy nổi tiếng đến nỗi cả tôi cũng từng nghe qua) – “đến khi nghỉ hè hay nghỉ Giáng sinh ông luôn bắt bác chất đồ lên xe - rồi dần dần bác sẽ phải học

cách lái xe thôi, ông bảo thế. Mọi anh em ở bãi chất đó đều im phắc khi thấy bác bước ra đó. Con trai ông chủ mà. Không phải lỗi tại họ, vì cha của bác thật là một loại chủ khốn nạn. Dù sao thì, ông cũng bắt bác làm ở đó từ năm mười bốn tuổi, lúc tan học hoặc cuối tuần - chất hàng lên xe trong trời mưa. Thỉnh thoảng bác cũng phải làm trong văn phòng, một nơi bẩn thỉu u tối khôn tả. Mùa đông rét cóng, mùa hè nóng như chảo lửa. Phải hét lên át tiếng quạt thông gió. Ban đầu thì chỉ trong mùa hè và Giảng sinh thôi. Nhưng đến khi bác lên đại học năm thứ hai, ông tuyên bố sẽ không trả tiền học nữa."

Tôi đã tìm thấy một miếng gỗ có vẽ hợp với mảng vỡ, bèn đẩy sang bên ông. "Bác bị điểm kém à?"

"Không, bác học khá." ông nhặt miếng gỗ giơ lên trước ánh sáng, rồi để chung vào một chồng những mảnh có vẻ dùng được. "Vấn đề là, ông đâu có đi học đại học mà vẫn sống khỏe, đúng không? Vậy sao bác còn đòi trứng khôn hơn vịt? Nhưng không chỉ có thế - ừ, ông là loại người ai đến đâu cũng phải áp chế tất cả mọi người xung quanh, cháu biết kiểu đó đấy, và bác nghĩ chắc lúc đó ông đã nhận ra còn cách nào tốt hơn để nắm bác trong tay mình, làm việc không công? Ban đầu..." ông cân nhắc vài giây một mảnh ván lạng khác, rồi bỏ vào chồng "có vẻ dùng được" - "ban đầu, ông nói bác sẽ phải nghỉ một năm - hoặc bốn năm năm, tùy xem cần bao nhiêu - và làm việc cực khổ để kiếm nốt số học phí còn lại. Nhưng chưa bao giờ bác thấy một đồng xu nào. Bác sống ở nhà, và ông cho tất vào một tài khoản đặc biệt, để dành cho bác, cháu hiểu chứ. Hà khắc nhưng cũng công bằng, bác nghĩ vậy. Nhưng rồi sau khoảng ba năm bác làm việc quần quật cho ông, luật chơi bỗng thay đổi. Bỗng dưng..." ông cười "à, bác không hiểu ư? Đấy là bác đang hoàn trả phí hai năm đầu đại học cho ông thôi. Ông chẳng hề để dành tí gì sất."

“Thật kinh khủng quá!” Sau một lúc sững sờ tôi la lên. Tôi không hiểu sao ông lại cười được về chuyện bất công rành rành như thế.

“À... ” ông đảo mắt “lúc đó bác vẫn còn khá non nớt, nhưng cũng hiểu rằng cứ đà này bác sẽ chết già trước khi thoát khỏi chốn đó. Nhưng không có tiền, không có nơi nào sống, bác biết làm gì? Bác đang nghĩ cật lực tìm lối thoát thì như trên trời rơi xuống, Welty bước vào văn phòng đúng lúc cha đang la lối bác. Ông ấy rất thích chửi mắng bác trước mặt người làm - đi đứng khệnh khạng như sếp sòng Mafia, kêu rằng bác nợ tiền ông vì thứ này thứ khác, trừ vào cái gọi là ‘lương’ của bác. Giữ lại ‘tiền cống’ không tồn tại của bác vì một điều vi phạm tưởng tượng nào đấy, vân vân.

“Welty thì - đấy không phải lần đầu bác nhìn thấy ông. Ông đã từng đến văn phòng đặt vận chuyển đồ trong mấy vụ bán thanh lý gia sản - ông lúc nào cũng bảo với cái lưng ấy ông phải làm việc gấp mấy lần để tạo ấn tượng tốt, khiến người ta bỏ qua tật của ông, vân vân, nhưng ngay từ đầu bác đã thích ông rồi. Phần lớn mọi người đều thích ông, ngay cả cha bác, mà phải nói rằng ông ấy không phải loại người biết tử tế với người khác. Dù sao thì, Welty chứng kiến cơn thóa mạ ấy, hôm sau đã gọi điện cho cha bác bảo rằng muốn nhờ bác đóng đồ ở một căn nhà ông đã mua hết đồ đạc. Bác còn nhỏ nhưng rất to con và khỏe, chăm chỉ làm việc, nói chung là rất hợp. Ờ...” Hobie đứng dậy vươn vai “Welty là khách hàng thân, và dù vì cớ gì thì cha bác cũng nói được.

“Căn nhà đó là biệt thự cổ nhà De Peyster. Tình cờ là bác lại khá thân thiết với bà cụ ở đó. Từ thuở nhỏ bác đã hay qua đó thăm bà cụ - bà cụ già rất hay ho, đội tóc giả vàng rực, cả biển thông tin trong bụng, giầy má vứt khắp nhà, biết tất tần tật lịch sử địa

phương, kể chuyện hấp dẫn hết sức - ngoài ra thì đó là một căn nhà cực kỳ, toàn đồ thủy tinh Tiffany và một vài món đồ gỗ rất oách từ thế kỷ 19, và bác có thể giúp làm giấy tờ xuất xứ cho rất nhiều món đồ, khá hơn bà con gái vốn chẳng hề quan tâm xem cái ghế từng có Tổng thống McKinley ngồi hay gì hết.

Hôm bác giúp ông đóng đồ xong - khoảng sáu giờ chiều, người bác phủ đầy bụi - Welty mở một chai vang, bọn bác ngồi trên thùng hàng cùng uống - cháu hình dung không, giữa sàn nhà trống trơn và tiếng âm vang trong nhà rỗng ấy. Bác đã mệt lử rồi - ông thì trả bác trực tiếp bằng tiền mặt, bỏ qua cha bác - và rồi khi bác cảm ơn ông, hỏi ông có biết nơi nào cần việc nữa không, ông nói: Này, tôi vừa mở cửa hiệu ở New York, nếu cậu cần thì việc chờ cậu đấy. Thế là cả hai chạm cộc, bác về nhà, chất một vali hầu như toàn sách, tạm biệt bà giúp việc và nhảy lên xe tải đi nhờ một cuốc về New York ngay hôm sau. Không bao giờ ngoái lại.

Không gian chùng xuống hồi lâu. Chúng tôi vẫn còn đang phân loại ván lạng: những mảnh mỏng như giấy bật tanh tách, như những quân cờ trong trò chơi cổ Trung Hoa nào đấy, phát ra tiếng động nhẹ bỗng rùng mình khiến ta cảm thấy như lọt trong một cõi lặng yên mênh mang.

“A!” tôi chợt chớp thấy một mảnh và chộp lấy, đắc thắng chuyển cho ông: đích xác là màu đó, giống hơn nhiều tất cả những mảnh ông vừa đặt riêng vào đống kia.

Ông cầm lấy, giơ lên đèn. “Cũng tạm được.”

“Cái đó không ổn chỗ nào ạ?”

“À, cháu hiểu không?” ông ghé miếng ván lạng sát vào mặt đồng hồ “khi làm việc này, cái cần chú ý là vân gỗ. Quan trọng là ở đó. Lệch màu có. thể đổi được. Ví dụ cái này.” ông giơ một mảnh

khác, có thế thấy rõ là màu khác khá nhiều "chỉ cần một chút sáp ong và làm màu hợp lý, là ổn cả. Kali đicrômát, một chút thuốc nâu Vandyke - thỉnh thoảng khi gặp phải đường vân khó khớp, đặc biệt là một số loại óc chó, bác còn phải dùng amoniac nhuộm sẫm một mảnh gỗ mới. Nhưng chỉ là chẳng đặng đừng thôi. Tốt nhất vẫn là dùng gỗ cùng tuổi với món đồ đang chữa, nếu tìm được."

"Làm sao bác học được tất cả những thứ ấy ạ?" Tôi hỏi sau một lúc rụt rè im lặng.

Ông bật cười. "Cũng y như cháu đang học thôi! Đứng gần mà ngó. Giúp đỡ một tay một chân."

"Welty dạy bác ạ?"

"Ồ không. Ông hiểu việc, hiểu cách làm. Làm nghề này không thể không hiểu được. Ông có con mắt rất tinh, và thỉnh thoảng bác lại lên tìm ông hỏi ý khi cần tham khảo thêm. Nhưng trước khi có bác đến thì ông thường bỏ qua các món cần sửa sang. Việc này rất tốn thời gian - cần có một kiểu tâm tính cụ thể - tính khí và sức lực mà ông thì không hợp làm việc đó. Ông thích vai trò mua về hơn - cháu hiểu đấy, đi dự đấu giá - hoặc ở trên cửa hiệu trò chuyện với khách. Chiều chiều khoảng năm giờ, bác sẽ lên đó uống tách trà. 'Bị tống khỏi hầm ngục của cậu rồi hả?' Quả thật hồi ấy dưới này rất kinh khủng, ẩm ướt mốc meo. Hồi bác mới tới làm việc cho Welty" ông cười "có một ông già tên là Abner Mossbank. Chân khập khiễng, ngón tay thấp khớp, mắt gần như lòa. Có khi phải mất cả năm mới xong được một món. Nhưng bác đứng sau lưng xem ông làm việc. Cứ như phẫu thuật gia ấy. Không được phép hỏi. Ngậm miệng lại! Nhưng ông ấy biết hết mọi thứ - những việc người khác không ai biết làm, hoặc không thèm học cách làm nữa - cái nghề này truyền lại mong manh trên

một sợi chỉ, từ thế hệ này qua thế hệ sau."

"Thế cha bác không bao giờ trả lại số tiền bác kiếm được ạ?"

Ông cười ấm áp. "Không một xu! Cũng không bao giờ nói chuyện với bác nữa. Ông già là loại người hậm hực - lăn đùng ra chết vì trụy tim đúng giữa lúc đuổi việc một người làm thuộc hàng trung thành nhất. Đúng là một đám tang vắng vẻ nhất trên đời. Đúng ba cái ô đen trong màn mưa đá. Thật khó mà không nghĩ đến lão Ebenezer Scrooge.[53]"

"Bác không quay lại học tiếp à?"

"Không. Cũng không muốn. Bác đã tìm ra việc mình thích làm rồi. Thế là... - ông ấn cả hai tay vào hõm lưng rồi vặn lưng; áo khoác lùng thùng hơi bẩn và sờn khiến ông trông như một bác phu già tốt tính đang trên đường ra tàu ngựa - "ai biết được cái đó sẽ đưa đẩy cháu tới đâu?"

"Cái gì cơ?"

Ông cười. "Chuyến đi biển của cháu ấy." ông nói và đi về phía cái giá, nơi những hũ màu xếp hàng như thuốc trong tiệm dược phẩm, màu hoàng thổ, màu độc dược xanh lòm, bột than củi, bột xương cháy. "Biết đâu lại là thời điểm quyết định. Nó khiến nhiều người phải lòng, biển ấy."

"Andy bị say sóng. Cậu ấy còn phải mang túi nôn lên tàu."

"À..." với lấy lọ muội than "phải thừa nhận là bác thì chưa bao giờ phải lòng cả. Hồi bác con bé - *Bài ca người thủy thủ già*[54], với tranh minh họa của Doré - biển chỉ làm bác sởn gáy, nhưng bác cũng chưa bao giờ được đi một chuyến du ngoạn như cháu cả. Biết đâu đấy. Bởi vì..." - mày nhíu lại, khẽ gõ một chút bột đen mịn lên bảng màu - "bác chưa bao giờ nghĩ rằng mấy món đồ cũ

nhà bà De Peyster lại có thể là thứ quyết định tương lai mình. Có thể cháu sẽ mê mẩn lũ cua ẩn sĩ và theo học Hải sinh học thì sao. Hoặc thích nghề đóng tàu, hay vẽ tranh cảnh biển, hay viết cuốn sử vô tiền khoáng hậu về tàu Lusitania."

"Có thể ạ!" tôi nói, tay chắp sau lưng. Nhưng điều trong lòng hy vọng, tôi lại không dám nói ra. Ngay cả nghĩ đến nó thôi cũng đủ tôi run rẩy. Vì chuyện là thế này: Kitsey và Toddy đã bắt đầu vui vẻ hơn với tôi rất nhiều, như nghe theo dặn dò của ai đó, và đã có những cái nhìn, những cử chỉ đầy hàm ý giữa ông bà Barbour làm tôi nhen nhóm mong đợi - hơn cả thế nữa. Thực tế là chính Andy đã gieo ý nghĩ đó vào đầu tôi. "Bố mẹ nghĩ cậu có ảnh hưởng tốt với tớ." vừa hôm trước cậu ta nói trên đường đến trường. "Là cậu đang lôi tớ ra khỏi vỏ bọc, khiến tớ cởi mở với người ngoài hơn. Tớ nghĩ có thể sẽ có một tuyên bố gì đó khi nào ta lên đến Maine đấy."

"Tuyên bố gì cơ?"

"Đừng có ngốc. Hai người khá khoái cậu rồi - nhất là mẹ. Nhưng cả bố cũng thế. Tớ nghĩ có thể họ muốn nhận nuôi cậu."

XV.

KHÔNG HIỂU VÌ CỚ GÌ mà trong quãng gián cách căng thẳng ấy (có lẽ do rắc rối bí ẩn của Platt khiến tôi nhớ đến cảnh ngộ chính mình), tôi chợt nghĩ ra có lẽ nên nói cho Hobie biết về bức tranh - hoặc ít nhất cũng đả động vòng quanh đề tài đó xem ông phản ứng ra sao. Cái khó là ở chỗ làm cách nào nhắc tới nó. Bức tranh vẫn còn trong căn hộ, vẫn y nguyên nơi tôi đã giấu, bọc trong cái túi mang từ bảo tàng ra. Nhìn thấy nó dựa vào xô pha trong phòng ngoài cái buổi chiều kinh sợ quay về đó lấy mấy

món đồ đi học, tôi đã bước ngang qua nó, vòng tránh thận trọng như tránh một lão lang thang quờ quạng trên vỉa hè, lòng không nguôi canh cánh về con mắt nhạt màu lạnh lẽo của bà Barbour đang dán lên lưng mình, lên căn hộ, lên các đồ vật của mẹ, trong lúc bà đứng khoanh tay nơi ngưỡng cửa.

Khó nói lắm. Mỗi lần nghĩ đến bức tranh lại khiến bụng tôi quặn lại, nên phản ứng đầu tiên chỉ là đóng sầm cái nắp rồi nghĩ sang chuyện khác. Thật không may là tôi đã để quá lâu không nói gì với bất cứ ai, và giờ thì cảm giác như đã quá muộn không nên nói gì cả. Và càng ở lâu bên Hobie - bên những món đồ gỗ Hepplewhite và Chippendale què mẻ, những món đồ rất xưa mà ông chăm nom rất tận tình - tôi lại càng thấy không nói là sai. Nhỡ có người tìm thấy bức tranh thì sao? Tôi sẽ gặp chuyện gì đây? Rất có thể ông chủ nhà đã đi vào căn hộ - ông ta có chìa - nhưng dù có vào thì cũng chưa chắc ông ta sẽ bắt gặp nó mà. Dẫu sao, cứ để nó sờ sờ đó trong lúc trì hoãn không quyết cũng là một kiểu đùa bỡn số phận.

Không phải tôi không muốn trao lại bức tranh; nếu chỉ ngồi ước mà có thể trả lại nó về chỗ cũ một cách thần kỳ, thì tôi sẵn sàng giao lại ngay phút này. Chỉ là tôi không nghĩ ra nổi cách nào trả lại nó mà không nguy hại cho hoặc tôi hoặc bức tranh. Từ bữa đánh bom, khắp thành phố đều có biển thông báo rằng những bọc đồ vô chủ để lung tung vì cớ gì cũng sẽ bị thiêu hủy, như thế là đủ tiêu tùng hầu hết những kế hoạch hay hớm nhằm bí mật trả lại bức ưanh. Mỗi vali hay gói đồ khả nghi đều sẽ bị cho tiêu hủy, không thắc mắc gì hết.

Trong số những người lớn xung quanh, chỉ có hai người tôi thấy có thể chia sẻ bí mật của mình: Hobie và bà Barbour. So ra thì Hobie có vẻ thân thiện hơn, và ít đáng sợ hơn nhiều. Giải

thích cho Hobie sẽ dễ hơn, vì sao ngay từ đầu tôi lại vác bức tranh ra khỏi bảo tàng. Rằng đấy có thể coi là một sai lầm. Rằng tôi chỉ đang làm theo lời Welty, và rằng tôi còn đang cơn choáng. Rằng tôi không nghĩ kỹ việc ấy có ý nghĩa thế nào. Rằng tôi vốn không định cứ để nó nằm không như vậy lâu đến thế. Tuy nhiên trong cảnh không nhà và chưa biết đi đâu về đâu, có vẻ thật khùng mới đi thú nhận một điều mà tôi biết cả đống người sẽ coi là tội lỗi rất trầm trọng. Rồi thì, rất tình cờ, đúng khi bắt đầu hiểu ra không thể chờ thêm lâu nữa, phải làm gì đó, thì tôi bắt gặp một bức ảnh đen trắng bé xíu chụp nó trong mục kinh doanh tờ *Times*.

Một phần do cảm giác bất an đang tràn ngập căn nhà sau vụ ô nhục nào đó của Platt, tờ báo giờ thỉnh thoảng lại xuất hiện ở ngoài văn phòng ông Barbour, sau đó tự phân thân thành nhiều mảnh rồi tái xuất một hai tờ một. Những trang báo gập lại rất ngượng nghịu thường vất vưởng gần cái cốc nước khoáng quấn khăn ăn (dấu hiệu đánh dấu lãnh thổ của ông Barbour) trên bàn trà trong phòng khách. Đấy là một bài báo rất dài và tẻ ngắt ở gần cuối mục báo, bàn về ngành công nghiệp bảo hiểm - những khó khăn tài chính khi thực hiện các buổi trưng bày nghệ thuật lớn trong tình cảnh kinh tế đang xuống dốc, đặc biệt là đối với các công ty chuyên bảo hiểm các tác phẩm đem trưng bày lưu động. Nhưng đập vào mắt tôi lại là dòng chú thích dưới bức ảnh: CON SẺ VÀNG (1654), TUYỆT PHẨM CỦA CAREL FABRITIUS, ĐÃ BỊ THIÊU HỦY.

Không kịp nghĩ, tôi ngồi xuống ghế ông Barbour và đọc nhanh những dòng chữ sin sít, xem có nói gì đến bức tranh của mình không (đã kịp nghĩ là của mình rồi đấy - ý nghĩ thoáng qua đầu tôi như thể nó đã thuộc về tôi từ thuở bé):

Những vấn đề về luật quốc tế càng được đặt ra trong những vụ

khủng bố văn hóa như lần này, vụ nổ đã gây lạnh gáy cho không chỉ giới nghệ thuật mà cả cộng đồng tài chính. "Tổn thất dù chỉ một bức tranh trong số đó thôi cũng khó mà định lượng được." Murray Twitchell, một nhà phân tích độ rủi ro trong bảo hiểm ở London nói. "Ngoài mười hai bức đã mất và chắc đã bị thiêu hủy hoàn toàn, có hai mươi bảy bức khác bị tổn hại nghiêm trọng, dù một số vẫn còn khả năng phục chế." Trong một động thái có lẽ nhiều người sẽ thấy là vô ích, Cơ sở Dữ liệu Nghệ thuật mất tích.

Bài báo còn tiếp sang trang kế, nhưng đúng lúc đó bà Barbour vào phòng và tôi phải bỏ báo xuống.

"Theo!" bà nói. "Bác có một đề nghị."

"Vâng?" Tôi đề phòng đáp.

"Cháu có muốn lên Maine cùng nhà bác năm nay không?"

Trong một giây nỗi vui mừng làm tôi không nghĩ nổi gì nữa. "Có ạ!" Tôi nói. "Ôi! Được vậy thì tuyệt quá!"

Ngay cả bà cũng không kìm nổi nét cười thoáng qua. "À!" bà nói, "Chance chắc chắn sẽ rất vui có cháu phụ việc trên tàu. Xem ra năm nay nhà ta sẽ khởi hành hơi sớm - ít ra là Chance và lũ trẻ. Bác ở lại trong thành phố lo vài việc, nhưng sau một hai tuần sẽ lên."

Tôi vui đến nỗi không biết đáp lại thế nào nữa.

"Để xem cháu có thích đi tàu không. Có lẽ sẽ hơn Andy. Hoặc ít nhất ta hãy hy vọng như vậy."

"Cậu nghĩ là sẽ vui hả." Andy u ám nói khi tôi chạy ba chân bốn cẳng về phòng (không đủ sức đi bình thường nữa) kể tin mừng cho cậu ta. "Nhưng không có đâu. Cậu sẽ ghét lắm cho mà xem." Dù thế, tôi cũng thấy rõ cậu ta khoái chí hẳn. Và đêm ấy, trước

khi ngủ, cậu ta và tôi ngồi trên mép tầng giường dưới bàn luận xem sẽ mang đi sách gì, đĩa game nào, và mách nhau các triệu chứng say sóng để nếu muốn tôi có thể chuồn khỏi công việc trên boong.

xvi.

CÁI TIN KÉP NÀY - tin lành về cả hai phía - khiến tôi bải hoải và hoa mắt vì mừng rỡ. Nếu bức tranh của tôi đã bị thiêu hủy (theo nhìn nhận chính thức) thì còn ối thời gian nghĩ xem nên làm gì. Cái ma thuật ấy cũng khiến lời mời của bà Barbour có vẻ không chấm dứt ở mùa hè này mà chạy tít về vô tận, như thể toàn Đại Tây Dương đã nằm chắn giữa tôi và ông nội Decker; nỗi hạnh phúc đưa tôi lên cao chóng mặt, chỉ còn có việc tắm mình trong nỗi hân hoan của kẻ được hoãn án. Tôi biết đáng ra mình phải trao bức tranh cho Hobie hoặc bà Barbour, nộp mình cho sự phán xét của họ, kể cho họ tất tật mọi điều và năn nỉ xin giúp đỡ - trong cái góc tỉnh táo và ảm đạm nào đó trong đầu, tôi biết mình rồi sẽ hối hận nếu không làm vậy - nhưng trong đầu tôi đã ngập tràn Maine và tàu bè đến độ không nghĩ nổi điều gì khác nữa; và dần dà tôi tự thuyết phục mình rằng có lẽ khôn ngoan hơn là cứ giữ bức tranh một lúc, làm bảo hiểm cho ba năm tới, để khỏi phải tới sống cùng ông nội Decker và Dorothy. Đúng là điển hình cho đầu óc ngây ngô kinh người của tôi, nghĩ rằng biết đâu mình, có thể đem nó bán đi nếu cần đến. Thế nên tôi ngậm miệng, cắm đầu vào những bản đồ cùng ký hiệu với ông Barbour, và chịu đi cùng bà Barbour tới Brooks Brothers mua giày thủy thủ cùng ít áo len vải bông nhẹ để mặc trên tàu khi đêm trở lạnh. Và không nói gì.

xvii.

http://tieulun.hopto.org

TÔI ĐI XE BUÝT lên nửa bắc, đã hơi gà gật, người đung đưa dễ chịu và ngắm những phố phường thứ Bảy ướt mưa vụt qua. Khi bước vào trong căn hộ - đang rét cóng vì đi bộ về trong mưa - tôi thấy Kitsey chạy ra sảnh nhìn mình, mắt xoe tròn khoái chí, như thấy một con đà điểu đi lạc vào nhà. Rồi sau vài phút im lặng, nó lại chạy tọt vào phòng khách, đôi dép lê đập bèn bẹt trên sàn gỗ và réo lên, "Mẹ ơi! Anh ý về rồi!"

Bà Barbour hiện ra. "Chào Theo." bà nói, cực kỳ điềm tĩnh nhưng dáng vẻ có gì đó dè dặt, dù tôi không xác định nổi là gì. "Vào đi. Có một bất ngờ đang chờ cháu."

Tôi theo bà vào văn phòng ông Barbour, căn phòng tăm tối trong buổi chiều đen mây, những bảng cờ hiệu lồng khung trên tường và mưa lăn trên các ô cửa xám khiến người ta nghĩ đến sân khấu đang dựng cảnh cabin tàu trên biển khơi dông bão. Đầu kia phòng, một dáng người đứng lên từ cái ghế bành da. "Chào cậu cả." kẻ đó nói. "Lâu rồi không gặp."

Tôi đứng khựng giữa cửa. Giọng nói không nhầm vào đâu được: bố tôi.

Ông bước lên, lọt vào ánh sáng lờ mờ từ cửa sổ. Đúng là ông, dù ông đã khác nhiều so với hồi ở cùng tôi: nặng cân hơn, rám nắng hơn, mặt phị ra, bộ vét mới, kiểu tóc mới khiến ông trông như một người pha chế rượu ở khu trung tâm. Kinh hãi, tôi liếc trở lại bà Barbour, và bà trao tôi nụ cười tươi rói nhưng bất lực như muốn nói: *bác biết, nhưng bác làm gì được đây?*

Trong lúc tôi vẫn đứng đó, chết điếng không nói nên lời, một bóng người khác mọc lên và luồn lách ra đứng trước bố tôi. "Chào, tôi là Xandra." một giọng khàn khàn nói.

Tôi thấy chắn trước mặt mình là một người đàn bà lạ, rám

nắng, thân thể dẻo dai, mắt xám vô hồn, da màu đồng có nếp nhăn, miệng hơi móm, răng thưa rếch. Cô ta già hơn mẹ tôi, hoặc ít ra là trông già hơn, nhưng lại ăn mặc rất trẻ: xăng đan đế xuông đỏ chót, quần bò trễ, thắt lưng to bản, một đống vàng đeo khắp người. Tóc hung vàng như rơm, thẳng đuột, đuôi tóc chẻ, chưa kể còn nhai kẹo cao su và tỏa mùi Juicy Pruit nồng nặc.

"Xandra, viết là X." cô ta nói, giọng nghe có âm xào xạo. Mắt cô ta trong suốt không màu, những vệt mascara đen chĩa ra quanh mắt, cái nhìn uy quyền, tự tin không chớp. "Không phải Sandra. Và thề có Chúa, không phải Sandy. Tôi suốt ngày bị gọi vậy, phát điên lên được."

Trong lúc nghe cô ta nói, sự kinh ngạc trong tôi càng lúc càng tăng. Tôi thấy khó mà tiếp thụ nổi cô ta: cái giọng "uýt-ki" khào khào, đôi cánh tay nổi bắp, chữ Trung Quốc xăm trên ngón tay cái, những móng tay dài cắt vuông sơn trắng ở đầu mép, đôi hoa tai hình sao biển.

"Ừm, bọn bố vừa xuống sân bay LaGuardia khoảng hai giờ trước." bố tôi hắng giọng, cứ như thế là đủ hiểu.

Đây là người đã làm bố rời bỏ mẹ con tôi ư? Ngây mặt, tôi quay lại nhìn bà Barbour, nhưng bà đã mất dạng.

"Theo, giờ bố ở Las Vegas rồi." bố tôi nói và ngó lên tường đâu đó phía trên đầu tôi. Ông vẫn còn cái giọng chủ động, tự tin học được trong lớp diễn viên, nhưng dù nghe ông vẫn uy lực như mọi khi, tôi cũng thấy rõ ông lúng túng chẳng khác gì mình. "Có lẽ nên gọi trước thì tốt hơn, nhưng bố nghĩ ghé qua đón con luôn là dễ nhất."

"Đón con?" Tôi hỏi sau một quãng lặng dài.

"Nói đi, Larry." Xandra nói, rồi quay sang tôi. "Cháu phải thấy

mừng vì ông già cháu đi. Ông ấy ngon lành rồi. Kiêng được bao nhiêu ngày rồi nhỉ? Năm mươi mốt? Hoàn toàn tự lực - thậm chí không thèm vào hội - tự giải độc trên xô pha cùng một rổ kẹo và một lọ Valium."

Bởi quá hổ thẹn không dám nhìn cô ta cũng như bố tôi, tôi lại nhìn ra cửa - và thấy Kitsey Barbour đang đứng ngoài hành lang lắng nghe tất cả, mắt trộn to tướng.

"Bởi ý tôi là, tôi thì không chịu nổi thứ đó." Xandra tiếp bằng cái giọng ám chỉ mẹ tôi đã chiều chuộng, thậm chí khuyến khích thói nát rượu của bố tôi. "Nghĩ xem, mẹ đẻ tôi là cái thứ người có ọe vào cốc Canadian Club rồi thì vẫn uống tiếp như thường. Và một tối tôi bảo, Larry, em không bảo anh 'vĩnh viễn' đừng đụng vào rượu nữa, và thực tình em nghĩ bắt anh vào hội nghiện rượu nặc danh thì quả là dùng dao mổ trâu để giết gà..."

Bố tôi hắng giọng, rồi quay sang tôi với vẻ mặt niềm nở vẫn dành cho người lạ. Có thể đúng là ông đã ngừng uống, nhưng cái mặt phì phị, bóng loáng, hơi ngơ ngẩn của ông vẫn có vẻ như tám tháng vừa qua ông chỉ sống bằng rum và hoa quả trộn Hawaii.

"Ừm, con ạ." ông nói, "bọn bố vừa xuống máy bay và đến đây ngay vì, ờm, bọn bố muốn gặp con ngay lập tức, dĩ nhiên..."

Tôi đợi.

"... bọn bố cần chìa khóa căn hộ."

Thế này có phần quá chóng vánh với tôi. "Chìa khóa hả?" Tôi hỏi.

"Chúng tôi không vào đó được." Xandra nói toẹt. "Thử rồi."

"Vấn đề là, Theo à." bố tôi nói bằng giọng rõ ràng và thân mật, vuốt tay lên tóc như không có chuyện gì, "bố cần ghé vào Sutton

Place xem tình hình thế nào. Chắc chắn là tanh bành lắm, phải có ai đó vào xếp đặt chứ."

Nếu cô đừng có để các thứ tanh bành hết cả... Đấy là những lời tôi nghe ông hét vào mặt mẹ, khoảng hai tuần trước khi ông biến mất, trong cuộc cãi lộn lớn nhất mà tôi từng nhớ, khi đôi hoa tai bằng kim cương và ngọc thạch của bà ngoại biến mất khỏi cái đĩa trên bàn đầu giường. Cha tôi (đỏ mặt tía tai, léo nhéo nhại giọng mẹ) bảo đấy là lỗi của *mẹ*, hẳn là Cinzia hoặc ai đó có quỷ biết đã thủ mất, vứt trang sức lung tung như thế đã là không khôn ngoan, và chắc việc này sẽ dạy mẹ từ nay biết trông giữ đồ đạc hơn. Nhưng mẹ - mặt xám bệch vì tức giận - đã nhận xét bằng cái giọng lạnh băng kiềm chế, rằng mẹ tháo hoa tai ra vào tối thứ Sáu, mà từ lúc đó đến giờ Cinzia chưa hề đến làm.

"Thế cô ám chỉ cái mẹ gì?" Bố tôi đã rống lên.

Lặng phắc.

"Vậy tôi là kẻ cắp rồi phải không? Cô bảo chính chồng cô ăn cắp trang sức của cô? Cái điên rồ chết mẹ gì thế? Cô cần đi khám, cô biết không? Cô phải vào viện đi thôi..."

Có điều không chỉ có đôi hoa tai biến mất. Sau khi bản thân ông mất tích, chúng tôi phát hiện ra còn nhiều thứ khác, tiền mặt, tiền cổ của ông ngoại, cũng không cánh mà bay; mẹ đã thay ổ khóa và dặn Cinzia lẫn mấy chú bảo vệ đừng có cho vào nhà nếu ông đến lúc mẹ đi làm. Và tất nhiên giờ thì mọi thứ đã khác, chẳng có gì ngăn được ông vào căn hộ, lục lọi đồ đạc của mẹ và làm gì tùy thích, nhưng trong khi tôi đứng nhìn ông, nghĩ mãi không ra cái gì để nói, thì trong đầu tôi đang rối tung đủ thứ chuyện mà chuyện chính là bức tranh. Ngày nào cũng vậy, suốt hằng tuần, tôi cứ nhắc mình qua đó cất nó đi, bằng cách nào đó, nhưng cứ ngâm nga mãi, và giờ thì thế này.

Bố vẫn còn nhìn tôi, giữ nguyên nụ cười. “Được chứ, cậu cả? Chắc con sẽ giúp bọn bố chứ?” Có thể giờ ông không uống nữa, nhưng cái kiểu nhấp nhổm thiếu rượu lúc chiều tối vẫn còn nguyên trong ông, cà vào tôi như giấy nhám.

“Con không cầm chìa.” tôi nói.

“Không sao.” bố tôi đáp nhanh. “Ta gọi thợ khóa vậy. Xandra, điện thoại.”

Tôi nghĩ vội. Tôi không muốn họ vào đó mà không có tôi. “Có thể Jose hoặc chú Vàng sẽ mở cửa cho mình.” tôi nói. “Nếu con đi cùng.”

“Được thôi.” bố đáp, “vậy đi.” Nghe giọng ông tôi đoán ông đã biết tôi nói dối (cái chìa đã giấu kín trong phòng Andy). Tôi cũng biết ông không thích phải lôi mấy chú bảo vệ vào cuộc, vì người làm trong tòa nhà không mấy ai đặc biệt ưa ông bố của tôi sau khi chứng kiến ông say xỉn quá nhiều lần. Nhưng tôi đáp lại ánh mắt ông hết sức dửng dưng vô tội, cho tới khi ông nhún vai quay đi.

xviii.

“¡HOLA, JOSE!”

“¡Bomba!” Jose kêu lớn và mừng rỡ lùi một bước khi thấy tôi trên vệ đường; người trẻ nhất và tung tẩy nhất trong số bảo vệ, chú lúc nào cũng tìm cách chuồn sớm trước khi hết ca để chơi bóng đá trong công viên. “Theo! *¿Qué lo que, manito?*”[55]

Nụ cười trong sáng trên mặt chú xô mạnh tôi về quá khứ. Mọi thứ đều như trước: bạt che màu xanh, kính nhuộm màu nâu vàng, vũng nước màu bùn nâu vẫn đọng trong chỗ trũng trên vỉa hè. Đứng trước mấy cái cửa kiểu Art-Deco - sáng bóng như kền, vẽ

những hình sao nhiều cánh trừu tượng, thứ cửa mà những tay phóng viên đội mũ phớt thường hối hả lao qua trong các phim thời 1930 - tôi nhớ lại bao nhiêu lần bước qua cửa, thấy mẹ đang đứng xem thư và chờ thang máy. Vừa ra khỏi công ty, vẫn nguyên giày cao gót và cặp táp, tay cầm bó hoa tôi gửi tặng sinh nhật mẹ. *Chà, con biết sao không. Người hâm mộ bí mật lại ra tay rồi.*

Ngó ra đằng sau tôi, Jose đã phát hiện ra bố tôi cùng Xandra đang đứng lơ ngơ cách mấy bước. "Chào ông Decker." chú chuyển giọng khách khí hơn, đưa tay vòng qua tôi bắt tay bố: rất lịch sự nhưng không phí công ân cần. "Vui được gặp ông."

Bố tôi nở Nụ cười Tiếp khách, chuẩn bị đáp lại nhưng tôi đã cắt ngang vì quá căng thẳng: "Jose..." tôi đã bóp óc tìm lời trên đường đến đây, tụng đi tụng lại câu tiếng Tây Ban Nha trong trí "*mi papá quiere entrar en el apartamento, le necesitamos abrir la puerta.*[56]" Rồi tôi vội chêm vào câu hỏi vừa nghĩ ra lúc nãy, trên đường đến đây: "*¿Usted puede subir con nosotros?*[57]

Mắt Jose vọt qua chỗ bố tôi cùng Xandra. Chú rất to con và đẹp trai, người Dominica, có gì đó phảng phất giống Muhammad Ali thời trẻ - dễ chịu và ưa đùa cợt, nhưng đừng hòng động vào. Một lần, tỏ lòng tin cậy, chú đã vén đồng phục bảo vệ cho tôi xem vết sẹo dao đâm trên bụng, bảo là do đánh lộn ngoài đường ở Miami.

"Rất vui lòng, chú đáp bằng tiếng Anh giọng thoải mái. Chú nhìn hai người kia, nhưng tôi biết câu ấy là dành cho tôi. "Tôi sẽ đưa mấy người lên. Mọi thứ ổn cả chứ?"

"Ừ, ổn!" bố tôi đáp gọn lỏn. Bố chính là người nằng nặc bắt tôi học tiếng Tây Ban Nha làm ngoại ngữ thay vì tiếng Đức ("để ít nhất trong nhà cũng có một người giao tiếp được với mấy thằng trông cửa chết tiệt").

Xandra, mà tôi bắt đầu nghi là có vấn đề thực sự về thần kinh, cất tiếng cười căng thẳng và nói bằng cái giọng líu ríu cà lăm: "Vâng, chúng tôi ổn cả, nhưng chuyến bay quả là mệt quá. Đi từ Vegas đến đây rất xa và chúng tôi vẫn còn hơi..." đến đấy cô ta đảo mắt, nhúc nhích ngón tay làm bộ lảo đảo.

"Thế à?" Jose hỏi. "Hôm nay? Ông bà bay xuống LaGuardia à?" Như mọi người bảo vệ khác, chú là chúa trùm chuyện gẫu, nhất là các đề tài giao thông hay thời tiết, hay đường nhanh nhất ra sân bay vào giờ cao điểm. "Nghe nói hôm nay nhiều chuyến bị hoãn, đội khuân vác hành lý có rắc rối, công đoàn gì đấy, hử?"

Suốt trong lúc đi thang máy lên, Xandra huyên thuyên không ngớt và khá kích động: nào là New York thật bẩn so với Las Vegas ("Ừ, phải công nhận, bên mạn Tây cái gì cũng sạch hơn, chắc tôi quen được nuông chiều quá rồi"), nào là cái xăng-uých gà tây ăn trên máy bay thật gớm còn con bé tiếp viên thì "quên" (mấy ngón tay Xandra vẽ dấu nháy nháy) không mang trả năm đồ-la tiền thừa chai vang cô ta gọi.

"Ôi trời!" Jose bước ra hành lang, lúc lắc đầu làm bộ nghiêm trọng như thường lệ. "Thức ăn trên máy bay, tệ lắm. Đến giờ, có ăn còn là may. Nhưng cho bà biết, ở New York nhá. Đồ ăn ngon ngon là. Có đồ Việt ngon, đồ Cuba ngon, đồ Ấn ngon..."

"Tôi không ưa mấy thứ cay đó."

"Vậy đồ gì bà thích cũng ngon hết. Đây rồi. *Segundito*." chú nói và giơ một ngón tay lên trong lúc lần vòng khóa tìm chìa.

Ổ khóa mở đánh *xoạch* một cách chắc chắn, bản năng, với vẻ chính trực sâu xa. Dù không khí bên trong tù túng vì đóng cửa đã lâu, nhưng mùi thân quen xộc vào mũi vẫn khiến tôi chết lịm: sách vở, thảm cũ, nước lau sàn hương chanh, những cây nến đen

thơm mùi trầm mẹ mua ở Barney.

Cái túi mang về từ bảo tàng đang để trên sàn dựa vào xô pha - vẫn y như lúc tôi bỏ lại, từ bao nhiêu tuần rồi? Đầu ong ong, tôi chạy vọt vào phòng tóm lấy nó trong lúc Jose - hơi ngáng đường ông bố đang bực tức dù làm như không phải - đứng ngay ngoài cửa lắng nghe Xandra, tay khoanh lại. Vẻ mặt bình thản nhưng có phần lơ đãng của chú khiến tôi nhớ đến cái lần chú gần như phải vác bố lên lầu, một đêm lạnh cóng còn bố tôi thì say đến nỗi vứt cả áo khoác đi đâu mất. Gia đình hoàn hảo nhất cũng có khi vậy mà, chú nói thế và cười lơ đãng khi từ chối tờ hai mươi đô mà bố tôi, mồm lắp bắp không ra tiếng, áo vét đầy vết nôn mửa, phờ phạc bẩn thỉu như vừa lăn trên vệ đường, đang cố dúi vào mặt chú.

“Thực ra là tôi vốn gốc ở mạn Đông đấy.” Xandra vẫn nói. “Florida ấy?” Lại tiếng cười căng thẳng đó - lập cập, cà lăm. “Chính xác nữa là West Palm.”

“Bà nói Florida à?” Tôi nghe tiếng Jose đáp. “Dưới đó đẹp.”

“Phải, thích lắm. ít ra ở Vegas cũng có nắng - tôi không biết có chịu nổi mùa đông ở đây không, chắc tôi sẽ biến thành kem que...”

Ngay khi vừa nhặt cái túi lên, tôi đã thấy nó nhẹ bẫng - gần như rỗng không. Bức tranh ở chỗ quỷ nào rồi? Dù cuống cuồng đến hoa cả mắt, tôi không đứng lại mà đi tiếp dọc hành lang, chân bước tự động, về lại phòng ngủ, đầu óc phóng hết tốc lực trong lúc đi...

Thình lình - giữa những ký ức rời rạc về đêm đó - tôi nhớ ra. Cái túi bị ướt. Tôi không muốn để tranh lại trong đó cho nấm mốc hay cái khỉ gì khác tấn công. Thay vào đó - sao lại quên được chứ

nhỉ? tôi đã đặt nó lên tủ ngăn kéo của mẹ, để mẹ thấy ngay khi bước vào nhà. Vội vã không dừng, tôi thả cái túi ngoài hành lang bên cánh cửa phòng ngủ đang khép và chạy sang phòng mẹ, đầu quay cuồng vì sợ, hy vọng bố không đi theo tôi nhưng quá khiếp hãi không dám nhìn.

Ngoài phòng khách, Xandra đang nói: "Chắc các anh ở đây suốt ngày thấy ngôi sao đi ngoài đường, hả?"

"À vâng. LeBron, Dan Aykroyd, Tara Reid, Jay-Z, Madonna. .."

Phòng ngủ của mẹ tối và mát lạnh, mùi nước hoa mẹ dùng còn phảng phất vừa đủ nhận thấy khiến tôi lại suýt nghẹn ngào. Bức tranh ở đó, giữa những tấm ảnh lồng khung bạc - ông bà ngoại, mẹ, tôi ở đủ mọi tuổi, hàng bao nhiêu ngựa và chó: ả Bàn Cờ của ông, Bruno lớn nòi Đan Mạch, con chó lạp xưởng tên Poppy đã chết hồi tôi mẫu giáo. Cầm lòng khi đi qua đôi kính đặt trên tủ và chiếc quần tất đen phơi đã cứng đờ, dòng chữ mẹ viết trên lịch bàn cùng một triệu sự vật tan nát lòng khác nữa, tôi cầm bức tranh lên kẹp vào nách rồi đi thật nhanh sang phòng mình bên kia hành lang.

Phòng tôi, cũng như bếp, nhìn ra giếng thông gió giữa tòa nhà, không bật đèn nên rất tối. Cái khăn tắm ẩm mốc vẫn nằm sụp một đống nơi tôi quẳng lại sau khi tắm sáng hôm ấy, trên một chồng quần áo bẩn. Tôi nhặt lên, nhăn mặt vì cái mùi, tính quẳng nó lên che bức tranh trong khi tìm nơi giấu khác tốt hơn, có thể là ở...

"Con làm gì thế?"

Bố tôi đứng trên ngưỡng cửa, một bóng đen in trên nền ánh sáng đằng sau lưng.

"Không có gì."

Bố cúi xuống nhặt cái túi tôi bỏ rơi ngoài hành lang. “Cái gì thế này?”

“Túi đựng sách của con.” tôi đáp sau một lúc im lặng - dù đấy rõ ràng là cái túi bạt đi chợ xếp lại được của các mẹ, loại mà tôi hay bất kỳ đứa nhóc nào khác sẽ không đời nào tha đến trường.

Ông vứt nó vào khoang cửa mở, nhăn mũi khi ngửi thấy mùi. “Phù.” ông nói và khua khua tay trước mặt, “trong này có mùi như tất cũ ấy.” Khi ông thò tay vào cửa bật đèn lên, tôi cũng kịp làm một động tác giật cục phức tạp ném cái khăn tắm lên trên bức tranh để (hy vọng là) ông không thấy.

“Con cầm cái gì đấy?”

“Áp phích.”

“Này, bố hy vọng con không định tha đủ thứ nhố nhăng đến Vegas. Không cần lấy quần áo mùa đông đâu - ở đấy chẳng cần, có thể mang đồ trượt tuyết thôi. Con không hình dung nổi trượt tuyết ở Tahoe thế nào đâu, vượt xa mấy cái núi con tí đầy băng trên Bắc bang này.”

Tôi cảm thấy mình cần đáp lại, phần lớn vì đấy là câu dài nhất và có vẻ tử tế nhất thốt ra từ miệng ông từ khi gặp mặt đến giờ, nhưng không hiểu sao không nghĩ ra được gì.

Bất thình lình, bố nói: “Sống với mẹ con cũng chẳng dễ dàng gì, con biết đấy.” Ông nhặt lên thứ gì đó trên bàn, hình như là bài kiểm tra toán cũ, ngó nghiêng rồi bỏ xuống. “Mẹ con ủ bài kỹ quá. Con biết kiểu đó mà. Im như hến. Chiến tranh lạnh. Lúc nào cũng tỏ vẻ cao kỳ. Đấy là vấn đề quyền lực, con hiểu không - cố gắng giành kiểm soát. Thành thực là, bố ghét phải nói điều này, nhưng sự thể đã đến mức bố khó mà ở cùng phòng với mẹ con được. Ý là, bố không nói mẹ con là người xấu. Có điều mới phút trước đang

bình thường, rồi phút sau, đùng một cái, không hiểu bố đã làm gì? nhưng đã lại tảng lờ nhau đi...”

Tôi không nói gì, chỉ lơ ngơ đứng đó với cái khăn mốc phủ lên bức tranh còn ánh đèn thì chiếu thẳng vào mắt, ước gì mình đang ở bất kỳ nơi nào cũng được (Tây Tạng, hồ Tahoe, mặt trăng), không đủ tự tin lên tiếng đáp. Điều ông đang nói về mẹ hoàn toàn đúng: mẹ thường khép mình, và khi bực bội, thật khó đoán được mẹ đang nghĩ gì, nhưng tôi không có nhu cầu bàn bạc về các khuyết điểm của, mẹ và dù sao, tất cả cộng lại hẳng còn xa mới sánh được khuyết điểm của ông.

Ông thì vẫn đang nói: "... vì bố chẳng cần chứng minh điều gì, hiểu không? Cái gì cũng có hai mặt cả. Vấn đề không phải ai đúng ai sai. Và tất nhiên, bố công nhận, bố cũng chịu trách nhiệm phần nào, dù phải nói thế này, và bố tin là con cũng biết, mẹ con rất giỏi diễn giải lại câu chuyện theo hướng có lợi cho mình.” Thật lạ, cái cảm giác lại ở cùng một phòng với ông, nhất là vì giờ ông thật khác trước: gần như đến mùi cũng khác, và sức nặng, trọng lượng của ông cũng khác, có vẻ uyển chuyển hơn, như thể cả người ông đã được phủ một lớp mỡ cả xăng ti trơn tru. “Rất nhiều cuộc hôn nhân cũng gặp phải các vấn đề như bố mẹ - nhưng mẹ con lại cay đắng quá, con hiểu không? Im lặng nữa? Thành thực là bố cảm thấy không thể sống thêm với mẹ nữa, dù có Chúa chứng giám, mẹ con không đáng phải chịu thế này...”

Tất nhiên là không, tôi nghĩ.

“Con biết nguyên nhân thực sự là gì, phải không?” Bố nói tiếp, tựa vào khung cửa trên một khuỷu tay và ranh mãnh nhìn tôi. “Khi bố đi ấy? Bố phải rút ít tiền từ tài khoản của bố mẹ để trả thuế, còn mẹ con thì nổi đóa lên, như thể bố là kẻ cắp không bằng.” Ông đang soi tôi rất kỹ để thăm dò phản ứng. “Tài khoản

chung của bố mẹ. Ý bố là, nói cho cùng, đến lúc ngửa bài thì mẹ con không tin bố. Không tin chính chồng mình."

Tôi chẳng biết nói gì. Đây là lần đầu tôi nghe chuyện thuế má, mặc dù chuyện mẹ không tin bố tôi về chuyện tiền bạc thì chẳng có gì lạ.

"Trời, nhưng mẹ con thù dai thật." ông nói và nháy mắt vờ đùa cợt, chùi tay qua mặt. "Ăn miếng trả miếng. Lúc nào cũng tìm cách trả đũa. Vì, thật đấy, mẹ con chẳng quên cái gì cả. Có phải đợi hai mươi năm mẹ con cũng kiếm được cách. Và tất nhiên, bố là kẻ lúc nào cũng hiện ra như phe xấu và có thể bố đúng là phe xấu..."

Bức tranh nhỏ nhưng càng lúc càng nặng, mặt tôi đã cứng đờ vì cố gắng không tỏ ra bị mỏi tay. Để chặn lời ông khỏi lọt vào tai tôi bắt đầu đếm thẩm bằng tiếng Tây Ban Nha. *Uno dos tres, cuatro cinco seis...*[58]

Đến lúc đếm tới hai mươi chín thì Xandra xuất hiện.

"Larry!" cô ta nói, "anh với vợ anh có một chỗ thật quá oách đấy." Giọng điệu câu ấy khiến tôi cảm thấy tội nghiệp cho cô ta, dù không thấy ưa hơn.

Bố tôi vòng tay qua eo rồi kéo cô ta lại gần mình kiểu xoa vuốt khiến tôi suýt muốn ọe. "À!" ông khiêm tốn nói, "đúng ra chỗ này của cô ấy hơn là của anh."

Biết thế là tốt, tôi nghĩ.

"Ra đây nào." ông nói, tóm lấy cô ta lôi về phía phòng ngủ của mẹ, đã quên bẵng tôi. "Anh chỉ cho em cái này." Tôi quay người lại nhìn họ đi, thấy nhờm gớm khi nghĩ đến việc cả hai lục, bới đồ đạc của mẹ, nhưng cũng mừng khi thấy họ đi nên cũng bất chấp

chuyện đó.

Một mắt vẫn dè chừng khung cửa trống, tôi bước về phía đầu kia giường, cất kỹ bức tranh. Tờ *New York Post* cũ nằm trên sàn - chính tờ báo mẹ đã ném cho tôi lúc cao hứng vào ngày thứ Bảy cuối cùng bên nhau. *Này bé con*, mẹ nói khi thò đầu vào cửa, chọn phim gì đó đi. Có vài phim chắc cả hai mẹ con sẽ thích, nhưng tôi chọn suất chiếu chiều trong liên hoan phim Boris Karloff- The Body Snatcher[59]. Mẹ chấp nhận lựa chọn đó không phàn nàn; chúng tôi đã đi tới Film Forum, xem xong thì ra quán Moondance ăn hamburger - một buổi chiều thứ Bảy cực kỳ dễ chịu, ngoại trừ đó là thứ Bảy cuối cùng của mẹ trên đời, và giờ tôi thấy thật khổ sở khi nghĩ về hôm đó, bởi vì (chính nhờ tôi) bộ phim cuối cùng mẹ được xem là một bộ phim kinh dị cũ kỹ chán ngắt về xác chết và đào mộ. (Nếu tôi đã chọn bộ phim mà tôi biết mẹ thích xem - được khen ngợi rất nhiều, nói về trẻ em Paris trong thời Thế chiến thứ nhất - biết đâu mẹ vẫn còn sống vì việc đó? Ý nghĩ của tôi thường chạy theo những con đường tăm tôi và mê tín như vậy đấy.)

Dù tờ báo trong tay tôi có cảm giác như một vật thiêng, một tài liệu lịch sử, tôi vẫn giở nó ra trang giữa rồi xé đôi. Lầm lì, tôi bọc bức tranh lại, từng tờ một, rồi dán lại bằng cuộn băng dính mấy tháng trước đã dùng dán quà Giáng sinh cho mẹ. *Tuyệt quá!* mẹ đã nói giữa một trận mưa giấy màu tứ tung, cúi xuống hôn tôi trong chiếc áo choàng tắm: một bộ màu nước mẹ sẽ không bao giờ mang ra công viên nữa, vào những sáng hè Chủ nhật mẹ sẽ không bao giờ sống qua.

Giường tôi, chiếc giường gấp bằng đồng kiểu quân sự rất chắc chắn mua ở chợ đồ cũ, trước nay dường như vẫn là nơi an toàn nhất thế giới khi cần cất giấu thứ gì. Nhưng giờ khi nhìn quanh

phòng (bàn viết tơi tả, áp phích phim Godzilla phiên bản Nhật, cốc hình chim cánh cụt mua ở sở thú dùng cắm bút chì), tôi lạnh người vì cái vô thường tỏa ra từ tất cả - đồ gỗ, đồ bạc, đồ mặc của mẹ - những chiếc đầm bán phá giá còn nguyên mác, hàng bao nhiêu giày ballet đủ màu, áo sơ mi may hiệu có thêu chữ cái đầu tên mẹ trên cổ tay áo. Ghế dựa, đèn lồng Tàu, đĩa vinyl nhạc jazz cũ mẹ mua ở Làng Greenwich, những hũ mứt, ô liu, mù tạt Đức cay xè bỏ trong tủ lạnh. Trong phòng tắm một rừng dầu thơm và thuốc dưỡng ẩm, sữa tắm tạo bọt đủ màu, những bình dầu gội giá cắt cổ mới dùng một nửa đứng chen chúc nhau trên thành bồn tắm (Kiehl, Klorane, Kérastase, mẹ lúc nào cũng dùng năm sáu loại một lúc). Sao trước đây căn hộ nhà tôi có vẻ vĩnh cửu và bền chắc thế, trong khi nó thực ra chỉ là sân khấu, sẵn sàng đợi những người khuân vác mặc đồng phục ập đến, dỡ đi?

Đi vào phòng khách, nghênh tiếp tôi là một cái áo len cùa mẹ đã bị bỏ lại vắt qua thành ghế, một bóng ma mẹ màu xanh da trời. Những vỏ ốc chúng tội nhặt ở bãi biển Wellfleet. Hoa tử đinh hương mẹ mua ở chợ Hàn Quốc mấy ngày trước khi mất, cành chết rũ, ngoặt xuống bên thành chậu và thâm đen. Giỏ giấy lộn: ca-ta-lô của Dover Books, Belgian Shoes, giấy gói bọc kẹo Necco Wafers là thứ mẹ thích nhất. Tôi nhặt lên ngửi. Cái áo len, tôi biết, cũng sẽ còn lưu giữ mùi mẹ nếu tôi nhặt lên áp vào mặt, nhưng chỉ nhìn thấy nó thôi tôi đã không chịu nổi.

Tôi quay lại phòng ngủ, trèo lên cái ghế học đỡ vali xuống - vali bằng vải, không quá to - bỏ vào đấy đồ lót sạch, đồng phục sạch, sơ mi đã gấp trong phòng giặt. Rồi tôi đặt bức tranh vào và rải thêm một lớp quần áo lên trên.

Tôi kéo móc vali - không có khóa, nhưng cũng chỉ là vali vải thôi mà - rồi đứng im một lúc. Rồi lại ra hành lang. Nghe thấy

tiếng ngăn kéo mở ra đóng vào trong phòng mẹ. Tiếng cười khúc khích.

"Bố." tôi nói lớn, "con xuống nhà nói chuyện với Jose.

Tiếng trò chuyện tắt ngấm.

"Cứ việc." bố tôi nói đằng sau cánh cửa đóng, nghe có vẻ thân thiện bất thường.

Tôi quay lại, lấy vali mang ra ngoài căn hộ, hé cửa hờ để chốc nữa lại vào. Rồi tôi đi thang máy xuống, nhìn cái gương trước mặt, cố hết sức xua khỏi đầu ý nghĩ về Xandra trong phòng mẹ, lục bới những bộ đồ của mẹ. Có phải bố hẹn hò với cô ta từ trước khi bỏ đi không? Chẳng lẽ ông không thấy kinh tởm khi để cô ta khoắng tay vào đồ của mẹ?

Tôi đang đi ra cửa chính nơi Jose trực thì có ai gọi lớn: "Chờ tí!",

Quay lại, tôi thấy chú Vàng đang hối hả chạy ra từ phòng giữ đồ.

"Theo, Chúa ơi, chú rất tiếc." chú nói. Chúng tôi đứng nhìn nhau một giây băn khoăn và rồi, thây kệ tất cả, di chuyển một cách vội vã và vụng về đến gần như nực cười, chú giơ tay ôm choàng lấy tôi.

"Rất tiếc, rất tiếc." chú nhắc lại và lắc đầu. "Chúa ơi, sao *nại* thế cơ chứ." Từ thuở ly dị vợ, chú Vàng thường làm ca đêm và xuyên ngày nghỉ, lúc nào cũng đứng ở cửa, không đi găng, điếu thuốc trong tay không đốt, nhìn ra đường. Thỉnh thoảng mẹ phái tôi mang cà phê, bánh vòng xuống khi chú ở dưới đó, một mình phân loại báo lúc năm giờ sáng ngày Giáng sinh, chẳng có ai làm bạn ngoài cái cây Noel chăng đèn và chúc đài Do Thái chạy điện, và vẻ mặt chú lúc này khiến tôi nghĩ đến những buổi sáng ngày lễ chết chóc ấy, ánh mắt vô hồn, khuôn mặt tái nhợt vô định, trong

cái khoảnh khắc không đề phòng trước khi chú thấy tôi và khoác vào nụ cười *chào nhóc* vui tươi nhất có thể.

"Chú cứ nghĩ mãi chuyện cháu với mẹ." chú nói và lau trán. "*Ay bendito.* Thật *nà*... chú còn không tưởng tượng nổi cháu đang phải trải qua những gì nữa "

"Ừm" tôi nói và nhìn đi chỗ khác, "cũng khó khăn ạ..." - không hiểu vì sao đấy là câu tôi luôn bật ra miệng khi có người chia buồn. Tôi đã phải nói nhiều đến mức bây giờ lúc nào câu ấy cũng có vẻ quá trơn tru, hơi giả trá.

"May *nà* cháu có ghé vào đây." chú Vàng nói. "Sáng hôm đó... chú đang trực, nhớ không? Ngay ngoài kia kìa?"

"Cháu nhớ." tôi nói và băn khoăn trước vẻ khẩn nài của chú, như thế sợ tôi có cách nào *không* nhớ.

"Chúa ơi." Chú vuốt tay trên trán, trông hơi bơ phờ như thể chính chú vừa thoát hiểm trong gang tấc. "Hôm nào chú cũng nghĩ đi nghĩ *nại* chuyện đó. Cứ y như *nà* vẫn nhìn thấy mặt mẹ cháu trong đầu, hiểu không, *núc* mẹ cháu chui vào xe ấy? Vẫy tay cười vui tươi như một chú chim."

Chú ghé lại gần tôi, thì thầm. "Rồi *núc* nghe tin chị ấy mất *dồi*" Chú nói như đang thổ lộ một bí mật lớn. "Chú gọi điện cho vợ cũ, chú não cả ruột đến mức ấy đấy." Chú đứng thẳng lên, nhướng mày nhìn tôi, như thể sợ tôi không tin. Những cuộc tranh đấu giữa chú Vàng và bà vợ đã đi vào truyền thuyết.

"Hiểu không, chú với mụ ta còn chả mấy khi nói chuyện nữa." chú tiếp, "nhưng chú còn biết kể với ai? Phải có ai để kể chứ, hiểu không?.Thế *nà* chú gọi cho mụ, bảo, 'Rosa, cô không tin nổi đâu, chúng tôi vừa mất đi một quý cô tuyệt đẹp ở nhà này..."

Jose chớp thấy tôi, đã bước từ cửa lại tham gia vào câu chuyện,

vẫn cái dáng đi hơi nhún nhảy đặc trưng. “Bà Decker.” chú nói và lắc đầu hồi tưởng, cứ như chưa có ai trên đời như mẹ cả. “Lúc nào cũng chào hỏi, lúc nào cũng mỉm cười tươi rói. Chu đáo lắm, cháu biết không.”

“Chả như nhiều người khác ở cái nhà này.” chú Vàng nói và liếc ra đằng sau. “Nói cháu biết nhá…” chú cúi lại gần, chỉ mấp máy miệng - “chảnh *nắm*. Cái *noại* người cứ đứng ì ra, có phải tay cầm gói bọc gì đâu, thế mà cũng đợi người ta mở cửa cho, thế đấy.”

“Bà ấy thì chả như thế đâu.” Jose nói, vẫn đang lắc đầu - lắc dài từ bên này sang bên kia, như một đứa trẻ rất nghiêm nghị đang làm dấu không đồng ý. “Bà Decker đúng là nhất hạng.”

“Này, cháu chờ một tí nhá?” Chú Vàng nói và giơ tay. “Chú quay *nại niền*. Đừng đi. Đừng để cậu ấy đi.” chú bảo Jose.

“Cháu muốn gọi xe không, *manito*?” Chú Jose hỏi khi thấy cái vali trong tay tôi.

“Không ạ.” tôi nhìn trở lại chỗ thang máy. “Chú Jose này, chú giữ hộ cháu cái. này tới khi nào cháu quay lại lấy nhé?”

“Được thôi.” chú đáp, nhấc lên vác vai. “Rất vui lòng.”

“Cháu sẽ tự mình quay lại, thế nhé? Đừng đưa cho ai khác cả.”

“Ừ, chú hiểu rồi.” Jose khoan khoái đáp. Tôi theo chú vào phòng giữ đồ, chú đeo nhãn rồi đẩy nó lên ngăn cao nhất.

“Thấy chưa?” Chú nói. “Khuất mắt luôn nhé. Trên đó không để gì ngoài vài món mọi người sẽ phải ký nhận, với cả đồ riêng tư của bọn chú. Sẽ không ai nhả cái túi đó ra mà không được cháu đích thân ký nhận cả, hiểu chứ? Chú của cháu, em họ cháu, đều không. Chú sẽ bảo Carlos, chú Vàng với những người khác, đừng đưa túi ấy cho ai ngoài cháu. Chịu không?”

Tôi gật gù định cảm ơn thi Jose hắng giọng. “Nghe này.” chú nói, hạ thấp giọng, “chú không muốn làm cháu lo lắng gì đâu, nhưng dạo này có vài kẻ đến đây hỏi bố cháu đấy.”

“Vài kẻ ạ?” Tôi hỏi, sau một quãng lặng rời rạc. “Vài kẻ”, từ miệng Jose, chỉ có thể nghĩa là: những kẻ bố tôi nợ tiền.

“Đừng lo. Các chú không nói gì đâu. Mà, bố cháu đi cả năm rồi còn gì? Carlos bảo cả nhà cháu không ai sống ở đây nữa và chưa ai về. Nhưng mà…” chú lại liếc ra thang máy - “bố cháu, có lẽ không nên ở lâu trong nhà bây giờ, hiểu ý chú không?”

Tôi đang cảm ơn chú thì chú Vàng quay lại, cầm theo trong tay một bó tiền khổng lồ. “Của cháu này.” chú nói hơi có vẻ khoa trương quá mức.

Trong một lúc tôi nghĩ mình nghe nhầm. Jose ho, nhìn đi chỗ khác. Trên màn hình tivi đen trắng tí xíu trong phòng giữ đồ (không to hơn vỏ đĩa CD), một người đàn bà ăn vận diêm dúa với đôi khuyên tai dài lủng lẳng đang giơ nắm đấm và chửi bới một ông thầy tu co rúm bằng tiếng Tây Ban Nha.

“Gì vậy ạ?” Tôi hỏi chú Vàng vẫn đang chìa tiền ra.

“Mẹ cháu không bảo gì à?”

Tôi ngơ ngác. “Bảo gì cơ ạ?”

Tình hình có vẻ là - một ngày ngay trước Giáng sinh - chú Vàng từng đặt mua máy tính đến nhà này. Đấy là cho con trai chú, để nó học bài ở trường, nhưng (về phần này chú Vàng có vẻ mập mờ) chú chưa hẳn đã thanh toán, hay mới thanh toán một phần, hay lẽ ra là bà vợ cũ phải thanh toán thay chú. Dù sao thì mấy người giao hàng cũng đã định lôi cái máy ra cửa chất lại lên xe, thì mẹ tình cờ xuống đến nơi biết chuyên.

“Thế *nà* chị ấy *nấy* tiền túi ra trả, cái bà xinh đẹp ấy.” chú Vàng nói. “*Núc* hiểu có chuyện gì *dồi*, chị ấy mở túi *nấy* sổ séc *nuôn*. Chị ấy còn bảo, ‘Vàng, tôi biết con anh cần có máy tính mới học bài được. Cho phép tôi giúp anh việc này nhé, bạn thân mến, khi nào có anh trả lại tôi *nà* được mà.’”

“Cháu thấy không?” Jose bất chợt dữ tợn hỏi, rời mắt khỏi cái tivi nơi bà kia giờ đứng giữa nghĩa trang, cãi cọ với một tay có dáng đại gia đeo kính mát. “Làm thế thật là điển hình cho mẹ cháu.” Chú hất cằm về phía cọc tiền, vẻ gần như gây sự. “*Sí, es verdad*[60], nhất hạng luôn. Bà ấy quan tâm đến mọi người, hiểu không? Phần lớn những người khác ấy à? Bỏ tiền vào hoa tai vàng, nước hoa hay thứ gì đó cho bản thân, kiểu vậy.”

Tôi thấy rất kỳ nếu nhận món tiền, vì hàng trăm lý do khác nhau. Dù đang bàng hoàng cả người nhưng câu chuyện này vẫn có gì đó không ổn (cửa hàng nào mà lại giao hàng chưa trả tiền?). Sau này tôi nghĩ: hay trông tôi có vẻ tiều tụy lắm, đến nỗi mấy chú bảo vệ đã quyên tiền giúp tôi? Đến giờ tôi vẫn không biết tiền ấy từ đâu ra, và ước giá mà mình đã gặng hỏi kỹ hơn, nhưng khi đó tôi còn đang choáng váng vì mọi điều đã xảy ra ngày hôm ấy (trên hết là vì cú trên trời rơi xuống của cha tôi cùng Xandra) đến nỗi nếu chú Vàng có chặn đường, tìm cách nhét cho tôi một mẩu bã kẹo cao su bóc từ dưới sàn lên, tôi cũng sẽ giơ tay nhận ngoan ngoãn như vậy.

“Tất nhiên không phải việc của chú.” Jose nói, ngó qua đầu tôi, “nhưng nếu là mình, chú sẽ không khoe với ai chỗ tiền ấy đâu. Cháu hiểu chứ?”

“Ừ, nhét vào túi ấy.” chú Vàng nói. “Đừng có cầm đi vung vẩy. Khối người ngoài đường sẵn sàng giết cháu vì chỗ tiền ấy đấy.”

“Khối người trong nhà này ấy chứ!” Chú Jose nói và chợt cười ngặt nghẽo.

“Hà!” Chú Vàng bật cười theo, rồi nói gì đó bằng tiếng Tây Ban Nha tôi không hiểu.

“*Cuidado*[61]” Jose nói và lắc lư cái đầu theo lối vờ nhạo báng mọi khi, nhưng cũng không nén nổi nụ cười. “Đấy là lý do người ta không cho chú với Vàng làm chung một tầng đấy.” chú quay sang tôi, “Phải tách cả hai ra suốt. Vì bọn chú ăn rơ quá đi.”

xix.

TỪ LÚC BỐ TÔI VỚI XANDRA xuất hiện, mọi thứ cứ vèo vèo như gió. Trong bữa tối hôm ấy (ở một quán dành cho du khách mà tôi rất ngạc nhiên là bố chọn), bố nói chuyện điện thoại bên bàn ăn, ai đó ở công ty bảo hiểm của mẹ - và sau từng ấy năm tôi vẫn ước giá mình đã nghe được rõ hơn. Nhưng nhà hàng rất ồn, cón Xandra thì luôn miệng (ấy là khi nào rảnh miệng không nốc vang trắng - có thể *bố tôi* đã bỏ uống rồi nhưng cô ta thì không hề) hoặc phàn nàn vì không được hút thuốc, hoặc bảo tôi, có phần lơ đãng, mình từng tập làm phép phù thủy nhờ quyển sách mượn ở thư viện hồi trung học, đâu đó tại Fort Lauderdale. (“Chính xác thì gọi là Wicca. Đấy là một tín ngưỡng thờ đất.”) Nếu là ai khác chắc tôi đã hỏi cho rõ, đích xác thì làm phù thủy cần những gì (Thần chú? Hiến sinh? Bán linh hồn cho quỷ?) nhưng trước khi kịp hỏi thì cô ta đã nhảy qua kể chuyện từng có cơ hội học đại học và nay tiếc rẻ vì không đi (“để nói cho cháu biết tôi thích cái gì. Lịch sử Anh, vân vân. Henry đệ bát, Mary nữ hoàng Scotland”). Nhưng cuối cùng cô ta lỡ dịp đi học, chỉ vì quá mê mệt một gã. “*Mê mệt*” cô ta dài giọng, quắc mắt nhìn tôi bằng

đôi mắt không màu.

Vì sao mê mệt gã đó lại dẫn đến việc Xandra không đi học được thì tôi chẳng bao giờ biết, vì bố tôi đã tắt máy. Ông liền gọi một chai sâm-panh (khiến tim tôi nhảy lên một cái).

“Em không uống hết cái thứ quái quỷ này được.” Xandra ca cẩm, lúc này cô ta đã sang ly vang thứ hai. “Sẽ đau đầu mất.”

“Ờ, vì anh không uống được sâm-panh, nên tốt hơn là em dùng một chút.” bố tôi nói và ngả người ra ghế.

Xandra hất đầu về phía tôi. “Cho nó uống đi.” cô ta nói..“Bồi, thêm một ly.”

“Xin lỗi ông bà!” người phục vụ nói, một ông người Ý có vẻ cứng, trông như đã quen với các vị du khách quá trớn. “Ở đây không phục vụ đồ uống có cồn cho khách dưới mười tám.”

Xandra bắt đầu lục lọi trong ví. Cô ta đang mặc đầm yếm màu nâu, đánh phấn hồng hay phấn đồng hay thứ phấn gì đó màu nâu nâu dưới gò má quệt thành một đường đậm tới mức tôi chỉ muốn thò ngón tay ra lau nó đi.

“Đi ra ngoài hút một miếng thôi.” cô ta bảo bố tôi. Một phút lâu họ trao đổi nhau cái cười đồng lõa khiến tôi nổi da gà. Rồi Xandra đẩy ghế - đánh rơi chiếc khăn xuống ghế - và nhìn quanh tìm người phục vụ. “Tốt quá, hắn ta đi rồi.” cô ta nói và thò tay lấy cốc nước (đã gần) cạn của tôi, dốc ít sâm-panh vào.

Thức ăn đã bưng lên, tôi đã kịp lén rót cho mình một cốc khá lớn nữa trước khi họ quay lại. “Ngon!” Xandra la lên, trông đã hơi lờ đờ nhưng cũng tươi rói, kéo vạt váy ngắn tũn xuống, lách người luồn vào chỗ ngồi mà không buồn kéo hẳn ghế ra. Cô ta lại phất cái khăn trải lên lòng, kéo đĩa mì ống sốt cà manicotti đại tướng đỏ choét về phía mình. “Trông cũng ra trò đấy!”

“Đây cũng thế.” bố tôi nói, dù ông vốn rất kén đồ Ý và vẫn thường xuyên càu nhàu về những đĩa mì bỏ quá tay cà chua, tưới đẫm marinara y như đĩa trước mặt ông bây giờ.

Khi lao vào chiến đấu với đồ ăn (chắc đã nguội ngắt, họ đi lâu thế cơ mà), hai người đó tiếp tục câu chuyện dang dở. “Ừ, dù sao cũng không nên cơm cháo gì.” ông ngả người ra sau ghế và nghịch ngợm điếu thuốc mãi không châm được. “Thường vẫn thế đấy.”

“Em cá là anh siêu lắm.”

Ông nhún vai. “Kể cả hồi trẻ.” ông nói, “thì vẫn là một ván khó nhằn. Vấn đề không chỉ ở tài năng. Phần lớn còn ở cái mặt cái mày và may mắn nữa.”

“Vẫn thế thôi.” Xandra nói và chấm chấm khóe môi bằng đầu ngón tay quấn khăn ăn. “Diễn viên cơ đấy. Em tưởng tượng được ngay.” Nghiệp diễn viên chết yểu của bố tôi là một trong những chủ để yêu thích của ông, và dù cô ta có tỏ ra hứng thú, tôi có cảm giác đây cũng chẳng phải lần đầu tiên cô nghe bài ca này.

“À, anh có ước mình chưa từng bỏ cuộc không ư?” Bố tôi ngắm nghía chai bia không cồn (hay là ba phần trăm cồn? Từ chỗ tôi ngồi không nhìn thấy). “Phải nói là có. Đấy thuộc về những điều người ta nuối tiếc một đời. Anh sẽ mừng nếu được dùng tài năng của mình làm nên gì đó, nhưng đâu được cái sung sướng ấy. Đời ưa ngáng đường một cách nhố nhăng làm sao.”

Cả hai đều đang chìm đắm trong thế giới riêng; xét theo sự chú ý họ dành cho tôi thì tôi có đang ở Idaho cũng vậy, nhưng không sao, tôi đã thuộc làu câu chuyện này. Bố tôi là ngôi sao sáng ở trường, và có hồi đã kiếm sống được bằng nghề diễn: lồng tiếng cho phim quảng cáo, làm vài vai lặt vặt (kẻ tay chơi bị giết hay

đứa con hoang tàng của trùm xã hội đen) trên truyền hình hoặc điện ảnh. Rồi, sau khi lấy mẹ, không hiểu sao ông cứ thế xẹp đi. Ông có cả một bảng lý do vì sao ông không vượt vũ môn được, dù thỉnh thoảng tôi cũng nghe ông nói: nếu mẹ làm mẫu thành công hơn, hoặc cố gắng hơn, ông đã có điều kiện tập trung vào diễn xuất mà không phải lo đi làm kiếm tiền.

Bố tôi gạt đĩa đi. Tôi thấy ông cũng không ăn mấy; thường thì với bố, đấy là dấu hiệu ông đang uống rượu hoặc chuẩn bị uống.

“Đến một lúc, anh đành cắt lỗ và thoát ra thôi.” ông nói, vò cái khăn rồi ném lên bàn. Không biết ông đã từng kể cho Xandra nghe về Mickey Rourke chưa; cùng với mẹ và tôi, đấy là vai phản diện chính trong bộ ba đã làm sự nghiệp ông trật đường rầy.

Xandra uống một ngụm vang lớn. “Anh có bao giờ tính chuyện quay lại không?”

“Anh có nghĩ chuyện đó, hẳn nhiên rồi. Nhưng...” - ông lắc đầu, như khước từ một đề nghị quá quắt - “không. Cơ bản là không.”

Vị sâm-panh se se trên vòm miệng tôi - những tia lửa xa xôi, mờ khói, đóng chai từ một năm sung sướng hơn, khi mẹ tôi còn trên đời.

“Anh thế đấy, ngay từ *giây* ông ta nhìn thấy, anh đã biết ông ta không ưa mình.” bố tôi đang lặng lẽ nói. Vậy là ông đã kể về Mickey Rourke rồi.

Cô hất đầu nốc cạn ly vang. “Mấy cha kiểu đó không chịu nổi có địch thủ.”

“Lúc nào cũng Mickey thế này, Mickey thế kia, Mickey muốn gặp anh, nhưng ngay phút bước vào đó anh biết là xong hẳn rồi.”

“Rõ ràng là cha đó bị khùng.”

“Hồi đó thì không đâu. Vì nói thật với em, hồi ấy phải công nhận là rất giống - không chỉ vẻ bề ngoài đâu, nhưng cả phong cách diễn của bọn anh cũng giống nhau. Hay cứ nói là, anh được đào tạo theo lối cổ điển, anh có phổ giọng tốt, nhưng anh cũng biết làm kiểu thì thầm như Mickey, em hiểu đấy, khẽ khàng như thì thào…”

“Ôi anh làm em rùng mình đấy. Thì thào. Đúng y như cách anh vừa nói câu đấy.”

“Ừ, nhưng Mickey mới là ngôi sao. Rừng không có chỗ cho hai hổ.”

Trong lúc xem họ ăn chung miếng bánh kem phô mai như đôi tình nhân trong quảng cáo, tôi chìm vào một cơn mơ tưởng phóng túng đỏ lựng không quen thuộc, phòng ăn đèn sáng quá, mặt tôi đang nóng bừng vì rượu, trong đầu chạy qua những ý nghĩ rời rạc lộn xộn nhưng hừng hực, về mẹ sau khi ông bà mất khiến mẹ phải đến ở với dì Bess trong ngôi nhà bên đường ray, giấy dán tường nâu và đồ đạc cái nào cũng bọc ni-lông. Dì Bess rán mọi thứ bằng dầu thực vật và từng lấy kéo cắt vụn một cái váy của mẹ, vì hoa văn điên loạn trên váy khiến dì nhức óc. Đấy là một bà cô không chồng mập ú, cay nghiệt, gốc Ireland, đã đổi tín ngưỡng Công giáo lấy một giáo phái nhỏ tí hâm dở nào đó cho rằng không có gì tội lỗi cho bằng uống trà hay dùng thuốc cảm. Mắt bà, trong tầm ảnh duy nhất tôi thấy, cũng màu xanh bạc giật mình như mẹ, nhưng có viền mắt hồng, ánh mắt điên dại, giữa cái mặt bẹt như củ khoai. Mẹ đã miêu tả mười tám tháng sống với dì Bess là mười tám tháng u sầu nhất đời mẹ: ngựa đã bán, chó đã cho, những lời giã biệt sướt mướt đã thốt lên bên vệ đường, tay choàng quanh cổ những Cỏ Ba Lá, Bàn Cờ, Thuốc Vẽ và Bruno. Khi

ở nhà, dì Bess bảo mẹ được yêu chiều đến hỏng người, và kẻ nào không kính Chúa bao giờ cũng lãnh hậu quả đáng tội.

"Còn tay sản xuất nữa, em hiểu không - ai cũng biết Mickey là kẻ thế nào, từng người đều biết, khi ấy hắn ta đã bắt đầu nổi danh là khó chiều..."

"Mẹ không đáng phải chịu thế này." tôi bật nói to cắt đứt câu chuyện giữa họ.

Bố và Xandra dừng nói chuyện, quay ra nhìn như thể tôi vừa biến thành con kỳ đà Gila.

"Tại sao mọi người cứ nói như thế?" Tôi nói thành tiếng như thế là không phải, nhưng lời lẽ cứ thế tuôn ra như có ai đó bấm nút. "Mẹ tuyệt vời đến vậy tại sao ai cũng đối xấu với mẹ như thế? Mẹ chẳng đáng phải chịu bất kỳ thứ gì xảy đến với mẹ cả."

Bố tôi và Xandra nhìn nhau. Rồi ông ra hiệu gọi thanh toán.

xx.

ĐẾN LÚC CHÚNG TÔI ra khỏi quán, mặt tôi đã đỏ phừng phừng còn tai thì réo ầm ầm, về đến nhà Barbour cũng chưa thể coi là muộn lắm nhưng tôi đã vấp phải giá để ô và gây ầm ĩ trên đường đi vào, khi bà Barbour cùng ông chồng thấy tôi, tôi hiểu ra (nhờ vẻ mặt họ chứ không phải nhờ cảm giác trong người) rằng mình đã say mèm.

Ông Barbour giơ điều khiển tắt tivi. "Cháu đi đâu về đấy?" Ông hỏi bằng giọng nghiêm khắc nhưng ân cần.

Tôi quờ tay tìm lưng ghế xô pha. "Đi với bố và..." Nhưng cái tên đã tuột khỏi đầu tôi, chỉ còn ,mỗi chữ X.

Bà Barbour nhướn mày nhìn ông chồng như muốn bảo: *đã nói*

rồi mà.

"Ừ, thế cứ đi tiếp về giường đi, cậu bé." ông Barbour hớn hở nói và giọng ông, bất chấp mọi thứ, vẫn khiến tôi ấm lòng hơn một chút về cuộc đời. "Nhưng cố đừng làm Andy tỉnh nhé."

"Cháu không buồn nôn chứ?" Bà Barbour hỏi.

"Không ạ." tôi đáp, dù thực ra là có, và gần hết đêm tôi mở mắt trừng trừng trên tầng giường trên, khổ sở, vật vã, căn phòng quay mòng mòng xung quanh, và hai ba lần còn giật mình nhỏm dậy, tim đập thình thịch, vì hình như Xandra vừa đi vào phòng cất tiếng nói với tôi: lời lẽ không nghe rõ, nhưng cái nhịp điệu lắp bắp khào khào thì không lẫn vào đâu được.

xxi.

"THẾ LÀ..." ÔNG BARBOUR nói trong bữa sáng hôm sau, đập tay lên một bên vai tôi khi kéo ghế ngồi xuống bên cạnh, "một bữa tiệc mừng với ông cụ nhà, hả?"

"Dạ vâng." Đầu tôi nhức như búa bổ, mùi bánh mì nướng Pháp làm dạ dày quặn lên. Etta đã kín đáo mang một tách cà phê từ bếp ra cho tôi, đặt thêm hai viên aspirin trên đĩa.

"Ở tận Las Vegas, cháu bảo thế à?"

"Vâng."

"Thế ông kiếm cơm cách nào?"

"Là sao ạ?"

"Ông ấy dùng thời gian làm gì ở đằng ấy?"

"Chance." bà Barbour nói, giọng vẫn bình thường.

“À, ý bác... bác định nói là...” ông Barbour nhận thấy có lẽ câu hỏi đã được phát ra không lịch thiệp cho lắm, “bố cháu thuộc ngành nghề gì?”

“Ừm...” Tôi đáp - rồi ngưng bặt. Bố làm gì nhỉ? Tôi chẳng biết tí nào.

Bà Barbour dường như không ưa câu chuyện phát triển theo hướng này, mở miệng định nói gì đó, nhưng Platt ngồi cạnh tôi đã cáu kỉnh quát lên. “Thế tôi phải liếm chân ai để được rót cà phê ở cái chốn này hả?” Anh ta nói với bà mẹ và ngồi lùi vào ghế, một tay đẩy vào bàn.

Im lặng dáng sợ.

“*Nó* thì có.” Platt hất đầu về phía tôi. “Nó thì mò về nhà say khướt, mà *nó* lại có cà phê?”

Lại một quãng im lặng đáng sợ, rồi ông Barbour nói - bằng giọng băng giá đến mức bà Barbour cũng phải chào thua: “Thế là đủ rồi, Pard.”

Bà Barbour nhíu cặp mày nhạt. “Chance...”

“Không, lần này em không đỡ cho nó được đâu. Về phòng đi.” ông nói với Platt. “Ngay.”

Tất cả chúng tôi đều cắm mắt xuống đĩa, nghe tiếng bước chân thùm thụp giận dữ đi về phòng Platt, tiếng cửa sập đánh uỳnh, rồi vài giây sau, tiếng nhạc lại ầm ầm nổi lên. Từ đó đến hết bữa hầu như không ai nói gì nữa.

xxii.

BỐ TÔI VỚI THÓI QUEN làm gì cũng vội vã, lúc nào cũng ngứa

ngáy muốn “lưu diễn thôi” theo cách nói của ông, tuyên bố rằng ông dự định thu xếp hết mọi thứ ở New York và dọn chúng tôi về Las Vegas trong vòng một tuần. Và ông giữ đúng lời hứa. Tám giờ sáng hôm thứ Hai ấy, thợ dọn nhà đã đến Sutton Place bắt đầu dỡ tung căn hộ, xếp vào từng chồng hộp. Một người buôn sách cũ qua xem xét số sách mỹ thuật của mẹ, một người khác đến xem đồ gỗ, và tôi chưa kịp định thần thì đã thấy căn nhà của chính mình biến mất ngay trước mắt với tốc độ kinh hồn. Nhìn rèm cửa biến mất, tranh ảnh bị gỡ xuống, thảm bị bóc ra cuốn lại mang đi, tôi nghĩ đến một bộ phim hoạt hình từng xem trong đó một nhân vật cầm tẩy, tẩy dần cả bàn rồi đèn rồi ghế rồi cửa sổ nhìn ra phong cảnh đẹp và toàn bộ văn phòng được cấp rất tiện nghi của hắn, đến khi, cuối cùng, chỉ còn cái tẩy lơ lửng giữa một biển trắng rợn người.

Khổ sở vì những gì đang diễn ra nhưng lại bất lực không ngăn chặn được, tôi lượn lờ khắp nơi, nhìn căn hộ biến mất từng mảnh một, như con ong nhìn cái tổ bị đập nát. Trên tường phía trên bàn mẹ (giữa hàng đống ảnh đi nghỉ mát và ảnh bạn học cũ) là một tấm ảnh đen trắng từ hồi mẹ làm mẫu ở Công viên Trung tâm. Ảnh in rất nét, từng chi tiết nhỏ nhất đều nổi bật rõ rệt đến đau đớn: những vết tàn nhang, chất vải cứng ráp trên áo khoác, vết sẹo do thủy đậu ngay trên lông mày trái. Hớn hở, mẹ nhìn xuống cảnh ngổn ngang hoang tàn trong phòng khách, nhìn bố vứt hết giấy vẽ, màu vẽ và đóng hộp sách của mẹ gửi đi Goodwill, một cảnh chắc mẹ chưa đời nào mường tượng tới, hoặc ít ra tôi hy vọng là chưa.

xxiii.

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG ở nhà Barbour trôi qua chóng mặt

khiến tôi hầu như không nhớ được gì, ngoại trừ một cuộc rối rít giặt là sát giờ, cùng vài chuyến đi rối tung rối mù đến hàng rượu trong khách sạn Lex để kiếm thùng các-tông. Dùng bút dạ đen, tôi viết lên đó địa chỉ nhà mới nghe thật xa lạ:

Theodore Decker, gửi qua Xandra Terrett

6219 Phố Cuối Sa mạc

Las Vegas, NV

Ủ dột, Andy và tôi đứng ngắm, số hộp đã đề tên trong phòng ngủ cậu ta. "Cứ y như cậu đang chuyển tới một hành tinh khác ấy." cậu ta nói.

"Gần như vậy."

"Không, tớ nói thật đấy. Cái địa chỉ kia. Nghe cứ như một khu định cư khai mỏ nào đó trên sao Thiên Vương. Không hiểu trường cậu ở đấy sẽ ra làm sao."

"Chúa biết được."

"Nghĩ xem - có thể đấy là mấy nơi mà ta vẫn đọc trên báo ấy. Có băng đảng xã hội đen. Máy dò kim loại." Andy đã bị ngược đãi đến nơi đến chốn ở cái trường vẫn được coi là tiến bộ văn minh của chúng tôi, đến nỗi trường công trong hình dung của cận ta cũng không khác gì nhà ngục. "Cậu sẽ làm gì?"

"Chắc là cạo đầu. Xăm mấy hình nữa." Tôi thích cậu ta ở điểm không cố tỏ ra hào hứng vui vẻ với vụ chuyển nhà này, trái với bà Swanson hay gã Dave (rõ là đang nhẹ mình vì thoát khỏi nguy cơ đàm phán với ông bà tôi). Những người khác ở căn hộ Đại lộ Công viên hầu như không nhắc đến chuyện tôi sắp đi, nhưng tôi biết qua vẻ mặt cố kiềm chế của bà Barbour mỗi lần nhắc đến đề tài bố tôi và "cô bạn" ông, rằng cũng không phải tôi tưởng tượng ra mọi

chuyện. Hơn nữa, cũng không phải tương lai bên bố và Xandra có vẻ xấu hay kinh khiếp, mà chỉ là hoàn toàn không tưởng tượng nổi, một vệt mực đen ở đường chân trời.

xxiv.

"Ừ, THAY ĐỔI KHUNG CẢNH có thể tốt cho cháu." Hobie nói khi tôi xuống thăm ông lần cuối trước khi đi. "Dù đấy không phải khung cảnh do cháu chọn." Chúng tôi đang ăn tối trong phòng ăn cho đổi gió, ngồi bên nhau ở đầu kia cái bàn đủ dài cho mười hai người, những bình rót nước bạc và đồ trang trí bàn bằng bạc chạy hút về bóng tối sung túc. Nhưng không hiểu sao cảm giác vẫn như đêm cuối trong căn hộ cũ trên Đại lộ 7, khi bố mẹ và tôi ngồi trên những thùng các-tông ăn đồ Trung Hoa mua về.

Tôi không nói gì. Tôi đang rất khổ sở, và bởi đã quyết chí cắn răng chịu đựng nên tôi càng không cách nào thổ lộ. Suốt trong tuần phập phồng lo lắng vừa qua, trong khi căn hộ bị lột trần còn đồ đạc của mẹ bị xếp lại, bỏ hộp, chở đi chờ bán, tôi đã thèm được về lại bóng tối và sự tĩnh lặng trong nhà Hobie, những căn phòng kín đồ đạc và cái mùi gỗ cũ, lá trà và khói thuốc, những tô to đựng cam trong tủ búp phê và nến dài sáp đọng thành từng ngấn.

"Ý bác là, chuyện mẹ cháu như vậy..." Ông ý tứ bỏ lửng. "Đây sẽ là một khởi đầu mới."

Tôi ngắm cái đĩa. Hôm nay ông làm cà ri cừu, nước sốt màu chanh có vị Pháp hơn là Ấn.

"Cháu không sợ chứ?"

Tôi nhìn lên. "Sợ gì cơ ạ?"

"Sợ phải sống cùng ông ấy."

Tôi nghĩ một lúc, thả mắt vào bóng tối sau đầu ông. “Không.” tôi đáp, “không hẳn.” Vì lý do nào đó mà từ hồi trở lại, bố tôi có vẻ thoải mái hơn, thanh thản hơn. Tôi không thể nghĩ đấy là do ông ngừng uống, vì thông thường khi kiêng cữ bố tôi sẽ câm như hến, nhìn như phồng lên vì khổ sở, chỉ chực quát um khiến tôi lúc nào cũng cẩn thận đứng ngoài khoảng với tay.

“Cháu đã kể với ai điều cháu kể với bác chưa?”

“Điều gì ạ?”

Xấu hổ, tôi chúi mặt xuống ăn một miếng cà ri. Thực ra là khá ngon, một khi quen được với việc đấy không phải là cà ri.

“Cháu nghĩ ông ấy không uống nữa đầu.” tôi nói trong quãng lặng sau đó. “Nếu ý bác là thế? Ông ấy có vẻ đỡ hơn. Nên là...” Tôi ngập ngừng bỏ lửng. “Vâng.”

“Cháu có thích bạn gái ông ấy không?”

Cái đó tôi cũng phải nghĩ một lúc. “Cháu không biết.” tôi thú nhận.

Hobie im lặng thân tình, đưa tay lấy ly vang mà không rời mắt khỏi tôi.

“Vì, cháu chưa biết rõ cô ấy? Chắc cô ấy cũng ổn. Chỉ là cháu không hiểu bố cháu thích vì lẽ gì.”

“Tại sao không?”

“À... ” Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu. Bố tôi biết cách rất ngọt ngào với “các bà” như ông gọi, nào mở cửa, nào khẽ chạm vào cổ tay họ khi cần nhấn mạnh điều gì; tôi đã thấy nhiều người sốt lên vì ông, một vở hề mà tôi lạnh lùng quan sát, không hiểu sao có ai lại bị lừa vì trò diễn nhìn xuyên thấu được ấy. Cứ như nhìn lũ trẻ con mê mụ trước một màn ảo thuật rẻ tiền. “Cháu

không biết. Chắc là cháu tưởng cũng phải đẹp hơn hay thế nào đó."

"Xinh đẹp không quan trọng, nếu cô ấy tốt." Hobie nói.

"Vâng, nhưng có vẻ cô ấy cũng không tốt đến mức ấy."

"À..." Rồi: "Thế họ có vui vẻ khi ở với nhau không?"

"Cháu không biết. À... có." tôi thừa nhận. "Như là, ông ấy không phải lúc nào cũng phát điên lên như trước nữa?" Rồi nhận ra sức nặng của câu hỏi không lời Hobie đè lên mình. "Với lại, ông ấy đến đây đón cháu. Ý cháu là, cũng đâu bắt buộc. Họ có thể lặn đi luôn nếu không muốn có cháu."

Chúng tôi không nhắc đến chủ đề đó nữa, và kết thúc bữa tôi trong những câu chuyện khác. Nhưng khi tôi sắp đi, trong lúc bước qua hành lang giữa hai dãy ảnh trên tường, qua phòng Pippa có ngọn đèn đêm vẫn thắp, Cosmo ngủ dưới chân giường cô, bỗng ông nói khi mở cửa cho tôi: "Theo này.

"Dạ?"

"Cháu biết địa chỉ và điện thoại của bác rồi nhé."

"Vâng."

"Được rồi." Ông cũng có vẻ lúng túng chẳng thua gì tôi. "Bác chúc cháu lên đường may mắn. Giữ gìn nhé?'

"Bác cũng thế." tôi nói. Cả hai nhìn nhau.

"Ừm."

"Ừm, thế thôi ạ. Cháu chào bác."

Ông đấy cửa, và tôi rời khỏi căn nhà - vĩnh viễn, tôi đã nghĩ vậy. Nhưng dù không nghĩ có khi nào gặp lại ông nữa hay không, tôi đã nhầm.

PHẦN 2

Khi chúng ta hùng mạnh - Ai là kẻ thoái lui?

Ta cuồng hóng - Ai khiến người cười cợt?

Khi chúng ta hằn học - Họ có thể làm gì ta ?[62]

— ARTHUR RIMBAUD —

http://tieulun.hopto.org

05
Badr al-Dine

i.

DÙ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH cứ để vali trong phòng giữ đồ nhà cũ, Jose và chú Vàng nhất định sẽ trông nom, nhưng tôi vẫn càng lúc càng âu lo khi ngày chuyển nhà tới gần, và cuối cùng ngay trước lúc đi, tôi quyết định quay lại vì một lý do mà giờ nghĩ lại khá ngớ ngẩn: trong lúc vội vàng tìm cách sơ tán bức tranh khỏi căn hộ, tôi đã vứt cả một đống thứ linh tinh vào cái túi đựng tranh, hầu hết quần áo mùa hè đều ở trong đó. Vậy là, một ngày trước hôm bố hẹn tới nhà Barbour đón, tôi hối hả lộn về Phố 57 toan mở vali, lôi ra một hai cái áo đẹp bỏ trên cùng.

Jose không có ở đó, chỉ có một người mới vai bè bè (biển tên viết Marco V) ra trước mặt tôi, chặn đường bằng dáng vẻ đồ sộ và ương ngạnh, ít giống người bảo vệ mà giống nhân viên an ninh hơn. “Tôi giúp gì được cậu?”

Tôi giải thích vụ cái vali. Nhưng sau khi tham cứu quyển sổ, ngón tay mập ú dò theo cột ngày tháng, anh ta chả tỏ vẻ gì là sắp đi vào lấy trên giá xuống cho tôi. “Sao cậu bỏ lại đây chớ?” Anh ta ngờ vực nói, gãi gãi mũi.

“Jose nói cháu bỏ được mà.”

“Cậu có biên nhận chớ?”

"Không,” tôi nói sau một lúc ngơ ngác.

http://tieulun.hopto.org

"À. Tôi không giúp cậu được. không có ai ghi lại. Mới lại, chúng tôi không giữ đồ cho người ngoài."

Tôi đã sống ở đây quá lâu để biết rằng không phải thế, nhưng không định tranh luận vụ này. “Nghe này, cháu từng sống ở đây. Cháu quen chú Vàng với Carlos với mọi người nữa. Kìa, giúp cháu đi," tôi nói sau một hồi lâu im lặng lạnh tanh và anh ta có vẻ đã nghĩ sang chuyện khác. “Chú chỉ cần cho cháu vào đấy, cháu chỉ cho ngay mà.”

"Rất tiếc. Chỉ có nhân viên và người sống ở đây được vào trong thôi.”

“Vali bằng vải tay cầm thắt nơ. Có ghi cả tên cháu nữa, thấy không? Decker?” Tôi đang chỉ cái nhãn tên vẫn còn trên hộp thư cũ làm bằng chứng, thì chú Vàng đã hết giờ nghỉ rảo bước vào.

“Ai chà! xem ai *nại* về đây! Chú nhóc này *nà* cháu tớ,” chú nói với Marco V “Tớ quen từ hồi chú *nùn* một mẩu thế này này. *Nâu* nay cháu ra sao rồi Theo?”

“Không sao ạ. Ờ... bọn cháu sắp rời thành phố.”

“Ai dà? Đã đi Vegas *dồi* à?” chú Vàng nói. Nghe giọng chú, có bàn tay chủ đặt trên vai tôi, mọi việc đều trở nên dễ dàng, đơn giản. “Sống ở đó kỳ lắm, phải không hả?”

“Cháu nghĩ thế,” tôi băn khoăn đáp. Ai cũng bảo tôi đến Vegas sẽ gặp lắm chuyện quái dị lắm, dù tôi chẳng hiểu vì sao, đâu có phải tôi sẽ lê la sòng bạc hay hộp đêm chứ.

“Cháu *nghĩ thế* à?” Chú Vàng đảo mắt, lắc đầu, nhè miệng, một kiểu mẹ rất thích bắt chước khi cao hứng muốn đùa cợt. “Ối chà, nói cháu biết nhá. Cái thành phố đó? Mấy công đoàn của nó... nói cháu nghe, *nàm* nhà hàng khách sạn ấy... kiếm tiền dễ cực, quay

đâu cũng ra tiền. Thời tiết nữa? Nắng ra nắng, quanh năm *nuôn*. Ở đó cháu sẽ thích mê tơi *nà* chắc. Cháu nói bao giờ thì đi hả?"

"Ừm, hôm nay. À, tức là mai ạ. Thế nên cháu muốn..."

"À, cháu đến *nấy* túi hả? Tất nhiên rồi" Chú Vàng gắt gỏng gì đó bằng tiếng Tây Ban Nha với Marco V, anh này chỉ ơ hờ nhún vai rồi quay lại phòng giữ đồ.

"Cậu đó ổn, Marco ấy," chú Vàng nhỏ giọng bảo tôi. "Nhưng không biết vụ cái túi vì chú với Jose không ghi sổ, cháu hiểu không?"

Tôi hiểu. Mọi đồ gửi đều phải ghi lại khi đi vào hay ra khỏi tòa nhà. Không đánh dấu tên vali hay ghi lại trong sổ sách chính thức, là họ đang cố bảo vệ tôi khỏi bị ai đó xuất hiện, tìm cách đòi lấy nó.

"À," tôi lúng búng nói, "cảm ơn các chú đã giúp cháu.."

"Có gì đâu," chú Vàng đáp. "Cảm ơn nhá," chú nói lớn với Marco khi đón lấy cái túi. "Đang nói dở," chủ tiếp tục, nhỏ giọng, tôi phải đi sát đằng sau mới nghe được, "Marco tốt lắm, nhưng dạo này người thuê nhà cũng phàn nàn *nuôn* vì thiếu người *nàm* cái hồi... cháu biết mà."

Chú ném cho tôi cái nhìn ý nghĩa. "Ý chú *nà*, hôm nọ Carlos không tới trực được, cũng chả phải *nỗi* của ông ấy cơ, mà họ cũng đuổi béng."

"Carlos á?" Carlos là người lớn tuổi nhất, ít nói nhất trong số bảo vệ, như một thần tượng màn bạc Mexico về già với hàng ria con kiến, tóc ở thái dương đã ngả bạc, đôi giày đen lúc nào cũng đánh bóng lộn, còn găng tay thì trắng hơn ai hết. "Họ đuổi Carlos á?"

“Đấy, không tin nổi, hả? Ba mươi tư năm, thế mà...” Chú Vàng giật ngón cái ra sau vai. “Xoẹt. Và giờ thì ban quản lú rùm beng lên, an ninh này an ninh nọ, người mới, luật mới, ra ký sổ vào ký sổ...

“Mà này,” chú nói khi đi lùi vào cửa trước, đẩy nó mở ra. “Để chú gọi taxi cho nhá. Cháu đi thẳng ra sân bay hả?”

“Không ạ...” Tôi nói và giơ tay định ngăn chú lại - tôi mải mê suy nghĩ quá không kịp nhận ra chú đang làm gì, nhưng chú đã gạt tôi qua một bên, “xùy”.

“Không, không,” chú nói khi vác vali ra vỉa hè, “không sao đâu, chú *nàm* được mà,” và tôi thất chí nhận ra chú tưởng tôi định ngăn chú vác túi ra ngoài vì không có tiền bo.

“Chú Vàng, đợi đã,” tôi nói, nhưng đúng lúc đó chú đã huýt sáo rồi lao bổ ra đường vẫy tay. “Đây! Taxi!” Chú hét.

Tôi đứng sững giữa cửa, phiền lòng, khi cỗ xe lượn sát vào bên cạnh. “Xong!” Chú Vàng nói và kéo cửa sau. “Căn giờ chuẩn hả?” Trước khi kịp nghĩ ra cách ngăn chú lại mà không tỏ ra vô lễ, tôi đã bị đẩy vào ghế sau, cái vali thì lẳng vào thùng xe, còn chú Vàng đã đập bồm bộp lên mui thân thiện như mọi lần.

“Đi an toàn nhá, *Amigol*[63]”chú nói và nhìn tôi, rồi nhìn lên trời. “Sưởi nắng thay phần chú nhá. Cháu biết chú mê nắng mà - chú *nà* con chim nhiệt đới, hiểu không? Chú chỉ mong được về nhà ở Puerto Rico nói chuyện với lũ ong. Ưmmm...” chú ngân nga, nhắm mắt và nghiêng đầu một bên. “Chị chú có cả trại ong, chú hay hát ru chúng nó ngủ. Ở Vegas có ong không?”'

“Cháu không biết,” tôi nói và khẽ sờ trong túi áng chừng xem còn bao nhiêu tiền.

“Ờ, nếu thấy con ong nào, thì gửi *nời* chào của ông chú già này nhá. Bảo là chú sẽ đến thăm.”

“*¡Hey! ¡EsperaP*[64]” Đấy là Jose đang giơ một tay lên, vẫn mặc nguyên bộ đồ bóng đá, từ sân bóng trong công viên đi thẳng đến đây, đang đung đưa tiến lại gần tôi, vẫn cái dáng đi nhấp nhô, nhanh nhẹn ấy.

“Ê *manito* cháu đi đấy à?” Chú hỏi, cúi xuống thò đầu vào cửa xe. “Nhớ gửi ảnh để dán dưới hầm nhé!” Dưới hầm nơi các chú bảo vệ thay đồng phục, có một bức tường dán đầy bưu thiếp và ảnh chụp lấy liền từ Miami và Cancun, Puerto Rico và Bồ Đào Nha mà người thuê nhà cũng như bảo vệ đã gửi về Phố 57 Đông qua nhiều năm.

“Đúng đấy!” Chú Vàng kêu lên. “Nhớ gửi ảnh nhá! Đừng quên nhá!”

“Cháu… ” Cháu sẽ nhớ các chú lắm; nhưng nói ra miệng vậy có vẻ kỳ cục quá. Nên tôi chỉ nói: “Vâng. Bình an nhé.”

“Cháu cũng thế nhé,” Jose nói và lùi lại, tay vẫn giơ. “Tránh xa mấy cái bàn bài bạc ra nhé.”

“Này cậu nhỏ,” người lái xe nói, “tóm lại là cậu có muốn đi đâu không?”

“Nào, nào, ông cứ bình tĩnh, đâu có đó,” chú Vàng bảo ông ta. Rồi quay sang tôi chú nói: “Cháu sẽ ổn thôi, Theo.” Chú vỗ một cái cuối cùng lên xe. “Chúc may mắn nhá. Hy vọng còn gặp *nại*. Cầu Chúa trông nom cháu.”

ii.

“ĐỪNG CÓ BẢO LÀ,” bố tôi nói khi đi taxi đến nhà Barbour đón

tôi sáng hôm sau, “con định tha cả mớ đó lên máy bay chứ.” Bởi tôi còn một vali nữa ngoài cái đựng bức tranh, là cái ban đầu định mang.

“Tôi nghĩ cháu sẽ bị quá cân mất thôi,” Xandra rú rít. Giữa cái nóng chết người trên vỉa hè, tôi ngửi thấy mùi nước xịt tóc của cô ta từ tận đây. “Chỉ được mang có một lượng nhất định thôi.”

Bà Barbour đã đi cùng tôi xuống nhà, ngọt nhạt nói: “Ồ, có hai cái này thì không sao. Tôi bị quá cân suốt.”

“Phải, nhưng sẽ mất tiền.”

“Thật ra, anh sẽ thấy là khá vừa phải,” bà Barbour đáp. Dù hãy còn sớm, và bà không mang trang sức cũng không trang điểm, nhưng không hiểu sao chỉ với váy vải và xăng đan bà vẫn toát ra vẻ phục sức chỉnh tề không chê vào đâu được. “Có thể sẽ phải trả hai chục đô ở quầy thủ tục, nhưng vậy cũng đâu có sao, phải không?”

Bà với bố tôi gườm gườm nhìn nhau như một cặp mèo. Rồi bố tôi đánh mắt đi trước. Tôi vẫn còn hơi xấu hổ vì cái áo vét xấu xí bố mặc, nó khiến tôi nghĩ đến những người bị đăng ảnh trên tờ *Daily News* vì nghi án gian lận.

“Con phải nói trước là có hai vali chứ,” bố hầm hừ nói sau quãng lặng (khiến tối rất biết ơn) tiếp theo nhận xét rất có lợi của bà. “Không biết từng ấy thứ có cho nổi vào thùng không nữa.”

Đứng bên vỉa hè, thùng xe taxi để mở, tôi suýt nữa đã để lại cái vali cho bà Barbour và sau này sẽ gọi điện nói cho bà biết có gì ở trong. Nhưng chưa kịp quyết định gì hết, người lái gốc Nga có đôi vai rộng đã bỏ đồ của Xandra khỏi thùng xe, nâng bổng cái vali thứ hai của tôi nhét vào, và sau khi dọn dẹp đụng độ tí chút đã nhồi được kín kẽ.

http://tieulun.hopto.org

“Đấy, có nặng lắm đâu!” Ông ta nói, dập mạnh nắp thùng xuống và lau trán. “Vải mà!”

“Nhưng còn cái vali con của tôi!” Xandra hốt hoảng.

“Không sao cả thưa ma-đam. Nó có thể ngồi ghế trước với tôi. Hoặc ghế sau với bà nếu bà muốn.”

“Vậy là xong cả,” bà Barbour nói và ghé lại gần hôn phớt lên má tôi, lần đầu tiên kể từ khi tôi đến, cái hôn gió kiểu chào xã giao có mùi bạc hà và hoa dành dành. “Chúc cả nhà thuận buồm xuôi gió,” bà nói. “Chúc chuyến đi tốt lành.” Andy và tôi đã chia tay nhau từ hôm qua; dù biết cậu ta rất buồn khi tôi đi nhưng tôi vẫn ấm ức vì cậu không ở lại tiễn mình, mà đi cùng cả nhà lên căn nhà ở Maine luôn miệng kêu ghét. Còn bà Barbour, bà cũng không có vẻ quá rầu rĩ khi đưa chân tôi, dù nói thật là tôi chỉ muốn phát khóc vì không được ở lại.

Cặp mắt xám của bà nhìn mắt tôi, sáng rõ lạnh lùng. “Cảm ơn bác nhiều lắm, bác Barbour,” tôi nói. “Vì mọi thứ. Cho cháu gửi lời chào Andy.”

“Tất nhiên,” bà nói. “Có cháu làm khách rất vui, Theo ạ.” Giữa sức nóng mờ mịt ban trưa ở Đại lộ Công viên, tôi cố nắm tay bà lâu hơn một chút, lòng còn hy vọng bà sẽ bảo hãy liên lạc với bà nếu cần gì đó - nhưng bà chỉ nói, “Thượng lộ bình an,” đặt thêm một cái hôn phớt lạnh lẽo trên má tôi rồi đi.

iii.

TÔI VẪN CÒN CHƯA THẤM ĐƯỢC rằng mình đang rời New York. Cả đời tôi chưa bao giờ đi khỏi thành phố quá tám ngày.

Trên đường ra sân bay, nhìn ra cửa sổ ngắm những biển quảng

cáo câu lạc bộ thoát y hay luật sư về thương tổn cá nhân mà chắc còn lâu nữa mới được thấy lại, một ý nghĩ lạnh gáy đến với tôi. Thế còn cửa kiểm tra an ninh? Tôi chưa có kinh nghiệm bay mấy (chỉ có hai lần, một lần tận hồi mẫu giáo), và tôi còn không biết người ta làm gì ở cửa kiểm tra an ninh nữa: soi X-quang? hay lục đồ đạc?

"Ở sân bay người ta có mở tung các thứ ra không?" tôi rụt rè hỏi, rồi nhắc lại lần nữa, vì xem ra chả ai nghe thấy tôi. Tôi đang ngồi ở ghế trước, để bố với Xandra được riêng tư mà tình tứ với nhau.

"À, dĩ nhiên," tài xế đáp. Đấy là một tay Nga Xô vạm vỡ vai lớn, nét mặt thô tháp, má đỏ ửng ướt mồ hôi, như một cựu đô vật phát phì. "Còn nếu không mở sẽ soi tia X."

"Kể cả với đồ gửi ạ?"

"À, tất nhiên," ông ta có vẻ muốn trấn an tôi. "Tất cả đều được quét tìm chất nổ, gì cũng vậy. An toàn lắm."

"Nhưng mà..." Tôi cố nghĩ xem có cách nào nêu được thắc mắc của mình mà không lộ ra điều cần giấu, nhưng nghĩ không ra.

"Không lo đâu," ông tài nói. "Sân bay nhiều cảnh sát. Lại còn ba bốn ngày trước ấy à? *Chắn đường*."

"Hừ, chỉ biết một điều là mình đang thèm được cút xéo ra khỏi đây chết đi được." Xandra cất giọng khào khào nói. Trong một phút ngỡ ngàng tôi tưởng cô ta đang nói với mình, nhưng nhìn lại thì thấy cô ta đang quay về phía bố.

Bố đang đặt tay trên đầu gối cô ta, nói gì đó quá nhỏ không nghe được. Ông đeo kính râm, dựa người và ngật đầu trên băng ghế sau, cái giọng đều đều lại có vẻ gì đó rất phóng túng trẻ trung, điều bí mật nào đó đã đi qua giữa họ khi ông bóp đùi

Xandra. Tôi ngoảnh đi, nhìn ra cảnh quạnh hiu đang vùn vụt trước mắt: những căn nhà dài và thấp, hàng rượu và phụ tùng ô tô, những bãi để xe rung rinh trong sức nóng buổi sớm.

"Đấy, em chẳng lo có 7 trong số hiệu chuyến bay," Xandra đang lặng lẽ nói. "8 mới làm em hoảng."

"Ừ, nhưng ở Trung Quốc 8 là số phúc đấy. Cứ xem bảng chuyến bay quốc tế khi nào đậu xuống McCarran. Tất cả các chuyến từ Trung Quốc đến? Ba con 8."

"Cái mớ trí tuệ Trung Hoa ba lăng nhăng nhà anh."

"Mô hình các số. Vấn đề là năng lượng thôi. Thiên địa gặp gỡ." "Thiên với chả địa. Anh làm như ma thuật không bằng."

"Thật."

"Thế cơ đấy."

Hai bên đang thì thào. Trong gương chiếu hậu là hai khuôn mặt phởn phơ kề sát nhau; khi nhận ra họ sắp hôn nhau (không hiểu sao vẫn làm tôi giật mình, dù đã chứng kiến liên tục), tôi quay người nhìn thẳng phía trước. Tôi vừa nhận ra rằng nếu không phải mình đã biết nguyên nhân mẹ chết, thì chẳng có gì trên trái đất này thuyết phục được tôi rằng không phải hai kẻ kia vừa bày kế hãm hại mẹ.

iv.

TRONG LÚC ĐỢI LẤY THẺ lên máy bay tôi cứng đơ người vì sợ, chỉ chực thấy nhân viên an ninh mở toang vali rồi phát hiện ra bức tranh ngay trong hàng xếp đợi làm thủ tục. Nhưng bà nhân viên quạu quọ có kiểu tóc đánh rối mà khuôn mặt tôi còn nhớ đến giờ (tôi đã liên tục cầu khấn đừng là bà ta khi đến lượt mình)

nhấc bổng vali lên băng chuyền mà chẳng liếc lấy một cái.

Trong lúc nhìn cái vali lục khục trôi về phía những nhân viên và thủ tục còn chưa được tận tường, tôi cảm thấy bị vây hãm, sợ điếng người vì cơn sóng người lạ bát nháo xung quanh, đồng thời thấy mình nổi bần bật giữa đám đông như thể ai cũng đang dồn mắt vào mình. Tôi chưa từng lọt vào giữa đám đông dày đặc như thế, chứng kiến nhiều cảnh sát ở một nơi như thế bao giờ từ hôm mẹ mất. Vệ binh Quốc gia đeo súng trường đứng cạnh máy dò kim loại, đứng nghiêm trong bộ áo rằn ri, cặp mắt sắc lạnh đảo khắp đám người.

Ba-lô, cặp táp, túi dết, xe lôi, nhìn hết sảnh đi chỉ thấy những đầu là đầu. Khi đi trong hàng chờ soi tôi nghe tiếng thét - ai đó gọi tôi, tôi nghĩ thế. Tôi cứng người.

"Đi đi, đi đi," bố tôi giục, nhảy lò cò sau lưng tôi tìm cách tháo giày và thọc tay vào lưng tôi, "đừng có đứng đơ ra đó, con làm tắc mẹ nó cả hàng rồi..."

Qua máy dò kim loại, tôi cắm mắt xuống thảm - người cứng đờ vì sợ, chờ một bàn tay rơi xuống vai bất cứ lúc nào. Trẻ sơ sinh khóc mếu. Người già ro ro lướt qua trong những xe đẩy có động cơ. Họ sẽ làm gì tôi? Tôi có cách nào thuyết phục họ là chuyện không phải như vẻ ngoài hay không? Tôi mường tượng những phòng tường xi măng như trong phim, cửa đóng sầm, cảnh sát mặc sơ mi giận dữ, *quên đi, mày sẽ không ra khỏi chốn này được đâu nhóc con ạ.*

Khi đã qua cổng an ninh rồi, vào đến hành lang âm vang, tôi nghe những tiếng chân bước quả quyết theo sát sau lưng mình. Lần nữa tôi khựng lại.

"Đừng có bảo là con để quên thứ gì nhé," bố tôi quay lại, đảo

mắt khó chịu.

“Không có,” tôi nhìn quanh. “Con chỉ...” Sau lưng tôi không có ai. Khách đi ào qua tôi cả hai phía.

“Oài, thằng bé trắng bệch như ma ấy,” Xandra nói. Quay sang bố tôi, cô ta hỏi: “Nó không sao chứ?”

“Ồ, nó chẳng sao đâu,” bố tôi nói và lại quay mình đi tiếp. “Lên máy bay là ổn thôi. Tuần vừa qua thật khổ cho tất cả.”

“Hừm, nếu là nó em cũng sẽ hoảng vía không muốn lên máy bay, ’ Xandra nói sỗ. “Sau những gì nó đã phải trải qua.”

Bố tôi đang kéo cái vali nhỏ có bánh xe theo sau, một món quà sinh nhật của mẹ từ vài năm trước, chợt dừng lại.

“Khổ thân nhóc,” ông nói và tôi bất ngờ trước ánh mắt nhân từ ấy. “Con không sợ chứ hả?”

“Không,” tôi bật ra quá nhanh. Tôi chẳng hề muốn người khác chú ý đến mình, không muốn tỏ ra dù chỉ một phần nhỏ cảm giác lộn lạo trong bụng.

Ông nhíu mày nhìn tôi rồi quay đi. “Xandra?” Ông hỏi cô ta và hất hàm. “Có khi em nên cho thằng bé một ít, cái đấy ấy.”

“Hiểu rồi,” Xandra nhanh nhảu đáp, dừng lại lúi húi trong ví rồi lôi ra hai viên thuốc trắng lớn hình viên đạn. Một viên cô thả vào bàn tay chìa ra của bố, viên kia cho tôi.

“Cảm ơn,” bố nói rồi bỏ vào túi áo khoác. “Ta kiếm cái gì ực nó xuống cái nhỉ? Cất đi,” ông nói khi thấy tôi cầm ngón cái và ngón trỏ giơ lên, ngạc nhiên vì viên thuốc quá lớn.

“Nó không cần uống cả đâu,” Xandra nói và tóm chặt tay bố tôi, nghiêng người một bên sửa dây buộc đôi xăng đan đế thuyền.

http://tieulun.hopto.org

“Được rồi,” bố đáp. Ông lấy lại viên thuốc của tôi rồi bẻ làm đôi rất điệu nghệ, một nửa bỏ vào túi áo vét rồi cùng Xandra lướt lên phía trước, đồ đạc kéo đằng sau.

v.

VIÊN THUỐC KHÔNG ĐỦ MẠNH cho tôi ngất, nhưng cũng khiến tôi khá phê và phấn khởi, hẫng chân rơi vào rồi lại vọt lên khỏi những giấc mơ lành lạnh của điều hòa. Hành khách bay cùng đang thì thào khắp bốn bề, giọng nói thoát xác của cô tiếp viên nào đó đọc kết quả cuộc xổ số giữa chuyến bay, giải là bữa tối có rượu dành cho hai người tại Đảo Giấu Vàng. Lời hứa hẹn thì thầm của cô đưa tôi vào giấc mơ, khiến tôi bơi dưới đáy làn nước màu xanh đen giữa ánh đuốc, một cuộc thi gì đó với tụi trẻ con Nhật Bản lặn tìm vỏ gối đựng đầy ngọc trai hồng. Trong khi đó thì máy bay vẫn gầm rú, sáng chói, trắng toát và thường trực như biển, dù đến một thời điểm kỳ bí nào đó - quấn chặt trong cái chăn màu xanh lam hoàng tộc, mơ màng nơi đâu đó tít cao trên sa mạc - hình như các động cơ đã tắt, im phắc khiến tôi thấy mình đang nằm ngửa, lơ lửng bay lên giữa chân không tuy vẫn ngồi trong ghế thắt dây an toàn, bản thân cái ghế dường như đã tách rời các ghế khác, tự do trôi khắp khoang máy bay.

Tôi giật mình rơi bộp trở lại vào thân xác khi máy bay chạm đường băng rồi nảy lên và phanh gấp dừng lại.

“Và... chào mừng đến Nghĩa Địa Tiền Lương[65], Nevada,” giọng người phi công đang phát ra trên loa. “Giờ địa phương ở Thành Phố Tội Lỗi[66] đang là 11 giờ 47 phút sáng.”

Lóa mắt vì ánh đèn, tường kính và các bề mặt phản quang, tôi lót tót đi theo bố và Xandra qua nhà ga, điếc tai vì tiếng xoành

xoạch và ánh lóa từ các máy đánh bạc tự động và tiếng nhạc gào thét rất không thích hợp với buổi sáng. Sân bay này giống như Quảng trường Thời đại cỡ trung tâm thương mại: những cây cọ lừng lững, màn hình điện tử chiếu pháo hoa và thuyền gondola và gái nhảy và ca sĩ và người nhào lộn.

Mãi mới thấy cái vali thứ hai của tôi hiện ra trên băng chuyền. Tôi vừa cắn móng tay vừa nhìn chằm chằm cái biển vẽ hình con rồng komodo cười nhăn nhở, quảng cáo cho món kỳ thú nào đó ở sòng bạc: "Hơn 2.000 bò sát đang chờ quý khách." Đám đông lòe loẹt chờ hành lý trông như một đám khách muộn tụ tập trước một hộp đêm hạng ba nào đấy: cháy nắng, áo lòe loẹt, những cô nàng người Á loắt choắt đeo đầy hạt xoàn với những cặp kính râm hàng hiệu đại tướng. Cái băng chuyền cứ chạy vòng hầu như rỗng không, còn bố tôi (thấy rõ là đang thèm thuốc lá) đã bắt đầu đi đi lại lại, duỗi chân duỗi cẳng và cọ mu bàn tay vào má như mỗi lần sắp uống rượu thì nó đến, cái cuối cùng, vải kaki, nhãn đỏ, cái nơ đủ màu mẹ đã thắt trên tay cầm.

Bố tôi sải một bước dài, lao tới chộp lấy nó trước khi tôi tóm kịp. "Cũng đúng lúc," ông vui vẻ nói và lẳng nó lên xe đẩy hàng. "Nào chuồn gấp khỏi đây thôi."

Chúng tôi lượn qua cửa tự động, lao thẳng vào một bức tường hơi nóng ngạt thở. Hàng dặm xe trong bãi trải ra khắp các hướng xung quanh, im lìm dưới mái che. Tôi ưỡn người nhìn thẳng phía trước - những lưỡi dao crom lóe lên, đường chân trời rung rinh như thủy tinh rợn sóng - như sợ nếu ngập ngừng hay ngoảnh lại, sẽ có kẻ mặc đồng phục nào đó bước lên trước mặt chúng tôi. Nhưng chẳng ai tóm cổ tôi hay quát thét bắt dừng lại cả. Thậm chí còn chẳng ai liếc nhìn.

Ánh sáng làm tôi quáng mắt đến nỗi khi bố tôi dừng lại trước

một con xe Lexus bạc mới coóng bảo, “Okay, đây rồi,” tôi bị vấp và suýt ngã nhào xuống vệ đường.

“Xe của hai người đây ư?” Tôi hỏi, nhìn bâng quơ giữa cả hai.

“Sao?” Xandra điệu đà hỏi và lộp bộp gõ giày qua phía ghế phụ, trong lúc bố tôi bấm khóa mở. “Con không thích hả?”

Lexus ư? Mỗi ngày tôi lại choáng ngợp vì đủ thứ chuyện cả to lẫn nhỏ cần phải kể với mẹ ngay tức khắc, và trong khi ngẩn ra nhìn bố tôi bỏ vali vào thùng xe, ý nghĩ đầu tiên trong đầu tôi là: Uầy, mẹ sẽ ngạc nhiên lắm đây. Thảo nào bố chẳng hề có ý định gửi tiền về.

Bố tôi khoát tay vứt điếu Viceroy hút dở. “Được rồi,” ông nói, “mời chú.” Không khí sa mạc làm ông hoạt bát hẳn lên. Ở New York, trông ông cỏ vẻ nhàu nhĩ, đáng ngờ, nhưng trong cái nóng tỏa sóng này cái áo vét trắng phớ và cặp kính mát trùm băng đảng lại có vẻ rất đúng chỗ.

Cái xe - khởi động ngay khi bấm nút -chạy êm đến nỗi thoạt đầu tôi không nhận ra đang chạy. Xe lướt đi trên đường, hòa vào không gian vô đáy. Đã quen nảy tưng tưng dưới ghế sau taxi rồi, sự êm ru mát rượi này mang vẻ hơi ghê rợn như tách hẳn với cuộc sống: cát nâu, ánh lóa độc địa, im như ru, lặng như tờ, rác bẩn bay phần phật trên hàng rào xích. Tôi vẫn còn hơi lâng lâng tê mụ vì viên thuốc, và những mặt tiền nhà cùng kiến trúc điên rồ dọc Dải Las Vegas, khúc đường trung tâm thành phố, cùng ánh lấp lánh xói vào mắt nơi những ụ cát tiếp giáp bầu trời khiến tôi cảm giác mình vừa hạ cánh xuống một hành tinh lạ.

Xandra và bố tôi nãy giờ rầm rì nói chuyện ở ghế trước. Giờ thì cô ta quay sang tôi, nổ bong bóng cao su lách tách, phấn khởi và tươi tắn, trang sức lóe sáng trong ánh nắng chói. “Sao, chú bé

nghĩ sao?" Cô ta hỏi và phả ra một hơi đậm mùi Juicy Fruit.

"Choáng thật," tôi nói, nhìn ra cửa xe nơi một kim tự tháp rồi một tòa Eiffel vừa lướt qua, quá sững sờ chưa tiêu hóa được mọi thứ.

"Mới thế con đã thấy choáng rồi sao?" Bố tôi hỏi và gõ gõ móng tay lên bánh lái, trong trí nhớ tôi cái kiểu đó vẫn gắn liền với sự căng thẳng hay những cuộc cãi cọ nửa đêm sau khi ông đi làm về. "Hãy đợi tới đêm khi tất cả sáng bừng lên."

"Đằng kia, kìa," Xandra nói và đưa tay chỉ qua cửa sổ đằng bố tôi. "Núi lửa đấy. Chạy được hẳn hoi đấy."

"Thực ra là bố nghĩ người ta đang tân tạo lại. Nhưng về lý thuyết thì chạy được. Dung nham nóng. Mỗi giờ một lần, lúc giờ đúng."

"Rẽ trái khỏi đường cao tốc sau hai dặm nữa," giọng nữ trong máy nói.

Những màu sắc lễ hội hóa trang, những đầu chú hề cao bằng nhà, những tấm biển XXX: không khí lạ lẫm làm tôi phấn khởi, và cũng sợ hãi chút đỉnh. Ở New York, cái gì cũng khiến tôi nghĩ tới mẹ - từng chiếc taxi, từng góc phố, từng đám mây bay ngang mặt trời - nhưng ở xứ khoáng hoang vu nóng nực này, thật cứ như mẹ chưa hề tồn tại; tôi còn chẳng hình dung được mẹ đang từ trên trời cao nhìn xuống nữa. Mọi dấu vết của mẹ dường như đã bị đốt mất tăm tích trong bầu không khí loãng sa mạc.

Trong lúc đi, đường chân trời quái lạ dần thu lại thành một rừng lộn xộn những bãi để xe và cửa hàng đồ hiệu, những lượt trung tâm thương mại vô thân thế nối đuôi nhau, Circuit City, Toys "R" Us, siêu thị, tiệm thuốc, Mở Cửa Hai Tư Giờ, không biết đâu là điểm kết thúc hay bắt đầu. Bầu trời rộng không nếp hằn,

như bầu trời trên biển. Trong lúc nỗ lực cố không ngủ thiếp đi - mắt chớp chớp tránh nắng - tôi đang ngẫm nghĩ trong cơn mơ màng về cái mùi da thuộc đắt tiền bốc ra từ nội thất ô tô và nhớ lại một câu chuyện thường nghe mẹ kể: rằng hồi bố mẹ còn đang tìm hiểu, bố vẫn tới đón mẹ bằng một chiếc Porsche mượn của bạn để gây ấn tượng. Mãi đến lúc lấy nhau rồi mẹ mới biết không phải xe của bố. Lúc ấy hình như mẹ nghĩ thế là buồn cười lắm - dù xét theo cả những việc khác ít thú vị hơn mà sau đám cưới mới tôi ra (như tiền sử bị bắt hồi vị thành niên không rõ tội danh gì), tôi không hiểu sao mẹ lại thấy chuyện ấy có gì hay ho cho được.

"Ừm, bố có xe này bao lâu rồi?" Tôi lớn giọng hỏi, ngắt giữa câu chuyện ở băng trước.

"Ờm... thì... đến giờ đã hơn một năm rồi, phải không Xan?"

Một năm ư? Tôi vẫn còn đang xử lý thông tin này - thế nghĩa là bố tôi đã vớ được chiếc xe (và Xandra) từ trước cả khi biến mất - thì ngẩng lên thấy những khu mua sắm đã nhường chỗ cho một bàn cờ dường như vô tận toàn những nhà trát vữa trắng nhỏ. Bất chấp vẻ đồng phục vuông vức trắng bợt - hàng dãy kề nhau như những tấm bia mộ - thì có vài nhà lại sơn màu nhạt trông rất hội hè (màu xanh bạc hà, màu hồng nông trang, màu lam sa mạc pha trắng sữa), và những cái bóng đậm nét trên mặt đất cùng đủ thứ cây sa mạc tua tủa gai toát ra vẻ gì đó xa lạ cực kỳ thu hút. Lớn lên ở thành phố nơi không gian chẳng bao giờ đủ, tôi thật lấy làm ngạc nhiên một cách hài lòng. Được sống trong nhà có sân vườn là một điều mới mẻ, dù vườn chỉ toàn đá nâu và xương rồng.

"Đây vẫn là Las Vegas ư?" Tôi đã bày trò chơi cố tìm xem có điểm gì khác nhau giữa các nhà: nhà này có cửa hình vòm, nhà kia có bể bơi hay cây cọ.

“Giờ con đang thấy một nơi hoàn toàn khác rồi,” bố tôi nói, thở hắt ra và dụi tắt điếu Viceroy thứ ba. “Đây là phần mà khách du lịch không bao giờ biết.”

Dù đã đi được một hồi lâu nhưng tôi chưa hề thấy gì có thể đánh dấu đường hết, thật khó mà biết chúng tôi đang đi đâu, thậm chí đi về phía nào. Đường chân trời mãi không thay đổi, cứ đều đều như thế, và tôi đang sợ rồi sẽ lại đi qua hết khu nhà màu nhạt này đến bãi hoang tàn đá sỏi sau đó, rẽ vào một bãi nhà lưu động chết nắng như trong phim. Nhưng trái lại, tôi ngạc nhiên thấy nhà cửa dần lớn hơn: giờ là nhà hai tầng, với những vườn xương rồng, với hàng rào, bể bơi, ga-ra để được vài xe.

“Okay, đến nơi rồi,” bố tôi nói và ngoặt vào con đường có tấm biển đá hoa lừng lững khắc kiểu chữ viết tay bay bướm: *Trang Trại Dưới Bóng Vực*.

“Bố sống ở đây á?” Tôi trầm trồ hỏi. “Có cả vực cơ à?”

“Không, họ chỉ đặt tên thế thôi,” Xandra đáp.

“Họ có cả đống dự án phát triển nhà khác nhau ở đây, hiểu không.” bố nói và bóp sống mũi. Nghe giọng ông, cái giọng ngàn ngạt thèm rượu khi xưa của ông, tôi nhận ra ông đang mệt và không hứng thú chuyện trò.

“Gọi là các cộng đồng trang trại.” Xandra nói.

“Ừ. Sao cũng được. Thôi câm mồm đi,” bố tôi quặc và thò tay vặn nhỏ tiếng phần mềm dẫn đường lại vừa véo von chỉ dẫn.

“Có đủ mọi phong cách khác nhau,” Xandra nói và chấm chấm son bóng bằng mặt ngón út. “Gió Làng Mọi này, Sống Núi Ma, Biệt Thự Hươu Múa. Cờ Hồn, là cộng đồng chơi gôn? Còn Encantada[67] là chỗ hoành tráng nhất, cả đống công ty đầu tư...

Này, cưng ơi, rẽ đây," cô ta nói và vịn lấy tay ông.

Bố tôi cứ thế đi thẳng, chẳng trả lời.

"Mẹ kiếp!" Xandra xoay cả người lại, nhìn lối đường lùi xa sau lưng. "Sao lúc nào anh cũng phải đi đường vòng thế?"

"Không có đường tắt đường tiếc gì hết. Em thật chả hơn gì con mụ Lexus."

"Ừ, nhưng đường đấy nhanh hơn. Tận mười lăm phút cơ. Giờ thì chúng mình lại phải đi vòng qua Hươu Múa."

Bố tôi thở hắt ra bực bội. "Này.

"Sao anh không thể rẽ ra đằng Lối mòn Di Gan rồi rẽ trái hai lần rẽ phải một lần? Vì tất cả chỉ có thế. Nếu anh đâm ra Desatoya..."

"Này. Em muốn lái xe không? Hay muốn để yên cho thằng này lái?"

Tôi đã quá biết đừng bao giờ tranh cãi khi bố tôi nói bằng giọng đó, và rõ là Xandra cũng vậy. Cô ta nhấp nhổm vặn vẹo trên ghế rồi, rất chậm rãi, như để cố tình chọc tức, vặn radio lên thật lớn rồi dò qua các kênh quảng cáo và tiếng nhiễu.

Dàn âm thanh ồn đến nỗi tôi thấy cả cái lưng ghế da trắng cũng rung lên bần bật. Đi nghỉ, tôi chẳng muốn gì ngoài đi nghỉ... Ánh sáng mọc lên rồi bùng ra giữa những đám mây sa mạc lộn xộn - bầu trời không điểm dừng, xanh găn gắt, như trong trò chơi điện tử hay trong ảo giác của một phi công tập lái.

"Kênh Vegas 99, nhạc thập niên 80 và 90," cái giọng liến thoắng phấn khích trên đài nói. "Và tiếp theo mời quý vị nghe Pat Benatar, trong giờ ban trưa Diva Những Năm Tám Mươi Múa Cột."

Ở khu Biệt Thự Trại Desatoya, tại 6219 Phố Cuối Sa mạc, nơi gỗ chất đống trong vài sân nhà còn cát bay tung ngoài mọi con phố, chúng tôi rẽ vào lối xe lên của một tòa nhà khá lớn kiểu cách Tây Ban Nha - hay kiểu Moor cũng nên, vữa trắng sơn be, có cửa chớp, đầu hồi hình vòm, mái lợp ngói thành nhiều góc nghiêng vút. Tôi thật ấn tượng trước cái vẻ bò lan vô hướng của căn nhà này, những cột nhà và mũ cột, những cửa sắt uốn tinh xảo mang hơi hướng sân khấu, như loại nhà trong bộ phim truyền hình dài tập kênh Telemundo các chú bảo vệ bật cả ngày trong phòng giữ đồ.

Chúng tôi ra khỏi xe, đang lôi vali vòng qua cửa ga-ra thì tôi nghe một âm thanh ảo não rợn gáy: không rõ là tiếng hét hay tiếng khóc thoát ra từ trong nhà.

“Ối, cái gì thế?” Tôi đánh rơi cả vali, rùng mình hỏi.

Xandra đang nghiêng người lục tìm chìa khóa, hơi loạng choạng trên đôi giày, và lẩm bẩm, “Ôi im đi, im đi, im đi con khỉ nợ.” Trước khi cô ta kịp mở rộng cửa thì một nắm lông cứng quèo điên dại đã vọt ra ngoài rú rít, rồi bắt đầu nhảy tâng tâng loạn xị ngậu khắp quanh ba người chúng tôi.

“Ngồi!” Xandra quát. Qua cánh cửa hé, nhạc sàn châu Phi (tiếng voi rống, tiếng khỉ réo) bật lớn đến mức từ nãy trong ga-ra tôi đã nghe thấy.

“Ôi,” tôi thốt lên và ngó vào trong. Bên trong không khí có vẻ vừa nực vừa chua: mùi thuốc lá để lâu, mùi thảm mới, và mùi cứt chó không lẫn vào đâu được.

“Với những người coi thú, các loài thú lớn họ nhà mèo lại khiến nảy sinh những khó khăn không giống bất cứ loài gì khác,” giọng trên tivi ông ổng. “Chúng ta hãy cùng theo Andrea và các đồng nghiệp của cô đi một vòng vào buổi sáng.”

“Này,” tôi nói và giữ vali, đứng bên cửa, “hai người quên tắt tivi rồi.”

“Ừ,” Xandra nói và đi lướt qua tôi, “Thế giới động vật đấy, tôi để bật cho Popper. Tao bảo ngồi xuống cơ mà!” Cô ta vặc con chó đang cào cào lên đầu gối, rồi khập khễnh đi vào trên đôi giày cao gót để tắt tivi.

“Nó ở nhà một mình ư?” Tôi nói giữa tiếng rít của con chó. Đấy là loại chó lông dài rất yểu điệu mà nếu sạch, hẳn sẽ xù lông trắng trẻo lắm.

“Ồi, nó đã có vòi nước uống hiệu Petco rồi,” Xandra nói và đưa mu bàn tay lau trán khi bước qua người con chó. “Với mấy cái nhả đồ ăn to to nữa?”

“Giống gì thế ạ?”

“Maltese. Thuần chủng đấy. Tôi thắng xổ số được. Ừ, đúng là nó lâu không tắm thật, mấy con này chăm phiền kinh, ừ, ừ, xem mày làm gì quần tao rồi đây này,” cô ta nói với con chó. “Quần trắng cơ đấy.”

Chúng tôi đứng giữa một phòng lớn rộng rãi, trần cao, có cầu thang chạy lên một thứ phòng lửng có rào chắn nằm một bên - căn phòng to gần bằng cái căn hộ tuổi thơ tôi. Nhưng khi mắt đã quen với ánh sáng chói lóa, tôi mới nhận ra căn phòng gần như trống trơn. Tường trắng phếch. Lò sưởi đá, tạo cảm giác đang trong một chòi săn. Xô pha trông như gỡ ra từ phòng chờ bệnh viện. Trọn bức tường từ cửa kính dẫn ra hiên là một tủ âm nhiều ngăn, hầu như chẳng xếp đặt gì.

Bố tôi khệ nệ đi vào, buông mấy cái vali xuống thảm. “Giời ạ, Xan, trong này toàn mùi cứt chó.”

Xandra cúi người đặt cái ví xuống, nhăn mặt khi con chó lại nhảy tưng tưng, cuống cuồng vồ lên người cô ta. “À, Janet đã hứa qua thả ra ngoài,” cô ta nói át tiếng rít cuồng loạn của con chó. “Nó có chìa khóa rồi cơ mà. Trời ạ, Popper,” cô ta nhăn mũi và ngoảnh đi, “mày thối quá.”

Vẻ trống trải của căn nhà làm tôi sững người. Cho tới lúc đó tôi chưa hề băn khoăn việc tại sao phải bán hết sách vở, thảm hay đồ cổ của mẹ đi, còn các thứ khác phải tống khứ cho từ thiện hay ra bãi rác. Tôi đã lớn lên trong một căn hộ bốn phòng, tủ nào tủ nấy lèn ứ đồ đến mức muốn tràn ra ngoài, giường nào cũng ngự trên một đống hộp, nồi chảo treo lên trần nhà vì tủ đã hết chỗ. Nhưng... có khó gì đâu nếu mang vài món đồ của mẹ về đây, như cái hộp bạc của bà ngoại, hay bức tranh con ngựa cái màu hạt dẻ trông như tranh của Stubbs[68], hay thậm chí là cuốn *Ngựa ô yêu dấu*[69] mẹ từng đọc hồi còn nhỏ! Đặt vài bức tranh đẹp hay vài món đồ gỗ quý thừa hưởng của bà ngoại vào đây chẳng phải thích hợp sao. Bố vứt hết đồ của mẹ đi chỉ bởi vì bố ghét mẹ.

“Chúa ơi,” bố tức giận cao giọng, cố át tiếng sủa rin rít. “Con chó này đã phá nát cả cái nhà rồi. Chính thế.”

“Ờ, em không biết... em biết là kinh lắm nhưng Janet đã bảo...”

“Anh đã nói rồi, đáng nhẽ em phải cho nó đến trại chó. Hoặc là, anh không biết nữa, đưa nó vào trạm cứu hộ động vật chẳng hạn. Anh không thích để nó trong nhà. Chỗ của nó là ở ngoài đường. Chẳng phải anh đã bảo em là sẽ rắc rối lắm sao? Janet đúng là đồ chảy thây...”

“Ừ, thì nó ị lên thảm vài lần đấy? Thế thì sao? Thế còn... *mày* nhìn cái quái gì vậy?” Xandra tức tối đáp trả, bước chân qua con chó đang gào tướng - và hơi giật mình, tôi nhận ra mình chính là

kẻ cô ta vừa quắc mắt nhìn.

vi.

CĂN PHÒNG MỚI CỦA TÔI trông có vẻ trống trải, cô đơn, đến nỗi xếp đồ xong, tôi để hé cánh cửa tủ để vẫn nhìn thấy quần áo treo bên trong. Từ dưới nhà vẳng lên tiếng bố vẫn quát tháo về vụ cái thảm. Không may là lần này cả Xandra cũng đang hét ầm lên, khiến bố còn kích động hơn nữa, mà đối phó với tính khí ông thì đấy là cách tuyệt đối nên tránh (nếu cô hỏi thì tôi đã cho cô biết rồi). Ở nhà thì mẹ biết cách bịt miệng những cơn giận dữ của bố, bằng cách im lặng quay đi, đốt lên một ngọn lửa khinh khi cháy liu ríu nhưng bền bỉ hút hết dưỡng khí trong phòng, khiến mọi điều ông làm hay nói đều có vẻ thật ngớ ngẩn. Cuối cùng ông sẽ đùng đùng lao khỏi nhà, đập rung cả cửa, và rồi khi quay về - hàng giờ sau, chìa quay nhẹ trong ổ - sẽ đi khắp căn hộ như không có chuyện gì xảy ra: vào tủ lạnh lấy bia, dùng giọng bình thường hết sức hỏi xem thư từ để đâu.

Trên tầng có ba phòng trống, tôi đã chọn phòng lớn nhất; phòng này, giống như ở khách sạn, có buồng tắm riêng tí xíu bên hông. Sàn trải thảm rất dày, thảm nhung lông màu xanh thép. Đệm trần trụi, chăn nệm còn nguyên trong bọc ni-lông dưới chân giường. Vải Percale Legends. Giảm giá 20%. Có tiếng máy rì rì phát ra từ trong tường, như tiếng máy lọc khí bể cá. Đây giống như những phòng hay thấy có gái điếm hay gái bán bar bị giết thường thấy trên tivi.

Vẫn để tai nghe bố và Xandra, tôi ngồi lên đệm, bức tranh quấn kín đặt trên đùi. Dù cửa đã khóa nhưng tôi vẫn ngại không muốn mở ra sợ họ lại lên đây, nhưng khao khát muốn nhìn lại bức tranh quá lớn. Thật nhẹ nhàng, thật cẩn thận, tôi khẽ gại móng tay bóc

băng dính ra.

Bức tranh tuột khỏi lớp cuốn dễ hơn tôi tưởng, và tôi nhận thấy mình đang nén tiếng thở buột ra sung sướng. Đấy là lần đầu tiên tôi được nhìn nó dưới ánh sáng ban ngày. Trong căn phòng khô cằn - chỉ toàn thạch cao và sắc trắng - những màu sắc mọi khi thầm lặng chợt sống động tưng bừng, và dù trên bề mặt bám một lớp bụi mỏng gần như không thấy, bức tranh vẫn toát ra cái không khí giống như nơi khoảng tường lồng lộng nắng hứng ô cửa mở. Có phải vì thế mà những người như bà Swanson cứ tán tụng ánh nắng vùng sa mạc không? Bà luôn không ngớt lời về cái gọi là "chuyến du hí" ở New Mexico - chân trời mênh mang, bầu trời thanh tĩnh, tâm linh rõ ràng trong suốt, vân vân. Nhưng hình như trò đùa ánh sáng nào đó đã làm bức tranh biến đổi, giống như những bể nước nóc nhà in bóng đen thẫm ngoài cửa sổ phòng mẹ thoạt dát vàng và tích điện trong vài giây lạ lẫm giữa ánh tà dương mùa hè vẩn sắc dông, ngay trước khi cơn hồng thủy sầm sập xuống.

"Theo?" Bố tôi gõ cồng cộc lên cửa. "Đói chưa?"

Tôi đứng dậy, hy vọng ông không thử mở và thấy cửa khóa. Phòng mới của tôi trống trơn như nhà tù, nhưng mấy giá tủ trên cùng rất cao và sâu, khuất tầm mắt ông.

"Bố đi kiếm mấy món Tàu mang về. Ăn gì không?"

Nếu nhìn thấy, liệu bố có biết đấy là tranh gì không? Tôi từng nghĩ là không - nhưng khi nhìn nó trong ánh sáng này, nhìn vẻ lấp lánh tỏa ra từ nó, tôi hiểu bất cứ thằng khờ nào cũng biết ngay. "Ừm, con ra đây," tôi đáp to, giọng có vẻ giả dối và khản đặc, nhét bức tranh vào thêm một lần vỏ gối rồi giấu dưới giường trước khi vội vã ra khỏi phòng.

http://tieulun.hopto.org

vii.

TRONG MẤY TUẦN Ở LAS VEGAS trước khi bắt đầu vào học, cả ngày vơ vẩn dưới nhà, cắm tai nghe iPod nhưng không bật tiếng, tôi đã thu nạp được một cơ số thông tin thú vị. Ví dụ: công việc ngày xưa của bố tôi không hề có màn đi đi lại lại giữa Chicago với Phoenix như ông từng bảo mẹ con tôi. Cả hai mẹ con đều không hay biết ông đã bay tới Vegas nhiều lần trong mấy tháng trời, và chính ở đây - trong một quán bar kiểu Á nhà hàng Bellagio - ông với Xandra đã gặp nhau. Họ đã hẹn hò được một thời gian rồi thì bố tôi mới biến mất - tôi tính phải đến hơn một năm; có vẻ họ vừa ăn mừng "tròn năm" lần đầu ít lâu sau khi mẹ mất, ăn tối ở nhà hàng Delmonico Steakhouse rồi xem Jon Bon Jovi biểu diễn ở MGM Grand. (Bon Jovi à! Trong vô số thứ tôi thèm được kể cho mẹ nghe - có đến hàng nghìn, hay hàng triệu thứ - có vẻ kinh khủng nhất là mẹ lại không bao giờ được biết cái chuyện buồn cười muốn chết đó.)

Một chuyện nữa mà tôi đã suy ra sau mấy ngày ở ngôi nhà trong phố này: khi bố hay Xandra nói ông "cai rượu", đúng ra là ông đã đổi rượu scotch (mà ông từng ưa thích) sang bia Corona nhẹ và thuốc giảm đau Vicodin. Tôi đã vài lần ngạc nhiên khi thấy họ liên tục giơ ngón tay chữ V về phía nhau ra dấu hòa bình, hay là dấu chiến thắng, trong đủ loại bối cảnh chẳng thích hợp tí nào, và chắc sẽ còn hoang mang lâu lâu nữa nếu không phải một hôm, tưởng tôi không nghe thấy, bố tôi đi vào hỏi thẳng Xandra cho ông một viên Vicodin.

Tôi chẳng biết gì về Vicodin, ngoại trừ đấy là một thứ mà vì nó một nàng diễn viên hoang dại tôi khoái cứ chốc chốc lại thấy lên ảnh trên báo lá cải: loạng choạng đi ra từ xe Mercedes, đèn cảnh sát chói lóa đằng sau lưng. Vài ngày sau, tôi bắt được một túi ni-

lông, bên trong đựng phải đến ba trăm viên thuốc - để hờ hững trên mặt bếp, cạnh lọ thuốc chống rụng tóc của bố và một chồng hóa đơn chưa trả - nhưng Xandra vội chộp lấy thủ vào ví.

"Cái gì thế?" Tôi hỏi.

"Ừm, vitamin ấy mà."

"Sao lại bỏ trong túi đó?"

"Tôi lấy của cái ông tập thể hình cùng chỗ làm."

Kỳ dị một cái là - và đây lại thêm một đề tài tôi ước gì có thể đem bàn với mẹ - ông bố mới lúc nào cũng lừ đừ vì thuốc lại dễ chịu và dễ đoán hơn nhiều so với ông bố cũ. Hồi còn uống rượu, bố tôi như khắp người toàn đầu dây thần kinh - hết đùa nhả vớ vẩn lại sôi sục sấn sổ, mãi đến khi lả ra ngất xỉu - nhưng khi nào không uống thì còn tệ hơn nữa. Ông xăm xăm đi trước mẹ con tôi cả chục bước trên vệ đường, nói chuyện một mình, vỗ vỗ túi áo vét như tìm vũ khí. Ông mang về đủ thứ chúng tôi không cần và cũng không kham nổi, ví dụ như giày Manolo da cá sấu cho mẹ (vốn ghét giày cao gót), thậm chí cũng không đúng cỡ. Ông tha cả chồng giấy ở văn phòng về nhà, ngồi đến quá nửa đêm uống cà phê đá, bấm toanh toách máy tính bỏ túi, mồ hôi vã ra như vừa chạy bốn mươi phút trên máy tập leo cầu thang. Hoặc ông sẽ làm toáng lên chỉ vì vụ tiệc tùng gì đó tít đằng Brooklyn ("Cô bảo sao? 'Có khi em không nên đi hả? Cô nghĩ tôi nên ở lì trong nhà làm thằng thầy tu kín phải thế không?") và rồi sau khi lôi được mẹ đến đấy, chỉ được mươi phút là đùng đùng bỏ về sau khi chửi rủa một vị khách khác hoặc nhạo báng họ thẳng mặt.

Thuốc thì cho một dạng năng lượng khác, vui vẻ hơn: pha giữa tươi tỉnh và ù lì, một vẻ ngớ ngẩn, ngây ngô, lãng đãng. Bước chân ông la đà hơn. Ông ngủ nhiều hơn, gật gù thuận tình, quên

bẵng giữa mạch tranh cãi, lê chân trần đi trong nhà, áo choàng tắm phanh nửa. Từ câu chửi thề hiền hậu đến việc thường quên cạo râu, cách nói chuyện thong thả với điếu thuốc lá cắm khóe miệng, cảm giác toát ra là ông đang diễn một vai nào đó: một chàng sành đời trong bộ phim Noir[70] thập niên 50 hay có khi là *Mười một tên cướp thế kỷ*[71] một gã côn đồ lười biếng và thỏa mãn không có gì để mất. Nhưng ngay cả giữa vẻ phởn phơ mới có này, ông vẫn giữ cái nét hơi rồ, hơi yêng hùng của cậu học trò ngổ ngáo, càng dễ động lòng vì nó đang dần đi về thu, đã thoảng màu tàn tạ và bất cẩn.

Trong ngôi nhà ở Phố Cuối Sa mạc, với gói truyền hình cáp siêu đốt tiền mẹ sẽ chẳng bao giờ cho mắc, ông kéo rèm tránh mặt trời và ngồi hút thuốc trước tivi, mơ hồ như một gã nghiện thuốc phiện, xem kênh thể thao ESPN bỏ tiếng, chẳng theo dõi môn nào cụ thể mà xem bất kỳ thứ gì đang hiện lên màn hình: cricket, bóng ném Jai-Alai[72], cầu lông, bóng vồ. Điều hòa để lạnh quá độ, có cái mùi lờm lợm như tủ lạnh; ông ngồi lặng phắc hàng giờ liền, dải khói điếu Viceroy lửng lơ bay lên trần như từ một que hương, cứ như ông đang chiêm nghiêm về Phật - Pháp - Tăng trên bảng xếp hạng Hiệp hội Gôn Hoa Kỳ hay gì đó.

Điều còn chưa hiểu được là bố tôi có làm việc hay không, và nếu có, thì là thứ việc gì. Điện thoại reo bất kể ngày đêm. Ông cầm ống nghe đi ra hành lang, lưng quay về phía tôi, chống tay lên tường, nhìn xuống thảm mà nói chuyện, dáng đứng có gì đó từa tựa như ông huấn luyện viên vừa kết thúc một trận đấu khó nhằn. Thường thì ông nói rất nhỏ, nhưng ngay cả khi to tiếng thì câu chuyện cũng rất khó hiểu nếu chỉ nghe từ phía ông: *hoa hồng, dòng tiền, tài xỉu, cược thắng và tính chấp*. Phần lớn thời gian ông không ở nhà, đi có việc mà không nói là gì, và nhiều đêm ông cùng Xandra cũng không về ngủ nữa. “Bọn bố được đãi ở MGM

Grand nhiều lắm," ông giải thích và dụi mắt, lún sâu người vào đệm xô pha, thở hắt ra mệt mỏi - và lần nữa tôi lại cảm thấy ông đang diễn, diễn vai "dân chơi buồn đời", sót lại từ thập niên 80, hơi một tí là buồn chán. "Hy vọng con không phiền. Chỉ là khi nào có làm ca đêm, bọn bố ngủ lại Dải là dễ nhất."

viii.

"ĐÁM GIẤY BÌA để khắp nơi này là gì vậy?" Một hôm tôi hỏi Xandra đang loay hoay trong bếp, làm món nước uống ăn kiêng vị vani. Tôi băn khoăn khi thấy những mẩu bìa in sẵn vương vãi khắp nhà: những ô vuông được viết hàng dãy hàng dãy số đơn điệu bằng bút chì. Trông chúng có vẻ khoa học, lại có vẻ ghê ghê, như những chuỗi ADN hay có khi là thông điệp tình báo bằng mã nhị phân.

Cô ta tắt máy xay, gạt tóc trên mắt. "Cái gì?"

"Mấy cái tờ số liệu này ấy."

"Bacc*rrr*at!" Xandra đáp, uốn lưỡi thật rung, và làm một chuỗi búng tay rất rối rắm.

"Ồ" tôi nói sau một lúc im phắc, dù chưa nghe đến chữ ấy bao giờ.

Cô ta thò ngón tay vào cốc nước liếm thử. "Bọn tôi rất hay đến phòng baccarat ở MGM Grand?" Cô ta đáp. "Bố cháu thích lưu lại thông tin những ván đã chơi."

"Lúc nào cháu đi cùng được không?"

"Không được. Ờm... nhưng tôi nghĩ là có thể? cô ta nói, như thể tôi vừa ướm hỏi về kỳ nghỉ hè ở một nước Hồi giáo đầy biến động nào đấy vậy. "Nhưng người ta không mấy hoan nghênh trẻ con

đến sòng bạc đâu, hiểu không? Thực tình là cháu không được phép đến xem bọn tôi chơi."

Đã Sao, tôi nghĩ. Đứng xem bố với Xandra đánh bạc tôi cũng chẳng thấy gì là thú vị. Tôi nói lớn, "Nhưng cháu cứ tưởng họ có cả hổ với tàu hải tặc với mấy thứ kiểu ấy."

"Ờm thì, chắc có." Cô ta đang với lấy cái cốc trên giá, lộ ra một bộ tứ chữ Tàu xăm mực xanh giữa cái áo phông và cái quần cạp trễ. "Mấy năm trước họ cũng thử bán gói du lịch cả gia đình, nhưng chẳng đi đến đâu cả."

ix.

CHẮC Ở VÀO HOÀN CẢNH KHÁC tôi sẽ thích Xandra-nói thế tôi nghĩ hơi kì kì, giống như nói tôi sẽ thể sẽ thích thằng nhãi vẫn đập tôi một trận nếu như nó không đập tôi một trận. Cô ta là người đầu tiên khiến tôi nhận ra đàn bà trong độ tuổi bốn mươi - và là những người đàn bà vốn không đẹp chim sa cá lặn gì cho cam- vẫn có thể gợi cảm. Dù mặt không đẹp (mắt tí hin, mũi vừa nhỏ vừa tẹt, răng nhỏ như chuột) nhưng cô ta có thân hình đẹp, chịu khó tập tành, tay chân đều bóng và rám nắng đến nỗi trông như xịt thuốc rám, như thể cô ta đã chịu khó thoa cả đống tinh dầu hay kem lên mình. Cập kênh trên đôi giày cao, cô ta vẫn đi rất nhanh, liên tục kéo cái váy ngắn-quá-đáng, dáng người đổ về phía trước có sức hấp dẫn kỳ dị. Ở mặt nào đó tôi thấy cô gớm gớm - giọng lắp bắp, son môi bóng loáng nhờ thỏi Lip Glass, một tập đoàn lỗ tai và khe hở giữa hai răng cửa hay bị cô ta lấy lưỡi đẩy đẩy - nhưng cô ta cũng có gì đó nồng ấm, rộn ràng và khá rắn mặt nữa: một nguồn sức mạnh của loài thú, như một con mèo đang gầm gừ lùng sục săn mồi khi đã thoát khỏi cặp cao gót đi chân không.

http://tieulun.hopto.org

Coca vani, dưỡng môi vani, thức uống ăn kiêng vani, Stolichnaya vani. Từ chỗ làm về cô ta ăn mặc như một bà vợ nhà giàu lòe loẹt đi đánh tennis về, váy trắng ngắn cỡn và nữ trang vàng đeo đầy người. Ngay đôi giày thể thao cũng mới trắng lốp. Tắm nắng bên bể bơi, cô ta đeo bộ đồ hai mảnh bằng ren trắng, phơi tấm lưng to ngang nhưng gầy, hằn xương sống, như một gã đàn ông ở trần. "Ối chà, trục trặc kỹ thuật," cô ta nói khi đứng lên khỏi ghế nằm mà quên cài áo con, tôi để ý thấy bộ ngực cũng rám nắng đều như toàn bộ làn da cô.

Cô ta thích nhất là xem truyền hình thực tế: Survivor hoặc American Idol. Thích mua đồ ở Intermix và Juicy Couture. Thích gọi cho cô bạn Courtney để "xả xì-trét", và đáng tiếc thay phần lớn xì-trét đến từ phía tôi. "Mày nghĩ xem?" một hôm tôi nghe thấy cô ta nói trên điện thoại khi bố vắng nhà. "Anh ta đâu có báo trước về thứ này. Một thằng nhóc ư? Thế cơ chứ!"

"Ừ, dĩ nhiên, chuối củ lắm," cô ta tiếp, ơ hờ bập bập điếu Marlboro Light - dừng chân bên cánh cửa kính ra bể bơi, nhìn xuống bộ móng chân vừa sơn màu xanh dưa lưới. "Không," im một lúc cô ta đáp. "Giời mới biết bao lâu. Thì, anh ta nghĩ tao sẽ thấy sao chứ? Tao có phải mấy bà chỉ việc mặc đẹp đến cổ vũ cục cưng đá bóng đâu."

Cô ta dường như than thở cho có thôi chứ không hẳn thù hằn cá nhân gì. Nhưng tôi vẫn không biết đâu mới là cách đúng để cô ta thích mình. Ban đầu tôi vẫn giả định các bà tầm tuổi mẹ rất thích mình lại gần gợi chuyện, nhưng với Xandra tôi đã nhanh chóng nhận ra không nên nói đùa hay hỏi han chuyện trong ngày quá nhiều nếu cô ta cáu kỉnh khi đi làm về. Đôi khi không có bố ở nhà, cô ta chuyển kênh ESPN đang chạy và chúng tôi ngồi xem phim trên Lifetime, ăn hoa quả dầm với nhau rất thanh

bình. Nhưng khi nào bực tức, cô ta có cái kiểu nói "Hẳn rồi" băng giá đáp lại hầu hết những gì tôi nói, khiến tôi thấy mình thật ngu ngốc.

"Ừm, cháu không thấy cái mở hộp đâu cả."

"Hẳn rồi."

"Tối nay có nguyệt thực đấy."

"Hẳn rồi."

"Kìa, ổ điện bắn tia lửa ra kìa."

"Hẳn rồi."

Xandra làm ca đêm. Thường thì khoảng ba rưỡi chiều cô ta sẽ ào ra khỏi nhà trong bộ đồng phục khoe mọi đường cong: áo khoác đen, quần đen bó thít bằng chất liệu co giãn gì đấy, sơ mi bỏ cúc xuống tận chỏm ngực lấm tấm tàn nhang. Biển tên trên áo jacket ghi chữ XANDRA lớn và ở dưới, nhỏ hơn: Florida. Hôm đi ăn tối ở New York cô ta nói rằng muốn khởi nghiệp trong lĩnh vực nhà đất, nhưng tới đây tôi nhanh chóng được biết việc của cô ta là quản lý một quán bar tên "Xu Teng" trong một sòng bạc trên Dải. Đôi khi, về đến nhà, cô ta mang theo những đĩa nhựa đựng đồ ăn vặt bọc ni-lông kín, thịt viên hay teriyaki gà cỡ ngón tay mang ra cùng bố tôi ăn trong khi xem tivi tắt tiếng.

Sống cùng họ giống như ở nhà trọ cùng những người mình không mấy ưa. Khi nào họ có nhà, tôi đóng cửa ở lì trong phòng. Còn khi nào họ đi, tức là hầu như cả ngày, tôi lục lọi các ngóc ngách xa xôi hơn trong căn nhà và cố làm quen với vẻ tuềnh toàng của nó. Hầu như phòng nào cũng chỉ trơ sàn hoặc có rất ít đồ đạc, và không gian trống trải cùng thứ ánh sáng tự do chơi nhởn không bị chắn rèm, những thảm trần và ván song song làm tôi thấy hơi thất chí.

http://tieulun.hopto.org

Nhưng mặt khác, cũng thật nhẹ mình vì không còn cảm giác suốt đời phơi ra cho thiên hạ nhìn ngắm như ở nhà Barbour. Bầu trời màu xanh thẳm bất tận và lơ đãng, như lời hứa hẹn về một hào quang kỳ khôi nào đó thực ra không có thật. Chẳng ai thèm cằn nhằn khi tôi cứ mặc mãi một bộ đồ, khi tôi chẳng tiếp tục chữa trị tâm lý. Tôi cứ việc nằm ườn trên ghế hay cả sáng không ra khỏi giường, xem một lèo năm bộ phim Robert Mitchum nếu muốn.

Bố và Xandra khóa kín cửa phòng ngủ - thật không hay, vì trong phòng đó để laptop của Xandra và tôi chẳng được sờ đến chừng nào cô ta chưa về nhà, mang máy xuống cho tôi dùng trong phòng khách. Chiến lợi phẩm những cuộc lục lọi khi họ vắng nhà chỉ là tờ rơi quảng cáo nhà đất, ly rượu chân cao còn nguyên trong hộp, một chồng tạp chí TV Guides cũ, một hộp các-tông đựng những quyển sách rẻ tiền quăn queo: *Cung mặt trăng của bạn là gì?, Ăn kiêng kiểu South Beach, Đọc mặt biết bài trongpoker, Yêu thật, yêu chơi* của Jackie Collins.

Các nhà xung quanh đều bỏ không, chúng tôi không có hàng xóm. Bên kia đường cách năm sáu nhà có một chiếc Pontiac cũ đỗ đằng trước, của một bà ngực to, tóc xác xơ, dáng vẻ lúc nào cũng mệt mỏi, đôi khi tôi thấy đứng chân không trước cửa nhà lúc hoàng hôn gọi điện thoại, tay bóp chặt gói thuốc lá. Tôi gán cho bà ta cái tên "Tay Chơi" trong đầu, vì lần đầu tiên nhìn thấy bà ta đang mặc áo phông có dòng chữ "Đừng trách tay chơi -Trách cuộc chơi". Ngoài Tay Chơi ra thì người sống duy nhất từng xuất hiện trên phố này là một ông bụng bia mặc áo thể thao đen, tít dưới chỗ ngõ cụt, đẩy một thùng rác cao có bánh xe ra vệ đường (mặc dù đáng ra tôi phải cảnh báo với ông ta rằng phố này không bao giờ có xe rác đến. Khi rác đã đấy phè, Xandra bắt tôi xách túi

lẻn ra ngoài, ném vào bãi thải chỗ căn nhà mấy năm vẫn còn xây dở cách đấy mấy căn.). Ban đêm, ngoài nhà tôi và nhà Tay Chơi, phố chìm trong bóng đêm. Ở đây bị cắt rời khỏi thế giới văn minh không kém gì cuốn sách mà chúng tôi đọc hồi lớp Ba, về những đứa trẻ của giới khai phá tiên phong trên đồng cỏ Nebraska, chỉ tội chẳng có anh chị em, không có lũ động vật trang trại đáng yêu, cũng chẳng có Ba Má.

Điều khó chịu nhất là bị quẳng ở giữa nơi khỉ ho cò gáy này, không rạp phim, không thư viện, đến cửa hàng tạp phẩm cũng chẳng có luôn. "Ở đây không có xe buýt gì đó hay sao?" một tối tôi hỏi khi Xandra đang đứng trong bếp bóc lớp ni-lông bọc khay cánh gà Atomic Wings và nước chấm phô mai xanh.

"Buýt hả?" Xandra hỏi và liếm vết nước chấm trên ngón tay.

"Không có phương tiện vận tải công cộng nào sao?"

"Không hề."

"Thế mọi người làm thế nào?"

Xandra nghẹo đầu. "Họ lái xe chăng?" cô ta đáp với giọng đang trả lời một đứa ngu đần chưa hề biết đến ô tô trong đời.

Nhưng cũng có một điểm cộng: bể bơi. Ngày đầu tiên ở đây da tôi đã đỏ dừ chỉ sau một tiếng đồng hồ, dẫn tới một đêm khỏi ngủ trên ga giường mới rất ngứa ngáy. Rút kinh nghiệm sau đó, tôi chỉ bơi khi nào mặt trời bắt đầu lặn. Hoàng hôn ở nơi này rất sặc sỡ và kịch tính, những vệt cam hay đỏ thẫm hay son thắm lối Lawrence trong sa mạc vạch khắp trời rồi đột ngột đêm ụp xuống, đen thui như cánh cửa bị sập mạnh, Con chó Popper của Xandra, chủ yếu cả ngày chỉ sống trong cái lều nhựa màu nâu bên hàng rào nơi có bóng râm, chạy loăng quăng bên bể bơi sủa chóc chóc trong lúc tôi nằm ngửa trên mặt nước, tìm những

chòm sao mình biết giữa những mảng sáng lấm chấm hỗn loạn trên đầu: Thiên Cầm, Tiên Hậu, Thiên Yết cong cái đuôi cao chĩa đôi nọc độc, những sơ đồ quen thuộc từ tấm bé đã ru tôi ngủ từ bộ hành tinh dạ quang trên trần phòng ngủ ở New York. Giờ đây, trong một hình hài khác, lạnh lẽo và đường bệ như những vị thần vứt bỏ lớp giả trang, dường như chúng đã bay vọt qua mái nhà lên đến bầu trời, về lại chốn ở đích thực trên thượng giới.

x.

TÔI TRỞ LẠI HỌC vào tuần thứ hai tháng Tám. Nhìn từ xa, cái tổ hợp những tòa nhà dài và thấp màu nâu cát nối với nhau bằng những hành lang có mái, nằm giữa hàng rào quây lại, khiến tối nghĩ đến một nhà giam loại hiền lành. Nhưng vừa bước qua cửa, những tấm áp phích màu sắc tươi tắn và hành lang vang tiếng chân đã kịp khiến tôi tưởng như rơi trở lại giấc mơ xưa về trường: những cầu thang chen chúc, ánh sáng lập lòe, lớp sinh học có con Iguana[73]trong bể kính to bằng cỗ đàn dương cầm, những hành lang kê tủ đồ học sinh kề vai san sát, quen thuộc như bối cảnh một bộ phim truyền hình từng xem mê mải - và dù nơi này với trường cũ của tôi chỉ giống nhau trên bề mặt, thì một bước sóng lạ lùng nào đó vẫn mang lại cho tôi cảm giác có thực và an toàn.

Lớp Ngữ văn nâng cao thứ hai đang học *Những kỳ vọng lớn lao*[74].Lớp của tôi thì đọc *Một mình sống trong rừng*[75] tôi trốn vào cái lặng lẽ mát rượi bên trong sách, náu khỏi ánh chói gắt như tấm tôn trên sa mạc ngoài kia. Vào giờ ra chơi buổi sáng (cả lũ bị tập hợp lại lùa ra cái sân quây xích gần dãy máy bán hàng tự động), tôi đứng vào góc râm mát nhất còn tìm được cùng cuốn sách bìa mềm rẻ tiền và cầm bút chì đỏ vừa đọc vừa gạch chân những câu khiến trái tim tôi thấm thía nhất: “Phần lớn nhân

quần sống những đời đầu hàng lặng lẽ." "Có một nỗi tuyệt vọng đã thành khuôn mẫu nhưng không được ý thức, ẩn mình ngay trong những gì ta quen coi là trò chơi và giải trí của loài người."

Thoreau sẽ nghĩ ra sao về Las Vegas, những ánh sáng và ồn ào của nó, những rác rưởi và mơ xa, những hình chiếu và mặt tiền rỗng ruột?

Ngôi trường này mang; cảm giác vô thường đến mức khiến ta chao đảo. Rất nhiều đứa trẻ là con nhà quân nhân hoặc người ngoại quốc, phần lớn là các tay quyền chức được mời đến Las Vegas đảm nhiệm những công việc quản lý hay xây dựng cỡ bự. Một số đứa trong chín mười năm tuổi đời đã kịp sống qua chín mười bang, số khác thì đã từng ở nước ngoài: Sydney, Caracas, Bắc Kinh, Dubai, Đài Bắc. Ngoài ra cũng có một loạt đứa trẻ trai hoặc gái thẹn thò, lúc nào cũng tránh lẩn đằng sau, con cái những người đến đây đổi cảnh quần quật ở nông thôn lấy tấm áo hầu bàn hay hầu phòng khách sạn. Trong cái hệ sinh thái mới này, tiền hay thậm chí cả mặt mũi cũng không phải là yếu tố quyết định ai mới là kẻ nổi nhất trường; điều quan trọng, như tôi dần dà nhận thấy, là ai đã sống ở Vegas lâu nhất - chính vì thế mà mấy cô nhỏ Mexico đẹp chói lóa và đám tiểu thư công tử ngành xây dựng nay đây mai đó thì ngồi ăn trưa một mình, còn đám trẻ bậc trung ngoan ngoãn, con cái dân địa ốc hay ô tô lại lên làm trưởng lớp hay đội cổ động, tầng lớp tinh hoa không ai dám không thừa nhận của trường.

Mỗi ngày đều trong trẻo đẹp đẽ, và khi tháng Chín tới, cái ánh chói gắt đáng ghét đã chuyển qua sáng trong, một sắc màu vàng óng dìu dịu. Thỉnh thoảng tôi ăn trưa với Bàn Tây Ban Nha để luyện tiếng Tây, lúc khác lại ăn ở Bàn Đức dù không biết tiếng Đức, chỉ bởi có vài đứa trong lớp Đức II - con cái những nhà quyền

uy ở Deutsche Bank và Lufthansa - đã từng lớn lên ở New York. Trong số các môn học chỉ Ngữ văn là khiến tôi chờ đón, nhưng điều khiến tôi kinh ngạc là rất nhiều trong số lũ bạn học trong lớp không ưa Thoreau, thậm chí chê bai ra miệng ông này, cứ như ông (người từng phát biểu chưa bao giờ học được gì có ích từ một người già) là kẻ thù chứ không phải bạn. Thái độ khinh miệt doanh thương của ông khiến tôi phẫn chí, thì lại chọc cho xù lông khối đứa trẻ không ngại to giọng trong lớp Ngữ văn nâng cao. "Phải đấy," một thằng bé khó chịu, có mái tóc vuốt keo cứng đờ như mấy nhân vật *Bảy viên ngọc rồng* hét lên, "thế giới này sẽ tuyệt vời lắm nếu ai cũng *bỏ cuộc* rồi đi ủ ê trong rừng.

"*Tôi-tôi-tôi-tôi*" một đứa cuối lớp đai giọng nhõng nhẽo.

"Thế gọi là phản xã hội," một con bé to mồm háo hức chen ngang, trong tiếng cười rộ vì đứa nhõng nhẽo kia - xoay người trong ghế quay lại đối mặt với cô giáo (một người đàn bà mềm oặt, dài xương, tên là cô Spear, lúc nào cũng đi dép quai hậu nâu và mặc quần áo màu đất, mặt ủ mày chau như mắc chứng trầm cảm kinh niên). "Thoreau lúc nào cũng chỉ giỏi ngồi nhà xí dạy đời rằng sống như ông ta thích thú biết bao..."

"... Bởi vì '' - thằng Ngọc Rồng vẫn chưa nói hết, giờ nó rướn giọng lên khoái chí, "nếu ai cũng bỏ cuộc như ông ta xui khiến thì sao? Cộng đồng loài người sẽ thành cái gì nếu toàn những người như vậy? Chúng ta sẽ chẳng có bệnh viện hay gì cả. Chẳng có đường sá nữa."

"Vãi hồn," một giọng lẩm bẩm đúng lúc vang lên, vừa đủ lớn để mọi người xung quanh đều nghe thấy.

Tôi quay lại xem ai vừa nói: một đứa trông bơ phờ ngồi bên kia lớp, đang nằm xoài ra gõ ngón tay lên mặt bàn. Thấy tôi nhìn, nó nhướng một bên mày linh hoạt bất ngờ như muốn hỏi: *mày tưởng*

tượng nổi có lũ đần như thế không?

"Cô nghe thấy đằng kia có ý kiến gì phải không?" Cô spear hỏi.

"Thoreau quan tâm quái gì đến đường sá," đứa bơ phờ đáp. Khẩu âm của nó khiến tôi giật mình: lơ lớ ngoại quốc, nhưng tôi không xác định được là đâu.

"Thoreau là nhà môi trường chủ nghĩa đầu tiên," cô Spear nói.

"Cũng là người ăn chay đầu tiên," một con bé cuối lớp.

"Hèn nào," một đứa khác. "Quý ngài Nhai Rôm Rốp."

"Tất cả các cậu hiểu nhầm ý tôi rồi," thằng Ngọc Rồng tiếp tục phấn khích nói. "Phải có ai đó xây đường sá chứ không chỉ ngồi trong rừng ngắm kiến với muỗi cả ngày. Đấy gọi là văn minh."

Người hàng xóm của tôi phát ra một tiếng cười gắt, khinh miệt, như tiếng sủa. Nó gầy và trắng bệch, không sạch sẽ lắm, tóc đen rũ bết xuống trước mắt, sắc da trắng phếch bệnh tật của đứa trẻ bỏ nhà, bàn tay nổi chai, móng ray viền đen đã gặm cụt - không giống những đứa đạp ván trượt, tóc sáng bóng, da rám ở trường tôi trên Upper West Side, những đứa học đòi xõa xượi có bố là giám dốc công ty hay phẫu thuật gia nhà ở Đại lộ Công viên, thằng này có thể thả ra vỉa hè ngồi, cầm dây buộc chó hoang cũng không có gi lạc lõng.

"À, về một số câu hỏi đó, các em hãy giở lại trang mười lăm," cô Spear nói. "Thoreau nói về thí nghiệm sống của ông."

"Thí nghiệm gì chứ?" Ngọc Rồng nói. "Sống ở trong rừng như ông ta thì khác gì người nguyên thủy sống trong hang động ngày xưa?"

Thằng bé tóc đen cau mặt rồi ngồi sâu vào ghế. Trông nó giống như lũ trẻ có vẻ dạt vòm, đứng chuyển tay nhau thuốc lá ở Phố St.

Marks Place, đọ sẹo trên người nhau và xin xỏ tiền lẻ: cũng quần áo rách và cánh tay trắng khẳng khiu, cũng mớ vòng da lồng nhau nơi cổ tay. Vẻ phức tạp đa tầng của chúng là một dấu hiệu tôi không đọc ra, dù ấn tượng chung thì rất rõ: *không phải đồng loại, quên đi, tao quá chất so với mày, đừng phí công bắt chuyện*. Đấy là ấn tượng sai lạc đầu tiên của tôi về người đã trở thành bạn duy nhất ở Vegas, và như sau này thấy, một trong những người bạn quan trọng nhất đời tôi.

" Tên nó là Boris. Tình cờ chúng tôi lại đứng cạnh nhau trong đám học sinh đợi xe buýt về nhà sau giờ học.

“Ha. Harry Potter,” nó nói sau khi quan sát tôi một vòng.

“Câm mồm đi,” tôi uể oải đáp. Không phải lần đầu tiên tôi được nghe câu so sánh này ở đây. Quần áo lối New York trên người - đồ kaki, sơ mi trắng thẳng tắp, cặp kính mai rùa mà không may thay tôi không bỏ được - khiến tôi trông như một thằng quái nhân giữa một nơi ai cũng mặc ba lỗ đi dép xỏ ngón.

“Chổi của mi đâu?”

“Quẳng lại Hogwarts rồi,” tôi đáp. “Mày sao? Ván mày đâu?”

“Ê?” nó hỏi và ghé lại gần, vành bàn tay ra sau tai giả dạng ông già điếc. Nó cao hơn tôi nửa đầu; bên cạnh ủng đi rừng và quần rằn ri cũ rất quái dị, đầu gối xơ cả ra, nó còn mặc áo phông đen rách rưới có logo ván trượt tuyết và dòng chữ *Không biết hè* kiểu Gô-tich màu trắng.

“Áo mày,” tôi khẽ hất đầu. “Trong sa mạc tha hồ mà trượt nhỉ.”

“Nồ,” Boris đáp, phẩy mớ tóc đen lòa xòa khỏi mắt. “Tau đếch biết trượt. Tau chỉ ghét nắng thôi.”

Rốt cuộc chúng tôi ngồi xe cùng nhau về nhà, trên dãy ghế sát

cửa ra - rõ ràng là chỗ không ai ưa vì bọn trẻ đều xô huých nhau lao xuống hàng cuối, nhưng cả đời tôi chưa đi xe buýt đến trường bao giờ và xem ra nó cũng thế, bởi có vẻ nó cũng nghĩ rằng quăng mình xuống cái ghế trống đầu tiên trước mặt là tự nhiên nhất đời. Trong một lát chúng tôi không nói năng gì, nhưng đường đi rất xa và cuối cùng thì cũng phải bắt chuyện. Hóa ra nó cũng sống ở dưới Bóng Vực, nhưng xa hơn, ở đầu kia, đầu đang bị hoang mạc giành giật lại, có rất nhiều nhà chưa xây xong và cát lồng lộn đầy phố.

"Mày ở đây bao lâu rồi?" tôi hỏi. Ở trường này đứa nào cũng hỏi nhau câu đó, như thể hỏi án tù.

"Chả biết. Hai tháng gì đấy?" Dù nó nói tiếng Anh rất lưu loát, nặng âm Úc, vẫn có một âm điệu ngầm bên dưới, tăm tối và lè nhè, khiến tôi nghĩ đến Bá tước Dracula, hay có khi là đặc vụ KGB. "Mi ở đâu ra đấy?"

"New York," tôi nói - và được đển đáp bằng ánh mắt đánh giá lại lặng lẽ, cặp lông mày trẩm xuống như muốn nói: được đó. "Còn mày thì sao?"

Nó trề môi. "Để coi coi," nó nói, thả phịch người xuống ghế và giơ ngón tay tính từng nước. "Tau đã ở Nga, Scotland có lẽ cũng tạm nhưng tau chả nhớ gì, Úc, Ba Lan, New Zealand, hai tháng ở Texas, Alaska, New Guinea, Canada, Ả rập Xê út, Thụy Điển, U tức Ukraina..."

"Chúa ơi."

Nó nhún vai. "Nhưng chủ yếu vẫn là Úc, Nga, U tức Ukraina. Ba chỗ đó."

"Mày biết tiếng Nga không?"

Nó làm cử chỉ mà tôi nghĩ là *tàm tạm*. "Tiếng U nữa, với Ba Lan.

Dù tau cũng sắp quên ráo rồi. Hôm vừa nghĩ 'con chuồn chuồn' là cái gì mà chịu chết."

"Nói thử gì đó xem nào."

Nó làm theo, một chuỗi âm thanh lủng khủng trong họng, dâm dấp bọt.

"Nghĩa là sao?"

Nó cười khùng khục. "Nghĩa là 'Thông đít nhà mi."

"Thật á? Tiếng Nga à?"

Nó cười lớn, phô ra bộ răng ám khói rất không-Mỹ. "Tiếng U đấy."

"Tao cứ tưởng ở Ukraina người ta nói tiếng Nga."

"Ờ, cũng tùy xó. Hai thứ đó cũng không khác quá. Ầy..." - tặc lưỡi, đảo mắt - "không khác nhiều. Số, thứ trong tuần với một số chữ thì khác. Tên tau viết tiếng U kiểu khác, nhưng ở Bắc Mỹ viết kiểu Nga dễ hơn, Boris, không phải 'Borys'. Ở phương Tây ai cũng biết Boris Eltsin... " - nó nghiêng đầu -"Boris Becker... "

"Boris Badenov... "

"Hừm?" nó bật lên và quay ngoắt lại như thể vừa nghe chửi.

"Bullwinkle ấy? Boris và Natasha?"

"À phải. Công tước Boris! *Chiến tranh và hòa bình*. Tau được đặt tên theo ông đó. Nhưng họ ông là Drubetskoy chứ không phải cái mi nói"[76]

"Thế tiếng mẹ đẻ của mày là gì? Ukraina à?"

Nó nhún vai. "Chắc Ba Lan," nó nói và lại ngả người sau ghế, lắc đầu hất mớ tóc đen sang một phía. Mắt nó dữ tợn nhưng lại

tinh nghịch, và rất đen. “Mẹ tau người Ba Lan, ở Rzeszów, gần biên giới Ukraina. Tiếng Nga, tiếng U-mi biết U từng là vệ tinh của Nga Xô đó, nên tau biết cả hai. Nga thì không nhiều lắm - tiếng đó đem chửi bới là chuẩn nhất. Mấy cái tiếng Xlavơ á, Nga, U, Ba Lan, với Séc nữa, mi biết một là đủ hiểu sơ sơ cả rồi. Nhưng giờ tau thấy Anh dễ nhất.

Ngày xưa thì ngược lại.”

“Mày thấy nước Mỹ thế nào?”

“Thấy ai cũng cười rách mồm luôn! Ờ, thì không hẳn ai cũng thế.

Mi ít hơn. Tau nghĩ làm thế trông ngu vãi.”

Nó cũng là con một, như tôi. Bố nó (sinh ở Siberia, nguyên quán Novoagansk ở Ukraina) làm về khai thác và tìm kiếm mỏ. “Làm to, oách xà lách lắm - ông đi khắp thế giới.” Mẹ của Boris, là vợ hai của bố nó, đã mất.

“Mẹ tao cũng thế,” tôi nói.

Nó nhún vai. “Mẹ tau chết từ đời tám hoánh nào rồi,” nó nói. “Bả nghiện cồn. Một đêm bả say, ngã ra ngoài cửa sổ chết ngoém.”

“Uầy” tôi đáp, hơi sững người khi thấy nó kể thản nhiên đến vậy. “Ờ, chối tỉ lắm,” nó nói hờ hững, nhìn ra cửa sổ.

“Thế tóm lại mày người nước nào?” tối hỏi sau một thoáng im lặng. “Hửm?”

“À, nếu mẹ mày Ba Lan, còn bố mày Ukraina, còn mày sinh ở Úc, thế thì mày là...”

“Indonesia,” nó nói và cười hiểm độc. Nó có cặp mày rất đen, rất biểu cảm, rất quỷ quái, không ngừng nhúc nhích trong lúc

nói.

“Sao thế được?”

“Ờ, tau có hộ chiếu U. Tau cũng có cả quốc tịch Ba Lan nữa. Nhưng chỗ tau muốn về, là Indonesia kìa,” Boris nói và hất tóc khỏi mắt. “Ờ... PNG.”

”Hả?”

“Papua New Guinea. Trong mọi chỗ tau đã sống thì ở đó khoái nhất.”

“New Guinea à? Tao tưởng có bọn săn đầu người.”

“Không còn đâu. ít nhất thì cũng không nhiều. Vòng tay ở đó này,” nó nói và chỉ vào một trong vô số dây da màu đen trên cổ tay. “Bạn tau Bami làm cho tau đấy, ông nấu bếp cho nhà tau.”

“Ở đấy thế nào?”

“Không tệ,” nó nói và liếc xéo tôi bằng ánh mắt ầm ù, thích chí quen thuộc. “Tau nuôi vẹt. Ngỗng nữa. Bắt đầu học lướt sóng. Nhưng rồi sáu tháng trước, ông già xách cổ tau đến cái chỗ bẩn bẩn ở Alaska. Bán đảo Seward, ngay dưới Vòng Bắc Cực? Rồi giữa tháng Năm lại bay về Fairbanks bằng máy bay cánh quạt, xong rồi đến đây.”

“Uầy,” tôi nói.

“Trên đấy chán hộc máu luôn,” nó tiếp. “Cá thì chết, mạng thì chậm như ốc sên bò. Đáng ra tau phải bỏ nhà ra đi. Giá mà tau đã bỏ nhà ra đi,” nó chua chát nói.

“Bỏ đi rồi làm gì?”

“Ở lại New Guinea chứ sao. Sống trên bãi biển, ơn trời không phải ở lại đó cả mùa đông. Có hồi mấy năm trước nhà tau lên bắc,

tức là Canada ấy, tít trên Alberta, thị trấn có nhõn một phố cạnh sông Pouce? Trời lúc nào cũng đen kịt, từ tháng Mười đến tháng Ba, chả có cái méo gì mà làm, suốt ngày đọc sách với nghe CBC. Muốn giặt giũ phải chạy xế hộp đến năm chục cây số. Mà..-nó cười lớn - "so với Ukraina thì còn tốt chán. Như bãi Miami luôn."

"Mày bảo bố mày làm gì nhỉ?"

"Việc chính là nhậu," nó hậm hực đáp.

"Vậy có lẽ hợp bố tao."

Lại tiếng cười đột ngột như bùng nổ - cứ như nó đang phun vào mặt người đối diện. "Ờ. Được. Gái nữa?"

"Cũng không lạ," tôi đáp sau một thoáng im lặng giật mình. Dù những điều bố làm không còn gì khiến tôi ngạc nhiên mấy, nhưng cũng chưa bao giờ tôi hình dung rõ ông la cà ở mấy chỗ Cô Gái Trong Mơ hay Câu Lạc Bộ Các Quý Ông vẫn thỉnh thoảng đi qua trên đường lớn.

Xe dần vãn người, chỉ mấy phố nữa là về đến nhà tôi. "Tao phải xuống đây rồi," tôi nói.

"Về nhà tau xem tivi không?" Boris hỏi.

"À..."

"Đi nào. Chả có ma nào đâu. Tau có đĩa *S.O.S. Iceberg* đấy."

xi.

XE BUÝT THỰC RA KHÔNG ĐI đến hết Bóng Vực là nơi Boris sống. Phải đi bộ hai mươi phút từ bến cuối mới về nhà nó, giữa cái nóng như thiêu, qua những đường đầy cát. Mặc dù phố nhà mình có cả đống biển "Tịch thu trừ nợ" hay "Bán nhà" (đêm đến, tiếng

radio trên xe vang xa đến hàng dặm) nhưng tôi vẫn chưa hình dung được hết mức độ rợn người khi tới những góc xa nhất trong Bóng Vực: một thị trấn đồ chơi teo lại bên rìa sa mạc dưới vòm trời dọa dẫm. Phần lớn các nhà ở đây trông như chưa có người sống bao giờ. Những nhà còn lại chưa xây hết, cửa sổ lởm chởm không lắp kính, giàn giáo khắp quanh nhà, tường xám xịt giữa luồng cát bay, hàng chồng xi măng và vật liệu xây dựng màu vàng chất trước nhà. Các cửa sổ đóng ván càng làm tăng dáng vẻ mù lòa, xơ xác, khấp khểnh, như những bộ mặt băng bó vì thương tích. Chúng tôi càng đi thì cảm giác thê lương càng thêm kinh rợn, cứ như viếng thăm một hành tinh đã bị phóng xạ hay đại dịch quét sạch dân.

"Chúng nó xây chỗ này quá xa," Boris nói. "Giờ thì sa mạc đang chiếm lại. Nhà băng nữa." Nó cười. "Thoreau biết đếch gì, hửm?"

"Cả thị trấn này là một ngón tay thối chĩa vào Thoreau."

"Tau cho mi biết người phải ngửi thối là ai. Là những ai mua mấy cái cục nhà kia kìa. Ở đấy thậm chí cũng không dẫn nước ra được nữa.

Nhà bị lấy lại hết là vì chủ không trả tiền nổi - nên ông già tau mới thuê được rẻ bèo."

"Hà," tôi đáp sau một thoáng im lặng sững người. Chưa bao giờ tôi tự hỏi tại sao bố lại đủ tiền mua một căn nhà lớn đến như vậy.

"Ông già tau đào mỏ," bất chợt Boris nói.

"Gì cơ?"

Nó gạt mớ tóc đen đẫm mồ hôi khỏi mặt. "Ai cũng ghét nhà tau, đi đâu người ta cũng ghét. Vì lúc nào cũng hứa mỏ không hại đến môi trường, nhưng cuối cùng toàn hứa cuội. Nhưng mà ở đây thì," nó nhún vai kiểu cam chịu số phận, một cách đặc Nga, "má

ơi, cái hố cát này thì đứa chết toi nào quan tâm?"

"Hà," tôi đáp và giật mình thấy giọng cả hai vang vang trên con phố không người, "ở đây đúng là trống không, hử?"

"Ừa. Không khác chi cái nghĩa địa. Ngoài nhà tau ra thì có đúng một nhà khác - đằng kia kia. Ô tô tải bự chảng trước mặt, thấy không? Tau nghĩ là dân nhập cư chui ráo cả."

"Mày với bố mày thì hợp pháp chứ?" Đấy bị coi là một vấn nạn ở trường: nhiều đứa học sinh cũng thuộc diện nhập cư bất hợp pháp, trên hành lang có dán áp phích nói vụ này.

Nó phì một tiếng khinh miệt. "Tất lẽ dĩ ngẫu. Mỏ lo hết vụ đó rồi. Hoặc ai đó lo. Nhưng đám kia à? Phải đến hai ba chục mạng, toàn đàn ông, chui rúc trong cái nhà đó. Tau nghĩ là buôn hàng cấm đấy."

"Mày nghĩ thế à?"

"Dù sao thì cũng bốc mùi," Boris đáp giọng rùng rợn. "Tau chỉ biết thế thôi."

Nhà Boris, giữa hai lô đất trống ngập đầy rác, cũng khá giống nhà của bố và Xandra: thảm trải kín sàn, đồ điện mới sáng bóng, kết cấu các phòng giống nhau, đồ đạc chả mấy. Nhưng vào trong thì quá ấm đến thành khó chịu; bể bơi cạn nước, dưới đáy cát dày chục tấc, không thèm có sân, cả xương rồng cũng không. Tất cả các bề mặt hướng lên trên - đồ điện, mặt bếp, sàn bếp – đều phủ một lớp bụi mịn.

"Uống gì không?" Boris hỏi, mở tủ lạnh cho thấy một hàng bia Đức lấp lánh.

"Òa, cám ơn mày."

"Ở New Guinea," Boris nói và đưa mu bàn tay quệt trán, "cái

hồi tau sống ở đấy? Lụt lớn lắm. Rắn... kinh khủng và rất độc... mìn Thế chiến hai chưa nổ, nổi lềnh bềnh... ngỗng ngoẻo hàng loạt. Thêm nữa..- nó nói và bật nắp chai - "nước không uống được. Mầm uốn ván. Còn lại mỗi bia - Pepsi hết, Lucozade hết, thuốc i-ốt hết, ba tuần liền, ông già với tau, cả hội đạo Hồi nữa, chỉ có vật bia ra nhậu! Sáng bia, trưa bia, cả ngày chỉ có bia."

"Nghe cũng đâu đến nỗi."

Nó nhăn mặt. "Nhức đầu tối ngày. Bia trong vùng, ở New Guinea ấy - uống muốn ọe luôn. Ngon phải là cái này này! Tủ đá có vodka đấy."

Tôi định bảo ừ để gây ấn tượng, nhưng rồi nghĩ đến cái nóng và con đường về nhà, đành bảo, "Thôi."

Nó cụng chai với tôi. "Mi chuẩn đấy. Ban ngày nóng uống không nổi đâu. Ông già tau uống đến nỗi thần kinh bàn chân tiêu hết trơn."

"thật hả?"

"Cái đó gọi là..." - nó nhăn tít mặt để rặn mấy chữ đó ra - "rối loạn thần kinh ngoại vi" (nó phát âm là *thầng kinh ngoại gi*). "Ở Canada, bác sĩ ở bệnh viện phải dạy ông già tau tập đi đấy Ông đứng dậy, ông ngã cái oạch, ông chảy máu mũi, vui thôi rồi."

"Nghe rất có tính giải trí," tôi nói và nhớ lại những lần đã thấy bố mình bò cả bốn chân tay đi lấy đá trong tủ lạnh.

"Siêu giải trí ấy chứ. Thế ông uống chi? Ông già mi ấy?"

"Scotch. Hồi còn uống. Nghe đồn giờ bỏ rồi."

"Ha," Boris đáp, như thể đã từng nghe bài này. "Ông già tau cũng nên đổi đi - Scotch ngon ở đâv rẻ bèo. Này, muốn lên xem phòng tau không?"

Tôi cứ nghĩ sẽ thấy gì đó tựa tựa như phòng mình, nên rất ngạc nhiên khi nó mở cửa vào một không gian căng lều lộn xộn, đầy mùi Marlboro hẩm, sách chất đống tứ phía, chai bia lầu ngày, gạt tàn, cả đống khăn và quần áo bẩn tứ tung trên thảm. Tường giăng vải hoa phồng lên - vàng, xanh, chàm, tím - và một lá cờ búa liềm đỏ căng bên trên tấm đệm phủ vải batik. Cứ như một nhà du hành vũ trụ Nga vừa bị rơi tàu giữa rừng già châu Á, làm tạm chỗ trú bằng quốc kỳ và bất cứ thứ xà rông hay vải vóc bản địa nào vớ được.

"Do mày làm tất à?" tôi hỏi.

"Tau gập nó lại bỏ vào vali," Boris đáp, lăn đùng lên tấm đệm màu sắc rối ren. "Lôi ra dựng lại mất có mười phút. Mi muốn xem *S.O.S. Iceberg* không?"

"Ừ."

"Phim siêu đỉnh luôn. Tau xem sáu lần rồi. Cái đoạn cổ lên máy bay bay ra cứu đám mắc kẹt trên băng ấy?"

Nhưng rồi chúng tôi không xem *S.O.S. Iceberg* chút nào chiều hôm ấy, có lẽ vì không có lúc nào ngừng nói chuyện đủ lâu để xuống nhà bật tivi lên. Boris đã sống một cuộc đời kỳ thú hơn bất cứ thằng nhóc nào cùng tuổi mà tôi từng gặp. Hình như nó chỉ đến trường được chăng hay chớ, và lúc nào cũng là những trường dưới đáy xã hội: nhiều xó xỉnh hoang vu mà ông bố làm việc còn chẳng có trường sở nào. "Có băng ghi âm?" nó hỏi và tu một ngụm, mắt nhìn tôi. "Vẫn phải làm bài thi. Cái khó là phải có mạng mà ở Canada hay U thì không phải lúc nào cũng có."

"Thế mày làm thế nào?"

Nó nhún vai. "Đọc sách, chắc vậy." Một thầy giáo ở Texas đã kiếm được chương trình học trên mạng xuống cho nó.

“Ở Alice Springs chắc phải có trường chứ.”

Boris cười. “Tất nhiên có,” nó nói và thổi phù một dúm tóc ướt mồ hôi khỏi mặt. “Nhưng bà già chết rồi thì ông già xách tau lên bắc Úc một hồi, Arnhem Land ấy, thị xã Karmeywallag cái khỉ gì đó? Thị với chả xã. Hàng dặm đồng không mông quạnh, dân mỏ sống ở nhà xe di động hết, có một trạm xăng đèo quán bar sau lưng, bán mỗi bia với uýt ki và xăng-uých. Nhưng mà, vợ tay Mick chủ bar, tên Judy gì đó? Tau cả ngày” - nó tu một tợp rất ồn ào - “tau cả ngày xem phim sến với Judy, ngày nào cũng thế, đến tối thì ở sau quầy với bả trong lúc ông già với đám thợ mỏ uống khướt. Đến khi gió mùa thì tivi cũng tiêu luôn. Judy phải bỏ băng trong tủ lạnh cho khỏi hỏng.”

“Sao mà hỏng?”

“Thì ẩm, mốc. Mốc mọc trên giày, trên sách.” Nó nhún vai. “Hồi đó tau không tía lia như giờ đâu, vì tiếng Anh của tau lởm lắm. Lúc nào cũng ngượng, ngồi rúc một mình trong xó. Còn Judy ấy à? Bả vẫn chuyện trò với tau, tử tế lắm, dù bả nói gì tau chả hiểu. Sáng sáng tau đến chỗ bả, bả rán đồ cho tau ăn, ngon là, hôm nào cũng thế. Mưa mưa mưa. Quét nhà, rửa bát, phụ lau quầy. Đi đâu tau cũng tò tò theo như ngỗng con. Đây là chén, đây là chổi, đây là ghế, đây là bút chì. Trường học của tau là thế. Truyền hình - các băng Duran Duran và nhạc Boy George - tất cả bằng tiếng Anh. McLeod’s daughters là phim bả thích nhất. Suốt ngày xem cùng nhau, mà chỗ nào tau không hiểu? Bả giải thích. Rồi bả với tau đàm luận về mấy chị em, rồi bà khóc lúc Claire bị xe tông chết, rồi bả bảo nếu có cái nhà to như nhà Drover ấy? bả sẽ đưa tau đến đó sống, với một đống cô giúp việc, y như nhà McLeod. Bả trẻ lắm, đẹp lắm. Tóc vàng, quăn, mắt bôi xanh xanh. Ông chồng gọi bả là đĩ với cứt chó nhưng tau thấy bả trông y như

Jodi trên phim. Cả ngày bả nói chuyện với tau, hát nữa - dạy tau mấy bài trong máy nhạc thuộc hết trơn. 'Thành phố tối đen, đêm đang sống...' ít lâu là tau nói tuốt luốt. Boris nói tiếng Anh đi! Ở Ba Lan tau học nhớ được có tí ti, hế lô - ếch sờ cu mi - canh thiu không ai múc, nhưng ở với bả hai tháng tau đã nói vèo vèo vèo! Đó giờ chưa ngừng nói! Bả dễ thương lắm, tốt với tau lắm. Dù hôm nào bả cũng vào bếp khóc, vì bả chúa ghét Karmeywallag."

Đã chiều tối, nhưng trời vẫn sáng và nóng. "Này, tau đói ngấu rồi," Boris nói và đứng dậy, duỗi người làm hở ra một mảng bụng giữa quần rằn ri và áo phông rách: hóp vào, trắng phớ, như bụng ông thánh nhịn đói.

"Có gì ăn?"

"Bánh mì với đường."

"Mày đùa à."

Boris ngáp và dụi đôi mắt đỏ. "Mi chưa ăn bánh mì rắc đường bao giờ à?"

"Không có gì nữa à?"

Nó nhún vai chán chường. "Tau có phiếu giảm giá pizza. Nhưng chúng nó chả giao hàng đến xó này đầu."

"Tao cứ tưởng mày từng có đầu bếp."

"Ừa, có. Ở Indonesia. Ả rập Xê út nữa." Nó đang hút thuốc - tôi đã lắc đầu khi nó mời tôi; trông nó có vẻ phê rồi, đang dật dờ nhún nhảy quanh phòng như theo nhạc, dù không bật nhạc. "Ổng xịn cực, tên Abdul Fataah. Nghĩa là 'Kẻ hầu hạ đấng mở cổng sung túc.'"

"Thế này nhé. Về nhà tao ăn đi."

Nó phi người xuống giường, tay bỏ giữa hai đầu gối. “Gà móng đỏ nhà mi biết nấu chắc?”

“Không, nhưng cô ta làm trong bar có tiệc búp phê. Thỉnh thoảng mang đồ ăn về nhà.”

“Tuyệt cú mèo,” Boris nói và hơi lảo đảo lúc đứng dậy. Nó đã cạn ba chai bia, đang dở chai thứ tư. Đến cửa, nó lấy ô, đưa thêm tôi một cái.

“Cái này làm gì?”

Nó mở ô, bước ra ngoài. “Đi dưới ô thì mát hơn,” nó nói, mặt xanh lét trong bóng ô. “Tránh bỏng nắng.”

xii.

TRƯỚC KHI GẶP BORIS, tôi đã chịu đựng cảnh cô độc với tính điềm tĩnh khắc kỷ, không thực sự nhận ra mình cô đơn đến mức nào. Và tôi nghĩ chắc nếu tôi hoặc nó được sống trong một ngôi nhà chỉ cần phần nào bình thường, có giờ đi ngủ, có việc phải làm, có người lớn trông coi, chắc chúng tôi đã không bập vào nhau lập tức không rời như thế, nhưng sự thực là từ ngày đó chúng tôi đã thành một cặp bài trùng, cơm cùng chia, tiền có tí ít ỏi nào cùng tiêu tí nấy.

Hồi ở New York tôi cũng đã gặp nhiều đứa trẻ rất sành sỏi - đã sống ở nước ngoài, biết ba bốn thứ tiếng, mùa hè đi học ở Heidelberg, nghỉ mát ở những nơi như Rio hay Innsbruck hay mũi Antibes. Nhưng Boris, như một thuyền trưởng già lão luyện, tỏa ánh hào quang khiến chúng đều thành mờ nhạt. Nó đã từng cưỡi lạc đà, ăn sâu đuông, chơi cricket, mắc sốt rét, sống ngoài đường ở Ukraina (“nhưng chỉ hai tuần thôi”), tự mình châm

thuốc nổ, bơi dưới sông Úc đầy cá sấu răng nhọn. Nó đã đọc Chekhov bằng tiếng Nga và những người tôi chưa từng nghe tên bằng tiếng Ukraina và Ba Lan. Nó đã sống qua đêm đen giữa đông ở Nga khi nhiệt độ xuống còn âm bốn mươi độ: bão tuyết không ngơi nghỉ, tuyết, băng đen, niềm vui duy nhất là cây cọ bằng đèn neon xanh lét thắp hai tư trên hai tư ngoài cửa quán bar tỉnh lẻ mà ông bố ưa ghé vào. Dù chỉ hơn tôi có một tuổi - tức mười lăm - nó đã thực sự ngủ với một đứa con gái ở Alaska, sau khi hỏi xin điếu thuốc trong bãi gửi xe một cửa hàng tiện lợi. Cô ta hỏi nó có muốn vào xe ngồi cùng mình không, rồi thi đấu vào đó. ("Nhưng nói riêng với mi nhé?" nó nói và phì khói ra mép. "Tau không nghĩ là bả thích thú lắm đâu."

"Mày thì sao?"

"Ấy, có chứ. Nhưng mà nói riêng với mi, tau biết là mình làm hỏng kiểu hết trọi. Tau nghĩ chắc do xe chật quá.")

Hôm nào chúng tôi cũng ngồi cùng nhau trên xe về. Ở Nhà văn hóa cộng đồng xây dở trên rìa Khu Biệt thự Desatoya, nơi các cửa ra vào đều khóa và các chậu cọ đều đã chết quắt queo, có một sân chơi bỏ không để chúng tôi mua nước ngọt và kẹo que đã chảy trong những máy bán hàng mỗi ngày lại vợi đi, hoặc ngồi trên đu ngoài trời, hút thuốc và tán phét. Tính khí cáu bẳn và tâm trạng ủ dột khá thường xuyên của nó xen kẽ cùng những đợt cười ha hả rất thiếu tỉnh táo; nó rồ dại và ủ ê, nó đôi lúc khiến tôi cười muốn quặn ruột, và lúc nào chúng tôi cũng mải mê trò chuyện đến nỗi thường quên cả thời gian, nói đến khi trời đã tối mịt. Ở Ukraina nó từng chứng kiến một ông dân biểu bị bắn thủng ruột khi đang đi về phía xe hơi - nhìn tận mắt luôn, không thấy kẻ bắn, chỉ thấy ông vai rộng mặc áo khoác chật ních ngã sụp xuống giữa bóng tối và tuyết. Nó kể về cái trường nhỏ tí lợp tôn ở gần khu tự trị da đỏ

Chippewa ở Alberta, hát cho tôi nghe bài hát ru bằng tiếng Ba Lan ("Ở Ba Lan, bài tập về nhà của bọn tau là học thuộc bài thơ hay bài hát nào đó, hoặc là cầu nguyện, kiểu đó"), dạy tôi chửi tục bằng tiếng Nga ("Đấy là *mat* thứ thiệt, ở nhà tù gulag đấy"). Nó còn kể chuyện ở Indonesia đã được ông bạn đầu bếp Bami giúp cải đạo sang Hồi giáo: bỏ thịt lợn, ăn chay tháng Ramadan, cầu nguyện hướng về Mecca năm lần một ngày. "Nhưng giờ thì tau bỏ Hồi rồi," nó giảng giải và lê ngón chân cái trong bụi. Chúng tôi đang nằm ngửa trên sàn đu quay, đầu còn ong ong vì chóng mặt. "Bỏ lâu rồi."

"Tại sao?"

"Vì tau có uống tí chút." (Đây phải gọi là nói giảm nói tránh hết cỡ: Boris uống bia như bọn trẻ khác uống Pepsi, tính từ lúc chúng tôi về đến nhà sau giờ học.)

"Nhưng ai quan tâm?" tôi hỏi. "Sao phải nói cho họ biết?"

Nó khụt khịt mũi bực mình. "Vì theo đạo mà không theo giới luật là không tốt. Như thế là bất kính với đạo Hồi."

"Đã sao. Boris xứ Ả rập - nghe sang đấy chứ."

"Mi điên à."

"Không, tao hỏi thật đấy," tôi nói và cười lớn, chống khuỷu tay nhỏm dậy. "Mày tin hết mấy thứ đó à?"

"Mấy thứ gì?"

"Mấy thứ đấy. Thánh Allah với tiên tri Muhammad. 'Không có Thượng đế nào khác ngoài Allah'...?"

"Không," nó đáp, tức giận, "tau theo Hồi vì lý do chính trị."

"Hả, như thằng đánh bom bằng giày đó á?"

Nó hừ mũi cười. “Vãi nồi, không đâu. Hơn nữa đạo Hồi không tuyên giảng bạo lực.”

“Thế thì là gì?”

Nó tuột khỏi đu quay, mắt cảnh giác: “Mi nói gì là gì? Ý mi muốn nói gì?”

“Bình tĩnh! Tao chỉ hỏi thôi mà.”

“Hỏi gì?”

“Nếu mày còn cải đạo các kiểu, thế thì mày tin gì?”

Nó lại thả người xuống, bật cười như vừa được tôi buông tha. “Tin gì à? Hừ! Tau chẳng tin cái đếch gì.”

“Hử? Mày nói bây giờ á?”

“Bây giờ và chưa bao giờ. ừ... có lẽ là Mẹ đồng trinh một tí. Nhưng còn Allah với Thiên Chúa ư...? Chẳng tin lắm.”

“Thế vì cái quái gì mà mày lại muốn theo Hồi?”

“Bởi vì...” nó chìa tay, một động tác quen thuộc khi nó không biết phải làm sao “vì họ là những người tuyệt vời, họ tốt với tau lắm!”

“Cũng phải thế chứ.”

“Không, tau nói thật đấy. Họ đặt tên Ả rập cho tau nữa - Badr al-Dine. Badr là mặt trăng, như kiểu là ánh trăng trung tín ấy, nhưng họ còn bảo là, ‘Boris à, cậu là *badr* vì cậu chiếu sáng khắp nơi, sau khi cải theo hồi giáo, cậu thắp sáng thế giới bằng niềm tin của mình, cậu đi đến đâu tỏa sáng đến đấy.’ Tau thích thế, tau thích làm *badr*. Hơn nữa thánh đường rất đẹp nhé. Một cung điện cũ kỹ - sao chiếu qua, ban đêm - chim ở trên mái. Một ông già người Chà Và dạy kinh Koran cho bọn tau. Họ cũng cho tau ăn

nữa, tốt lắm, tắm rửa cho tau, cho tau quần áo sạch. Thỉnh thoảng tau ngủ gật trên thảm cầu nguyện. Và đến giờ salah, bình minh sắp lên, lũ chim thức dậy, tiếng đập cánh khắp nơi!"

Dù cái khẩu âm Ukraina pha Úc của nó rất kỳ, nhưng nó nói tiếng Anh trơn tru gần bằng tôi, và nếu tính đến chuyện mới ở Mỹ được ít lâu thì nó đã khá thành thục trong các điệu bộ amerikanskii[77]. Nó liên tục giở cuốn từ điển bỏ túi đã nát (trên đầu có viết nguệch ngoạc tên nó bằng chữ Xlavơ, với tiếng Anh nắn nót viết bên dưới: BORYS VOLODYMYROVYCH PAVIKOVSKY), còn tôi chốc chốc lại bắt được khăn giấy mua từ 7-Eleven cũ cùng những mẩu giấy vụn chép hàng loạt từ và thuật ngữ nó viết ra:

bridle and domesticate

celerity

trattoria

wise guy = Kpymoă naiịau

propinquity

Dereliction ofdutf[78]

Khi nào từ điển không đáp ứng được thì nó quay sang tôi. "Sophomore là gì?" nó hỏi tôi khi săm soi bảng tin trên hành lang. "Home Ec? Poly Sci?" (nó phát âm nghe như "politzei").[79] Hầu hết các món ăn trong căng tin nó chưa bao giờ nghe nói: fajita, falagel, tetrazzini gà tây[80]. Dù biết nhiều về phim ảnh âm nhạc nhưng nó đi sau thời đại đến hàng thập niên; nó chẳng có tí kiến thức nào về thể thao hay truyền hình, và ngoài vài nhãn xe châu Âu lớn như Mercedes hay BMW, chẳng phân biệt được ô tô nào với nhau. Tiền Mỹ làm nó hoàn toàn rối trí, cả địa lý Mỹ đôi khi

cũng vậy: California thuộc tỉnh nào? Tôi có giải đáp được cho nó thành phố nào là thủ phủ của New England không?

Nhưng nó đã rất quen ở một mình. Thức dậy đến trường, vẫy xe đi học, tự ký bảng điểm, chôm đồ ăn và sách vở ở siêu thị, mọi thứ nó đều làm một mình rất vui vẻ. Cứ khoảng tuần một lần chúng tôi lại đi bộ hàng dặm dưới cái nóng chết ngộp, náu dưới ô như những người dân bộ lạc Indonesia, tới bắt chuyến xe buýt địa phương chui rúc tên CAT mà theo tôi hiểu thì chẳng ai dùng đi tới chỗ chúng tôi ngoài tụi say, những người quá nghèo không đủ tiền mua ô tô, và tụi nhóc tì. Xe chạy lúc có lúc không, nếu lỡ chuyến chúng tôi sẽ phải đứng rất lâu chờ chuyến tới, nhưng nếu lên được sẽ chở tới một trung tâm thương mại có siêu thị rét run, lấp lánh, thiếu nhân viên, ở đó Boris sẽ chôm cho cả hai thịt sườn, bơ, trà hộp, dưa chuột (với nó là món ăn ngon tuyệt), từng gói thịt xông khói - và có lần cả thuốc ho vì tôi bị cảm - luồn vào lần lót trong cái áo mưa xám xấu kinh người (áo của người lớn, nó mặc quá rộng, vai bị xuôi xuống mang dáng dấp Đông Âu nghiêm nghị gợi về thực phẩm theo tem phiếu và những nhà máy thời Xô viết, những tổ hợp công nghiệp ở Lviv hay Odessa). Trong lúc nó đi quanh phòng thì tôi đứng gác đầu dãy kệ, run bắn lên đến nỗi thỉnh thoảng tôi còn sợ mình sắp ngất - nhưng chẳng mấy chốc chính tôi cũng đã ních đầy túi táo và sô-cô-la (cũng là những món khoái khẩu của Boris) trước khi trơ trẽn đi lại quầy trả tiền cho bánh mì và sữa cùng những món quá lớn không thủ túi được.

Hồi ở New York, quãng mười một tuổi gì đó, mẹ đã cho tôi đi học lớp Trẻ con vào bếp ở trại hè ban ngày, ở đó tôi học cách nấu vài món đơn giản: hamburger, phô mai nướng (thỉnh thoảng vẫn làm cho mẹ những đêm về khuya), và thứ mà Boris gọi là “trứng và bánh nướng". Boris ngồi trên bệ bếp, gõ gót chân vào tủ dưới và nói chuyện trong lúc tôi nấu, rồi đảm nhiệm phần dọn rửa.

Hồi ở Ukraina, nó kể, đôi khi nó phải móc túi người khác để có tiền mua đồ ăn. “Hai ba lần bị rượt toe khói,” nó nói. “Nhưng chưa bị chộp lần nào.”

"Có khi lúc nào xuống Dải đi,” tôi nói. Chúng tôi đang đứng cạnh bếp ở nhà tôi, dao nĩa cắm trên tay, ăn thịt nướng thẳng từ chảo. "Nếu muốn làm vậy thì chỗ đó tốt nhất. Chưa chỗ nào tao thấy lắm người say như vậy, lại toàn người ở xa tới."

Nó ngừng nhai, mặt nghệt ra. "Sao phải thế? Trong khi lấy ở dây dễ ợt, toàn cửa hàng bự chà há!"

“Thì cứ nói thế." Tiền tôi nhận của mấy chú bảo vệ - mà tôi và Boris chốc chốc lại tiêu vài đô, ở các máy bán hàng và tiệm 7-Eleven gần trường mà Boris gọi là “magazine”[81] sẽ còn được một thời gian, nhưng cũng không phải mãi mãi.

“Ha! Và nếu mi bị bắt tau phải làm sao, hử Potter?" nó đáp và thả một miếng thịt to tướng xuống cho con chó -nó đã dạy cho biết nhảy trên hai chân sau. “Ai sẽ nấu bữa tối cho tau? Rồi ai sẽ chăm thằng Nhọn?” Con chó Popper của Xandra, nó đã nhiễm thói quen gọi là “Bột Mì” hay “Muối” hay “Popchik” hay “Nhọn”, miễn là không phải tên thật của nó. Gần đây tôi đã cho nó vào nhà, dù như vậy là trái ý bố, vì đã ngán thấy nó lúc nào cũng kéo căng dây xích cố ngó vào cánh cửa kính và sủa muốn rụng đầu. Nhưng vào trong nó lại ngoan ngoãn bất thường; thèm khát được chú ý, nó dính chặt lấy chúng tôi, đi đâu cũng lóp ngóp chạy theo sát, lên tầng rồi xuống nhà, rồi nằm cuộn tròn trên thảm ngủ khi Boris và tôi đọc sách, cãi nhau, nghe nhạc trên phòng tôi.

“Thật đấy, Boris ạ,” tôi nói và gạt tóc khỏi mắt (tóc tôi đã mọc dài quá độ rồi, nhưng lại không muốn tiêu tiền), “tao chẳng thấy nẫng ví với nẫng thịt thì có gì khác nhau cả.”

“Khác khối luôn chứ Potter.” Nó giơ hai tay cách xa nhau để tôi thấy khác thế nào. “Một đằng là nẫng của người lao động. Một đằng là nẫng của mấy công ty giàu sụ chuyên ăn cướp của người lao động.”

“Costco đâu có ăn cướp. Đấy là siêu thị giá rẻ mà.”

“Cũng được đi. Vậy thì nẫng phương tiện sinh tồn của các công dân. Kế hoạch của mi hay gớm. Im,” nó bảo con chó vừa sủa nhặng đòi thêm thịt.

“Tao đâu có định nẫng của người lao động nghèo nào đó,” tôi nói và tự tay ném cho Popper một miếng. “Có khối loại bựa đi khắp Vegas túi đầy tiền.”

“Bựa là sao?”

“Chó đểu. Bất lương.”

“À.” Đôi lông mày đen nhọn nhếch lên. “Vậy được. Nhưng nếu mi chôm của tụi bựa, tụi găng tơ chẳng hạn, thì chúng nó sẽ thịt mi, *nie*?”

“Hồi ở Ukraina mày không sợ bị thịt à?”

Nó nhún vai. “Bị đập thì có. Nhưng không bị bắn.”

“Bắn á?”

“Ừ, *bắn*. Mi làm gì ngớ ra thế? Ai biết được cái đất nước cao bồi của mi thế nào? Thằng miễu nào cũng có súng cả.”

“Tao có nói cảnh sát đâu. Tao nói khách du lịch say khướt cơ mà. Ở đấy đầy lũ đó, tối thứ Bảy nào cũng vậy.”

“Ha!” Nó đặt chảo xuống sàn cho con chó ăn nốt. “Mi sớm muộn gì cũng xộ khám, Potter à. Đạo đức thối nát, nô lệ cho kinh tế. Mi đúng là công dân rất tồi.”

ĐẾN QUÃNG NÀY, KHOẢNG THÁNG MƯỜI, chúng tôi hầu như tối nào cũng ăn với nhau. Thường Boris sẽ uống ba bốn chai bia trước bữa tối, đến giờ ăn thì chuyển sang trà nóng. Rồi sau một cốc vodka chốt hạ sau bữa tối, thói quen mà tôi nhanh chóng học theo (“Giúp tiêu hóa thức ăn,” Boris giải thích), chúng tôi sẽ nằm bò trên giường đọc sách, làm bài, thỉnh thoảng cãi cọ, và thường thì uống đến khi ngủ thiếp trước tivi.

“Đừng đi!” một hôm Boris nói, ở nhà nó lúc tôi đứng dậy khi The magnificentseven đến đoạn kết - cuộc đấu súng cuối, Yul Brynner tụ tập đám đồng đội. “Mi sẽ lỡ phần hay nhất đấy.”

“Ừ, nhưng gần mười một giờ rồi.”

Boris - nằm ườn trên sàn - chống một khuỷu tay nhỏm dậy. Tóc dài, ngực lép, gầy như cây sậy, nó là đối bản của Yul Brynner ở hầu hết mọi khía cạnh, nhưng không hiểu sao lại phảng phất nét gia đình: cả hai đều có vẻ ranh mãnh, dè chừng, hơi thích chí và có phần hiểm ác, con mắt xếch có vẻ gì Mông Cổ hay Tatar.

“Gọi Xandra đến đón mi,” nó ngáp và nói. “Mấy giờ thì bả hết giờ làm?”

“Xandra hả? Quên đi.”

Boris lại ngáp, mắt sụp xuống vì rượu. “Thế ngủ đây luôn đi,” nó nói, lăn qua một bên và đưa một tay chùi mặt. “Họ có lo cho mi không?”

Họ có về nhà không chứ? Nhiều đêm là không. “ít khả năng lắm,” tôi nói.

“Suỵt,” Boris nói - với tay lấy thuốc và nhỏm dậy. “Xem đi. Bọn

xấu đến rồi."

"Mày xem phim này rồi à?"

"Lồng tiếng Nga, thế cơ chứ. Nhưng tiếng Nga chán lắm. Lúa lắm. Có phải dùng từ lúa không nhỉ? Giống thầy giáo hơn là tay súng, ý tau nói vậy."

xiv.

DÙ QUÃNG THỜI GIAN SỐNG ở nhà Barbour chìm trong khổ sở buồn thương, nhưng giờ nghĩ lại căn hộ trên Đại lộ Công viên, tôi thấy nuối tiếc như nhớ về Địa đàng đánh mất. Và dù ở trường có máy tính dùng viết email được, Andy lại chẳng ham viết lách và những thư từ đáp lại tôi đều khô khan đến phát buồn. (*Chào Theo. Hy vọng mùa hè của cậu vui. Bố mua tàu mới [chiếc Ahsalom]. Mẹ nhất định không chịu lên đó còn tớ thì bắt buộc phải lên, thật tệ. Lớp Nhật II thật đau đầu, còn ngoài ra ổn cả.*) Bà Barbour đều đặn trả lời mọi thư tay tôi gửi đi - một hai dòng viết trên những tấm thiếp in họ tên mua ở Dempsey và Carrol - nhưng cũng không có gì gọi là thắm thiết. Bà luôn hỏi cháu khỏe không và kết thúc bằng chúc mọi điều tốt lành, nhưng không bao giờ có gì như kiểu cả nhà nhớ cháu hay mong được gặp lại cháu.

Tôi viết thư cho Pippa ở Texas, tuy biết cô ốm quá không hồi âm lại được - vậy cũng tốt, vì rốt cuộc hầu hết thư đều không gửi đi.

Pippa thân,

Cậu thế nào? Có thích Texas không? Tớ nghĩ đến cậu nhiều lắm.

Cậu có đi cưỡi con ngựa cậu thích không? ở đây tuyệt lắm. Tớ không biết ở chỗ cậu có nóng không, vì ở đây nóng lắm.

Quá chán. Tôi xé bỏ, viết lại từ đầu.

Pippa thân,

Cậu thế nào? Tớ vẫn nghĩ đến cậu và hy vọng cậu ổn cả. Tớ hy vọng mọi chuyện ở Texas chỗ cậu vẫn ổn cực kỳ tuyệt vời. Tớ phải thú nhận rằng ở đây hơi bị chán, nhưng tớ cũng đã kết bạn với vài người và đang dần quen, chắc vậy.

Không biết cậu có nhớ nhà không? Tớ thì có. Tớ nhớ New York lắm. Ước gì chúng mình sống gần nhau hơn. Đầu cậu thế nào rồi? Tớ hy vọng là đỡ hơn. Tớ rất tiếc vì...

"Bạn gái mi à?" Boris hỏi, gặm sồn sột quả táo và liếc qua vai tôi. "Xéo."

"Nhỏ đó sao vậy?" và thấy tôi không đáp, nó hỏi tiếp: "Mi đập à?" "Hử?" tôi đáp, hơi lơ đãng.

"Đầu nó? Mi nói rất tiếc vì thế à? Đập nó à?"

"Chứ còn gì nữa," tôi đáp - và nhìn vẻ mặt nó, chăm chú, thành thật, tôi nhận ra nó đang hỏi hoàn toàn nghiêm túc.

"Mày nghĩ tao quen đánh con gái à?" tôi hỏi.

Nó nhún vai. "Có thể nó làm việc gì đó đáng ăn đập."

"Ờ... ở Mỹ chúng tao không đánh phụ nữ."

Nó nhăn mày, nhổ hạt táo khỏi miệng, "Ừ. Người Mỹ không đánh phụ nữ. Chỉ bóp mũi các nước nhỏ hơn và làm trái ý mình thôi "

"Boris, khâu miệng lại và lượn đi cho tao nhờ."

Nhưng nhận xét của nó đã làm tôi gờn gợn, và thay vì viết lại thư cho Pippa, tôi chuyển qua viết cho Hobie.

Bác Hobart kính mến,

Cháu chào bác. Bác có khỏe không? Cháu hy vọng bác khỏe. Cháu vẫn chưa viết cảm ơn bác đã rất tốt với cháu trong mấy tuần cuối cháu ở New York. Cháu hy vọng bác và Cosmo vẫn ổn, dù cháu biết chắc cả hai người nhớ Pippa lắm. Pippa thế nào rồi? Cháu hy vọng bạn ấy đã quay lại học nhạc. Cháu cũng hy vọng

Nhưng thư đó tôi cũng không gửi. Vì thế tôi đã mừng làm sao khi nhận được thư - rất dài, trên giấy đàng hoàng - của chính Hobie chứ chẳng phải ai khác.

“Con có cái gì thế?” bố tôi ngờ vực hỏi - liếc thấy dấu bưu điện New York, giật thư khỏi tay tôi.

“Sao ạ?”

Nhưng bố tôi đã kịp xé toang phong bì. Ông liếc qua thật nhanh, rồi xìu xuống. “Này,” bố trả lại tôi. “Xin lỗi bé con. Bố nhầm.”

Bản thân lá thư cũng đẹp tuyệt, một món đồ xinh đẹp: giấy dày dặn, chữ nắn nót, phảng phất gợi về những căn phòng lặng lẽ và giàu có.

Theo mến,

Bác vẫn muốn được tin để biết dạo này cháu ra sao, nhưng cũng mừng vì không thấy tin cháu, vì bác hy vọng thế nghĩa là cháu đang có một cuộc sống bận rộn và hạnh phúc, ở đây lá-cây đã chuyển màu, Quảng trường Washington ướt sũng, vàng ươm, và khí trời lành lạnh. Mỗi sáng thứ Bảy, Cosmo và bác lại rong ruổi quanh Làng Greenwich - bác bế nó vào cửa hàng phô mai, không biết như vậy có thực là hợp pháp không, nhưng các cô bé

bán hàng để dành cho nó những mẩu phô mai nho nhỏ. Nó cũng nhớ Pippa không kém gì bác, nhưng giống như bác, cũng vẫn thích ăn uống như vậy. Bây giờ thỉnh thoảng bác và nó ăn bên lò sưởi, vì lão Giá Đông đã thống ngự đường phố rồi.

Bác hy vọng là cháu đã dần quen với nơi mới và có bạn bè. Khi gọi điện cho Pippa, con bé có vẻ không được vui tươi lắm, dù hiển nhiên là sức khỏe có khá hơn. Tới dịp Tạ ơn bác sẽ đi máy bay xuống đó. Bác không hiểu Margaret có vui vẻ gì khi thấy bác không, nhưng Pippa muốn gặp, nên bác sẽ đi. Nếu được mang Cosmo lên máy bay thì có thể bác sẽ đưa cả nó theo.

Bác gửi ảnh kèm đây vì nghĩ chắc cháu sẽ thích - ảnh một cái tủ ngăn kéo Chippendale vừa mới tới, tình trạng rất tệ, bác được biết nó bị cất trong nhà kho không được sưởi ấm đâu gần Watervliet ở New York. Bị sứt sẹo rất nhiều, mặt vỡ đôi, nhưng hãy nhìn cái chân móng ôm cầu ấy - đường lượn cong vút, các ngón vuốt chịu lực, ảnh chụp không lên lắm, nhưng cháu cũng thấy chỗ móng cắm xuống thảm đấy. Đúng là một tuyệt tác, bác chỉ ước sao người ta từng chăm sóc nó cẩn thận hơn. Không biết cháu có nhìn thấy những đường vân tuyệt vời trên mặt tủ không - quả là kỳ diệu!

Còn về cửa hiệu - một tuần bác cũng mở cửa dăm ba lần, khi có khách hẹn, nhưng chủ yếu bác chỉ loay hoay dưới hầm làm việc với những đồ khách quen gửi đến. Bà Skolnik và mấy người hàng xóm khác có hỏi cháu - ở đây nói chung mọi thứ vẫn vậy, chỉ trừ bà Cho bên chợ Hàn Quốc bị đột quỵ tí chút (rất nhẹ thôi, giờ bà đã đi làm trở lại rồi). Và cái quán cà phê bên Hudson bác thích thì đóng cửa rồi, một điều rất buồn. Sáng nay bác đi bộ ra đó và trông có vẻ như nó đang bị cải tạo thành... bác cũng không biết gọi là gì nữa. Một thứ cửa hàng bán đồ lưu niệm Nhật.

Bác nhận ra là như thường lệ, bác đã nói dài quá và sắp hết chỗ rồi, nhưng bác cũng hy vọng cháu đang khỏe mạnh, vui vẻ, và ở đó cũng không cô đơn như cháu sợ lúc trước. Nếu bác giúp gì được cho cháu các việc đằng này, hay là việc gì cũng được, cứ tin rằng bác sẽ rất vui được giúp.

XV.

ĐÊM ĐÓ, Ở NHÀ BORIS - say mềm nằm trên phần đệm trải vải batik của mình - tôi cố nhớ thử xem Pippa trông như thế nào. Nhưng mặt trăng chiếu vào cửa sổ không rèm thật to và rõ nét khiến tôi lại nghĩ đến câu chuyên mẹ từng kể, đi xem triển lãm ngựa cùng ông bà ngoại hồi bé, ngồi băng sau chiếc Buick cũ. “Đi nhiều lắm, đôi khi cả mười tiếng, qua vùng đất cứng. Vòng quay khổng lồ này, sân rodeo rắc mạt cưa, khắp nơi là mùi bắp rang và phân ngựa. Một đêm ở San Antonio, mẹ đang dỗi - đòi phòng mình, con hiểu không, đòi chó và giường mình - thì ông ngoại bế bổng mẹ lên trên sân hội chợ, bảo mẹ nhìn lên trăng. ‘Mỗi khi thấy nhớ nhà,’ ông bảo, ‘con hãy nhìn lên trời, vì con có đi đâu thì vẫn là trăng ấy.’ Thế nên khi ông mất, mẹ phải đến nhà dì Bess - mà cả bây giờ, trong thành phố, cứ khi nào thấy trăng rằm, mẹ lại thấy như ông đang bảo mẹ đừng ngoái lại đằng sau, đừng buồn bã, vì nhà đi theo mẹ bất cứ nơi nào mẹ đến.” Mẹ hôn lên mũi tôi. “Hoặc là nơi nào con đến, cún con à. Con là trung tâm trái đất của mẹ.”

Tiếng sột soạt bên cạnh tôi. “Potter?” Boris hỏi. “Vẫn thức à?”

“Tao hỏi mày một câu được không?” tôi nói. “Trăng ở Indonesia trông thế nào?”

“Mi hót cái gì thế?”

“Hoặc là, ờ, ở Nga chẳng hạn? Có giống như ở đây không?”

Nó giơ tay cốc khẽ vào đầu tôi - một cử chỉ quen thuộc tôi đã học được nghĩa là đồ ngốc. “Ở đâu chả vậy,” nó nói và ngáp dài, chống cổ tay đeo vòng khẳng khiu nhỏm dậy. “Sao thế?”

“Không biết,” tôi nói, rồi sau một thoáng im lặng căng thẳng: “Mày nghe thấy không?”

Có tiếng cửa sập. “Cái gì thế?” tôi hỏi và lăn lại gần nó. Cả hai nhìn nhau lắng nghe. Dưới nhà có tiếng nói - tiếng người, tiếng người đi lại va chạm, tiếng uỳnh như có thứ gì bị vấp đổ.

“Bố mày à?” tôi hỏi và nhỏm dậy - rồi nghe giọng phụ nữ say khướt, chói lói vang lên.

Boris cũng ngồi dậy, gầy kheo, trắng nhợt trong ánh sáng từ cửa sổ. Dưới nhà nghe như có tiếng ném đồ và đẩy bàn ghế.

“Họ nói gì thế?” tôi hỏi khẽ.

Boris lắng nghe. Tôi nhìn thấy từng chỗ lồi lõm trên cổ nó. “Vớ vẩn ấy mà,” nó nói. “Say hết rồi.”

Hai đứa chúng tôi ngồi lắng nghe - Boris chú tâm hơn tôi.

“Thế ai dưới đó với bố mày đấy?” tôi hỏi.

“Ả phò nào đấy.” Nó nghe một lúc, mày hằn lên, nửa mặt nổi rõ trong ánh trăng, rồi lại ngả mình xuống. “Hai con.”

Tôi lẩn ra xa xem iPod. 3 giờ 17 phút sáng.

“Mẹ nó,” Boris rên lên và gãi bụng. “Câm đi cho tau nhờ?”

“Tao khát nước,” tôi nói, sau một lúc rụt rè im lặng.

Nó khịt mũi. “Ha! Khuyên mày khôn hồn thì đừng chìa mặt xuống dưới đó.”

“Họ đang làm gì?” tôi hỏi. Một trong hai người đàn bà vừa thét lên - cười hay hoảng vía thì không biết.

Chúng tôi nằm im phắc như tượng gỗ, nhìn trần nhà, nghe những tiếng sầm sầm bất thường bên dưới.

“Tiếng Ukraina à?” một lúc sau tôi hỏi. Dù không hiểu họ nói gì, tôi cũng đã chơi với Boris đủ lâu và bắt đầu phân biệt được âm tiếng Ukraina với Nga.

“Mười điểm, Potter. Châm thuốc cho tau đi.”

Chúng tôi thay nhau hút điếu thuốc trong bóng tối, tới khi lại có tiếng cửa sầm ở đâu đó, những giọng nói lặng đi. Cuối cùng Boris cũng thở hắt ra, tiếng thở hết chuyện đặc khói, rồi lăn người dụi điếu thuốc vào cái gạt tàn đầy ứ bên giường. “Ngủ ngon,” nó thì thầm.

“Ngủ ngon.”

Nó ngủ thiếp gần như lập tức - tôi nghe thấy tiếng thở - nhưng tôi còn thức hồi lâu, cổ họng khê đặc, đầu váng vất buồn nôn vì thuốc. Làm sao tôi lại lọt vào cuộc đời mới lạ lẫm này, bên những người nước ngoài say khướt la thét trong đêm, quần áo trên người đều bẩn thỉu, và chẳng có lấy một ai yêu mình? Boris đã ngủ lịm, ngáy ran bên cạnh tôi. Đến gần sáng khi cuối cùng cũng thiếp ngủ, tôi mơ thấy mẹ: ngồi đối diện tôi trên tàu số 6, hơi lắc lư, khuôn mặt điềm tĩnh trong luồng sáng nhân tạo nhấp nhánh.

Con ở đây làm gì ? mẹ nói. *Về đi! Về ngay! Mẹ đợi con ở nhà*. Chỉ có điều giọng nói không giống lắm, và khi nhìn kỹ lại tôi nhận ra không phải mẹ, chỉ là ai đó vờ làm mẹ. Và giật mình, thở gấp, tôi choàng dậy.

http://tieulun.hopto.org

BỐ CỦA BORIS LÀ MỘT NHÂN VẬT KỲ BÍ. Theo lời chính Boris: ông suốt ngày trực ở mỏ, ở nơi đồng không mông quạnh, ở cùng đám thợ dưới quyền có khi hằng tuần. “Không thèm tắm,” Boris nghiêm khắc nhận xét. “Người lúc nào cũng khắm mùi rượu.” Cái đài thu thanh sóng ngắn rã rượi trong bếp là của ông (“Từ thời Brezhnev,” Boris nhận xét, “nhất định không chịu vứt đi”), cả mấy tờ báo tiếng Nga và USA Today đôi khi tôi thấy quanh nhà. Một hôm tôi vào một trong mấy phòng tắm (trông khá kinh dị - không màn tắm, không bệ ngồi toilet, cả trên lẫn dưới nhà, trong bồn tắm mọc thứ gì đen đen) và suýt đứng tim vì chạm mặt một bộ vét của ông, ướt đẫm, mùi chua loét, lủng lẳng như người treo cổ trên cọc treo màn tắm: xơ xác, méo mó, chất len nâu vón thành cục ngả màu như rễ cây bới lên, nhỏ nước tong tỏng xuống sàn như một thứ quỷ thở hơi nước nào đó ở nông thôn hoặc có thể là quần áo lọt vào lưới rê tìm xác của cảnh sát.

“Sao?” Boris hỏi khi tôi chui ra.

“Bố mày tự giặt vét à?” tôi hỏi. “Trong bồn rửa tay ấy à?”

Boris - tựa vào khung cửa và gặm móng tay cái - chỉ nhún vai chống chế.

“Mày đùa chắc,” tôi nói và khi thấy nó vẫn nhìn tôi: “Sao? Ở Nga không có khái niệm giặt khô hả?”

“Ông có cả lố trang sức với đồ hiệu,” Boris làu nhàu, vẫn cắn móng tay. “Đồng hồ Rolex, giày Ferragamo. Ông thích giặt kiểu gì chả được.”

“Ừm,” tôi đáp và đổi đề tài. Mấy tuần trôi qua không có gì gợi nhắc đến ông bố. Nhưng rồi một hôm Boris đến muộn-lớp Ngữ văn nâng cao, dưới mắt có vết bầm tím như màu rượu vang.

“À, bóng bầu dục đập vào mặt thôi,” nó hớn hở đáp khi cô

Spear (hay là “Spirsetskaya” như nó gọi) ngờ vực hỏi có chuyện gì xảy ra vậy.

Tôi biết ngay là nói dối. Liếc sang chỗ nó ở bên kia lớp, suốt giờ bàn luận chán ngấy về Ralph Waldo Emerson tôi chỉ băn khoăn không hiểu làm sao nó lại rước lấy vết thâm như vậy sau khi tôi rời đó đêm qua, về nhà dắt Popper đi dạo - Xandra buộc con chó ngoài đường nhiều đến mức tôi bắt đầu cảm thấy nghĩa vụ của mình là chăm sóc nó.

“Mày làm gì vậy?” tôi hỏi khi đuổi kịp nó sau giờ học.

“Hửm?”

“Kiếm đâu ra được quả mặt đó?”

Nó nháy mắt. “Thôi nào,” nó nói và đụng vai vào vai tôi.

“Làm sao? Mày say hả?”

“Ông già tau về nhà,” nó nói và khi thấy tôi không phản ứng: “Còn gì khác hử Potter? Chứ mi nghĩ sao?”

“Trời ạ, vì sao chứ?”

Nó nhún vai. “May mà mi về rồi,” nó nói và dụi bên mắt lành. “Thấy ông về tau choáng luôn. Đang ngủ trên xô pha dưới nhà. Ban đầu tưởng mi cơ.”

“Thế có chuyên gì?”

“À,” Boris thở dài sườn sượt; nó đã hút thuốc trước khi đi học, tôi ngửi thấy. “Ông thấy vỏ bia trên sàn.”

“Bố mày đánh vì mày uống bia à?”

“Vì ông bí tỉ rồi, hiểu chưa, ông uống đến não bốc hơi rồi - tau nghĩ ông cũng chẳng biết đang đập tau đâu. Sáng nay thấy cái mặt tau, ông khóc rồi xin lỗi xin phải. Mà dù sao thì cũng còn

chán ông mới về nữa."

"Tại sao?"

"Ngoài kia đang rối beng lên, ông bảo thế. Còn mất tích cả ba tuần nữa kia. Mỏ đó nằm gần một cụm nhà thổ của nhà nước, hiểu chửa?"

"Có phải của nhà nước đâu," tôi nói - và rồi nghĩ biết đâu đúng là thế.

"Mi hiểu ý tau đấy. Nhưng cũng có điểm sáng - ông cho tau tiền."

"Nhiêu?"

"Bốn nghìn."

"Mày đùa à."

"Không, không" - nó vỗ trán - "đang tính theo rúp, xin lỗi! Quãng hai trăm đô, nhưng thế là ngon rồi. Đáng phải moi thêm, nhưng tau không dám."

Chúng tôi đã đến ngã ba hành lang khi tôi phải rẽ sang lớp Đại Số còn Boris thì sang lớp Nhà nước Mỹ - đấy là nỗi khổ của đời nó. Lớp này là bắt buộc, cực dễ ngay cả so với tiêu chuẩn thấp chạm đáy của trường tôi, nhưng bắt Boris nhồi vào đầu Tuyên ngôn nhân quyền với các quyển tường minh và hàm ẩn của Quốc hội Mỹ là một việc khiến tôi nhớ lại cái hồi cố giải thích cho bà Barbour hiểu thế nào là máy chủ Internet.

"Ờ, gặp mi sau," Boris nói. "Này, giải thích lần chót coi, Ngân hàng Liên bang với Cục dự trữ Liên bang khác nhau cái mẹ gì?"

"Mày có kể với ai không?"

"Kể cái chi?"

“Đấy.”

“Sao, mi muốn báo công an tau à?” Boris cười lớn.

“Không phải mày. Ông ấy cơ.”

“Tại sao? Làm thế thì được cái con khỉ gì? Mi nói coi. Được cái lệnh trục xuất cho tau à?”

“Ừ,” tôi đáp, sau một hồi im lặng khó xử.

“Nên tối nay tụi mình đi xõa thôi!” Boris nói. “Ăn hiệu nhé! Đồ Mexico chẳng hạn.” Sau khoảng thời gian ngờ vực và phàn nàn ban đầu, Boris đã chuyển sang khoái thức ăn Mexico - ở Nga chẳng hề có, nó bảo vậy, quen rồi thì thấy cũng không tệ, mặc dù nếu cay quá thì nó chẳng ăn đâu. “Có thể đi buýt.”

“Hiệu Tàu gần hơn. Ăn cũng ngon hơn.”

“Ờ, nhưng mà... nhớ chưa?”

“À ờ,” tôi đáp. Lần cuối cùng ăn ở đó, chúng tôi đã chuồn đi không trả tiền. “Quên khuấy.”

xvii.

BORIS KHOÁI XANDRA hơn tôi nhiều: lúc nào cũng chạy tới mở cửa cho cô ta, khen kiểu tóc mới, xung phong mang giúp đồ vân vân. Tôi đã chọc ghẹo nó kể từ hôm thấy nó nhìn xuống ngực áo khi cô ta nghiêng người lấy cái điện thoại trên mặt bếp.

“Ấy, thế mới gọi là bốc lửa chứ,” Boris từng bình phẩm khi chúng tôi vừa lên phòng. “Mi bảo ông già mi có càu nhàu không?”

“Chắc cũng cóc cần biết đâu.”

“Không, tau nói thật, mi nghĩ ông già mi có làm gì tau không?”

“Làm gì nếu có chuyện gì?”

“Nếu tau với Xandra.”

“Tao cóc biết. Chắc là gọi cảnh sát chăng.”

Nó khịt mũi khinh bỉ. “Tội gì?”

“Không phải mày. Bả cơ. Giao cấu với trẻ vị thành niên.”

“Được thế thì tốt nhỉ.”

“Cứ quất bả đi nếu mày muốn,” tôi nói. “Bả đi tù thì tao cũng không xót.”

Boris lật người nằm ngửa, ranh mãnh nhìn tôi. “Bả chơi tuyết, mi biết không?”

“Gì?”

“Cocaine.” Nó làm bộ hít.

“Mày đùa à,” tôi nói và khi thấy nó cười khẩy: “Sao mày biết?”

“Tau biết, thế thôi. Cái kiểu bả nói chuyện. Lại thường xuyên nghiến răng. Thỉnh thoảng tau vẫn quan sát bả.”

Có quan sát tôi cũng không biết phải để ý thấy gì. Nhưng rồi một chiều chúng tôi về nhà khi bố đi vắng, thấy cô ta đang đứng thẳng lên từ bàn cà phê sau khi hít, một tay giữ tóc sau gáy. Khi cô ta ngửa cổ lên, ánh mắt đậu lại trên chúng tôi, có một giây không ai nói gì hết, rồi cô ta ngoảnh đi như không thấy chúng tôi ở đó.

Chúng tôi cứ đi tiếp lên tầng, tới phòng tôi. Dù chưa thấy ai hít thuốc bao giờ, thì cả tôi cũng hiểu được đấy là cô ta đang làm gì.

“Uầy, sexy vãi,” Boris nói sau khi tôi đóng cửa. “Không hiểu bả giấu đâu?”

“Biết được,” tôi nói và nằm vật ra giường. Xandra đang rời nhà, tôi nghe tiếng xe ra khỏi sân.

“Mi bảo bả có chia cho tụi mình tí không?”

“Có thể sẽ chia cho mày tí.”

Boris ngồi xuống sàn bên giường, đầu gối co lên, lưng tựa vào tường. “Mi nghĩ bả bán cái đó không?”

“Không thể nào,” tôi nói sau một thoáng im lặng ngỡ ngàng.

“Mày nghĩ thế à?”

“Ha! Nếu có thì mi trúng mánh.”

“Sao thế được?”

“Tiền đầy nhà, chứ sao.”

“Trúng to quá đấy.”

Nó ném cái nhìn tinh ranh lên tôi đánh giá. “Ở nhà này ai trả hóa đơn hả Potter?” nó hỏi.

“Hử.” Đấy là lần đầu tiên tôi nghĩ đến câu hỏi ấy, dù lập tức nhận ra điều đó có giá trị thực tế to lớn như thế nào. “Tao không biết. Chắc là bố. Dù Xandra cũng góp một ít.”

“Thế ông lấy đâu ra? Tiền ấy?”

“Chịu,” tôi đáp. “Ổng gọi điện thoại cho người này người kia rồi ra khỏi nhà.”

“Nhà có cuốn séc nào không? Hay tiền mặt?”

“Không. Không bao giờ. Thỉnh thoảng có xèng thôi.”

“Thì cũng như tiền thôi,” Boris nói nhanh và nhổ cái móng tay cắn ra xuống sàn.

“Ừ. Mỗi tội muốn đổi ra tiền ở sòng thì phải trên mười tám.”

Boris cười khùng khục. “Nào. Cần thì nghĩ ra nhanh thôi. Mặc cho mi đồng phục cái trường bảnh chọe có huy hiệu đó, cử mi đến bên ghi-sê, ‘Xin phép cô cho tôi hỏi...’ ”

Tôi lăn lại, thụi thật mạnh vào tay nó. “Câm mõm,” tôi nói, tức mình khi thấy nó nhại giọng tôi một cách rất lè nhè và chảnh chọe.

“Nói năng kiểu đó không ăn thua đâu, Potter à,” Boris khoái chá đáp và xoa tay. “Người ta sẽ chẳng nhả cho mi lấy một xu. Nhưng, ý tau là, tau biết chỗ để sổ séc của ông già, và nếu tình hình đến lúc tình hình..- nó ngửa hai bàn tay ra - “phải chứ?”

“Phải.”

“Đấy, nếu phải viết séc khống, tau sẽ viết séc khống,” Boris nói giọng triết lý. “Biết có cửa ấy là tốt. Tau không bảo mi bẻ cửa vào phòng lục đồ, nhưng để mắt vẫn hơn, hửm?”

xviii.

BỐ CON BORIS không ăn Tạ ơn, Xandra và bố tôi thì đã đặt Suất Ngày Lễ Đặc Biệt Dành Cho Hai Người ở một nhà hàng Pháp trong MGM Grand. “Con muốn đi cùng không?” bố hỏi khi thấy tôi nhìn tờ rơi để trên bếp: trái tim, pháo hoa, cờ tam tài tung tóe trên một đĩa gà tây quay. “Hay là có kế hoạch riêng rồi?”

“Không ạ, cảm ơn bố.” Bố đang tỏ ra tử tế, nhưng chỉ nghĩ đến chuyện xía vào giữa bố và Xandra trong cái Ngày Đặc Biệt Dành Cho Hai Người khỉ gió đã khiến tôi thấy muốn bỏ chạy. “Con có kế hoạch rồi.”

“Thế con định làm gì?”

“Con ăn Tạ ơn với người khác.”

“Người nào?” bố tôi hỏi, một biểu hiện quan tâm săn đón khá hiếm có. “Bạn à?”

“Để tôi đoán xem,” Xandra nói - chân đất, mặc áo thun của đội Cá heo Miami là bộ đồ ngủ của cô ta, đang nhìn tủ lạnh. “Chính cái người vẫn ăn sạch cam và táo tôi mang về nhà.”

“Thôi nào,” bố tôi nói giọng ngái ngủ, đi lại đằng sau lưng ôm lấy cô ta, “em thích cái cậu Russki con - tên gì nhỉ - Boris ấy mà.”

“Tất nhiên là thích rồi. Chắc vậy cũng tốt, vì cậu ta ở đây gần như cả ngày. Mẹ nó,” cô ta nói - vặn người thoát khỏi bố, đập lên đùi trần - “ai để con muỗi này vào đây? Theo, tôi không hiểu sao cháu cứ toàn quên đóng cửa ra bể. Tôi đã nói cháu hàng chục lần rồi.”

“A, hai người biết đấy, con vẫn có thể đi ăn Tạ ơn với hai người nếu hai người thật sự muốn,” tôi thản nhiên nói, dựa vào bếp. “Tại sao không nhỉ.”

Tôi cố tình nói vây để chọc tức Xandra, và hài lòng khi thấy mình đạt mục đích. “Nhưng bàn đặt chỉ cho hai người thôi,” Xandra nói, gạt tóc ra sau và nhìn bố.

“À, chắc là họ cũng sẽ nghĩ ra cách thôi.”

“Sẽ phải gọi trước đấy.”

“Ừ, gọi đi,” bố tôi nói và vỗ vào lưng cô ta một cái, vẻ hơi say thuốc, rồi lê chân vào phòng khách xem xét kết quả bóng bầu dục.

Xandra và tôi đứng nhìn nhau một lúc, rồi cô ta ngoảnh đi, như nhìn vào một viễn cảnh tăm tối không hy vọng về tương lai.

“Tôi cần uống cà phê,” cô ta uể oải nói.

“Không phải cháu để cửa mở.”

“Tôi không biết là ai cứ mở suốt. Tôi chỉ biết là mấy cái kẻ bán hàng Amway kỳ quái kia không chịu xả bể trước khi chuyển đi, và giờ thì nhìn đâu cũng thấy một triệu tỷ con muỗi - kìa lại một con, chết tiệt.”

“Nào, cô đừng cáu. Cháu không nhất thiết phải đi với hai người đâu.”

Cô ta đặt hộp đựng phin cà phê xuống. “Vậy cháu bảo sao?” cô ta hỏi. “Tôi nên gọi đổi đặt chỗ, hay là không?”

“Hai người đang nói chuyện gì thế?” giọng bố tôi lờ mờ vọng ra từ phòng bên cạnh, giữa một ổ những miếng lót cốc có vết nước, bao thuốc lá cũ, và tờ chơi baccarat đã đánh dấu.

“Không có gì,” Xandra đáp lớn. Rồi vài phút sau, khi máy pha cà phê bắt đầu lục bục, cô ta dụi mắt và nói giọng khản đi vì ngái ngủ, “Tôi đâu có nói là không muốn cháu đi.”

“Cháu biết. Cháu đâu có bảo là cô nói thế.” Rồi tiếp: “Tiện thể nói cho cô biết, không phải cháu để cửa mở. Đấy là bố để khi ra ngoài gọi điện.”

Xandra với tay vào tủ bếp lấy ca cà phê Hành tinh Hollywood ngoái lại nhìn tôi. “Không phải là cháu đến ăn tối ở nhà nó chứ?” cô ta hỏi. “Cậu Russki nhỏ gì đó?”

“Không. Chúng cháu chỉ ở đây xem tivi thôi.”

“Cháu có muốn chúng tôi mang thứ gì về không?”

“Boris thích mấy cái xúc xích con cô vẫn mang về ấy. Còn cháu thích cánh gà. Cánh gà nóng ấy.”

“Còn gì nữa không? Mấy cái nem Tây Ban Nha bé tí xíu thì sao? Cháu cũng thích mấy cái đó phải không?”

“Thế nữa càng tốt.”

“Được rồi. Sẽ chuẩn bị đủ cho các cậu. Miễn là tránh xa thuốc lá của tôi ra, thế thôi. Cháu có hút tôi cũng chẳng thấy sao đâu,” cô ta nói và giơ một tay chặn tôi lại, “tôi cũng không định tố cháu, nhưng có ai đó cứ suốt ngày moi cả bao trong túi thuốc khiến tôi tốn phải đến hăm lăm đô mỗi tuần.”

xix.

TỪ HÔM BORIS XUẤT HIỆN với bên mắt bầm tím, tôi đã dựng lên trong đầu hình ảnh một người bố kiểu Bôn sê vích cổ bự, mắt hí, tóc húi cua. Thực tế thì, như cuối cùng tôi đã kinh ngạc mà giáp mặt ông, ông có vóc dáng gầy guộc và khuôn mặt tái nhợt của một thi sĩ đói dở. Xanh rớt với bộ ngực hóp hép, ông đốt thuốc không ngừng, mặc áo sơ mi rẻ tiền đã xám qua nhiều lần giặt, và uống hết chén này đến chén khác thứ trà bỏ đường. Nhưng khi nhìn vào mắt ông, ta sẽ hiểu vẻ bề ngoài mong manh ấy chỉ là lường gạt. Ông rắn rỏi, mãnh liệt và bốc ra thứ hung khí dữ tợn - xương nhỏ, mặt gồ ghề giống như Boris, nhưng trong vành mắt đỏ rịm phát ánh nhìn hiểm độc và hàm răng ám vàng nhỏ tí như răng cưa. Dáng vẻ ông gợi nhớ đến một con cáo hoang dại.

Dù đã từng liếc thấy ông đi qua và nghe thấy ông (hoặc ai đó mà tôi nghĩ là ông) va vấp trong nhà Boris ban đêm, nhưng tôi vẫn chưa có dịp đối diện trực tiếp với ông cho mãi đến trước lễ Tạ ơn vài ngày. Hôm đó sau buổi học chúng tôi đi bộ về nhà Boris, vừa cười vừa nói chuyện, thì thấy ông đang gập người bên bàn

bếp, chai và cốc gần bên. Quần áo xộc xệch nhưng ông lại đi giày rất đắt tiền và đeo đủ thứ vàng diêm dúa, và cặp mắt đỏ ngước lên nhìn làm chúng tôi ngậm miệng ngay lập tức. Dù ông nhỏ người mảnh khảnh, khuôn mặt vẫn toát lên vẻ gì đó khiến người ta e dè không dám lại gần.

“Chào bác,” tôi ngập ngừng nói.

“Chào,” ông đáp - mặt cứng đanh, giọng trọ trẹ hơn nhiều so với Boris, rồi quay sang nó nói gì đó bằng tiếng Ukraina. Tiếp đó là một cuộc trao đổi ngắn gọn mà tôi tò mò quan sát. Thật thú vị khi thấy Boris biến đổi hoàn toàn lúc chuyển sang dùng một thứ tiếng khác - gần như hào hứng hơn, hoặc tỉnh táo hơn, như có một con người khác năng động hơn đã chiếm lấy cơ thể nó.

Rồi đột ngột, ông Pavlikovsky chìa cả hai tay ra cho tôi. “Cảm ơn cậu,” ông nói giọng nặng trịch.

Dù sợ phải đến gần ông - cứ như đến gần một con thú hoang - tôi vẫn tiến tới và cũng chìa hai tay rất lúng túng. Ông nắm lấy bằng hai bàn tay lạnh toát, da chai sần.

“Cậu là người tốt,” ông nói, mắt vằn đỏ, ánh nhìn dữ dội. Tôi muốn ngoảnh đi, rồi lại tự thấy ngượng.

“Cầu Chúa ban phúc cho cậu và luôn bên cậu,” ông nói. “Cậu như là con trai tui vậy. Vì đã đón con tui vào với gia đình cậu.”

Gia đình tôi? Tôi luống cuống nhìn qua Boris.

Ánh mắt ông Pavlikovsky cũng đánh theo. “Mầy nói với cậu ấy tau bảo gì rồi chứ?”

“Ổng bảo rằng mi là một thành viên của gia đình tau ở đây,” Boris nói giọng chán ngấy, “và nếu có bất kỳ điều gì ông có thể giúp đỡ mi... ”

Cực kỳ kinh ngạc, tôi thấy ông Pavlikovsky kéo mình lại gần ôm chặt lấy, trong lúc tôi nhắm mắt, cố gạt ra ngoài cái mùi của ông: mùi kem bôi tóc, mùi thân thể, mùi rượu, và thứ mùi nước hoa chua nồng rất gắt nào đây.

“Chuyện quái gì thế hả?” tôi khẽ hỏi khi cả hai đã lên phòng Boris đóng chặt cửa.

Boris đảo tròn mắt. “Thề với mi, mi không muốn biết đâu.”

“Lúc nào bác ấy cũng bã như thế à? Làm sao mà vẫn chưa mất việc?”

Boris cười khục khặc. “Sếp lớn trong công ty,” nó đáp, “hay cái gì đó.”

Chúng tôi ở lì trong căn phòng tối ám phủ batik của Boris, cho tới khi nghe tiếng xe tải của ông bố chạy ra đường. “Phải ít lâu nữa ông mới lại về,” Boris nói, còn tôi buông rèm cho rơi xuống cửa. “Ông thấy ăn năn vì bỏ tau một mình cả ngày. Ông biết sắp tới có cái ngày ngày lễ nên hỏi tau có ở nhà mi được không.”

“Ờ, mày vẫn ở nhà tao cả ngày còn gì.”

“Ông biết mà,” Boris nói và gạt tóc trên mắt. “Nên mới cảm ơn mi đó. Nhưng tau hy vọng mi không phiền vì tau đã cho địa chỉ dởm.”

“Sao phải thế?”

“Vì là...” - nó dịch chân nhường chỗ cho tôi ngồi bên cạnh, không đợi tôi hỏi - “tau nghĩ chắc mi không muốn ông say tít đến đập cửa nhà mi giữa đêm hôm. Khua cả ông già mi lẫn Xandra dậy. Thêm nữa, nhỡ ông có hỏi, họ mi là Potter nhé.”

“Tại sao?”

“Vậy tốt hơn,” Boris điềm đạm đáp. “Cứ tin tau.”

xx.

BORIS VÀ TÔI NẰM TRÊN SÀN, trước cái tivi ở nhà tôi, ăn khoai tây chiên và uống vodka, xem buổi diễu hành Tạ ơn của công ty Macy. Ở New York đang có tuyết. Mấy quả bong bóng đi qua màn hình - Snoopy, Ronald McDonald, SpongeBob, Peanut - và một đội vũ công Hawaii chỉ quấn khố và váy cỏ đang nhảy múa trên quảng trường Herald.

“May thay không phải tau,” Boris bình phẩm. “Lạnh rụng đít luôn được.”

“Ờ,” tôi đáp, dù chẳng hề để lọt mắt bóng bay, vũ công hay bất kỳ thứ gì trong buổi diễu hành. Nhìn thấy quảng trường Herald trên tivi khiến tôi cảm thấy mình đang bị bỏ rơi cách xa trái đất hàng triệu năm ánh sáng, bắt được tín hiệu từ những ngày vô tuyến mới được phát minh ra, tiếng phát ngôn viên và tiếng hoan hô của khán giả thuộc về một nền văn minh đã mất.

“Một lũ não lợn. Ăn với chả mặc. Đám con gái kia chuẩn bị nhập viện cả lũ.” Dù Boris có than phiền luôn miệng về cái nóng ở Las Vegas, nó cũng tin tưởng sắt đá rằng cái gì “lạnh” bao giờ cũng làm cho người ta ốm: bể bơi nếu không được làm nóng, dàn điều hòa ở nhà tôi, thậm chí đá bỏ vào nước cũng vậy.

Nó lăn nằm ngửa, chuyền cho tôi cái chai. “Mi với bà già mi, có đi cái đó không?”

“Không.”

“Tại sao không?” Boris hỏi và bón cho con Popper miếng khoai chiên.

http://tieulun.hopto.org

“Nekulturny”[82] tôi đáp, bằng một từ học được của nó. “Và lắm khách du lịch quá.”

Nó đốt thuốc, chìa cho tôi một điếu. “Mi có buồn không?”

“Hơi hơi,” tôi nói và ngả người lại gần châm vào que diêm nó cầm. Tôi không thể ngừng nghĩ đến mùa Tạ ơn năm ngoái, cứ diễn đi diễn lại trong đầu như một bộ phim không tắt được: mẹ đi chân không trong nhà, mặc quần bò cũ, sờn đầu gối, mở chai vang và rót cho tôi bia gừng trong cốc đựng sâm-panh, bày mấy quả ô liu, vặn lớn tiếng dàn đĩa, mặc chiếc tạp dề hề chuyên dùng trong dịp lễ của mẹ, rồi tháo bọc miếng ức gà tây mua ở Phố Tàu về, nhưng lập tức nhăn mũi giật lùi lại khi ngửi thấy - “ôi trời ơi, Theo, thiu cả rồi, mở cửa ngay cho mẹ” - cái mùi amoniac khai lè đến chảy nước mắt - giơ nó ra trước mặt như một quả lựu đạn chưa nổ trong khi chạy xuống cầu thang thoát hiểm, tới thùng rác lớn bên vệ đường trong khi tôi thò đầu ra ngoài cửa sổ, khoái chí làm bộ nôn ọe ầm ĩ trên đầu. Thế là chúng tôi chén một bữa tiệc thanh đạm chỉ có đậu xanh bỏ hộp, nam việt quất đóng hộp, gạo đỏ và hạnh nhân nướng. “Bữa Tạ ơn đồ chay kiểu xã hội chủ nghĩa,” mẹ đùa cợt. Năm ấy ở nhà chuẩn bị quấy quá vì mẹ phải chạy một dự án ở công ty; năm sau, mẹ hứa (khi đã hụt hơi vì cười, không hiểu sao miếng gà thiu lại khiến cả hai buồn cười không chịu được), hai mẹ con sẽ thuê xe đến nhà Jed bạn mẹ ở Vermont, hoặc không thì cũng đặt bàn ở một quán thật xịn, như Gramercy Tavern chẳng hạn. Chỉ có điều, cái tương lai ấy chẳng bao giờ đến, và giờ tôi đang ăn bữa Tạ ơn khoai tây chiên kiểu bợm nhậu với Boris trước tivi.

“Mình ăn gì đây, Potter?” Boris gãi gãi bụng.

“Sao? Mày đã đói rồi à?”

Nó ngúc ngoắc hai tay: kha khá. “Mi sao?”

“Không đói lắm.” Vòm miệng tôi đã trầy vì ăn quá nhiều khoai chiên, và đầu bắt đầu ong ong vì thuốc lá.

Bỗng nhiên Boris cười rống lên và ngồi nhỏm dậy. “Nghe coi,” nó nói, đá tôi một cú và chỉ vào tivi. “Nghe thấy không?”

“Thấy gì?”

“Lão phát ngôn viên ấy. Lão vừa gửi lời chúc hai đứa con của lão, ‘Bastard và Casey’

“Thôi đi nào.” Boris suốt ngày nghe nhầm tiếng Anh kiểu đó, đôi khi cũng buồn cười nhưng nói chung thì chỉ bực mình.

“‘Bastard và Casey!’ Thật khó đỡ! Casey thì cũng được, nhưng gọi con mình là ‘thằng con hoang giữa buổi truyền hình ngày lễ ấy hả?”

“Ông ta có nói thế đâu.”

“Ờ, giỏi, mi cái chi cũng biết, thế lão nói gì?”

“Tao biết thế chó nào được?”

“Vậy sao mi cãi tau? Sao lúc nào mi cũng nghĩ mi khôn hơn tau?

Đất nước này bị sao vậy hả? Sao một dân tộc não lợn như này mà lại hợm hĩnh và lắm tiền như vậy? Người Mỹ... diễn viên ngôi sao... dân làm truyền hình... đặt một dàn tên con rặt những Táo với lại Chăn với lại Xanh với lại Con Hoang và đủ thứ chuối củ nữa.”

“Tóm lại mày muốn nói gì?”

“Tóm lại tau muốn nói là, lôi cái dân chủ ra là đủ có cớ cho bất kỳ cái thứ chết giẫm nào. Bạo lực, tham lam, ngu xuẩn, người Mỹ

làm là OK tuốt. Hửm? Tau nói đúng chứ?"

"Mày không khâu cái mồm lại được hả?"

"Tau biết tau nghe thấy gì mà! Ha! Con Hoang! Bảo mi biết nhé. Nếu tau có nghĩ con tau là con hoang đi nữa, tau cũng đủ trí tuệ đặt cho nó tên khác."

Trong tủ lạnh còn cánh gà, nem và xúc xích con mà Xandra mang về nhà, cả bánh bao từ cửa hàng Tàu ở trung tâm thương mại trên Dải mà bố tôi thích ăn nữa, nhưng tới lúc chúng tôi nghĩ đến chuyện ăn thì chai vodka (phần đóng góp của Boris vào tiệc Tạ ơn) đã vơi quá nửa, và bụng đã nhộn nhạo lắm rồi. Boris - đôi khi chuyển qua rất nghiêm túc nếu đang say, khoác vào cái thói Nga ưa bàn luận cao sâu và ném ra những câu hỏi không giải đáp nổi - đang ngồi trên mặt bàn hoa cương, vung vẩy cái nĩa cắm xúc xích và nói năng sảng loạn về nghèo đói, chủ nghĩa tư bản, biến đổi khí hậu và tình hình xuống đáy của thế giới nói chung.

Đến một lúc không xác định nổi nào đó, tôi bảo: "Boris, mày câm ngay cái mồm lại. Tao không muốn nghe nữa." Nó vừa quay lên phòng tôi lấy cuốn Walden và đang đọc lớn một đoạn rất dài nhằm chứng minh một điểm gì đó nó muốn đưa ra.

Cuốn sách bay qua phòng - may chỉ là bìa mềm - đập trúng gò má tôi. "*Ischézni* ! Xéo đi!"

"Đây là nhà tao, thằng não lợn."

Miếng xúc xích - vẫn còn đang bị xiên trên cái nĩa - bay vèo qua đầu tôi suýt soát trúng. Nhưng cả hai cười ầm. Đến giữa buổi chiều chúng tôi đã là một mớ thân tàn ma dại: lăn vòng trên thảm, ngáng chân nhau, cười và chửi thề, bò bốn chân tay lổm ngổm. Có một trận bóng bầu dục trên tivi, và dù cả hai đều khó chịu nhưng đều không đủ sức kiếm điều khiển chuyển kênh.

Boris say mèm đến nỗi cứ tìm cách nói với tôi bằng tiếng Nga.

“Nói tiếng Anh đi, không thì khâu miệng lại,” tôi nói và cố vịn vào thanh cầu thang, hụp người tránh cú đấm của nó vụng đến nỗi ngã nhào xuống vào cái bàn cà phê.

“ *Ty menjá dostál Poshëlty!*[83]

“Bla bla bia,” tôi làm giọng nữ léo nhéo đáp lại, mặt vẫn úp trên thảm. Mặt sàn rung rinh, đung đưa như boong tàu. “Balalaika matryoska.”

“*Télik* chết giẫm,” Boris nói và cũng sụp người bên tôi, chân đạp đạp rất ngớ ngẩn về phía ti vi. “Ai mà xem được cái cục cứt này.”

“À, tao muốn nói là” - lăn trở lại và Ôm bụng - “tao cũng thế.” Mắt tôi đang quáng gà, vật gì cũng có vòng hào quang bao quanh, nhấp nhánh lan ra ngoài đường biên bình thường.

“Xem dự báo thời tiết đi,” Boris nói và lê đầu gối qua phòng khách. “Xem ở New Guinea thế nào.”

“Mày phải tự tìm thôi, tao không biết kênh nào.”

“Dubai!” Boris thốt lên và đổ sập về phía trước, quỳ bốn chân tay - và rồi tuôn ra một tràng tiếng Nga thổn thức mà tôi loáng thoáng vớ được một hai tiếng chửi.

“*Angliyski!* Nói tiếng Anh đi.”

“Đang tuyết ở đó?” Lắc vai tôi. “Ông nói đang tuyết, điên quá, *tyvidesh*[84]*?* Tuyết ở Dubai! Một phép màu, Potter! Nhìn kìa!”

Đấy là *Dublin* đấy ạ. Không phải Dubai.”

“*Valí ostyúda* !! Xéo!”

Rồi chắc tôi đã bất tỉnh (một chuyện thường kỳ mỗi lần Boris

mang rượu qua) vì tiếp theo trước mặt đã là một ánh sáng hoàn toàn khác, còn tôi thì đang quỳ bên cửa trượt, bên cạnh là một bãi nôn trên thảm và trán tì vào cánh cửa. Boris ngủ lịm, mặt úp xuống, ngáy vang lên, một tay thõng xuống bên xô pha. Popchik cũng ngủ, gác cằm lên gáy Boris mãn nguyện. Tôi thấy thảm hại hết sức. Xác bướm chết nổi lềnh bềnh trên mặt bể bơi. Tiếng máy móc rì rì khá rõ. Dế và bọ cánh cứng chết đuối, quay tròn trong túi lọc nhựa. Trên kia, mặt trời đang lặn vẫn sáng chói lóe và bất nhân, những tầng mây đỏ máu như những cuộn phim ngày tận thế báo về thảm họa và hủy diệt: những vụ nổ bom trên các đảo nhỏ Thái Bình Dương, các loài thú rừng rầm rập chạy trốn màn lửa.

Nếu không có Boris ở đấy chắc tôi đã khóc vùi. Nhưng tôi chỉ vào phòng tắm, lại nôn rồi uống ít nước ở vòi, mang giấy chùi quay lại lau hết những thứ bẩn thỉu mình bày ra dù đầu đau đến nỗi khó nhìn rõ được. Bãi nôn có màu da cam rất tởm, do món cánh gà nướng, và rất khó dọn, lau rồi vẫn để lại vết bẩn, và trong lúc kỳ cạch chùi bằng nước rửa bát tôi cố gắng chuyển sang nghĩ về New York, những điều tươi đẹp - căn hộ nhà Barbour với những món đồ sứ Trung Hoa và những anh bảo vệ thân thiện, hoặc chốn lặng lẽ phi thời gian trong nhà Hobie, sách cũ, đồng hồ tích tắc ồn ào, đồ gỗ cũ, màn nhung, nơi nơi là trầm tích của quá khứ, những căn phòng yên ả thứ gì cũng điềm đạm và hợp lý. Đêm đêm, mỗi lần tôi thấy ngợp vì cảnh xa lạ ở nơi đây, tôi lại ru mình ngủ bằng cách nghĩ về xưởng gỗ của ông, mùi sáp ong và dăm bào gỗ cẩm lai rất nồng, rồi dãy cầu thang hẹp dẫn lên phòng khách, nơi nắng bụi chiếu từng luồng lên những lớp thảm phương Đông.

Mình sẽ gọi, tôi nghĩ. Tại sao không chứ? Tôi mới chỉ vừa đủ say đến mức nghĩ là nên như vậy. Nhưng điện thoại chỉ reo hoài reo

hủy.

Cuối cùng, sau hai ba lần gọi, rồi khoảng nửa tiếng đồng hồ chán ngấy trước tivi - buồn nôn, toát mồ hôi, bụng đau quặn, trố mất nhìn kênh thời tiết, đường sá đóng băng, frông lạnh quét vào qua Montana - tôi quyết định gọi Andy và đi vào bếp để khỏi làm Boris thức giấc. Kitsey là người nhấc máy.

“Không nói chuyện được,” nó liến thoắng nói khi nhận ra là tôi.

“Muộn rồi. Sắp đi ăn tối.”

“Ăn ở đâu?” tôi hỏi và chớp mắt. Đầu tôi vẫn đau đến mức khó khăn lắm mới đứng được.

“Với nhà Van Ness bên Đại lộ 5. Bạn mẹ.”

Đằng xa xa, tôi nghe tiếng rên rỉ không rõ củaToddy và tiếng Platt gầm lên: “Cút ngay khỏi người tao!”

“Cho anh chào Andy một câu được không?” tôi hỏi và nhìn đăm đăm xuống sàn bếp.

“Không, thật đấy, sắp đi... Mẹ à, con đến đây!” tôi nghe nó hét.

Quay sang tôi, nó bảo, “Chúc mừng Tạ ơn.”

“Chúc em nữa,” tôi nói, “gửi lời chào đến mọi người hộ anh.” nhưng nó đã gác máy.

xxi.

NHỮNG NGHI NGẠI CUẢ TÔI VỀ bố Boris đã vợi bớt ít nhiều từ hôm ông nắm tay tôi và cám ơn đã chăm lo cho Boris. Dù ông Pavlikovsky (“Ông cơ đấy!” Boris cười cùng cục) cố vẻ ngoài rất đáng sợ, thì rốt cuộc, tôi cũng nghĩ ông không đến nơi kinh

khủng như bề ngoài. Hai lần vào tuần sau Tạ ơn, chúng tôi về nhà sau giờ học thấy ông trong bếp - lầm bầm chào hỏi, không có gì khác, ngồi bên bàn nốc vodka và thấm vầng trán lấm tấm mồ hôi bằng khăn giấy, mái tóc hoe vàng thẫm lại vì món dầu bôi tóc nào đấy, nghe tin tức tiếng Nga trên chiếc đài cũ nát vặn rất to. Nhưng một đêm, chúng tôi đang ngồi dưới nhà cùng Popper (tôi đã dắt từ tận nhà đến đây) xem một bộ phim cũ của Peter Lorre tên *The beast with five fingers*[85] thì cửa trước đóng đánh sầm một cái.

Boris đập tay lên trán. "Chết mẹ." Trước khi kịp nhận ra nó định làm gì, nó đã ủn Popper vào tay tôi, nắm lấy cổ áo tôi dựng dậy và xô mạnh vào lưng.

"Sao..."

Nó khoát tay thật mạnh - đi ngay. "Chó," nó rít lên. "Ông già tau giết nó mất. Đi nhanh."

Tôi chạy qua bếp, và lặng lẽ hết sức, chuồn ra qua cửa sau. Ngoài trời tối mịt. Lần đầu tiên trong đời, Popper không hó hé chút gì. Tôi đặt nó xuống đất, biết rằng nó sẽ bám sát mình, và đi một vòng tròn quay lại bên cửa sổ phòng khách không có rèm.

Bố nó đang chống gậy đi vào, một điều tôi chưa từng thấy. Dựa hẳn vào cây gậy, ông khập khiễng đi vào căn phòng sáng như một nhân vật trong vở kịch sân khấu. Boris đứng đó, hai tay bắt tréo qua bộ ngực khẳng khiu, ôm chặt lấy mình.

Nó và ông bố đang cự cãi - hay đúng hơn là ông bố đang quát tháo. Còn Boris chỉ nhìn xuống sàn. Tóc nó rủ xuống mặt, nên tôi chỉ nhìn thấy chóp mũi.

Đột ngột, hất đầu, Boris nói xấc một câu và quay mình định đi.

Rồi thì - độc địa tới mức tôi gần như không kịp nhận ra – bố của Doris bật lên như rắn và giơ gậy quật ngang bả vai khiến nó ngã lăn xuống đất. Khi nó còn chưa kịp đứng dậy - còn đang bò lồm cồm - ông Pavlikovsky đá nó ngã lăn, rồi túm lấy lưng áo kéo nó đứng dậy lảo đảo.

Quát tháo, gào rít bằng tiếng Nga, ông tát ngang mặt nó bằng bàn tay đỏ bầm đầy nhẫn, tát đi tát lại. Rồi xô mạnh nó loạng choạng vào giữa phòng, ông giơ đầu gậy có móc giáng thẳng giữa mặt nó.

Đờ người, tôi lùi lại khỏi cửa sổ, choáng váng đến nỗi vấp phải một túi rác ngã nhào. Popper, hoảng vía vì tiếng ồn, đang chạy ngược chạy xuôi kêu thút thít. Vừa đúng lúc tôi lồm cồm bò dậy, sợ chết điếng, giữa tiếng lon thùng loảng xoảng, cửa trước mở ra hắt một ô vuông ảnh sáng vàng lên mặt xi măng. Nhanh hết sức có thể tôi nhào dậy, túm lấy Popper và bỏ chạy.

Nhưng hóa ra chỉ là Boris. Nó đuổi kịp tôi, túm lấy tay lôi tôi chạy dọc phố.

“Trời ạ,” tôi nói, hơi hụt đằng sau, cố tìm cách ngoái lại. “Có chuyện gì vậy?”

Đằng sau lưng, cánh cửa trước nhà Boris mở toang. Ông Pavlikovsky đứng, một cái bóng thẫm giữa luồng ánh sáng từ cửa, một tay ôm lấy mình, tay kia rung nắm đấm và quát thét bằng tiếng Nga.

Boris kéo tôi chạy đi. “Phắn thôi.” Chúng tôi cứ thế chạy trên phố tối om, giày đập xuống mặt đường nhựa, cho tới khi rốt cuộc giọng ông bố cũng chìm hẳn.

“Mẹ kiếp,” tôi nói và bước chậm lại khi rẽ qua góc đường. Tim tôi đập thình thịch, đầu quay mòng; Popper ư ử giãy giụa đòi

xuống, tôi đặt nó xuống đường cho chạy vòng tròn xung quanh cả hai. “Chuyện gì thế?”

“Có chi đâu,” Boris nói, giọng hớn hở đến không hiểu nổi, lau mũi làm phát ra một tiếng khụt khịt đầy nước. “Bão tố trong cốc nước”, tiếng Ba Lan nói vậy đấy. Ổng loạn óc ấy mà.”

Tôi cúi mình, chống tay vào gối để kìm nhịp thở. “Bực, hay say?”

“Cả hai. May là ông không thấy Popchyk, bằng không... tau cũng chẳng biết sẽ làm sao nữa. ông nghĩ loài vật chỉ được ở ngoài đường. Nhưng mà này,” nó nói và giơ chai vodka lên, “xem tau có cái gì này! Cuỗm được trên đường ra.”

Tôi ngửi thấy trước khi trông thấy máu trên người nó. Đêm ấy trăng lưỡi liềm, không sáng lắm, nhưng cũng đủ rõ - và khi đứng dậy nhìn thẳng vào mặt nó, tôi thấy mũi nó đang trào ra thành một vệt đỏ sẫm trên áo.

“Trời,” tôi nói, vẫn đang thở phì phò, “mày sao không?”

“Ra sân chơi nghỉ cái coi,” Boris nói. Mặt nó, như tôi thấy, thật kinh khủng: mắt sưng vù, một vệt rách hình móc rất gớm trên trán cũng đang chảy máu.

“Boris! Phải về nhà thôi.”

Nó nhướng mày. “Nhà?”

“Nhà tao. Sao cũng được. Trông mày kinh lắm.”

Nó nhoẻn cười - phô hàm răng đầy máu - rồi thúc cùi chỏ vào mạng sườn tôi. “Nồ, tau phải uống một miếng mới giáp mặt Xandra được. Nào, Potter. Mi cũng không cần miếng an thần nào ư? Sau từng ấy việc?”

xxii.

Ở NHÀ VĂN HÓA BỎ HOANG, mấy cầu trượt trong sân chơi lấp lánh như bạc trong ánh trăng. Chúng tôi ngồi bên đài phun nước cạn, đung đưa chân trong bồn, chuyền qua chuyền lại chai rượu tới khi mất ý niệm về thời gian.

"Đời tao chưa thấy cái gì quái dạng thế bao giờ," tôi nói, đưa mu bàn tay quệt miệng. Sao như chao đảo trên đầu.

Boris, chống tay dựa ra đằng sau, mặt ngẩng lên nhìn trời, đang khe khẽ hát bằng tiếng Ba Lan.

Wszystkie dzieci, nawet źle,

pogrążone są we śnie,

a ty jedna tylko nie.

A-a-a, a-a-d...

"Kinh khiếp," tôi nói. "Bố mày ấy."

"Ờ," Boris vui tươi đáp, chùi mồm vào vai áo vấy máu. "Ổng từng giết người đấy, ông đập một ông khác chết ngắc dưới mỏ."

"Điêu."

"Thề luôn. Ở New Guinea ấy. Ông kiếm cách làm sao trông như đá lở làm ông kia ngoẻo, nhưng sau đó bọn tau vẫn phải chuồn êm."

Tôi ngẫm nghĩ. "Bố mày, ừm, không được chắc người lắm," tôi nói, "Ý tao là, tao không hiểu làm sao mà..."

"Nồ, không phải dùng tay đâu. Dùng cái, gọi là gì nhỉ" nó làm bộ đập xuống mặt phẳng "cái mỏ lết điều chỉnh được."

Tôi im lặng. Trong cử chỉ Boris đập cây mỏ lết tưởng tượng

xuống đất, có gì đó nói lên đấy là sự thật.

Boris, nãy giờ vẫn đang loay hoay tìm cách châm thuốc, phà một làn hơi bay ra. “Làm miếng không?” Nó chuyển cho tôi, đốt cho mình điếu khác, rồi lấy khớp ngón tay cọ cọ hàm. “A,” nó thốt lên và day day hồi lâu.

“Có đau không?”

Nó bật cười ngái ngủ, thụi vào vai tôi một cú. “Thế mi nghĩ sao? Đồ ngốc.”

Giây lát sau chúng tôi đã cười hú lên, bò lổm ngổm trên nền đá dăm. Dù say ngất ngư như thế nhưng đầu óc tôi vẫn phấn khích, lạnh buốt và sáng rõ lạ lùng. Rồi đến một lúc, khi cả người đã lấm đầy bụi vì lăn lê bò càng trên mặt đất, chúng tôi loạng choạng đi về nhà giữa cảnh đen mịt mùng, hàng dãy nhà bỏ hoang và đêm sa mạc khổng lồ bao bọc khắp bốn phía, những đốm sao sáng tít trên cao và Popchik lon ton đằng sau, chúng tôi đi chân nam đá chân chiêu bên nhau, cười dữ đến mức khản cả giọng và suýt thì nôn ọe xuống lề đường.

Nó đang hát rống hết cỡ, vẫn bài đó:

A-a-a, a-a-a,

byly sobie kotki dwa.

A-a-a, kotki dwa,

szarobure...

Tôi đá cho nó một cú. “Tiếng Anh!”

“Đây, để tau dạy mi. *A-a-a, a-a-a...*”

“Nói xem nghĩa là gì.”

“Được, nói thì nói. ‘Ngày xưa hai chú mèo con,” Boris hát:

cả hai đều đẹp đều giòn như nhau. A-a-a…

“Hai chú mèo con?”

Nó định đánh tôi nhưng suýt ngã. “Câm họng! Còn chưa đến phần hay.” Lấy tay chùi mổm, nó lại ngửa đầu ra hát tiếp:

Ầu ơ ngủ nhé con yêu,

Ngủ ngoan mẹ hái cho sao trên trời.

Trẻ ngoan đều đã ngủ rồi,

Bao nhiêu trẻ xấu trẻ tồi ngủ luôn.

Bốn bề khép mắt cho ngon,

Chỉ riêng con mẹ vẫn còn chong chong.

A-a-a, a-a-a…

Ngày xưa hai chú mèo con…

Khi cả hai về đến nhà tôi, vừa đi vừa làm váng lên và xô đẩy nhau, ga-ra trống huơ: không có ai ở nhà. “ơn Chúa,” Boris xăng xái nói rồi phủ phục xuống nền xi măng, dập đầu trước nhan Chúa.

Tôi xách cổ áo nó. “Đứng dậy!”

Trong nhà, dưới đèn sáng, trông nó thật khốn khổ: máu dính khắp người, mắt sưng tướng thành một kẽ hum húp. “Đợi tí,” tôi nói và thả nó xuống giữa thảm phòng khách, lập cập dí lại phòng tắm kiếm gì chữa vết thương. Nhưng chẳng thấy gì, chỉ có nước gội đầu và một chai nước hoa xanh lè mà Xandra thắng được ở

cuộc xổ số nào đó ở khách sạn Wynn. Trong cơn say, tôi nhớ lại mẹ từng nói gì đó về việc nước hoa lúc bí có thể dùng sát khuẩn, thế là quay lại phòng khách với Boris đang nằm xoài trên thảm và Popper lo âu hít ngửi cái áo dính máu.

"Này," tôi nói, gạt con chó ra và lấy vải ẩm thấm thấm chỗ máu trên trán nó. "Yên nhé."

Boris ngọ nguậy tránh đi và càu nhàu. "Mi làm cái đếch gì thế?"

"Khâu miệng lại," tôi nói và vuốt tóc cho khỏi xòa xuống mắt nó.

Nó lẩm bẩm bằng tiếng Nga. Tôi đã rất cố gắng, nhưng cũng say không thua, nên khi xịt nước hoa lên vết rách nó rít lên và quại cho tôi một cú vào miệng.

"Khốn!" tôi hỏi và đưa tay sờ môi, thấy máu dính trên ngón tay. "Xem mày làm gì tao này."

"*Blyad*[86]" nó nói, vừa ho vừa xua xua trước mặt, "thúi quá. Mi vẩy cái gì lên tau thế hả thằng đĩ?"

Tôi cười phá lên, không thể nhịn được.

"Thằng chó" nó gầm lên và xô tôi mạnh đến nỗi ngã nhào. Nhưng nó cũng đang cười lớn, chìa tay để tôi đứng dậy, nhưng tôi đá tay nó đi.

"Cút xéo!" Tôi đang cười dữ đến nỗi không nói tròn vành rõ chữ được. "Mày bốc mùi Xandra."

"Chúa ơi, tau sặc muốn chết. Phải rửa cái thứ này đi thôi."

Chúng tôi loạng quạng đi ra ngoài - tháo bỏ áo, lò cò tuột quần trên đường chạy ra - rồi nhảy xuống hồ bơi: quyết định rất ngu, tôi nhận ra muộn màng trong phút đổ ập xuống ngay trước khi

chạm mặt nước, say mềm như bún và chân không đỡ nổi người nữa. Khối nước lạnh đập sầm vào tôi suýt ngộp thở.

Tôi chới với bơi lên mặt nước, mắt rát buốt, chất clo đốt bỏng mũi. Một tia nước bắn vào mắt tôi, tôi nhổ lại vào nó. Nó chỉ là một vệt sáng loang loáng trong bóng tối, má hóp lại, mắt đen bết vào hai bên đầu. Vừa cười chúng tôi vừa vật lộn, tìm cách dìm đầu nhau xuống, dù răng thì đánh lập cập và tôi vừa say vừa mệt lả đến mức không thể hiểu sao có thể đùa giỡn trong hai mét rưỡi nước.

Boris ngụp xuống. Một bàn tay chộp lấy mắt cá chân, giật tôi xuống đáy nước, tôi chỉ nhìn thấy trước mặt mình là một tường bong bóng tối thẫm.

Tôi vùng ra, cố vật lộn. Lần nữa, lại giống như bảo tàng, bị nhốt trong không gian đen ngòm, không lối ra, không lối lên. Tôi quẫy đạp vặn vẹo người, từng bụm không khí hoảng loạn bồng bềnh trước mắt tôi: những chiếc chuông chân không, bóng tối. Rốt cuộc, đúng khi sắp hớp vào một phổi đầy nước, tôi cũng quẫy được ra và trồi lên mặt bể.

Vừa ho sặc, tôi vừa bấu vào mép bể thở hổn hển. Khi mắt đã nhìn rõ lại, tôi thấy Boris - cũng vừa ho vừa chửi rủa - đang nhào tới chỗ thang lên. Hụt hơi vì giận dữ, tôi nửa bơi, nửa bật nhảy tới đằng sau nó, móc chân khèo đầu gối khiến nó ngã sấp mặt đánh bộp.

“Chó,” tôi lập bập chửi, còn nó đạp nước ngoi lên mặt. Nó định nói, nhưng tôi đã quạt nước vào mặt nó, rồi lại lần nữa, rồi luồn tay bấu tóc nó lôi xuống dưới nước. “Đồ khốn nạn chó đẻ tôi gào lớn khi nó lại trồi lên, thở hồng hộc, nước chảy ròng ròng trên mặt. “Đừng-bao-giờ-làm-vậy-với-tao-lần-nữa.” Tôi đè cả hai tay lên vai nó, định trèo lên rồi ngụp xuống - ấn nó xuống, giữ nó

dưới nước thật lâu - thì nó quài tay ra sau tóm lấy cánh tay tôi, tôi mới nhận ra nó đã trắng bệch, run lẩy bẩy.

“Thôi,” nó vừa sặc vừa nói -đến lúc đó tôi mới nhận ra cặp mắt nó đã lạc thần láo liên.

“Này, mày có sao không?” tôi hỏi. Nhưng nó đang ho sặc sụa không đáp lại được. Mũi nó lại chảy máu ròng ròng, chất nước đen ngòm trào giữa những ngón tay. Tôi đỡ nó lên, và cả hai ngã ập trên bậc thang thành bể - nửa trong nước, nửa vắt ra ngoài, quá mệt không còn sức trèo hẳn lên.

xxiii.

ÁNH NẮNG CHÓI KHIẾN tôi tỉnh dậy. Cả hai đang nằm trên giường tôi: tóc ướt, ăn mặc lôi thôi, run rẩy trong cái lạnh từ máy điều hòa, con Popper nằm giữa ngáy khẽ. Ga giường ẩm, hôi mùi clo, đầu tôi đau như búa bổ và miệng lờm lợm vị sắt như thể vừa mút một nắm tiền lẻ.

Tôi nằm im phắc, dường như chỉ cần nhích đầu một phân thôi là sẽ nôn mửa, rồi rất từ từ nhỏm dậy.

“Boris?” tôi hỏi và đưa lòng bàn tay chà chà má. Những vệt máu khô màu nâu dính trên vỏ gối. “Dậy chưa?

“Ôi trời,” Boris rên lên, mặt tái mét, nhơm nhớp mồ hôi, lật người nằm sấp để túm lấy đệm. Cả người nó trần trùi trụi, trừ mớ vòng tay Sid Vicious và cái gì đó trông như quần lót của tôi. “Tau buồn ọe quá ”

“Không được ở đây.” Tôi đá nó. “Dậy.”

Nó vừa lầm bẩm vừa lăn đi. Tôi nghe tiếng nó ọe trong phòng tắm. Âm thanh ấy khiến tôi vừa buồn nôn, vừa muốn cười rú. Tôi

lăn người, úp mặt vào gối cười lớn. Khi nó lảo đảo đi vào tay ôm đầu, tôi mới giật mình nhận thấy bên mắt tím thẫm, cục máu bết dưới lỗ mũi và vết thương đóng vẩy trên trán.

"Chúa ơi," tôi nói, "trông kinh quá. Mày phải đi khâu thôi."

"Biết sao không?" Boris hỏi và đổ ập người nằm sấp trên đệm.

"Sao?"

"Tụi mình muộn mẹ nó học rồi!"

Chúng tôi nằm lăn ra và cười hô hố. Người yếu lả và buồn nôn kinh khủng, nhưng tôi cứ ngỡ mình sẽ cười đến đứt hơi.

Boris lật lại, thò một tay lần sờ tìm gì đó trên sàn. Nháy mắt sau nó lại bật lên. "Á! Cái gì đây?"

Tôi ngồi dậy, háo hức đưa tay cầm cốc nước - hoặc cái tôi nghĩ là cốc nước - và đến khi nó dí vào mũi thì tôi suýt ọe vì mùi.

Boris hú lên cười. Chốc sau nó đã nằm đè lên tôi: xương xẩu nhọn hoắt và da thịt nhớp nháp, sặc mùi mồ hôi và nôn ọe cùng cái gì đó khác, sống sít mà bẩn thỉu, như là nước ao tù. Nó bóp mạnh má tôi, nghiêng cốc vodka trên mặt tôi. "Đến giờ uống thuốc rồi! Nằm im," nó nói, trong khi tôi đạp đổ cái cốc và choảng vào miệng nó một cú nháng lửa tuy không trúng đích lắm. Popper đang sủa loạn xị vì hứng chí. Boris khóa cổ tôi, túm lấy cái áo bẩn tối hôm qua tìm cách nhồi vào miệng, nhưng tôi quá nhanh hẩy nó khỏi giường làm nó đập đầu vào tường. "Khốn kiếp," nó kêu lên, giơ bàn tay chùi mặt vẻ ngái ngủ và cười rúc rích.

Tôi ngật ngưỡng đứng dậy, cả người đổ mồ hôi lạnh như kim châm, lần đường vào phòng tắm và qua một hai cú ồng ộc - tay chống vào tường - trút hết mọi thứ trong bụng vào toilet. Ở

phòng bên cạnh, tôi nghe rõ tiếng nó cười.

“Hai ngón tay xuống cống,” nó réo lên, và còn câu gì đó tôi không nghe rõ, vì đã bắt đầu một đợt co giật mới.

Khi xong xuôi, tôi nhổ bọt vài cái rồi đưa mu bàn tay chùi miệng. Trông phòng tắm thật kinh tởm: vòi sen chảy nước, cửa mở toang, khăn tắm ướt sũng, khăn cọ dính máu vứt trên sàn. Vẫn còn run lẩy bẩy vì buồn nôn, tôi hứng tay uống nước từ vòi và té lên mặt. Cái thằng bé ngực trần trong gương trông co rúm và trắng nhợt, môi sưng vều chỗ bị Boris quại đêm qua.

Boris vẫn nằm trên sàn thõng thượt, đầu gác lên tường. Thấy tôi vào, nó hé bên mắt lành và cười khùng khục khi quan sát tôi. “Đỡ hẳn rồi chứ?”

“Câm mõm! Đừng có mở miệng nói với tao.”

“Đáng đời mi. Tau đã bảo đừng có quậy với cái cốc rồi thôi?”

“Tao à?”

“Mi không nhớ hửm?” Nó thè lưỡi chạm vào môi trên, xem có phải miệng lại chảy máu rồi không. Khi không mặc áo, người nó hiện rõ khoảng giữa các xương sườn, những vết hằn từ các trận đánh cũ và sắc đỏ vì phơi nắng lên cao trên ngực. “Để cốc trên sàn, ngu gì ngu vãi! Điềm xấu đấy! Tau đã bảo mi đừng có để đấy! Đấy là lời nguyền!”

“Mày đâu có cần phải đổ lên đâu tao,” tôi nói, mò mẫm tìm kính và vớ lấy cái quần đầu tiên bắt được từ chồng quần áo bẩn chung lộn trên nền nhà.

Boris bóp sống mũi, cười lớn. “Chỉ định giúp mi thôi mà. Có tí rượu sẽ đỡ hơn.”

“Cảm ơn lắm lắm.”

“Thề luôn. Nếu mi nuốt được. Đau đầu mấy cũng mất tiêu luôn. Ông già tau chẳng có ích mẹ gì nhưng về chuyện này ông siêu đẳng. Nếu mi có bia lạnh là tốt nhất.”

“Này, lại đây,” tôi nói. Tôi đang đứng bên cửa sổ nhìn xuống bể bơi. “Hừm?”

“Lại mà xem. Tao muốn mày xem.”

“Nói luôn đi,” Boris lầm bầm dưới sàn. “Tau không muốn dậy.”

“Dậy đi thì hơn.” Dưới nhà không khác gì hiện trường án mạng. Một chuỗi máu rỏ ngoằn ngoèo qua sàn đá lát tới bể bơi. Giày, quần bò, áo sơ mi dính máu quẳng tứ tung khắp nơi. Một trong hai chiếc giày toạc của Boris nằm tận đáy bể đầu nước sâu. Tệ hơn nữa, một bãi nôn nhầy nhụa đang lơ lửng ở đầu nước nông gần bậc xuống.

xxiv.

MÃI SAU, SAU VÀI CÚ ĐỘNG chân tay hờ hững với cái máy hút bể, chúng tôi ngồi trên kệ bếp hút thuốc Viceroy của bố tôi và nói chuyện. Đã gần trưa - chẳng đáng bàn đến chuyện đi học nữa. Boris, xơ xác như một thằng tâm thần, áo vắt một bên vai, vừa đập sầm sầm mấy cánh tủ và than vãn vì không có trà, đã chế ra một món cà phê kiểu Nga kinh tởm bằng cách đun bã cà phê trong chảo trên lò.

“Không, không được,” nó nói khi thấy tôi rót ra một chén cỡ bình thường. “Nặng lắm, cho ít thôi.”

Tôi nếm thử, lè lưỡi.

http://tieulun.hopto.org

Nó chấm ngón tay vào liếm. “Có bích quy thì tốt.”

“Mày đùa chắc.”

“Bánh mì bơ?” nó khấp khởi đề nghị.

Tôi tuột xuống khỏi bếp - thật nhẹ nhàng, vì đầu vẫn đau - và tìm khắp bếp đến khi gặp trong ngăn tủ mấy gói đường và bánh đa ngô đóng hộp mà Xandra mang về từ bar.

“Điên thật,” tôi nói khi nhìn mặt nó.

“Cái gì điên?”

“Bố mày, làm trò đó.”

“Sao đâu,” Boris lẩm bẩm, nghiêng đầu để nhét trọn miếng bánh vào mồm. “Có lần ông còn đập tau gãy xương sườn.”

Ngưng một lúc lầu, và vì không nghĩ ra cái gì khác, tôi bảo, “Gãy xương sườn cũng không nghiêm trọng lắm.”

“Không, nhưng đau lắm. Xương này này,” nó nói và vén áo lên chỉ cho tôi.

“Tao cứ tưởng ông ấy định giết mày chứ.”

Nó đụng vai vào vai tôi. “Ờ, nhưng tau cố tình chọc ổng. Tau đối đáp lại. Để mi còn kịp mang Popchick đi. Này, không có gì đâu,” nó hạ cố nói khi thấy tôi vẫn nhìn. “Đêm qua ông sùi bọt mép thật nhưng khi nào thấy tau sẽ hối hận thôi.”

“Có khi mày cứ ở đây một thời gian.”

Boris chống tay ra sau lưng, ném cho tôi một nụ cười khinh thường. “Có vậy mà cũng rộn. Thỉnh thoảng ông có trầm cảm tí xíu, vậy thôi.”

“Ha.” Xưa kia vào những ngày còn uống Johnnie Walker nhãn

đen - nôn đầy lên áo vía, đồng nghiệp tức tối gọi về nhà - bố tôi (có khi còn trào nước mắt) vẫn đổ tội những cơn bùng nổ lên cái gọi là trầm cảm.

Boris bật cười, có vẻ thích thú thực tình. “Thì sao? Mi không bao giờ thấy buồn chút xíu à?”

“Phải tống ông vào tù vì chuyện đó.”

“Lạy hồn.” Boris đã chán thứ cà phê kinh tởm, đi lại tủ lạnh kiếm bia. “Ông già tau hả - hay phát khùng, hẳn rồi, nhưng yêu tau, ông đã có thể vứt tau lại cho hàng xóm hồi rời U cơ mà. Bạn tau, Maks và Seryozha bị vậy đấy - Maks cuối cùng cũng ra đường. Ngoài ra thì nếu mi nghĩ kiểu đó, tau cũng đáng ở tù.”

“Sao thế?”

“Một lần tau kiếm cách giết ổng. Thề luôn!” nó nói khi thấy ánh mắt tôi nhìn nó. “Thật đấy.”

“Tao không tin.”

“Không, thề.” nó cam chịu nói. “Tau cũng hối rồi. Mùa đông cuối cùng ở U, tau lừa ông đi bộ ngoài đường - ông say đến nỗi cũng làm theo. Rồi tau khóa cửa. Cứ nghĩ ông sẽ chết trong tuyết. May mà không, hửm?” nó nói và cười hú lên. “Thế thì tau sẽ chết dí ở U, Chúa ạ. Bới thùng rác mà ăn. Ngủ trong ga tàu hỏa.”

“Xong rồi sao?”

“Biết được. Lúc đó cũng chưa muộn lắm. Ai đó thấy ông, đón ông vào xe - bà nào đó, chắc vậy, ai biết? Tóm lại là ông đi tiếp, uống nhiều hơn, mấy hôm sau mới mò về nhà - may cho tau, chẳng nhớ trời trăng gì nữa! Mà lại mang cho tau quả bóng đá, nói từ rày chỉ uống bia thôi. Lần đó được quãng một tháng.”

Tôi dụi mắt sau kính. “Thế đến trường mày định bảo sao?”

Nó bật nắp chai bia. “Hửm?”

“Thì đấy.” Vết bầm trên mặt nó đỏ như thịt sống. “Rồi sẽ bị hỏi.” Nó nhăn nhở cười, huých tôi. “Tau sẽ bảo là do mi đập,” nó nói. “Không, tao hỏi thật.”

“Tau nói thật.”

“Boris, không đùa đâu.”

“Ôi thôi nào. Bóng bầu dục, không thì ván trượt.” Mái tóc đen lại xõa xuống mặt như cái bóng, nó gạt đi. “Mi không muốn người ta bắt tau đi chứ, hửm?”

“Ừ.” tôi đáp sau một thoáng im lặng khó chịu.

“Vì, Ba Lan.” Nó chuyền bia cho tôi. “Tau nghĩ chắc là về đó. Nếu bị trục xuất. Dù Ba Lan…” nó bật cười, như tiếng sủa “vẫn còn hơn U, lạy Chúa!”

“Người ta không thể đưa mày về lại đó phải không?”

Nó nhăn mày nhìn đôi tay bẩn thỉu, máu khô cáu đầy móng tay. “Không,” nó dữ tợn đáp. “Vì tau sẽ tự tử trước.”

“Ôi, tao sẽ khóc cho mà xem.” Boris cứ luôn miệng dọa tự tử vì cớ này cớ khác.

“Tau nói thật! Tau sẽ chết trước khi người ta động vào! Tau thà chết còn hơn.”

“Mày chẳng chết đâu.”

“Tau sẽ chết cho mi xem! Mùa đông ở đó - mi không tưởng nổi đâu. Cả đến không khí cũng tởm. Bốn bề toàn xi măng xám, mà gió…”

“Ừ thì cũng phải có lúc mùa hè chứ.”

“À, hè hả.” Nó với lấy thuốc lá, rít một hơi thật gắt, thở một làn khói lên trần nhà. “Muỗi này. Bùn thối hoăng. Cái gì cũng có mùi mốc. Tau vừa đói meo, vừa cô đơn muốn chết luôn - nói thật đấy, nhiều khi tau đói lả, tau đi trên bờ sông nghĩ hay là quăng mình xuống chết cho rảnh nợ.”

Đầu tôi đau dừ. Quần áo của Boris (đúng hơn là của tôi) đang quay trong máy sấy. Ngoài kia, mặt trời sáng rỡ, tai ác.

“Tao không biết mày thế nào,” tôi nói và lấy lại điếu thuốc, “nhưng tao đang thèm thức ăn thật chết được.”

“Vậy ta làm gì?”

“Lẽ ra ta nên đến trường.”

“Hừm.” Boris luôn nói rõ rằng nó chỉ đến trường vì tôi cũng đến, và vì ở nhà chẳng có việc gì làm.

“Không, nói thật đấy. Đáng ra phải đến. Hôm nay có pizza.”

Boris nhăn mặt, tiếc nuối thật lòng. “Mẹ kiếp.” Đây là một ưu điểm khác của trường học, ít ra chúng tôi cũng được cho ăn uống. “Giờ thì quá muộn.”

XXV.

ĐÔI KHI TRONG ĐÊM, TÔI TỈNH DẬY, gào thét. Vụ nổ có điều đáng ghét nhất là tôi mang theo nó trong mình - cơn nóng, cú sốc và sức ép thấu xương. Trong mơ, lúc nào cũng có một đường sáng và một đường tối dẫn ra ngoài. Tôi phải đi theo đường tối, vì đường sáng vừa nóng vừa lập lòe lửa. Nhưng trong đường tối, có xác người.

Thật may là Boris chẳng bao giờ tỏ ra bực mình hay thậm chí

có vẻ giật mình khi tôi khua nó tỉnh, cứ như nó xuất thân từ thế giới nơi đêm đêm rú rít vì đau là chuyện rất đỗi bình thường. Thỉnh thoảng nó bế Popchik lên - đang ngáy dưới chân giường - rồi thả thành một đống ủ rũ ngáp ngủ trên ngực tôi. Và dưới sức nặng ấy, giữa hơi ấm của cả hai bên mình, tôi nằm đếm bằng tiếng Tây Ban Nha hoặc cố điểm lại mọi từ tiếng Nga mình biết (chủ yếu là từ chửi tục) tới khi ngủ lại.

Hồi mới tới Vegas, tôi đã cố động viên mình bằng cách tưởng tượng mẹ vẫn sống, vẫn đang sinh hoạt bình thường ở New York - tán chuyện với mấy chú bảo vệ, mua cà phê và bánh muffin ở căng tin, đợi trên ke ga cạnh quầy báo chờ chuyến tàu số 6. Nhưng chẳng được hiệu quả bao lâu. Giờ khi úp mặt vào cái gối lạ có mùi chẳng tí nào giống mẹ, cũng chẳng giống nhà, tôi nhớ lại căn hộ nhà Barbour trên Đại lộ Công viên, hay thỉnh thoảng là ngôi nhà của Hobie ở Greenwich.

Bác rất tiếc khi biết bố cháu đã bán hết đồ của mẹ cháu. Nếu cháu nói trước với bác, có thể bác đã mua được vài món để giữ lại cho cháu. Khi chúng ta buồn - ít nhất như bác bây giờ - lòng ta sẽ được an ủi khi bám lấy những đồ vật thân thuộc, bám lấy những điều không thay đổi.

Những gì cháu tả về sa mạc - cái ánh chói gắt vô tận như đại dương ấy - thật kinh khủng, nhưng cũng thật đẹp. Có lẽ ta có thể thấy cái đẹp trong vẻ trống trải và tự nhiên thô tháp đó. Ánh sáng từ rất lâu vẻ trước thật khác với ánh sáng ngày nay, nhưng trong căn nhà này, bác vẫn được gợi nhắc vé quá khứ theo mỗi bước chân. Nhưng mỗi khi nghĩ tới cháu, bác có cảm giác cháu đã lên tàu ra biển -ra một chốn sáng loáng nơi ngoại quốc nào đó, không có đường, chỉ có bầu trời và ánh sao.

Lá thư này khi gửi đến, kẹp trong một cuốn *Gió, cát và những vì*

sao[87] bìa cứng đã cũ của Saint-Exupéry, tôi đọc đi đọc lại. Tôi vẫn để nguyên thư trong sách, nó nhăn nhúm và đã bẩn sau nhiều lần đọc.

Boris là người duy nhất ở Vegas được tôi kể sự tình khi mẹ mất - một câu chuyện mà, phải thừa nhận, nó đã lắng nghe điềm tĩnh lạ thường: cuộc đời nó vốn đã quá bạo lực và huyên náo đến nỗi nó chẳng có vẻ gì là kinh sợ trước câu chuyện. Nó đã chứng kiến nổ lớn nhiều lần ở các khu mỏ của ông bố, ở Bantu, Hijau và đủ chỗ tôi chẳng biết là đâu, và dù không biết cụ thể, vẫn có thể suy đoán gần chính xác thứ thuốc nổ được dùng. Dù nói leo lẻo suốt ngày nhưng nó cũng có bản tính kín đáo, tôi tin nó sẽ không kể cho ai, không cần tôi yêu cầu. Có thể vì chính nó cũng mất mẹ và đã trở nên gắn bó với những người như Bami, Evgeny - tay "phó" của ông bố, và Judy, cô vợ tay chủ quán ở Karmeywallag, mà nó hoàn toàn không thấy việc tôi quyến luyến Hobie là kỳ cục. "Nhiều người hứa viết thư rồi quên," nó nói khi chúng tôi ở trong bếp đọc lá thư mới nhất của Hobie. "Nhưng ông, ông viết suốt."

"Ừ bác ấy dễ thương lắm." Tôi đã bỏ ý định tìm cách miêu tả Hobie cho Boris: ngôi nhà, xưởng mộc, cách ông chăm chú lắng nghe rất khác với bố tôi, nhưng hơn hết là không khí tâm tư hiền hòa ở đó: như một màn sương mùa thu, một vi khí hậu dịu êm, chào đón, khiến tôi thấy được an toàn và yên ổn khi gần ông.

Boris thọc ngón tay vào hũ bơ lạc mở trên bàn giữa hai đứa, liếm sạch. Nó đã dần dà trở nên mê bơ lạc, món này - cũng như kẹo dẻo marshmallovv, một món khoái khẩu khác - hoàn toàn không có ở Nga "Ông bóng già hả?" nó hỏi.

Tôi giật mình. "Không có," tôi đáp nhanh, rồi thì: "Tao không biết."

"Chả sao," Boris đáp và chìa hũ cho tôi. "Tau cũng quen nhiều

ông bóng dễ thương lắm."

"Tao nghĩ là không phải," tôi do dự đáp.

Boris nhún vai. "Đã sao? Nếu ông tốt với mi? Lòng tốt dành cho chúng ta trên thế giới này chẳng gọi là thừa được, phải không?"

xxvi.

BORIS ĐÃ DẦN MẾN BỐ TÔI và ngược lại. Nó hiểu rõ hơn tôi bố kiếm sống bằng cách nào, và dù tự giác biết tránh cho xa khi bố đang bị thua, thì nó cũng hiểu bố cần một thứ tôi không sẵn lòng đem lại: một kẻ tán thưởng khi ông đang đà thắng, những hôm ông đi đi lại lại trong bếp phấn khởi dậm dựt chỉ muốn có ai để tai nghe chuyện mình và ca tụng ông tài ba biết bao. Khi nghe thấy tiếng ông dưới nhà, hứng chí hồ hởi sau một đợt thắng - xô huých đồ đạc rất khoái trá, khua rộn rã cả nhà cửa lên - là Boris sẽ bỏ sách, xuống nhà, kiên nhẫn đứng nghe chuyện trò chán chết của bố, kể rõ từng lá bài hạ xuống bên bàn baccarat đêm ấy, và thường sẽ dẫn dắt sang những sự tích (tôi thấy) tẻ ngắt về những chiến công tương tự, trở ngược mãi về tận thời sinh viên và sự nghiệp màn ảnh chết yểu của ông.

"Mi chẳng kể với tau ông già mi từng diễn phim!" Boris nói khi trở lại lên phòng cầm tách trà đã nguội.

"Đâu có nhiều lắm. Hai bộ là cùng."

"Nhưng mà nghĩ xem. Cái phim ấy, là phim nổi lắm đấy, cái phim cảnh sát ấy, mi biết mà, cái phim cảnh sát ăn hối lộ ấy. Tên là cái gì nhĩ?"

"Ông ấy đâu đóng vai to lắm đâu. Ló mặt ra có một giây là cùng. Ông ấy chỉ đóng vai luật sư bị bắn bòm trên phố."

Boris nhún vai. “Đã sao? Vẫn thú vị. Nếu ông đến Ukraina sẽ được chào đón như ngôi sao.”

“Vậy thì bảo ông đi đi, xách luôn Xandra theo cũng được.”

Ngược lại, sự nhiệt tình của Boris dành cho cái nó gọi là “chuyên trò thông thái” cũng kiếm được một đối tượng hào hứng nơi bố tôi.

Bản thân vốn lạt lẽo với chính trị, nhất là chính trị theo quan điểm bố tôi thì càng không hứng thú, nên tôi rất ngán tham gia vào mấy trò tranh cãi vô bổ về những sự kiện quốc tế mà ông ưa thích. Nhưng Boris, dù say hay tỉnh, cũng rất ưa góp chuyện. Thường trong những cuộc nói chuyện kiểu đó, bố tôi hay khua chân múa tay, nhại lại chất giọng lơ lớ của Boris từ đầu đến cuối khiến tôi nghe mà ghê cả răng. Nhưng bản thân Boris có vẻ lại không lấy đó làm điều lo lắng. Thỉnh thoảng nó đi xuống nước đặt bếp đun mãi không lên, tôi xuống tìm sẽ thấy cả hai tranh luận háo hức trong bếp như một cặp kép hát trên sân khấu, về sự tan rã của Liên bang Xô viết hay cái gì đó kiểu như vậy.

“Ôi Potter!” nó nói khi trở lên. “Ông già mi, dễ thương không chịu được!”

Tôi gỡ tai nghe iPod ra. “Nếu mày nghĩ thế.”

“Tau nói thật đấy,” Boris nói và ngã xoài xuống sàn. “Ông nói hay lắm, thông minh lắm! Và ông yêu mi lắm.”

“Tao không hiểu mày lấy cái đó ở đâu ra.”

“Thôi nào! ông muốn làm điều phải với mi, nhưng không biết làm cách sao. ông ước chi là mi đang đứng nói chuyện với ông dưới đó chứ không phải là tau.”

“Ông ấy bảo mày thế à?”

“Không. Nhưng đúng mà! Tau biết rõ mà.”

“Suýt lừa được tao đấy.”

Boris tinh quái nhìn tôi. “Sao mi phải ghét ông thê?”

“Tao đâu có ghét ông.”

“Ông khiến mẹ mi suy sụp,” Boris dứt khoát nói. “Khi ông bỏ bả đi. Nhưng mi phải tha thứ cho ông đi chứ. Mọi chuyện đều qua rồi.”

Tôi quắc mắt. Bố tôi đi kể khắp với người khác những điều như thế ư?

“Vớ vẩn,” tôi ngồi dậy, gạt mấy cuốn truyện tranh qua một bên. “Mẹ tao…” làm sao giải thích được? “mày không hiểu đâu, ông ta cư xử như một thằng khốn, chúng tao mừng vì ông ta đi là khác. Ý tao là tao biết mày nghĩ ông ta ngon lành lắm, đủ thứ nữa…”

“Nhưng sao mà mi nghĩ ông tệ đến mức ấy? Bởi ông đi với bà khác à?” Boris hỏi - giơ hai tay ra, ngửa bàn tay. “Vẫn có chuyện đó mà. ông sống cuộc đời của ông. Thì liên quan gì đến mi?”

Tôi lắc đầu, không tin nổi. “Thần thánh ạ,” tôi nói, “ông ta thôi miên mày rồi.” Cho đến giờ tôi vẫn luôn sửng sốt về khả năng bắt hồn người đối thoại, cuốn họ vào phe mình của bố tôi. Người khác sẽ cho bố mượn tiền, đề bạt bố, giới thiệu bố với đủ hạng người tai to mặt lớn, cho bố sử dụng nhà nghỉ mùa hè của họ, tóm lại là hoàn toàn thần phục ông, mãi đến cái ngày tất cả vỡ vụn và ông sẽ chuyển sang nạn nhân kế tiếp.

Boris vòng tay ôm đầu gối, ngả người tì đầu vào tường. “Được rồi, Potter,” nó hòa nhã nói. “Kẻ thù của mi cũng là kẻ thù của tau. Mi ghét ông, tau cũng sẽ ghét ông. Nhưng mà… ” nó nghiêng

đầu “tau đang ở đây. Ở trong nhà ông. Tau làm sao giờ? Tau nên nói chuyện và ngoan ngoãn dễ chịu? Hay nên bố láo với ông?”

“Tao đâu có bảo mày bố láo. Tao chỉ bảo mày đừng có tin mọi thứ ông ấy kể cho mày thôi.”

Boris cười khùng khục. “Tau chẳng tin mọi thứ người ta kể dù là bất kỳ ai,” nó đáp và thân thiện đá vào chân tôi. “Kể cả mi.”

xxvii.

DÙ BỐ TÔI CÓ THÍCH BORIS mấy thì tôi vẫn phải thường xuyên đánh lạc hướng, không cho ông nghĩ đến chuyện Boris gần như đã chuyển hẳn vào ở trong nhà chúng tôi - cũng không khó khăn lắm, vì cờ bạc và ma túy đã khiến bố lãng trí đến mức tôi có mang hẳn một con báo đốm vào phòng ngủ trên nhà thì ông cũng chẳng để ý. Thuyết phục Xandra thì khó hơn, cô ta ưa cằn nhằn vì chuyên tiền bạc hơn, dù Boris cũng đóng góp dáng kể vào kho quỹ nhà lượng đồ ăn vặt nó ăn trộm được. Khi nào có cô ta ở nhà, nó sẽ ngồi tịt trên nhà cho khuất mắt, chau mày nhíu mắt đọc Thằng ngốc bằng tiếng Nga và nghe nhạc bằng loa bỏ túi của tôi. Tôi mang bia và thức ăn lên cho nó, học cách pha trà theo lối nó thích: đun thật nóng, bỏ ba viên đường.

Tới lúc đó thì đã gần Giáng sinh, dù nếu chỉ nhìn trời đất thì khó biết được: đêm lạnh nhưng ngày ấm và sáng sủa. Khi gió thổi, cây ô bên bể bơi sẽ đổ đánh đoàng như tiếng súng. Đêm đêm có chớp khan, không mưa, thỉnh thoảng cát lại bốc lên, cuộn thành xoáy lốc thổi đi ngả này ngả kia trên phố.

Tinh thần tôi xuống dốc khi kỳ nghỉ đến gần, dù Boris thì đương đầu dũng mãnh. “Mấy trò đó, cho con nít ấy mà,” nó khinh bỉ nói, chống khuỷu tay ngửa trên giường tôi. “Cây với chả đồ

chơi. Tụi mình sẽ làm hẳn quả *praznyky* vào đêm Giáng sinh, mi nghĩ sao?"

"Praznyky?"

"Ờ thì một kiểu bữa tiệc ngày lễ ấy. Không phải là Bữa tối thần thánh đầy đủ đâu, chỉ là ăn tối thật ngon thôi. Nấu nướng hoành tráng một tí, mời ông già mi và Xandra ăn cùng. Mi có nghĩ hai người đó sẽ nhận lời không?"

Thật ngạc nhiên, bố tôi - và thậm chí cả Xandra - có vẻ rất hào hứng với để nghị này (bố tôi là chủ yếu vì ông thích chữ *praznyky* và thích xúi Boris nói to chữ đó). Ngày hăm ba tháng Chạp Boris và tôi đi mua đồ, bằng tiền thật do bố tôi cho (thật may, vì siêu thị quen của chúng tôi quá chật người đi mua sắm dịp lễ không thể tự tiện lấy đồ như mọi khi được), mang về nhà: khoai tây, một con gà, một lố những thành phần chán ngấy (dưa cải bắp, nấm, đậu, kem chua) cho món ăn

Ba Lan nào đó mà Boris khoe biết cách làm, bánh lúa mạch đen (Boris khăng khăng phải có bánh mì đen, mì trắng là sẽ lạc quẻ giữa bữa ăn, nó bảo thế), nửa ký bơ, dưa ngâm, và ít kẹo xanh đỏ.

Boris đã nói chúng tôi sẽ ăn ngay khi trên trời xuất hiện ngôi sao đầu tiên - sao Bethlehem. Nhưng chúng tôi chẳng quen nấu nướng cho ai ngoài chính mình, vì thế bị muộn. Đêm Giáng sinh, vào quãng tám giờ tối, món dưa cải bắp đã xong, con gà (chúng tôi đọc hướng dẫn nấu trên giấy bọc) chỉ còn mười phút nữa sẽ lấy khỏi lò thì bố tôi vừa huýt sáo bài *Deck the halls*[88] vừa vui nhộn gõ tay vào tủ bếp để chúng tôi nhìn ra.

"Đi nào hai chú!" ông nói. Mặt ông đỏ bừng, sáng bóng, giọng ông gấp gáp, có vẻ căng thẳng, gióng một mà tôi đã quá quen. Ông mặc một bộ vét Dolce & Gabbana cũ từ hồi ở New York

nhưng không đeo cà vạt, áo sơ mi lùng thùng, cúc cổ không cài. “Đi chải đầu đi, mông má lên tí. Bố đưa cả nhà đi ăn. Con có áo quần gì đẹp hơn không, Theo? Phải có chứ.”

“Nhưng mà…” Tôi trơ mắt nhìn ông phật ý. Đúng là điển hình của ông, sẵn sàng ào vào đổi kế hoạch đúng phút chót.

“Thôi nào. Con gà đợi được. Không được ư? Được chứ.” Lời lẽ ông tuôn ra liến thoắng. “Các con cất luôn mấy thứ còn lại vào tủ lạnh đi. Chúng ta sẽ ăn ngày mai làm bữa trưa Giáng sinh - như thế có còn là *praznyky* không? Hay *praznyky* chỉ là tối Giáng sinh thôi? Có phải bố lẫn rồi không? Ừ, được rồi, thế thì mai chúng ta sẽ ăn… bữa Trưa Giáng sinh. Tập tục mới. Đằng nào món thừa cũng ngon hơn. Nào, sẽ hết sảy lắm. Boris…” ông đã kịp lùa Boris ra khỏi bếp “chú mặc sơ mi cỡ nào, hử đồng chí? Không biết à? Mấy chiếc Brooks Brothers cũ của bác, đáng ra bác phải sẻ tất cho chú, áo đẹp lắm, đừng có hiểu lầm, chắc phải dài đến đầu gối chú nhưng bác mặc hơi chật ở cổ và chú chỉ cần xắn tay áo lên là trông ngon ngay…

xxviii.

DÙ ĐÃ Ở LAS VEGAS gần nửa năm, nhưng tôi mới đến Dải chừng bốn hay năm bận - còn Boris (rất hài lòng quanh quẩn trong quỹ đạo nhỏ của cả hai, từ trường đến trung tâm mua sắm rồi về nhà) hầu như chưa vào đến trung tâm Vegas. Chúng tôi trố mắt nhìn những đèn chảy như suối, ánh điện sáng lóa hay phập phồng hay trút thác thành bong bóng khắp xung quanh, gương mặt Boris trông lên hóa đỏ rồi vàng tắm trong ánh sáng điên loạn.

Vào trong khách sạn Venice, những người chèo thuyền độc

mộc lao đi trên những con kênh thật, có cả nước thật bốc mùi hóa chất, trong khi những ca sĩ thính phòng mặc đồ hóa trang hát Đêm thánh vô cùng và Ave Maria dưới bầu trời nhân tạo. Boris và tôi đi lại băn khoăn, cảm thấy mình thật quê mùa, lê giày, và nhìn chung là quá choáng váng không tiếp thu hết nổi. Bố tôi đã đặt bàn ở một nhà hàng Ý sang trọng, lát tường gỗ sồi - "người em trai xa xứ" của một nhà hàng nổi tiếng ở New York. "Muốn gọi gì cứ gọi nhé, cả nhà," ông nói và kéo ghế cho Xandra. "Bác mời. Cứ xả láng."

Và chúng tôi xả láng. Chúng tôi ăn pudding măng tây sốt dấm hẹ, cá hồi hun khói, gỏi cá than hun khói, mì sợi dài trộn rau cải đông và nấm truýp đen, cá vược đen giòn tan với nghệ và đậu ngựa, thịt ngực bò nướng, sườn dẻ om, và tráng miệng bằng kem panna cotta, bánh bí đỏ và kem quả vả. Đây phải nói là bữa ăn tráng lệ nhất tôi từng ăn trong hàng tháng nay, có khi trong cả đời, còn Boris - mình nó đã ăn hai suất cá than - thì sướng điên lên được. "A, thật là tuyệt diệu? Nó nói đến lần thứ mười lăm, gần như kêu rừ rừ vì khoái chí, khi cô phục vụ xinh xắn mang thêm một đĩa kẹo và bánh quy hạnh nhân Ý khi mời cà phê. "Cảm ơn hai người! Cảm ơn ông Potter và Xandra," nó nhắc lại. "Ngon quá."

Bố tôi đẩy đĩa ra - ông hầu như chẳng ăn mấy so với hai đứa tôi (Xandra cũng vậy). Tóc bên thái dương ông ẩm mồ hôi, mặt đỏ và tươi đến nỗi gần như phát sáng. "Hãy cảm ơn cái thằng nhóc Tàu đội mũ đội Cubs cứ liên tục đặt toàn bộ trong sòng chiều nay ấy," ông nói. "Ối trời ơi. Quả là các bác không thể nào thua nổi." Trong xe lúc nãy, ông đã khoe chúng tôi mớ của trời cho ông: một cuộn dày bự toàn tờ trăm, buộc chun bên ngoài. "Bài thì cứ chia tới chia tới. Sao Thủy nghịch hành còn trăng lên cao! Nghĩ xem, thật đúng như ma thuật. Chú có biết là đôi khi có ánh sáng chiếu bên

bàn, cứ như một vầng hào quang nhìn thấy được, và chú chính là *nó*, chú hiểu không? Chú chính là ánh sáng! Có một nhà cái xuất sắc cực kỳ, tên Diego, bác mê Diego, nghĩ xem, điên cực, trông ông ta y hệt họa sĩ Diego Rivera, chỉ có điều mặc bộ đuôi tôm lịch lãm đếch tả nổi. Bác đã kể về Diego chưa nhỉ? Ở đây bốn chục năm rồi, từ cái thời mở khách sạn Flamingo. To, đậm người, trông hoành tráng lắm. Người Mexico, hiểu không. Bàn tay nhanh thoăn thoắt đeo nhẫn to uych" - ông nhúc nhắc ngón tay -"ba-ca-RRRAT! Trời ạ, thật đến là mê mấy ông Mexico cựu trào kiểu ấy trong phòng baccarat, trông thanh lịch đếch chịu được. Già, tao nhã cứ như ướp trầm hương, đi đứng đĩnh đạc, hiểu không? Được rồi, tóm lại là bên bàn Diego, bác với thằng nhóc người Tàu, nó cũng là một thằng ngộ, kính gọng sừng, một chữ tiếng Anh bẻ đôi không biết, hiểu không, cứ la 'San Bin! San Bin!', uống cái thứ trà nhân sâm khỉ gió của đám ấy, vị như cát nhưng mùi thì rất dễ chịu, như mùi vận may, và không thể tin nổi, cả một chuỗi thắng kinh hồn, trời ạ, một đàn con gái Tàu xếp hàng đằng sau lưng, bọn bác chia bài nào ăn bài đấy -Em nghĩ," ông quay sang Xandra, "đưa hai đứa quay về sòng gặp Diego có được không? Anh chắc là cả hai sẽ khoái Diego kinh lên cho mà xem. Không biết ông già còn đang ca không. Em thấy thế nào?"

"Ông ta không ở đấy đâu." Xandra tối nay trông rất được - mắt sáng bừng, cả người lấp lánh, mặc đầm bó cắt ngắn bằng nhung và đi xăng đan đính đá, son môi đậm hơn lệ thường. "Giờ thì về rồi."

"Đôi khi ngày lễ ông ấy làm hai ca đấy."

"Ôi, chẳng ai muốn quay lại đâu. Cuốc bộ lâu lắm. Phải mất nửa giờ mới đi hết sàn sòng rồi quay lại."

"Ừ, nhưng anh biết là ông ấy sẽ vui được gặp đám con anh mà."

“Ừ, chắc vậy,” Xandra hòa nhã nói, di ngón tay quanh vành ly rượu. Con bồ câu vàng tí xíu trên sợi dây chuyền ánh lên trên hõm cổ cô ta. “Ông ấy rất dễ chịu. Nhưng Larry này, em nói thật đấy, em biết anh chẳng coi lời em ra gì đâu, nhưng nếu cứ bá vai bá cổ đám nhà cái thì một ngày nào đó anh đi vào sẽ có bảo vệ ra đón tiếp cho xem.”

Bố tôi cười lớn. “Trời!” ông hào hứng nói, đập bốp xuống bàn mạnh đến nỗi tôi giật mình. “Nếu không biết thì anh đã bảo Diego đúng là đang giúp một tay bên bàn hôm nay. Mà biết đâu được đấy. Baccarat thần giao cách cảm! Cứ bảo các chuyên gia Xô viết nhà chú nghiên cứu cái đó đi,” ông nói với Boris. “Như thế sẽ giúp nền kinh tế đằng đó duỗi ra được lắm.”

Boris hắng giọng khe khẽ và nhấc cốc nước. “Xin lỗi, cháu nói một câu được không?”

“Giờ đến lúc đọc diễn văn rồi à? Có phải chuẩn bị trước bài phát biểu không?”

“Cháu cảm ơn cả nhà đã quây quần ở đây. Và cháu chúc tất cả được mạnh khỏe, hạnh phúc, và chúc chúng ta đều còn sống cho tới Giáng sinh năm sau.”

Trong khoảng im lặng ngạc nhiên tiếp đó, tiếng nắp sâm-panh bật ra trong bếp, một chuỗi cười vang lên. Mới vừa qua nửa đêm: sang ngày Giáng sinh được hai phút. Rồi bố tôi ngửa người ra sau lưng cười lớn. “Chúc mừng Giáng sinh!” Ông rống lên và rút trong túi một hộp trang sức đẩy qua Xandra, hai cọc hai chục đỏ (Năm trăm! Mỗi đứa!) ném qua bàn cho Boris và tôi. Và dù trong đêm sòng bạc không đồng hồ, nhiệt độ không đổi, nhưng từ như *ngày* hay *Giáng sinh* nói chung chỉ là những khái niệm không mấy ý nghĩa, thì hạnh phúc giữa những ly tách đụng nhau lanh canh,

chẳng có vẻ là một khái niệm quá xa vời hay yểu mạng.

06
Gió, cát và những vì sao.

i.

SUỐT NĂM TIẾP THEO, tôi quá bận rộn tìm cách xóa sạch khỏi đầu mình New York và cuộc đời cũ đến nỗi hầu như không nhận ra bước đi thời gian. Ngày nối ngày trong ánh trắng lóa không mùa: những buổi sáng khật khừ sau đêm say trên xe buýt tới trường, lưng hồng lên rát buốt vì ngủ quên bên bể, mùi vodka hôi như xăng và mùi lông chó ướt lẫn clo muôn thuở trên mình Popper, Boris dạy tôi đếm, hỏi đường và mời nước bằng tiếng Nga cũng kiên nhẫn như dạy tôi chửi thề trước đó. Vâng, xin phép, tôi thích lắm. Cảm ơn, anh tốt quá. *Govorite li vy po angliyskiy*? Anh có biết tiếng Anh không? *Ya nemnogo govoryu po-russki*. Tôi có biết tiếng Nga một chút.

Dù đông hay hè, ngày cũng sáng lóa mắt; không khí sa mạc đốt khô lỗ mũi, khiến cổ họng khô rát. Cái gì cũng buồn cười, cái gì cũng khiến chúng tôi bò ra cười. Đôi lúc ngay trước khi mặt trời lặn, khi sắc xanh trên trời chuyển thẫm đổ về tím, chúng tôi thấy những đám mây điên cuồng viền chớp điện kiểu Maxheld Parrish cuồn cuộn vàng và trắng đổ về sa mạc như Thần khải đang dẫn người Mormon đi về tây. *Govorite medlenno*, tôi nói, nói chậm đi, và *Povtorite, pozhaluysta*. Xin nhắc lại. Nhưng chúng tôi đã bắt sóng nhau tốt đến mức hoàn toàn không cần nói chuyên nếu không muốn; chúng tôi biết cách đẩy nhau vào cơn cười nghiêng ngả chỉ cần nếp mày khẽ nhướng hay giật giật khóe môi. Đêm

http://tieulun.hopto.org

đêm, chúng tôi ngồi xếp bằng trên sàn mà ăn, để lại những vết ngón tay nhờn mỡ trên sách học. Chế độ ăn uống khiến cả hai đều suy dinh dưỡng, những vết bầm nâu xuất hiện trên chân tay chúng tôi - thiếu vitamin, y tá ở trường bảo thế rồi cắm phập kim tiêm vào mông chúng tôi, phát cho mỗi đứa một hũ kẹo nhai đủ màu của trẻ con. ("Mông tau đau quá," Boris vừa nói vừa xoa xoa bàn tọa, lẩm bẩm chửi xe buýt lắp ghế kim loại.) Cả người tôi nổi tàn nhang vì suốt ngày tắm táp dưới bể; tóc tôi (sau này sẽ không bảo giờ còn dài đến thế) xuất hiện những lọn sáng màu vì ngấm hóa chất dưới nước, và nhìn chung, tôi vui, dù khối nặng trĩu trong ngực vẫn không bao giờ tan đi, còn răng thì đang ruỗng từ trong ra vì ăn lắm kẹo. Ngoài ra thì tôi khỏe. Và cứ thế, ngày tháng vui vẻ trôi qua, nhưng rồi - chẳng mấy chốc sau ngày sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi - Boris gặp một đứa con gái tên Kotku, và tất cả đã khác.

Cái tên Kotku (kiểu Ukraina là *Kotyku*) khiến cô ta có vẻ thú vị hơn thực tế, nhưng đấy không phải là tên thật, mà chỉ là biệt danh ("mèo con" trong tiếng Ba Lan) được Boris đặt cho. Họ cô ta là Hutchins, tên thật là Kylie hay Keiley hay Kaylee gì đó, và cả đời cô ta đã sống ở hạt Clark bang Nevada. Dù cũng đi học cùng trường, chỉ trên một khóa, nhưng cỏ ta lớn tuổi hơn nhiều - hơn tôi tận ba tuổi. Xem ra Boris đã để mắt tới cô ta được lâu lâu rồi, nhưng tôi hoàn toàn không biết có tồn tại nhân vật ấy cho đến cái buổi chiều nó quăng mình xuống chân giường tôi, tuyên bố: "Tau đang yêu."

"Thế cơ hả? Yêu ai?"

"Bả lớp Công dân. Từng cho tau ít cỏ. Ờ, bả mười tám nữa chứ, mi tưởng tượng nổi không? Trời, người đâu mà *đẹp*"

"Mày có cỏ à?"

Nó đùa cợt nhào tới, túm lấy vai tôi; nó biết đấy là chỗ tối yếu nhất, một điểm ngay dưới xương bả vai nơi nó có thể thọc ngón tay vào khiến tôi la oai oái. Nhưng tôi không có hứng đùa, và nện lại nó thật mạnh.

“Oái! Trời đất quỷ thần!” Boris kêu lên và lăn đi, đưa ngón tay xoa xoa hàm. “Sao mi làm thế?”

“Mày đau thì tốt,” tôi nói. “Cỏ đâu?”

Chúng tôi không nói gì về người trong mộng của Boris nữa, ít ra thì trong hôm ấy, nhưng rồi mấy hôm sau ra khỏi lớp Toán tôi thấy nó đang đứng nhìn xuống một đứa con gái bên dãy tủ. Dù Boris so với tuổi không hẳn là cao, nhưng con bé này thì tí tẹo, dù có vẻ trông già hơn chúng tôi nhiều: ngực lép, hông hẹp, gò má cao, trán bóng, khuôn mặt hình tam giác nhọn hoắt sáng bóng. Mũi xỏ khuyên. Áo hai dây đen. Sơn móng tay đen đã sứt sẹo, tóc đen highlight cam, mắt sáng vô cảm màu xanh clo, vẽ viền đen rất đậm. Hẳn là xinh xẻo - có thể coi là hấp dẫn nữa, nhưng ánh mắt nó đánh qua tôi chỉ tổ gợi lo âu, như một đứa bán hàng thức ăn nhanh cắm cảu hoặc một cô trông trẻ hay quát lác.

“Thế mi thấy sao?” Boris háo hức hỏi khi chạy lại chỗ tôi sau giờ học.

Tôi nhún vai. “Thấy cũng xinh xẻo.”

“Mi nghĩ thế à?”

“Ôi, Boris, nghĩ xem, trông bà đó như kiểu đã hăm lăm.”

“Tau biết! Thế mới tuyệt chứ!” nó nói, trông choáng ngợp. “Mười tám tuổi! Thành niên rồi! Có thể mua rượu thoải mái! Hơn nữa bả đã sống ở đây cả đời, biết rõ chỗ nào không kiểm tra tuổi.”

HADLEY, CON BÉ ÁO KHOÁC thể dục lắm mồm ngồi cạnh tôi trong lớp Lịch sử Hoa Kỳ nhăn mũi khi nghe tôi hỏi về người tình già của Boris. "*Con đó* hả?" nó đáp. "*Chúa* đĩ." Chị gái Hadley là Jan học cùng khóa với Kyla hoặc Kayleigh gì đó. "Còn mẹ nó tớ nghe bảo là đĩ có nghề đấy. Bạn cậu cẩn thận đừng mang bệnh vào người."

"À," tôi chỉ đáp vậy, ngạc nhiên khi thấy nó hung hăng như thế, mặc dù đáng ra phải đoán trước mới phải. Hadley là con nhà binh, nó tham gia đội bơi và còn hát trong dàn đồng ca trường, nó có gia đình tử tế, ba anh chị em, một con chó giống Weimaraner tên Gretchen mang từ tận Đức qua đây, và một ông bố sẵn sàng phạt nếu nó về tối quá giờ quy định.

"Tớ không nói điêu đâu," Hadley tiếp. "Nó hôn hít bạn trai của bọn con gái khác - nó còn hôn hít cả bọn con gái khác - *ai* nó cũng hôn hít được. Chưa kể hình như nó còn hút cần sa nữa đấy."

"Ổ," tôi đáp. Đối với tôi, chẳng cái nào trong số đó là nguyên do hợp lý khiến phải không ưa Kylie hay gì đó, nhất là khi cả Boris và tôi đã hào hứng tham gia hút cần mấy tháng qua. Nhưng điều làm tôi bận lòng, bận lòng lắm, đấy là Kotku (tôi sẽ vẫn gọi tiếp bằng cái tên Boris đặt cho vì bây giờ tôi chẳng nhớ tên thật nó là gì nữa) trong chớp mắt đã nhảy vào, gần như chiếm hữu hoàn toàn Boris rồi.

Ban đầu, nó bận vào tối thứ Sáu. Rồi đến nguyên cả cuối tuần - không chỉ tối mà cả ngày nữa. Chẳng mấy chốc đã chỉ toàn nghe Kotku thế này Kotku thế kia, và nháy mắt sau đã chỉ còn tôi với Popper, ăn tối trước tivi một mình.

"Bả tuyệt trần đời không chứ?" Boris hỏi tôi lần nữa, sau hôm đầu tiên nó dẫn cô nàng tới nhà tôi - phải nói là một buổi tối khá

tệ, cả bả phê thuốc đến không nhúc nhắc được, rồi hai kẻ đó lán lê trên xô pha dưới nhà còn tôi ngồi trên sàn, quay lưng lại chúng và gắng chú tâm xem *The outer limit*[89] phát lại trên tivi. “Mi thấy sao?”

“Ờ, tao thì...” Nó muốn nghe gì nhỉ? “Bả thích mày. Hẳn rồi.”

Nó xoay người sốt ruột. Chúng tôi đang ngồi ngoài bể bơi, dù trời lạnh và gió quá không bơi được. “Không, tau hỏi thật đấy! Mi thấy bả thế nào? Nói thật đi, Potter,” nó ra lệnh khi thấy tôi chần chừ.

“Tao không biết nữa,” tôi băn khoăn đáp, và rồi khi thấy nó vẫn nhìn tôi: “Thành thật à? Tao không biết, Boris ạ. Bả có vẻ tuyệt vọng.”

“Ờ? Cái đó xấu lắm à?”

Giọng nó có vẻ tò mò thật tình - không ra bực tức cũng chẳng mỉa mai. “Ờ,” tôi giật mình đáp. “Có thể không xấu.”

Boris, má hồng lên vì vodka, đặt bàn tay lên tim. “Tau yêu bả, Porter à. Tau nói thật đấy. Đây là điều chân thực nhất mà tau từng trải qua từ khi sinh ra tới giờ.”

Tôi ngượng ngùng tới mức phải quay đi chỗ khác.

“Một nàng phù thủy gầy nhẳng!” Nó thở dài sung sướng. “Trong tay tau, bả nhẹ bỗng, da bọc xương! Cứ như không khí.” Thật quái lạ, Boris dường như mê mệt Kotku vì chính những lý do tôi thấy gớm ở cô ả: cái thân thể mèo hoang uốn éo, cái vẻ người lớn gầy khẳng, ỉ eo. “Mà lại thật dũng cảm, khôn ngoan, rộng lượng làm sao! Tau chỉ muốn một điều là bảo vệ bả, canh chừng bả khỏi bị thằng Mike đó quấy rầy. Mi biết chứ?”

Tôi lặng lẽ rót cho mình thêm một cốc vodka, dù không thực

sự cần. Vụ Kotku càng thêm khó hiểu, vì như chính Boris đã cho tôi biết, giọng tự hào không lẫn vào đâu được, Kotku đã có bạn trai rồi: một gã 26 tuổi tên là Mike McNatt, có xe mô tô, làm trong hãng vệ sinh bể bơi. "Tuyệt vời," tôi đã nhận xét khi Boris thông báo tin này trước đó. "Chúng mình cần lôi hắn đến đây giúp làm sạch bể." Tôi đã phát ngấy việc chăm sóc cái bể bơi (một nhiệm vụ chủ yếu rơi vào đầu tôi), nhất là vì Xandra không bao giờ mang đúng loại thuốc tẩy cần thiết về nhà.

Boris ấn gót tay lên mắt. "Nghiêm trọng lắm, Potter ạ. Tau nghĩ là bả khiếp thằng đó lắm. Bả muốn cắt đứt với hắn, nhưng bả sợ. Bả đang cố thuyết phục hắn đi đăng lính."

"Mày phải cẩn thận không thằng đó săn mày đấy."

"Tau à!" Nó khịt mũi. "Tau lo là lo cho bả kìa. Bả gầy nhóc! 37 ký!"

"OK, OK." Kotku kêu mình mắc chứng "chớm biếng ăn" và lúc nào cũng khiến Boris lo sốt vó khi than cả ngày chưa ăn gì.

Boris bợp vào đầu tôi. "Mi ngồi lì ở đây một mình cả ngày," nó nói và ngồi xuống bên tôi, thõng chân xuống bể. "Tối nay qua Kotku đi. Mang ai đó theo."

"Ai giờ?"

Boris nhún vai. "Thế cái con nhỏ tóc vàng đẹp ngời tóc tém kiểu con trai ở lớp lịch sử của mi thì sao? Con nhỏ trong đội bơi ấy?"

"Hadley hả?" Tôi lắc đầu. "Quên đi."

"Đúng! Mi mang nó đến đi! Nó đẹp! Và thế nào nó cũng chịu!"

"Tin tao đi, không phải ý hay đâu."

“Để tau hỏi cho! Thôi nào. Nó rất dễ chịu với mi, lúc nào cũng nói chuyện. Mình gọi cho nó luôn nhé?”

“Không! Không phải là... thôi ngay,” tôi chụp lấy ống tay áo khi nó dợm đứng dậy.

“Đồ thỏ đế!”

“Boris.” Nó đã bắt đầu đi vào nhà kiếm diện thoại. “Đừng. Tao nói thật đấy. Nó không đến đâu.”

“Tại sao chứ?”

Giọng nhạo cợt của nó khiến tôi bực mình. “Nói thật nhé? Bởi vì...” Tôi suýt nói *vì Kotku là đồ điếm* mà đấy là sự thật rành rành, nhưng chỉ nói: “Thế này, Hadley thuộc tốp xếp đầu lớp và đủ thứ nữa. Nó không ham đến chơi ở nhà Kotku đâu.”

“Hử?” Boris thốt lên, quay ngoắt lại, tức giận. “Con đượi con đó. Nó nói gì?”

“Có gì đâu. Chỉ là...”

“Có đấy!” Giờ nó đã lao sầm sầm lại chỗ bể. “Mi nói ngay cho tau.”

“Thôi nào. Không có gì đâu. Bình tĩnh nào, Boris,” tôi nói khi nhận ra nó đang lồng lộn lên. “Kotku lớn hơn cả đống tuổi. Hai người đó còn không học cùng lớp nữa mà.”

“Cái con điên mũi tẹt ấy. Kotku có làm gì nó bao giờ?”

“ Yên nào.” Mắt tôi nhận ra chai vodka, sáng lóng lánh dưới tia nắng trong veo như một lưỡi gươm ánh sáng. Nó đã uống nhiều quá rồi, mà tôi thì chẳng muốn đánh nhau. Nhưng tôi cũng đã say mèm, chẳng nghĩ ra nổi cách nào dễ dàng hay buồn cười để đánh lạc hướng nó.

iii.

RẤT NHIỀU ĐỨA CON GÁI KHÁC tầm tuổi chúng tôi, đàng hoàng hơn, thích Boris - đáng chú ý nhất là Saffi Caspersen, người Đan Mạch, nói tiếng Anh bằng giọng Anh chói với, từng diễn vai phụ ở Cirque du Soleil, và là hoa khôi của khóa, vượt xa bọn con gái khác. Saffi học lớp Ngữ văn nâng cao với chúng tôi (từng phát biểu rất hay ho về tiểu thuyết *The heart is a lonely hunter*[90]) và dù có tiếng là chảnh, nó vẫn thích Boris. Ai cũng thấy sờ sờ. Nó cười khi Boris nói giễu, cư xử kỳ cục trong tổ học nhóm của Boris, và tôi từng thấy có lần nó nói chuyện hào hứng với Boris trong hành lang - Boris đáp chuyện cũng hào hứng không kém, khua tay chân loạn xạ theo kiểu Nga. Nhưng, kỳ bí thay, nó có vẻ chẳng hề để ý đến con bé.

"Nhưng tại sao không?" tôi hỏi nó. "Đấy là đứa xinh nhất lớp." Tôi lúc nào cũng nghĩ người Đan Mạch phải to cao tóc vàng, nhưng Saffi lại nhỏ nhắn, tóc nâu, phảng phất vẻ tiên sa, càng được tô đậm do lớp trang điểm kiểu sân khấu lấp lánh trong bức ảnh tôi thấy nó chụp hồi diễn.

"Ừ thì có xinh. Nhưng không hấp dẫn lắm."

"Nó nóng bỏng rãy lên được ấy chứ, Boris. Mày điên rồi à?"

"À, nhỏ đó chăm quá," Boris đáp và thả người cạnh tôi, một tay cầm bia, tay kia với lấy điếu thuốc của tôi. "Ngoan quá. Lúc nào cũng học hành với chả diễn tập khỉ gió gì đây. Kotku..." nó phà một hơi thuốc rồi trả điếu cho tôi, "Kotku giống tụi mình."

Tối im lặng. Làm sao mà tôi đã đi từ học vượt lớp đến chỗ bị bỏ chung rọ với một đứa dặt dẹo như Kotku?

Boris huých tôi. "Tau nghĩ là mi thích nhỏ đó. Saffi ấy."

“Không, đâu có.”

“Mi thích mà. Rủ nó đi chơi đi.”

“Ừ, hay đấy,” tôi đáp, dù biết mình không có gan. Ở trường cũ của tôi nơi học sinh nước ngoài hay lớp trao đổi thường lặng lẽ đứng ngoài rìa, chắc một người như Saffi sẽ dễ tiếp cận hơn, nhưng ở Vegas nó quá nổi tiếng, lúc nào cũng có cả đống người xung quanh - lại còn chưa kể đến vấn đề hơi hơi nghiêm trọng, là đi đâu làm gì. Ở New York thì dễ ợt, tôi có thể dẫn nó đi trượt băng, xem phim, hay đến trung tâm thiên văn. Nhưng ở đây tôi không thể hình dung Saffi hít keo hay uống bia đựng trong túi giấy ở sân chơi, hoặc làm bất cứ thứ gì tôi với Boris vẫn hay làm.

iv.

TÔI VẪN THƯỜNG ĐI VỚI BORIS, chỉ có điều không nhiều như trước. Càng ngày nó càng hay qua đêm ở nhà Kotku và mẹ ở dãy căn hộ Hai R - thực tế là một thứ nhà trọ tạm thời, một quán ven đường từ thập niên 1950 đã xập xệ, nằm trên đường lớn dẫn từ sân bay đến Dải, sân trước đầy những người trông như dân nhập cư bất hợp pháp đứng cạnh bể bơi cạn khô, cãi cọ về phụ tùng xe hơi. (“Hai R à?” Hadley hỏi. “Cậu biết nó là viết tắt của cái gì không? ‘Rắn rít’.”) May phước thay, Kotku không cặp kè cùng Boris đến nhà tôi nhiều lắm, nhưng cả khi cô ả không có mặt thì Boris vẫn nói triền miên về ả. Kotku nghe thứ nhạc rất ngầu và đã ghi một đĩa CD tổng hợp đầy những bản hip hop cực thịnh mà tôi không thể không nghe được. Kotku thích *pizza* chỉ bỏ ớt tiêu xanh và ô liu thôi. Kotku cực kỳ *cực kỳ* muốn có một cây piano điện - và cả mèo Xiêm nữa, hay có lẽ là chồn, nhưng ở Hai R không được nuôi thú. “Thật đấy, mi đáng phải gặp bả nhiều hơn, Potter ạ,” nó nói và đụng vai vào vai tôi. “Mi sẽ khoái bả cho coi.”

http://tieulun.hopto.org

“Thôi đi,” tôi đáp và nghĩ tới cái kiểu trịch thượng của cô ta khi ở gần tôi - cười không đúng lúc và rất khó chịu, hơi một tí là sai tôi ra tủ lạnh lấy bia.

“Không! Bả khoái mi mà! Thề luôn! Ý tau là bả thấy mi như một đứa em trai thì đúng hơn. Bả bảo thế mà.”

"Bả có bao giờ nói gì với tao đâu.”

"Đấy là vì mi không nói gì với bả.”

“Mai đứa mày đã ngủ với nhau chưa?”

Boris khụt khịt một tiếng bực bội, như những lúc mọi chuyện không theo ý nó muốn.

“Đầu óc đen tối,” nó nói, gạt tóc ra khỏi mắt rồi nói thêm: “Sao? Mi nghĩ sao? Mi muốn tau kẻ sơ đồ cho mi chắc?”

“ *Vẽ* sơ đồ cho mày.”

“Hửm?”

"Nói đúng là như thế. ‘Mày muốn tao vẽ sơ đồ cho mày chắc.’”

Boris đảo mắt. Vung vẩy tay, nó lại bắt đầu một tràng nào là Kotku thông minh làm sao, “khôn phát sợ luôn”, thông thái cực kỳ, đã sống qua bao nhiêu chuyện, và tôi phải bất công lắm thì mới phán xét cô ả, coi thường cô ả dù chưa thèm làm quen để hiểu cô ả; nhưng trong khi tôi ngồi, nửa lắng nghe nó huyên thuyên, nửa xem bộ phim noir cũ trên truyền hình (*Pallen angel* có Dana Andrevvs), tôi không thể dừng nghĩ đến chuyện nó gặp Kotku chính là trong lớp có thể gọi là Công dân Bổ túc, lớp riêng dành cho những học sinh không thật sáng dạ (ngay cả trong trường học cực kỳ dễ dãi này) để có thể lên lớp không cần quá cố gắng. Boris có trí thông minh về toán bẩm sinh và giỏi ngoại ngữ

hơn bất kỳ ai tôi từng gặp, đã bị ép vào học lớp công dân loại dốt vì nó là người nước ngoài: đấy là quy định của nhà trường, mà nó cực kỳ ghét, (“Để làm chi? Chẳng lẽ hôm nào đấy tau sẽ đi bỏ phiếu bầu Quốc hội à?") Nhưng Kotku - Mười tám tuổi! sinh ra lớn lên ở hạt Clark! công dân Mỹ y như trong phim *Cops!* - làm gì có cớ nào.

Tôi cứ liên tục bắt gặp trong đầu những ý nghĩ kém khoan dung như thế, và cố hết sức rũ bỏ chúng đi. Quan tâm làm gì? Phải, Kotku đúng là khốn; phải, cô ả quá đần nên mới không qua được lớp Công dân bình thường và lại đeo thứ khuyên tai vòng rẻ tiền mua ở hàng tạp phẩm, lúc nào cũng mắc vào đủ mọi thứ, và phải, dù chỉ nặng có 37 ký thì cô ả vẫn khiến tôi sợ khiếp vía, như là nếu tức điên lên cô ả có thể dùng đôi bốt mũi nhọn đá tôi chết quay. (“Đúng là một nàng da đen thiện chiến,” Boris có lần huênh hoang, đi đâu cũng làm bộ điệu găng tơ, hoặc cái mà nó nghĩ là bộ điệu găng tơ, rồi đãi tôi câu chuyện Kotku có lần giật tóc đứa con gái nào đó rách bê bết máu - đây lại một đặc điểm nữa của Kotku, lúc nào cũng gây sự đánh nhau với đám con gái rất khiếp, chủ yếu là với bọn da trắng dưới đáy xã hội giống như nó nhưng vài lần cũng gặp gái băng đảng thứ thiệt, da đen hoặc gốc La tinh.) Nhưng ai mà quan tâm Boris thích loại con gái vứt đi nào? Không phải chúng tôi vẫn là bạn sao? Bạn thân? Gần như là anh em ruột?

Lại đấy: không có chữ nào có thể diễn tả đích xác Boris và tôi. Trước khi xuất hiện Kotku, tôi chưa bao giờ nghĩ nhiều về chuyện đó. Chỉ là những buổi chiều lờ đờ trong không khí máy lạnh, say mèm, lười biếng, mành kéo xuống chặn ánh lóa, những gói đường dốc hết, những vỏ cam quắt queo vứt trên thảm sàn, *Dear Prudence* trong Album Trắng[91] (mà Boris mê mệt) hoặc những bài của nhóm Radiohead cũ não nuột bật đi bật lại:

Trong một phút anh đã mất mình, anh đã mất mình...

Thứ keo chúng tôi hít làm dấy lên một tiếng gầm đen của máy móc, như tiếng động cơ phản lực chợt dậy gió: *đã bật!* Chúng tôi ngã ngửa xuống giường, xuống đêm tối, như những người nhảy dù bật người ra sau rời khỏi máy bay, mặc dù - đã phê đến mức ấy, xỉu đến mức ấy - phải coi chừng cái túi bịt trên mặt, nếu không sẽ phải cậy những mảng keo khô khỏi tóc và chóp mũi khi tỉnh lại. Giấc ngủ kiệt quệ, lưng áp lưng, giữa lớp ga giường bốc mùi tàn thuốc và mùi chó, Popchik nằm phơi bụng ngáy ran, để ý nghe kỹ sẽ thấy những tiếng thì thầm vô thức trong luồng không khí phả vào từ lỗ thông khi trên tường. Hàng tháng trời trôi qua và gió không bao giờ ngừng nghỉ, cát theo gió bay lạo xạo trên mặt kính cửa, mặt hồ bơi nhăn nhúm trông rất nanh ác. Trà đặc vào sáng sớm, sô-cô-la ăn trộm về. Boris nắm tóc tôi mà dứt rồi đá vào sườn tôi. *Dậy đi Potter. Dậy chào bình minh coi.*

Tôi cứ tự nhủ mình không nhớ nó, nhưng rất nhớ. Tôi say thuốc một mình, xem Chương trình người lớn và kênh Playboy một mình, đọc *Chùm nho nổi giận*[92] và *Ngôi nhà bảy đầu hồi*[93] một mình, hai địch thủ có thể tranh giải cuốn sách buồn chán nhất trên đời, và suốt phải đến nhiều nghìn giờ - đủ để học tiếng Đan Mạch hay chơi ghi-ta nếu tôi bỏ công vào đó - vất vơ một mình trên phố với một chiếc ván trượt hỏng nát tìm thấy khi cùng Boris khám xét một ngôi nhà trong dãy bị ngân hàng xiết nợ gần đây. Tôi đi cùng Hadley tới những bữa tiệc của đội bơi - những bữa tiệc không rượu bia, có cả cha mẹ - và tới cuối tuần, dự những bữa tiệc không cha mẹ của bọn trẻ con hầu như không quen, viên an thần Xanax và bia thảo dược Jagermeister, trở về nhà trên chuyến xe buýt CAT rú rít lúc hai giờ sáng, đờ đẫn đến nỗi phải nắm chặt lưng ghế trước mặt mới khỏi ngã lăn ra lối đi.

http://tieulun.hopto.org

Đến lúc tan học, nếu chán, tôi hoàn toàn có thể ra giao lưu với một trong đám say thuốc phật phờ giữa Del Taco và khu trò chơi cho trẻ con trên Dải.

Nhưng tôi vẫn cô đơn. Boris mới là thứ tôi nhớ, cái thằng lộn xộn bốc đồng là nó: u ám, bạt mạng, nóng đầu, vô tâm đến điên người. Boris tái nhợt như bột, cùng những quả táo lấy trộm và những tiểu thuyết tiếng Nga, những móng tay bị gặm trụi và dây giày lê trong bụi cát. Boris, tên nghiện rượu tập sự, kẻ chửi bậy thành thần bằng bốn thứ tiếng, ưa thó đồ ăn trong bát tôi bất cứ khi nào muốn và lăn kềnh ra say khướt trên sàn, mặt đỏ bầm như bị tát. Và cho dù nó lấy đồ không thèm hỏi, một điều nó làm suốt ngày - các thứ lặt vặt liên tục bị mất, DVD và đồ dùng học tập trong tủ của tôi, mấy lần tôi đã thấy nó lục túi mình tìm tiền - thì những vật sở hữu của nó cũng có quá ít ý nghĩa với nó, đến nỗi cái đó không thể tính là ăn cắp; bất cứ khi nào có tiền nó lại chia đôi sòng phẳng với tôi, bất cứ thứ gì nó có, nó vui lòng biếu ngay khi tôi hỏi (và cả những khi tôi không hỏi, như lần cái bật lửa vàng của ông Pavlikovsky mà tôi từng tỏ lòng hâm mộ đã xuất hiện ở ngăn ngoài ba-lô của tôi).

Một điều kỳ dị là: tôi sẽ chỉ thấy lo ngại nếu chính Boris lại tỏ ra quá âu yếm, nếu *âu yếm* là từ đúng. Lần đầu tiên nó trở mình trong giường vắt tay qua eo tôi, tôi đã nằm một lúc nửa thức nửa ngủ, không hiểu nên làm gì: nhìn trân trân mấy cái tất cũ trên sàn, những chai bia rỗng không, cuốn *The Red Badge of Courage*[94] bìa mềm. Cuối cùng, ngượng ngập, tôi vờ ngáp và lăn đi, nhưng nó chỉ thở dài thườn thượt và kéo tôi sát lại hơn, động tác ngái ngủ ôm ấp.

Suỵt, Potter, nó thầm thì vào gáy tôi. *Chỉ là tau thôi mà.*

Thật kỳ cục. Có kỳ cục không? Vừa có, mà lại vừa không. Mấy

giây sau tối đã lại ngủ mất, thiếp đi trong cái mùi bia chua lâu ngày không tắm của nó và hơi thở nó thản nhiên trong tai mình. Tôi biết là mình không thể kể ra mà không khiến chuyện có vẻ to tát hơn sự thực. Trong những đêm tôi choàng dậy, nghẹt thở vì sợ hãi, nó đã ở bên, tóm lấy khi tôi bật dậy kinh hãi trên giường, kéo tôi nằm xuống lại đống chăn bên nó, lầm bầm những từ Ba Lan vô nghĩa, giọng nghèn nghẹt lạc đi giữa cơn ngủ. Chúng tôi lại ngủ thiếp trong vòng tay nhau, cùng nghe tiếng nhạc từ iPod của tôi (Thelonious Monk[95], Velvet Underground[96], những loại nhạc mẹ vẫn thích), và đôi khi tỉnh dậy đang ôm nhau rất chặt, như những kẻ đắm tàu hoặc trẻ con bé tí.

Thế nhưng (đây mới là phần tối ám, đây là phần làm tôi băn khoăn), cũng còn có những đêm khác, bối rối hơn và khốn nạn hơn nhiều, vần vò nhau trong quần áo xộc xệch, từ nhà tắm lọt vào ánh sáng yếu ớt, mọi thứ lẫn trong vầng sáng bất định vì không đeo kính: tay chạy trên người nhau, nhanh nhẹn, thô bạo, bia bị đá văng sùi bọt trên thảm - vui và chẳng có gì quan trọng trong lúc đang thực sự diễn ra, rất đáng với tiếng hít mạnh cuối cùng khi mắt dường như đảo điên và quên hết mọi điều; nhưng khi tỉnh lại sáng hôm sau, nằm sấp bụng và rên rẩm ở hai đầu giường, lại rút vào một góc giữa những mảng chập chờn trên nền sáng lộn xộn không mạch lạc, giật cục, mờ tỏ như một cuốn phim thể nghiệm, những méo mó không quen thuộc trên gương mặt Boris đã vội lùi khỏi trí nhớ và chẳng hề tác động đến đời sống thực của chúng tôi hơn gì một giấc mơ. Chúng tôi không bao giờ nhắc đến nó, nó như không có thực, chúng tôi mặc đồ chuẩn bị đi học và ném giày, té nước vào người nhau, nhai aspirin trị cơn đau đầu vì rượu, cười đùa suốt quãng đường đến chỗ chờ xe buýt. Tôi biết, nếu biết được, mọi người sẽ nghĩ điều không nên nghĩ, tôi không muốn ai được biết, và tôi biết Boris cũng không, nhưng

không hiểu sao nó vẫn tỏ ra hoàn toàn chẳng bận tâm đến chuyện đó tới nỗi tôi hầu như tin chắc đấy chỉ là cho vui thôi, không có gì phải quá nghiêm trọng hay quá xoắn xít. Thế nhưng, hơn một lần, tôi đã nghĩ giá thử tôi can đảm hơn một chút, nói ra gì đó: vạch rõ một đường, phân tách rạch ròi, chỉ để biết chắc Boris không mang ý nghĩ gì không phải. Nhưng giây phút ấy không bao giờ đến. Giờ thì chẳng ích gì mà nói lên khiến mọi thứ ngượng ngập hết cả, mặc dù làm thế cũng chẳng đem cho tôi chút an ủi nào.

Tôi ghét mình vì nhớ nó đến vậy. Ở nhà tôi rượu chè ngày càng nhiều, ít ra là về phần Xandra, liên tục có tiếng sầm cửa ("Hừ, nếu không phải do tôi thì *chắc chắn* là do anh," tôi nghe tiếng cô ta hét), và vì không có Boris ở đó (cả hai đều kiềm chế hơn khi có nó trong nhà), sự tình khó chịu đựng hơn nhiều. Một phần vấn đề là do giờ giấc đi làm của Xandra đã thay đổi, quán bar sắp xếp lại lịch, cô ta bị áp lực rất nhiều, những người làm việc chung nay đã bị đuổi hoặc chuyển ca khác, vào thứ Tư và thứ Hai khi dậy đi học tôi thường thấy cô ta vừa mới đi làm về, ngồi một mình trước tivi mở chương trình yêu thích, quá kích động không ngủ được và tu Pepto-Bismol thẳng từ bình.

"Con mụ già mệt mỏi," cô ta nói và cố gắng mỉm cười khi thấy tôi đi xuống cầu thang.

"Cô đi bơi một chút đi. Như thế sẽ buồn ngủ đấy."

"Thôi, cảm ơn, tôi sẽ ngồi đây với Pepto một lúc thôi. Thật là một món thần kỳ. Đây quả là một điều kỳ diệu mang vị kẹo cao su."

Còn bố tôi, gần đây ông ở nhà liên tục - nói chuyện với tôi, tôi rất thích, dù tâm tính thất thường của ông khiến tôi mệt lả. Đang vào mùa bóng, ông đi lại nhún nhảy trong nhà. Xem BlackBerry

xong ông đập tay tôi và gần như múa quanh phòng khách: “Bố có phải là thiên tài không? Sao hả?” Ông nghiên cứu những bài phân tích tỷ lệ cược, những bảng kết quả trận đấu, và thỉnh thoảng, còn cả một cuốn sách bìa mềm tên là *Thiên Yết: Dự đoán năm của bạn trong thể thao*. “Lúc nào cũng phải tìm ưu thế,” ông nói khi tôi bắt gặp ông đang dò xem bảng biểu và bấm máy tính bỏ túi tanh tách như đang tính thuế thu nhập cá nhân. “Chỉ cần đạt khoảng 53, 54% là có thể sống nhòe bằng thứ này - hiểu không, baccarat chỉ thuần là giải trí mà thôi, không có kỹ năng nào cả, bố đặt giới hạn trên để không bao giờ vượt quá, nhưng cá cược thể thao thì hoàn toàn có thể ra tiền nếu thực hành có kỷ luật. Phải chơi bằng tư duy nhà đầu tư. Chứ không phải người hâm mộ, con bạc cũng không được, bởi bí mật ở đây là đội giỏi hơn thường thắng và người ra kèo rất giỏi chọn tỷ lệ đúng. Nhưng người ra kèo cũng có hạn chế, đấy là dư luận. Hắn ta không dự đoán vì nghĩ đội nào sẽ thắng, mà dự đoán vì công chúng nghĩ rằng đội nào sẽ thắng. Vậy nên khoảng chênh lệch ấy giữa tình cảm yêu chuộng và kết quả thực tế - *mẹ kiếp*, thấy cái thằng bắt bóng trong vùng cấm địa không, khác gì mở cửa mời bọn Pittsburgh vào xơi, giờ mà chúng nó ghi bàn thì chúng ta chỉ có tạch - được rồi, bố đang nói đấy, nêu bố thực tình ngồi làm toán chứ không bắt chước thằng Joe Bò Viên chọn đội cá bằng cách đọc mục thể thao năm phút? Ai có lợi hơn? Này nhé, bố không thuộc vào lũ trẻ nít chỉ thích mơ màng về đội Khổng lồ New York dù nắng hay mưa - hừ, đến cả mẹ con cũng có thể bảo con biết thế. Bọ Cạp ưa nắm kiểm soát, bố là thế đấy. Bố rất thích cạnh tranh. Muốn thắng bằng bất kỳ giá nào. Tài diễn của bố là xuất phát từ đó, hồi bố còn diễn. Mặt trời ở cung Bọ Cạp, Sư Tử đang mọc. Có hết trong tử vi rồi. Còn con, con là Cự Giải, một con cua, lúc nào cũng chỉ thích bí mật rúc kín trong hang, phương thức hành động; trái ngược hẳn. Không xấu cũng

không tốt, chỉ là thế thôi. Được rồi, dù sao đi nữa, lúc nào bố cũng xem xét tỷ lệ tấn công phòng thủ, nhưng thế nào thì cũng không hại nếu chú ý đến các hành tinh đi qua nhau và vị trí mặt trời trên đường hoàng đạo vào ngày đấu…"

"Xandra đã khiến bố quan tâm đến mấy thứ này à?"

"Xandra gì? Một nửa số bầu thể thao ở Vegas có đường dây nóng trực tiếp đến một thầy chiêm tinh. Dù sao thì như bố vừa nói, nếu mọi thứ khác đều như nhau, thì liệu các sao có ảnh hưởng gì không? Có. Bố tuyệt đối cho là có. Ví như là, nếu tuyển thủ đang vào một ngày tốt, hoặc một ngày xấu, hoặc không đủ phong độ, kiểu kiểu đó. Thành thật là ưu thế đó sẽ rất có ích vào những khi đang, hừm, nói thế nào nhỉ, ha ha, đang *bí* một tí, cho dù…" — ông chìa cho tôi xem xấp tiền dày bự hình như toàn tờ trăm, buộc chun ở ngoài - "năm nay thật là một năm cực kỳ đối với bố. 53%, một năm một ngàn trận. Đấy là điểm ma thuật."

Chủ nhật là những ngày có trận lớn. Khi thức dậy, tôi xuống nhà sẽ thấy ông ở giữa một biển báo rải khắp phòng, chạy vun vút hơn hớn quanh phòng cứ như đang là buổi sáng Giáng sinh, hết mở lại đóng cửa tủ bếp, nói chuyện với người ghi số trên điện thoại và nhai khoai tây chiên thẳng trong túi. Nếu đi xuống nhìn ông chỉ một tí thôi, khi các trận lớn đang chiếu, thỉnh thoảng ông sẽ cho tôi "một mẩu" - 20, 50 đô-la, nếu ông đang thắng. "Để con có cớ để tâm," ông giải thích, chồm người tới trước trên xô pha và xoa tay lo âu. "Thấy chưa - ta chỉ cần đội Ngựa non Indianapolis bị đá khỏi bảng xếp hạng trong hiệp đầu này. Bị đánh bẹp. Còn Cao bồi Dallas và Dân '49 San Francisco thì cần lên quá 30 điểm trong hiệp hai - được!" ông hét và nhảy chồm chổm phấn chí, tung nắm đấm lên trời. "Ngã rồi! Da đỏ Washington lấy được bóng rồi. Chúng ta lại chạy!"

Nhưng thật khó hiểu, vì Da đỏ mới là đội ngã. Tôi cứ nghĩ Cao bồi sẽ phải thắng trên ít nhất là mười lăm điểm. Cú thay ngựa giữa dòng đột ngột của ông khiến tôi không bắt kịp, và thỉnh thoảng tôi đã làm mình mất mặt vì cổ vũ đội bên kia, nhưng trong khi cả hai ào lên ngẫu nhiên giữa các trận, giữa các bàn, tôi khoái dõi theo vẻ mê man của ông, cơn nhồi nhét thức ăn đầy dầu mỡ cả ngày của ông, nhận những tờ hai chục năm chục ném về phía mình như trên trời rơi xuống. Nhưng lần khác - lên đỉnh rồi đổ ập trên một cơn sóng hào hứng khản giọng nào đó - ông lại rơi vào cơn bồn chồn lờ mờ mà như tôi thấy dường như chẳng liên quan gì lắm tới diễn biến trận đấu, và ông đi đi lại lại vì cớ gì đó tôi không hiểu nổi, đan tay vào nhau trên đầu, trừng mắt nhìn tivi với vẻ một người đã mất sạch tài sản trong thương trường: cãi nhau với huấn luyện viên, với cầu thủ, hỏi họ bị tâm thần hay sao vậy, cái chó gì đang diễn ra ở đây. Đôi khi ông còn theo tôi vào bếp, với vẻ quy thuận lạ lùng. “Chúng nó đang giết bố ở trong kia,” ông hài hước nói, tựa người vào bếp, dáng vẻ đùa cợt, gập người lại như một tên cướp nhà băng bị đạn găm trúng ruột quỵ xuống.

Kèo x. Kèo y. Chạy sân, vượt chấp. Vào ngày đấu, cho đến chừng năm giờ chiều hay gì đó, ánh sáng trắng của sa mạc còn cưỡng lại bóng u ám Chủ nhật cuối cùng cũng sập xuống - thu chìm vào đông, niềm cô đơn trong giờ chập choạng tháng Mười trước ngày trở lại đi học - nhưng lúc nào về cuối những buổi chiều đấu bóng ấy cũng có một giây dài tĩnh lặng, khi tâm trạng đám đông thay đổi và mọi thứ trở thành hoang tàn bất định, cả trên tivi lẫn bên ngoài, ánh lóa kim loại trên cửa kính ra hiên chuyển dần sang vàng rồi xám, bóng ngả dài, đêm rơi vào cảnh im phắc của sa mạc, một nỗi buồn tôi không rũ bỏ nổi, nghĩ về những người lặng lẽ theo nhau đi về phía cửa ra khán đài, mưa

lạnh đang rơi xuống những thành phố đại học tít về phía đông.

Nỗi sợ hãi choáng lấy tôi khi ấy thật khó mà giải thích. Những ngày đấu bóng chấm dứt gọn, trong một cảm giác gần như mất máu, khiến tôi nhớ lại cái ngày nhìn căn hộ ở New York bị đóng dần vào hộp chở đi: mất điểm tựa, chảy trôi, không có gì bám víu. Trên tầng, đóng chặt cửa phòng, tôi bật hết đèn, hút cỏ nếu có, nghe nhạc trên loa xách tay - những thứ nhạc chưa từng nghe như Shostakovich và Erik Satie từng cóp vào iPod cho mẹ rồi chưa bao giờ bắt tay xóa đi - và bắt đầu đọc sách ở thư viện: chủ yếu là sách nghệ thuật, vì khiến tôi nhớ lại mẹ.

Tuyệt phẩm hội họa Hà Lan. Thời hoàng kim của Delft. Ký họa của Rembrandt cùng những học sinh vô danh. Dùng máy tính ở trường, tôi phát hiện có một cuốn sách về Carel Fabritius (rất ngắn, chỉ độ trăm trang), nhưng thư viện trường không có và thời gian dùng máy ở trường bị quản lý sát sao đến độ tôi kinh hãi không dám tra cứu gì trên mạng - nhất là sau khi bất cẩn bấm vào đường dẫn *(Het Puttertje (Con sẻ vàng),* 1654) và mở ra một trang trông quan cách rợn người gọi là Cơ sở dữ liệu nghệ thuật mất tích bắt tôi phải đăng nhập bằng tên và địa chỉ thật. Tôi đã hoảng vía khi đột ngột hiện ra những chữ *Interpol* và *Đang mất* đến nỗi vội vàng tắt phụt máy tính, dù không được phép làm vậy. "Cậu vừa làm cái gì thế?" ông Ostrow trông thư viện gặng hỏi trước khi tôi kịp bật lại. Ông ta thò tay qua vai tôi, bắt đầu gõ mật khẩu.

"Cháu..." Dù không muốn nhưng tôi vẫn nhẹ mình vì không phải vừa xem web đen, khi thấy ông kiểm tra lịch sử truy cập. Tôi đã định tự mua một cái máy tính rẻ tiền bằng 500 đô-la bố cho hồi Giáng sinh, nhưng thế nào đó mà số tiền ấy đã biến đâu hết sạch - *Nghệ thuật mất tích*, tôi tự nhủ, không việc gì phải cuống

lên vì hai chữ *mất tích*, bị cháy hủy cũng là mất tích, phải không? Dù chưa nhập tên nhưng tôi cũng lo lắng vì đã thử truy cập từ IP của trường. Biết đâu đấy, có thể mấy tay thanh tra từng đến gặp tôi vẫn tiếp tục theo dõi và biết tôi đang ở Vegas, mối liên hệ dù nhỏ nhưng có thực.

Bức tranh đã bị giấu theo một cách tôi nghĩ là rất thông minh, trong cái vỏ gối vải bông sạch, dùng băng dính dán vào sau ván đầu giường. Nhờ Hobie tôi đã học được thói phải thật gượng nhẹ cẩn trọng với các đồ vật cổ (đôi khi, với những món đồ đặc biệt mong manh, ông còn đeo găng tay vải trắng để cầm) và không bao giờ trực tiếp sờ tay vào, chỉ cầm ở mép. Tôi chẳng bao giờ lấy nó ra, trừ khi bố và Xandra đã đi ra ngoài và biết chắc còn lâu họ mới về - dù không nhìn thấy, tôi vẫn thích biết rằng nó ở đấy, vì nó tạo cho tất cả một độ sâu thẳm và vững chắc, củng cố thêm hạ tầng, như một sự đúng đắn vô hình nhưng là nền tảng nâng đỡ và an ủi tôi, cũng như khi biết rằng ở nơi xa xôi cá voi vẫn vô tư bơi giữa làn nước biển Baltic và các thầy tu tại những múi giờ kỳ quái vẫn không ngừng tụng niệm cầu cho thế giới được cứu chuộc.

Lấy nó ra, cầm nó trong tay, nhìn ngắm nó, là một việc không thể làm cẩu thả. Ngay cả động tác đưa tay cầm lấy nó cũng đem lại cảm giác như lớn rộng thêm, như mùi hương thoảng qua, như cất mình bay lên, và đến một thời điểm lạ lùng nào đó khi đã nhìn thật lâu, mắt mờ đi vì không khí sa mạc qua máy lạnh, thì hình như không gian đã biến mất giữa tôi và nó, khiến khi ngẩng lên, chính bức tranh chứ không phải tôi mới là có thật.

Sống từ năm 1622 đến1654. Con một người thầy giáo. Chưa đến một tá bức được xác định đúng là thuộc về ông. Theo Van Bleyswijck, tác giả cuốn lịch sử về Delft, Fabritius đang ở trong

xưởng vẽ người phu đào huyệt thành Delft là Oude Kerk vào mười rưỡi sáng, thì xưởng thuốc súng phát nổ. Xác ông được lôi ra khỏi xưởng vẽ đổ nát nhờ những người hàng xóm "trong nỗi tiếc thương sâu sắc", cuốn sách cho biết, "và với nỗ lực không nhỏ". Điều khiến tôi nín thở từ những bản tường thuật trong sách thư viện ấy là yếu tố ngẫu nhiên: thảm họa trên trời rơi xuống, của cả tôi và ông, chập lại tại một điểm không nhìn thấy được, *vụ nổ lớn* như lời bố tôi gọi - không phải kiểu mỉa mai hay chê bai mà với vẻ cung kính, ghi nhận những uy lực số mệnh vẫn chỉ đạo chính cuộc đời ông. Có thể nghiên cứu các mối liên hệ mất hàng năm, hàng năm mà vẫn không bảo giờ ra được kết luận - đấy là do những thứ hợp lại với nhau, phân tán khỏi nhau, lỗ hổng thời gian, mẹ đứng trước bảo tàng khi thời gian nhấp nháy và ánh sáng múa may, những điều bất định lơ lửng chờ bên mép một cõi sáng loáng mênh mông. Cái ngẫu nhiên vơ vẩn có thể, hoặc có thể không, thay đổi mọi điều.

Ở tầng trên, nước từ vòi bồn rửa phòng tắm đầy clo nên không thể uống được. Trong đêm, luồng gió khô thổi rác rến lon bia lăn trên phố. Độ ẩm không khí và hơi nước, như Hobie dạy tôi, là kẻ thù lớn nhất trên đời của đồ cổ; trên cái đồng hồ tủ đứng đang sửa dở khi tôi đi, ông đã chỉ cho tôi xem dưới bề mặt, gỗ đã mục hết vì ẩm ("ai đó đã tạt xô nước rửa sàn đá, cháu thấy chỗ gỗ này mềm không, mòn đi không?")

Lỗ hổng thời gian: gặp lại thứ gì đó lần thứ hai, hoặc không chỉ hai. Cũng như các nghi lễ của bố tôi, hệ thống cá cược của ông, những tiên tri và ma thuật đều được suy nghiệm trong một ý thức tổng quan về những mô hình không nhìn thấy, vụ nổ ở Delft thuộc về một chuỗi sự kiện phức tạp đã để lại dư hưởng đến tận giờ. Những hậu quả trùng điệp đủ làm người ta chóng mặt. "Tiền không quan trọng," bố tôi nói. "Tiền chỉ là biểu hiện của năng

lượng chứa trong sự vật, con hiểu không? Vấn đề là làm sao theo dõi nó. Dòng chảy của ngẫu nhiên." Cặp mắt con sẻ vàng găm vào tôi, cặp mắt sáng ánh không thay đổi. Tâm ván gỗ bé tí xíu, "chỉ hơi nhỉnh hơn một tờ giấy khổ A4" như nhận xét của một trong mấy cuốn sách mỹ thuật, dù tất cả những thông tin về ngày tháng hay kích cỡ ấy, những thông tin chết trong sách vở ấy, cũng ít liên quan chẳng kém gì những số liệu trong mục thể thao khi các tuyển thủ Green Bay Packers[97] đã vượt hai điểm ở hiệp thứ tư và một màn tuyết mỏng lạnh giá bắt đầu hạ xuống sân. Bức tranh, cái ma thuật và sức sống trong đó, cũng không khác gì thời khắc bồng bềnh lạ lùng khi tuyết xuống, ánh sáng và bông tròn ánh sắc xanh quay vòng trước máy quay, khi ta không còn quan tâm đến trận đấu, đến thắng thua, mà chỉ muốn uống vào người cái giây gió tạt không thốt nổi nên lời ấy. Nhìn bức tranh tôi lại trải qua cảm giác vạn vật đang tụ về một điểm: một giây phút nắng chói thoáng qua, tồn tại chớp mắt và vĩnh viễn. Chỉ thi thoảng lắm tôi mới nhận ra sợi xích buộc chân chú chim, hay nhận ra thật là một cuộc đời tàn nhẫn đối với một sinh linh bé bỏng như thế - chấp chới một khắc rồi bị ép phải đậu lại một nơi duy nhất, vô vọng trong muôn thuở.

v.

ĐIỂM TỐT LÀ: TÔI ĐANG RẤT VUI khi thấy bố dễ thương như vậy. Gần đây bố liên tục đưa tôi đi ăn tối - ăn tối hoành tráng ở những nhà hàng trải khăn bàn trắng, chỉ có hai người với nhau - ít nhất tuần một lần. Đôi khi ông còn mời cả Boris theo, những lần ấy Boris luôn sốt sắng nhận lời: sức quyến rũ của bữa ăn ngon còn hơn cả sức hút dính như keo từ Kotku, nhưng lạ thay, tôi thấy mình vui hơn nếu chỉ có hai bố con với nhau.

“Con biết không,” một lần trong bữa tối ấy, bố nói, khi chúng tôi còn nấn ná lại ăn tráng miệng, nói đủ chuyện tào lao từ nhà trường đến các thứ khác (cái ông bố mới toanh rất mực ân cần này! ông ta từ đâu mà ra vậy?), “con biết không, bố đã rất vui được làm quen dần với con từ hồi con đến đây, Theo ạ.”

“Ừm, ờ, hừm, con cũng thế,” tôi đáp, ngượng ngập, nhưng chân thật.

“Bố muốn nói là… ” bố lùa tay qua tóc “cảm ơn đã cho bố một cơ hội nữa, bé con à. Vì bố đã sai lầm trầm trọng. Lẽ ra bố không bao giờ được để quan hệ giữa bố với mẹ con ảnh hưởng đến quan hệ giữa bố với con. Không, không,” ông nói và giơ tay lên, “bố không trách cứ gì mẹ con đâu, thời ấy đã qua lâu lắm rồi. Chỉ có điều là mẹ yêu con *quá mức*, lúc nào bố cũng cảm giác như đang xen vào giữa hai mẹ con. Là người thừa trong nhà, kiểu đó. Hai mẹ con thân thiết nhau quá,” bố bật cười buồn, “khiến chẳng còn chỗ cho người thứ ba nữa.”

“Ờ…” Mẹ con tôi luôn rón rén đi trong nhà, thì thà thì thào tìm cách tránh mặt bố. Những bí mật, những tiếng cười. “Con định nói, chỉ là…”

“Không, không, bố không cần con xin lỗi gì hết. Bố là bố, đáng ra bố phải xử sự đúng đắn hơn. Chỉ có điều, nó trở thành một vòng tròn luẩn quẩn, con hiểu không. Bố cảm thấy bị bỏ rơi, bị ra rìa nên uống rượu liên tục. Và lẽ ra bố không bao giờ được để chuyện đó xảy ra. Ừm, bố đã bỏ qua vài năm hết sức quan trọng trong cuộc đời con. Bố mới là người phải ghi nhớ chuyện đó.”

“Ừm…” Tôi thấy tội nghiệp đến nỗi không biết nói gì nữa.

“Không định đánh úp con đâu, cậu bé à. Chỉ muốn nói là bố rất mừng vì ta lại là bạn với nhau.”

“À thì,” tôi nói và dán mắt xuống đĩa caramel kiểu Pháp đã vét sạch, “con cũng thế.”

“Mà, bố nói thật đấy, bố muốn bù đắp lại cho con. Hiểu không năm nay bố đang thắng trận giòn giã.- ông nhấp một ngụm cà phê - “và bố muốn mở tài khoản tiết kiệm cho con. Con hiểu không, chỉ là để dành ra một chút. Vì là, con hiểu đấy, bố thực sự đã không phải với con nhiều lắm về chuyện mẹ con, con hiểu đấy, và bao nhiêu tháng vắng mặt nữa.”

“Bố,” tôi bối rối nói. “Không cần phải thế đâu.”

“Ồ, nhưng bố muốn mà! Con có số an sinh xã hội rồi chứ?”

"Có rồi.”

“Ừ, bố đã để riêng ra được mười nghìn rồi. Bắt đầu như thế cũng được. Nếu khi nào về nhà con nghĩ tiếp chuyện đó, thì cho bố số an sinh của con, lần sau qua nhà băng bố sẽ mở tài khoản đứng tên con, đồng ý chứ?”

vi.

NGOÀI GIỜ HỌC THÌ KHÔNG MẤY KHI tôi gặp Boris nữa, ngoại trừ một chuyến đi chơi chiều Chủ nhật, bố tôi đưa cả hai đến quán Carnegie ở khách sạn Mirage ăn cá than và bánh nhân thịt Ba Lan. Nhưng rồi mấy tuần trước lễ Tạ ơn, nó rầm rầm đi lên tầng dù tôi không hề hẹn gặp nó, và bảo: “Ông già mi gần đây đang gặp hạn, mi biết không?”

Tôi bỏ *Silas Mame*[98] xuống, đấy là cuốn đang học ở trường. “Hả?”

“Hừm, dạo này ổng toàn chơi ở bàn 200 - tức là 200 đô mỗi kèo,” nó nói. “Năm phút mất cả ngàn như bỡn.”

“Ngàn đô-la với ông cũng là muỗi thôi,” tôi nói, và khi thấy Boris không trả lời: “Ông bảo thua bao nhiêu?”

“Không bảo,” Boris đáp. “Nhưng nhiều lắm.”

“Mày chắc là không phải ông bịp mày chứ?”

Boris cười lớn. “Có thể,” nó nói, ngồi xuống giường, chống tay lên khuỷu dựa ra đằng sau. “Mi không biết gì thật hà?”

“Ừ...” Theo như tôi biết thì bố vừa trúng lớn khi đội Buffalo Bill thắng cuộc tuần trước. “Tao cũng không thấy làm sao mà ông thua nhiều *quá* được. Ông vẫn đưa tao đi ăn Bouchon kiểu thế.”

“Ừ, nhưng cũng có thể có lý do khác,” Boris đáp vẻ trải đời.

“Lý do à? Lý do gì?”

Boris có vẻ chực nói gì đó, rồi đổi ý.

“Ừ, ai biết được,” nó nói và châm thuốc rồi rít một hơi. “Ông già mi, ổng có máu Nga đấy.”

“Ừ,” tôi đáp và với lấy điếu thuốc. Tôi đã chứng kiến nhiều lần những cuộc “chuyện trò thông thái” hoa chân múa tay giữa Boris và bố tôi, bình phẩm về những tay bạc vĩ đại trong lịch sử Nga: Pushkin, Dostoyevsky, đủ thứ tên nữa tôi không biết.

“Ờ, thói Nga điển hình, mi biết đấy, than vãn từ sáng đến tối! Mọi thứ có lên hương mấy cũng vậy - phải giấu cho kín. Nếu không sẽ là bỡn cợt số phận.” Nó đang mặc cái áo sơ mi vía do bố tôi thải ra, đã giặt gần như trong suốt và to đến nỗi phồng tướng trên người nó như một món đồ của người Ả rập hay Ấn giáo. “Có điều, ông già mi, nhiều lúc không biết ổng đùa hay thật.” Rồi quan sát tôi thật kỹ: “Mi đang nghĩ cái chi thế?”

“Có nghĩ gì đâu?”

“Ổng biết tụi mình vẫn nói chuyện với nhau. Nên ổng mới bảo tau. ổng mà không muốn mi biết thì đã chả nói rồi.”

“Ừ.” Tôi cũng tin chắc đây không phải là sự thực. Bố tôi là kiểu người gặp hứng có thể tùy tiện kể đời sống riêng tư với cả vợ của ông; chủ hoặc bất kỳ người nào không nên kể.

“Hẳn là ổng đã tự kể với mi rồi,” Boris nói, “nếu ổng nghĩ là mi muốn nghe.”

“Thế này. Như mày nói đấy...” Bố tôi có thói quen tự đày đọa, ưa những cử chỉ khoa trương: trong những bữa Chủ nhật đi ăn, ông thường phóng đại những khổ ải của ông, càu nhàu, loạng choạng, ầm ĩ than vãn vừa bị “lột sạch” hay “chết tốt” sau một trận thua, ngay giữa lúc vừa thắng nửa tá trận khác và đang tính toán lợi lộc trên máy tính. “Thỉnh thoảng ông cũng hơi thổi phồng một tí.”

“Ừ, đúng, cái đó cũng đúng,” Boris đáp rất duy lý. Nó lấy lại điếu thuốc, hít vào, rồi thân thiện chìa cho tôi. “Mi nốt đi.”

“Thôi, cảm ơn.”

Lặng yên một lúc, chúng tôi nghe thấy cả tiếng đám khán giả đang rộ lên trong trận bóng bố đang xem. Rồi Boris lại ngả người, hỏi: “Dưới nhà có gì ăn không?”

“Chẳng có cái mẹ gì cả.”

“Có đồ Tàu còn thừa thì phải.”

“Hết rồi. Ai đấy ăn rồi.”

“Chết tiệt. Vậy chắc tau qua đằng Kotku đây, mẹ bả có pizza đông lạnh. Mi đi không?”

“Khỏi, cảm ơn.”

http://tieulun.hopto.org

Boris cười, lại làm mấy điệu bộ găng tơ trông rất dỏm. “Tùy chế thôi, yồ,” nó nói bằng giọng “găng tơ” (chỉ khác giọng thường ở động tác bàn tay và chữ “yồ”) rồi đứng dậy nửa lăn nửa đi ra. “Tui đói như sói rồi đa.”

vii.

ĐIỂM KỲ QUÁI NHẤT LÀ chẳng mấy chốc mối quan hệ giữa Boris và Kotku đã rơi vào tình trạng bẳn gắt cáu kỉnh. Hai đứa vẫn đi đâu cũng khóa môi, và tay chân chẳng mấy khi ngưng sờ soạng nhau, nhưng chỉ cần mở miệng ra là nghe y hệt như những cặp vợ chồng sống chung 15 năm có lẻ. Chúng cãi cọ về từng món tiền nhỏ nhặt, như ai đã trả tiền ăn trưa ở khu ẩm thực lần gần nhất, và những cuộc đối thoại lọt vào tai tôi đều kiểu như thế này:

Boris: “Gì! Anh đang cố tỏ ra dễ thương mà!”

Kotku: “Hừ, cái đó chẳng dễ thương tí nào.”

Boris (chạy theo, cố bắt kịp cô ả): “Anh thề đấy, Kotyku! Thật đấy! Đang cố dễ thương mà!”

Kotku: (bĩu môi)

Boris (tìm cách hôn cô ả nhưng không được): “Anh đã làm gì nào?

Có chuyện gì thế? Sao em lại nghĩ anh không dễ thương nữa?”

Kotku: (không nói gì)

Bài toán về gã cọ bể tên Mike - tình địch của Boris - đã được giải quyết gọn ghẽ nhờ quyết định hợp tình không chịu được của Mike là gia nhập lực lượng Tuần duyên Hoa Kỳ. Nhưng xem ra

Kotku vẫn dành hàng giờ buôn điện thoại với hắn mỗi tuần, mà dù cớ gì thì cũng không làm Boris để tâm ("Bả chỉ đang cố nâng đỡ tinh thần hắn thôi, hiểu không"). Nhưng vụ ghen tuông của nó ở trường thì thật kinh khủng. Nó thuộc lòng thời khóa biểu của cô nàng, và ngay giây chúng tôi tan lớp đã phóng vụt đi tìm cô nàng, như thể ngờ cô nàng bắt cá hai tay trong giờ tiếng Tây Bản Nha công sở hay gì đấy. Một hôm, tan học, khi Popper với tối ở nhà một mình với nhau, nó gọi điện qua hỏi: "Mi có biết thằng nào tên Tyler Olowska không?"

"Không."

"Học cùng lớp sử Mỹ với mi đấy."

"Xin lỗi. Lớp đông lắm."

"Tau bảo. Mi tìm hiểu về nó hộ tau được không? Nó sống ở đâu, chẳng hạn?"

"Nó sống ở đâu à? Lại chuyện Kotku phải không?"

Thình lình - khiến tôi giật nảy người - chuông cửa vang lên: bốn tiếng đinh đoong đường bệ. Suốt từ hồi tôi tới Las Vegas tới giờ chưa có một ai từng rung chuông cửa nhà chúng tôi, chưa bao giờ. Ở đầu dây bên kia, Boris cũng nghe thấy. "Cái gì thế?" Nó hỏi. Con chó thì chạy vòng quanh và sủa loạn lên.

"Có người gọi cửa."

"Gọi *cửa*" Trên con phố trống huơ trống hoác của chúng tôi - hàng xóm không, vệ sinh dọn rác không, đến cả đèn đường cũng không - đây thật là sự kiện lớn. "Mi nghĩ là ai?"

"Tao không biết. Để tao gọi lại sau."

Tôi túm lấy Popchyk - lúc này đang phát rồ phát dại - và trong lúc nó uốn éo rú rít trong tay tôi, vùng vẫy đòi thả xuống, cũng

loay hoay mở được cửa bằng một tay.

“Nhìn kia,” một giọng Jersey tươi tỉnh nói. “Nhóc con này mới xinh xẻo *tchứ*”

Trong ánh lóa cuối chiều làm tôi chớp chớp mắt là một người rất cao, rất rất đen, rất gầy, tuổi tác không xác định. Trông hắn nửa giống cao bồi chơi rodeo, lại nửa giống diễn viên phòng trà mạt thời. Cặp kính chuồn chuồn gọng vàng nửa trên mắt kính nhuộm tím, một chiếc áo vét dày trắng trùm ra ngoài áo sơ mi cao bồi đỏ cúc bấm nắp trong, quần bò đen, nhưng đập vào mắt tôi nhất là mái tóc: nửa như tóc giả, nửa như cấy tóc hay dán vào, chất tóc như sợi thủy tinh cách nhiệt còn màu nâu sẫm thì như xi đánh giày trong hộp.

“Nào, thả nó xuống đi,” hắn nói và hất hàm về phía Popper, nó vẫn giãy giụa đòi xuống. Giọng hắn trầm, tư thế điềm đạm thân thiện, trừ giọng nói ra thì đúng là người Texas chính hiệu, đủ cả đôi bốt. “Cứ để nó *tchạy*! Không ngại đâu. Bác thích *tchó*”

Khi tôi thả Popchyk xuống, hắn cúi người xoa đầu nó, cử chỉ như một gã cao bồi chân dài bên đống lửa. Trước người lạ mặt kỳ quặc từ tóc tai trở xuống ấy, tôi không thể không thán phục cách hắn có vẻ thật thoải mái với bề ngoài của mình.

“Rồi, rồi,” hắn nói. “Thật là một nhóc tì xinh xẻo. Đúng thế!” Cặp má đen vì nắng trông nhăn nheo như da táo khô, hằn lên những nếp nhăn tí xíu. “Bác cũng ba đứa ở nhà. Pinny mini.”

“Xin lỗi?”

Hắn đứng thẳng, cười với tôi, lộ ra hàm răng đều đặn, trắng lóa.

“ *Tchó* Pinscher mini,” hắn nói. “Một lũ điên dại, nhai nát cả nhà khi bác không ở nhà, nhưng bác khoái *tchúng* nó. Tên *tcháu*

là gì?"

"Theodore Decker," tôi đáp và tự hỏi đây là ai.

Hắn lại cười; cặp mắt nhỏ xíu sau cặp kính nửa râm lấp lánh. "Ê này! Đồng hương New York đây mà! Bác nghe thấy qua giọng *tcháu*, đúng *tchứ*?

"Vâng, đúng."

"Dân Manhattan nữa, theo bác đoán. *Tchuẩn tchứ?*"

"Vâng, chuẩn," tôi đáp, tự hỏi đích xác thì hắn nghe thấy cái gì trong giọng tôi. Chưa ai từng đoán được tôi vốn ở Manhattan chỉ qua giọng nói cả.

"Ờ, đấy, bác người Canarsie. Từ nhỏ đến lớn luôn. Lúc nào được gặp một kẻ miền Đông khác cũng vui lòng. Bác là Naaman Silver." Hắn chìa tay.

"Rất vui được gặp bác Silver ạ."

"Ạ cơ à!" Hắn cười tán thưởng. "Bác rất thích bọn trẻ lễ phép. Giờ thì không gặp được mấy ai như *tcháu* nữa. *Tcháu* phải Do Thái không, Theodore?"

"Không ạ," tôi nói, và tiếc rằng không trả lời "vâng".

"Thế à, bảo *tcháu* này. Mỗi người ở New York, theo bác đều là một người Do Thái danh dự. Đấy bác nghĩ như thế đấy. *Tcháu* tới Canarsie bảo giờ *tchưa*"

"Chưa ạ."

"Ừ, ở đấy ngày xưa là một cộng đồng tuyệt vời lắm, dù giờ thì… Hắn nhún vai. "Gia đình bác, ở đấy suốt bốn thế hệ. Ông nội bác Saul từng mở *tchuỗi* nhà hàng Do Thái đầu tiên ở Mỹ, hiểu không. Lớn lắm, nổi tiếng lắm. Nhưng từ hồi bác còn nhỏ đã đóng cửa

rồi. Rồi đến lúc mẹ bác đưa cả nhà đến Jersey sau khi bố mất, để ở gần bác Harry và gia đình hơn." Hắn chống tay lên cái hông gầy, nhìn tôi. "Bố *tcháu* có nhà không, Theo?"

"Không ạ."

"Không à?" Hắn nhìn qua tôi vào trong nhà. "Tiếc thật. Biết lúc nào về không?"

"Không ạ," tôi đáp.

"Ạ cơ đấy. Bác thích đấy. *Tcháu* thật là trẻ ngoan. Biết sao không, *tcháu* làm bác nhớ lại mình hồi bé. Vừa ra khỏi trường đạo…" hắn chìa hai tay, vòng vàng quấn quanh hai cổ tay rám đen lông lá "và hai bàn tay này? Trắng như sữa ấy. Như tay *tcháu*."

"Ừm… " tôi vẫn đứng rất vướng víu bên cửa "bác có muốn vào nhà không?" Tôi không hiểu có nên mời người lạ vào nhà không, chỉ có điều tôi có một mình và đang chán ngấy. "Bác có thể đợi trong nhà. Nhưng cháu không biết lúc nào thì bố mới về"

Lần này, hắn cũng mỉm cười. "Không cần đâu. Bác còn phải ghé mấy *tchỗ* nữa. Nhưng mà cho *tcháu* biết này, bác sẽ nói thật với *tcháu*, vì *tcháu* là một cậu bé ngoan. Bố *tcháu* thiếu bác năm điểm. *Tcháu* hiểu thế là sao không?"

"Không ạ."

"Hừm, mừng cho *tcháu*. *Tcháu* không cần biết đâu, và bác cũng hy vọng không bao giờ biết. Thôi thì bác cứ nói rằng như thế không phải là chính sách làm ăn khôn ngoan." Hắn thân mật đặt tay lên vai tôi. "Theodore, *tcháu* tin không thì tùy, nhưng bác rất giỏi làm việc với mọi người. Bác ghét phải đến nhà ai đó nói *tchuyện* với con cái họ, như đang làm bây giờ. Như thế không phải lối. Bình thường bác sẽ đến nơi làm việc của bố *tcháu* và trò

tchuyện tchút đỉnh ở đó. *Tchỉ* có điều ông ấy thuộc loại rất khó lùng ra, mà *tchắc tcháu* cũng biết rồi."

Trong nhà, điện thoại đang reo: Boris, tôi cầm chắc là vậy. "Có lẽ *tcháu* nên đi nghe máy đi," Silver thân mật nói.

"Không sao đâu ạ."

"Đi đi. Có lẽ như thế tốt hơn. Bác sẽ đợi ngay ở đây."

Cảm thấy càng lúc càng bất an, tôi quay vào nghe máy. Đúng như dự đoán, đấy là Boris. "Ai thế?" nó hỏi. "Không phải Kotku chứ?"

"Không. Này..."

"Tau nghĩ là nó đi về nhà với thằng Tyler Olowska đó rồi. Tau có linh cảm xấu lắm. Hừm, có thể nó không đi về nhà mình với thằng kia. Nhưng cả hai đứa nó ra khỏi trường với nhau - nó còn nói chuyện với thằng kia trong bãi xe nữa. Hai đứa nó học tiết cuối với nhau, kỹ thuật gỗ ghiếc mẹ gì đấy..

"Boris, tao xin lỗi, lúc này tao *không thể* nói chuyện được. Để tao gọi lại cho mày sau, đồng ý chứ?"

"Bác sẽ tin lời *tcháu* rằng không phải bố *tcháu* vừa phôn về," Silver nói khi tôi trở ra cửa. Tôi nhìn ra sau hắn ta, thấy chiếc Cadillac trắng đỗ bên lề. Trong xe có hai người - một người lái và một người nữa ngồi ghế trước. "Không phải bố *tcháu* phải không?"

"Không ạ."

" *Tcháu* sẽ nói ngay nếu đúng là bố *tcháu*, phải không?"

"Vâng ạ."

"Sao bác lại không tin *tcháu* nhỉ?"

Tôi im lặng, không biết đáp lại thế nào.

“Không sao hết, Theodore.” Lần nữa, hắn lại cúi xuống gãi sau tai Popper. “Sớm muộn gì bác cũng lần ra thôi. *Tcháu* sẽ nhớ *tchuyển* lại lời bác *tchứ*? Rằng bác đã ghé qua *tchứ*?

“Vâng ạ.”

Hắn xía ngón tay dài vào mặt tôi. “Tên bác là gì nào?”

“Bác Silver.”

“Bác Silver. *Tchính* xác. Kiểm tra lại thôi.”

“Bác muốn chuyển lời gì ạ?”

“Bảo ông ấy rằng bác nói đánh bạc là trò của khách du lịch,” hắn nói. “*Tchú* không phải của người trong vùng.” Thật nhẹ, thật khẽ, bàn tay nâu gây gò của hắn chạm lên đầu tôi. “ *Tchúa* ban phước cho *Tcháu.*

viii.

KHI BORIS TỚI BÊN CỬA nửa giờ sau, tôi tìm cách kể nó nghe vụ Silver đến gõ cửa, nhưng dù có lắng nghe một chút, nó còn đang nổi đóa vì Kotku ỡm ờ với thằng Tyler Olowska nào đó, một đứa nghiện cần, con nhà giàu, hơn chúng tôi một tuổi và thuộc đội chơi gôn. “Mẹ kiếp nhà nó,” nó khàn khàn nói khi chúng tôi ngồi trên sàn dưới nhà, hút cỏ lấy của Kotku. “Nó không nghe điện thoại. Tau biết nó đang ở với thằng kia, tau *chắc* luôn.”

“Thôi nào.” Đúng là đang lo ngại về Silver thật, nhưng tôi còn ngán nói về Kotku hơn. “Chắc thằng đó chỉ đang hỏi mua cỏ thôi.”

“Ờ, nhưng không chỉ có vậy đâu, tau *chắc* mà. Nó chẳng muốn

tau ngủ lại nhà nó nữa, mi có để ý không? Giờ lúc nào nó cũng *có việc*. Nó còn không thèm đeo cái vòng tau mua tặng."

Kính xệ xuống mặt, tôi đẩy lên sống mũi. Boris đâu có mua tặng cái vòng chết tiệt ấy, mà ăn cắp ở trung tâm thương mại, nhét túi chạy ù ra trong khi tôi (một công dân mẫu mực mặc áo khoác đồng phục) đang làm cô bán hàng bận bịu bằng những câu hỏi ngớ ngẩn nhưng lịch thiệp, bố con tôi nên mua gì tặng mẹ sinh nhật nhỉ. "Hờ," tôi đáp, cố ra vẻ đồng cảm.

Boris cau mày, vầng trán là một cơn bão. "Nó đúng là đồ điếm. Vừa hôm trước? Làm bộ khóc trong lớp - để cái thằng Olowska chết giẫm đó thấy *thương* nó. Con phò rẻ tiền."

Tôi nhún vai - không định tranh cãi gì về chuyện đó - chuyển lại cho nó bi thuốc.

"Nó chỉ khoái thằng kia vì nhà có tiền thôi. Nhà nó có hai con *Mẹc*. Hạng E."

"Đấy là xe dành cho mấy bà già."

"Vớ vẩn. Ở Nga, đấy là xe của băng đảng. Chưa hết..." nó rít thật sâu, ngậm khói trong miệng, tay huơ lên, mắt trào nước, *chờ đã, đây mới là đoạn hay nhất, đợi đấy, nghe này, chịu không?* "mi có biết thằng kia gọi nó là gì không?"

"Kotku?" Boris cứ nhất nhất gọi cô ả là Kotku, đến nỗi mọi người ở trường cả các thầy cô giáo cũng bắt đầu gọi theo.

"Chính thế!" Boris đùng đùng thốt lên, khói phì ra miệng. "Tên *của tau! Cái kliytschka của tau* tặng nó! Và hôm trước, trong hành lang? Tau thấy thằng kia quậy đầu nó."

Có mấy viên bạc hà ngậm đã chảy trong túi bố tôi để trên bàn cà phê, bên hóa đơn và đống tiền lẻ, tôi bóc một viên bỏ vào

miệng. Tôi đang phê như tê tê và vị ngọt râm ran khắp người như lửa lan. "Quậy à?" tôi hỏi, viên kẹo đập cành cạch vào răng. "Lại đi?"

"Thế này này," nó nói và đưa tay làm bộ vò tóc, rít miếng cuối cùng rồi dụi điếu cần. "Chẳng biết từ đó."

"Tao thấy có gì đáng lo đâu," tôi đáp và lại ngật đầu áp vào xô pha. "Này, mày thử cái kẹo bạc hà này xem. Ngon cực."

Boris chùi tay lên mặt, rồi lắc đầu như con chó rũ nước. "Uầy," nó nói và thọc cả hai tay vào mớ tóc rối tinh.

"Ờ. Tao cũng thế," tôi nói sau một quãng nghỉ rung cả người. Những ý nghĩ trong đầu tôi căng ra, nhũn nhẽo, mãi không chịu trồi lên mặt.

"Sao?"

"Tao lên mẹ nó rồi."

"Thế hửm?" Nó cười lớn. "Lên tới mức nào?"

"Tới chín tầng mây luôn, bạn ạ." Viên kẹo trên lưỡi tôi cảm giác thật đậm và to bự, như một tảng đá lớn, tôi cảm thấy khó mà nói chuyện được khi có nó trong mồm.

Tiếp đó là một quãng lặng yên thư thái. Đã khoảng năm rưỡi chiều, nhưng ánh sáng còn tinh tuyền chói gắt. Mấy cái áo của tôi phơi cạnh bể, màu trắng lóa mắt, căng phồng lật phật như cánh buồm. Tôi nhắm mắt, màu đỏ chói chang xuyên qua mi, để người chìm lún vào cái xô pha (chợt cảm thấy dễ chịu kinh lên được) như lún vào con thuyền đang bập bềnh, nghĩ về bài Hart Crane đang học ở lớp Ngữ văn. Cầu Brooklyn. Sao tôi lại chưa bảo giờ đọc bài thơ ấy khi còn ở New York nhỉ? Và tại sao chưa bao giờ tôi chú ý đến cái cầu dù thấy nó gần như hằng ngày? Mòng biển,

những cú thả rơi chóng mặt. *Tôi nghĩ về rạp phim, những góc máy quay toàn cảnh…*

“Tau muốn bóp cổ nó,” Boris bất thần nói.

“Hả?” Tôi giật mình đáp, chỉ nghe thấy mỗi chữ bóp cổ và âm điệu độc ác không lầm được của Boris.

“Con phạch trơ xương đó. Nó làm tau phát điên.” Boris lấy vai huých tôi. “Nào, Potter. Mi không muốn xóa cái nụ cười khinh khỉnh trên mặt nó đi ư?”

“À…” tôi đáp sau một khoảng lặng mơ hồ; rõ ràng đây là một câu đố mẹo. “Phạch là gì?”

“Về cơ bản là phò.”

“Ồ.”

“Ý tau là, ngoài ra còn đứa nào.”

“Đúng.”

Tiếp đó là một khoảng lặng dài rất kỳ quái làm tôi nghĩ hay là dậy bật nhạc lên, dù không nghĩ ra nhạc gì. Phấn khởi quá thì có vẻ không hợp lý, mà tôi cũng chẳng muốn bật thứ gì ủ ê hoặc nóng giận khiến nó lại càng hăng hái báo thù.

“Hừm,” sau một lúc lâu mà tôi nghĩ là thích hợp, *“15 phút nữa sẽ có Đại chiến thế giới*[99]*.”*

“Rồi tau sẽ cho nó biết thế nào là đại chiến thế giới,” Boris hằn học nói. Nó đứng lên.

“Mày đi đâu thế?” Tôi hỏi. “Hai R à?”

Boris chau mày. “Cứ cười đi,” nó chua chát đáp và thọc tay vào cái áo mưa xám *sovietskoye* của mình. “Ông già mi rồi sẽ được Ba R nếu không trả tiền nợ cho lão kia.”

“Ba R?”

“Ra cám, ra bã, ra ma,” Boris đáp, với một tiếng cười đen đúa kiểu Xlavơ.

ix.

ĐÂY CÓ PHẢI TRONG PHIM nào không? Tôi nghĩ. Ba R? Làm sao mà nó nghĩ ra cái đó được? Mặc dù đã đẩy được kha khá những sự kiện chiều nay khỏi đầu, nhưng tôi vẫn bị nhận xét cuối của a sủa lấy sủa để khiến tôi chết khiếp.

Nhưng chỉ là bố tôi về thôi. Trông ông nhàu nhĩ, ngơ ngẩn, tâm trạng không thể gọi là tốt.

“Bố à?” Tôi vẫn còn say thuốc, giọng thoát ra có vẻ quá ồn và quái lạ.

Ông dừng lại dưới chân cầu thang, nhìn tôi.

“Có một người đến đây. Silver gì đó.”

“Ồ thế hả?” Bố tôi đáp lại khá thản nhiên. Nhưng ông đứng im sững, tay đặt trên tay vịn câu thang.

“Ông ta bảo đang tìm cách liên lạc với bố.”

“Lúc nào?” Bố hỏi và đi vào phòng.

“Khoảng bốn giờ chiều nay thì phải.”

“Xandra có ở nhà không?”

“Con chưa thấy cô về.”

Ông đặt tay lên vai tôi, có vẻ suy nghĩ một lúc. “Ừ,” ông nói, “Bố sẽ cảm ơn nếu con không nhắc đến chuyện này.”

Mẩu tàn thuốc của Boris vẫn còn trong gạt tàn, tôi nhận ra.

http://tieulun.hopto.org

Ông thấy tôi nhìn, nhặt lên ngửi.

“Biết là có mùi gì đó mà,” ông nói và thả vào túi áo khoác. “Con bốc mùi đấy Theo ạ. Hai đứa lấy cái này ở đâu ra?”

“Có vấn đề gì không bố?”

Mắt bố hơi đỏ, hơi mất hồn. “Không đâu,” ông đáp. “Bố sẽ lên nhà gọi mấy cú điện thoại thôi.” Ông nồng nặc mùi khói thuốc lá hả và món trà nhân sâm suốt ngày uống, học từ những thương gia Tàu trong phòng baccarat, khiến mồ hôi ông bốc ra một mùi gắt, xa lạ. Nhìn ông theo cầu thang đi lên chiếu nghỉ, tôi thấy ông rút mẩu tàn thuốc trong túi, đưa qua mũi lần nữa vẻ đăm chiêu.

x.

KHI ĐÃ LÊN PHÒNG, cửa đã khóa, Popper vẫn khó chịu và đi lại cứng nhắc quanh nhà - tôi trở lại nghĩ về bức tranh. Tôi đã rất đắc ý về chuyện giấu nó trong vỏ gối dán sau giường, nhưng giờ thì nhận ra thật ngu ngốc nếu để bức tranh bất cứ chỗ nào trong nhà - dù cũng không có mấy lựa chọn, trừ khi giấu trong đống rác cách đó mấy căn (chưa bao giờ được dọn từ khi tôi đến Vegas tới giờ) hoặc trong nhà bỏ hoang nào đó bên kia đường. Nhà Boris cũng không an toàn hơn, và ngoài ra thì chẳng có ai tôi quen biết rõ hoặc tin cậy cả. Chỉ còn một chỗ nữa là trường, cũng là ý tưởng tồi, nhưng mặc dù biết phải có lựa chọn nào khác chứ, tôi không nghĩ ra là lựa chọn gì. Cứ thỉnh thoảng ở trường lại có kiểm tra đột xuất tủ đồ, và bây giờ, nhờ Boris, tôi đã có liên hệ xa gần với Kotku, rất có thể đã thuộc vào tầng lớp dưới đáy thi thoảng bị kiểm tra. Dù thế, có bị phát hiện bức tranh trong tủ - dù là hiệu trưởng hay thầy dạy bóng rổ Detmars rất đáng sợ, hay thậm chí mấy viên cảnh sát thuê ở công ty an ninh thỉnh thoảng vẫn được

http://tieulun.hopto.org

lôi đến dọa lũ học sinh chết khiếp, thì vẫn cứ hơn bị bố hay Silver tìm ra.

Bức tranh bên trong vỏ gối được quấn vài lớp giấy vẽ dán băng dính nữa - giấy tốt, giấy để bảo quản, tôi lấy từ phòng mỹ thuật ở trường - trong còn lót hai lớp vải bông lau bát trắng sạch để phòng mặt tranh bị thấm axit trong giấy (dù không có). Nhưng tôi quá chăm chỉ lôi bức tranh ra ngắm - mở chỗ gấp trên mép dán luồn nó ra - khiến giấy đã rách, băng còn không dính chặt. Nằm trên giường vài phút nhìn trần nhà, tôi trở dậy lấy cuộn băng dính đóng thùng siêu dai siêu lớn còn lại từ đợt chuyển nhà, gỡ cái vỏ gối khỏi giường.

Thật quá sức - quá dụ dỗ - không thể không mở bức tranh ra xem một khi đã cầm trong tay. Thật nhanh, tôi tuột nó ra, và hầu như lập tức đắm vào ánh sáng bảo bọc phả ra từ bức tranh, du dương gần như tiếng nhạc, vị dịu dàng bên trong, tuyệt đối không thể giải thích được là gì ngoài một độ hài hòa xác đáng dưới tầng sâu ngút ngát khiến máu ta chao đảo, như khi trái tim đập chậm rãi và chắc chắn bên một người khiến ta cảm thấy an toàn và được yêu. Từ bức tranh toát ra một mãnh lực, một luồng sáng, một sự tươi mát như ánh ban mai trong căn hộ cũ nhà tôi ở New York, êm đềm nhưng lại hân hoan hết sức, một ánh sáng tô cho vạn vật đều sắc nét hơn, mà lại cũng vừa dịu dàng âu yếm hơn thực tế, càng thêm âu yếm vì nó thuộc về quá khứ, quá khứ không thể nào lấy lại: ánh sáng trên giấy dán tường, quả địa cầu Rand McNally cũ khuất trong bóng tối.

Con chim nhỏ, con chim vàng óng. Rũ mình tỉnh cơn mơ, tôi luồn trở lại bức tranh vào trong lớp khăn lau bát quấn giấy, bọc lại bằng hai ba (bốn? năm?) tờ báo thể thao cũ của bố, và rồi - do kích thích, do đã vào cơn trong trạng thái say thuốc đầy quyết

tâm hiện tại, quấn lấy quấn để cho đến khi không còn một mẩu báo nào lộ ra và toàn bộ cuộn băng dính siêu lớn đã hết sạch. Sẽ không ai tình cờ mà mở được gói ấy ra. Dù có dùng dao, dao sắc, chứ không phải kéo, cũng phải rất lâu mới lột ra được. Cuối cùng, khi đã xong - cái gói trông như một thứ kén kỳ quái trong truyện viễn tưởng nào đấy - tôi luồn bức tranh xác ướp, cả vỏ gối các kiểu, vào cặp sách, nhét vào dưới chăn cạnh chân tôi. Cáu kỉnh, Popper gầm gừ rồi dịch ra chừa chỗ. Dù bé tí trong một hình hài ngớ ngẩn, nó vẫn rất nỏ mồm và quyết tâm bảo vệ cái lãnh thổ bên cạnh tôi, và nếu có ai mở cửa phòng khi tôi đang ngủ - kể cả Xandra hay bố tôi, cả hai nó đều không ưa lắm, thì tôi biết nó cũng sẽ bật lên báo động.

Cái ban đầu là một ý nghĩ yên dạ ấy lại nhanh chóng biến hình thành ý nghĩ về những kẻ lạ mặt đột nhập vào nhà. Điều hòa để lạnh tới nỗi tôi run lẩy bẩy; và khi nhắm mắt tôi cảm giác bị nhấc bổng lên khỏi thân thể - bẩy đi rất nhanh như một quả bóng bay đứt dây - để rồi lại giật nảy toàn thân và mở mắt. Vì thế tôi cứ nhắm tịt mắt, cố nhớ lại những gì nhớ được từ bài thơ của Hart Crane, cũng không nhiều lắm, dù vài từ rời rạc như *mòng biển* và *xe cộ* và *đảo lộn* và *bình minh* cũng mang theo ít nhiều cái khoảng cách giữa không trung, cái bổ nhào từ cao xuống thấp trong bài thơ, và khi dần dần thiếp ngủ, tôi rơi vào một cảm giác pha ký ức ngộp thở về cái công viên hẹp lộng gió sặc mùi xăng xe gần căn hộ cũ, bên sông Đông, tiếng gầm dưới đường sá phảng phất lơ lửng trên con sông đang cuộn trôi qua thành từng dòng ào ạt và rối rắm, đôi khi dường như chảy về hai hướng khác nhau.

xi.

ĐÊM ẤY TÔI CHẲNG NGỦ ĐƯỢC MẤY, đến khi tới trường nhét

được bức tranh vào tủ thì đã kiệt sức, đến nỗi còn chẳng nhận ra là Kotku (bám cứng lấy Boris như không có chuyện gì xảy ra) mới sắm được quả môi dày mọng. Chỉ tới lúc nghe thằng lớp trên rắn mặt là Eddie Riso bảo, "Xe đụng à?" thì mới nhận ra đã có ai đó nện khá kỹ vào giữa mặt cô ả. Cô ả cứ không ngớt cười run rẩy, thanh minh với mọi người rằng bị cái cửa xe đập vào mặt, nhưng cái lối xấu hổ ấy xem ra (ít nhất tôi thấy thế) chẳng thật chút nào.

"Của mày đấy à?" tôi hỏi Boris ngay khi gặp nó một mình (một cách tương đối) trong lớp Ngữ văn.

Boris nhún vai. "Không cố ý."

"Mày nói 'không cố ý' là sao?"

Boris có vẻ ngỡ ngàng. "Bả ép tau mà!"

"Nó ép mày," tôi nhắc lại.

"Này, mặc dù mi ghen tức với bả… "

"Cút mẹ mày đi," tôi nói. "Tao đếch quan tâm mày với Kotku thế nào - tao có đầy việc riêng phải lo. Mày có thể đập vỡ đầu nó ra cũng được."

"Ôi trời, Potter," Boris bất chợt tỉnh ra. "Lão có quay lại không?

Cái lão đấy?"

"Không," ngưng một lát tôi đáp. "Chưa. Hừ, ý tao là, mặc mẹ nó," tôi đáp khi thấy Boris vẫn nhìn. "Đấy là vấn đề của *ổng*, không phải tao. Ổng sẽ phải tự kiếm ra cách thôi."

"Ổng thiếu bao nhiêu?"

"Chịu."

"Mi không kiếm được tiền giúp ổng à?"

“ *Tao á?*”

Boris ngoảnh đi. Tôi kéo tay nó. “Không, ý mày là gì, Boris? Tao không kiếm được giúp ổng à? Ý mày là sao vậy?” tôi hỏi khi thấy nó không đáp.

“Bỏ qua đi,” nó nói nhanh, ngồi lại trong ghế, và tôi không kịp tiếp tục câu chuyện vì lúc đó cô Spirsetskaya đã bước vào phòng, sẵn sàng mở máy về cuốn *Silas Marner* chán ngắt, và thế là xong.

xii.

ĐÊM ĐÓ BỐ TÔI VỀ SỚM, mang theo mấy túi đồ ăn gọi về từ cửa hàng Tàu yêu thích, gồm cả một suất thêm món bánh bao cay tôi vẫn thích - và tâm trạng hào hứng đến mức hình như tất cả Silver và mấy chuyện đêm qua đều chỉ diễn ra trong giấc mơ của tôi.

“Ờm...” tôi nói và ngưng lại. Xandra đã ăn xong món nem rán, đang xả cốc nước ở bổn rửa, nhưng trước mặt cô ta tôi chỉ có thể thốt ra được chừng ấy.

Ông nhoẻn cười với tôi, cái nụ cười ông-bố-tốt thỉnh thoảng vẫn làm các cô tiếp viên hàng không thăng ông lên hạng ghế thương gia.

“Ờm sao?” ông hỏi, gạt hộp tôm Tứ Xuyên ra với lấy cái bánh bói.

“Ờm...” Xandra đang vặn nước rất ồn “Bố đã xử lý được hết chưa?”

“Hử,” bố đáp nhẹ bỗng, “vụ với Bobo Silver hả?”

“Bobo?”

“Nào, bố hy vọng là không phải con lo vụ đó. Con không lo, phải không?”

“Ừm...”

“Bobo...” ông cười lớn “người ta vẫn gọi là ‘Người Hùng’. Thực ra đấy là một người hay lắm - ừm, chính con cũng đã nói chuyện rồi - chẳng qua có hiểu lầm tí chút, thế thôi.”

“Năm điểm nghĩa là sao?”

“Này, chỉ là lệch nhau thôi. Ý bố là,” ông nói, “mấy người này là một loại nhân vật. Họ có ngôn ngữ riêng, có lối làm việc riêng. Nhưng mà này,” ổng cười to, “có cái này hay lắm - khi gặp ông ấy ở Caesars, đấy là chỗ mà Bobo bảo là ‘văn phòng’ của ông ấy, con biết đấy, bên bể bơi khách sạn Caesars - ờ, khi bố gặp, con có biết ông ấy cứ nhắc đi nhắc lại cái gì không? ‘Anh có một cậu con rất ngoan đấy, Larry.’ ‘Một cậu thiếu gia đích thực.’ Ý bố là, bố không biết con đã nói gì với ông ta, nhưng đúng là bố nợ con lần này đây.”

“Hừm,” tôi đáp bằng giọng trung dung, lấy thêm cơm. Nhưng trong lòng tôi thấy nao nao khi chứng kiến tâm trạng phấn chấn của ông - vẫn cái náo nức tràn tới như hồi còn nhỏ, khi im lặng lại bị phá vỡ, khi bước chân của ông lại chuyển sang nhẹ nhõm và lại nghe ông cười về chuyện gì đấy, hay ngâm nga hát khi đứng cạo râu trước gương.

Bố bẻ đôi cái bánh bói và cười lớn. “Nhìn này,” ông nói, vo viên lại vứt qua chỗ tôi. “Không hiểu ai là người ở Phố Tàu chuyên ngồi nghĩ ra mấy thứ này?”

Tôi đọc thành tiếng: “Bạn có bộ đồ nghề phi thường cho số phận, hãy thi hành cẩn trọng!”

“Bộ đồ nghề phi thường à?” Xandra hỏi, tiến lại gần quàng tay quanh cổ ông. “Nghe có vẻ đen tối nhỉ.”

“À...” bố quay lại hôn cô ta. “Đầu óc đen tối. Suối nguồn tươi trẻ.”

“Chắc chắn rồi.”

xiii.

“TAU ĐÃ ĐẬP DẬP MÔI mi bữa hôm ấy,” Boris nói, rõ ràng là ăn năn về chuyện Kotku vì bỗng thình lình lôi ra nhắc lại, trong cảnh lặng lẽ thân thiện trên xe buýt đến trường buổi sáng.

“Ừa, còn tao thì dộng đầu mày vào tường.”

“Tau không cố tình!”

“Không cố tình gì cơ?”

“Đập vào miệng mi!”

“Thế với nó thì cố tình à?”

“Ờ, phần nào đó,” nó tìm cách lảng tránh.

“Phần nào đó?”

Boris thở hắt ra tuyệt vọng. “Tau đã xin lỗi bả rồi! Hai bọn tau ổn thỏa xong xuôi rồi, không có chi hết! Mà dù sao thì liên quan quái gì đến mi chứ?”

“Mày khơi lại chuyện đó chứ đâu phải tao.”

Nó nhìn tôi một khắc kỳ kỳ, rồi cười. “Tau kể cho mi cái này nhé?” “Gì?”

Nó ghé sát lại đầu tôi. “Đêm qua tau với Kotku chơi,” nó thì thầm. “Bùa lưỡi, cả hai luôn. Đã lắm.”

“Thật hả? Kiếm đâu ra thế?” Kẹo[100] thì ở trường khá dễ kiếm - Boris và tôi đã chơi cả tá lần rồi, những đêm diệu kỳ không tiếng nói khi chúng tôi lang thang vào sa mạc, nửa mê sảng nhìn trời sao - nhưng chưa ai từng có LSD[101] cả.

Boris dụi mũi. “À. Hừm. Mẹ bả quen một gã rất đáng sợ tên Jimmy làm ở hiệu súng. Hắn kiếm được cho bọn tau năm suất - tau không hiểu sao lại mua năm nữa, đáng ra nên mua sáu. Dù sao thì tau vẫn còn một ít đấy. Uầy, phê lòi.”

“Thế hả?” Giờ ghé nhìn kỹ hơn tôi nhận ra đồng tử nó đang nở lớn rất lạ. “Mày vẫn còn đang phê à?”

“Có thể còn tí chút. Tau chỉ ngủ đâu có hai tiếng. Mà dù sao bọn tau cũng làm hòa hẳn rồi. Cứ như là... ngay cả hoa trên ga trải giường của mẹ bả cũng đáng yêu ấy. Còn bọn tau cũng làm từ chất liệu giống như hoa, và bọn tau nhận ra mình yêu nhau biết bao, và dù có thế nào thì cũng cần nhau, và tất cả những thứ đáng ghét giữa tau với bả từ trước đến nay chỉ là vì yêu nhau quá thôi.”

“Uầy,” tôi nói, chắc là giọng nghe có vẻ buồn bã hơn tôi muốn, vì Boris nhíu mày nhìn tôi.

“Sao?” tôi hỏi khi thấy nó cứ nhìn hồi lâu. “Cái gì?”

Nó chớp mắt, lắc đầu. “Không, tau *nhìn thấy* hẳn hoi đấy. Một màn sương mù buồn bã, hay gì đấy, quây quanh đầu mi. Như kiểu mi là một người lính gì đấy, một người thuộc về *lịch sử,* đi trên chiến trường gì đấy, lòng cảm thấy rất nhiều thứ sâu sắc.

“Boris, mày vẫn còn điên đấy.”

“Không hẳn,” nó mơ màng nói. “Tau cứ nhập vào rồi trôi ra. Nhưng tau vẫn thấy tia lửa màu bắn ra từ đủ thứ nếu tau liếc mắt

đúng cách.”

xiv.

MỘT TUẦN TRÔI QUA mà không có biến gì, cả về phía bố tôi lẫn trên mặt trận Boris-Kotku, đủ để tôi thấy có thể mang cái vỏ gối về lại nhà. Khi lấy từ tủ đồ, tôi đã nhận ra nó cổng kềnh (và nặng) bất thường; tới lúc lên trên nhà lôi tranh ra khỏi vỏ gối, tôi mới nhận ra vì sao. Rõ ràng là tôi đã phát khùng khi quấn nó lại: hàng bao nhiêu lớp báo, dán nguyên một cuộn băng dính đóng đồ siêu dai, trong lúc tôi đang phê thuốc và hoảng loạn thì đấy có vẻ là một sự đề phòng khôn ngoan, nhưng giờ về lại phòng, trong ánh sáng buổi chiều tỉnh táo, lại trông như tác phẩm của một kẻ điên và/hoặc lang thang ngoài đường: đúng là một cái xác ướp, lắm băng dính đến nỗi còn không thể coi là vuông vắn nữa; cả các góc cũng tròn. Tôi lấy con dao sắc nhất tìm thấy trong bếp, cưa thử một góc - ban đầu rất thận trọng, vì sợ dao tuột rồi rạch vào bức tranh - nhưng rồi mạnh tay hơn. Nhưng mới chỉ được nửa chừng, một khúc chừng 8 cm, tay bắt đầu mỏi thì tôi nghe tiếng Xandra đi vào dưới nhà, bèn bỏ lại vào vỏ gối dán sau giường như cũ tới chừng nào biết họ sẽ vắng nhà lâu lâu.

Boris đã hứa với tôi sẽ cùng làm hai suất LSD còn lại ngay khi nào đầu óc nó bình thường trở lại, đấy là cách nó diễn đạt; nó vẫn còn hơi lú và nhìn thấy các hình dạng di chuyển trên mặt bàn giả vân gỗ ở trường, nó thổ lộ thế, và mấy lần hút cỏ kế đó nó đã lại trượt thẳng vào ảo giác.

“Nghe có vẻ dữ hả,” tôi nói.

“Không, chúa lắm. Tau có thể dừng lúc nào muốn. Tau nghĩ tốt nhất là bọn mình ra sân chơi,” nó nói thêm. “Vào đợt nghỉ Tạ ơn

chẳng hạn.” Cái sân chơi bỏ hoang, chúng tôi đã dùng để chơi thuốc lắc mỗi lần, trừ lần đầu tiên bị Xandra tới đập cửa phòng nhờ chúng tôi xuống giúp sửa máy giặt, và tất nhiên chúng tôi không làm được, nhưng 45 phút đứng lớ ngớ bên cô ta trong phòng giặt mất toi giai đoạn ngon nhất đã là một nỗi thất vọng ê chề.

“Nó có nặng hơn kẹo nhiều lắm không?”

“Không... ờ, thì có, nhưng tuyệt lắm, tin tau đi. Tau cứ muốn rủ Kotku ra ngoài hứng gió chỉ có điều có *quá nhiều* thứ khi ở gần đường cao tốc, đèn, xe - cuối tuần này nhé?”

Vậy là có thứ để trông ngóng. Nhưng vừa khi bắt đầu vui vẻ và thậm chí thấy có hy vọng về đời trở lại - Kênh ESPN chưa bật lên suốt một tuần, phải coi là một thứ kỷ lục - tôi lại từ trường về nhà thì bắt gặp bố đang chờ.

“Bố cần nói chuyện với con, Theo ạ,” ông nói ngay khi tôi bước vào. “Con có rảnh một phút không?”

Tôi dừng bước. “À, vâng, được ạ.” Phòng khách trông không khác gì vừa bị trộm đột nhập - giấy má vung vãi khắp nơi, cả đệm xô pha trông cũng có vẻ xô lệch.

Ông thôi đi đi lại lại - tư thế có vẻ cứng nhắc, như là đầu gối bị đau. “Lại đây,” ông nói giọng hòa nhã. “Ngồi xuống nào.”

Tôi ngồi. Bố thở hắt, ngồi xuống đối diện tôi, luồn tay qua tóc.

“Ông luật sư,” ông nói, chúi người tới trước, tay đan vào nhau bỏ giữa đầu gối, mắt nhìn thẳng vào tôi.

Tôi đợi.

“Luật sư của mẹ con. Ừm... bố biết là như này hơi gấp, nhưng thực sự bố rất cần con gọi cho ông ta giúp bố.”

Trời gió; ngoài kia cát lạo xạo cọ vào cửa kính, mái chìa trên hàng hiên lật phật, như cờ bị quật. “Sao ạ?” tôi hỏi sau một quãng dừng thận trọng. Mẹ từng nói chuyện đi gặp luật sư sau khi bố bỏ đi - để làm thủ tục ly dị, tôi đoán vậy - nhưng kết quả thế nào thì tôi không biết.

“Ờ...” Bố hít thật mạnh, rồi nhìn trần nhà. “Chuyện thế này. Chắc là con đã thấy bố không cá cược bóng bảnh gì nữa, phải không? Ờ,” ông nói, “bố muốn thôi cá độ. Trong lúc còn đang thắng, thế đấy. Không phải là...- ông dừng lại, tỏ vẻ suy nghĩ - “ý bố là, thật đấy, bố đã trở nên khá giỏi mấy thứ này nhờ nghiên cứu cẩn thận và làm việc có kỷ luật. Bố tính toán. Bố không cược theo cảm tính. Và, ý bố là, bố vừa nói đấy, tình hình đang khá được. Bố đã bỏ ống được kha khá mấy tháng rồi. Chẳng qua là...”

“Ừm,” tôi ngần ngừ đáp khi thấy ông im lặng, không hiểu mục đích câu chuyện là gì.

“Ý bố là, sao lại đùa cợt số phận? Bởi vì...” tay đặt lên tim “bố *đúng* là một kẻ nghiện rượu. Bố sẵn sàng thừa nhận ngay tức thì. Bố *hoàn toàn* không được phép uống. Một cốc đã là quá nhiều, nghìn cốc cũng sẽ không đủ. Bỏ rượu là quyết định sáng suốt nhất trong đời bố. Và, bố muốn nói là, đánh bạc ấy, ngay cả với xu hướng nghiện ngập của bố, thì trước giờ vẫn hơi khác, tất nhiên bố cũng có vài lần bị kẹt nhưng chưa bảo giờ giống như mấy cái thằng mà, thế nào nhỉ, đã lún quá sâu đến mức biển thủ công quỹ hay phá tung cơ nghiệp gia đình. Nhưng mà...” ông cười to “nếu không muốn sớm muộn gì cũng cắt tóc, thì tốt hơn đừng lảng vảng gần hiệu làm đầu, phải không?”

“Tức là?” tôi thận trọng hỏi, sau một lúc đợi ông nói tiếp.

“Tức là... phù.” Bố lùa cả hai tay vào tóc; trông ông trẻ thơ, ngơ ngẩn, không tin nổi. “Vấn để là thế này. Giờ bố đang rất muốn có

thể thay đổi mình thực sự. Bởi bố đã có cơ hội bước vào từ đầu trong vụ làm ăn lớn thế này. Bạn bố, mở nhà hàng mới. Và bố nghĩ là, thực sự đây sẽ là một việc tốt thực tình đối với tất cả nhà ta - một cơ hội đổi đời, thật thế. Con hiểu không? Xandra thì đang gặp khó khăn kinh khủng ở chỗ làm với một thằng sếp như cứt, và, bố cũng không biết, nhưng; bố nghĩ vụ này sẽ đàng hoàng hơn rất nhiều."

Bố tôi? Chủ nhà hàng ư? "Uầy... quá tốt," tôi nói. "Uầy."

"Ừ." Bố gật đầu. "Tốt kinh khủng. Nhưng vấn đề là, để mở một cái như thế..."

"Nhà hàng kiểu gì?"

Bố ngáp và dụi đôi mắt đỏ vằn. "Ờ, con biết đấy, đồ ăn Mỹ thông thường thôi. Bít tết, hamburger, vân vân. Thật đơn giản và nấu thật ngon. Cái chính là, để bạn bố có thể mở cửa và trả được thuế nhà hàng... "

"Thuế nhà hàng?"

"Ồ phải, Chúa ơi, con không tưởng tượng nổi ở đây có những thể loại thuế phí gì đâu. Phải trả thuế nhà hàng, thuế kinh doanh rượu, bảo hiểm tai nạn – cần một lượng tiền mặt lớn khổng lồ để dựng lên một thứ như thế."

"À." Tôi đã nhận ra câu chuyện dẫn tới đâu. "Nếu bố cần tiền tiết kiệm của con..."

Bố tôi có vẻ giật mình. "Gì?"

"Bố biết mà. Cái tài khoản tiết kiệm định mở cho con ấy. Nếu cần tiền, bố cứ lấy."

"À ừ." Bố tôi im lặng một lúc. "Cảm ơn. Bố thật sự rất biết ơn, cậu bé ạ. Nhưng thực tình...- bố đã đứng dậy và đang đi quanh

phòng - “tình hình là, bố nghĩ ra một cách rất thông minh để tiếp cận vụ này. Là giải pháp tình thế thôi, để khởi động nhà hàng ấy mà, con hiểu chứ. Chúng ta sẽ gỡ lại chỉ trong vài tuần thôi - ý là, một chỗ như thế, với vị trí đó, không khác gì mở nhà máy in tiền vậy. Chỉ có khoản mở đầu là khó thôi. Cái thành phố này thật có những thể loại thuế má trên trời. Ý bố là... ” - ông cười vẻ ngượng nghịu - “con biết đấy, nếu không gấp đến vậy thì bố chẳng hỏi đâu...”

“Sao cơ?” tôi hỏi sau một giây khó hiểu.

“Thì, như vừa nói đấy, bố rất cần con gọi hộ bố một cú. Số đây.” Ông đã viết sẵn ra giấy cho tôi - đầu số 212 như tôi vừa nhận ra.

“Con cần gọi ông này, đích thân nói chuyện với ông ta. Tên ông ta là Bracegirdle.”

Tôi nhìn tờ giấy, lại nhìn ông. “Con không hiểu.”

“Con không phải hiểu. Con chỉ cần nhắc lại theo lời bố.”

“Thế thì liên quan gì đến con?”

“Này, cứ gọi đi. Chỉ cần nói con là ai, cần gặp ông ta một chút, công chuyện khẩn cấp, vân vân và vân vân...

“Nhưng mà...” Người này là ai? “Bố muốn con nói gì chứ?”

Bố tôi hít một hơi dài; ông đang rất cẩn trọng kiềm chế vẻ mặt mình, điều này thì ông làm khá giỏi.

“Đấy là luật sư,” ông nói khi thở ra. “Luật sư của mẹ con. Ông ta cần thu xếp để chuyển khoản tiền này...” mắt tôi muốn lồi ra khi nhìn thấy con số dưới ngón tay ông - *65-000 đô-la* “vào tài khoản này” - ngón tay rê xuống dãy số ở dưới. “Cứ nói với ông ấy là bố quyết định cho con đi học trường tư. Ông ấy sẽ hỏi tên và số an sinh xã hội của con. Thế là đủ.”

“Trường tư à?” tôi hỏi sau một lúc lúng túng.

“Ừ, con hiểu đấy, để tính thuế ấy mà.”

“Con không muốn đi học trường tư.”

“Khoan - khoan đã - nghe bố nói nốt. Miễn là khoản tiền này được dùng vào lợi ích của con, theo nghĩa chính thức, thì không làm sao cả. Mà nhà hàng thì mang lại lợi ích cho tất cả, hiểu chưa? Có thể rốt cuộc lợi ích của con là nhiều nhất. Mà ý bố nói là, tự bố gọi cũng được, nhưng nếu chúng ta sắp xếp cho hợp lý thì sẽ tiết kiệm được phải đến 30.000 đô-la khỏi rơi vào tay chính phủ ấy chứ. Hừ, bố sẽ gửi con đi học trưởng tư thật nếu con muốn. Trường nội trú luôn. Với từng ấy tiền dôi ra con có muốn đi Andover cũng được. Bố chỉ không muốn nửa số ấy chui vào túi sở thuế, con hiểu không? Hơn nữa... ý bố là, nếu cứ để như thế, thì đến lúc con đến tuổi đi học đại học, nó sẽ làm con mất tiền là khác, vì có từng ấy tiền trong quỹ thì con sẽ không đủ điều kiện nhận học bổng. Mấy đứa phụ trách học bổng sẽ thấy ngay cái tài khoản đó, xếp con vào bậc thu nhập khác, vớ bẫm 75% ngay năm đầu. Như thế này thì, ít nhất, con cũng sử dụng được trọn vẹn, hiểu không? Ngay bây giờ. Khi nó còn có lợi ích thực tế.”

“Nhưng mà...”

“Nhưng mà... ” giọng léo nhéo, lưỡi thè ra, mắt lác xệch. “Thôi nào, Theo,” ông trở lại giọng bình thường, khi thấy tôi cứ nhìn. “Thề có Chúa, bố không có thời gian đâu. Bố muốn con gọi ngay lập tức, trước khi bên bờ Đông hết giờ làm việc. Nếu con phải ký cọt gì thì cứ bảo chuyển phát nhanh giấy tờ đến đây. Hoặc fax cũng được. Chỉ có ta phải làm xong vụ này càng sớm càng tốt, hiểu không?”

“Nhưng tại sao lại là *con?*”

Bố tôi thở dài, đảo mắt. “Thôi đừng đùa với bố, Theo,” ông nói. “Bố biết con biết tình hình ra sao vì bố thấy con đi xem thư - ừ,” ông nói bất chấp tôi phản đối, “ừ đúng thế, ngày nào con cũng ra ngó cái hòm thư đó liên chi tùng tục.”

Tôi quá bối rối đến nỗi không biết đáp lại ra sao nữa. “Nhưng mà... ” Tôi lại ngó xuống tờ giấy và con số kia lại bật lên: *65.000 đô-la.*

Bất đồ, bố tôi bùng nổ, tát đúng giữa mặt tôi, nhanh và mạnh tới mức trong một giây tôi còn không biết vừa có chuyện gì. Rồi, trước khi tôi kịp chớp mắt, ông lại đấm thêm một cú nữa, *binh* một cái như truyện tranh, sáng lòa như ánh flash máy ảnh. Đương khi tôi lảo đảo - đầu gối nhũn ra, xung quanh trắng bệch - ông túm lấy cổ họng tôi bằng một cú móc ngược rất gắt, nâng tôi đẩy lên trên khiến tôi hổn hển không thở nổi.

“Nghe đây.” Ông đang hét vào mặt tôi - mũi ông cách mũi tôi năm tấc - nhưng Popper đang nhảy cẫng sủa loạn xung quanh và tiếng ù ù trong tai tôi đã lên cao đến mức cứ như ông hét vào tôi qua tiếng lạo xạo radio. “Mày sẽ gọi cho thằng này” dứ dứ tờ giấy vào mặt tôi “và nói những gì tao bảo với mày. Đừng có làm tình hình trở nên xấu hơn cần thiết vì tao sẽ *khiến* mày phải làm, Theo ạ, tao thề, tao sẽ bẻ tay mày, tao sẽ đập cho nát nhừ người mày ra nếu mày không cầm lấy cái điện thoại kia ngay lập tức. Hiểu chưa? Hiểu chưa?” ông nhắc lại trong cảnh im lặng choáng váng ù tai. Hơi thở đầy mùi thuốc lá chua loét dội vào mặt tôi. Ông buông cổ tôi ra, đứng lùi lại. “Mày nghe tao nói không? Nói gì xem.”

Tôi chùi cánh tay qua mặt. Nước mắt chảy ròng ròng xuống má, nhưng đấy là thứ nước mắt tự động, như mở vòi, không kèm theo thứ cảm xúc nào hết.

Bố tôi nhắm tịt mắt lại, rồi lại mở ra, lắc đầu. “Nghe này,” ông nói, giọng linh hoạt, dù vẫn thở gấp. “Bố xin lỗi.” Giọng ông không có âm điệu xin lỗi, một góc tỉnh táo nào đó trong đầu tôi ghi nhận, mà nghe như vẫn còn muốn đập cho nát nhừ người tôi ra. “Nhưng mà, thề đấy, Theo ạ. Con cứ tin bố lần này thôi. Con phải giúp bố mới được.”

Mọi thứ đều đang mờ ảo, và tôi đưa cả hai tay lên chỉnh lại kính. Tôi thở to đến nỗi đấy là tiếng duy nhất nghe được trong phòng.

Bố tôi, tay chống hông, ngước mắt lên trần. “Ôi, thôi đi,” ông nói. “Dừng lại.”

Tôi không đáp. Chúng tôi đứng đó thêm vài giây thăm thẳm nữa. Popper đã thôi sủa, giờ đang chăm chú quan sát từ người này qua người kia như muốn đoán xem có chuyện gì.

“Chỉ là... con hiểu không?” Giờ thì ông đã lại nói năng gãy gọn. “Bố xin lỗi, Theo à, bố thề là bố xin lỗi, nhưng bố đang kẹt quá rồi, chúng ta cần khoản tiền này, ngay lập tức, ngay phút này, cần lắm.”

Ông đang cố nhìn vào mắt tôi: ánh mắt thẳng thắn, có lý lẽ. “Người này là ai?” tôi hỏi, không nhìn ông mà nhìn bức tường sau đầu ông, giọng tôi vì lý do gì thì thoát ra nghe cũng khô rốc, méo mó.

“Luật sư của mẹ con. Bố phải nói thêm bao nhiêu lần nữa?” Ông đang xoa xoa khớp tay cứ như đánh tôi đã bị đau. “Hiểu không, vấn đề là, Theo ạ... ” lại thở dài “bố muốn nói là, xin lỗi, nhưng bố thề, bố không tức giận đến thế đâu, nếu tình hình không nghiêm trọng cỡ này.

Vì lần này đúng là, thực tình, bố vô kế khả thi rồi. Đây chỉ là

chuyện tức thời thôi, con hiểu không - chỉ cần tới khi bắt đầu hoạt động thôi. Vì tất cả vẫn có thể đổ sập, ngang nhiên... " bật ngón tay "trừ khi bố làm cho vài trong số mấy của nợ ấy bù tiền được. Còn phần còn lại - bố *thề* sẽ dùng cho con đi học trường tốt hơn. Trường tư cũng được. Con sẽ thích mà, phải không?"

Được động viên bởi bài ca của bản thân, ông đã bắt đầu quay số rồi. Ông đưa máy cho tôi, và trước khi có ai kịp nhấc máy, ông đã chạy vọt đến nhấc máy thông ở đầu kia phòng.

"Xin chào," tôi nói với người phụ nữ trả lời máy, "ừm, xin lỗi," giọng tôi khò khè không vững, vẫn còn chưa trấn tĩnh nổi để thẩm thấu điều đang diễn ra. "Cho cháu nói chuyện với ông... ừm..."

Bố tôi xỉa tay chỉ tờ giấy: *Bracegirdle.*

"Ông, ừm, Bracegirdle," tôi nói to.

"Vậy xin phép hỏi ai đang gọi tới ạ?" Cả giọng tôi và giọng bà ta đều quá lớn, vì bố tôi đang nghe từ máy phụ bên kia.

"Theodore Decker."

"À, phải," giọng người đàn ông trả lời khi cầm máy ở đầu kia. "Chào cháu, Theodore! Cháu thế nào rồi?"

"Cháu khỏe ạ."

"Nghe giọng cháu như đang bị cảm lạnh vậy. Nói đi. Có phải cháu hơi bị cảm không?"

"Ờm, vâng," tôi ấp úng nói. Bố tôi ở đầu kia đang mấp máy "Viêm thanh quản".

"Tệ thật," giọng nói âm vang ở đầu dây, lớn đến nỗi tôi phải kéo ống nghe ra xa một chút. "Tôi không bao giờ nghĩ người ta lại

có thể bị cảm ở nơi nhiều ánh nắng như chỗ cháu. Dù sao thì tôi cũng rất mừng vì cháu gọi cho tôi - tôi không có cách nào liên lạc trực tiếp với cháu được. Tôi hiểu là tình hình chắc vẫn rất khó khăn. Nhưng tôi cũng hy vọng đã khá hơn so với lần cuối cùng tôi gặp cháu."

Tôi im lặng. Mình đã gặp người này rồi ư?

"Lúc đó thật tệ," ông Bracegirdle nói, rất tinh tường đoán được ý nghĩa sự im lặng của tôi.

Cái giọng trơn tru êm như nhung khiến tôi nhớ ra. "Đúng thế, ồ," tôi đáp.

"Bão tuyết, nhớ chưa?"

"Vâng." Ông ta xuất hiện đâu chừng một tuần sau khi mẹ mất: luống tuổi, đầu đầy tóc trắng phớ, ăn mặc không chê vào đâu được, sơ mi sọc, thắt nơ bướm. Ông ta và bà Barbour xem ra quen nhau, hoặc ít ra là ông có vẻ quen bà. Ông ngồi đối diện tôi trong cái ghế bành cạnh xô pha, nói rất nhiều, lung tung cả lên, mặc dù thứ duy nhất còn đọng lại trong đầu tôi là câu chuyện ông kể về sự tích gặp mẹ như thế nào: bão tuyết cùng trời, không một chiếc taxi, thì, một vệt tuyết ướt trào qua, một chiếc taxi có người lao bổ đến góc Phố 84 và Đại lộ Công viên. Cửa kính hạ xuống: mẹ ("một bóng hình duyên dáng tuyệt vời!") đang đi đến Phố 57 Đông, ông có tình cờ đi về phía ấy không?

"Mẹ cháu kể mãi về cơn bão ấy," tôi nói. Bố tôi - ống nghe áp vào tai - liếc xéo sang tôi. "Lần ấy cả thành phố bị tê liệt."

Ông ta cười lớn. "Quả là một thiếu phụ đáng yêu! Tôi vừa xong một cuộc họp muộn - một bà già là bên hưởng lợi quỹ ủy thác ở đằng Đại lộ Công viên giao Phố 92, thừa kế xưởng đóng tàu, giờ thì chết rồi, lạy Chúa. Vậy đó, tôi vừa xuống, từ căn hộ thông tầng

sát mái xuống đường, lôi theo cả cái vali bánh xe, tất nhiên - và tuyết đã rơi nửa cẳng chân. Xung quanh lặng phắc. Trẻ con kéo xe trượt trên Đại lộ Công viên. Dù sao thì tàu cũng không chạy quá Phố 72, còn tôi thì đứng đây, tuyết đến đầu gối, ì ạch bước, thì oàng! cái taxi vàng xuất hiện mang theo mẹ cháu! Đạp tuyết mà dừng. Cứ như cô ấy được đoàn cứu hộ cử đi tìm. 'Nhảy vào đi, tôi cho bác đi nhờ.' Khu trung tâm vắng vẻ tuyệt đối... tuyết ào ào trút xuống, đèn thắp sáng khắp thành phố. Còn chúng tôi trong xe, lăn bánh chừng ba cây số một giờ - cứ như trong xe trượt - đi phăm phăm qua đèn đỏ, dừng lại cũng chẳng làm gì. Tôi nhớ là chúng tôi đã nói về Fairfield Porter - vừa tới diễn ở New York - rồi qua tiếp Frank O'Hara và Lana Turner và năm nào họ đã đóng cửa cái Hom & Hardart cũ, cửa hàng ăn tự phục vụ ấy. Và rồi chúng tôi phát hiện ra nơi làm việc của hai bên ngay đối diện nhau bên đường! Đấy là khởi đầu của một tình bạn đẹp, như người ta vẫn nói."

Tôi liếc qua bố. Trông mặt bố có vẻ rất kỳ cục, môi mím chặt cứ như sắp phun ra giữa thảm.

"Chúng ta có nói chuyện đôi chút về tài sản để lại của mẹ cháu, nếu cháu còn nhớ," giọng nói ở đầu dây bên kia vẫn tiếp tục. "Không mấy. Không phải lúc. Nhưng tôi đã hy vọng cháu sẽ tới tìm tôi khi nào sẵn sàng nói chuyện. Đáng ra tôi đã gọi điện cho cháu trước khi cháu đi, nếu biết là cháu sẽ đi."

Tôi nhìn sang bố, rồi nhìn tờ giấy trong tay. "Cháu muốn đi học trường tư," tôi bật ra.

"Thật à?" ông Bracegirdle nói. "Tôi nghĩ đấy có lẽ là ý tưởng tuyệt vời đấy. Cháu dự định học ở đâu? Về lại bên Đông à? Hay là trường nào đó đằng ấy?"

Chúng tôi còn chưa nghĩ tới việc này. Tôi nhìn sang bố.

“Ừm,” tôi nói, “ừm,” trong lúc bố nhăn nhó mặt mày và vung tay loạn xạ.

“Bên bờ Tây cũng có thể có trường nội trú tốt, mặc dù tôi không biết nơi nào,” ông Bracegirdle thì vẫn nói tiếp. “Tôi đi học ở Milton, quả là một quãng thời gian tuyệt vời. Con trai cả của tôi cũng học ở đó, ít ra cũng được một năm, dù đấy không phải là nơi thích hợp cho nó...”

Trong lúc ông ta cứ nói tràng giang - từ Milton đến Kent, đến đủ thứ trường khác của con cái bạn bè người quen - thì bố tôi ngoáy mấy chữ ra giấy, rồi ném sang tôi. *Gửi tiền cho cháu*, trên giấy viết. *Đặt cọc*.

“Ừm,” tôi nói, không biết làm cách nào chuyển qua đề tài này, “mẹ cháu có để lại chút tiền nào không?”

“À, không hẳn thế,” ông Bracegirdle nói, có vẻ lạnh nhạt đi chút đỉnh khi nghe câu hỏi, hoặc có lẽ là do tôi ngắt lời quá vụng. “Về sau cô ấy cũng có rắc rối về tài chính, tôi nghĩ chắc là cháu cũng biết rõ. Nhưng cháu cũng có tài khoản 529[102]. Và cô ấy cũng lập một giấy UTMA[103] nhỏ dành cho cháu ngay trước khi chết.”

“Cái đó là gì ạ?” Bố tôi - mắt dán vào tôi - đang lắng nghe rất kỹ.

“Đạo luật đồng nhất về chuyển nhượng cho trẻ em. Tiền đó để dùng cho việc học của cháu. Nhưng không thể dùng vào việc gì khác - ít nhất thì chừng nào cháu chưa đến tuổi thành niên.”

“Tại sao lại không ạ?” tôi hỏi sau một quãng dừng ngắn, vì có cảm tưởng ông đã nhấn mạnh vào vế cuối cùng.

“Vì luật là thế,” ông đáp cụt ngủn. “Nhưng dĩ nhiên ta có thể thu xếp cách nào đó nếu cháu muốn đi học. Tôi có một khách

hàng đã dùng một phần tiền 529 của con trai đầu để đưa con út vào một trường mẫu giáo sang trọng. Mặc dù tôi không nghĩ 20.000 đô-la một năm là một khoản chi khôn ngoan ở cỡ tuổi ấy - hẳn nhiên toàn Manhattan không có bút sáp nào đắt hơn! Nhưng, phải, để cháu hiểu rõ, thì là thế đấy."

Tôi nhìn sang bố. "Vậy là không có cách nào bác có thể, chẳng hạn như, chuyển cho cháu 65.000 đô-la," tôi nói. "Nếu cháu cần ngay lúc này."

"Không! Tuyệt đối không thể. Nên cháu hãy quên chuyện đó đi." Thái độ ông thay đổi hẳn - rõ ràng đã sửa lại đánh giá về tôi, không còn là con trai của mẹ tôi, một Cậu Bé Ngoan, mà là một thằng lỏi tham lam. "Tiện đây, cho tôi hỏi sao cháu lại nêu ra con số cụ thể đó?

"Ờm..." Tôi nhìn qua bố, lúc này đang đưa tay bưng mắt. *Chết tiệt*, tôi nghĩ, rồi nhận ra mình đã thốt thành tiếng.

"Ừ, sao cũng được," ông Bracegirdle nói ngọt xớt. "Đơn giản là không có cách nào cả."

"Không cách nào?"

"Tuyệt đối không cách nào."

"Ờm, được thôi... " Tôi cố bóp óc, nhưng đầu tôi đang chạy cả hai đằng một lúc. "Thế bác có thể gửi cho cháu một phần được chứ? Một nửa chẳng hạn?"

"Không. Sẽ phải làm việc trực tiếp với nhà trường mà cháu chọn. Nói cách khác là bác sẽ phải được thấy hóa đơn, và thanh toán hóa đơn đó. Ngoài ra còn rất nhiều giấy tờ thủ tục nữa. Và trong trường hợp ít có khả năng là nếu cháu *không* muốn lên đại học... "

Trong lúc ông ta tiếp tục giải thích dài dòng về những ngóc ngách khuất nẻo của những quỹ mẹ đã lập cho tôi (tất cả đều khá chặt, khó có thể cho bố hoặc tôi cầm nắm trực tiếp vào tiền thật, tiền mặt đem tiêu được) thì bố tôi, cầm ống nghe tránh xa tai, mang một vẻ mặt có thể gọi là kinh hoảng.

“À, ờ, rất cảm ơn đã cho cháu biết mấy điều đó, cảm ơn bác,” tôi nói, tìm cách kết thúc câu chuyện.

“Tất nhiên sẽ có lợi về mặt thuế. Với những quỹ theo cách này. Nhưng điều mẹ cháu thực sự muốn là để bố cháu không bao giờ động tới được số tiền ấy.”

“À?” tôi ngập ngừng đáp, trong khoảng im lặng dài thăm thẳm sau đó. Giọng ông có gì đó khiến tôi ngờ rằng ông biết, bố tôi có thể đang là chúa tể bóng tối đứng phì phò (trong tai tôi - không biết ông có nghe thấy không) ngay bên đầu máy kia.

“Còn có cả những vấn đề khác nữa. Ý tôi là... ” im lặng lịch sự “tôi không biết có nên cho cháu biết không, nhưng có một bên không có quyền đã hai lần tìm cách rút một số tiền lớn từ tài khoản này.”

“Hả?” tôi hỏi sau một quãng dừng khó chịu.

“Cháu biết đấy” ông Bracegirdle tiếp, giọng xa vắng như cất lên từ đáy biển, “tôi là người được chỉ định giám hộ tài khoản này. Và chừng hai tháng sau khi mẹ cháu qua đời, có ai đó đã vào nhà băng ở Manhattan trong giờ làm việc, tìm cách giả chữ ký của tôi rút tiền. Ừm, ở trụ sở chính người ta quen tôi, nên đã gọi cho tôi ngay lập tức, nhưng trong lúc còn đang gọi điện thoại thì kẻ kia đã chuồn ra cửa, trước khi bảo vệ kịp giữ lại kiểm tra nhân thân. Lần đó, lạy Chúa, đã gần hai năm rồi. Nhưng rồi, mới tuần trước thôi - cháu có nhận được thư tôi viết cho cháu không?”

“Không ạ,” tôi nói, khi cuối cùng cũng nhận ra mình phải trả lời.

“Ừ, không cần cụ thể quá, nhưng có một cú điện thoại rất kỳ dị. Do ai đó tự xưng là người đại diện của cháu ở đó, đòi phải chuyển tiền. Và rồi, khi khảo sát, chúng tôi phát hiện ra ai đó biết số an sinh xã hội của cháu đã yêu cầu và được chấp thuận mở một tài khoản nợ khá lớn mang tên cháu. Cháu có biết gì về chuyện đó không?

“À, không phải lo nữa,” ông nói tiếp khi thấy tôi không đáp. “Tôi có bản sao giấy khai sinh của cháu ở đây, nên đã fax cho ngân hàng cho vay và đã hủy tài khoản ấy ngay rồi. Đồng thời tôi cũng thông báo cho Equifax và mọi trung tâm tín dụng khác. Dù còn vị thành niên và về mặt luật pháp, không được phép giao dịch những việc kiểu ấy, cháu vẫn có thể phải chịu trách nhiệm về những khoản nợ như vậy thực hiện dưới tên cháu khi nào đến tuổi. Dù sao đi nữa thì tôi cũng khuyên cháu hãy thật cẩn thận bảo mật thông tin an sinh xã hội trong tương lai. Cháu có thể đăng ký lấy một số an sinh mới, trên lý thuyết, mặc dù thủ tục thì lằng nhằng lắm nên tôi cũng không khuyên làm vậy.

Tôi vã mồ hôi như tắm khi dập máy - và hoàn toàn không lường trước tiếng rú mà bố tôi buột ra. Tôi tưởng ông đang tức giận - tức tôi - nhưng khi thấy ông đứng nguyên đó, vẫn cầm điện thoại trong tay, tôi nhìn kỹ hơn và nhận ra ông đang khóc.

Thật kinh hoàng. Tôi không biết phải làm sao. Ông rú lên như thể bị dội nước sôi vào đầu - như đang sắp biến thành ma sói - như đang bị tra tấn. Tôi cứ để ông như thế, và - có Popchik hối hả chạy đằng trước lên cầu thang; hẳn nhiên nó cùng không muốn ở gần vụ rú rít này - đi lên phòng mình, đóng cửa lại, ngồi trên giường gục đầu vào tay, thèm aspirin nhưng không muốn phải đi

xuống phòng tắm lấy, và cầu mong Xandra hay nhanh nhanh về nha đi. Tiếng thét dưới cầu thang nghe thật ma quỷ, như thể ông đang bị súng phun lửa dí vào người, rồi bật iPod, cố tìm thứ nhạc nhẽo ồn ào nào đó không khó chịu (bản số Bốn của Shostakovich, dù là nhạc cổ điển nhưng thực tình cũng hơi khó ưa), nằm lên giường nhét tai nghe và nhìn chăm chăm lân trần nhà, trong khi Popper đứng, tai dỏng lên, nhìn ra cánh cửa đóng chặt, lông trên cổ xù lên dựng đứng.

XV.

"ỔNG BẢO MI CÓ CẢ một gia tài," Boris nói đêm đó ở sân chơi, trong lúc chúng tôi đang ngồi chờ món thuốc phát huy tác dụng. Tôi có phần ước giá mà lùi xuống một đêm khác, nhưng Boris khăng khăng nó sẽ giúp tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

"Mày nghĩ tao có cả một gia tài mà lại không kể cho mày nghe à?" Chúng tôi ngồi trên xích đu phải đến cả thế kỷ rồi, tôi cũng chẳng biết đang chờ cái gì nữa.

Boris nhún vai. "Tau không biết. Có cả mớ chuyện mi không kể cho tau. Tau thì sẽ kể cho *mi*. Nhưng không sao."

"Tao không biết phải làm gì nữa." Tôi đã bắt đầu nhận thấy, dù rất khó nhận ra, những hình dáng vạn hoa xám lấp lánh đang trở mình nằng nặng trong lớp đá dăm dưới chân: băng bẩn, kim cương, ánh lấp lánh thủy tinh vỡ. "Mọi thứ càng ngày càng kinh sợ."

Boris huých tôi. "Tau cũng có điều không kể cho mi, Potter à."

"Điều gì?"

"Ông già tau phải đi. Do công việc. Mấy tháng nữa ổng sẽ về lại

Úc. Rồi thì tau nghĩ là đi Nga."

Im lặng, có lẽ chừng năm giây, nhưng cảm giác phải đến cả giờ. Boris? Ra đi ư? Dường như mọi thứ đã đóng băng, dường như trái đất đã ngừng quay.

"Ờ, *tau* thì không đi đâu," Boris điềm nhiên nói. Khuôn mặt nó dưới ánh trăng bắt đầu rung rinh như điện rất rợn người, như một cuốn phim câm đen trắng. "Kệ mẹ nó. Tau sẽ bỏ nhà đi."

"Đi đâu?"

"Không biết. Mi đi cùng không?"

"Có," tôi đáp mà không nghĩ, rồi tiếp: "Kotku có đi không?"

Nó nhăn mặt. "Tau không biết." Khung cảnh phim đã chuyển thành sân khấu, trần trụi đến nỗi cảm tưởng về đời thực đã mất biến; chúng tôi đã bị trung tính hóa, hư cấu hóa, vuốt bẹt xuống; trường nhìn của tôi đóng khung giữa một hình chữ nhật đen; tôi nhìn thấy dưới cùng có chạy cả phụ đề những câu nó vừa nói. Rồi gần như ngay lúc đó, người tôi hẫng xuống. *Trời ơi*, tôi nghĩ và luồn cả hai tay vào tóc, những cảm xúc trong lòng quá mức choáng ngợp không thốt nên lời nào được.

Boris vẫn nói, và tôi nhận ra nếu không muốn biến mất vĩnh viễn trong cái thế giới phim kinh dị lạo xạo này giữa những bóng đen rất nét và các sắc độ xám, thì điều tối cần thiết là bám lấy lời nó nói mà không bị đánh lạc hướng bởi bề mặt nhân tạo của mọi vật.

"... tau nghĩ là mình hiểu được thôi," nó vẫn rầu rĩ nói trong khi những đốm xám và những giọt phân hủy đang vờn đuổi nhau quanh người nó. "Bả còn chả phải bỏ nhà đi nữa, vì bả thành niên rồi mà, hiểu không? Nhưng bả từng sống ngoài đường rồi, và bả không thích."

“Kotku từng sống ngoài đường à?” Tôi bất chợt thương cảm cô ta dễ sợ - một đợt trào dâng tình cảm gần như theo chỉ đạo, như thể kèm theo một khúc nhạc phim trỗi lên, dù bản thân nỗi buồn thì rất thật.

“Ờ, tau cũng thế, ở U. Nhưng tau có bạn bè, Maks và Seryozha - chẳng bao giờ quá vài ngày. Thỉnh thoảng cũng sướng lắm. Bọn tau ở ké dưới hầm các nhà bỏ hoang - uống rượu, chơi butorphanol, đốt lửa trại đủ trò. Nhưng ông già tỉnh rượu là tau lại về. Kotku thì khác. Cái lão bạn trai của mẹ bả, lão giở trò với bả. Thế là bả đi. Ngủ ở ngưỡng cửa nhà người ta. Xin tiền lẻ - thổi kèn bọn đàn ông ngoài đường lấy tiền. Bỏ học mất một thời gian - bả thật là can đảm mới quay lại, ráng học nốt, sau mấy chuyện đó. Bởi, mi biết đấy, người ta nói này nói nọ. Mi biết mà.”

Chúng tôi lặng im, ngẫm nghĩ về tất cả những chuyên kinh khủng đó, tôi cảm giác như chỉ sau vài lời ấy mình đã trải qua toàn bộ sức nặng và kích cỡ cuộc đời Kotku, và cả Boris.

“Tao rất tiếc từng không thích Kotku!” tôi nói chân thành thực sự.

“Ừ, tau cũng rất tiếc,” Boris bình thản đáp. Giọng nó dường như xuyên thẳng vào não tôi không cần qua tai. “Nhưng bả cũng chẳng ưa mi đâu. Nghĩ mi được chiều quá sinh hư. Nghĩ mi chưa bao giờ qua mấy chuyện như tau với bả.”

Lời chê ấy nghe chừng chính đáng. “Nghe cũng đáng,” tôi nói.

Dường như có một quãng thời gian ở lưng chừng, vừa nặng nề vừa nhấp nháy đi qua: những cái bóng run rẩy, tiếng nhiễu, tiếng xoèn xoẹt của máy chiếu giấu ở đâu đó. Giơ tay ra nhìn vào nó, tôi thấy bàn tay lấm tấm bụi và sáng rực như một miếng phim đang hỏng.

“Uầy, tau cũng thấy rồi này,” Boris nói và quay sang tôi - một động tác quay tay rất chậm, mười bốn hình một giây. Mặt nó trắng bệch như sáp, đồng tử đen xì nở lớn.

“Thấy...?” tôi thận trọng hỏi.

“Mi biết mà.” Nó vung vẩy bàn tay đen trắng ngập ánh đèn pha. “Thấy tất cả để phẳng ra, như một bộ phim.”

“Nhưng mày...” Hóa ra không phải chỉ tôi? Nó cũng thấy?

“Tất nhiên,” Boris nói, mỗi giây càng bớt giống người thật mà thêm giống một tấm phim nitrat bạc đã hỏng nào đấy từ thời thập niên 1920, ánh sáng chiếu đằng sau nó, từ một nguồn không nhìn thấy. “Nhưng giá có cái gì đó có màu vẫn hơn. ‘Mary Poppins’ chẳng hạn.”

Đến câu đó thì tôi bắt đầu phá lên cười không nhịn được, cười dữ đến mức suýt rơi khỏi xích đu, vì tới lúc đó tôi biết chắc rằng nó cũng thấy thứ tôi nhìn thấy. Không chỉ có thế: chúng tôi đang *tạo ra* cái đó. Dù liều thuốc có khiến chúng tôi thấy gì, thì cũng chính là chúng tôi đang dựng lên cùng nhau. Và khi cả hai nhận ra điều đó, cỗ máy mô phỏng thực tế ảo lập tức chuyển sang chế độ màu. Cả hai chúng tôi đều chuyển cùng một lúc: bụp! Chúng tôi nhìn nhau, càng cười rộ: cái gì cũng buồn cười kinh khủng khiếp, cả cái cầu trượt trên sân chơi cũng mỉm cười nhìn chúng tôi, và đến một lúc nào đó, khi đã khuya lắc, cả hai đang tung người trên cái nhà leo trèo và miệng phát ra từng chùm tia lửa, tôi chợt đốn ngộ, rằng tiếng cười là ánh sáng, ánh sáng là tiếng cười, và chính đó là bí mật của vũ trụ. Hàng giờ liền, chúng tôi ngắm mây sắp xếp trên trời thành những hình thù có trí tuệ, lăn tròn trong đất mà tin là lăn trong tảo biển (!), nằm ngửa hát *Dear Prudence* cho những vì sao hào hứng tán thưởng trên cao. Thật là một đêm tuyệt diệu - một trong những đốm tuyệt nhất đời tôi,

thật thế, bất chấp việc xảy ra sau đó.

xvi.

BORIS NGỦ LẠI NHÀ TÔI, nhà gần sân chơi, còn nó thì đã (từ nó ưa dùng nhất để chỉ tình trạng ngấm thuốc) *v gavno*, nghĩa là "đần mặt" hay "não cứt" hay cái gì đó tựa tựa thế, tóm lại là quá xỉu không thể tự mình lê về nhà trong đêm được. Và đấy hóa ra lại là may mắn, vì nhờ thế mà tôi không một mình ở nhà lúc ba giờ rưỡi chiều hôm sau, khi Silver ghé lại.

Dù hầu như không ngủ được và còn hơi lẩy bẩy, nhưng mọi thứ hình như vẫn còn chút màu nhiệm và tràn đầy ánh sáng. Chúng tôi đang uống nước cam, xem phim hoạt hình (ý rất hay, vì kéo dài thêm tâm trạng phim màu cười no ruột từ tối hôm trước), và - ý rất không hay - vừa chia nhau điếu cần thứ hai trong buổi chiều, thì chuông cửa reo. Popchyk đang cực kỳ nóng nảy, nó cảm nhận được chúng tôi bất thường kiểu gì đó và nãy giờ đã sủa ầm ĩ như sủa ma - lập tức gào ông ổng, gần như nó đoán được sắp có chuyện ấy xảy ra.

Trong một giây, tất cả đổ ập về đầu tôi. "Mẹ kiếp," tôi nói.

"Để *tau* ra," Boris đáp lập tức và cắp Popchyk vào nách. Nó bật đi, không áo, không giày, vẻ hoàn toàn dửng dưng. Nhưng chưa đến một giây nó đã trở vào, mặt tái dại.

Nó không nói gì, cũng không cần phải nói gì. Tôi đứng lên, đi giày vào, thắt dây thật chặt (gần đây tôi đã có thói quen làm thế trước mỗi chuyến thăm thú siêu thị, đề phòng phải bỏ chạy sau khi lấy đồ), đi ra cửa. "Bác Silver" đã lại đứng đó - áo vét dày màu trắng, tóc màu xi đánh giày, vẫn nguyên như trước - chỉ có điều lần này đứng bên cạnh là một gã to con, hình xăm màu xanh lam

đã phai chạy ngoằn ngoèo khắp hai cánh tay, cầm một cây gậy bóng chày nhôm.

"A, Theodore!" Silver nói. Nghe giọng có vẻ thật tình vui lòng lại gặp tôi. " *Tcháu* dạo này thế nào?"

"Tốt ạ," tôi đáp và kinh ngạc thấy mình tỉnh ra lập tức. "Bác thế nào?"

"Không thể tốt hơn. *Tcháu* có vết bầm ghê quá, cậu bé ạ."

Theo phản xạ, tôi đưa tay lên sờ má. "Vâng... "

"Nên để ý kỹ hơn. Bạn *tcháu* bảo là bố *tcháu* không có nhà."

"Ừm, không có."

"Hai người vẫn ổn chứ? Có gặp rắc rối gì ở đây *tchiều* nay không?"

"Ừm, không, không có gì," tôi đáp. Kẻ kia không vung vẩy gậy, cũng không làm gì tỏ ý hăm dọa, nhưng tôi vẫn không thể không để ý rất rõ rằng gã đang cầm nó.

"Vì nếu có *tchuyện* ấy xảy ra?" Silver tiếp. "Có bất kỳ rắc rối thuộc bất kỳ loại nào? Bác có thể hô biến cho *tcháu* trong nháy mắt."

Hắn đang nói cái gì vậy? Tôi nhìn ra đằng sau hắn, trên đường phố, về phía xe. Dù cửa xe bằng kính đen nhưng tôi vẫn thấy mấy kẻ khác đang ngồi đợi.

Silver thở dài. "Bác rất mừng là *tcháu* không gặp rắc rối gì, Theodore ạ. Bác ước gì mình cũng được như thế."

"Xin lỗi ạ?"

"Vì có một việc thế này," hắn tiếp, như thể không nghe thấy tôi nói. "*Bác* thì có rắc rối đấy. Rắc rối cực lớn nữa cơ. Với bố của

tcháu ”

Không biết đáp sao, tôi nhìn đôi ủng cao bồi. Ủng bằng da cá sấu đen, gót độn, mũi rất nhọn và đánh bóng loáng đến nỗi khiến tôi nhớ đến thứ ủng cao bồi cho phái nữ yểu điệu mà Lucie Lobo, một cô chuyên gia trang điểm lập dị trong công ty mẹ đi quanh năm.

“ *Tcháu* hiểu không, vấn đề là thế này,” Silver tiếp. “Bác đang cầm năm xịch giấy của bố *tcháu*. Và đấy là một rắc rối khá nghiêm trọng với bác.”

“Bố cháu đang đi thu xếp tiền,” tôi lúng búng nói. “Chắc là, cháu không biết, nếu bác đợi thêm một chút nữa thôi...”

Silver nhìn tôi. Hắn chỉnh lại kính.

“Này nhé,” hắn nói giọng hiểu biết. “Bố *tcháu* muốn đưa đầu ra cược vào *tchuyện* mấy thằng não lợn vần quả bóng - xin lỗi, ăn nói hơi thô tí. Nhưng bác rất khó thông cảm với một người như vậy. Không tôn trọng thỏa thuận, muộn hoa hồng ba tuần, gọi điện thoại không nghe...- hắn đang đếm các tội lỗi của bố tôi trên ngón tay - “đã hẹn gặp bác lúc trưa hôm nay và rồi không thấy mặt đâu. *Tcháu* có biết bác đã ngồi đợi cái thằng già vô dụng ấy bao lâu không? *Một tiếng rưỡi đồng hồ.* Cứ như thể bác không có việc gì khác hay ho hơn cần làm.” Hắn ngoẹo đầu. “ *Tchính* những kẻ như bố *tcháu* mới khiến những người như bác và Yurko đây có việc mần ăn đấy. *Tcháu* nghĩ bác thích đến nhà *tcháu* lắm hả? Đi xe ròng rã đến tận đây?”

Tôi đã ngỡ đấy chỉ là một câu hỏi tu từ - hẳn nhiên không ai đầu óc bình thường mà lại muốn lái xe đến tận chỗ ngoài rìa như nhà tôi cả - nhưng vì thời gian cứ đằng đẵng trôi qua mà hắn vẫn chĩa mắt vào tôi như thực sự cần nghe câu trả lời, cuối cùng tôi

cũng chớp mắt bất an và đáp, " Không ạ"

"Không. Đúng rồi đấy Theodore. Đúng là bác không muốn *tchút* nào. Bác còn lắm việc phải làm, cả Yurko nữa, cứ tin lời bác, *tchứ* không thể mất cả *tchiều* rượt theo thằng già vô dụng như bố *tcháu* được. Vậy nên phiền *tcháu* một việc nhé, *tchuyển* lời cho bố *tcháu* rằng *tchúng* ta có thể dàn xếp *tchuyện* này như những người quân tử, miễn là ông ấy *tchịu* ngồi xuống dứt điểm với bác."

"Dứt điểm?"

"Ông ấy phải mang đến những gì còn nợ bác." Hắn đang cười, nhưng ánh xám ở nửa trên cặp kính khiến hai con mắt có vẻ như đội mũ sùm sụp. "Và bác muốn nhờ *tcháu* giúp bác *tchuyển* lời đến ông ấy, Theodore ạ. Bởi lần sau bác còn phải tới đây nữa, thì cứ tin đi, bác sẽ không nhẹ nhàng đến thế này đâu."

xvii.

KHI TÔI QUAY TRỞ VÀO phòng khách, Boris đang ngồi lặng lẽ, nhìn phim hoạt hình tắt tiếng trên tivi và ve vuốt Popper - con chó mới đây còn nhặng xị lên thì bây giờ đã ngủ khò trong lòng nó.

"Ngớ ngẩn," nó nói độp.

Nó phát âm từ đó kiểu gì khiến một khắc sau tôi mới nhận ra ý nó muốn nói gì. "ừ," tôi đáp, "tao đã bảo mày là thằng cha rợn lắm mà."

Boris lắc đầu, lại thả mình dựa vào ghế. "Tau không nói cái lão già mặt Leonard Cohen đội tóc giả."

"Mày nghĩ đấy là tóc giả à?"

Nó nhăn mặt, ra bộ: ai thèm biết. "Cả lão cũng ngớ, nhưng tau

nói cái thằng Nga lớn cầm đồ bằng kim loại, mi gọi là cái chi ấy nhỉ?"

"Gậy bóng chày."

"Cái đó chỉ để khoe mẽ thôi," nó nói giọng miệt thị. "Chỉ định hù mi sợ thôi, cha nội đó."

"Làm sao mày biết là Nga?"

Nó nhún vai. "Tau biết vậy thôi. Ở Mỹ làm đếch gì có ai xăm trổ kiểu đó. Dân Nga đứt đuôi. Hắn cũng thấy tau mở miệng là cũng biết dân Nga liền."

Một chốc sau tôi mới nhận ra mình vẫn đang ngồi đờ một chỗ, mắt nhìn trần vào khoảng không. Boris đỡ Popchyk lên đặt xuống xô pha, nhẹ nhàng không làm nó tỉnh giấc. "Mi muốn ra ngoài một lúc không?"

"Trời," tôi nói và thình lình lắc đầu - không hiểu vì cớ gì ý nghĩa của chuyến viếng thăm vừa rồi giờ mới đột ngột ập lên tôi, như một phản ứng muộn - "mẹ kiếp, tao *ước gì* bố tao có ở nhà lúc nãy. Mày hiểu không? Tao ước gì thằng cha kia đã đập cho ổng một trận. Thật đấy. Ổng đáng phải bị thế."

Boris đá vào mắt cá tôi. Chân nó dính đất đen xì, cả móng chân cũng sơn đen, tác phẩm của Kotku.

"Mi biết tối qua tau ăn gì không?" nó hòa nhã hỏi. "Hai thanh Nestlé và một lon Pepsi." Mọi loại kẹo Boris đều coi là "thanh Nestlé", cũng như mọi loại nước ngọt đều là "Pepsi" đối với nó. "Và mi biết hôm nay tau ăn gì không?" Nó giơ ngón tay cái và trỏ làm một vòng tròn. "*Zero.*"

"Tao cũng vậy. Dùng món này làm mình không thấy đói."

"Ờ, nhưng tau cần ăn cái gì đó. Bao tử tau…- nó nhăn nhó.

“Mày muốn đi kiếm bánh xèo không?”

“Ờ - gì cũng được - giống nhau cả. Mi có tiền không?”

“Để tao ngó xem.”

“Tốt. Tau thì có nhõn 5 đô.”

Trong lúc Boris đang lục tìm giày và áo, tôi vã ít nước lên mặt, soi gương xem xét đồng tử mắt và vết bầm trên hàm, cài lại khuy áo khi nhận ra đang cài lệch, rồi đi mở cửa thả Popchyk ra ngoài, quăng bóng tennis cho nó chơi đùa một lúc vì gần đây nó không được dắt đi chơi đàng hoàng và tôi biết nó đang thấy cuồng cẳng. Khi chúng tôi quay lại, Boris đã ăn mặc tử tế và xuống nhà; chúng tôi soát nhanh một vòng phòng khách, cười đùa giỡn nghịch một hồi, gom góp mớ xu lẻ rồi nghĩ xem nên đi đâu và đường nào nhanh nhất thì thình lình nhận ra Xandra vừa vào đằng cửa trước, đang đứng giữa cửa với vẻ mặt hết sức khó tả.

Cả hai đứa lập tức ngưng bặt, tiếp tục đếm tiền trong lặng im. Đấy không phải giờ Xandra về nhà theo thông lệ, nhưng lịch của cô ta rất trái khoáy và đã mấy lần bắt quả tang chúng tôi rồi. Nhưng sau đó, bằng giọng lưỡng lự không rõ, cô ta gọi tên tôi.

Chúng tôi bỏ đống tiền lẻ xuống. Bình thường Xandra vẫn gọi tôi là *bé con* hay *ê* hay đủ thứ khác, nhưng không bao giờ là Theo. Tôi để ý thấy cô ta vẫn còn mặc đồng phục chỗ làm.

“Bố cháu vừa bị tai nạn xe,” cô ta nói. Gần như thể nói với Boris chứ không phải với tôi.

“Ở đâu?” tôi hỏi.

“Hai tiếng trước. Bệnh viện gọi cho tôi ở chỗ làm.”

Boris và tôi nhìn nhau. “Uầy,” tôi đáp. “Thế sao rồi? Cái xe tiêu tùng rồi hả?”

“Lượng cồn trong máu ông ấy là 0,39%.”

Con số này chẳng tạo ấn tượng gì với tôi, mặc dù chuyện ông đã uống rượu lại thì có. “Uầy,” tôi đáp, bỏ chỗ tiền lẻ vào túi, rồi tiếp: “Vậy bao giờ bố cháu được về?”

Cô ta nhìn tôi, không hiểu. “Về?”

“Ở bệnh viện về ấy ”

Cô ta lắc đầu quẩy quậy, nhìn quanh tìm ghế rồi ngồi xuống. “Cháu không hiểu à?” Mặt cô ta trơ ra, rất lạ. “Ông ấy chết rồi. Bố cháu đã chết.”

xviii.

SÁU BẢY TIẾNG ĐỒNG HỒ tiếp đó như trôi đi trong màn sương. Bạn bè Xandra có vài người ghé đến: Courtney, bạn thân của cô ta, cô đồng nghiệp Janet, một cặp vợ chồng Stewart và Lisa có vẻ đàng hoàng hơn, bình thường hơn gấp bội so với đám vẫn thăm viếng Xandra khi thường. Boris rất hào hiệp xuất ra số cỏ còn thừa từ phần Kotku cung cấp, được sự tán thưởng của mọi bên có mặt, và ai đó, may thay (nhiều phần chắc là Courtney) đã gọi pizza - làm thế nào cô ta khiến được Domino chuyển phát đến tận đây vẫn còn là một bí ẩn với tôi, vì suốt một năm Boris và tôi đã năn nỉ, vòi vĩnh, thử đủ kiểu mè nheo và sáng tác đủ thứ lý do lý trấu mà không được.

Trong lúc Janet ngồi, vòng tay ôm lấy Xandra, Lisa vuốt ve đầu cô ta, còn Stewart pha cà phê trong bếp, Courtney vấn một bi trên bàn cà phê với độ lanh lẹn chuyên nghiệp gần bằng Kotku, thì tôi và Boris lảng vảng ở bên rìa, choáng váng. Khó mà tin được rằng bố tôi đã chết, trong khi thuốc lá của ông còn để trên mặt bếp, đôi

giày thể thao cũ màu trắng còn ở cửa sau. Theo lời kể thì - các thông tin đến rất lộn xộn, tôi phải chắp nhặt lại trong đầu - bố đã gặp nạn trên đường quốc lộ, khoảng gần hai giờ chiều, khi điều khiển con Lexus lấn sang làn ngược chiều đâm thẳng vào một chiếc xe 18 bánh khiến ông chết ngay lập tức (người tài xế xe kia thì không, may thay, và cả những hành khách trong cái xe con đã cắm đầu vào đuôi xe ấy, dù người lái chiếc xe *này* bị gãy một chân). Thông tin về lượng cồn trong máu ông vừa đáng ngạc nhiên vừa chẳng có gì lạ - tôi đã ngờ có thể bố đã uống rượu lại, dù không tận mắt chứng kiến - nhưng điều có vẻ làm Xandra ngỡ ngàng nhất lại không phải là mức độ say xỉn của ông (ông đã ngồi vào sau tay lái không còn biết trời trăng gì cả) mà là vị trí xảy ra tai nạn - đã ra ngoài Vegas, trên con đường dẫn về phía tây vào sâu trong sa mạc. "Hẳn anh ấy sẽ bảo tôi chứ, hẳn anh ấy sẽ bảo tôi chứ," cô ta đang não nùng đáp lại một câu hỏi gì đó từ Courtney, nhưng tại sao, tôi ngơ ngẩn nghĩ khi ngồi trên sàn tay bưng mắt, tại sao cô ta lại nghĩ bố tôi là loại người sẽ nói thật bất kỳ điều gì?

Boris vòng tay qua vai tôi. "Bả không biết, phải không?"

Tôi biết ý nó nói đến Silver. "Tao có nên..."

"Anh ấy đi đâu chứ?" Xandra đang hỏi Courtney và Janet, gần như sấn sổ, như chính họ mới đang giấu giếm điều gì với cô ta. "Anh ấy đi đâu mà lại ra tít tận đó?" Cô vẫn trong đồng phục quán bar trông thật lạ mắt, bởi thường thì cô ta sẽ thay đồ ngay sau khi bước vào nhà.

"Ổng không đi gặp lão kia, như đã hẹn," Boris thì thầm.

"Tao biết rồi." Cũng có thể ông đã *thực tình* định đến gặp Silver, dứt điểm với hắn. Nhưng như mẹ đã quá nhiều lần, và quá cay đắng học được về ông - hẳn là ông đã ghé lại quán nào trên đường

để làm một hai quắn ổn định thần kinh như ông vẫn nói. Tới lúc đó - ai mà biết những ý nghĩ nào đã chạy qua đầu ông? Chẳng phải là điều có ích nên nói cho Xandra trong tình thế ấy, nhưng trong lịch sử ông đã có thói quen hô biến để chạy khỏi nghĩa vụ rồi.

Tôi không khóc. Dù nỗi sửng sốt và kinh hoàng như những đợt sóng không ngớt ập lên tôi, nhưng tất cả đều có vẻ quá phi thực, và tôi vẫn liên tục liếc nhìn quanh tìm ông, liên tiếp giật mình khi nhận thấy không có giọng ông trong dàn đồng ca xung quanh, cái giọng nói lý trơn truội như trong quảng cáo aspirin *(bốn trong số năm bác sĩ khuyên dùng...)* lúc nào cũng nổi trội lên trên hết các giọng khác trong phòng. Xandra khi thì khá bình tĩnh - lau mắt, kiếm đĩa đựng pizza, rót cho mọi người những cốc rượu đỏ không biết đã từ đâu xuất hiện - lúc lại sụp xuống khóc lóc thảm não. Chỉ mỗi mình Popchyk là hí hửng; thật chẳng mấy khi nhà đông khách khứa thế này, cu cậu chạy tới bên hết người này đến người khác, không hề nhụt chí khi liên tục bị suỵt đi. Đến một lúc nào đó mắt đã nhòe nhoẹt, mãi tận tối muộn - Xandra khóc lóc trong vòng tay an ủi của Courtney đến lần thứ hai chục, *ôi trời ơi, anh ấy mất rồi, tôi không thể nào tin nổi* - thì Boris kéo tôi qua một bên và bảo: “Potter, tau phải đi đây.”

“Đừng, tao xin mày đấy.”

“Kotku sẽ lo sốt vó lên mất thôi. Lẽ ra giờ này tau phải ở nhà mẹ bả rồi! Bả đã không gặp tau đến 48 giờ rồi.”

“Này, cứ bảo bả đến đây nếu bả muốn - nói bả biết đã có chuyện gì xảy ra. Nếu mày đi ngay bây giờ thì khốn nạn lắm.”

Xandra đã túi bụi vì khách và đờ đẫn vì khổ sở, đến nỗi Boris có thể lẻn lên tầng gọi điện trong phòng ngủ cô ta - ngày thường vẫn khóa, khiến Boris và tôi chưa bao giờ nhìn thấy bên trong.

Khoảng mười phút sau nó đã lạch bạch chạy xuống cầu thang.

“Kotku bảo ở lại,” nó nói và luồn vào ngồi cạnh tôi. “Bả nói tau gửi lời chia buồn tới mi.”

“Uầy,” tôi đáp và suýt trào nước mắt, bèn chùi vội tay lên mặt để nó không thấy mình ngỡ ngàng cảm động đến thế nào.

“Ừ, ý tau là, bả cũng trải qua chuyện này rồi. Bố bả cũng chết rồi mà.”

“Thế hả?”

“Ừ, mấy năm trước. Cũng tai nạn giao thông. Hai người đó không thân lắm...”

“Ai chết?” Janet hỏi khi đứng đưa đẩy trên đầu chúng tôi, một hình hài tóc xù trong chiếc áo cánh lụa sặc mùi mỹ phẩm và mùi cỏ. “Có ai chết nữa à?”

“Không,” tôi đáp cụt ngủn. Tôi không ưa Janet - đấy chính là cái kẻ đã xung phong chăm Popper rồi nhốt nó trong phòng với cái máy nhả đồ ăn.

“Không hỏi mày, hỏi thằng kia,” cô ta đáp, bước lùi một bước rồi dán con mắt lờ đờ vào Boris. “Có ai chết? Thân với mày à?”

“Vài người là khác.”

Cô ta chớp mắt. “Mày người đâu?”

“Sao vậy?”

“Giọng mày buồn cười quá. Cứ như ở Anh hay gì đó - mà không. Như là Anh trộn với Transylvania.”

Boris hú lên. “Transylvania?” nó hỏi và nhe răng nanh ra. “Muốn tôi đớp cho không?”

“À, hai thằng bé ngộ ghê,” cô ta mập mờ đáp rồi cụng cái cốc rượu lên đỉnh đầu Boris trước khi đi ra chào Stewart và Lisa, lúc này đang chuẩn bị ra về.

Có vẻ là Xandra đã làm một viên. (“Có vẻ là nhiều hơn một viên,” Boris thì thầm vào tai tôi.) Cô ta xem chừng đã sắp gục. Boris - tôi quả là đồ khốn, nhưng thực sự tôi không muốn làm việc đó - lấy điếu thuốc lá khỏi miệng cô ta rồi dụi đi, sau đó giúp Courtney đỡ cô ta lên gác, vào phòng, đặt cô ta nằm sấp trên tấm ga giường và để ngỏ cửa.

Tôi đứng trên ngưỡng cửa nhìn Boris và Courtney tháo giày cho cô ta - tò mò được lần đầu tiên nhìn thấy căn phòng mà cô ta và bố vẫn khóa chặt. Tách bẩn, gạt tàn bẩn, từng chồng tạp chí *Giamour*, ga giường xanh lục lồng phồng, cái máy tính xách tay tôi không bao giờ được động vào, xe đạp tập thể dục - ai mà ngờ được có cả một cỗ xe đạp tập thể dục trong này?

Giày Xandra đã tháo ra, nhưng hai người quyết định cứ để cô ta mặc nguyên quần áo. “Cậu có muốn tôi ở lại đêm nay không?” Courtney khẽ hỏi Boris.

Boris vươn vai, ngoác miệng ngáp không giấu giếm. Áo nó tốc lên, quần trễ xuống đủ thấy nó không mặc đồ lót gì cả. “Cảm ơn cô,” nó đáp. “Nhưng chắc là bả ngất luôn rồi.”

“Không sao đâu.” Có thể tôi đã say thuốc - *đúng là* tôi đã say thuốc - nhưng cô này đang ghé sát vào nó đến nỗi trông cứ như thể cô ta đang tìm cách hôn hít nó hay gì đó, hết sức tức cười.

Chắc là tôi đã bật ra tiếng khùng khục trong họng, vì Courtney đã quay lại, vừa kịp thấy tôi làm cử chỉ đùa cợt với Boris, chĩa ngón tay về phía cửa - *đẩy bả đi mau!*

“Cậu có sao không?” cô ta lạnh lùng hỏi và nhìn khắp người tôi.

Boris cũng đang cười cợt, nhưng đến lúc cô ta quay lại nhìn nó đã kịp vuốt phẳng mặt mũi, trở nên hết sức âu sầu lo lắng, chỉ tổ khiến tôi cười dữ hơn.

xix.

XANDRA ĐÃ NGỦ LỊM khi tất cả ra về - ngủ kỹ đến mức Boris phải lấy cái gương con trong túi cô ta (chúng tôi đã lục tìm thuốc và tiền), giơ trước mũi xem còn thở không. Trong ví có 229 đô-la, mà tôi không ngại ngần bỏ túi vì cô vẫn còn mở thẻ tín dụng, cùng một tờ séc chưa thanh toán ghi 2.025 đô-la.

"Tao biết Xandra không phải là tên thật mà," tôi nói và quẳng cho nó tờ bằng lái xe: khuôn mặt màu vỏ cam, tóc làm phồng kiểu khác, tên Sandra Jaye Terrell, không có tiền sự gì. "Không hiểu mấy cái chìa này dùng vào đâu?"

Boris, như một gã bác sĩ kiểu xưa trong phim, ngón tay giữ mạch Xandra, ngồi bên cô ta trên giường, giơ cái gương lên trước ánh sáng. "*Da, da,*" nó lẩm nhẩm rồi nói gì đó nữa tôi không hiểu.

"Hử?"

"Ngất trên cành quất rồi." Nó chọc chọc một ngón tay vào vai cô ta, rồi sà tới ngó vào ngăn kéo táp đầu giường mà tôi đang bới qua một đống những thứ ngớ ngẩn: tiền lẻ, xèng, dưỡng môi, lót cốc, mi giả, thuốc rửa sơn móng tay, những cuốn bìa mềm đọc nát *(Vùng nhạy cảm trên người bạn),* những lọ nước hoa hàng mẫu, bảng cát-xét cũ, thẻ bảo hiểm đã hết hạn mười năm nay, một đống những bao diêm quà tặng của văn phòng luật ở Reno nào đấy *Chuyên bào chữa các vụ lái xe khi say và mọi vi phạm liên quan đến chất gây nghiện.*

"Này, cho tau cái đó," Boris nói và nhoài người tới, thủ luôn

một bọc bao cao su. “Cái gì thế này?” Nó nhặt lên một thứ thoạt nhìn thì như lon Coca, nhưng lắc có tiếng lạch xạch. Nó áp tai vào nghe. “Ha!” nó nói và ném cho tôi.

“Giỏi lắm.” Tôi vặn nắp - rõ ràng là nắp giả - rồi đổ hết những gì bên trong lên mặt bàn. Thấy ngay đây là két tiền boa của Xandra - nửa phần là tiền mặt, nửa phần là xèng. Có cả một đống thứ khác, đến nỗi tôi chật vật một lúc mới phân biệt được là những gì, nhưng đập ngay vào mắt tôi trước hết là đôi hoa tai kim cương khảm ngọc lục bảo mà mẹ mất ngay trước khi bố cao chạy xa bay.

“Uầy,” tôi nhắc lại và nhón lấy một chiếc giơ lên. Đôi hoa tai này là vật bất ly thân của mẹ trong hầu như mọi bữa tiếp tân hay mọi dịp sang trọng nào khác: sắc xanh lục lam trong suốt của viên ngọc, ánh trời lúc ba giờ sáng tai quái của chúng cũng là một phần của mẹ không khác nào màu mắt hay cái vị hăng nồng tối sẫm trên mái tóc.

Boris đang cười khành khạch. Giữa mớ tiền nó đã lập tức liếc thấy và nhót lên một hộp đựng phim máy ảnh, hai bàn tay run run mở ra. Nó thò ngón tay út vào trong nhấm thử. “Eureka!” nó đắc thắng nói và cọ đầu ngón tay lên lợi. “Giờ thì Kotku tha hồ tức điên vì đã không qua đây.”

Tôi xòe bàn tay đựng đôi hoa tai cho nó xem. “Ờ, đẹp đó,” nó nói mà chẳng buồn nhìn. Nó còn mải rắc một ít bột thành đụn nhỏ trên bàn. “Mi bán được vài ngàn đô như chơi.”

“Của mẹ tao đấy.” Ở New York bố đã bán gần hết đồ nữ trang của mẹ, cả chiếc nhẫn cưới. Nhưng giờ thì tôi nhận ra Xandra đã thủ túi vài món, và không rõ làm sao tôi lại thấy buồn khi nhận ra cô ta đã chọn thứ gì - không phải ngọc trai, cũng không phải cái trâm hồng ngọc, mà là những món rẻ tiền từ thời mẹ còn niên

thiếu, có cả cái lắc tay hồi đầu cấp ba lủng lẳng những miếng lấy khước nhỏ hình móng ngựa, giày ba-lê và cỏ bốn lá.

Boris duỗi người dậy, bóp lỗ mũi và đưa tôi tờ tiền vê thành ống. “Làm ít không?”

“Thôi.”

“Làm đi. Mi sẽ dễ chịu hơn đấy.”

“Thôi khỏi.”“Ở đây phải có đến bốn năm viên ba rưỡi[104]. Có thể còn hơn ấy! Tụi mình có thể giữ một rồi đem bán nốt.”

“Mày từng làm cái đó rồi à?” tôi ngờ vực hỏi và đưa mắt nhìn thân hình Xandra đang nằm sấp trên giường. Dù thấy rõ là cô ta đã bất tỉnh nhân sự, tôi vẫn hơi gợn khi bàn mấy chuyện ấy có cô ta ngay trong phòng.

“Ờ. Kotku ưa lắm. Nhưng mà đắt.” Nó có vẻ ngẫn ra một lúc rồi chớp mắt lia lịa. “Uầy. Làm đi,” nó bật cười. “Cầm lấy này. Mi không biết đang từ chối cơ hội gì đâu.”

“Như giờ thì tao cũng đủ khốn nạn lắm rồi,” tôi đáp trong lúc bới chỗ tiền.

“Ờ, nhưng có cái này mi sẽ tỉnh ra.”

“Boris, tao không ườn oài nữa được đâu,” tôi nói và bỏ túi đôi hoa tai cùng cái lắc. “Nếu chúng mình định đi thì phải đi ngay thôi. Trước khi người ta mò đến.”

“Người ta nào?” Boris nghi ngờ hỏi và quẹt tay dưới mũi.

“Cứ tin tao, mấy vụ này nhanh lắm. Sở bảo vệ trẻ em, các kiểu.” Tôi đã đếm xong tiền: 1.321 đô có lẻ, xèng thì nhiều hơn nữa, phải đến 5.000 đô, nhưng cái đó tốt hơn là để lại cho cô ta. “Mày nửa, tao nửa,” tôi nói và chia số tiền thành hai phần bằng nhau.

“Đủ mua hai vé đấy. Chắc chuyên cuối đã bay rồi nhưng chúng mình cứ thử bắt xe ra sân bay xem.”

“Bây giờ? Đêm nay á?”

Tôi ngừng đếm, nhìn nó. “Ở đây tao chẳng có ai cả. Không ai hết. Không gì hết. Chúng nó sẽ nhét tao vào trại mồ côi trước cả khi kịp chớp mắt.”

Boris hất đầu về phía Xandra - trông cô ta rất ghê sợ, cái tư thế nằm rũ trên đệm chẳng khác gì một người đã chết. “Bả thì sao?”

“Chết tiệt,” tối đáp sau một lúc im lặng. “Chúng mình phải làm gì với bả chứ? Đợi đến khi bả tỉnh lại phát hiện mình đã lột tiền ư?”

“Chả biết nữa,” Boris nghi ngại nhìn cô ta. “Chỉ là tau thấy thương thôi.”

“Dẹp đi. *Bả* chẳng muốn nuôi tao đâu. Bả sẽ gọi cho bọn nó ngay lập tức khi nhận ra đã bị tao tròng vào cổ.”

“Bọn nó nào? Tau không hiểu là *bọn nó* nào.”

“Boris, tao vẫn chưa đến tuổi thành niên.” Tôi có thể cảm thấy cơn hoảng loạn quá sức quen thuộc đang dội lên trong mình - không thể gọi đây là một tình huống sống chết theo nghĩa đen, nhưng cảm giác thì đúng là thế, khói bốc đầy nhà, mọi lối đi đều bị chặn hết. “Tao không biết ở nước mày thì thế nào nhưng ở đây tao không có họ hàng gì, không cả bạn bè...”

“Tau nè! Mi có tau!”

“Mày thì làm được gì? Nhận nuôi tao à?” Tôi đứng dậy. “Này, nếu mày muốn đi cùng thì chúng mình phải nhanh lên thôi. Mày có hộ chiếu đấy không? Phải có thì mới bay được.”

Boris giơ hai tay lên, một động tác kiểu Nga có nghĩa là *đủ rồi đấy*. "Gượm đã! Thế này thì nhanh quá!"

Tôi dừng khựng bên ngưỡng cửa. "Mày có vấn đề chó gì vậy hả Boris?"

" *Tau* có vấn đề á?"

"*Mày* là đứa muốn bỏ nhà đi! Chính mày yêu cầu tao đi với mày! Đêm qua ấy!"

"Mi định đi đâu? New York à?"

"Còn đâu được nữa?"

"Tau muốn đến chỗ nào ấm," nó đáp lập tức. "California."

"Điên à. Chúng mình đâu có biết ai..."

"California!" nó rống lên.

"Ừ thì..." Dù tôi hầu như chẳng biết gì về California cả, nhưng cũng có thể đoán rằng Boris (ngoài mấy câu nhạc "California Uber Alles" nó suốt ngày ư ử) còn biết ít hơn. "California, ở đâu? Thành phố nào?"

"Ai biết?"

"Bang đó lớn lắm."

"Tuyệt trần! Ta sẽ tha hồ quậy. Tụi mình sẽ lên mây từ sáng đến tối - đọc sách - đốt lửa trại. Ngủ trên bãi biển."

Tôi nhìn nó thật dài, á khẩu. Mặt nó đỏ phừng phừng, miệng dính vết đen thẫm do rượu vang.

"Được," tôi đáp và biết rằng mình đang bước qua bờ vực, chuẩn bị rơi xuống sai lầm lớn nhất đời mình, những vụ ăn cắp vặt, cốc tiền ăn xin, những giây chợp mắt vỉa hè và cảnh không nhà, một

đáy sâu mà tôi sẽ không bao giờ trồi lên được.

Nó sướng điên. “Vậy là ra biển nhá? Thế nhá?”

Người ta phạm sai lầm bao giờ cũng chớp mắt như vậy đó. “Mày muốn chỗ nào cũng được,” tôi đáp và gạt tóc khỏi mắt. Tôi đã mệt bã ra rồi. “Nhưng phải đi thôi. Xin mày.”

“Hả, ngay phút này à?”

“Ừ. Mày có cần về nhà lấy đồ gì không?”

“*Đêm nay* hả?”

“Tao có đùa đâu, Boris.” Đôi co với nó khiến nỗi hoảng hốt trong tôi trở lại. “Tao không thể cứ ngồi đây mà chờ...” Bức tranh là một trở ngại, tôi còn chưa biết sẽ làm cách nào, nhưng chừng nào đẩy được Boris ra khỏi nhà thì thế nào cũng nghĩ ra cách gì đó. “Nào, đi thôi.”

“Dịch vụ chăm sóc trẻ em ở Mỹ tệ thế cơ à?” Boris ngờ vực hỏi. “Nghe mi thì cứ tưởng là cảnh sát vậy.”

“Mày có đi với tao không? Có hay không?”

“Tau cần chút thời gian đã. Ý tau là,” nó vừa đi theo tôi vừa nói, “tụi mình không thể đi ngay bây giờ được! Thật đấy - tau thề đấy. Đợi thêm chút đã. Cho tau một ngày! Một ngày thôi!”

“Tại sao?”

Nó trông có vẻ rối trí. “Ờ, thì tất nhiên, tại vì..

“Tại vì...?”

“Tại vì... tại vì tau còn phải gặp Kotku! Và... và đủ thứ nữa! Thề đấy, mi không đi ngay đêm nay được đâu,” nó nhắc lại khi thấy tôi không đáp. “Tin tau đi. Rồi mi sẽ hối hận cho mà xem. Qua nhà tau! Đợi đến sáng hãy đi!”

“Không đợi được,” tôi nói cộc lốc, cầm lấy nửa chỗ tiền phần mình rồi quay lại phòng.

“Potter...” nó đuổi theo tôi.

“Gì?”

“Tau phải nói với mi một điều quan trọng.”

“Boris,” tôi quay lại đáp, “Cái chết mẹ gì nữa đây. Cái gì?” Tôi hỏi trong lúc chúng tôi đứng đó giương mắt nhìn nhau. “Nếu mày định nói gì thì nói mẹ luôn đi.”

“Sợ mi tức điên mất.”

“Cái gì đấy? Mày đã làm gì?”

Boris im lặng và cắn móng tay.

“Nào, nói đi?”

Nó ngó lơ. “Mi cần ở lại,” nó mơ hồ đáp. “Mi đang phạm sai lầm đấy.”

“Dẹp,” tôi quặc và lại quay đi. “Nếu mày không muốn đi với tao, thì khỏi, hiểu chứ? Nhưng tao không thể đứng đây cả đêm được.”

Boris - tôi nghĩ - biết đâu sẽ hỏi trong cái vỏ gối có gì, nhất là vì trông nó thật dày và dị hợm sau công cuộc bọc đồ quá hăng hái của tôi. Nhưng khi tôi gỡ nó khỏi ván đầu giường bỏ vào túi ba-lô nhỏ (cùng iPod, vở học, đồ sạc, *Gió, cát và những vì sao*, mấy tấm ảnh mẹ, bàn chải đánh răng, cùng một bộ quần áo sạch) nó chỉ chau mày không nói gì. Khi lấy từ trong cùng tủ ra chiếc áo khoác đồng phục (giờ thì đã quá chật, dù hồi mẹ mua cho tôi còn rất rộng), nó gật đầu và bảo: “Ý hay đó.”

“Gì?”

“Mặc trông đỡ giống dạt vòm.”

“Tháng Mười một rồi,” tôi nói. Tôi chỉ mang theo đến đây có một chiếc áo len ấm từ New York, liền bỏ vào túi kéo khóa lại. “Sẽ rất lạnh.”

Boris tựa người vào tường, vẻ thách thức. “Vậy mi định làm cái chi? Sống ngoài đường à, hay nhà ga, hay đâu?”

“Tao sẽ gọi cho bạn tao, lúc trước tao ở đó.”

“Nếu họ muốn nuôi mi, mấy người đó, họ đã nhận nuôi rồi.”

“Họ không nhận được! Làm sao họ nhận được?”

Boris khoanh tay. “Họ không muốn nuôi mi, cái gia đình ấy. Chính mi bảo tau thế còn gì, cả tỉ lần rồi. Mà mi cũng chẳng bao giờ nhận được tin họ cả.”

“Không phải thế,” tôi đáp sau một lúc im lặng bối rối. Mới vài tháng trước Andy còn gửi cho tôi một email khá dài (so với kiểu của cậu ta) kể cho tôi vụ gì đó ở trường, một xì căng đan với lão thầy tennis hay sờ soạng mấy con bé trong lớp, dù cuộc đời ấy có vẻ đã ở một thế giới khác, như một lá thư về những người không quen biết.

“Nhiều con quá?” Boris tiếp, có vẻ khinh khỉnh. “Không có chỗ? Nhớ vụ đó không? Mi còn bảo hai ông bà đó mừng vì thấy mi đi mất.”

“Cút mẹ mày đi.” Chưa chi tôi đã đau đầu kinh khủng. Phải làm gì đấy nếu bên Dịch vụ Xã hội đến đây nhét tôi vào xe? Ở Nevada, tôi biết gọi cho ai ở Nevada chứ? Bà Spear à? Tay Chơi ư? Hay lão bán hàng béo ị ở cửa hàng mô hình đồ chơi đã bán keo dán cho chúng tôi dù không mua mô hình?

Boris theo tôi xuống nhà, đến giữa phòng khách thi bị chắn

đường bởi một con Popper trông thật tơi tả - nó chạy thẳng đến trước mặt chúng tôi, rồi ngồi xuống giương mắt nhìn, như thể nó biết chính xác chuyện gì đang diễn ra.

"Ôi mẹ kiếp," tôi đặt túi xuống. Im lặng hồi lâu.

"Boris," tôi nói, "mày có thể... "

"Không."

"Kotku thì..."

"Không."

"Hừ, mặc mẹ nó," tôi nói và nhặt con chó lên cắp vào tay. "Tao không bỏ nó ở lại đây cho chết đói trong phòng kín với bà kia đâu."

"Còn mi định đi đâu?" Boris hỏi khi tôi bước về phía cửa trước. "Hử?"

"Đi bộ ra sân bay à?"

"Đợi đã," tôi đặt Popchik xuống. Bỗng nhiên tôi lại thấy buồn nôn, như sắp phun hết rượu vang đỏ lên thảm. "Máy bay có cho chó lên không?"

"Không," Boris tàn nhẫn đáp và phụt cái móng tay vừa cắn khỏi miệng.

Nó chỉ đang giở trò khốn nạn, tôi những muốn đập cho nó mấy cái. "Được thôi," tôi nói. "Có thể ai đó ở sân bay sẽ muốn nhận nuôi nó. Hoặc mẹ kiếp, tao sẽ đi tàu vậy."

Nó định mỉa câu gì đó, môi đã nhọn ra cái kiểu tôi biết quá rõ, nhưng rồi rất thình lình, mặt nó xịu xuống, và tôi ngoảnh lại thấy Xandra, cặp mắt hoang dại, mặt chảy đấy mascara, đang đứng lắc lư trên chiếu nghỉ cầu thang.

Chúng tôi nhìn cô ta, chết điếng. Sau một quãng dài phải đến thế kỷ, cô ta mở miệng, lại ngậm miệng, tóm lấy tay vịn để đứng cho vững, rồi cất giọng khào khào hỏi: “Larry có để chìa khóa lại trong két nhà băng không?”

Chúng tôi trợn trừng mắt vài giây kinh hoảng trước khi nhận ra cô ta đang chờ trả lời. Tóc cô ta dựng đứng như cây rơm, trông mặt có vẻ hoàn toàn mất định hướng và chao đảo đến nỗi có thể lộn nhào xuống cầu thang bất kỳ lúc nào.

“Ơ, có,” Boris đáp lớn. “À, thực ra là không.” Và rồi thấy cô ta vẫn đứng đó: “Không sao đâu. Quay lại ngủ tiếp đi.”

Cô ta lầm bầm gì đó, rồi trở lên trên, bước chân lảo đảo. Hai chúng tôi đứng im phắc một lúc. Rồi, lặng lẽ, gáy nhột nhạt như châm kim, tôi nhấc túi lên lẻn ra ngoài cửa trước (đấy là lần cuối tôi nhìn thấy căn nhà ấy, cũng như cô ta, dù thậm chí còn không ngoảnh lại nhìn lần cuối), Boris và Popchik ra theo. Cả ba bên nhau bước thật nhanh, rời khỏi căn nhà đó, đi tới cuối phố, tiếng móng chân Popchik đập lách tách trên vỉa hè.

“Được rồi,” Boris nói bằng cái giọng hài hước ngấm ngầm như mỗi khi chúng tôi vừa chết hụt ở siêu thị. “Được. Có thể không ngất *lịm* đến mức như tau tưởng.”

Tôi đang vã mồ hồi lạnh, nên không khí đêm lạnh ngắt xung quanh lại khiến trở nên dễ chịu. Ở đằng tây, những chớp sáng Frankenstein lặng tiếng rạch ngoằn ngoèo vào bóng đêm.

“Ờ, ít ra bả cũng chưa chết, hửm?” Nó khúc khích cười. “Tau còn lo cho bả cơ đấy. Chúa ạ.”

“Cho tao mượn phôn,” tôi nói và tròng áo khoác vào người. “Tao phải gọi xe.”

Nó sờ sẫm trong túi rồi đưa cho tôi. Đấy là loại điện thoại rẻ tiền vứt đi, nó mua chỉ để canh chừng Kotku.

"Không, mi cầm luôn đi," nó nói và giơ hai tay lên khi tôi định trả lại lúc gọi xong: Lucky Cab, 777-7777, con số dán trên khắp mọi nhà chờ xe buýt đáng ngờ ở Vegas. Rồi nó lôi ra cọc tiền - số tiền nó được chia từ xấp của Xandra - tìm cách dúi cho tôi.

"Bỏ đi," tôi nói và lo lắng nhìn lại căn nhà. Tôi chỉ sợ cô ta có thể lại thức dậy, đi ra phố kiếm bọn tôi. "Của mày mà."

"Không! Có thể mi sẽ cần đấy!"

"Tao không muốn," tôi nói rồi thọc tay vào túi để nó khỏi ấn cho nữa. "Mà có thể mày cũng cần mà."

"Thôi nào Potter! Tau chỉ ước chi mi đừng có phải đi *ngay bây giờ*!' Nó huơ tay về phía con phố, chỉ những dãy nhà vô chủ. "Nếu mi không muốn đến nhà tau thì cứ trốn trong đó một hai hôm! Cái nhà gạch kia có đủ đồ đạc đấy. Tau sẽ mang thức ăn đến nếu mi muốn."

"Hoặc là, ờ, tao có thể gọi Domino," tôi nói và nhét điện thoại vào túi áo khoác. "Vì giờ họ cũng giao hàng đến tận đây rồi."

Mặt nó rúm lại. "Đừng giận tau."

"Tao không giận." Và thực tế là tôi không giận - chỉ hoang mang đến mức nghĩ biết đâu chừng mình sắp thức dậy bây giờ, phát hiện ra mới vừa nằm ngủ với cuốn sách úp lên mặt.

Boris đang ngẩng nhìn trời, tôi nhận ra, và ngâm nga hát một mình, một câu trong mấy bài Velvet Underground của mẹ: *Nhưng nếu ngươi đóng cửa... đêm sẽ dài thiên thu...*

"Mày thì sao?" tôi hỏi và dụi mắt.

“Hửm?” nó đáp và nhìn tôi mỉm cười.

“Mày thế nào? Tao có bao giờ gặp lại mày nữa không?”

“Có thể,” nó đáp bằng cái giọng tươi vui mà tôi nghĩ hẳn nó đã dùng với Bami và cô vợ chủ quán, Judy ở Karmeyvvallag, cùng tất cả những ai nó từng nói lời từ biệt trong đời. “Ai biết được?”

“Mày sẽ theo tao sau một hai ngày chứ?”

“Ờ...”

“Đến chỗ tao đi. Đi máy bay ấy - mày có tiền mà. Tao sẽ gọi điện, báo mày tao đang ở đâu. Đừng từ chối.”

“Được thôi,” Boris đáp vẫn bằng cái giọng tươi vui đó. “Tau không từ chối.” Nhưng âm điệu giọng nó cho thấy rõ rằng nó đang từ chối.

Tôi nhắm mắt. “Ôi trời.” Tôi mệt đến nỗi đầu óc quay cuồng, phải cố cưỡng lại ham muốn được nằm luôn xuống đất, như có một lực hút có thực kéo tối xuống vệ đường. Khi tôi mở mắt, Boris đang nhìn tôi vẻ lo âu.

“Nhìn mi kìa,” nó nói. “Muốn té đến nơi rồi.” Nó thò tay vào túi.

“Không, không, không,” tôi nói và lùi lại, khi nhận ra nó cầm cái gì trong tay. “Không đâu. Bỏ đi.”

“Mi sẽ thấy khá hơn mà!”

“Mày cũng nói vậy về thứ kia.” Giờ tôi không có lòng dạ nào cho tảo biển hay sao biết hát nữa. “Thật đấy, tao không muốn đâu.”

“Nhưng cái này khác. Khác hẳn cơ. Nó sẽ làm mi *tỉnh ra*. Đầu óc trong trẻo hơn – thề đấy.”

“Ừ.” Một món thuốc có thể làm người ta tỉnh ra và đầu óc trong

trẻo hơn không có vẻ là loại của Boris tí nào, dù đúng là trông nó đứng vững hơn tôi chút ít.

“Nhìn tau này,” nó nói rất có lý. “Phải không.” Nó biết tôi đã xiêu lòng. “Tau có đang lảm nhảm không? Sùi bọt mép không? Không - lại còn khuyên bảo mi nữa! Này,” nó nói và dốc một ít lên mu bàn tay, “nào, để tau làm cho mi.”

Tôi gần như tin rằng đây là một mẹo lừa - rồi tôi sẽ ngất xỉu tại chỗ và tỉnh dậy ở chỗ mà biết được là đâu, có khi trong một cái nhà vô chủ bên kia đường cũng nên. Nhưng tôi đã quá mệt không muốn nghĩ nữa, và cũng có thể như vậy cũng chẳng sao. Tôi cúi người tới, cho phép nó đưa ngón tay bịt một bên mũi mình. “Nào!” nó cổ vũ. “Đúng rồi. Hít đi.”

Gần như ngay lập tức tôi cảm thấy đỡ hơn. Đúng như một phép màu. “Uầy,” tôi đáp và bóp chặt mũi để giữ cảm giác nhoi nhói rất dễ chịu.

“Tau đã bảo mà.” Nó đã dốc ra thêm một chút rồi. “Nào, bên kia. Đừng thở ra. Được rồi, *hít*?

Mọi thứ hình như sáng rõ hẳn ra, cả Boris cũng vậy.

“Tau đã bảo thế nào?” Giờ thì nó lại đổ thêm cho mình. “Không nghe thì có phí không?”

“Mày sẽ bán thứ này ư?” tôi hỏi và ngước lên trời. “Tại sao phải thế?”

“Vì nó có giá lắm. Vài nghìn đô là ít.”

“Có tí thế á?”

“Đâu có tí! Đây là rất nhiều gam - có khi phải đến hai mươi hoặc hơn. Thế là cả gia tài đấy, nêu tau chia nhỏ ra rồi bán cho những đứa như K. T. Bearman.”

“Mày quen K. T. Bearman à?” Katie Bearman trên chúng tôi một lớp, con nhỏ có xe riêng - bỏ mui, màu đen, cách xa giai tầng của chúng tôi tới nỗi tưởng như nó là ngôi sao điện ảnh.

“Tất nhiên. Skye, KT, Jessica, mấy đứa đó. Dù sao thì...” - nó lại chìa cái ống cho tôi - “giờ thì tau có thể mua cho Kotku cái đàn, bả khoái rồi. Không phải lo thiếu tiền nữa.”

Chúng tôi cứ chuyển qua chuyển lại cho tới khi tôi bắt đầu cảm thấy tương lai, cũng như vạn vật, đều có vẻ tươi sáng hơn nhiều. Và trong lúc chúng tôi đứng đó, vừa quẹt mũi vừa ba hoa trên phố, Popper dưới chân tò mò nhìn lên, thì nỗi diệu kỳ mang tên New York dường như đậu ngay trên chót lưỡi tôi, cảm giác lâng lâng sẵn sàng truyền đạt lại. “Cực kỳ lắm, tao thật,” tôi nói. Chữ nghĩa đang đổ ồng ộc ra qua miệng tôi. “Mày *phải* tới đó mới được. Chúng mình có thể ra bãi biển Brighton - bọn Nga đều ra đấy hóng nắng cả. Ờ, tao thì chưa bao giờ. Nhưng có tàu đi ra đấy - đấy là trạm cuối. Có cả một cộng đồng Nga to đùng, nhà hàng có cá xông khói, trứng cá tầm nữa. Mẹ với tao suốt ngày hẹn nhau ra đấy ăn, cái ông làm nữ trang mà mẹ làm cùng đã chỉ hết những chỗ ngon rồi, nhưng chả bao giờ đi được. Chỗ đó phải cực kỳ lắm. Mà nữa, nghĩ xem - tao có tiền đi học - mày có thể đi học trường *tao*. Không, thề đấy. Tao có học bổng mà. Ờ thì ngày xưa. Nhưng ông kia bảo chỉ cần tiền trong quỹ được dùng vào việc học hành - học hành cho *ai* mà chẳng được. Không chỉ có tao. Có thừa cho cả hai bọn ta. Mặc dù, ý tao là, trường công ấy, ở New York trường công tốt, tao quen nhiều người, trường công cũng OK.”

Tôi vẫn còn lải nhải thì nó ngắt lời; “Potter.” Trước khi tôi kịp đáp lại thì nó đã đặt cả hai tay lên mặt tôi, hôn lên miệng tôi. Và trong lúc tôi còn đứng đó chớp mắt - vèo một cái, tôi còn chưa biết là chuyên gì - thì nó đã bế Popper dưới chân lên, và cũng hôn

nó, đang lơ lửng, đánh chụt một cái ngay chóp mũi.

Rồi nó trao con chó cho tôi. “Xe của mi kìa,” nó nói và vò đầu con chó lần cuối. Và đúng thế, khi tôi quay lại, một chiếc xe con đang bò lại bên kia đường, vừa đi vừa nhìn địa chỉ.

Chúng tôi vẫn còn đứng nhìn nhau - tôi đang thở mạnh, cực kỳ choáng váng.

“Chúc may mắn,” Boris nói. “Tau không quên mi đâu.” Rồi nó vỗ đầu Popper. “Chào Popchyk. Mi hãy chăm sóc nó nhé?” - câu này với tôi.

Rồi mãi sau - trong xe, và sau nữa - tôi còn tua lại cảnh đó trong đầu, và kinh ngạc là mình có thể vẫy chào rồi bước đi thản nhiên như vậy. Tại sao tôi không chộp lấy tay nó, nản nỉ nó lần cuối hãy vào xe, đi nào, *mẹ kiếp nó chứ Boris*, cứ như trốn học ấy, chúng mình sẽ ăn sáng trên đồng ngô khi mặt trời lên? Tôi biết rõ nó, đủ để hiểu rằng chỉ cần hỏi đúng cách, chọn đúng lúc, nó sẽ có thể làm bất cứ điều gì, và ngay trong lúc quay đi tôi vẫn biết nó sẽ chạy theo, nhảy vào xe và cười rộ nếu tôi mở miệng hỏi lần cuối.

Nhưng tôi không hỏi. Và thật sự, có lẽ không hỏi là tốt hơn - nay thì tôi nghĩ vậy, dù đã có một thời gian tôi tiếc cay tiếc đắng. Hơn hết, tôi nhẹ người vì trong trạng thái lảm nhảm điên dại không quen thuộc tôi đã chặn được mình khỏi buột ra cái câu đã lấp ló nơi vành miệng, cái câu tôi sẽ không đời nào thốt ra, dù đó là một điều cả hai cùng biết rõ, chẳng cần tôi phải nói thành tiếng với nó giữa đường phố - tất nhiên, là câu tao yêu mày.

XX.

TÔI MỆT ĐẾN NỖI MẤY LIỀU THUỐC cũng chẳng nâng đỡ lâu

được, ít ra là về tác dụng gây phấn khích. Anh tài, một tay New York phiêu lưu nếu căn cứ theo giọng nói, lập tức đánh hơi thấy có điều không ổn và tính chìa cho tôi tấm thé ghi số tổng đài Trẻ Em Bỏ Nhà Quốc Gia, nhưng tôi từ chối. Khi tôi bảo hãy chở tôi ra nhà ga (còn không biết ở Vegas có tàu không, nhưng chắc phải có chứ), anh ta lắc đầu bảo: "Bốn mắt ạ, cậu biết là Amtrak không cho chó lên tàu chứ?"

"Không ư?" tôi hỏi và lòng chùng xuống.

"Máy bay... ừ, tôi cũng không biết." Anh ta còn khá trẻ, miệng liến thoắng, mặt búng sữa, người hơi phị, áo phông có chữ XEM PENN VÀ TELLER TẬN MẮT TẠI KS RIO. "Cậu sẽ phải đóng thùng hay gì đó. Có lẽ đi xe khách là tốt nhất. Nhưng trẻ em dưới một độ tuổi nào đó không được đi mà không có cha mẹ chấp thuận đâu."

"Em đã nói rồi mà! Bố em vừa mất! Bạn gái bố em muốn em về ở với gia đình bên mạn Đồng."

"Ờ, thì cậu chẳng có gì phải lo lắng nữa rồi, phải không?"

Tôi ngậm miệng cho đến hết chuyến đi. Việc bố mất còn chưa hẳn ngấm vào đầu tôi, nhưng cứ chốc chốc, nhờ ánh sáng veo véo trên đường cao tốc mà nó lại ập xuống tôi choáng váng. Tai nạn giao thông, ít ra hồi ở New York, mẹ con tôi cũng không phải lo đến chuyện lái xe khi say rượu - nỗi sợ lớn nhất là ông sẽ ngã lăn quay trước mũi xe người ta, hay bị xơi một dao của bọn cướp ví khi lảo đảo rời một quán bar đèn mờ nào đó lúc ba giờ sáng. Mà xác ông rồi sẽ đi về đâu? Tro của mẹ, tôi đã rải ở Công viên Trung tâm, dù hình như là có luật cấm; một buổi tối khi trời vừa chập choạng, tôi cùng Andy đi tới một góc hoang vắng mé phía tây hồ công viên, và trong lúc Andy canh chừng, tôi đổ bình tro. Điều để lại ấn tượng nặng nề lên tôi hơn cả việc rải tro là bình tro đã được bọc bằng những mảnh quảng cáo khiêu dâm xé vụn: *Em xinh*

châu Á nhẫn nhụi và Sướng, nóng, ướt là hai cụm từ tình cờ đập vào mắt tôi trong lúc thứ bột xám màu đá mặt trăng nghẽn lại, xoay vòng trong bóng chiều tà tháng Năm.

Rồi có ánh đèn, xe dừng lại. “Được rồi đấy, bốn mắt,” anh tài nói và quay lại, tay vắt trên lưng ghế. Chúng tôi đã vào đến bãi gửi xe của bến xe khách đường dài Greyhound. “Cậu vừa nói tên là gì nhỉ?”

“Theo,” tôi đáp mà không nghĩ, rồi lập tức hối hận.

“Ờ, Theo. J. p.” Anh ta đưa tay qua ghế sau bắt tay tôi. “Muốn nghe lời khuyên không?”

“Được thôi,” tôi đáp, hơi chùn lại. Bất chấp tất cả những việc đang xảy ra, những việc hệ trọng đang xảy ra, tôi vẫn thấy cực kỳ bất an vì tay này hẳn đã nhìn thấy Boris hôn tôi trên phố.

“Không phải việc của tôi, nhưng cậu sẽ cần thứ gì để bỏ chú Bông Xù kia vào đấy.”

“Xin lỗi?”

Anh ta hất đầu về phía cái túi của tôi. “Chú ta có chui được vào đấy không?”

“Ừm...”

“Cả túi đó chắc cũng sẽ phải gửi đấy. Có thể người ta sẽ bảo túi lớn quá không mang lên xe được - sẽ phải nhét dưới gầm xe. Không phải như máy bay đâu.”

“Em…Cái này thật quá sức suy nghĩ. “Em chẳng có gì cả.”

“Đợi chút. Để tôi xem lại trong ‘văn phòng’ đằng sau đã.” Anh ta đứng dậy, đi vòng xuống đuôi xe, cầm lên một cái túi vải mua đồ lớn từ một cửa hàng thực phẩm có lợi cho sức khỏe, trên ghi

Xanh hóa Hoa Kỳ.

“Nếu là cậu,” anh ta nói, “tôi sẽ vào mua vé một mình không có chú Xù. Cứ để chú ta ở đây với tôi cho chắc ăn, OK?”

Anh bạn mới của tôi đoán đúng, về việc không được lên xe Greyhound nếu không có giấy Trẻ em đi một mình do cha mẹ ký - và lại còn lắm hạn chế cho trẻ con khác nữa. Người bán vé ở cửa, một bà gốc Mễ ốm yếu có mái tóc bó chít sau đầu, giọng đều đều bắt đầu điểm danh cả một chuỗi ác hại. Không được chuyển tuyến. Không được đi chuyến nào quá năm tiếng. Trừ khi chính người ký đơn đến đón tôi ở cửa, mang theo giấy tờ chứng minh nhân thân, thì tôi sẽ ra khỏi ga trong vòng tay Cơ quan Bảo vệ Trẻ em hoặc cảnh sát địa phương ở điểm đến.

“Nhưng mà...”

“Mọi trẻ em dưới 15 tuổi. Không có ngoại lệ.”

“Nhưng mà cháu không phải dưới 15 tuổi,” tôi nói và loay hoay tìm giấy chứng minh do chính quyền bang New York cấp, trông rất ư là chỉn chu. “Cháu đúng 15. Bác xem đi.” Enrique - có lẽ do ước lượng khả năng tôi bị đưa vào cái mà ông ta gọi là Hệ Thống - đã đưa tôi đi chụp ảnh thẻ ngay ít lâu sau khi mẹ mất; và dù lúc đó tôi cảm ghét cái móng vuốt vươn dài của Anh Cả ấy (“Ô, cậu có mã vạch cá nhân cơ đấy,” Andy đã bình phẩm khi tò mò nhìn nó) thì giờ tôi thấy biết ơn ông ta đã sáng suốt mà lôi tôi vào trung tâm thành phố, đem tôi đăng ký như một chiếc ô tô sang tay. Cảm lặng như một người tỵ nạn, tôi chờ dưới ánh đèn neon ám muội trong lúc bà bán vé săm soi tấm thẻ, xoay đủ mọi góc độ dưới các kiểu ánh sáng khác nhau, cuối cùng cũng kết luận là hàng xịn.

“15,” bà ta nghi ngờ nói và đưa lại tôi.

http://tieulun.hopto.org

“Vâng.” Tôi biết trông mình không đến 15. Và tôi cũng nhận ra là không có cửa nào thú nhận về chuyện Popper, bởi ngay cạnh bàn là một tấm biển lớn chữ đỏ chói CẤM CHÓ, MÈO, CHIM, CHUỘT, BÒ SÁT HOẶC MỌI CON VẬT KHÁC LÊN XE.

Còn riêng chuyện đi xe thì tôi đã gặp may: có một chuyến lúc 1:45 sáng, có đi qua New York, sẽ rời bến sau 15 phút nữa. Khi cái máy nhả vé ra đánh xoạch, tôi đứng ngơ ngẩn, nghĩ không biết phải làm sao với Popper bây giờ. Bước ra ngoài, tôi gần như hy vọng người lái xe đã chạy mất, có thể còn mang theo Popper tới một căn nhà thương yêu, ổn định hơn - nhưng chỉ thấy anh ta đang uống Red Bull và gọi điện thoại, còn Popper thì bặt tăm. Anh ta tắt máy khi thấy tôi đứng đó. “Cậu nghĩ sao?”

“Nó đâu rồi?” Tôi đờ đẫn nhìn vào ghế sau. “Anh làm gì nó rồi?”

Anh ta cười lớn. “Úm ba la xì bùa!” Hất tay một cái, anh ta nhặt mấy tờ *USA Today* gập nháo nhào phủ lên cái túi vải bạt trên ghế lái phụ, và trong đó, chĩnh chện trong cái hộp các tông ở đáy túi và đang nhai mấy miếng khoai tây chiên, là Popper.

“Đây là phép đánh lạc hướng,” anh ta nói. “Cái hộp choán hết chỗ cái túi, không nhìn thấy hình dạng con chó, lại có thêm chỗ để cu cậu rộng cẳng. Và tờ báo là đạo cụ hết sảy. Vừa che, vừa khiến túi có vẻ đầy, vừa không nặng.”

“Anh nghĩ có ổn không?”

“Ờ thì, chú ta bé tí như thế, được bao nhiêu? Hai ký? Hai rưỡi?

Chú ta có trật tự không?”

Tôi nghi hoặc nhìn nó đang nằm cuộn tròn dưới đáy hộp. “Không phải lúc nào cũng vậy.”

J. P. lấy mu bàn tay lau miệng, đưa cho tôi gói khoai chiên. “Cứ quẳng cho chú một hai miếng nếu chú ngó ngoáy. Khoảng hai ba giờ xe dừng một lần. Chỉ cần kiếm chỗ ngồi dưới đuôi xe, và hãy mang nó rời khỏi bến thật nhanh rồi mới thả ra cho chú ta làm phận sự.”

Tôi đeo túi lên vai, vòng tay ôm lấy. “Nhìn có thấy không?” Tôi hỏi.

“Không. Không biết thì không thấy. Nhưng mách nước nhỏ nhé? Giữa ảo thuật gia với nhau?”

“Vâng.”

“Phải *tránh* đừng có suốt ngày nhìn cái túi như thế. Nhìn đâu cũng được, đừng nhìn túi. Cảnh ngoài đường, đôi giày - đấy, chính thế - đúng rồi đấy. Tự tin, tự nhiên, bí quyết ở đó. Mặc dù lóng ngóng mò tìm mắt kính áp tròng đánh rơi cũng tốt, nếu nghĩ xung quanh đang để mắt. Đánh đổ khoai, vấp chân vào ghế, ho sặc nước, gì cũng được.”

Uầy, tôi nghĩ. Rõ ràng đặt tên là Lucky Cab không phải đùa.

Lần nữa anh ta lại cười lớn, như thể tôi vừa nghĩ thành tiếng. “Đấy, quy định dở hơi quá chứ, sao lại không cho chó lên xe,” anh ta nói và tu thêm một ngụm Red Bull lớn. “Nghĩ xem, nếu không thì phải làm sao? Vứt nó lại bên đường à?”

“Anh có phải nhà ảo thuật hay gì không?”

Anh ta cười lớn. “Sao cậu biết? Tôi có show diễn bài tây ở quán bar đằng sông Orleans - nếu cậu đủ tuổi thì tôi đã bảo cậu thỉnh thoảng đi vào xem tôi diễn rồi. Dù sao đi nữa thì bí quyết là: lúc nào cũng hướng người ta chú ý vào đâu đó tránh xa vị trí mờ ám. Đấy là luật cơ bản của ảo thuật, bốn mắt à. Đánh lạc hướng. Đừng

bao giờ quên.”

xxi.

UTAH. VÁCH SAN RAFAEL, khi mặt trời lên, mở ra những khung cảnh phi nhân như trên sao Hỏa: đá cát kết và phiến sét, hẻm vực và núi mặt bàn đỏ như gỉ sắt hoang liêu. Tôi không ngủ được, phần vì còn say thuốc, phần vì sợ Popper sẽ lục sục hay rên rỉ, nhưng nó im phăng phắc trong lúc xe chạy theo những con đường núi ngoằn ngoèo, lặng im ngồi trong túi đặt trên ghế bên cạnh sát cửa sổ. Thực tế là vali của tôi đủ nhỏ để được mang lên xe, khiến tôi rất hoan hỉ vì nhiều cớ: cái áo len, quyển Saint-Ex, nhưng trên hết là bức tranh, mà dù đã quấn chặt khuất mắt vẫn là một thứ cần bảo vệ, như một bức tranh thiêng được kẻ thánh chiến mang vào trận. Ở đuôi xe không có ai khác ngoài một đôi vợ chồng dân La tinh dáng điệu thẹn thò, bỏ trong lòng một mớ hộp nhựa đựng đồ ăn, cùng một lão già say rượu nói lảm nhảm, và chúng tôi yên ổn đi qua những con đường ngoằn ngoèo qua hết bang Utah vào đến thành phố Grand Junction ở Colorado, nơi đó xe nghỉ lại năm mươi phút. Cất vali trong một tủ khóa bỏ xu xong, tôi đưa Popper ra đằng sau bến xe, tránh thật xa con mắt người lái, mua một cặp bánh ở Burger King cho cả đôi và cho nó uống nước bằng nắp hộp đựng thức ăn nhựa nhặt được trong thùng rác. Từ Grand Junction trở đi tôi ngủ, cho tới khi lại nghỉ ở Denver, một giờ mười sáu phút, đúng lúc mặt trời đang lặn - và Popper với tôi chạy chơi cuống cuồng vì mừng rỡ được rời khỏi xe, chạy thật xa trên những con phố rợp bóng cây xa lạ khiến tôi suýt thì sợ sẽ lạc, dù đã rất vui tìm thấy một quán cà phê bụi bặm có người phục vụ đều trẻ tuổi thân thiện (“Cứ cho nó vào!” cô gái tóc tím đứng quầy nói khi thấy Popper bị buộc trước cửa, “chúng

http://tieulun.hopto.org

tớ thích chó lắm!") và tôi mua không chỉ hai cái bánh kẹp gà tây (cho tôi và cho nó) mà cả bánh quy ăn chay và một túi giấy đầy mỡ đựng bánh ăn chay cho chó tự làm.

Tôi đọc sách đến khuya, giấy màu kem ngả vàng trong vòng sáng yếu, giữa lúc bóng đêm không quen thuộc vùn vụt bên ngoài, đi qua đường phân thủy, rời khỏi dãy Thạch Sơn, Popper mãn nguyện sau chuyến chạy rông ở Denver ngủ khò trong túi.

Tới một lúc thì tôi cũng ngủ, rồi tỉnh dậy lại đọc sách tiếp một chút. Khoảng hai giờ, đúng khi Saint-Ex đang kể chuyện rơi máy bay trong sa mạc, chúng tôi vào đến thành phố Salina ở Kansas ("Ngã tư nước Mỹ"), nghỉ hai mươi phút, dưới ánh đèn hơi dùng natri bu kín bướm đêm, Popper và tôi chạy nhảy trong bóng tối một bãi xe trống trơn, đầu tôi còn mải miết nghĩ về quyển sách và đồng thời cũng sung sướng vì cảm giác lạ lẫm, lần đầu tiên trong đời được đến bang sinh quán của mẹ - không hiểu mẹ trong những lần đi rong với ông ngoại có bao giờ từng đến thành phố này, nơi những xe cộ chạy vèo qua trên Phố 9 rời khỏi đường liên tiểu bang, những tháp ủ ngũ cốc thắp đèn như tàu vũ trụ sáng lóa giữa cảnh hoang vắng từ cách hàng dặm? Trở lại xe - buồn ngủ, bẩn thỉu, mệt rũ và lạnh - Popchik với tôi ngủ vùi từ Salina đến Topeka, lại từ Topeka đến Kansas City, Missouri, nơi chúng tôi tấp vào vừa lúc trời hửng.

Mẹ vẫn thường kể với tôi rằng nơi mẹ lớn lên cực kỳ bằng phẳng - phẳng đến nỗi có thể nhìn thấy lốc xoáy chạy trên đồng cỏ suốt hàng dặm - nhưng tôi vẫn chưa hình dung hết vẻ mênh mông, bầu trời không ngơi nghỉ, lớn rộng đến mức ta như bị đè bẹp, bị nghiến nát bởi cái vô tận. Ở St. Louis quãng giữa trưa, chúng tôi nghỉ một tiếng rưỡi (thừa thời gian cho Popper chạy chơi, một cái bánh kẹp bò nướng kinh tởm cho bữa trưa, dù

không gian quanh đó có vẻ quá hắc ám nên tôi không dám đi chơi vơ vẩn) và rồi về bến, chuyển qua xe khác. Rồi, mới chỉ chạy chừng một hai tiếng, tôi tỉnh giấc, xe đã dừng, và thấy Popper đang ngồi im phắc, chỏm mũi ló ra khỏi túi, một bà da đen trung niên đánh son hồng chói lóa đứng đằng trước tôi và oang oang: "Cậu không được để con chó kia trên xe."

Tôi nhìn bà hoang mang. Rồi kinh hoảng, tôi nhận ra đấy chẳng phải một hành khách ất ơ nào đấy mà chính là tài xế, đủ cả áo mũ đồng phục.

"Cậu có nghe tôi nói không?" bà nhắc lại, đầu giật sang hai bên rất tức tối. Bà to con như một võ sĩ nhà nghề, bảng tên trên bộ ngực đồ sộ viết *Denese. "Cậu không được để con chó* trên *xe*" Rồi sốt ruột, bà phẩy tay như muốn bảo: *nhét ngay nó trở lại vào túi!*

Tôi kéo báo che đầu nó - có vẻ nó chẳng bận tâm - và ngồi đó, ruột gan múa may lộn nhào hết cả. Chúng tôi đang dừng ở một thị trấn tên là Effingham, bang Illinois: những ngôi nhà kiểu Edward Hopper, một tòa án trông như trên sân khấu, một tấm biển viết tay: *Ngã tư cơ hội!*

Bà tài xế chỉ ngón tay một vòng xung quanh. "Có ai trong số mấy người ở đây muốn phản đối con vật này không?"

Những người còn lại ở đuôi xe - một anh chàng nhếch nhác để ria mép xù, một bà đeo niểng răng, một thiếu phụ da đen lo lắng ngồi bên cô con gái tiểu học, một ông già trông như w. c. Fields đeo ống thở cùng bình ô xy - ai nấy đều có vẻ quá sửng sốt không đáp lời được, dù cô bé con mắt to tròn khẽ lắc đầu rất khó nhận thấy: *không.*

Bà lái xe đợi. Rồi nhìn xung quanh. Rồi quay lại phía tôi. "Được rồi. May cho cậu và con khuyển kia, cậu nhỏ ạ. Nhưng nếu *bất kỳ*

ai...” - bà ta khẽ lúc lắc ngón tay dọa tôi - “nếu bất kỳ ai trong số mấy hành khách dưới này mà than phiền về chuyện cậu mang theo thú vật lên xe, vào bất kỳ lúc nào, tôi sẽ buộc phải mời cậu xuống. Hiểu chưa?”

Bà không đuổi tôi đi ư? Tôi chớp chớp mắt, sợ không dám nhúc nhích cũng không dám nói gì.

“*Hiểu chưa ?*” bà lặp lại, đáng sợ hơn nữa.

“Cảm ơn bác.”

Có phần hiếu chiến, bà lắc đầu. “À, không. Đừng cảm ơn tôi, cậu nhỏ ạ. Vì tôi sẽ mời cậu xuống xe ngay nếu có một lời than phiền. Một lời.”

Tôi ngồi, run rẩy, trong lúc bà bước qua lối đi lên ghế cho xe chạy. Khi xe đánh ra khỏi bãi gửi, tôi không dám cả liếc sang mấy hành khách khác, dù cảm thấy tất cả họ đều đang nhìn mình.

Bên đầu gối tôi, Popper hực lên một tiếng tí xíu rồi nằm yên trở lại. Mặc dù rất thích Popper và thương nó, tôi chưa bao giờ nghĩ rằng so với giống chó nói chung thì nó thuộc loại rất đáng kể hoặc rất thông minh. Ngược lại, biết bao nhiêu lần tôi ước nó là giống chó gì oách hơn, chó chăn cừu hay Labrador hay chó cứu nạn chẳng hạn, một con pitbull hỗn chủng khôn ngoan, trải đời, hay một con nhãi thích gây gổ, ưa đuổi bóng và cắn người - tóm lại là gì cũng được chứ không phải như nó hiện giờ: thứ chó của bọn con gái, thứ đồ chơi, thứ xăng pha nhớt, một con chó khiến tôi ngượng khi phải dắt nó đi dạo trên phố. Không phải là Popper không dễ thương; ngược lại, nó đích xác là cái thứ bông xù bé xíu nhảy tâng tâng mà lắm người ưa thích - không phải tôi, nhưng chắc hẳn một ai như cô bé con ngồi dãy ghế bên kia có thể bắt gặp nó bên vỉa hè, dắt nó về nhà và thắt nơ cho chứ?

Tôi cứ ngồi như phỗng, liên tục tua lại nỗi sợ hãi kinh hoàng: gương mặt bà lái xe, cơn sốc. Điều khiến tôi sợ nhất là giờ đã biết, nếu bà ta bắt tôi vứt Popper xuống xe, tôi sẽ phải xuống cùng nó (để làm gì?) ngay giữa vùng đồng không mông quạnh Illinois. Mưa, đồng ngô, đứng một mình ở ven đường. Làm sao mà tôi lại đi gắn bó với một con vật dở hơi thế này? Một con chó cảnh do Xandra chọn?

Suốt qua bang Illinois và Indiana, tôi cứ ngồi lắc lư, cảnh giác: quá sợ không dám ngủ. Cây cối xác xơ, bí Halloween đã ruỗng trên hiên nhà. Ở dãy ghế bên kia, bà mẹ trẻ ôm lấy cô bé và hát khe khẽ: *Con là mặt trời của mẹ.* Tôi chẳng còn gì ăn ngoài những mẩu khoai tây chiên vụn từ chỗ anh lái xe cho, và với vị muối rất khó chịu trong miệng, những vạt đất công xưởng rộng và những xóm nhỏ hoang vu lướt qua trước mắt, tôi thấy lạnh, thấy đơn côi khi nhìn ra đồng ruộng ủ rũ, nhớ lại những bài mẹ hay hát cho tôi, từ tận hồi ấy: *Bé con ơi chào nhau, bé con à đừng khóc*. Cuối cùng, ở Ohio, khi trời đã tối và những căn nhà nhỏ buồn rầu cách nhau cả dặm đã lên đèn, tôi cũng thấy an toàn đến mức có thể gà gật ngủ, thỉnh thoảng chúi về phía trước, cho đến khi tới Cleveland, thành phố lạnh lẽo sáng đèn, nơi tôi phải chuyển xe lúc hai giờ sáng. Tôi sợ không dám thả Popper chạy xa dù biết nó cần được chạy, nhỡ có ai trông thấy (vì chúng tôi sẽ làm gì nếu bị phát hiện? ở lại Cleveland vĩnh viễn ư?). Nhưng có vẻ là nó cũng sợ, và sau khi đứng rét run ở góc phố suốt mười phút tôi cho nó ít nước, bỏ lại vào túi, rồi quay về bến lên xe.

Đã nửa đêm, hình như ai cũng đã lơ mơ ngủ, nhờ vậy chuyển xe thuận tiện hơn, và đến trưa ngày hôm sau lại chuyển xe lần nữa, ở Buffalo, nơi bánh xe lăn xào xạo qua mưa đá chất đống trong bến. Trong gió buốt có bụi nước - sau hai năm trong sa mạc

tôi đã quên mùa đông thực sự, rét căm căm, là như thế nào. Boris chưa hề trả lời tin nhắn của tôi, cũng dễ hiểu vì tôi chỉ gửi được tới máy Kotku, nhưng tôi vẫn nhắn tiếp: **Buffalo roi, toi nay toi nyc. Hy vong m ok, Xan noi j ko**?

Buffalo còn cách New York rất xa, nhưng ngoài một chặng đỗ mơ màng ngây ngấy sốt ở Syracuse, nơi tôi cho Popper đi dạo và uống nước, mua cho cả đôi hai cái bánh nhân kem vì chẳng còn thứ gì khác, thì hầu như cả quãng đường tôi ngủ, qua cả Batavia, Rochester, Syracuse, Binghamton, má áp vào cửa sổ, không khí lạnh lọt vào qua khe hở, nhịp đung đưa khiến tôi trở lại với *Gió, cát và những vì sao* cùng một buồng lái đơn độc tít trên cao sa mạc.

Tôi nghĩ chắc là mình đã âm ỉ ốm từ chặng dừng ở Cleveland, nhưng tới khi rốt cuộc cũng xuống xe ở Cơ quan quản lý cảng, trời đã tối còn tôi thì đang đùng đùng sốt. Cả người rét run, tôi đi đứng lảo đảo, và thành phố từng mong mỏi dữ dội biết mấy nay có vẻ thật xa lạ, ồn ào, lạnh lẽo, nhìn chỗ nào cũng thấy khí thải xe cộ cùng rác rưởi và người lạ đi ào ào xung quanh.

Bến xe đầy chật cảnh sát. Nhìn đâu cũng thấy biển quảng cáo những nhà tình thương dành cho trẻ em bỏ nhà ra đi, đường dây tư vấn cho trẻ em bỏ nhà ra đi, và đặc biệt có một bà cảnh sát liếc nhìn ngờ vực khi tôi hối hả đi ra ngoài - sau hơn sáu chục giờ trên xe, tôi thật bẩn thỉu và mệt mỏi, và biết trông mình hẳn chẳng mấy đàng hoàng - nhưng cũng không ai chặn lại, và tôi không ngoái nhìn sau lưng cho tới khi đã ra khỏi cửa, thật xa. Có vài người thuộc đủ các độ tuổi và quốc tịch khác nhau gọi với theo tôi trên phố, những giọng mềm dịu vọng đến từ đủ hướng *(ê này nhóc con! đi đầu đấy? cần xe không?)* nhưng dù có một người tóc đỏ hình dáng bình thường, tử tế và không hơn tuổi tôi là mấy, trông

dường như có thể đánh bạn được, thì máu New York vẫn đủ nhắc tôi lờ đi tiếng chào vui vẻ của anh ta, và bước tiếp như thể biết chắc mình đi đâu.

Tôi cứ tưởng Popper sẽ sướng cuồng lên khi được thả ra ngoài chạy, nhưng khi tôi đặt nó xuống vỉa hè, Đại lộ 8 quá rợn ngợp khiến nó hãi không dám chạy quá một khu nhà - nó chưa bao giờ ra đường ở một thành phố lớn, và cái gì cũng khiến nó khiếp đảm (xe cộ, tiếng còi, chân cẳng người lạ, những túi ni-lông rỗng bay trên hè phố) và cứ chốc chốc lại chạy vọt lên trước, hoặc nhào tới ngã tư, nhảy tránh chỗ này chỗ kia, vụt ra sau lưng tôi ẩn nấp, quấn vòng sợi dây quanh chân khiến tôi bị vấp, suýt ngã trước mặt một cỗ xe tải đang phóng lên để kịp đèn xanh.

Sau khi bế nó lên, chân đạp chới với, và nhét lại vào túi (nó cào cấu và hục hặc một hồi khổ sở rồi mới im), tôi đứng giữa đám đông giờ cao điểm, tìm cách xác định phương hướng. Mọi thứ đều có vẻ bẩn hơn, thù địch hơn so với trong trí nhớ của tôi - lạnh hơn nữa, phố xá xám xịt như báo cũ. *Que faire?*[105] như mẹ vẫn ưa nói. Tôi gần như nghe được tiếng mẹ nói câu đó bằng cái giọng nhẹ tênh vô sự mọi khi.

Tôi vẫn thường băn khoăn, những lúc bố tôi lồng lộn đi lại trong nhà, đập cửa tủ bếp và càu nhàu thèm một ly, rằng cảm giác "thèm một ly" là như thế nào - phải thế nào thì mới thèm uống rượu đến mức không một thứ gì khác có thể thay thế được, nước hay Pepsi hay gì cũng không. *Giờ thì*, tôi chua chát nghĩ, *mình biết rồi*. Tôi muốn uống bia phát điên, nhưng tôi đủ khôn không đi vào một quán nào đó mua bia mà không có giấy chứng minh. Tôi luyến tiếc nghĩ tới món vodka của ông Pavlikovsky, luồng hơi ấm hằng ngày mà tôi đã cho là tất yếu.

Sát sườn hơn: tôi đang đói ngấu. Chỉ cách vài nhà là tới một

quán cupcake trang trí lòe loẹt, tôi đói đến nỗi rẽ ngay vào đó, mua thử đầu tiên đập vào mắt (hóa ra là vị trà xanh, có nhân vani kiểu gì đó, ăn kỳ kỳ nhưng vẫn ngon tuyệt trần đời). Gần như lập tức chất đường làm tôi phấn chấn lên, và vừa ăn, liếm kem trên ngón tay, tôi vừa kinh ngạc ngắm nhìn bầy người hăm hở trước mặt. Khi rời khỏi Vegas, không hiểu sao tôi đã hết sức tự tin về kết quả của quyết định này. Liệu bà Barbour có gọi ngay cho Sở Dịch vụ Xã hội báo rằng tôi vừa đến gõ cửa không? Tôi đã nghĩ là không, nhưng giờ thì không dám chắc. Lại còn có vấn đề không hề nhỏ là Popper, bởi vì (bên cạnh bơ sữa, quả hạch, băng dính, mù tạc, cùng chừng hai chục món đồ thông dụng trong nhà khác) Andy bị dị ứng chó kinh khủng - không chỉ chó mà cả mèo, ngựa, các con thú ở rạp xiếc, chuột lang ở lớp (“Newton lợn”) chúng tôi nuôi tận hồi cấp hai, chính vì thế mà nhà Barbour không bao giờ nuôi con vật gì. Không hiểu sao ở Vegas tôi không có cảm giác đây là một trở ngại khó lòng vượt qua được, nhưng khi đứng đây trên Đại lộ 8, trời đang lạnh và tối dần, thì có.

Không biết phải làm gì, tôi nhấc chân đi về phía đông, về hướng Đại lộ Công viên. Gió quất vào mặt đau buốt, mùi mưa trong không khí khiến tôi hoảng sợ. Bầu trời ở New York có vẻ thấp hơn, nặng nề hơn nhiều so với miền tây: mây đen thẫm với những nét viền nhòe, như bút chì vẽ trên giấy thô. Như thể sa mạc rộng rãi đã dạy mắt tôi biết nhìn xa hút. Ở đây cái gì cũng có vẻ ẩm thấp và chật hẹp.

Đi bộ giúp chân tôi đỡ tê. Tôi đi về hướng đông, tới chỗ thư viện (hai con sư tử! Tôi đứng sững một lúc, như người lính từ chiến trận chợt thấy dấu hiệu đầu tiên của quê nhà) rồi rẽ vào Đại lộ 5 - đèn đường đã bật, đường vẫn tấp nập, dù đang vợi bớt người trở về nhà - đến tận mặt nam Công viên. Dù mệt và lạnh, tim tôi vẫn hẫng khi nhìn thấy công viên, và tôi chạy ào qua Phố 57 (Phố

Vui!) đến bên bóng tối rợp lá. Mùi hương và bóng cây, cùng những thân cây tiêu huyền trắng lốm đốm đã khiến tối vui trở lại, nhưng vẫn cảm giác như đang thấy một công viên khác bên dưới công viên nhìn tận mắt này, một tấm bản đồ quá khứ, một công viên ma đen thẫm vì ký ức, những đợt dã ngoại của trường, những chuyến thăm vườn bách thú từ lâu lắm. Tôi đang đi trên vỉa hè phía Đại lộ 5 nhìn vào trong, mỗi con đường đều chạy giữa bóng cây, phả xuống từng quầng đèn sáng, vừa bí ẩn vừa mời gọi như những cánh rừng Narnia. Nếu quay lại, đi theo một trong những con đường sáng ấy, liệu tôi có trở ra vào một năm khác, biết đâu đấy, vào một tương lai khác, nơi mẹ - vừa ở công ty về - đang đứng chờ tôi, rạp người trước gió trên băng ghế (ghế của chúng tôi) bên hồ, cất điện thoại đi, đứng dậy hôn tôi - *chào cún con, ờ trường vui không, tối nay muốn ăn gì nào?*

Rồi thình lình, tôi đứng lại. Một vóc người quen thuộc mặc vét doanh nhân vừa đi vượt qua, đang hối hả trên vỉa hè đằng trước tôi. Mớ tóc trắng đập vào mắt trong bóng tôi, tóc trắng theo kiểu đáng phải để dài, thắt ruy băng đuôi ngựa đằng sau; ông đang mải mê suy nghĩ, trông tiều tụy hơn lệ thường, nhưng tôi vẫn nhận ra ông lập tức, với cái đầu nghiêng nghiêng rất giống Andy: ông Barbour, đủ cả cặp táp các kiểu, đang từ chỗ làm về nhà.

Tôi chạy theo đuổi kịp ông. “Bác Barbour à?” tôi gọi. Ông đang lẩm bẩm nói chuyện một mình, dù tôi không nghe ra là nói gì. “Bác Barbour, cháu Theo đây,” tôi nói lớn và nắm lấy ống tay áo ông.

Hung dữ đến ngạc nhiên, ông quay lại rẩy tay tôi ra. Đúng là ông Barbour, đi đâu cũng không lẫn được. Nhưng ánh mắt nhìn tôi lại là ánh mắt của kẻ lạ: sáng quắc, khắc nghiệt, khinh bỉ.

“Không bố thí nữa!” ông rít lên. “Cút xéo!”

Đáng ra tôi phải nhận ra ngay chứng bệnh cuồng. Đấy chẳng qua là một phiên bản tăng cường của vẻ mặt bố tôi trong một vài ngày có trận đấu - hoặc là cái lần ông đã sững lại rồi đánh tôi. Tôi chưa bao giờ ở gần những lúc ông Barbour không dùng thuốc (Andy, đúng kiểu cậu ta, thường rất kiệm lời khi miêu tả những đợt "hưng phấn" của bố; hồi đó tôi còn chưa biết mấy vụ ông tìm cách gọi điện cho Bộ trưởng Ngoại giao hay mặc đồ ngủ đến công ty), nên cơn điên giận của ông có vẻ trái ngược với ông Barbour ngơ ngác, lơ đễnh lệ thường đến nỗi tôi chẳng biết làm gì ngoài giật lùi lại, bẽ bàng. Ông trừng mắt nhìn tôi, rồi phủi phủi tay (như thể tôi bẩn thỉu, như thể tôi đã nhiễm bẩn sang ông khi chạm vào ông) rồi lừ lừ đi mất.

"Cậu xin tiền cha đó à?" Không biết từ đâu một người khác đã sán lại khi tôi đứng trên vỉa hè ngơ ngác. "Phải không?" Hắn gặng hỏi khi tôi ngoảnh đi. Hắn mập lùn, áo vét trông rõ ra lối doanh nhân và gợi nghĩ đến một gia đình đông con, còn dáng điệu rầu rĩ của hắn khiến tôi sởn gáy. Khi tôi tìm cách đi vòng qua, hắn đứng chắn đường rồi đặt bàn tay nặng trịch lên vai tôi, và khiếp hãi, tôi nhao người tránh rồi chạy ù vào công viên.

Tôi đi vào bên hồ, theo những con đường đầy lá vàng sũng nước, và theo bản năng đi thẳng tới Điểm Hẹn (như mẹ và tôi vẫn gọi cái băng ghế) rồi ngồi đó, run rẩy. Gặp ông Barbour trên đường đã có vẻ như là vận may không gì sánh nổi, và trong khoảng năm giây tôi đã nghĩ hẳn là sau quãng lúng túng và băn khoăn ban đầu, ông sẽ mừng rỡ chào tôi, hỏi vài câu, *Ồ! Bỏ qua đi, bỏ qua đi, cứ từ từ nói tiếp, và cùng tôi đi lên căn hộ. Ôi trời đất ạ, đúng là một cuộc phiêu lưu. Andy thấy cháu sẽ mừng lắm đấy !*

Chúa ơi, tôi nghĩ, luồn tay qua tóc, người vẫn còn lẩy bẩy Trong một thế giới lý tưởng thì ông Barbour mới là người tôi

mong tình cờ gặp được *nhất* trong gia đình - mong hơn Andy, chắc chắn là hơn anh em của Andy, mong hơn cả bà Barbour với những quãng im lặng lạnh giá, những kiểu cách xã giao và những chuẩn mực cư xử tôi hoàn toàn không biết, với ánh mắt lạnh lẽo không tài nào hiểu được.

Do thói quen, tôi lấy điện thoại kiểm tra tin nhắn đến lần thứ một triệu - và không muốn mà cũng vui lên khi cuối cùng cũng có một tin nhắn - số lạ, nhưng hẳn phải là Boris. **Eh! Hy vong m ok. Ko tuc wa. Goi Xan di, ba suot ngay quay t.**

Tôi tìm cách gọi lại - lúc trên đường tôi đã nhắn cho nó cỡ năm chục cái tin - nhưng không có ai nhấc máy, tôi được chuyển thẳng đến hộp thư thoại của Kotku. Xanda đợi cũng không sao. Cùng Popper trở lại Công viên Trung tâm, tôi mua ba que xúc xích từ một người bán hàng đang bắt đầu cất đồ đi về (một cho nó, hai cho tôi) và trong lúc ăn, trên băng ghế khuất mắt ngay phía trong Cổng Học Giả, cân nhắc các lựa chọn trước mắt. Trong những ảo tưởng về New York hồi ở sa mạc, thỉnh thoảng tôi đã hình dung những điều quái dị nào là Boris và tôi sống ngoài đường, ở chỗ St. Mark hay Quảng trường Tompkins, rất có thể còn đứng xóc cốc xin tiền với chính bọn chơi ván trượt xưa từng giễu cợt Andy và tôi mặc đồng phục đi qua. Nhưng tương lai thực sự của việc ngủ ngoài phố có vẻ bớt phần quyến rũ hơn nhiều khi người ta có một mình, lại đang sốt trong cái giá lạnh tháng Mười một.

Điều bực mình là: tôi chỉ đứng cách nhà Andy chừng năm khối nhà. Tôi đã nghĩ hay là gọi cho cậu - bảo cậu xuống gặp tôi chẳng hạn - rồi lại thôi. Tất nhiên, tôi có thể gọi cậu ta khi nào đến nước tuyệt vọng; cậu ta sẵn lòng chuồn ra, mang cho tôi quần áo sạch và tiền lấy từ túi mẹ, và biết đâu đấy, có thể còn ít bánh thịt cua

hay lạc tẩm dầu còn thừa mà nhà Barbour ăn suốt. Nhưng chữ *bố thí* vẫn còn rát bỏng trong đầu tôi. Dù tôi thích Andy đến mấy thì đến nay cũng gần hai năm rồi. Và tôi cũng không quên được ánh mắt ông Barbour ném vào tôi. Rõ ràng là có cái gì đó không ổn, không ổn lắm, có điều tôi không biết chắc đấy là gì - chỉ biết rằng mình cũng chịu trách nhiệm sao đó, trong cái màn sương mù đại thể những cảm giác hổ thẹn, không xứng đáng, và thấy mình là gánh nặng chưa bao giờ thực sự rời bỏ tôi.

Dù không chủ ý - chỉ đang nhìn bâng quơ xa xôi - tôi đã tình cờ giao mắt với một kẻ ngồi ở băng ghế đối diện. Tôi vội vã nhìn ra xa, nhưng quá muộn; hắn đã đứng dậy và đi lại chỗ tôi.

“Con quỷ con xinh gớm,” Hắn nói, cúi người xoa đầu Popper, và khi thấy tôi không đáp: “Em trai tên là gì? Anh ngồi được không?” Hắn ta người dẻo dai, nhỏ con nhưng có vẻ khỏe, và bốc mùi rất tởm. Tôi đứng dậy, tránh nhìn hắn, nhưng khi quay người định đi hắn đã phóng tay ra chộp lấy cổ tay tôi.

“Sao vậy,” hắn nói, giọng nhừa nhựa, “em trai không thích anh à?”

Tôi giằng ra và chạy - Popper chạy đằng sau, ào ra phố, nhanh quá, nó không quen xe cộ ở thành phố, đã có xe lại gần - tôi chộp lấy nó vừa đúng lúc, rồi chạy qua Đại lộ 5, lại chỗ khách sạn Pierre. Kẻ kia bị kẹt lại bên kia đường khi đèn chuyển đỏ, khiến người đi đường ngoái cả lại nhìn, nhưng khi nhìn lại trong quầng sáng che chở tỏa xuống từ lối vào ấm áp và sáng rực của khách sạn - những cặp nam nữ ăn mặc đẹp, những người bồi cửa vẫy taxi - tôi thấy hắn ta đã lại chìm vào công viên.

Đường phố ồn hơn nhiều so với những gì tôi nhớ - cũng hôi hám hơn nữa. Đứng ở góc đường bên A La Vielle Russie, tôi thấy ngợp vì cái mùi quen thuộc của khu trung tâm: ngựa kéo xe, khói

xăng xe buýt, nước hoa, nước tiểu. Bao lâu nay tôi vẫn nghĩ Vegas chỉ là tạm thời, cuộc đời thực của tôi là ở New York, nhưng có thật vậy không? *Giờ thì khác rồi,* tôi nghĩ buồn rầu, nhìn đám bộ hành ngày một thưa thớt đang vội vã đi qua Bergdorf.

Dù cả người đang vừa nhức vừa lạnh vì cơn sốt, tôi vẫn cuốc bộ qua chừng mười khối nhà, vừa đi vừa tìm cách rũ bỏ cảm giác tê ran nhẹ bỗng khỏi chân, cùng độ rung lắc choán toàn thân trên xe khách. Nhưng cuối cùng thì cái lạnh cũng chiến thắng, tôi vẫy taxi; nếu đi xe buýt cũng rất đơn giản, chỉ mất chừng nửa giờ, thẳng từ Đại lộ 5 sang Làng Greenwich, chỉ có điều sau ba ngày trời ngồi xe khách tôi không chịu nổi ý nghĩ phải lắc lư trên xe buýt thêm một giây nào nữa.

Tôi cũng không thật thoải mái với ý nghĩ xuất hiện không báo trước ở nhà Hobie - chẳng thoải mái chút nào, vì đã lâu nay chúng tôi không liên lạc, lỗi tại tôi chứ không phải tại ông, đến một lúc tôi đã ngừng trả lời thư. Một mặt, đấy là do trình tự thông thường của cuộc đời, mặt khác, những phỏng đoán bừa bãi của Boris ("ông bóng già?") đã khiến tôi lánh xa ông, dù không nhận thấy, và hai ba lá cuối tôi không trả lời.

Tôi thấy rất tệ, tệ kinh khủng. Dù chặng đường rất ngắn nhưng chắc tôi đã ngủ thiếp ở ghế sau, bởi khi tài xế dừng xe và hỏi "đây phải không?" tôi đã giật mình choàng tỉnh, mất một lúc ngồi ngơ ngẩn và cố lắm mới nhớ được mình đang ở đâu.

Cửa hiệu - như tôi nhận thấy khi xe lái đi - đã đóng kín và tối ám, cứ như chưa hề mở lại lấy một lần trong suốt khoảng thời gian tôi rời khỏi New York. Cửa sổ đều cáu bẩn, và khi nhìn vào trong, tôi nhận ra vài món đồ gỗ bọc vải bên ngoài. Ngoài ra thì không có gì thay đổi, chỉ trừ trên những cuốn sách cũ và mấy món lặt vặt - con vẹt mào hoa cương, những cột định hướng - lớp

bụi đã dày hơn.

Tim tôi chùng xuống. Tôi đứng trên phố phải một hai phút rất lâu rồi mới thu đủ can đảm bấm chuông. Hình như tôi đã đứng cả thiên thu lắng nghe tiếng vọng xa vắng bên trong, dù thực tình thì chắc cũng nhanh thôi - tôi đã gần như thuyết phục được mình tin rằng không có ai ở nhà (và tôi sẽ làm gì đây? Quay trở lại Quảng trường Thời đại, tìm một khách sạn rẻ tiền đâu đấy, hay tự nộp mình cho đám cảnh sát quản lý trẻ trốn nhà?) thì cánh cửa mở đột ngột, và trước mặt tôi không phải Hobie, mà là một cô gái trạc tuổi tôi.

Chính là cô - Pippa. Vẫn còn nhỏ choắt (tôi đã cao hơn cô rất nhiều) và gầy, dù trông có vẻ mạnh khỏe hơn nhiều so với lần cuối tôi gặp, mặt tròn trịa hơn, rất nhiều tàn nhang, và tóc cũng khác, hình như mọc lại đã chuyển sang màu và chất tóc khác nhiều, không phải đỏ pha vàng kim nữa mà đậm hơn, như màu gỉ sắt, hơi xơ, như tóc bà Margaret. Cô ăn mặc kiểu con trai, chân đi tất, quần nhung kẻ cũ, áo len thùng thình, có điều thêm một cái khăn sọc hồng cam điên rồ loại chỉ thấy trên người các bà già hơi khùng. Mày nhíu lại, lịch thiệp nhưng dè dặt, cô nhìn tôi bằng cặp mắt nâu vàng vô cảm: người lạ mặt. “Tôi giúp gì được cậu?” Cô hỏi.

Cô ấy quên mình rồi, tôi buồn bực nghĩ. Làm sao mà cô nhớ được? Đã rất lâu rồi, và tôi biết trông mình cũng khác. Cứ như nhìn thấy một ai đó mà mình ngỡ đã qua đời.

Và rồi, huỳnh huỵch xuống cầu thang, xuất hiện sau lưng cô, mặc quần chino lấm sơn và áo len mỏng đã sờn khuỷu, là Hobie. *Bác ấy cắt tóc* là ý nghĩ đến trước hết trong đầu tôi: tóc xén mỏng hơn, trắng hơn nhiều so với tôi nhớ. Vẻ mặt ông thoáng nét cáu bẳn, và trong một giây chết điếng, tôi nghĩ cả ông cũng không

nhận ra mình, nhưng rồi: “Chúa ơi,” ông nói và đột ngột lùi lại.

“Cháu đây,” tôi nói nhanh. Tôi chỉ sợ ông sẽ đóng ập cửa trước mặt mình. “Theodore Decker. Bác nhớ không?”

Thật nhanh, Pippa ngước lên nhìn ông - rõ ràng là cô nhận ra tên tôi, dù không nhận ra *tôi* - và ánh ngạc nhiên thân thiết trên mặt họ làm tôi kinh ngạc đến nỗi òa lên khóc.

“Theo.” Vòng tay ông siết lấy như một người cha, ôm chặt đến nỗi làm tôi càng khóc tợn. Rồi tay ông đã đặt trên vai tôi, bàn tay nặng như điểm tựa, tự nó đã cho thấy an toàn và uy lực; ông đang dẫn tôi vào, qua xưởng, ánh mạ vàng tối xỉn và mùi gỗ nồng trong giấc mờ của tôi, lên cầu thang vào phòng khách đã tưởng từ lâu đánh mất, giữa những vải nhung, bình tro và đồ đồng thau. “Gặp cháu thật tuyệt diệu quá!” ông luôn miệng nói, cả “trông cháu bết thế này” và “Cháu về lúc nào vậy?” và “Cháu có đói không?” và “Trời ơi, cháu lớn bổng lên rồi!” và “tóc tai mới khiếp chứ! Cứ như Mowgli cậu bé rừng xanh!” và (giờ đã lo âu) - “ở đây cháu có thấy ngộp quá không? bác có nên mở cửa không?” - và khi Popper ngóc đầu ra khỏi túi: “Aha! Ai thế này?”

Pippa, cười vang, bế bổng nó lên đu đưa trong vòng tay. Tôi cảm thấy đầu váng vất vì sốt - đỏ lên và phát sáng, như những thanh ngang trong lò sưởi điện, mất kiểm soát đến nỗi tôi còn không thấy xấu hổ vì đã khóc. Tôi chẳng thấy gì nữa, ngoại trừ nỗi nhẹ nhõm vì được ở đây, cùng trái tim nhức nhối tràn đầy cảm kích.

Trong bếp có súp nấm, mà tôi chẳng thèm nhạt gì, nhưng súp ấm còn tôi thì đang chết rét, và trong lúc ăn (Pippa ngồi xếp bằng trên sàn, chơi với Popchik, lúc lắc quả bông trên cái khăn bà già vào mặt nó, Popper/Pippa, sao tôi chưa bao giờ nhận thấy hai cái tên gần gũi nhau thế nhỉ?) tôi kể ông nghe một chút, rất lộn xộn,

về cái chết của cha và những chuyện diễn ra sau đó. Hobie vừa nghe, đôi tay khoanh lại, vừa làm bộ mặt hết sức lo âu, đôi mày ương bướng càng lúc càng nhăn lại khi nghe tôi kể.

"Cháu phải gọi cho cô ấy," ông nói. "Vợ của bố cháu ấy."

"Nhưng có phải vợ đâu! Chỉ là bạn gái thôi! Cô ta chẳng hề quan tâm đến cháu chút nào."

Ông cương quyết lắc đầu. "Cũng vậy thôi. Cháu phải gọi cho cô ấy và báo rằng cháu vẫn ổn. Phải, đúng thế," ông nói át đi khi tôi định phản đối. "Không nhưng nhị gì hết. Gọi ngay. Ngay lập tức. Pips..." Có một cái điện thoại cũ gắn tường trong bếp "lại đây, chúng ta ra khỏi đây một phút nào."

Dù Xandra đúng là người tôi ít muốn nói chuyện nhất vào thời điểm hiện tại - nhất là sau khi đã lục tung phòng ngủ và ăn cắp tiền boa của cô ta - thì tôi vẫn nhẹ lòng vì được ở đây đến nỗi sẵn sàng làm bất cứ điều gì ông yêu cầu. Khi quay số, tôi tự nhủ chắc là cô ta chẳng nhấc máy đâu (có quá nhiều người quảng cáo và nhân viên thu tiền gọi đến nhà suốt ngày, đến nỗi cô hầu như không nghe máy từ những số lạ). Thế nên tôi giật cả mình khi chuông vừa reo cô đã nhấc máy.

"Cậu để cửa mở," cô ta nói gần như tức khắc, giọng kết tội.

"Sao?"

"Cậu để con chó ra ngoài. Nó chạy mất rồi - tôi không tìm thấy đâu hết. Chắc chắn là bị xe tông phải hay sao đó rồi."

"Không." Tôi đang nhìn dán vào màn đêm ngoài sân gạch. Trời đang mưa, mưa đập ầm ầm vào ô cửa, cơn mưa đầu tiên tôi nhìn thấy từ gần hai năm nay. "Nó đang ở với cháu."

"Ồ." Cô ta có vẻ nhẹ người. Rồi lại gắt lên: "Cậu ở đâu? Đâu đó

với Boris à?"

"Không."

"Tôi có gọi cậu ta - phê phát rồ rồi thì phải. Cậu ta không chịu nói cậu đang ở đâu. Tôi biết là cậu ta biết mà." Dù ở đó vẫn còn sớm, giọng cô ta đã khê như vừa uống rượu, hay vừa khóc. "Lẽ ra tôi phải báo công an Theo ạ. Tôi biết chính hai thằng cậu đã ăn cắp tiền và đồ của tôi."

"Ừa, cũng như cô đã ăn cắp hoa tai của mẹ tôi thôi."

"Cái gì..."

"Đôi lục bảo ấy. Đấy là hoa tai của bà ngoại tôi."

"Tôi *không* ăn cắp nó." Giờ thì cô ta đã nổi giận. "Sao cậu dám nói thế? Larry *tặng* nó cho tôi, tặng cho tôi sau khi..."

"Ừa. Sau khi ăn cắp của mẹ tôi."

"Ừm, xin lỗi nhé, nhưng mẹ câu chết rồi."

"Phải, nhưng mẹ tôi còn chưa chết khi ông ấy ăn cắp nó. Phải đến cả năm trước khi mẹ chết. Mẹ đã báo với công ty bảo hiểm," tôi nói và lớn giọng át tiếng cô ta. "Và nộp đơn lên cảnh sát." Vụ cảnh sát thì tôi không chắc lắm, nhưng cũng rất có thể.

"Ừm, chắc là cậu chưa bao giờ nghe biết cái gọi là tài sản chung sau hôn nhân."

"Đúng. Và chắc là cô chưa bao giờ nghe biết cái gọi là tài sản thừa kế. Cô với bố tôi thậm chí còn chưa lấy nhau. Ông ấy không có quyền gì cho cô thứ đó."

Im lặng. Tôi nghe thấy cả tiếng bật lửa ở đầu dây bên kia và tiếng rít thuốc mệt mỏi. "Này nhóc. Tôi nói câu này được không? Không phải về chuyện tiền đâu, thề đấy. Cũng không phải

chuyện chỗ tuyết. Dù tôi có thể nói chắc với cậu một điều, tôi không hề làm mấy trò đó hồi còn tuổi cậu. Cậu cứ nghĩ mình thông minh lắm, và tôi nghĩ cũng đúng thế, nhưng cậu đang đi vào một con đường xấu đấy, cả cậu với cái thằng kia. Ừ , ừ," cô ta lớn giọng át tiếng tôi, "tôi cũng thích cậu ta lắm, nhưng cậu ta gây ảnh hưởng xấu đấy."

"Cô thì thông thạo rồi."

Cô ta cười nhàn nhạt. "Này nhóc, cậu biết không? Tôi đã qua cầu vài lần rồi - tôi thông thạo *thật* đấy. Đến năm mười tám tuổi cậu ta sẽ ngồi tù, và cá trăm ăn một cậu cũng sẽ ngồi ngay cạnh. Mà thực ra, cũng không trách cậu được," cô ta lại lớn giọng, "tôi yêu bố cậu, nhưng ông ấy thật là của bỏ đi, và cứ như những gì ông ấy kể thì mẹ cậu cũng là của bỏ đi nốt."

"Được rồi. Đủ lắm. Mẹ kiếp nhà cô." Tôi tức điên đến nỗi run lẩy bẩy. "Tôi dập máy đây."

"Không... khoan đã. Khoan đã. Xin lỗi. Đáng ra tôi không nên nói thế về mẹ cậu. Mà đấy không phải lý do tôi muốn nói chuyện với cậu. Làm ơn. Cậu có thể chờ thêm một giây thôi?"

"Tôi đang chờ đây."

"Trước hết là - nếu cậu quan tâm - tôi định hỏa táng bố cậu. Cậu OKchứ?"

"Muốn làm gì thì làm."

"Cậu chẳng bao giờ mất công nghĩ về ông ấy, phải không?"

"Hết rồi chứ?"

"Còn một việc. Tôi cóc cần biết cậu đang ở đâu, thật đấy. Nhưng tôi cần một địa chỉ để có thể liên lạc với cậu."

“Làm cái gì?”

“Đừng có tài khôn. Đến lúc nào đấy sẽ có người ở trường hay đâu đó gọi đến...”

“Tôi chẳng nghĩ là vậy đâu.”

“... và khi đó tôi sẽ cần, không biết là gì nữa, một lời giải thích về nơi cậu ở bây giờ. Trừ khi cậu muốn cảnh sát phát tờ rơi trẻ mất tích hay kiểu vậy.”

“Tôi nghĩ là không có xác suất ấy đâu.”

“*Không có xác suất ấy đâu*,” cô ta lặp lại, kéo dài giọng nhại tôi rất ác ý. “Cũng có thể. Nhưng cứ cho tôi địa chỉ, và chúng ta sẽ coi như hòa. Ý tôi là,” cô ta nói tiếp khi tôi không đáp, “nói luôn cho vuông, cậu có ở đâu thì tôi thấy cũng vậy. Nhưng tôi chỉ không muốn nắm đằng lưỡi ở đây, nếu nhỡ may có vấn đề gì tôi cần liên lạc với cậu.”

“Có một luật sư ở New York. Tên ông ta là Bracegirdle. George Bracegirdle.”

“Cậu có số không?”

“Tự tra đi,” tôi đáp. Pippa đã vào phòng lấy bát nước cho chó, và lúng túng, để khỏi phải nhìn cô, tôi quay đi nhìn vào tường.

“Brace *girdle?* Xandra nói. “Viết đúng như đọc thế à? Tên với tuổi gì quỷ quái thế?[106]”

“Này, tôi tin chắc là cô sẽ tìm ra thôi”

Im lặng một lúc. Rồi Xandra bảo: “Cậu biết sao không?”

“Sao?”

“Người vừa chết là bố cậu. Bố đẻ của cậu. Và cậu cư xử như thế là, chẳng biết phải nói sao nữa, tôi định nói là như con chó vừa

chết, nhưng thậm chí còn không được như con chó. Vì tôi biết cậu sẽ thương tiếc nếu con Pop bị xe tông chết, hoặc ít nhất là tôi nghĩ vậy."

"Cứ cho là tôi để tâm đến ông ấy đúng bằng với ông ấy để tâm đến tôi."

"Này, để tôi cho *cậu* biết một điều. Cậu với bố cậu giống nhau hơn cậu tưởng nhiều đấy. Cha nào con nấy, giống như đúc."

"À, cô là đồ điêu trá khốn nạn," tôi đáp sau một khoảng lặng ngắn khinh bỉ - một lời đáp mà theo tôi đã tóm gọn toàn bộ tình hình. Nhưng rất lâu sau khi tôi dập máy, khi đang ngồi hắt hơi run rẩy trong bồn tắm nóng, và trong màn sương mù hoà ánh sáng tiếp sau (uống aspirin Hobie đưa, theo ông đi qua hành lang tới căn phòng trống ẩm mốc, *trông cháu êm ấm rồi đấy, trong rương vẫn còn chăn thôi không nói gì nữa, bác sẽ yên cho cháu*), câu chốt của cô ta còn vang âm trong tai, khi tôi áp mặt vào gối toả mùi xa lạ. Câu đó không đúng - cũng như điều cô ta nói về mẹ là không đúng. Ngay cả cái giọng khô khan lạo xạo của cô ta ở đầu dây bên kia, ký ức về cái giọng đó, cũng khiến tôi khó chịu. *Mặc mẹ cô ta*, tôi nghĩ trong cơn ngái ngủ. Quên nó đi, cô ta đã cách cả triệu dặm. Nhưng dù tôi mệt muốn lả đi, và cái giường đồng ọp ẹp có cảm giác cả đời chưa nằm giường nào êm bằng, thì câu nói của cô ta vẫn là sợi chỉ đen xuyên suốt những giấc mơ của tôi đêm đó.

http://tieulun.hopto.org

PHẦN 3

Chúng ta đã quá quen nguỵ trang dưới mắt người đời, rốt cuộc cuối cùng, chúng ta cũng chỉ thấy chính mình trong vỏ bọc.

*_Francois De LaRochefoucald_*

http://tieulun.hopto.org

07
Cửa hiệu đằng sau cửa hiệu

i.

KHI TỈNH DẬY TRONG tiếng xe rác lách cách, tôi cảm tưởng mình vừa nhảy dù vào một vũ trụ khác. Cổ họng âm ỉ đau. Nằm im phắc dưới tấm chăn nhồi lông Vịt, tôi hít vào lồng ngực cái mùi hoa khô thơm phòng nằng nặng cùng củi đốt đã nguội, và bên trong, rất khẽ, mùi dầu nhựa thông, nhựa cầy và véc-ni gợi nhớ đến những cánh rừng thường xanh.

Tôi cứ nằm đấy một lúc. Popper lúc ngủ nằm cuộn tròn dưới chân, giờ không thấy đâu. Tôi đã ngủ mặc nguyên bộ đồ rất bẩn trên người. Cuối cùng, bật dậy sau một chuỗi hắt hơi, tôi ngồi, kéo áo len qua đầu và sờ soạng dưới giường để biết chắc là cái vỏ gối còn nguyên đó, rồi lê chân qua sàn lạnh vào phòng tắm. Tóc tôi đã khô thành từng nùi dính bết, lược không giật qua được, và cả sau khi đã xả nước kỹ lưỡng bắt đầu lại từ đầu, vẫn có một mảng tóc rối đến nỗi cuối cùng tôi bỏ cuộc, cắt nó đi rất tỉ mẩn bằng cây kéo cắt móng tay gỉ trong ngăn kéo.

Chúa ơi, tôi nghĩ và quay đi khỏi gương hắt hơi. Đã lâu rồi tôi không nhìn vào gương, giờ thì khó mà nhận ra mình: quai hàm bầm dập, mụn lấm tấm trên cằm, mặt phù lên và đỏ bầm từng đám do cảm - mắt cũng sưng húp, mí sụp xuống ngái ngủ, khiến tôi trông như một thằng bé ngu đần ranh giảo chỉ học gia sư. Hoặc như một đứa bé, lớn lên trong tổ chức tôn giáo cực đoan nào đây, vừa được cảnh sát địa phương cứu ra mang tới đây từ hầm

http://tieulun.hopto.org

nhà để đầy vũ khí và sữa bột còn đang ngơ ngác nhìn quanh.

Muộn rồi, đã chín giờ. Bước ra khỏi phòng, tôi nghe tiếng chương trình nhạc cổ điển trên đài WNYC, cảm giác thân thuộc như mơ màng đến từ giọng phát thanh viên, nhạc của Köchel, một vẻ thanh tĩnh như say thuốc, cái tiếng rừ rừ ấm áp của đài thành phố vẫn bao nhiêu lần đón tôi dậy vào ban sáng ở Sutton Place. Vào bếp, tôi thấy Hobie đang ngồi bên bàn đọc sách.

Nhưng ông không đọc mà đang nhìn qua phòng. Thấy tôi, ông giật nảy.

"À, cháu đây rồi," ông nói và đứng dậy dọn bừa qua một bên đống thư từ hóa đơn, lấy chỗ cho tôi ngồi. Ông mặc đồ xuống xưởng, quần nhung kẻ phồng đầu gối và áo len cũ màu nâu ánh đỏ, đã xơ chỉ và lác đác lỗ mối ăn, đường chân tóc đang hói dần cùng kiểu tóc mới húi sát khiến trông ông cứ như vị nghị sĩ hoa cương bệ vệ đang dần hói nơi thái dương trên bìa sách giáo khoa tiếng La tinh của Hadley. "Tình hình thế nào?"

"Tốt ạ, cảm ơn bác." Giọng lào khào khó nghe.

Cặp mày lại nhíu xuống và ông ghé sát mắt nhìn tôi. "Trời đất ạ!" ông nói. "Sáng nay giọng cháu như con quạ ấy."

Thế nghĩa là sao? Người nóng phừng phừng vì ngượng, tôi len vào cái ghế ông vừa dọn cho tôi, và vì ngượng ngùng không dám nhìn vào mắt ông, chuyển qua nhìn cuốn sách: bìa da đã nứt, *Tiểu sử và thư từ* của Đức ông Gì đấy, một cuốn sách cũ chắc hẳn kiếm được sau một vụ bán thanh lý gia sản nào đó, bà già nọ ở đằng Poughkeepsie, hông trật khớp, con cái không, buồn lắm.

Ông đang rót trà cho tôi và đẩy cái đĩa về phía tôi. Tim cách giấu nỗi lúng túng, tôi cúi đầu tấn công món bánh mì nướng - và suýt chết nghẹn vì họng vẫn còn đau chưa nuốt được. Tôi vội

chộp lấy tách trà, đánh đổ ra khăn trải bàn và hối hả tìm cách thấm đi.

"Không... không sao đâu... cầm lấy ..."

Khăn ăn của tôi ướt sũng, tôi không biết phải làm gì; trong lúc luống cuống tôi đã đánh rơi khăn lên bánh và thò tay vào sau kính dụi mắt. "Cháu xin lỗi," tôi buột ra.

"Xin lỗi à?" Ông nhìn tôi như thể tôi vừa hỏi đường tới một nơi ông không biết rõ. "Ồ, thôi nào...

"Xin bác đừng bắt cháu đi."

"Thế là sao? Bắt cháu đi? Đi đâu?" Ông hạ thấp cặp kính nửa vành trăng, nhìn tôi qua phía trên cặp kính. "Vớ vẩn nào," ông nói giọng nửa bực bội, nửa đùa cợt. "Cho cháu biết, đáng ra bác phải bắt cháu đi thẳng về giường. Nghe giọng cháu cứ như đã mắc Bệnh Dịch Đen vậy."

Nhưng thái độ ông không làm tôi yên tâm. Chết điếng vì xấu hổ, quyết chí không bật khóc, tôi chỉ có thể nhìn chằm chằm xuống nơi trống trải bên bếp lò, nơi ngày xưa đặt cái giỏ của Cosmo.

"À," Hobie nói khi thấy tôi nhìn cái góc bỏ trống, "Ừ. Thế đấy. Điếc như cá diếc, động kinh phải đến ba bốn lần một tuần, thế mà chúng ta vẫn muốn nó sống vĩnh viễn. Bác đã mếu máo như trẻ con. Nếu cháu từng bảo bác rằng Welty sẽ ra đi trước Cosmo - cả nửa đời ông ấy đã mang nó đi đi về về bệnh viện - Nghe này," ông đổi giọng, cúi người tới tìm cách nhìn vào mắt tôi khi thấy tôi vẫn ngồi im lìm, khổ sở. "Thôi nào. Bác hiểu cháu đã trải qua rất nhiêu chuyện, nhưng không cần thiết phải rối lên quá làm gì. Trông cháu tiều tụy lắm - nào, nào, đúng đấy," ông nói rất gọn. "Tiểu tụy lắm và, trời ạ!" - hơi nhíu mày - "nhiễm nặng cái gì đấy,

chắc rồi. Đừng lo âu quá - không sao cả đâu. Quay lại giường ngủ đi, rồi chúng ta sẽ bàn chuyện đó sau."

"Cháu biết, nhưng..." tôi ngoảnh đầu đi, nén một tiếng hắt hơi đẫm nước mắt. "Cháu chẳng còn chỗ nào để về cả."

Ông ngả người ra ghế: thận trọng, gượng nhẹ, quanh ông phảng phất màu cũ kỹ. "Theo..." gõ ngón tay lên môi dưới "cháu bao nhiêu tuổi rồi?"

"15. Mười lăm tuổi rưỡi."

"Vậy..." có vẻ ông đang nghĩ xem nên hỏi thế nào "còn ông của cháu thì sao?"

"Ôi," tôi tuyệt vọng thốt lên sau một lúc ngắc ngứ.

"Cháu đã nói chuyện với ông ấy chưa? ông ấy biết là cháu không còn nơi nào để về chứ?"

"Ừm, bỏ mẹ..." chữ đó cứ buột ra; Hobie giơ tay lên trấn an tôi "bác không hiểu đâu. Ý cháu là... cháu không biết ông ấy bị Alzheimer hay thế nào, nhưng lúc người ta gọi tới, ông ấy còn không thèm yêu cầu gặp cháu nữa."

"Vậy là.." Hobie nặng nề tì cằm lên bàn tay, nhìn tôi như một ông thầy ngờ vực "cháu chưa nói chuyện với ông ấy."

"Chưa... ý cháu là không trực tiếp - có một cô ở đấy, giúp đỡ chúng cháu..." Lisa bạn của Xandra (rất săn đón, lẽo đẽo đi theo tôi, phát biểu dịu dàng nhưng càng lúc càng khẩn thiết rằng cần báo tin cho "gia đình" biết) một lúc nào đó đã rút lui vào góc nhà, gọi tới số mà tôi cung cấp - rồi bỏ điện thoại xuống với vẻ mặt đã khiến Xandra bật lên tiếng cười duy nhất tối hôm đó.

"Có một cô?" Hobie ướm trong quãng lặng vừa đổ xuống, bằng giọng nói hẳn người ta vẫn dùng với bệnh nhân tâm thần.

“À. Cháu muốn nói là…” Tôi chà tay lên mặt; màu sắc trong căn bếp này quá rực rỡ đến nỗi tôi thấy đầu óc lửng lơ, mất kiểm soát - “cháu nghĩ là Dorothy đã nghe máy và Lisa bảo bà ấy đáp ‘được, đợi một chút’ - thậm chí còn không có ‘Ôi trời ơi!’ hay Vì sao vậy?’ hoặc là ‘kinh khủng quá’ nữa - chỉ có ‘cầm máy để tôi đi gọi’, rồi thì ông cháu nghe máy và Lisa kể vụ đâm xe và ông lắng nghe, rồi ông bảo à, thật đáng tiếc khi biết chuyện đó, nhưng cái giọng ông ta ấy, Lisa bảo. Chẳng hề có ‘tôi giúp được gì’ hay ‘khi nào làm dám tang’ gì hết cả. Chỉ có kiểu, cảm ơn đã báo tin, chúng tôi hiểu rồi, chào. Tức là… lẽ ra cháu phải cảnh báo trước,” tôi nói thêm, lo lắng, khi thấy Hobie không trả lời. “Vì, tức là, hai người đó thực tình không ưa bố cháu -thực tình ấy- Dorothy là mẹ kế và cả hai đã ghét nhau từ lần gặp đầu tiên rồi, nhưng bố cháu cũng không hòa hảo gì với ông nội Decker… ”

“Được rồi, được rồi. Yên nào… ”

“… và, tức là, hồi bé bố cháu cũng gặp rắc rối, có thể nguyên nhân là ở đó - bố cháu bị bắt, nhưng cháu không biết tội gì - thành thực là cháu hiểu vì sao, nhưng hai người họ không hề muốn dính líu gì tới bố cháu từ hồi nào đến giờ và cũng không hề muốn dính líu gì tới cháu… ”

“Bình tĩnh nào! Bác đâu có định…”

“… vì là, cháu thề, cháu hầu như không gặp họ mấy, cháu không quen thân với họ, nhưng đấy cũng không phải là lý do họ có thể ghét cháu, mà ông nội cũng không hay hớm gì đâu, thực tế là rất hay ngược đãi bố cháu…”

“Suỵt - không cần nói thêm nữa! Bác có định tra hỏi cháu đâu, bác chỉ muốn biết… không, nào, yên đi,” ông nói khi tôi định nói tiếp át tiếng ông, phủi đi lời tôi như xua con ruồi khỏi bàn.

“Luật sư của mẹ cháu ở đây. Trong thành phố. Bác đi cùng cháu đến gặp ông ấy được không? Không,” tôi nói bối rối, khi thấy ông lại nhíu mày, “không phải luật sư kiện tụng gì đâu, mà kiểu như tư vấn tiền nong ấy? Cháu đã gọi cho ông ấy? Trước khi đi.”

“Thế nào,” Pippa nói - cười lớn, má đỏ hồng vì lạnh - “con chó này bị sao vậy? Nó chưa thấy xe hơi bao giờ à?”

Tóc đỏ chói; mũ len xanh; cảm giác sốc khi thấy cô giữa ban ngày như một luồng nước lạnh. Cô đi hơi khập khiễng, chắc là do vụ tai nạn, nhưng khập khiễng kiểu tung tăng như con châu chấu, như cái nhún chân kỳ cục nhưng duyên dáng mở đầu một bước nhảy, và cô quấn nhiều lớp khăn áo chống giá rét đến nỗi trông không khác gì một tổ kén nhỏ đa màu sắc có chân.

“Nó rít lên như mèo ấy,” cô nói và gỡ một trong số bao nhiêu cái khăn kẻ hoa trên cổ ra, trong lúc Popchyk nhảy nhót dưới chân, ngậm đầu dây ở mõm. “Lúc nào nó cũng kêu buồn cười như thế à?

Tưởng tượng xem, có taxi đi qua và thế là - vút! Bay bổng lên trời! Tớ đang thả nó cứ như thả diều ấy! Xung quanh người ta cười điên đảo. Ờ...” - cúi xuống nói với con chó, giơ nắm tay dụi dụi vào đỉnh đầu nó - “mày là mày cần tắm đấy, phải không? Nó giống Maltese à?" cô hỏi và ngước lên.

Tôi gật lấy gật để, áp mu bàn tay lên miệng để chặn cú hắt hơi.

“Tớ yêu chó lắm.” Tôi hầu như không nghe thấy cô nói gì nữa, đầu còn ngơ ngẩn vì ánh mắt cô đang nhìn tôi. “Tớ có một cuốn sách về chó, tớ đã học thuộc lòng mọi giống chó trên đời. Nếu được nuôi chó to tớ sẽ nuôi một con Newfoundland như Nana trong Peter Pan ấy, và nếu có chó nhỏ thì... ừm, tớ đổi ý xoành xoạch. Tớ thích tất cả lũ chó săn thỏ bé, nhất là Jack Russell, bởi

ngoài phố lúc nào chúng nó cũng thật buồn cười và dễ thương. Nhưng tớ cũng quen một con Basenji cực kỳ lắm. Rồi một hôm tớ còn gặp một con Bắc Kinh tuyệt vời. Bé tí xíu mà thông minh kinh khủng. Ngày xưa ở Trung Quốc chỉ vua chúa mới được nuôi đấy. Giống đó cổ xưa cực kỳ."

"Maltese cũng là giống cô lắm," tôi lào khào nói, rất mừng có thể góp vào một thông tin thú vị. "Có từ tận thời cổ Hy Lạp."

"Thế cậu chọn Maltese vì thế à? Vì nó cổ à?"

"Ừm..." Chặn tiếng ho.

Cô lại đang nói gì đó - với con chó chứ không phải tôi - nhưng tôi đã lại hắt hơi như pháo làng. Hobie nhanh chóng tóm lấy thứ gần nhất - một cái khăn ăn - rồi đưa cho tôi.

"Được rồi, thế là đủ," ông nói. "Quay lại giường đi. Không, không," ông nói khi tôi tìm cách trả lại cái khăn, "cháu cứ giữ lấy. Giờ thì nói xem..- nhìn cái đĩa tan hoang, món trà đổ và miếng bánh mì ướt sũng - "bác mang cho cháu gì ăn sáng được nào?"

Bị những cú hắt hơi bịt miệng, tôi nhún vai vẻ rất hớn hở và rất Nga đã học của Boris: *gì cũng được*.

"Được rồi, nếu cháu không chê thì bác sẽ làm cháo yến mạch. Dễ trôi xuống cổ hơn. Cháu không có tất à?"

"Ừm... " Cô còn đang mải chơi cùng con chó, áo len vàng mù tạc bên mái tóc lá thu, các màu sắc nơi cô trộn vào rối tung lên giữa căn bếp sặc sỡ: những quả táo sọc sáng ngời trong bát màu vàng, sắc bạc chói gắt từ hộp thiếc đựng cà phê Hobie dùng để bút lông.

"Đồ ngủ thì sao?" Hobie vẫn nói. "Không có à? Bác xem có tìm được gì của Welty không vậy. Còn khi nào cháu bỏ được mấy thứ

đó ra bác sẽ đưa đi giặt. Giờ thì đi đi," ông nói và bóp vai tôi, đột ngột đến nỗi tôi giật nảy.

"Cháu..."

"Cháu có thể ở lại đây. Đến chừng nào cháu muốn. Và đừng lo, bác sẽ đi cùng cháu gặp ông luật sư của cháu, sẽ ổn thôi."

ii.

ĐAU ĐẦU, RUN RẨY, tôi đi theo hành lang tối, chuồi vào giữa mấy tấm chăn nặng và lạnh như băng. Căn phòng có mùi ẩm, và dù có rất nhiều thứ hay ho đáng ngắm - như một cặp sư tử đầu chim bằng đất nung, tranh thêu hạt cườm thời Victoria, cả một quả cầu pha lê nữa - thì bốn bức tường nâu thẫm, mặt tường khô và sẫm như bột coca, vẫn khiến tối thấm đầy cảm giác về giọng Hobie và cả Welty, một thứ màu nâu thân thiết đã lan tỏa trong tôi thấu đến xương tủy và cất tiếng nói thân tình cổ giả, khiến cho dù trôi dạt trên dòng nước kinh rợn của cơn sốt tôi vẫn cảm thấy đang được họ bảo bọc và trấn an, còn Pippa cũng tỏa một vầng hào quang đa sắc biến ảo khôn lường, và những ý nghĩ nhảy múa hỗn loạn trong đầu tôi, về những chiếc lá màu đỏ chói và những tia lửa trong đống lửa bắn tung giữa màn đêm, và vẽ bức tranh của tôi nữa, hiện lên trên một nền đen hút hết ánh sáng mà lại trầm ấm nao lòng. Lông vũ vàng. Chớp đỏ thẫm. Mắt đen sáng ngời.

Tôi giật mình choàng dậy - kinh sợ, hươ tay, tôi lại ở trên xe khách và có ai đang lấy bức tranh trong ba-lô - chỉ thấy Pippa đang bế lên con chó ngái ngủ, mái tóc sáng rực hơn bất cứ thứ gì trong phòng.

"Xin lỗi cậu, nhưng phải cho nó ra ngoài thôi," cô nói. "Đừng

hắt hơi vào người tớ nhé.”

Tôi cựa quậy chống khuỷu tay nhỏm dậy. “Xin lỗi, xin chào,” tôi đáp lại ngớ ngẩn, quệt tay lên mặt, rồi: “Tớ thấy khá hơn rồi

Cặp mắt nâu vàng giật mình quét quanh phòng. “Cậu có chán không? Có muốn tớ mang chì màu cho không?”

“Chì màu?” tôi bối rối. “Vì sao?”

“Ờ, để vẽ tranh ấy?”

“Ờ…”

“Không sao đâu,” cô nói. “Cậu chỉ cần bảo là không thôi.”

Cô vụt đi, Popchik chạy sau lưng, để lại mùi kẹo cao su quế thoang thoảng, và tôi úp mặt vào gối muốn điên người vì sự ngu ngốc của mình. Dù thà chết còn hơn kể với ai khác, nhưng tôi đang sợ rằng thói quen dùng thuốc xả láng khiến não tôi cùng toàn bộ hệ thần kinh, thậm chí có khi cả linh hồn tôi nữa, đã hỏng một cách không thể nào sửa chữa và có lẽ không nên để lộ ra ngoài.

Trong lúc đang nằm đó mà lo lắng, tôi nghe điện thoại kêu tít tít:

Biet o dau ko? Ho boi o mgm grand!!!

Tôi chớp mắt. **Boris**? tôi nhắn lại.

Uh tao day!

Nó đang làm cái gì ở đấy? **May ok k**? tôi nhắn lại.

Uh buon ngu lam! Nay gio choi may cai 3 ruoi do omg :-)

Rồi lại tít một cái:

Vui cuc KY. An choi kinh. M sao? Song duoi gam cau huh?

NYC, tôi nhắn lại. **Om bep giuong r. Sao m o mgm gr**

O vs kt & amber & ca lu!!!;-)

rồi một giây sau: **M biet mon white russian k? uong ngon v~nhung ten nhu shit'**

Tiếng gõ cửa. "Cháu ổn cả chứ?" Hobie thò đầu vào hỏi. "Có cần bác mang gì cho không?"

Tôi đặt điện thoại xuống. "Không ạ, cảm ơn bác."

"Ừm, khi nào đói thì hãy nói nhé. Có nhiều thức ăn lắm, tủ lạnh đầy đến nỗi bác không đóng được cửa tủ nữa, bạn bè qua đây ăn Tạ ơn - cái thứ tiếng gì vậy?" ông hỏi và nhìn quanh.

"Điện thoại của cháu thôi." Boris vừa nhắn: **M k tuong tuong noi may hom vua roi dau!!!**

"Ờ, thế bác sẽ để cho cháu yên vậy. Nếu cần gì thì cứ nói."

Khi ông đi rồi, tôi lăn người áp mặt vào tường và nhắn lại: **Mgm gr? Vs kt bearman?!**

Câu trả lời đến gần như lập tức: **Uh! Vs ca amber & mimi & jesica & jordan chi gai kt dang hoc DAI HOC :-D**

Clgt???

M hut mat r!!! :-D

rồi gần như lập tức, khi tôi chưa kịp đáp: **Di day, ambr doi fone**

Goi sau nhe, tôi nhắn lại. Nhưng không thấy trả lời - và còn phải lâu, rất lâu nữa tôi mới lại có tin từ Boris.

http://tieulun.hopto.org

NGÀY HÔM ẤY, cùng một hai hôm sau đó, trôi qua đảo điên trong khi tôi vật vã trong bộ đồ ngủ cũ mềm đến không hiểu nổi của Welty, cuồng dại vì sốt tới nỗi liên tục thấy mình ở Cơ quan quản lý cảng, đang chạy trốn người ta, luồn lách qua những đám đông hay chúi vào đường hầm có nước nhớt dầu nhỏ xuống người, hoặc không thì lại ở Las Vegas trên cái xe buýt CAT, đi giữa những trung tâm thương mại công nghiệp phơi ra trước gió, cát bay xối vào cửa kính mà lại không có tiền trả vé. Thời gian trôi tuột dưới thân người tôi thành từng đợt, như vết băng trượt trên xa lộ, ngắt quãng bằng những cú giật nảy người, khi bánh xe mắc lại và tôi bay vèo về thời gian thực: Hobie mang thuốc và bia gừng bỏ đá, Popchik - tắm sạch tình tươm, xù bông trắng như tuyết - nhảy bật lên đầu giường rồi chạy lung tung qua chân tôi.

"Này," Pippa nói khi đi lại giường, chọc vào sườn tôi để cô có chỗ ngồi xuống. "Xích qua."

Tôi ngồi dậy và sờ soạng tìm kính. Tôi vừa mơ thấy bức tranh - tôi đã lôi nó ra, nhìn nó, hay là không? - và nhận ra mình đang nhìn quanh quất lo lắng, để biết chắc đã cất nó đi trước khi ngủ.

"Sao thế?"

Tôi bắt mình quay nhìn cô. "Có gì đâu." Đã mấy lần tôi bò xuống dưới giường sờ tay vào cái vỏ gối, nên không thể không nghĩ liệu mình có bất cẩn để nó thò ra ngoài không. Đừng có nhìn xuống đó, tôi nhắc nhở mình. *Nhìn cô ấy*.

"Này," Pippa đang nói. "Cho cậu cái này. Chìa tay ra."

"Uầy," tôi đáp và nhìn hình xếp giấy nhọn hoắt màu xanh mướt trong bàn tay. "Cảm ơn cậu."

"Cậu biết là cái gì không?"

http://tieulun.hopto.org

“Ờm...” Hươu à? Quạ? Hay sơn dương? Hoảng vía, tôi ngước nhìn cô.

“Chịu rồi hả? Ếch đấy! Không thấy à? Đây, bỏ lên bàn đi. Nó sẽ nhảy nếu cậu ấn vào thế này, thấy không?”

Trong lúc luống cuống chơi đùa với con ếch, tôi vẫn nhận thấy mắt cô dán lên tôi - mắt vừa sáng vừa hoang dại, chứa một sức mạnh bất cẩn như mắt mèo con.

“Tớ xem được không?” Cô vừa chộp lấy cái iPod của tôi, đang mải mê giở xem. “Hm,” cô nói. “Hay đấy! Magnetic Relds, Mazzy Star, Nico, Nìrvana, Oscar Peterson. Không có cổ điển à?”

“Có một ít,” tôi đáp ngượng ngùng. Mọi thứ cô vừa kể tên, trừ Nirvana, đều là của mẹ, và thậm chí vài bài Nirvana cũng là của mẹ.

“Để tớ ghi CD cho cậu. Nhưng mà máy tính tớ để ở trường rồi. Hay là tớ gửi mail cho cậu cũng được - dạo này tớ toàn nghe Arvo Pärt[107], đừng hỏi tại sao, tớ phải đeo tai nghe vì nếu không bạn cùng phòng sẽ phát khùng.”

Sợ cô sẽ nhận ra tôi đang trân trân nhìn, mà cũng không tài nào dứt mắt khỏi cô, tôi ngắm cô nghẹo đầu xem xét cái iPod: tai hồng ửng vết sẹo nổi hằn lên hơi chìa ra dưới mái tóc đỏ rực như cháy. Trông nghiêng, cặp mắt nhìn xuống của cô có nét dài, mi rợp, dịu dàng như những thiên thần hay tiểu đồng trong cuốn *Danh tác Bắc Âu* tôi đã mượn từ thư viện hết lần này đến lần khác.

“Này...” Chữ khô đi trong miệng tôi.

“Ừ?”

“Ừm...” Sao không giống như lúc trước? Sao tôi chẳng nghĩ ra điều gì để nói?

“Ôiiiii…” cô vừa liếc nhìn tôi, đã lại cười, cười bò ra đến nỗi không nói thành lời.

“Sao thế?”

“Sao cậu lại nhìn tớ như thế?”

“Như thế nào?” tôi cảnh giác hỏi.

“Như thế này này.” Tôi không hiểu phải lý giải thế nào cái bộ dạng mắt lồi ra mà cô diễn cho tôi xem. Người bị nghẹn à? Người châu Á? Hay cá?

“Đừng bực. Trông cậu nghiêm trọng quá. Chỉ là…” cô liếc nhìn lại xuống cái iPod, và rồi lại cười phá lên. “Oài,” cô nói. “Shostakovich, *kinh đây*?”

Cô nhớ được từng nào? Tôi tự hỏi, người bốc cháy vì ngượng nghịu nhưng cũng không rời mắt nổi khỏi cô. Đấy không phải thứ để tài có thể đem ra hỏi, nhưng tôi vẫn muốn biết. Cô có bị ác mộng không? Hay chứng sợ đám đông? Đổ mồ hôi và kinh hoảng? Cô có bao giờ có cảm giác đang quan sát mình từ bên ngoài, như nhiều lần tôi đã vậy, như thể vụ nổ đã thổi cơ thể và linh hồn tôi thành hai thực thể tách rời nhau, lúc nào cũng cách nhau chừng hai mét? Tiếng cười bật ra từ miệng cô có cái vẻ bất chấp mà tôi biết quá rõ sau những đêm đập phá với Boris, ẩn chứa trong đó là sự chóng mặt và kích động mà theo tôi hiểu (ít ra là với tôi) gắn liển với việc đã đi sướt qua cái chết. Có nhiều đêm trong sa mạc tôi cười phát điên, phát co giật và quặn cả người khiến bụng đau dừ hàng tiếng liền, đến nỗi tôi sẵn sàng nhảy ra trước đầu xe miễn sao cơn cười dừng lại.

http://tieulun.hopto.org

VÀO SÁNG THỨ HAI, dù còn xa mới gọi là khỏe lại, tôi đã nhấc mình ra khỏi màn sương nhức nhối gà gật, và ngoan ngoãn mò vào bếp, gọi tới văn phòng ông Bracegirdle. Nhưng khi hỏi gặp ông, cô thư ký (sau khi bảo tôi chờ máy và rồi quay lại hơi quá nhanh) cho tôi biết rằng ông Bracegirdle đã đi ra ngoài, và không, cô không có số nào để gọi cho ông được, và không, rất tiếc là cô cũng không biết khi nào ông mới trở lại. Còn gì nữa không?

"À..." Tôi đọc số Hobie cho cô và đang tiếc rằng mình quá chậm chạp, không nghĩ đến chuyện cứ xếp lịch hẹn phăng đi cho xong, thì điện thoại reo.

"212 hả?" cái giọng sang trọng khôn ngoan hỏi.

"Cháu đi khỏi đó rồi," tôi nói, rất ngớ ngẩn: cơn cảm trong đầu khiến giọng tôi nghèn nghẹt và có vẻ đần. "Cháu đang ở New York."

"Phải, tôi thấy rồi." Giọng ông ta thân thiện nhưng lạnh nhạt. "Tôi giúp gì được cho cậu?"

Khi nghe kể về việc bố tôi, đầu dây bên kia có tiếng hít sâu. "Chà," ông ta thận trọng nói, "tôi xin chia buồn với cậu. Việc này xảy ra bao giờ?"

"Tuần trước."

Ông lắng nghe không ngắt lời, trong vòng phải đến năm phút kể đầu đuôi câu chuyện, tôi nghe ông gạt đi ít nhất hai cú điện thoại khác. "Má ơi," ông nói khi tôi đã xong. "Đúng là một câu chuyện phức tạp đấy, Theodore."

Má ơi? Nếu đang trong tâm trạng khác, chắc tôi đã mỉm cười. Đây chắc chắn là một người mẹ đã quen, và đã ưa.

"Chắc ở đó cháu phải thấy tôi tệ lắm," ông vẫn đang nói. "Tất

nhiên là tôi rất thông cảm với mất mát của cháu. Chuyện buồn quá. Dù nói thẳng - và giờ thì tôi cảm thấy dễ dàng nói với cháu hơn - khi ông ấy xuất hiện, không ai biết phải làm gì. Mẹ cháu, tất nhiên, đã thổ lộ một vài thứ - cả Samantha cũng đã tỏ ra lo ngại - ừ, cháu biết đấy, tình huống thật khó. Nhưng tôi không nghĩ từng có ai lường đến điều này. Mặt rô cầm gậy bóng chày."

"À..." *mặt rô cầm gậy bóng chày*, tôi không thực có ý muốn ông tóm lấy chi tiết đó. "Ông đó chỉ đứng một chỗ thôi. Cũng không phải là đánh cháu gì hết."

"À..." ông cười lớn, tiếng cười tự nhiên, phá vỡ hết mọi căng thẳng "65.000 đô-la quả đúng là một con số hết sức cụ thể. Và tôi cũng phải nói rằng - tôi đã hơi đi quá phần mình trong vai trò tư vấn cho cháu khi chúng ta nói chuyện qua điện thoại, dù trong tình cảnh đó, tôi hy vọng cháu sẽ thứ lỗi cho tôi. Chỉ là do tôi đánh hơi thấy có thứ không ổn."

"Xin lỗi?" tôi hỏi sau một khoảng lặng váng vất.

"Trên điện thoại ấy. Số tiền đó. Cháu có thể rút tiền, ít ra là từ tài khoản 529. Sẽ bị phạt thuế rất cao, nhưng vẫn có thể."

Có thể ư? Đáng ra tôi đã lấy được số tiền đó? Một tương lai khác thoáng qua trước mắt tôi: ông Silver nhận đủ tiền, bố mặc áo choàng tắm xem kết quả đấu bóng trên điện thoại, tôi ngồi trong lớp của cô Spirsetskaya còn Boris ườn oài bên dãy ghế bên kia.

"Dù phải nói với cháu rằng tiền trong quỹ thực ra là chưa đủ ngần đó," ông Bracegirdle đang nói. "Nhưng đã cất kỹ và vẫn không ngừng sinh sôi thêm! Mặc dù chúng ta không thể sắp xếp cho cháu dùng đến phần nào trong đó, như tình hình hiện tại, nhưng mẹ cháu đã cực kỳ quyết tâm không đụng đến tiền ấy dù có gặp khó khăn đến mức nào. Cô ấy hẳn tuyệt đối không muốn

bố cháu sờ tay được vào đó.

Và, phải đấy, nói riêng giữa chúng ta, tôi tin rằng cháu tự quyết định quay về thành phố là một việc cực kỳ khôn ngoan. Xin lỗi...” tiếng trò chuyện không rõ “tôi có hẹn lúc 11 giờ, phải đi đây - cháu đang ở chỗ Samantha hả, theo tôi đoán?”

Câu hỏi làm tôi ngớ ra một chốc. “Không,” tôi nói, "với người bạn ở Làng Greenwich.”

“À, quá tốt. Miễn sao là cháu được yên ổn. Dù sao thì, tôi phải đi đây. Chúng ta tiếp tục bàn việc ở văn phòng tôi khi nào đó nhỉ? Tôi sẽ đưa lại cho Patsy để cô ấy xếp lịch.”

“Tuyệt quá,” tôi đáp, “cảm ơn bác,” nhưng khi dập máy, tôi thấy hẫng cả người - như vừa có ai thò tay vào ngực tôi, vặn ra một lố những thứ ướt át đáng ghét đang bao lấy quanh trái tim.

“Không sao chứ?” Hobie hỏi - đi qua bếp, dừng khựng lại khi thấy vẻ mặt tôi.

“Không ạ.” Nhưng đi qua hành lang về tới phòng tôi là một quãng đường dài - và khi đã đóng cửa, trèo lại vào giường tôi bắt đầu khóc, khóc khan, những tiếng khò khè ghê rợn, mặt áp vào gối, còn Popchik cào cào vào áo tôi và ngửi hít gáy lo âu.

v.

TỚI LÚC ĐÓ TÔI ĐÃ CẢM THẤY khá hơn, nhưng không hiểu sao thông tin này như làm tôi lại ốm trở lại. Khi ngày hôm ấy trôi qua và cơn sốt lại thăng lên đỉnh điểm nôn nao lảo đảo như trước, tôi không tài nào nghĩ tới cái gì khác ngoài bố tôi: mình phải gọi cho bố thôi, tôi nghĩ, vài lần nhỏm dậy khỏi giường khi vừa thiếp đi: cứ như thể cái chết của bố không có thực, mà chỉ là màn diễn

tập, là bản chạy thử, và cái chết thực (vĩnh viễn) vẫn còn chờ phía trước, vẫn còn kịp ngăn chặn lại, chỉ cần tôi tìm được bố, chỉ cần bố nghe điện thoại, chỉ cần Xandra gọi được tới chỗ làm, *mình phải gọi được cho bố, mình phải cho bố biết*. Rồi mãi sau - khi ngày đã hết, trời đã tối - tôi rơi vào cơn nửa mơ nửa tỉnh rất hỗn loạn, có bố đang chửi rủa tôi vì đã nhầm lẫn vé máy bay gì đó, thì bỗng nhận ra có ánh đèn trên hành lang, một bóng người tí xíu trên nền sáng - Pippa, vừa ập vào phòng, bước đi loạng choạng như bị ai đẩy, băn khoăn ngoái lại sau lưng và hỏi: "Cháu có nên gọi cậu ấy dậy không?"

"Đợi đã," tôi nói - nửa với cô, nửa với bố tôi, lúc này đang nhanh chóng rơi lại vào bóng tối, có một bầy khán giả bóng bầu dục hung dữ nào đó bên kia cánh cổng cao mái cong. Khi đeo kính vào, tôi thấy cô đang mặc áo khoác như sắp ra ngoài.

"Xin lỗi?" tôi hỏi và giơ tay che mắt, hoang mang vì ánh đèn chói.

Không, tớ mới phải xin lỗi. Chỉ là... tức là... gạt một sợi tóc trên mặt "tớ sắp đi, nên tớ đến tạm biệt."

"Tạm biệt à?"

"Ôi." Đôi mày nhạt nhíu lại, cô đứng trên cửa nhìn Hobie (đã biến mất) rồi lại nhìn tôi. "Ờ phải. À." Giọng cô có vẻ hơi cuống quýt. "Tớ sắp đi về. Tối nay. Dù sao thì được gặp cậu cũng rất vui. Tớ hy vọng rồi mọi chuyện sẽ ổn với cậu."

"Tối nay à?"

"Ừ, tớ sắp bay bây giờ đây. Bác ấy cho tớ học nội trú?" cô nói khi thấy tôi vẫn ngớ ra nhìn. "Tớ về đây nghỉ Tạ ơn? Về khám bác sĩ? Nhớ chứ?"

"À, ừ." Tôi vẫn đang nhìn cô thật lâu, hy vọng mình còn đang

ngủ. Nội trú có vẻ là một thông tin quen thuộc, nhưng tôi cứ ngỡ là do mình mơ.

"Ừm..." cô cũng có vẻ bối rối "thật chán là cậu lại không đến sớm hơn, ở đây vui lắm. Hobie nấu ăn - mời cả đống khách qua đây. Nhưng tớ may mà mới được về đấy, còn phải lấy giấy của bác sĩ Camenzind. Ở trường tớ lễ Tạ ơn không được nghỉ mà."

"Thế ở đấy làm gì?"

Ở đấy không ăn Tạ ơn. Ừm... hình như người ta cũng nấu gà tây cho những ai ăn lễ thì phải."

"Trường nào vậy?"

Khi cô nói tên cho tôi biết - khóe miệng giật giật gần như tức cười - tôi choáng cả người. Institut Mont-Haefeli là một trường ở Thụy Sĩ - chỉ suýt soát được công nhận tiêu chuẩn, theo lời Andy - dành riêng cho bọn con gái cực ngu, hoặc tâm thần cực rối loạn.

"Mont-Haefeli? Thật ư? Tớ cứ tưởng chỗ đó rất là... chữ thần kinh không dùng được "uầy."

"Ừm. Bác Margaret bảo dần tớ sẽ quen." Cô đang nghịch con ếch giấy trên bàn, tìm cách bắt nó nhảy, nhưng nó đã bị méo nên ngã sang một bên. "Mà cảnh thì cứ như núi trên hộp màu Caran d'Ache ấy. Đỉnh tuyết, đồng hoa, đủ thứ nữa. Ngoài cái đó ra, còn lại giống hệt mấy cái phim kinh dị châu Âu chán ngắt chả bao giờ có gì xảy ra."

"Nhưng mà..." Tôi có cảm giác mình đã bỏ quên thứ gì, hay có khi vẫn còn đang ngủ. Người duy nhất tôi từng biết đi học ở Mont- Haefeli là chị của James Villiers là Dorit Villiers, mà nghe đồn cô ta bị gửi tới đó vì đã đâm phập dao vào tay bạn trai.

"Ừm, chỗ đó quái lắm," cô đáp và đưa cặp mắt buồn chán ngó

quanh phòng. “Trường của lũ mát dây ấy mà. Nhưng có cái vết thương này ở đầu thì chả mấy chỗ chịu nhận tớ. Ở đấy có cả phòng khám,” cô nhún vai. “Có bác sĩ thường trực. Oách hơn cậu tưởng đấy. Ý tớ là, từ hồi bị đập đầu tớ cũng gặp rắc rối, nhưng tớ đâu có điên hay đi ăn trộm đồ đâu.”

“Ừ, nhưng… ” tôi vẫn đang cố đẩy chữ *phim kinh dị* ra khỏi đầu.

“Thụy Sĩ à? Oai đấy chứ.”

“Nếu cậu nghĩ thế.”

“Tớ biết một đứa, Lallie Foulkes, đi học ở Le Rosey. Nó bảo sáng nào chúng nó cũng được ăn sô-cô-la.”

“À, chúng tớ còn không được phết mứt lên bánh mì nữa cơ.” Tay cô có đốm, trắng nhợt trên màu đen áo. “Chỉ có mấy đứa bị rối loạn ăn uống là được thôi. Nếu muốn có đường bỏ vào trà, phải ăn trộm đường gói ở phòng trực y tá.”

“Ừm…” Càng lúc càng tệ. “Cậu có quen đứa nào tên Dorit Villiers không?”

“Không. Nó có học ở đấy, nhưng đã bị đẩy đi chỗ khác rồi. Hình như tìm cách cào mặt ai đó thì phải. Nó phải ngồi biệt giam một thời gian.”

“Hả?”

“Ừ thì họ không *gọi* như thế,” cô nói và quẹt mũi. “Đấy là một cái nhà trông như kiểu trang trại, gọi là La Grange - cậu tưởng tượng được không, mấy cô vắt sữa rồi giả vờ quê kiểng kiểu thế. Đẹp hơn nhà ký túc. Nhưng cửa đều gắn khóa báo động, có cả người gác.”

“Ừm, tớ nghĩ là…” Tôi nghĩ đến Dorit Villiers - tóc vàng xoăn tít, mắt xanh ngơ ngẩn như một cô thiên thần nóc cây thông bị

chập cheng - và chẳng biết nói gì nữa.

“Đấy là chỗ nhốt bọn con gái khùng thật thôi. La Grange ấy. Tớ thì ở Bessonet, với một lũ nói tiếng Pháp nữa. Tiếng là để tớ giỏi tiếng Pháp hơn, nhưng sự thực là chả đứa nào thèm nói chuyện với tớ.”

“Cậu phải bảo bà ấy là cậu không thích chứ! Bác cậu ấy.”

Cô nhăn mặt. “Tớ bảo chứ. Nhưng rồi bác ấy bắt đầu ca cẩm là tốn kém lắm đấy. Hoặc là tớ đang làm bác ấy đau lòng. Nhưng mà. cô bứt rứt nói, giọng cảm thán tớ *phải đi đây* và nhìn ra đằng sau lưng.

“Hừm,” cuối cùng tôi đáp, sau một quãng lặng ù đầu. Bất kể ngày đêm, cơn mê sảng của tôi đã nhuốm màu cô, nhờ biết cô vẫn còn đâu đó trong nhà, những đợt trào dâng năng lượng chốc lại đến khi niềm vui dâng lên bởi tiếng cô trong hành lang, tiếng bước chân: chúng tôi sắp dựng chăn làm lều, cô sẽ đợi tôi ở sân trượt băng, tiếng ngân nga phấn khích khi nghĩ đến mọi điều chúng tôi sẽ làm với nhau khi nào tôi khỏe - thực tế, dường như chúng tôi đã làm nhiều điều cùng nhau, như là xỏ những chuỗi vòng cổ bằng kẹo màu cầu vồng trong lúc trên đài bật Belle và Sebastian, và rồi sau đó, vẩn vơ chơi trong một khu trò chơi máy xèng không tồn tại trên quảng trường Washington.

Hobie, tôi bỗng nhận ra, đang kín đáo đứng trong hành lang.

“Xin lỗi,” ông nói, liếc vào đồng hồ. “Bác thực tình không muốn giục cháu...”

“Vâng,” cô đáp. Rồi quay sang tôi”. “Vậy chào nhé. Hy vọng cậu chóng khỏe lại.”

“Đợi đã!”

“Sao?” cô hơi quay người lại.

“Cậu sẽ về đây ăn Giáng sinh chứ?”

“Không, ở lại nhà bác.”

“Vậy lúc nào cậu mới quay lại?”

“Èo..- nhún một bên vai. “Chả biết. Có thể là kỳ nghỉ xuân.”

“Pips...” Hobie nói, dù đúng hơn là nói với tôi chứ không phải cô.

“Vâng,” cô nói và gạt tóc trên mắt.

Tôi đợi đến khi nghe tiếng cửa trước đóng. Rồi tôi ra khỏi giường, kéo màn. Qua lớp kính mờ bụi, tôi nhìn họ cùng nhau bước xuống bậc thềm trước cửa, Pippa quàng chiếc khăn hồng, đội mũ, bước rảo bên thân hình to lớn ăn mặc chỉn chu của Hobie.

Một lúc lâu sau khi họ khuất sau góc đường, tôi còn đứng bên cửa sổ nhìn con phố vắng. Rồi thấy hơi váng vất và ủ dột, tôi lê chân đến phòng ngủ của cô, và không cưỡng được, hé cửa ra một chút.

Vẫn nguyên như hai năm về trước, chỉ có điều trống trải hơn. Áp phích “Phù thủy xứ Oz” và “Cứu lấy Tây Tạng”. Không có xe lăn. Bệ cửa sổ chìm dưới những viên mưa đá trắng. Nhưng vẫn có mùi cỏ, còn ấm và linh động từ sự hiện diện của cô, và trong lúc tôi đứng đó hít thở bầu khí quyển của cô, tôi cảm thấy một nụ cười sung sướng đang ngoác ra trên mặt, chỉ cần đứng đó giữa những cuốn sách cổ tích, những lọ nước hoa, khay cặp tóc lấp lánh và bộ sưu tập thiếp trái tim- giấy cắt ren, thần tình yêu và hoa, những tình lang thời Edward áp vào tim những bó hồng to tướng. Nhẹ nhàng, rón rén kiễng chân dù đang đi đất, tôi bước lại

những tấm hình lồng khung bạc trên tủ áo - Welty và Cosmo, Welty và Pippa, Pippa và mẹ (cùng mái tóc, cùng cặp mắt) bên một Hobie trẻ hơn, gầy hơn...

Tiếng rừ rừ nhỏ trong phòng. Tôi ăn năn quay lại - có người ư? Không, chỉ là Popchik, trắng như bông sau khi tắm, nằm lút giữa đống gối trên cái giường chưa dọn của cô, ngáy khò khò một cách khoái thú và chảy dãi như con mèo rên ư ử. Và dù biết mình có phần đáng thương - an ủi mình bằng những đồ vật cô bỏ lại đằng sau, như con cún con nép vào cái áo khoác cũ - tôi vẫn luồn người xuống dưới lớp chăn, rúc vào cạnh nó, mỉm cười ngây ngốc trước mùi cái gối ôm của cô cùng cảm giác mượt như lụa dưới má mình.

vi.

"CHÀ CHÀ," ÔNG BRACEGIRDLE nói, khi bắt tay Hobie rồi đến tôi. "Theodore - tôi phải nói là - cháu càng lớn càng giống mẹ đấy. Ước gì mẹ cháu có thể thấy cháu bây giờ."

Tôi cố tìm cách nhìn thẳng vào mắt ông mà không tỏ ra ngượng nghịu. Sự thực là: dù mang mái tóc thẳng của mẹ, cùng phần nào các sắc độ trắng và đen của mẹ, thì nhìn tổng thể tôi vẫn giống bố nhiều hơn, giống đến nỗi không người qua đường lắm chuyện nào hay cô phục vụ quán cà phê nào từng chịu bỏ qua chuyên đó - mặc dù tôi chưa bao giờ lấy làm vui sướng vì mình giống bậc phụ huynh mà bản thân còn không chịu nổi, nhưng nay thấy một phiên bản trẻ hơn của bản mặt say xỉn sưng sỉa ấy trong gương lại càng khó khăn hơn, khi bố đã chết rồi.

Hobie và ông Bracegirdle đang trò chuyện khẽ khàng - ông Bracegirdle kể cho Hobie nghe đã gặp mẹ tôi trong hoàn cảnh

nào, Hobie sực nhớ "À! Tôi nhớ rồi - tuyết cả ba chục phân dù chưa đến một giờ! Chúa ơi, tôi từ phòng đấu giá đi ra, chẳng có gì nhúc nhích, tôi thì ở phố trên nửa bắc, bên chỗ phòng trưng bày Parke-Bernet cũ."

"Đằng Madison đối diện khách sạn Carlyle?"

"Đúng – về đến nhà cũng tương đối."

"Ông làm đồ cổ à? Dưới Greenwich à, Theo bảo thế?"

Lễ độ, tôi ngồi lắng nghe họ nói chuyện với nhau: bạn bè chung, chủ phòng trưng bày, nhà sưu tập, những Raker và Rehnberg và Fawcett và Vogel và Mildeberger và Depew, rồi tiếp đến những điểm mốc đã biến mất ở thành phố New York, hồi đóng cửa Lutèce, La Caravelle, Café des Artistes, mẹ cháu sẽ nghĩ sao nhỉ, Theodore nhỉ, cô ấy yêu Café des Artistes thế mà. (Sao ông ta lại biết? tôi nghĩ.) Trong khi không một giây nào tôi tin những điều mà bố, trong những phút giây tiểu nhân, đã ám chỉ về phần mẹ tôi, thì quả có vẻ là ông Bracegirdle đã thân thuộc với mẹ hơn nhiều so với tôi từng tưởng tượng. Ngay cả những cuốn sách ngoài sách luật trên giá có vẻ cũng cho thấy một sự tương đồng, một độ hô ứng về sở thích giữa hai người họ. Sách mỹ thuật: Agnes Martin, Edwin Dickinson. Thơ nữa, những ấn bản đầu: Ted Berrigan. Frank O' Hara, *Meditations in an Emergency*[108]. Tôi vẫn nhớ cái hôm mẹ về, mặt đỏ ửng sung sướng, khoe chính cái cuốn Frank O'Hara ấy - mà tôi đồ chừng chắc mẹ kiếm được ở hiệu Strand[109], bởi chúng tôi lấy đâu ra tiền mua thứ đó. Nhưng giờ nghĩ lại, tôi nhận ra mẹ chưa hề nói đã kiếm được nó ở đâu.

"Nào, Theodore," ông Bracegirdle nói khiến tôi sực tỉnh. Dù đã già nhưng phong thái điềm đạm và nước da rám đều khiến ông có cái vẻ một người chủ yếu dành thời gian rảnh trên sân quần vợt,

còn hai bọng mắt thâm lại khiến ông như một chú gấu trúc hiền từ. “Như tuổi cháu thì đã đủ để quan tòa đặt nguyện vọng của cháu lên trên hết trong sự việc này,” ông đang nói. “Nhất là vi quyền giám hộ cháu sẽ không có ai giành giật - tất nhiên,” ông nói với Hobie, “chúng ta có thể đệ đơn xin quyền giám hộ tạm thời trong thời gian tới, nhưng tôi nghĩ cả cái đó cũng không cần thiết. Hẳn nhiên đây sẽ là phương án đáp ứng tốt nhất quyền lợi của cậu bé vị thành niên, miễn là ông thấy không vấn đề gì?”

“Không chỉ là không vấn đề gì,” Hobie đáp. “Tôi sẽ hạnh phúc nếu cậu ấy được hạnh phúc.”

“Ông hoàn toàn đồng ý đóng vai trò không chính thức, làm người bảo trợ Theo trong thời gian trước mắt?”

“Không chính thức hay giấy tờ hàng chồng, thế nào cũng được.”

“Còn phải thu xếp việc học cho cháu nữa. Theo tôi nhớ thì chúng ta đã đề cập đến trường nội trú. Nhưng vào lúc này mà tính chuyện đó thì quá nhiều việc, phải không?” ông nói khi nhận thấy vẻ chết điếng trên mặt tôi. “Phải ra đi ngay khi cháu vừa mới tới, mà lại sắp ngày lễ nữa chứ? Chưa cần thiết phải quyết định bất kỳ điều gì, tôi nghĩ vậy,” ông ta nói và đánh mắt sang Hobie. “Tôi cho là cứ để cháu nghỉ hết học kỳ này rồi chúng ta sẽ tính toán lại sau. Và tất nhiên cháu biết rằng có thể gọi tôi bất cứ lúc nào đấy. Ngày đêm đều được.” Ông đang viết số điện thoại lên một tờ danh thiếp. “Đây là số nhà tôi, đây là di động - trời, trời, cháu ho khiếp quá!” ông ta liếc nhìn lên “ho ghê quá, cháu đang đi khám rồi chứ? Còn đây là số của tôi đằng Bridgehampton. Tôi hy vọng cháu sẽ không ngại gọi tôi vì bất kỳ cớ gì, nếu cháu cần bất kỳ thứ gì.”

Cố gắng nuốt ngược xuống một đợt ho hắng mới. “Cảm ơn

bác... ”

“Vậy đây chắc chắn là điều cháu muốn chứ?” Ông ta đang nhìn sát vào tôi, vẻ mặt khiến tôi tưởng như mình đang đứng trên bục nhân chứng. “Ở nhà ông Hobart trong vài tuần tới đây?”

Tôi không thích cụm từ *vài tuần tới đây*. “Vâng,” tôi lúng búng nói vào nắm tay, “nhưng....”

“Bởi vì, trường nội trú à.” Ông ta đan tay vào nhau, tựa người ra ghế nhìn tôi. “Hầu như chắc chắn là thứ tốt nhất cháu có được, về lâu về dài, nhưng nói thực nhé, trong hoàn cảnh này, tôi tin là mình chỉ cần gọi cho ông bạn Sam Ungerer ở Buckfield là chúng tôi đưa được cháu lên đó tức khắc. Thế nào cũng sắp xếp được thôi. Đấy là một trường rất cừ. Và tôi nghĩ còn có thể thu xếp cho cháu ở nhà ông hiệu trưởng, hay một trong các giáo viên, chứ không phải ở ký túc xá, như thế cháu sẽ được sống trong không khí gia đình nếu cháu nghĩ mình thích thế hơn.”

Cả ông ta và Hobie đều đang đưa mắt nhìn khích lệ, trong lúc tôi suy nghĩ. Tôi nhìn xuống giày, không muốn tỏ ra vô ơn, nhưng ước gì có thể đóng lại cánh cửa này.

“Ờm.” Ông Bracegirdle và Hobie liếc nhìn nhau - có phải tôi đã thấy một thoáng cam chịu hoặc thất vọng trên mặt Hobie? “Miễn là cháu muốn như vậy, và ông Hobart cũng thuận ý, thì tôi thấy trước mắt sắp xếp như thế cũng không có gì không ổn. Nhưng tôi vẫn mong cháu nghĩ thật kỹ xem mình muốn ở đâu, Theodore ạ, để chúng ta tiếp tục bàn thảo và đạt được phương hướng nào đó cho học kỳ sau, hay thậm chí là học hè, nếu cháu muốn.”

vii.

GIÁM HỘ TẠM THỜI. Trong mấy tuần tiếp đó, tôi cố gắng hết

sức lao đầu vào việc mà không suy nghĩ quá nhiều xem tạm thời nghĩa là sao. Tôi đã nộp đơn xin học một chương trình đại học sớm[110] trong thành phố - mục tiêu là để tránh bị đẩy đi vùng sâu vùng xa nếu vì lý do nào đó mà thỏa thuận với Hobie không đứng vững. Suốt ngày, trong phòng, dưới ngọn đèn tờ mờ, có con Popchik ngáy ran trên thảm cạnh chân, tôi gò mình trên những sách hướng dẫn ôn thi, học thuộc nào ngày tháng, chứng minh, định luật, từ vựng tiếng La tinh, một lô một lốc động từ bất quy tắc tiếng Tây Ban Nha, đến nỗi cả trong mơ tôi cũng thấy trước mắt hàng dãy bảng dài lòng thòng và khổ sở tìm cách giữ cho chúng hợp lý.

Không khác gì tôi đang cố trừng phạt chính mình - hay là bù đắp lại cho mẹ cũng nên - bằng cách đặt mục tiêu cao tót vời như vậy. Tôi đã mất thói quen làm bài tập; ở Vegas tôi chẳng phải là học trò chăm chỉ gì cho cam, và khối lượng thông tin cần học thuộc khiến tôi cảm thấy như đang chịu tra tấn, đèn pha chiếu vào mặt, không biết câu trả lời đúng là đâu, thất bại sẽ là thảm họa. Vừa dụi mắt, vừa dùng đủ cách - tắm nước lạnh, cà phê đá - cho tỉnh táo, tôi giục giã mình bằng cách tự nhủ mình đang làm một việc tốt như thế nào, dù màn cày cuốc nhồi nhét bất tận ấy có tính tự hủy diệt hơn bất kỳ món keo nào tôi từng hít; và đến một lúc đầu váng mắt hoa, bản thân việc học đã biến thành một thứ ma túy, khiến tôi kiệt lực đến nỗi chẳng còn tiếp nhận nổi khung cảnh xung quanh.

Thế nhưng tôi cũng lại thấy may mắn có việc học này, bởi nhờ thế mà tinh thần tôi rã rời đến nỗi không nghĩ ngợi được gì nữa. Nỗi hổ nhục đang hành hạ tôi càng thêm phần ác hại vì không rõ nó có gốc gác ở đâu: tôi không hiểu cái cảm giác bản thân mình vấy bẩn, vô giá trị và sai trái này từ đâu đến, chỉ biết rằng nó ở đây, và mỗi lần ngẩng lên khỏi sách vở tôi lại chìm lút trong thứ

nước lầy nhầy từ khắp nơi bủa tới.

Một phần chắc hẳn là do bức tranh. Tôi biết cứ giữ lấy nó rồi sẽ chẳng đưa đến điều gì tốt đẹp, nhưng lại cũng biết mình đã giữ quá lâu khó có thể nói ra. Tâm sự với ông Bracegirdle sẽ là xuẩn ngốc. Địa vị tôi đã đủ bấp bênh lắm rồi; ông ta đã sốt vó muốn tống tôi đi trường nội trú. Và mỗi lần tôi nghĩ, rất nhiều lần, hay là kể với Hobie, tôi lại thấy mình rơi vào một trong vô số tình huống giả định chẳng cái nào có vẻ dễ xảy ra hơn cái nào.

Tôi sẽ đưa bức tranh cho Hobie, ông sẽ bảo "ồ, đơn giản thôi", và bằng cách nào đó (tôi vẫn còn gặp rắc rối với khúc này, diễn tiến cụ thể ở khúc này), ông sẽ xử lý được nó, hoặc gọi cho ai đó người quen, hoặc nghĩ ra một cách cực kỳ tuyệt vời, hoặc gì đó, mà không để tâm, không tức giận, và làm sao đó mà tất cả sẽ êm thấm?

Hay là: Tôi sẽ đưa bức tranh cho Hobie và ông sẽ gọi cảnh sát.

Hay là: Tôi sẽ đưa bức tranh cho Hobie và ông sẽ đoạt lấy rồi bảo, "Gì, cháu điên à? Tranh nào? Bác chẳng hiểu cháu nói cái gì cả."

Hay là: Tôi sẽ đưa bức tranh cho Hobie và ông sẽ gật đầu, làm bộ thông cảm và bảo tôi làm thế là đúng lắm, nhưng khi tôi vừa bước ra khỏi phòng ông sẽ gọi ngay cho luật sư của ông, và tôi sẽ bị đưa thẳng đến trường nội trú hoặc một nhà trẻ mồ côi (mà dù có tranh hay không có tranh, cũng là cái kết cho hầu hết các tình huống tôi nghĩ ra).

Nhưng phần khiến tôi áy náy hơn tất cả hẳn phải là việc bố tôi. Tôi biết cái chết của ông chẳng phải lỗi tại mình, thế nhưng ở một tầng mức nào đó, sâu thẳm trong xương, phi lý nhưng không tài nào rũ bỏ, tôi lại biết rằng đúng vậy. So với việc tôi đã lạnh

lùng ngoảnh mặt với ông trong cơn tuyệt vọng cuối cùng, thì chuyện ông nói dối thật không quan trọng. Có thể ông đã biết rằng tôi hoàn toàn có khả năng trả nợ hộ ông - một thực tế đã ám ảnh tôi từ cái hôm ông Bracegirdle thản nhiên như không buột ra điều ấy. Trong khoảng bóng tối đằng sau cây đèn bàn, những con sư tử đầu chim bằng đất nung của Hobie giương cặp mắt thủy tinh tròn xoe nhìn tôi. Ông có nghĩ tôi đã chủ tâm bịt miệng ông không? Có nghĩ tôi muốn ông phải chết? Hằng đêm, tôi mơ thấy ông bị đánh, bị rượt qua những bãi gửi xe sòng bạc, và hơn một lần giật mình choàng tỉnh thấy ông đang ngồi trên ghế cạnh giường, lặng lẽ nhìn tôi, vệt đỏ đuôi điếu thuốc ánh lên trong bóng tối. Nhưng họ bảo con là bố chết rồi cơ mà, tôi nói lớn, rồi mới nhận ra ông không ở đó.

Thiếu Pippa, căn nhà lặng ngắt như nghĩa địa. Những căn phòng chính bị đóng cửa có mùi nhè nhẹ, âm ẩm như lá héo. Đêm đêm tôi đi lang thang, nhìn ngó đồ đạc của cô, nghĩ xem cô đang ở đâu, đang làm gì, và cố hết sức đánh thức trong lòng mối liên hệ với cô qua những sợi chỉ khó khăn như sợi tóc đỏ trong lỗ xả bồn tắm, hay chiếc tất cuộn tròn nằm dưới xô pha. Nhưng dù có nhớ nhung cảm giác bồn chồn từ sự có mặt của cô biết mấy, tôi vẫn dịu đi bởi căn nhà, bởi cảm giác an toàn và quây kín trong căn nhà: những chân dung cũ, những hành lang đèn chập chờn, những đồng hồ gõ giây ầm ĩ. Không khác gì tôi đã đăng ký làm trẻ giúp việc trên tàu *Marie Céleste.* Trong khi tôi đi lại qua những khoảng im lặng ứ đọng, những vũng bóng tối và nắng gắt, sàn nhà cũ kêu cọt kẹt dưới chân như boong tàu, tiếng dào dạt của dòng xe cộ ngoài Đại lộ 6 chỉ vừa đủ táp vào màng nhĩ. Trên tầng, đầu óc mông lung, cố đọc thủng những đẳng thức vi phân, định luật cấp nhiệt Newton, những biến độc lập, vì τ *là hằng số nên đạo hàm của nó bằng 0,* sự tồn tại của Hobie dưới nhà là một mỏ

neo, một sức nặng có ích: tôi cảm thấy yên lòng khi nghe tiếng búa đục gỗ kịch kịch từ dưới đưa lên, biết rằng ông đang dưới đó lặng lẽ loay hoay với các loại dụng cụ, hồ dán và gỗ đủ màu sắc.

Khi ở với nhà Barbour, tiền tiêu luôn là một nỗi lo dai dẳng; việc không ngớt phải hỏi xin bà Barbour tiền ăn trưa, tiền đóng phí phòng thí nghiệm và đủ món lặt vặt khác nữa đã gây nên cảm giác lo âu khiếp sợ thật tình quá mức so với số tiền mà bà lơ đễnh ban bố. Nhưng khoản tiêu vặt được ông Bracegirdle cấp cho khiến tôi bớt phần áy náy vì đã không báo trước mà lao bổ vào nhà Hobie. Tôi đủ tiền trả hóa đơn chữa bệnh cho Popchik, cả một gia tài nhỏ vì nó vừa bị sâu răng, vừa chớm có giun chỉ - Xandra, như tôi biết, chưa từng cho nó uống lấy một viên thuốc hay đi tiêm một lần nào suốt thời gian tôi ở Vegas. Tôi cũng trả được cả tiền nha sĩ cho mình, là một khoản đáng kể (sáu cái răng cần hàn, mười tiếng đồng hồ địa ngục trên ghế ông nha sĩ), mua cho mình cái laptop và iPhone, cũng như quần áo giày dép mùa đông cần thiết. Và mặc dù Hobie không chịu nhận tiền ăn, tôi vẫn ra ngoài đi chợ mua đồ ăn cho ông, và trả bằng tiền mình: sữa, đường, bột giặt ở Grand Union, nhưng thường hơn là hàng rau quả tươi ở chợ nông phẩm tại Quảng trường Thống nhất, nấm dại, táo chua, bánh mì nhân nho khô, những món xa xỉ nho nhỏ vậy, và ông có vẻ vui, chứ không như hộp Tide to đùng ông chỉ buồn bã nhìn và xách vào phòng kho không nói một tiếng.

Ở đây rất khác với không khí đông đúc, rắc rối và long trọng quá mức ở nhà Barbour, nơi cái gì cũng được diễn tập trước, lên lịch như một vở diễn Broadway, một sự toàn thiện đến tức thở khiến Andy không ngừng kiếm cớ lánh đi, chạy lui cui về phòng ngủ như một con mực bị đánh động. Trái lại, Hobie sống lững lờ như một loài cá voi khổng lồ nào đó trong bầu không khí riêng dịu nhẹ của ông, giữa màu nâu đậm của trà ố và thuốc lá, nơi mỗi

chiếc đồng hồ trong nhà báo một giờ khác nhau và thời gian không hẳn đi theo thước đo chuẩn, mà thơ thẩn dạo bước theo nhịp tích tắc lặng lờ riêng của nó, thuận theo nhịp căn nhà góc thành phố chứa san sát đồ cổ của ông, rời xa thế giới bên ngoài, thế giới sản xuất từ nhà máy và dán bằng keo epoxy. Ông thích đi xem phim nhưng trong nhà không có tivi, ông đọc tiểu thuyết cổ mà trang đáp có vân cẩm thạch, ông không dùng di động, còn máy tính - một cỗ IBM từ thời thượng cổ - to bằng cả cái vali, chẳng dùng làm gì được. Lặng lẽ vô tội, ông chúi đầu vào công việc, hơ ván lạng trên hơi nước để uốn cong hoặc dùng đục khắc các chân bàn, và vẻ mê mải hạnh phúc của ông từ dưới xưởng dâng lên, thấm qua khắp căn nhà như hơi ấm từ lò sưởi đốt củi trong mùa đông. Ông lơ đãng và tốt bụng, ông đểnh đoảng và ngơ ngẩn và ưa tự giễu mình và dịu dàng; thường thì lần đầu nói ông sẽ không nghe thấy, có khi cả lần hai cũng vậy; ông suốt ngày mất kính, bỏ quên ví, đánh rơi chìa, để lạc phiếu nhận đồ giặt, và suốt ngày gọi tôi xuống nhà, bò bốn chân tay bên ông tìm một miếng phụ tùng tí xíu hay một mẩu dụng cụ ông vừa đánh rơi xuống sàn. Thỉnh thoảng ông cũng mở cửa hiệu nếu có hẹn, cỡ chừng trong một hai tiếng, nhưng cứ theo tôi thấy thì đây chỉ là cái cớ để lôi chai sherry trong tủ, đón tiếp bạn bè người quen; và nếu ông có đem cái bàn ghế nào ra giới thiệu, đóng mở ngăn kéo trước những lời trầm trồ kinh ngạc, thì xem ra cũng chỉ giống như Andy và tôi ngày xưa từng lôi đồ chơi ra mà kể chuyện khoe khoang mà thôi.

Nếu có bao giờ ông bán được vật nào thì tôi cũng không được chứng kiến. Mảnh “đất cắm dùi” của ông (như ông gọi) là dưới xưởng, hoặc “bệnh viện”, nơi những bàn ghế què quặt xếp hàng cạnh nhau chờ được ông ghé mắt. Như một người làm vườn chăm bẵm những mầm xanh trong nhà kính, phẩy rệp bám trên

từng chiếc lá một, ông mải mê với vân và thớ gỗ trên từng chiếc ghế cái bàn, từng ô ngăn giấu kín, từng vết sẹo, từng điểm kỳ diệu. Dù sờ hữu vài vật dụng thuộc về nghề gỗ hiện đại - một máy bào xoi, một khoan chạy pin, một máy cưa tròn - nhưng chẳng mấy khi ông dùng đến. (“Nếu phải đi kèm với nút bịt tai thì bác chẳng cần làm gì.”) Ông xuống xưởng từ sớm, và thỉnh thoảng, nếu đang dở một dự án, sẽ ở lại cả khi đã tối trời, nhưng thường thì khi ánh sáng không đủ nhìn nữa ông sẽ lên tầng, và trước khi tắm táp để ăn tối, bao giờ cũng rót cho mình chừng một phân rượu uýt ki, chút ít, vào một cốc nhỏ: mệt mỏi, đầm ấm, muội than dính trên tay, cơn mệt mỏi có phần thô lậu kiểu lính tráng.

B ấy có dẫn c di ăn tối chưa, Pippa nhắn tôi.

R 3 4 lần gì đó

B ấy chỉ thik đi n~ chỗ vắng teo chả ma nào đến.

Ờ chỗ tuần trước vắng như mồ vua tut ấy

Đấy là b ấy chỉ đi chỗ nào mà b thấy thương chủ quán! vì b sợ ngta sẽ đóng cửa rồi b sẽ thấy ân hận

T thích b ấy tự nấu hơn

Bảo b ấy làm bánh quy gừng cho c í giá mà t đc ăn bây j

Bữa tối là khoảng thời gian tôi chờ đợi nhất trong ngày. Ở Vegas, nhất là sau khi Boris đã mê đắm Kotku, tôi vẫn chưa quen nổi nỗi buồn phải mò mẫm tự làm thức ăn cho mình buổi tối, ngồi trên giường với một bịch khoai tây chiên, hoặc một bát cơm khô quắt còn thừa từ hôm bố mua đồ về. Nhưng thật may mắn là với Hobie, ngược lại, cả ngày chỉ xoay quanh bữa tối. Chúng ta đi đâu ăn nhỉ? Ai sắp sang chơi? Bác nấu gì đây? Cháu có thích bò hầm thập cẩm không? Không à? Chưa ăn bao giờ à? Gạo ngâm chanh hay nghệ? Vả ướp hay mơ? Cháu muốn đi với bác ra chợ

Jefferson không? Đôi khi Chủ nhật có khách, ngoài những giáo sư từ New School và Columbia, dàn nhạc opera và các bà ở hiệp hội bảo tồn cùng đủ mọi người thân quen ở khắp phố, còn có cả vô số nhà buôn hay nhà sưu tập đủ mọi kiểu dạng, từ những bà già khùng đi găng tay hai ngón bán nữ trang thời Georgia ở chợ đồ cũ, đến những ông nhà giàu loại thường xuyên lui tới nhà Barbour (Welty, như tôi biết, đã giúp rất nhiều trong số họ xây đắp bộ sưu tập của mình bằng cách chỉ dạy cho họ nên mua thứ gì). Phần lớn cuộc trò chuyện khiến tôi ù cả tai (St. Simon? Lễ hội Opera Munich? Coomaraswamy? Biệt thự ở Pau?). Nhưng ngay cả khi trang trí phòng long trọng và khách khứa thuộc loại có thớ, thì ở những bữa ăn của ông người ta vẫn không ngại tự đi lấy đồ hay bỏ đĩa trong lòng mà ăn, trái ngược hẳn với những bữa tiệc cứng nhắc có người phục vụ lúc nào cũng lấp lánh giá băng ở nhà Barbour.

Thực tế là, trong những bữa ăn đó, dù khách của Hobie có dễ chịu và thú vị đến đâu, tôi cũng vẫn thường xuyên lo lắng rằng ai đó từng quen tôi hồi ở nhà Barbour sẽ xuất hiện. Tôi thấy ăn năn vì không gọi cho Andy, nhưng sau lần chạm trán với ông bố trên phố, tôi còn xấu hổ hơn nếu để cậu ta biết rằng tôi đã lại dạt vào thành phố và chẳng có nơi nào gọi là nhà.

Và, dù đấy là một vấn đề khá nhỏ, tôi vẫn còn băn khoăn chính việc mình đã xuất hiện ở chỗ Hobie như thế nào. Dù ông chưa bao giờ kể ra chuyện đó trước mặt tôi, chuyện tôi hiện ra bên ngưỡng cửa, chủ yếu vì nhận thấy điều ấy làm tôi khó xử, nhưng ông vẫn kể với những người khác - dù tôi không thấy phải bực với ông vì thế, câu chuyên thật quá hấp dẫn không thể bỏ qua được. “Thật quá hợp lý nếu cháu hiểu Welty,” người bạn khăng khít của Hobie nhận xét, đấy là bà DeFrees, một nhà buôn chuyên về tranh màu nước thế kỷ 19, bất chấp áo quần cứng ngắc và nước

hoa ngào ngạt trên người vẫn rất ưa ôm ấp vuốt ve, có cái thói quen của các bà già ưa bám lấy cánh tay hay vỗ vỗ vào bàn tay người đối thoại. "Vì, cháu thân mến ạ, Welty là một kẻ nghiện đám đông. Yêu thích con người, cháu hiểu không, yêu thích chợ. Những mánh mung ngoắt ngoéo nơi chợ búa. Thỏa thuận, hàng hóa, trò chuyện, trao đổi. Đấy là do cái mẩu tí xíu xiu xiu của Cairo còn ở lại từ thời ông ấy còn trẻ, bà lúc nào cũng bảo ông ấy mà xỏ dép lê đi quanh chợ, khoe thảm trong *souk*[111] thì không có gì thú bằng. Ông ấy có thiên bẩm của nhà chơi đồ cổ, cháu hiểu không - ông ấy biết ngay cái gì đi với ai là hợp nhất. Có nhiều người vào cửa hiệu, chẳng hề có ý định mua gì, có khi chỉ tránh mưa thôi, ông ấy sẽ mời trà rồi kết cục là một cái bàn ăn tối được chuyển đi Des Moines. Hoặc có khi một cậu sinh viên đi lạc vào ngắm nghía, rồi ông sẽ mang ra đúng bản in cổ nho nhỏ không quá đắt. Ai cũng vui vẻ cả, hiểu không. Ông biết rằng không phải ai cũng ở địa vị muốn vào mua một món to đẹp sang trọng nào đó - vấn đề là ở chỗ mai mối hai bên, vật nào chủ nấy."

"Ừ, và mọi người tin tưởng ông," Hobie nói và bước vào cùng ly sherry bé tí cho bà DeFrees và một cốc uýt-ki cho mình. "Lúc nào ông cũng bảo chính vì bị tàn tật nên ông mới trở thành người bán hàng giỏi, và tôi nghĩ cũng có phần đúng. 'Chàng què đáng yêu.' Không mắc mứu hận thù với ai. Lúc nào cũng như đứng ngoài thế giới dòm vào"

"À, Welty chưa bao giờ ở bên ngoài bất kỳ cái gì," bà DeFrees nói, nhận ly sherry và trìu mến vỗ vào tay áo Hobie, bàn tay nhỏ da mỏng như giấy lấp lánh những viên kim cương kiểu hoa hồng. "Lúc nào ông ấy cũng ở trung tâm mọi sự, cầu Chúa ban phước cho ông, tiếng cười của ông, không bao giờ phàn nàn một tiếng. Dù sao thì, cháu ạ," bà nói và quay lại với tôi, "đừng hiểu nhầm. Welty biết chắc chắn tại sao mình cho cháu cái nhẫn ấy. Bởi vì

khi đưa nhẫn cho cháu, ông ấy đã đưa thẳng cháu tới cho Hobie, thấy không?"

"Cháu thấy," tôi nói - và rồi phải đứng dậy đi vào bếp vì đang choáng người trước thông tin này. Bởi vì, tất nhiên, ông không chỉ cho tôi cái nhẫn.

viii.

ĐÊM ĐẾN, TRONG PHÒNG cũ của Welty - mà giờ là phòng tôi - còn nguyên kính và bút máy của ông trong ngăn kéo bàn, tôi nằm chong chong lắng nghe tiếng xe cộ bên ngoài, day dứt. Ở Vegas tôi từng nghĩ, nếu bố hoặc Xandra có bắt gặp bức tranh, có lẽ hai người đó cũng chẳng biết đấy là gì - hay ít ra không biết ngay lập tức. Nhưng Hobie sẽ biết ngay. Hết lần này đến lần khác, tôi hình dung trong đầu những khúc phim trong đó tôi về nhà, gặp ngay Hobie đang đứng chờ mình, bức tranh cầm trong tay - "cái gì đây?" - bởi chẳng có cách lấp liếm nào, lời bào chữa nào, câu phủ đầu nào để đáp lại một thảm họa như vậy, và mỗi lần quỳ xuống quờ tay vào gầm giường lấy cái vỏ gối (vì tôi vẫn thường làm vậy, mù quáng, vào những lúc bất chợt, chỉ cốt biết rằng nó còn trong đó), tôi luồn chộp lấy rồi lại buông vội ra như tóm phải món gì quay lò vi sóng bỏng rãy.

Hỏa hoạn. Công ty diệt côn trùng. Chữ INTERPOL đỏ to đùng trên Cơ sở dữ liệu nghệ thuật mất tích. Chỉ cần ai bỏ công làm phép toán sẽ thấy cái nhẫn của Welty là bằng chứng hai năm rõ mười, rằng tôi đã ở trong phòng trưng bày có bức tranh. Cửa phòng tôi cũ và lỏng lẻo đến nỗi không đóng chặt nổi, tôi phải kê cái chặn cửa bằng sắt. Nhỡ may bất đồ nổi hứng, ông nảy ý lên trên này lau dọn thì sao? Tất nhiên, điều đó có vẻ khó tin đối với Hobie lơ đãng, người không hẳn đặt gọn gàng lên vị trí ưu tiên

http://tieulun.hopto.org

trong cuộc sống - **Ko c cứ bừa bãi thoải mái b í chả bao j vào fòng t chỉ thay ga lau bụl thôy**, Pippa từng nhắn vậy, khiến tôi lập tức lột sạch ga giường, bỏ 45 phút cuống cuồng lau bụi tất cả mọi bề mặt trông thấy trong phòng - lũ sư tử đầu chim, quả cầu thủy tinh, tấm ván đầu giường - bằng cái áo sơ mi sạch. Lau bụi đã nhanh chóng biến thành một nỗi ám ảnh, đến nỗi tôi còn tự đi mua giẻ lau bụi riêng, dù Hobie có một nhà đầy giẻ - tôi không muốn ông thấy tôi phủi bụi, mà chỉ mong ông đừng bao giờ nảy ra ý nghĩ *cần lau bụi* nếu có bao giờ ló đầu vào phòng tôi.

Đây cũng là lý do khiến tôi chỉ thực sự yên tâm rời nhà khi có ông đi cùng, và hầu như cả ngày đều ở trong phòng, ngồi bên bàn, gần như không nghỉ ăn nữa. Và mỗi lần ông đi đâu tôi đều đi theo, đến các phòng tranh, các cuộc thanh lý nhà, phòng trưng bày, bán đấu giá, cùng ông đứng tít dưới cùng ("không, không," ông nói khi tôi chỉ mấy cái ghế trống ở đầu hàng, "cần phải ở nơi nào chúng ta thấy hết màn tung hứng") - ban đầu hứng thú, y như trong phim, nhưng rồi sau vài giờ thì buồn ngáp chả kém gì cuốn *Khái niệm và phương pháp trong toán giải tích*.

Nhưng dù cố gắng (ít nhiều thành công) đóng vai ơ hờ, theo ông đi khắp Manhattan như thể thế nào cũng được, thực tế là tôi bám sát gót ông Jo âu chẳng khác nào con Popchik - cô đơn đến khổ sở - đã lẽo đẽo theo Boris và tôi đi khắp Vegas. Tôi cùng ông đến các bữa trưa diêm dúa. Tôi cùng ông đi thẩm định tranh. Tôi cùng ông đến thợ may.

Tôi cùng ông đi nghe những bài nói chuyện thưa thớt cử tọa về những nhà đóng tủ chẳng ai biết là ai ở Philadelphia thập niên 1770. Tôi cùng ông nghe biểu diễn hòa tấu nhạc opera, dù chương trình đã chán ngấy lại lê thê đến mức tôi chực ngủ gật lăn ra sàn. Tôi cùng ông đến ăn tối ở nhà Amstiss (trên Đại lộ Công

viên, gần nhà Barbour đến mức làm tôi lúng túng), nhà Vogel, nhà Krasnow, nhà Mildeberger, nghe những câu chuyện hoặc là a.) chán đến sái quai hàm hoặc b.) quá tầm tôi vài bậc đến mức cả buổi tôi chẳng nói được gì ngoài *ưmm*. ("Tội nghiệp cậu nhỏ, chắc nghe chuyện chúng tôi nhạt nhẽo lắm," bà Mildeberger hớn hở nói, mà không biết là trúng phóc.) Những người bạn khác như ông Abernathy chẳng hạn - tầm tuổi bố tôi, với một cuộc bê bối hay ô nhục gì đó giấu nhẹm trong quá khứ - thì lại quá hoạt ngôn và lắm lời, coi tôi như không tồn tại ("thế ông bảo kiếm được nhóc này ở đâu cơ, James?") khiến tôi ngồi câm họng giữa những bình vại Hy Lạp và đồ sứ Trung Hoa, vừa muốn thốt được câu gì đó sáng láng, lại vừa hoảng sợ nếu bị họ chú ý đến dù vì lý do gì, chỉ cấm khẩu và ngồi ngây ngốc. Mỗi tuần ít nhất một hai lần, chúng tôi đến căn nhà chất đầy cổ vật của bà DeFrees (giống như một Hobie khác trên nửa bắc) trên Phố 63 Đông, tôi ngồi ghé ở mép cái ghế lẩy bẩy và cố lờ đi lũ mèo Bengal kinh dị đang cắm vuốt vào đầu gối mình. ("Đúng là một thằng bé nhạy bén với xã hội, phỏng?" tôi nghe bà nhận xét, thậm chí chẳng buồn nhỏ giọng, khi hai người đó đứng đầu kia phòng xuýt xoa vì mấy bức màu nước Edward Lear[112] nào đấy.) Thỉnh thoảng bà đi cùng bác cháu tôi đến những buổi trưng bày hàng ở nhà Christie hay Sotheby, Hobie săm soi từng món một, đóng đóng mở mở những ngăn kéo, chỉ cho tôi đủ thứ ngón nghề đặc biệt mà người thợ đã trổ tài, đánh dấu bút chì vào ca-ta-lô và rồi sau một hai lần ghé vào phòng tranh nào đó bên đường, bà trở lại Phố 63, chúng tôi đi tiếp đến Sant Ambroeus, Hobie trong bộ vét lịch lãm đứng bên quầy uống espresso còn tôi ăn bánh sừng bò sô-cô-la và nhìn lũ trẻ đeo cặp sách túa vào hiệu, lòng khấn thầm đừng có đụng đầu đám bạn học cũ.

"Bố cháu có muốn thêm một cốc cà phê không?" người đứng

quầy hỏi khi Hobie đã bỏ vào nhà vệ sinh.

“Không ạ, chắc cho hóa đơn là được rồi.” Thật đáng xấu hổ, nhưng tôi luôn khoái thầm khi người khác tưởng nhầm Hobie là bố mình. Mặc dù đáng tuổi ông tôi, nhưng ông vẫn toát ra sức sống thường thấy ở những ông bố lớn tuổi châu Âu vẫn hay gặp ở mạn Đông: trang nhã, bệ vệ, điềm đạm, đã kết hôn lần hai, làm bố ở tuổi năm sáu mươi. Mặc bộ đồ đi phòng tranh, nhấp espresso và thanh thản nhìn ra phố, ông dễ lẫn với một đại gia công nghiệp Thụy Sĩ hay một chủ nhà hàng được Michelin[113] chấm một hai sao: ổn định, sung túc với cuộc hôn nhân muộn. Tại sao? tôi buồn bã nghĩ khi ông quay lại, áo khoác vắt trên tay, tại sao mẹ không chọn một người như ông để lấy? hoặc như ông Bracegirdle? Ai đó mà mẹ thực sự có tiếng nói chung - có thể già hơn nhưng hiểu chuyện, thích phòng tranh và những ban tứ tấu đàn dây hoặc lặn lội trong các hàng sách cũ, ai đó biết chăm chút, có văn hóa, đôn hậu? ai đó biết nhận chân giá trị của mẹ, mua cho mẹ quần áo đẹp, đưa mẹ tới Paris ăn sinh nhật, cho mẹ cuộc sống xứng với mình? Mẹ cũng không khó kiếm được một người như thế nếu muốn tìm. Đàn ông yêu mẹ, từ các chú bảo vệ, đến các thầy ở trường, đến bố các bạn tôi, đến tận ông sếp Sergio (người vẫn gọi mẹ vì lý do nào tôi không biết, là "Chim non”), và cả ông Barbour cũng thường sốt sắng chạy lại chào khi mẹ tới đón tôi sau những hôm ngủ lại, chốc lại cười, chốc lại chạm vào khuỷu tay dẫn mẹ tới ghế xô pha, hạ giọng ân cần-cô ngồi nhé? cô dùng nước, trà, hay cái gì cũng được? Tôi không nghĩ là mình tưởng tượng - không hẳn đâu - rằng thỉnh thoảng ông Bracegirdle lại nhìn tôi: với vẻ gần như người ông đang nhìn là mẹ, hoặc nhìn để kiếm tìm dấu vết trong tôi về mẹ. Nhưng bố tôi, ngay cả lúc chết, vẫn không cách nào tẩy xóa, dù tôi có nóng lòng mong mỏi hình ảnh bố tiêu tan - vì bố vẫn luôn ở đó, trong hai bàn tay tôi, trong điệu

nói, trong dáng đi, trong cái liếc ngang khi tôi rời nhà hàng cùng Hobie, ngay cả tư thế đầu tôi cũng là bản sao cái thói quen rỉa lông rỉa cánh cũ của ông, chuyên ngắm nghía mình trong mọi bề mặt phản chiếu.

ix.

THÁNG GIÊNG, CÓ HAI BÀI THI: một dễ, một khó. Bài thi dễ làm trong một phòng học ở trường trung học quận Bronx: các mẹ bầu, tài xế taxi nhiều chủng loại, một đám con gái đại lộ Grand Concourse ồn ã như một bầy ngỗng mặc áo choàng lông thú ngắn và sơn móng tay lấp lánh. Nhưng bài thi hóa ra lại không dễ như tôi tưởng, có lắm câu hỏi về những vấn đề kỳ bí của chính quyền bang New York hơn tôi dự liệu (cơ quan lập pháp quận Albany họp bao nhiêu tháng trong năm? Làm thế quái nào tôi biết được cơ chứ?), và tôi ngồi trên xe điện ngầm về nhà, ủ ê. Còn bài thi khó (cửa phòng thi khóa, các bố mẹ mặt mày đăm chiêu đi đi lại lại ngoài hành lang, không khí căng như giải thi đấu cờ vua) thì hình như được thiết kế riêng cho một chủng dân MIT ẩn sĩ hay co giật nào đấy, và các câu hỏi lựa chọn có nhiều đáp án giống nhau đến mức tôi ra về hoàn toàn không biết mình làm đúng sai ra sao.

Vậy đã sao, tôi tự nhủ trên đường đi lên Phố Canal đón tàu, tay thọc sâu trong túi và nách đẫm thứ mồ hôi học sinh lo âu. Có lẽ tôi sẽ không vào được chương trình đại học sớm - và nếu vậy sẽ ra sao? Tôi phải có kết quả tốt, cực tốt, thuộc vào số 30% đứng đầu, thì mới có cơ may lọt vào.

Hubris (ngạo mạn): một từ mới cần học đã xuất hiện liên tục trong những bài thi thử, dù đến lúc thi thật thì không. Tôi vừa thi với tỷ lệ chọi 5.000 thí sinh lấy đâu như 300 người: nếu không qua được, tôi không biết sẽ xảy ra chuyện gì nữa; tôi không biết

mình có chịu nổi không nếu phải đến Massachusetts ở với mấy kẻ tên Ungerer mà ông Bracegirdle cứ nói hoài nói hủy: ông hiệu trưởng "cừ lắm" cùng "đội nhà ông ấy", như ông Bracegirdle gọi, một mẹ, ba con trai, mà tôi hình dung là một hàng từ cao đến thấp những thằng trường cống với bộ mặt bèn bẹt và nụ cười trắng bóc, mà trong những ngày xa xưa căm ghét ấy, đã tươi cười tẩn cho Andy và tôi đều đặn, bắt chúng tôi ăn đất bẩn trên sàn. Nhưng nếu tôi trượt kỳ thi này (hoặc đúng hơn là không đỗ cao tới mức vào được khóa đại học sớm), thì làm cách nào xoay xở ở lại New York đây? Rõ ràng là tôi nên nhắm mục tiêu nào dễ với hơn, như một trường cấp ba tử tế trong thành phố mà ít nhất tôi cũng có chút cơ hội. Thế nhưng ông Bracegirdle đã kể đến là hăng hái về chuyện đi nội trú, về không khí trong lành sắc màu thu sang bầu trời sao sáng và đủ thứ niềm vui khác ở cuộc sống thôn quê ("Stuyvesant. Sao cháu lại phải ở đây học trường Stuyvesant trong khi cháu hoàn toàn có thể thoát khỏi New York? Duỗi chân duỗi cẳng, hít thở tự do? Sống trong môi trường gia đình?") khiến tôi chỉ muốn lánh xa mọi trường cấp ba, ngay cả những trường tốt nhất.

"Tôi biết điều mẹ cháu hẳn sẽ mong cho cháu, 'Theodore ạ," ông ta đã nhắc đi nhắc lại. "Một khởi đầu mới toanh. Ngoài thành phố." Ông nói đúng. Nhưng làm sao tôi phân trần nổi cho ông hiểu, rằng qua cõi hỗn loạn vô nghĩa lý từ độ mẹ mất tới nay, những mong ước xa xưa ấy chẳng còn liên quan chút gì hết?

Vẫn còn đắm trong suy nghĩ khi rẽ qua chỗ ngoặt vào nhà ga, thò tay vào túi tìm thẻ lên tàu, tôi đi qua quầy báo thấy một dòng tít lớn:

TÌM LẠI ĐƯỢC TÁC PHẨM Ở BRONX

http://tieulun.hopto.org

TRANH VẼ MẤT CẮP TRỊ GIÁ HÀNG TRIỆU ĐÔ

Tôi dừng sững trên vỉa hè, khách lên tàu đi ào qua hai bên. Rồi, cứng nhắc, cảm giác như bị ai quan sát, tim đập thình thịch, tôi quay trở lại mua một tờ (hẳn là ngày nay một đứa trẻ ở tuổi tôi mua báo thì đỡ khả nghi hơn ngày xưa... ?) rồi chạy qua đường tới băng ghế dài trên Đại lộ 6 ngồi đọc.

> **Nhờ một nguồn tin mật, cảnh sát đã tìm lại được ba bức tranh của George van der Mijn, Wybrand Hendriks, và Rembrandt, cả ba đều mất tích ở bảo tàng sau vụ nổ - trong một ngôi nhà ở quận Bronx. Những bức tranh được tìm thấy trong kho áp mái, quấn giấy thiếc và nhét vào giữa một đống tấm lọc thừa của hệ thống điều hòa không khí trung tâm trong nhà. Kẻ trộm cùng người anh trai và mẹ vợ anh ta, là bà chủ ngôi nhà, hiện đang bị tạm giữ chờ bảo lãnh; nếu bị xử có tội đối với tất cả các cáo buộc, họ sẽ phải ngồi tù với thời hạn tổng cộng lên đến 20 năm.**

Bài báo dài hàng mấy trang, đủ cả biểu đồ, sơ đồ thời gian. Kẻ lấy trộm là một y sĩ, hắn đã ở lại sau khi tín hiệu sơ tán phát ra, gỡ tranh trên tường xuống, quấn giấy, giấu dưới cái cáng gấp, mang ra khỏi bảo tàng mà không ai nhìn thấy. “Chọn mà không biết giá trị,” điều tra viên FBI trả lời phỏng vấn cho biết. “Chỉ là chộp bừa thôi. Người này không biết gì về nghệ thuật hết. Khi đã mang tranh về nhà ông ta không biết làm gì nên hỏi ý kiến anh trai, và cả hai giấu vào nhà mẹ vợ nhưng bà ta không hay biết, theo lời khai của bà ta.” Sau khi tìm hiểu đôi chút trên mạng, xem ra hai anh em đã nhận ra bức Rembrandt quá nổi tiếng không có cách nào đẩy đi được; và chính vì họ cố bán một trong hai bức ít tiếng tăm hơn mà đội điều tra đã lần được tới nơi cất giấu trên gác mái.

Nhưng đoạn cuối cùng đập vào mắt tôi như thể in mực đỏ.

> **Còn với những tác phẩm vẫn đang mất tích khác, các nhà điều tra đang thấy lạc quan trở lại, và giới chức trách giờ đang tìm hiểu một vài đầu mối trong vùng. “Càng rung cây càng nhiều quả rụng," Richard Nunnally, người phụ trách phối hợp với đơn vị điều tra tội phạm nghệ thuật FBI của thành**

phố nhận xét. "Thường thì quy luật chung của các vụ trộm nghệ thuật là các tác phẩm sẽ được mang ra ngoài biên giới rất nhanh, nhưng phát hiện ở Bronx lần này cho thấy rõ rằng hẳn chúng ta còn một vài kẻ tay ngang, không có kinh nghiệm, ăn cắp do nảy sinh tà ý nhất thời và không đủ trình độ để giấu hay bán những món này." Theo Nunnally, một số người có mặt ở hiện trường hiện đang bị thẩm vấn, liên hệ, và điều tra lại: "Dĩ nhiên, bây giờ, chúng ta cho rằng rất nhiều trong số những bức tranh mất tích ấy lại có thể ở ngay đây trong thành phố, cạnh chúng ta."

Tôi thấy váng vất. Tôi đứng dậy, vứt tờ báo vào sọt rác gần nhất, và thay vì lên xe điện ngầm, thì tôi lại quay trở lại dọc Phố Canal và đi vơ vẩn quanh khu Phố Tàu mất cả tiếng trong cái lạnh tê người, đồ điện tử rẻ tiền và thảm trải đỏ như máu trong các quán dimsum, ngó vào các cửa sổ mờ hơi nước nhìn những kệ gỗ dái ngựa đựng vịt quay Bắc Kinh xiên táo mà nghĩ *chết mẹ mình rồi*. Những người bán hàng rong má đỏ ửng, quấn kín như dân Mông Cổ, rao lớn trên những chảo than ngút khói, ủy viên công tố quận. FBI. Thông tin mới. *Chúng tôi quyết tâm xử các vụ này theo mức cao nhất trong luật định. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng những tác phẩm mất tích khác sẽ lại xuất hiện. Interpol, UNESCO cùng các cơ quan liên bang và quốc tế khác đang phối hợp với chính quyền địa phương để điều tra vụ án này.*

Tin này xuất hiện khắp nơi. Báo nào cũng đăng: kể cả mấy tờ báo tiếng Trung, bức chân dung Rembrandt mới tìm lại hiện giữa hàng trang chữ khối vuông, ngó ra từ những thùng đựng thứ rau không biết tên và lươn ướp đá.

"Thật khó hiểu quá sức" tối hôm đó Hobie nói khi ăn với nhà Amstisse, mày chau lại lo âu. Những bức tranh mới tìm lại là đề tài nói chuyện duy nhất của ông lúc này. "Người bị thương khắp nơi, người chảy máu đến chết, thế mà gã này lại đi lột tranh khỏi tường. Mang chúng nó đi ngoài trời, trong mưa?

"À, tôi thì không thấy gì lạ," ông Amstiss đáp, ông đã làm tới

cốc scotch bỏ đá thứ tư. “Sau lần mẹ bị đột quỵ lần hai ấy? Ông không tưởng nổi đám hai lúa Beth Israel để lại một bãi chiến trường như thế nào đâu. Dấu chân đen xì kín cả thảm. Cả mấy tuần sau chúng tôi còn thấy nắp kim nhựa khắp sàn, con chó suýt nữa nuốt phải một cái. Chúng nó còn đánh vỡ cái gì đấy, hả Martha, cái gì đó trong tủ đồ sứ, là gì hả?”

“Nào, tôi thì không có gì phàn nàn về các y sĩ cấp cứu đâu,” Hobie đáp. “Tôi thực tình cảm phục những người đã đến nhà tôi hồi Juliet bị ốm. Chỉ là tôi mừng họ đã tìm thấy mấy bức tranh đó trước khi chúng bị hư hỏng quá, nếu thế thì thật... Theo?” ông thình lình nói với tôi, khiến tôi vụt đưa mắt nhìn lên khỏi đĩa. “Không có vấn đề gì chứ?”

“Xin lỗi. Cháu mệt thôi ”

“Mệt là phải,” bà Amstiss hiền hậu nói. Bà dạy môn lịch sử ở Đại học Columbia; trong hai người, bà là người bạn được Hobie yêu mến, còn ông Amstiss chỉ là món phụ tùng không may đi kèm. “Cháu vừa qua một ngày khó khăn mà. Vẫn lo kết quả thi hả?”

“Không lo lắm ạ,” tôi đáp và lập tức thấy hối hận.

“Ồ, tôi tin là thằng bé sẽ vào được thôi,” ông Amstiss nói. “Cháu sẽ vào được thôi,” ông ta nói với tôi bằng giọng ý nói thằng ngu nào mà chả vào được đó, rồi quay lại Hobie: “Phần lớn mấy cái chương trình đại học sớm ấy chẳng xứng với tên gọi, hả Martha? Chỉ là trường cấp ba được đánh bóng thêm. Vào thì trầy vi tróc vẩy nhưng qua thì ngồi chơi xơi nước. Trẻ con bây giờ là thế đấy: tham gia, có mặt, yên trí được phát giải. Ai cũng là người thắng cuộc. Ông có biết một trong mấy sinh viên của Martha đã bảo gì với bà ấy vừa hôm trước không? Kể đi, Martha. Thằng bé này đến gặp bà ấy sau giờ học, muốn hỏi chuyện. Cũng không

phải thằng bé - sinh viên cao học rồi. Biết nói gì không?"

"Harold," bà Amstiss nhắc nhở.

"Nói lo vẽ kết quả kỳ thi sắp tới, muốn nghe lời khuyên. Bởi vì cậu ta cảm thấy mình ghi nhớ thông tin rất kém. Thế có phải là cực kỳ không chứ hả? Sinh viên cao học ngành lịch sử Mỹ cơ đấy? Cảm thấy mình ghi nhớ thông tin rất kém.?"

"Ồ, có Chúa chứng giám, tôi cũng hay cảm thấy mình ghi nhớ thông tin kém," Hobie hiền hòa đáp, cầm bát đứng dậy và chuyển câu chuyện sang hướng khác.

Nhưng tối hôm đó, sau khi nhà Amstiss đã về và Hobie đã ngủ, tối còn ngồi trong phòng nhìn qua cửa sổ ra đường, nghe tiếng ầm ì xa xa của những xe tải hai giờ sáng chạy trên Đại lộ 6 và hết sức tự thuyết phục mình vợi bớt nỗi lo hoảng.

Nhưng còn làm được gì? Tôi đã ngồi cả mấy tiếng đồng hồ trên máy, bấm qua phải đến cả trăm bài báo - *Le Monde, Daily Telegraph, Times of India, La Repubblica*, nhiều thứ tiếng tôi chẳng biết, mọi tờ báo trên thế giới đều đang đưa tin này. Ngoài án tù ra, khoản tiền phạt thật đến khuynh gia bại sản: 200.000, nửa triệu đô. Tệ hơn nữa: bà chủ nhà đang bị cáo buộc chỉ vì mấy bức tranh xuất hiện ở nhà bà ta. Và điều này khả năng rất cao, có nghĩa là Hobie cũng sẽ gặp rắc rối - rắc rối hơn tôi vạn bội. Bà kia chỉ là một chuyên gia thẩm mỹ về hưu, khăng khăng mình chẳng hề biết mấy bức tranh ở trong nhà mình. Nhưng còn Hobie? Một nhà buôn đồ cổ? Đừng có kể chuyện ông đã đón tôi vào rất chân thành, hoàn toàn vì lòng thương xót. Ai mà tin ông không biết gì về bức tranh?

Những ý nghĩ của tôi quay cuồng như trong một vòng ngựa gỗ nôn nao. *Dù những tên kẻ trộm này chỉ hành động tùy hứng chứ*

không có tiền án tiền sự, thì việc đó cũng không ngăn trở chúng tôi truy cứu đến cùng theo đúng mọi quy định của pháp luật. Một cây bình luận ở London còn nhắc đến bức tranh của tôi cùng một vệt với bức Rembrandt mới tìm lại:... *khiến người ta nghĩ đến nhiều tác phẩm giá trị hơn hiện vẫn đang mất tích, mà nhất là bức* Con sẻ vàng *của Carel Fabritius vẽ năm 1654, độc nhất vô nhị trong dòng chảy nghệ thuật và vì thế là vô giá...*

Tôi xóa mọi dấu vết trên máy lần thứ ba bốn gì đó rồi tắt đi, thấy hơi oải, trèo vào giường rồi tắt đèn. Vẫn còn lại túi thuốc nẫng từ nhà Xandra - cả mấy trăm viên, không viên nào giống viên nào cả về màu sắc kích cỡ, đều là thuốc giảm đau theo lời Boris, nhưng dù thỉnh thoảng bố tôi nhờ chúng mà ngủ như chết thì lúc khác tôi cũng đã nghe ông phàn nàn rằng bị mất ngủ ban đêm, vì thế - sau chừng một tiếng hoặc hơn, nằm tê liệt vì hoang mang và lưỡng lự, người nôn nao trăn trở, nhìn lên những vành nan hoa do đèn xe ném lên chạy qua trần nhà - tôi lại bật đèn, lần mò trong ngăn kéo bàn đầu giường tìm cái túi, chọn hai viên thuốc khác nhau, một xanh một vàng, tự nhủ là nếu viên này không khiến tôi ngủ được thì viên kia sẽ được.

Vô giá. Tôi lăn lại quay mặt vào tường. Bức Rembrandt đã được định giá là 40 triệu đô-la. Nhưng 40 triệu đô-la vẫn là có giá.

Ngoài đại lộ, xe cứu hỏa cất tiếng rú chói tai trước khi tan vào màn xa. Ô tô, xe tải, những cặp tình nhân cười lớn khi ra khỏi quán rượu. Khi nằm đó cố nghĩ về tuyết, về sao trên sa mạc, cố thư giãn tâm trí, vừa hy vọng mình không uống phải một cặp thuốc tử thần sắp kết liễu đời mình, thì tôi vẫn tìm mọi cách bám lấy dữ kiện duy nhất có ích, hoặc nhẹ người, trong số những gì đọc được trên mạng: tranh bị đánh cắp là thứ gần như không thể lần theo được, trừ khi người ta tìm cách bán đi hoặc di chuyển, và

chính vì thế trước nay tỷ lệ phá được những vụ trộm nghệ thuật chỉ là 20%.

http://tieulun.hopto.org

08
Cửa hiệu đằng sau cửa hiệu (tiếp)

i.

NỖI KINH HOÀNG VÀ LO ÂU về bức tranh lớn đến nỗi gần như tất cả bức thư khi nó đến: tôi đã được nhận vào chương trình đại học sớm học kỳ xuân này. Cái tin choáng người tới mức tôi bỏ phong bì vào ngăn kéo bàn, và nó đã nằm đó bên chồng giấy viết thư in chữ đầu tên Welty mất hai ngày rồi tôi mới đủ can đảm đi ra đầu cầu thang (tiếng cưa tay xoẹt xoẹt vọng lên từ dưới xưởng) và gọi : "Hobie ?"

Tiếng cưa ngừng.

"Cháu được nhận rồi."

Khuôn mặt lớn trắng nhợt của Hobie xuất hiện nơi chân cầu thang. "Cái gì thế ?" Ông hỏi, vẫn còn chưa ra khỏi cơn mộng mị khi làm việc, chưa thật ý thức về xung quanh, chùi tay vào cái tạp dề đen để lại những vệt trắng xóa - rồi thay đổi hẳn nét mặt khi nhìn thấy cái phong bì trong tay tôi. "Đấy có phải là thứ bác nghĩ không ?"

Không nói một lời, tôi đưa cho ông. Ông nhìn nó, rồi nhìn tôi - rồi cười, cái tiếng cười mà tôi thầm gọi là tiếng cười Ireland của ông, gắt và chừng như ngạc nhiên vì chính mình.

"Cháu giỏi lắm !" Ông nói, cởi tạp dề vắt qua tay vịn cầu thang. "Bác mừng thật lòng, không dối gì cháu. Bác rất ghét phải gửi cháu lên đấy một mình. Mà cháu định đợi đến lúc nào mới thông

báo đấy hả ? Ngày đầu tiên đi học à?"

Tôi áy náy kinh khủng khi thấy ông vui mừng đến mức ấy. Trong bữa tối ăn mừng - có tôi, Hobie và bà DeFrees trong một quán Ý nhỏ gần nhà đang trên đường xuống dốc - tôi nhìn sang đôi vợ chồng uống rượu vang, khách duy nhất trong quán ngoài chúng tôi, và thay vì vui mừng như từng hy vọng, tôi chỉ thấy cáu bẳn và tê dại.

"Vui lên!" Hobie nói. "Phần khó khăn nhất đã qua rồi. Giờ thi cháu dễ thở hơn rồi."

"Chắc cháu phải mừng *lắm*," bà DeFrees nói; suốt buổi tối bà đã khoác tay tôi, chốc lại bóp nhẹ hay thốt lên những tiếng ríu rít vui thích. ("Trông bà thật *bien élégante.*[114] " Hobie đã nói khi ghé người hôn lên má bà: tóc xám bới cao trên đỉnh đầu, nơ nhung tết qua những mắt xích trên chiếc lắc tay kim cương.)

"Một người chăm chỉ mẫu mực!" Hobie nói với bà. Ông còn khiến tôi áy náy hơn khi kể với bạn bè rằng tôi đã học hành chăm chỉ đến thế đó, và là một học trò giỏi giang như thế kia.

"Tuyệt quá đi mất. Cháu *không* vui ư? Mà lại kịp thời đến mức đó! Cố gắng làm vẻ mặt vui vẻ hơn chút nào, cưng ơi. Bao giờ thì câu bé vào học?" Bà hỏi Hobie.

ii.

CÓ MỘT BẤT NGỜ THÍCH THÚ là, sau cơn vật vã để chui vào, chương trình ở lớp đại học sớm lại chẳng hề khắc nghiệt như tôi đã sợ. Ở một vài mặt nào đó, đây còn là cái trường nhẹ nhàng nhất tôi từng đi qua: không có lớp nâng cao, không sà sã suốt ngày về điểm SAT và đại học Ivy League đang chờ, không có các yêu cầu toán và ngoại ngữ muốn nổ óc - mà thực tế là chẳng có

bất kỳ yêu cầu gì. Càng lúc càng hoang mang, tôi ngơ ngác nhìn thiên đường mọt sách mình đã lọt vào và nhận ra lý do tại sao bao nhiêu đứa cấp ba giỏi giang trong khắp năm quận đã đánh nhau vỡ đầu để tìm cách vào đây. Không thi cử, không kiểm tra, không điểm số gì cả. Có những lớp học để cho người ta lắp các tấm kính năng-lượng mặt trời hoặc dự xê-mi-na với những nhà kinh tế học đoạt giải Nobel, có những lớp khác cả ngày chỉ nghe đĩa Tupac hoặc xem các tập *Twin Peaks* cũ. Nếu muốn, học sinh có thể tự chế ra những tập hướng dẫn về Rô-bô học hay Lịch sử game. Tôi có toàn quyền chọn lựa trong số các tín chỉ rất thú vị chỉ yêu cầu vài bài luận giữa kỳ làm ở nhà và một bài tập lớn cuối kỳ. Nhưng dù biết mình may mắn vô cùng, tôi vẫn không tài nào cảm thấy vui sướng, hay chỉ là biết ơn, về vận may ấy. Cứ như chính tinh thần tôi đã trải qua là một biến đổi hóa học: cứ như mức cân bằng axit trong tâm thể tôi đã thay đổi, khiến sự sống chảy ra ngoài về những mặt không cách nào sửa chữa, đảo ngược được, như một cành san hô sống dần hóa xương.

Tôi vẫn làm những việc bắt buộc phải làm. Điều này tôi đã từng trải qua rồi: tắt điện trong mình, dấn tới từng bước. Mỗi tuần bốn lần tôi dậy lúc tám giờ sáng, tắm vòi sen trong cái bồn chân móng trong phòng tắm cạnh phòng ngủ của Pippa (rèm tắm hình hoa bồ công anh, mùi nước gội đầu hương dâu nâng tôi trôi vào một màn sương cợt nhạo, có hình bóng cô mỉm cười khắp quanh tôi). Rồi, đột ngột ngã rụp xuống mặt đất, tôi rời khỏi quầng mây hơi nước rồi lặng lẽ mặc đồ trong phòng, và - sau khi đã lôi Popchik một vòng quanh tòa nhà, trong lúc nó nhảy nhót và gào thét vì sợ hãi - sẽ thò đầu vào xưởng, tạm biệt Hobie, quăng cái balo lên vai rồi lên tàu hỏa đi hai bến vào trung tâm.

Hầu hết lũ bạn học đều theo năm, sáu lớp, nhưng tôi chỉ học bốn, mức yêu cầu thấp nhất: Mỹ thuật thực hành, Tiếng Pháp,

Đại cương điện ảnh châu Âu, Văn học Nga qua bản dịch. Tôi muốn học Tiếng Nga giao tiếp, nhưng Tiếng Nga cơ bản phải đợi đến mùa thu mới có lớp. Lạnh lẽo giật cục, tôi tới học đúng giờ, trả lời khi có ai hỏi đến, hoàn thành hết bài tập, rồi đi về nhà. Thỉnh thoảng sau giờ học, tôi ăn ở những quán Mễ hay Ý rẻ tiền gần Đại học New York, có máy chơi pinball và cây cảnh giả bằng nhựa, tivi màn hình rộng chiếu thể thao, bia giá một đô-la vào các giờ Happy Hour (dù tôi không được uống bia: thật kỳ dị phải điều chỉnh lại cho hợp với cuộc đời một đứa vị thành niên, cảm giác không khác nào trở lại vườn trẻ vẽ bút màu sáp). Tiếp đó, đầu hừng hực vì chất đường trong những cốc Sprite rót thoải mái, tôi đi bộ về lại nhà Hobie qua Công viên quảng trường Washington, đầu cúi gằm, iPod bật thật lớn. Nỗi lo lắng ấy (bức Rembrandt được tìm lại vẫn còn là chủ đề xôn xao báo chí) khiến tôi khó ngủ ban đêm, và mỗi lần chuông cửa nhà Hobie reo bất ngờ là tôi lại giật bắn như một đám cháy cấp độ năm.

“Em đang bỏ lỡ nhiều thứ đấy Theo,” Susanna, giáo viên tư vấn của tôi nói (ở đây ai cũng dùng tên riêng: bạn bè cả), “hoạt động ngoại khóa mới là thứ khiến sinh viên ờ đây được gắn bó trong một môi trường học tập thành thị. Đặc biệt là các học sinh trẻ hơn. Nếu không rất dễ mất phương hướng.”

“À...” Cô ta nói đúng: ở trường rất buồn. Đám mười tám, mười chín tuổi không kết thân với bọn nhỏ hơn, và dù có đẩy học sinh tuổi tôi trở xuống (cả một đứa mười hai tuổi ẻo lả nghe đâu có IQ 260), cuộc sống của chúng cũng quá khép kín, những nỗi lo quá ngớ ngẩn và xa lạ đến nỗi tôi thấy như chúng dùng một thứ ngôn ngữ trường cấp hai xưa rích nào đó mình đã quên. Chúng sống ở nhà cùng bố mẹ, lo âu về những thứ như tăng điểm phẩy và đi Ý học tiếng và thực tập ở Liên Hiệp Quốc mùa hè; chúng phát hoảng nếu thấy người ta châm thuốc lá trước mặt; chúng hăm

hở, trong sáng, nguyên vẹn, ngây ngô. Xét theo những điểm chung giữa tôi với chúng, thật chẳng khác gì tôi xuống chơi cùng lũ tám tuổi ở trường tiểu học số 41.

"Tôi thấy em đang học tiếng Pháp. Câu lạc bộ tiếng Pháp họp tuần một lần, ở một nhà hàng Pháp trên Phố University Place. Thứ Ba thì họ đến Alliance Française xem phim tiếng Pháp với nhau. Có thể em sẽ thích hoạt động đó chăng?"

"Có thể." Trưởng khoa Pháp, một ông thấy già nua người Algeria, đã kịp đến gặp tôi (khiến tôi giật nẩy mình - khi bàn tay lớn rắn rỏi của ông đặt lên vai, tôi đã nhảy nhổm như gặp cướp) và nói luôn không mào đầu rằng có một xê-mi-na ông dạy chắc tôi sẽ thích, về các căn nguyên của chủ nghĩa khủng bố hiện đại trong Mặt trận giải phóng dân tộc và Quân đoàn Algeria - ghét một nỗi là hình như giáo viên khắp trường đều biết tôi là ai, nói chuyện với tôi về "bi kịch của em", như bà giáo lớp điện ảnh Lebowitz ("cứ gọi cô là Ruthie") gọi. Cả bà nữa - Lebowitz - cũng đã nhằng nhẵng đi theo tôi, rủ vào Câu lạc bộ Điện ảnh sau khi đọc bài luận tôi viết về *Kẻ cắp xe đạp*[115], ; bà cũng gợi ý tôi nên ngó nghiêng Câu lạc bộ Triết xem sao, ở đó hàng tuần họ thảo luận cái mà bà gọi là 'Những câu hỏi lớn'. "ừm, để xem sao ạ," tôi lễ phép đáp.

"À, từ bài viết của em, cô thấy có vẻ em quan tâm đến cái mà, vì không có từ gì chuẩn hơn, cô sẽ gọi là lãnh địa siêu hình. Ví dụ như, tại sao người tốt thường chịu thiệt" bà ta nói khi thấy tôi vẫn trân mắt ra nhìn. "Và, liệu số phận có phải là ngẫu nhiên hay không. Chủ để bài viết của em thực ra không phải khía cạnh điện ảnh của De Sica, mà là sự hỗn độn và bất trắc nằm ở căn bản thế giới ta đang sống."

"Em không biết nữa," tôi nói trong quãng im lặng khó chịu tiếp

theo. Thực sự bài viết ấy nói về những vấn đề ấy ư? Tôi còn chẳng thích *Kẻ cắp xe đạp* (hay Kes, hay *Con mòng biển*[116], hay *Lacombe Lucien*, hay bất kỹ phim nào trong số những phim nước ngoài cực kỳ thê thảm mà bà Lebowitz chiếu ở lớp).

Bà Lebowitz nhìn tôi hồi lâu đến mức tôi thấy ngượng nghịu. Rồi bà điều chỉnh cặp kính đỏ chói, đáp: "À, phần lớn những phim trong lớp Điện ảnh châu Âu thuộc loại khá nặng nề. Vậy nên cô đang nghĩ hay là em nên chuyển sang một trong mấy lớp chuyên ngành điện ảnh cô dạy: 'Hài kịch screwball[117] thập niên 30', hay thậm chí là 'Phim câm'. Có chiếu *Dr. Caligari* nhưng cũng cả mấy phim Buster Keaton nữa, mấy phim Charlie Chaplin - cũng là hỗn độn, em biết đấy, nhưng trong một khung khổ không gây đe dọa. Tụng ca cuộc sống, vân vân."

"Có thể ạ," tôi đáp. Nhưng tôi không có ý định rước thêm vào mình một mẩu công việc ngoài đòi hỏi nào, có ca tụng cuộc sống đến mấy cũng không. Vì, gần như ngay từ giây phút bước được chân qua cửa, cái nguồn nâng lượng giả tạo đã khiến tôi lao được vào chương trình đại học sớm lập tức xẹp hẳn. Nhìn những món ngon vật lạ chào mời trong đó mà lòng tôi lạnh lẽo; tôi chẳng muốn phải động chân động tay một ly một leo nhiều hơn mức tuyệt đối cần thiết. Tôi chỉ muốn qua ngày mà thôi.

Hậu quả là sự chào đón nhiệt thành của các thầy cô giáo chẳng mấy chốc đã xẹp theo, chuyển qua cam chịu, và một nỗi hối tiếc mơ hồ, không xác định. Tôi không tìm kiếm thử thách, phát triển kỹ năng, mở rộng tầm mắt, khai thác hàng bao nhiêu nguồn lực dọn sẵn trước mắt. Tôi không "thích nghi với chương trình", như Susanna đã tế nhị miêu tả. Thực tế là, học kỳ càng trôi qua, và các giáo viên càng lảng xa cùng một thái độ có vẻ hằn học hơn càng lộ rõ ("những cơ hội về học thuật ở đây có vẻ không khiến

Theodore bỏ công sức nhiều hơn, trên bất cứ mặt trận nào"), tôi càng ngờ vực rằng lý do duy nhất đưa tôi vào chương trình học này là cái "bi kịch" kia. Ai đó đã đánh dấu đơn xin học của tôi ở phòng tuyển sinh, trao nó cho cấp lãnh đạo, Chúa ơi, xem cái thằng bé tội nghiệp này, nạn nhân khủng bố đấy, vân vân và mây mây, trách nhiệm của nhà trường, còn thừa bao chỗ, có nhét được vào không? Hẳn nhiên tôi đã cướp cơ hội của một đứa đầu to mắt cận nào đó xứng đáng hơn ở quận Bronx, một thằng hay con nhỏ chơi clarinet nghèo ở nhà xã hội hôm nay vẫn bị đánh đập để cướp bài làm đại số, và mai sẽ bấm vé trong ghi-sê thay vì dạy cơ học chất lưu ở Caltech, vì chỗ của nó bây giờ tôi đã ngồi.

Đây là một sai lầm hai năm rõ mười. "Theodore rất ít tham gia vào bài trên lớp, dường như không hề muốn bỏ nhiều hơn mức tuyệt đối cần thiết vào việc học hành," đấy là lời nhận xét của giáo viên tiếng Pháp trong một lời phê giữa kỳ gay gắt, mà nhờ không có một người lớn giám hộ sâu sát nào bên cạnh, chỉ mình tôi được đọc. "Chỉ có thể hy vọng rằng những thất bại sẽ thúc đẩy em chứng tỏ bản thân tốt hơn, để em khai thác được cơ hội của mình trong nửa sau học kỳ."

Nhưng tôi chẳng hề có ý muốn khai thác cơ hội của mình, nói gì đến chứng tỏ bản thân. Như một kẻ mộng du tôi đi qua các phố, và thay vì làm bài tập về nhà hay đến lớp ngoại ngữ hay vào một trong mấy câu lạc bộ đã có lời mời - ngồi tàu điện ngầm đến những ga cuối như luyện ngục, lang thang giữa những quán rượu và những tiệm uốn tóc sang chảnh. Nhưng chẳng mấy chốc ngay cả trò chơi xê dịch mới kiếm được này cũng làm tôi chán - hằng trăm dặm đường ray, đi chỉ để mà đi - và thay vào đó, như hòn đá lặn không tiếng động xuống đáy sâu, tôi vùi mình vào những giờ tê dại trong tấng hầm của Hobie, một không gian gà gật dưới vỉa hè, nơi tôi được cách ly khỏi tất cả ánh lóa của thành phố, những

nhà chọc trời và tòa nhà văn phòng vươn lên không như những sợi lông lởm chởm, nơi tôi toại nguyện với việc đánh bóng mặt bàn và nghe nhạc cổ điển trên kênh WNYC hàng giờ liền.

Suy cho cùng, tôi có quan tâm quái gì đến thì quá khứ hoàn thành hay là các tác phẩm của Turgenev? Có gì sai khi muốn ngủ muộn, chăn trùm kín đầu, rồi dậy đưa bước chân qua một căn nhà yên ả, có những vỏ sò cũ trong ngăn kéo bàn và giỏ mây đựng vải may nệm ghế đã gấp lại cất trong ngăn tủ bàn viết, ánh chiều tà rơi qua quạt thông gió trên đầu cửa trước thành những nan hoa san hô ấn tượng trên mặt sàn? Chẳng mấy chốc, giữa trường học và xưởng, tôi đã được ru trong cơn mơ màng quên lãng, một phiên bản của cuộc sống trước nhưng đã biến dạng như trong mơ, đi trên những phố quen thuộc mà sống trong những cảnh lạ kỳ, giữa những gương mặt không quen; và dù trên đường tới trường tôi thường nghĩ đến cuộc sống đã mất bên mẹ - ga Phố Canal, những thùng đựng hoa sáng đèn ở chợ Hàn Quốc, bất cứ cái gì cũng có thể gợi nhắc tôi nhớ lại - thì dường như một bức màn đen đã hạ xuống, che khuất quãng đời Vegas trong tôi.

Chỉ có thỉnh thoảng, trong những giây phút mất cảnh giác, cuộc đời ấy lại xói qua thành từng đợt tráo trở, khiến bước chân trên vỉa hè sững lại. Hiện tại hình như đã thu nhỏ thành thứ có vẻ chật hẹp hơn, kém hấp dẫn hơn rất nhiều. Có thể là vì tôi đã tỉnh táo hơn, không còn lóa mắt trước cái hoành tráng dặt dẹo thường kỳ của hai kẻ nghiện ngập bé con tung hoành ngày trước, của bộ lạc chiến binh hai người dọc ngang khắp sa mạc; hoặc có thể đời vẫn luôn như vậy khi người ta thêm tuổi, dù thực tình khó có thể hình dung Boris (ở Warsaw, Karmeywallag, New Guinea hay bất cứ đâu) lại sống cuộc đời tiền người lớn mê ngủ như kiểu tôi bấy giờ. Andy và tôi - ngay cả Tom Cable và tôi - đã từng nói chuyện mải mê về việc muốn làm gì khi lớn lên, nhưng

Boris hình như chưa bao giờ nghĩ đến tương lai xa hơn bữa ăn tiếp theo. Tôi không thể hình dung nó chuẩn bị làm việc kiếm ăn bằng bất kỳ cách nào, hay làm một thành viên hữu ích trong xã hội. Tuy thế, ở bên Boris nghĩa là biết rằng cuộc đời mở ra vô số những triển vọng tuyệt vời, lố bịch - vượt xa những thứ người ta dạy trong trường. Tôi đã từ lâu thôi không tìm cách gọi điện hay nhắn tin cho nó nữa; các tin nhắn tới số Kotku chẳng bao giờ được đáp lại, còn số điện thoại nhà ở Vegas thì đã cắt rồi. Tôi không hình dung nổi, trong cái trường dịch chuyển mênh mông của nó, rằng có bao giờ chúng tôi còn gặp lại nhau. Thế mà ngày nào tôi cũng nghĩ đến nó. Những cuốn tiểu thuyết Nga phải đọc ờ trường làm tôi nghĩ đến nó, và cả *Bảy cột thông thái*[118] và cả Lower East Side - những tiệm xăm mình, những quán bánh gối kiểu Đông Âu, mùi cỏ trong không khí, những bà già Ba Lan bước chân xộc xệch, người trĩu xuống vì giỏ đồ, tụi trẻ đứng hút thuốc trong khung cửa quán rượu dọc Đại lộ 2.

Và - đôi khi, không định trước, buốt nhói đến gần như đau - tôi nhớ đến bố. Khu Phố Tàu đánh thức trong tôi cảm giác về cái lòe loẹt phô trương nhưng lại tầm xàm, cái tâm trạng thoắt vui thoắt buồn không cách nào hiểu được: gương, bể cá, cửa sổ hiệu bày hoa giả và các chậu trúc phát lộc. Thỉnh thoảng khi đi dọc Phố Canal làm việc gì đó cho Hobie, mua đá nhám và nhựa thông Venice ở Pearl Paint, tôi lại lạc bước qua Phố Mulberry tới một hiệu ăn ngày xưa bố thích, cũng không quá xa tuyến E, đi tám cầu thang xuống hầm có những bàn formica ố bẩn và mua bánh xèo giòn tan, thịt lợn cay xé, những món phải dùng tay chỉ vì thực đơn toàn tiếng Hoa. Lần đầu tiên mở cửa nhà Hobie xách theo những bọc giấy chảy mỡ, tôi sững lại trước vẻ mặt ngơ ngác của ông, và đứng giữa phòng như một kẻ mộng du vừa tỉnh giấc, không hiểu mình rốt cuộc lại vừa nghĩ đến điều gì - dĩ nhiên

không phải đến Hobie, ông đâu có phải kẻ luôn chợt thèm đồ ăn Tàu bất kể sáng tối.

"Ồ, bác thích lắm chứ," Hobie vội vã đáp, "chỉ có điều bác thực tình chưa bao giờ nghĩ đến nó." Và chúng tối ăn dưới nhà, ngay trong xưởng, để nguyên hộp giấy mà ăn, Hobie ngồi trên ghế đẩu, mặc tạp dề đen, tay xắn đến khuỷu, đôi đũa trong mấy ngón tay to trông nhỏ đến lạ.

iii.

NGAY CHUYỆN Ở ĐÂY MỘT CÁCH rất không chính thức thế này cũng khiến tôi lo lắng. Dù bản thân Hobie với lòng nhân từ lơ đễnh của ông có vẻ chẳng nể hà gì chuyện có tôi trong nhà, thì ông Bracegirdle hẳn nhiên coi đây chỉ là dàn xếp tạm thời, và cả ông ta lẫn giáo viên tư vấn ở trường đã khổ sở giải thích cho tôi rằng ký túc xá ở trường vốn dành riêng cho các sinh viên lớn tuổi thật đấy, nhưng trường hợp tôi hẳn có thể tìm được cách thu xếp. Nhưng cứ khi nào họ động đến đề tài nơi sống, là tôi chỉ lặng im nhìn xuống chân. Mấy khu nhà trọ đó vừa bừa bộn vừa lắm ruồi, thang máy hộp vẽ bậy đầy tường và kêu xình xịch như thang máy bệnh viện; tường thì dán kín các tờ rơi của ban nhạc, sàn dính nhớp vì suốt ngày đổ bia, những đám sinh viên to vật vã quấn chăn gà gật trên ghế bành trong phòng tivi không khác gì xác sống, những gã bí tỉ để râu trên mặt - đối với tôi họ là người lớn cả rồi, những gã lớn xác, đáng sợ, đã ngoài 20 - ném những chai cả lít rỗng vào nhau trên hành lang, "ừ, đúng là cháu còn hơi nhỏ," ông Bracegirdle nói, khi tôi bày tỏ những ngại ngần ấy lúc đã bị dồn vào đường cùng, dù lý do thực cho chuyện ngại ngùng lại là một thứ tôi không thể nói ra - trong hoàn cảnh này làm sao mà tôi sống chung phòng với một kẻ nào được? Còn vấn đề an

ninh thì sao? Hệ thống phun nước chống hỏa hoạn thì sao? Trộm cắp thì sao? Nhà trường không chịu trách nhiệm về tài sản cá nhân của sinh viên, đấy là câu trong cuốn sổ tay phát cho tôi. Đề nghị các sinh viên mua bảo hiểm kỷ túc xá cho bất kỳ đồ vật có giá trị nào có khả năng được mang đến trường với mình.

Mê man vì lo lắng, tôi dành toàn lực biến mình thành cánh tay phải không thể tách lìa của Hobie: chạy việc, rửa bàn chải, giúp ông kê sổ các món phục chế và tìm kiếm trong số những phụ kiện, những mảnh gỗ cứu từ tủ ly cũ. Khi ông đẽo các thanh trục và tiện chân ghế mới cho khớp với chân ghế cũ, thì tôi đun sáp ong và nhựa cây trên bếp điện xách tay làm xi đánh bóng đồ: 16 phần sáp ong, 4 phần nhựa cây, một phần nhựa thông Venice, tạo nên một chất óng màu nâu vàng rất thơm, sền sệt như kẹo, quấy trong chảo rất sướng tay. Chẳng mấy chốc ông đã dạy tôi cách tô màu đỏ lên nền trắng chuẩn bị mạ: lúc nào vàng cũng mòn đi một chút nơi bàn tay bình thường hay chạm vào, rồi một chút sơn lót đen dùng muội than xoa vào các kẽ hở và lưng ghế. (“Tạo nước bóng lúc nào cũng là một trong các vấn đề lớn nhất khi phục chế. Gỗ mới mà muốn tạo cảm giác cũ thì nước bóng trên mạ là cách lừa con mắt dễ nhất.”) Và nếu đã dùng muội than rồi mà lớp mạ vẫn còn quá bóng, quá mới, ông dạy tôi cách “để sẹo” bằng đầu mũi kim - vạch những vết nhẹ nhưng không đều, độ nông sâu khác nhau - rồi lắc nhẹ xâu chìa khóa cũ đập vào mặt, sau đó xả máy hút bụi một vòng khiến nó xỉn đi. “Những món đã bị phục chế nặng tay - không để lại một góc mòn hay một vết sẹo danh dự nào, thì cháu phải tự mình trao cho chúng vài miếng. Mẹo cần nhớ là,” ông giải thích và đưa cổ tay quệt trán, “không bao giờ được ve vuốt quá.” Ve vuốt quá có nghĩa là “đều quá”. Những chỗ mòn quá đều là lời tố giác rành rành; tuổi tác đích thực, như tôi dần dà hiểu ra nhờ những món đồ cổ thật đã qua

tay mình, thể hiện qua sự bất thường, cong queo, gàn dở, long lanh bên mờ xỉn, những vệt sắc đậm bất đối xứng trên cái tủ ly bằng gỗ cẩm lai dưới một tia nắng xéo, trong khi nửa bên kia vẫn tối như ngày mới thành hình. “Cái gì khiến gỗ già đi à? Mọi thứ. Nóng, lạnh, tro bếp, nhà nuôi nhiều mèo, hoặc - nhìn đấy,” ông nói và lùi lại, để tôi đưa ngón tay rà trên bề mặt xù xì đóng cáu của cái tủ gỗ dái ngựa. “Cháu nghĩ cái gì làm hỏng mặt tủ như vậy?”

“Trời ơi…tôi ngồi xổm nhìn chỗ nước sơn phủ bắn tóe - đen, dính, như vỏ bánh cháy từ lò Easy-Bake khiến người ta chẳng muốn bỏ vào mồm - chuyển thành ánh bóng bẩy trong veo.

Hobie cười lớn. “Keo xịt tóc. Hàng thập niên keo xịt tóc. Tưởng tượng nổi không?” Ông nói và đưa móng tay cậy mép làm tróc ra một sợi đen quàn quăn. “Quý nương xinh đẹp đã dùng cái này làm bàn trang điểm. Qua nhiều năm, nó dày lên như sơn mài. Bác không hiểu họ pha cái gì vào trong đó, nhưng cọ sạch thứ này quả là một ác mộng, nhất là những thứ từ những thập niên 1950 - 1960. Đáng ra đây là một hiện vật cực kỳ nếu không phải người đẹp đã phá hỏng lớp sơn phủ. Chúng ta chỉ còn cách cọ sạch hết lớp trên cùng, để lộ ra gỗ bên dưới, có thể đánh một lớp xi nhẹ nữa. Nhưng đây thật là một cô bé xinh đẹp, phải không?” Ông âu yếm nói, đưa ngón tay rà dọc sườn cái tủ. “Nhìn độ cong ở chân, và cái vân này, cái đốm hình này - thấy bông hoa không, ở đây, đây nữa, nó khớp với nhau tuyệt hảo?”

“Bác định tháo rời nó ra à?” Dù Hobie coi là việc chẳng đặng đừng, tôi lại rất thích cảnh phẫu thuật cấp tập khi một món đồ bị tháo tung ra rồi lắp lại từ đầu - phải làm việc thật nhanh trước khi keo khô lại, như các bác sĩ trên tàu vội vã thực hiện một ca cắt ruột thừa giữa biển.

http://tieulun.hopto.org

“Không...” Gõ gõ tay, áp tai vào gỗ “có vẻ khá cứng cáp, nhưng rãnh trượt có vấn đề,” ông nói và lôi một ngăn kéo, có tiếng ken két, nó bị kẹt. “Đấy là vì nhồi nhét quá nhiều thứ dớ dẩn đấy cả ngăn. Chúng ta sẽ lắp lại mấy cái này...” kéo ngăn nhấc ra, nhăn mặt khi nghe tiếng gỗ cà vào nhau “bào những chỗ bị cấn. Thấy ở đây mòn đi không? Cách sửa tốt nhất là khoét rãnh thành hình vuông - làm thế rãnh sẽ bị rộng ra, nhưng bác nghĩ không cần phải bẩy thanh trượt ra khỏi rãnh đuôi én đâu - cháu nhớ mình đã làm cái tủ gỗ sồi thế nào chứ? Nhưng...- ngón tay miết trên mép - “gỗ dái ngựa thì hơi khác. Óc chó cũng vậy. Cháu sẽ ngạc nhiên nếu biết bao nhiêu lần gỗ bị bào ở những điểm không thực sự gây vấn đề. Nhất là với gỗ dái ngựa, vân gỗ thường rất mịn, đặc biệt là đến tuổi này, rất không nên bào trừ khi thực sự không còn cách nào khác. Bởi ít sáp nến lên thanh trượt là cô nàng lại ngon lành ngay thôi.”

iv.

CỨ THẾ, THỜI GIAN TRÔI. Ngày nào cũng như ngày nào, hầu như tôi không nhận ra tháng theo nhau trôi qua nữa. Xuân chuyển sang hè, mùi ẩm và mùi rác, trên phố đầy người, những cây thanh thất trổ lá mỡ màng tối sẫm; rồi hè sang thu, cô đơn, lạnh run. Hàng đêm tôi đọc Evgeni Onegin hoặc giở một trong vô vàn cuốn sách về đồ nội thất của Welty (cuốn tôi thích nhất là Đồ nội thất Chippendale: Thực và hão, trọn bộ hai tập, siêu cổ) hoặc bộ Lịch sử nghệ thuật của Jason, dày múp, đọc sướng cả người. Dù thỉnh thoảng làm việc với Hobie dưới hầm đến cả sáu bảy tiếng, hầu như không nói lời nào, nhưng tôi không bao giờ cô độc khi đứng trong bầu không khí ân cần tỏa ra từ ông: có một người lớn không phải mẹ mà lại thấu hiểu và nhanh nhạy, lại dành trọn

chú ý cho tôi như vậy, là một điều khiến tôi kinh ngạc. Khoảng cách tuổi tác khá lớn khiến chúng tôi vẫn thường giữ kẽ với nhau; vẫn có quy phạm và lễ nghĩa trên kính dưới nhường; nhưng giữa chúng tôi cũng đã mọc lên một thứ thần giao cách cảm khi trong xưởng, khiến tôi có thể đưa ngay cho ông cái bào hay đục ông đang cần mà chẳng cần đợi ông cất lời hỏi. “Đồ dán keo epoxy” là từ ông dùng chỉ các sản phẩm làm ẩu tả, hay là đồ rẻ tiền nói chung; ông từng cho tôi xem vô số món cổ, mối ghép hơn 200 năm không xảy ra chuyện gì, trong khi tình trạng chung của rất nhiều hàng tân thời là khớp nối quá chắc, gỗ cắn quá chặt vào nhau, khiến nó vỡ ra, không cho nó thở. “Cháu phải nhớ rằng khán giả của chúng ta là người sẽ nhận phục chế món này sau đây cả trăm năm. Chúng ta phải đặt mục tiêu gây ấn tượng cho người đó.” Mỗi khi ông dùng keo dán món gì đó, việc của tôi là xếp ra tất cả số bàn kẹp cán dùng, mỗi cái ở đúng mối ghép, còn ông đặt từng mảnh ra theo trật tự chính xác, mộng dương trước, mộng âm sau - công việc chuẩn bị hết sức cầu kỳ trước khi thực sự bắt tay vào dán và kẹp, là quy trình sẽ diễn ra trong vài phút cuống cuồng trước khi keo kịp khô. Bàn tay Hobie chuẩn xác như bác sĩ phẫu thuật, tóm lấy đúng miếng cần thiết khi tôi lúng túng, vì việc của tôi chủ yếu chỉ là áp chắc các mảnh vào nhau trong khi ông kẹp (không chỉ bằng thứ kẹp chữ G hay chữ F thông thường, mà còn cả một lô những dụng cụ kỳ khôi mà ông để sẵn dùng riêng cho việc này, như lò xo đệm, kim băng, khung thêu cũ, săm xe đạp, và đè bằng những túi cát lắm màu khâu bằng vải hoa và đủ loại đồ đạc nhặt nhạnh khác, như cái chặn cửa chì cũ hay lợn ống đựng tiền bằng sắt đúc). Nếu ông không cần tôi loanh quanh trợ giúp, tôi sẽ đi quét mạt cưa và treo dụng cụ lên giá, và nếu thực sự không còn việc gì làm, thì tôi rất bằng lòng ngồi ngắm ông mài đục hay hơ gỗ để uốn trên bát nước đặt lên

bếp xách tay. OMG dưới đó hôi kinh, Pippa nhắn. Mùi ghê vậy sao chịu dc? Nhưng tôi yêu cái mùi ấy - độc đến tỉnh người - và yêu cảm giác cầm gỗ trăm tuổi trong tay mình.

v.

SUỐT TRONG THỜI GIAN ẤY tôi vẫn thấp thỏm theo dõi tin về đồng môn ăn trộm của mình ở quận Bronx. Tất cả đều nhận tội - cả bà mẹ vợ - và đã phải chịu mức án cao nhất trong khung hình phạt: khoản tiền phạt hàng trăm nghìn đô-la, án tù từ 5 đến 15 năm không ân xá. Quan điểm chung đều cho rằng tất cả đám đó vẫn sẽ sống đời vui vẻ ở Morris Heights và ăn những bữa Ý ê hề ở nhà bà má nếu không có quyết định ngớ ngẩn là tìm cách bán bức Wybrand Hendriks cho một tay buôn tranh, tay này đã phôn cho cảnh sát ngay tắp lự.

Nhưng điều đó cũng chẳng khiến tôi dịu lòng. Đã có một hôm từ trường về nhà, tôi thấy tầng trên nghi ngút khói còn lính cứu hỏa thì đi lại rầm rầm trên hành lang ngoài cửa phòng mình - "chuột," Hobie nói, mắt mở to, mặt tái mét, mặc cái yếm thợ và đội kính bảo hộ trên đỉnh đầu đi khắp nhà như một lão khoa học gia khùng, "bác không chịu được bẫy dính, tàn nhẫn lắm, và bác cứ hoãn mãi không muốn gọi đội diệt chuột nhưng trời ạ, thế này thì thật quá quắt, không thể để chúng nó cứ nhai dây điện mãi được, nếu không có chuông báo động thì cả nhà này chắc đã nổ tung lên rồi, anh này" (nói với người lính cứu hỏa) "tôi đưa cháu lại đây được chứ?" - bước tránh các thiết bị - "cháu phải nhìn mà xem," - đứng lùi tít ra đằng sau chỉ vào một lô bộ xương chuột cháy đen còn đang ngún khói đằng sau lớp ván chân tường. "Nhìn kia kìa! Cả một ổ!" Dù nhà Hobie lắp còi báo động đến tận hang cùng ngõ hẻm, không chỉ báo cháy mà còn báo trộm, và vụ

cháy này cũng không ảnh hưởng mấy trừ một đoạn ván chân tường trên hành lang, nhưng cú đó vẫn khiến tôi run lẩy bẩy (nhỡ hôm đó Hobie không có nhà? nhỡ phát cháy ở phòng tôi?) và kết luận rằng từng ấy chuột sau một khúc ván 50 cm chỉ có nghĩa là còn nhiều chuột nữa (và nhiều dây điện bị gặm nữa) ở nơi khác, tôi nghĩ không biết bất chấp thói ghét bẫy chuột của Hobie, tôi có nên tự mình đặt vài cái không. Khi tôi đề xuất nuôi mèo, dù cả Hobie và bà DeFrees nghiện mèo đều nhiệt liệt hưởng ứng và bàn thảo hào hứng, nhưng đề nghị không được đem ra thực thi và nhanh chóng chìm vào quên lãng. Rồi chỉ mới vài tuần sau, đúng khi tôi đang nghĩ có nên xới vấn đề mèo trở lại, thì tôi suýt đứng tim mà chết khi đi vào phòng thấy ông đang quỳ trên thảm gần giường tôi, thò tay vào *gầm giường* - như tôi nghĩ, tuy thực tế chỉ là thò tay nhặt con dao bả mát tít trên sàn; ông đang sửa tấm kính dưới cùng bị nứt ở cửa sổ phòng ngủ.

"A, chào cháu," Hobie nói và đứng dậy phủi quần. "Xin lỗi! Không định làm cháu giật mình đâu! Bác đã định lắp tấm mới từ hồi nào khi cháu đến. Tất nhiên là mấy cửa sổ cũ kiểu Bendheim này, bác thích dùng kính sần hơn, nhưng nếu pha thêm vài miếng kính trong cũng không hại - này, cẩn thận," ông nói, "cháu có sao không?" khi thấy tôi đánh rơi cặp và ngồi sụp vào ghế bành như một tay trung úy bị sốc bom vừa lảo đảo từ chiến trường về.

Thật muốn vỡ đầu, như mẹ thường nói. Tôi không biết phải làm sao nữa. Dù biết quá rõ thỉnh thoảng Hobie vẫn nhìn mình lạ lùng, biết mình cư xử như thằng rồ trước mắt ông, nhưng tôi vẫn sống trong một màn sương nội tâm lúc nào cũng âm ỉ báo động: giật mình mỗi lần có ai gõ cửa, nhảy nhổm như bị bỏng khi có điện thoại, rùng mình bởi những "linh cảm" điện giật thường khiến tôi giữa giờ học đứng bật dậy khỏi bàn chạy bắn về nhà kiểm tra cho chắc bức tranh vẫn còn nguyên trong vỏ gối, chưa

có ai làm xô lệch lớp quấn ngoài, hay tìm cách gỡ băng dính. Khi ngồi vào máy, tôi lùng khắp mạng tìm các luật quy định tội ăn trộm tác phẩm nghệ thuật, nhưng những gì ít ỏi bới ra được thì nói đủ cách khác nhau, chẳng đưa ra được quan điểm mạch lạc hay liên quan nào. Rồi sau tám tháng êm ả (trừ vụ đó) ở nhà Hobie, một giải pháp bất ngờ xuất hiện.

Tôi chơi khá thân với tất cả những anh chàng chuyển đồ hay lưu kho của Hobie. Phần lớn là dân gốc Ireland ở New York, những anh chàng khuềnh khoàng nhưng vui tính đã vì lý do nào đó không vào được sở cẩm hay sở cứu hỏa: Mike, Sean, Patrick, Frank nhỏ (mà thực ra chẳng nhỏ tí nào, anh phải to cỡ chiếc tủ lạnh), nhưng cũng có hai anh Israel tên Raviv và Avi, và người tôi khoái nhất, một anh Do Thái người Nga tên là Grisha. ("'Do Thái người Nga là cách nói mâu thuẫn," anh giải thích với tôi, phả một ngụm khói vị bạc hà lồng lộng, "ít ra là với người Nga. Bởi những kẻ bài Do Thái đều coi 'Do Thái' không phải dân Nga đích thực - và dân Nga khét tiếng là nghĩ như thế.") Grisha sinh ra ở Sevastopol và kêu vẫn còn nhớ nơi ấy ("nước đen và muối") dù cha mẹ anh đã vượt biên từ hồi anh lên hai. Tóc vàng, mặt đỏ lựng, mắt sáng rực màu xanh trứng sáo, anh sở hữu một cái bụng bia và một đức tính không thể cẩu thả hơn về quần áo, nhiều khi mấy khuy dưới cùng áo sơ mi để há hoác, nhưng nhìn dáng đi thoải mái, ngông nghênh thì thấy rõ anh tin rằng mình rất đẹp trai (và, ai biết đâu, có thể đã một thời như vậy). Khác với thầy Pavkikovsky mặt mày khắc khổ, anh ta thuộc loại lắm lời, suốt ngày đùa bỡn kể chuyện hài hay *anekdoty* như anh nói, bằng cái giọng lè nhè liến thoắng. "Cậu nghĩ cậu giỏi nói tục lắm hả, *mazhor*" một lần anh nói, dễ dãi, từ góc xưởng anh thỉnh thoảng buổi chiều vẫn ngồi chơi cờ cùng Hobie. "Mời. Cứ nói đến thủng tai tôi xem." Và thế là tôi đã tuôn ra cả một tràng tục tĩu bỏng cả

miệng khiến đến cả Hobie, dù không hiểu lấy một chữ, cũng phải ngửa mặt cười lớn, tay bịt tai.

Một chiều trời xầm xì, chẳng mấy lâu sau khi bắt đầu học kỳ thu đầu tiên ở trường, tôi đang ở nhà một mình thì Grisha ghé qua gửi mấy món đồ đạc. "Này, *mazhor*," anh nói và vẩy đi mẩu tàn thuốc lá kẹp giữa ngón trỏ và ngón cái lắm sẹo. *Mazhor* - một trong mấy biệt danh giễu cợt của anh dành cho tôi - nghĩa là "thiếu tá" trong tiếng Nga. "Động tay động chân chút. Ra đây giúp chuyển mớ rác trong thùng xe coi." Mọi món đồ lớn bé với Grisha đều là "mớ rác".

Tôi nhìn ra cái xe đằng sau anh. "Anh có cái gì đấy? Nặng không?"

"Nếu mà nó nặng, *poprygountchick*[119] ạ, thì tôi hỏi cậu làm cái gì?"

Chúng tôi bê các món vào - gương mép mạ vàng, quấn bọc cẩn thận; một cỗ chúc đài; một bộ ghế ăn - và ngay khi vừa mở hết ra, Grisha tựa lưng vào cái tủ búp phê Hobie đang sửa dở (sau khi chạm thử bằng đầu ngón tay để biết chắc là không dính) và châm cho mình một điếu Kool. "Hút không?"

"Thôi cảm ơn." Thực ra là tôi muốn, nhưng sợ Hobie sẽ ngửi thấy.

Grisha phẩy bàn tay móng rất bẩn gạt khói đi. "Thế cậu làm gì?" anh ta hỏi. "Chiều nay giúp tôi không?"

"Giúp thế nào?"

"Xếp cái quyển đàn bà ở truồng của cậu lại" (cuốn *Lịch sử nghệ thuật* của Janson) "và đi Brooklyn với tôi."

"Để làm gì?"

“Tôi phải mang một mớ rác nữa ra kho chứa, có thêm người giúp thì tốt. Đáng ra là Mike, nhưng hôm nay anh ta *ốm*. Hà! Đêm qua đội Khổng lồ chơi, thua, anh ta thì bỏ một gia tài vào trận đó.

Đảm bảo là đang nằm bẹp trong giường đằng Inwood chưa tỉnh cơn say và ôm mắt thâm.”

vi.

TRÊN ĐƯỜNG ĐI BROOKLYN với một xe đầy đồ đạc, Grisha duy trì bài ta thán nhịp nhàng về một đằng là các phẩm chất tuyệt hảo của Hobie và đằng kia là việc ông đang gióng hồi chuông báo tử cho sự nghiệp của Welty. “Một người trung thực trong một thế giới lường gạt? Sống ẩn dật nữa chứ? Tim tôi nhức lên, ngay đây này, vì chứng kiến ông ngày ngày ném tiền ra cửa sổ. Không, không,” anh nói và giơ một bàn tay nhớp bẩn lên chặn lời tôi, “việc ông làm, mất thời gian, phục chế kiểu ấy, làm bằng tay như các danh họa ngày xưa - tôi hiểu chứ. Ông là nghệ sĩ - không phải dân buôn. Nhưng vậy thì làm ơn giải thích cho tôi, sao ông phải mãi bỏ tiền thuê cái kho ở Sân Hải quân Brooklyn chứ không cho hàng chạy để chi trả cho các hóa đơn? Ý tôi là, nhìn xem, trong hầm cả mớ bà lằng! Những món Welty mua đấu giá - tuần nào cũng thêm một đống. Trên lầu thì cửa hàng chật ních! Ông đang ngồi trên một gia tài - phải trăm năm mới bán hết đi được! Dân tình nhìn vào cửa sổ, tiền trong tay, muốn mua ngay, xin lỗi bà nhé! Biến phắn cút xéo! Đóng cửa rồi! Còn ông thì ở dưới nhà, cầm đồ thợ mộc, miệt mài cả chục giờ để cắt cái miếng gỗ bé tẹo” (giơ hai ngón tay ước lượng) “từ cái ghế bà già chuối củ nào đấy.”

“Vâng, nhưng bác cũng có khách hàng mà. Tuần trước bác vừa bán được một lô.”

http://tieulun.hopto.org

“Gì?” Grisha tức giận đáp, đang nhìn đường quay ngoắt đầu trừng mắt nhìn tôi. “Bán gì? Cho ai?”

“Nhà Vogel. Bác ấy mở cửa cho họ - họ mua một cái tủ sách, một bàn chơi bài...”

Grisha cau mặt. “Mấy người đó. Bạn của ông, thế đấy. Biết sao họ mua của ông ấy không? Vì họ biết có thể vắt ra giá tiền rẻ mạt - mở cửa theo lịch hẹn ấy à! Tốt hơn là đóng cửa cho chặt trước mấy con kền kền ấy. Ý tôi là” - đặt nắm đấm lên ngực - “cậu biết rõ trái tim tôi. Hobie như là gia đình của tôi. Nhưng... anh ta xoa ba đầu ngón tay, một cử chỉ của Boris ngày xưa. Tiền! Tiền “rất không có đầu óc buôn bán. Ông ấy sẵn sàng bỏ que diêm cuối cùng, mẩu bánh cuối cùng, bất cứ cái gì, cho bất cứ thằng lừa đảo nào. Cứ nhìn mà xem, chỉ cần bốn năm năm nữa thôi, ông ấy sẽ phá sản ra đường trừ khi kiếm được ai đó trông cửa hàng cho ông.”

"Ví dụ ai?”

“À... anh ta nhún vai “ai đó như bà chị Lidiya của tôi chẳng hạn. Bà đó có thể bán cả nước cho người đang chết đuối.”

“Thế anh nói với bác ấy đi. Tôi biết là bác ấy cũng tìm người.”

Grisha cười độc địa. "Lidiya hả? Làm ở cái ổ đấy hả? Nghe đây này - Lidiya bán vàng, Rolex, kim cương Sierra Leone. Đưa đón từ nhà bằng xế sang. Quần da trắng... đầm đen chạm sàn... móng tay dài đến *đây*. Không đời nào bà đó ngồi trong tiệm hầm bà lằng giữa một mớ rác bụi bặm cả ngày đâu.”

Anh cho xe dừng, tắt máy. Chúng tôi đang đứng trước một căn nhà vuông vức màu xám tro, giữa một vùng hoang vắng giáp biển, những khu đất trống, những tiệm phụ tùng xe, đại khái như những khu mà trong phim bọn găng tơ vẫn đưa nạn nhân tới để

cắt cổ.

“Lidiya - Lidiya, quyến rũ lắm,” anh ta tư lự nói. “Chân dài - ngực bự - mặt đẹp. Ngồn ngộn sức sống. Nhưng làm ăn kiểu này - không nên dùng những người choáng lộn như bà đó.”

“Thế phải dùng gì?”

“Những người như Welty. Ông có cái vẻ chân thành, hiểu không? Như là học giả. Hoặc thầy tu. Như ông nội của mọi người. Nhưng đầu óc kinh doanh sắc bén. Được thôi, dễ thương, tử tế, bạn tốt với mọi người, nhưng một khi có khách hàng tin tưởng, rằng giá tốt nhất, thì phải kiếm lời chứ, hà ! Bán lẻ là thế, *mazhor* ạ. Thế giới là thế.”

Khi đã vào trong, khi được bấm cửa cho vào, có một cái bàn với duy nhất một anh người Ý ngồi đọc báo. Trong lúc Grisha ký sổ, tôi xem tờ rơi trên giá bên cạnh màng xốp hơi và băng dính khổ lớn :

KHO TRỮ ĐỒ NGHỆ THUẬT ARISTON

NHÀ XƯỞNG CỰC XỊN

CHỐNG LỬA, MÔI TRƯỜNG

ĐIỀU HÒA, AN NINH 24/24

TRUNG THỰC - CHẤT LƯỢNG - AN TOÀN

Mọi YÊU CẦU VỀ NGHỆ THUẬT ĐỀU ĐƯỢC ĐÁP ỨNG

GIỮ GÌN TÀI SẢN CHO QUÝ KHÁCH TỪ 1968

Ngoài bàn tiếp đón, nơi này vắng tanh. Chúng tôi chất đồ vào thang máy chở hàng, dùng thẻ chìa khóa và mã số bấm đi lên tầng sáu. Qua những dãy hành lang dài không bản sắc, chúng tôi

bước đi giữa những máy quay gắn trần và các cửa đánh số vô danh, Dãy D, Dãy E, không cửa sổ như tàu Sao Chết của Darth Vader, những bức tường hình như kéo dài về vô tận, cảm giác như kho trữ đồ quân sự dưới lòng đất hoặc có thể là tường để tro cốt trong một nghĩa trang vị lai nào đó.

Hobie thuê một phòng thuộc loại lớn - cửa đôi, rộng đủ để phi xe tải qua. “Đây rồi,” Grisha nói và loạch xoạch chìa trong ổ khóa, đẩy tung cánh cửa sắt đánh rầm. “Nhìn xem ông tha đủ thứ củ chuối vào đây.” Bên trong lèn chật ních đồ nội thất và đủ thứ khác (đèn, sách, đồ sứ, đồ đồng nhỏ; những túi B. Altman cũ đầy giấy tờ và giày mốc meo) đến nỗi thoạt nhìn, luống cuống, tôi chỉ muốn lùi lại và đóng cửa, như vừa đi nhầm phải căn hộ của một lão già ưa tích trữ nào đó mới qua đời.

“Hai nghìn một tháng cho mớ này,” anh ta lầm lầm nói khi chúng tôi tháo lớp bọc ghế rồi đặt vào, rất chênh vênh, trên đầu một cái bàn gỗ anh đào. “Là 24.000 đô mỗi năm! Thà ông ấy dùng tiền đó đốt thuốc lá còn hơn trả tiền thuê cái lỗ này.”

“Còn mấy chỗ bé hơn thì sao?” Có nhiều cánh cửa bé tí - chỉ vừa cỡ cái vali.

“Con người ta điên lắm,” Grisha thở dài nói. “Một khoảng bằng cái cốp xe? Trả vài trăm đô một tháng?”

“Ý tôi là...” Tôi không biết phải đề cập thế nào “làm sao mà ngăn người ta bỏ đồ bất hợp pháp vào đây?”

“Bất hợp pháp à?” Grisha lau mồ hôi trên trán bằng cái khăn tay rất bẩn, rồi với tay ra đằng sau thấm mặt trong cổ áo. “Ý cậu là sao, súng à?”

“Vâng. Hoặc đồ ăn cắp, chẳng hạn.”

“Làm sao ngăn à? Nói cho cậu nghe. Chẳng làm sao ngăn được

cả. Vùi cái gì đó ở đây là chẳng ma nào tìm ra, trừ khi cậu bị khử đẹp hay nhập kho nên không trả phí. 90% mớ này - ảnh cũ của cu con, đồ vớ vẩn trên nóc nhà cu lớn. Nhưng nếu mà tường biết nói, nghĩ xem? Phải đến triệu đô-la giấu trong này nếu biết chỗ kiếm. Đủ thứ bí mật. Súng, nữ trang, xác người bị giết - đủ thứ rồ dại. Này...” anh ta đóng cửa đánh sầm, đang loay hoay với cái chốt - “giúp tôi xử cái thằng khốn này coi. Tôi ghét chỗ này, giời ạ. Cứ như nấm mồ, hiểu không?” Anh ta làm hiệu chỉ hành lang vô trùng trông như bất tận. “Mọi thứ đều bị nhốt kín, khóa kín bên ngoài sự sống! Lần nào đến đây tôi cũng có cảm giác khó thở. Còn khốn nạn hơn cả thư viện.”

vii.

ĐÊM ĐÓ TÔI LẤY CUỐN Trang Vàng trong bếp nhà Hobie, mang lên phòng xem mục *Kho hàng: Đồ nghệ thuật*. Có hàng chục nơi ở Manhattan và các quận ngoại thành, nhiều nơi đăng cả những quảng cáo long trọng chi tiết giới thiệu dịch vụ: găng tay trắng, đón đưa tận cửa! Một tay quản gia như trong truyện tranh bưng khay bạc chìa danh thiếp: BLINGEN VÀ TARKWELL, Từ 1928. *Giải pháp trữ đồ tuyệt hảo, kín đáo, tuyệt mật cho quý khách, dành cho mọi loại khách hàng công ty và cá nhân.* ArtTech. Heritage Works. Archival Solutions. *Nhà kho đặt dưới sự theo dõi của các thiết bị ẩm kế và nhiệt kế. Duy trì nhiệt độ tùy chỉnh theo tiêu chuẩn của Hiệp hội bảo tàng Hoa Kỳ là 70 độ F và 50% độ ẩm tương đối.*

Nhưng những trò này thì quá rắc rối. Tôi chẳng hề muốn người ta để ý rằng mình đang cất trữ một tác phẩm nghệ thuật. Chỉ cần cái gì đó an toàn và không bị chú ý thôi. Một trong những chuỗi cửa hàng lớn nhất, được ưa chuộng nhất mở đến 20 nhà

http://tieulun.hopto.org

kho ở Manhattan - một cái ở khu 60 Đông cạnh sông, là khu tôi ở ngày xưa, chỉ cách căn hộ cũ của mẹ và tôi có mấy phố. *Các kho của chúng tôi được bảo vệ nhờ trung tâm chỉ huy được thiết kế riêng có người trực 24/24, sử dụng công nghệ nhận biết khói lửa hiện đại nhất.*

Hobie ngoài hành lang đang hỏi cái gì đó. "Sao ạ?" tôi khàn khàn hỏi, giọng the thé giả dối, đóng ập sách lại trên ngón tay.

"Moira đến đấy. Muốn chạy sang nhà bên làm cái hamburger với bọn bác không?" "nhà bên" tức là cách ông quen gọi quán White Horse.

"Hay quá, đợi cháu một phút." Tôi quay lại với quảng cáo trong cuốn Trang Vàng. *Hãy dành không gian cho giải trí mùa hè Giải pháp đơn giản cho các dụng cụ thể thao giải trí của bạn*! Nghe họ tả thì có vẻ đơn giản làm sao: không cần thẻ tín dụng, cọc tiền mặt là xong.

Hôm sau tôi không đến lớp, mà lấy vỏ gối dưới giường, dùng băng dính vải dán chặt, bỏ vào túi nâu của Bloomingdale, bắt taxi đến cửa hàng đồ thể thao ở Quảng trường Thống nhất, và sau khi ngó nghiêng một lúc, mua cái lều bạt rẻ tiền rồi lại bắt taxi về Phố 16.

Trong văn phòng vách kính như thuộc thời đại du hành vũ trụ của công ty trữ đồ, chỉ có một khách hàng duy nhất là tôi; và dù tôi đã chuẩn bị cả một câu chuyện hỏa mù (mê cắm trại, bà mẹ ghét nhà bừa) thì mấy người ngồi bàn có vẻ hoàn toàn dửng dưng trước cái túi thể thao lớn thương hiệu đầy đủ, nhãn của cái lều vắt vẻo rất hữu ý bên ngoài. Cũng chẳng ai thấy có gì kỳ cục hay đặc biệt về chuyện tôi muốn trả trước tiền thuê ngăn tủ một năm, tiền mặt - hay là hai năm nhỉ? Thế có được không? "ATM ngay ngoài kia," anh Puerto Rico trông máy tính tiền nói và đưa

tay trỏ, mắt còn chẳng thèm rời khỏi miếng bánh kẹp trứng và thịt xông khói.

Dễ thế thôi sao? Tôi nghĩ trên đường đi thang máy xuống. "Nhớ ghi lại số tủ đồ," anh chàng tính tiền đã bảo, "mã số tủ nữa, cất vào nơi an toàn," nhưng tôi đã kịp thuộc lòng cả hai - tôi đã xem lắm phim James Bond và thuộc lòng mọi mánh khóe và khi ra đến ngoài, lập tức vứt mảnh giấy vào thùng rác.

Thoát khỏi tòa nhà, khỏi cái tĩnh lặng như hầm chứa bạc và làn gió hôi tanh phả ra từ những ống thông gió rù rù, tôi thấy choáng váng, như vừa mở mắt, và bầu trời xanh cùng ánh nắng dội váng óc, cái màn sương khí thải buổi sáng quen thuộc cùng những tiếng còi xe cái trầm cái bổng hình như đi theo dọc con lộ thả dài vào một trật tự thế giới mới lớn hơn, hoan hỉ hơn: một vương quốc nắng tràn những đám đông và vận may. Đây là lần đầu tôi ở đâu đó gần Sutton Place từ khi về lại New York, và cảm giác cứ như trở lại một giấc mơ xưa thân thiết, chồng mờ giữa quá khứ và hiện tại, những lỗ hổng mặt vỉa hè và cả những vết nứt cũ ngày xưa tôi luôn nhảy qua trên đường chạy về nhà, cúi rạp mình, tưởng tượng mình đang ngồi trong máy bay, nghiêng cánh, *con tới đây*, quãng đường cuối, thun thút đổ về phía nhà - vẫn còn rất nhiều nơi cũ còn đang mở: quán đổ ăn sẵn, quán ăn Hy Lạp, quán rượu, bao nhiêu khuôn mặt láng giềng đã quên nay lại chen chúc trong trí tôi, cô Sal bán hoa và bà Battaglina ở nhà hàng Ý và anh Vinne ở hiệu giặt khô lúc nào cũng đeo thước dây quanh cổ, quỳ trên mặt đất gắn kim băng vào váy mẹ tôi.

Chỉ còn cách nhà cũ của mẹ con tôi có vài ngã tư, và khi nhìn về Phố 57, con phố nhỏ ngời sáng thân quen với ánh mặt trời khéo lựa chỗ chiếu ánh vàng nảy bật trên các ô cửa sổ tôi đã nghĩ: chú Vàng! Jose!

Nghĩ thế, tôi rảo bước. Đang buổi sáng, hẳn một trong hai hoặc cả hai chú đều đang trực. Tôi chưa bao giờ gửi bưu thiếp từ Vegas về như đã hẹn: hẳn hai người thấy tôi sẽ mừng lắm, sẽ xoắn xuýt xung quanh, ôm lấy hay vỗ vai, háo hức muốn nghe kể tất cả những chuyện đã xảy ra, cả chuyện cái chết của bố nữa. Họ sẽ mời tôi quay vào phòng gửi đồ, có thể còn gọi cả ông quản lý Henderson nữa, rồi cập nhật cho tôi tất cả những chuyên vặt vãnh trong tòa nhà. Nhưng sau khi rẽ vào góc phố, giữa luồng xe cộ rùa bò và tiếng còi, còn cách khối nhà khoảng nửa quãng đường tôi đã thấy mặt tiền đầy giàn giáo còn các cửa sổ đóng kín dán thông báo của chính quyền.

Tôi dừng lại băn khoăn. Rồi ngỡ ngàng, tôi tiến lại và đứng sững kinh hoảng. Cánh cửa theo lối Art-Deco đã mất, tiền sảnh mát rượi mờ tối với mặt sàn đánh bóng và gỗ ốp kiểu hoa ngàn cánh nay chỉ là một cái động há hoác toàn đá dăm và những khối bê tông, công nhân đội mũ cứng đẩy từng xe gạch đá từ trong ra.

“Có chuyện gì ở đây thế?” tôi hỏi một người đội mũ cứng đất phủ khắp người đứng cách đó một quãng, gập người uống cà phê vẻ lén lút.

“Cậu biểu có chuyện gì là sao?”

“Em...” Khi đứng lùi lại và nhìn lên, tôi nhận ra không chỉ tiền sảnh mới vậy; cả tòa nhà đã bị moi ruột nên có thể nhìn ra tận sân đằng sau nhà, mặt tiền khảm tráng men vẫn còn nguyên, nhưng những cửa sổ đều cáu bụi và trống trơn, không có gì bên trong cả. “Em từng sống ở đây. Có chuyên gì vậy?”

“Chủ nhà bán rồi.” Anh ta phải hét lên át tiếng búa máy trong hành lang. “Người thuê đi hết vài tháng rồi.”

“Nhưng mà...” Tôi nhìn lên cái vỏ rỗng không rồi lại ngó vào

bên trong đổ nát bụi bặm ngập ánh sáng - tiếng người hò hét, dây dợ lủng lẳng. “Người ta làm gì ở đây?”

“Chung cư cao cấp. Năm triệu hơn - bể bơi mái nhà - cậu tưởng tượng coi!”

“Ôi trời.”

“Ừa, cứ nghĩ phải có ai đó bảo vệ chứ, phỏng? Chỗ xưa mà hay lắm - hôm qua phải chạy búa máy trên cầu thang đá hoa trong tiền sảnh, nhớ chứ phỏng? Bố khỉ. Giá mà bê được ra nguyên khối. Ngày nay chẳng còn thấy đá hoa xịn vầy đâu, trong khi ngày xưa đâu cũng có. Mà,” anh ta nhún vai, “ở thành phố thì chịu thôi.”

Anh ta đang hét gọi ai đó trên đầu - người kia đang hạ xô cát trên dây xuống - còn tôi bước tiếp, lảo đảo, ngay dưới cửa sổ phòng khách cũ nhà tôi, hay đúng hơn là cái vỏ đã bị moi gan của nó, quá phiền muộn không muốn ngước lên. *Khuất mắt luôn nhé*, Jose đã nói khi ấn cái vali của tôi lên ngăn trên cùng phòng giữ đồ. Có nhiều người thuê nhà như ông Leopoid đã sống trong đó hơn bảy chục năm. Ông đã đi về đâu? Chú Vàng, Jose nữa? Cinzia...? Cinzia khi nào cũng làm công việc quét dọn ở cả tá nơi một lúc, bà chỉ đến nhà này làm mỗi tuần vài tiếng, mà tôi cũng chẳng hề nghĩ đến Cinzia cho tới bây giờ, nhưng tất cả dường như có vẻ quá chắc chắn, quá bền vững, cả cải cấu trúc xã hội trong tòa nhà, một mạng lưới mà lúc nào tôi cũng có thể ghé vào gặp gỡ mọi người, chào hỏi, hàn huyên những chuyện xảy ra gần đây. Những người từng biết mẹ. Những người từng biết bố.

Và càng đi xa, tôi càng bức bối, vì đã mất đi một trong rất ít bến tàu bền vững không biến đổi mà tôi đã nghĩ là vĩnh viễn trong thế giới của mình: những khuôn mặt thân quen, những lời chào hồ hởi: ê *manitol* Vì tôi đã tưởng ít nhất cũng có điểm mốc

quá khứ cuối cùng này ở lại nơi tôi đã rời đi. Thật kỳ quái khi nghĩ rằng sẽ không bao giờ tôi có dịp cảm ơn Jose và chú Vàng đã cho tôi món tiền đó - hoặc hơn nữa, rằng tôi sẽ chẳng bao giờ được cho họ biết bố đã qua đời: vì trong nhăng người tôi quen còn ai khác từng biết ông? Hay thèm màng đến?

Đến cả vỉa hè cũng dường như muốn vỡ vụn dưới chân, đẩy tôi lọt qua Phố 57 mà rơi xuống một cái hố không bao giờ chạm đáy.

http://tieulun.hopto.org

PHẦN 04

Không phải máu thịt, mà chính trái tim biến chúng ta thành cha con[120]

—SCHILLER—

http://tieulun.hopto.org

09
Mọi điều có thể

i.

MỘT CHIỀU SAU ĐÓ TÁM NĂM - tôi đã ra trường và đi làm cho Hobie - vừa ra khỏi Ngân hàng New York, đang đi dọc Đại lộ Madison buồn bực và ngẫm nghĩ thì tôi nghe có ai gọi tên mình.

Tôi ngoảnh lại. Giọng nghe rất quen nhưng người thì tôi không nhận ra: quãng ba mươi tuổi, to con hơn tôi, đôi mắt xám u uẩn và mái tóc chấm vai vàng nhạt gần như không màu. Quần áo anh ta - quần vải tuýt, khá xộc xệch, áo len cổ lật rộng sờn sùa - mặc trên đường đất bùn ở quê thì thích hợp hơn đường sá thành phố, và trông anh ta có dáng vẻ khó tả như một công tử thất thế, một kẻ đã quen ngủ nhờ trên ghế nhà bạn, đã chơi ma túy, đã phung phí kha khá tiền của của ông bà thân sinh.

“Platt đây,” anh ta nói. “Platt Barbour.”

“Platt à,” tôi đáp sau một lúc sững người. “Lâu quá rồi. Lạy Chúa.” Khó mà nhận ra tên du côn chơi bóng vợt ngày xưa trong người khách bộ hành tỉnh táo và chăm chú này. Vẻ ngông ngạo đã mất, ánh mắt hung hăng cũng vậy; giờ trông anh ta phờ phạc, và cặp mắt toát lên vẻ âu lo cam phận. Trông anh ta chẳng khác gì một ông chồng ngoại ô với một cuộc hôn nhân không thuận lợi đang dằn vặt vì cô vợ thiếu chung thủy, hoặc có thể là một giáo viên bé mọn ở một trường không tên .

“À. Ờm. Platt. Anh khỏe không?” tôi nói sau một quãng im lặng

http://tieulun.hopto.org

vụng về và bước lùi lại. “Anh vẫn còn ở thành phố à?”

“Ừ,” anh ta nói và đưa một tay bóp gáy, có vẻ lúng túng khôn tả. “Thực ra là mới nhận việc mới.” Tuổi tác không làm anh ta khá hơn; ngày xưa anh ta có mái tóc vàng nhất, mã ngoài điển trai nhất trong ba người con trai, nhưng giờ cằm đã bạnh ra, eo đã mập và khuôn mặt đã thô kệch, mất hẳn nét đẹp kiểu Đội thiếu niên Quốc xã ngày trước. “Tôi đang làm cho một nhà xuất bản sách đại học. Blake-Barrows. Họ đóng trụ sở ở Cambridge nhưng có một văn phòng ở đây.”

“Tuyệt,” tôi đáp, làm như nhận ra cái tên ấy, tuy không hề biết - gật đầu, lục lọi tiền lẻ trong túi, nghĩ vội câu chia tay. “Ờ, gặp anh thật mừng quá. Andy thế nào?”

Mặt anh ta dường như cứng lại. “Cậu không biết à?”

“Ờm...” ấp úng “tôi có biết cậu ấy ở MIT. Gặp Win Temple trên phố một hai năm trước - nói Andy có học bổng - vật lý thiên văn? Ý tôi là,” tôi ấp úng nói vì bối rối trước cái nhìn của Platt, “thực tình tôi không giỏi giữ liên lạc với bạn bè cũ lắm...”

Platt vuốt tay qua sau đầu. “Tôi xin lỗi. Chắc là nhà không tìm được cách liên lạc với cậu. Mọi thứ vẫn còn rối tinh lên. Nhưng tôi cứ ngỡ rằng đến lúc này hẳn cậu đã biết rồi.”

“Biết gì cơ?”

“Nó mất rồi.”

“Andy ư?” tôi hỏi, và khi thấy anh ta không phản ứng: “Không thể.”

Nhăn mặt trong tích tắc - gần như vừa nhận thấy đã biến mất. “Thế đấy. Chuyện rất tệ, tôi phải nói là vậy. Andy và cả bố nữa.”

“Sao lại vậy?”

“Năm tháng rồi. Cả hai chết đuối.”

“Không thể nào.” Tôi nhìn xuống vỉa hè.

“Tàu bị lật. Ngoài vịnh Tây Bắc. Chúng tôi cũng không đi ra xa quá, có lẽ không nên đi từ đầu là hơn, nhưng mà bố - cậu cũng biết ông thế nào...”

“Trời đất ơi.” Đứng đó trong buổi chiều thu vơ vẩn giữa đám trẻ con tan học chạy nhảy xung quanh, tôi đờ ra, luống cuống như vừa bị chơi xỏ một vố ác ý. Dù vẫn thường xuyên nghĩ đến Andy và còn hụt một hai lần không gặp được cậu, nhưng tôi và cậu vẫn chưa bao giờ liên lạc lại với nhau kể từ khi tôi quay lại New York. Tôi đã nghĩ chắc chắn sẽ đụng phải cậu một lúc nào đó - như đã gặp Win, và James Villiers, và Martina Lichtblau, và cả mấy người nữa cùng lớp cũ. Nhưng dù nhiều lần tính chuyện nhấc máy gọi chào cậu một câu, không hiểu sao tôi chưa bao giờ làm được.

“Cậu có sao không?” Platt hỏi - xoa bóp gáy, trông cũng khó xử chẳng kém gì tôi.

“Ừm...” Tôi quay nhìn cửa sổ bày hàng bên cạnh để trấn tĩnh, và bóng ma trong suốt của tôi quay lại nhìn theo, cùng đám đông đi qua sau lưng trong mặt kính.

“Trời ơi,” tôi nói. “Tôi không tin nổi. Tôi không biết phải nói sao nữa.”

“Xin lỗi đã nói buột ra giữa đường như thế,” Platt nói và xoa xoa hàm. “Trông cậu tái xanh tái tử đi rồi.”

Tái xanh tái tử: Câu ưa thích của ông Barbour. Tim tôi nhói lên, nhớ đến ông Barbour lúc lục trong ngăn kéo tủ của Platt và hỏi tôi có muốn nhóm lửa không. *Chuyện xảy ra đúng là khốn nạn, có*

Chúa chứng giám.

"Cả bố anh nữa à?" tôi hỏi và chớp mắt như bị ai lắc mạnh giữa cơn ngủ say. "Anh bảo thế phải không?"

Anh ta nhìn quanh, cằm hơi hếch lên khiển chốc lát trở lại dáng vẻ tay Platt ngạo mạn tôi vẫn nhớ, rồi liếc đồng hồ.

"Này, cậu có rảnh không?" anh ta hỏi.

"Ờm..."

"Đi làm một ly, anh ta nói và đập tay lên vai tôi mạnh đến nỗi tôi rúm lại. Tôi biết chỗ này đằng Đại lộ 3 yên tĩnh lắm. Cậu nghĩ thế nào?"

ii.

CHÚNG TÔI NGỒI BÊN QUẦY BAR vắng ngắt - một quán xưa từng rất nổi tiếng, tường ốp gỗ sồi đầy mùi mỡ hamburger, trên tường treo cờ các trường Ivy League, trong lúc Platt nói bằng một giọng đều đều, ấm ức, lộn xộn, khẽ đến nỗi tôi căng tai mới nghe được.

"Bố..." anh ta mở lời và nhìn xuống món gin pha chanh: món ưa thích của bà Barbour. "Mọi người đều tránh nói chuyện đó, nhưng mà... Mất cân bằng hóa học, bà nội gọi thế. Rối loạn lưỡng cực. Ông lên cơn lần đầu ở Đại học Luật Harvard, năm nhất, không lên được tới năm thứ hai. Bao nhiêu là kế hoạch và hứng thú rồ dại... hiếu chiến trong lớp, phát biểu chặn họng người khác, khởi sự viết một bài thơ sử thi hàng trăm trang về tàu săn cá voi Essex mà thực tình chỉ là một mớ nhảm nhí, và rồi anh bạn cùng phòng, rõ ràng đã có tác động trấn an lớn lao hơn những gì mọi người biết, đi trao đổi một học kỳ ở Đức và thế là... Ông tôi

phải đi tàu lên Boston đón bố về. Ông bị bắt khi tìm cách đốt lửa trước bức tượng Samuel Eliot Morison trên Đại lộ Thịnh Vượng Chung và lại còn cưỡng lại khi cảnh sát đến đưa về đồn."

"Tôi biết là bác có bệnh, nhưng không hề biết là đến mức như vậy."

"À." Platt nhìn trừng trừng vào cốc, rồi ực một hơi. "Đấy là từ rất lâu trước khi có tôi. Lấy mẹ xong thì tình hình có khác và ông cũng uống thuốc được lâu lâu rồi, dù bà nội không bao giờ còn tin tưởng ông sau mấy vụ đó."

"Mấy vụ gì?"

"À, tất nhiên *chúng tôi* thì ở với bà rất ổn, lứa cháu ấy." anh ta vội vàng chữa. "Nhưng cậu không tưởng tượng nổi hồi trẻ bố là một sự phiền hà như thế nào đâu... tiêu tiền như đốt, quát tháo nổi khùng ầm ĩ cả lên, vài chuyện khá kinh khủng với mấy cô bé vị thành niên... ông khóc lóc xin lỗi, rồi tất cả lại bắt đầu lại từ đầu... Bà lúc nào cũng nghĩ tại bố mà ông nội mới bị trụy tim, hai người đang cãi nhau ở văn phòng của ông, *uỳnh*. Tuy nhiên uống thuốc vào thì ông hiền như cún. Một người bố tuyệt vời - à, cậu biết mà. Đối xử với trẻ con rất tuyệt vời."

"Bác rất đáng yêu. Hồi tối quen bác."

"Ừ." Platt nhún vai. "Bố có khi rất đáng yêu. Sau khi lấy mẹ, ông cũng ổn định được ít lâu. Rồi thì... tôi không biết có chuyện gì xảy ra nữa. Ông làm vài vụ đầu tư kém khôn ngoan kinh khủng – đấy là dấu hiệu đầu tiên. Những cú điện thoại nửa đêm rất mất mặt cho người quen, kiểu đó. Mê mẩn điên cuồng một cô sinh viên thực tập ở văn phòng - con gái nhà người quen của mẹ. Một thời kỳ khó khăn kinh khủng."

Không hiểu sao tôi thấy cảm động vô ngần khi nghe cách anh

ta nói từ "mẹ". "Tôi chưa bao giờ biết mấy chuyện này," tôi nói.

Platt nhăn mày: vẻ mặt bất lực, cam chịu đó khiến anh ta càng giống Andy tệ. "Bản thân chúng tôi cũng hầu như không biết - mấy đứa con cái của ông ấy," anh ta cay đắng nói, rê ngón cái trên khăn bàn. "Bố đang ốm", lúc nào chúng tôi cũng chỉ được biết thế thôi. Hồi bố bị đưa đi viện thì tôi đang ở trường, hiểu không, chẳng ai cho tôi nói chuyện với bố trên điện thoại, chỉ bảo là ốm nặng không nói được, và hàng tuần liền tôi cứ đinh ninh là bố chết rồi và người ta không muốn cho tôi biết."

"Tôi còn nhớ hết mấy thứ đó. Thật kinh khủng."

"Mấy thứ gì?"

"Thì cái... bất ổn thần kinh."

"Hừ," tôi giật mình khi thấy ánh giận dữ lóe lên trong mắt anh ta "còn *tôi* thì làm sao mà biết đây là 'bất ổn thần kinh' hay là ung thư giai đoạn cuối hay cái quái quỷ gì khác? 'Andy có bản tính nhạy cảm... Andy ở lại thành phố tốt hơn... bố mẹ không nghĩ là Andy sẽ có lợi khi đi nội trú...' hừ, còn *tôi* thì bị bố mẹ đẩy đi ngay khi biết thắt dây giày, cái trường học cưỡi ngựa khỉ gió gì đó gọi là Hoàng tử George, trường như hạch nhưng mà trời ơi thật là một trải nghiệm định hình tính cách tuyệt vời làm sao, bước chuẩn bị lý tưởng để vào Groton, nhận trẻ con bé tí từ bảy đến mười ba tuổi. Cậu phải thấy cái tờ rơi mới biết, đồng quê Virginia cho người săn thú, vân vân, chỉ có điều là chẳng phải có mỗi đồi xanh và trang phục cưỡi như trong ảnh đâu. Tôi bị ngựa giẫm lên trong chuồng vỡ xương vai và rồi nằm bẹp trong phòng y tế thoải mái ngắm nhìn bãi xe trống tuếch chẳng có lấy một cái xe rẽ vào. Không có lấy *một* người hạ cố đến thăm kẻ hèn mọn này, cả bà nội cũng không nốt. Chưa kể bác sĩ say rượu nắn sai xương, đến giờ vai tôi vẫn còn gặp vấn đề. Cho đến ngày hôm nay tôi vẫn còn

căm thù bọn ngựa khốn kiếp.

“Nhưng mà…” sực tỉnh và đổi giọng “mọi người đã lôi tôi ra khỏi nơi đó đưa vào Groton khi tình hình của bố đến lúc thành ra đại sự, thế là bố bị đưa đi. Hình như là gặp vụ gì đó trong tàu điện ngầm - chuyện kể khác nhau, bố kể một đằng, cảnh sát nói một nẻo *nhưng mà* - anh ta nhướng mày, tỏ vẻ khôi hài điềm đạm và nhạo cười tăm tối - “ruỳnh, bố đi trại chập! Tám tuần. Cấm thắt lưng, dây giày, vật nhọn. Nhưng ở đấy chữa bằng sốc điện, xem ra cũng có tác dụng thật vì khi ra khỏi đó bố đúng là một con người khác hoàn toàn. Ờ… cậu nhớ mà. Người bố kiểu mẫu, thực thế.”

“Thế rồi…” tôi nhớ lại lần chạm trán không vui với ông Barbour trên phố và quyết định ỉm đi “có chuyện gì tiếp theo?”

“Ma biết được. Vài năm trước ông lại bắt đầu có vấn đề và phải trở lại trại.”

“Vấn đề kiểu gì?”

“Ồi,” Platt thở phì ra, “thì vẫn thế, gọi điện nói lăng nhăng, nổi khùng trước công chúng, vân vân vi vi. Tất nhiên ông thì chẳng có vấn đề gì cả, *ông* thì hoàn toàn ổn, tất cả chỉ bắt đầu khi người ta bắt tay vào nâng cấp cải tạo gì đó khu nhà, ông phản đối, suốt ngày búa cưa ì xèo và các tập đoàn này hủy hoại thành phố, ban đầu thì đúng là chưa có gì bất thường cả, thế rồi bỗng dưng dồn cục lại đến mức ông nghĩ là có kẻ theo dõi chụp ảnh và soạn báo cáo về mình từ sáng đến tối. Viết mấy lá thư khá điên cho mọi người, có cả khách hàng ở công ty… làm trò lố kinh khủng ở câu lạc bộ du thuyền… khá nhiều thành viên phàn nàn, cả bạn bè lâu năm cũng vậy, mà ai trách được họ?

Thế là, sau khi ra khỏi viện lần thứ hai đó, bố chẳng bao giờ còn như xưa. Không đến nỗi thất thường như độ trước, nhưng

ông không tập trung được và lúc nào cũng rất cáu kỉnh. Khoảng sáu tháng trước ông đổi bác sĩ khác, xin nghỉ ở công ty, đi lên Maine - chú Harry có đất ở hòn đảo nhỏ trên đó, ở đó chẳng có ai ngoài người hộ lý, còn ông thì bảo không khí biển làm ông khỏe. Chúng tôi lần lượt lên đó ở với ông... Andy thì đang ở Boston, học MIT, cực kỳ không muốn bị dính vào bố nhưng không may là nó ở gần hơn tất cả, nên cũng bị mắc ở đó khá nhiều."

"Thế bác không quay lại cái chỗ, ờm..." tôi không muốn nói *cái trại chập* "chỗ bác ở hồi trước à?"

"Hừ, ai mà buộc ông được? Bắt ai đó phải đi trái ý họ không dễ tí nào, nhất là khi chính họ chẳng thấy mình có vấn đề gì, mà lúc đó thì ông như vậy, và hơn nữa chúng tôi đều nghĩ chẳng qua là vấn để thuốc thang thôi, chỉ cần thứ thuốc mới bắt đầu có hiệu quả là ông sẽ ngon lành cành đào ngay thôi. Người hộ lý thường xuyên liên hệ với chúng tôi, bảo đảm ông ăn đủ, uống thuốc đều đặn; bố gọi điện cho thầy tâm lý hằng ngày - ý tôi là đến cả bác sĩ cũng *nói* là OK cơ mà," anh ta chuyển giọng thanh minh. "Bố được lái xe, được bơi, được đi tàu nếu muốn. Chắc là ý tưởng ra ngoài muộn *đến thế* cũng không phải là đáng tán thưởng lắm, nhưng thời tiết không đến nỗi tệ khi chúng tôi bắt đầu đi mà cậu cũng biết bố thế nào đấy. Con sói biển gan dạ, vân vân. Các màn khoa trương, anh hùng táo bạo."

"Ờm." Tôi đã nghe tỷ câu chuyện về ông Barbour lên tàu đi vào vùng nước "hơi xóc" mà cuối cùng hóa ra là gió đông bắc, báo động khẩn cấp ở ba bang và mất điện suốt dọc duyên hải Đại Tây Dương, Andy say sóng nôn mửa trong lúc tát nước biển ra khỏi tàu. Những đêm tàu chạy nghiêng, mắc cạn trên bãi cát nông, trong bóng tối và mưa như trút thác. Cả chính ông Barbour - cười hô hố trên cốc Virgin Mary và món trứng thịt muối sáng Chủ

nhật - cũng đã nhiều lần kể chuyện ông cùng các con bị gió đánh dạt ra biển ngoài khơi eo Long Island trong cơn bão, điện đàm tắt ngấm, còn bà Barbour gọi điện cho các thầy ở tu viện St. Ignatius Loyola trên giao lộ Đại lộ Công viên và Phố 48 ngồi suốt đêm cầu nguyện (bà Barbour!) cho đến khi đội tuần tra ven biển trên tàu gọi vào bờ. ("Vừa nổi gió mạnh là cô ả bám đuôi tới tận Rome, phải không em yêu? Ha!")

"Bố..." Platt rầu rĩ lắc đầu. "Mẹ thường nói rằng nếu Manhattan không phải là một hòn đảo thì ông không thể sống ở đây đến một phút. Trong đất liền ông rất khốn khổ, lúc nào cũng mong mỏi muốn có nước, phải *thấy* nó, phải *ngửi* nó, tôi nhớ cái lần còn nhỏ đi xe với ông từ Connecticut, không đi thẳng Đường 84 đi Boston mà phải quành hàng dặm đi dọc đường ven biển. Lúc nào cũng nhìn về Đại Tây Dương - cực kỳ nhạy cảm với nó, thấy cả mây thay đổi khi gần đến biển." Platt nhắm đôi mắt màu xám xi măng giây lát, rồi mở ra. "Cậu biết em gái bố từng chết đuối, phải không," anh ta nói bằng giọng điềm nhiên đến nỗi trong một giây tôi tưởng mình nghe nhầm.

Tôi chớp mắt, không biết phải nói gì nữa. "Không. Tôi không biết cái đó."

"Thế đấy," Platt đều đều đáp. "Kitsey là đặt theo tên cô. Lao đầu từ trên tàu xuống sông Đông trong bữa tiệc - yêu đời ríu rít, ai cũng miêu tả thế, 'tai nạn', nhưng nghĩ xem ai chẳng biết đừng có làm thế, luồng biển ở đấy mạnh như điên, kéo cô dìm ngay xuống biển. Còn một đứa bé nữa cũng chết theo khi nhảy xuống định cứu cô. Và rồi còn chú của bố, ông Wendell, từ hồi những năm sáu mươi, dở điên dở tỉnh, một đêm cá cược rồi tìm cách bơi vào đất liền - nghĩ xem, bố suốt ngày ca tụng nào là nước là nguồn sống cho bố, suối nguồn tươi trẻ rồi đủ thứ nữa - à thì đúng thế.

Nhưng cũng không chỉ là cuộc sống của bố. Mà là cái chết."

Tôi không đáp. Những sự tích đi tàu của ông Barbour chẳng bao giờ thực sự đáng tin, hay mạch lạc, hay nhiều thông tin về môn thể thao đi tàu này, nhưng lúc nào cũng rung động trong một cảm giác khẩn thiết tráng lệ của riêng mình, một cảm giác tai họa rất hấp dẫn.

"Mà..." miệng Platt mím thành một đường thẳng băng "tất nhiên khốn nạn ở chỗ là, ông nghĩ ông là người bất tử khi ở trên nước. Con trai thần Poseidon! Con người không chìm! Và với ông thì nước càng động càng hay. Ngày trước ông còn bị mắc bệnh cuồng bão, cậu biết không? Khí áp xuống thấp với ông chả khác gì hít phải hơi cười. Mặc dù hôm đó thì... biển có sóng nhưng khá ấm, thuộc loại ngày mùa thu sáng sủa ấm nắng khiến người ta chỉ muốn dong buồm ra khơi. Andy rất bực mình phải đi, nó đang bị cảm và đang mải làm trò gì đó rất phức tạp trên máy tính, nhưng cả hai chúng tôi đều không nghĩ có gì thật sự *nguy hiểm*. Kế hoạch chỉ là đưa ông ra biển, khiến ông bình tĩnh lại, và hy vọng sẽ ghé lại được nhà hàng trên cầu tàu cho ông ăn được tí đồ ăn. Hiểu không..." - anh ta bứt rứt bắt tréo chân - "chỉ có hai anh em tôi ngoài đó với ông, Andy và tôi, và nói thật, bố cũng hơi loạn. Ông đã phát cơn từ hôm trước rồi, ăn nói lung tung, sôi sùng sục lên - Andy gọi mẹ vì nó bận và thấy không đủ sức đối phó với bố, còn mẹ gọi tôi. Tới lúc tôi lên đó đi phà ra, bố đã đầu óc trên mây rồi. Nói nhắng nhít nào là bọt nước bắn và khói thổi bay và đủ thứ nữa - màu nước xanh điên dại của Địa Trung Hải - nói chung là cuồng. Andy không bao giờ chịu đựng được bố trong trạng thái đó, nó ở trên phòng khóa cửa. Chắc hẳn nó đã ngán bố đến tận cổ trước khi tôi đến.

"Nghĩ lại thì tôi biết, làm vậy có vẻ là ý kiến tồi, nhưng cậu

hiểu không, tôi cũng *có thể* một mình lái nó được. Bố thì đang cuồng lên trong nhà còn tôi biết làm gì, vật ông ngã ra rồi nhốt lại ư? mà lại còn Andy nữa, cậu biết nó chẳng bao giờ lo chuyện đồ ăn cả, chạn trống trơn, tủ lạnh chẳng có gì ngoài pizza đông lạnh... lượn một vòng, ăn gì đó trên cầu tàu, có vẻ là kế hoạch hay, hiểu không? 'Nhớ cho ông ấy ăn,' mẹ lúc nào cũng bảo thế khi bố bắt đầu có vẻ quá phởn. 'Nhét ít thức ăn vào bụng ông ấy.' Bao giờ đấy cũng là giải pháp trước tiên. Ấn ông ấy ngồi xuống, bắt ăn một miếng bít tết to. Thường chỉ cần thế là ông dịu lại. Mà ý tôi là - trong đầu tôi vẫn nghĩ phòng hờ là nếu ông không bình tĩnh lại sau khi đã lên đất liền thì có thể bỏ qua quán bít tết mà đi thẳng đến phòng cấp cứu nếu cần. Tôi chỉ bảo Andy đi theo để đề phòng thôi. Nghĩ là mình sẽ cần người giúp một tay - nói thẳng ra là đêm trước đó tôi về muộn, đang cảm thấy không được lực sĩ xì bo lắm như bố vẫn nói." Anh ta dừng lại, chà hai lòng bàn tay lên đùi. "Hừm. Andy thì chẳng bao giờ thích nước lắm. Cậu biết đấy."

"Tôi nhớ."

Platt nhíu mày. "Đến mèo còn bơi giỏi hơn Andy. Ý tôi là, thật đấy, Andy là đứa trẻ vụng chân vụng tay nhất trên đời mà tôi gặp ngoài đám bị động kinh hay chậm phát triển... trời ạ, cậu mà thấy nó chơi tennis, chúng tôi vẫn đùa phải cho nó ghi danh thi Olympics cho người khuyết tật, nó sẽ đại thắng mọi môn thi. Tuy nhiên nó cũng đã ở trên tàu rất nhiều giờ, Chúa biết mà - có vẻ thêm một người nữa là khôn ngoan, trong khi bố thì đang tưng tửng, hiểu không? Lẽ ra chúng tôi hoàn toàn có thể xử lý con tàu - ý tôi là tất cả rất *ổn*, và tất cả sẽ ổn thỏa tuyệt đối, chỉ có điều tôi không chú ý nhìn trời như đáng ra phải nhìn, gió nổi lên chúng tôi tìm cách thu cột buồm chính còn bố thì vung tay hò hét nào là không gian trống giữa những vì sao và đủ thứ điên rồ kiểu thế, thì sóng lừng làm ông bị mất thăng bằng ngã ra ngoài tàu. Chúng

tôi đang tìm cách kéo ông trở lại lên tàu, Andy và tôi - và rồi bị sóng đập vào mạn tàu đúng góc hiểm, sóng rất lớn, cái loại sóng dốc đứng bạc đầu thình lình trồi lên ập vào người ta ấy, và "ruỳnh", tàu đã lật úp. Thậm chí cũng chẳng lạnh đến mức đấy, nhưng nước lạnh 12 độ là đủ để bị giảm thân nhiệt nếu ở trong nước đủ lâu, mà chúng tôi ngâm nước rất lâu, còn bố, ông đang ở *trên trời*, tít trên tận tầng bình lưu ấy..."

Cô bé sinh viên phục vụ đon đả đang tiến lại gần chúng tôi sau lưng Platt, toan hỏi có gọi gì nữa không - tôi bắt ánh mắt cô, khẽ lắc đầu để ra hiệu cô đừng lại.

"Chính cái lạnh làm bố quỵ. Ông gầy quá rồi, cả người không có tí mỡ nào cả, ngâm nước một tiếng rưỡi là đủ rồi, lại còn khua tay múa chân nữa chứ. Nếu không đứng im như tượng thì sẽ mất nhiệt nhanh hơn nhiều. Còn Andy..." - Platt dường như cảm thấy cô bé phục vụ đang ở đó, quay lưng lại giơ hai ngón tay, *thêm hai cốc* - "áo phao của Andy, ờ, người ta tìm thấy nó nổi sau tàu vẫn còn nối vào dây cứu sinh."

"Ôi chúa ơi."

"Chắc là nó bị tuột qua đầu khi ngã. Có một sợi đai vòng quanh háng - khá khó chịu, chẳng ai thích cài dây đó cả - nhưng mà, tóm lại là áo của Andy, vẫn còn gắn dây cứu sinh, nhưng rõ ràng là nó không cài cho chặt, thằng quỷ đó. Hừm, ý tôi là," anh ta rướn giọng lên, "thật điển hình cho nó. Cậu hiểu không? Còn chẳng thèm đeo đai đàng hoàng nữa? Nó lúc nào cũng lóng ngóng điên lên được..."

Tôi lo ngại nhìn ra phía cô bé phục vụ, biết rằng Platt đang nói oang oang.

"Ôi trời ơi." Platt đột nhiên đứng vụt dậy khỏi bàn. "Tôi đã luôn

cư xử thật quá quắt với Andy. Một thằng anh khốn nạn."

"Platt." Tôi muốn nói, *không phải đâu*, chỉ có điều là đúng thế.

Anh ta nhìn lên tôi, lắc đầu. "Lạy Chúa chứ." Mắt anh ta lồi ra, trống rỗng, như những phi công trực thăng quân sự trong một trò chơi máy tính (*Air Cav II*: *Cambodian Invasion*) mà Andy với tôi hay chơi. "Nghĩ lại mấy trò tôi vẫn chơi nó. Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho mình, thật đấy."

"Ờm," tôi nói sau một quãng lặng áy náy, nhìn đôi bàn tay khớp nổi u của Platt đang đặt sấp trên mặt bàn - những bàn tay sau từng ấy năm vẫn có cái vẻ độc ác, trơ tráo, dấu ấn thói bạo ngược còn sót lại. Dù cả hai chúng tôi đều đã quen bị bắt nạt ra trò ở trường, thì Platt có thói quen hành hạ Andy - sáng tạo, hớn hở, dã man - có thể nói là gần ngang với tra tấn: nhổ nước bọt vào đồ ăn của Andy hay xé đồ chơi của cậu ta còn được, nhưng còn cả trò bỏ cá bảy màu chết trong bể cá và ảnh chụp phẫu thuật tử thi từ Internet lên gối cậu ta, hay lật chăn ra tè lên người trong lúc cậu ta ngủ (rồi rống lên *Andy dấm đài*!), dìm đầu cậu ta vào bồn tắm theo kiểu ngược đãi ở Abu Ghraib, hay dúi mặt cậu ta vào hộp cát ở sân chơi trong lúc Andy hét la vùng vẫy vì không thở được. Cầm ống thuốc hít dứ dứ trên đầu trong lúc cậu ta khò khè năn nỉ: *Cần không*? *Cần không*? Còn một câu chuyện kinh tởm về Platt, một cái thắt lưng, phòng áp mái trong một căn nhà nông thôn nào đó, đôi tay bị trói, cái thòng lọng tự chế: ghê rợn. *Chắc anh ta đã giết tớ rồi*, tôi còn nhớ cái giọng xa vắng vô cảm của Andy, *nếu không phải bà trông trẻ nghe thấy tớ đạp lên sàn*.

Cơn mưa mùa xuân gõ nhẹ vào cửa sổ quán bar. Platt nhìn xuống cái cốc rỗng, rồi nhìn lên.

"Qua thăm mẹ đi," anh ta nói. "Tôi biết là mẹ rất muốn gặp cậu."

http://tieulun.hopto.org

“Ngay bây giờ ư?” tôi hỏi, khi nhận ra ý anh ta.

“Ôi, xin cậu đấy. Nếu không phải bây giờ thì sau cũng được. Đừng hứa cho qua chuyện như người ta vẫn làm trên phố. Như thế mẹ sẽ vui lòng lắm.”

“Ờm…” Giờ thì đến lượt tôi nhìn đồng hồ. Tôi còn vài việc phải làm, thực tế là tôi có rất nhiều điều suy nghĩ và vài nỗi lo khá khẩn thiết, nhưng giờ thì đã muộn rồi, rượu làm đầu óc mơ màng, còn buổi chiều thì đã cạn.

“Xin cậu,” anh ta nói. Anh ta làm hiệu thanh toán. “Mẹ sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi nếu biết đã gặp được cậu mà lại để cậu đi mất. Cậu qua nhà một phút thôi cũng được?”

iii.

BƯỚC VÀO SẢNH THẬT NHƯ bước qua cổng thần về thời thơ ấu: đồ sứ Trung Hoa, tranh phong cảnh chiếu đèn, đèn bàn chụp lụa vặn mờ, mọi thứ đều y hệt như khi bà Barbour mở cửa cho tôi, vào cái đêm mẹ mất.

“Không, không,” Platt nói, khi tôi theo thói quen bước về phía cái gương cầu lồi định đi về phía phòng khách. “Trong này.” Anh ta dẫn đường vào trong cùng căn hộ. “Bây giờ chúng tôi thoải mái lắm - mẹ thường tiếp khách trong này, nếu có khách…”

Xưa kia tôi chưa bao giờ bén mảng đến gần lãnh địa của bà Barbour, nhưng càng đến gần, mùi nước hoa của bà - không lẫn vào đâu được, mùi hoa trắng ẩn bên trong là một vẻ lạ lùng mịn phấn nào đấy - chẳng khác gì lá rèm gió thổi tung bên cửa sổ mở.

“Mẹ không ra ngoài như ngày xưa,” Platt khẽ nói. “Không có tiệc tùng sự kiện ầm ĩ gì nữa - có thể tuần một lần ai đó qua uống

trà, hoặc ra ngoài ăn tối với bạn. Nhưng chỉ thế thôi."

Platt gõ cửa, rồi lắng nghe. "Mẹ à?" anh ta gọi to, và khi nghe tiếng trả lời yếu ớt vọng ra, mở hé cánh cửa. "Có khách tới thăm mẹ này. Mẹ không tưởng tượng được con tìm thấy ai trên phố đâu..."

Đấy là một căn phòng rộng khủng khiếp, trang trí màu hoa đào kiểu thập niên 1980 theo lối các bà mệnh phụ già. Ngay bên trong cửa vào là khu vực tiếp khách có salon và ghế bành không tay: cả đống thứ lung tung, gối tựa thêu mũi nhỏ, chín mười bức tranh của các Danh họa: chạy trốn tới Ai Cập, Jacob vật nhau với thiên thần, chủ yếu là theo trường phái Rembrandt dù cũng có một bức nhỏ xíu vẽ mực nâu, đức Ki-tô rửa chân cho thánh Peter, tài khéo đến mức (xét theo vẻ gù gù mệt mỏi và nếp áo trên lưng Ki-tô, nét mặt buồn bã trống rỗng và phức tạp của Peter) nói rằng của chính tay Rembrandt vẽ ra có khi cũng không trật.

Tôi cúi người tới để nhìn rõ hơn, và từ tít đầu kia căn phòng, một cái đèn bàn có chụp đèn hình ngôi chùa đập vào mắt. "Theo?" tôi nghe bà nói, và bà ngồi đó, tựa vào hàng chồng gối trên cái giường to đến ngớ ngẩn.

"Cháu đấy à! Thật không thể tin nổi!" bà nói và dang cả hai tay ra đón tôi. "Cháu lớn quá rồi! Cháu đi đâu suốt từ bấy đến giờ vậy? Giờ cháu lại ở thành phố ư?"

"Vâng. Cháu cũng về ít lâu rồi. Trông bác tuyệt quá," tôi tử tế nói thêm, dù trông bà rất tệ.

"Còn cháu thì sao!" Bà đặt cả hai tay lên tay tôi. "Cháu xinh trai quá đi mất! Bác thật ấm lòng." Trông bà vừa già hơn, vừa trẻ hơn tôi nhớ: rất tái, không đánh son, vết chân chim đuôi mắt, nhưng da thì vẫn trắng mịn màng. Mái tóc vàng trắng như bạc (trước giờ

nó vẫn ánh bạc như thế, hay là bà đã bạc tóc rồi?) thả rơi không chải quanh vai, bà đeo kính bán nguyệt và mặc áo choàng ngủ bằng sa-tanh cài trâm kim cương đại tướng hình bông tuyết.

"Và cháu thì gặp bác ở đây, nằm trong giường giữa đống đồ thêu, như một bà góa, vợ của thủy thủ già," bà nói và ra hiệu chỉ tấm vải thêu mũi nhỏ đang dở vắt qua đầu gối. Một đôi chó tí xíu - chó săn thỏ Yorkshire - đang ngủ trên tấm chăn cashmere màu nhạt vứt bên chân, con nhỏ hơn bật dậy sủa điên loạn khi thấy tôi.

Tôi mỉm cười ngượng ngập trong lúc bà cố gắng quát nó im - con kia giờ cũng đã hùa vào đinh tai nhức óc - và nhìn quanh phòng. Giường kiểu hiện đại, kích cỡ lớn nhất, ván đầu giường bọc vải - nhưng trong phòng có vô số đồ cũ rất thú vị mà hồi nhỏ tôi chưa đủ hiểu biết để mà chú ý. Rõ ràng đây là một thứ kho chứa của căn hộ, nơi các món đồ dạt vào sau khi bị tống xuất khỏi những phòng chăm chút mở cửa cho người ngoài: những bàn đầu giường không đồng bộ, đủ món linh tinh Á Đông, một bộ sưu tập cự phách những chiếc chuông để bàn bằng bạc. Một bàn chơi bài gỗ dái ngựa mà nhìn từ đây có vẻ là của Duncan Phyfe, trên bàn (giữa những gạt tàn men kính rẻ tiền và cả chồng lót cốc vô tận) là một con hồng tước nhồi bông: lốm đốm vết nhạy cắn, mong manh, lông cánh đã mủn, đầu nghẹo hẳn sang một bên và con mắt là một viên cườm đen bụi bặm kinh hãi.

"Lanh Canh, suỵt, im đi, tao không chịu nổi đâu. Đây là Lanh Canh," bà nói và bế con chó giãy giụa lên, "nó là đứa hư, phải không, cậu nhóc khùng này, chẳng lúc nào được yên một giây, còn con kia, ruy băng hồng, là Clementine. Platt," bà gọi lớn át tiếng sủa, "Platt, con mang nó vào bếp được không? Nó rất là lắm chuyện khi có khách," lại quay sang tôi, "đáng ra bác phải mời

thầy dạy...”

Trong lúc bà Barbour cuốn tấm thêu cất vào cái giỏ ô van nắp khảm xương cá voi chạm hình, tôi ngồi xuống ghế bành bên giường. Đệm ghế đã mòn, sọc kẻ mờ rất quen thuộc - đây là ghế phòng khách đã bị đuổi vào phòng ngủ, chính là cái ghế mẹ từng ngồi khi đến nhà Barbour hàng bao nhiêu năm trước đón tôi về sau một đêm ngủ lại. Tôi rà ngón tay trên mặt vải. Lập tức tôi nhìn thấy mẹ đứng dậy đón mình, mặc cái áo khoác dạ hai hàng cúc màu xanh sáng ngày hôm ấy - khá mốt khiến người ta suốt ngày chặn mẹ trên phố hỏi mua ở đâu, nhưng lại rất lạc lõng giữa nhà Barbour.

“Theo?” bà Barbour hỏi. “Cháu muốn uống gì không? Trà nhé? Hay cái gì nặng hơn?”

“Không ạ, cảm ơn bác.”

Bà vỗ vỗ lên tấm chăn mỏng thêu kim tuyến trên giường. “Ngồi đây với bác. Xin cháu. Bác muốn nhìn thấy cháu.”

“Cháu...” Nghe giọng bà, vừa thân mật vừa khách khí, tôi chìm trong một nỗi buồn da diết, và khi hai chúng tôi nhìn nhau thì dường như toàn bộ quá khứ đã được vẽ lại, được đưa vào sắc nét hơn trong khoảnh khắc này, trong suốt như thủy tinh, một kết cấu phức tạp đan dệt những tĩnh lặng là những chiều mưa mùa xuân, cái ghế tối thẫm giữa hành lang, bàn tay nhẹ như sương của bà trên gáy tôi.

“Bác thật mừng vì cháu tới.”

“Bác Barbour,” tôi nói, chuyển qua ngồi trên giường, gượng nhẹ ghé một bên hông xuống, “Chúa ơi. Cháu không tin nổi. Cháu không hề biết tin mãi cho đến lúc nãy. Cháu xin chia buồn.”

Bà bặm môi như một đứa bé cố không khóc, “ừ,” bà nói, “dào

ôi," và rồi giữa chúng tôi bắt đầu một khoảng lặng kinh khủng, hình như không thể phá vỡ.

"Cháu xin chia buồn," tôi nhắc lại, khẩn thiết hơn, và biết giọng mình có vẻ rất vụng về, như thể bằng cách nói lớn lên tôi có thể truyền đạt hết nỗi niềm nhức buốt trong lòng.

Bà chớp mắt âu sầu, và không biết phải làm gì, tôi đưa tay ra ấp lấy hai tay bà, chúng tôi ngồi đó hồi lâu đến lúng túng.

Cuối cùng chính bà lại lên tiếng trước. "Sao đi nữa." Quả quyết, bà gạt giọt lệ trên mắt trong lúc tôi cuống quýt tìm điều gì để nói. "Nó vừa nhắc đến cháu chưa đầy ba ngày trước khi nó chết. Nó đang đính hôn, chuẩn bị cưới. Con bé người Nhật."

"Thế ư? Thật chứ ạ?" Dù đang buồn bã, tôi cũng không tránh khỏi hơi mỉm cười: Andy đã chọn học tiếng Nhật chính vì cậu ta vốn mết mấy thể loại miko[121] câu khách và nhân vật nữ mặc váy thủy thủ hở hang trong manga. "Người Nhật, ở Nhật ạ?"

"Chính thế. Bé như kẹo, giọng léo nhéo, ví đeo chéo hình thú nhồi bông. Ồ, tất nhiên, bác có gặp rồi," bà nói và nhướng mắt. "Andy dịch cho hai bên, ăn xăng-uých, uống trà ở khách sạn Pierre. Có đến đưa tang, tất nhiên, cô bé đó - tên là Miyako - hừm. Văn hóa bất đồng thì tất nhiên, nhưng họ nói đúng, người Nhật quả là ít biểu lộ tình cảm."

Con chó nhỏ hơn - Clementine - đã trèo lên nằm cuộn quanh vai bà Barbour như một cái cổ áo lông. "Bác phải thú nhận là đang định kiếm thêm một con nữa," bà nói và giơ tay vuốt ve nó. "Cháu thấy sao?"

"Cháu không biết," tôi hoang mang đáp. Bà Barbour mà lại đi hỏi ý kiến ai về bất cứ vấn đề gì là một chuyện lạ lùng, chưa kể lại hỏi tôi.

“Phải nói rằng chúng nó đã là một nguồn an ủi lớn, hai đứa nó. Bà bạn cũ của bác Maria Mercedes de la Pereyra mang chúng đến một tuần sau đám tang, khá bất ngờ, hai con cún đựng trong giỏ thắt nơ, và phải nói rằng hồi đầu bác không hứng thú lắm, nhưng quả là bác chưa bao giờ nhận được món quà nào ý tứ hơn. Trước kia nhà bác không được nuôi chó vì có Andy. Nó bị dị ứng đủ thứ. Cháu nhớ đấy.”

“Cháu nhớ.”

Platt - vẫn còn mặc cái áo khoác thợ săn vải tuýt, túi rộng thùng thình để bỏ chim bị bắn chết và đạn súng săn - đã quay trở vào. Anh ta kéo ghế ngồi. “Thế đấy mẹ,” anh ta nói và cắn môi dưới.

“Thế đấy, Platypus.” Im lặng trang trọng. “Công việc tốt chứ?”

“Tốt lắm.” Anh ta gật đầu, như cố thuyết phục chính mình tin điều đó. “Ờm. Bận kinh khủng là bận.”

“Mẹ rất mừng thấy con nói thế.”

“Có sách mới. Một về Đại hội Vienna.”

“Nữa à?” Bà quay sang tôi. “Còn cháu thì sao Theo?”

“Sao ạ?” Tôi còn đang nhìn mảnh xương cá voi chạm (hình tàu săn cá voi) trên nắp giỏ đồ may của bà, nghĩ đến Andy tội nghiệp: nước đen, muối vào họng, buồn nôn, khua khoắng chân tay. Kinh hoàng, tàn độc làm sao, khi phải chết trong môi trường cậu ấy căm ghét nhất. *Vấn đề cốt yếu là ở chỗ con ghét đi tàu.*

“Kể cho bác nghe. Dạo này cháu làm gì?”

“Ừm, buôn bán đồ cổ. Chủ yếu là đồ nội thất Mỹ.”

“Thật ư!” Bà mừng hớn hở. “Thật tuyệt trần!”

“Vâng... ở dưới Làng Greenwich. Cháu quản cửa hàng và lo việc buôn bán. Cộng sự của cháu...” vẫn còn mới quá, tôi chưa quen nói câu đó “cộng sự của cháu ở cửa hàng là James Hobart, ông ấy là nghệ nhân, ông ấy lo việc phục hồi. Lúc nào đó bác ghé thăm thử xem.”

“Ôi, tuyệt diệu. Đồ cổ à!” Bà thở dài. “Ờm... cháu biết là bác rất thích các thứ xưa cũ mà. Chỉ ước gì con cái bác có để ý một chút. Bác cứ hy vọng ít nhất trong chúng nó cũng có một đứa.”

“À thì vẫn còn Kitsey thôi,” Platt nói.

“Thật kỳ,” bà Barbour nói tiếp như chưa hề nghe thấy. “Cả đám con cái nhà bác chẳng đứa nào có lấy một giọt máu nghệ thuật. Thế có kinh ngạc không chứ? Cả bốn đứa, rặt một phường thô lậu.”

“Thôi mà,” tôi nói và cố gắng lấy giọng đùa cợt. “Cháu vẫn nhớ Toddy và Kitsey đã học dương cầm mà. Andy còn chơi vĩ cầm Suzuki nữa chứ.”

Bà phẩy tay ra ý coi thường. “Ôi, cháu hiểu ý bác mà. Cả đám trẻ con chẳng ai có tí cảm nhận *thị giác* gì cả. Không hề biết thế nào là tranh đẹp hay nội thất đẹp gì hết. Còn...” lần nữa bà lại nắm tay tôi “khi *cháu* còn bé, bác đã thấy cháu đứng ở hành lang xem tranh của bác. Lúc nào cháu cũng đi ngay tới những bức đẹp nhất. Bức phong cảnh Frederic Church, bức Fitz Henry Lane, bức Raphaelle Peale, hay là John Singleton Copley - cháu biết đấy, bức chân dung hình ô van ấy, nhỏ tí xíu, cô bé đội mũ mềm ấy?”

“Đấy là Copley à?”

“Đúng rồi. Và bác cũng thấy cháu nhìn bức Rembrandt bé xíu lúc nãy.”

“Vậy đấy *đúng là* Rembrandt?”

“Phải. Chỉ một bức thôi, bức rửa chân ấy. Số còn lại chỉ là học trò. Đám con bác đã sống giữa mấy bức tranh cả đời mà chẳng bao giờ tỏ ra có tí quan tâm nào cả, phải không Platt?”

“Con thì nghĩ rằng vài người trong số chúng con đã tỏa sáng ở những lĩnh vực khác.”

Tôi hắng giọng. “Bác biết không, cháu vốn chỉ định ghé vào chào thôi,” tôi nói. “Rất mừng được gặp bác - gặp cả hai người...” quay lại để nói với cả Platt. “Cháu chỉ ước sao giá mà ta đã gặp nhau trong hoàn cảnh dễ chịu hơn.”

“Cháu có ở lại dùng bữa tối không?”

“Cháu xin lỗi,” tôi đáp vì cảm thấy đang bị ép buộc. “Tối nay thì không được. Cháu chỉ định chạy lên đây thăm bác một chút thôi.”

“Vậy cháu có quay lại dùng bữa tối hôm khác không? Hay bữa trưa cũng được? Hay uống nước thôi cũng được?” Bà cười. “Hoặc gì cũng được.”

“Bữa tối, được thôi ạ.”

Bà chìa má để hôn, dù chưa từng làm thế thời tôi còn nhỏ, thậm chí với các con cũng không.

“Thật mừng lại được gặp cháu ở đây!” bà nói và nắm lấy tay tôi, áp lên mặt mình. “Giống như ngày xưa.”

iv.

TRÊN ĐƯỜNG TÔI ĐI RA CỬA, Platt chìa ra một kiểu bắt tay rất kỳ - nửa như găng tơ, nửa như sinh viên, nửa như hệ thống ngôn ngữ của người câm điếc - khiến tôi không biết phải đáp lại

sao. Bối rối, tôi rụt tay lại, và không biết làm gì, tôi đấm vào nắm tay anh ta và cảm giác mình rất ngu ngốc.

"Thế đấy. Mừng là chúng ta gặp nhau," tôi nói trong cảnh im lặng ngượng ngập. "Gọi tôi nhé."

"Bữa tối ấy hả? À phải. Chắc là chúng ta sẽ ăn ở nhà thôi, nếu được. Mẹ không thích đi ra ngoài quá nhiều đâu." Anh ta thọc tay vào túi áo khoác. Rồi nói, làm tôi giật nảy mình: "Dạo gần đây tôi gặp gã bạn quý Cable của cậu khá nhiều. Nhiều hơn là tôi muốn, thật thế. Chắc gã sẽ mừng được biết tôi đã gặp cậu."

"*Tom* Cable hả?" Tôi cười không tin, dù cũng không hẳn ra cười lắm; ký ức tệ hại từ hồi chúng tôi bị đuổi học cùng nhau, rồi nó đã cạch mặt tôi sau khi mẹ chết, vẫn lấn cấn trong đầu tôi. "Anh có liên lạc với cậu ta à?" tôi hỏi khi Platt không trả lời. "Tôi không nhớ tới Tom hàng năm nay rồi."

Platt cười mỉa. "Tôi phải thừa nhận là hồi đó, tôi đã thấy thật kỳ dị là bạn bè của thằng nhóc đó mà lại chịu đựng nổi một đứa nhẽo nhợt như Andy," anh ta lặng lẽ nói và rũ người tựa vào cửa. "Dù tôi cũng chẳng quan tâm. Có Chúa chứng giám, Andy cũng cần ai đó dắt nó ra ngoài cho nó biết thế nào là say thuốc hay gì đó."

Android. Ăn Đất. An Đụt. Mặt Nhọt. Ẩm Đầu.

"Không phải à?" Platt thản nhiên nói vì hiểu lầm ánh mắt đờ đẫn của tôi. "Cứ tưởng cậu khoái cái đó. Cable hẳn nhiên từng là một thợ điếu cày."

"Vậy chắc là sau khi tôi đi."

"Ừ, có thể." Platt nhìn tôi bằng ánh mắt tôi không biết là mình có ưa hay không. "Hẳn là mẹ vẫn nghĩ cậu hiền như bụt, nhưng tôi biết là cậu đánh bạn với Cable. Và Cable thì trộm cắp như

ranh.” Anh ta cười lớn - tiếng cười gắt, gợi lại gã Platt khó chịu ngày xưa. “Tôi còn bảo Kitsey và Toddy khóa kỹ cửa phòng khi cậu ở đây, để cậu không ăn trộm được thứ gì.”

“Hóa ra là vì vậy à?” Tôi không nhớ lại vụ lợn ống đựng tiền hằng năm rồi.

“Ừ, ý tôi là, Cable...” anh ta nhìn lên trần. “Này nhé, tôi cũng từng hẹn hò với Joey chị Tom, cha mẹ trời đất, cô ả cũng phải biết.”

“Ờm.” Tôi vẫn còn nhớ rõ Joey Cable - mười sáu tuổi, với bộ ngực núi lửa - đi quệt qua thằng tôi mười hai tuổi trong hành lang ngôi nhà ở khu Hampton, mặc quần lọt khe đen và áo thun cũn cỡn.

“Cô ả Jo đàng điếm! Có cái mông mới phính làm sao. Có nhớ cô nàng hay ở truồng dẫn diệu quanh bồn tắm nóng ngoài đó không? Mà thôi, Cable. Ở khu Hampton trong câu lạc bộ của bố tôi, nó bị bắt quả tang đang cậy khóa phòng thay đồ nam, hồi đó nó không quá mười hai, mười ba tuổi. Đấy là sau khi cậu đi hả?”

“Chắc vậy.”

“Chuyện đó xảy ra ở *vài* câu lạc bộ liền. Như là, trong các giải lớn, nó sẽ lẩn vào trong các phòng thay đồ và thủ túi bất cứ thứ gì lọt vào mắt. Rồi, có thể là hồi lên đại học - ừm, chết tiệt, ở đâu nhỉ, không phải Maidstone nhưng... dù sao thì Cable cũng làm thêm mùa hè ở trụ sở câu lạc bộ, chạy việc cho quầy bar, chở về nhà các cụ già đã quắc cần câu không lái xe nổi nữa. Một chàng thân thiện, ăn nói ngọt ngào - hừm, cậu biết đây. Sẽ mời cho các cụ buôn chuyện chiến tranh chiến cam gì đó. Châm thuốc lá, cười khi các cụ pha trò. Chỉ có điều thỉnh thoảng cậu chàng sẽ đỡ các cụ ra tận cửa, và đến hôm sau các cụ mới thấy ví đã bay mất.”

“À, tôi không gặp cậu ta hàng năm rồi,” tôi ngắt gọn. Tôi không thích cái giọng điệu mới của Platt. “Mà bây giờ thì cậu ta làm gì?”

“Ừ, thì cậu biết đấy. Vẫn những trò cũ. Thực tế là, nó thỉnh thoảng lại gặp gỡ em gái tôi, dù hẳn nhiên tôi mong làm sao có thể tống chuyện đó lại. Mà dù sao thì,” anh ta nói, hơi đổi giọng, “tôi lại giữ chân cậu rồi. Tôi thật nóng lòng muốn kể với Kitsey và Toddy là đã gặp cậu - nhất là Todd. Cậu khiến nó ấn tượng lắm đấy - nó cứ nói về cậu suốt. Cuối tuần sau nó sẽ ở đây, tôi biết nó mà gặp cậu sẽ vui lắm.”

v.

TÔI KHÔNG GỌI TAXI mà đi bộ, để đầu óc rảnh rang suy nghĩ. Hôm đó là một ngày xuân sạch sẽ nhưng ẩm ướt, mây dông trên đầu để lọt qua những luồng sáng và nhân viên công sở chen chúc nhau qua các ngã tư, nhưng mùa xuân New York trong trí nhớ tôi đã vĩnh viễn là một khoảng thời gian ướp độc, là mùa những âm vang từ cái chết của mẹ nảy nở bên những đóa bồ công anh, những cành cây đâm lộc, những vệt máu bắn tung tóe, một màn sương mờ ảo giác và kinh hãi (*Đẹp! Hay!* như Xandra chắc sẽ bảo). Tin về Andy như thể có ai đó vừa bật tia X-quang, khiến mọi thứ xung quanh như thể biến thành một tấm phim âm bản, và bất chấp bồ công anh, những chú chó đi dạo, những cảnh sát giao thông đứng tuýt còi góc phố, tôi chỉ nhìn thấy chết chóc muôn nơi: trên vỉa hè xô đẩy nhau toàn người chết, những tử thi tuôn ra khỏi các xe khách rồi hối hả đi về nhà sau buổi làm, sẽ không để lại gì sau trăm năm nữa ngoại trừ những mẩu trám răng và máy tạo nhịp tim, và có thể ít quần áo xương vụn.

Thật không tin nổi. Tôi đã hàng ngàn lần nghĩ đến chuyện gọi Andy, và chỉ có nỗi ngại ngùng ngăn tôi lại; đúng là tôi không liên

lạc với ai trong số bạn bè quen ngày trước, nhưng cũng thi thoảng gặp phải bạn học nào đó ngoài đường, và Martina Lichtblau (mà năm ngoái tôi từng trải qua một mối tình ngắn ngủn và chán ngắt, tổng cộng ba cú "xếp hình" vụng trộm trên cái salon giường) Martina Lichblau đã nói về cậu ta, Andy đang ở Massachusetts đấy, em còn liên lạc với hắn ư, à vâng, vẫn mọt sách phát gớm như trước chỉ có điều giờ thì hắn thổi phồng nó lên thành ra như kiểu rất chất và cổ giả ấy? Kính bằng chai nước khoáng? Quần nhung kẻ màu cám, tóc cắt hình mũ Darth Vader?

Uầy, *Andy*, lúc đó tôi đã nghĩ vậy và âu yếm lắc đầu, vươn tay ra đằng sau bên vai trần của Martina lấy thuốc lá của cô ả. Lúc đó tôi còn nghĩ được gặp Andy thì vui lắm - tiếc là cậu ta không còn ở New York - chắc phải gọi lúc nào đấy khi kỳ nghỉ hè tới cậu ta về nhà.

Có điều tôi không gọi. Tôi không dùng Facebook do sợ bị ngờ vực, và rất ít khi xem tin tức, nhưng cũng không hiểu nổi sao mình có thể chưa biết tin đó mãi đến giờ - ngoại trừ là trong mấy tuần gần đây, tôi mải suy nghĩ về cửa hiệu đến mức chẳng còn để tâm tới sự gì khác. Chúng tôi không thật khó khăn về tiền bạc - dạo gần đây tiền vào phải nói là như nước, nhiều đến nỗi Hobie, vì đã coi tôi là ân nhân cứu mạng ông (trước đó ông đã gần đến bước phá sản) cứ nằng nặc đòi phong tôi làm cộng sự, đồng sở hữu cửa hiệu, mà tôi thì không mấy hứng thú với việc đó trong hoàn cảnh này. Nhưng tôi càng cố gắng duỗi ra, ông càng quyết tâm rằng tôi phải được chia phần lợi nhuận, tôi càng thoái thác, ông càng khăng khăng; với bản tính hào hiệp lệ thường, ông coi sự rụt rè của tôi là "khiêm tốn", dù nỗi lo thực tế của tôi chỉ là đứng tên chung như thế sẽ khiến nhà chức trách có dịp để mắt tới những hoạt động có hơi phi chính thức trong cửa hiệu - những hoạt động hẳn sẽ khiến Hobie tội nghiệp ngã bổ chửng khỏi đôi

giày John Lobb nếu ông biết được. Và ông không biết. Bởi tôi đã cố tình bán hàng giả cho khách hàng, khách hàng đó đã đoán ra, và đang làm ầm ĩ.

Tôi cũng không ngại trả lại tiền - thực ra việc duy nhất cần làm là mua lại món đó và chịu thiệt. Trước kia đây đã là cách dàn xếp rất ổn. Tôi đã bán nhiều món bị sửa chữa nặng, hoặc thậm chí phục chế từ số không, coi là hàng zin; nếu ra khỏi ánh đèn mờ ảo trong hiệu Hobart và Blackwell, nhà sưu tập mang về nhà và nhận ra có điều gì khuất khúc ("lúc nào cũng phải mang đèn pin theo," Hobie đã dạy tôi từ rất sớm, "bao nhiêu cửa hàng đồ cổ để đèn tối vậy là có lý do đấy) thì tôi - đau khổ vì nhầm lẫn, trong khi vẫn kiên quyết khẳng định đấy là hàng thật - sẽ rất hào phóng đề nghị mua lại món hàng với giá 10% cộng thêm vào giá mua ban đầu, điều kiện điều khoản vẫn như các cuộc mua bán bình thường khác. Điều này khiến tôi có vẻ rất tử tế, vừa tin tưởng vào giá trị món hàng của mình, lại vừa sẵn lòng làm hết cách khiến khách được vừa lòng, và nói chung người khách sẽ dịu lại, đồng ý giữ món đó. Nhưng trong ba bốn dịp những nhà sưu tập đa nghi chấp nhận giải pháp của tôi, thì họ không nhận ra rằng món hàng giả ấy - từ sở hữu của ông ta chuyển qua tôi, với một số tiền nói lên giá trị của nó - đã đùng một cái có giấy tờ xuất xứ đàng hoàng. Một khi nó đã lọt vào tay tôi rồi, thì tôi đã có giấy tờ chứng minh món này từng nằm trong bộ sưu tập của ngài XYZ lừng lẫy. Bất kể đã hụt thêm bao nhiêu khi mua lại món hàng giả từ ông XYZ (lý tưởng nhất là một ngôi sao điện ảnh hay nhà thiết kế thời trang nào đó sưu tập cho vui, dù không phải lừng lẫy với tư cách nhà sưu tập), tôi luôn có thể bán tiếp với giá gấp đôi số ấy, cho một lão già ví đẫy Phố Wall nào đấy chẳng phân biệt nổi Chippendale với Ethan Allen, nhưng sướng điên lên khi nắm trong tay "tài liệu chính thức" chứng minh rằng cái bàn viết

Duncan Phyfe hoặc gì đó từng xuất phát từ bộ sưu tập của ngài XYZ, nhà hảo tâm/thiết kế nội thất/sao sáng trên sân khấu Broadway/vân vân tài danh.

Cho đến giờ, mẹo này vẫn chạy tốt. Chỉ đến lần này ngài XYZ - cụ thể là một lão ẻo lả lắm tiền mé Upper East Side tên Lucius Reeve - mới không cắn câu. Điều làm tôi lo lắng là dường như lão ta nghĩ, a) lão đã bị cố tình chơi đểu, cái đó thì đúng; và b) Hobie biết việc này, mà thậm chí là kẻ dàn dựng toàn bộ vụ lừa đảo này, cái này thì không thể sai lầm hơn. Khi tôi tìm cách cứu chữa tình hình bằng cách khăng khăng rằng sai lầm là hoàn toàn nơi tôi - e hèm, thực tình mà nói, thưa ngài, hiểu nhầm với Hobie mà thôi, tôi vừa chân ướt chân ráo vào nghề, hy vọng ngài sẽ không để bụng, sản phẩm của ông tinh xảo đến mức ngài cũng hiểu thỉnh thoảng lại có lầm lẫn xảy ra, phải không? - thì ngài Reeve ("cứ gọi tôi là Lucius"), một nhân vật ăn mặc chải chuốt có tuổi tác nghề nghiệp không xác định, đã vững như bàn thạch. "Tức là anh cũng không chối rằng đây chính là sản phẩm từ chính tay James Hobart?" Ông ta nói thế, trong bữa trưa điên đầu tại Câu lạc bộ Harvard, ranh mãnh ngả người ra lưng ghế và miết ngón tay quanh thành cốc nước khoáng.

"Thế này..." Tôi nhận ra đây là sai lầm chiến thuật, tới gặp ông ta trên sân nhà của ông ta, nơi ông ta quen khắp mặt hầu bàn, gọi món bằng bút chì và tập giấy, nơi tôi không thể tỏ ra hào sảng mà đề nghị ông ta thử món này món kia.

"Hoặc cũng không chối rằng ông ta cố tình nhấc miếng khắc hình phượng hoàng này từ một món hàng của Thomas Affleck, từ một cái - phải, phải, tôi tin là Affleck *thật* đấy, ít nhất thì cũng từ Philadelphia - rồi gắn lên nóc cái tủ hai tầng quả là cổ nhưng ngoài ra không có gì đặc sắc thuộc cùng thời kỳ? Có phải chúng ta

đang cùng nói đến một thứ không?"

"Xin ông, chỉ cần để tôi..." Chúng tôi đang ngồi bên cái bàn cạnh cửa sổ, nắng chói vào mắt, tôi vã mồ hôi và vô cùng luống cuống...

"Thế làm sao mà anh vẫn cam đoan được rằng đây không phải là cố ý lừa dối? Từ cả phía ông ta lẫn anh?"

"Nghe này..." người bồi vẫn đứng gần, tôi chỉ mong anh ta biến đi "sai lầm là do tôi. Tôi đã nói rồi. Và tôi còn đề nghị mua lại món đó với giá cao nên tôi không hiểu ông còn muốn tôi làm gì nữa.

Nhưng bất chấp giọng lạnh lùng, cả người tôi đang sôi lên vì lo lắng, và càng không nguôi lo lắng vì đã mười hai ngày rồi mà Lucius Reeve vẫn chưa hề rút khoản tiền tôi đưa cho ông ta - tôi vừa kiểm tra lại với ngân hàng ngay trước khi đụng phải Platt.

Lucius Reeve muốn gì, tôi chịu không đoán được. Hobie đã làm những món bị cắt xẻo và thay hình đổi lốt này ("những kẻ biến hình" như ông gọi) gần như từ khi bắt đầu sự nghiệp đến giờ; kho trữ đồ ở Sân hải quân Brooklyn cơ man là những món có nhãn để tới 30 năm về trước. Lần đầu ra đó một mình lục lọi cẩn thận, tôi đã choáng người vì tìm thấy những thứ trông như là Hepplewhite xịn, Sheraton xịn, cả một hang Ali Baba đầy những của báu "trời ạ, không phải đâu," Hobie nói, giọng lạo xạo trong di động - nơi này y như một cái boongke, điện thoại hầu như không có sóng, tôi đã phải đi ngay ra ngoài gọi cho ông, đứng trên sân chất hàng đầy gió và nút tay vào tai "tin bác đi, nếu là thật thì bác đã gọi cho ban Nội thất Mỹ ở Christie cả đời nay rồi... "

Tôi đã hâm mộ 'những kẻ biến hình' của Hobie nhiều năm nay, thậm chí đã giúp ông sửa sang vài món trong số chúng, nhưng

chính cơn sốc khi chính mình bị lừa bởi những món chưa hề nhìn thấy đã khiến tôi (theo cách nói ưa thích của Hobie) ngập tràn một ý hướng điên cuồng. Chốc chốc cửa hiệu lại nhận về một món chất lượng xứng đáng cho vào bảo tàng, nhưng đã bị hỏng hay gãy vỡ quá mức cứu vãn được; và Hobie, luôn thấy buồn rầu trước những di vật duyên dáng ấy như thể trước trẻ nhỏ đói ăn hay mèo bị ngược đãi, đã tự coi bổn phận của mình là phải cứu vớt được cái gì còn có thể (khi là một cặp quả đấm, lúc lại một bộ chân được tiện rất đẹp), và rồi dùng tài mộc và khớp mộng khéo léo phối chúng lại thành những búp bê chắp vá đẹp tuyệt vời, mà trong vài trường hợp thì khá phóng túng, nhưng vài lần khác lại trung thành với thời kỳ nguyên bản đến mức hầu như không thể phân biệt được với hàng thật.

Axit, sơn, hồ dán vàng và muội than, sáp, đất, bụi. Đinh cũ làm gỉ đi nhờ nước muối. Axit nitric đổ vào gỗ óc chó mới. Thanh trượt ngăn kéo đánh giấy ráp cho mòn, đèn tử ngoại rọi vài tuần khiến gỗ mới già đi cả trăm tuổi. Năm chiếc ghế ăn Hepplewhite đã bị hỏng nát giúp ông làm ra một bộ tám chiếc vững chãi, trông hoàn toàn như thật, bằng cách tháo tung số ban đầu ra, sao chép các bộ phận (bằng gỗ lấy từ những món bị hỏng khác cùng thời kỳ) rồi ráp lại, nửa nguyên gốc, nửa mới. (“Một cái chân ghế...” rà ngón tay dọc chân “thường thấy nhất là bị trầy và sứt sẹo ở mặt dưới cùng - kể cả có dùng gỗ cũ, vẫn phải dùng xích cọ vào dưới chân mới cắt nếu muốn đồng bộ với nhau... thật nhẹ thôi, bác không khuyên cào thật lực đâu... hình dạng cũng rất đặc thù, chân trước thường vẹt hơn chân sau, thấy chưa?”) Tôi từng thấy ông tái chế gỗ nguyên gốc từ một chiếc tủ búp phê thế kỷ 18 gần như đã tan thành mảnh vụn, thành một cái bàn trông không khác gì làm ra từ chính tay Duncan Phyfe. (“Vậy có được không?” Hobie hỏi, lo âu bước lùi lại, dường như không ý thức mình vừa

tạo ra một điều kỳ diệu lớn.) Hoặc, như trường hợp cái tủ hai tầng "Chippendale" của Lucius Reeve, một món đồ xoàng xĩnh qua tay ông chỉ cần thêm một miếng trang trí vớt lại từ một tuyệt tác lụi tàn nào đó thuộc cùng thời kỳ ấy, là thành gần như không khác gì một tuyệt phẩm đương thời.

Một kẻ có đầu óc thực tế hơn, hoặc kém phần đạo đức hơn, sẽ dùng kỹ năng này thủ lợi và kiếm được cả gia tài (hoặc như phát biểu hùng hồn của Grisha, "quất nó mạnh hơn một ả điếm năm sọt.") Nhưng theo những gì tôi biết, ý nghĩ bán số "biến hình" này dưới danh nghĩa đồ thật, hay ngay cả bán chúng đi thôi, cũng chưa bao giờ đến với Hobie; và nhờ ông hoàn toàn hờ hững với những hoạt động trên cửa hiệu mà tôi thoải mái bắt tay vào công việc kiếm tiền, giải quyết hóa đơn. Chỉ riêng một chiếc đi-văng "Sheraton" cùng một bộ ghế lưng nơ bán theo giá Israel Sack cho cô vợ trẻ cả tin của một ông chủ ngân hàng đầu tư California, tôi đã trả xong hàng trăm ngàn thuế nhà ở còn nợ. Thêm một bộ nội thất phòng ăn cùng một chiếc xô pha con "Sheraton" nữa - bán cho một khách hàng ở xa, lẽ ra hiểu biết hơn, nhưng đã mờ mắt trước uy tín tốt vời của Hobie và Welty - là tôi đã xóa sạch nợ cho cửa hiệu.

"Chẳng phải tiện sao," Lucius Reeve khoan khoái nói, "rằng ông ta chừa lại hết việc kinh doanh của cửa hiệu cho anh? Rằng ông ta ở trong xưởng làm ra những món lường gạt đó, rồi phủi tay tùy anh xử lý?"

"Ông đã biết đề nghị của tôi rồi. Tôi không định ngồi đây nghe những điều quá quắt như vậy đâu."

"Vậy anh còn ngồi đó làm gì?"

Tôi không hề nghi ngờ rằng Hobie sẽ kinh ngạc tột bậc nếu biết tôi đem mấy "kẻ biến hình" của ông bán như hàng thật. Thứ nhất

là, vô số những sản phẩm thuộc loại sáng tạo hơn của ông có đầy những chi tiết lặt vặt không chính xác, gần như những trò đùa ngầm, và không phải lúc nào ông cũng cẩn trọng lựa chọn vật liệu như một kẻ cố tình làm giả vẫn thường làm vậy. Nhưng tôi đã phát hiện ra ngay cả những người mua kha khá kinh nghiệm cũng dễ vấp, nếu tôi bán với giá rẻ hơn đồ thật chừng 20%. Người ta thích nghĩ mình đang được món hời. Năm lần hết bốn, người ta sẽ bỏ qua những gì mình không muốn thấy. Tôi biết cách khơi gợi cho khách mua để mắt đến những điểm đặc thù của từng món đồ: ván lạng cắt bằng tay, nước bóng rất đẹp, những vết sẹo danh dự, rê ngón tay trên đường chữ S tuyệt mỹ (mà chính Hogarth đã từng gọi là "đường thẩm mỹ"[122]) để lôi kéo ánh nhìn cho xa những phần bị vá đằng sau lưng, mà dưới ánh sáng mạnh hẳn họ sẽ nhận ra vân gỗ không thật khớp. Tôi quyết định không khuyên khách hàng kiểm tra mặt dưới món đồ, một việc mà Hobie - lúc nào cũng háo hức dạy dỗ, đánh đổi bằng lợi ích của chính mình - rất sốt sắng đề nghị. Nhưng để đề phòng có ai thực sự đòi nhìn, tôi sắp xếp sao cho mặt sàn xung quanh món hàng thật bẩn không thể chịu nổi, và cho cái đèn pin tôi tình cờ có trong túi thì yếu không thể nhìn nổi. Có rất nhiều người ở New York túi đầy tiền, đi thuê những chuyên gia trang trí ít thời gian mà, chỉ cần xem ảnh một món đồ tương tự trong ca-ta-lô đấu giá, là sẵn lòng vồ lấy thứ mà họ nghĩ là đồ giảm giá, nhất là nếu họ lại mua bằng tiền của người khác. Một mẹo khác - được thiết kế để dụ một giống khách hàng khác, thạo đời hơn - là tống món hàng ấy vào tận xó cửa hiệu, xả van máy hút bụi phun lên nó (đồ cổ trong chớp mắt!) và đưa đẩy cho vị khách hàng ưa dò dẫm tự đánh hơi ra - ô này, dưới cả mớ đồ hàng vứt đi bụi bặm này, một chiếc đi-văng Sheraton đích thực! Để thực hiện mánh lừa này - mà tôi đặc biệt hứng thú - bí quyết là phải giả ngây ngô, làm bộ

chán ngán, cắm mũi vào cuốn sổ, xử sự như mình không biết đến vật quý trong tay, tóm lại là khiến họ nghĩ họ đang lừa được *tôi*: dù cho tay họ run rẩy vì phấn khích, dù cho họ làm bộ thản nhiên trong khi chạy ào tới nhà băng rút một khoản tiền mặt khổng lồ. Nếu khách hàng quá quan trọng hoặc quá gần gũi với Hobie, tôi vẫn có thể nói món đó không bán. Một câu "không bán" cụt lủn thường cũng là khởi điểm thích hợp với người lạ, bởi không chỉ khiến loại người mua tôi đang nhắm đến càng hăm hở muốn vớ ngay món bở, trả tiền mặt, mà còn tạo điều kiện cho tôi cắt đứt giữa chừng nếu có gì không ổn. Điều không ổn chủ yếu thường là Hobie đi lên gác vào một thời điểm không thích hợp. Bà DeFrees ló đầu vào hiệu không đúng lúc cũng là một việc khác có thể và đã từng xảy ra - khiến tôi phải cắt đứt đúng thời điểm chốt giá, làm cho bà vợ tay đạo diễn phim đã chờ đợi đến phát chán tức điên bỏ đi, không bao giờ trở lại. Nếu không rọi đèn cực tím hay mang phân tích trong phòng thí nghiệm, thì phần lớn những tiểu xảo của Hobie đều không thấy được bằng mắt thường; và dù trong số khách hàng của ông có kha khá nhà sưu tập nghiêm túc, thì cũng lại có vô số người chẳng hề biết rằng trên đời không tồn tại gương đứng nghiêng kiểu Queen Anne. Nhưng cả khi có ai khôn ngoan đến mức phát hiện ra điểm không chuẩn xác - ví như một lối khắc hay một loại gỗ không thuộc về thời đại đó, hay nghệ nhân đó - thì tôi còn một hai lần táo tợn đến mức thuyết phục được họ cho qua cả chuyện này: bảo rằng món đó thiết kế theo đặt hàng của một khách hàng tư, và vì thế còn đắt giá hơn cả những món hàng thông thường.

Trong trạng thái run lẩy bẩy kích động, tôi đã gần như vô thức rẽ vào công viên, theo lối mòn đến ao nơi tôi và Andy vẫn thường mặc áo parka trong bao nhiêu chiều mùa đông hồi tiểu học, đợi mẹ tôi tới đón từ vườn thú, hoặc đưa đi xem phim - *điểm hẹn*,

mười bảy giờ đúng! Nhưng tới bây giờ thì, không may thay, tôi ngồi đây chủ yếu là để chờ Jerome, tay giao hàng bằng mô tô chuyên cung cấp ma túy cho tôi. Những viên thuốc lấy cắp của Xandra năm ấy đã khởi đầu cho một con đường tệ hại: oxy, roxy[123], morphine, Dilaudid khi nào lấy được, những thứ đó tôi đã mua trên phố hàng năm nay rồi; mấy tháng qua tôi giữ lịch (chủ yếu) cách một ngày nghỉ một ngày (dù "nghỉ" thực ra là một liều nhỏ đủ để không lăn ra ốm), nhưng dù hôm nay theo lệ là ngày "nghỉ" tôi vẫn thấy càng lúc càng bi quan, mấy cốc vodka uống cùng Platt đang dần nhạt đi, và dù biết không mang theo gì trên người, tôi vẫn vỗ vỗ các túi, tay chốc chốc lại lần xuống áo ngoài và mấy túi áo vét.

Tôi đã kết thúc việc học mà không làm nên kỳ tích gì đáng kể. Mấy năm Vegas đã khiến tôi vĩnh viễn không theo nổi các công việc cần lao khó nhọc, và khi cuối cùng cũng tốt nghiệp ở tuổi hai mốt (tôi mất sáu năm mới học xong, chứ không phải bốn như lệ thường), tôi ra trường chẳng có điểm môn nào xuất sắc. "Thành thực là tôi thấy trong này chẳng có gì khiến các chương trình thạc sĩ có thể để mắt đến cậu đâu," giáo viên tư vấn đã nói với tôi vậy. "Nhất là cậu lại còn quá phụ thuộc vào học bổng."

Nhưng cũng không sao; tôi biết mình muốn làm gì. Sự nghiệp bán hàng của tôi đã bắt đầu từ năm 17 tuổi, khi tôi tình cờ lên gác trong một buổi chiều hiếm hoi Hobie quyết định mở cửa hiệu. Đến lúc đó thì tôi đã lờ mờ hiểu tình hình tiền nong khó khăn của Hobie; Grisha đã nói quá chuẩn về những hậu quả tai nghiệt nếu Hobie cứ mãi tích lũy đồ đạc mà không bán. ("Ông sẽ vẫn tiếp tục ở dưới nhà sơn sơn cắt cắt khi chúng nó đến đây dán thông báo tịch biên lên cửa trước.") Nhưng bất chấp núi phong bì sở thuế đã bắt đầu mọc lên bên các ca-ta-lô của nhà Christie và tờ chương trình hòa nhạc cũ trên bàn phòng khách (Thông báo tiền chưa

trả, Giấy nhắc thông báo tiền chưa trả, Giấy nhắc lần hai thông báo tiền chưa trả), Hobie chẳng thèm mở hiệu quá nửa tiếng một lần, trừ khi có bạn bè ghé qua, và tới khi các bạn đi về thì ông lại đuổi cổ các khách hàng thật, khóa trái cửa lại. Hầu như lần nào từ trường về tôi cũng thấy tấm biển "Đóng cửa" đang treo và nhiều người đứng ngoài cửa ngó vào. Tệ nhất là những khi cũng có hứng mở cửa được vài tiếng, ông lại có thói quen hồn nhiên lượn vào nhà pha tách trà để ngỏ cửa và chẳng ai trông quầy; dù anh thợ vận chuyển Mike đã khôn ngoan khóa hết các tủ đựng đồ bạc và nữ trang, nhưng cũng đã kha khá đồ gốm và pha lê bốc hơi, và chính tôi cái buổi chiều đột nhiên lên gác ấy đã thấy một bà có dáng dấp thể dục thẩm mỹ, mặc quần áo ngày thường, trông như vừa từ lớp tập Pilates về, nhét một cái chặn giấy vào túi.

"Cái đó giá 850 đô," tôi nói; nghe giọng tôi bà ta chết sững và kinh hoảng ngước lên. Thực ra thứ đó chỉ có 2,5 đô, nhưng bà ta cũng lẳng lặng đưa thẻ cho tôi tính tiền - hẳn là món bán có lãi đầu tiên kể từ khi Welty qua đời; bởi bạn bè của Hobie (tức các khách hàng chính của ông) đã quá sành việc thuyết phục Hobie giảm cái giá vốn đã thấp kịch sàn còn xuống đáy hơn nữa. Mike thi thoảng cũng giúp bán hàng thì lại tăng giá lên bất kể phải trái và nhất quyết không chịu mặc cả, kết quả là chẳng bán được bao nhiêu.

"Giỏi lắm!" Hobie đã nói và mừng rỡ chớp đôi mắt bị lóa trước ánh đèn trong xưởng, khi tôi trở xuống thông báo món lợi đó (đã sửa thành cái ấm trà bạc; tôi không muốn ông cảm thấy tôi đã trắng trợn ăn cướp của bà kia, và hơn nữa tôi biết ông chẳng mấy để tâm đến "lũ nhỏ" như ông gọi, mà nhờ soi kỹ mấy cuốn sách về đồ cổ tôi đã nhận ra là chiếm phần lớn trong kho cửa hàng). "Khách hàng mắt tinh thế chứ. Welty chắc sẽ xiêu lòng với cháu như một bé sơ sinh bị bỏ ngoài cửa thôi! Quan tâm đến đồ bạc của

ông à!"

Kể từ đó trở đi, tôi đã tạo thói quen chiều chiều mang sách vở ngồi ở tầng trên trong khi Hobie bận tay bận chân ở tầng dưới. Ban đầu chỉ là để cho vui - để có gì giải trí ngoài cuộc đời sinh viên tẻ ngắt chỉ có cà phê trong phòng sinh hoạt chung và những bài giảng về Walter Benjamin. Trong những năm sau khi Welty mất, hiệu Hobart và Blackwell xem ra đã nổi danh là chốn kiếm lời trong giới trộm cắp; và nỗi khoái chí được bắt quả tang đám bất lương tay nhám ăn mặc chải chuốt, bóp nặn ra những khoản tiền không tưởng, cũng khiến tôi hứng thú gần như một phiên bản ngược của trò ăn cắp trong cửa hàng.

Nhưng tôi cũng học được một điều: một điều chỉ thấm vào tôi từng tí một, nhưng thực tế lại là bí quyết của toàn bộ ngành làm ăn này. Đấy là một bí mật không ai dạy được, mà tự mình phải học lấy; trong ngành buôn bán đồ cổ, thực tình không hề có cái gọi là giá "đúng". Giá trị khách quan - giá trị niêm yết - chỉ là vứt đi. Khi một vị khách ngơ ngác đi vào, cầm theo một nắm tiền (như phần lớn các khách hàng thực tế), thì sổ sách có nói gì, chuyên gia có nói gì, những vật tương tự trong cuộc bán gần đây ở Christie có ra đi với giá bao nhiêu, đều là vô nghĩa. Mỗi món hàng - *bất kỳ* món hàng nào - đều trị giá bất kỳ con số nào ta có thể thuyết phục ai đó bỏ ra mua nó.

Kết quả là tôi bắt đầu đi dạo khắp cửa hiệu, gỡ bỏ vài nhãn giá (để khách hàng phải tới hỏi tôi), thay đổi vài nhãn khác - không phải tất cả, nhưng cũng một số. Bí quyết mà tôi đã tìm ra sau nhiều lần thử sai là, giữ ít nhất một phần tư các món hàng ở giá thật thấp, số còn lại thì đội lên, nhiều khi đến 400-500%. Hàng năm trời giá thấp điên rồ đã tạo nên một nguồn khách hàng trung thành; để lại một phần tư giá thấp là cách giữ lòng trung

thành của họ, cũng để những ai kiếm đồ giá rẻ vẫn sẽ tìm ra nếu chịu khó lục lọi. Để lại một phần tư giá thấp, nhờ một phép luyện kim kỳ quái nào đó, cũng lại khiến các món đội giá lên có vẻ hoàn toàn chính đáng: vì cớ nào đó mà một vài người sẵn sàng bỏ ra ngàn rưỡi đô cho một ấm trà Meissen nếu nó nằm cạnh một thứ khác, ít lòe loẹt hơn nhưng cũng tương đương, có giá (chuẩn xác, nhưng rẻ) chỉ vài trăm.

Đấy là nguồn gốc của mọi sự; đấy là nguyên nhân hiệu Hobart và Blackwell, sau bao nhiêu năm vật vã, đã bắt đầu sinh lợi dưới sự dìu dắt của tôi. Nhưng vấn đề không chỉ là tiền. Tôi thích khía cạnh trò chơi trong việc đó. Khác với Hobie, với lòng tin vô lý của ông rằng bất kỳ ai đi vào cửa hàng cũng mê mẩn đồ nội thất như ông, và tỉ mỉ chỉ ra từng lỗi hỏng hay điểm kỳ diệu của món hàng, tôi phát hiện ra mình có tài năng ngược lại: tài tung hỏa mù và tỏ ra bí ẩn, tài tán tụng những món hàng thứ phẩm sao cho người ta muốn rước nó về nhà. Khi bán hàng và thổi nó lên (trái với khi lùi lại, chờ con mồi vô ý bước thẳng vào bẫy), đấy là trò chơi nhằm tìm cách đo lường khách hàng, đoán ra cái hình ảnh họ muốn thể hiện - không phải con người của họ (nhà thiết kế biết tuốt? bà nội trợ New Jersey? chàng đồng tính thẹn thò?) mà là con người họ muốn trở thành. Lên đến các tầng cao nhất cũng chẳng qua là hóa trang; ai cũng đang thiết kế bối cảnh sân khấu. Bí quyết là phải đối thoại trực tiếp với hình ảnh bên ngoài này, cái tôi tưởng tượng này - nhà sưu tập sành sỏi, kẻ duy mỹ có con mắt xanh - chứ không phải với con người rụt rè lo lắng trước mặt mình. Tốt hơn nữa là hãy kín đáo một chút, không tỏ ra quá sấn sổ. Nhanh chóng, tôi học được cách ăn mặc (ở ranh giới giữa tẻ nhạt và lòe loẹt), cách xử sự với khách hàng lịch duyệt và khách hàng thô lậu, với các mức độ lễ phép và xấc xược tinh vi khác nhau: giả định họ thành thạo, nhanh chóng tâng bốc, nhanh chóng mất

hứng, bỏ đi vào đúng lúc cần thiết.

Thế mà với tay Lucius Reeve này, tôi đã làm hỏng chuyện. Ông ta muốn gì, tôi cũng không biết. Thực tế là ông ta quyết tâm bỏ qua những lời xin lỗi của tôi mà trút trọn vẹn cơn giận vào Hobie, đến nỗi tôi đã nghĩ hay là mình đã rơi vào một mối hằn thù hay cừu hận nào đó. Tôi không muốn tiết lộ chuyện với Hobie bằng cách nhắc đến tên ông ta, dù ai mà có thể căm thù Hobie đến mức bầm gan tím ruột như vậy, một người rộng lòng và lãng đãng như ông? Tìm trên mạng chả thấy thông tin gì về Lucius Reeve, ngoại trừ vài lần nhắc tên vô thưởng vô phạt trong các trang giao tế, thậm chí cũng không thấy tư cách thành viên ở Harvard hay Câu lạc bộ Harvard nữa, chỉ có một địa chỉ khả kính trên Đại lộ 5. Theo tôi thấy thì ông ta không có gia đình, cũng không có công ăn việc làm hay phương cách sống rõ rệt nào. Viết séc cho ông ta thật ngu xuẩn hết sức - cũng là do tôi tham lam; tôi đã tính thiết lập hồ sơ tiểu sử cho món này, dù tới mức ấy thì một phong bì tiền đặt dưới khăn ăn đẩy qua bàn cũng không chắc sẽ khiến ông ta bỏ qua cho chuyện này.

Tôi đang đứng dúi nắm đấm vào túi áo choàng, kính mờ đi vì cái ẩm ướt mùa xuân, ưu tư nhìn xuống mặt nước ao vẩn đục: vài con vịt nâu buồn bã, túi ni-lông dạt vào đám sậy. Phần lớn ghế băng đều có ghi tên người quyên góp - tưởng nhớ bà Ruth Klein hay cái khỉ gì đấy - nhưng ghế của mẹ tôi, hay Điểm Hẹn, là chiếc duy nhất trong toàn bộ ghế ở góc này đã được người quyên tặng vô danh đặt cho một thông điệp bí ẩn và chào đón hơn hẳn: MỌI ĐIỀU CÓ THỂ. Đấy đã là Ghế Của Mẹ từ hồi tôi sinh ra; hồi mới đến thành phố mẹ từng ngồi đây đọc sách thư viện trong những chiều không làm việc, nhịn ăn trưa nếu cần tiền mua vé tháng ở Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại hay vé xem phim ở Rạp Paris. Đi thêm một chút, bên kia ao, nơi đường mòn vắng hoe và tối ám, là

mảnh đất xác xơ cỏ dại mà Andy và tôi đã rải tro. Chính Andy đã thuyết phục tôi lẻn vào đây rải tro bất chấp luật của thành phố, hơn nữa là phải rải đúng ở nơi đó: *ờ, thì cậu biết đấy, đây là nơi cô vẫn thường đón chúng mình.*

Ừ, nhưng có thuốc chuột kìa, biển báo kìa.

Làm đi Làm ngay bây giờ đi. Không ai đến đâu.

Mẹ cũng thích mấy con hải sư nữa. Tụi mình suốt ngày phải đi qua đó xem.

Ừ nhưng cậu không muốn thả cô ở bên đó đâu, tanh như cá ấy.Thêm nữa tớ lạnh cả gáy khi phải để cái bình lọ gì đó ấy trong phòng.

vi.

"CHÚA ƠI," HOBIE THỐT LÊN khi nhìn rõ tôi dưới ánh đèn. "Cháu trắng bệch như giấy ấy. Không mắc bệnh gì đấy chứ?"

"Ừm..." Ông đang trên đường ra ngoài, áo vắt trên tay; sau lưng ông là ông bà Vogel, cài khuy kín cổ, mỉm nụ cười nọc độc. Quan hệ giữa tôi với nhà Vogel ("đôi kển kển" như Grisha gọi) đã nhạt đi đáng kể từ hồi tôi tiếp quản cửa hiệu; nhớ đinh ninh trong đầu vô số món mà họ đã gần như cướp không của Hobie theo ý tôi, giờ tôi ấn định giá cao chót vót cho bất kỳ món nào chỉ cần nghi là họ để mắt tới; và dù bà Vogel - khôn ranh ra trò - đã chuyển qua gọi trực tiếp cho Hobie, thì tôi cũng qua mặt được bà ta bằng cách (trong nhiều cách khác) bảo với Hobie món đó đã bán rồi nhưng quên chưa dán nhãn.

"Cháu ăn chưa?" Hobie, với bản tính người giời dịu dàng vô ý của ông, đến giờ vẫn hoàn toàn chưa nhận ra rằng nhà Vogel và

tôi không còn coi nhau là bạn bè thắm thiết tin cậy nữa. “Các bác đang định đi ra đầu phố ăn tối đây. Cháu đi cùng luôn nhé.”

“Thôi ạ,” tôi nói, biết rằng con mắt bà Vogel đang nhìn như khoan vào tôi, nụ cười lạnh lẽo giả trá, đôi mắt như hai mẩu mã não trên khuôn mặt mịn màng của cô vắt sữa đang toan về già. Lệ thường tôi vẫn thích thú chấp nhận khiêu chiến và cười trả ngay vào hàm răng trắng của bà ta, nhưng trong ánh đèn gắt ở sảnh không hiểu sao tôi thấy mình nhớp bẩn cũ kỹ, như teo nhỏ lại. “Ừm, cháu nghĩ là hôm nay cháu ăn ở nhà thôi, cảm ơn bác.”

“Không khỏe ư?” Ông Vogel nhạt nhẽo nói - dân gốc Trung Tây, tóc đang rụng, kính không tròng, áo bành tô rất chỉnh chện, chia buồn nếu anh chậm tiền lãi vay còn ông ta là chủ nhà băng. “Tiếc thật.”

“Rất vui được gặp cháu,” bà Vogel nói, bước tới đặt bàn tay mập mạp lên tay áo tôi. “Cháu có vui vì Pippa đến thăm không? Bác ước gì có cơ hội gặp cô bé, nhưng cô bé cứ bận bịu với anh bạn trai quá chừng. Cháu thấy sao về cậu - tên gì nhỉ...?” quay sang Hobie. “Elliot?”

“Everett,” Hobie điềm đạm nói. “Khá tử tế.”

“Ờm,” tôi nói và rũ áo khoác khỏi vai. Việc Pippa xuất hiện ngay sau chuyến bay từ London tới với cái gã “Everett” này là một trong những cú sốc khó chịu nhất đời tôi. Đếm từng ngày từng giờ, run rẩy vì mất ngủ và mong mỏi, cứ năm phút lại nhìn đồng hồ một lần không đừng được, nhảy dựng dậy khi nghe tiếng chuông cửa và gần như chạy bổ ra mở - rồi thấy cô đứng đó, tay trong tay với gã Ăng-lê hãnh tiến kia ư?

“Thế cậu ta làm gì? Cũng là nhạc công à?”

“Thực tế là thủ thư âm nhạc,” Hobie đáp. “Không hiểu giờ thì

họ còn làm những gì, có đủ thứ máy tính rồi."

"À, tối nghĩ là Theo sẽ biết rõ nhất," bà Vogel nói.

"Không hẳn."

"Thủ file chăng?" Ông Vogel nói và cười khùng khục ồn ào bất thường. Ngoảnh sang tôi: "Người ta nói có đúng không, rằng ngày nay lứa trẻ các cháu có thể tốt nghiệp mà còn không phải đặt chân vào thư viện lần nào nữa?"

"Cháu không biết." Thủ thư âm nhạc! Tôi đã phải huy động hét từng phân tự chủ trong mình để mặt không lộ ra cái gì trong lòng (bụng dạ quặn lên, thế giới chấm dứt) mà nhận bàn tay Ăng-lê ướt nhèm của hắn, *Xin chào*, *Everett*, *chắc cậu là Theo*, *được nghe rất nhiều về cậu*, vân vân mây mây, trong lúc tôi đứng sững giữa cửa như một gã Yankee vừa bị xọc lưỡi lê vào người, trân mắt nhìn kẻ đã đẩy mình vào cõi chết. Hắn ta thanh mảnh, hồn nhiên, tự phụ, ngây thơ, nhạt toẹt, hớn hở điên người, mặc quần bò áo phông có mũ như một đứa thiếu niên, và nụ cười thoáng qua tạ lỗi khi chúng tôi ở một mình với nhau trong phòng khách đã khiến tôi tái ngắt vì tức giận.

Từng giây trong chuyến thăm của hai người bọn họ đều là tra tấn. Không hiểu bằng cách nào tôi cũng vật lộn vượt qua. Dù đã cố gắng tránh xa họ hết mức có thể (là một kẻ hai mặt thành thục, nhưng tôi cũng khó mà cư xử tử tế với hắn; mọi thứ trên con người hắn, làn da hồng hào, tiếng cười ấp úng, lông tay thò ra khỏi cổ tay áo sơ mi, đều khiến tôi muốn nhảy xổ tới đập cho hắn rụng cả hàm răng ngựa, và chẳng phải ngạc nhiên sao, tôi tăm tối nghĩ và trừng mắt nhìn hắn từ bên kia bàn, nếu chàng Bốn Mắt già bán đồ cổ lại xông ra tặng hắn một chầu tẩm quất?), nhưng có cố cách mấy, tôi vẫn không tài nào tránh xa khỏi Pippa, tôi cứ lượn lờ gần cô rất gượng gạo và lại căm ghét mình vì thế, khi thấy

mình phấn khích và dằn vặt biết mấy vì có cô ở bên: đôi bàn chân trần trong bữa sáng, cẳng chân trần, giọng nói của cô. Hai bên nách trắng ngần thoáng hiện ra khi cô lột áo len qua đầu. Bàn tay cô trên tay áo tôi, sự hành hạ. "Này cưng. Này bồ tèo." Chợt hiện ra sau lưng, đưa tay bịt mắt tôi: ngạc nhiên chưa! Cô muốn biết tất cả mọi thứ về tôi, mọi điều tôi đang làm. Chen vào ngồi cạnh tôi trên chiếc ghế đôi kiểu Queen Anne khiến chân chạm phải chân: lạy Chúa. Tôi đọc gì thế? Cô xem iPod của tôi được không? Cái đồng hồ siêu khủng của tôi ở đâu ra thế? Mỗi lần cô mỉm cười với tôi là thiên đàng hạ trần. Thế nhưng mỗi lần tôi kiếm ra cớ gì ở riêng với cô, là hắn ta lại đến, bịch bịch bịch, nụ cười bẽn lẽn, tay khoác vai cô, làm hỏng bét mọi chuyện. Chuyện trò ở phòng bên, tiếng cười phá: họ nói về tôi chăng? Còn đặt tay lên eo cô! Gọi cô là "Pips!" Giây phút duy nhất còn tàm tạm chịu đựng được hoặc vui vẻ được trong chuyến thăm là khi Popchik - đã rất già và rất chuyên quyền bảo vệ lãnh thổ - đột ngột nhảy bắn lên chẳng vì cớ gì và tợp vào ngón tay hắn - "ối trời ơi!" Hobie chạy đi tìm cồn, Pippa nhăn nhó, Everett cố làm mặt tỉnh nhưng thấy rõ là rụng rời: tất nhiên, chó cưng lắm! Tôi yêu chó! Chẳng qua nhà không bao giờ nuôi vì mẹ tôi bị dị ứng. Hắn là người "bà con nghèo" (tự hắn nói thế) của một bạn học cũ của cô; mẹ Mỹ, hàng đống anh chị em, cha dạy cái khỉ gì đó nửa toán nửa triết không thể hiểu nổi ở Cambridge; cũng giống như cô, hắn ta tập ăn chay, "sắp chuyển qua chay trường"; tôi phật lòng khi phát hiện hai kẻ đó đang ở chung một căn hộ (!) - tất nhiên, trong chuyến thăm, hắn ngủ ở phòng cô, và suốt năm đêm là toàn bộ thời gian hắn ở đó, tôi nằm trắng đêm ứa máu vì điên giận và sầu khổ, tai dỏng lên nghe từng tiếng ga giường sột soạt, từng tiếng thở dài và thì thào phòng bên.

Thế nhưng - vẫy chào Hobie và nhà Vogel, *ăn vui nhé*! Rồi căm

tức quay đi - tôi còn mong đợi gì? Tôi đã phát điên, đau thấu xương, vì cái giọng thận trọng, ân cần cô dùng với tôi khi ở gần tay "Everett" này - "không," tôi lễ độ nói, khi cô hỏi tôi có đang hẹn hò với ai không, "không hẳn thế," mặc dù (và tôi thấy tự hào về điều đó, một cách khá tỉnh và u ám) thực tế là tôi đang ngủ với hai người một lúc, người này không hề biết có người kia. Một người có bạn trai ở thành phố khác, người kia có chồng chưa cưới mà cô ta đã ngán, chặn cuộc gọi của anh ta khi nào chúng tôi lên giường với nhau. Cả hai đều xinh, người sắp lấy chồng thì hẳn hoi là đẹp - một nàng Carole Lombard bầu bĩnh - nhưng đối với tôi cả hai đều không thực, mà chỉ là vật thế thân của cô.

Tôi thấy bực mình là lại cảm thấy như vậy. Ngồi chòm mọp ở đây "với trái tim tan nát" (than ôi, đấy là chữ đầu tiên nhảy vào đầu tôi) thì thật ngu ngốc, vừa sến vừa chuối vừa yếu đuối - hu hu, nàng ở London, nàng ở bên kẻ khác, vậy hãy đi kiếm rượu vang uống và "chén" cô nàng Carole Lombard rồi quên đi. Nhưng nghĩ đến cô khiến lòng tôi quặn thắt đến mức không tài nào quên được cô, như người sâu răng không quên được cái răng sâu. Đấy là một cảm giác tự phát, bất lực, kìm kẹp. Nhiều năm ròng cô đã là điều đầu tiên tôi nghĩ đến khi tỉnh dậy, điều cuối cùng đọng lại trong tôi khi ngủ thiếp, và ban ngày cô đến với tôi, ầm ĩ, ám ảnh, lúc nào cũng kèm theo một cơn sốc tê bại: giờ ở London là mấy giờ? Suốt ngày cộng cộng trừ trừ, tính thời gian chênh lệch, suốt ngày xem thời tiết London trên điện thoại, 12 độ, 10:12 phút tối, lượng mưa không đáng kể, khi đứng trên góc Phố Greenwich và Đại lộ 7 bên St. Vincent đã niêm phong trên đường vào trung tâm tìm kẻ cung cấp thuốc, còn Pippa thì sao, cô ở đâu? Ngồi sau xe taxi, đi ăn tối, uống với những kẻ tôi không quen, ngủ trong cái giường tôi không biết? Tôi khao khát muốn xem ảnh căn hộ của cô, để thêm thắt chi tiết cần thiết cho các tưởng tượng trong đầu,

nhưng xấu hổ không muốn hỏi. Quặn lòng, tôi nghĩ đến ga giường cô, không hiểu trông thế nào, màu sẫm kiểu phòng ký túc như tôi tưởng tượng, rối tung, chưa giặt, một cái ổ sinh viên tối tăm, gò má lấm chấm tàn nhang trắng nhợt áp vào vỏ gối màu nâu đỏ hay tía, mưa nước Anh gõ vào cửa sổ. Ảnh cô dán đầy hành lang bên ngoài phòng ngủ tôi - bao nhiêu Pippa khác nhau, thuộc bao nhiêu lứa tuổi - là một cơn tra tấn hằng ngày, lúc nào cũng bất ngờ, lúc nào cũng mới mẻ; nhưng dù tôi cố đánh mắt nhìn đi nơi khác thì lúc nào cũng có vẻ chỉ cần sơ ý nhìn lên là thấy cô, đang cười vì câu đùa của ai khác, đang cười với ai đó không phải tôi; lúc nào cũng là nỗi đau tươi rói, là cú nện thẳng vào tim.

Và điều lạ lùng là: tôi biết hầu hết mọi người không thấy cô như tôi thấy - ngược lại còn nghĩ cô trông kỳ kỳ, với dáng đi không thăng bằng và nước da tái ma quái dưới cái đầu tóc đỏ. Vì lý do điên rồ nào đó tôi vẫn luôn khen mình là người duy nhất trên đời thực sự hiểu được giá trị cô - để cô kinh ngạc, cảm động và thậm chí có thể còn nhìn nhận mình theo cách hoàn toàn khác, nếu biết tôi nghĩ cô đẹp đến mức nào. Nhưng điều này chưa bao giờ xảy ra. Giận dữ, tôi tập trung vào những khuyết điểm của cô, cố tình săm soi những tấm ảnh chụp cô thời những năm tháng còn vụng dại, từ những góc ít hấp dẫn - mũi dài, má hóp, đôi mắt (bất kể cái màu thấu tim ấy) trông trần trụi với cặp mi trắng nhợt - trông tầm thường như Huck-Finn. Tuy nhiên tất cả những khía cạnh ấy, trước mắt tôi, lại âu yếm và đặc trưng đến mức làm tôi tuyệt vọng. Nếu là một cô gái đẹp, tôi còn có thể tự an ủi mình rằng cô ngoài tầm với; bị ám ảnh và cảm động chính vì vẻ xoàng xĩnh của cô là ám chỉ - đầy bất hạnh - rằng bên trong là một tình yêu còn bền chặt hơn cả sự say mê thể chất, một vũng tối đen ngòm trong linh hồn có thể giam tôi vùng vẫy và héo hắt

hàng năm trời.

Vì tại góc sâu nhất, bền bỉ nhất trong tôi, lý trí chỉ thuần vô dụng. Cô là vương quốc đánh mất, là phần lành lặn vô ưu trong tôi đã ra đi cùng với mẹ. Mọi điều thuộc về cô đều là một cơn lốc xoáy hút hồn, từ những thiếp tình yêu cổ lỗ và áo choàng thêu Trung Hoa cô sưu tập, cho đến những bình nước thơm tí xíu của Neal's Yard Remedies; lúc nào cuộc sống xa xôi không biết đến của cô cũng toát ra vẻ sáng ngời thần diệu: Vaud Suisse, 23 rue de Tombouctou, Blenhiem Crescent Wll 2EE, những phòng thuê sẵn đồ ở những nước tôi còn chưa nhìn thấy. Rõ ràng cái gã Everett này ("nghèo như con mèo" - cũng chính hắn nói thế) đang sống bằng tiền của cô, đúng hơn là tiền của bác Welty, châu Âu già ăn bám châu Mỹ trẻ, như một câu tôi đã dùng trong bài luận về Henry James trong học kỳ cuối cùng ở trường.

Liệu có cách nào viết một tấm séc bắt hắn buông tha cô? Một mình trong cửa hiệu, trong những buổi chiều dài mát lịm, ý nghĩ ấy từng lướt qua đầu tôi: *50.000 nếu mày ra đi hôm nay, 100.000 nếu mày không đời nào gặp cô ấy nữa*. Tiền rõ ràng là mối lo của hắn; trong chuyến thăm hắn liên tục nhấp nhổm thò tay vào túi, chốc chốc lại ghé máy rút tiền, 20 đô-la mỗi lần, lạy Chúa.

Thật vô vọng. Rõ ràng không thể nào có chuyện cô quan trọng với Chàng Thủ Thư Âm Nhạc bằng được một nửa với tôi. Chúng tôi thuộc về nhau; điều ấy có logic và ma thuật của giấc mơ, vô phương phản đối; ý nghĩ về cô khiến mọi ngóc ngách tâm trí tôi đều bừng lên, tỏa ánh sáng tới những tầng cao thần diệu tôi còn không biết là tồn tại, những khung trời dường như không hề có thật nếu không gắn với cô. Hết lần này đến lần khác tôi bật Arvo Part mà cô thích, như một cách ở bên cô; và chỉ cần cô nhắc tên một cuốn sách đọc gần đây là tôi vớ lấy đọc ngấu nghiến, để được

dẫn vào trong suy nghĩ của cô, như một cách thần giao cách cảm. Nhiều đồ vật từng đi qua cửa hiệu - một cỗ dương cầm Pleyel, một viên ngọc chạm nổi Nga lạ lùng hơi trầy xước - có vẻ là những chứng vật sờ nắn được cho cuộc đời mà tôi và cô đáng lẽ ra phải sống cùng nhau. Tôi viết những email dài ba mươi trang cho cô rồi xóa mà không gửi, tuân thủ công thức toán học đã đề ra để khỏi biến mình thành thằng hề trước mắt cô: lúc nào cũng ngắn hơn ba dòng so với thư cô gửi, lúc nào cũng chậm lại một ngày so với khoảng thời gian tôi đợi cô trả lời. Đôi lúc, trên giường, lơ lửng trong những mộng mơ say thuốc, thở vắn than dài đầy nhục dục, tôi làm những cuộc hội thoại dài thẳng thắn với cô: *chúng mình không thể rời nhau*, tôi hình dung chúng tôi nói với nhau (rất sáo), kẻ này đặt tay lên má kẻ kia, *chúng mình sẽ không bao giờ xa nhau*. Như một kẻ hâm mộ rình rập từ xa, tôi giấu kỹ một mẩu tóc màu lá thu đã nhặt lại từ giỏ rác sau khi cô xén tóc trong phòng tắm, và rợn hơn, cả một cái áo chưa giặt, còn đượm mùi mồ hôi ăn chay hương cỏ khô váng vất của cô.

Thật vô vọng. Không chỉ vô vọng, còn là nhục nhã. Lúc nào cũng để hơi ngỏ cửa phòng những lần cô về thăm, một lời mời không mấy ẩn ý. Ngay cả bước chân kéo lê đáng yêu (như nàng tiên cá nhỏ, quá mong manh không đủ sức đi trên đất liền) cũng làm tôi hóa điên. Cô là sợi chỉ vàng xuyên suốt mọi điều, là lăng kính phóng đại cái đẹp khiến cả thế giới biến hình khi có cô ở cạnh, chỉ vì cô mà thôi. Hai lần tôi đã tìm cách hôn cô: một lần khi say mèm trong taxi, một lần ở sân bay, vì tuyệt vọng trước ý nghĩ sẽ phải hàng tháng trời (hay có khi hàng năm, ai biết) mới được gặp cô lần nữa - "tớ xin lỗi," tôi nói, chậm một khắc...

"Không sao đâu."

"Thật đấy, tớ..."

“Này…” nụ cười duyên lãng đãng “không sao mà. Nhưng sắp đến giờ lên máy bay rồi” (thực tế là chưa). “Tớ phải đi đây. Cậu bảo trọng nhé.”

Bảo với chả trọng. Cô thấy tên “Everett” này có gì hay ho? Tôi nghĩ hẳn cô phải thấy tôi chán ngắt lắm thì mới khoái cái tay lờ đờ nước hến này hơn tôi. *Khi nào chúng tôi có con…*, dù hắn ta chỉ hơi đùa cợt mà nói vậy, người tôi đã lạnh toát. Hắn ta chính là cái loại râu quặp mà tôi có thể hình dung khệ nệ với túi bỉm sữa và đủ thứ lót ổ đựng con nít… Tôi mắng mỏ mình đã không dấn tới hơn với cô, dù thực tế là tôi khó có thể theo đuổi cô hơn nữa trong khi không có một tí khuyến khích nào từ phía đối phương. Như thế này đã đủ hổ thẹn lắm rồi: Hobie tế nhị mỗi lần nhắc đến tên cô, giọng vô sự và thận trọng. Nhưng nỗi lòng tôi đối với cô như một cơn cúm nặng cứ bám riết hàng năm trời, bất chấp tôi tin rằng chỉ một khắc nữa là tan biến. Ngay cả mụ bò cái Vogel còn nhận ra. Không phải là Pippa dắt mũi tôi - hoàn toàn ngược lại; nếu có tí tình cảm nào với tôi cô đã quay lại New York chứ không ở lì châu Âu sau khi tốt nghiệp; nhưng không hiểu vì lý do ngây ngốc gì mà tôi vẫn không xóa được ký ức về ánh mắt cô nhìn tôi lần đầu tiên tôi đến thăm và ngồi xuống cạnh giường. Ký ức về buổi chiều thơ ấu ấy đã giữ gìn tôi trong nhiều năm; cứ như thể vì đơn côi đến chao đảo hoài nhớ mẹ, tôi đã in dấu vào cô như vịt con mất mẹ; trong khi, thật nực cười với tôi, chỉ là do cô đã tê mê vì thuốc và hâm dở vì cú va đầu, sẵn sàng ôm choàng lấy kẻ lạ mặt đầu tiên nhìn thấy.

“Thuấc” của tôi như Jerome gọi để trong hộp thiếc đựng thuốc lá cũ. Trên nóc hoa cương tủ áo, tôi nghiền nát một viên Oxycontin kiểu cổ điển dành dụm được, cắt ra rồi gạt thành từng đường bằng cái thẻ Christie và cuốn tờ bạc mới nhất trong ví, cúi

người xuống bàn, mắt mờ đi vì trông đợi: chính tâm vụ nổ, bùm, vị cay cay ở đáy họng và rồi nhẹ nhõm ập đến như luồng gió, ngả người rơi xuống giường khi cú va đập tuyệt vời quen thuộc nện thẳng vào tim tôi: khoái lạc tinh thần, nhức nhối và sáng lóa, rời xa khỏi âm thanh đau đớn của tiếng hộp thiếc xành xạch.

vii.

ĐÊM TÔI ĐẾN ĂN TỐI ở nhà Barbour trời có dông, mưa rát mặt, gió cuồn cuộn đến mức khó khăn lắm mới dựng được ô lên. Đại lộ 6 không một bóng taxi, những người bộ hành đầu cúi gằm, so vai tiến vào cơn mưa quất ngang; trong cái ẩm ướt như boong ke dưới ga điện ngầm, những giọt nước đều đều rỏ xuống từ trần xi măng.

Khi trở lại mặt đất, Đại lộ Lexington đã vắng ngắt, chỉ có nước mưa nhảy múa và xói lên vỉa hè, cơn mưa ầm ầm hình như phóng đại mọi thứ âm thanh trên đường phố. Taxi vọt qua, bắn lên những vòi nước ầm ĩ. Ra khỏi cửa ga quá vài nhà tôi ghé vào chợ mua hoa - hoa ly, ba bó, vì một thì trông hẻo quá; mùi hương trong cái cửa hàng tí xíu nóng nực khiến tôi khó ở, và ra đến quầy tính tiền mới hiểu vì sao: ấy chính là cái mùi ngòn ngọt buồn nôn, ghê tởm trong lễ tang mẹ. Khi lại luồn ra ngoài chạy trên vỉa hè ngập nước tới Đại lộ Công viên - tất lép bép nước, mưa nã vào mặt lạnh buốt - tôi thấy hối đã mua hoa và chút nữa đã ấn vào thùng rác, chỉ có điều mưa xối xả đến mức tôi chẳng có đầu óc nào dừng lại, dù chỉ là một giây, nên cứ thế chạy tiếp.

Khi tôi đứng trong sảnh chờ - tóc bết vào đầu, cái áo mưa gọi là chống nước ướt sũng như vừa bị ngâm trong bồn tắm - thì cửa bất đồ mở ra, để lộ một cậu trai tuổi sinh viên to ngang, mặt cởi mở, mà phải mất một hai giây tôi mới nhận ra là Toddy. Trước

khi tôi kịp xin lỗi đang rỏ đẩy nước ra sàn, cậu ta đã ôm chầm lấy tôi vỗ lên vai.

"Chúa ơi," cậu ta vừa nói vừa dẫn tôi vào phòng khách. "Để em cầm áo cho anh - cả cái này nữa, mẹ sẽ thích lắm đây. Được gặp anh thật mừng quá! Bao lâu rồi nhỉ?" Cậu ta vạm vỡ hơn, khỏe khoắn hơn Platt, mái tóc rất phi Barbour, màu sẫm hơn như giấy bìa, trên mặt nở nụ cười cũng rất phi Barbour - háo hức, tươi sáng, không chút mỉa mai.

"À..." Vẻ thân mật của cậu ta, dường như níu vào một tình thân xa xưa không tồn tại nào đó, khiến tôi lúng túng. "Lâu quá rồi. Giờ thì chắc cậu phải học đại học rồi nhỉ?"

"Vâng - Georgetown - em lên đây nghỉ cuối tuần. Em đang học khoa học chính trị, nhưng thực tình là em đang hy vọng đi vào quản lý phi lợi nhuận gì đó, liên quan đến người trẻ chẳng hạn?" Nụ cười thường trực của lãnh đạo sinh viên trên mặt cho thấy rõ cậu ta đã trưởng thành, thành con người thành đạt mà Platt từng hứa hẹn ngày xưa. "Và, em định nói là, hy vọng nghe không kỳ cục quá, nhưng phần nào em phải cảm ơn anh vì chuyện đó."

"Sao lại thế?"

"À, cái đó. Muốn làm việc với những thanh thiếu niên gặp hoàn cảnh bất hạnh ấy. Anh đã gây ấn tượng cho em nhiều lắm, thật đấy, cái hồi anh ở nhà chúng em bao nhiêu năm trước. Tình cảnh của anh đã thực sự mở mắt cho em. Vì, từ hồi em học lớp ba gì đấy, anh đã khiến em suy nghĩ - rằng đây là việc sau này em muốn làm khi lớn lên, anh hiểu không, giúp đỡ các bạn trẻ gì đó."

"Uầy," tôi nói, vẫn còn đang nghĩ về chữ *hoàn cảnh bất hạnh*. "Thế hả? Vậy thì hay quá."

"Và, em định nói là, phấn khích lắm, vì có bao nhiêu cách giúp

đỡ trở lại những bạn trẻ cần hỗ trợ. Ý em là, em không biết anh có biết nhiều về quận Columbia không, nhưng có vô số khu nhà thiếu thốn, em đang hoạt động trong một dự án bổ túc kiến thức đọc hiểu và toán cho trẻ em lâm vào hoàn cảnh khó khăn, và hè này em sẽ đi Haiti cùng Habitat for Humanity…"

"Anh ấy đấy hả?" Tiếng giày gõ điệu đàng trên sàn gỗ, đầu ngón tay chạm nhẹ vào tay áo tôi, và ngay sau đó tôi đã thấy Kitsey choàng tay ôm lấy mình còn tôi thì đang mỉm cười với mái tóc gần như trắng của cô.

"Ôi, anh ướt đẫm hết rồi," cô vẫn nói và đẩy tôi ra xa. "Nhìn anh kia. Anh đi đến đây bằng cách nào vậy? Bơi à?" Cô thừa hưởng cái mũi dài tinh tế của ông Barbour cùng ánh mắt trong sáng gần như ngố của ông - không khác gì hồi còn là con nhỏ 9 tuổi, tóc xù đơ mặc đồng phục trường, đỏ mặt loay hoay với cái ba-lô - chỉ có điều giờ đây khi cô nhìn tôi, tôi tái mặt khi thấy cô đã trở thành một mỹ nhân lạnh lùng phi cá tính như thế nào.

"Tôi…" Để giấu sự bối rối, tôi nhìn lại Toddy đang bận bịu nào áo mưa nào hoa. "Xin lỗi, thế này thật kỳ quá. Ý tôi là… nhất là cậu đấy" (nói với Toddy). "Cậu lên mấy hồi tôi gặp cậu lần cuối cùng? Bảy à? Hay tám?"

"Em hiểu," Kitsey đáp, "thằng chuột ấy, bây giờ đã trông *y như* người rồi, phải không? Platt…" Platt đã lù đù đi vào phòng khách, mặt cạo dối, mặc quần tuýt và áo len Donegal xù xì như một lão đánh cá u ám trong kịch của Synge - "mẹ muốn mình ăn ở đâu?"

"Ừm…" - anh ta có vẻ ngượng ngập và xoa bộ mặt lún phún râu -"trong phòng mẹ, thật thế. Cậu thấy không sao chứ, phải không?" anh ta hỏi tôi. "Etta đã đặt bàn trong đó rồi."

Kitsey nhăn mày. "Oài, kỳ vậy. Hừm, em nghĩ là cũng được

thôi. Anh nhốt lũ chó vào bếp đi chứ? Đi nào," tóm lấy tay tôi, lôi qua hành lang một cách hào hứng, rối rít, sấn sổ "phải cho anh uống gì đó thôi, anh cần đấy." Ánh nhìn như găm vào người ta của cô hao hao giống Andy, lại cả cách thở như hụt hơi nữa - tiếng khò khè như người hen của cậu ta đã được chỉnh sửa rất dễ chịu thành đôi môi hé mở và âm thanh thì thầm như một cô đào mới nổi. "Em cứ hy vọng mẹ sẽ chịu vào phòng ăn hay ít ra là bếp đấy, cái động của mẹ gớm quá thể - anh uống gì?" cô hỏi và quay vào quầy bar cạnh phòng kho, nơi cốc tách và xô đá đã để sẵn.

"Một ít Stolichnaya là được rồi. Cho đá nữa."

"Thật ư? Anh chắc là không sao chứ? Chúng em không ai uống thức đó cả - chỉ có bố là lúc nào cũng uống cái *này*" giơ bình Stoli lên "vì thích cái nhãn... như kiểu Chiến tranh Lạnh... anh gọi nó thế nào nhỉ..."

"Stolichnaya."

"Nghe chuẩn ra phết. Em thì không cố đâu. Anh biết không," cô nói và đưa cặp mắt màu xám pha lá mạ nhìn tôi, "em cứ sợ anh sẽ không đến."

"Trời cũng không quá tệ đâu mà."

"Vâng nhưng mà..." mắt chớp chớp "em cứ nghĩ anh ghét bọn em lắm."

"Ghét bọn em ấy à? Không hề."

"Không ư?" Khi cô cười lớn, thật thú vị khi thấy vẻ yếu ớt máu trắng ở Andy, ở cô, đã được tạo hình lại và xinh xắn hơn, như cái lấp lánh kẹo bông của một nàng công chúa Disney "Nhưng em láo thế cơ mà!"

"Anh không để ý."

“Tốt.” Sau khi im lặng hơi lâu, cô quay lại mấy cốc rượu. “Chúng em đối xử với anh thật không ra gì,” cô nói thản nhiên. “Todd với em ấy.”

“Thôi nào. Cả hai em còn nhỏ mà.”

“Vâng nhưng mà…” cắn môi dưới “chúng em cũng đủ khôn rồi. Nhất là sau những gì anh gặp phải. Và giờ thì… Ý em là vì bố và Andy…”

Tôi chờ, vì có vẻ như cô đang tìm cách lựa lời để diễn đạt, nhưng thay vào đó cô chỉ nhấp một ngụm vang (vang trắng; Pippa uống vang đỏ) rồi chạm vào mặt sau cổ tay tôi. “Mẹ đang chờ gặp anh đấy,” cô nói. “Cả ngày hôm nay mẹ cứ rối rít lên. Chúng mình vào nhé?”

“Tất nhiên.” Thật nhẹ, nhẹ như không, tôi đặt tay lên khuỷu tay cô, như đã từng chứng kiến ông Barbour làm với những vị khách “thuộc phái yếu”, và dẫn đường cô vào hành lang.

viii.

BUỔI TỐI ĐÓ GIỐNG NHƯ một sự hòa trộn trong mơ giữa quá khứ và hiện tại: một thế giới tuổi thơ, trọn vẹn một cách diệu kỳ trong vài khía cạnh, biến đổi đến đau khổ trong vài mặt khác, như thể Bóng Ma Giáng Sinh Quá Khứ và Bóng Ma Giáng Sinh Tương Lai[124] đã cùng nhau chủ tọa bữa ăn này. Nhưng bất chấp sự vắng mặt của Andy cứ gại vào lòng chúng tôi (*Andy với em …? có nhớ hôm Andy …?*) còn tất cả những thứ khác thật lạ lùng, teo nhỏ (ăn bánh nướng trên bàn gấp trong phòng bà Barbour ư?), điều kỳ quái nhất buổi tối hôm đó là cảm giác vô lý từ sâu thẳm trong tôi, rằng mình đã trở về nhà. Ngay cả Etta khi tôi quay vào bếp chào, cũng tháo tạp dề mà chạy ùa tới ôm tôi: *bác được nghỉ*

tối nay nhưng bác ở lại, vì muốn gặp cháu.

Toddy ("giờ là Todd thôi, xin phép anh") đã chiếm vị trí của ông bố làm Trưởng Bàn, điều khiển câu chuyện với một vẻ duyên dáng hơi có phần máy móc nhưng rành rành là thực thà, dù bà Barbour chẳng hề hứng thú nói chuyện với ai hết ngoài tôi – về Andy một chút, nhưng chủ yếu là về đồ đạc của gia đình bà, một vài món mua của Israel Sack hồi thập niên 1940 nhưng chủ yếu đã được truyền lại trong gia đình từ thời thuộc địa - giữa chừng bữa ăn còn ra khỏi bàn, nắm tay tôi dẫn đi cho xem một bộ ghế và tủ chần cao thân thấp gỗ dái ngựa - Queen Anne, Salem, Massachusetts - đã ở với gia đình từ tận thập niên 1760. (Salem ư? Tôi nghĩ. Liệu mấy ông bà cố Phipps ấy có tham gia vào vụ thiêu phù thủy hay không? Hoặc chính họ là phù thủy? Ngoài Andy - bí ẩn, cô độc, tự túc, không có khả năng giấu giếm và hoàn toàn không có cả ác ý lẫn sức quyến rũ - thì những người nhà Barbour khác, ngay cả Todd, tất cả đều có cái gì đó hơi siêu trần, một hỗn hợp cảnh giác và ranh mãnh vừa đoan chính vừa tinh quái khiến người ta dễ dàng hình dung các cụ tổ nhà họ đêm đêm tụ tập trong rừng, trút bỏ bộ vỏ thanh giáo mà múa nhảy quanh đống lửa ma thuật.) Kitsey và tôi không nói chuyện mấy - không có cơ hội, vì bà Barbour; nhưng hầu như mỗi lần nhìn về phía cô tôi đều nhân ra ánh mắt cô đặt trên người mình. Platt - giọng nhừa nhựa sau năm (hay sáu?) cốc gin pha chanh, kéo tôi nói nhỏ bên quầy bar sau bữa ăn: "Đang dùng thuốc chống trầm cảm đấy."

"Thế ư?" Tôi giật mình hỏi.

"Kitsey ấy. Mẹ thì không đụng đến thứ đó."

"À..." Anh ta hạ giọng xuống khiến tôi cảm thấy bất ổn, cứ như anh ta đang hỏi ý tôi hoặc muốn tham khảo gì đó. "Hy vọng em

ấy thấy có tác dụng tốt hơn tôi."

Platt mở miệng, rồi có vẻ suy nghĩ lại. "Ồ... " hơi ngả người ra sau "tôi nghĩ là nó đang tỉnh dần. Nhưng với nó thì khá tệ. Kits rất thân với cả hai - tôi dám nói là thân với Andy hơn tất cả chúng tôi "

"Thế à?" Tôi thì sẽ không miêu tả quan hệ giữa hai người đó là "thân", tuy so với hai người anh em trai Kitsey cũng luẩn quẩn bên cạnh nhiều hơn hẳn, dù chỉ kèo nhèo hay chọc phá.

Platt thở dài - một luồng hơi sặc mùi gin khiến tôi suýt té xỉu. "Ừ. Nó đang xin nghỉ học ở Wellesley - không hiểu rồi nó có trở lại không, có thể sẽ học lớp nào đó ở New School, hoặc đi làm - tiếp tục ở lại Massachusetts thì quá khó sau việc đó, ờm, cậu biết đấy. Hai đứa suốt ngày gặp nhau ở Cambridge - nó rất suy sụp vì mình không phải là người lên trông nom bố, tất nhiên. Nó giỏi dỗ dành bố hơn tất cả mọi người, nhưng hôm đó có tiệc, nó đã gọi năn nỉ Andy lên đó thay mình... ờm."

"Nhọ thật." Tôi đứng bên quầy, chết lặng, thanh gắp đá trong tay, não cả lòng khi nghĩ một kẻ khác cũng đang bị tiêm những *sao mình lại* và *giá mà mình* đã đầu độc cả cuộc đời tôi.

"Ờ," Platt đáp, lại rót cho mình thêm một vại gin đại tướng nữa. "Nhục lắm."

"Ừm, tốt hơn là cô ấy đừng tự trách mình. Không nên thế. Làm thế thì điên quá. Ý tôi là," tôi nói, bứt rứt vì ánh mắt kèm nhèm, vô hồn của Platt đang nhìn mình qua cốc rượu, "nếu cô ấy ở trên tàu thì giờ *cô ấy* đã chết rồi, không phải cậu ấy."

"Không có đâu," Platt đáp thẳng. "Kits là một thủy thủ siêu đẳng. Phản xạ tốt, thần kinh vững vàng từ hồi bé tí. Andy - Andy thì còn nghĩ về cộng hưởng quỹ đạo hay bài toán khỉ gió gì đấy

đang làm trên máy ở nhà và nó hay cuống quýt khi gặp chuyện. Quá điển hình. Dù sao thì," anh ta điềm nhiên tiếp - xem ra không nhận thấy tôi đang sửng sốt trước nhận xét này - "giờ con bé đang rã ra, chắc là cậu cũng hiểu. Cậu nên mời nó đi ăn tối hay gì đó, như thế mẹ sẽ mừng quýnh cho mà xem."

ix.

ĐẾN KHI TÔI RA VỀ lúc mười một giờ hơn, mưa đã tạnh còn mặt đường loáng nước, và Kenneth, người gác đêm (vẫn cặp mắt sùm sụp và mùi rượu mạch nha, bụng có phình hơn nhưng tổng thể là không thay đổi) đã đứng ở cửa. "Đừng ghẻ lạnh nhau nhé?" Ông nói, cũng vẫn câu nói hồi tôi còn bé tí và mẹ đến đón mỗi lần tôi ngủ lại nhà Andy - vẫn cái giọng ngàn ngạt, chậm mất nửa khắc. Ngay cả nếu có rơi vào giữa một Manhattan ngập đầy khói sau ngày tận thế, vẫn có thể hình dung ông đang thân thiện đung đưa bên cửa, mặc bộ quần áo đồng phục đã rách nát, khi nhà Barbour trên căn hộ đốt những số *National Geographies* cũ sưởi ấm và sống bằng rượu gin cùng thịt cua đóng hộp.

Dù đã xâm lấn vào mọi ngóc ngách buổi chiều ấy như một chất độc đang âm ỉ, cái chết của Andy vẫn có vẻ vượt quá khổ đối với nhận thức con người - tuy cũng có điều kỳ lạ là từ đây nhìn lại, đấy cũng có vẻ là một chuyện dĩ nhiên, tất yếu đến kỳ quái, không khác gì cậu ta đã mang lấy một căn bệnh quái ác từ lúc chào đời. Kể từ khi sáu tuổi - mộng mơ, lập cập, hen suyễn, vô vọng - bóng đen vô phúc và yểu mệnh đã lù lù treo trên thân thể nhỏ nhắn yếu ớt của cậu ta, đánh dấu cậu như một tấm bảng *đá tôi đi* to cồ cộ dán vào sau gáy.

Thế nhưng cũng thật đáng kể là thế giới của cậu vẫn nhúc nhắc chạy tiếp khi không có cậu. Lạ lùng sao, tôi nghĩ, khi nhảy

qua một vũng nước trên lề, một vài giờ là đủ thay đổi mọi điều - hoặc đúng hơn, lạ lùng sao là hiện tại lại chứa một mảnh vỡ sáng ngời của quá khứ đang sống, bị hư hại và xói mòn nhưng không thể nào tiêu hủy. Andy từng tử tế với tôi trong lúc không một ai khác làm điều đó. Tốt với mẹ và em gái cậu ta là điều nhỏ nhất tôi có thể làm để trả ơn. Lúc đó tôi không nhận ra, dù bây giờ thì có, rằng đã nhiều năm kể từ hồi tôi dựng mình dậy khỏi cơn sầu não thương thân tủi phận; giữa cảnh sống vô pháp luật và mê mụ, ù lì và ngưng trệ và âu sầu khổ sở, có vô số việc tốt thường ngày, nhỏ bé, giản đơn mà tôi đã bỏ qua; và ngay cả chữ *lòng tốt* đối với tôi cũng như một sự tỉnh thức từ cõi mê vào một không gian bệnh viện đầy tiếng nói, và người, từ một chuỗi những máy móc số hóa.

x.

THÓI QUEN CÁCH MỘT NGÀY nghỉ một ngày thì vẫn cứ là thói quen, như Jerome vẫn thường nhắc nhở tôi, đặc biệt là nếu tôi không quá khắt khe tuân theo phần "nghỉ". New York đầy chật các cảnh kinh hoàng thường ngày giữa đám đông hay ga tàu điện; tôi chưa bao giờ quên rằng vụ nổ đã đến đột ngột, nên lúc nào cũng cảnh giác chờ điều gì đó xảy ra, lúc nào cũng chực chờ nó đến ngay rìa tầm mắt, một thế sắp xếp nào đó của người ở chốn công cộng có thể làm nó nảy sinh, một cảm giác cấp bách như thời chiến, ai đó chen hàng trước mặt hay bước tới quá nhanh từ góc nào đó là đủ khiến tôi lên cơn tăng nhịp tim và hoảng loạn dồn dập, phải nhào tới tìm ghế đá gần nhất; và những viên giảm đau của bố, ban đầu chỉ nhằm giải thoát cho bệnh lo lắng gần như không chịu nổi, đã đem lại lối thoát sung sướng tới nỗi chẳng mấy sau tôi đã coi đó là phần thưởng: ban đầu thì chỉ

http://tieulun.hopto.org

dịp cuối tuần, sau đó thì chỉ sau giờ học, rồi thành cảm giác phiêu linh tột đỉnh ấm áp đón chào mỗi khi tôi buồn hay chán ngán (một việc tiếc thay, xảy ra khá thường xuyên); đến lúc đó tôi mới có phát kiến động trời rằng mấy viên thuốc bé tí xíu trông thật yếu ớt mà tôi đã bỏ qua, lại mạnh gấp mười lần những thứ Vicodin và Percocet mà tôi vẫn tọng cả nắm vào mồm - Oxycontin 80 mg, mạnh đến mức có thể lấy mạng kẻ nào chưa quen thuốc, mà tới lúc đó thì kẻ ấy tuyệt đối không phải tôi; và cuối cùng khi kho tàng ma túy bằng đường uống tưởng như vô tận kia cũng hết, ngay trước sinh nhật lần thứ mười tám, thì tôi buộc phải tìm mua trên đường phố. Ngay cả dân bán thuốc cũng phải khiếp đảm thấy tôi vung ra mỗi tuần cả nghìn đô-la; Jack (người tiền nhiệm của Jerome) từng mắng mỏ tôi tới tấp ngay giữa lúc thượng trên cái túi ngồi bẩn thỉu mà anh ta coi như ngai chỉ huy làm ăn, đếm những tờ trăm đô mới cứng từ ghi-sê ngân hàng. “Giống như đốt tiền luôn đó bồ.” Heroin thì rẻ hơn - mỗi tép 15 đô. Kể cả không chích - Jack đã kỳ công tính toán cho tôi trên mặt sau tờ giấy gói McDonald cỡ bự - thì chi phí cũng phải chăng hơn nhiều, chỉ độ 450 đô mỗi tháng.

Nhưng tôi chỉ chơi heroin khi có người mời - một chầu hít lúc này lúc khác. Dù thích mấy và thèm thuồng mấy, tôi cũng không bao giờ bỏ tiền ra mua. Mua rồi sẽ không bao giờ có lý do ngừng lại. Với mấy món thuốc kê đơn kia, trái lại, giá tiền cao thật là một điều hữu ích, chẳng những góp phần kiểm soát lượng sử dụng mà còn là lý do tuyệt hảo để hằng ngày tôi lê thân xuống gác bán hàng. Bảo rằng người dùng thuốc không thể sống bình thường chỉ là xuyên tạc: tiêm là một chuyện, nhưng với một kẻ như tôi - nhảy nhổm khi có bồ câu cất cánh bay trên vỉa hè, mang trong người chứng hậu sang chấn nặng đến mức co giật lẩy bẩy - thì xơi thuốc là cách duy nhất để không những sống được, mà còn hoạt

động tốt. Rượu làm người ta chảy nhão, mất tập trung: chỉ cần nhìn Platt Barbour ngồi ở J. G. Melon lúc ba giờ chiều ủ rũ than thở là biết. Còn bố tôi, cả khi tỉnh lại rồi ông vẫn còn cái vẻ vụng về như một tay đấm bốc say mẹp, điện thoại hay đồng hồ hẹn giờ liên tiếp trượt khỏi tay, người ta gọi đấy là "não ướt", một chứng thương tổn thần kinh do uống rượu quá độ, não bị tổn hại không bao giờ lành lại. Đầu óc ông lúc nào cũng trượt theo những lập luận điên rồ, và không bao giờ bám trụ được lấy một công việc ổn định. Còn tôi - ừ, có thể tôi chẳng có bạn gái, mà cũng không có lấy một người bạn ngoài giới xì ke đấy, nhưng tôi làm việc mười hai tiếng một ngày, không có gì làm tôi mệt mỏi được, tôi mặc đồ Thom Browne và giao tiếp lịch thiệp với đủ loại người mình không ưa, đi bơi hai lần một tuần, thỉnh thoảng đánh tennis, tránh xa đường và thức ăn công nghiệp. Tôi thoải mái và thân thiện, tôi gầy như que củi, tôi không sụt sùi khóc lóc cho mình cũng không tư duy tiêu cực gì hết, tôi là một người bán hàng cự phách - ai cũng nói vậy - và công việc ở hiệu chạy phăng phăng đến mức tiền tiêu vào ma túy chẳng khiến tôi hề hấn gì.

Không phải là tôi không có lúc lỡ làng - những cú trượt dài không báo trước, khi mọi thứ chợt lóe lên mất kiểm soát trong vài giây ghê rợn như trượt trên mặt cầu đóng băng, và tôi nhận ra tình hình có thể tệ đến thế nào, chỉ trong thoáng chốc. Vấn đề không phải là tiền - vấn đề là liều dùng ngày càng tăng vọt, là quên mất đã bán món nào, hay quên không gửi hóa đơn, hay Hobie nhìn tôi kỳ quái khi tôi chơi quá đà rồi xuống xưởng với một vẻ mặt ngơ ngẩn mất hồn. Tiệc tối với khách hàng... xin lỗi, có phải ông bà vừa nói với tôi không, ông vừa bảo gì nhỉ? Không, chỉ hơi mệt mà thôi, mắc cảm gì đấy, chắc là tôi sẽ về giường ngủ sớm một chút, quý vị ạ. Tôi đã thừa hưởng cặp mắt sáng màu của mẹ, trừ phi đeo kính râm trong các buổi khai trương phòng tranh

thì không cách nào giấu được đồng tử co lại - dù trong giới vẫn bao quanh Hobie chẳng ai nhận thấy, ngoại trừ (đôi lúc) vài người trong số đám đồng tính trẻ trung hơn, thức thời hơn - "thật là một cậu bé hư," tay trai bao lực lưỡng của một khách hàng từng thì thầm vào tai tôi trong một buổi tiếp tân, khiến tôi kinh hồn hoảng vía. Và có một nhà đấu giá tôi rất hãi mỗi khi phải đi lên phòng kế toán, vì một trong mấy lão ở đó - già rồi, người Anh, chính bản thân cũng nghiện - lúc nào cũng gạ gẫm tôi. Tất nhiên có cả đàn bà: một trong hai cô gái đang ngủ với tôi - cô thực tập ở hãng thời trang - là tôi gặp ở sân chơi dành cho chó nhỏ ở Quảng trường Washington với Popchik, và sau ba mươi giây trên ghế đá chúng tôi đã nhanh chóng nhận ra mình cùng hội cùng thuyền. Mỗi lần tình hình trở nên mất kiểm soát tôi lại giảm đô, mấy lần còn bỏ hẳn được - lần lâu nhất là suốt sáu tuần. Không phải ai cũng làm được như vậy, tôi tự nhủ. Đấy đơn giản là vấn đề kỷ luật. Nhưng tới lúc này, khi cuộc đời tôi đi vào năm thứ hai mươi sáu, tôi chưa có nổi ba ngày kiêng khem liên tiếp trong hơn ba năm nay.

Tôi đã soạn xong một chương trình bỏ thuốc vĩnh viễn, nếu có bao giờ muốn bắt đầu: giảm liều cấp tốc, thời gian biểu bảy ngày, thật nhiều thuốc tiêu chảy loperamide, viên bổ sung magiê và axit amin tự do để bù lại lượng chất dẫn truyền thần kinh đã thiêu rụi; protein dạng bột, chất điện giải dạng bột, melatonin (và cần sa) để ngủ được cũng như đủ thứ thảo dược ngâm rượu và chiết xuất mà cô thực tập của tôi coi như thần thánh, cam thảo và kế sữa, tầm ma và hoa bia và dầu hạt thì là đen, rễ cây nữ lang và tinh chất bán chi liên. Có một túi đồ từ cửa hàng thực phẩm chức năng đựng đủ tất cả những thứ tôi cần, đã nằm trên sàn đằng sau lưng tủ một năm rưỡi. Hầu như tất cả còn nguyên vẹn, ngoại trừ chỗ cần sa thì đã hết từ lâu. Vấn đề là (như tôi đã học được, nhiều

lần liên tục) ở mốc ba mươi sáu tiếng, khi toàn cơ thể đang nổi loạn, và phần còn lại của cuộc đời đói thuốc đang trải ra lạnh lẽo trước mặt như một hành lang nhà tù thăm thẳm, thì phải có lý do gì ghê gớm lắm mới khiến được người ta tiếp tục dấn thân vào bóng tối, chứ không phải ngã người vào tấm nệm lông chim êm ái vừa ngu ngốc bỏ lại đằng sau lưng.

Đêm hôm đó trở về từ nhà Barbour, tôi uống một viên morphine tác dụng chậm, thói quen mỗi lần về nhà trong tâm trạng ăn năn và cảm thấy mình cần chấn chỉnh lại: một liều nhẹ, chưa đến một nửa mức cần thiết để gây kích thích, chỉ đủ đắp lên trên chỗ rượu nhằm xoa dịu lại cơn phấn khích khiến tôi khó ngủ mà thôi. Sáng hôm sau, xuống tinh thần (vì thường thì đến giai đoạn này của kế hoạch tẩy rửa cứ tỉnh dậy nôn ọe là tôi lại lập tức cạn sạch quyết tâm), tôi nghiền nát 30, rồi 60 miligam Roxicodone trên mặt bàn đầu giường bằng hoa cương, hít bằng ống hút cắt ngắn, rồi không muốn xả chỗ thuốc còn lại xuống bồn cầu (hơn 2.000 đô-la đấy), tôi đứng dậy, mặc đồ, dùng bình xịt nước muối thông mũi, và sau khi thủ thêm vài viên morphine tác dụng chậm nữa để đề phòng cơn "vật" như Jerome gọi trở nên quá sức chịu đựng, bỏ túi hộp Readbreast Flake rồi - mới sáu giờ sáng, Hobie còn chưa dậy - bắt taxi đến kho trữ đồ.

Kho trữ đồ mở cửa 24/24, giống hệt một khu lăng tẩm Maya ngoại trừ gã nhân viên mắt lờ đờ đang xem tivi ở bàn tiếp tân. Tôi căng thẳng đi tới chỗ thang máy. Tôi đã đến nơi này chỉ có ba lần trong vòng bảy năm: lần nào cũng sợ điếng hồn, và không lần nào dám lên lầu tới ngăn tủ khóa chặt mà chỉ ghé vội vào sảnh trả tiền thuê, tiền mặt: trả trước hai năm mỗi lần, mức cao nhất cho phép theo luật của bang.

Thang máy chở hàng chạy bằng thẻ chìa khóa, may thay tôi đã

nhớ mang theo. Không may, thẻ không nhận ngay, và trong vài phút, hy vọng tay bảo vệ gà gật không nhận ra, tôi đứng trong thang máy mở toang tìm cách luyện động tác quẹt thẻ đến khi rốt cuộc cánh cửa sắt cũng khò khè đóng lại. Nhấp nhổm và cảm giác như bị theo dõi, cố gắng ngoảnh mặt tránh cái bóng mờ ảo của chính mình trên màn hình, tôi đi lên tầng tám, 8D 8E 8F 8G, những bức tường xi măng và hàng dãy cửa không tên như một thứ Vĩnh hằng tiền chế, không có màu nào khác ngoài be và không một hạt bụi nào đậu lại cho đến vô tận.

8R, hai chìa khóa và một ổ khóa số, 7522, bốn số cuối số điện thoại nhà Boris ở Vegas. Âm thanh kim loại ken két khi cửa mở. Bên trong là cái túi mang logo Đồ Thể Thao Paragon - nhãn của cái lều che đang đung đưa, King Kanopy, $43,99, vẫn mới cáu như cái ngày tôi mang nó đến đây tám năm trước. Và dù màu vải vỏ gối ló ra ngoài túi khiến tôi giật nảy, như có điện chập đâu đó bên thái dương, thì đập mạnh nhất vào cảm giác là cái mùi - cái mùi nhựa, mùi bể bơi của lớp băng dính giấy đã trở nên quá ngưỡng chịu được sau thời gian đóng kín trong không gian hẹp như vậy, khuấy động thứ cảm xúc mà tôi không hề nhớ tới hay nghĩ tới đã nhiều năm nay, cái mùi hôi của nhựa PVC rõ mồn một khiến tôi lập tức bị ném vào thời thơ ấu và căn phòng ngủ ở Vegas: hóa chất cọ bể, thảm mới, thiếp ngủ và thức dậy mỗi sáng bên bức tranh dán đằng sau tấm đầu giường với cái mùi băng dính ấy trong mũi. Tôi không mở hẳn nó ra suốt nhiều năm rồi, nội mở hết băng dính cũng phải mất mươi mười lăm phút dùng dao X-Acto; nhưng khi đứng đó ngây ngẩn (chập chờn, rối trí, gần như cái lần tôi tỉnh dậy giữa cơn mộng du ngay ngưỡng cửa phòng ngủ Pippa, không biết mình vừa nghĩ gì hay phải làm gì), tôi rơi vào cơn cuồng đến gần như mê sảng: bởi thấy nó chỉ cách mình có một gang tay lần nữa, sau từng ấy thời gian, đã đột ngột

đẩy tôi đến một mép vực nguy hiểm, khao khát mà thậm chí tôi còn không biết là tồn tại. Trong bóng tối, cái bọc quấn kỹ như xác ướp - những phần những góc lộ ra ngoài - trông có vẻ xù xì, bén ngọt, gần gũi đến kỳ lạ, ít giống một vật vô tri mà giống một sinh vật tội nghiệp bị trói chân tay, bất lực trong bóng tối, không kêu cầu được, chỉ có thể mơ người đến cứu mình. Tôi chưa ở gần bức tranh đến mức này từ hồi mười lăm tuổi, và trong một giây, khó khăn lắm tôi mới khỏi giật lấy nó, cặp vào tay đi ngay khỏi đây. Nhưng tôi đã nghe thấy tiếng máy quay an ninh kêu rì rì sau lưng; và làm một động tác giật thột, tôi thả hộp thiếc Redbreast Flake vào cái túi Bloomingdale rồi đóng chặt cửa vặn chìa khóa. “Hãy giật nước trôi đi nếu có bao giờ thật sự muốn bỏ,” Mya, bạn gái siêu bốc lửa của Jerome từng nói với tôi, “nếu không cậu sẽ cắp đít chạy tới cái kho trữ đồ đó lúc hai giờ sáng,” nhưng khi tôi đi ra khỏi cửa, đầu nhẹ bỗng, máu sôi lên, mấy viên thuốc hoàn toàn chẳng có chỗ trong trí óc tôi. Chỉ cần nhìn thấy bức tranh quấn kỹ, cô độc âu sầu, là tâm trí tôi đảo lộn, như một tín hiệu vệ tinh từ quá khứ vừa ập đến khiến mọi đường truyền khác đều tắc nghẽn.

xi.

DÙ NHỮNG NGÀY NGHỈ (tương đối) giúp liều lượng không bị tăng vọt quá đáng, thì cơn vật cũng trở nên khốn đốn sớm hơn tôi dự liệu, và kể cả dùng số thuốc đã giữ lại để giảm liều thì mấy hôm sau tôi vẫn khá khổ sở: mệt rũ không muốn ăn, hắt hơi liên hồi. “Cảm ấy mà,” tôi bảo Hobie. “Cháu không sao.”

“Không, nếu còn đau bụng nữa thì chắc chắn là cháu cúm rồi,” Hobie nói vẻ trầm trọng, ông vừa đến hiệu Bigelow về với một mớ thuốc Benadryl và Imodium nữa, chưa kể bánh xốp và bia gừng

http://tieulun.hopto.org

từ chợ Jefferson. “Không có lý do nào trên đời... chúc sức khỏe! Nếu là cháu thì bác đã đến thẳng bác sĩ không lằng nhằng gì hết.”

“Ôi, mấy con vi trùng vặt ấy mà.” Hobie có một cơ thể thép; khi nào bị mắc chứng gì, ông chỉ uống một chai Fernet-Branca là lại chạy như thường.

“Cũng có thể, nhưng mấy ngày rồi cháu chưa có gì vào dạ dày. Không việc gì phải hì hục đẽo gọt dưới này đày đọa mình thế cả.”

Nhưng làm việc giúp tôi khỏi nghĩ đến cơ thể đang vật vã. Những cơn ớn lạnh đến từng đợt cả mười phút co giật, rồi sau đó là vã mồ hôi. Chảy nước mũi, chảy nước mắt, chân tay nhảy bắn như điện. Thời tiết thay đổi, cửa hiệu đầy người, thì thầm, lang thang; cây cối trổ hoa trên đường phố bên ngoài, những bông tuyết mê sảng trắng xóa. Tay tôi chạy máy tính tiền vẫn vững, nói chung, nhưng trong bụng tôi nhộn nhạo. “Lần nhào lộn đầu tiên thì chưa có vấn đề gì,” Mya đã bảo vậy. “Phải đến lần ba bốn cậu mới bắt đầu thèm chết.” Bụng tôi lục bục quẫy cuồng như một con cá mắc câu; nhức xương, mỏi cơ, tôi không nằm im cũng không làm thế nào thoải mái trong giường được, và đêm đêm sau khi đóng cửa, tôi ngồi trong bồn tắm, mặt đỏ lựng, hắt hơi liên tục, vặn nước nóng đến gần như không chịu nổi, áp vào thái dương một cốc bia gừng bỏ đá sắp tan hết, trong khi Popchik - xương giờ cứng và kẽo kẹt nên không đứng bám chân trước trên thành bồn như xưa được nữa - thì nằm trên tấm thảm phòng tắm, nhìn tôi âu lo.

Tất cả đều không khủng khiếp như tôi sợ. Nhưng cảnh hành hạ mà tôi không tưởng tượng được đến một phần tư thực tế, lại thuộc về thứ mà Mya gọi là “trò trong sọ”, cái đó mới thực không chịu đựng nổi, một tấm màn đen sũng sĩnh kinh hoàng. Mya, Jerome, cô thực tập thời trang - hầu hết đám bạn nghiện của tôi

đều ở trong cuộc lâu hơn tôi nhiều; và mỗi lần phê thuốc cả đám ngồi tán chuyện bỏ thuốc (rõ ràng đây là lúc duy nhất họ đủ sức nói đề tài ấy), tất cả đã không ngừng cảnh cáo tôi rằng mấy vụ thể chất chưa phải là món khó nhằn đâu, rằng dù với một lịch sử chơi thuốc gà mờ như tôi thì nỗi trầm uất mới là thứ "cậu chẳng bao giờ mơ tới nổi", và tôi đã mỉm cười lễ độ khi cúi mình ghé sát gương và nghĩ: *cá không*?

Nhưng *trầm uất* còn không phải là từ thích hợp. Đây là một cú lộn nhào gồm cả sầu não và kinh tởm vượt xa những vấn đề cá nhân: một cảm giác buồn nôn choáng ngợp, lộn mửa nhằm vào toàn bộ nhân quần, toàn bộ những thành tựu của loài người từ bình minh của nền văn minh trở lại. Cảm giác căm uất muốn vùng vẫy thoát ra ngoài trật tự của đời sống sinh học. Sinh lão bệnh tử. Không cửa thoát cho bất kỳ ai. Người đẹp như tiên cũng chỉ là giống hoa quả mềm nhẽo sắp rữa nát. Và tôi không tài nào hiểu được sao người ta vẫn tiếp tục phang nhau và đẻ đái và nặn ra những phẩm vật mới dâng lên cửa miệng lỗ huyệt, tống ra đời càng lúc càng nhiều cá thể đày vào cõi Ta-bà, như thể đấy là một hành động cứu chuộc, hay thiện lương, hay thậm chí còn đạo cao đức trọng nữa không bằng: ích gì đẩy thêm nhiều sinh linh vô tội vào cuộc chơi không có cửa thắng? Trẻ sơ sinh uốn éo, mẹ trẻ con sờ nắn, hài lòng, ngất ngây vì hoóc môn. *Ế, bé xinh chưa này*? *Ầu, ầu*. Trẻ lớn hò hét, chạy thục mạng trong sân chơi mà chẳng hề hay biết những thứ địa ngục gì bày sẵn trong tương lai: việc làm chán chẳng buồn chết, nợ vay oằn lưng, hôn nhân tan vỡ, rụng tóc, mổ xương hông, những ly cà phê cô đơn trong nhà trống hoác, túi phân đeo bên sườn ở bệnh viện. Phần lớn con người ta dường như thỏa mãn với lớp trang trí phủ hờ trên mặt cùng ánh đèn sân khấu tài tình, đôi khi cũng khiến cảnh tao loạn ở chót cùng cảnh ngộ con người trông có vẻ bí hiểm hơn, hay là bớt gớm

guốc hơn. Con người ta đánh bạc, chơi gôn, trồng vườn, chạy theo cổ phiếu, giao cấu, mua xe hơi, tập yoga, làm việc, cầu nguyện, trang hoàng nhà cửa và tức tối khi nghe thời sự và xoắn xuýt quanh con cái và góp chuyện nói xấu láng giềng và săm soi các chấm điểm nhà hàng và lập tổ chức từ thiện và bỏ phiếu cho ứng cử viên này nọ và tham dự giải Mỹ mở rộng và ăn khuya và du lịch và đánh lạc hướng chính mình bằng đủ thứ đồ chơi công nghệ, nạp vào đầu mình liên tục những thông tin hay văn bản hay truyền thông hay giải trí từ khắp mọi hướng để tìm cách khiến mình quên đi sự thực này: chúng ta ở đâu, chúng ta là ai. Nhưng dưới ánh sáng chói lòa không còn cách nào điểm tô cho mỹ miều được. Tất cả đều thối rữa, từ đầu xuống chân. Cứ mài đũng quần ở sở làm đi, cứ tì tì đẻ ra hai đứa rưỡi[125] đi, cứ mỉm cười lịch thiệp ở tiệc về hưu đi, rồi tha hồ nhá ga giường và chết nghẹn vì món đào đóng hộp ở nhà dưỡng lão. Chưa bao giờ được sinh ra là tốt nhất - chưa bao giờ muốn một thứ gì, chưa bao giờ hy vọng một điều gì. Và tất cả những vật vã tâm thần này còn trộn lẫn vào những hình ảnh trở đi trở lại hay nửa mơ nửa tỉnh, như Popchik da bọc xương nằm nghiêng bơ phờ, lồng ngực phập phồng - tôi đã để nó ở đâu đó, bỏ nó một mình và quên cho nó ăn, nó đang hấp hối - hết lần này đến lần khác, cả khi nó đang ở trong phòng với tôi, những tiếng nổ trong đầu khi tôi giật mình tội lỗi, Popchik đâu; và lại còn trộn lẫn thêm vào những chớp lóe váng đầu về bọc vỏ gối đang nhốt chặt trong cái quan tài thép. Lý do gì đã khiến tôi cất bức tranh đi từng ấy năm trước - hay là có được nó từ đầu - thậm chí là mang ra khỏi bảo tàng - giờ tôi không còn nhớ nữa. Thời gian đã xóa nhòa tất cả. Nó thuộc về một thế giới không tồn tại - hoặc đúng hơn, giống như tôi sống giữa hai thế giới, và ngăn tủ ấy nằm trong thế giới ảo chứ không phải thế giới bên ngoài. Thật dễ quên mất ngăn tủ trữ đồ, dễ vờ như nó không

hề có thật; tôi đã mơ hồ nghĩ sẽ mở ngăn thấy bức tranh đã biến mất, dù biết rằng không thể, nó vẫn sẽ nằm im trong bóng tối chờ đợi tôi mãi mãi, miễn là tôi vẫn để nó lại đấy, như thi thể một kẻ đã bị tôi sát hại và nhét dưới tầng hầm.

Tới buổi sáng thứ tám, tôi tỉnh dậy người đẫm mồ hôi sau bốn tiếng đồng hồ ngủ trằn trọc, cảm thấy người rỗng rễnh và tuyệt vọng hơn bất kỳ lúc nào khác trong đời, nhưng vẫn còn đủ năng lượng dắt Popchik một vòng quanh khu nhà và đi lên bếp ăn bữa sáng cho kẻ dưỡng bệnh: trứng chần và bánh muffin kiểu Anh, Hobie ép tôi ăn.

“Mà cũng đến lúc rồi.” Ông đã ăn xong phần mình và đang nhẩn nha dọn bát đĩa. “Trắng như phấn ấy - bác thì cũng thế thôi nếu phải sống cả tuần không có gì ngoài bánh quy mặn. Một chút ánh nắng sẽ tốt cho cháu, một chút khí trời. Cháu với cậu cún nên dắt nhau đi ra ngoài lâu lâu.”

“Vâng.” Nhưng tôi chẳng hề muốn đi đâu ngoài đi thẳng xuống xưởng, một nơi yên tĩnh và tối tăm.

“Bác không muốn làm phiền cháu, vì mấy hôm rồi cháu mệt quá…“ máy bào soi giọng điệu công việc của ông cùng cái nghiêng đầu thân thiện khiến tôi đưa mắt đi bối rối và nhìn xuống đĩa “nhưng trong giai đoạn cháu vắng mặt thì có vài cuộc điện thoại đến nhà hỏi cháu.”

“Thế à?” Tôi đã tắt di động bỏ vào ngăn kéo; tôi còn không dám nhìn, vì sợ thấy tin nhắn của Jerome.

“Cô bé dễ thương kinh khủng…” ông xem tập giấy viết, ngó qua bên trên mắt kính “Daisy Horsley à?” (Daisy Horsley là tên thật của Carole Lombard.) “Bảo là cô ấy bận việc” (mật mã nghĩa là *Chồng chưa cưới ở đây, tránh xa*) “và nếu muốn liên lạc thì nhắn

tin.”

“Vâng, tốt quá, cảm ơn bác.” Đám cưới rình rang ở Nhà thờ Quốc gia của Daisy, nếu có thực xảy ra, thì sẽ vào tháng Sáu, sau đó cô nàng sẽ chuyển đến Washington với OX, như cô ta gọi.

“Bà Hildesley cũng gọi về chuyện cái tủ thân cao gỗ anh đào, không phải- cái nóc sóng lượn đâu, cái kia cơ. Đặt giá tốt - tám nghìn -bác đồng ý rồi, hy vọng cháu không chê, cái tủ đó chẳng đáng ba nghìn theo ý bác. Lại còn, có tay này gọi hai lần - Lucius Reeve gì đó?”

Tôi suýt sặc cà phê - tách cà phê đầu tiên nuốt trôi sau mấy ngày hôm nay - nhưng Hobie dường như không để ý.

“Để lại số. Nói cháu biết là có chuyện gì. A....” ông ngồi xuống đột ngột, đập lòng bàn tay xuống bàn “và con nhà Barbour cũng gọi đến!”

“Kitsey à?”

“Không... ” ông hớp một hơi trà “Platt? Nghe có đúng không?”

xii.

Ý NGHĨ PHẢI GIÁP MẶT Lucius Reeve mà không dùng thuốc đã khiến tôi suýt lộn lại kho trữ đồ. Còn về đằng nhà Barbour, tôi cũng chẳng hăng hái muốn trò chuyện với Platt lắm, nhưng may thay người bắt máy lại là Kitsey.

“Cả nhà sắp tổ chức ăn tối vì anh,” cô tuyên bố lập tức.

“Là sao?”

“Chưa ai nói gì với anh à? Ôi - chắc là lẽ ra em phải gọi! Dù sao thì mẹ cũng đã *vô cùng* sung sướng được gặp anh. Mẹ hỏi khi nào

anh lại đến nữa.”

“À…”

“Anh có cần mời chính thức không?”

“Ờ, cũng hơi hơi.”

“Giọng anh kỹ quá.”

“Xin lỗi, anh đang bị, bị cúm.”

“Thật à? Ối trời đất ơi. Cả nhà em vẫn khỏe cả, em nghĩ chắc là không phải lây từ đây đâu… gì cơ?” Cô nói với một giọng không nghe rõ ở sau lưng. “Đây… Platt đang muốn lấy máy. Gặp anh sau nhé.”

“Chào em trai,” Platt nói khi cầm máy.

“Chào,” tôi nói và xoa thái dương, cố không nghĩ đến chuyên thật kỳ khôi Platt mà lại gọi tôi là *em trai*.

“Tôi…” Tiếng chân, tiếng cửa đóng. “Thôi để tôi đi thẳng vào vấn đề luôn.”

“Ừm?”

“Mấy cái đồ nội thất ấy mà,” anh ta thân mật nói. “Liệu cậu có giúp chúng tôi bán được vài cái không?”

“Được thôi.” Tôi ngồi xuống. “Thế bác gái muốn bán món nào vậy?”

“Chà,” Platt nói, “vấn đề là, tôi nghĩ tốt nhất là đừng làm phiền mẹ mấy vụ này, nếu được. Không rõ mẹ có đủ sức lo không, cậu hiểu ý tôi chứ?”

“Ồ?”

“À, tôi muốn nói là, mẹ có quá nhiều thứ… mấy thứ ở Maine và

còn cất trong các kho trữ đồ sẽ chẳng bao giờ ngó ngàng đến, cậu hiểu không? Không chỉ đồ nội thất đâu. Bạc này, bộ sưu tập tiền xu... vài thứ đồ gốm sứ mà tôi nghĩ người ta coi là oách lắm nhưng, nói thật nhé, trông như cứt ấy. Tôi không nói theo nghĩa bóng, tôi nói là những bãi cứt bò theo nghĩa đen."

"Tôi nghĩ câu hỏi của mình là, sao anh lại muốn bán mấy thứ đó."

"À, không *nhất thiết* phải bán," anh ta vội vàng đáp. "Nhưng vấn đề là, mẹ nhiều khi quá cứng đầu về mấy thứ nhảm nhí đó."

Tôi dụi mắt. "Platt..."

"Ý tôi là, chúng nó cứ ngồi trơ đấy. Cả đống đồ vứt đi. Phần lớn còn là của tôi nữa, đống tiền xu, mấy khẩu súng cũ và vài thứ nữa, bà nội đã di chúc lại cho tôi. Ý tôi là..." giọng dứt khoát "tôi sẽ nói thật với cậu. Có một người khác vẫn thường làm mấy vụ này, nhưng nói thẳng ra là tôi muốn nhờ cậu hơn. Cậu quen cả nhà, cậu quen mẹ, và tôi biết cậu sẽ ra giá hợp lý."

"Ờ," tôi đáp băn khoăn. Rồi đến một khoảng thời gian chờ đợi, dường như vô tận - như thể chúng tôi đang đọc kịch bản, và anh ta đang tin tưởng chờ tôi đọc nốt lời thoại của mình - và tôi đang nghĩ cách làm sao chối phắt đi thì ánh mắt đậu lại trên cái tên Lucius Reeve và dãy số viết bằng kiểu chữ hào sảng, sang trọng của Hobie.

"Ờ, ừm, thực ra là phức tạp lắm," tôi nói. "Ý tôi là, tôi sẽ phải chính mắt nhìn thấy những thứ đó rồi mới có ý kiến được. Ừ, ừ..." anh ta đang định chen ngang nói về ảnh ót gì đó "nhưng ảnh thực sự là không đủ. Hơn nữa tôi không quen buôn bán tiền xu hay gốm sứ cái loại anh nói đến. Nhất là tiền xu, anh cần gặp một ai đó chỉ chuyên làm duy nhất tiền xu thôi. Nhưng trong lúc đợi,"

tôi nói - anh ta vẫn đang tìm cách át lời tôi "nếu vấn đề chỉ là kiếm vài ngàn đô? Tôi nghĩ là mình giúp anh được."

Đến đó anh ta ngậm miệng tức khắc. "Thế nào?"

Tôi đưa tay dưới kính bóp sống mũi. "Tình hình là thế này. Tôi đang cố tìm cách xác lập xuất xứ cho một món đồ - đúng là ác mộng, người kia không ngừng quấy quả tôi, tôi đã thử mua lại món đó từ ông ta, nhưng hình như ông ta quyết tâm kiếm chuyện. Vì lý do gì tôi cũng chẳng biết. Dù sao nữa thì sẽ rất có ích nếu tôi trình ra được một tờ biên lai mua hàng, chứng minh mình đã có được nó từ một nhà sưu tập khác."

"À, mẹ thì vẫn nghĩ là cậu có thể hái được trăng trên trời," anh ta chua chát nói. "Tôi chắc là cậu muốn gì mẹ cũng làm thôi."

"Ừm, vấn đề là..." Hobie đang ở dưới xưởng chạy cái máy bào soi, nhưng tôi vẫn hạ thấp giọng "chúng ta đang nói chuyện bí mật, hiểu không?"

"Hiểu."

"Tôi thấy không việc gì phải kéo mẹ anh vào đây. Tôi có thể tự viết ra biên lai và để ngày lùi lại. Nhưng nếu người kia có thắc mắc gì, mà rất có thể, thì tôi muốn chỉ ông ta đến chỗ anh - cho ông ta số của anh, trưởng nam, mẹ mới góa bụa, vân vân và vân vân..."

"Ông ta là ông nào?"

"Tên là Lucius Reeve. Nghe thấy bao giờ chưa?"

"Chưa."

"Ừm... nói để anh biết, cũng không hoàn toàn không có khả năng rằng ông ta quen biết bác gái, hoặc đã từng gặp bác vào một lúc nào đó."

“Không vấn đề. Dạo này mẹ hầu như không tiếp ai hết.” Ngưng một lúc; tôi nghe anh ta châm thuốc. “Vậy là - tay này gọi đến.”

Tôi miêu tả cái tủ hai tầng. “Nếu cần sẽ gửi ảnh qua email. Đặc trưng nhất là hình phượng hoàng trên nóc. Còn *anh* thì chỉ cần nói một điều, nếu ông ta gọi đến, là món này đã để ở nhà anh trên Maine mãi đến khi bác gái bán cho tôi độ chừng hai ba năm trước. Bác thì mua của một nhà buôn gì đó đã đóng cửa, hiểu không, một ông già nào đó đã ngáp vài năm rồi, không nhớ nổi tên, chết tiệt, để anh xem lại. Dù nếu ông ta nằng nặc…- tôi đã học được dễ đến mức nào, chỉ cần vài vết trà và vài phút quay trong lò ở nhiệt độ thấp là có thể làm cũ hơn nữa những trang trắng trong cuốn sổ biên lai thập niên I960 tôi mua ở chợ đồ cũ - “thì tôi cũng dễ dàng kiếm được cả hóa đơn mua món đó cho anh.”

“Rõ rồi.”

“Thế đấy. Dù sao thì…” tôi đang mò mẫm tìm một điếu thuốc lá không tồn tại “nếu anh lo liệu xong xuôi về phần anh - anh hiểu không, nếu anh quyết chí chứng thực cho tôi chẳng may ông ta *có* gọi - thì tôi sẽ cho anh mười phần trăm giá món đó.”

“Tức là nhiêu?”

“Bảy nghìn đô-la.”

Platt cười lớn - một tiếng cười có vẻ vui sướng và thanh thản lạ. “Quả là bố bảo đám buôn đồ cổ các người toàn một phường bất hảo.”

xiii.

TÔI GÁC MÁY, ĐẦN CẢ NGƯỜI vì vui sướng. Bà Barbour cũng có kha khá món thứ phẩm hay phế phẩm, nhưng bà cũng sở hữu

rất nhiều đồ quan trọng, khiến tôi phiền muộn khi thấy Platt bán tống bán tháo sau lưng bà mà chẳng biết mình đang làm gì. Còn về chuyện bị dồn vào chân tường - nếu có ai toát ra mùi đang vướng vào một vụ rắc rối dài lâu và khó kể ra thì đấy chính là Platt. Dù đã nhiều năm tôi không nhớ đến vụ anh ta bị đuổi khỏi trường, nhưng sự tích đó đã được ém nhẹm đến mức rất có khả năng anh ta đã làm trò gì đó khá nghiêm trọng, mà trong tình thế ít chủ động hơn chắc đã có cảnh sát dính vào: nhưng việc này lại khiến tôi an tâm, bởi tin tưởng anh ta sẽ ngậm miệng ăn tiền. Thêm nữa - và nghĩ về chuyện đó khiến tôi vui lên - nếu trên đời có ai có thể chơi trên cơ hay dọa nạt Lucius Reeve thì chỉ có Platt: một tay bố đời và ăn hiếp cỡ kiện tướng thế giới, chính Platt ấy.

"Ông Reeve?" Tôi lễ độ hỏi khi ông ta bốc máy.

"Lucius đi."

"Được thôi, Lucius." Giọng ông ta khiến tôi muốn đóng băng vì tức giận, nhưng biết có Platt hậu thuẫn khiến tôi xấc xược hơn cả mức phải phép. "Gọi lại cho ông đây. Ông cần phát biểu gì thế?"

"Hẳn không phải thứ anh nghĩ," câu trả lời đến chóng vánh.

"Không à?" tôi thoải mái đáp, dù giọng ông ta khiến tôi giật mình. "Thôi được rồi. Xin mời bắt đầu."

"Tôi nghĩ là anh muốn nghe tôi trực tiếp thì hơn."

"Được thôi. Vậy vào trung tâm đi," tôi nói nhanh, "bởi lần trước ông đã có lòng tiếp tôi ở câu lạc bộ của ông?"

xiv.

NHÀ HÀNG TÔI CHỌN là ở Tribeca - khá xa trong trung tâm nên khỏi lo vấp phải Hobie hay bất kỳ ai trong số bạn bè ông, và

xung quanh là một đám đông khá trẻ đủ để (tôi hy vọng) khiến Reeve thấy lúng túng. Tiếng ồn, ánh sáng, chuyện trò, những thân người không ngớt sát vào nhau: những giác quan mới tinh không bị cùn vì thuốc của tôi muốn choáng váng vì đủ thứ mùi, vang, tỏi, nước hoa, mồ hôi, những đĩa gà rán sả còn đang xèo xèo bưng nhanh từ bếp ra, và những băng ghế màu xanh ngọc, cái váy da cam sáng chói của cô gái ngồi cạnh, cứ như các loại hóa chất công nghiệp phụt thẳng vào mắt. Bụng nhức nhối vì căng thẳng, tôi đang nhai viên trung hòa axit từ bọc thuốc trong túi thì nhìn lên thấy một cô tiếp viên người đầy hình xăm, đẹp như một chú hươu cao cổ, thờ ơ và dửng dưng chỉ Lucius Reeve đến bàn mình.

"À, chào," tôi nói mà không thèm đứng lên. "Mừng gặp ông."

Ông ta đang nhìn quanh gớm ghét. "Chúng ta bắt buộc phải ngồi đây hả?"

"Sao không?" Tôi thản nhiên đáp. Tôi đã cố tình chọn bàn ở giữa đường đi lối lại - không ồn đến mức phải hét lên, nhưng cũng đủ khiến mất hứng, hơn nữa đã nhường lại cái ghế khiến nắng sẽ chiếu vào mắt *ông ta*.

"Thật là ngớ ngẩn hết sức."

"À. Tôi xin lỗi. Nếu ông không thích ở đây..." Tôi hất đầu về phía cô hươu đang chìm đắm trong ý nghĩ riêng, đã trở lại vị trí và đang lắc lư lơ đãng.

Miễn cưỡng đồng tình - rằng nhà hàng đã kín chỗ - ông ta ngồi xuống. Dù lời nói hay cử chỉ của ông ta đều rất kín kẽ và thanh thoát, bộ vét cắt rất nhã so với tuổi, thì thái độ ông ta vẫn khiến tôi nghĩ đến con cá nóc - hoặc trái lại là một gã lực sĩ rạp xiếc hay cảnh sát đi ngựa bị bơm căng phồng trong truyện tranh: cằm chẻ,

mũi tròn ủng, miệng như rãnh nẻ, tất cả chụm lại chính giữa bộ mặt đỏ hồng cái màu hồng phì nộn, viêm tấy, cao huyết áp.

Sau khi thức ăn đưa ra - món thập cẩm châu Á, những viên vằn thắn xếp thành vòm và hành hoa rán cháy giòn rụm, dựa vào vẻ mặt mà đoán thì chẳng phải món vị khách của tôi thấy khoái khẩu lắm - tôi đợi ông ta nghĩ ra cách nói cái điều mà ông ta muốn cho tôi hay. Bản sao giấy than cái biên lai rởm, tôi đã viết trên trang trắng một cuốn sổ cũ của Welty và đề ngày năm năm trước, đã bỏ sẵn trong túi ngực, nhưng tôi chưa định xùy ra trừ khi bất khả kháng.

Ông ta vừa hỏi xin nĩa; từ cái đĩa có phần hơi gớm trước mặt gọi là món "tôm bọ cạp" ông ta lôi ra những sợi xanh xanh vướng vít bỏ sang một bên. Rồi ông ta nhìn tôi. Đôi mắt nhỏ tí quắc lên sáng xanh trên bộ mặt màu thịt hun khói. "Tôi biết việc ở bảo tàng," ông ta nói.

"Việc gì?" Tôi hỏi, sau một thoáng dao động kinh ngạc.

"Thôi đi. Anh biết rõ tôi định nói gì mà."

Tôi cảm thấy nỗi sợ như một lưỡi dao thọc vào đốt cùng xương sống, dù vẫn cẩn trọng dán mắt xuống đĩa: cơm trắng, rau xào, món ít vị nhất trong thực đơn. "À, nếu ông không phiền thì tôi không muốn nói về việc đó. Đấy là một đề tài đau đớn với tôi."

"Ừ, tôi hiểu."

Ông ta nói bằng giọng khiêu khích và châm chọc đến mức tôi nhìn phắt lên. "Mẹ tôi chết ở đó, nếu ý ông muốn nói thế."

"Ừ, đúng vậy." Ngừng một lúc lâu. "Cả Welton Blackwell nữa."

"Đúng thế."

"À, đúng thế. Còn lên báo nữa chứ, trời ạ. Ai cũng đọc được

công khai. Nhưng...” - ông ta đưa đầu lưỡi liếm nhanh môi trên - “điều tôi băn khoăn là thế này. Việc gì James Hobart phải đi kể lại chuyện đó cho khắp thành phố? Chuyện anh xuất hiện trước cửa mang theo cái nhẫn của cộng sự ông ta? Vì nếu cứ ngậm miệng, sẽ chẳng đời nào có ai đoán được.”

“Tôi không hiểu ông nói gì.”

“Anh hiểu rất rõ tôi nói gì. Anh có một thứ mà tôi muốn. Mà rất nhiều người muốn, thật vậy.”

Tôi ngừng ăn, đũa đưa lưng chừng lên miệng. Phản ứng đầu tiên không suy nghĩ là chực đứng dậy di ngay ra khỏi quán, nhưng cũng gần như lập tức tôi nhận ra như thế thật là ngu xuẩn.

Reeve ngả người ra ghế. “Anh không nói gì.”

“Vì tôi chẳng hiểu ông nói gì cả,” tôi vặc lại, bỏ đũa xuống, và trong thoáng chốc - do cử chỉ đột xuất đó - chợt nghĩ về bố tôi. Ông sẽ làm gì trong tình huống này?

“Anh có vẻ khá bối rối. Có thể là vì sao nhỉ.”

“Tôi cho là vì tôi không thấy điều này có gì quan hệ tới cái tủ hai tầng. Bởi vì tôi có cảm tưởng đấy mới là lý do chúng ta đến đây.”

“Anh hiểu rõ tôi đang nói về vấn đề gì.”

“Không,” - tiếng cười ngỡ ngàng, nghe có vẻ rất thật - “e rằng tôi không hiểu.”

“Anh muốn tôi nói trắng phớ ra ư? Ngay tại đây? Được thôi, nói thì nói. Anh ở bên Welton Blackwell và cô cháu gái, cả ba người ở trong phòng 32, và *anh* ...”- nụ cười chậm rãi đùa bỡn - “là kẻ duy nhất đi ra khỏi đó. Và chúng ta cũng biết còn cái gì đi

ra khỏi phòng 32 nữa phải không?"

Dường như máu trong người tôi đã tuột hết xuống chân. Xung quanh chúng tôi, khắp bốn phía, tiếng đồ bạc lanh canh, tiếng cười, tiếng các giọng nói bật lại từ tường lát gạch.

"Anh hiểu chưa?" Reeve cao ngạo đáp. Ông ta đã lại tiếp tục ăn. "Đơn giản lắm. Tôi muốn nói là, tất nhiên," ông ta nói, giọng quở mắng, và bỏ nĩa xuống, "tất nhiên anh không cho rằng sẽ không ai chắp nối được sự việc với nhau chứ? Anh lấy bức tranh, và khi anh mang cái nhẫn tới cho cộng sự của Blackwell anh cũng mang luôn cả bức tranh nữa, vì lý do gì thì tôi không hiểu - ừ, phải," ông ta nói khi tôi toan át lời, dịch ghế ra một chút và đưa tay che ánh nắng chiếu vào mắt — "anh còn trở thành *đệ tử* của James Hobart nữa là khác, anh trở thành đệ tử của ông ta, còn ông ta thì đem rao thuê cái món quà nho nhỏ của anh đi đông đi tây và kiếm tiền bằng cách đó từ bấy đến giờ."

Kiếm tiền? Hobie ư? "Đem rao *thuê?*" Tôi hỏi, và rồi kiềm chế lại: "Rao thuê cái gì kia?"

"Này, cái màn 'tôi không hiểu chuyện gì xảy ra' đã bắt đầu nhạt rồi đấy."

"Không, tôi hỏi thật. Ông đang nói chuyện quái gì thế?"

Reeve dẩu môi, trông bộ dạng rất tự mãn.

"Một bức tranh tinh xảo," ông ta đáp. "Một em bé xinh đẹp bất thường - độc nhất vô nhị. Tôi sẽ không bao giờ quên lần đầu tiên nhìn thấy nó trong bảo tàng Mauritshuis... quả là khác hẳn bất kỳ thứ gì ở đấy, thậm chí là bất kỳ thứ gì vào thời đại ấy theo ý tôi. Thật khó mà tin nổi nó là sản phẩm của thế kỷ 17. Một trong những bức tranh cỡ nhỏ vĩ đại nhất mọi thời đại, anh đồng ý chứ? Là gì nhỉ...- Ông ta ngưng lại nhạo báng - "cái câu người sưu tập

nói là gì nhỉ - anh biết mà, nhà phê bình nghệ thuật ấy, tay người Pháp ấy, đã phát hiện lại nó sau này ấy? Tìm thấy nó đang vùi trong nhà kho của ông quý tộc nào đó hồi thập niên 1890, và rồi từ đó trở đi tìm những phương cách tuyệt vọng' " - dùng ngón tay làm hiệu ngoặc kép - "để có được nó. 'Đừng quên rằng tôi phải có chú sẻ vàng bé nhỏ này bằng bất cứ giá nào.' Nhưng tất nhiên đấy không phải câu mà tôi muốn trích. Câu nổi tiếng hơn kia. Tất nhiên, anh phải biết chứ. Sau từng ấy thời gian, hẳn là anh phải thuộc làu làu bức tranh cùng lịch sử của nó."

Tôi bỏ khăn ăn xuống. "Tôi không hiểu ông đang nói gì." Tôi chẳng còn cách nào khác, chỉ có thể bám vững lấy câu đó và nhắc đi nhắc lại. *Chối bay chối biến*, như bố tôi - lần duy nhất tỏa sáng trên màn ảnh trong vai tay luật sư của băng đảng - từng khuyên thân chủ ngay trước khi bị bắn chết tươi.

Nhưng họ thấy tôi mà.

Hẳn là ai khác đấy.

Có tận ba nhân chứng.

Bỏ qua đi. Tất cả đều nhầm hết. "Không phải tôi."

Người ta sẽ mang đủ loại người đến làm chứng chống lại tôi từ sáng đến tối.

Họ cứ việc.

Ai đó đã kéo rèm cửa sổ, khiến bàn chúng tôi chìm vào bóng tối sọc vằn. Reeve kênh kiệu nhìn tôi, xiên một con tôm màu cam chói lọi bỏ vào mồm.

"Tôi đã cố gắng nghĩ mãi không ra," ông ta nói. "Có khi anh có thể gợi ý cho tôi chăng? Còn có tấm tranh nào kích cỡ đó đến được gần đẳng cấp đó? Có lẽ bức Velazquez nhỏ xinh xẻo thì có

thể, anh biết đấy, khu vườn Villa Medici ấy. Tất nhiên chưa nói đến độ hiếm có ở đây."

"Ông có thể nhắc lại cho tôi lần nữa tóm lại chúng ta đang nói chuyện gì được không? Vì thật sự tôi không hiểu ông đang muốn nhằm tới cái gì."

"À, nếu anh thích giả bộ thì cứ tiếp tục đi," ông ta thân thiện nói, lấy khăn ăn lau miệng. "Anh chẳng lừa được ai đâu. Dù tôi phải nói rằng thật quá vô trách nhiệm khi trao nó vào tay mấy thằng du thủ du thực ấy, để chúng đi cầm khắp chốn."

Trước vẻ kinh ngạc của tôi, kinh ngạc hoàn toàn thành thực, tôi thấy cái chớp mắt dường như là ngạc nhiên thoáng lướt qua mặt ông ta. Nhưng vừa đó nó đã lại biến mất.

"Những kẻ như vậy không thể tin cậy đưa cho một thứ quý giá đến thế được," ông ta nói, vẫn nhồm nhoàm nhai. "Bọn đầu đường xó chợ ngu như bò."

"Ông đang nói những chuyện hoàn toàn hoang đường," tôi quặc.

"Thế ư?" Ông ta bỏ nĩa xuống. "À. Đề nghị của tôi là - nếu anh còn bỏ công tìm cách hiểu điều tôi đang nói - là mua lại của anh."

Chứng ù tai của tôi - dư âm từ vụ nổ hồi đó đã trở lại, mỗi lần bị stress đều như vậy, trong đầu kêu u u chói lói như động cơ máy bay đang lại gần.

"Tôi có nên nêu một con số không? À. Có lẽ nửa triệu là được đấy, nhất là tôi đang ở vị thế có thể chỉ cần một cú điện thoại ngay lúc này..." ông ta rút di động trong túi ra đặt lên bàn cạnh cốc nước "là trò kinh doanh nhỏ của anh sẽ bị chấm dứt tức khắc."

http://tieulun.hopto.org

Tôi nhắm mắt, rồi mở mắt. “Này. Tôi còn phải nói bao nhiêu lần nữa? Tôi thực sự không hiểu ông đang nghĩ gì, nhưng...”

“Tôi sẽ nói cho anh biết đích xác tôi đang nghĩ gì, Theodore. Tôi đang nghĩ đến việc bảo tồn, bảo quản. Những vấn đề hiển nhiên không đặt thành mối ưu tiên hàng đầu đối với anh hay đám bạn bè của anh. Hẳn nhiên anh sẽ thấy đấy là cách khôn ngoan nhất - cho cả anh lẫn bức tranh nữa. Rõ ràng là anh đã kiếm được cả gia tài, nhưng làm thế là vô trách nhiệm, anh đồng ý không, bắt nó lang thang khắp nơi trong những điều kiện mong manh đến như thế?”

Nhưng vẻ hoang mang không giả dối trên mặt tôi có lẽ đã có tác dụng. Sau một quãng dừng kỳ dị, ngắc ngứ, ông ta thò tay vào túi ngực áo vét...

“Mọi thứ vẫn ổn chứ ạ?” Anh bồi bàn đẹp như người mẫu thình lình hiện ra bên cạnh.

“Ổn, ổn, tốt lắm.”

Anh bồi bàn biến mất, lướt qua đầu kia phòng nói chuyện với cô phục vụ xinh đẹp. Reeve lấy trong túi ra vài mảnh giấy gập lại, đẩy sang phía tôi trên vải trải bàn.

Đấy là bản in một trang web. Tôi đọc nhanh: FBI... các cơ quan quốc tế... vụ bố ráp bất thành... đang tiến hành điều tra...

“Cái méo gì thế này?” Tôi nói, lớn đến nỗi người đàn bà ngồi bàn bên cạnh giật nảy mình. Reeve đắm đuối vào đĩa thức ăn, không trả lời.

“Không, tôi hỏi thật ông đấy. Cái này thì liên quan gì đến tôi?” Cáu kỉnh đọc lướt qua trang giấy - vụ kiện tội vô ý làm chết người... Carmen Huidobro, người giúp việc từ trung tâm môi giới

Miami, bị bắn chết khi các đặc vụ xông vào nhà - tôi định hỏi lại những thứ trong bài báo này liên quan gì đến tôi, thì dừng sững.

> **Một bức tranh thuộc hàng Danh tác, trước đây từng được cho là đã bị hủy hoại (*Con sẻ vàng*, Carel Fabritius, 1654) nghe đồn được dùng làm vật thế chấp trong vụ mua bán với Contreras, nhưng tiếc thay không tìm lại được trong cuộc bố ráp vào khu tổ hợp ở Nam Florida. Dù những tác phẩm nghệ thuật bị đánh cắp vẫn thường được đem ra làm trung gian thương thảo để cấp vốn khởi nghiệp cho buôn lậu ma túy hay buôn bán súng, nhưng Cục phòng chống ma túy (DEA) đã lên tiếng thanh minh trước những chỉ trích về cách họ xử lý sự việc mà ban tội phạm nghệ thuật FBI đã gọi là "nghiệp dư" và "hỏng bét", và ra thông cáo xin lỗi về cái chết không mong muốn của bà Huidobro, đồng thời giải thích rằng các đặc vụ của Cục không được huấn luyện để nhận dạng hay tìm lại tác phẩm bị mất. "Trong những tình huống áp lực cao như vậy,"Turner Stark, phát ngôn viên của Phòng Truyền thông DEA nói, "ưu tiên hàng đầu của chúng tôi luôn là sự an toàn cho các đặc vụ và thường dân trong khi bảo đảm truy tố đối với những vi phạm nghiêm trọng luật kiểm soát chất kích thích Hoa Kỳ." Cơn điên giận nổ ra sau đó, đặc biệt là sau sự việc vô ý gây chết người mà nạn nhân là bà Huidobro, đã làm dấy lên lời kêu gọi cần có sự hợp tác tốt hơn giữa các cơ quan liên bang. "Chỉ cần một cú điện thoại là đủ," Hottede von Moltke, phát ngôn viên của Ban Tội phạm Nghệ thuật Interpol phát biểu trong một buổi họp báo ở Zurich ngày hôm qua. "Nhưng những người này không nghĩ đến gì khác ngoài bắt bớ và kết tội, và đó thật là một điều bất hạnh, vì nay bức tranh đã lặn vào thế giới ngầm, và có thể phải vài thập niên nữa chúng ta mới lại thấy nó xuất hiện."**
>
> **Dòng vận chuyển tranh tượng bị cướp bóc tạo thành một ngành công nghiệp toàn cầu ước tính trị giá bảy tỷ đô-la. Dù chưa ai khẳng định chính mắt nhìn thấy bức tranh, nhưng các thanh tra tin rằng danh phẩm Hà Lan hiếm hoi này đã được tuồn ra khỏi biên giới, hẳn là đi đến Hamburg, và chắc chắn đã trao tay ở một mức giá nhỏ mọn so với hàng triệu đô nó sẽ giành được tại một buổi đấu giá...**

Tôi đặt tờ giấy xuống. Reeve đã ngừng ăn, đang nhìn tôi với nụ cười nửa miệng của loài mèo. Có thể là do cái cười chúm chím ấy trông thật quá nghiêm ngắn trên bộ mặt hình trái lê, chỉ biết tôi bất thần cười phá: tiếng cười bùng nổ vừa kinh hãi vừa nhẹ người, như Boris và tôi từng cười khi lão cảnh sát béo ở trung tâm thương mại đang đuổi theo (và suýt bắt kịp) bỗng trượt chân trên

sàn gạch trơn trong khu ẩm thực và nện mông trời giáng xuống đất.

“Sao?” Reeve hỏi. Miệng ông ta dính vệt màu cam do ăn tôm, con quỷ già khốn khiếp ấy. “Thấy có gì buồn cười ư?”

Nhưng tôi chỉ còn sức lắc đầu và nhìn qua mé bên kia nhà hàng. “Trời ạ,” tôi nói và quệt mắt, “tôi chẳng biết phải nói sao nữa. Rõ ràng là ông hoang tưởng rồi, hay là... tôi cũng không biết nữa.”

Reeve, nói của đáng tội, không hề tỏ ra bối rối, dù chắc chắn cũng không hài lòng.

“Không, thật đấy,” tôi nói và lắc đầu. “Tôi xin lỗi. Đáng ra không nên cười. Nhưng đây là chuyện củ chuối rồ dại lố bịch nhất trên đời tôi từng gặp.”

Reeve gấp khăn ăn đặt xuống. “Anh là kẻ nói dối,” ông ta thong dong nói. “Chắc anh nghĩ mình có thể mồm loa mép giải cho qua vụ này, nhưng không xong đâu.”

“Vô ý làm chết người à? Khu tổ hợp Florida à? Sao? Ông thực sự nghĩ cái đó có liên quan đến tôi à?”

Reeve xói mắt vào tôi, cặp mắt xanh nhỏ tí sáng chói. “Hãy tỏ ra có lý trí một chút. Tôi đang mở đường thoát cho anh.”

“Đường *thoát?* ” Miami, Hamburg, nội mấy địa danh đã khiến tôi cười rống lên không tin nổi. “Đường thoát khỏi cái gì chứ?”

Reeve lại đưa khăn chấm chấm môi. “Tôi rất mừng là anh lại thấy chuyện này buồn cười như thế,” ông ta nói dẻo quẹo. “Vì tôi sẵn lòng gọi cho vị này ở Ban Tội phạm Nghệ thuật mà bài báo nói đến và nói cặn kẽ cho vị đó nghe tôi biết những gì về anh cùng James Hobart và cái đường dây nho nhỏ của hai người. Như

thế thì anh nói sao?”

Tôi ném tờ giấy xuống và đẩy ghế. “Tôi sẽ nói cứ việc, gọi đi, xin mời ông. Còn khi nào ông muốn nói về chuyện kia, hãy gọi lại.”

xv.

QUÁN TÍNH KHIẾN TÔI LAO RA khỏi cửa hàng nhanh đến nỗi hầu như không nhận ra mình đang đi đâu; nhưng vừa đi qua ba bốn khối nhà thì cả người tôi đã run bắn lên đến nỗi phải dừng lại cái công viên nhỏ bẩn thỉu phía đông Phố Canal ngồi xuống ghế, thở hổn hển, đầu gục xuống giữa hai gối, bộ vét Turnbull và Asser nách ướt đẫm mồ hôi, trông tôi (trước mắt mấy bà vú em Jamaica lầm lì, mấy ông già Ý đang giơ báo quạt phành phạch và liếc nhìn nghi kỵ) tôi biết hẳn không khác gì một thằng buôn chứng khoán cò con say tuyết vừa bấm nhầm nút để mất mười triệu.

Có một hiệu tạp phẩm bình dân bên kia đường. Khi hơi thở đã dịu lại, tôi đi qua đó - cảm thấy nhớp nháp và cô độc trong cơn gió xuân xoa vuốt - mua lon Pepsi trong tủ mát và bỏ đi không lấy tiền lẻ, quay lại dưới bóng lá trong công viên, cái ghế bảng lấm tro. Bồ câu trên đầu, đập cánh phành phạch. Tiếng xe cộ gầm lên khi lao qua đi vào hầm, những quận khác, những thành phố khác, những trung tâm mua sắm, những đại lộ, những dòng thương mại mênh mông vô cảm giữa các bang. Cái tiếng ì ầm ấy mang theo vẻ cô đơn tuyệt vời, quyến rũ, gần như một lời hiệu triệu, như lời gọi mời của biển, và lần đầu tiên trong đời tôi hiểu cảm giác đã thôi thúc bố tôi rút sạch tiền trong nhà băng, ghé hiệu giặt lấy áo, đổ xăng đầy xe, bỏ đi khỏi thành phố không nói một lời. Những xa lộ tắm dưới nắng, những núm vặn quay tít

trên radio, những tháp ủ ngũ cốc, luồng khí xả đuôi xe, những vạt đất mênh mang nhấp nhô như một tội lỗi bí mật.

Bất đồ ý nghĩ của tôi trở lại với Jerome. Anh ta sống tít trên đằng Adam Clayton Powell, cách bến cuối đường số 3 vài khối nhà, nhưng có một quán bar tên là Brother J Phố 110 nơi chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau: một chốn quần tụ của công nhân, hộp nhạc bật Bill Withers và sàn nhà nhớp nhúa, những tay nghiện rượu lành nghề rũ người trên cốc bourbon thứ ba khi mới hai giờ chiều. Nhưng Jerome không bán thuốc kê đơn với số lượng dưới một nghìn đô, và dù tôi biết anh ta sẽ vui lòng dúi cho tôi mấy túi hàng trắng, thì có vẻ cách đơn giản hơn nhiều là nhảy taxi thẳng về phía cầu Brooklyn.

Bà già dắt con chihuahua; đám trẻ nhỏ gấu ó vì que kem mút. Trên phía Phố Canal, một luồng còi xe mê man xa xôi tuôn chảy, một âm thanh mô phạm giấu mặt tương phản với cảnh ong ong trong tai tôi: giống như chiến tranh bằng máy móc, tiếng ì ì kéo dài khi rocket đến gần.

Bịt tay lên tai (chẳng hề giúp giảm bớt cơn ù tai chút nào - có khi còn tăng thêm), tôi ngồi thật im, cố gắng nghĩ. Những trò giật dây trẻ con về cái tủ hai tầng, giờ đây có vẻ thật ngớ ngẩn: tôi chỉ cần đến thú tội với Hobie là xong; không có gì vui, sẽ khá khó chịu, nhưng thà để ông được biết tin từ tôi còn hơn. Không tưởng tượng nổi ông sẽ phản ứng thế nào; đồ cổ là tất cả những gì tôi biết, tôi sẽ khó lắm mới tìm được việc mới, nhưng cũng đủ thạo để kiếm chân trong xưởng khác nếu sự việc đến nước đó, mạ vàng khung tranh hay là tiện chân ghế; việc phục chế vốn không ra tiền, nhưng có quá ít người biết cách sửa sang đồ cổ lên tới một trình độ đàng hoàng nào đấy, đến nỗi chắc chắn sẽ có chỗ thu nạp tôi. Còn về bài báo: tôi khá bối rối trước những gì đã đọc, cứ

như bước nhầm phòng chiếu phim giữa chừng. Một mặt thì đã rõ: một tay lưu manh giỏi giang nào đó đã làm giả chú sẻ vàng của tôi (xét trên kích thước và kỹ thuật thì cũng không quá khó), và món giả này đang trôi nổi đâu đó, được trình ra làm vật bảo đảm trong các vụ mua bán ma túy, lừa bịp được vô số trùm sò và đặc vụ liên bang ngây ngô. Nhưng dù câu chuyện có hoang đường hay chệch đích đến mấy, chẳng dính líu tí nào đến bức tranh hay đến tôi, thì mối dây liên hệ mà Reeve đã dò ra là có thật. Ai mà biết được Hobie đã kể với bao nhiêu người chuyện tôi đến gõ cửa nhà ông? Và những người đó lại kể với bao nhiêu người nữa? Nhưng cho tới giờ thì chưa ai, kể cả Hobie, đã khám phá ra rằng cái nhẫn của Welty nghĩa là tôi ở trong phòng trưng bày *có bức tranh*. Đấy là cái nút của vấn đề, như bố tôi vẫn nói. Đấy là câu chuyện sẽ một ngày đưa tôi vào tù. Tay ăn trộm tranh người Pháp từng hoảng vía, từng *đốt* vô số bức tranh mình ăn cắp được (Cranach, Watteau, Corot) chỉ phải nhận có hai mươi tháng tù ngồi. Nhưng đấy là ở Pháp, liền sau sự kiện 11/9, và dưới một loạt luật chống khủng bố mới cấp liên bang, thì trộm cắp ở bảo tàng đã chuyển sang tội danh mới nghiêm trọng hơn, là "cướp đoạt di sản văn hóa". Hình phạt đã nặng hơn rất nhiều, đặc biệt ở Mỹ. Và đời sống riêng tư của tôi thì chẳng mấy hay hớm nếu soi kính lúp vào. May lắm, tôi cũng sẽ bóc từ năm đến mười quyển lịch.

Mà - thành thực thì - tôi xứng đáng bị thế. Làm sao tôi lại nghĩ có thể giấu nó đi được chứ? Tôi đã định bụng giải quyết vấn đề bức tranh hàng năm trời, trả nó về chỗ của nó, mà không hiểu sao cứ liên tục nghĩ ra những lý do để lần lữa không làm. Khi nghĩ về nó đang quấn kín, giấu kín trên nửa bắc, tôi có cảm giác như đã xóa đi chính mình, đã bị nhấn chìm, như thể đem giấu nó chỉ càng làm quyền lực của nó tăng thêm, mang lấy một hình hài sống hơn, khủng khiếp hơn hẳn. Bằng cách nào đó, dù đã bọc vải

liệm và chôn kín trong ngăn tủ kho trữ đồ, nó đã vùng thoát ra được để chui vào một giai thoại giả trá trên mặt báo, thành một quầng sáng chói lọi trong tâm trí nhân gian.

xvi.

"HOBIE," TÔI NÓI, "CHÁU BÍ RỒI."

Ông ngẩng lên từ cái tủ mô phỏng kiểu Nhật đang sửa: gà trống, hạc, chùa vàng trên nền đen. "Bác giúp gì được?" Ông đang tô viền cánh hạc bằng sơn acrylic gốc nước - rất khác với loại gốc nhựa cây vốn có, nhưng nguyên tắc trên hết của việc phục chế, như ông đã dạy tôi từ đầu, là không bao giờ làm việc gì không thể đảo ngược lại được.

"Thực ra, tình hình là. Cháu kiểu như đã đưa bác vào chỗ bí rồi. Không chủ tâm."

"À... " nét bút đưa không hề chệnh choạng "nếu cháu đã bảo với Barbara Guibbory rằng chúng ta sẽ giúp bà ta trang trí cái nhà ở Rhinebeck, thì cháu phải tự liệu lấy thôi. 'Các màu luân xa'. Bác chưa bao giờ nghe có thứ đó trên đời cả."

"Không... " tôi cố nghĩ ra thứ gì đó buồn cười hay lọt tai - bà Guibbory, có cái biệt danh rất thích đáng "mụ tẩm", vẫn thường là suối nguồn pha trò vô tận - nhưng lúc này đầu óc tôi mít đặc rồi. "E là không."

Hobie đứng thẳng dậy, giắt bút sau vành tai, thấm mồ hôi trán bằng một cái khăn tay màu sắc điên khùng, màu tím ảo giác như thể có bông violet châu Phi nào vừa bay lên, hẳn là bới được trong số đồ đạc của bà già khùng nào đấy trong mấy phi vụ thanh lý trên mạn bắc. "Vậy là có chuyện gì nào?" ông ôn hòa hỏi, với tay lấy một trong mấy cái đĩa pha màu. Giờ tôi đã ở tuổi hai mấy,

cách biệt thế hệ giữa đôi bên đã tiêu tan, đôi bên đã thân mật với nhau một cách khó có thể hình dung được giữa tôi với bố nếu ông còn sống - tôi sẽ muôn đời cảnh giác, tìm cách đoán xem ông đang loạn thần đến mức nào và xác suất có thể kiếm được câu trả lời thẳng thắn là bao nhiêu.

"Cháu..." Tôi đưa tay sờ mặt ghế sau lưng mình cho chắc là không dính rồi ngồi xuống. "Hobie, cháu đã phạm một sai lầm ngu xuẩn. Không, ngu xuẩn thật đấy," tôi nhắc lại khi thấy ông tỏ vẻ phản đối hồn hậu.

"Ừ..." ông đang nhỏ phẩm nâu đen chưa pha xuống đĩa bằng lọ thuốc nhỏ mắt "bác không biết ngu xuẩn là thế nào, nhưng bác biết chắc rằng tuần trước bác đã đi đời cả ngày khi thấy cái mũi khoan xuyên qua mặt bàn của bà Wasserman. Đấy là một mẫu bàn William và Mary khá tốt đấy. Bác biết là bà ấy sẽ không thấy chỗ bác đã vá lại đâu, nhưng thực tình đấy là một thời khắc khá kinh khủng."

Vẻ lơ đãng của ông còn khiến sự việc tồi tệ hơn. Thật nhanh, ù té như trong mơ và nôn nao cả người, tôi hối hả kể câu chuyện Lucius Reeve và cái tủ hai tầng, lờ đi phần Platt và cái biên lai để ngày dối trá bỏ trong túi ngực. Một khi bắt đầu hình như tôi không dừng được nữa, cứ như việc duy nhất còn làm được là nói mãi, nói mãi như một tên cướp đường sát nhân lè nhè dưới ánh đèn pha ở sở cẩm nông thôn. Đến một lúc Hobie dừng tay, giắt bút lên tai, ông chăm chú lắng nghe với vẻ mặt tối sầm, lạnh lẽo như Bắc cực, như gà gô xếp cánh mà tôi thuộc quá rõ. Rồi ông lại gỡ cái bút lông đen sau vành tai, khoắng khoắng vào nước rồi lau vào một miếng flannel.

"Theo," ông nói và giơ một tay lên, nhắm mắt lại - tôi đã đến đoạn ngắc ngứ liên hồi kỳ trận về tấm séc không được rút, ngõ

cụt, chân tường - "được rồi. Bác hiểu tình hình rồi."

"Cháu xin lỗi bác ngàn lần," tôi lắp ba lắp bắp. "Đáng ra cháu không bao giờ được làm thế. *Không bao giờ*. Nhưng đây quả là một cơn ác mộng. Ông ta tức điên và muốn trả thù, và dường như ông ta còn ghi sổ với chúng ta một món nào đó - bác hiểu không, một món khác, một thứ gì đó không liên quan gì đến chuyện này."

"À." Hobie bỏ kính. Tôi nhận ra ông đang vô cùng bối rối khi thấy ông vất vả tìm từ trong khoảng lặng tiếp theo, kiếm một lời đáp lại. "Điều gì đã xong thì đã xong rồi. Không việc gì phải làm cho nó tệ hơn. Nhưng..." ông dừng lại, suy nghĩ. "Bác không biết tay này là ai, nhưng nếu nghĩ cái tủ đó là của Affleck, thì đúng là ông ta thừa tiền thiếu não. Trả bảy mươi lăm ngàn cho nó - ông ta đã trả cho cháu ngần ấy phải không?"

"Vâng."

"Hừ, ông ta cần đi khám thần kinh, bác chỉ có thể kết luận vậy thôi. Những món có chất lượng như vậy mỗi thập niên cũng chỉ xuất hiện một hai lần, *nếu may mắn*. Và chúng không tự dưng trên trời rơi xuống đâu."

"Vâng, nhưng..."

"Hơn nữa, bất cứ thằng *ngốc* nào cũng biết, một cái tủ Affleck thật sẽ có giá cao hơn như vậy nhiều. Ai lại đi mua thứ đó mà không tìm hiểu trước? Chỉ có thằng ngốc mà thôi. Hơn nữa," ông nói át lời tôi, "cháu đã làm đúng việc cần làm khi ông ta phàn nàn. Cháu tìm cách hoàn lại tiền, còn ông ta thì không nhận, có phải vậy không?"

"Cháu không tìm cách hoàn lại tiền. Cháu tìm cách mua lại nó."

"Giá cao hơn giá bán nữa chứ! Và việc đó sẽ được lý giải thế nào

nếu ông ta kiện ra tòa? Mà ông ta sẽ không kiện đâu, bác cam đoan với cháu."

Trong cảnh im lặng tiếp đó, dưới ánh đèn phá trắng lóa sáng rỡ, tôi nhận ra cả hai đều ngập ngừng không biết phải tiếp tục ra sao. Popchyk - đang ngủ trên cái khăn tắm gấp lại mà Hobie đã trải ra cho nó giữa bộ chân móng của cái bàn ốp tường - giật thột và làu nhàu trong giấc ngủ.

"Bác muốn nói là," Hobie nói - ông đã chùi hết màu đen khỏi tay, đang với lấy cái bút lông với vẻ chăm chú phi thường, như một hồn ma để hết tâm trí vào nhiệm vụ "mặt kinh doanh chưa bao giờ là đất của bác, cháu biết mà, nhưng bác đã làm trong giới này lâu lắm rồi. Và đôi khi..." ngọn bút phẩy thoăn thoắt - "ranh giới giữa thổi phồng và lừa đảo cũng rất nhập nhèm."

Tôi vẫn chờ, không hiểu rõ, mắt dán vào cái tủ kiểu Nhật. Quả là một món đồ tuyệt mỹ, xứng làm viên ngọc trong nhà một vị thuyền trưởng về hưu ở vùng sâu vùng xa Boston: xương cá voi, vỏ ốc tiền, những mẫu thêu chữ thập câu trích từ Kinh Thánh từ tay những bà chị không chồng, mùi dầu cá voi đốt chiều tối, năm tháng tĩnh lặng khi ngày một về già.

Hobie lại đặt bút xuống. "Ôi, Theo," ông nói, hơi bực tức, đưa mu bàn tay chà lên trán khiến một vệt đen bết lại. "Cháu muốn bác mắng mỏ cháu ư? Cháu đã nói dối gã kia. Rồi cháu cố gắng sửa sai. Nhưng gã đó không muốn bán. Cháu còn làm gì được nữa?"

"Đấy không phải món duy nhất."

"Sao?"

"Đáng lẽ cháu không bao giờ được làm thế." Không dám nhìn vào mắt ông. "Đầu tiên cháu làm thế để trả hóa đơn, để gỡ chúng

ta khỏi tình thế khó khăn, và rồi chắc là... ý cháu là có nhiều món trong đó thật *thần kỳ*, đánh lừa cả cháu, mà cứ nằm yên trong kho như vậy..."

Tôi nghĩ là mình đã chuẩn bị tinh thần đón nhận hoang mang, quát tháo, bùng nổ theo một lối nào đó. Nhưng còn tệ hơn. Nếu là bùng nổ, ít ra tôi cũng đối phó được. Nhưng ông chẳng nói lời nào, chỉ trân trân nhìn tôi với vẻ bè bè đau khổ, ánh đèn chiếu trên đầu ông như hào quang, đồ nghề sắp hàng trên tường sau lưng trông như một bức ảnh thánh của Hội Tam Điểm. Ông đợi tôi kể với ông tất cả, và lắng nghe trong lặng yên, và khi cuối cùng cũng lên tiếng, giọng ông còn trầm lặng hơn lệ thường, không hề có chút cáu giận.

"Được rồi." Trông ông như nhân vật trong phúng dụ cổ: vị ẩn sĩ thợ mộc mặc tạp dề đen, nửa người khuất trong bóng tối. "Thế đấy. Vậy cháu đề xuất giải quyết việc này như thế nào?"

"Cháu..." Đây không phải câu trả lời tôi trông đợi. Khiếp hãi cơn giận của ông (vì Hobie, dù có tốt bụng và ít nổi khùng đến mấy, cũng có tính khí khá đáng sợ), tôi đã nghĩ sẵn đủ cách bào chữa thanh minh, nhưng đối mặt với vẻ bình lặng rợn người thế này thật không cỏ cách gì tự vệ. "Cháu sẽ làm bất kỳ điều gì bác muốn." Tôi chưa hề ngượng ngùng hổ thẹn đến mức này từ hồi bé đến giờ. "Là lỗi của cháu - cháu sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm."

"À. Mấy món đó thì đã đi rồi." Ông có vẻ đang vừa nghĩ vừa tính cách, nói chuyện gần như một mình. "Ngoài ra chưa có ai khác gọi cho cháu à?"

"Chưa."

"Việc này diễn ra đã bao lâu rồi?"

"Ờ..." Ít nhất là năm năm "một hai năm gì đó?"

Ông nhíu mắt. “Trời ơi. Không, không phải,” ông vội vã nói, “bác mừng là cháu đã thành thật với bác. Nhưng cháu phải bắt tay vào việc thôi, liên lạc với mấy khách hàng đó, nói rằng cháu nghi ngờ - không cần phải nói toạc móng heo đâu, chỉ cần bảo là có vấn đề mới nảy sinh, xuất xứ có nghi vấn - và đề nghị mua lại theo giá họ đã mua. Nếu họ không thuận thì - chà, cháu cũng đã đề nghị. Nhưng nếu họ chịu - thì cháu phải ngậm bồ hòn thôi, hiểu không?”

“Vâng.” Điều tôi không nói - không thể nói - là chẳng có đủ tiền mà bù lại dù chỉ một phần tư số khách hàng. Chúng tôi sẽ trắng tay trong chớp mắt.

“Cháu nói là có nhiều món. Những món nào? Bao nhiêu món?”

“Cháu không biết.”

“Cháu không *biết ?* ”

“Ờ, cháu biết, chỉ là cháu...”

“Theo, làm ơn đi.” Giờ thì ông đã nổi giận rồi; thật là nhẹ nhõm. “Không chơi trò đó nữa. Nói thật cho bác đi.”

“À... cháu bán mấy món đó không ghi sổ. Bằng tiền mặt. Và cháu muốn nói là, không có cách nào biết được đâu, dù bác có kiểm tra sổ...”

“Theo. Đừng bắt bác hỏi đi hỏi lại nữa. Bao nhiêu món?”

“Ôi...” Tôi thở dài “một tá chăng? Khoảng đó?” Tôi thêm vào khi nhìn thấy vẻ mặt choáng váng của Hobie. Thực tế phải gấp ba số đó, nhưng tôi tin chắc phần lớn người đã vào tròng đều thuộc loại quá ngô nghê không đời nào phát hiện ra được, hoặc là quá giàu chẳng buồn để tâm.

“Trời ơi, Theo,” Hobie nói sau một thoáng im lặng kinh hãi.

“*Một tá*? Không phải tất cả đều với giá đó chứ? Không phải như cái Affleck?”

“Không, không,” tôi vội vã nói (dù sự thực là có vài món tôi còn bán gấp đôi giá ấy). “Và không có ai trong số khách quen.” ít nhất thì cũng có điều này là đúng.

“Vậy là ai?”

“Bên Bờ Tây. Đám làm phim - đám công nghệ. Cả Phố Wall nữa nhưng mà - đám trẻ, bác biết đấy, bọn quỹ phòng hộ ấy. Tiền ngu mà.”

“Cháu có danh sách khách hàng không?”

“Không hẳn là danh sách, nhưng cháu.”

“Cháu có cách liên lạc với họ không?”

“À, bác hiểu không, rất là phức tạp, vì rằng...” Tôi không lo về mấy kẻ đã ngỡ mình bới được đồ Sheraton xịn với giá rẻ mạt và ôm món đồ dỏm chạy biến vì tưởng qua mặt được tôi. Quy luật “bán sao mua vậy” trong trường hợp này đúng hơn lúc nào hết. Đâu có ai nói rằng mấy món đó là đồ thật. Tôi chỉ lo về những người mình đã chủ động bán cho - chủ động nói dối họ.

“Cháu không ghi chép lại.”

“Vâng.”

“Nhưng cháu cũng biết láng máng. Cháu có thể tìm lại họ. ”

“Đại khái thế.”

“‘Đại khái thế’. Bác không hiểu thế nghĩa là gì.”

“Có ghi chép - phiếu vận đơn. Cháu có thể tra lại được.”

“Chúng ta có đủ tiền mua lại tất cả không?”

“À...”

“Có không? Trả lời có hoặc không?”

“Ừm…” tôi không thể nào nói với ông sự thật, tức là Không “sẽ khó lắm.”

Hobie dụi mắt. “Hừ, khó hay dễ thì cũng phải làm thôi. Không còn cách nào đâu. Đành bóp bụng vào vậy. Dù sẽ có một thời gian gian khó - dù ta có phải hoãn trả thuế. Bởi vì,” ông nói khi thấy tôi cứ nhìn ông, “ta không thể để dù chỉ một món như vậy trôi nổi ngoài kia và được coi là đồ thật. Trời ơi… ông lắc đầu không tin nổi “Sao mà cháu lại làm thế được chứ? Thậm chí còn làm giả không giỏi nữa kia! Nhiều thứ vật liệu bác dùng - bất cứ thứ gì vớ được - chắp vá với nhau quấy quá...”

“Thực tế là...” sự thực là, tác phẩm của Hobie giỏi đến mức lừa được cả vài nhà sưu tập thực sự kỳ cựu, dù hẳn nhiên không nên nói ra điều này...

“... và cháu thấy đấy, vấn đề là, chỉ cần một món đồ trong số cháu bán như đồ thật hóa ra là giả, thì *tất cả* đều là giả. *Mọi thứ* sẽ bị nghi ngờ - mỗi mẩu gỗ đã từng đi ra khỏi cửa hiệu này. Bác không biết liệu cháu đã từng nghĩ đến điều đó chưa.”

“Ờ...” Tôi đã nghĩ đến điều đó, rất nhiều. Tôi đã nghĩ đến điều đó gần như không ngừng nghỉ suốt từ bữa trưa với Lucius Reeve.

Ông im lặng, thật lâu, khiến tôi bắt đầu nhấp nhổm. Nhưng rồi ông chỉ thở dài dụi mắt và quay nửa người đi, lại cúi xuống với công việc.

Tôi lặng yên, nhìn đường bút đen óng tô theo cành anh đào. Hiện tại mọi thứ đều mới mẻ. Hobie và tôi có một liên danh chung, nộp giấy tờ thuế chung. Tôi được chọn làm người thi

hành di chúc của ông. Không dọn ra ngoài kiếm căn hộ riêng, tôi vẫn ở lại tầng trên và trả ông một số tiền thủ tục gọi là, vài trăm đô một tháng. Nếu tôi có một mái nhà, một gia đình, thì đó chính là ông. Khi tôi xuống xưởng giúp ông gắn keo các thứ, thì đấy chẳng phải là vì ông cần đến tôi thật sự, mà chỉ vì niềm vui được chạy tìm kẹp và hét lên cho nhau nghe át tiếng nhạc Mahler vặn lớn; và đôi khi, thả bộ qua quán White Horse làm một ly và một cặp xăng-uých ở quầy bar vào buổi đêm, tôi thấy đấy là giờ phút vui nhất trong ngày.

"Sao?" Hobie hỏi mà không quay lại, biết rằng tôi vẫn đứng sau lưng.

"Cháu xin lỗi. Cháu không có ý để sự việc đi xa như thế."

"Theo." Cây bút dừng lại. "Cháu biết rõ mà - rất nhiều người ở hoàn cảnh này sẽ vỗ vai cháu bồm bộp. Và phải nói thật với cháu, một phần trong bác cũng cảm thấy như vậy, vì có Chúa chứng giám, bác không hiểu làm thế nào cháu thực hiện nổi một việc như thế. Ngay cả Welty - Welty cũng giống cháu, khách hàng thích ông ấy, ông ấy có tài bán được bất kỳ thứ gì, nhưng cả ông ấy cũng từng phải khó khăn chật vật lắm với những món rất quý. Hepplewhite thật, Chippendale thật! Không cách nào đẩy được đi! Còn cháu thì đầy, tiễn mấy thứ vứt đi này với giá bằng cả gia tài!"

"Đâu phải là mấy thứ vứt đi," tôi đáp và mừng lòng cuối cùng cũng được nói một câu thực lòng. "Rất nhiều sản phẩm trong số đó rất tốt mà. Làm cả cháu cũng nhầm. Cháu nghĩ là vì bác tự tay làm ra nên không nhận thấy đấy thôi. Không thấy trông nó đáng tin đến mức nào."

"Ừ, nhưng..." ông ngừng lại, dường như không tìm được lời để nói "những người không biết gì về đồ nội thất, rất khó thuyết

phục họ bỏ *tiền* ra mua nội thất."

"Cháu biết." Chúng tôi có một chiếc tủ chân cao mặt rồng rất quan trọng, kiểu Queen Anne, mà trong những ngày đói kém xưa kia tôi đã tuyệt vọng tìm cách bán theo giá chuẩn, ép hết cỡ vẫn còn trong khoảng hai trăm nghìn. Nó đã nằm trong hiệu hàng năm nay rồi. Nhưng dù gần đây có nhiều lời gạ gẫm hấp dẫn dành cho nó, tôi đã từ chối tất cả - đơn giản vì một món đồ vô song như vậy đứng giữa ánh đèn lối vào đã rọi một luồng sáng phỉnh nịnh lên những món đồ dỏm tít bên trong.

"Theo, cháu quả là một phép màu. Cháu có kỳ tài trong việc cháu làm, cái đó không phải nghi ngờ nữa. Nhưng... " Lần nữa giọng ông lại ngắc ngứ, tôi cảm thấy ông đang cố tìm cách nói tiếp "à, bác muốn nói là, người bán sản phẩm chỉ sống nhờ uy tín. Chữ tín là tất cả. Chẳng có gì mà người ta không biết. Tiếng lành đồn xa tiếng dữ đồn xa. Vậy nên, bác muốn nói là..." nhúng bút rồi nheo mắt nhìn cái tủ như cận thị "lừa đảo là một điều rất khó chứng minh, nhưng nếu cháu không cẩn thận thì nhiều phần chắc là gậy ông lại đập lưng ông một lúc nào đó trong tương lai." Tay ông vẫn vững, nét bút đưa vẫn chuẩn. "Một món bị phục chế mạnh tay... chẳng cần đến đèn tử ngoại, cháu sẽ ngạc nhiên mà xem, chỉ cần người ta đưa sang một căn phòng nhiều ánh sáng... ngay cả máy ảnh cũng tìm ra được những chỗ vân gỗ lệch nhau không thể thấy bằng mắt thường. Chỉ cần có ai đó đem chụp ảnh mấy món đó, hoặc, lạy Chúa, quyết định đem bán ở Christie hay Sotheby trong một cuộc đấu giá Di Sản Mỹ..."

Im lặng, và cái im lặng càng căng phồng lên giữa hai chúng tôi, thì càng trở nên nghiêm trọng, không cách nào xóa được.

"Theo." Ngọn bút dừng lại, rồi đi tiếp. "Bác không tìm cách bào chữa cho cháu đâu nhưng - đừng nghĩ là bác không biết, chính

bác là người đã đưa cháu vào tình cảnh này. Để mặc cháu trên đó một mình. Cứ nghĩ cháu sẽ thực hiện được Phép màu nhân bánh và cá[126]. Cháu vẫn còn rất trẻ, phải," ông nói cụt ngủn và quay đi tránh khi tôi tìm cách ngắt lời, "cháu trẻ lắm, và cháu hết sức có tài ở cái khía cạnh công việc mà bác không buồn động đến, và cháu đã thể hiện khả năng tuyệt vời khi biến sổ nợ của chúng ta thành sổ lãi giúp cho bác cực kỳ, cực kỳ có lợi khi tiếp tục cắm đầu xuống cát. Đối với những gì diễn ra trên kia. Vậy nên bác cũng có lỗi chẳng kém gì cháu trong việc này."

"Hobie, cháu thề, cháu không bao giờ..."

"Bởi vì... " ông nhấc lọ sơn đang mở lên, nhìn nhãn dán như thể không nhớ nổi nó dùng để làm gì, rồi lại đặt xuống "à, điều đó quá tốt đẹp không thể là sự thật, phải không? Bao nhiêu tiền chảy vào túi, một cảnh tượng tuyệt vời? Và bác có hỏi han kỹ lưỡng không? Không. Đừng nghĩ là bác không biết - nếu cháu không bận rộn tung hứng ở trên kia thì chắc giờ này chúng ta đã phải cho thuê căn nhà và tìm một nơi khác sống. Vậy nên thế này nhé - chúng ta bắt đầu lại từ đầu - xóa sạch tấm bảng - và đến đâu hay đó. Mỗi lần một món. Chúng ta chỉ làm được thế thôi."

"Bác, cháu muốn xác định rõ... " Vẻ điềm đạm của ông làm tôi quặn ruột "trách nhiệm là ở cháu. Nếu đến lúc cần xác định. Cháu muốn bác biết như thế mà thôi."

"Tất nhiên rồi." Khi ông vẫy cây bút, vẻ khéo léo của ông rất thuần thục như một phản xạ đã thuộc, làm tôi càng áy náy lạ lùng. "Dù thế thì, cứ để chuyện đó lại đã, được không? Đừng," ông nói khi tôi tìm cách nói tiếp, "làm ơn. Bác muốn cháu lo chuyện đó còn bác sẽ làm tất cả trong khả năng để giúp cháu ở những việc cụ thể, nhưng ngoài ra thì bác không muốn nói về chuyện đó nữa. Được chứ?"

Ngoài trời, mưa. Trong hầm ngột ngạt, lạnh tận xương như hầm đất. Tôi đứng nhìn ông, không biết phải làm gì, phải nói gì.

"Làm ơn. Bác không tức giận đâu, bác chỉ muốn làm cho xong thứ này thôi. Rồi tất cả sẽ ổn. Giờ thì đi lên nhà đi, làm ơn, được không?" Ông nói khi thấy tôi vẫn đứng đó. "Đây là một phần khá rắc rối, bác thực lòng cần phải tập trung nếu không sẽ hỏng bét cả."

xvii.

LẶNG LẼ, tôi đi lên nhà, những bậc thang gào lên cọt kẹt, qua hành lang tra tấn treo đầy những bức ảnh Pippa mà tôi không đủ can đảm nhìn. Khi đi vào nhà, tôi đã nghĩ sẽ thông báo tin nhẹ ký hơn trước, rồi mới chuyển qua tung quả bom. Nhưng dù có cảm thấy đê tiện và bất trung đến mấy, tôi cũng không làm thế được. Ông càng ít biết về bức tranh, thì sẽ càng an toàn hơn. Kéo ông vào việc đó là sai trái về mọi mặt.

Nhưng tôi vẫn ước gì có ai đó để tôi nói chuyện, ai đó mà tôi tin. Cứ vài năm hình như lại có một mẩu tin mới về những danh tác bị đánh cắp, mà ngoài *Con sẻ vàng* của tôi cùng hai bức van der Ast mượn trưng bày còn có mấy bức thời Trung cổ rất giá trị cùng một lô cổ vật Ai Cập khác; các nhà học giả đã viết bài nghiên cứu, thậm chí có cả sách; vụ đó được kể trong số Mười Tội Ác Nghệ Thuật Kinh Điển trên website của FBI; trước kia tôi đã an lòng khi thấy phần lớn mọi người đều nghĩ kẻ nào cuỗm đi mấy bức van der Ast trong phòng trưng bày số 29 và 30 thì cũng lấy cả bức tranh của tôi. Hầu hết các xác người trong phòng 32 đều rải rác quanh ô cửa bị sập; theo cảnh sát điều tra cho biết, phải có đến mười giây, hay thậm chí ba mươi, trước khi khung ngang trên cửa rơi xuống, đủ thời gian cho một vài người kịp chạy ra ngoài.

http://tieulun.hopto.org

Đống đổ nát ở phòng 32 đã được bới tìm bằng găng tay trắng và chổi rà, cẩn trọng đến mức sùng tín - và mặc dù khung của bức *Con sẻ vàng* đã được tìm thấy nguyên vẹn (và vẫn treo không trên tường bảo tàng Mauritshuis *ở* La Hay từ bấy đến giờ, "mãi mãi nhắc về mất mát không gì sánh được trong di sản văn hóa của chúng ta"), thì không có mảnh nào của bức tranh được tìm thấy và xác nhận, không có dằm gỗ, mẩu đinh cổ, hay mảnh màu chì pha thiếc rất đặc trưng xuất hiện ở đâu. Nhưng vì bức tranh vẽ trên gỗ, nên cũng có giả thiết (và một vị sử gia nổi tiếng, to mồm, mà tôi rất mực cảm tạ, đã bảo vệ giả thiết này kịch liệt) rằng *Con sẻ vàng* đã bị rơi khỏi khung tranh bắn vào ngọn lửa khá lớn trong cửa hàng lưu niệm, là tâm chấn của vụ nổ. Tôi đã thấy ông ta trong bộ phim tài liệu phát trên kênh PBS, đi đi lại lại đầy ẩn ý trước khung tranh trống huếch ở bảo tàng Mauritshuis, cặp mắt mãnh liệt quen diễn xuất nhìn xoáy vào máy quay: "Bức danh họa bé nhỏ này đã sống sót sau vụ nổ thuốc súng ở Delft chỉ để quy hàng số phận hàng thế kỷ sau, trong một vụ nổ nhân tạo khác, đấy là một việc thuộc về số những bất ngờ kỳ quái lạ đời chỉ thấy trong văn O. Henry hay Guy de Maupassant."

Còn về phần tôi: Câu chuyện chính thức - đã in trong vô số nguồn tin, được chấp nhận là sự thực - nói rằng tôi đã ở cách *Con sẻ vàng* cả mấy phòng khi quả bom phát nổ. Qua các năm đã có nhiều người viết sách muốn phỏng vấn mà tôi đều từ chối, nhưng rất nhiều người, những nhân chứng có mặt tại đó, đã thấy mẹ tôi những giây cuối đời trong phòng 24, người đàn bà xinh đẹp tóc sẫm màu mặc áo khoác sa tanh, và rất nhiều trong số những nhân chứng ấy đã nhớ có tôi bên mẹ. Bốn người lớn, ba trẻ nhỏ đã chết trong phòng 24 - và trong câu chuyện chính thức, câu chuyện được truyền bá, tôi chỉ là một trong số những thân thể bất tỉnh nằm trên sàn, bị bỏ qua trong cảnh nhốn nháo.

http://tieulun.hopto.org

Nhưng chiếc nhẫn của Welty là bằng chứng hiển nhiên về vị trí của tôi. Thật may cho tôi là Hobie lại không muốn nói chuyện về cái chết của ông già, nhưng chốc chốc - không thường xuyên lắm, thường vào đêm khuya khi ông đã làm một hai ly - ông lại rơi vào tâm trạng hồi tưởng. “Cháu có biết bác thấy thế nào không... ? Chẳng phải là một điều kỳ diệu...?” Sẽ tới lúc nào đó, một ai đó chắc chắn phải tìm ra mối liên hệ ấy. Tôi vẫn biết như vậy từ xưa, nhưng trong trạng thái chơi vơi vì thuốc, tôi đã nhắm mắt trước nguy hiểm mà dật dờ trôi đi hàng năm trời. Có thể là không ai để ý. Có thể sẽ không ai biết được.

Tôi đang ngồi bên mép giường, nhìn ra ngoài cửa sổ ngắm Phố 10 - dân chúng đang rời sở làm, hay ra ngoài ăn tối, những tràng cười chói lói. Mưa phùn như sương rơi xéo trong quầng sáng trắng đèn đường ngay bên ngoài cửa sổ. Mọi thứ có vẻ thật run rẩy và gay gắt. Tôi thèm đến chết một viên thuốc, và vừa định trở dậy rót một cốc thì - ngay phía ngoài quầng sáng, thật bất thường so với luồng người xe ào ạt trên đường - tôi nhận ra có bóng người đứng một mình bất động trong mưa.

Sau chừng khoảng nửa phút hắn ta vẫn đứng đó, tôi tắt đèn và dịch lại gần cửa sổ. Như để đáp lại, bóng người kia rời xa khỏi ánh đèn đường, và dù hình thù hắn chỉ lờ mờ trong bóng tối tôi vẫn thấy những nét cơ bản: vai so cao, chân hơi ngắn, thân trên vạm vỡ kiểu Ireland. Quần bò, áo nỉ có mũ, ủng to nặng. Một hồi lâu hắn đứng bất động, một dáng người thợ thuyền thật lạc lõng trên con phố giờ ấy, giữa những kỹ thuật viên nhiếp ảnh và cặp nam nữ ăn mặc chải chuốt, những sinh viên phởn chí đang đổ ra đường hẹn hò trong quán ăn. Rồi hắn ta quay mình. Hắn đang bỏ đi, vội vàng sốt ruột; khi hắn ta lại bước vào quầng sáng khác tôi nhận thấy hắn thò tay vào túi, bấm di động, đầu cúi xuống,

không để ý.

Tôi buông rèm. Tôi tin chắc là mình chỉ bị ảo giác; thực tế là tôi bị ảo giác suốt ngày, đấy là một phần của cuộc sống trong thành phố, cái hạt mầm nửa thực nửa hư của khủng bố, tai họa, giật bắn khi nghe còi xe, lúc nào cũng e sợ sắp có gì đó xảy ra, mùi khói, những mảnh kính vỡ tung tóe. Thế nhưng - tôi ước gì có thể tin chắc đấy chỉ là do tưởng tượng của mình.

Mọi thứ đều lặng như tờ. Ánh đèn đường qua bức rèm ren hắt những cái bóng méo mó như mạng nhện trên tường. Từ đầu đến cuối tôi đã biết giữ bức tranh là một sai lầm, ấy thế mà tôi vẫn giữ. Giữ nó sẽ chẳng đem lại điều gì tốt đẹp. Mà cũng chẳng phải nó đã từng đem lại điều gì tốt đẹp hay cho tôi chút niềm vui nào. Hồi ở Las Vegas, tôi có thể nhìn ngắm nó bất cứ khi nào tôi muốn, khi đang ốm, đang buồn ngủ, đang rầu rĩ, sáng sớm hay nửa đêm, thu hay hè, thay đổi cùng thời tiết và ánh nắng. Ngắm bức tranh trong bảo tàng là một chuyện, nhìn thấy nó trong mọi ánh sáng, tâm trạng, mọi mùa lại là thấy nó cả ngàn cách khác nhau, và nhốt chặt nó trong bóng tối - một vật bằng ánh sáng, chỉ sống trong ánh sáng - là một điều sai trái trên quá nhiều góc độ không diễn tả hết nổi. Không chỉ sai trái, mà còn là điên.

Tôi lấy một cốc đá trong bếp, đi ra tủ búp phê rót cho mình một cốc vodka, về đến phòng lấy cái iPhone trong túi áo khoác, và sau khi theo phản xạ bấm ba số đầu máy nhắn tin của Jerome, đã tắt máy rồi chuyển qua gọi số nhà Barbour.

Người nhấc máy là Etta: “Theo!” bà nói, có vẻ rất mừng rỡ, giữa tiếng tivi trong bếp. “Cậu gọi tìm cô Katherine à? ” Chỉ có gia đình và bạn bè rất thân mới gọi Kitsey là Kitsey; cô là Katherine với tất cả mọi người khác.

“Cô ấy có nhà không?”

“Cô ấy sẽ về sau bữa tối. Tôi biết là cô ấy đang chờ cậu gọi.”

“Ờm...” Tôi không thể không cảm thấy hởi dạ. “Bác nói với cô ấy là cháu đã gọi nhé?”

“Thế khi nào cậu mới đến gặp chúng tôi?”

“Cháu hy vọng là sắp rồi. Platt có đó không?”

“Không, cậu ấy cũng ra ngoài. Chắc chắn tôi sẽ nhớ báo là cậu gọi. Quay lại thăm chúng tôi sớm đi nhé.”

Tôi tắt máy, ngồi bên mép giường uống vodka. Thật yên lòng được biết là vẫn có thể gọi Platt nếu cần thiết - không phải vì vụ bức tranh, tôi không tin tưởng anh ta việc đó lấy một khắc, nhưng vì vụ cái tủ và đối phó với Reeve. Có vẻ thật đáng ngại là Reeve chưa hề đánh tiếng về việc đó.

Nhưng - ông ta có thể làm gì đây? Càng nghĩ, tôi càng thấy Reeve đã đi quá đà khi ngửa bài chất vấn tôi như thế. Ông ta được lợi gì nếu truy bức tôi vụ cái tủ? Có gì hay cho ông ta nếu tôi bị bắt, bức tranh được tìm thấy, mang đi khỏi tầm với của ông ta vĩnh viễn? Nếu ông ta muốn có nó, thì chẳng còn cách nào ngoài đứng lùi lại để tôi dẫn ông ta đến với nó. Điều duy nhất là ưu thế của tôi – điều *duy nhất* - là Reeve không hề biết nó ở đâu. Ông ta có muốn thuê ai bám đuôi tôi cũng mặc, miễn là tôi tránh thật xa kho chứa đồ, thì sẽ chẳng cách nào ông ta lần ra được.

10
Thằng ngốc

i.

"ÔI THEO!" Kitsey nói, nhặt lên một chiếc trong đôi hoa tai lục bảo ngọc của mẹ tôi giơ lên ánh sáng, một chiều thứ Sáu sau Giáng sinh mấy ngày. Chúng tôi vừa ăn trưa thật lâu ở nhà hàng Fred sau khi dành cả sáng trong Tiffany nhìn những mẫu bạc và sứ. "Đẹp quá đi! Chỉ có điều..." trán cô nhăn lại.

"Sao...?" Đã ba giờ; nhà hàng vẫn còn ồn ào đông đúc. Khi nãy cô đi ra ngoài gọi điện, tôi đã lấy đôi hoa tai trong túi ra đặt lên khăn trải bàn.

"À, chỉ có điều... em không hiểu." Cô nhướng mày, như nhìn một đôi giày không biết chắc muốn mua hay không. "Ý em là... đẹp lắm! Cảm ơn anh! Nhưng... không hiểu có hợp không? Nếu đeo hôm đấy?"

"À, tùy em thôi," tôi nói và đưa tay lấy cốc Bloody Mary tu một hớp lớn để giấu nỗi ngạc nhiên và bực dọc.

"Vì là, ngọc lục bảo thì..." Cô so một chiếc lên tai, đánh mắt sang phía đó đăm chiêu. "Em thích lắm! Nhưng mà..." lại giơ lên nhìn nó lấp lánh trong ánh sáng tán xạ từ mấy ngọn đèn trên đầu "ngọc lục bảo không thật hợp với em. Em nghĩ là trông có vẻ hơi dừ, anh hiểu không? Cùng áo trắng? Màu da em nữa? Nước sông Nile à! Mẹ cũng không dùng được xanh lá cây."

"Em coi sao cũng được."

http://tieulun.hopto.org

“Ồ, giờ thì anh cáu rồi.”

“Không, anh không cáu.”

“Có, anh cáu mà! Em làm anh phật lòng rồi!”

“Không, anh mệt mà thôi.”

“Tâm trạng anh đang có vẻ khá tệ.”

“Thôi nào Kitsey, anh mệt rồi.” Chúng tôi đã bỏ những cố gắng lay trời chuyển đất để săn tìm một căn hộ riêng cho hai đứa, một quá trình lắm bực bội mà cả hai đã chịu đựng chủ yếu với tinh thần vui vẻ, dù những sàn nhà trơ trụi và những căn phòng trống còn mang dấu vết bóng ma cuộc sống bị ruồng bỏ của những người khác đã làm dội lên (trong tôi) vô vàn dư âm khó chịu từ thời thơ ấu, những thùng giấy chuyển đồ và mùi bếp núc và những phòng ngủ chìm trong bóng tối, sự sống đã tắt lịm, nhưng còn hơn cả vậy, phập phồng bên dưới là một thứ tiếng ầm ì cơ khí ghê rợn mà (có vẻ như) chỉ mình tôi nghe thấy; những bóng ma với tiếng thở nặng nhọc, mà giọng người môi giới hớn hở vang âm giữa những bề mặt đánh bóng loáng khi họ vừa đi vừa bật khắp các đèn và ca tụng những món thiết bị bằng thép không gỉ chẳng thể nào xua đuổi được.

Mà vì sao phải thế? Đâu phải mỗi căn hộ chúng tôi đến xem đều đã bị rời bỏ sau một bi kịch như tôi hằng nghĩ. Việc tôi đánh hơi thấy ly dị, phá sản, ốm đau, chết chóc trong gần như mọi không gian ghé thăm rõ ràng chỉ là chứng hoang tưởng và hơn nữa, làm sao những phiền muộn của người thuê trước, dù là thật hay tưởng tượng, lại hại đến Kitsey hay tôi được?

“Đừng thoái chí,” Hobie nói (cũng như tôi, ông bị mẫn cảm quá mức với linh hồn của phòng ốc hay đồ vật, những luồng khí để lại sau thời gian). “Cứ coi đấy là một công việc được giao đi. Lục

trong một hộp phụ kiện thừa thẹo. Cháu sẽ kiếm ra được trúng miếng cần thôi, miễn là nghiến răng tiếp tục tìm."

Và ông nói đúng. Tôi đã giữ vững tinh thần từ đầu đến cuối, và cô cũng vậy, bền bỉ tiến từ đợt chào bán này sang đợt chào bán khác, trong những tòa nhà xây trước Thế chiến thứ hai u tối, đầy âm hồn những bà già Do Thái đơn côi, hoặc những con quái vật thủy tinh băng giá, khiến tôi biết mình sẽ không bao giờ sống nổi trong đó mà không tưởng như đang đứng trước vô số mũi súng bắn tỉa từ bên kia đường. Có ai nghĩ đi tìm nhà là việc chơi đâu.

So với đó, viễn cảnh đi cùng Kitsey lập danh sách quà mong muốn ở Tiffany ban đầu có vẻ sẽ là một việc đổi gió thú vị. Gặp gỡ người tư vấn, nhặt ra những gì mình thích, rồi tay trong tay lượn đi ăn bữa trưa Giáng sinh ư? Trái lại, và hoàn toàn không tính trước, tôi đã chao đảo tâm thần khi đi qua cửa hàng thuộc loại đông đúc nhất Manhattan trong một ngày thứ Sáu sát Giáng sinh: thang máy chật cứng, thang bộ cũng chật cứng, hàng đàn hàng lũ dân du lịch và người mua sắm quà cáp, chen lấn nhau đến năm sáu lớp bên các quầy trưng bày để mua đồng hồ đeo tay, khăn, túi xách, đồng hồ xách tay, sách dạy cung cách, cùng đủ thứ hàng vớ vẩn thừa thãi màu Xanh Trứng Sáo Của Tiffany. Chúng tôi lê chân quanh tầng năm hàng giờ liền, theo sát gót là một chuyên gia tư vấn đám cưới đang nai lưng uốn gối nhằm giúp chúng tôi có được Dịch Vụ Thượng Hảo Hạng và đề xuất những lựa chọn một cách tự tin đến mức tôi không thể không cảm thấy như bị theo dõi ("Mẫu vẽ sứ cần phải khiến cả hai người cảm thấy 'đây chính là chúng mình, đây chính là chúng mình như một cặp uyên ương'... một lời tuyên bố quan trọng về phong cách của hai anh chị!") trong khi Kitsey thì băn khoăn về phần trang trí: dải màu vàng nhé! không, màu lam! à khoan... cái ban đầu là gì nhỉ? bát giác có phải hơi quá đáng không? và cô nàng

chuyên gia nhảy vào sốt sắng giải thích: hình kỷ hà thành thị... vân hoa lãng mạn... thanh tao phi thời gian... sặc sỡ cá tính... và dù tôi cứ nhắc đi nhắc lại ừ, cái đó hay lắm, cái đó cũng đẹp, em lấy cái nào anh cũng vui, em cứ chọn đi Kits, thì nàng chuyên gia không ngớt bày thêm hết cái này đến cái khác, rõ ràng mong có thể dụ dỗ tôi tỏ ra thiên vị hẳn về cái nào, và nhẫn nại giải thích từng điểm tinh tế của mỗi cái, điểm mạ vàng này, viền vẽ tay kia, cho đến khi tôi phải cắn vào lưỡi mới không thốt ra điều mình nghĩ: rằng có làm tài khéo mấy thì Kitsey có chọn mẫu x hay mẫu y cũng chẳng khác quái gì nhau cả, vì đối với tôi tất cả đều như nhau mà thôi: mới, thô kệch, 'một khối nặng chết chóc, chưa kể đến chi phí: tám trăm đô-la cho cái đĩa mới vừa ra lò hôm qua? Một cái đĩa? Có thể mua nguyên bộ đẹp tuyệt từ thế kỷ 18 với giá bằng một phần mấy thứ lấp lánh nhưng lạnh lẽo vừa nứt mắt này.

“Nhưng anh không thể nào thích tất cả mọi thứ *tuyệt đối* ngang nhau được! Và, vâng, đúng thế, tôi cứ quay lại mãi với kiểu Deco,” Kitsey quay sang cô nàng tiếp thị kiên nhẫn đeo đẳng, “nhưng thích lắm thì tôi cũng không nghĩ là nó thật hợp với chúng tôi,” rồi lại sang tôi: “Thế anh nghĩ sao?”

“Em muốn sao cũng được. Cái nào cũng ổn. Thật đấy,” tôi nói và thọc tay vào túi, nhìn đi chỗ khác khi thấy cô vẫn đứng đó kính cẩn chớp chớp mắt nhìn tôi.

“Trông anh có vẻ bức bối quá. Em mong anh nói anh thích gì.”

“Ừ, nhưng...” Tôi đã mở hộp quá nhiều đồ sứ từ những cuộc thanh lý sau một đám tang hay một gia đình tan vỡ, đến nỗi chỉ thấy cảm thương vô tận trước những giá bày hàng mới tinh khôi, lấp lánh, như một lời cam đoan ngầm rằng đồ bếp mới sáng bóng cũng hứa hẹn một tương lai không kém phần sáng bóng, không

biết đến bi kịch.

“Sơn dương nhé? Hay là Chim sông Nile? Theo, anh nói đi, em biết anh phải thích một trong hai hơn chứ.”

“Cả hai đều là lựa chọn tối ưu. Cả hai đều thú vị, lạ mắt. Còn bộ này thì rất giản dị, để dùng hằng ngày,” cô tư vấn viên chêm vào trợ giúp, rõ ràng nghĩ *giản dị* là từ khóa để giải quyết các bậc chú rể đã cạn kiên nhẫn vì quá sức chịu đựng. “Hết sức giản dị, hết sức trung tính.” Có vẻ nguyên tắc của danh sách quà cưới là chú rể phải có quyền chọn bát ăn dùng hằng ngày (tôi nghĩ chắc là dùng trong bao nhiêu bữa tiệc xem siêu cúp bầu dục Super Bowl mà tôi sẽ tổ chức giữa cánh đàn ông với nhau, haha) còn các món “long trọng” thì phải dành cho chuyên gia: là các bà phụ nữ.

“Cái đó cũng được,” tôi nói gắt hơn ý muốn, khi nhận ra cả hai đang chờ tôi lên tiếng. Đồ đất nung trơn, trắng, hiện đại không phải là thứ bơm được quá nhiều hứng thú vào tôi, nhất là với cái giá bốn trăm đô-la một cái đĩa. Nó khiến tôi nghĩ đến những bà già dễ thương mặc đồ Marimekko mà thỉnh thoảng tôi tới thăm trong Ritz Tower: những bà góa giọng khàn khàn, đầu quấn khăn, đeo vòng tay hình con báo mong được chuyên tới Miami sống, trong những căn hộ đầy đồ đạc bằng kính mờ và thép mạ sáng loáng đã mua qua các công ty trang trí hồi những năm bảy mươi với giá ngang hàng nội thất Queen Anne[127] xịn, nhưng (trách nhiệm của tôi là phải thông báo với họ, một cách miễn cưỡng) không giữ được giá trị và nay bán lại còn không được giá bằng nửa số tiền họ bỏ ra ngày xưa.

“Đồ sứ…” Cô nàng tư vấn đưa ngón tay làm móng kiểu trung tính rà theo mép đĩa. “Tôi muốn các cặp vợ chồng đến gặp mình nghĩ về bạc đẹp, pha lê đẹp và đồ sứ như thế này…? Đấy là nghi lễ kết thúc ngày. Đấy là rượu vang, là vui vẻ, là gia đình, là bên

nhau. Một bộ đồ sứ đẹp là cách tốt nhất để mang tới cuộc hôn nhân của anh chị một chút phong cách và lãng mạn vĩnh cửu."

"Phải," tôi đáp lại. Nhưng cái cảm xúc cô ta nói đến làm tôi khó chịu; và hai cốc Bloody Mary gọi ở Fred cũng chưa hoàn toàn giúp tôi nuốt trôi nó đi được.

Kitsey đang nhìn đôi khuyên tai, có vẻ còn nghi ngại. "Ừm, thế này nhé. Em *sẽ* đeo đôi này trong đám cưới. Nó rất đẹp, và em biết là của mẹ anh để lại."

"Anh muốn em thích gì thì cứ đeo nấy."

"Em sẽ cho anh biết *em* nghĩ gì." Đùa cợt, cô đưa tay qua bàn nắm lấy tay tôi. "Em nghĩ anh nên đi ngủ."

"Tất nhiên rồi," tôi nói và áp bàn tay cô lên mặt mình, nhớ lại rằng mình đã hết sức may mắn.

ii.

MỌI CHUYỆN DIỄN RA RẤT NHANH. Chỉ sau hai tháng kể từ buổi tôi đến ăn ở nhà Barbour, Kitsey và tôi đã gặp gỡ gần như hằng ngày - những cuộc đi dạo dài, ăn tối (thỉnh thoảng là Match 65 hoặc Le Bilboquet, thỉnh thoảng ngồi trong bếp gặm bánh mì kẹp), nói chuyện về ngày xưa: về Andy, về những chủ nhật trời mưa bên bàn Cờ tỷ phú ("hai anh chơi ác không chịu được... cứ như là Shirley Temple đấu với Henry Ford và J. P. Morgan..."), về cái buổi tối cô khóc thút thít khi bị chúng tôi ép xem *Hellboy* chứ không phải *Pocahontas*, và những đêm đóng bộ muốn phát khùng - ít nhất là phát khùng với bọn con trai, khi phải ngồi lưng thẳng đơ ở Câu lạc bộ Du thuyền, uống Coca Cola pha chanh, còn ông Barbour thì dáo dác nhìn quanh phòng ăn tìm Amadeo, người phục vụ bàn ưa thích nhất, mà ông kiên quyết đòi giúp ông

luyện thứ tiếng Tây Ban Nha dị hợm kiểu Xavier Cugat - bạn học ở trường những buổi liên hoan, lúc nào cũng có chuyện để nói, anh có nhớ cái này, anh có nhớ cái kia, có nhớ hồi chính mình... không phải như với Carole Lombard tất cả chỉ là rượu rồi lên giường và chẳng có gì để nói với nhau.

Không thể phủ nhận Kitsey và tôi cũng là hai kẻ rất khác nhau, nhưng cái đó không sao: suy cho cùng, như Hobie đã nhận xét rất có lý, chẳng phải hôn nhân luôn là sự hợp nhất của các mặt đối lập ư? Chẳng phải tôi cần mang những điều mới lạ đến cho cuộc đời cô và cô cũng thế? Và thêm nữa (tôi tự nhủ), chẳng phải đã đến lúc cần Bước Tiếp, Buông Tay, ngoảnh lưng lại với khu vườn đã khóa cửa cấm tôi vĩnh viễn? Sống Trong Hiện Tại, Tập Trung Vào Khoảnh Khắc chứ đừng sầu khổ tiếc thương điều mình sẽ không bao giờ có được? Hàng năm trời tôi tắm trong cái nhà kính của nỗi buồn hoài phí: Pippa Pippa Pippa, hoan hỉ chuyển qua tuyệt vọng, không có hồi kết, những sự việc hầu như chẳng có tí ý nghĩa gì cũng đủ khiến tôi lên tận mây xanh hoặc quẳng tôi xuống đáy sâu câm nín; tên cô trong điện thoại tôi, hoặc một bức email kết thư bằng "Yêu cậu nhiều" (mà Pippa kết như vậy trong mọi bức email, với bất kỳ người nào) sẽ khiến tôi lâng lâng cả mấy ngày trời, còn nếu khi gọi điện cho Hobie cô không yêu cầu chuyển máy gặp tôi (mà sao phải thế ?), tôi sẽ chìm dưới tầng tầng sầu não phi lý. Tôi chỉ lừa mị mình, và tôi biết vậy. Tệ hơn nữa: tình yêu của tôi dành cho Pippa bị khoắng dưới đáy sâu trộn lẫn với mẹ, với cái chết của mẹ, với việc đánh mất mẹ và không cách nào có lại. Nỗi khát khao mù lòa và ấu trĩ muốn cứu vớt và muốn được cứu vớt, muốn tua lại quá khứ khiến nó thay đổi đi, không hiểu vì sao đã đeo lấy cô ngấu nghiến. Trong việc đó có yếu tố bất ổn, như một cơn bệnh. Tôi nhìn thấy những điều không có thật. Tôi chẳng khác gì mấy so với một gã sống trong nhà di

động, theo dõi từ xa một cô gái chỉ thoáng nhìn thấy trong cửa hàng. Bởi vì sự thực là: Pippa và tôi gặp nhau đâu chừng hai lần một năm; chúng tôi có email và nhắn tin nhưng không có gì đều đặn; khi nào cô về thăm thành phố, chúng tôi trao đổi sách và cùng nhau đi xem phim; chúng tôi là bạn bè và chấm hết. Hy vọng được bắt đầu một mối quan hệ với cô chỉ hoàn toàn là ảo tưởng, trong khi nỗi dằn vặt, thất vọng lâu dài thì lại là thực tế quá đớn đau. Chẳng lẽ lại lấy nỗi ám ảnh vô cớ, vô vọng và không hồi đáp ấy làm cơ sở cho suốt phần đời còn lại của mình?

Tôi đã quyết tâm một cách có ý thức là phải bứt ra. Điều ấy đã khiến tôi phải huy động từng giọt ý chí cuối cùng, như một con thú mắc bẫy tự cắn đứt chân để giải thoát. Và không hiểu sao tôi đã làm được; và ở bờ bên kia là Kitsey, đưa cặp mắt xám pha lá mạ thích thú nhìn tôi.

Chúng tôi ở bên nhau rất vui. Chúng tôi rất hợp. Đấy là mùa hè đầu tiên cô ở thành phố, "cả đời em, thật vậy" Ngôi nhà ở Maine khóa kỹ, chú Harry cùng mấy đứa em họ đã lên Canada tới quần đảo Madeleine "và ở đây với mẹ em thật chả biết phải làm gì nữa, và... ôi, xin anh đấy, hãy kiếm việc gì làm cùng em đi. Anh sẽ đi cùng em ra bãi biển cuối tuần này nhé, chịu không?" Vậy là vào các cuối tuần chúng tôi đến khu Đông Hampton, ở nhà mấy người bạn cô đang đi nghỉ hè ở Pháp, còn trong tuần chúng tôi hẹn gặp trong trung tâm sau khi tôi hết giờ làm, uống rượu vang hâm hẩm trong những quán cà phê vỉa hè, những chiều tối ở Tribeca vắng hoe với những vệ đường nóng như rang và gió nóng từ lưới sắt vỉa hè thổi bay tia lửa đầu điếu thuốc lá trên miệng tôi. Rạp phim thì lúc nào cũng mát rượi, hay phòng King Cole, hay Oyster Bar ở khách sạn Grand Central nữa. Hai buổi chiều mỗi tuần - đội mũ, đi găng, giày Jack Purcell và váy ngắn gọn gàng, trát từ đầu đến chân kem chống nắng y tế (vì cũng như Andy, cô

bị dị ứng nắng), cô một mình lái chiếc Mini Cooper đen đi Shinnecock hay Maidstone, chiếc xe đã sửa phần đuôi đủ sức đựng một bộ gậy đánh gôn. Trái với Andy, cô nói chuyện huyên thuyên rối rít, bật cười ngượng ngùng trước câu đùa của chính mình, có phần phảng phất kiểu năng lượng tán loạn của ông bố nhưng không kèm theo lối bàng quan mỉa mai. Chỉ cần bôi phấn khắp mặt cô rồi vẽ nốt ruồi là cô sẽ biến thành một thị nữ ở Versailles, với cái làn da trắng và cặp má hồng ấy, cái miệng vui tươi liến thoắng ấy. Cô mặc váy suông lanh ngắn cũn, dù ở phố hay quê, thêm phụ kiện túi cá sấu kiểu cổ của Gaga, đính tên và địa chỉ vào mặt trong đôi giày Christian Louboutin cao đến giết người mà cô vẫn diễu khắp ("giày đau như đinh!") phòng khi cần tuột giày ra nhảy nhót hay bơi và rồi quên mất để đâu: giày bạc, giày thêu, giày thắt nơ, giày mũi nhọn, mỗi đôi ngàn đô. ("Ky bo kẹt xỉ!" cô hét vọng xuống cầu thang, khi - ba giờ sáng, người mềm nhũn vì rum và Coca - cuối cùng tôi cũng loạng choạng đi xuống nhà vẫy taxi vì hôm sau phải làm việc.)

Chính là cô đã yêu cầu tôi cưới. Trên đường đi dự tiệc. Chanel số 19, váy thiên thanh. Chúng tôi vừa bước ra ngoài Đại lộ Công viên - cả hai đều hơi u mê sau mấy ly cocktail trên tầng - và đèn đường bật sáng đúng vào giây bước ra khỏi cửa, và cả hai dừng phắt lại nhìn nhau: là do *chúng mình* ư? Giây phút ấy buồn cười đến nỗi cả hai cùng phá ra cười như điên dại: cứ như là ánh sáng thoát ra từ chính chúng tôi, như là chúng tôi có thể cấp điện cho cả Đại lộ Công viên. Và khi Kitsey chộp lấy tay tôi mà hỏi: "Anh có biết em đang nghĩ chúng mình nên làm gì không, Theo?" thì tôi biết rõ cô định nói điều gì.

"Nên làm không?"

"Làm đi! Anh không thấy thế à? Em nghĩ là mẹ sẽ vui lắm đấy!"

Thậm chí còn chưa chốt ngày. Ngày cứ liên tục thay đổi, tùy xem nhà thờ có chỗ lúc nào, một vài nhân vật thiết yếu trong bữa tiệc rảnh rang ra sao, lại còn ai đó phải chạy đua giành cúp hay công việc đến hạn hay những cái gỉ cái gi cái gì đó nữa. Vì thế, làm sao mà đám cưới này hình như lại đang trên đà trở thành một vụ khá đình đám - danh sách khách mời đã kéo đến mấy trăm, tổn phí hàng mấy nghìn, phục trang và dàn dựng vũ điệu như một vở diễn trên Broadway, làm sao mà đám cưới này có vẻ lại đang nở ra thành nguyên một sự kiện như vậy, thì tôi cũng thực tình không hiểu. Tôi biết đôi khi bà mẹ cô dâu là thủ phạm trong những đám cưới mất kiểm soát, nhưng trường hợp này thì dù sao cũng không thể trách tội bà Barbour, người hầu như chỉ ở tịt trong phòng dính lấy giỏ đồ thêu, không bao giờ nghe điện thoại, không nhận lời mời đi đâu, và thậm chí còn chẳng ra ngoài cắt tóc nữa, trong khi ngày xưa bà có hẹn làm tóc cứ hai ngày một lần đều đặn, mười một giờ sáng trước khi đi ăn trưa.

"Mẹ sẽ thích *mê* đi mà xem!" Kitsey đã thì thầm và thúc khuỷu tay nhỏ nhọn hoắt vào sườn tôi khi cả hai hối hả chạy lại phòng bà Barbour. Và ký ức về niềm vui của bà Barbour khi nghe cái tin ấy (*anh nói đi*, Kitsey bảo thế, *mẹ sẽ vui hơn nhiều nếu anh là người nói ra*) là một khoảnh khắc tôi đã tua đi tua lại trong đầu không biết chán: ánh mắt bất ngờ, rồi niềm vui nở bừng không che giấu trên khuôn mặt lạnh lùng mệt mỏi. Một tay bà chìa cho tôi, tay kia cho Kitsey, nhưng nụ cười tuyệt đẹp - mà tôi sẽ mãi mãi không quên - thì dành cho tôi trọn vẹn.

Ai từng biết tôi lại có sức mạnh làm cho người khác vui mừng đến vậy? Hoặc chính tôi cũng có thể vui mừng đến thế? Tâm trạng tôi là một cái ná bắn thun; sau khi bị nhốt kín, đánh thuốc ngủ hàng năm trời, thì nay trái tim tôi đang bay vèo vèo cuống

quýt như một chú ong trong cốc, cái gì cũng sáng rỡ, rõ nét, bối rối, sai lầm - nhưng đấy là một nỗi đau sắc ngọt, trái ngược với cảnh khổ sở lầm lũi đã đeo đẳng lấy tôi hàng năm trời dưới tác dụng của thuốc, như một chiếc răng sâu, một cơn nhức nhối âm ỉ khó chịu như một vật lấm bẩn. Sự sáng rõ là một niềm vui lớn, như thể tôi vừa gỡ cặp kính bị nhòe xước khiến mọi thứ trước mắt đều mù mờ. Suốt mùa hè tôi đã gần như mê muội: rung rinh, váng vất, ngập tràn năng lượng, năng lượng lấy từ rượu gin và tôm bóc nõn và tiếng *bụp* say người khi vợt đập vào bóng. Và trong đầu chỉ rộn ràng một chữ Kitsey, Kitsey, Kitsey!

Và bốn tháng đã trôi qua, đã đến tháng Mười hai, những sáng mát lạnh và âm hưởng Giáng sinh trong không khí, còn Kitsey và tôi đã đính hôn để chuẩn bị cưới và tôi may mắn chừng nào? Nhưng dù tất cả đều hoàn hảo, toàn những trái tim và hoa, như đoạn kết một vở nhạc kịch có hậu, tôi chợt thấy phát ớn. Vì những lý do không tên nào đó mà luồng năng lượng đã nhấc bổng tôi lên, đưa tôi qua khắp mùa hè nay lại bỏ tôi rơi đánh bịch khi vào tháng Mười, vào giữa cơn mưa phùn buồn thảm có vẻ như kéo dài vô tận về mọi hướng: chỉ trừ vài ngoại lệ cực ít ỏi (Kitsey, Hobie, bà Barbour), tôi ghét phải giao tiếp với mọi người, không thể chú ý đến bất ký điều gì ai đang nói, không nói chuyện được với khách hàng, không gắn nhãn được cho các món đồ bán, không đi nổi trên tàu điện ngầm, mọi hoạt động của con người đều dường như vô giá trị, không lý giải nổi, như một gò kiến nhung nhúc đen đặc giữa chốn hoang dã, khắp bốn phía đều không có lấy một đốm sáng, những loại thuốc chống trầm cảm ngoan ngoãn uống tám tuần nay cũng chẳng giúp được gì, và cả những loại trước đó cũng vậy (nhưng tôi đã thử từng loại một mà; rõ ràng tôi thuộc số 20% bất hạnh không được tưởng thưởng bằng đồng cỏ xuân bươm bướm bay mà bằng Đau Đầu Dữ Dội và

Ý Muốn Tự Sát); và dù đôi khi, bóng tối hé màn vừa đủ cho tôi hình dung bối cảnh xung quanh, những dáng hình quen thuộc chợt rõ nét giống như đồ đạc trong phòng ngủ khi rạng sáng, nhưng nỗi mừng rỡ ấy bao giờ cũng chỉ là tạm thời, chẳng hiểu sao buổi sáng chói chang không bao giờ đến, bao giờ mọi thứ cũng tắt phụt trước khi tôi kịp định vị mình, và lại thấy mình ở đó, mực đen đổ ụp vào mặt, chới với sờ soạng giữa bóng tối.

Tại vì sao lại có cảm giác lạc lối đến như vậy thì tôi cũng không biết nữa. Tôi biết mình vẫn chưa quên được Pippa, và hẳn sẽ không bao giờ quên cô; đó là một việc tôi sẽ phải tìm cách sống chung, nỗi buồn khi yêu một kẻ không tài nào với tới; nhưng tôi cũng biết khó khăn trước mắt cấp thiết hơn là làm sao bắt kịp một nhịp điệu giao tiếp xã hội tăng vọt rất khó chịu (ít nhất là đối với tôi). Kitsey và tôi không còn được hưởng những tối tay đôi nhẹ nhõm khỏe khoắn, chỉ có hai người nắm tay nhau ngồi cùng một phía bàn trong nhà hàng lim dim đèn nữa. Thay vào đó, hầu như tối nào cũng là tiệc chiêu đãi, các bàn chật ních trong nhà hàng cùng bạn bè cô, nỗi căng thẳng khiến cho tôi (nhấp nhổm vì thiếu thuốc, tan nát từng sợi thần kinh) rất khó biểu lộ vẻ hào hứng cần có, nhất là khi đang mệt phờ sau giờ làm và rồi đến những việc chuẩn bị cho đám cưới, cả nghìn cả triệu chi tiết lặt vặt mà tôi phải tìm cách thể hiện mình cũng nhiệt tình như cô, một cơn bão màu giấy lót những tờ quảng cáo và hàng hóa. Đối với cô nó đã trở thành một công việc toàn thời gian: đi xem những hàng văn phòng phẩm và hoa, tìm hiểu về phòng tiệc và dịch vụ nấu tiệc, thu thập hàng thước mẫu vải và hàng hộp bánh ngọt con tí cùng mẫu bánh ga tô lớn, băn khoăn rồi liên tục tham vấn tôi về những sắc ngà hay oải hương gần hệt như nhau trên bảng màu, thiết kế một loạt buổi ngủ đêm "giữa con gái với nhau" cùng các cô phù dâu và một "cuối tuần cho các chàng trai" cho tôi

(do Platt tổ chức?? ít nhất tôi cũng có thể tin tưởng là sẽ được say mèm từ đầu chí cuối), sau đó lại còn kế hoạch đi trăng mật, từng chồng sách giới thiệu giấy bóng (Fiji hay Nantucket? Mykonos hay Capri?). "Tuyệt vời," tôi cứ nhắc đi nhắc lại bằng cái giọng hồn hậu dành riêng cho Kitsey mới có, "trông cái nào cũng tuyệt lắm," mặc dù xét theo quan hệ giữa gia đình cô với các nước trong lịch sử, tôi thấy thật kỳ là cô lại không để mắt tới Vienna, hay Paris, hay Praha, hay bất kỳ chỗ nào cũng được miễn không phải một hòn đảo bé tí chìm nghỉm giữa lòng đại dương.

Nhưng chưa bao giờ tôi an tâm về tương lai như bây giờ, và mỗi lần nhắc mình nhớ lại con đường đúng đắn đã chọn, một việc tôi có dịp làm thường xuyên, thì tôi không chỉ nghĩ đến Kitsey mà thôi, mà tới cả bà Barbour; niềm hân hoan của bà đã là nguồn trấn an và nuôi dưỡng trái tim tôi, ngập tràn những ngóc ngách đã bấy lâu khô cạn. Tin đính hôn của hai chúng tôi đã làm bà hân hoan, tỉnh táo lên trông thấy; bà bắt đầu trở dậy đi quanh căn hộ, đã điểm trang bằng một chút môi hồng rất nhạt, và ngay cả những trao đổi thông thường với tôi cũng nhuốm một ánh sáng điều hòa, yên ổn, an lành khiến không gian quanh chúng tôi dường như rộng thêm ra, êm đềm soi tỏ những góc khuất tối tăm nhất trong lòng tôi.

"Bác chưa bao giờ nghĩ mình lại có thể vui đến mức này được nữa," một đêm bà đã khẽ khàng thổ lộ, trong bữa tối, khi Kitsey bỗng dưng nhảy bật lên chạy ra ngoài lấy điện thoại như cô vẫn hay làm thế, chỉ còn có hai chúng tôi bên bàn đánh bài trong phòng bà, ngượng nghịu đẩy đẩy mấy miếng măng tây và cá hồi nướng. " Vì - lúc nào cháu cũng thật tốt với Andy - nâng đỡ nó, bồi đắp lòng tự tin cho nó. Nó đã phô ra những mặt tốt nhất khi ở bên cháu, lúc nào cũng vậy. Và - bác thật mừng rằng cháu sẽ trở thành một phần chính thức của gia đình, rằng bây giờ chúng ta

sẽ khẳng định nó bằng pháp lý, bởi vì - ôi, chắc là bác không nên nói điều đó đâu, và hy vọng cháu bỏ qua cho bác được nói ra lời từ đáy lòng trong một lúc, nhưng lúc nào bác cũng coi cháu như là con của chính mình, cháu biết không? Kể từ khi cháu còn nhỏ cũng vậy."

Lời này khiến tôi ngỡ ngàng và cảm động đến mức chỉ có thể đáp lại rất vụng về, lắp bắp, bối rối khiến bà động lòng thương, chuyển câu chuyện sang hướng khác. Nhưng mỗi lần nhớ lại, tôi lại tràn ngập cảm giác ấm áp soi sáng cõi lòng. Một hồi ức cũng khoái chí (dù hơi nhỏ mọn) không kém là quãng lặng ngắn và kinh ngạc của Pippa khi tôi báo tin cho cô trên điện thoại. Hết lần này đến lần khác tôi đã tua lại quãng lặng ấy trong đầu, nhấm nháp cái im lặng sững người của cô: "Hả?" Rồi tỉnh lại: "Ôi, Theo, thật tuyệt vời quá! Tớ rất nóng lòng được gặp cô ấy!"

"Ôi, cô ấy là một người *hoàn hảo*" tôi nhận xét đầy nọc độc. "Tớ đã yêu cô ấy kể từ khi chúng tớ còn bé xíu."

Mà, một điều tôi vẫn còn tiếp tục nhận ra bằng đủ cách khác nhau, đấy hoàn toàn là sự thật. Sự giao nhau giữa quá khứ và hiện tại trở nên đậm màu sắc dục: tôi khoái thú vô kể khi nhớ lại nỗi khinh miệt mà Kitsey lên chín dành cho tôi, con mọt sách tuổi mười ba (đảo tròn mắt và bĩu môi mỗi lần bị xếp cạnh tôi giờ ăn tối). Và tôi còn khoái trá hơn nữa vẻ choáng váng không che giấu của những ai đã biết chúng tôi hồi nhỏ: mày? Và Kitsey Barbour á? Thật hả? *Cô đó*? Tôi khoái cái niềm vui và sự ác ý trong chuyện đó, cái cơ hồ bất khả: chuồi vào phòng cô sau khi mẹ đã ngủ - chính căn phòng cô từng khóa trái ngăn tôi hồi còn nhỏ, vẫn giấy dán tường hồng ấy, chưa hề thay đổi từ thời Andy còn sống, những tấm biển vẽ tay - Ở NGOÀI, ĐỪNG LÀM PHIỀN - tôi đẩy cô vào, Kitsey đóng cửa sau lưng cả hai, đưa ngón tay lên

miệng tôi, vẽ một đường theo môi tôi, cái lần đầu tuyệt diệu cùng ngã xuống giường cô, mẹ ngủ đấy, suỵt!!

Mỗi ngày tôi đều có vô số dịp nhắc nhở mình là người may mắn đến mức nào. Kitsey không bao giờ mệt mỏi; Kitsey không bao giờ âu sầu. Cô mời gọi, nhiệt huyết, tràn đầy âu yếm. Cô đẹp, vẻ đẹp sáng ngời và trắng như sữa khiến người người trên phố đều ngơ ngẩn. Tôi thán phục thấy cô giỏi chuyện trò đến thế, rất tích cực trong thế giới, rất thú vị và tự nhiên "cô bé đầu trên mây!" như Hobie gọi, trìu mến vô kể, cô quả là một ngụm khí lành! Ai cũng yêu cô. Và bất kể chứng phù phiếm dễ lây của cô, tôi biết đấy chỉ là một điều mắc mứu nhỏ, cái điều rằng Kitsey có vẻ không bao giờ thật *xúc động* vì thứ gì. Ngay cả cô nàng Carole Lombard cũng từng trào nước mắt vì những chàng bạn trai cũ hay những chó mèo bị hành hạ trên bản tin, hay khi một số quán bar kiểu cũ bị đóng cửa ở Chicago, nơi xuất thân của cô ả. Nhưng hình như không có thứ gì khiến Kitsey thấy đặc biệt bức thiết, cảm động hay thậm chí là đáng ngạc nhiên. Về chuyện đó thì cô giống hệt mẹ và anh trai mình, nhưng không hiểu sao sự dè dặt của bà Barbour hay Andy vẫn có gì rất khác với kiểu Kitsey buông những nhận xét đùa bỡn hay cười cợt bất kể khi nào ai nêu ra đề tài gì nghiêm trọng. ("Chán phèo," tôi đã từng nghe cô thở dài nửa nhạo cợt và nhăn mũi khi có người hỏi thăm bà mẹ.) Thêm nữa - và chỉ cần nghĩ đến đã đủ khiến tôi váng đầu khó chịu - tôi cứ dõi tìm một dấu hiệu buồn thương nào về chuyện Andy hay ông bố, và dần dà đã bắt đầu hoang mang khi không tìm ra. Vậy cái chết của họ chẳng hề chạm tới cô chút nào ư? Chẳng phải đáng ra chúng tôi ít nhất thì cũng bàn đến chuyện ấy một lúc nào đó? Một mặt, tôi cảm phục sự dũng cảm của cô: ngẩng cao đầu sống tiếp khi đối diện với thảm kịch, hoặc đại loại vậy. Có thể chỉ là cô cực kỳ kín đáo, cực kỳ giấu mình, giỏi bày ra tấm mặt nạ cự

phách. Nhưng vũng nước nông lấp lánh ấy, thoạt nhìn thì thật mời mọc, lại không hề thoải dần thành đáy sâu, khiến đôi khi tôi có cảm giác rất ức chế là đang bì bõm lội trong khoảng nước ngập đến gối, chỉ mong bước hụt, rơi vào một quãng đủ sâu để có thể bơi.

Kitsey đang đập nhẹ vào cổ tay tôi. “Sao thế?”

“*Barneys*. Ý em là chúng mình đã ở đây rồi? Có lẽ nên dạo qua cánh Nội thất nữa? Em biết là mẹ sẽ không thích chúng mình lập danh sách quà ở đây, nhưng cũng hay nếu chuyển sang cái gì đó bớt truyền thống một chút để dùng hằng ngày.”

“Không…” Tôi lấy cốc của mình và nuốt cạn “anh rất cần phải xuống trung tâm, nếu em không phiền. Có hẹn với khách.”

“Thế tối nay anh có lên bắc không?” Kitsey thuê chung căn hộ khu 70 Đông với hai người khác, không xa văn phòng tổ chức nghệ thuật mà cô làm việc.

“Không biết nữa. Có thể còn phải ăn tối. Nếu được anh sẽ kiếm cách chuồn.”

“Cocktail thì sao? Làm ơn? Hay ít nhất thì đi uống sau bữa tối cũng được? Mọi người sẽ buồn lắm nếu anh không xuất hiện ít nhất là một *tí xíu*. Charles và Bette…”

“Anh sẽ cố. Hứa đấy. Đừng quên cái kia,” Tôi nói và hất đầu về phía đôi khuyên tai, vẫn còn nằm trên khăn trải bàn.

“Ôi, không! Tất nhiên là không rồi!” Cô ăn năn nói và chộp lấy, ném vào trong túi như một nắm tiền lẻ.

iii.

KHI CHÚNG TÔI RA NGOÀI hòa vào dòng người sắm Giáng

sinh, tôi thấy chông chênh và buồn bực; những tòa nhà thắt ruy-băng, những cửa sổ lấp lánh chỉ càng làm nỗi buồn đè trĩu thêm nặng nề: trời mùa đông tối thẫm, những vực thẳm xám toàn lông thú và nữ trang cùng tất cả quyền uy và sầu bi của tiền bạc.

Mình gặp chuyện gì thế này? tôi nghĩ, trong khi Kitsey và tôi ngang qua Đại lộ Madison, cái áo khoác Prada hồng nhấp nhô rực rỡ giữa dòng người. Sao mình phải ấm ức với Kitsey chỉ vì cô không có vẻ bị ám ảnh với Andy và bố, vì cô đang tìm cách sống tiếp cuộc sống của mình?

Nhưng, nắm lấy khuỷu tay Kitsey và được thưởng một nụ cười rạng rỡ, tôi lại nhất thời được nhẹ mình, tạm quên những nỗi lo âu. Đã tám tháng kể từ ngày tôi bỏ lại Reeve trong cái nhà hàng Tribeca ấy; vẫn chưa thấy ai liên lạc lại vì một trong những món đồ giả từng bán, dù tôi sẵn lòng nhận lỗi khi nào họ gọi: thiếu kinh nghiệm, mới vào nghề, tiền của ngài đây ạ, xin nhận lời tạ lỗi chân thành của tôi. Hằng đêm thức trắng, tôi an ủi mình rằng nếu tình hình có chuyển xấu thì ít ra tôi cũng không để lại dấu vết: tôi đã cố càng ít giấy tờ các vụ mua bán này càng tốt, những món nhỏ hơn còn đề nghị giảm giá nếu trả tiền mặt.

Tuy nhiên. Tuy nhiên. Đây chỉ là vấn đề thời gian. Chỉ cần một người xuất hiện, sẽ gây ra cả một trận núi lửa. Và phá tan tành danh tiếng của Hobie là một chuyện, nhưng chừng nào số người đòi hoàn đổi nhiều đến mức tôi không còn đủ tiền trả lại cho họ nữa, thì sẽ có kiện tụng: và khi kiện tụng thì Hobie, với tư cách đồng chủ nhân cửa hiệu, sẽ bị bêu tên. Thật khó mà thuyết phục tòa án rằng ông không biết những việc tôi làm, nhất là một số món tôi đã bán với giá Di Sản Mỹ và nếu chuyện đó xảy ra, tôi còn không nghĩ rằng Hobie sẽ thiết tha tự bào chữa cho mình, nếu như việc đó sẽ khiến tôi đơn độc. Tất nhiên, rất nhiều trong số

những kẻ mua hàng của tôi thừa mứa tiền đến mức chẳng thèm để ý. Tuy nhiên. Tuy nhiên. Khi nào sẽ đến lúc có kẻ nghĩ ra phải ngó xuống mặt dưới mấy cái ghế ăn Heppelwhite (chẳng hạn) rồi phát hiện ra chúng không hoàn toàn như nhau? Rằng vân gỗ không khớp, rằng bốn chân không giống? Hay đưa một cái bàn đi thẩm định độc lập và phát hiện ra loại ván lạng ấy không được dùng, thậm chí còn chưa được phát minh ra, vào thập niên 1770? Mỗi ngày tôi lại tưởng tượng xem vụ lừa đảo đầu tiên bị phát hiện sẽ là bao giờ, và ra sao: thư của một tay luật sư, điện thoại của ban Nội thất Hoa Kỳ nhà Sotheby, một chuyên gia trang trí nội thất hay một nhà sưu tầm lao sầm vào cửa hiệu buộc tội, Hobie đi xuống xưởng, nghe này, chúng ta có vấn đề rồi, cháu có rảnh không?

Nếu những tin tức đủ sức phá nát hôn nhân này phát lộ trước đám cưới, thì tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Điều ấy quá sức tôi nghĩ đến. Rốt cuộc có thể sẽ chẳng có đám cưới nào. Nhưng, vì Kitsey và vì bà mẹ - có vẻ nếu thông tin đến sau đám cưới thì sẽ còn tàn nhẫn hơn, nhất là vì nay nhà Barbour chẳng còn được dư dả như hồi ông Barbour còn sống. Dòng tiền bị mắc ở vài chỗ nào đó. Tiền bị giam trong các quỹ ủy thác. Mẹ đã phải giảm giờ cho một số kẻ ăn người làm, số còn lại cho nghỉ hẳn. Còn bố, như Platt tiết lộ khi tìm cách lôi kéo tôi chú ý đến những món đồ cổ khác trong căn hộ - dạo cuối đời đã phát rồ và đem đầu tư hơn 50% lượng cổ phiếu nắm giữ vào VistaBank, một con quái vật nhà băng thương mại, vì "những lý do tình cảm" (cụ năm đời của ông Barbour từng làm giám đốc một trong mấy ngân hàng gốc từ hồi xửa xưa, ở Massachusetts, đã từ lâu mất tên sau khi sáp nhập vào Vista). Không may thay, Vista đã ngừng chia cổ tức, và đóng cửa chỉ ít lâu sau khi ông mất. Vì thế mà bà Barbour đã giảm hẳn lượng đóng góp cho các quỹ từ thiện mà xưa kia bà từng quá hào

hiệp, vì thế mà Kitsey phải đi làm. Và vị trí biên tập ở nhà xuất bản xinh xẻo có gu của Platt, như anh ta vẫn thường nhắc lại với tôi khi đã mềm môi, lương còn thấp hơn mẹ từng trả cho người làm ngày xưa. Nếu tình hình chuyển xấu, tôi tin chắc bà Barbour sẽ làm mọi cách giúp đỡ, còn Kitsey, là vợ tôi, sẽ bắt buộc phải giúp dù muốn hay không. Nhưng chơi xấu họ như vậy thì quá bẩn, nhất là vì những lời tán tụng tưng bừng của Hobie đã khiến tất cả tin chắc (nhất là Platt, người này phải lo xoay xỏa với năng lực chi tiêu ngày càng hẻo của gia đình) rằng tôi là một thứ thầy phù thủy tài chính đã giáng trần để cứu giúp cô em. "Cậu biết cách *kiếm* tiền," anh ta đã nói thẳng toẹt khi cho tôi biết tất cả đều sướng tỉnh người khi Kitsey quyết định lấy tôi chứ không phải một trong mấy gã vẫn lượn lờ tán tỉnh quanh cô. "Còn nó thì không."

Nhưng điều làm tôi lo lắng nhất là Lucius Reeve. Dù vẫn không thấy ỏ ê gì về cái tủ hai tầng, nhưng tôi bắt đầu nhận được, từ mùa hè, một chuỗi thư rất đáng lo ngại: viết tay, không chữ ký, trên thiếp viết thư viền xanh in tên ông ta trên cùng bằng kiểu chữ như khắc đồng: **Lucius Reeve**

Đã gần ba tháng kể từ khi tôi đưa ra một lời đề nghị có lý và công bằng xét theo mọi chuẩn mực. Làm sao anh lại có thể thấy đề nghị ấy là không hợp lý?

Và tiếp đó:

Lại thêm tám tuần nữa trôi qua. Chắc anh hiểu nỗi khó xử của tôi. Sự bực dọc càng lúc càng lớn.

Và rồi ba tuần nữa, đúng một dòng:

Sự im lặng của anh thật không chấp nhận được.

Những lá thư làm tôi khốn khổ, dù cố tìm cách xóa chúng ra

khỏi tâm trí. Mỗi khi nhớ đến chúng, thường xuyên và không báo trước, giữa giờ ăn, khi đang đưa nĩa lên môi, tôi lại cảm giác như vừa bị tát cho tỉnh mộng. Tôi hoài công nhắc nhở mình rằng những tuyên bố của Reeve trong nhà hàng thật quá mức lạc đích. Đáp lại ông ta dù cách nào cũng là ngớ ngẩn. Chỉ có một cách là tảng lờ, như với một gã ăn mày dai dẳng trên đường.

Nhưng rồi liền một lúc xảy ra hai sự việc đáng ngại. Tôi vừa lên nhà hỏi Hobie có muốn ra ngoài ăn trưa không - "Được, đợi một chút," ông nói; ông đang xem thư bên cái tủ búp phê, kính đung đưa chóp mũi. "Hừm," ông nói và xoay ngược một phong bì xem mặt trước. Ông mở ra, nhìn tấm thiếp bên trong, giơ lên thật xa để nhìn nó qua đằng trên kính, rồi lại kéo sát mắt.

"Xem này," ông nói. Ông đưa thiếp cho tôi. "Chuyện này là chuyện gì thế?"

Trên tấm thiếp là nét chữ đã quá quen thuộc của Reeve, chỉ đúng hai câu: không mào đầu, không chữ ký.

Đến lúc nào thì có thể coi sự chậm trễ này là vô lý? Bao giờ chúng ta mới có thể tiến tới về việc tôi đã đề xuất với cộng sự trẻ của ông, vì rõ ràng cả hai người đều chẳng được lợi ích gì khi tiếp tục thế giằng co này?

"Ôi giời ơi," tôi đặt tấm thiếp xuống bàn rồi ngoảnh đi. "Cha mẹ trời đất."

"Sao?"

"Ông ta đấy. Có cái tủ hai tầng ấy."

"À, người đó," Hobie nói. Ông chỉnh kính, lặng lẽ nhìn tôi. "Cuối cùng thì ông ta có rút tiền từ cái séc đó không?"

Tôi cào tay lên tóc. "Không."

“Thế cái đề xuất này là sao? Ông ta nói chuyện gì vậy?”

“Cái này...” Tôi đi ra vòi nước lấy một cốc, đây là mẹo từ xưa của bố khi nào ông cần một giây trấn tĩnh lại “cháu không muốn làm phiền bác, nhưng gã này gần đây đã trở nên phiền toái ghê gớm. Dạo này cháu chỉ vứt thư đi không mở ra. Nếu bác còn thấy thư của ông ta thì cháu nghĩ tốt nhất bác cứ quẳng vào thùng rác.”

“Ông ta muốn gì?”

“ Ờ... ” Vòi nước rất ầm, tôi lấy đầy cốc, “à.” Tôi quay lại, lau tay qua trán. “Điên rồ lắm. Cháu đã viết séc để mua lại món đó, như có kể với bác. Nhiều hơn cả số tiền ông ta trả.”

“Thế còn vấn đề gì?”

“À...” Tôi nuốt ực một ngụm “tiếc thay ông ta còn đang mơ tưởng chuyện khác. Ông ta nghĩ rằng, ờm, chúng ta đang mở cả một dây chuyền sản xuất ở đây, và đang muốn dự phần vào đó. Bác hiểu không, thay vì đem séc của cháu ra ngân hàng? ông ta lại kiếm được một bà già nào đó, hộ lý trực từ sáng đến tối, và ông ta muốn chúng ta dùng căn hộ của bà kia để, ờm...”

Hobie nhướng cao mày. “Cắm à?”

“Vâng,” tôi đáp và mừng vì ông lại là người nói ra chữ đó. “Cắm” là một mánh trong đó hàng giả hay thứ cấp được cài vào các nhà riêng, thường là của người cao tuổi, để bán cho những tay kền kền đang bâu quanh giường hấp hối: những quân ăn bám quá háo hức muốn lột bà già chụp ống oxy đến nỗi không nhận ra chính mình mới là kẻ đang bị lột. “Lúc cháu định trả lại tiền cho ông ta, thì ông ta đề xuất như vậy. Chúng ta cấp hàng. Chia 50-50. Và ông ta cứ lằng nhằng mãi từ hồi đó đến giờ.”

Hobie ngớ ra. “Thế thì lố bịch quá.”

“Vâng…” Nhắm mắt, bóp mũi “nhưng ông ta dai lắm. Vì thế cháu mới nghĩ bác nên…”

“Bà này là ai?”

“Một bà, người thân cao tuổi gì đấy, ai chả thế.”

“Tên bà ta là gì?”

Tôi áp cốc nước lên thái dương. “Chịu.”

“Ở đây à? Trong thành phố à?”

“Cháu đoán thế.” Tôi không ưa phương hướng hỏi han này lắm. “Dù sao thì, bác cứ vứt đi là xong. Cháu xin lỗi không báo sớm hơn nhưng thực tình cháu không muốn làm bác lo lắng. Ta cứ lờ đi là ông ta sẽ chán thôi.”

Hobie nhìn tấm thiếp, rồi nhìn tôi. “Bác sẽ giữ cái này. Không,” ông sắc giọng khi tôi tìm cách ngắt lời, “thế này là quá đủ để mang đến cảnh sát nếu đến lúc. Bác không lo về cái tủ - không, không,” ông nói và giơ tay chặn tôi lại, “thế này không được đâu, cháu thì tìm cách sửa sai mà ông ta lại định tìm cách ép cháu vào việc phạm pháp. Chuyện này diễn ra được bao lâu rồi?”

“Cháu cũng chẳng biết. Vài tháng gì đó?” tôi nói khi ông vẫn nhìn tôi.

“Reeve.” Ông nhìn tấm thiếp, mày nhăn cả lại. “Để bác hỏi Moira.” Moira là tên bà DeFrees. “Nếu ông ta lại viết thì bảo bác.”

“Tất nhiên rồi.”

Tôi còn không dám nghĩ xem sẽ có chuyện gì xảy ra nếu nhỡ may bà DeFrees lại quen Lucius Reeve, hay là biết ông ta, nhưng may thay mặt trận đó không đưa lại thêm lời tiếng nào nữa. Quả

thật chỉ là do may mắn mà lá thư gửi cho Hobie mới có lời lẽ mập mờ như vậy. Nhưng ý đe dọa bên trong thì quá rõ. Thật ngớ ngẩn nếu đi lo âu rằng Reeve sẽ làm theo ý đó và đi cầu viện luật pháp, bởi tôi không ngừng nhắc nhở mình, cơ may duy nhất để ông ta chạm được vào bức tranh, là tôi vẫn còn được tự do đi lấy nó.

Thế nhưng, kỳ quái sao, điều này lại chỉ càng khiến tôi khao khát được mang nó về sát bên mình, ngắm nghía nó bất cứ khi nào tôi muốn. Dù biết chuyện này là bất khả, tôi vẫn nghĩ về nó không ngừng. Có ngoảnh đi đâu, có cùng Kitsey tới thăm căn hộ nào, tôi cũng nhìn ra ngay những nơi có khả năng giấu nó: tủ chạn cao, lò sưởi giả, những xà nhà rộng phải bắc thang cao mới leo tới, ván sàn dễ dàng nậy lên. Hằng đêm tôi nằm nhìn bóng đêm, mơ tưởng một cái tủ ly chế tạo riêng, chống lửa, để cất nó đi an toàn kín kẽ, hoặc ảo tưởng hơn nữa, một căn buồng bí mật như kiểu Yêu Râu Xanh, môi trường điều hòa, khóa số ở ngoài.

Của tôi, của tôi. Sợ hãi, tôn sùng, giấu giếm. Nỗi mừng vui và kinh hoảng của kẻ ôm niềm đam mê bệnh hoạn. Tôi tải những bức hình chụp nó về máy tính và điện thoại, dù biết rõ làm vậy là điên rồ, để thỏa thuê ngắm nghía nó khi ở riêng, những nét bút số hóa, mảnh nắng trời thế kỷ 17 bị nén thành những chấm và điểm, nhưng màu sắc càng trong trẻo, ấn tượng về nét vẽ nổi gờ càng phong phú, thì tôi càng khao khát được chạm tay vào nguyên bản, vào vật thực tắm trong ánh nắng, huy hoàng, không gì thay thế được.

Môi trường sạch bụi. An ninh 24/24. Dù cố không nghĩ đến lão già người Áo đã nhốt người phụ nữ trong hầm suốt hai mươi năm[128], nhưng hại thay đấy lại chính là cách ví von thường xuyên xuất hiện trong đầu nhất. Nhỡ tôi chết đi? Bị xe buýt tông chẳng hạn? Liệu cái bọc gói xấu xí có bị tưởng là rác và vứt vào lò

thiêu? Ba bốn lần, tôi đã gọi điện nặc danh đến nơi bảo quản để trấn an mình về một điều đã biết sau cả tá lần lo lắng xem đi xem lại website: nhiệt độ và độ ẩm được bảo đảm là trong ngưỡng an toàn cho việc bảo quản tác phẩm nghệ thuật. Đôi khi tỉnh giấc, tôi cảm giác toàn bộ chuyện ấy chỉ là một giấc mơ, dù chỉ nháy mắt sau đã nhớ ra không phải vậy.

Nhưng không thể dù chỉ nghĩ đến chuyện đi lên đó, khi Reeve đang rình như một con mèo chực đợi tôi chạy qua phòng. Tôi phải ngồi thật yên. Không may thay, tiền thuê ngăn tủ chỉ ba tháng nữa là đến hạn, và giữa mọi chuyện bận bịu khác tôi thấy không việc gì phải đích thân đến trả tiền. Ý định là để cho Grisha hay một anh nào đó khác tới trả thay, bằng tiền mặt, và tôi tin tưởng họ sẽ làm mà không thắc mắc gì. Nhưng tới lúc đó, chuyện không may thứ hai xảy ra: vì mới vừa mấy ngày trước Grisha đã làm tôi choáng váng khi xích lại gần, đầu hơi giật sang bên, khi tôi có một mình trong cửa hiệu đang tính hóa đơn trong tuần: "*Mazhor*, quấy quả cậu chút ít."

"Vâng?"

"Cậu sạch tay chứ?"

"Gì cơ?" Trộn lẫn tiếng Do Thái gốc Đức với tiếng Nga đầu đường xó chợ, nhào cùng đặc ngữ Brooklyn và tiếng lóng học từ nhạc rap, thỉnh thoảng ngôn ngữ của Grisha tạo thành một thứ tiếng Anh tôi không hiểu nổi.

Grisha khịt mũi ầm ĩ. "Tôi nghĩ là cậu không hiểu ý tôi, cu ạ. Tôi đang muốn hỏi là tình hình của cậu vẫn trơn chứ. Với pháp luật ấy."

"Đợi chút," Tôi nói - đang dở một cột số liệu, rồi nhìn lên khỏi máy tính: "Mà anh đang nói cái gì thế?"

“Cậu, anh em tôi, tôi không kết tội, không phán xét. Chỉ hỏi cho biết thôi, hiểu chưa?”

“Sao thế? Có gì thế?”

“Có người lượn quanh cửa hiệu, để mắt nhìn. Cậu biết lý do gì không?”

“Ai?” Tôi liếc ra ngoài cửa sổ. “Gì cơ? Khi nào thế?”

“Tôi muốn hỏi cậu lâu rồi. Sợ không dám đi xe ra Công viên Borough gặp Genka em họ tôi vì mấy công chuyện của nó, sợ bị mấy thằng đó đeo tôi.”

“Đeo anh à?” Tôi ngồi xuống.

Grisha nhún vai. “Bốn năm lần rồi. Hôm qua xuống xe, tôi lại thấy một thằng lảng vảng ở ngoài, nhưng nó chuồn qua bên kia đường. Quần bò, khá già, ăn mặc đơn giản. Genka, nó không biết gì nhưng nó hoảng, tôi vừa bảo chúng tôi có chút công chuyện đấy, nó bảo tôi hỏi cậu có biết gì vụ đó không. Chẳng nói gì, cứ đứng đó đợi. Tôi nghĩ không biết có phải cậu lại vướng gì với ông đen không,” anh nói vẻ giữ kẽ.

“Không hề.” Ông đen là Jerome; tôi không gặp anh ta nhiều tháng rồi.

“Thế đấy. Tôi ghét phải báo tin cho cậu, nhưng nghĩ có thể là bọn cảnh *chát* đang đánh hơi. Mike - anh ấy cũng thấy. Anh ấy nghĩ có thể là vì vụ tiền nuôi con của anh ấy. Nhưng thằng đó chỉ loanh quanh ở đây, không làm gì.”

“Cái này đã bao lâu rồi?”

“Ai biết được? Nhưng ít nhất cũng một tháng. Mike bảo còn hơn.”

“Lần sau nhìn thấy, anh chỉ cho tôi được không?”

“Có thể là thám tử tư.”

“Sao anh nói thế?”

“Vì trông thằng đó kiểu như cựu cớm thì đúng hơn. Mike nghĩ vậy, dân Ireland ấy, thạo cớm lắm, Mike nói trông già, như kiểu cảnh *chát* về vườn gì đó?”

“Ừ,” Tôi nói và nghĩ đến kẻ có dáng người vạm vỡ từng nhìn thấy ngoài cửa. Sau đó tôi đã thấy thêm bốn năm lần nữa, hắn hoặc ai đó trông giống hắn, lảng vảng ngoài cửa trong giờ làm việc - luôn chọn đúng lúc tôi đang ở cùng Hobie hoặc khách hàng, rất khó chạy ra chặn đầu hắn ta - dù trông bộ dạng hắn ta thì ngây thơ vô số tội, áo có mũ và ủng thợ xây, tôi cũng chẳng biết có đúng không nữa. Một lần, dựng tóc gáy, tôi còn thấy một kẻ giống như vậy đu đưa trước cửa tòa nhà gia đình Barbour sống, nhưng khi nhìn rõ hơn thì lầm.

“Thằng đó ở đây cũng lâu lâu rồi. Nhưng có điều...” Grisha ngừng một lúc “bình thường tôi chẳng nói gì đâu, có thể chẳng có gì, nhưng hôm qua…”

“Có chuyện gì? Anh nói đi,” tôi nói khi thấy anh chỉ xoa cổ và ăn năn nhìn tránh đi.

“Một gã khác. Trông khác. Tôi từng thấy quanh quẩn ngoài hiệu một lần rồi. Ngoài cửa. Nhưng hôm qua thì hắn vào thẳng hiệu hỏi đích danh cậu. Và tôi không ưa bộ dạng thằng đó tí nào.”

Tôi ngồi phịch xuống ghế. Tôi đã nghĩ khi nào thì Reeve sẽ khùng tới mức đích thân ghé qua.

“Tôi không nói chuyện với hắn. Tôi ở ngoài” Gật đầu “thế đấy. Đang chất hàng. Nhưng tôi thấy hắn đi vào. Rất dễ đập vào mắt.

Ăn mặc tử tế, nhưng không giống khách hàng. Cậu đi ăn trưa còn Mike ở hiệu một mình, thằng đó vào, hỏi, có Theodore Decker không? À, cậu không có nhà, Mike bảo vậy. 'Thế nó ở đâu.' Hỏi đủ thứ chuyện về cậu, như là cậu làm ở đây à, cậu sống ở đây à, từ bao lâu, cậu đang ở đâu, đủ thứ."

"Hobie đâu?"

"Không hỏi Hobie. Hỏi cậu cơ. Rồi..." anh đưa ngón tay vạch trên mặt bàn "hắn bỏ ra ngoài. Đi vòng quanh hiệu. Nhìn chỗ này chỗ khác. Nhìn khắp mọi chỗ. Cái này, tôi thấy từ chỗ mình đứng, bên kia đường. Trông lạ lắm. Và... Mike không nhắc chuyện này với cậu vì nói có thể chẳng có gì, có thể là chuyện riêng tư, 'tốt hơn là nên tránh đi', nhưng tôi cũng nhìn thấy hắn và nghĩ tốt hơn là cho cậu biết. Vì, hừm, đồng loại nhận nhau, cậu hiểu không?"

"Trông hắn ta thế nào?" tôi hỏi, và khi Grisha không trả lời "hơi già chăng? Ục Ịch? Tóc bạc?"

Grisha thở hắt ra. "Không không không." Lắc đầu quả quyết. "Không phải là dạng lão già."

"Thế trông hắn như thế nào?"

"Như một kẻ tốt nhất là đừng gây sự, hắn trông như thế đấy."

Trong quãng im lặng tiếp theo, Grisha đốt một điếu Kool và một điếu nữa cho tôi. "Vậy thì tôi nên làm gì, *mazhor*?"

"Xin lỗi?"

"Tôi và Genka có cần lo ngại không?"

"Tôi nghĩ là không. Ừ," tôi nói và hơi vụng về đập vào bàn tay ngửa ra mà anh đắc thắng chìa cho tôi, "được rồi, nhưng anh giúp tôi chuyện này được không? Anh đi gặp tôi ngay khi nào lại thấy

một trong hai kẻ đó nhé?"

"Tất nhiên." Anh ngừng lại và chăm chú nhìn tôi. "Cậu chắc là tôi với Genka không phải lo gì chứ?"

"À, tôi không biết hai anh đang làm gì, có phải không?"

Grisha rút một cái khăn mùi xoa bẩn trong túi ra, lau cái mũi đã tím bầm. "Tôi không thích cậu trả lời vậy tí nào."

"Ừm, hãy bảo trọng, thế thôi. Nhỡ may."

"Mazhor, tôi cũng cần dặn cậu y như vậy."

iv.

TÔI ĐÃ NÓI DỐI KITSEY; tôi hoàn toàn chẳng có việc gì cần làm. Ra khỏi Barneys, chúng tôi hôn tạm biệt nhau ở góc Đại lộ 5 trước khi cô trở lại Tiffany ngó quầy pha lê - chúng tôi còn chưa kịp xem đến pha lê - còn tôi đi ra chờ tàu số 6. Nhưng thay vì nhập vào dòng người mua sắm đổ xuống cầu thang dẫn vào ga, tôi lại thấy bải hoải và lơ đễnh, lạc lối, mệt mỏi và ốm yếu tới mức lại dừng chân nhìn vào cửa kính Subway Inn bẩn thỉu, thẳng đối diện cửa lấy hàng ở Bloomingdale, một lỗ hổng thời gian y như trong *The lost weekend*[129] và còn nguyên không đổi từ những ngày rượu chè của bố tôi. Bên ngoài là đèn neon như phim noir. Bên trong vẫn những tường đỏ nhờn bẩn, bàn dính nhớp, sàn gạch vỡ, mùi nước tẩy nồng nặc, đức ông bụng phệ đứng quầy choàng tấm giẻ trên vai rót rượu cho gã cô độc mắt vằn đỏ bên quầy bar. Tôi nhớ mình và mẹ đã một lần mất dấu bố ở Bloomingdale, đối với tôi khi đó thật huyền bí, mẹ đã biết lối rời cửa hàng, đi thẳng qua đường tìm ra ông ở đây, đang nốc những ly bốn đô với một lão già công đoàn ho lao và một ông cụ buộc khăn trên đầu nhìn có vẻ dân sống vỉa hè. Tôi đứng đợi bên lối

cửa vào, tái mặt trước mùi bia hẩm và mê hồn vì bóng tối ấm và bí ẩn bên trong, ánh lờ mờ phim ma trên máy hát tự động và máy chơi xèng Buck Hunter đang nhấp nhánh tít trong lòng quán "èo, mùi những lão già và nỗi tuyệt vọng," mẹ tôi đã khủng khỉnh nhận xét và nhăn mũi khi ra khỏi quán, túi hàng trên tay, rồi nắm lấy tay tôi.

Một cốc Johnnie Walker nhãn đen nào, vì bố. Hoặc hai cốc. Tại sao không chứ? Những hốc tối trong bar trông ấm áp và đồng lõa, cái hào quang nồng hơi men sến nhão ấy vẫn giúp người ta quên đi trong một khắc mình là ai và cái gì đưa đẩy mình đến đây. Nhưng vào phút chót, giật mình giữa cửa khiến người phục vụ liếc nhìn ra, tôi quay người đi tiếp.

Đại lộ Lexington. Gió mang hơi nước. Buổi chiều ẩm và ma mị. Tôi đi thẳng qua bến tàu trên Phố 51, rồi lại bến Phố 42, mà vẫn đi tiếp, để đầu óc được quang quẻ. Những khối nhà chung cư trắng như tro. Những đoàn người rầm rập trên đường, những cây Noel sáng đèn lóng lánh tít trên ban công nhà tầng thượng và nhạc Giáng sinh hân hoan thoát ra từ cửa hàng cửa hiệu, và khi luồn lách qua những đám đông tôi chợt có cảm giác lạ kỳ là mình đã chết, mình đang di chuyển giữa một vỉa hè xám mênh mông hơn cả con phố hay cả thành phố này có thể bao bọc lấy, linh hồn tôi đã tách khỏi thể xác trôi lơ lửng giữa các hồn khác trong cõi mù sương đâu đó giữa quá khứ và hiện tại, QUA ĐƯỜNG DỪNG LẠI, từng người đi bộ lửng lơ bay lên trước mắt tôi, cách biệt và cô đơn lạ lùng, những khuôn mặt trống rỗng cắm tai nghe nhìn thẳng phía trước, môi mấp máy không ra tiếng, còn âm thanh thành phố ẩm và bít tiếng, dưới những tầng trời màu granite đè ngộp thở đã bịt hết mọi âm thanh trên phố, rác và giấy báo, xi măng và mưa phùn, một vẻ xám mùa đông bẩn thỉu trĩu như đá tảng.

http://tieulun.hopto.org

Tôi đã nghĩ sau khi thoát được khỏi quán bar, mình sẽ đi xem phim, nghĩ sự cô độc trong rạp chiếu sẽ làm tôi tỉnh lại, một suất chiếu chiều gần như không người cho một bộ phim sắp qua giai đoạn nổi. Nhưng khi với cái đầu váng vất và sổ mũi, tôi đến được rạp trên giao lộ Phố 32 và Đại lộ 2, thì cái phim hình sự Pháp tôi muốn xem đã kịp bắt đầu và cả bộ phim ly kỳ về việc nhận nhầm người cũng vậy. Còn lại chỉ có một loạt những bộ phim ngày lễ cùng những phim ái tình lộn mửa, trên áp phích toàn những cô dâu phờ phạc, cô dâu đại chiến, một ông bố ỉu thìu đội mũ ông già Noel bế hai đứa nhóc gào thét điên cuồng.

Taxi đã dần tắt đèn nóc. Tít cao bên trên phố, trong bóng chiều muộn, đèn thắp lên trong những ván phòng và chung cư cao tầng cô đơn. Tôi ngoảnh đi, tiếp tục bước chân vô định vào trung tâm, không rõ mình định đi đâu hay vì sao nữa, và vừa đi tôi vừa có cảm giác dễ chịu đến kỳ quái là mình đang cởi bỏ chính mình, đang tuột mình ra như gỡ một cuộn len, từng sợi một, những mảnh giẻ vụn rơi lả tả khỏi người tôi chỉ nhờ động tác đi ngang qua Phố 32 và bay rập rờn giữa dòng người đi bộ giờ cao điểm nằm cuộn trên mặt đất từ phút trước tới phút sau.

Ở rạp phim kế, cách đó chừng mươi mười hai khối nhà, tình hình cũng không khác: bộ phim tình báo đã bắt đầu, cả phim tiểu sử rất được tán thưởng về một nữ minh tinh hồi thập niên 1940; cái phim hình sự Pháp phải đợi tiếng rưỡi nữa; và trừ khi thích xem phim về kẻ loạn trí hay phim gia đình lắng đọng, thứ tôi không tiêu hóa được, thì chỉ còn toàn là cô dâu cùng tiệc độc thân cùng mũ ông già cùng Pixar.

Tới lúc đến rạp phim trên Phố 17, tôi không buồn dừng lại ở phòng vé nữa mà cứ thế đi tiếp. Không hiểu sao, một cách bí ẩn, trên quãng đường đi qua Quảng trường Thống nhất vướng vào

một luồng xoáy tối thâm không biết từ đâu ập tới cuốn mình đi, tôi đã hạ quyết tâm sẽ gọi Jerome. Trong ý nghĩ ấy có một niềm vui thần bí, một sự hành xác thiêng liêng. Gọi gấp như vậy liệu anh ta có thuốc kê đơn không, hay tôi sẽ phải mua loại hàng xáo vẫn bán ngoài đường? Tôi cóc cần biết. Tôi đã kiêng hàng tháng trời nay, nhưng vì lý do nào đó mà một buổi chiều gà gật bất tỉnh trong phòng ngủ của mình trên nhà Hobie xem ra là đáp án cực kỳ hợp lý đối lại những đèn đuốc ngày lễ, đám đông ngày lễ, tiếng chuông Giáng sinh không chịu im cái điệu cầu hồn chết chóc, và cuốn sổ màu kẹo hồng mua từ Kate's Paperie của Kitsey chia trang đề những nào là Phù Dâu Cho Kits Khách Của Kits Chỗ Ngồi Của Kits Hoa Của Kits Nhà Cung Cấp Cho Kits Những Việc Cần Làm Của Kits Nhà Hàng Của Kits.

Giật mình lùi lại, đèn vừa chuyển xanh, tôi suýt bước xuống trước đầu xe - tôi lảo đảo, gần trượt chân. Chẳng việc gì phải ôm mãi cho rặm bụng nỗi kinh hoảng khó lý giải tôi cảm thấy trước một đám cưới lớn đông đảo, những không gian kín, nỗi sợ chật chội, những cử động bất chợt, đâu đâu cũng thấy những kích thích gây hoảng sợ, không hiểu sao tàu điện ngầm chẳng làm tôi bận tâm lắm nhưng còn những tòa nhà kín người, lúc nào cũng chờ đợi thứ gì đó sắp xảy ra, một luồng khói, một người vụt chạy bên rìa đám đông, tôi còn không thể vào rạp xem phim nếu có quá mươi mười lăm người bên trong, tôi sẽ quay mình cầm cái vé đã trả tiền đi ngay ra ngoài. Vậy mà không hiểu sao cái đám cưới ở nhà thờ khổng lồ chen chúc này đã mọc lên tua tủa quanh tôi như một đội nhảy flash mob. Tôi sẽ chiêu vài viên Xanax và vã mồ hôi chờ đến hết giờ vậy.

Nhưng mặt khác: tôi hy vọng cảnh giao tế ầm ào leo thang mà tôi đã đu theo như một con tàu giữa biển bão rồi sẽ dịu lại sau lễ cưới, vì tôi chỉ muốn một điều là trở về buổi đầu xanh ngát sắc hè

khi tôi được sở hữu trọn vẹn Kitsey: những bữa tối hai người với nhau, những bộ phim xem trên giường. Mời ăn và tụ họp liên tục đã làm tôi phát ngán: đám bạn bè quay cuồng tươi rói và đổi thay liên tục của cô, những buổi chiều đông đúc, những cuối tuần hỗn loạn mà tôi cứng cỏi đương đầu, mắt nhắm tịt, cố sức bám víu: Linsey? không, Lolly? xin lỗi... còn đây là...? Frieda? Chào Frieda, và... Trev? Trav? rất vui được gặp anh! Tôi lễ độ đứng bên những bàn gỗ kiểu thôn quê cổ, uống rượu đến đần người trong lúc họ ríu rít chuyện trò nào là nhà nghỉ ở quê, ban quản lý chung cư, quận học đường, chương trình tập gym - đúng thế, cai sữa không một vấn đề dù gần đây chúng tôi xáo trộn lịch ngủ khá mạnh, cháu lớn vừa bắt đầu mẫu giáo và sắc thu ở Connecticut thật mê hồn, à vâng tất nhiên, chúng tôi đều đi cùng mấy cô bé hằng năm nhưng anh cũng biết với bọn con trai chúng tôi đi năm hai lần, trượt tuyết ở Vail hoặc xuống vùng biển Caribe, năm ngoái còn câu cá bằng mồi ở Scotland và vớ được vài sân gôn bảnh không gì bằng. Ồ! Nhưng phải rồi, Theo có chơi gôn đâu, cũng không trượt tuyết, cũng không chơi tàu, phải không.

"E rằng không." Tư duy tập thể lớn đến mức (những chuyện đùa riêng, những trò giải trí riêng, tất cả cùng túm tụm quanh những video nghỉ mát trên iPhone) rất khó tưởng tượng có ai trong bọn họ lại đi xem phim một mình, hay một mình ăn ở quán bar; nhất là cảm giác hội đoàn thân thiện giữa đám đàn ông thỉnh thoảng còn khiến tôi thoáng có cảm giác đang phỏng vấn xin việc. Và - đâu ra lắm bà bầu thế kia? "Ôi Theo, nhìn xem có dễ yêu không!" Kitsey bất thình lình dúi một đứa bé sơ sinh con ai đó vào mặt tôi - còn tôi kinh hãi một cách thật thà, nhảy lùi lại như thấy lửa cháy.

"Ôi, thỉnh thoảng các chàng phải tập ít lâu mới quen," Race Goldfarb hài lòng nói khi quan sát tôi lúng ta lúng túng, rướn cao

giọng để nghe được trên nền tiếng trẻ la khóc vật lộn trong góc phòng khách dưới sự quản lý của các cô bảo mẫu. “Nhưng nghe tôi này Theo, khi nào anh bế cục vàng xinh xắn của mình trong tay lần đầu tiên ấy... ?” (vỗ vỗ cái bụng tròn vo của bà vợ bên cạnh) “thì trái tim anh như nứt ra một chút. Vì cái lần đầu tôi ngắm bé Blaine bé bỏng?” (mặt lem luốc, đang quanh quẩn rất vô duyên dưới chân anh ta) “và nhìn vào cặp mắt xanh to tròn ấy? Cặp mắt trẻ thơ tuyệt diệu ấy? Tôi trở thành *một con người mới*. Tôi biết thế nào là *yêu*. Chính là: chào bé con! con đến đây để dạy lại cho ta tất cả từ đầu! Và cho anh biết nhé, khi nhìn nụ cười đầu tiên ấy tôi cứ là đầu hàng vô điều kiện, giống như tất cả chúng ta thôi, có sai không nào Lauren?”

“Phải,” tôi lịch thiệp đáp rồi đi vào bếp rót một cốc vodka thật to. Cả bố tôi xưa cũng từng nhảy thon thót khi ở gần các bà bầu (thậm chí từng bị đuổi việc khi mấy câu nhận xét không phải lối đã tràn ly; mấy truyện cười “mắn đẻ” không được chỗ làm tiếp nhận hồ hởi gì) và trái với cái bài ca không quên “đầu hàng vô điều kiện”, ông chưa bao giờ chịu đựng được cả trẻ con lẫn trẻ sơ sinh, chưa nói đến cái hoạt cảnh cha mẹ xoắn xuýt, các bà mỉm cười ngây ngốc xoa bụng và các ông đeo trẻ con trên ngực; ông luôn đi ra ngoài hút thuốc hay lượn lờ cau có chầu rìa như kẻ buôn ma túy lậu mỗi lần bị buộc tham dự một buổi lễ ở trường học hay liên hoan của đám nhóc nào. Rõ ràng tôi cũng đã thừa kế được tính ấy từ bố, và biết đâu từ cả ông nội Decker; cái nỗi câm thù sinh sản man dại đang la thét trong dòng máu tôi có vẻ bẩm sinh, sẵn có trong gen.

Gật gù cho hết đêm. Sung sướng đến nghẹt họng. Thôi cảm ơn Hobie, cháu ăn rồi, chắc là lên nhà ôm sách thôi. Mấy chuyện mà đám người đó nói, cả đàn ông? Chỉ cần nghĩ đến cái đêm ở nhà Goldfarb là tôi đã chỉ muốn say đừ đến nhủn gối.

Khi đến gần Astor Place - dân châu Phi chơi trống, đám nhậu say vặc nhau, những thẻ hương bốc mù mịt từ quầy bán rong, tôi phấn chấn trở lại. Độ kháng thuốc của tôi chắc hẳn đã xuống rất thấp: một ý nghĩ thật thích thú. Chỉ cần một hai viên mỗi tuần, để giúp tôi qua những thử thách giao tế nghiệt ngã nhất, và cũng chỉ khi nào hết sức cực kỳ cần đến thôi. Để bù lại thuốc gần đây tôi uống rượu quá nhiều, và cách ấy chẳng ăn thua gì; khi dùng thuốc phiện, tôi thư thái, có thể chịu đựng và đương đầu tất cả, có thể đứng điềm nhiên hàng giờ liền qua những tình huống đáng ghét, nghe bất kỳ tràng chém gió nhạt như nước ốc hay dở hâm dở khùng nào mà không có nhu cầu ra ngoài tự bắn vỡ đầu.

Nhưng từ rất lâu rồi tôi không gọi cho Jerome, và khi lánh vào ô cửa một hàng bán đồ trượt, đứng đó gọi thì chỉ vào hộp thư thoại, một lời đáp ghi âm nghe chẳng giống giọng anh ta tí nào. Anh ta đã đổi số rồi ư? tôi lo lắng nghĩ sau cú điện thứ hai. Những người như Jerome - Jack trước anh ta cũng vậy - có thể biến khỏi mặt đất bất thình lình, kể cả có thường xuyên liên lạc.

Không biết phải làm gì, tôi bắt đầu theo Phố St. Mark's Place đi tới quảng trường Tompkins. Suốt Ngày Suốt Đêm. Chỉ Mở Cho Người Hai Mốt Tuổi. Ở trung tâm, tránh xa khu nhà chọc trời đông đúc, gió quất mạnh hơn và trời có vẻ như cũng rộng hơn, dễ thở hơn. Những ông cơ bắp dắt chó bull thành đôi, những gái ăn mặc kiểu Bettie Page xăm trổ mặc váy bút chì đánh hông, những gã vụng dại mặc quần quết đất nhe hàm răng khấp khểnh đi giày quấn băng dính. Ngoài các cửa hiệu bày giá kính râm, lắc tay hình đầu lâu, tóc giả nhiều màu cho người chuyển giới. Ở đâu đó có một trạm kim tiêm[130], có thể không chỉ một trạm, nhưng tôi không rõ ở đâu; bọn Phố Wall cũng mua đồ trên phố đầy ra nếu tin lời đồn đại nhưng tôi không đủ am hiểu để biết nên đi đâu,

nên hỏi ai, mà nữa, ai sẽ bán cho tôi - một kẻ lạ mặt đeo kính gọng sừng với kiểu tóc nửa bắc, ăn vận cho một buổi chọn đồ sứ đám cưới với Kitsey?

Trái tim không yên. Suy tôn bí mật. Những kẻ này hiểu giống như tôi - những ngõ tối của tâm hồn, những thì thầm và bóng tối, tiền lướt từ tay này sang tay khác, mã hiệu, mật khẩu, bộ mặt thứ hai, tất cả những an ủi ẩn hình khiến cuộc đời được nâng vượt lên khỏi cái bình thưởng và trở thành đáng sống.

Jerome - tôi dừng lại trên vỉa hè ngoài một quầy sushi rẻ tiền để định vị lại - Jerome từng cho tôi biết về một quán bar, có mái bạt đỏ, đâu đó quanh St. Mark's - Đại lộ A chăng? Lúc nào anh ta cũng vừa từ đó đến, hoặc ghé vào trên đường đến gặp tôi. Người pha chế bán hàng sau quầy cho những khách không ngại phải trả gấp đôi để khỏi mua ngoài phố. Jerome lúc nào cũng đang dở giao hàng cho cô ta. Tên cô ta, tôi còn nhớ được nữa - Katrina! Nhưng hầu như một nửa các hàng quán trong khu này đều là bar cả.

Tôi bước trên Đại lộ A rồi lại xuống số Một, rẽ vào quán đầu tiên gặp có mái bạt có thể tạm gọi là đo đỏ, đúng hơn là màu nâu bầm như gan, nhưng có thể ngày xưa từng màu đỏ và hỏi "Có phải Katrina làm ở đây không?"

"Không," Cô tóc đỏ cháy đứng quầy đáp, không thèm nhìn tôi, tay vẫn rót bia.

Những bà vô gia cư ngủ thiếp bên xe đẩy hàng là toàn bộ tài sản của mình, đầu đặt lên bọc vải. Những cửa kính bày Đức Mẹ rắc trang kim và hình nhân Lễ Vong Nhân. Những đàn bồ câu xám vỗ cánh không ra tiếng.

"Cậu biết là cậu mong, cậu biết là cậu muốn..." một giọng rủ rỉ vào tai tôi.

Tôi quay lại thấy một người da đen trọng tuổi, đậm người, miệng cười toe toét khoe cái răng cửa vàng đang dúi vào tay mình tấm thiếp: XĂM MÌNH VẼ MÌNH NGHỆ THUẬT XỎ KHOEN.

Tôi cười lớn, anh ta cũng vậy, tiếng cười rung cả người, hai bên cùng ngầm hiểu câu đùa và nhét tấm thiếp vào túi đi tiếp. Nhưng một giây sau tôi đã tiếc không hỏi anh ta cách tìm thấy chốn mình cần. Dù anh ta chưa chắc cho tôi biết, thì trông anh ta cũng có vẻ là một người am hiểu.

Bấm Khuyên. Mát Xa Chân Và Châm Cứu. Bạc Cũng Mua Vàng Cũng Nhận. Một bầy trẻ con còi cọc, và rồi cách xa một chút, có một mình, một con bé gầy meo tóc tết kiểu da đen, cùng một con chó bẩn thỉu và tấm biển bằng bìa đã mòn đến mức không đọc nổi. Tôi đang áy náy thò tay vào túi tìm tiền, cái kẹp tiền Kitsey cho tôi chặt đến nỗi mãi không lôi nổi tờ tiền ra, và vừa loay hoay tôi vừa biết cả khu đang dán mắt nhìn mình, và rồi "Ê!" tôi hét lên và nhảy lùi lại khi con chó gầm gừ lao tới, đớp trúng gấu quần dài trong hàm răng nhọn như kim.

Xung quanh cười lớn, cả bọn nhóc, một người bán hàng rong, một đầu bếp đeo lưới tóc ngồi trên thềm cầu thang gọi điện thoại. Giật gấu quần thoát ra, thêm một tràng cười rộ, tôi ngoảnh đi và để hoàn hồn, chui luôn vào quán bar trước mắt, mái bạt đen có vài vệt đỏ - hỏi người pha chế: "Katrina có làm ở đây không?"

Anh ta dừng tay lau cốc. "Katrina?"

"Tôi là bạn Jerome."

"Katrina? Anh không muốn nói là Katya chứ?" Đám người quanh bar - toàn dân Đông Âu - lặng phắc.

"Có thể, ơ..."

“Họ của cô ta là gì?”

“Ừm…” Một gã mặc áo da đã nghiêm mặt, xoay hẳn người trên ghế chĩa cặp mắt Bela Lugosi[131] nhìn tôi.

Người pha chế cũng đang dán mắt vào tôi. “Cô gái anh tìm. Anh cần cô ấy làm gì?”

“Ờ, thực ra thì tôi…”

“Tóc màu gì?”

“Ừm… màu vàng chăng? Hay là, thực ra…” nhìn vẻ mặt anh ta thì thấy rõ tôi sắp sửa bị đá đít ra, hay tệ hơn; ánh mắt tôi đậu lại trên khẩu Louisville Slugger cưa nòng đặt sau quầy “tôi nhầm, bỏ qua đi… ”

Tôi đã kịp ra khỏi quán và đi rõ xa trên phố thì nghe đằng sau có tiếng hét: “*Potter!*”

Tôi cứng người, trong khi giọng ấy lại hét lên lần nữa. Rồi kinh ngạc, tôi quay lại. Và trong lúc tôi còn đứng đó không tin vào mắt mình, mọi người đi ào qua hai bên, thì nó cười lớn và lao bổ tới choàng tay ôm chầm lấy tôi.

“Boris.” Lông mày đen nhọn hoắt, mắt đen hớn hở. Nó cao hơn, mặt hóp hơn, áo khoác dài đen vẫn thế, vẫn vết sẹo cũ bên trên mắt cộng thêm vài vết mới. “Uầy.”

“Uầy cứt nhà mày ấy!” Nó nắm vai tôi đẩy ra. “Ha! Trông mày kìa! Lâu quá rồi hửm?”

“Tao…” Tôi sững sờ không nói nên lời. “Mi làm gì ở đây thế?”

“À, tau mới là người hỏi…” Bước lùi lại nhìn tôi một lượt, rồi khoát tay về phía đường như thể cả con phố này là của nó “*mày* làm gì ở đây mới phải? Cớ chi mà tau được cái ngạc nhiên này?”

“Sao?”

“Tau vừa đến hiệu nhà mi hôm trước xong!” Hất tóc khỏi mặt. “Tìm mi!”

“Hóa ra mày à?”

“Còn ai vào đây? Sao mi biết mà đến đây tìm tau?”

“Tao...” Tôi lắc đầu, không tin nổi.

“Không phải mi đến tìm tau à?” Giật lùi sửng sốt. “Không à? Ngẫu nhiên à? Tình cờ đụng nhau? Chúa ơi! Mà sao mi trắng bệch ra thế?”

“Hả?”

“Mi trông tởm quá!”

“Cút mẹ mày đi!”

“A,” nó nói và lại vắt tay qua cổ tôi. “Potter, Potter! Hai quầng đen xì này!” ngón tay lần dưới bọng mắt tôi. “Nhưng áo công nhận đẹp. Mà này...” thả tôi ra, búng ngón cái và ngón trỏ bên thái dương tôi “vẫn quả kính ấy hửm? Mi chẳng thèm thay bao giờ hửm?”

“Tao…”Tôi chỉ còn đủ sức lắc đầu.

“Sao?” Nó chìa hai tay ra. “Mi không trách tau đang sướng điên lên vì gặp mi hử?”

Tôi cười lớn. Tôi còn chẳng biết phải nói gì nữa. “Sao mày không để số lại?” Tôi hỏi.

“Tức là mi không giận tau chứ gì? Không ghét tau muốn đày xuống địa ngục?” Dù không cười nhưng nó cũng cắn môi dưới có vẻ thích thú. “Mi không…” hất đầu về phía đường “không muốn đập tau hay chi hết?”

“Ô kìa,” một người phụ nữ gầy gò mắt đanh thép, cặp hông gầy trong quần bò đen, lướt tới bên Boris khá đột ngột bằng phong thái khiến tôi nghĩ đây chắc là bạn gái hay vợ nó.

“Chàng Potter nức tiếng,” Cô ta nói và chìa một bàn tay trắng dài đeo nhẫn bạc đến tận khớp. “Mừng gặp. Tôi đã nghe đủ thứ chuyện về anh.” Cô ta có cao hơn nó chút đỉnh, tóc dài rũ xuống và thân thể dài yểu điệu mặc đồ đen, như một con trăn. “Tôi là Myriam.”

“Myriam? Chào cô! Thật ra tôi là Theo.”

“Tôi biết.” Bàn tay cô ta trong tay tôi lạnh toát. Tỏi nhận thấy hình ngũ giác màu xanh lam xăm ở mặt trong cổ tay. “Nhưng anh ấy luôn gọi là Potter khi kể về anh.”

“Kể về tôi? Thật à? Anh ấy kể gì thế?” Không ai từng gọi tôi là Potter nhiều năm nay rồi, nhưng cái giọng mềm mại của cô khiến tôi nhớ lại một chữ đã lãng quên từ những cuốn sách xa xưa ấy, ngôn ngữ của rắn và những phù thủy hắc ám: *Xà ngữ*.

Boris, trước đó còn quàng tay qua vai tôi, đã buông ra khi cô ta xuất hiện như vừa nghe một mệnh lệnh. Cái nhìn trao nhau giữa họ, mà tôi nhận ra sức nặng kể từ những ngày ăn trộm xưa kia, khi chúng tôi có thể bảo nhau *chạy thôi* hay *hắn đến kìa* mà không cần nói một chữ và Boris có vẻ bối rối, lùa tay qua tóc rồi chăm chú nhìn tôi.

“Mi còn ở đây không?” nó hỏi và bước lùi lại.

“Đây là đâu?”

“Khu này này.”

“Nếu cần.”

“Tau muốn…” nó ngừng lại, nhíu mày, nhìn qua đầu tôi ra phố “tau muốn nói chuyện với mi. Nhưng bây giờ…” trông nó có vẻ lo lắng “không tiện lắm. Một tiếng nữa được chứ?”

Myriam liếc nhìn tôi, nói gì đó bằng tiếng Ukraina. Hai bên trao đổi chốc lát. Rồi Myriam luồn tay qua tay tôi, điệu bộ gần gũi một cách kỳ cục, và dẫn tôi đi trên phố.

“Kia kìa.” Cô ta chỉ. “Đi theo đường kia, bốn năm ngã tư. Có một quán bar ở gần Đại lộ 2. Chỗ Ba Lan ngày xưa. Anh ấy sẽ đến gặp anh.”

v.

GẦN BA TIẾNG SAU tôi vẫn còn ngồi trong ngăn ghế bọc PVC đỏ trong quán bar Ba Lan, đèn Giáng sinh chớp tắt, punk rock và nhạc polka Giáng sinh trộn hổ lốn rất khó chịu từ hộp nhạc bắn ra, đã chờ lâu đến phát ngán và nghĩ không hiểu rồi nó có ra mặt không, hay tốt nhất là đi về nhà. Tôi còn chưa hỏi được thông tin gì của nó, mọi thứ diễn ra quá nhanh. Ngày xưa tôi từng ngồi Google Boris để giải trí - chẳng bao giờ thấy chút manh mối nào - nhưng mặt khác, tôi cũng chẳng hình dung Boris sống cuộc đời để lại dấu vết gì trên mạng. Nó có thể ở bất kỳ đâu, làm bất cứ thứ gì: kỳ cọ sàn bệnh viện, giắt súng lẩn giữa rừng rậm một nước nào đó, hay nhặt đầu mẩu thuốc lá trên phố.

Đã gần hết giờ Happy Hour, vài kẻ trông típ sinh viên hay nghệ sĩ lác đác đi vào giữa những ông già Ba Lan bụng bia và đám hippie trung niên tóc bạc. Tôi vừa xong vại vodka thứ ba; ở đây rót rất đầy, gọi thêm một vại nữa thật là dại; tôi biết đáng ra phải kiếm thức gì ăn, nhưng tôi không đói, và mỗi giây tâm trạng tôi càng ủ ê căm ghét. Cảm giác bị cho leo cây sau ngần ấy năm thật

là kiệt quệ không chịu được. Nếu cần phải tự an ủi mình thì ít nhất tôi cũng đã lạc hướng khỏi mục tiêu ma túy: vẫn chưa sốc thuốc chết, chưa nôn ọe vào thùng rác nào đấy, chưa bị trấn lột sạch trơn hay bị một tên cớm chìm giả dạng dân buôn tóm cổ...

"Potter." Nó đây rồi, đang chuồi vào ghế đối diện tôi, hất tóc trên mặt bằng một dáng vẻ khiến cả quá khứ đột nhiên sống dậy.

"Tao suýt đi rồi đấy."

"Xin lỗi." Vẫn nụ cười gớm ghiếc và quyến rũ. "Vướng tí việc. Myriam không giải thích hả?"

"Không."

"À. Tau có làm trong sở kế toán đâu. Này," nó nói và chồm người tới, cả hai tay úp xuống bàn, "mi đừng cáu! Đâu có nghĩ sẽ đụng phải mi! Tau đã cố nhanh thật nhanh rồi! Tau còn chạy nữa!" Nó đưa bàn tay khum qua mặt bàn, tát nhẹ lên má tôi. "Chúa ơi! Lâu quá rồi còn gì! Gặp mi tau mừng hết lớn! Mi gặp tau không mừng ư?"

Lớn lên trông nó rất điển trai. Từ độ còm cõi ốm yếu trông nó đã có cái vẻ ma lanh dễ thương, cặp mắt sống động và trí óc sắc sảo, nhưng nay cái vẻ sống sượng đói ăn ấy đã biến mất, mọi thứ còn lại đã khớp với nhau rất chuẩn. Da nó dãi dầu nhưng quần áo có vẻ xịn, các đường nét sắc và khỏe khoắn, hiệp sĩ trung cổ pha nghệ sĩ dương cầm, và hàm răng cưa nhỏ xám xỉn, tôi nhận thấy, đã được thay bằng một bộ chuẩn không cẩn chỉnh, trắng bong đặc Mỹ.

Nó thấy tôi nhìn, đưa móng tay gại một chiếc răng nanh sáng loáng. "Bộ nhá mới."

"Tao thấy rồi."

“Nha sĩ Thụy Điển đấy,” Boris nói và vẫy bồi bàn. “Tốn cả gia tài. Bà xã cứ nhằng nhẵng bên tai - Borya, cái miệng anh, trông kinh quá! Tau bảo đừng hòng tau làm, nhưng đấy quả là khoản tiêu hợp lý nhất trên đời của tau.”

“Mày lấy vợ lúc nào?”

“Hừm?”

“Nếu muốn thì dẫn theo cũng được mà.”

Nó có vẻ giật mình. “Mi nói Myriam á? Không, không...” thò tay vào túi áo vét, bấm bấm điện thoại, “Myriam không phải vợ tau! Đây,” nó đưa tôi cái điện thoại, “*đây* mới là bà xã tau. Mi uống chi?” nó hỏi trước khi quay sang gọi đồ bằng tiếng Ba Lan.

Trên chiếc iPhone là ảnh một căn nhà nghỉ mát đội mũ tuyết, và đằng trước nhà có một cô gái tóc vàng tuyệt đẹp xỏ ván trượt băng. Đứng bên cô và cũng xỏ ván là một cặp nhóc tì tóc vàng khăn áo xù xù, giới tính không xác định. Trông ít giống ảnh chụp mà giống quảng cáo một món thực phẩm bổ dưỡng Thụy Sĩ như sữa chua hay ngũ cốc Bircher hơn.

Tôi ngước nhìn nó kinh ngạc. Nó ngoảnh đi, cử chỉ rất Nga từ những ngày xưa: ờ, chậc, tình hình là thế đấy.

“*Vợ* mày á? Thật hả?”

“Ờm,” nó nói và nhướng một bên mày. “Con tau nữa. Sinh đôi.”

“Vãi.”

“Ừ,” nó đáp, nuối tiếc. “Đẻ hồi tau còn trẻ - trẻ quá. Thời cơ không tốt lắm - cổ muốn giữ - ‘Borya, sao anh có thể...’- tau còn làm gì được? Nói thực là tau chẳng biết rõ chúng nó mấy. Thực ra thằng út - không có trong ảnh đâu - thằng út tau còn chưa thấy mặt. Tau nghĩ là nó khoảng, ờm, bao nhiêu nhỉ? Sáu tuần tuổi gì

đó?"

"Hả?" Tôi lại nhìn tấm ảnh, chật vật tìm cách kết nối gia đình Bắc Âu lành mạnh này với Boris. "Mày ly dị rồi à?"

"Không không không..." vodka đã tới, bình thắt miệng bỏ đá và hai cái cốc tí hon, nó đang rót cho mỗi đứa một cốc "Astrid với lũ nhóc ở Stockholm là chủ yếu. Thỉnh thoảng cổ đến nghỉ đông ở Aspen, trượt tuyết - cổ là quán quân trượt tuyết đấy, mười chín tuổi đã là tuyển thủ Olympics ..."

"Hả?" tôi đáp và cố hết sức không lộ ra mình thấy khó tin. Nhìn gần, thấy rõ là lũ trẻ trông quá Bắc Âu và gầy gò, so với Boris thì bắn đại bác cũng không tới.

"Ừ, ừ," Boris nói rất thành khẩn, đầu gật lia lịa. "Lúc nào cổ cũng đòi tới chỗ có đồi trượt, còn tau thì ghét tuyết, mi lạ gì! Ông già cổ 'hữu' lắm, gọi là phát xít cũng không sai. Tau nghĩ, có ông bô như vậy Astrid có tí trầm cảm cũng chẳng lạ! Lão già siêu siêu đáng ghét! Nhưng họ là một giống người siêu buồn thảm bất hạnh, mấy người Thụy Điển ấy, ai cũng vậy! Phút trước vừa tu rượu cười đùa, phút sau đã rúc vào bóng tối câm như hến. *Dziękuję*," nó nói với người bồi vừa tái xuất, bưng một khay đầy những đĩa nhỏ: bánh mì đen, xa lát khoai, hai loại cá trích, dưa chuột sốt kem chua, bắp cải nhồi thịt, một loại trứng muối gì đó.

"Tao không biết ở đây cũng bán đồ ăn đấy."

"Không bán," Boris đáp, phết bơ lên một miếng bánh mì đen và rắc muối lên trên. "Nhưng tau đói meo rồi. Bảo họ qua nhà bên mua đỡ cái gì đó." Nó cụng cốc với tôi. "*Sto lat*!"nó nói như hồi trước.

"*Sto lat*." Vodka rất thơm, bỏ một thứ rau thơm gì đó cay cay, tôi không nhận ra được.

“Thế là,” tôi nói và lấy chút thức ăn. “Myriam?”

“Hửm?”

Tôi xòe hai bàn tay, động tác thời còn nhỏ: *giải thích xem*.

“À, Myriam! Cổ là cấp dưới của tau. Cánh tay phải của tau, mi gọi vậy cũng được. Dù nói mi biết, cổ còn hơn đứt ối thằng đàn ông. Một người đàn bà rất cừ! Chẳng có mấy người như cổ đâu, nói mi biết. Đáng ngàn vàng luôn. Nào, nào,” nó rót đầy lại cốc tôi rồi đẩy sang. “*Za vstrechu!*” nâng cốc mình về phía tôi. “Mừng gặp lại!”

“Đáng ra phải đến lượt tao chứ?”

“Ừ, đúng… ” cụng cốc tôi “nhưng tau đói rồi mà mi rề rà quá.”

“Vậy thì mừng gặp lại.”

“Mừng gặp lại! Và cảm ơn số mệnh! Đã lại đưa chúng mình gặp nhau!”

Ngay khi cả hai đã hơi say, Boris lao bổ vào chỗ đồ ăn. “Thế chính xác là mày làm nghề gì?” tôi hỏi.

“Cái này cái khác.” Nó vẫn ăn với cái vẻ ham hố ngây thơ như một đứa bé. “Đủ thứ cái. Cho qua ngày, mi hiểu không?”

“Thế mày sống ở đâu? Stockholm à?” tôi hỏi khi thấy nó không đáp.

Nó huơ tay thành một vòng rộng. “Khắp luôn.”

“Như là…?”

“Ờ, thì đó. Châu Âu, châu Á, Bắc Mỹ Nam Mỹ…”

“Đấy là rất nhiều đấy.”

“À,” nó nói, nhồm nhoàm cá trong mồm, lau một cục kem

chua trên cằm, “còn làm chủ doanh nghiệp nhỏ nữa, nếu mi hiểu.”

“Là sao?”

Nó chiêu miếng cá bằng một ngụm bia tổ bố. “Thì mi biết đấy. Cơ sở chính thức thì kêu là công ty dọn nhà. Chủ yếu là thợ Ba Lan. Tên cũng vui lắm. ‘Hãng dọn nhà Ba Lan Kin kít[132].’ Hiểu không?” Nó cắn một miếng trứng muối. “Mà mi biết khẩu hiệu là gì không? ‘Chúng tôi dọn sạch nhà quý vị’, ha!”

Tôi quyết định bỏ qua câu đó. “Vậy là mày ở Mỹ từ hồi nào đến giờ à?”

“À không!” Nó đã rót cho mỗi bên một cốc nữa, và đang nâng cốc chúc tôi. “Đi khắp chứ. Tau ở đây sáu đến tám tuần một năm. Còn lại thì… ”

“Về Nga?” tôi hỏi và cạn cốc, đưa mu bàn tay quệt mép.

“Không hẳn. Bắc Âu. Thụy Điển, Bỉ. Thỉnh thoảng Đức.”

“Tao cứ tưởng mày quay lại Nga.”

“Hửm?”

“Vì… à, tao chẳng được tin của mày bao giờ cả.”

“À.” Boris ngượng nghịu quẹt mũi. “Độ ấy rối tung beng lên cả. Nhớ ở nhà mi không - đêm cuối ấy?”

“Nhớ chứ.”

“À. Cả đời tau chưa thấy nhiều thuốc như vậy bao giờ. Phải đến lạng rưỡi tuyết mà chẳng bán tí nào, một mẩu cũng không. Đem cho rất nhiều, tất nhiên, được cả trường mê tít, ha! Ai cũng yêu tau! Nhưng phần chủ yếu, chui tọt lên mũi! Rồi - cái túi mình tìm thấy, đủ loại thuốc viên ấy - nhớ không? Xanh xanh be bé ấy?

Mấy viên cực nặng, thuộc loại cho người bệnh ung thư sắp xuống lỗ ấy, ông bô mi chắc nghiện có cỡ rồi mới đi xài cái loại ấy."

"Ừa, tao cũng dính phải một ít."

"Ấy, thế mi biết đấy! Giờ chúng nó chẳng còn làm loại oxy xanh tuyệt hảo ấy nữa! Giờ chỉ có loại chống nghiện không tiêm cũng chẳng hít được! Nhưng ông già mi ấy? Ừm, nhảy từ rượu sang *cái đó*? Làm thằng say sống đầu đường xó chợ còn hơn nhiều. Miếng đầu tiên tao thử - ngất luôn, chưa kịp sang đường thứ hai, nếu không có Kotku ở đó... " Nó làm bộ cắt ngón tay ngang cổ "tau đứt tại chỗ rồi."

"Ờm," tôi nói và nhớ lại mình đã lử lả một cách ngu xuẩn, dí mặt xuống bàn ở tầng trên nhà Hobie.

"Dù sao thì..." Boris uống ực một ngụm hết cốc vodka và rót cho cả hai thêm cốc nữa "Xandra bán cái của ấy. Không phải chỗ đó đâu."

Đấy thì của ông già mi. Xài riêng. Nhưng bả, bả bán ở chỗ làm. Cái cặp Stewart với Lisa ấy? Cặp trông như dân buôn bất động sản siêu đứng đắn ấy? Đấy là cái mỏ tiền của bả."

Tôi bỏ nĩa xuống. "Sao mày biết?"

"Thì bả bảo tau! Và tau đoán họ cũng giở mặt khi bả kẹt nguồn hàng. Ông Mã Luật Sư và bà Túi Hoa Cúc dễ thương vô tội vạ ở nhà mi... xoa đầu bả... 'chúng tôi giúp gì được chị'... 'tội nghiệp Xandra'... 'thương chị quá chừng'... rồi hết thuốc - xẹt! Hát giọng khác tức thì! Tau thật tình ân hận khi nghe bả kể, vì chuyện chúng mình làm ấy! Khiến bả gặp phiền to! Nhưng tới lúc đó... " búng vào mũi "đã lên đây hết sạch rồi. Hết ráo."

"Khoan - Xandra kể với mày như thế à?"

“Ừ. Sau khi mi đi. Hồi tau ở đấy với bả.”

“Mày phải tua lùi lại một chút.”

Boris thở dài. “Ờ, được thôi. Chuyện dài lắm. Nhưng chúng mình cũng không gặp nhau lâu lắm rồi, phải không?”

“Mày sống với Xandra à?”

“Mi hiểu đấy - ất ơ ấy mà. Bốn năm tháng gì đấy. Trước khi bả chuyển lại về Reno. Xong tau mất liên lạc với bả. Ông già tau về Úc rồi, hiểu không, mà Kotku với tau lại đang hục hặc…”

“Tình thế quả là dị.”

“Ờ, cũng hơi dị,” nó bứt rứt nói. “Hiểu không…” ngả người, lại vẫy bồi bàn “tau thì đang quẫn quá. Tau thức mấy ngày liền rồi. Mi biết lúc giã cocaine rồi đấy - ghê chết được. Tau có một mình, sợ phát điên. Mi biết cái kiểu bệnh đến tận linh hồn ấy - thở gấp, hoảng hốt, nghĩ Thần chết sắp với tay ngắt mi đi dễ như bỡn? Gầy nhom, bẩn thỉu, sợ kinh thiên địa. Như con mèo chết dở! Lại còn đang Giáng sinh nữa chứ, xung quanh ai nấy mất tích! Gọi cả đống người, chả ma nào bốc máy - đến chỗ gã Lee thỉnh thoảng cho tao sống trong khu bể bơi, cũng đi nốt, cửa khóa. Cuốc bộ hàng dặm, lảo đà lảo đảo. Vừa lạnh vừa sợ! Chả ai ở nhà! Nên tau qua chỗ Xandra. Kotku tới lúc đó đã nghỉ nói chuyện với tau rồi.”

“Mày cũng gan gớm. Tao thì cho tiền cũng chẳng dám quay lại đó.”

“Ừa, nói chung cũng phải vận hết thành công lực, nhưng tau cô đơn và *ốm* kinh lên được. Miệng nghiến trèo trẹo! Như kiểu - mi chỉ muốn nằm yên nhìn đồng hồ đếm nhịp tim ấy? Nhưng chẳng có chỗ nào mà nằm im? Cũng chẳng có đồng hồ? Muốn phát khóc lên ấy! Chả biết làm cái chi! Còn chả biết bả có ở đấy

không. Nhưng đèn sáng - cả phố mỗi nhà đó có đèn sáng - đi vào đằng cửa kính trượt, bả có nhà, vẫn mặc cái áo Cá heo Miami, pha margarita trong bếp."

"Rồi sao?"

"Ha! Ban đầu đếch cho tau vào! Đứng giữa cửa chửi một bài dài, nguyền rủa tau, ném đủ thứ tên thối! Xong rồi tau khóc. Đến lúc tau hỏi tau ở đây với bả được không?" Nó nhún vai "bả bảo được."

"Hử?" tôi với tay lấy cốc nó vừa rót cho. "Ý mày là ở lại hẳn á?"

"Tau sợ khiếp! Bả cho tau ngủ trong phòng bả! Bật tivi chiếu phim Giáng sinh!"

"Hừm." Tôi thấy rõ nó muốn tôi gặng hỏi chi tiết, có điều từ vẻ mặt khoái trá kia tôi không rõ nên tin câu chuyện "ngủ trong phòng bả" đến đâu. "Hừm, mừng là mày lại thành công. Bả có nói gì tao không?"

"À, có, có chút chút." Nó cười khùng khục. "Thật ra là có rất nhiều. Vì, nói đừng cáu nhé, tau cũng đổ qua mi vài chuyện."

"Rất mừng được biết tao có ích cho mày."

"Tất nhiên rồi!" Nó hào hứng cụng cốc với tôi. "Tau nợ mi cái đó! Mà phải mi thì cũng làm vậy thôi. Tau không để bụng đâu. Nhưng nói thật tình, Xandra ấy, tội nghiệp bả, tau nghĩ bả cũng mừng thấy tau. Thấy *ai* cũng vậy. Ý tau là..." nốc cạn cốc "đến phát điên... bạn cả bè như củ kiệu... bả thì có một mình ngoài đó. Uống rượu tràn, sợ không dám đi làm. Hoàn toàn có thể gặp vụ gì đó - hàng xóm chẳng có, siêu rùng rợn. Vì Bobo Silver - à, hóa ra Bobo cũng không đến nỗi tệ quá. 'Người hùng' hả? Ổng được gọi thế không phải vô cớ! Xandra thấy ổng đã khiếp vía, nhưng ổng không đeo bả đòi bằng được nợ của ông già mi, ít ra cũng không đeo dữ. Không hề. Mà ông già mi thì nợ lên trời. Hẳn ổng cũng

nhận ra bả cháy túi rồi - ông già mi cũng lột sạch sẽ của *bả*. Thế thì chi bằng cư xử đàng hoàng. Làm sao vắt cổ chày ra tiền được. Nhưng đám còn lại, mấy kẻ tự xưng là bạn bè bả, thì bám cứng như nhà ngân hàng. Mi tưởng tượng nổi không? 'Cô nợ tôi', đòi kèn kẹt, quan với chả hệ, đến hãi. Tởm hơn cả Bobo! Cũng có nhiều nhặn lắm đâu, nhưng bả thiếu vẫn thiếu, đám đó đòi vẫn đòi, kinh như gì..." (nghiêng đầu làm bộ, xỉa ngón tay vào mặt) " 'đéo mẹ, chúng tôi đéo đợi, cô nghĩ mau ra cách đi', kiểu đó. Dù sao thì - may tau lại quay lại đúng lúc ấy, vì tau giúp được bả."

"Giúp kiểu gì?"

"Trả lại bả số tiền tau đã lấy."

"Mày còn giữ à?"

"Ờ không," Nó đáp vẻ có lý. "Tiêu sạch rồi. Nhưng - đang làm một vụ khác, hiểu không? Vì ngay khi hết thuốc? Tau mang tiền đến chỗ Jimmy bán súng mua thêm. Hiểu không, cho tau với Amber - hai bọn tau thôi. Đẹp thôi rồi, trong sáng lắm, đặc biệt lắm. Trẻ nữa, hình như mới mười bốn! Chỉ một đêm ấy thôi, ở MGM Grand, bọn tau thật là gần với nhau, cả đêm ngồi trên sàn nhà tắm phòng suite của ông già KT nói chuyện. Chẳng thiết hôn luôn! Nói nói nói! Hôm đó tau thật muốn khóc òa lên. Mở lòng ra với nhau luôn. Rồi... " đặt tay lên ngực "bình minh đến, tau buồn kinh, như là sao lại phải chấm dứt? Vì bọn tau có thể ngồi đó nói chuyện đến thiên thu luôn! hạnh phúc và hoàn hảo! Bọn tau đã thân với nhau bao nhiêu, hiểu không, chỉ cần một đêm đó. Rồi - đấy là lý do tau đến chỗ Jimmy. Hàng của hắn là đồ vớ vẩn, chẳng bằng một góc của Stewart và Lisa. Nhưng ai cũng biết, hiểu không, ai cũng nghe đồn về kỳ nghỉ cuối tuần ở MGM Grand, về tau phân phát cái món đó. Thế là đổ xô đến tìm tau. Phải đến cả chục đứa hôm đầu tiên tau đi học lại. Tiền cứ là ấn vào tay. 'Kiếm

cho tao một tí... kiếm cho tao một tí... kiếm cho bạn tao một tí... tao bị hội chứng suy giảm tập trung, tao không dùng thì không làm bài được...' Vèo cái tau đã làm mối bán cho cầu thủ bóng bầu dục năm cuối, luôn cả nửa đội bóng rổ. Cả một lũ con gái nữa... bạn của Amber và KT... cả bạn của Jordan... cả sinh viên Đại học Nevada! Mấy lượt đầu tiên thì mất tiền - không biết phải đòi bao nhiêu, hàng xịn mà giá thấp lè tè, muốn được mọi người thích, kiểu đó. Nhưng một khi tính ra - thì tau trúng lớn! Jimmy giảm giá mạnh, hắn cũng thu được khối tiền. Tau làm lợi lớn cho hắn, hiểu không, tau bán thuốc cho lũ nhóc nhát không dám mua - sợ những người bán như Jimmy. KT... Jordan... mấy bà đó có cả mớ tiền! Lúc nào cũng sẵn sàng trả trước. Tuyết không phải như kẹo - tao cũng bán kẹo, nhưng cái đó thất thường lắm, có khi có cả đống rồi có khi mấy ngày không thấy gì, tuyết thì tau có cả lố khách quen, gọi hai ba lần một tuần. Mi nghĩ, chỉ cần KT..."

"Uầy." Sau từng ấy năm, cái tên ấy vẫn còn ngân vang.

"Phải! Mừng KT!" Chúng tôi cùng nâng cốc uống.

"Thế mới là mỹ nhân chứ!" Boris đập cốc xuống bàn. "Tau vẫn xây xẩm mặt mày khi ở gần bả. Chỉ cần hít chung bầu không khí với bả."

"Mày có ngủ với bả không?"

"Không... tau cố rồi đấy chứ... nhưng bả cũng có lần xóc lọ tau trong phòng ngủ em trai bả một đêm bả say lử rồi và đang rất vui tính."

"Trời, đúng là tao bỏ đi không phải lúc rồi."

"Chứ gì nữa. Tau xịt ra trong quần từ lúc bả còn chưa kịp kéo khóa xuống. Mà tiền tiêu vặt của KT..."- với lấy cốc tôi đã cạn. "Hai nghìn một tháng! Chỉ tính riêng tiền quần áo! Mà quần áo

thì KT đã có chật tủ rồi, mua thêm vào đâu nữa? Dù sao thì đến Giáng sinh, đời tau đã đến đoạn như trong phim có tiếng kính coong rồi hiện ra cả đống ký hiệu đô-la. Điện thoại réo liên miên. Bạn tốt của mọi nhà! Bọn con gái chưa gặp bao giờ ôm tau hôn hít, tháo vòng vàng ngay trên cổ tặng tau! Tau thì hít từ sáng đến tối, hằng ngày, hằng đêm, những đường dài bằng cả bàn tay, mà tiền thì vẫn tới tấp bay đến. Tau đúng là ngôi sao rap trong trường! Một thằng cho tau cái mô tô, thằng khác cả cái ô tô cũ. Tau nhặt bất kỳ món đồ nào trên sàn, trong túi rơi ra cả mấy trăm đồ luôn, cóc biết từ đâu ra nữa."

"Đây quả là rất nhiều thông tin cùng một lúc đấy."

"Thề luôn! Quá trình học bình thường của tau đúng thế đấy. Người ta cứ bảo kinh nghiệm là thầy dạy tốt nhất, và thường thì đúng thế, nhưng tau thấy may là cái kinh nghiệm này chưa giết chết mình. Thỉnh thoảng... nếu có ít bia vào... tau cũng làm một hai đường? Nhưng nói chung giờ tau không chơi nữa. Cháy trụi rồi. Mi mà gặp tau quãng năm năm trước? Tau giống y như..." hóp má vào "thế này. Nhưng..." bồi bàn đã xuất hiện, mang thêm cá và bia "thế là đủ rồi. Còn mi..."Nó nhìn tôi khắp lượt "thì sao? Tau dám nói là cũng đang bảnh ra phết?"

"Cũng ổn, chắc vậy."

"Ha!" Nó ngửa người, gác tay dọc lưng ghế. "Thế giới cổ giả hử? Buôn đồ cổ à? Ông bóng già à? Đưa mi vào ngành phải không?"

"Đúng thế."

"Tau nghe bảo chỗ oách xà lách lắm."

"Đúng thế."

Nó lại nhìn khắp tôi. "Mi vui không?" nó hỏi.

“Không vui lắm.”

“Thế thì nghe này! Tau có ý hay cực! Mi đến làm cho tau!”

Tôi cười phá.

“Không, không đùa đâu! Không không,” nó nói và xùy một tiếng rất kênh kiệu khi tôi định cắt lời, rót thêm cốc nữa, đẩy qua bàn về phía tôi, “ổng trả mi nhiêu? Tau sẽ trả gấp đôi, tau thật.”

“Không, tao thích *công việc* của tao…” Nhấn quá mạnh chữ đó, chẳng lẽ trông tôi cũng bệ rạc như giọng mình? “Tao thích những thứ tao *làm*”

“Hử?” Nó nâng cốc mời tôi. “Vậy sao mà còn không vui?”

“Tao không muốn nói chuyện đó.”

“Tại sao chứ?”

Tôi phẩy tay gạt đi. “Vì…” Tôi không còn biết mình đã uống bao nhiêu nữa. “Vì thế thôi.”

“Nếu không phải vì công việc, thì vì cái chi?” Nó đã cạn cốc của mình bằng một cái hất đầu vương giả, bắt đầu tấn công sang đĩa cá mới. “Tiền à? Hay gái?”

“Cả hai đều không.”

“Vậy là gái rồi,” nó đắc thắng reo. “Tau biết mà.”

“Nghe này…” Tôi cạn nốt cốc rồi đập tay xuống bàn - mình thật là thiên tài, tôi cười ngoác, tôi vừa nghĩ ra ý tưởng hay nhất trong nhiều năm! “nói chuyện này đủ rồi. Đi thôi! Tao có một bất ngờ lớn dành cho mày.”

“*Đi* ư?” Boris nói, xù lông lên thấy rõ. “Đi đâu?”

“Đi với tao. Rồi mày thấy.”

“Tau muốn ở lại đây.”

“Boris…”

Nó ngồi lại. “Bỏ qua đi, Potter,” nó nói và giơ hai tay lên. “Thư thả nào.”

“Boris!” Tôi nhìn khắp đám đông như mong họ sẽ rộ lên phản đối, rồi lại nhìn nó. “Tao ngán ngồi đây lắm rồi! Tao đã ngồi đây hàng *tiếng* rồi!”

“Nhưng…” Trông nó thật cáu kỉnh. “Tau đã sắp lịch cả đêm nay cho mi! Bỏ cả việc phải làm! Mi đi luôn à?”

“Ừ! Và mày sẽ đi cùng tao. Bởi vì…” tôi vung tay lên “mày phải được thấy bất ngờ ấy!”

“Bất ngờ?” Nó quẳng cái khăn ăn vo tròn xuống. “Bất ngờ gì?”

“Mày sẽ thấy.” Nó bị sao vậy? Đã quên cách vui chơi rồi ư? “Nào, đi thôi, chúng mình hãy ra khỏi đây.”

“Tại sao? Bây giờ ư?”

“Tại vì thế thôi!” Phòng bar chỉ là một tiếng ầm ầm tối thẫm; đời tôi chưa bao giờ tin tưởng vào mình như thế, thích chí vì sự khôn ngoan của mình như thế. “Đi nào. Uống nốt đi!”

“Có nhất thiết không?”

“Mày sẽ thích đấy. Hứa luôn. Đi nào!” Tôi nói, vươn tay ra lắc vai nó một cách tôi cho là thân tình. “Tao thề, đây là một bất ngờ mà mày không hình dung nổi là hay ho thế nào đâu.”

Nó ngả người ra ghế, khoanh tay nhìn tôi nghi ngờ. “Tau nghĩ là mi có bực tau.”

“Boris, cái quái gì vậy.” Tôi đã say đến mức lảo đảo, đứng lên, phải chống tay vào bàn. “Đừng cãi nữa. Đi thôi.”

“Tau nghĩ đi với mi đến đâu đó là một sai lầm.”

“Hử?” Tôi nhìn nó, một mắt nhắm hờ. “Vậy mày có đi hay là không?”

Boris lạnh lẽo nhìn tôi. Rồi nó bóp mũi, bảo: “Mi không muốn cho tau biết là đi đâu.”

“Ừ.”

“Vậy mi không phiền nếu lái xe của tau chở đi chứ?”

“Lái xe của mày?”

“Ừ. Ảnh đang đợi cách đây hai ba khối nhà.”

“Vãi.” Tôi ngoảnh đi, bật cười. “Mày có cả lái xe ư?”

“Vậy tức là mi không ngại đi với ảnh?”

“Sao lại ngại?” Tôi đáp, sau một quãng ngưng. Đang say mèm nhưng thái độ nó cũng làm tôi giật nảy: nó đang nhìn tôi với một vẻ kỳ quặc, tính toán, không điệu bộ chưa bao giờ chứng kiến.

Boris nốc cạn cốc vodka rồi đứng dậy. “Được thôi,” nó nói và quay điếu thuốc chưa châm giữa những ngón tay lỏng lẻo. “Vậy hãy làm cho xong trò mèo này xem nào.”

vi.

BORIS LÙI LẠI tít đằng sau trong lúc đợi tôi mở cửa trước nhà Hobie, cứ như thể nó nghĩ chìa khóa vặn trong ổ sẽ kích nổ cả tòa nhà lớn này không bằng. Người tài xế của nó đậu bên chiếc xe khác ngay trước cửa, phả khói xăng mù mịt. Lúc ở trong xe, những lời trao đổi giữa nó và người lái toàn bằng tiếng Ukraina: tôi chẳng nghe thủng lấy một mẩu, bất chấp đã qua hai khóa Tiếng Nga giao tiếp ở đại học.

http://tieulun.hopto.org

“Vào đi,” tôi nói và khó lắm mới nén được nụ cười. Nó nghĩ gì, thằng ngốc, tôi sẽ vật nó xuống hay bắt cóc nó à? Nhưng nó vẫn còn ở ngoài phố, nắm đấm thọc sâu vào túi áo, ngoái lại nhìn người tài xế có cái tên là Genka hay Gyuri hay Gyorgi hay cái khỉ mẹc gì đấy tôi không nhớ nổi.

“Chuyện gì vậy?” tôi hỏi. Nếu không say đứ đừ như thế thì thói đa nghi của nó chắc đã khiến tôi tức điên, nhưng hiện tại tôi chỉ thấy buồn cười quá thể.

“Mi nói lại coi, sao ta lại phải đến đây?” nó hỏi, vẫn đứng né tít đằng xa.

“Rồi mày thấy.”

“Thế mi sống ở đây à?” Nó ngờ vực hỏi, ngó vào trong phòng khách. “Đây là nhà mi đấy à?”

Tôi đã mở cửa ổn ã hơn ý muốn. “Theo?” Hobie gọi với từ trong nhà. “Cháu về đấy à?”

“Vâng.” Ông đang ăn mặc dự tiệc tối, đủ cả áo vét cà vạt. Chết mẹ, tôi nghĩ, có khách không? Giật mình nhận ra vẫn chưa đến giờ ăn tối; cảm giác như đã ba giờ sáng.

Boris đã thận trọng lẩn vào sau lưng tôi, tay bỏ trong túi áo khoác, để cửa mở toang đằng sau lưng, mắt dán vào cặp bình tro bằng đá ba zan lớn, cỗ đèn chùm.

“Hobie,” Tôi nói, ông đã đi vào hành lang, mày nhướng lên, bà DeFrees lạch bạch đằng sau dè chừng “bác Hobie, bác nhớ cháu từng kể về...”

“*Popchik!*”

Cái quả bông xù trắng, đang cần mẫn chạy dọc hành lang ra

cửa - như hóa đá. Rồi một tiếng thét chói tai khi nó bắt đầu phi hết tốc lực (dù bây giờ cũng chẳng nhanh là mấy) còn Boris - cười rú lên sung sướng - quỳ sụp xuống sàn.

"Ôi!" bế bổng nó lên, còn Popchik giãy giụa. "Mi béo lên à! Nó béo lên à!" nó căm phẫn nói khi Popchik nhảy nhổm lên hôn vào mặt nó. "Mi để nó béo lên à! Này, chào mi, *poustyshka*, cái cục bông bé tí này, chào mi! Mi vẫn nhớ tau, phải không?" Nó đã lăn ngửa ra sàn, duỗi dài người cười lớn, còn Popchik - vẫn đang rú lên sung sướng - thì nhảy tưng tưng khắp người. "Nó nhớ tau!"

Hobie chỉnh kính, đứng bên cạnh nhìn thích thú - bà DeFrees, không được thích thú bằng, thì đứng sau Hobie hơi nhíu mày trước quang cảnh vị khách sặc mùi vodka của tôi đang lăn lộn trên thảm cùng con chó.

"Mi đừng nói," nó bảo và thọc tay vào túi áo vét. "Đây chính là...?"

"Chính thế."

vii.

CHÚNG TÔI KHÔNG Ở LẠI LÂU - Hobie đã nghe kể rất nhiều về Boris qua các năm, chúng ta làm một ly nào! và Boris thì cũng quan tâm, và tò mò, ngang với tôi sẽ tò mò nếu Judy ở Karmeywallag hay một nhân vật kỳ bí nào đó trong quá khứ nó đột ngột hiện ra - nhưng chúng tôi đã quá say và ồn ào, và tôi nghĩ hình như đang thử thách thần kinh bà DeFrees, bà này dù mỉm cười lịch thiệp nhưng đang ngồi cứng dơ trên ghế trong hành lang, đôi tay bé tí đầy nhẫn bỏ trong lòng, không nói năng mấy.

Nên chúng tôi đi - dẫn theo Popchik, đang bì bạch khoái chí

đằng sau lưng, còn Boris la thét hớn hở, vẫy xe bảo hãy đi một vòng quanh khu nhà đón chúng tôi: "Ừ, *poustyshka*, đúng thế!" - với Popper - "của chúng mình đấy! Chúng mình đi xe!"

Rồi bỗng nhiên hóa ra là người tài xế của Boris cũng nói tiếng Anh giỏi như Boris, và cả ba chúng tôi đều là bạn tốt - bốn chúng tôi chứ, nếu tính cả Popper đang đứng trên chân sau, hai chân trước đặt trên kính cửa sổ nghiêm nghị quan sát những ngọn đèn trên đường cao tốc West Side trong lúc Boris nựng nịu nó, ôm ấp nó, hôn lên gáy nó và cùng lúc giảng giải cho Gyuri (người lái xe) bằng cả tiếng Anh và tiếng Nga rằng thì là tôi là một cậu tuyệt vời, bạn thân hồi trai trẻ và là một nửa trái tim của nó! (Gyuri thò tay trái qua người nó, vắt ngang ghế ngồi để long trọng bắt tay tôi ở băng sau) và đời mới quý hóa làm sao khi cho hai người bạn như vầy, trong thế giới rộng lớn như vầy, tìm lại được nhau sau khi xa xôi cách trở như vầy?

"Vâng," Gyuri xầm xì nói khi ngoặt vào Phố Houston nhanh và gấp đến nỗi tôi bị trôi ra cửa, "tôi và Vadim cũng vậy. Ngày ngày tôi đều thương khóc cậu ấy, thương khóc đến nỗi tỉnh dậy giữa đêm thương khóc. Vadim là anh em của tôi…" - ngoảnh lại nhìn tôi, khiến khách bộ hành dạt ra khi chiếc xe càn lên lối qua đường, những bộ mặt khiếp hãi bên ngoài cửa sổ đen "Người anh em còn hơn ruột thịt của tôi. Như là Borya và tôi. Nhưng Vadim…"

"Đấy là một chuyện khủng khiếp," Boris lặng lẽ bảo tôi, và rồi quay sang Gyuri: "phải, phải, khủng khiếp…"

"… chúng tôi đã thấy Vadim xuống mồ quá sớm. Nói đúng lắm, cái bài trên radio ấy, anh biết chứ? Người hát Piano Man ấy? 'Chỉ có người tốt mới chết trẻ'."

"Ảnh sẽ chờ chúng ta bên kia." Boris an ủi và với qua ghế vỗ vai

Gyuri.

“Phải, tôi đã dặn anh ấy như thế.” Gyuri lẩm bẩm và tạt đầu xe khác bất ngờ đến nỗi tôi ngã dúi vào dây bảo hiểm còn Popchyk bay vèo khỏi chỗ. “Mấy thứ đó sâu lắm - không ca tụng bằng lời được. Ngôn ngữ con người không tả được. Nhưng rốt cuộc - dùng xẻng đưa anh ấy vào giấc ngủ - tôi đã nói với anh từ đáy linh hồn. ‘Tạm biệt Vadim. Hãy đợi cổng cho tôi, anh bạn. Giữ ghế cho tôi trên đó bên cạnh anh.’ Chỉ có điều Chúa...”*Trời ơi*, tôi nghĩ, cố giữ vẻ mặt bình thản trong lúc ôm lấy Popchyk trong lòng, *Chúa chiếc cái mẹ, nhìn đường đi* - “Fyodor, xin hãy giúp tôi, tôi có hai câu hỏi lớn về Chúa. Anh là giáo sư đại học” (hử?) “ Có lẽ anh sẽ trả lời được cho tôi. Thứ nhất...” mắt gặp mắt tôi trong kính chiếu hậu, giơ một ngón tay lên - “Chúa có biết đùa không? Thứ hai: Chúa có biết đùa *ác* không? Ví dụ như: Chúa có đùa bỡn với chúng ta, hành hạ chúng ta chỉ để giải trí, như lũ trẻ tai ác nghịch côn trùng trong vườn?”

“Ờ,” tôi nói, hoảng hốt khi thấy anh ta đang chĩa con mắt dữ dội nhìn tôi chứ không nhìn ngã rẽ sắp tới, “Ừm, có thể, tôi không biết, tôi hy vọng là không.”

“Đây không phải người cho anh hỏi mấy câu ấy đâu,” Boris nhận xét, chìa thuốc lá cho tôi và một điếu khác cho Gyuri bên kia ghế trước. “Chúa cũng hành Theo đã đời ra rồi. Nếu đau khổ làm nên cao quý thì cậu ta đã thành ông hoàng rồi đấy. Gyuri à,” Ngả người trong luồng khói “tui nhờ anh một vụ.”

“Điều gì cũng được.”

“Nhờ anh trông con chó sau khi thả bọn tui xuống được không? Chở nó đi chơi trong băng sau, nó muốn đi đâu cũng được?”

Câu lạc bộ ở tít ngoài quận Queens, tôi không biết đích xác chỗ nào. Trong phòng khách trải thảm đỏ, trông như một cái phòng cho người ta tới hôn má ông nội mình vừa được thả khỏi nhà tù, những nhóm bợm nhậu lớn kiểu gia đình tụ họp trong những ghế bành kiểu Louis 16, ăn uống, hút thuốc, hò hét và thụi vào lưng nhau quanh những bàn trĩu xuống dưới vải vàng kim loại. Đằng sau, trên những tường đỏ thẫm như sơn dầu, treo đầy những vòng hoa Giáng sinh hay vòng trang trí kiểu thời Liên Xô bằng bóng đèn dây tóc và nhôm nhuộm màu - gà trống, chim làm tổ, sao đỏ, tàu vũ trụ, búa liềm, cùng những khẩu hiệu sến sáo bằng chữ Nga (*Chúc mừng năm mới đồng chí Stalin*) - trông vừa hoành tráng vừa tạm bợ. Boris (bản thân cũng đã khá lử khử; khi nãy nó ngồi nốc chai rượu để dưới ghế sau) choàng tay ôm lấy tôi, và nói tiếng Nga, giới thiệu tôi với khắp lượt già trẻ là anh em nó, mà tôi đoán là xung quanh đã hiểu theo nghĩa đen vì mọi đàn ông đàn bà đều tới ôm hôn tôi, tìm cách đổ rượu cho tôi từ những chai vodka trong hũ đá bằng pha lê.

Không hiểu sao mà cuối cùng chúng tôi cũng tới được cuối phòng: rèm nhung đen, với một gã đầu trọc, mắt như mắt rắn, xăm đặc đến tận quai hàm những ký tự tiếng Nga. Bên trong, phòng kín nghe thùng thùng tiếng nhạc và không khí đậm đặc mùi mồ hôi, nước hoa, cần sa và khói xì gà Cohiba: đồ Armani và đồ chạy bộ, kim cương và đồng hồ Rolex vàng trắng. Tôi chưa từng chứng kiến từng ấy đàn ông đeo từng ấy vàng trên người: nhẫn vàng, dây chuyền vàng, răng cửa vàng. Cứ như thể một giấc mơ lạ lẫm, rối loạn, lấp lánh chói mắt; còn tôi thì đang say đến khó chịu, không thể tập trung nhìn hay làm bất cứ gì mà chỉ biết gật đầu len lỏi và cho phép Boris lôi tôi đi qua đám đông. Đến một thời điểm nào đó trong đêm khuya Myriam tái xuất như một bóng ma; sau khi chào tôi bằng một nụ hôn trên má có vẻ vừa

trịnh trọng vừa ma quái, đông cứng trong thời gian như một cử chỉ nghi lễ, thì cô ta và Boris cùng biến mất, vứt lại tôi ở một cái bàn chật cứng những người Nga say bí tỉ, đốt thuốc liên hồi, mà hình như ai cũng biết tôi là ai ("Fyodor!"), vỗ lưng tôi, rót rượu cho tôi, mời đồ ăn, mời thuốc lá, hét gọi tôi bằng tiếng Nga rất thân tình mà rõ là không cần đáp lại...

Bàn tay trên vai tôi. Ai đó đang gỡ kính. "Chào?" Tôi nói với cô gái lạ mặt bỗng thình lình ngồi lọt thỏm trong lòng mình.

Zhanna. Chào Zhanna! Anh đang làm gì đấy? Không làm gì mấy. Em thì sao? Bộ ngực dao kéo phim con heo rám nắng nhân tạo muốn nhảy ra khỏi cổ áo. Gia đình em có máu tiên tri: anh cho phép đọc lòng bàn tay anh nhé? Xin mời: tiếng Anh của cô ta khá tốt dù rất khó nghe ra cô ta đang nói gì giữa mớ âm thanh đinh tai nhức óc trong câu lạc bộ.

"Em thấy anh về bản chất là triết gia." Lần theo đường chỉ tay tôi bằng đầu móng tay hồng như Barbie. "Thông minh cực kỳ. Nhiều trắc trở - trong đời đã làm mỗi thứ một chút. Nhưng anh cô đơn. Anh mơ được gặp một cô gái ở bên mình cho đến hết đời, phải không?"

Rồi Boris quay lại, một mình. Nó kéo ghế ngồi xuống. Một cuộc chuyện trò ngắn ngộ nghĩnh bằng tiếng Ukraina diễn ra giữa nó và cô bạn mới của tôi, kết thúc bằng việc cô nàng trả lại cặp kính trên mặt tôi và đi mất, nhưng còn lập xin điếu thuốc của Boris và hôn lên má nó.

"Mày quen à?" tôi hỏi Boris.

"Chưa từng gặp bao giờ," Boris đáp và đốt một điếu cho mình. "Chúng mình đi được rồi, nếu mi muốn. Gyuri đang đợi ngoài kia."

ĐẾN GIỜ THÌ ĐÃ KHUYA. Băng ghế sau thật nhẹ nhõm sau cảnh ầm ào trong câu lạc bộ (bảng điều khiển sáng dịu nhẹ, radio vặn nhỏ) và chúng tôi đi loanh quanh hàng giờ, Popchik ngủ thiếp trong lòng Boris đang nói nói cười cười - Gyuri cũng chêm vào, khàn khàn hét những câu chuyện về việc lớn lên ở Brooklyn trong cái mà anh ta gọi là "thùng gạch" (khu nhà ở xã hội) trong khi Boris và tôi uống vodka ấm trong bình và hít tuyết từ cái túi nó lấy ra trong túi áo khoác, chốc chốc lại chuyền lên cho Gyuri. Điều hòa mở nhưng trong xe nóng rực; Boris đã vã mồ hôi còn đôi tai thì đỏ ửng. "Mi biết không," nó nói - nó đã kịp tuột cái áo khoác, giờ đang tháo nút cổ tay áo, thả vào túi và xắn tay áo lên - "chính ông già mi đã dạy tau biết ăn mặc đường hoàng. Tau rất biết ơn ông cụ vụ đó."

"Ừ, bố tao dạy cả hai đứa mình đủ mọi điều."

"Ừ," nó nói thành thực - gật lấy gật để, không hề mỉa mai, đưa mé bàn tay lau mũi. "Lúc nào trông ổng cũng quý phái. Như là - cả lố bọn ở câu lạc bộ - áo khoác da, đồ chạy nhung, hệt như mới vượt biên vào đây. Tốt hơn là ăn mặc giản dị, như ông già mi, áo đẹp, đồng hồ đẹp nhưng *klássnyy* - đơn giản, mi hiểu không, tìm cách hòa vào."

"Ừ." Vì việc của tôi là phải để ý mấy điều này, nên tôi đã kịp để ý thấy đồng hồ trên cổ tay Boris - hàng Thụy Sĩ, giá bán lẻ khoảng năm chục nghìn, loại đồng hồ của một gã dân chơi châu Âu - quá phô trương so với gu của tôi, nhưng còn dè dặt chán so với những khối vàng hay vàng trắng khảm ngọc ngà nhan nhản khắp câu lạc bộ. Tôi còn thấy một ngôi sao David xanh xăm ở mặt trong cánh tay.

“Cái gì thế?” Tôi hỏi.

Nó giơ tay lên cho tôi xem. “Của IWC. Đồng hồ tốt giống như tiền trong ngân hàng ấy. Bất cứ lúc nào cũng có thể đem cầm hay thế chấp nếu cần gấp. Cái này bằng vàng trắng, nhưng trông như thép không gỉ. Tốt nhất nên đeo thứ gì trông ít tiền hơn hẳn thực tế.”

“Không, hình xăm cơ.”

“À.” Nó vạch tay áo lên, nhìn xuống tay rầu rĩ - nhưng giờ thì tôi không để ý cái hình xăm nữa. Trong xe ánh sáng yếu, nhưng tôi cũng đủ thạo để nhận ra nhiều vết kim. “Cái ngôi sao ấy à? Chuyện dài lắm.”

“Nhưng...” Tôi biết là không nên hỏi vết kim thì hơn. “Mày có phải người Do Thái đâu.”

“Không!” Boris phẫn nộ nói và bỏ ống tay xuống. “Tất nhiên là không rồi!”

“Ừ, thế nên tao nghĩ là nên hỏi tại sao...”

“Vì tau bảo với Bobo Silver tau là Do Thái.”

“Hử?”

“Vì tau muốn ổng thuê tau! Nên tau nói dối.”

“Vãi chưởng.”

“Tao thật! Chuyện thế đấy! Ổng lượn lờ quanh nhà Xandra cả lố - lần mò khắp phố, đánh hơi tìm cái đáng nghi, như là ông già mi còn sống nhăn hay gì đó - nên một hôm tau góp can đảm tới gặp ổng. Đề nghị cho một chỗ làm. Mọi thứ đang mất kiểm soát - ở trường có lắm chuyện, mấy đứa phải đi cai, bọn còn lại bị đuổi - tau cần tách khỏi Jimmy, hiểu không, làm cái khác - một thời

gian. Và, ừ, họ của tau thì rành rành không phải, nhưng ở Nga, đầy đứa Do Thái có tên thánh Boris, nên tau nghĩ tại sao không? Ổng cách gì biết được? Tau nghĩ xăm vậy là ý hay - để thuyết phục ổng, hiểu không, rằng tau sạch. Nhờ một đứa làm hộ, nó nợ tau trăm đô. Kể chuyện sướt mướt, mẹ tau dân Do Thái Ba Lan, ông bà ngoại trong trại tập trung, khóc lóc khóc lóc - ngu quá, tau chẳng biết luật Do Thái cấm xăm mình. Mi cười cái chi?" nó cự nự. "Một đứa như tau - rất có ích cho ổng, hiểu không? Tau biết tiếng Anh, Nga, Ba Lan, U. Tau có học. Dù sao ổng cũng biết tỏng tau chẳng phải Do Thái cái mốc chi, ổng cười vào mặt tau, nhưng ổng vẫn nhận tau, rõ tử tế."

"Làm sao mày lại có thể làm việc cho một kẻ muốn giết bố tao?"

"Ổng không muốn giết bố mi! Nói thế không đúng, không công bằng. Chỉ định dọa thôi! Nhưng mà, đấy, tau cũng làm cho ổng, gần một năm."

"Mày làm gì cho lão?"

"Không có gì bẩn tay cả, tau thật! Chỉ làm trợ lý thôi - đưa tin, chạy việc này việc kia, kiểu thế. Dắt lũ chó con đi dạo! Lấy đồ giặt khô! Bobo rất tử tế và hào hiệp với tau trong lúc khốn cùng gần như là cha luôn, tau có thể đặt tay lên ngực mà thề với mi như thế. Ít nhất cũng giống cha tau hơn ông bố đẻ của tau. Bobo lúc nào cũng công bằng với tau. Hơn cả công bằng nữa. Tốt bụng. Tau học được khối điều từ ổng, quan sát ổng làm việc. Nên tau cũng chẳng phiền mang ngôi sao này trên người vì ổng. Còn cái này..." Nó vạch tay áo lên tận bắp tay, hoa hồng bị gai đâm, dòng chữ tiếng Nga - "Đây là cho Katya, tình yêu của đời tau. Tau yêu nàng hơn bất kỳ người đàn bà nào tau đã gặp."

"Cô nào mày chả nói vậy."

“Ừ, nhưng Katya là chân thành! Sẵn sàng chạy trên thủy tinh để đến với nàng! Đi qua địa ngục, qua lửa cũng được tuốt! Biếu cả đời tau cũng được! Tau sẽ không bao giờ yêu ai trên mặt đất này đến như Katya, một nửa cũng không. Nàng là người duy nhất. Tau sẽ vui lòng chết để đổi lấy thêm một ngày ở bên nàng. Nhưng...” bỏ tay áo xuống “mi không bao giờ được xăm tên người khác lên mình, vì sau đó mi sẽ mất điều ấy. Tau còn quá trẻ nên không biết điều này.”

ix.

TÔI CHƯA TỪNG HÍT THUỐC từ hồi Carole Lombard rời thành phố, nên giờ chuyện đi ngủ là bất khả. Sáu rưỡi sáng, Gyuri còn đang lao vù vù khắp Lower East Side chở theo Popchik sau xe (“tôi sẽ đưa nó đến quán ăn sẵn! Làm một đĩa thịt hun khói, trứng và phô mai!”) còn hai đứa tôi thi phê lên mây và tán nhảm trong cái quán mở cả ngày ẩm ướt nào đó trên Đại lộ C, tường đầy những hình vẽ nguệch ngoạc, cửa sổ dán vải gai để chặn ánh mặt trời, Câu lạc bộ Ali Baba, Ba Đô Một Chén, Happy Hour 10h Sáng-Trưa, cố gắng uống đủ bia để ngất được một lúc.

“Mày biết hồi ở đại học tao làm gì không?” Tôi kể. “Tao học Tiếng Nga giao tiếp trong một năm. Hoàn toàn chỉ vì mày thôi. Tao học như cứt, thật. Không bao giờ đủ để đọc, mày hiểu không, để cầm cuốn *Evgeni Onegin* - mày phải đọc bằng tiếng Nga, người ta bảo thế, bản dịch chẳng đưa lại được cái gì. Nhưng - tao nghĩ đến mày nhiều biết mấy! Tao từng nhớ mọi điều ngớ ngẩn mà mày nói - đủ thứ trở lại trong đầu tao. Ồ, người ta đang bật ‘Comfy in Nautica’ kìa, mày nghe thấy không? Panda Bear! Tao đã quên béng cái album ấy rồi. Kế tiếp. Tao viết về *Thằng ngốc*[133] làm bài cuối kỳ - cho lớp Văn học Nga - Văn học Nga qua bản dịch

- tao muốn nói là, suốt thời gian đọc cuốn đó tao nghĩ về mày, đang ở trên phòng tao, hút thuốc của bố tao. Mớ tên riêng ấy dễ nhớ hơn nhiều nếu tao tưởng tượng trong đầu là mày đang nói - thực ra là cả cuốn sách tao đều đọc bằng giọng của mày! Hồi ở Vegas mày đọc *Thằng ngốc* suốt khoảng sáu tháng, nhớ không? Bằng tiếng Nga. Một hồi lâu mày chẳng làm việc gì khác ngoài việc đó. Có nhớ một hồi mày không thể xuống nhà được vì có Xandra, tao phải mang thức ăn lên cho mày, cứ như Anne Frank ấy, nhớ không? Dù sao thì, tao đọc cuốn đó bằng tiếng Anh, *Thằng ngốc* ấy, nhưng tao cũng muốn tới được đó, tới được lúc, mày biết đấy, tiếng Nga của tao đủ giỏi. Nhưng chẳng bao giờ tới được."

"Trường với chả lớp," Boris đáp, rõ ràng không thấy hào hứng. "Mi muốn nói tiếng Nga, đi Moskva với tau. Hai tháng là sõi."

"Thế mày có định cho tao biết mày làm gì không?"

"Tau đã bảo rồi. Cái này cái nọ. Đủ sống thôi." Rồi đá vào chân tôi dưới gầm bàn. "Giờ thì trông mi phấn chấn hơn rồi, hửm?"

"Hử?" Trong phòng ngoài chỉ có hai người nữa ngoài chúng tôi - những người rất đẹp, trắng như thiên giới, một đàn ông, một đàn bà, cả hai đều để tóc ngắn, tóc đen, mắt dán lấy nhau, người đàn ông đang nắm tay người đàn bà kéo qua bàn, đang hôn và cắn vào mặt trong cổ tay cô ta. *Pippa,* tôi nghĩ và lòng lại đau nhói. Ở London đã gần đến giờ ăn trưa rồi. Cô đang làm gì?

"Khi tau thấy mi, trông mi như kiểu muốn nhảy xuống sông ấy."

"Xin lỗi, một ngày khó chịu quá."

"Nhưng mi cũng có chỗ ngon quá còn gì," Boris đang nói. Từ chỗ nó ngồi không nhìn thấy đôi kia. "Vậy mi với ổng sống với

nhau hả?

“Không! Không phải kiểu đó.”

“Tau có nói kiểu đó đâu!” Boris săm soi nhìn tôi. “Trời ơi, Potter, đừng có động tí lại nhảy dựng thế. Dù sao thì cái bà đó, bả là vợ ổng, phải không?”

“Ừ,” tôi bứt rứt nói và ngả người ra ghế. “Ờ, gần như thế.” Mối quan hệ giữa Hobie và bà DeFrees vẫn còn là một bí ẩn lớn, cả cuộc hôn nhân chưa tới hồi kết của bà với ông DeFrees cũng vậy. “Tao cứ tưởng bà ấy góa chồng từ cả thế kỷ nay rồi, nhưng hóa ra không phải. Bà ấy…” tôi cúi người tới và quẹt mũi “thế đấy, bà ấy sống trên nửa bắc còn bác ấy sống dưới trung tâm, nhưng lúc nào họ cũng ở bên nhau… bà ấy có nhà ở Connecticut, thỉnh thoảng hai người cùng đi nghỉ cuối tuần. Bà ấy kết hôn rồi, nhưng… Tao chưa bao giờ thấy chồng bả. Tao còn chưa đoán ra rốt lại là sao. Nói thật với mày, tao nghĩ cả hai chỉ là bạn tốt thôi. Xin lỗi vì tao nói dài dòng quá. Tao cũng chẳng hiểu tại sao nói với mày những thứ này nữa.”

“Và ổng dạy nghề cho mi! Ổng có vẻ là người tử tế đấy. Quý ông thực thụ.”

“Hử?”

“Ông chủ mi ấy.”

“Không phải ông chủ! Tao là cộng sự của bác ấy.” Hào quang của món thuốc đã nhạt rồi, giờ máu đang réo trong tai tôi, rin rít như tiếng dế kêu. “Thực tế là tao gần như quản mọi việc mua bán ở cửa hiệu.”

“Xin lỗi!” Boris nói và giơ tay. “Không việc gì phải cáu. Tau chỉ muốn nói tau mời mi về làm là rất chân thành.”

“Thế tao cần trả lời câu ấy như thế nào?”

“Nào, tau muốn đền bù cho mi mà. Muốn mi cũng có phần trong bao nhiêu thứ đẹp đẽ đến với tau. Bởi vì,” nó nói và chặn lời tôi một cách kiêu kỳ, “tau nợ mi mọi thứ. Mọi thứ tốt đẹp từng xảy ra trong đời tau, Potter ạ, đều là nhờ có mi.”

“Sao? Tao đã đưa mày vào sự nghiệp bán ma túy à? Uầy, được thôi,” tôi nói, châm một điếu thuốc của nó rồi đẩy trả gói thuốc, “nghe hay lắm, làm tao thấy rất đỗi tự hào về bản thân, cám ơn mày.”

“Ma túy nào? Ai nói gì đến ma túy nào? Tau muốn bù đắp lại cho mi! Vì những điều tau đã làm. Nói cho mi biết, cuộc sống tuyệt vời lắm. Chúng mình sẽ cùng nhau làm cả đống điều hay ho.”

“Mày đang điều hành đường dây gái gọi à? Đúng thế phải không?”

“Này, tau nói mi nghe một điều nhé?”

“Mời.”

“Tau thực lòng hối hận vì đã làm thế với mi.”

“Bỏ đi. Tao không chấp đâu.”

“Sao mi không chia phần lời lãi tau kiếm được nhờ mi? Kiếm một ít phần ngon lành về cho bản thân?”

“Này, tao nói một điều được không Boris? Tao không muốn dính vào bất kỳ thứ gì hắc ám nữa. Không phải chê trách gì mày đâu,” tôi nói, “nhưng tao đang cố gắng thoát ra khỏi một thứ, và hơn nữa, tao đã bảo đấy, tao đính hôn rồi, tình hình đã khác, thực lòng tao không muốn...”

“Thế sao mi không chịu để tau giúp mi?”

“Ý tao không phải thế. Ý tao là... ờ, tốt hơn không nói nhiều nhưng tao đã làm những việc không nên làm, tao muốn sửa lại. À, tức là tao đang nghĩ cách sửa lại.”

“Sửa lại khó lắm. Không có nhiều cơ hội đâu. Nhiều khi cơ hội duy nhất dành cho mi chỉ là tránh bị chộp thôi.”

Cặp đôi tuyệt đẹp kia đã đứng dậy đi ra, tay trong tay, rẽ tấm rèm hạt cườm, cùng nhau trôi vào buổi bình minh lành lạnh. Tôi nhìn những viên cườm va vào nhau, rung rinh trong sóng khí sau khi họ biến mất, còn đung đưa theo nhịp đưa hông của cô gái.

Boris ngồi lại. Mắt nó dán vào tôi. “Tau vẫn cố đền bù lại cho mi,” nó nói. “Tau ước gì tau làm được.”

“Cái gì?”

Nó nhíu mày. “À - tau đến cửa hàng mi vì cái đó. Mi biết mà. Chắc chắn là mi nghe rồi chứ, vụ Miami ấy. Tau lo không biết mi nghĩ gì khi nó lên báo - và nói thật, hơi sợ chúng nó sẽ dò ra mi nữa, từ tau, mi hiểu không? Giờ thì không, không lo quá nữa, nhưng mà... Đã lún tận cổ vào rồi, tất nhiên - nhưng tau *biết* là thế trận tồi mà. Đáng lẽ phải tin vào bản năng. Tau...” nó nhúng chìa khóa vào bột để hít nhanh một hơi nữa; chúng tôi là những người duy nhất còn lại trong quán; cô phục vụ nhỏ xăm mình, hay là chủ quán, hay là gì gì nữa đã lại biến mất vào phòng trong ọp ẹp mà - như tôi thoáng nhìn thấy - một đám người đang tụ tập trên mấy cái ghế xô pha hàng si đa, hình như đang mở hội xem phim với một bộ phim khiêu dâm thập niên 1970 “sao cũng vậy. Đáng ra tau phải biết chứ. Có người bị hại,' còn tau bị thiệt, nhưng tau đã học được bài lớn. Luôn là sai lầm - này, khoan, đợi tau làm mũi kia đã - tau thề đấy, luôn là sai lầm nếu làm việc với đám

không quen.” Nó ấn chặt mũi, chuyển cái túi dưới bàn cho tôi. “Điều đó tau biết, nhưng cứ suốt ngày quên. Việc lớn thì đừng làm với kẻ lạ! Đừng bao giờ! Người ngoài có thể bảo, ‘ồ thằng này khá lắm,’ còn tau thì muốn tin, đấy là bản chất của tau. Nhưng việc xấu đều sinh ra từ đấy cả. Này nhé - tau biết bạn bè tau. Nhưng bạn bè của chúng nó? Tau không biết rõ đến thế! Người ta lây AIDS là vì thế đấy, phải không?”

Đúng là một sai lầm - tôi biết ngay khi đang làm vậy - khi hít thêm một miếng: đến giờ tôi đã làm quá nhiều rồi, hàm nghiến chặt, máu đập trong thái dương ngay giữa khi cơn xuống dốc khó chịu đã bắt đầu tí tách chảy qua tôi, yếu đuối như phiến thủy tinh mỏng đang run lên.

“Dù sao thì,” Boris đang nói. Nó nói rất nhanh, chân gõ nhịp hối hả dưới bàn. “Đang nghĩ mãi xem lấy lại cách nào. Nghĩ-nghĩ-nghĩ! Tất nhiên giờ thì tau chẳng dùng đến nó được nữa. Chặt hết cầu sau lưng rồi. Tất nhiên... ” nó cựa quậy không yên “đấy không phải lý do tau đến gặp mi, tau thật. Phần là tau muốn xin lỗi. Muốn nói tận mặt ‘xin lỗi mi’. Bởi vì, tau thật, tau ân hận lắm. Phần nữa, chuyện đã lên khắp các báo như vậy - tau muốn bảo mi đừng có lo, vì có thể mi đang nghĩ - à tau cũng chẳng biết mi đang nghĩ gì nữa. Chỉ có điều, tau không muốn mi nghe đủ chuyện như vậy, rồi lại hoảng vì không hiểu. Nghĩ người ta có thể dò ra mi. Khiến tau cảm thấy rất ăn năn. Nên tau muốn nói với mi. Bảo mi biết rằng tau vẫn cạch mi ra không ai biết mi có quan hệ với tau. Với bảo mi biết tau vẫn đang làm hết sức, cố gắng lấy lại nó. Cố gắng kinh khủng. Bởi vì... ấn ba ngón tay lên trán “nó đã giúp tau có cả gia tài, và tau rất muốn mi được lấy lại nó trọn vẹn cho mi như ngày xưa - mi biết đấy, chính bản thân nó ấy, vì những ngày xưa, chỉ để có nó thôi, của riêng mi thôi, giấu vào tủ hay gì cũng được, thỉnh thoảng lấy ra ngắm, như ngày xưa, mi hiểu

không? Vì tau biết mi yêu nó lắm. Chính tau cũng đã đến mức yêu nó, tau thật."

Tôi trân trối nhìn nó. Trong quãng đầu óc trong trẻo sau khi dùng thuốc, điều nó nói cuối cùng cũng ngấm vào. "Boris, mày nói cái gì thế?"

"Mi biết mà."

"Không, tao không biết."

"Đừng bắt tau nói toạc ra."

"Boris..."

"Tau đã cố tìm cách bảo cho mi biết rồi. Tau đã năn nỉ mi đừng đi. Lẽ ra tau đã trả lại được cho mi, nếu mi chịu khó chờ thêm một hôm nữa."

Tấm rèm cườm vẫn đang rung rinh lanh canh trong luồng gió. Những đợt sóng thủy tinh nhấp nhô. Nhìn nó, tôi chết sững trong cảm giác váng vất thoáng qua khi một giấc mơ va chạm với giấc mơ khác: tiếng đồ bạc va lanh canh giữa buổi trưa nắng gắt trong nhà hàng Tribeca, Lucius Reeve mỉm cười nhìn tôi bên kia bàn.

"Không," Tôi nói, đẩy ghế và vã mồ hôi lạnh, úp cả hai tay lên mặt. "Không."

"Sao, mi tưởng là ông già mi lấy à? Tau cũng hơi hơi hy vọng mi tưởng thế. Vì ổng thì lụt quá chừng. Mà ổng cũng lấy trộm của mi đủ thứ rồi."

Tôi vuốt hai bàn tay xuống mặt, nhìn nó, không nói nên lời.

"Là tau tráo nó đấy. Phải. Chính tau. Tau cứ tưởng mi biết rồi. Này, tau xin lỗi!" nó nói khi thấy tôi vẫn há hốc mồm nhìn mình.

“Tau để nó trong tủ khóa ở trường. Chỉ định đùa thôi. Ờ...” mỉm cười yếu ớt “hoặc có thể là không. Một phần là đùa. Nhưng nghe này...” gõ xuống bàn để khiến tôi chú ý - “tau thề, tau không định giữ đâu. Ban đầu tau không hề có ý đó. Làm sao tau đoán ông già mi sẽ đến nước đó? Chỉ cần mi ở lại tối hôm đó thôi...” nó vung hai tay lên trời “tau đã trả lại cho mi rồi, tau thề đấy. Nhưng không cách nào giữ mi lại được. Phải đi! Đi ngay! Phải đi thôi! Bây giờ, Boris ạ, ngay bây giờ! Thậm chí không buồn đợi đến sáng nữa! Phải đi, đi ngay, ngay giây này! Và tau quá hãi không dám kể với mi vụ đó.”

Tôi nhìn nó. Cổ họng khô khốc, tim đập thình thịch đến nỗi tôi chỉ có thể ngồi im một chỗ hy vọng nó sẽ dịu lại.

"Giờ thì mi nổi điên rồi,” Boris cam chịu nói. “Mi muốn giết tau.” “Mày đang nói với tao cái gì thế?”

“Tau...”

“Mày nói *tráo* nghĩa là sao?”

“Thế này...” Lo lắng nhìn quanh “tau xin lỗi! Tau đã biết hai chúng mình cùng phê là không hay mà! Tau biết rồi sẽ dẫn đến kết quả không ra sao! Nhưng... ” chúi người tới, đặt hai tay lên bàn “tau thực tình ăn năn lắm, thề đấy. Nếu không, tau đến tìm mi làm gì? Hét tên mi trên phố làm gì? Và khi tau nói muốn đền bù lại mi ấy? Tau thật. Tau sẽ bù đắp cho mi. Vì mi biết đấy, cái tranh ấy đã khiến tau phất lên, đã giúp tau...”

“Thế cái gì ở trong cái bọc tao để ngoài ngoại thành?”

“Hử?” Nó nói, lông mày nhíu xuống, và rồi xích ghế ra, nhìn tôi, đầu ngửa ra: “Mi xạo chắc. Từ bấy đến giờ mi chưa hề...?”

Nhưng tôi không đáp nổi. Môi tôi mấp máy, nhưng không phát ra tiếng nào.

Boris đập bàn. “Thằng ngốc này. Mi nói thậm chí mi còn chưa mở nó ra hả? Sao mi có thể...?”

Khi thấy tôi không đáp, chỉ vùi mặt vào hai bàn tay, nó với qua bàn lắc vai tôi.

“Thật à?” Nó khẩn thiết hỏi, tìm cách nhìn vào mắt tôi. “Chưa hề ư? Mở ra nhìn cũng chưa?”

Từ phòng trong: tiếng ré phụ nữ, ngớ ngẩn, trống rỗng, tiếp theo là những tiếng hú huýt đàn ông cũng ngớ ngẩn không kém. Rồi, ầm ĩ như cưa máy, cái máy xay đâu đó rộ lên bên quầy có vẻ như kéo dài bất tận.

“Mi không biết à?” Boris hỏi, khi tiếng ầm ĩ cuối cùng cũng lắng xuống. Phòng trong vọng ra tiếng cười và vỗ tay. “Sao lại có thể...”

Nhưng tôi không nói được lời nào. Những hình graffiti nhiều lớp trên tường, nhãn dính mang chữ ký và câu viết, những kẻ say mắt là hai dấu x. Phòng trong, một tiếng rì rầm khàn đục đã nổi lên, *tới đi tới đi*. Bao nhiêu thứ đang loang loáng ập vào tôi một lúc, đến nỗi tôi không thở nổi.

“Từ bấy đến giờ?” Boris hỏi, nhíu mày. “Mà không một lần mi...?”

“Ôi Chúa ơi.”

“Mi có sao không?”

“Tao...” Tôi lắc đầu. “Mà sao mày còn biết là tao có nó? Làm sao mày biết?” tôi nhắc lại, khi nó không trả lời. “Mày lục phòng tao ư? Lục đồ của tao?”

Boris nhìn tôi. Rồi nó lùa cả hai tay lên tóc, bảo, “Mi thuộc loại say mất trí, mi biết không, Potter?”

“Lạy mày,” tôi nói sau một quãng im lặng không tin.

“Không, thật đấy,” nó hiền lành nói. “Tau là thằng nghiện. Tau biết chứ! Tau nghiện rượu từ hồi lên mười, từ hồi tau lần đầu uống rượu. Nhưng còn mi, Potter à - mi thì y như ông già tau. *Ổng* uống rượu - ổng bất tỉnh trong khi vẫn đi khắp nơi, làm những việc chính ổng cũng không nhớ. Đâm nát xe, đập tau nhừ tử, gây lộn với người khác, tỉnh dậy đã thấy vỡ mũi hoặc có khi ở cả thị trấn khác, ngủ trên ghế đá nhà ga.

“Tao không làm mấy việc đó.”

Boris thở dài. “Ừ, ừ, nhưng trí nhớ mi cũng tắt ngúm luôn. Hệt như ổng. Và tau không bảo mi làm chuyện xấu, làm chuyện bạo lực đâu, mi không có máu điên như ổng, nhưng hiểu không, ờ... có cái lần chúng mình vào phòng trẻ ở McDonald, cho bọn con nít ấy, mi say khướt trên cái phồng phồng đó đến nỗi bà ở đó kêu cảnh sát đến túm mi, và tau phải lôi mi khỏi đó thật lẹ, đứng ở Wal Mart cả nửa giờ đồng hồ giả vờ xem bút chì học sinh, rồi lại lên xe về trạm, rồi mi chẳng nhớ cái ma toi gì cả? Không nhớ tí gì hết? ‘McDonald hả, Boris? McDonald nào?’ Hay là,” nó nói và khịt mũi ầm ĩ, nói tràn cả lời tôi, “hay là cái hôm mi say lử, say tướt bơ, rồi bắt tau đi với mi ‘dạo quanh sa mạc’ ấy? OK, dạo thì dạo. Được thôi. Chỉ có điều mi say đến nỗi chân đi không vững, mà trời thì bốn mươi độ. Rồi thì mi chán đi tiếp, mi nằm xuống cát. Mi yêu cầu tau vứt mi lại đấy cho chết. ‘Cứ để tao ở đây, Boris ạ, mày đi đi.’ Nhớ không?”

“Nói thẳng vào vấn đề đi.”

“Tau nói gì nữa giờ? Mi buồn. Uống đến bất tỉnh suốt.”

“Mày cũng vậy.”

“Ừ. Tau nhớ mà. Té xỉu trên cầu thang, mặt cắm xuống đất,

nhớ chứ? Tỉnh dậy trên mặt đất, cách nhà hàng dặm, nằm giữa bụi cây chân thò ra ngoài, cóc biết mình làm thế nào mà lê ra tận đó được? Đệt, tao còn có lần email cho Spirsetskaya giữa đêm hôm, như kiểu thằng say phát điên điển hình, ca tụng sắc đẹp tuyệt trần của bả, thú nhận tau yêu bả phát cuồng, mà lúc ấy, thì đúng là thế thật. Hôm sau ở trường, đầu váng mắt hoa: 'Boris, Boris, cô cần nói chuyện với em.' Ừm, nói chuyện thì nói chuyện. Và bả đứng trước mặt tau hiền từ gượng nhẹ khôn kể, kiếm cách làm tau tỉnh mộng nhẹ nhàng. Email? Email nào? Chẳng nhớ cái mẽo gì hết! Đứng đó mặt đỏ tía tai, trong khi bả đưa tau một mớ bài thơ photo và bảo tau hãy yêu lấy lũ con gái cùng tuổi! Ừ, tau cũng làm đủ trò ngu ngốc. Ngu hơn cả mi! Nhưng mà tau," nó nói và loay hoay với điếu thuốc lá, "tau say chỉ muốn tìm vui thôi. Còn mi tìm chết. Khác nhau ở chỗ đấy."

"Sao tao lại có cảm giác mày đang đánh trống lảng nhỉ?"

"Không phán xét mi nhé! Chỉ là - hồi ý chúng mình làm cả mớ trò điên khùng. Những trò chắc cả mi cũng không nhớ. Không, không!" Nó vội vàng nói và lắc đầu khi nhìn thấy vẻ mặt tôi. " *Cái đó* thì không. Dù tau cũng phải nói, mi là thằng con trai duy nhất tau từng ngủ chung giường!"

Tiếng cười tức giận buột ra khỏi họng tôi, như thể tôi vừa bị ho hay bị nghẹn thứ gì đó.

"Cái đó..." Boris khinh khỉnh tựa vào ghế, bóp chặt hai lỗ mũi "Phì. Tau nghĩ thỉnh thoảng cũng gặp ở tuổi ấy. Chúng mình còn nhỏ, cần con gái. Có thể mi đã coi đấy là một thứ gì khác. Nhưng mà, không, đợi đã," nó nói nhanh, đổi sắc mặt - tôi vừa đẩy ghế định đi "đợi đã," nó nhắc lại và níu áo tôi, "đừng đi, xin mi, nghe nốt điều tau đang nói với mi đã, mi không nhớ tí nào cái đêm bọn mình xem *Dr. No* phải không?"

Tôi đã lấy áo vắt trên lưng ghế. Nhưng nghe đến câu này, tôi khựng lại.

“Nhớ không?”

“Tao phải nhớ à? Vì sao?”

“Tau *biết* là mi không nhớ mà. Vì ngày xưa tau hay thử mi. Nhắc đến *Dr. No*, nói đùa. Để coi mi bảo sao.”

“Thế *Dr. No* thì có gì?”

“Tí chút sau khi tau gặp mi!” Đầu gối nó đang nhịp lên nhịp xuống như điên. “Tau nghĩ là mi chưa quen uống vodka - mi chẳng biết rót bao nhiêu là vừa. Mi đi vào, cầm cái cốc đại tướng, từng này này, như cốc nước ấy, rồi tau nghĩ: chết mẹ! Mi không nhớ hửm?”

“Có hàng đống đêm như thế.”

“Mi không nhớ. Tau vẫn lau bãi mửa cho mi - vứt quần áo vào máy giặt hộ mi - mi còn chẳng biết tau làm thế. Mi chỉ khóc rồi kể tau nghe đủ thứ chuyện.”

“Chuyện gì?”

“Chuyện như là…nó nhăn mặt sốt ruột “ờ, lỗi tại mi mà mẹ mi mới chết… mi ước chi là mi đã chết thay… nếu mi chết, biết đâu may ra mi sẽ được ở với bả, bên nhau trong bóng tối… không nên đào sâu mấy cái đó làm gì, tau không muốn mi suy sụp. Mi đúng là cái giẻ rách, Theo ạ - chơi với mi nói chung rất vui! Sẵn sàng làm bất kỳ trò gì! Nhưng đúng là giẻ rách. Đáng ra mi phải vào viện mới phải. Trèo lên mái nhà rồi nhảy xuống hồ bơi? Đáng ra phải gãy cổ rồi, quá rồ! Mi hay nằm ngửa giữa đường ban đêm, không đèn đường, không cách nào cho người ta thấy hết, đợi xe đến cán mi chết, tau phải vật lộn với mi để lôi dậy, kéo vào trong

nhà.

“Tao phải nằm trên cái phố quỷ tha đấy cả triệu năm thì mới hòng có xe đến. Tao có ngủ luôn ở đấy cũng được. Mang theo túi ngủ.”

“Tau không định cãi vụ đó đâu. Mi bị khùng. Mi đã có thể khiến cả đôi chết quay. Một đêm mi còn lấy diêm dọa đốt nhà, nhớ chứ?”

“Tao đùa thôi mà,” Tôi bứt rứt đáp.

“Thế còn thảm? Đốt thủng một lỗ to đùng trên xô pha? Đấy cũng là đùa à? Tau phải lộn trái nệm để Xandra không thấy.”

“Cái của bỏ đi đó rẻ tiền đến nỗi thậm chí không chống lửa.”

“Ừ, ừ. Mi nói sao cũng được. Nhưng rồi đến một đêm. Chúng mình đang xem *Dr. No*, tau chưa xem bao giờ nhưng mi xem rồi, và tau đang khoái cái phim lắm còn mi thì đã *V gavno*, đang đến đoạn ổng ở trên đảo, ngầu vãi lúa, xong rồi ổng bấm nút cho lộ ra cái tranh ổng trộm được?”

“Ôi trời ơi.”

Boris cười lục khục. “Thế đấy! Cầu Chúa phù hộ mi! Thú vị thế! Mi say mèm rồi bắt đầu lảm nhảm - tao có cái này cho mày xem! Mê hồn lắm! Vĩ đại lắm! Đứng chắn trước mặt tivi. Ờ, thật thế! Tau thì đang mải phim, đến phán hay nhất, mi thì không chịu im mồm. Cút nhà mi đi! Thế là, mi đi, điên điên dở dở, ‘chó nhà mày’ làm rầm cả lên. Rầm rầm rầm. Rồi thì mi xuống, cầm theo cái tranh, hiểu không?” Nó cười. “Cười cái là - tau tin chắc mi chỉ trộ tau. Tác phẩm bảo tàng lừng lẫy thế giới à? Có khối. Nhưng - lại là thật cơ chứ. Nhìn là thấy ngay.”

“Tao không tin mày.”

“Ổ, thật mà. Tau biết ngay. Vì nếu tranh giả được như thế ấy à? Las Vegas chắc đã là thành phố đẹp nhất quả đất! Nhưng mà - buồn cười vãi! Tau kiêu hãnh dạy mi cách ăn trộm táo với kẹo ở cửa hàng, còn mi thì đã đi trộm tác phẩm nghệ thuật vĩ đại.”

“*Không* phải tao ăn trộm.”

Boris khúc khích cười. “Không, không phải. Mi giải thích rồi. Bảo quản an toàn. Bổn phận lớn trong đời. Mi nói tau coi,” nó nói và chồm người tới, “thực sự mi chưa hề mở ra xem à? Từ đó giờ? Mi bị sao vậy?”

“Tao không tin mày,” tôi nhắc lại. “Mày lầy nó *lúc nào* tôi hỏi khi nó đảo mắt ngoảnh đi. “Làm cách nào?”

“Thì, tau đã bảo...”

“Làm sao mày lại nghĩ tao sẽ tin một lời nào trong đó?”

Boris lại đảo mắt. Nó thò tay vào túi áo khoác, mở ra một tấm ảnh trên iPhone. Rồi nó đưa cho tôi qua mặt bàn.

Đấy là mặt sau của bức tranh. Mặt trước có thể tìm thấy hình ảnh ở khắp mọi nơi. Nhưng mặt sau thì độc nhất như một dấu vân tay: những vệt sáp dấu chảy đậm màu, nâu và đỏ; những cái nhãn châu Âu nhằng nhịt không đều (số La Mã; chữ ký loằng ngoằng bằng bút lông vũ) tạo cảm giác như một cái rương đi biển, hay là một hiệp ước quốc tế từ lâu lắm rồi. Những lớp màu nâu và vàng rạn vỡ trông thật đến mức gần như hữu cơ, như lá héo.

Nó bỏ lại điện thoại vào túi. Chúng tôi ngồi im lặng hồi lâu. Rồi Boris với lấy điếu thuốc.

“Giờ thi tin chưa?” Nó hỏi và phà ra một luồng khói ở khóe miệng.

Những nguyên tử trong đầu tôi đang quay vù vù; khoảng thời gian trong trẻo đầu óc đã bắt đầu đổi hướng, bối rối và lo sợ lén lút dâng lên như không khí đen trước trận giông bão. Trong một giây dài nghiêm nghị chúng tôi nhìn nhau: sóng hóa học cao tần, cô độc truyền tới cô độc, như hai vị khổ tu Tây Tạng trên đỉnh núi.

Rồi tôi đứng dậy không nói một lời, xỏ áo. Boris cũng bật dậy.

"Đợi đã," nó nói khi tôi lách qua. "Potter? Đừng đùng đùng bỏ đi như thế. Tau đã bảo sẽ bù lại cho mi mà? Tau nói thật đấy...

"Potter?" nó nhắc lại khi tôi đi qua tấm rèm đầy những hạt cườm lanh canh, ra phố, vào màn sáng xám mờ bẩn lúc bình minh. Đại lộ C vắng hoe, chỉ có một chiếc taxi đơn côi có vẻ cũng mừng rỡ khi thấy tôi như tôi mừng khi thấy nó, và chạy vụt đến đứng chờ tôi. Trước khi nó kịp nói thêm một lời, tôi vào xe, đi mất, bỏ lại nó đứng đó trong cái áo choàng bên một dãy thùng rác.

X.

ĐÃ TÁM RƯỠI SÁNG khi tôi đến được kho trữ đồ, quai hàm đau nhức vì nghiến răng và trái tim muốn vỡ tung. Ban ngày mang vẻ bàn giấy: ánh chói buổi sáng tầm thường, sáng sủa đe dọa. Đến mười giờ mười lăm tôi đã ngồi trên sàn phòng ở nhà Hobie, đầu óc như con quay đang lảo đảo văng từ bên này qua bên khác. Vứt quanh tôi trên thảm là hai chiếc túi mua hàng, một cái lều bạt chưa bao giờ dùng đến, một cái vỏ gối vải percale màu be vẫn còn bốc mùi phòng ngủ của tôi ở Vegas, một hộp thiếc toàn Roxicodone và morphine đủ loại mà tôi biết cần giật nước cho trôi, và một nắm méo mó băng dính gói hàng mà tôi đã khổ công

cắt ra bằng con dao X-Acto, hai mươi phút vất vả tỉ mỉ, mạch máu đập dồn trên đầu ngón tay, khiếp sợ không dám quá mạnh tay nhỡ làm sứt mẻ bức tranh, cuối cùng cũng rạch được một bên, xé băng dính từng vòng, từng vòng, từng vòng cẩn trọng, bằng bàn tay run rẩy: và chỉ thấy, kẹp giữa hai lớp bìa và quấn giấy báo bên ngoài - một cuốn bài tập Công dân đã viết nhằng nhịt (*Dân chủ, Đa dạng, và Em*!).

Đám đông đa văn hóa rạng rỡ. Trên bìa, trẻ da vàng, trẻ La tinh, trẻ da đen, trẻ da đỏ, một cô bé quấn khăn Hồi giáo và một đứa bé da trắng ngồi xe lăn cùng mỉm cười nắm tay nhau trước lá cờ Mỹ. Bên trong cuốn sách, trong phạm vi thế giới hớn hở, buồn chán của đời sống công dân đứng đắn, nơi những người thuộc mọi sắc tộc cùng vui vẻ tham gia xây dựng cộng đồng, những đứa bé sống ở nội thành đứng khắp khu nhà ở xã hội cầm bình tưới cây, chăm sóc một cái cây cảnh xòe cành biểu thị những nhánh khác nhau của nhà nước. Boris đã vẽ những mũi dao găm có để tên nó, hình hoa hồng và trái tim vây quanh tên tắt của Kotku, và một cặp mắt dò la, ranh mãnh liếc ngang, bên trên một mẫu đề thi điền dở.

Tại sao con người cần có chính quyền? Để áp đặt hệ tư tưởng, trừng phạt kẻ làm bậy, phát huy bình đẳng và hữu ái giữa các dân tộc. Kể tên một số bổn phận của công dân Mỹ? Bỏ phiếu bầu Quốc hội, ủng hộ tính đa dạng, chiến đấu chống lại kẻ thù của nhà nước

May thay, Hobie không có nhà. Mấy viên thuốc tôi uống chẳng có tác dụng, và sau hai giờ đồng hồ dằn lên vật xuống trong giường, nửa mơ nửa tỉnh, chao đảo, tra tấn - những ý nghĩ vùn vụt, mệt lử vì tim đập thình thình, giọng Boris còn ong ong trong đầu - tôi buộc mình đứng dậy, dọn hết đống bừa bộn trong

phòng, tắm và cạo râu: trong lúc đó còn làm sứt mặt, vì môi trên đang cứng đờ như xông thuốc tê sau cú đổ máu mũi vừa xong. Rồi tôi pha một ấm cà phê cho mình, kiếm được cái bánh rán hẩm trong bếp và ép mình ăn, đến trưa đã có thể xuống cửa hiệu mở cửa - vừa kịp đón đường bà phát thư đang mặc áo mưa ni-lông (trông có vẻ hơi hoảng hốt, đứng tránh xa cái thằng tôi mắt toét nhèm, sứt môi trên, cầm tờ giấy ăn đẫm máu), dù khi nhận lá thư từ bàn tay đi găng cao su tôi mới nhận ra: để làm gì chứ? Giờ thì Reeve cứ viết cho Hobie tùy thích - gọi cho Interpol cũng được - ai cần biết làm gì.

Trời đang mưa. Khách bộ hành hối hả lúp xúp chạy. Mưa quất mạnh vào cửa sổ, nối nhau đọng trên những túi ni-lông đựng rác bên hè. Trong này, ngồi bên bàn trong cái ghế bành mốc ẩm, tôi cố tìm cách định vị mình, hay ít nhất cũng kiếm chút an ủi trong sắc lụa bạc màu và cảnh tối tăm của cửa hiệu, vẻ âm u nửa buồn nửa ngọt lịm như những lớp học tối trong mưa ngày thơ bé, nhưng cú vã dopamine đã vứt tôi đánh ầm xuống đất, trơ ra trong những run rẩy đón chờ một thứ gì đó rất giống như cái chết, một nỗi buồn cảm thấy trước tiên trong dạ, rồi đập ầm ầm trên trán từ trong ra, tất cả bóng tối tôi đã khóa cửa nhốt ở ngoài thì nay sầm sầm tràn lại trở vào.

Chứng hẹp trường nhìn. Bao nhiêu năm qua tôi đã dật dờ sống, quá mê muội và cách âm khiến hiện thực dù thuộc loại gì cũng không thể xuyên qua: một cơn mê đã cuốn tôi đi trên làn sóng chầm chậm, thư thả của nó từ ngày thơ ấu, nằm phê thuốc trên cái thảm lông cứng ở Vegas cười với quạt trần, chỉ có điều giờ tôi không cười được nữa, Rip van Winkle[134] chớp mắt và thò đầu lên mặt đất muộn chừng trăm năm.

Còn cách nào khiến mọi thứ trở về ổn thỏa? Chẳng có cách nào.

Mặt nào đó, Boris đã giúp tôi bằng cách lấy nó đi, ít nhất thì tôi cũng biết phần lớn mọi người sẽ cho là vậy; tôi đã được giải phóng, không ai còn có thể trách cứ gì, những vấn đề lớn nhất của tôi trong chớp mắt đã được giải quyết; nhưng dù biết bất kỳ ai tỉnh táo cũng sẽ nhẹ người khi bức tranh được gỡ khỏi tay mình, tôi lại chưa bao giờ cảm thấy tả tơi đến thế vì tuyệt vọng, tự hận, hổ thẹn.

Cửa hiệu ấm áp, uể oải. Tôi không ngồi yên được; tôi đứng lên rồi ngồi xuống, đi ra cửa sổ rồi lộn lại. Cái gì cũng thấm đẫm nỗi khủng khiếp. Một bức tượng Pulcinella bằng sứ liếc mắt thù địch nhìn tôi. Ngay cả các món đồ gỗ cũng có vẻ bệnh hoạn và méo mó. Làm sao tôi lại có thể nghĩ mình tốt hơn, thông thái hơn, cao cả hơn, giá trị hơn và xứng đáng sống hơn mình thực tế chỉ vì cái bí mật cất giấu ở ngoại thành trên mạn bắc? Nhưng đúng là tôi đã nghĩ như vậy đây. Bức tranh đã khiến tôi cảm thấy mình ít trần tục hơn, ít tầm thường hơn. Nó vừa là chỗ dựa, vừa là lời thanh minh, vừa là chất liệu vừa là tổng số. Đấy là hòn đá móng đã nâng đỡ cả tòa giáo đường. Và thật khủng khiếp khi nhận ra, nhận ra bằng cách thấy nó thình lình biến mất dưới chân, rằng cả cuộc đời người lớn của tôi đã ngầm duy trì bằng niềm vui khủng khiếp, man dại, giấu kín này: niềm tin rằng cả cuộc đời mình đang thăng bằng trên một bí mật bất cứ lúc nào cũng có thể khiến nó đổ sụp.

xi.

KHI HOBIE VỀ ĐẾN NHÀ khoảng hai giờ chiều, ông đi từ phố vào nhà trong tiếng chuông leng keng như có khách.

“Chà, tối qua đúng là một bất ngờ lớn.” Má ông đỏ hồng vì mưa; ông tuột áo mưa rồi rũ nước; ông ăn mặc đẹp để đi mua đấu giá,

cà vạt thắt nút Windsor trên một trong mấy cái áo vét cũ rất đẹp. "Boris!" Rõ ràng cuộc đấu giá là một thành công, tôi thấy ngay từ tâm trạng ông; dù ít khi đặt giá cao nhưng ông biết mình muốn gì, và thi thoảng trong những buổi ít kịch tính khi không có ai đấu lại, thì ông mang về nhà cả một lô hàng xinh đẹp. "Bác đoán là hai cháu đã có một đêm ra trò phải không?"

"À." Tôi đang ngồi rúc vào một góc nhấp trà, đầu đau muốn vỡ ra.

"Thật buồn cười, gặp cậu ta sau khi đã được nghe kể bao nhiêu điều về cậu ta. Cứ như gặp nhân vật trong sách vậy. Lúc nào bác cũng hình dung cậu ta là cậu trộm giỏi tránh né trong *Oliver Tivist* - à, cháu biết đấy, thằng bé con, thằng nhóc đường phố ấy, diễn viên đóng là ai nhỉ, Jack gì đấy. Áo choàng rách. Má có vệt đất bẩn."

"Bác cứ tin cháu, hồi ấy cậu ta bẩn phết."

"À, cháu biết đấy, Dickens cũng không cho ta biết số phận của cậu nhóc đó sau này ra sao. Lớn lên thành một vị doanh nhân khả kính, biết đâu đấy? Và Popper đúng là hóa điên phải không? Bác chưa bao giờ thấy con vật nào sướng cuồng lên như thế.

"À, mà này," Hơi ngoảnh đi, còn đang mải chỉnh áo; ông không thấy tôi ngừng phắt lại khi nghe tên Popper "tí thì quên, Kitsey gọi đấy."

Tôi không đáp, không đáp nổi. Tôi còn chưa hề nghĩ đến Popper.

"Khá muộn - mười giờ. Bảo con bé là cháu gặp Boris, vừa ghé về, đi ra ngoài rồi, hy vọng thế là ổn."

"Tất nhiên," tôi nói sau một lúc ép mình tập trung, còn đang vật lộn sắp xếp các ý nghĩ trong đầu đang mải chạy về mấy

hướng rất tồi tệ cùng một lúc.

“Bác phải nhắc cháu *gì* nhỉ.” Hobie đặt ngón tay lên môi. “Bác được giao phó việc gì đó. Để nghĩ xem.

“Bác không nhớ ra,” sau khi khẽ giật mình ông nói, lắc đầu. “Cháu phải gọi cho nó thôi. Tối nay có tiệc, bác nhớ là thế, ở nhà ai đấy. Tiệc tối lúc tám giờ! Đến đó thì bác nhớ. Nhưng không nhớ ở đâu.”

“Nhà Longstreet,” Tôi nói và tim đập rộn.

“Nghe có vẻ đúng. Mà dù sao thì, Boris! Thú vị ghê, quyến rũ gớm - cậu ta ở thành phố bao lâu? Cậu ta ở đây bao lâu?” ông vui vẻ nhắc lại khi thấy tôi không trả lời - ông không thấy vẻ mặt tôi đang kinh hoảng nhìn ra phố. “Chúng ta phải mời cậu ấy ăn tối chứ, cháu nghĩ thế không? Hay là cháu bảo cậu ta dành lại cho ta một hai đêm khi nào rảnh? Tất nhiên, đấy là nếu cháu muốn,” ông nói khi thấy tôi không đáp. “Tùy cháu thôi. Cứ nói cho bác biết.”

xii.

KHOẢNG HAI TIẾNG SAU - mệt bã người, cơn nhức đầu khiến mắt căng ra vì đau - tôi vẫn còn hối hả nghĩ cách làm sao mang được Popper về, trong lúc vừa phải bịa ra rồi gạt bỏ những lời giải thích về sự vắng mặt của nó. Tôi bỏ quên nó, bị buộc vào trước cửa hàng nào đó? Có ai đã tóm nó đi? Thật là nói dối rành rành: ngoài chuyện trời đang mưa như trút nước, thì Popper nay đã già và ghét bị xích đến mức khó mà lôi đi dù chỉ ra trụ cứu hỏa. Đi chăm sóc chăng? Người lo việc chăm sóc cho Popper, một bà già có vẻ thiếu thốn tên Cecelia làm việc ngay tại nhà, lúc nào cũng trả nó về lúc ba giờ. Thú y? Ngoài chuyện Popper không hề ốm ra

http://tieulun.hopto.org

(và nếu nó ốm, tại sao tôi không nói với ông?) thì nó luôn đi khám ở bác sĩ mà Hobie đã quen từ thuở Welty còn nuôi Chessie. Phòng khám của bác sĩ McDermott ở ngay cuối phố. Việc gì tôi còn phải đưa nó đi đâu?

Tôi rên lên, đứng dậy rồi đi ra cửa sổ. Hết lần này đến lần khác, tôi vẫn đâm phải ngõ cụt đó, một việc ắt phải xảy ra trong một hai giờ nữa thôi, Hobie đi vào, bối rối, nhìn quanh cửa hàng: "Popper đâu? Cháu có thấy nó đâu không?" Và thế là xong: vòng quay vô tận, không cách nào Alt-Tab thoát ra. Có thể đóng chương trình, tắt máy tính, khởi động lại từ đầu, nhưng trò chơi vẫn sẽ đóng băng và treo tại điểm ấy. "Popper đâu?" Không có mã ăn gian. Game over. Không có đường nào vượt qua thời điểm đó.

Màn mưa như kim châm đã ngớt đi thành mưa phùn, vỉa hè loáng ướt, nước nhỏ giọt từ mái bạt, mọi người trên phố có vẻ đều nhân lúc này mà ụp áo mưa lên người dắt chó chạy vọt đến góc phố: chó hiện ra ở bất cứ chỗ nào tôi nhìn đến, chó chăn cừu nhảy tỡn, chó xù đen thông thường, bọn săn thỏ, bọn tha mồi, một con bull Pháp già khự và một cặp lạp xưởng kiêu kỳ, mặt hếch lên trời, nối đuôi nhau khệnh khạng qua đường. Bức xúc, tôi quay lại ghế, ngồi xuống, nhặt ca-ta-lô bán thanh lý của Christie lên giở xoàn xoạt: những bức màu nước hiện đại chủ nghĩa kinh tởm, hai nghìn đô cho một cặp trâu húc nhau bằng đồng thời Victoria, ngớ ngẩn.

Tôi sẽ bảo Hobie thế nào đây? Popper đã già và điếc, thỉnh thoảng nó ngủ quên trong những xó xỉnh nào đó không nghe thấy ngay tiếng người gọi, nhưng chẳng mấy chốc sẽ đến giờ ăn tối của nó và tôi sẽ nghe thấy Hobie đi lại trên gác, tìm nó đằng sau xô pha, trong phòng Pippa và những chỗ thường lệ. "Popsky? Này, chó ngoan! Đến giờ ăn rồi!" Giả vờ không biết có được

không? Vờ cùng ông tìm quanh nhà, vò đầu thắc mắc? Biến mất bí ẩn? Tam giác Bermuda? Tôi vừa quay trở lại với ý tưởng gửi đi chăm sóc, lòng chùng xuống, thì nghe tiếng chuông bên cửa.

"Tau đã định giữ nó rồi."

Popper - người ướt đẫm, nhưng nhìn chung không có gì suy suyển sau cuộc phiêu lưu - duỗi cẳng ra khá trịnh trọng khi Boris đặt nó xuống sàn, rồi lót tót chạy đến chỗ tôi, ngửa đầu giục tôi gãi cằm cho nó.

"Nó chẳng nhớ mi tí nào," Boris nói. "Bọn tau đi chơi với nhau cả ngày cực vui."

"Chúng mày làm gì?" tôi hỏi, sau một hồi lâu im lặng, vì chẳng nghĩ ra phải nói gì nữa.

"Chủ yếu là ngủ. Gyuri thả bọn tau xuống..." Nó dụi đôi mắt thâm quầng, ngáp dài "và bọn tau đã ngủ rất ngon bên nhau, chỉ hai đứa tau. Mi có biết - ngày xưa nó hay cuộn tròn người lại? Như một cái mũ bông trên đầu tau?" Popper chẳng bao giờ thích ngủ gối cằm lên đầu tôi như vậy, chỉ với Boris thôi. "Rồi - bọn tau dậy, rồi tau tắm và dẫn nó đi dạo - không xa lắm, nó không muốn đi quá xa - rồi tau gọi điện cho mấy người, bọn tau ăn bánh kẹp thịt hun khói rồi lái xe về. Này, tau xin lỗi!" nó buột ra khi thấy tôi không đáp, thọc ngón tay vào mái tóc bù xù. "Thật đấy. Và tau sẽ tìm ra cách sửa sai, thật thế, tau thề."

Im lặng kéo dài tưởng đến ngạt thở.

"Mà thế tối qua mi vui chứ? *Tau* thì rất vui. Nhưng sáng nay thì bớt phởn rồi. Làm ơn nói gì đi," nó thốt lên khi thấy tôi không đáp. "Tau đã khổ sở vì chuyện này cả ngày hôm nay rồi."

Popper đã ngửi ngửi rồi chạy qua phòng đến chỗ đĩa nước. Ngoan hiền, nó bắt đầu uống. Một lúc lâu chẳng có tiếng động

nào trong phòng ngoài tiếng liếm láp và nuốt ực đều đều.

“Thật mà, Theo… tay đặt lên trái tim “tau thấy phiền muộn lắm. Cảm xúc trong tau - nỗi hổ thẹn trong tau - không lời nào tả xiết,” nó nói, vẻ trầm trọng hơn nữa, khi thấy tôi vẫn không đáp. “Và phải, tau thừa nhận, một phần trong tau cũng tự hỏi, ‘sao mi lại làm hỏng bét vậy Boris, sao mi phải múa cái lưỡi làm gì’. Nhưng làm sao mà tau nói dối, lén lút được? Ít nhất mi cũng chấm điểm cho tau vụ đó chứ?” nó nói và xoa tay bứt rứt. “Tau không hèn. Tau đã bảo mi. Tau đã thừa nhận. Tau không muốn mi lo lắng vì không biết chuyện gì xảy ra. Và tau sẽ đền bù lại cho mi bằng cách nào đó, tau hứa.”

“Tại sao…” Hobie đang bận rộn chạy máy hút bụi dưới nhà nhưng tôi vẫn hạ giọng, thì thầm cáu giận như hồi Xandra ở dưới nhà và chúng tôi không muốn cô ta nghe thấy tiếng cãi vã “tại sao?”

“Tại sao gì?”

“Tại sao mày lại lấy nó đi chứ?”

Boris chớp mắt, ra vẻ chính đáng. “Tại vì có Mahya Do Thái mò đến nhà mi, chứ tại sao!”

“Không, đấy không phải là cớ tại sao.”

Boris thở dài. “Ừm, đấy là một phần tại sao - một chút. Ở nhà mi nó có an toàn không? Không! Ở trường thì cũng thế. Lấy cuốn sách cũ của tau, quấn trong giấy báo, dán băng dính cho mập lên…”

“Tao đang hỏi *tại sao* mày lấy nó.”

“Tau biết nói gì đây. Tau không phải đứa ăn trộm.”

Popper vẫn còn ồn ã uống. Mệt lả, tôi nghĩ không hiểu Boris có

nhớ bỏ bát nước cho nó trong cả ngày vui vẻ cùng nhau hay không.

"Và..." Nó nhún vai nhẹ không "tau muốn nó. Ừ đấy. Ai không muốn chứ?"

"Muốn nó, vì sao? Tiền à?" tôi hỏi, khi nó không trả lời.

Boris trề môi. "Tất nhiên không phải. Một thứ như thế làm sao bán được. Mặc dù - phải thừa nhận - một lần tau gặp phiền lớn, bốn năm năm trước, tau suýt bán tháo, giá rẻ như bèo, gần như đem cho, chỉ để tống nó đi. May mà không bán. Lúc đó tau bí, đang cần tiền. Nhưng..." khịt mũi, quẹt mũi - "tìm cách bán mấy thứ đó là cách vào tù nhanh nhất. Mi cũng biết mà. Làm công cụ mặc cả - lại là chuyện khác! Họ giữ nó coi như thế chấp - ứng trước hàng cho mình. Mi bán món hàng, gì cũng được, mang vốn lại, chia phần cho họ, tranh trả lại mi, xong chuyện. Hiểu chưa?"

Tôi không nói gì, bắt đầu giở lại cuốn ca-ta-lô vẫn đang mở trên bàn.

"Mi biết người ta nói gì đấy." Giọng nó vừa buồn vừa mơn trớn. " 'Thời cơ làm nên kẻ trộm'. Ai còn hiểu rõ hơn mi nữa? Tau mở tủ mi ở trường tìm tiền ăn và tau nghĩ: hửm? Ô này? Cái gì đây? Thật dễ lấy nó ra giấu đi. Rồi tau mang cái vở bài tập cũ đến lớp thủ công của Kotku, cùng cỡ, cùng độ dày - cùng loại băng dán đủ thứ nữa! Kotku giúp tau một tay. Nhưng tau không bảo là tại sao. Những chuyện như thế không nói cho Kotku được."

"Tao vẫn không tin nổi mày lại ăn trộm nó."

"Này. Tau không lấy cớ này nọ đâu. Đúng là tau đã lấy nó. Nhưng..." nó mỉm cười tươi rói "tau có lừa mi không? Tau có nói dối không?"

"Có," tôi nói, sau một lúc im lặng hồ nghi. "Có, mày có nói dối."

“Mi *không* bao giờ hỏi thẳng tau! Nếu mi hỏi, tau đã nói mi rồi!”

“Boris, đừng điêu nữa. Mày đã nói dối.”

“Ờ, giờ thì không dối nữa,” Boris nói và cam chịu nhìn quanh. “Tau tưởng tới giờ mi phải phát hiện ra rồi chứ! Từ hàng năm trời! Tau tưởng mi đã biết đấy là do tau!”

Tôi lảng đi, ra chỗ cầu thang, sau lưng là Popchik: Hobie đã tắt máy hút bụi, chỉ còn sự im lặng rùng mình, và tôi không muốn ông nghe thấy chúng tôi.

“Tau không rõ lắm…” Boris hỉ mũi ầm ĩ, quan sát sản phẩm trên tờ giấy ăn, nhíu mày “nhưng khá chắc là nó ở đâu đấy trong châu Âu.” Nó gập tờ giấy ăn, nhét lại vào túi. “Genoa, ít có khả năng nhưng vẫn là có. Nhưng tau đoán khả năng cao nhất là Bỉ với Đức. Hà Lan cũng có thể. Ở đây sẽ mặc cả được giá cao hơn, vì người ta ấn tượng hơn.”

“Vậy cũng không thu hẹp phạm vi được lắm.”

“Này, nghe tau! Hãy mừng là nó không ở Nam Mỹ! Vì đến lúc ấy tau thề mi sẽ không cách nào thấy lại nó đâu.”

“Tao tưởng mày bảo nó mất rồi mà.”

“Tau không bảo gì ngoài việc là có khả năng mình sẽ biết nó đang ở đâu. *Có khả năng*. Cái đó khác hẳn với biết cách lấy lại nó. Tau chưa hề làm việc với mấy người này.”

“Mấy người nào?”

Boris lúng túng im lặng, mắt nhìn quanh quất khắp phòng: những tượng chó bull nhỏ bằng sắt, những chồng sách, hàng cuộn thảm nho nhỏ.

“Nó không tè lên đồ cổ à?” Nó hỏi, hít hàm về phía Popchik.

“Hàng đống đồ đạc đẹp này?”

“Không.”

Ngày xưa nó đi ra khắp nhà mi. Cả cái thảm dưới nhà toàn mùi nước giải. Tau nghĩ chắc là tại Xandra không thường xuyên cho nó ra ngoài hồi chúng mình chưa đến.”

“Mấy người nào?”

“Hửm?”

“Mấy người nào mày chưa hề làm việc.”

“Phức tạp lắm. Tau sẽ giải thích nếu mi muốn,” nó vội thêm, “chỉ có điều tau nghĩ cả hai chúng mình đều mệt lử rồi, và bây giờ không phải lúc. Nhưng tau sẽ gọi vài cú rồi cho mi biết tau phát hiện được gì, hửm? Và khi nào được tau sẽ quay lại cho mi biết, hứa đấy. Thêm nữa… đập ngón tay lên môi trên.

“Gì?” tôi giật mình hỏi.

“Có gì ở đấy. Dưới mũi mi ấy.”

“Tao bị đứt môi khi cạo râu.”

“Ồ.” Nó đứng đó trông có vẻ băn khoăn, như sắp sửa lại xộc ra cả một tràng xin lỗi hay thổ lộ nồng nhiệt hơn nữa, nhưng cái im lặng giữa hai chúng tôi có vẻ đã dứt điểm câu chuyên, và nó thọc tay vào túi. “Thế đấy.”

“Thế đấy.”

“Vậy hẹn gặp mi sau.”

“OK.” Nhưng khi nó bước ra khỏi cửa, còn tôi đứng bên cửa sổ nhìn nó nghiêng người tránh nước rỏ từ mái bạt và lắc lư đi mất - dáng điệu chuyển sang thả lỏng và hớn hở hẳn khi nó nghĩ đã ra ngoài tầm mắt tôi - tôi nghĩ xác suất rất cao là sẽ không bao giờ

thấy nó lần nữa.

xiii.

XÉT THEO TÂM TRẠNG CỦA TÔI, mà về cơ bản là gần chết, đầu đau như búa bổ, và chìm trong khổ não đến mức coi như không nhìn thấy gì, thì chẳng ích gì mà mở cửa hiệu. Vậy nên dù mặt trời đã ló ra còn mọi người lại đổ xuống phố, tôi đã quay biển "Đóng cửa", và có Popper chạy theo đằng sau lo âu, tôi lê mình lên nhà, nôn nao vì cơn đau thình thình sau hốc mắt, để hưởng vài tiếng bất tỉnh trước bữa tối.

Kitsey và tôi đã hẹn nhau ở căn hộ nhà mẹ cô lúc 7 giờ 45 trước khi đi qua nhà Longstreet, nhưng tôi đến sớm một chút, phần vì muốn gặp cô một mình trong vài phút trước khi đi, phần vì tôi có thứ này mang cho bà Barbour - một tập ca-ta-lố triển lãm hơi hơi hiếm, đã tìm được cho bà ở một trong mấy nơi bán thanh lý của Hobie, *Thuật in thời Rembrandt*.

"Không, không," Etta nói khi tôi vào bếp nhờ bà gõ cửa, "bà đã trở dậy đi lại rồi. Tôi vừa mang trà cho bà mới mười lăm phút trước."

"Trở dậy đi lại" với bà Barbour chỉ có nghĩa là đồ ngủ và dép đi trong nhà bị chó gặm, quẳng ra ngoài một thứ trông như cái áo choàng cũ mặc đi nhà hát. "Ôi, Theo!" mặt bà rạng rỡ lên với cái vẻ bình dị không đề phòng rất cảm động, khiến tôi nghĩ đến Andy trong những dịp hiếm hoi nó thực sự vui lòng về việc gì - ví dụ như kính viễn vọng Nagler 22 mm được bưu điện gửi đến, hay mừng rỡ vì phát hiện ra một website khiêu dâm giả trang có diễn viên thực, với những thiếu nữ đồ sộ xách kiếm đang tập thể dục cùng hiệp sĩ phù thủy đủ loại. "Thật may là may sao!"

http://tieulun.hopto.org

“Con hy vọng là bác chưa có chứ?”

“Chưa...” Vui mừng lật lật các trang “con đúng là của báu! Con không tin được đâu, nhưng bác đã đi xem triển lãm này ở Boston hồi sinh viên đấy.”

“Hẳn là một buổi đáng chú ý lắm,” tôi nói và lút người xuống ghế bành. Tôi đang vui tới mức mà một giờ trước không hình dung nổi là có thể. Điên đảo vì bức tranh, điên đảo vì nhức đầu, tuyệt vọng vì viễn cảnh bữa tối ở nhà Longstreet, tự hỏi làm thế quái nào mà sống sót qua một buổi tối ăn cua sốt kem và Forrest trình bày các quan điểm về nền kinh tế trong khi mọi điều tôi muốn chỉ là hít đến khi đầu óc mụ mị đi, tôi đã tìm cách gọi Kitsey hòng mong có thể năn nỉ cô cùng tôi giả ốm, để cùng trốn ở nhà dành cả buổi tối trong căn hộ của cô, trên giường. Nhưng - như vẫn thường xảy ra rất đáng ghét trong những ngày Kitsey có hẹn - mọi cuộc gọi đều không ai nhấc máy, tin nhắn và email không được trả lời, suốt ngày gặp phải hộp thư thoại - “em phải kiếm cái điện thoại mới thôi,” cô đã than thở khi tôi phàn nàn về những vụ đứt liên lạc quá thường xuyên đó, “điện thoại này bị làm sao ấy” - và dù đã mấy lần tôi rủ cô, trên phố, hãy tạt vào cửa hàng Apple mua một chiếc mới, thì lúc nào cô cũng có lý do: xếp hàng dài quá, phải đi đâu đó, đang không có hứng, cô đói, cô khát, cô cần đi tiểu, để lúc khác được không?

Ngồi trên giường, mắt nhắm nghiền, bực dọc vì không liên lạc được với cô (mà hình như bao giờ cũng vậy, đúng những lúc tôi cần cô nhất), tôi đã tính hay là gọi cho Forrest bảo rằng tôi ốm. Nhưng dù khó chịu đến vậy tôi vẫn muốn được thấy cô, dù là ngồi bên kia bàn ăn giữa những kẻ tôi không thích. Vì thế - để buộc mình ra khỏi giường, lên nửa bắc, qua phần đáng tắc thở nhất của buổi tối - tôi đã nuốt một lượng mà ngày xưa, với tôi, chỉ

là một liều ma túy nhẹ. Nhưng dù không thanh toán được cơn nhức đầu, nó đã khiến tôi rơi vào trạng thái phấn chấn khó hiểu. Hàng tháng nay tôi chưa hể cảm thấy vui thế này.

“Hôm nay con với Kitsey ra ngoài ăn à?” bà Barbour hỏi, vẫn đang thích thú lật các trang ca-ta-lô. “Forrest Longstreet à?”

“Vâng.”

“Học cùng lớp con và Andy, phải không?”

“Đúng thế.”

Không phải thuộc về đám con trai cư xử đáng ghét ấy chứ?"

“Ờ...” Cơn lâng lâng đã khiến tôi rộng lượng hơn. “Không hẳn.” Forrest, lùn xủn và đầu óc hơi thiếu muối (“Thưa thầy, cây có được coi là thực vật không?”) chưa bao giờ đủ khôn để hành hạ Andy và tôi một cách thực tập trung hay khéo léo. “Nhưng mà, ờ, bác nói đúng đấy, cậu ta cũng thuộc về cả nhóm ấy, bác biết mà, Temple và Iharp và Cavanaugh và Scheffernan.”

“Ừ. Temple. *Nó* thì bác nhớ rõ. Con nhà Cable nữa.”

“Hửm?” Tôi đáp có phần ngạc nhiên.

“*Nó* thì đúng là đã thành đứa chẳng ra gì,” bà nói mà không ngẩng lên khỏi cuốn ca-ta-lô. “Sống nợ nần... suốt ngày lông bông, rắc rối với pháp luật, nghe bảo thế. Viết mấy tấm séc không có tiền bảo chứng, rõ ràng là mẹ nó đã rất vất vả mới ngăn được họ khỏi đâm đơn kiện. Lại Win Temple nữa,” bà nói và ngẩng lên, trước khi tôi kịp giải thích rằng Cable không hẳn thuộc về nhóm ăn hiếp hung hăng kia. “Nó là đứa đã đập đầu Andy vào tường trong nhà tắm.”

“Vâng, chính là nó.” Điều tôi nhớ nhất trong vụ nhà tắm không phải là Andy bất tỉnh nhân sự trên gạch bông, mà là Scheffernan

và Cavanaugh đang vật tôi ngã xuống, kiếm cách thọc que lăn khử mùi vào đít tôi.

Bà Barbour, gầy guộc trong cái áo khoác kín người, phủ khăn trên lòng như đang ngồi xe trượt tuyết đi dự tiệc Giáng sinh, vẫn đang giở cuốn sách. "Con biết thằng Temple đó nói gì không?"

"Dạ?"

"Thằng Temple đó." Mắt bà vẫn nhìn cuốn sách, giọng bà hớn hở, như đang nói chuyện với người lạ ở buổi chiêu đãi. "Lý do nó đưa ra. Khi bị hỏi vì sao đánh Andy bất tỉnh."

"Không, con không biết."

"Nó bảo, 'Vì thằng nhóc đó làm cháu ngứa mắt.' Bây giờ nó làm trạng sư rồi, người ta bảo thế, bác thật mong là nó biết giữ bình tĩnh hơn trong phòng xử."

"Win còn chưa phải đứa tệ nhất trong số đó," tôi nói sau một hồi im lặng lững lờ. "Thua xa. Còn Cavanaugh và Scheffernan…"

"Bà mẹ còn không lắng nghe nữa. Mải nhắn tin trên điện thoại. Việc gì đó rất gấp với khách hàng."

Tôi nhìn cổ tay áo sơ mi. Tôi đã cẩn thận thay áo mới sau giờ làm, nếu có điều gì những năm chơi thuốc đã dạy tôi (chưa kể những năm gian lận đồ cổ), thì đấy là sơ mi hồ cứng và áo vét sạch bóng từ chỗ thợ giặt về sẽ làm nên điều kỳ diệu khi muốn che giấu ngàn thứ tội lỗi - nhưng tôi đã ngơ ngẩn và cẩu thả do mấy vỉ morphine, đi vơ vẩn trong phòng ngủ khe khẽ hát theo Elliott Smith khi mặc đồ, *nắng mai… giúp anh tươi vui ngày lại ngày…* và (giờ tôi nhận ra) một bên cổ tay áo cài lệch. Thêm nữa, hai nút áo tôi chọn còn không cùng cặp: một bên tím, một bên xanh.

“Lẽ ra đã kiện được,” bà Barbour lơ đãng nói. “Bác không nhớ tại sao không kiện nữa. Chance bảo ông ấy nghĩ làm thế sẽ khiến Andy còn bị rắc rối hơn ở trường.”

“Ờ...” Tôi không có cách nào kín đáo cài cổ tay áo lên được. Sẽ phải chờ lên taxi thôi. “Vụ ở trong phòng tắm thực ra là lỗi của Scheffernan.”

“Ừ, Andy cũng bảo thế, cả thằng bé nhà Temple nữa, nhưng còn cú đánh trực tiếp ấy, vụ đập đầu ấy, thì không còn *nghi ngờ* gì...”

“Scheffernan là một đứa giảo hoạt. Nó đẩy Andy vào Temple - Scheffernan đã ở đầu kia phòng thay đồ và cười nổ ruột cùng Cavanaugh với bọn kia rồi, khi bắt đầu ẩu đả.”

“Ừ, bác không biết chuyện đó, nhưng David...” David là tên của Scheffernan “nó chẳng giống đám kia tí nào, lúc nào cũng cực kỳ dễ thương, lễ độ hết sức, nó sang đây nhiều lắm, và lúc nào cũng rất tử tế chăm sóc Andy. Con biết là nhiều đứa trong bọn trẻ con thế nào mà, khi tổ chức sinh nhật...”

“Vâng, nhưng SchefFernan đã để bụng thù Andy, từ rất lâu rồi. Vì mẹ Scheffernan lúc nào cũng ấn Andy vào tay nó. *Bắt* nó mời Andy, *bắt* nó sang bên này.”

Bà Barbour thở dài đặt chén xuống. Trà có hương nhài, ngồi ở đây tôi cũng ngửi thấy.

“Ôi, trời biết được, con hiểu Andy hơn là bác,” bỗng dưng bà nói, kéo sát thêm cổ áo choàng thêu. “Bác không bao giờ nhìn nhận được nó là người thế nào, mà về nhiều mặt nó lại là đứa con bác yêu nhất. Bác ước gì mình không suốt ngày tìm cách biến nó thành kẻ khác. Tất nhiên là con đã chấp nhận được nó như bản thân nó, hơn cả bố nó hay bác, hay, Chúa ạ, anh trai nó. Nhìn

này," bà nói, giọng không đổi, trong quãng im lặng có phần băng giá sau nhận xét này. Bà vẫn đang xem cuốn sách. "Đây là thánh Peter. Dẫn bọn trẻ con rời khỏi đức Ki-tô."

Tôi ngoan ngoãn đứng dậy, đi vòng ra sau bà. Tôi biết bức này, một trong những bản khắc ngòi khô trông rất dữ dội, quan trọng ở viện Morgan, bức Trăm Đồng Ghin-đơ là tên gọi của nó: giá tiền mà nghe đồn chính bản thân Rembrandt đã phải móc ra để mua lại.

"Ông ấy thật lạ lùng, Rembrandt ấy. Ngay cả những đề tài tôn giáo, cứ như là các thánh đã hiện ra làm mẫu cho ông trong đời thực. Hai thánh Peter này..." bà khoát tay chỉ bức vẽ mực của chính mình trên tường "tác phẩm hoàn toàn khác nhau và vẽ cách nhau hàng năm trời, nhưng con người vẫn vậy, cả thể xác linh hồn đều giống hệt, con nhìn giữa đám đông là nhận ra ngay, phải không? Cái đầu đang hói kia. Vẫn khuôn mặt ấy - châm chú, thành khẩn. Tính thiện hiện rõ khắp người ông nhưng lại nữa, lúc nào cũng có chút gì lo âu và nhức nhối. Cái bóng tinh vi của kẻ phản bội."

Bà vẫn nhìn xuống quyển sách, nhưng tôi lại thấy mình đang nhìn bức ảnh lồng khung bạc chụp Andy và ông bố trên bàn bên cạnh chúng tôi. Chỉ là ảnh chụp vội thôi, nhưng để nói lên cảm giác tiên báo, vô thưởng và định mệnh thì không danh họa Hà Lan nào có thể dựng một bố cục kín kẽ hơn được nữa. Andy và ông Barbour đứng trước cái nền tối, nến đã tắt trong chúc đài trên tường, tay ông Barbour đặt trên mô hình tàu. Hiệu ứng cũng có tính phúng dụ cao và gây rùng mình y như ông đặt tay trên cái đầu lâu. Trên cao, thế chỗ cái đồng hồ cát ưa chuộng của những thợ vẽ tranh *vanitas*[135]

"Mẹ ơi..." Platt, chạy xổ vào, sững lại khi thấy tôi.

“Đừng mất công gõ cửa làm gì, con yêu,” bà Barbour nói mà không ngẩng lên khỏi sách, “lúc nào cửa cũng mở rộng cho con.”

“Con…” Platt trợn mắt nhìn tôi. “Kitsey.” Anh ta có vẻ rối trí. Anh ta thọc tay vào hai bên túi lồng phồng của cái áo choàng dã chiến. “Nó bị kẹt,” anh ta nói với bà mẹ.

Bà Barbour có vẻ giật mình. “Ồ,” bà nói. Hai người nhìn nhau, và dường như có điều gì đó không lời vừa chạy qua giữa họ.

“Bị kẹt à?” Tôi vui vẻ hỏi, không nhìn cả hai. “Ở đâu thế?”

Chẳng ai trả lời. Platt - vẫn đâm đăm nhìn bà mẹ - mở miệng rồi lại ngậm miệng. Khá thoải mái, bà Barbour đặt sách xuống rồi nói mà không nhìn tôi: “À, con biết không, bác hình như nhớ là hôm nay nó đi chơi gôn.”

“Thật à?” Tôi nói, có phần ngạc nhiên. “Không phải thời tiết này khó chơi lắm sao?”

“Đường sá nữa,” Platt sốt sắng nói và liếc nhìn mẹ. “Nó bị tắc. Đường cao tốc thật là khốn nạn. Nó có gọi cho Forrest rồi,” anh ta quay sang tôi, “nhà đó đã hoãn bữa tối.”

“Có lẽ,” bà Barbour đăm chiêu nói sau một lúc yên lặng, “có lẽ con với Theo ra ngoài uống chút gì đi? ừ,” bà kiên quyết nói với Platt, như thể thế là xong việc, và đan tay vào nhau. “Mẹ nghi đấy là cách tuyệt nhất đấy. Hai đứa ra ngoài uống gì đi. Còn con!” bà lại quay sang tôi mỉm cười. “Con thật là một thiên thần! Cảm ơn con đã mang quyển sách cho bác,” bà nói và giơ tay siết lấy tay tôi, “Món quà tuyệt nhất trên đời.”

“Nhưng…”

“Sao?”

“Không phải cô ấy cần quay lại đây trang điểm ư?” Tôi hỏi sau

một lúc im lặng hơi lúng túng.

“Là sao?” Cả hai đều quay sang nhìn tôi.

“Nếu cô ấy vừa chơi gôn? Không phải cô ấy cần thay đồ à? Cô ấy không mặc đồ chơi gôn đến nhà Forrest chứ,” tôi nói thêm, nhìn lui nhìn tới hai người bọn họ, và rồi - khi không thấy ai đáp lại - “con đợi ở đây cũng không sao.”

Băn khoăn, bà Barbour bĩu môi, đôi mắt có vẻ trĩu xuống - và thinh lình tôi hiểu. Bà mệt rồi. Bà không chủ tâm ngồi đây tiếp tôi, có điều bà quá lịch thiệp không muốn nói vậy.

“Mặc dù,” tôi ngượng nghịu đứng dậy nói, “giờ đã muộn rồi, con nghĩ làm chút cocktail cũng hay…

Đúng lúc đó, điện thoại trong túi tôi đã im thít cả ngày chợt réo lên: có tin nhắn. Vụng về - tôi mệt đến nỗi không nhớ nổi túi ở đâu nữa - tôi đưa tay lần tìm.

Quả nhiên, đấy là Kitsey, tràn ngập những biểu tượng cảm xúc. **<3 <3 chào kưng <3 bị muộn một tiếng rồi! “£$%A&*!!!! Hy vọng nhắn cho anh vẫn kịp! Forrest & Cella hoãn bữa tối, hẹn anh 9h nhé, iu anh ngàn lần! Kits xoxoxo <3<3<3**

xiv.

NĂM SÁU HÔM SAU, tôi vẫn chưa hoàn hồn sau buổi tối gặp Boris, phần vì bận bịu khách hàng, đi dự đủ thứ đấu giá, xem xét các nhà thanh lý, phần vì phải chịu trận các sự kiện của Kitsey hầu như đêm nào cũng nổ ra: tiệc tùng đập phá, chiêu đãi tối trịnh trọng, *Pelléas etMélisande*[136] ở Bảo tàng Trung tâm, mỗi sáng dậy sáu giờ và đi ngủ rất lâu sau nửa đêm, có lần còn đi đến hai giờ sáng, hầu như chẳng có phút nào cho bản thân và (tệ hơn

nữa) chẳng có phút nào ở một mình với cô, mà bình thường sẽ khiến tôi phát điên nhưng trong tình cảnh này, lại giúp tôi lặng lờ và rã rời đến mức không còn thời gian nghĩ ngợi.

Suốt tuần tôi đã mong ngóng tới ngày thứ Ba khi Kitsey có hẹn với đám bạn gái - không phải vì không muốn gặp cô, mà vì Hobie cũng ra ngoài và tôi đang mong được ở một mình, ăn chút đồ thừa trong tủ lạnh rồi đi ngủ sớm. Nhưng đến giờ đóng cửa, là bảy giờ tối, tôi vẫn còn mấy việc phải làm nốt trong hiệu. Thần kỳ làm sao, một chuyên gia trang trí đã ghé vào hỏi một cái bình nước thiếc hợp kim đắt tiền, lỗi mốt, không cách nào bán được nằm phủ bụi trên nóc tủ ly từ thời đại Welty. Bình thiếc không phải thứ tôi hiểu biết mấy, và tôi đang lục tìm bài báo liên quan trong một số *Cổ vật* cũ thì Boris từ vỉa hè tạt vào, gỗ lên cửa kính, chưa đầy năm phút sau khi đóng cửa. Mưa quất như điên; trong cơn thác dồn dập nó chỉ là một cái bóng mặc áo choàng không nhận ra được, nhưng nhịp gõ thì đã quen thuộc từ thuở xa xưa, khi nó hay đi vòng qua hiên ở nhà bố tôi, gõ nhanh để tôi mở cửa cho vào.

Nó chui vào, lắc mình dữ dội làm nước bắn tứ phía. “Mi đi cùng tau lên nửa bắc không?” Nó hỏi luôn không vòng vèo gì hết.

“Tao bận rồi.”

“Bận hả?” Nó hỏi bằng giọng vừa trìu mến, vừa bực dọc, lại vừa ấm ức một cách quá hiển nhiên và quá trẻ con khiến tôi quay từ giá sách lại nhìn. “Mi còn không thèm hỏi tại sao à? Tau nghĩ có thể mi muốn đi đấy.”

“Trên nửa bắc là chỗ nào?”

“Tau tính nói chuyện với vài người.”

“Nói chuyên về...?”

“Ừ,” nó nói, hơn hớn, khịt mũi rồi chùi mũi. “Chính thế. Mi không bắt buộc đi đâu, tau đã định gọi thằng đệ Toly, nhưng tau lại nghĩ mi đi cùng sẽ tốt, vì vài lý do - Popchyk, ừ ừ! Nó hụp xuống bế con chó vừa nhúc nhắc đi ra chào nó. “Tau cũng mừng được gặp mi ! Nó thích thịt hun khói,” nó bảo tôi, gãi đằng sau tai con chó và cọ mũi vào sau gáy nó. “Mi có cho nó thịt hun khói bao giờ không? Ăn cả bánh mì nữa, nếu tươi đẫm sốt.”

“Nói chuyện với ai? Người này là ai?”

Boris gạt mái tóc ướt đẫm khỏi mặt. “Một lão tau quen. Tên là Horst. Bạn cũ của Myriam. Cũng bị xỏ trong vụ này - nói thật, tau không nghĩ lão giúp gì được đâu, nhưng Myriam bảo có nói chuyện lại cũng không thiệt? Tau nghĩ có lẽ cổ nói đúng.”

xv.

TRÊN ĐƯỜNG ĐI LÊN NỬA BẮC, ở băng sau cái xe con, mưa đập mạnh đến mức Gyuri phải hét lớn chúng tôi mới nghe thấy (“Thời tiết quỷ tha!”), Boris khe khẽ kể về Horst. “Chuyện buồn lắm. Lão người Đức. Thú vị lắm, thông minh nhạy cảm thôi rồi. Gia đình quyền chức... có lần giảng giải nhưng tau quên béng rồi. Bố lão lai Mỹ, để lại cả đống tiền cho lão nhưng khi bà mẹ tái hôn… đến đấy nó kể tên một dòng họ công nghiệp nổi tiếng thế giới, phảng phất hơi hám Quốc xã ngày xưa. “Hàng *triệu*. Tau nói thật mi không tưởng tượng nổi đám người ấy lắm tiền thế nào đâu. Họ ngụp trong tiền luôn. Rặn ra tiền.”

“Ừ, quả là chuyện buồn thật.”

“Ưm - Horst nghiện nặng. Mi biết tau mà… rùn vai triết lý “tau không phán xét cũng không kết tội. Muốn làm gì thì làm, không quan tâm! Nhưng Horst - buồn lắm. Lão yêu một ả, ả chơi, làm lão

cũng chơi theo. Bám lão bòn rút, hết tiền thì chạy. Gia đình Horst - đã từ mặt lão nhiều năm rồi. Mà lão vẫn còn vật lên vật xuống vì cái con bé kinh khủng khốn nạn đó. Tau bảo con bé - nhưng ả phải gần bốn chục. Tên là Ulrika. Mỗi lần Horst có tí tiền - ả quay lại một chặp. Rồi lại lượn đi."

"Lão thì liên quan gì chuyện này?"

"Người quen của Horst là Sascha dựng lên vụ này. Tau gặp thằng đó rồi, có vẻ ổn, tau biết đâu được? Horst nói chưa bao giờ đích thân làm việc với người của Sascha, nhưng tau đang vội nên không kỹ như mọi khi và... nó vung tay lên trời "Bùm! Myriam nói đúng - lúc nào cũng đúng - đáng ra tau phải nghe cổ."

Nước chảy xuống dọc cửa sổ, nặng như thủy ngân, bưng kín chúng tôi trong xe, đèn nhấp nháy rồi tan chảy xung quanh trong một tiếng gầm khiến tôi nhớ lại hồi Boris và tôi ngồi ghế sau chiếc Lexus ở Vegas, khi bố cho xe đi qua hiệu rửa.

"Thường thì Horst khá chặt về những người làm cùng, nên tau nghĩ là OK. Nhưng... lão ta tính dè dặt, mi hiểu không? 'Hơi lạ đời', lão bảo thế. 'Ngoài quy chuẩn'. Thế là thế quái nào chứ? Rồi khi tau xuống đó - mấy thằng đó bị *khùng*. Ý tau là khùng tới cái mức xả súng vào chuồng gà ấy. Và những cú như này, ta muốn mọi thứ đều bình lặng yên ổn! Như kiểu, có phải chúng nó xem tivi nhiều quá không? Như là hành động phải tưng bừng lên như thế...? Bình thường tình huống như này ai cũng rất rất lịch sự, nhỏ nhẹ, cực kỳ yên ả! Myriam bảo và cổ nói đúng - bỏ vụ súng sang một bên! Mấy người này khùng đến mức nào mới đi nuôi gà ở Miami chứ? Ngay cả những việc nhỏ tí như vậy, ở vùng này nhà cửa có bể sục, có sân tennis, mi hiểu không, rồi đi nuôi gà? Hàng xóm gọi điện tố có tiếng gà trong sân là đủ đứt! Nhưng đến lúc ấy...nó nhún vai "thì tau đã ở đó rồi. Tau đã vào cuộc rồi. Tau cứ

tự nhủ đừng có lo quá nhưng rồi hóa ra lo là phải.”

“Rồi chuyện gì xảy ra?”

“Tau cũng không rõ. Nhận được nửa số hàng đã hứa, hẹn tuần sau lấy nốt. Như thế cũng bình thường. Nhưng rồi chúng bị tóm, và tau mất luôn nửa sau và cũng tuột luôn cả cái tranh. Horst - chà, Horst cũng muốn tìm ra lắm, lão cũng thiếu tiền trầm trọng. Dù sao thì tau cũng hy vọng lão có thêm thông tin sau lần gặp vừa rồi.

xvi.

GYURI THẢ CHÚNG TÔI Ở KHU 60, không quá Xa nhà Barbour. “Là chỗ này à?” Tôi hỏi, lắc cho mưa rơi khỏi ô của Hobie Chúng tôi đang ở trước một trong mấy tòa nhà bằng đá vôi gần Đại lộ 5 - cửa sắt đen, miếng gỗ cửa đầu sư tử to bự.

“Ừ - nhà bố lão đấy - gia đình đang tìm cách gọi pháp luật bẩy lão ra nhưng đời nào được, hà.”

Chúng tôi được bấm chuông cho vào, đi thang máy hộp lên tầng hai. Tôi ngửi thấy mùi hương, cần sa, sốt mì Ý đang nấu. Một người đàn bà tóc vàng gầy guộc - tóc cúp sát, đôi mắt nhỏ trên khuôn mặt thanh tĩnh trông như mặt lạc đà - ra mở cửa. Chị ta ăn mặc như kiểu một thằng nhóc đường phố hay trẻ bán báo ngày xưa: quần dài vải nanh sói, bốt thấp, áo giữ nhiệt bẩn thỉu, dây quần. Vắt vẻo trên đỉnh mũi là một cặp kính Ben Franklin gọng to.

Không nói một lời, chị ta mở cửa rồi bỏ đi, để lại chúng tôi một mình trong cái phòng khách tối tăm cáu bẩn rộng bằng cả phòng khiêu vũ, trông như di tích tiều tụy từ một trường quay thượng lưu nào đấy trong phim Fred Astaire: trán cao, trang trí thạch cao

nát vụn, đàn đại dương cầm, đèn chùm đã xỉn màu và nửa số pha lê đã vỡ hay bay mất, cầu thang uốn kiểu Hollywood rắc đầy đầu mẩu xì gà. Tiếng tụng kinh Sufi rì rầm đâu đây: *Allahu Allahu Allahu Haqq*. *Allahu Allahu Allahu Haqq*. Ai đó đã dùng than vẽ lên tường một xê ri những hình khỏa thân to bằng người thật, dẫn dần lên cầu thang như các cảnh cắt ra từ phim, còn về đồ đạc thì chẳng có gì mấy, chỉ một chiếc đệm kiểu Nhật sặc mùi chuột cùng ít bàn ghế trông như nhặt nhạnh ngoài đường về. Trên tường là những khung không có tranh, cùng một cái sọ cừu đực. Trên tivi, một bộ phim hoạt hình chớp tắt rồi bùng nổ với vẻ năng động của kẻ động kinh, những hình kỷ hà xoay tít xen lẫn chữ và hình xe đua thật. Ngoài tivi và cánh cửa nơi bà chị tóc vàng vừa đi khuất, nguồn sáng duy nhất là cái đèn bàn hắt quầng sáng trắng gắt lên những nến đã chảy, dây nối máy tính, chai bia rỗng và bình ga mi ni, những hộp bút sáp dầu màu nhạt còn đóng hộp hoặc bỏ rời, rất nhiều danh mục tác phẩm, sách bằng tiếng Đức và Anh, có cả *Tuyệt vọng*[137] của Nabokov và *Hiện hữu và thời gian*[138] của Heidegger đã mất bìa, sổ vẽ ký họa, sách về nghệ thuật, gạt tàn, giấy thiếc đã cháy, cái gối trông bẩn thỉu ở trên có con mèo mướp xám đang ngủ gà gật. Bên trên cánh cửa, như chiến tích từ một buổi săn nào đấy trên núi Schwarzwald, một cỗ sừng hươu hắt- những cái bóng méo mó lên trần nhà, xoãi ra và trổ nhánh trong một không khí cổ tích Bắc Âu hắc ám.

Tiếng nói chuyện ở phòng bên. Cửa sổ che bằng ga giường treo lên, vừa đủ mỏng để ánh sáng tím nhàn nhạt lọt vào từ đường phố. Khi tôi nhìn quanh, những hình thù dần hiện ra trong bóng tối và biến hình với một cảm giác lạ lùng như mơ: đầu tiên là tấm rèm tạm bợ chia đôi phòng, một tấm thảm treo dây câu trĩu xuống từ trên trần nhà, như ở các nhà trọ, khi nhìn gần hóa ra là một tấm thảm thêu rất đẹp, phải từ thế kỷ 18 hay cổ hơn, gần

như bản sao của một tấm ở Amiens tôi đã từng thấy đem ra đấu giá ước chừng bốn mươi ngàn bảng. Và không phải khung tranh nào cũng để trống. Vài khung có tranh, và một bức - dù trong ánh sáng yếu ớt - trông có vẻ là Corot[139]

Tôi vừa định đi về phía đó nhìn thử thì một người xuất hiện bên cửa, độ tuổi bảo ba mươi cũng được mà năm chục cũng không sai: bơ phờ, mảnh khảnh, tóc thẳng màu cát chải lật về sau đầu, mặc quần bò đen kiểu punk rách gối và cái áo len dày kiểu Anh nhếch nhác, ngoài quàng thêm áo vét rộng thùng thình.

"Chào anh," anh ta bảo tôi, giọng Anh lặng lẽ có pha chút âm gắt Đức, "anh chắc là Potter," rồi chuyển qua Boris, "Mừng anh đã tới. Hai người hãy ở lại chơi chút đi. Candy và Niall đang làm cơm tối với Ulrika."

Có ai nhúc nhích bên kia tấm thảm, ngay sát chân, khiến tôi giật lùi lại: những bọc người quấn kỹ trên sàn, túi ngủ, mùi cuộc sống ngoài đường.

"Cảm ơn, bọn tui không ở được," Boris nói, đang nhặt con mèo lên gãi gãi tai nó. "Nhưng cho xin chút rượu vang đó, cảm ơn anh."

Không nói một lời, Horst chuyển ly của chính anh ta cho Boris rồi gọi với sang phòng bên bằng tiếng Đức. Quay sang tôi, anh ta bảo: "Anh là nhà buôn phải không?" Trong ánh tivi, con mắt mòng biển màu nhạt nhỏ tí lóe lên không chớp, soi xét.

"Ờ, phải," tôi lúng túng đáp, rồi "Ơ, cảm ơn." Một người đàn bà khác - tóc nâu tém, bốt cao màu đen, váy ngắn vừa đủ khoe con mèo đen xăm trên bắp vế trắng nõn vừa hiện ra với cái chai và hai cốc: một cho Horst, một cho tôi.

"*Danke* em gái," Horst nói. Quay sang Boris anh ta hỏi: "Hai

người quý vị muốn một bi không?"

"Giờ thì *không*," Boris đáp, nó vừa ghé tới hôn vội cô gái tóc nâu đang bỏ đi. "Chỉ đang thắc mắc. Anh nghe được tin gì từ Sascha?"

"Sascha..." Horst ngồi thụp xuống cái đệm Nhật, đốt xì gà. Trong cái quần bò phủi và bốt quân đội, trông anh ta như một phiên bản xơ xác hơn của một diễn viên phụ Hollywood thập niên 1940 chưa bao giờ lên được bảng tên nào đó, một *mitteleuropãischer*[140] hạng ruồi chuyên diễn các vai nghệ sĩ vĩ cầm xấu số và dân tỵ nạn chán đời nhưng hào hoa. "Có vẻ như các mối đều chỉ về Ireland. Đấy là tin tốt, theo ý tôi."

"Nghe có vẻ không hợp lý."

"Tôi cũng thấy vậy, nhưng tôi đã nói chuyện với vài người và có vẻ khớp." Cách nói của anh ta có đầy đủ vẻ lặng lẽ, lạc phách, mất nhịp điệu của kẻ nghiện, nhưng không bị lè nhè. "Nghĩa là - ít lâu nữa chúng ta sẽ có thêm thông tin, tôi hy vọng vậy."

"Bạn Niall à?"

"Không. Niall nói chưa bao giờ nghe đến mấy người đó. Nhưng cũng là một đầu mối."

Rượu vang rất kinh: Syrah loại bán siêu thị. Vì không muốn ở gần mấy thân người trên sàn, tôi lảng đi xem một nhóm phôi tượng của điêu khắc gia trên cái bàn kẽo kẹt: một thân trên đàn ông, một Vệ Nữ quấn áo tựa người vào tảng đá, một bàn chân đi xăng đan. Dưới ánh sáng yếu trông chúng chỉ như những khối thạch cao bán đầy ở Pearl Paint - dùng trong phòng vẽ, làm mẫu cho sinh viên vẽ theo - nhưng khi vạch ngón tay qua mặt bàn chân tôi cảm thấy cái mềm mại của hoa cương, mịn màng không hề sần.

“Sao chúng nó phải mang đi Ireland làm gì?” Boris đang bứt rứt nói. “Làm gì có thị trường sưu tập nào ở đó? Tui vẫn tưởng người ta tìm cách mang đồ ra khỏi đó chứ không phải mang vào.”

“Ừ, nhưng Sascha nghĩ hắn dùng bức tranh để thanh toán một khoản nợ.”

“Nghĩa là hắn có mối quen ở đó?”

“Rõ là vậy.”

“Tui thấy vụ này khó tin.”

“Về chuyện mối quen ư?”

“Không, chuyện nợ. Tên này - trông hắn như mới sáu tháng trước còn đang ăn trộm nắp bánh xe ngoài đường.”

Horst ơ thờ nhún vai: cặp mắt ngái ngủ, trán hằn sâu. “Ai mà biết được. Cũng không chắc là thông tin đúng, nhưng hẳn nhiên tôi không sẵn lòng đặt niềm tin ở số phận. Liệu tôi có chịu chặt bàn tay vì việc dó không?” Anh ta nói, lười biếng gõ tàn thuốc xuống sàn. “Không.”

Boris cau mày với ly rượu. “Tên này là gà mờ. Cứ tin tui. Nếu anh tận mắt thấy, anh sẽ hiểu.”

“Phải, nhưng hắn ta ưa cờ bạc, Sascha bảo thế.”

“Anh không nghĩ là Sascha có thể biết nhiều hơn nữa à?”

“Tôi nghĩ là không.” Dáng điệu anh ta có vẻ xa vắng, như phần nào anh ta đang nói một mình. “ ‘Cứ chờ xem.’ Tôi chỉ được nghe thế thôi. Một câu trả lời rất không thỏa đáng. Dột từ trên nóc dột xuống, theo ý tôi. Nhưng tôi đã nói đấy, chúng ta còn chưa đi đến tận cùng đâu.”

“Vậy khi nào Sascha về lại thành phố?” Anh sáng yếu trong

phòng khiến tôi bị đẩy lùi về thơ ấu, Vegas, như cảm giác mơ hồ từ một giấc mơ còn lưu lại khi tỉnh dậy: màn khói thuốc lảng vảng, quần áo bẩn trên sàn nhà, gương mặt Boris khi xanh khi trắng trong ánh lập lòe màn hình tivi.

"Tuần sau. Tôi sẽ gọi anh. Lúc đó anh có thể tự mình nói chuyện với cậu ta."

"Phải. Nhưng tui nghĩ tốt hơn là cả hai chúng ta đến nói chuyện với cậu ta."

"Ừ. Tôi cũng nghĩ vậy. Cả hai chúng ta sẽ khôn ngoan hơn, trong tương lai... điều này không đáng phải diễn ra... nhưng dù sao," Horst nói, vừa gãi cổ chậm rãi, lơ đãng, "anh cũng hiểu là tôi ngại không muốn ép cậu ta quá đáng."

"Như vậy là rất tiện cho Sascha."

"Anh đang nghi ngờ điều gì. Cho tôi biết đi."

"Tui nghĩ là…Boris đánh mắt về phía cửa.

"Sao?"

"Tui nghĩ là..." Boris thấp giọng "anh quá dễ dãi với cậu ta. Phải phải..." giơ tay lên "tui biết. Nhưng - quá tiện là người của cậu ta lại biến mất, không một manh mối, cậu ta chẳng biết gì!"

"À, có thể," Horst nói. Anh ta có vẻ thờ ơ không chú tâm, như người lớn đang ở cùng phòng với lũ trẻ nhỏ. "Chuyện này đang tạo áp lực rất lớn cho tôi, cho tất cả chúng tôi. Tôi cũng muốn đi đến tận cùng chuyện này như anh thôi. Dù biết đâu được, tay này có thể là cảnh sát."

"Không," Boris dứt khoát nói. "Không phải. Không phải. Tui biết."

“À... nói thật với anh, tôi cũng không nghĩ vậy, trong chuyện này còn lắm uẩn khúc ta không biết. Tuy nhiên, tôi vẫn có hy vọng.” Anh ta vừa lấy cái hộp gỗ trên bàn vẽ và đang loay hoay với nội dung bên trong. “Quý vị có chắc là không muốn dùng chút gì không?”

Tôi ngoảnh đi. Tôi thì không mong gì hơn. Tôi cũng muốn xem bức Corot nữa, dù không muốn phải đi vòng qua những thân người trên sàn nhà đến chỗ đó. Bên kia phòng, tôi còn thấy hai ba bức khác tựa vào ván ốp tường: một tĩnh vật, vài phong cảnh nhỏ.

“Cứ ra xem nếu anh muốn.” Là Horst. “Bức Lépine thì giả. Nhưng bức Claesz và Berchem sẵn sàng bán nếu anh quan tâm.”

Boris cười lớn, lấy một điếu thuốc của Horst. “Cậu ta không trong thị trường đó.”

“Không ư?” Horst thân mật hỏi. “Tôi có thể đặt giá rất tốt cho cặp đó. Người bán chỉ mong rũ đi.”

Tôi bước lại gần nhìn: tĩnh vật, nến và ly vang cạn một nửa. “Claesz-Heda à?”

“Không - Pieter.” Mặc dù… Horst bỏ hộp xuống, ra đứng bên tôi nhấc ngọn đèn bàn còn nguyên dây lên, khiến cả hai bức tranh tắm trong ánh sáng gắt “phần này...” vẽ ngón tay thành đường cong trong không khí “ánh phản chiếu ngọn lửa ở đây? Cả mép bàn và tấm trải nữa? Có thể gần như là Heda trong một ngày khó ở.”

“Đẹp thật.”

“Phải. Đẹp so với kiểu của nó.” Đứng gần, anh ta toát mùi chua và hôi hám, mùi nồng như phòng nhập khẩu bụi bặm, như lòng

hộp gỗ khảm Trung Quốc. “Hơi đơn điệu so với gu hiện tại. Phong cách giả cổ điển. Dàn dựng quá tay. Nhưng bức Berchem thì khá tốt.”

“Đầy Berchem giả ngoài thị trường,” tôi nhận xét khách quan.

“Phải...” Ánh sáng chiếc đèn cầm trên tay phả lên bức phong cảnh một màu hơi xanh, rờn rợn “nhưng bức này đáng yêu lắm... nước Ý 1655... màu hoàng thổ rất đẹp, không phải sao? Bức Claesz thì không bằng, tôi nghĩ thế, từ giai đoạn đầu, dù giấy tờ xuất xứ thì không chê vào đâu được. Để chúng bên nhau sẽ tốt nhất... chúng chưa bao giờ ở xa nhau, hai bức này. Như hai cha con. Cùng truyền lại từ một gia đình Hà Lan xưa, đậu lại ở Áo sau Thế chiến. Pieter Claesz...” Horst giơ cao chiếc đèn. “Claesz phong độ quá không ổn định, phải nói thật. Kỹ thuật tuyệt vời, bề mặt tuyệt vời, nhưng bức này có gì đó hơi chệch, anh đồng ý không? Bố cục không vững. Rời rạc thế nào đó. Hơn nữa... ” vẩy ngón cái chỉ ánh lóa quá mức hắt lên từ mặt vải: véc ni quá tay.

“Tôi đồng ý. Và đây nữa...” Lần theo trong không khí một vệt cong rất xấu do người cọ quá sốt sắng khiến sơn bị cào mòn xuống tận lớp nền.

“Phải.” Ánh nhìn đáp trả của anh ta vừa thân tình vừa lơ đãng. “Chính thế. Acetone. Kẻ nào làm việc này đáng đem bắn. Thế nhưng một bức tranh hạng trung như thế này, ở tình trạng xấu, thậm chí là một bức vô danh cũng được - lại còn giá trị hơn cả một siêu phẩm, mỉa mai là ở chỗ đó, ít ra cũng giá trị hơn với *tôi*. Nhất là phong cảnh. Cực kỳ dễ bán. Nhà chức trách không để ý nhiều... khó nhận ra qua bản miêu tả... mà vẫn trị giá có khi đến vài trăm nghìn. Còn bức Fabritius...” một quãng nghỉ dài, thanh thản “là một cấp độ khác hẳn. Tác phẩm đáng kể nhất từng đi qua tay tôi, và tôi có thể nói chắc như vậy.”

“Phải, và đấy là lý do tại sao bọn tui sẽ rất vui được lấy lại nó,” Boris làu nhàu trong bóng tối.

“Cực kỳ phi thường,” Horst vẫn thanh thản nói tiếp. “Một bức tĩnh vật như bức này…” anh ta chỉ bức Claesz bằng một cú phẩy tay chầm chậm (móng tay cáu đen, mạng gân chằng chịt đầy sẹo trên mu bàn tay) “à, đúng là một bức *trompe l’oeil* toàn diện. Kỹ thuật tuyệt vời, nhưng tỉa tót quá đáng. Chính xác đến bệnh hoạn. Tạo cảm giác chết. Chúng được gọi là *nature morte* là có lý do, phải không? Nhưng còn bức Fabritius…” thuận chân lùi lại sau “tôi biết lý thuyết về *Con sẻ vàng*, tôi nhớ rõ nó, mọi người bảo đấy là *trompe l’oeil* và quả là đứng từ xa con mắt có thể thấy như vậy. Nhưng tôi không cần biết các nhà viết sử hội họa nghĩ gì. Phải: có những mảng rất thành công nếu coi là tranh ảo giác… bức tường, giá đậu, ánh lóe lên trên đồng, và rồi… phần lông trên ức, cực kỳ giống thật. Lông tơ, lông mịn. Mềm khó tả. Claesz thì sẽ đầy sự hoàn thiện và chính xác ấy đến mức chết cứng - một họa sĩ như van Hoogstraten sẽ đi xa hơn nữa, đóng rịt nắp quan tài. Nhưng Fabritius… ông ấy đang đùa cợt với thể loại… một đòn phản kháng bậc thầy với chính ý tưởng *trompe l’oeil*… bởi, tại những mảng khác trong bức tranh - Đầu? Cánh? Không hề có cái chất vật sống hay tính giống thực chút nào hết, ông chủ tâm dỡ tung hình ảnh ra để cho chúng ta thấy mình đã vẽ như thế nào. Những vết trát, những mảng xoa, tạo hình rất rõ, dấu vết bàn tay rất rõ, đặc biệt là đường viền quanh cổ, một vệt sơn đặc, cực kỳ trừu tượng. Chính vì thế mà ông mới là thiên tài không phải của thời đại ông, mà thời chúng ta. Đấy là tính hai nghĩa. Anh vừa thấy dấu cọ, vừa thấy nét sơn là nét sơn, lại vừa thấy đấy là con chim đang sống.”

“Ờ, được rồi,” Boris gầm gừ trong bóng tối đằng sau luồng

sáng, đóng nắp bật lửa đánh tách, "nếu không có sơn thì lấy đâu ra gì để xem."

"Chính thế." Horst quay người, mặt chìm nửa vào bóng tối. "Đấy là một trò đùa, bức Fabritius ấy. Về bản chất bức tranh giấu một trò đùa. Và mọi bậc thầy lớn nhất đều làm vậy. Rembrandt. Velázquez. Titian thời kỳ cuối. Họ đùa bỡn. Họ tiêu khiển. Họ xây cả một ảo tượng, một mẹo lừa, nhưng đến gần hơn? Tất cả rời ra thành từng nét cọ. Trừu tượng và thoát trần. Là một kiểu cái đẹp khác, sâu sắc hơn hẳn. Là vật ấy mà lại không phải là vật ấy. Tôi phải nói rằng chỉ một bức tranh tí xíu này thôi đã đủ đưa Fabritius lên hàng những họa sư vĩ đại nhất từng sống trên đời. Và với *Con sẻ vàng*? Ông đã làm ra phép màu trong một không gian hết sức thanh tú. Dù tôi cũng thừa nhận rằng mình đã ngạc nhiên… quay lại nhìn tôi "khi cầm nó trong tay lần đầu tiên? Sức nặng ấy?"

"Vâng…" Tôi không thể không cảm thấy mơ hồ biết ơn, rằng anh ta đã nhận ra chi tiết này, một chi tiết quan trọng lạ lùng với tôi, tạo ra cả một mạng lưới giấc mơ và liên tưởng thơ ấu, một sợi đàn cảm xúc - "tấm ván nặng hơn người ta tưởng. Nó có độ đằm."

"Độ đằm. Chính thế. Đúng là từ ấy. Còn nền, ít vàng hơn nhiều so với khi tôi được nhìn hồi bé. Bức tranh đã được lau rửa - đầu thập niên 90, tôi nghĩ vậy. Sau khi trùng tu, có nhiều ánh sáng hơn."

"Cũng khó nói. Tôi thì không có gì để so sánh cả."

"À," Horst đáp. Khói thuốc lá của Boris vơ vẩn bay tới từ chỗ nó ngồi trong bóng tối, khiến vòng tròn ánh sáng nơi chúng tôi đứng mang dáng dấp sân khấu cabaret lúc nửa đêm. "Có thể tôi nhớ nhầm.

Lần đầu thấy nó tôi mới là một đứa bé quãng mười hai tuổi."

"Vâng, tôi cũng khoảng tuổi ấy khi thấy nó lần đầu tiên."

"À," Horst nói vẻ cam chịu, gãi gãi lông mày, những vết bầm cỡ đồng xu trên mu bàn tay "đấy là lần duy nhất tôi được đi theo trong một chuyến công tác của cha tôi, lần đó là ở La Hay. Phòng họp lạnh như nước đá. Không có lấy một cái lá rung rinh. Buổi chiều duy nhất cả hai ở với nhau, tôi muốn đến Drievliet, công viên giải trí ấy, nhưng ông lại đưa tôi đến bảo tàng Mauritshuis. Và - bảo tàng tuyệt diệu, rất nhiều bức tranh tuyệt vời, nhưng bức duy nhất tôi còn nhớ là con *sẻ* của cậu. Một bức tranh dễ thu hút trẻ nhỏ, phải không? Der Distelhnk. Lần đầu tôi biết nó là như thế, bằng cái tên tiếng Đức."

"Ờ, được rồi, tốt lắm," Boris từ bóng tối cất giọng chán ngấy. "Bắt đầu giống như kênh giáo dục trên ti vi rồi."

"Anh có buôn nghệ thuật hiện đại bao giờ không?" Tôi nói trong khoảng im lặng tiếp theo.

"Ờ..." Horst dán vào tôi con mắt đồng giá, cạn sức sống; *buôn* không hẳn là từ chính xác, anh ta có vẻ buồn cười vì cách chọn từ của tôi "thỉnh thoảng." Có một bức Kurt Schwitters cách đây không lâu - Stanton Macdonald-Wright - anh biết không? Một họa sĩ rất thú vị. Phụ thuộc rất nhiều vào việc cái gì được đưa đến chỗ tôi. Thành thực là - anh có bao giờ mua bán tranh tí nào không?"

"Ít lắm. Các nhà buôn nghệ thuật đã tới trước tôi rồi."

"Thật không may. Trong nghề của tôi, quan trọng là phải xách tay được. Có vô khối bức tầm trung tôi có thể bán đàng hoàng nếu giấy tờ có vẻ tử tế."

http://tieulun.hopto.org

Hương tỏi, nồi chậu va nhau trong bếp, mùi nước tiểu và hương trầm gợi nhớ khu chợ Ma Rốc thoảng qua. Lâm râm lâm râm, tiếng tụng kinh Sufi phơ phất và quấn quýt quanh chúng tôi trong bóng tối, những lời cầu khấn không dứt dâng lên Thánh đế.

"Hoặc bức Lépine này. Làm giả khéo lắm. Có một tay - người Canada, thú vị lắm, cậu sẽ thích là chắc - làm theo đơn đặt hàng. Pollock, Modigliani - sẵn sàng giới thiệu nếu cậu muốn. Không đem lại mấy tiền cho tôi, dù cũng có khả năng làm nên gia tài nếu có một bức bỏ trong cuộc thanh lý thích hợp." Rồi nhẹ như không, trong cái im lặng tiếp sau: "Thời xưa hơn thì tôi từng thấy rất nhiều bức Ý, nhưng sở thích của tôi - thiên về miền Bắc hơn, anh thấy đấy. Giờ, bức Berchem này là một điển hình rất tuyệt cho Berchem, nhưng tất nhiên những phong cảnh kiểu Ý này, với những cột vỡ nát và những cô vắt sữa thơ ngây không hẳn hợp với gu thẩm mỹ hiện đại, phải không? Tôi ưa bức van Goyen kia hơn nhiều. Thật buồn là lại không bán."

"Van Goyen à? Tôi dám thề đấy là Corot."

"Đứng từ đây thì, phải, có thể đấy." Anh ta có vẻ hài lòng với so sánh đó. "Hai phong cách rất tương đồng - chính Vincent đã từng nhận xét như vậy - anh biết lá thư ấy chứ? 'Corot người Hà Lan'? Cũng hơi nước dịu nhẹ ấy, cũng sương mù mênh mông ấy, anh hiểu tôi nói gì không?"

"Từ đâu..." tôi đã suýt hỏi câu đặc trưng của kẻ buôn, *từ đâu mà anh có bức này*, thì ngậm miệng lại kịp.

"Họa sĩ tuyệt vời. Cực kỳ năng suất. Và đây là một bức đặc biệt đẹp," anh ta nói với lòng tự hào hệt như một nhà sưu tập. "Rất nhiều chi tiết kỳ thú nếu nhìn gần - thợ săn tí xíu, chó đang sủa. Thêm nữa - rất điển hình - chữ ký trên mũi tàu. Đáng yêu lắm.

Nếu anh không ngại… gật đầu về phía những thân người sau tấm thảm. “Cứ qua đi. Anh không làm phiền họ đâu.”

“Không, nhưng…”

“Không…” Giơ tay lên “tôi hiểu rõ mà. Vậy tôi mang lại cho anh nhé?”

“Vâng, tôi rất mong được xem.”

“Phải nói là, tôi đã quyến luyến nó tới mức sẽ rất buồn khi nó bị mang đi. Bản thân ông cũng là nhà buôn tranh, van Goyen ấy. Rất nhiều bậc thầy Hà Lan đều vậy. Jan Steen. Vermeer. Rembrandt. Nhưng Jan van Goyen thì…” anh ta mỉm cười “không khác gì anh bạn Boris của chúng ta. Làm mỗi thứ một ít. Tranh, địa ốc, hợp đồng tương lai hoa tulip.”

Boris, trong bóng tối, phát ra một tiếng làu nhàu và hình như chực nói gì đó thì thình lình, một thằng nhóc lỏng khỏng tóc tai bù xù chừng hăm hai tuổi, miệng ló ra một cái nhiệt kế thủy ngân kiểu cũ, khật khừ bước ra khỏi bếp, giơ tay che mắt tránh ánh đèn giơ lên. Nó đang mặc một cái áo len đan kỳ dị, đàn bà, to bự, dài đến gần đầu gối như một cái áo choàng tắm, vẻ mặt ốm yếu và ngơ ngác, tay áo xắn lên, đang đưa hai ngón tay gãi mặt trong cánh tay thì đùng một cái hai đầu gối xoạc ra, nó đã lăn xuống sàn, cái nhiệt kế văng ra loảng xoảng trên sàn gỗ nhưng không vỡ.

“Cái quái gì…?” Boris nói, dụi điếu thuốc rồi đứng lên, con mèo nhảy vọt từ trên lòng nó vào bóng tối. Horst chau mày, đặt đèn xuống sàn, ánh sáng rung lắc điên cuồng trên tường và trần nhà. “*Ach*,” anh ta phiền muộn nói, gạt tóc khỏi mắt, quỳ xuống xem xét thằng trai trẻ. “Quay lại đi,” anh ta bực bội bảo đám đàn bà vừa hiện ra trên ngưỡng cửa, cùng một gã đô con lạnh lùng, tóc

đen, vẻ mặt chăm chú và hai đứa nhóc học sinh ngơ ngác trông không quá mười sáu, và khi thấy cả đám vẫn đứng đó lõ mắt nhìn, anh ta phẩy tay. "Vào bếp hết đi! Ulrika anh ta nói với bà chị tóc vàng, "*haltsie* zuruck[141]"

Tấm thảm lay động; đằng sau, những khối hình quấn chăn, những giọng ngái ngủ: *eh*? *was ist los*?[142]

"*Ruhe*, *schlaft* weiter[143]" Bà chị tóc vàng gọi với ra rồi quay sang Horst, bắt đầu tuôn một tràng tiếng Đức gấp rút hối hả.

Tiếng ngáp, tiếng rên; tít đằng sau, một cục chăn nhỏm dậy, giọng Mỹ nhõng nhẽo; "Hử? Klaus? Bà ta nói gì vậy?"

"Im đi nhỏ và *schlafen* tiếp đi."

Boris đã nhặt áo khoác lên tròng vào người. "Potter," nó nói, và khi thấy tôi vẫn không nhúc nhích mà chỉ kinh hoàng nhìn xuống sàn, nơi thằng bé đang thở từng hơi sòng sọc; "Potter." Nắm lấy tay tôi. "Nào, đi thôi."

"Ư, xin lỗi. Chúng ta sẽ phải nói chuyện sau thôi. *Schiesse*," Horst nuối tiếc nói, lắc bên vai mềm oặt của thằng bé, giọng điệu như một người cha làm điệu mắng mỏ đứa con nhưng không quá thuyết phục. "*Dummer Wichser*! *Dummkopf*![144] Nó dùng bao nhiêu thế, Niall?" anh ta hỏi gã đồ con vừa tái xuất hiện bên cửa, đang quan sát với vẻ chê trách.

"Thế đéo nào tôi biết được," gã Ireland đáp, đầu gục gặc một bên khá hăm dọa.

"Đi thôi Potter," Boris nói và nắm tay tôi. Horst đang áp tai vào ngực thằng bé, còn bà chị tóc vàng mới quay lại thì quỳ bên cạnh, đang kiểm tra hơi thở.

Trong lúc họ hối hả thảo luận bằng tiếng Đức, có thêm nhiều

âm thanh và chuyển động sau tấm thảm Amiens lúc này bỗng thình lình phồng lên: hoa đã phai, bữa tiệc trong vườn, những nàng tiên núi hoang tàng nô giỡn giữa suối và dây nho. Tôi đang nhìn một dương thần ranh mãnh ngó họ sau cái cây thì thình lình - có gì cọ vào chân - tôi nhảy phắt lại khi một bàn tay quờ bên dưới bỗng túm chặt lấy ống quần. Từ dưới sàn, một trong mấy bọc vải bẩn - khuôn mặt sưng đỏ bầm chỉ lờ mờ thấy dưới mép thảm - hỏi tôi bằng một giọng ngái ngủ nhưng trang nhã: "Ngài ấy là bá tước đấy, chàng trai ạ, biết không?"

Tôi giật quần lại, bước lùi. Thằng bé trên sàn đang lắc lư đầu sang hai bên, phát ra tiếng ùng ục như chết sặc.

"*Potter*." Boris đã nhặt lấy áo tôi, gần như dúi vào mặt tôi. "Nào! Đi thôi! *Ciao*" nó hất cằm hét với vào bếp (cái đầu tóc đen xinh xẻo hiện ra giữa cửa, bàn tay chấp chới: *chào anh Boris! Chào!*) trong lúc nó đẩy tôi đằng trước, chúi đầu đằng sau ra khỏi cửa. " *Ciao*, Horst!" nó nói và làm cử chỉ *gọi cho tôi nhé*, giơ tay lên tai.

" *Tschau* Boris! Xin lỗi vì vụ này! Chúng ta sẽ sớm nói tiếp! Lên nào," Horst nói, trong lúc tay Ireland đi lại tóm lấy phía dưới tay bên kia thằng bé; cả hai cùng nhấc bổng nó lên, chân oặt xuống, ngón chân rê trên sàn - và giữa cảnh lộn xộn trên ngưỡng cửa, hai thằng nhóc vị thành niên lúng túng hoảng hốt lùi lại - lôi nó qua ô cửa sáng đèn dẫn sang phòng bên, nơi cô bé tóc nâu của Boris đang chuẩn bị ống tiêm bằng chất gì đó trong cái lọ thủy tinh tí xíu.

xvii.

ĐI XUỐNG CÁI THANG MÁY HỘP, chúng tôi bỗng chìm trong

im lặng: tiếng bánh xe cọ vào nhau, tiếng ròng rọc kèn kẹt.

Ra ngoài, trời đã quang. “Đi thôi,” Boris nói với tôi - lo âu nhìn khắp đường - nó đã lấy điện thoại khỏi túi áo khoác - “sang đường, đi...”

“Hử,” tôi hỏi - nếu đi nhanh thì vừa kịp đèn - “mày gọi 911 à?”

“Không, không,” Boris lơ đễnh nói, quẹt mũi nhìn quanh, “tau không muốn đứng đợi xe ở đây, tau gọi bảo ảnh đón mình ở đầu kia công viên. Chúng mình sẽ đi bộ qua đó. Thỉnh thoảng mấy thằng nhóc vẫn chơi quá liều,” nó nói khi thấy tôi băn khoăn nhìn lại phía ngôi nhà. “Không phải lo. Nó sẽ ổn thôi.”

“Trông nó không ổn chút nào.”

“Không, nhưng nó vẫn thở còn Horst có Narcan. Tiêm vào nó sẽ tỉnh ngay. Y như ma thuật ấy, mi thấy bao giờ chưa? Khiến mi rơi vào cơn vật lập tức. Khó chịu như cứt, nhưng sẽ sống.”

“Đáng phải đưa nó đi cấp cứu.”

“Để làm gì?” Boris đáp một cách rất có lý. “Mấy người ở phòng cấp cứu sẽ làm gì nào? Tiêm Narcan chứ sao. Horst tiêm cho nó còn nhanh hơn họ. Và, phải, nó sẽ tỉnh dậy nôn ọe ầm ĩ, cảm giác như bị dao xuyên vào đầu, nhưng còn hơn là vào xe, UỲNH, áo bị cắt đứt, mặt nạ ụp vào mũi, đủ loại người tát bôm bốp vào mặt cho tỉnh, luật pháp sờ gáy, ai cũng khắc nghiệt chỉ trích - cứ tin tau, Narcan, cảm giác tởm lắm, tỉnh dậy đã đủ tệ rồi chứ không cần phải ở giữa bệnh viện đèn sáng trưng khắp xung quanh đều chê bai thù địch, đối xử với mi như cứt, ‘thằng nghiện, ‘quá liều, ai cũng nhìn nhỏ hầm hè, có khi muốn về còn không cho về, bị tống sang khoa thần kinh nữa không chừng, nhân viên công tác xã hội kéo vào ca bài ‘Bao nhiêu điều đáng sống’ gì đấy và có khi thêm vào đó, còn có vài gã cớm hỏi han nữa... đợi đã,” nó nói,

“một giây thôi,” rồi bắt đầu nói tiếng Ukraina vào điện thoại.

Bóng tối. Dưới vầng hào quang đèn đường mờ sương, những ghế đá công viên trơn nhẫy vì mưa, lách tách lách tách, cây sũng nước đen kịt. Những lối đi bộ ướt rượt, lá phủ dày, vài kẻ nhân viên văn phòng lẻ loi trở về hối hả. Boris, đầu cúi xuống, tay thọc vào áo, nhìn xuống đất - đã gọi xong, giờ đang lẩm bẩm một mình.

“Ừm, gì cơ?” Tôi hỏi và liếc sang nó.

Boris bặm môi, hất đầu. “Ulrika,” nó hậm hực nói. “Ả bánh bèo đó. Chính là ả ra mở cửa.”

Tôi vuốt trán. Người tôi chộn rộn, nôn nao và vã mồ hôi lạnh. “Làm sao mày lại quen mấy người đó?”

Boris nhún vai. “Horst hả?” nó hỏi và đá tung một đống lá lả tả. “Bọn tau quen nhau hàng năm nay rồi. Tau biết Myriam là nhờ lão - tau thật biết ơn lão đã giới thiệu.”

“Còn...?”

“Gì?”

“Trên sàn ở đó?”

“Nó? Thằng ngã á?” Boris nhăn mặt kiểu *có ma mới biết* ngày xưa. “Họ sẽ lo cho nó thôi, khỏi lo. Chuyện thường ấy mà. Lúc nào cũng khỏe lại thôi. Thật đấy,” nó nói, chuyển giọng thành khẩn hơn. “Vì là, nghe này, nghe này,” nó nói và thọc khuỷu tay vào sườn tôi, “Horst có cả mớ trẻ nít như thế láng cháng bên cạnh - thay đổi liên tục, chốc lại một đứa mới - tuổi sinh viên, hay học sinh. Chủ yếu là tụi nhãi nhà giàu, tiêu tiền quỹ ủy thác, có khi muốn bán cho lão cái tranh tượng gì đó ở nhà chẳng hạn? Chúng nó biết phải tìm đến lão. Vì...” lắc đầu, gạt tóc khỏi mắt - “chính

Horst, hồi còn bé, mi hiểu không - lâu lắm rồi, từ thập niên 80 của thế kỷ trước - lão đi học một năm, hai năm, ở một trong mấy cái trường con trai hoành tráng gần đây ấy, bắt phải mặc vét ấy. Ở đâu đó không quá xa đây. Một lần chỉ cho tau xem rồi, khi đi taxi. Dù sao thì," nó khịt mũi, "thằng nhóc trên sàn ấy? Không phải thằng cu nghèo rớt đầu đường xó chợ nào đâu. Và họ không để nó gặp chuyện gì đâu. Hy vọng là nó học được một bài. Nhiều đứa lắm. Nó sẽ thấy cả đời chưa bao giờ khốn khổ như khi được nhận mũi Narcan đó. Thêm nữa Candy là y tá, cổ sẽ lo cho nó khi nó tỉnh thôi. Candy ấy? Tóc nâu ấy?" nó nói và lại thúc khuỷu tay vào sườn tôi khi thấy tôi không đáp. "Mi có nhìn thấy cô bé không?" Nó cười khúc khích. "Như là...?" Nó đưa ngón tay vẽ trên đầu gối mô phỏng đường cong của cô ta. "*Cổ* hơi bị siêu. Trời, tau mà giật được cổ khỏi thằng Niall người Ireland đó thì đã làm ngay. Có lần bọn tau đi đảo Coney, chỉ hai người thôi, và chưa bao giờ tau vui đến thế. Cổ thích đan áo len, mi tưởng tượng được không?" nó nói và ranh mãnh liếc nhìn tôi. "Một cô gái như thế - mi có nghĩ là típ đàn bà thích đan len không? Vậy mà thế đấy! Còn đòi đan cho tau một cái ! Mà là nói thật đấy! 'Boris, em sẽ đan cho anh một cái áo len bất kỳ lúc nào anh muốn. Chỉ cần nói anh thích màu gì, em sẽ làm ngay!' "

Nó đang tìm cách khiến tôi vui lên, nhưng tôi vẫn đang run lẩy bẩy không nói được. Một hồi lâu chúng tôi chỉ cúi đầu đi tiếp, không có tiếng động nào ngoài tiếng giày của cả hai trên lối mòn công viên trong bóng tối, tiếng bước chân hình như vang vọng đến vô cùng, vượt qua cả màn đêm thành phố khổng lồ bao quanh, tiếng còi xe và báo động nghe như cách đây cả nửa dặm.

"Ừm," Boris bỗng nói và lại liếc nhìn tôi, "ít nhất thì giờ tau nghĩ ra rồi, hửm?"

“Gì?” Tôi giật mình đáp. Đầu óc tôi vẫn còn đang luẩn quẩn với thằng bé và mấy lần hút chết của chính mình: ngất xỉu trong phòng tắm ở tầng trên nhà Hobie, đầu bê bết máu do đập vào cạnh bồn rửa; tỉnh lại trên sàn bếp ở nhà Carole Lombard, Carole vừa lắc tôi vừa gào rú, may quá vì mới bốn phút, nếu năm mà anh chưa dậy em đã gọi 911.

“Hầu như chắc luôn. Chính là Sascha đã lấy cái tranh.”

“Ai cơ?”

Boris quắc mắt. “Em trai Ulrika chứ ai, thế đấy,” nó nói và khoanh tay trên bộ ngực hẹp. “Và lòng vả cũng như lòng sung, nếu mi hiểu ý tau. Sascha và Horst khắng khít lắm - Horst không đời nào chịu nghe ai nói xấu nó - hừm. Khó mà không ưa Sascha, ai cũng mến nó - nó thân thiện hơn Ulrika, nhưng tính cách của tau với nó không bao giờ hợp nhau. Horst sống đàng hoàng, ai cũng bảo thế, tới khi rơi vào tay chị em nhà nó. Học triết ở trường... chuẩn bị lãnh lấy công ty của cụ bố... thế mà giờ mi thấy đấy. Tuy thế, tau cũng không bao giờ tưởng tượng Sascha lại trở giáo đâm Horst, cả ngàn năm cũng không. Mi hiểu hết mấy chuyện nói trong đó chứ?”

“Không.”

“Thế này, Horst nghĩ lời Sascha là vàng là ngọc nhưng tau thì không. Và tau cũng không nghĩ cái tranh đang ở Ireland. Ngay cả Niall là thằng Ireland cũng không nghĩ vậy. Tau ghét cái là ả quay lại, Ulrika ấy - tau không thể nói thẳng điều ở trong đầu tau được. Bởi vì... ” tay thọc sâu vào túi “tau cũng hơi ngạc nhiên là Sascha lại dám làm trò này, và tau không dám bảo thẳng Horst, nhưng tau không nghĩ ra cách nào khác - tau nghĩ toàn bộ vụ lầm người, bị bắt, bắn nhau với cảnh sát, từ đầu chí cuối chỉ là dàn cảnh cho

Sascha ôm cái tranh biến đi. Horst có cả mấy chục người sống bám vào mình, lão ta quá hiền lành tin người - tâm hồn dịu dàng, mi hiểu không, gặp ai cũng nghĩ họ tốt đẹp lắm - hừ, lão thì có thể mặc cho Sascha và Ulrika ăn cắp của mình, kệ lão, nhưng tau không để chúng nó cướp của tau đâu."

"Hừm." Tôi vẫn chưa ở bên Horst quá lâu, nhưng cũng không thấy anh ta tâm hồn dịu dàng cho lắm.

Boris cau mày và đá vào vũng nước. "Nhưng vấn đề duy nhất là gì? Người của Sascha? Cái thằng móc nối cho tau ấy? Tên thật là...? Bó tay. Nó xưng là 'Terry', xạo bà cố - tau cũng không dùng tên thật, nhưng mà 'Terry' người Canada, vái cả nón! Nó là dân Séc, chẳng 'Terry White' hơn đếch gì tau! Tau nghĩ nó là dân lưu manh đường phố, vừa ở tù ra - dốt đặc cán mai, học hành không có, loại du côn đơn thuần. Tau nghĩ Sascha nhặt nó ở đâu đó về, làm hỏa mù, chia cho nó một phần để bày ra vố đó, phần bằng cái móng tay thôi, dĩ nhiên. Nhưng tau biết 'Terry' mặt mũi ra sao và tau biết nó có người quen ở Antwerp và tau sẽ gọi cho thằng đệ Anh Đào lo mặt đó."

"Anh đào?"

"Ừ - là *kliytchka* của thằng đệ Victor, bọn tau gọi vậy vì mũi nó đỏ như anh đào, nhưng cũng vì tên nó bằng tiếng Nga là Vitya nghe khá giống chữ anh đào. Hơn nữa ở Nga có cái phim truyền hình rất nổi *tiếng*, *Anh đào mùa đông* - thôi, lằng nhằng lắm. Tau hay chọc Vitya vì cái phim này, làm nó cáu điên. Dù sao thì - Anh Đào biết mọi thứ, quen mọi người, nghe hóng được hết mọi chuyện nội bộ. Hai tuần trước khi có chuyện đã nghe Anh Đào kể sạch. Nên là không phải lo về chú chim của mi, OK? Tau tin chắc là chúng mình sẽ lo liệu được thôi."

"Mày nói 'lo liệu được thôi' là sao?"

Boris thở hắt ra. “Vì đây là vòng tròn kín, mi hiểu chưa? Chuyện đó thì Horst đoán trúng phóc rồi. *Sẽ không ai mua bức tranh này hết*. Nó là thứ không bán được. Nhưng, thị trường chợ đen, vật trao đổi? Có thể chuyển qua chuyển lại đến vô tận! Vừa giá trị, vừa gọn nhẹ. Các phòng khách sạn - đi đi về về. Ma túy, vũ khí, bé gái, tiền mặt - gì cũng được.”

“Bé gái?”

“Bé gái, bé trai, gì cũng được. Nào, nào,” nó nói và giơ một tay lên, “tau không dính gì đến vụ đó đâu. Chính bản thân tau cũng mấy lần bị bán hụt hồi bé - lũ rắn rết ấy trườn khắp Ukraina, hay ít ra là hồi ấy, xó nào ga nào cũng thấy và cho mi biết nếu mi rất trẻ và rất không vui thì sẽ thấy đấy là độ quá tốt. Một bác vẻ sạch sẽ hứa hẹn công việc ở nhà hàng London hay gì đó, tặng vé máy bay và hộ chiếu - ha. Chớp mắt một cái là mi đã tỉnh dậy tay bị xiềng trong tầng hầm đâu đó rồi. Sẽ không đời nào tau dính vào chuyện như vậy. Cái đó rất khốn. Nhưng vẫn có. Và một khi cái tranh đã rời tay tau, và tay Horst - thì ai biết nó sẽ được đưa ra trao đổi lấy cái gì? Nhóm này giữ, nhóm kia giữ. Quan trọng là...” giơ ngón trỏ lên “cái tranh của mi sẽ không mất tích vào bộ sưu tập của gã đại gia mê nghệ thuật nào. Nó nổi tiếng quá. Không ai muốn mua nó cả. Mua làm gì? Có dùng được làm gì? Chẳng làm gì cả. Trừ khi cảnh sát tìm được - và họ vẫn *chưa* tìm được, cái này thì ta biết...”

“Tao muốn cảnh sát tìm được nó.”

“À...” Boris quẹt mũi nhanh “ừ, mi thì cao quý lắm. Nhưng hiện giờ, điều tau cố biết là nó sẽ di chuyển, mà chỉ di chuyển trong một mạng lưới khá nhỏ thôi. Và Victor Anh Đào thì là bạn tốt, và nợ tau khá nhiều. Vậy nên, tươi lên!” nó nói và túm tay tôi. “Đừng có trắng bệch mặt ra thế! Và chúng mình lại sớm nói

chuyện với nhau thôi, tau hứa."

xviii.

ĐỨNG DƯỚI ĐÈN ĐƯỜNG nơi bị Boris bỏ lại ("không tiễn mi về nhà được! bị muộn rồi! Tau phải đến chỗ này đã!") tôi choáng váng đến mức phải nhìn quanh định vị, mặt tiền xám lỗ chỗ của tòa nhà Alwyn, như một cơn mất trí ma quái thời Baroque - và ánh đèn pha chiếu trên giấy cắt, những hình trang trí Giáng sinh trên cửa nhà hàng Petrossian đã gõ lên tiếng cồng nào đó chôn sâu trong trí: tháng Mười hai, mẹ tôi đội một cái mũ len: *nào cu con ơi, để mẹ chạy ù ra đường mua ít bánh sừng bò ăn sáng nhé...*

Tôi lơ đãng đến mức một người đi vèo qua góc phố đâm sầm vào tôi: "Nhìn đường chứ!"

"Xin lỗi," tôi nói và rũ mình. Dù tai nạn là lỗi của người kia - còn quá mải bấm bấm vuốt vuốt điện thoại đến nỗi không thấy gì trước mặt nữa - nhưng vài người trên vỉa hè vẫn nhìn tôi chê trách. Hụt hơi và bối rối, tôi nghĩ xem nên làm gì. Tôi có thể bắt tàu điện ngầm về nhà Hobie nếu muốn đi tàu điện, nhưng căn hộ của Kitsey gần hơn. Cô cùng hai bạn cùng nhà Francie và Em chắc đã ra đường hết, Đêm Bạn Gái Với Nhau (nhắn tin gọi điện cũng vô ích, kinh nghiệm đã cho tôi biết; hội đó thường đi xem phim), nhưng tôi có chìa khóa, có thể tự vào nhà pha đồ uống và nằm nghỉ trong lúc chờ cô về.

Trời đã tạnh, trăng mùa đông rõ nét qua kẽ hở giữa những đám mây giông, và tôi lại bắt đầu đi về phía đông, chốc chốc dừng lại tìm cách bắt taxi. Nói chung tôi ít khi tạt qua chỗ Kitsey mà không gọi trước, phần vì tôi không ưa lắm hai cô bạn cùng nhà, mà họ với tôi cũng tương tự. Nhưng bất kể Francie và Em và

những chuyện trò xã giao giật cục trong bếp, căn hộ của Kitsey vẫn là một trong vài chốn an toàn thật tình ở New York đối với tôi. Không ai biết mà đến tìm tôi ở chỗ Kitsey. Lúc nào ở đây cũng có cảm giác tạm thời; cố không để nhiều quần áo lắm, đồ đạc chính là một chiếc vali trên giá hành lý cuối chân giường; và vì những lý do nào đó không giải thích nổi tôi lại thích vẻ vô danh trống rỗng, yên ả trong căn hộ, trang trí vui tươi nhưng dè sẻn bằng những tấm thảm hoa văn trừu tượng và đồ đạc hiện đại từ một cửa hàng nội thất vừa tiền. Giường cô êm, đèn đọc sách đủ sáng, lại có tivi màn hình plasma lớn để nếu muốn chúng tôi có thể nằm lăn xem tivi trên giường; tủ lạnh thép không gỉ lúc nào cũng để đầy Đồ Ăn Con Gái: gà nghiền, ô liu, bánh ngọt, sâm-panh, đủ loại xa lát ăn chay mua về dở hơi và kem chừng nửa tá vị.

Tôi lần tìm chìa khóa trong túi, rồi lơ đễnh mở cửa vào (chỉ đang nghĩ xem mình có thể kiếm được gì ăn, liệu có phải gọi thức ăn tới? Cô chắc chắn đã ăn tối rồi, đợi cũng vô ích) và suýt đập mũi vào cửa khi sợi xích bên trong chắn lại.

Tôi đóng cửa, đứng một phút hoang mang, rồi lại mở, cửa mắc vào xích kêu lạch xạch: xô pha đỏ, những ảnh in nhà cửa treo tường và nến thắp trên bàn cà phê.

“Xin chào?” Tôi gọi, rồi thử lại: “Xin chào?” lớn hơn khi nghe tiếng đi lại trong nhà.

Đợi đến lúc tôi đập cửa mạnh đến mức hẳn hàng xóm cũng phải dậy thì Emily, sau một khoảng thời gian hình như rất lâu, mới ra nhìn tôi qua khe cửa. Cô ta đang mặc áo len ở nhà xấu xí và quần có hoa văn rất rợ khiến mông trông bự hơn nhiều. “Kitsey không có nhà,” cô ta nói toẹt, cũng không mở cái xích.

“Ừ, anh biết rồi,” Tôi cáu kỉnh nói. "Cũng không sao.”

“Em không biết bao giờ nó mới về.” Emily, mà lần đầu tôi gặp còn là con bé lên chín mặt béo nẫn đập cửa vào mặt tôi trong căn hộ nhà Barbour, chưa bao giờ giấu giếm ý nghĩ rằng tôi với Kitsey thật là đũa mốc chòi mâm son.

“Ừ, thế cho anh vào, được chứ?” Tôi nói, hơi bực mình. “Anh muốn đợi cô ấy.”

“Xin lỗi. Giờ không phải lúc.” Mái tóc màu nâu lúa mì của Em vẫn cắt ngắn và để mái, y như hồi còn nhỏ, và hình dáng quai hàm cô ta - hệt như hồi lớp 2 - khiến tôi lại nhớ đến Andy, người luôn luôn câm ghét cô ta, con Em Phòm Phèm, con Em Lem Nhem.

“Dở hơi quá. Nào, cho anh vào đi,” tôi cáu kỉnh nói, nhưng cô ta chỉ đứng đơ sau khe cửa, không nhìn thẳng vào mắt tôi mà đâu đó bên nửa mặt. “Nào, Em, anh chỉ định vào phòng cô ấy nằm nghỉ thôi... ’

“Em nghĩ là anh quay lại sau thì tốt hơn. Xin lỗi,” Cô ta thêm vào trong khoảng im lặng khó tin sau đó.

“Này, anh không cần biết em đang làm gì...” Francie, cô bạn còn lại, ít nhất cũng còn biết giả vờ lịch thiệp “anh chẳng định làm phiền em đâu, chỉ muốn.

“Xin lỗi, em nghĩ anh nên về đi là hơn. Bởi vì, này nhé, em sống ở đây,” cô ta nói và lớn giọng át tiếng tôi...

“Trời ạ. Em không nghĩ thế thật chứ?”

“... em sống ở đây,” cô ta đang chớp mắt khó xử, “đây là nhà em và anh không thể cứ lúc nào muốn là xông vào được.”

“Đừng dở hơi thế!”

“Và, và... ” Cô ta cũng có vẻ rất bực bội “này, em không giúp

anh được đâu, bây giờ là lúc rất không tiện, em nghĩ anh đi đi thì hơn. Được không? Xin lỗi nhé.” Cô ta đang đóng cửa vào mặt tôi. “Hẹn gặp anh trong buổi tiệc.”

“Sao cơ?”

“Tiệc *đính hôn* của anh ấy?” Emily hỏi, hé cửa ra một tí đủ khiến tôi thấy con mắt xanh đảo lia đang nhìn mình trước khi lại đóng cửa.

xix.

MẤT MỘT LÚC TÔI ĐỨNG GIỮA HÀNH LANG trong cảnh yên ắng đột ngột vừa rơi xuống, trừng mắt nhìn mắt thần trên cánh cửa đóng, và trong im lặng tưởng như nghe thấy Em chỉ cách vài phân ở bên kia cửa, cũng đang thở hồng hộc như tôi.

Hừ, được lắm, gạch tên mày khỏi danh sách phù dâu, tôi nghĩ và quay đi, cố gắng nện gót sầm sầm xuống dưới nhà, cảm thấy vừa tức điên vừa vui mừng kỳ lạ về cuộc giáp mặt này, lời khẳng định tuyệt đối cho mọi ý nghĩ không hay về Em từng lướt qua đầu. Kitsey đã hơn một lần xin lỗi về thói “cộc lốc” của Em nhưng việc này, theo cách nói của Hobie, là giọt nước tràn cốc rồi. Sao cô ta không đi xem phim với đám còn lại? Cô ta đang ở với thằng nào khác trong đó chăng? Em, bất chấp vẻ ngoài không quá hấp dẫn và mắt cá chân thô kệch, cũng có bạn trai tên là Bill gì đó làm chức to ở Citibank.

Đường phố đen bóng loáng. Ra khỏi tiền sảnh, tôi ghé vào dưới cửa hàng bán hoa cạnh nhà xem tin nhắn và nhắn cho Kitsey trước khi vào trung tâm, để đề phòng; nếu cô vừa xem phim xong tôi vẫn có thể đi đón cô ăn tối và uống gì đó (một mình, không có đám bạn gái đi cùng: vụ việc kỳ quái kia xem ra xứng đáng được

thưởng), và chắc chắn rồi sẽ buôn chuyện, phỏng đoán và cười nhạo hành vi của Em.

Cửa sổ sáng đèn. Tủ mát sáng nhờ nhờ màu nhà xác. Bên kia tấm kính mờ sương có những dòng nước chảy dọc, những bó lan xòe cánh run rẩy trong luồng gió quạt: trắng như ma, như trăng, như thiên thần. Ngoài cùng là những loại kỳ quái hơn, nhiều cái bán đến hàng nghìn đô: loại có tơ, loại có gân, loại có đốm, loại có nanh, loại lấm chấm máu, loại mặt quỷ, màu sắc từ nấm mốc xác chết đến hồng bầm dập - lại còn cả một đóa lan đen kỳ tuyệt vươn dài rễ xám loằng ngoằng khỏi cái bình lót rêu lù xù. ("Xin anh, anh yêu," Kitsey từng nói khi đoán trúng kế hoạch Giáng sinh của tôi, "đừng có mơ đến chuyện đó, mấy thứ đó quá đẹp và em sờ vào là chúng chết lập tức.")

Không có tin mới. Tôi nhanh chóng nhắn cho cô (Gọi cho anh, phải nói chuyện, vừa có việc buồn cười lắm xxx) và để kiểm tra cho chắc cô vẫn chưa ra khỏi rạp phim, tôi gọi lại. Nhưng vừa khi đầu dây vang lên tiếng hộp thư thoại, tôi nhìn thấy bóng người trong cửa kính, giữa cánh rừng xanh tít sâu trong đáy cửa hàng, và ngỡ ngàng quay lại.

Chính là Kitsey, đầu cúi xuống, mặc cái áo khoác Prada hồng, tay ghì lấy tay và thì thầm bên tai một thằng đàn ông mà tôi nhận ra - chưa từng gặp hắn hàng năm nay rồi, nhưng biết ngay lập tức - vẫn dáng vai ấy, vẫn kiểu đi lén lút lả lướt ấy - Tom Cable. Mái tóc nâu xoăn tít vẫn để dài; hắn vẫn mặc chính những thứ mà đám sái nghiện lắm, tiền từng mặc ở trường (giày Tretorn, áo len Ireland to sụ mắt dày không có áo khoác) và tay lồng vào cái túi của cửa hàng rượu, chính cửa hàng đôi khi Kitsey và tôi vẫn ghé qua mua một chai. Nhưng điều làm tôi sửng sốt là: Kitsey, vốn lúc nào cũng nắm tay *tôi* hơi cách quãng - lôi theo

đằng sau cô, vung vẩy tay tôi rất đáng yêu như một đứa trẻ chơi dung dăng dung dẻ - thì nay đang nép sát vào người hắn ta rầu rĩ. Trong lúc tôi nhìn, ngơ ngác vì cảnh tượng không sao hiểu thấu ấy - cả hai đang đợi đèn, xe buýt vù vù đi qua, quá đắm đuối với nhau đến nỗi không để ý thấy tôi - thì Cable, đang rì rầm nói chuyện, vuốt tóc cô và quay lại kéo cô sát vào mình rồi hôn cô, một nụ hôn được cô đáp lại dịu dàng và sầu muộn hơn bất kỳ nụ hôn nào từng dành cho tôi.

Thêm nữa, tôi thấy - hai người họ đang qua đường; tôi nhanh chóng quay lưng lại; tôi thấy rất rõ cả hai trong cửa sổ cửa hàng thắp đèn khi họ đi vào cửa trước chung cư của Kitsey chỉ cách tôi mấy bước - Kitsey đang buồn bực, cô đang nói rất khẽ, giọng khản đặc vì xúc động, áp sát vào Cable, má tì vào tay áo hắn khi hắn vòng tay siết chặt lấy cánh tay cô âu yếm; và dù không nghe ra nói gì nhưng âm điệu lời cô đã quá rõ: vì bất chấp nỗi buồn, thì niềm vui cô cảm thấy khi ở bên hắn, và hắn khi ở bên cô, là một điều không thể làm giả. Bất cứ kẻ qua đường nào cũng đều nhận thấy. Và - khi cả hai đi lướt qua tôi, trong ô cửa sổ tối om, một cặp bóng ma trìu mến tựa vào nhau - tôi thấy cô vụt đưa tay gạt giọt nước mắt lăn trên má, và nhận ra mình đang chớp mắt kinh ngạc khi chứng kiến cảnh này: vì không hiểu sao, thật là bất khả, lần đầu tiên trên đời, Kitsey đang khóc.

XX.

TÔI THỨC GẦN TRẮNG ĐÊM; và khi đi xuống mở cửa hàng ngày hôm sau, tôi tư lự đến mức ngồi nhìn trời cả nửa tiếng đồng hồ mới nhận ra mình quên quay bảng “Đóng cửa” lại.

Những chuyến đi tuần hai lần của Kitsey đến nhà ở Hampton. Những số lạ lóe lên rồi vội dập máy. Kitsey chau mày nhìn điện

thoại giữa giờ ăn rồi tắt đi: “À, Em ấy mà. À, mẹ ấy mà. À, một đứa tiếp thị qua điện thoại vớ vẩn ấy mà, số của em bị cho vào danh sách nào đấy.” Những tin nhắn nửa đêm, tiếng bíp tàu ngầm, sóng siêu âm xanh nhấp nháy trên tường, Kitsey nhổm dậy, cặp mông trần rời khỏi giường tắt đi, đôi chân trắng lóa lên trong tối: “À, nhầm số. À, Toddy ấy mà, lại đi say sưa ở đâu thôi.”

Và rồi, không kém phần khiến trái tim trĩu nặng: bà Barbour. Tôi biết rõ bàn tay khéo léo của bà Barbour trong những tình huống khó khăn - khả năng điều khiển những vấn đề tế nhị sau hậu trường - và dù đến giờ bà chưa hề trực tiếp nói dối tôi, theo như tôi biết, thì chắc chắn đã có nhiều thông tin được ỉm đi hay tô vẽ lên. Đủ thứ chuyện nhỏ nhặt giờ đang trở lại trong đầu, như là cái giây phút vài tháng trước, tôi bước vào nghe thấy bà nói nhỏ và khẩn thiết với người bảo vệ, qua máy bộ đàm, sau khi có chuông reo dưới sảnh: *Không, tôi không cần biết, đừng cho anh ta lên, giữ anh ta lại dưới đó*. Và rồi Kitsey, chưa đầy ba chục giây sau, kiểm tra tin nhắn rồi nhảy tưng lên bất ngờ tuyên bố cô sẽ đưa Lanh Canh và Clemmy đi dạo một vòng quanh phố! Tôi chẳng hề nghĩ gì về chuyên đó, bất chấp vẻ lạnh lẽo bất bình không lẫn vào đâu được thoáng qua mặt bà Barbour, đã lập tức khôi phục vẻ ấm áp khi cánh cửa đóng lại sau lưng Kitsey, bà quay lại bên tôi bắt tay nồng nhiệt.

Đêm đó chúng tôi đã hẹn gặp nhau: tôi sẽ đưa cô đến dự sinh nhật một người bạn, rồi sau đó lại ghé qua tiệc ở nhà người bạn khác. Kitsey không gọi, nhưng đã nhắn tin có vẻ dò hỏi: **Theo, sao rồi? Em đang làm việc. Gọi em nhé.** Tôi vẫn còn ngơ ngẩn nhìn điện thoại, không biết có nên đáp lại hay không - mà đáp thế nào đây? - thì Boris lao ầm vào cửa trước. “Tau có tin mới.”

“Thế à?” Tôi đáp, sau một giây lơ đãng.

Nó lau trán. “Ở đây nói chuyện được không?” nó hỏi và nhìn quanh.

“Ờ…” lắc đầu cho tỉnh. “Được chứ.”

“Hôm nay tau buồn ngủ dữ,” nó nói và dụi mắt. Tóc nó đang dựng đứng về mọi hướng. “Cần cà phê. Không, không có thời gian,” nó ngáp ngủ nói và giơ một tay lên. “Cũng không ngồi được. Chỉ ở lại được một phút thôi. Nhưng - tin mừng đây - tau có đầu mối về cái tranh của mi.”

“Đầu mối thế nào?” tôi hỏi, choàng tỉnh khỏi cơn mê mụ mang tên Kitsey.

“À, ta sẽ thấy nhanh thôi,” nó tránh né.

“Nó ở đâu…” gắng sức tập trung “có lành lặn không? Chúng nó để nó ở đâu?”

“Mi hỏi vậy tau chịu.”

“Nó…” Tôi đang khó khăn lắm mới sắp xếp ý nghĩ được; tôi hít thật sâu, đưa ngón cái vạch một đường trên mặt bàn để trấn tĩnh, ngước nhìn lên…

“Sao?”

“Nó cần một khoảng nhiệt độ nhất định và một độ ẩm nhất định - mày biết mà, phải không?” Giọng ai đó khác chứ không phải tôi. “Chúng nó không thể để bừa trong một ga ra ẩm mốc nào đó được.”

Boris dẩu môi, cái vẻ khinh thị ngày xưa. “Tin tau đi, Horst chăm bẵm nó như chính con mình ấy. Mặc dù thế…” nó nhắm hờ mắt “tau không rõ mấy thằng kia thì thế nào. Rất buồn phải thông báo với mi rằng chúng chẳng phải thiên tài gì đâu. Ta đành hy vọng chúng có đủ đầu óc để không nhét nó sau lò *pizza* gì đó

vậy. Tau đùa thôi," nó kiêu ngạo nói khi thấy tôi há hốc mồm hoảng hốt. "Tuy rằng như tau được nghe, nó đang giấu trong một nhà hàng, hay gần một nhà hàng gì đó. Ít nhất cũng là một tòa nhà có nhà hàng. Chuyện đó để sau nói đi," nó nói và giơ tay lên.

"Ở đây ư?" Tôi hỏi, sau thêm một quãng im lặng không tin nổi. "Trong thành phố luôn ư?"

"Để sau. Cái đó đợi được. Nhưng còn chuyện thế này," nó nói, giọng nhỏ hẳn và gấp gáp, vừa nói vừa nhìn quanh phòng và qua đầu tôi. "Nghe này, nghe này. Đây mới là điều tau cần nói với mi. Horst - lão chưa hề biết họ mi là Decker, ít ra là đến lúc vừa hỏi tau trên điện thoại hôm nay. Mi có biết một gã tên là Lucius Reeve không?"

Tôi ngồi xuống. "Sao mày hỏi thế?"

"Horst bảo tránh xa hắn ra. Horst biết mi buôn đồ cổ nhưng chưa hề liên hệ qua chuyện kia cho đến khi biết tên mi."

"Chuyện kia là chuyện gì?"

"Horst không chịu nói kỹ. Tau không biết mi dính dấp gì với gã Lucius này, nhưng Horst nhắc phải tránh xa hắn ra và tau nghĩ mi cần biết ngay lập tức. Hắn đã làm phật lòng Horst ghê gớm trong một vụ khác, và Horst cử Martin bám đuôi hắn."

"Martin?"

Boris phẩy tay. "Mi chưa gặp Martin. Yên trí đi, mi mà gặp là sẽ không quên được. Dù sao thì gã Lucius này là loại không nên dây vào với người trong nghề mi."

"Tao biết rồi."

"Mi dính đến lão vụ gì? Nếu tao hỏi được?"

“Tao...” Lần nữa tôi lại lắc đầu, một câu chuyện không thể trình bày nổi. “Rắc rối lắm.”

“Hừm, tau không biết gã có thù gì với mi. Nếu mi cần tau giúp, dĩ nhiên là tau sẽ giúp - tau hứa chân thành với mi đấy - Horst nữa, tau dám nói thế, vì lão khoái mi. Thật vui khi thấy lão hào hứng và lắm lời như thế, hôm qua ấy! Tau nghĩ là lão chẳng quen nhiều người cho lão bộc lộ chính mình và chia sẻ sở thích của mình. Tội nghiệp lão. Thông minh lắm, Horst ấy. Có rất nhiều điều để cho người khác. Nhưng...” nó nhìn đồng hồ “xin lỗi, không định thất lễ, nhưng tau phải lượn cái đã - tau đang thấy rất tự tin về chuyện cái tranh! Tau nghĩ, có khả năng, có thể chúng mình sẽ lấy lại được! Thế nên...” nó đứng dậy, hùng dũng đập nắm đấm lên ngực “dũng cảm lên! Chúng minh sẽ gặp nhau sớm.”

“Boris?”

“Hử?”

“Mày sẽ làm gì nếu bạn gái mày phản bội mày?

Boris - trên đường ra cửa - quay ngoắt lại. “Nói lại coi?”

“Nếu mày nghĩ là bạn gái mày đang phản bội mày.”

Boris cau mày. “Không chắc à? Mi không có chứng cứ à?” “Không,” tôi nói, trước khi nhận ra điều ấy không chính xác.

“Vậy thì mi phải hỏi thôi, hỏi thẳng,” Boris nói dứt khoát. “Vào một thời điểm thân thiện nào đấy khi cô không đề phòng. Trên giường chẳng hạn. Nếu mi chọn đúng thời điểm, thì dù cổ có nói dối - mi cũng biết ngay. Cổ sẽ bị dao động.”

“Người này thì không đâu.”

Boris cười lớn. “Chà, vậy là mi đã tìm được một người rất khá

rồi! Rất hiếm! Cổ có đẹp không?"

"Có."

"Giàu không?"

"Có."

"Thông minh?"

"Phần lớn mọi người sẽ cho là vậy, có."

"Nhẫn tâm?"

"Hơi hơi."

Boris cười lớn. "Và mi yêu cổ, phải. Nhưng không yêu quá."

"Sao mày lại bảo thế?"

"Vì mi không phát điên phát dại, hay khóc lóc sụt sùi! Mi không tức điên lên muốn lao đến tự tay bóp cổ chết! Thế nghĩa là linh hồn mi còn chưa gắn chặt lấy cổ. Và như thế là tốt. Kinh nghiệm của tau đây. Hãy tránh xa những người mi yêu quá. Đấy là những người sẽ giết chết mi. Điều mi cần để được sống hạnh phúc trên đời là một người đàn bà biết sống cuộc sống của cổ, để mi sống cuộc sống của mi."

Nó vỗ vai tôi hai lần rồi đi mất, mặc cho tôi thẫn thờ nhìn cái vỏ bạc trong nỗi tuyệt vọng vừa trở lại về cuộc đời bết bát của mình.

xxi.

KITSEY, KHI RA MỞ CỬA CHO TÔI ĐÊM ĐÓ, thực tế không bình tĩnh được như đáng lý: cô đang nói mấy chuyện cùng một lúc, áo mới muốn mua, đã thử vào người, không quyết định được,

lại treo ở đó, có bão đằng Maine - hàng đống cây đổ, cây già trên đảo, chú Harry gọi, buồn ghê! "Ôi anh yêu..." chấp chới quanh tôi rất dễ thương, kiễng chân lên lấy ly rượu "giúp em? Được không?" Em và Francie, hai cô bạn cùng phòng, mất tăm mất tích, như thể họ cùng đám bạn trai đã khôn ngoan hô biến trước khi tôi đến. "Ôi, khỏi lo - em lấy được rồi. Này, em có ý kiến hay lắm. Đi ăn cà ri trước khi ghé qua nhà Cynthia đi. Em đang thèm chết đi được. Cái chỗ vắng vẻ trên Lex anh dẫn em đến - mà anh thích ấy? Gọi là gì nhỉ? Mahal gì đó?"

"Em nói cái nhà chấy rận hả?" Tôi đanh giọng nói. Tôi còn chưa thèm bỏ áo ra.

"Sao cơ?"

"Có món cà ri rogan josh đầy mỡ. Và toàn ông bà già khiến em phát sầu. Đám bán hàng của Bloomingdale." Nhà hàng Jal Mahal (họ viết là "nhà hành") là một quán Ấn tồi tàn hẻo lánh ngụ tại tầng hai một cửa hiệu trên Đại lộ Lexington, nơi không có gì thay đổi từ thuở tôi còn bé tới nay: cả bánh đa pappadum, cả giá, cả tấm thảm hồng đã bạc vì bị nước đổ quá nhiều gần cửa sổ, cả đám bồi bàn: vẫn những khuôn mặt xệ hiền từ, thánh thiện mà tôi nhớ từ thời bé, hồi mẹ và tôi hay tới đó sau khi xem phim, ăn bánh gối samosa và kem xoài. "Được thôi, nếu em muốn. 'Nhà hàng buồn thảm đệ nhất Manhattan. Thật là một ý kiến hay."

Cô quay nhìn tôi, chau mày. "Sao cũng được. Baluchi còn gán hơn. Hay là - anh muốn đi đâu thì ta đi đấy."

"Thế hả?" Tôi đứng dựa vào khung cửa, tay bỏ trong túi. Hàng năm trời sống với một tay tổ dối trá đã khiến tôi mất hết tính thương xót. "*Anh* muốn đi đâu à? Nghe thú vị làm sao."

"Xin lỗi. Em cứ nghĩ là cà ri sẽ vui. Bỏ đi vậy."

“Được rồi đấy. Giờ em thôi được rồi.”

Cố nhìn lên, một nụ cười trống rỗng. “Sao kia?”

“Đừng có sao kia với anh. Em biết thừa là anh đang nói chuyện gì.”

Cô không nói gì. Một vạch kẻ xuất hiện trên vầng trán xinh đẹp.

“Có lẽ điều này sẽ dạy cho em biết mở máy khi ở cùng hắn ta. Anh tin chắc là cô ta đã cố gọi em trên phố.”

“Xin lỗi, em không hiểu...?”

“Kitsey, anh thấy em.”

“Ôi trời ơi,” cô nói và chớp mắt, sau một quãng dừng ngắn. “Anh đùa thôi phải không? Anh nói đến Tom hả? Thôi nào, Theo,” cô nói trong quãng im lặng chết người sau đó, “Tom là bạn cũ của em, từ ngày xưa, chúng em thân với nhau lắm...”

“Ừ, cái đó anh thấy rồi.”

“... và anh ấy cũng là bạn Em nữa, và, và, em nghĩ là,” mắt chớp liên hồi, dáng vẻ như bị buộc tội vô cớ, “em biết là có thể tưởng tượng thành thế nào, em biết là anh không thích Tom và anh cũng có lý do chính đáng. Bởi vì, em biết chuyện hồi mẹ anh mất, và đúng là anh ấy xử sự thật tệ, nhưng hồi đó anh ấy còn nhỏ và giờ anh ấy thấy rất ân hận về những điều mình đã làm...”

“*Thấy ân hận*?”

“... nhưng, nhưng tối qua anh ấy được tin xấu,” cô vẫn nói tràn, như một diễn viên bị ngắt lời khi đang đọc thoại, “được tin xấu về chuyện nhà...”

“Em nói với hắn ta về anh? Hai người ngồi nói chuyên về anh

rồi thương cảm cho anh?"

"... và Tom, anh ấy đến đây gặp chúng em, Emily và em, cả hai chúng em, đùng một cái, ngay trước khi bọn em định đi xem phim, vì thế chúng em mới ở lại chứ không đi cùng mọi người khác, anh có thể hỏi Em nếu không tin em, anh ấy chẳng có nơi nào để đi cả, anh ấy vừa bị một cú ghê gớm, một chuyện cá nhân, anh ấy chỉ cần người nói chuyện thôi, mà bọn em còn có thể làm gì..."

"Em không nghĩ là anh sẽ tin chuyện đó chứ, phải không?"

"Nào, em không biết Em đã nói gì với anh..."

"Nói đi. Mẹ của Cable có còn cái nhà ở Đông Hampton đó không? Anh nhớ bà ta thường vứt hắn lại ở câu lạc bộ hàng giờ liền sau khi đuổi cổ cô trông trẻ, hay đúng hơn là sau khi cô ta bỏ việc. Dạy tennis, dạy gôn. Hẳn là cuối cùng hắn trở thành một tay gôn rất khá, phải không?"

"Phải," cô lạnh lùng nói, "phải, anh ấy chơi khá."

"Anh có thể nói một câu rẻ tiền ngay bây giờ, nhưng anh sẽ không nói."

"Theo, chúng mình đừng cãi nhau thế này."

"Anh có thể trình bày qua giả thiết của anh không? Em không phiền chứ? Anh tin chắc có sai vài tiểu tiết nhưng anh nghĩ về cơ bản là đúng. Vì anh biết rằng em từng hẹn hò với Tom, Platt đã bảo anh thế hôm đụng nhau trên phố, và cả anh trai em cũng không hào hứng gì với chuyện đó. Và phải," tôi nói khi cô tìm cách ngắt lời, giọng nói cũng cứng rắn và chết chóc như tâm trạng tôi. "Phải. Không phải thanh minh làm gì. Con gái lúc nào cũng thích Cable. Rất hài hước, cực kỳ thú vị khi nào hắn muốn. Cho dù nếu gần đây hắn thường viết séc khống hay ăn trộm của

những người ở câu lạc bộ hay bao nhiêu điều khác anh được nghe.

"... không phải thế! Đấy là nói dối! Anh ấy không bao giờ ăn trộm gì của ai..."

"... và bố mẹ cũng chẳng bao giờ ưa Tom lắm, hay đúng hơn là chẳng ưa tí nào, và rồi sau khi bố cùng Andy chết, em không thể cứ tiếp tục được nữa. Sẽ khiến mẹ quá thất vọng. Và, như Platt đã nhận xét, vô số lần..."

"Em sẽ không gặp lại anh ấy nữa."

"Vậy là em đang thừa nhận."

"Em không nghĩ là điều đó có gì quan trọng chừng nào chúng ta chưa lấy nhau."

"Tại sao thế?"

Cô gạt tóc khỏi mắt và không nói gì.

"Không nghĩ điều đó có gì quan trọng? Tại sao? Em nghĩ anh sẽ không phát hiện ra à?"

Cô tức giận ngước lên. "Anh đúng là một kẻ không tim, anh biết không?"

"Anh à?" Tôi ngoảnh đi, cười lớn. "Anh mới là kẻ không tim à?" "À phải. 'Bên bị hại'. 'Tuân thủ nguyên tắc cao quý'."

"Cũng cao quý hơn một số kẻ."

"Anh đang thích thú việc này lắm hả."

"Không đâu, thề với em."

"Thật à? Nhìn nụ cười khẩy kia thì em tin lắm đấy."

"Thế anh phải làm gì? Ngồi im như thóc à?"

“Em đã nói là sẽ không gặp anh ấy nữa. Thực ra là em đã bảo vậy cách đây khá lâu rồi.”

“Nhưng anh ấy cứ dai dẳng. Anh ấy yêu em. Anh ấy sẽ không chấp nhận em từ chối.”

Kinh ngạc làm sao, cô đỏ mặt. “Đúng vậy.”

“Tội nghiệp Kits bé bỏng.”

“Đừng quá quắt thế.”

“Cô bé đáng thương,” tôi nhắc lại giễu cợt, bởi không nghĩ ra phải nói gì khác.

Cô đang lục lọi ngăn kéo tìm cái mở nút chai, thì quay lại và nhìn tôi tha thiết. “Nghe này,” cô nói, “em không nghĩ là anh hiểu được đâu, nhưng rất khốn khổ khi yêu phải người không đáng.”

Tôi lặng im. Khi đi vào nhà, tôi đã lạnh ngắt vì giận điên lên nhìn thấy cô, đến nỗi tự nhủ rằng cô hoàn toàn không có khả năng làm tôi bị tổn thương hay - Chúa chứng giám - làm tôi thấy xót thương cô. Nhưng có ai hiểu hơn tôi sự thật trong điều cô vừa nói?

“Nghe này,” cô nhắc lại, đặt cái mở nút chai xuống. Cô đã nhìn thấy đột phá khẩu và đang nhằm vào đó: giống y như trên sân tennis, tàn nhẫn, dò theo điểm yếu của đối phương...

“Tránh xa anh ra.”

Nóng nảy quá. Nhầm giọng rồi. Tinh thế đang chuyển hướng bất lợi. Tôi cần lạnh lẽo, kiểm soát.

“Theo. Xin anh.” Cô đã tới, tay đặt trên tay áo tôi. Mũi ửng hồng, mắt đỏ lên rơm rớm: giống y như Andy ngày xưa mỗi lần đến mùa dị ứng, như một người bình thường có thể khiến người

ta thấy thực lòng thương. “Em xin lỗi. Thật đấy. Từ tận đáy lòng. Em không biết phải nói gì nữa.”

“Không à?”

“Không. Em đã phạm phải một thiếu sót rất lớn với anh.”

“Thiếu sót. Từ ngữ hay đấy.”

“Và, em nghĩ là, em biết anh không *thích* Tom…”

“Cái đó thì có liên quan gì?”

“Theo. Chuyện đó có quan trọng với anh như những chuyện còn lại không? Không, anh biết mà,” cô nói nhanh. “Nếu nghĩ kỹ anh sẽ thấy là không. Hơn nữa…” cô ngừng một chốc trước khi xông tới “không phải muốn bắt bí anh đâu, nhưng em cũng biết mọi trò của anh mà em có để tâm đâu?”

“*Trò* của anh?”

“Thôi nào,” cô mệt mỏi đáp. “Cứ qua lại với đám bạn bè gớm chết, chơi đủ thứ thuốc mà anh muốn đi. Em không để tâm đâu.”

Đằng xa xa, máy sưởi bắt đầu lạch xạch rồi kêu váng lên ầm ĩ.

“Thế này. Chúng mình rất hợp nhau. Cuộc hôn nhân này đúng là thứ cần thiết cho cả hai chúng ta. Anh biết thế và em cũng biết thế. Bởi vì - em muốn nói là, này, em *biết* mà. Anh không cần phải nói cho em. Và, em nói thật đấy - tình trạng của anh đã tốt hơn từ khi chúng mình hẹn hò nhau, phải không? Anh đã đàng hoàng hơn rất nhiều.”

“Thế ư? ‘Đàng hoàng hơn’? Phải hiểu câu đó ra làm sao đây?”

“Nào…” cô thở dài chán nản “giả vờ làm gì, Theo. Martina, Em, Tessa Margolis, nhớ không?”

“Mẹc.” Tôi không nghĩ lại có ai biết về Tessa.

“Ai cũng cố cảnh cáo em. ‘Tránh xa hắn ra. Hắn dễ thương khủng khiếp, nhưng hắn nghiện.’ Tessa bảo với Em là cô ấy đã cắt anh sau khi bắt quả tang anh hít heroin ở bàn bếp nhà cô ấy.”

“Không phải heroin,” tôi gắt lên. Đấy là morphine nghiền nát và đem hít thật là ý tưởng tồi, phí hoài cả viên thuốc. “Hơn nữa Tessa hoàn toàn chẳng phản đối gì chuyện *hít*, cô ta suốt ngày nhờ anh kiếm cho cô ta một ít...”

“Nào, việc đó thì khác và anh biết mà. Mẹ... ” cô tìm cách nói tràn qua tôi...

“... thế hả? Khác hả?” Lớn tiếng át lời cô. “Khác thế nào? Khác sao?”

“... mẹ em, em thề - nghe em này Theo - mẹ yêu anh rất nhiều. Rất nhiều. Anh đã cứu đời mẹ khi xuất hiện vào lúc ấy. Mẹ đã nói chuyện, ăn uống, quan tâm đến xung quanh, đi dạo trong công viên, mẹ mong đến lúc gặp anh, anh không *hình dung* nổi trước kia mẹ ra sao đâu. Anh là một phần của gia đình,” cô nói, được thể dấn tới. “Thật thế. Bởi vì, em muốn nói là, Andy...”

“*Andy* tôi cười khinh thị. Andy không hề có chút ảo tưởng nào về cái gia đình thần kinh của cậu ta.

“Nào, Theo, đừng như thế.” Giờ cô đã hồi phục rồi: thân thiện và biết phải trái, thẳng thắn hao hao giống cha cô. “Đấy là việc cần làm.

Lấy nhau ấy. Chúng mình hợp với nhau. Đây là điều hợp lý với tất cả những bên liên quan, trên hết là chúng mình.”

“Thế cơ hả? Tất cả?”

“Phải.” Cực kỳ điềm tĩnh. “Đừng tỏ thái độ như thế, anh hiểu ý em mà. Việc gì phải để cái đó làm hỏng tất cả? Suy cho cùng thì

chúng mình trở thành người tốt hơn khi ở bên nhau, phải không? Cả hai chúng mình? Và... ” mỉm cười tái nhợt, đúng là mẹ cô “chúng mình là một cặp ăn ý. Chúng mình ưa nhau. Chúng mình hòa hợp được.”

“Vậy là bằng đầu, không phải bằng trái tim.”

“Nếu anh muốn diễn tả như vậy thì cũng được,” cô nói và nhìn tôi, nỗi thương cảm và trìu mến lồ lộ đến mức - hoàn toàn bất ngờ - tôi cảm thấy cơn giận trong mình tan biến: do trí thông minh lạnh lùng của cô, thuộc về mình cô, trong như chuông bạc. “Giờ thì...” kiễng chân, hôn lên má tôi “cả hai ta hãy thật là ngoan, và thành thật, và tử tế với nhau, và hãy vui vẻ bên nhau hưởng thụ cuộc sống.”

xxii.

VẬY LÀ ĐÊM ĐÓ TÔI Ở LẠI - chúng tôi gọi thức ăn về, sau đó, rồi quay lại giường. Nhưng dù trên một cấp độ nào đó thật dễ giả vờ như mọi thứ vẫn còn như cũ (bởi vì, xét theo cách nào đó, chẳng phải chúng tôi vẫn giả vờ từ đầu đến cuối hay sao?) thì trên cấp độ khác, tôi thấy muốn ngạt thở dưới sức nặng của mọi điều chưa biết, hay chưa nói ra, đè xuống giữa đôi bên, và về sau khi cô cuộn người nằm bên tôi trong giấc ngủ thì tôi thức trắng, nằm nhìn ra cửa sổ, cảm thấy cô đơn biết mấy. Những quãng lặng trong buổi tối (lỗi của tôi, không phải Kitsey - kể cả trong hoàn cảnh cực điểm thì Kitsey cũng không bao giờ ngừng cái lưỡi của cô) và khoảng cách dường như không cách nào nối liền giữa đôi bên khiến tôi vụt nhớ lại thời mười sáu tuổi, không bao giờ biết nên nói gì hay làm gì khi ở với Julie, người dù tuyệt đối không thể gọi là bạn gái nhưng vẫn là người đầu tiên tôi coi là bạn gái. Chúng tôi đã gặp nhau ngoài cửa hàng rượu mạnh Phố

http://tieulun.hopto.org

Hudson, tôi đứng ngoài cửa, cầm tiền trong tay mong có ai đi vào mua cho tôi một chai gì đó, còn cô thì xuất hiện sau ngã rẽ, bộ áo phồng căng như một con dơi đến từ tương lai rất không hợp với dáng đi lúi xùi và gương mặt gái quê, đơn sơ nhưng dễ chịu của một bà vợ miền thảo nguyên hồi đầu thế kỷ 20. “Này nhóc…” lôi chai rượu của chính mình ra khỏi túi “tiền lẻ của nhóc đây. Không, thật tình, không phải nhắc chuyện đó. Nhóc định đứng đó trong giá rét mà uống à?” Cô hai mươi bảy tuổi, hơn tôi gần mười hai, có bạn trai sắp học xong trường kinh tế ở California - và không có gì nghi ngờ rằng khi anh chàng bạn trai trở lại tôi sẽ không được đến gần hay liên hệ với cô bao giờ nữa. Cả hai đều biết vậy. Cô còn không phải nói ra. Chạy năm tầng cầu thang lên căn hộ độc thân của cô, trong những buổi chiều hiếm hoi (với tôi) được phép tới gặp cô, tôi lúc nào cũng tràn đầy những lời lẽ và cảm xúc quá lớn lao không cách nào kìm được, nhưng mọi điều tôi dự định nói ra lúc nào cũng bốc hơi mất tích ngay khi cô mở cửa, và thay vì trò chuyện với cô dù chỉ hai phút như một người bình thường, tôi sẽ lảng vảng sau lưng cô ba bước câm lặng và tuyệt vọng, tay giấu kỹ trong túi, căm ghét bản thân mình, trong lúc cô lượn chân trần khắp nhà, trông rất mốt, nói chuyện dễ dàng, xin lỗi vì quần áo bẩn trên sàn hay vì quên lấy một thùng bia - tôi có muốn cô chạy xuống nhà không? - đến khi tới một lúc nào đó, tôi sẽ gần như quăng mình vào cô giữa câu nói mà đẩy cô ngã nhào xuống chiếc xô pha giường, đôi khi thô bạo đến mức rơi cả kính. Mọi thứ đều tuyệt vời đến mức tôi nghĩ mình có thể chết ngay bây giờ, nhưng sau đó khi nằm thức tôi những muốn nôn mửa vì trống rỗng, cánh tay cô trắng ngần vắt trên ga giường, đèn đường bật sáng, kinh sợ khi đến tám giờ tối là lúc cô sẽ phải trở dậy mặc đồ chuẩn bị đi làm, ở một quán bar Williamsburg nào đó mà tôi chưa đủ tuổi ghé vào thăm cô. Và thậm chí tôi còn

không yêu Julie nữa. Tôi hâm mộ cô, ám ảnh vì cô, ghen tị với sự tự tin của cô, có phần sợ cô nữa; nhưng tôi không thực sự yêu cô, cũng như cô chẳng yêu tôi. Tôi cũng không biết mình có yêu Kitsey hay không (hay ít nhất thì cũng không như tôi từng ước, mình sẽ yêu cô) nhưng vẫn thật ngạc nhiên là mình lại cảm thấy nản lòng như thế, trong khi đây là một chuyên đã từng trải qua rồi.

xxiii.

MỌI CHUYỆN VỚI KITSEY đã tạm thời làm chuyến thăm của Boris phai nhạt khỏi đầu óc tôi, nhưng một khi đi ngủ, tất cả trở lại như đã rình sẵn trong giấc mộng. Hai lần tôi tỉnh giấc ngồi bật dậy: một lần do cánh cửa bật mở trong ác mộng vào ngăn tủ trữ đồ, trong khi những đàn bà bịt khăn ở bên ngoài đánh nhau giành một chồng quần áo cũ; rồi gà gật ngủ lại, sang một chặng khác của cùng giấc mơ ấy, những kho trữ đồ trở thành những không gian che rèm yếu ớt mở thẳng ra ngoài trời, những bức tường vải phồng căng không đủ dài để chạm xuống cỏ. Đằng sau là một khung cảnh những đồng cỏ xanh và các cô gái mặc váy trắng lướt thướt: một hình ảnh (bí ẩn thay) ngập tràn nỗi khủng khiếp nghi lễ và đậm màu chết chóc khiến tôi choàng dậy thở hổn hển.

Tôi xem đồng hồ: mới bốn giờ sáng. Sau nửa tiếng đồng hồ khổ sở nữa, tôi ngồi lại trên giường trong bóng tối, ngực trần, cảm thấy mình như một tên lưu manh trong một bộ phim Pháp khi đốt thuốc và nhìn ra ngoài Đại lộ Lexington gần như trống rỗng vào giờ ấy: taxi vừa vào ca, hay vừa rời đi, ai biết được. Nhưng giấc mơ phảng phất vẻ tiên tri lại nhất quyết không chịu tan đi, mà lửng lơ trên đầu như một đám mây nọc độc, tim tôi vẫn còn

đập thình thịch vì hiểm họa trên không ấy, cảm giác rộng mở và nguy ngập ấy.

Đáng đem bắn. Tôi đã đủ lo âu vì bức tranh từ hồi còn tin nó đang được gìn giữ an toàn quanh năm (như người ta đã cam đoan như vậy, trong tờ rơi quảng cáo ấy, bằng những ngôn ngữ súc tích chuyên nghiệp) ở điều kiện bảo quản được phê chuẩn 21 độ C và 50% độ ẩm. Một thứ như thế không thể bạ đâu để đó được. Nó không chịu được lạnh hay nóng, hơi nước hay ánh nắng trực tiếp. Nó cần một môi trường điều hòa, như những đóa lan trong cửa hàng hoa. Chỉ cần tưởng tượng nó bị nhét vào sau lò nướng pizza là đủ cho trái tim thờ phụng của tôi đập thình thình một cách, dù không phải, nhưng cũng tương tự như nỗi kinh hoàng đã cảm thấy khi nghĩ người lái xe khách sẽ vứt Popper tội nghiệp xuống xe: giữa cơn mưa, giữa nơi vô định, bên vệ đường.

Vì suy cho cùng: Boris đã giữ bức tranh được bao lâu? Boris? Ngay cả với Horst, tay mê nghệ thuật kỳ cựu, thì cái căn hộ ấy cũng không tạo cho tôi cảm giác anh ta cực kỳ kỹ tính với các chuẩn bảo quản. Hàng đống những tai họa có khả năng xảy ra: bức *Bão biển Galileel*[145] của Rembrandt, bức cảnh biển duy nhất ông vẽ, theo lời đồn thì đã hầu như bị hủy hoại chỉ vì lưu giữ không đúng cách. Tuyệt phẩm *Thư tình*[146] của Vermeer bị một tay bồi khách sạn cắt khỏi khung căng, đã nhăn nhúm và lở lói sau khi bị kẹp giữa hai lớp đệm. *Cảnh nghèo*[147] của Picasso và *Phong cảnh Tahiti*[148] của Gauguin bị thấm nước hỏng sau khi một thằng đần nào đó đem giấu trong nhà vệ sinh công cộng. Trong quá trình mê mải đọc, câu chuyện khiến tôi mất ngủ nhất là bức *Cảnh Giáng sinh với Thánh Francis và Thánh Laivrence*[149] của Caravaggio, bị ăn trộm từ nhà nguyện San Lorenzo và bị rạch khỏi khung cẩu thả đến mức nhà sưu tập thuê trộm đã khóc òa

lên khi nhìn thấy nó và nhất quyết không chịu nhận.

Điện thoại của Kitsey đã vắng bóng khỏi vị trí mọi khi, tôi chợt nhận ra: ổ sạc điện bên bệ cửa sổ, nơi cô luôn chộp lấy vào mỗi sáng. Thỉnh thoảng tôi tỉnh giấc giữa đêm, nhìn thấy ánh sáng xanh mờ trong bóng tối bên phía giường cô, dưới lớp chăn, trong cái ổ kín đáo quây bằng ga giường kín đáo. "À, xem giờ thôi ấy mà," cô nói nếu tôi ngái ngủ quay sang hỏi cố làm gì. Tôi hình dung nó đã bị tắt đi, chìm tận đáy cái túi cá sấu giữa mớ lộn xộn mọi khi của Kitsey, son bóng và danh thiếp và những mẫu nước hoa cùng tiền mặt để lung tung, những tờ hai chục nát nhàu bay ra mỗi lần cô lấy lược. Trong đó, giữa bãi chiến trường thơm phức ấy, Cable sẽ gọi liên hồi trong đêm, để lại hàng mớ lời nhắn và tin thoại để cô đọc được khi thức dậy vào buổi sáng.

Họ nói chuyện gì? Họ có gì để nói với nhau? Thật kỳ là: rất dễ tưởng tượng cuộc trao đổi giữa họ. Huyên thuyên vớ vẩn, cảm giác ranh mãnh và âm mưu. Cable gọi cô những cái tên dớ dẩn trên giường và cù đến lúc cô ré lên.

Dụi tắt thuốc. Không hình dạng, không lý do, không ý nghĩa. Kitsey ghét tôi hút thuốc trong phòng ngủ của cô, nhưng tôi không nghĩ là cô sẽ mở miệng nói gì khi thấy đầu mẩu thuốc nát bét trong hộp nữ trang Limoges trên tủ kéo. Để tìm cách hiểu được thế giới, đôi khi ta chỉ có thể tập trung vào một phần nhỏ của nó, nhìn thật kỹ cái gì sát gần mình coi là đại diện cho toàn thể; nhưng kể từ khi bức tranh biến mất dưới chân mình tôi cảm thấy bị nhấn chìm, bị dụi tắt trong cái mênh mông - không chỉ là cái mênh mông ước đoán được của không thời gian, mà là khoảng cách vô phương rút gọn giữa người với người, giữa những người cách nhau chưa đầy một gang tay, và - cơn nôn nao chóng mặt trồi lên - tôi nghĩ đến mọi nơi mình từng đến, mọi nơi mình chưa

ghé qua, một thế giới đã mất, mênh mông, không cách nào biết được, một mê lộ tồi tàn những thành phố và ngõ ngách, tro tàn bay xa và sự chen chúc thù hằn, những mối dây bị lỡ, những đồ vật mất đi không bao giờ tìm thấy, mà giữa dòng biển hùng mạnh ấy bức tranh của tôi cũng bị cuốn trôi về tít đâu đó ngoài kia: một mảnh linh hồn bé tẻo teo, một vết mờ mờ bập bềnh trên mặt biển đen thẳm.

xxiv.

VÌ KHÔNG NGỦ LẠI ĐƯỢC, tôi đi mà không gọi Kitsey, trong cái giờ lạnh giá tối om khi mặt trời chưa trở dậy, vừa run vừa mặc đồ trong bóng tối; một trong hai ả cùng nhà đã về, đang bật nước tắm và tôi tuyệt đối không muốn đụng phải bất cứ ả nào trên đường ra.

Tới khi tôi xuống tàu F thì trời đã tang tảng sáng. Lê thân về đến nhà trong cái lạnh cắt da - tuyệt vọng, mệt phờ, tự mở cửa ngách vào, lảo đảo lên phòng ngủ, kính mờ bẩn, đầy mùi khói thuốc và làm tình và cà ri và Chanel số 19 của Kitsey, dừng chân chào Popchik vừa lạch bạch qua hành lang đang xoắn xuýt quanh chân tôi với vẻ phấn khích thường lệ, lôi cục cà vạt cuộn tròn trong túi ra treo lên giá đằng sau cửa - máu tôi suýt đông lại khi nghe giọng nói cất lên trong bếp: “Theo? Cậu đấy à?”

Cái đầu tóc đỏ, ló ra từ góc hành lang. Chính là cô, tay cầm cốc cà phê.

“Xin lỗi, tớ làm cậu sợ à? Không định thế.” Tôi đứng chết sững, ngớ người, khi cô chìa tay cho tôi với một âm thanh kiểu như gù gù sung sướng, Popchik đang ư ử và nhảy cỡn khoái chí dưới chân chúng tôi. Cô vẫn còn mặc nguyên bộ đồ đi ngủ, quần

pyjama sọc kẹo hồng và áo thun dài tay dưới cái áo len cũ của Hobie, và vẫn tỏa mùi giường và ga giường xáo lộn: ôi Chúa ơi, tôi nghĩ, nhắm mắt vùi mặt vào vai cô, lòng dậy lên vừa sung sướng vừa sợ hãi, cơn gió lẹ từ Thiên đàng gửi đến, Chúa ơi.

"Gặp cậu vui quá!" Cô đang ở đây. Tóc cô - mắt cô. Móng tay gặm sát như Boris và môi dưới bĩu ra như một đứa bé thích mút tay, cái đầu tóc đỏ xù tung như một bông thược dược. "Cậu khỏe chứ? Tớ nhớ cậu lắm!"

"Tớ..." Toàn bộ quyết tâm trong tôi tan biến tức khắc. "Cậu làm gì *ở* đây thế?"

"Tớ đang trên đường bay đến Montreal!" Tiếng cười gắt của một cô bé nhỏ hơn nhiều, tiếng cười the thé ở sân chơi. "Ghé lại thăm Sam bạn tớ mấy hôm rồi sẽ đi gặp Everett ở California." (Sam nào? tôi nghĩ.) "Nhưng máy bay bị đổi lịch..." cô uống một ngụm cà phê, chìa cho tôi không một lời, *uống không*? *không à*? Lại một ngụm "và tớ bị kẹt *ở* sân bay Newark, và tớ nghĩ, sao lại không nhỉ, tớ sẽ chớp cơ hội này vào thành phố thăm mọi người."

"Ờm. Tốt quá." *Mọi người*. Vậy là có tính cả tôi.

Nghĩ là ghé vào thì cũng tốt, vì đến Giáng sinh tớ không về được đây. Với lại vì mai đã là tiệc của cậu nữa. Cưới rồi đấy! Chúc mừng cậu!" Cô đặt mấy đầu ngón tay lên tay tôi, và khi cô kiễng chân hôn lên má, tôi cảm thấy cái hôn chạy khắp người mình. "Khi nào thì tớ được gặp cô ấy hả? Hobie bảo cô ấy đúng là một tiên nữ. Cậu có háo hức không?"

"Tớ..." Tôi choáng váng đến nỗi đưa tay lên sờ má, nơi môi cô đã chạm vào, nơi tôi vẫn còn cảm thấy sức ép ngời sáng ấy, và rồi sau khi nhận ra trông mình như thế nào vội vã rụt lại. "Có. Cảm ơn cậu."

“Được gặp cậu thật vui. Trông cậu rất tuyệt.”

Có vẻ như cô không nhận ra tôi ngơ ngác, tôi quay cuồng, tôi ngờ nghệch ngốc nghếch thế nào khi vừa thoạt nhìn thấy cô. Hoặc có thể cô có nhận ra, và không muốn làm tôi buồn lòng.

“Hobie đâu rồi?” tôi hỏi. Tôi không hỏi để biết, mà chỉ vì có vẻ thật ngoài sức tưởng tượng là được ở một mình trong nhà với cô, và lại cũng hơi đáng sợ nữa.

“À... ” cô đảo tròn mắt “bác ấy cứ nằng nặc chạy ra hàng bánh. Tớ đã bảo là chẳng cần đâu, nhưng cậu biết bác ấy thế nào mà. Bác ấy thích kiếm cho tớ mấy cái bánh quy việt quất mà mẹ với Welty vẫn hay mua hồi tớ còn bé tí ấy. Không thể tin nổi là họ vẫn còn làm thứ ấy - không phải hôm nào cũng có đâu, bác ấy bảo vậy. Cậu chắc là không muốn uống cà phê chứ?” đi lại phía bếp lò, bước chân chỉ hơi khập khễnh khó nhận thấy.

Thật phi thường - tôi gần như không để lọt tai chữ nào cô nói nữa. Lần nào ở trong cùng một phòng với cô cũng vậy, cô át hết tất cả mọi điều: da cô, mắt cô, cái giọng khàn khàn của cô, mái tóc màu lửa và điệu nghiêng nghiêng đầu khiến đôi lúc trông như thể cô đang khe khẽ ngân nga một mình; và ánh sáng trong bếp hòa lẫn vào ánh sáng từ cô, vào sắc màu, sự tươi mát và vẻ đẹp.

“Tớ có vài đĩa CD ghi cho cậu đấy!” Quay lại nhìn tôi qua vai. “Giá mà tớ mang đi. Không biết sẽ đi qua đây. Tớ sẽ nhớ bỏ bưu điện khi nào về nhà.”

“Tớ cũng có đĩa cho cậu.” Có cả một chồng to tướng trong phòng tôi, những thứ tôi mua chỉ vì chúng khiến tôi nhớ đến cô, nhiều đến mức tôi thấy nếu gửi đi sẽ kỳ lắm. “Sách nữa.” *Nữ trang nữa*, tôi không nói nốt. *Khăn nữa*, *áp phích*, *nước hoa*, *đĩa than*, *bộ trò chơi làm diều*, *một ngôi chùa đổ chơi nữa*. Một chiếc vòng topaz

thế kỷ 18. Một cuốn *Ozma xứ Oz*[150] ấn bản đầu tiên. Mua những thứ đó chủ yếu là một cách nghĩ về cô, một cách ở bên cô. Một số tôi đem cho Kitsey, nhưng dù sao cũng không có cách nào mang ra khỏi phòng mớ đồ hàng đại tướng đã thực sự mua cho cô qua nhiều năm, vì trông sẽ rất xuẩn ngốc.

"Sách à? Ồ, thế thì tốt quá. Tớ đọc xong sách mang theo trên máy bay rồi, cần thứ gì đó khác. Chúng mình có thể đổi cho nhau."

"Tất nhiên rồi." Chân trần. Tai hồng ửng. Da trắng như ngọc trai ở mé cổ áo thun khoét tròn.

"*Những vành đai sao Thổ*. Everett bảo có thể cậu thích. Nhân thể, anh ấy gửi lời chào."

"Ờ phải, chào." Tôi ghét cô cứ giả bộ như thế, như là Everett với tôi là bạn. "Tớ đang, ờ..."

"Sao?"

"Thực ra là..." Tay tôi run lên, tuy thậm chí còn chưa uống rượu. Tôi chỉ hy vọng cô không để ý. "Thực ra là tớ định chạy vào phòng một tí đã, nhé?"

Cô có vẻ giật mình, chạm đầu ngón tay lên trán: *tớ ngốc quá*. "Ờ phải, xin lỗi nhé! Tớ ở đây chờ."

Tôi không thở lại nổi đến khi đã vào trong phòng đóng chặt cửa. Bộ vét của tôi thì ổn, sau ngày hôm qua, nhưng tóc rất bẩn và tôi phải tắm qua. Có nên cạo râu không? Thay áo sơ mi không? Mà cô có để ý không? Có thấy kỳ cục là tôi phải chạy vào nhà tìm cách rửa ráy để xuất hiện trước mặt cô? Tôi có cách nào chạy vào nhà tắm đánh răng mà cô không để ý? Nhưng rồi thình lình tôi lại cuống lên vì nỗi lo ngược lại, rằng tôi đang ngồi trong phòng

đóng chặt cửa, phí hoài những giây phút quý giá ở gần cô.

Tôi lại đứng dậy mở cửa. “Này,” tôi hét vọng qua hành lang.

Đầu cô lại ló ra. “Gì?”

“Tối nay đi xem phim với tớ không?”

Hẵng một nhịp ngạc nhiên. “Được thôi. Phim gì thế?”

“Phim tài liệu về Glenn Gould. Đang thèm xem muốn chết.” Thực tế là tôi đã xem rồi, đã ngồi trong rạp từ đầu đến cuối mà giả bộ là cô đang ở cạnh tôi: tưởng tượng phản ứng của cô ở phần này phần khác, tưởng tượng cuộc đối thoại tuyệt vời giữa chúng tôi sau khi xem xong.

“Nghe có vẻ hay quá nhỉ. Mấy giờ thế?”

“Quãng bảy gì đấy. Để tớ xem lại.”

XXV.

SUỐT CẢ NGÀY tôi như phách lạc hồn xiêu vì phấn hứng khi nghĩ về buổi tối đang chờ. Xuống nhà, trong cửa hiệu (quá bận rộn với các khách hàng dịp Giáng sinh nên không thể dành trọn vẹn suy nghĩ cho kế hoạch), tôi tính xem nên mặc gì (cái gì thân tình thôi, không mặc vét, không phải thứ nào tỉ mỉ quá) và nên đưa cô đi ăn ở đâu - không hào nhoáng quá, không khiến cô để phòng hay có vẻ quá giữ ý về phần tôi nhưng vẫn thật là đặc biệt, đặc biệt và đáng yêu và đù yên tĩnh để chúng tôi trò chuyên mà lại không quá xa rạp Film Forum - hơn nữa, cô đã rời thành phố khá lâu rồi, chắc sẽ thích đến một nơi nào mới (“À, cái góc này hả? Ừ, tuyệt lắm, rất vui là cậu thích nó, một phát hiện thật sự đấy”) nhưng ngoài tất cả những chuyện đó (và *yên tĩnh* là cái chính, hơn cả đồ ăn hay vị trí, tôi không muốn đến nơi nào phải

hét lên mới nghe thấy nhau) thì đây cũng phải là nơi có thể đên không cần đặt trước - và lại nữa, còn vụ ăn chay của cô. Một nơi đáng yêu. Không được quá đắt đỏ để gây cảnh giác. Không thể tỏ vẻ như tôi đã bỏ ra quá nhiều cố gắng: phải toát lên vẻ tùy tiện, không chuẩn bị. Làm sao cô lại sống được với thằng Everett ngu ngơ kia? Với quần áo xấu và bộ răng thỏ và cặp mắt lúc nào cũng nhớn nhác? Với cái vẻ như khái niệm của hắn về "một buổi tối vui vẻ" là gạo đỏ ăn với rong biển mua ở quầy tận cùng cửa hàng thực dưỡng?

Cứ thế cả ngày nhích đi, rồi đã đến sáu giờ, và Hobie đã về nhà sau một ngày đi dạo với Pippa, và ông đang thò đầu vào hiệu.

"Thế đấy!" ông nói sau một quãng ngừng, bằng cái giọng vui vẻ nhưng thận trọng khiến tôi (cảnh giác) nhớ lại cái giọng mẹ vẫn dùng mỗi lần về đến nhà thấy bố đang xăng xái, trên đà một cơn hưng phấn. Hobie biết tình cảm của tôi dành cho Pippa - tôi chưa bao giờ kể với ông, chưa bao giờ hé răng một chữ, nhưng ông biết, và kể cả nếu không biết, thì việc đó cũng sờ sờ (với ông cũng như với bất kỳ người qua đường nào ngó vào) rằng tôi gần như tóe lửa trên đầu vì cô. "Tình hình thế nào?"

"Vui lắm! Bác hôm nay thế nào?"

"Ôi, tuyệt vời!" nhẹ mình. "Bác cũng lấy được bàn ở Quảng trường Thống nhất ăn trưa, hai bác cháu ngồi ở quầy bar, giá mà cháu cũng đi cùng. Rồi cả hai đi sang nhà Moira, và ba người cùng đi bộ tới Hội châu Á, và bây giờ nó đang đi mua sắm chút ít cho Giáng sinh. Nó bảo cháu, ờ, cháu có hẹn với nó tối nay hả?" Bình thường, nhưng có chút âu lo của bậc phụ huynh không biết đứa con mới lớn bất trị có thật an toàn khi lấy ô tô đi không. "Film Forum à?"

"Vâng," tôi ấp úng nói. Tôi không muốn ông biết mình định

đưa cô đi xem phim Glenn Gould, bởi ông biết tôi đã xem rồi.

"Nó bảo hai đứa đi xem phim Glenn Gould à?"

"À, vâng, cháu đang muốn xem lại quá. Đừng bảo cô ấy là cháu xem rồi nhé," tôi buột miệng, rồi thì "Hay là bác đã, ờ...?"

"Không, không..." vội vã, tỉnh lại "bác không nói đâu."

"À, ờ..."

Hobie xoa mũi. "Ờ, nghe này, bác biết là phim ấy chắc hay lắm. Bác cũng đang rất muốn xem. Tất nhiên không phải hôm nay," ông vội chêm vào. "Lúc nào đó."

"Ôi..." cố hết sức làm bộ thất vọng, nhưng diễn hỏng.

"Dù sao thì. Có muốn bác trông giúp cửa hiệu một lúc không? Nếu cháu muốn lên lầu tắm rửa sửa sang một chút? Cháu phải rời khỏi đây muộn nhất là sáu rưỡi nếu muốn đi bộ qua đằng đó, cháu biết mà."

xxvi.

TRÊN ĐƯỜNG ĐI, tôi không thể không mỉm cười và ư ử hát. Và khi rẽ qua góc đường thấy cô đang đứng trước nơi chiếu phim, tôi căng thẳng đến mức phải đứng lại trấn tĩnh một lúc rồi mới chạy ùa tới chào cô, giúp cô mang túi (cô nặng tay những món hàng mua được, liến thoắng kể về các việc trong ngày), hạnh phúc tuyệt vời, tuyệt đối được đứng trong hàng bên cô, sát bên nhau vì trời lạnh, và rồi vào trong, thảm đỏ và cả buổi tối trải dài trước mắt, cô vỗ hai tay đi găng vào nhau: "à, cậu ăn bắp rang bơ không?" "Có chứ!" (tôi chạy vụt tới quầy) "Ở đây bắp ngon lắm..." và rồi, bên nhau đi vào rạp chiếu, tôi bâng quơ chạm vào lưng cô, lưng áo nhung mềm, áo khoác nâu hoàn hảo, mũ xanh hoàn hảo,

cái đầu tóc đỏ nhỏ xinh hoàn hảo, hoàn mỹ "đây này - cạnh lối đi hả? cậu thích ngồi cạnh lối đi không?" chúng tôi đã đi xem phim nhiều lần (năm lần) đủ để tôi chú ý ghi nhớ xem cô thích ngồi đâu, vả lại, tôi đã biết khá rõ sau hàng năm trời len lén dò hỏi Hobie tất cả những gì dám hỏi về sở thích của cô, những điều cô thích hay ghét, thói quen của cô, lồng câu hỏi vào điềm nhiên, mỗi lúc một câu, suốt gần một thập niên, cô có thích cái này, có thích cái kia; và giờ cô ngay cạnh, xoay sang cười với tôi, với tôi! và trong rạp có quá nhiều người vì đang là suất chiếu bảy giờ, quá nhiều khiến tôi bức bối từ chứng lo âu nói chung và nỗi ghét những nơi đông đúc, và thêm nhiều người nữa lục tục đi vào cả sau khi phim đã bắt đầu nhưng tôi chẳng quan tâm, đây có là một hố tránh bom giữa trận Somme dưới làn mưa đạn của quân Đức cũng mặc, vì tất cả những gì quan trọng là cô ở bên tôi trong bóng tối, tay cô sát cạnh tay tôi. Và tiếng nhạc! Glenn Gould ngồi trước dương cầm, tóc xổ tung, toàn thân sôi sục, đầu ngả ra sau, phái sứ từ vương quốc các thiên thần, mê đắm và hóa thân vào cái trác việt! Tôi cứ chốc chốc lại liếc sang phía cô, không đừng được; nhưng cũng phải nửa tiếng sau khi phim bắt đầu tôi mới đủ gan quay sang nhìn thẳng vào cô - khuôn mặt trông nghiêng tắm trong luồng sáng trắng từ màn chiếu - và nhận ra, trong nỗi kinh hoàng, rằng cô không thích bộ phim. Cô thấy chán. Không phải: cô thấy buồn bực.

Từ đó đến hết phim tôi ngồi khổ sở, gần như không xem được gì. Hay đúng hơn, tôi đang xem bộ phim và thấy một thứ hoàn toàn khác: không phải vị thần đồng say sưa, không phải nhà thần bí, nhà ẩn sĩ, kiên cường rời sân khấu trên đỉnh cao danh vọng để về ẩn dật trong miền tuyết phủ Canada - mà là gã bệnh tưởng, gã trốn đời, gã cô độc. Gã hoang tưởng bị hại. Gã cắn thuốc viên. Không: gã nghiện ma túy. Gã bị bệnh cuồng: lúc nào cũng đeo

găng do mắc chứng sợ vi khuẩn, cả năm quấn lút khăn, cà giật và khốn khổ vì chứng ám ảnh. Gã khùng gù lưng sống về đêm, không biết cách thực hành ngay cả những mối quan hệ cơ bản với con người đến nỗi (trong một đoạn phỏng vấn mà tôi chợt thấy như tra tấn) từng hỏi một kỹ thuật viên ghi hình có thể cùng mình đến luật sư để được công nhận là anh em trước pháp luật hay không - gần giống một phiên bản bi kịch kiểu thiên tài về già của Tom Cable và tôi áp ngón cái cứa đứt vào nhau trên sân vườn đen đặc sau nhà hắn, hoặc - lạ lùng hơn nữa - Boris tóm lấy tay tôi, những khớp khuỷu tay lõa máu vì vừa đấm nó trên sân chơi, ấp lên cái miệng đầm đìa máu của chính mình.

xxvii.

"PHIM LÀM CẬU BỰC MÌNH," tôi buột ra khi chúng tôi ra khỏi rạp. "Tớ xin lỗi."

Cô liếc nhìn tôi, như ngạc nhiên vì tôi lại nhận ra. Chúng tôi đã thoát ra trở vào một thế giới ánh sáng trong mơ thoảng sắc xanh - tuyết đầu mùa, đọng cả mười phân trên mặt đất.

"Lẽ ra mình có thể về sớm nếu cậu muốn."

Đáp lại, cô chỉ lắc đầu có vẻ hơi ngơ ngác. Tuyết xoay tròn rơi xuống như ma thuật, như ý tưởng tinh thuần về phương Bắc, về phương Bắc tinh thuần trong bộ phim.

"Ờ, không," cô ngập ngừng nói. "Ý tớ là, không phải tớ không *thích* nó..."

Bì bạch đi trên phố. Cả hai chúng tôi đều không có giày đi tuyết. Tiếng lép bép dưới chân rất to và tôi lắng nghe, chăm chú, đợi cô nói tiếp, sẵn sàng tóm ngay lấy khuỷu tay nếu cô trượt chân, nhưng khi quay lại nhìn tôi cô chỉ nói: "Ôi trời ơi. Chúng

mình sẽ chẳng bao giờ gọi xe được, phải không?"

Trí óc chạy phi mã. Còn ăn tối thì sao? Làm sao bây giờ? Cô muốn về nhà ư? Chết tiệt! "Không xa quá đâu."

"Ôi, tớ biết, nhưng mà... ồ, có xe rồi!" Cô kêu lên - và tim tôi chùng xuống tới khi nhìn thấy, may thay, đã có người khác vẫy trước.

"Này," tôi nói. Chúng tôi đã gần đến Phố Bedford - ánh sáng, quán cà phê. "Cậu có muốn thử rẽ vào kia không?"

"Để gọi xe ấy à?"

"Không, để kiếm chút gì ăn." (Cô có đói không? Lạy Chúa: hay cho cô đói.) "Hay ít nhất là tí gì uống."

xxviii.

VÌ CỚ NÀO ĐÓ - gần như vì sự sắp đặt của các thần - quán rượu trống nửa mà chúng tôi rẽ bừa vào lại ấm áp, vàng ươm, thắp nến, và hay hơn, hơn rất nhiều bất cứ cái nào trong những nhà hàng tôi đã dự tính.

Bàn bé tẹo. Đầu gối tôi sát đầu gối cô -cô có nhận ra không? Cô nhận ra rõ như tôi không? Lửa nến nở bừng trên mặt cô, ánh sáng dát màu kim lên tóc cô, tóc sáng ngời trông như chực bùng lửa. Mọi thứ đều cháy bùng, mọi thứ đều tuyệt diệu. Nhạc chơi Bob Dylan ngày xưa, quá thích hợp cho những phố trong Làng Greenwich hẹp gần ngày Giáng sinh khi tuyết đang rơi xuống thành vòng xoáy, những bông tuyết lớn nhẹ như tơ, thứ mùa đông khiến người ta những muốn dạo trên đường thành phố với một cô gái trong vòng tay như trên những bìa đĩa hát cũ - bởi Pippa chính là cô gái ấy, không phải người xinh nhất, nhưng là cô

gái không điểm trang, nhan sắc có phần xoàng xĩnh mà anh đã chọn làm người đem lại cho mình hạnh phúc, và thực tế bức tranh ấy chính là lý tưởng về hạnh phúc theo cách riêng, nếp gù trên vai anh và nụ cười có phần ngượng nghịu trên môi cô, cái khung cảnh rộng mở như thể họ có thể rẽ về bất kỳ hướng nào họ muốn, bên nhau, và - cô đang trước mặt! Chính cô! Cô đang nói về mình, ấm áp và thân thuộc, hỏi tôi về Hobie cùng cửa hiệu và tinh thần tôi và dạo này tôi đọc gì hay nghe gì, hàng lô hàng lốc câu hỏi nhưng có vẻ còn nóng lòng muốn hé mở đời cô cho tôi nữa, căn hộ lạnh giá vì sưởi rất tốn tiền, ánh sáng buồn rũ và mùi ẩm mốc khó chịu, quần áo rẻ tiền mua ở trung tâm và bao nhiêu cửa hàng Mỹ ở London đến nỗi không khác gì một trung tâm thương mại, và cậu đang dùng thuốc gì còn mình đang dùng thuốc gì (cả hai chúng tôi đều mắc trầm cảm hậu sang chấn, một chứng bệnh mang những tên gọi khác ở châu Âu, có vẻ vậy, và nếu không cẩn thận có thể bị đưa đến một bệnh viện dành cho các cựu chiến binh); mảnh vườn bé tẹo của cô, chăm chung với nửa tá người, và mụ người Anh khùng đã thả vào đó một lũ rùa đau yếu mang lậu từ miền Nam nước Pháp về (“chúng nó chết hết, vì lạnh và suy dinh dưỡng - thật độc ác - mụ ta không cho ăn đàng hoàng, vụn bánh mì, cậu tưởng tượng xem, tớ mua thức ăn cho rùa ở cửa hàng thú cảnh không cho mụ biết”) và cô thèm có một con chó biết mấy, nhưng tất nhiên ở London khó vì có luật cách ly giống như ở Thụy Sĩ ấy, sao cô toàn đến sống ở những nơi không ưa chó thế nhỉ? Và ôi, trông tôi khá khẩm hơn cô từng biết từ hàng năm nay rồi, cô nhớ tôi, nhớ tôi kinh khủng đi được, thật là một buổi tối tuyệt vời - chúng tôi đã ở đây mấy giờ rồi, cười đau bụng vì những chuyện nhỏ nhít nhưng cũng rất nghiêm nghị, rất nghiêm trọng, cô vừa cởi mở vừa chăm chú (đây là một điểm đặc biệt khác của cô; cô biết nghe, khả năng chú ý của cô thật phi

thường - tôi chưa bao giờ có cảm giác rằng có ai nghe tôi kỹ bằng nửa cô; trước mặt cô tôi cảm thấy như một người khác, một người tốt hơn, có thể nói với cô những chuyện không nói được với ai khác, càng không phải là Kitsey, người chuyên có lối rất rối rít châm xẹp lép những nhận định nghiêm túc bằng cách đùa, hay đổi chủ đề, hay ngắt lời, hay thỉnh thoảng vờ như không nghe thấy), và ở bên cô thật là sung sướng, tôi yêu cô từng giây từng phút, bằng cả trái tim lý trí tâm hồn và tất cả, và đêm đang về khuya và tôi mong nơi này đừng bao giờ đóng cửa, đừng bao giờ.

“Không không,” Cô đang nói, đưa ngón tay miết trên vành ly vang - hình dáng bàn tay cô khiến tôi cảm động không tả xiết, chiếc nhẫn của Welty trên ngón trỏ của cô, tôi có thể ngồi ngắm tay cô dầu không thể ngắm gương mặt cô mà không làm cô phát hãi. “Tớ thích phim ấy, thật đấy. Cả nhạc nữa…- cô cười, và tiếng cười trong tai tôi mang toàn bộ niềm vui của khúc nhạc đằng sau nó. “Khiến tớ muốn nín thở. Welty từng xem ông ấy chơi một lần, ở Carnegie. Một trong những đêm đáng nhớ nhất đời mình, bác ấy bảo thế. Chỉ là.

“Sao?” Hương rượu từ phía cô. Vết đỏ trên miệng. Đây là một trong những đêm đáng nhớ nhất đời tôi.

“À…” cô lắc đầu “mấy cảnh hòa nhạc ấy. Khung cảnh những phòng hòa nhạc ấy. Bởi vì, cậu biết đấy…” xoa cánh tay “cái đấy rất rất khó. Tập mãi, tập mãi, tập mãi - sáu tiếng một ngày - tay tớ đau nhức chỉ vì cầm cây tiêu - và, hừm, tớ chắc cậu cũng phải nghe kha khá rồi, cái trò suy nghĩ tích cực mà các giáo viên với bác sĩ vật lý trị liệu cứ ca mãi ấy - ‘ôi em làm được mà!’ ‘mọi người tin vào em!’ - rồi thì cậu cắn câu rồi luyện tập chăm rồi chăm hơn nữa rồi căm ghét mình vì luyện tập chưa đủ chăm, rồi nghĩ là lỗi

của mình vì không khá hơn được rồi luyện tập còn chăm hơn nữa và rồi... ờm."

Tôi im lặng. Tôi đã biết hết chuyện này nhờ Hobie, ông từng kể khá kỹ và vô cùng phiền não. Xem ra bác Margaret đã tính đúng hoàn toàn khi gửi cô đến cái trường rồ ở Thụy Sĩ có cả mớ bác sĩ và khóa trị liệu. Dù theo mọi tiêu chuẩn thông thường thì cô đã hồi phục hoàn toàn sau tai nạn, nhưng vẫn còn một chút thương tổn thần kinh, chỉ đủ để gây áp lực khi căng thẳng, một chút tổn hại nhẹ với kỹ năng vận động đòi hỏi sự chuẩn xác. Rất khó thấy, nhưng có thật. Với hầu hết mọi nghề nghiệp hay thú chơi nào khác - ca sĩ, làm gốm, trông sở thú, bác sĩ gì cũng được chỉ cần không phẫu thuật - nó sẽ chẳng ảnh hưởng gì. Nhưng với cô thì nó ảnh hưởng.

"Và, tớ cũng không biết nữa, ở nhà tớ nghe nhạc rất nhiều, đi ngủ cũng nghe iPod, nhưng... lần cuối cùng tớ đi nghe hòa nhạc là bao giờ?" Cô buồn rầu nói.

Ngủ cũng nghe iPod? Thế nghĩa là cô với thằng cha tên tuổi kỳ cục kia không nằm với nhau? "Thế sao cậu không đi nghe nhạc?" Tôi hỏi, cất tạm thông tin này để dùng sau. "Khán giả làm cậu khó chịu à? Sợ đám đông à?"

"Tớ biết ngay là cậu hiểu mà."

"Ờ, tớ tin là cậu đã được nghe khuyến cái này, vì chắc chắn là tớ thì đã có..."

"Cái gì?" Sao nụ cười buồn dường này lại có thể đáng yêu nhường ấy? Có cách nào giải thích đậy? "Xanax? Thuốc ức chế beta? Thôi miên?"

"Tất cả đám đó."

"À - nếu chỉ là một cơn hoảng sợ cấp tính, thì chắc được.

Nhưng không phải thế. Nuối tiếc. Đau khổ. Ghen tị - cái đó là tệ nhất. Ý tớ là - một con bé tên Beta - tên thật ngớ ngẩn phải không? Beta? Chơi rất xoàng, tớ không muốn tỏ ra kiêu đâu, nhưng hồi nhỏ nó còn không đuổi kịp cả ban nữa, và giờ thì nó ở trong Dàn giao hưởng Cleveland rồi và tớ buồn bực quá mức về chuyện đó nhưng lại không thể kể với những người quen bình thường. Nhưng chẳng có loại thuốc nào trị được thứ đó cả, phải không?"

"Ờ..." thực ra là có, và Jerome ở trên đằng Adam Clayton Powell đang hái ra tiền nhờ thứ đó.

"Dàn nhạc - khán giả - tất cả kích thích điều gì đấy - tớ về nhà, thấy ghét tất cả mọi người, nói chuyện với mình, cãi cọ với mình bằng các giọng khác nhau, tớ ngơ ngẩn hàng tuần liền. Và... ờ, thành thực với cậu, đi dạy ấy, tớ đã thử rồi, nhưng không hợp với tớ." Pippa thì không phải đi làm, nhờ có tiền của bác Margaret và bác Welty (Everett cũng không đi làm, cùng lý do ấy - cái trò "thủ thư âm nhạc", tôi đã dần đoán ra, mặc dù ban đầu kể ra như là một lựa chọn nghề nghiệp khác thường, nhưng thực ra là một thứ thực tập không công thì đúng hơn, còn tiền nong Pippa trả hết). "Bọn vị thành niên - trời, tớ không muốn than về cái cảm giác tra tấn ấy đâu, khi phải nhìn chúng nó đi nhạc viện hay Mexico City mỗi mùa hè chơi trong dàn nhạc. Còn bọn trẻ nhóc hơn thì không tha thiết. Tớ ghét chúng nó chỉ vì chúng nó là trẻ con. Trước mắt tớ, cứ như là chúng nó đang coi thường quá ấy - chúng nó phí phạm những gì mình có."

"Ừ, dạy học là một nghề khốn nạn. Nếu là tớ cũng chẳng muốn làm."

"Ừ nhưng..." một hớp rượu "nếu tớ không chơi được thì còn gì nữa đâu? Vì là - tớ vẫn ở gần âm nhạc, kiểu đó, vì có Everett, và tớ

vẫn đến trường, vẫn học thêm - nhưng thành thật là tớ chẳng thích London lắm, ở đó vừa tối vừa lắm mưa và tớ chẳng có mấy bạn bè, trong căn hộ đôi khi đêm đêm tớ còn nghe có tiếng ai đó khóc, cứ nức nở rất đáng thương ở nhà sát bên cạnh, còn tớ... tớ thấy là cậu đã tìm ra việc gì đó cậu thích làm, và tớ thật mừng, vì đôi khi tớ thực sự không hiểu mình đang làm gì với đời mình nữa."

"Tớ..." Tuyệt vọng, tôi cố nghĩ xem nói gì mới là đúng. "Về nhà đi."

"Nhà? Ý cậu là về đây á?"

"Tất nhiên."

"Còn Everett thì sao?"

Tôi không biết đáp lại thế nào.

Cô trách móc nhìn tôi. "Cậu quả là chẳng ưa anh ấy phải không?"

"Ừm..." Nói dối làm gì? "Không."

"À... nếu biết rõ anh ấy hơn, cậu sẽ ưa thôi. Anh ấy tốt lắm. Rất thư thái và lành tính - rất ổn định."

Tôi cũng chẳng biết đáp lại thế nào. Tôi thì hoàn toàn đối ngược với tất cả những cái đó.

"Và nữa, London - ý tớ là, tớ từng *nghĩ* đến chuyện về New York rồi..."

"Thật à?"

"Tất nhiên. Tớ nhớ Hobie. Nhớ lắm. Bác ấy vẫn đùa là có thể thuê cho tớ một căn hộ ở đây chỉ bằng số tiền gọi điện thoại - tất nhiên bác ấy vẫn còn sống trong cái thời mà gọi điện đường dài đi

London mất tới năm đô một phút gì đó. Hầu như mỗi lần gọi điện bác đều tìm cách dụ tôi về đây... à cậu biết Hobie mà, bác ấy chẳng nói thẳng ra đâu, nhưng ám chỉ này khác, suốt ngày kể với tớ về các cơ hội việc làm, chỗ trống ở Columbia các kiểu..."

"Thế à?"

"À - về mặt nào đó tớ không thể mường tượng nổi sao mình lại sống xa như thế. Weity là người đưa tớ đi học nhạc hay đi xem hát, nhưng Hobie mới là người luôn ở nhà, cậu hiểu không, lên tầng làm cho tớ bữa ăn nhẹ khi đi học về, giúp tớ trồng cúc vạn thọ cho lớp Sinh vật. Đến tận bây giờ - khi tớ bị cảm nặng? Khi tớ không nhớ ra phải nấu ác ti sô như thế nào, hay là cạy sáp nến trên khăn trải bàn? Tớ sẽ gọi cho ai? Bác ấy. Nhưng..." có phải tôi tưởng tượng không, có phải rượu đã làm cô hơi kích động không? "nói thật với cậu nhé? Lý do tớ không về nữa? Ở London..." có phải cô sắp khóc không? "Không phải ai tớ cũng nói đâu, nhưng ở London ít nhất không phải *giây nào* tớ cũng nghĩ về nó. 'Đây là đường mình đi về nhà ngày hôm trước đó.' 'Đây là nơi Welty và Hobie và mình đã ăn tối lần áp chót cùng nhau.' ít ra ở đó tớ cũng không nghĩ quá nhiều: đến đây mình có nên rẽ trái không? Hay, rẽ phải? Toàn bộ cuộc đời tớ phụ thuộc vào việc lên tàu F hay tàu số 6. Những dự cảm kinh khủng. Mọi thứ đều hóa đá. Khi quay lại đây tớ lại hóa thành mười ba tuổi - và tớ không có ý nói theo nghĩa hay đâu. Mọi thứ đều đứng lại ngày hôm đó, thật sự, cả tớ cũng dừng không lớn nữa. Vì cậu biết sao không? Tớ không cao lên được lấy một phân sau chuyện đó, không một phân."

"Chiều cao của cậu là hoàn hảo rồi."

"Mà, chuyện đó cũng khá phổ biến," Cô bỏ qua lời khen vụng về của tôi. "Trẻ em bị thương hoặc bị sang chấn - rất thường không đạt đến chiều cao trọn vẹn." Cô chuyển qua chuyển lại cái

giọng bác sĩ Camenzind mà không tự biết - dù chưa bao giờ gặp bác sĩ Camenzind nhưng tôi có thể cảm thấy khi nào ông ta choán chỗ, như một cơ chế cách ly lạnh lùng. “Các nguồn lực bị phân tán. Hệ tăng trưởng ngưng hoạt. Có một cô bé ở trường tớ - công chúa Ả rập Xê út, bị bắt cóc hồi mười hai tuổi? Mấy kẻ bắt cóc bị chặt đầu rồi. Nhưng... tớ gặp cô ta hồi cô ta mười chín, dễ thương lắm, nhưng bé tí tẹo, chỉ khoảng mét rưỡi gì đó, cô ấy hoảng sợ đến nỗi không cao thêm được một phân nào sau ngày bị đám kia bắt.”

“Hử. Cái cô gái bị nhốt dưới lòng đất đấy á? Học cùng trường với cậu à?”

“Mont-Haefeli kỳ lắm. Có những đứa bị bắn trên đường chạy trốn khỏi phủ tổng thống, lại có những đứa bị đưa đến đó vì bố mẹ muốn chúng nó giảm cân hay luyện tập để đăng ký thi Thế vận hội mùa đông.”

Cô nhận lấy bàn tay tôi trong hai tay cô, không nói lời nào - vẫn trùm kín người, cô không chịu đưa áo cho người giữ cửa. Áo dài tay giữa mùa hè - lúc nào cũng quấn cả tá khăn, như một thứ côn trùng trong kén, bọc hàng lớp - những lớp bảo vệ cho một cô gái đã bị vỡ tan, rồi khâu lại, dán lại với nhau. Làm sao tôi lại mù lòa thế? Cái phim khiến cô buồn bực cũng đâu có gì lạ: Glenn Gould suốt cả năm sùm sụp áo choàng to nặng, những lọ thuốc viên ngày càng nhiều, những sân hòa nhạc bỏ vắng, tuyết rơi mỗi năm một dày thêm quanh ông.

“Vì - ý tớ là, tớ từng nghe cậu nói chuyện, tớ biết là cậu cũng bị ám ảnh như thế. Nhưng cả tớ cũng nghĩ đi nghĩ lại.” Cô phục vụ đã lặng lẽ rót thêm rượu cho cô, đầy đến tận mép cốc không cần Pippa yêu cầu, mà dường như cô cũng chẳng hề hay biết: *cảm ơn cô gái*, tôi nghĩ, *cầu Chúa ban phước cho cô, tôi sẽ để lại tiền boa đủ*

khiến cô ngập túi. “Giá mà tớ đã đăng ký diễn thử vào thứ Ba, hay là thứ Năm. Giá mà tớ đã đồng ý cùng Welty đi bảo tàng hôm bác muốn... bác ấy đã kèo nài tớ đi xem triển lãm ấy từ mấy tuần rồi, nhất quyết muốn tớ xem trước khi nó kết thúc... Nhưng lúc nào tớ cũng có việc khác đáng làm hơn. Đáng làm hơn, như là xem tivi với bạn thân Lee Ann của tớ, chẳng hạn. Cái kẻ đã mất tích luôn sau vụ tai nạn của tớ - không bao giờ gặp nó lần nữa sau cái buổi chiều xem bộ phim Pixar ngu ngốc ấy. Cả một lô một lốc những dấu hiệu tí xíu mà tớ đã bỏ qua, hay không hoàn toàn nhận ra - mọi thứ đã có thể khác hẳn nếu chỉ cần tớ chú ý - như là, Welty đã *nằng nặc* đòi tớ đi xem trước đấy, phải đến cả tá lần, cứ như là bác ấy cảm nhận được ấy, sẽ có việc gì không hay xảy ra, bác cháu tớ ở đó hôm ấy hoàn toàn là lỗi của tớ... ”

“Ít nhất thì cũng không phải do cậu bị đuổi khỏi trường.”

“Cậu bị đuổi à?”

“Bị đình chỉ học. Thế là tệ lắm rồi.”

“Nghĩ lại thật kỳ - nếu chuyện đó không xảy ra. Nếu cả hai chúng mình đều không ở đó ngày hôm ấy. Có thể chúng mình còn không quen nhau. Cậu nghĩ nếu vậy bây giờ cậu đang làm gì?”

“Tớ không biết,” tôi hơi giật mình đáp. “Tớ chịu không nghĩ được.” “Ừ, nhưng cũng phải hình dung láng máng chứ.”

“Tớ có phải như cậu đâu. Không có tài năng nào hết.”

“Thế cậu giải trí bằng gì?”

Cũng chẳng có gì lạ. Những thứ bình thường thôi. Chơi máy tính, đọc sách giả tưởng. Khi người khác hỏi tớ muốn làm nghề gì thì tớ toàn khua môi múa mép, bảo là tớ muốn đi săn người máy

như trong *Tội phạm người máy*[151]

"Ôi trời, tớ thật đến ám ảnh với cái phim ấy. Tớ cứ nghĩ mãi về cháu gái của Tyrell."

"Cậu nói vậy là sao?"

"Cái cảnh cô ấy nhìn mấy cái ảnh xếp trên đàn dương cầm ấy. Lúc cô ấy cố đoán xem ký ức của mình là của mình hay của cháu gái Tyrell. Tớ cũng quay lại quá khứ, chỉ có điều là để tìm các dấu hiệu, cậu hiểu không? Những thứ lẽ ra tớ phải bắt lấy, nhưng để lỡ mất?"

"Thế này, cậu nói đúng đấy, tớ cũng nghĩ vậy, nhưng mà - điềm triệu, dấu hiệu với những dự báo một phần kiểu thế, không có cách hợp lý nào có thể khiến cậu..." tại làm sao mà ở bên cô tôi không thốt ra nổi lấy một câu trọn vẹn? "... thôi thì tớ cứ hỏi là cậu có biết câu đó điên khùng thế nào không? Nhất là khi nghe người khác nói? Đi trách cứ chính mình vì không dự đoán được tương lai?"

"À... có thể, nhưng bác sĩ Camenzind bảo con người ai cũng vậy. Tai nạn hay thảm họa - khoảng ba phần tư các nạn nhân thảm họa đều tin chắc rằng có những dấu hiệu báo trước mà họ đã gạt đi và không hiểu đúng, và ở độ tuổi dưới mười tám tỷ lệ còn cao hơn nữa. Nhưng điều đó cũng không có nghĩa là không có các dấu hiệu ấy, phải không?"

"Tớ không nghĩ là như vậy đâu. Từ tương lai nhìn lại, thì đúng vậy. Nhưng tớ nghĩ đúng hơn là như một cột số liệu, mình tính nhẩm hai số lúc bắt đầu khiến cả tổng số bị sai luôn, Nếu lần ngược lại, thì mình có thể thấy chỗ sai - là chỗ đáng ra phải dẫn đến kết quả khác."

"Ừ, nhưng vậy cũng đáng ghét không kém, phải không? Nhìn

thấy chỗ sai, nhìn thấy điểm bắt đầu bị trệch đi, nhưng lại không thể nào đi ngược về sửa được? Buổi diễn thử của tớ... " uống một ngụm rượu lớn "dàn nhạc dự bị đại học ở Juilliard, thầy xướng âm đã bảo tớ chắc sẽ được ghế phụ nhưng nếu chơi thật tốt, tớ còn có cơ may lên ghế chính. Và tớ nghĩ đấy là một chuyện lớn, khá lớn. Nhưng Welty..." đúng, quả thế, nước mắt, đôi mắt lóng lánh trong ánh lửa "tớ biết là kỳ kèo đòi bác lên nửa bắc với tớ là sai, chẳng có tí lý do nào bác phải đến cả - Welty đã chiều tớ khủng khiếp kể từ hồi mẹ còn sống, nhưng sau khi mẹ mất bác ấy còn chiều chuộng tớ hơn nữa, và hôm đó là một ngày quan trọng của tớ, tất nhiên rồi, nhưng có quan trọng đến mức như tớ làm toáng lên không? Không hề. Bởi vì..." giờ thì cô đang khóc rồi, khe khẽ, "tớ còn chẳng muốn đến bảo tàng, tớ chỉ muốn bác đi với tớ vì biết sẽ được bác đưa đi ăn trưa trước buổi diễn, ở đâu cũng được - đáng ra hôm đó bác đã ở nhà, bác còn bao nhiêu việc khác, mà họ có cho gia đình ngồi xem đâu, đằng nào bác cũng sẽ phải đợi trong hành lang..."

"Ông biết mình đang làm gì mà."

Cô ngước lên nhìn như thể tôi đã nói đúng điểu không nên nói; chỉ có điều tôi biết đấy chính là điều nên nói, chỉ cần tôi chọn được đúng cách nói.

"Suốt thời gian tớ ở bên ông, ông chỉ toàn nói về cậu. Và.

"Và sao?"

"Không sao!" Tôi nhắm mắt, lảo đảo vì rượu, vì cô, vì không có cách nào nói được ra. "Chỉ là vì... giây phút cuối ông còn tại thế, cậu hiểu không? Và giữa cuộc sống của tớ, với ông, khoảng cách vô cùng, vô cùng ngắn. *Không hề* có khoảng cách. Như thể là có gì đó mở ra giữa đôi bên. Như là một luồng chớp chói lòa cho thấy cái gì mới là thật - mới quan trọng, Không có tớ, cũng không có

ông. Cả hai là một người. Cùng chung ý nghĩ - không cần phải nói nữa. Chỉ có vài phút thôi nhưng cũng không khác gì hằng năm, cứ như là chúng tớ vẫn đang ở đấy. Và, ờ thì, tớ biết là nghe rất dị...- đúng hơn là một so sánh hoàn toàn điên khùng, tâm thần, bại não, nhưng tôi không nghĩ ra cách nào khác để dẫn tới điều tôi muốn nói -"nhưng cậu có biết Barbara Guibbory, cái bà hay giảng trên Rhinebeck, về chuyện kiếp trước hồi chuyển ấy không? Đầu thai rồi duyên phận rồi đủ thứ như thế? Các linh hồn đã ở bên nhau suốt kiếp này qua kiếp khác? Tớ biết, tớ biết" tôi nói trước vẻ mặt ngỡ ngàng (và hơi hoảng hốt) của cô - "mỗi lần nhìn thấy Barbara bà ta sẽ bảo tớ phải tụng Um hoặc Rum hoặc cái khỉ gì đó để hàn gắn - ờ - các luân xa bị nút lại - 'suy giảm luân xa gốc', nói thật không đùa, bà ta chẩn bệnh cho tớ như thế đấy - 'trốc rễ... 'tim thu hẹp...' 'trường năng lượng rạn nứt...' tớ đang đứng đấy uống cocktail một mình thì bà ta lướt đến bên cạnh kể tên cả loạt thức ăn tớ cần nạp vào người để mọc rễ trở lại..." tôi đang khiến cô chán, có thể thấy "xin lỗi, tớ đi lạc đề chút, chỉ là, ờm, chúng tớ đang nói mấy chuyện đó khiến tớ phát bực cả lên. Cả Hobie cũng đứng đó uống một vại scotch to bự và bác hỏi, 'Còn tôi thì sao hả Barbara? Tôi có nên ăn thứ rễ củ nào đấy không? Hay là đứng lộn đầu xuống đất?' còn bà ta thì vỗ lên tay bác bảo rằng, 'ôi, không phải lo đâu James, ông là một Chân Nhân.'"

Câu đó cũng khiến cô bật cười.

"Nhưng mà Welty - ông đúng là thế đấy. Một Chân Nhân. Ý tớ là - thật đấy. Không đùa đâu. Khác hẳn quần chúng xoàng xĩnh. Những chuyện mà Barbara kể ấy - đại sư A B C nào đấy đặt tay lên đầu bà ta ở Miến Điện và trong phút ấy bà hứng trọn tri thức ở đâu đấy trở thành một con người khác hẳn.

"Ờ, tớ định bảo là, Everett ấy - dĩ nhiên anh ấy chưa bao giờ *gặp*

Krishnamurti nhưng...”

“Ừ, được rồi.” Everett - sao lại khiến tôi bực mình đến mức đó thì tôi cũng không biết nữa - đã đi học một cái trường nội trú kiểu tu tập gì đó ở miền Nam nước Anh, với những môn học kiểu như Chăm Lo Cho Trái Đất và Nghĩ Về Tha Nhân. “Nhưng tớ muốn nói là - cứ như là năng lượng của Welty, hay là trường lực gì đấy - Chúa ơi, nghe thật rồ, nhưng tớ cũng không biết phải gọi là gì nữa - nó đã ở trong tớ từ lúc đó trở đi. Tớ ở bên ông và ông ở bên tớ. Đấy là một điều vĩnh cửu.” Tôi chưa bao giờ nói thành tiếng điều này, với bất kỳ ai, tuy đấy là một điều tôi cảm thấy rất sâu sắc. “Như là -tớ nghĩ về ông, ông ở đây, nhân cách của ông ở trong tớ. Ý tớ là – hầu như ngay từ giây đầu tiên về đây sống với Hobie, tớ đã lên trên cửa hiệu - nó hút lấy tớ - đấy là một việc rất bản năng, tớ không giải thích nổi. Vì - tớ có quan tâm đến đồ cổ không? Không hề. Làm sao mà thế được? Thế mà tớ lại ở đó. Lục tìm trong danh sách đồ của ông. Đọc những ghi chú bên lề ca-ta-lô đấu giá. Lời lẽ của ông, đồ vật của ông. Mọi thứ ở trên đó - nó hút lấy tớ như lửa hút mối. Thậm chí còn chẳng phải tớ đi tìm nó nữa - đúng hơn là nó đi tìm tớ. Và, tớ muốn nói, *từ* trước khi tớ lên mười tám, chẳng ai dạy cho tớ, như là tớ biết sẵn rồi, tớ lên đó một mình làm thay *việc* của Welty. Như là...- tôi bắt tréo chân bức bối - “cậu có bao giờ nghĩ thật kỳ quái là ông lại đẩy tớ đến nhà cậu không? Do tình cờ - có thể. Nhưng tớ không có cảm giác đấy là một sự tình cờ. Mà như là ông thấy tớ là ai, và phái tớ đến chính nơi cần đến, bên những người tớ cần ở bên. Thế nên, ờ...”- hơi tỉnh lại, tôi đang nói liến thoắng - “Ờ. Xin lỗi. Không định ca một bài dài như thế.”

“Không sao.”

Im lặng. Mắt cô nhìn mắt tôi. Nhưng khác với Kitsey - người

lúc nào cũng để một nửa tâm trí ở nơi khác, người ghét chuyện trò nghiêm túc, người đến một thời điểm thế này sẽ quay tìm phục vụ hoặc thốt ra bất cứ câu ngớ ngẩn và/hoặc khôi hài nào cô nghĩ ra để câu chuyện khỏi trở nên nghiêm trọng quá - cô đang nghe, cô đang toàn tâm toàn ý bên tôi, và tôi thấy quá rõ rằng cô thương cảm cho tình trạng của tôi, nỗi thương cảm chỉ càng thêm nặng vì cô ưa tôi thực sự: chúng tôi có rất nhiều điểm chung, một mối dây liên hệ về tâm lý và cũng về cảm xúc, cô thích ở bên tôi, tin cậy tôi, mong điều tốt cho tôi, mong, trên hết, được làm bạn tôi, và cho dù một vài người đàn bà khác chắc sẽ tự đắc và khoái chí thấy tôi sầu não dường này, nhưng với cố chẳng có gì thú vị khi thấy tôi nát lòng nát dạ vì cô.

xxix.

HÔM SAU - tức là ngày lễ đính hôn - cảm giác gần gũi của đêm hôm trước đã mất sạch, chỉ còn để lại (trong bữa sáng, trong những lời chào vội trên hành lang) nỗi ẩn ức vì biết mình sẽ không bao giờ được ở một mình với cô nữa; chúng tôi ngượng ngùng trước mặt nhau, đi đi đến đến cứ đụng phải nhau, nói chuyện hơi to tiếng quá, hơi vồn vã quá, tất cả với tôi dường như (thật buồn) giống như chuyến thăm của cô mùa hè trước, bốn tháng trước khi cô dắt về nhà gã "Everett", và câu chuyên tha thiết chân tình giữa chúng tôi ngoài bậc thềm, chỉ hai người với nhau, khi trời trở tối: nép sát vào nhau ("như hai lão già lang thang"), đầu gối tôi sát đầu gối cô, cánh tay tôi chạm vào tay cô, cả hai cùng nhìn người qua lại trên phố và nói đủ mọi chuyện: thời thơ ấu, những buổi đi chơi ở Công viên Trung tâm, trượt băng ở sân Woilman (liệu chúng tôi từng thấy nhau hồi xưa ấy? Lướt qua nhau trên sân trượt?), về *Góa phụ trẻ*[152] vừa xem trên

tivi với Hobie, hay Marilyn Monroe mà chúng tôi cùng thích ("một nàng ma mùa xuân"), về Montgomery Clift tội nghiệp, tàn lụi, đi khắp nơi mang theo một nắm thuốc viên trong túi (điều này tôi chưa từng biết, và không bình luận gì), về cái chết của Clark Gable và nỗi ăn năn khủng khiếp của Marilyn, cảm giác của cô cho trách nhiệm thuộc về mình - và không hiểu sao, rất lạ, câu chuyện chuyển sang nói về số mệnh, về hắc thuật, và bói toán: ngày sinh có liên quan gì đến vận may hay bất hạnh không? Những giao hội tối, những sao ở vị trí không thuận lợi? Chỉ tay của chúng tôi nói lên gì? Cậu đi xem tay bao giờ chưa? Chưa - cậu thì sao? Có lẽ bây giờ chúng mình nên đi ra cửa hiệu Tâm Linh Chữa Bệnh trên Đại lộ 6 đặt đèn màu tím với cầu thủy tinh ấy, hình như nó mở cửa suốt đêm - à cậu nói cái chỗ thắp đèn lava có bà già di-gan điên đứng ợ hơi trước cửa hả? Nói chuyện đến lúc tối mịt không còn nhìn thấy nhau nữa, thầm thì dù không việc gì phải thầm thì: *cậu muốn vào chưa*? *Chưa*, *chốc nữa*, và mặt trăng mùa đông tròn mẫm tỏa ánh sáng trắng trinh tuyền trên đầu, và tình yêu dành cho cô cũng trinh tuyền như thế, giản đơn và vững bền như trăng. Nhưng rồi chúng tôi cũng phải đi vào và gần như ngay lập tức phép thần đã tan, trong ánh sáng chói nơi hành lang chúng tôi cư xử với nhau rất ngượng nghịu gượng gạo, gần giống như khi đèn trong rạp bật sáng lên cuối vở kịch, và sự gần gũi giữa hai bên bị phơi bày mặt thực: chỉ là giả vờ mà thôi. Hàng tháng trời tôi khao khát muốn lặp lại giây phút ấy, và - trong quán bar lúc nãy, suốt một hai giờ đồng hồ - đã có được. Nhưng giờ tất cả lại thành ảo vọng, chúng tôi đã bị trả về nơi xuất phát, và tôi phải tự nhủ rằng thế là đủ rồi, có cô trọn vẹn cho mình trong vài tiếng là đủ. Nhưng không.

xxx.

http://tieulun.hopto.org

ANNE DE LARMESSIN - mẹ đỡ đầu của Kitsey - là người tổ chức buổi tiệc của chúng tôi ở một câu lạc bộ tư mà ngay cả Hobie cũng chưa từng đặt chân đến, dù thuộc lòng lý lịch nó: lịch sử của nó (cực khả kính), các kiến trúc sư xây nên nó (hết sức đáng trọng), và các thành viên của nó (siêu phàm, đủ bộ từ Aaron Burr tới nhà Wharton). "Được coi là một trong những nội thất kiểu Phục hưng Hy Lạp thời kỳ đầu đẹp nhất bang New York," ông đã hớn hở chân thành cho chúng tôi biết. "Cầu thang à - khung lò sưởi à - bác không biết liệu mình có được cho vào phòng đọc không? Các mẫu thạch cao quả thật độc đáo, bác được cho biết như thế, cực kỳ đáng xem."

"Ở đó sẽ có bao nhiêu người?" Pippa hỏi. Cô vừa phải đi ra tận Morgane Le Fay mua đầm vì không chuẩn bị đồ cho buổi tiệc.

"Vài trăm." Trong số đó, có lẽ khoảng mười lăm khách (kể cả Pippa và Hobie, ông Bracegirdle và bà DeFrees) là do tôi mời, một trăm người là khách của Kitsey, số còn lại ngay cả Kitsey cũng bảo là không biết.

"Bao gồm," Hobie nói, "ngài thị trưởng. Và cả hai thượng nghị sĩ bang. Và Albert Thân vương Monaco, có phải không nhỉ?"

"Họ đã *mời* Thân vương Albert. Cháu thực tình không tin là ông ta sẽ đến."

"Ồ, hóa ra chỉ là một dịp thân mật. Dành riêng cho gia đình thôi.

Nào, cháu chỉ có mỗi một việc là đến đó làm đúng những gì người ta yêu cầu." Chính Anne de Larmessin đã chiếm quyền tổng chỉ huy đám cưới giữa cơn "khủng hoảng" (bà ta bảo vậy) là sự thờ ơ tuyệt đối của bà Barbour. Chính Anne de Larmessin đã kỳ kèo lấy được nhà thờ thích hợp, ông mục sư thích hợp; chính

Anne de Larmessin đã lên danh sách khách mời (lóa mắt) và biểu đồ chỗ ngồi (rắc rối khó tả), và, có vẻ, sẽ là người rốt cuộc có tiếng nói cuối cùng về mọi thứ từ cái đệm để nhẫn cho tới bánh ga tô. Chính Anne de Larmessin đã túm được đúng nhà thiết kế cần thiết để lên bộ váy, và đã mời chào điền trang của bà ta ở St. Barth để chúng tôi về trăng mật, và là người Kitsey gọi đến khi có bất kỳ vấn đề nào nảy sinh (và rất nhiều vấn đề đã nảy sinh, mỗi ngày vài lần), là người (theo bình phẩm của Toddy) đã oai vệ thượng lên ngai Nguyên Soái Lễ Cưới. Điều khiến chuyện này càng trở nên khôi hài và quái gở là, Anne de Larmessin vẫn cực kỳ khó ở trước tôi đến nỗi hầu như không nhìn tôi được. Tôi thật một trời một vực so với đám mà bà đã nhắm cho cô con đỡ đầu. Ngay cả tên tôi cũng có vẻ quá thô tục không đáng thốt ra. "Thế *chú rể* nghĩ gì?" "Chẳng hay *chú rể* đã sắp cho tôi được danh sách khách mời hay chưa?" Hẳn nhiên, lấy một người như tôi (một kẻ buôn đồ nội thất!) là một số phận cũng ngang ngửa như chết rồi; vì thế mà nghi thức phải xa hoa và hào nhoáng đến vậy, lễ lạt có vẻ nghiêm trang đến vậy, như thể Kitsey là một nàng công chúa xứ Ur bạc phận cần phải phục sức trang hoàng sang trọng, rồi - có một đoàn ca công thị nữ đi theo - được đưa rước tưng bừng xuống Địa phủ.

xxxi.

BỞI KHÔNG THẤY CÓ LÝ DO GÌ cần giữ đầu óc sắc sảo trong buổi tiệc, tôi đã đảm bảo cho mình được say mềm đến nơi đến chốn trước khi đi, một viên oxy nhét vào túi bộ Turnbull và Asser bảnh nhất phòng trường hợp khẩn cấp.

Câu lạc bộ đẹp đến mức tôi căm thù đám khách kín đặc, chỉ tổ khó theo dõi những chi tiết kiến trúc, những bức chân dung treo

san sát nhau - nhiều bức cực kỳ tinh xảo - và những sách hiếm trên kệ. Màn rủ nhung đỏ, những vòng nhựa thơm Giáng sinh - trên cây kia là nến thật ư? Tôi đứng váng mắt trên đầu cầu thang, không muốn chào cũng không muốn nói chuyện với ai cả, hoàn toàn không muốn ở đây...

Bàn tay trên ống tay áo tôi. "Sao thế?" Pippa hỏi.

"Sao gì?" Tôi không dám nhìn vào mắt cô nữa.

"Trông cậu buồn thế."

"Đúng thế mà," tôi đáp, nhưng không biết cô có nghe thấy không, tôi gần như không nghe thấy mình nói nữa, vì đúng giây phút ấy thì Hobie - cảm thấy chúng tôi tụt lại đằng sau - đã lộn lại tìm giữa đám người và hét lên: "À, hóa ra cháu *ở đó*..."

"Đi, ra chào khách khứa đi," Ông hiền từ và oai vệ thúc tôi, "ai cũng hỏi cháu đâu!" giữa đám người lạ, ông và Pippa thuộc về số rất ít ỏi những người thực sự nổi bật hay có vẻ thú vị: cô như một nàng tiên trong bộ áo màu xanh như bóng mây với ống tay vải tơ, ông trang nhã và khả ái trong chiếc máng tô hai hàng cúc màu lam tím, đi đôi giày cũ tuyệt đẹp của Peal &Co.

"Cháu..." Tôi tuyệt vọng ngó quanh.

"Không phải lo cho bọn bác đâu. Chúng ta sẽ gặp nhau sau."

"Phải," Tôi nói và gồng mình tiến lên. Nhưng - để yên cho họ ngắm một bức chân dung tổng thống John Adams gần quầy giữ áo, chờ bà DePrees xong việc với cái áo lông chồn - tôi luồn lách qua những căn phòng chật chội mà chẳng thấy gương mặt nào quen thuộc trừ bà Barbour, một người tôi thực lòng không đủ dũng khí đối mặt, chỉ có điều bà nhìn thấy trước khi tôi kịp lánh đi và túm lấy tay áo tôi. Bà đứng lùi trong một ô cửa với cốc gin pha chanh, đang tiếp chuyện một ông già quý phái hoạt bát, nom

rầu rĩ, có khuôn mặt đỏ trông hơi hắc cùng giọng nói đanh và mỗi bên tai một túm tóc bạc.

"Ồ, Medora à," ông ta đang nói và đu đưa trên gót chân. "Vẫn là một niềm vui thú bất tuyệt. Một bà già dễ mến. Hiếm có, độc đáo. Gần chín chục rồi! Gia đình bà ta, tất nhiên, thuộc dòng Knickerbocker thuần khiết như bà ấy lúc nào cũng phải nhắc nhở ta - ôi, bà phải thấy bà ấy mới được, lúc nào cũng đầy sinh khí với những người hầu cận...- đến đây ông tự cho phép mình bật cười nhỏ - "thật là kinh khủng, bà thân mến ạ, nhưng buồn cười quá đỗi, hoặc ít ra tôi cũng nghĩ bà sẽ thấy buồn cười - giờ thì họ không thể thuê người hầu *da màu*, đúng là từ đó phải không, bây giờ ấy? *da màu* bởi Medora quá thường xuyên trở lại với, ta nên nói thế nào nhỉ, *thứ đặc ngữ tuổi thanh xuân bà*. Nhất là khi họ cố tìm cách giữ bà lại hay đưa bà vào bồn tắm. Chiến đấu hăng ra phết khi nào vào tâm trạng, tôi nghe kể vậy! Từng đuổi theo một trong mấy hộ lý người gốc Phi ấy, vác theo que cời bếp lò. Ha ha ha! Ờ... bà biết đấy... 'nếu không nhờ ân điển Thiên Chúa[153]'. Bà ấy thuộc về cái thế hệ mà tôi nghĩ có thể gọi là *Cabin in the sky*[154], Medora ấy. Còn ông cụ bà thì quả là có một dinh cơ ở Virginia - hạt Goochland, phải không nhỉ? Một cuộc hôn nhân vị lợi điển hình tôi từng chứng kiến. Tuy nhiên ông con trai - bà gặp ông con trai rồi, phải không nhỉ? - thì *quả là* đáng thất vọng, phải không? Rượu chè ấy. Còn bà *con gái* nữa. Đúng là thất bại về mặt giao tế. Đấy là nói tế nhị rồi đấy. Hơi bị quá cân. Sưu tập mèo, nếu bà hiểu ý tôi. Lại nói đến em trai Medora, là Owen - Owen là một ông già đáng yêu vô kể, chết vì đau tim trong phòng thay đồ câu lạc bộ Athletic... đang hưởng một *giây phút thân mật* trong phòng thay đồ câu lạc bộ nếu bà hiểu ý tôi... Owen, ông dễ thương lắm, nhưng lúc nào cũng là một linh hồn lầm lạc, giã từ cuộc đời mà chưa tìm được mình là ai, tôi thấy vậy."

“Theo,” bà Barbour nói và thình lình chìa tay ra đúng lúc tôi định lẻn đi, như một người mắc kẹt trong ô tô cháy trong phút cuối cố chộp lấy nhân viên cứu nạn. “Theo, bác muốn giới thiệu cháu với Havistock Irving.”

Havistock Irving quay lại găm vào tôi một tia nhìn chăm chú - và tôi thấy không hẳn là đầm ấm. “Theodore Decker.”

“Tôi e rằng vậy,” tôi giật mình đáp.

“Hiểu rồi.” Tôi càng lúc càng không ưa ánh mắt ông ta. “Anh ngạc nhiên vì tôi biết anh. À, như anh thấy, tôi biết vị cộng sự đáng kính của anh, ông Hobart. Và vị cộng sự đáng kính của ông ấy trước anh là ông Blackwell.”

“Thế ư,” tôi đáp, quyết chí vô cảm; trong ngành buôn đồ cổ tôi đã hằng ngày phải đối diện đám quý tộc già ưa rào đón thuộc giống này, và bà Barbour không những không buông tay tôi mà còn siết chặt hơn.

“Hậu duệ dòng đích của Washington Irving, Havistock ấy,” bà chêm vào giúp đỡ. “Đang viết tiểu sử ngài.”

“Thú vị thật.”

"Phải, khá thú vị,” Havistock lạnh nhạt đáp. “Dù trong giới nghiên cứu hiện đại Washington Irving đã phần nào bớt được ưa chuộng rồi. Bị đẩy ra ngoại vi,” ông ta nói, khoái chí đã tìm ra được từ. “Không phải một giọng điệu Mỹ, đám học giả bảo vậy. Hơi quá chủ nghĩa thế giới - quá châu Âu. Một điều tất nhiên thôi, tôi đoán thế, vì Irving học nghề chủ yếu từ Addison và Steele. Dù sao thì, vị tổ tiên cao quý của tôi hẳn sẽ tán thành những công việc hằng ngày của tôi.”

“Là...?”

“Làm việc trong thư viện, đọc báo cũ, nghiên cứu tài liệu của các cơ quan công quyền xưa.”

“Sao lại phải tài liệu của cơ quan công quyền?”

Ông ta phẩy tay uốn éo. “Vì tôi quan tâm đến chúng. Và một đối tác thân thiết của tôi còn quan tâm hơn nữa, và thỉnh thoảng ông ấy khai quật được rất nhiều thông tin thú vị trong quá trình nghiên cứu... tối nghĩ hẳn là hai người có quen biết nhau?”

“Người đó là?”

“Lucius Reeve?”

Trong khoảng im lặng tiếp sau đó, tiếng láo nháo của đám đông và tiếng lanh canh chạm cốc trào lên ầm ĩ, như thể vừa có một luồng gió quét qua phòng.

“Phải. Lucius.” Nhướng mày thích thú. Đôi môi dày dẩu ra. “Chính thế. Tôi biết là tên ông ấy cũng không lạ lẫm bên tai anh. Anh đã bán cho ông ta một cái tủ hai tầng độc đáo hết sức, như anh hẳn còn nhớ.”

“Đúng thế. Và tôi sẵn lòng mua lại nếu ông ấy chịu thuận ý.”

“À, tất nhiên rồi. Chỉ có điều ông ấy không muốn thế, giống như, giống như,” ông ta nói, suỵt, tôi rất ác ý, “giống như tôi cũng vậy. Trong khi còn có món kia bên cạnh, thú vị hơn rất nhiều.”

“Chà, tôi e rằng ông ấy phải quên món đó đi thôi,” tôi vui vẻ đáp. Giật mình khi nghe tên Reeve mới đây hoàn toàn là một phản xạ vô thức, như nhảy lên khi gặp phải dây cáp hoặc sợi thừng nằm cuộn tròn trên sàn.

“Quên à?” Havistock tự cho phép mình lên tiếng cười. “À, tôi không nghĩ rằng ông ấy sẽ quên đâu.”

http://tieulun.hopto.org

Tôi cũng mỉm cười đáp trả. Nhưng Havistock trông chỉ càng cao ngạo thêm.

“Thật đáng phải ngạc nhiên, thời buổi này người ta có thể tìm ra trên mạng những gì,” ông ta nói.

“Thế à?”

“À, anh biết đấy, Lucius gần đây đã khám phá ra thêm thông tin về một vài món rất kỳ thú mà anh đã bán nữa. Thực tế là tôi không nghĩ người mua biết chúng kỳ thú đến mức nào đâu. Mười hai chiếc ghế ăn ‘Duncan Phyfe’ đi Dallas à?” ông ta nói và nhấp sâm-panh. “Món ‘Sheraton cực kỳ quan trọng’ cho người mua ở Houston? Và bao nhiêu thứ cùng loại đó đi Los Angeles nữa?”

Tôi cố giữ không đổi nét mặt.

“ ‘Những món hàng chất lượng bảo tàng. Tất nhiên…- kéo cả bà Barbour vào câu chuyện - “chúng ta đều biết, phải không, rằng ‘chất lượng’ ấy còn tùy thuộc xem anh nói đến loại ‘bảo tàng’ nào. Ha ha! Nhưng Lucius quả đã rất thành công khi theo dõi mấy thương vụ táo bạo hơn của anh gần đây. Và chừng nào kỳ nghỉ lễ qua đi, ông đang tính sẽ làm một chuyến thăm Texas để… A!” ông ta nói và quay khỏi tôi bằng một bước khiêu vũ lẹ chân khi Kitsey, mặc bộ váy xa tanh xanh như nước đá, ào tới chào chúng tôi. “Quả là một món trang sức xinh đẹp đáng hoan nghênh! Trông cháu dễ thương lắm, cháu yêu ạ,” ông ta nói và ghé tới hôn cô. “Bác đang nói chuyện với anh chồng tương lai cực kỳ quyến rũ của cháu. Thật kinh ngạc làm sao khi biết cả hai có những bạn chung nào!”

“Ồ?” Phải đến khi cô thực tình quay lại nhìn tôi - đối diện hẳn với tôi, hôn phớt lên má - thì tôi mới nhận ra Kitsey không hề tin chắc rằng tôi sẽ đến đây. Vẻ nhẹ người khi cô nhìn thấy tôi thật

quá rõ rệt.

“Vậy là bác đang kể với Theo cùng mẹ cháu đủ những vụ bê bối mới chăng?” cô nói và trở lại với Havistock.

“Ôi Kitty, cháu *đúng là* tai quái.” Thân mật, ông ta luồn tay qua khuỷu tay cô, tay kia đưa sang vỗ nhẹ lên bàn tay cô: một con quỷ loắt choắt với ngoại hình Thanh giáo, gầy gò, linh hoạt, thân tình. “Nào, cháu yêu, bác thấy là cháu đang cần uống gì đó, bác cũng vậy. Bác cháu ta hãy bỏ đi riêng xem nào” - lại liếc nhanh về phía tôi - “tìm một chốn vắng vẻ dễ chịu để chúng mình bàn tán thật dài, thật lâu về anh chồng cháu.”

xxxii.

“CẢM ƠN CHÚA LÀ ÔNG TA ĐI RỒI,” bà Barbour thầm thì khi họ đã đi lại bàn rượu. “Chuyên tán nhảm khiến bác mệt đầu ghê gớm.”

“Con cũng vậy.” Mồ hôi tôi đang vã như tắm. Làm sao ông ta biết được? Tất cả những món vừa kể tên tôi đã dùng cùng một hãng chuyên chở. Kể cả vậy - tôi đang thèm một hớp rượu đến chết - làm sao ông ta biết?

Tôi nhận ra bà Barbour vừa nói gì. “Xin lỗi ạ?”

“Bác nói là, thế có kỳ lạ không? Bác thấy *sửng sốt* trước đám người đông đúc này.” Bà ăn mặc rất giản dị - váy đen, giày cao gót đen, một chiếc trâm bông tuyết tuyệt diệu - nhưng màu đen không hợp với bà Barbour, chỉ tạo cho bà vẻ lánh đời, ốm yếu và tang tóc. “Bác có *phải* tham dự vào câu chuyện không? Bác nghĩ là có. Ôi trời ơi, kia, chồng của Anne đấy, một kẻ buồn chán kinh khủng. Nếu bảo rằng bác chỉ ước được ở nhà thì có quá đáng lắm không?”

http://tieulun.hopto.org

“Người lúc nãy là ai thế?” Tôi hỏi.

“Havistock ư?” Bà vuốt tay qua trán. “Bác mừng là ông ta cứ khăng khăng nói tên mình như vậy, nếu không bác sẽ khó khăn lắm mới giới thiệu con được.”

“Con đã tưởng đấy là một người bạn thân của bác.”

Bà chớp mắt không vui, dáng vẻ lúng túng khiến tôi chợt áy náy vì đã dùng giọng đó với bà.

“Chà,” bà dứt khoát nói. “Ông ta rất thân tình. Nghĩa là, ông ta có thói cư xử kiểu rất thân tình. Ông ta làm vậy với tất cả mọi người.”

“Làm sao mà bác lại biết ông ta?”

“Ô - Havistock làm tình nguyện ở Hội Sử học New York. Biết mọi thứ, quen mọi người. Dù nói riêng với nhau nhé, bác không nghĩ ông ta là con cháu gì của Washington Irving đâu.”

“Không ư?”

“Hừm - ông ta quả thật rất dễ thương. Nghĩa là, ông ta quen tất tật mọi người - kêu rằng có họ hàng với nhà Astor nữa ngoài Washington Irving, mà ai bảo rằng không phải cho được? Một số người trong giới đã để ý thấy một điều thú vị, là rất nhiều họ hàng mà ông ta nhắc tới đều chết rồi. Tuy thế, Havistock cũng rất dễ mến, hoặc *có thể* tỏ ra như thế. Rất rất chịu khó đi thăm các bà già - ờ, con vừa nghe thấy ông ta kể đấy. Cả một kho thông tin đích thực về lịch sử New York - ngày tháng, tên tuổi, dòng tộc. Trước khi con đến ông ta đang thuật lại cho bác lịch sử *từng* ngôi nhà một trên phố này - từng vụ bê bối một trong đó - vụ sát nhân giữa đám thượng lưu ở ngôi nhà bên cạnh, từ thập niên 1870 - ông ta biết mọi thứ. Tuy thế, trong một bữa trưa mấy tháng trước

ông ta đãi cả bàn một câu chuyện tuyệt đối lố bịch về Fred Astaire mà bác cho rằng *không thể là* sự thực được. Fred Astaire ư! Chửi tục như một gã thủy thủ, hờn lẫy toáng lên ư! Ừ, bác chẳng ngại nói với con rằng bác không tin - tất cả bọn bác không một ai tin. Bà của Chance quen Fred Astaire từ hồi bà làm ở Hollywood và nói rằng ông ấy thật là người dễ thương nhất thế giới. Chưa từng nghe thấy ai mảy may ám chỉ rằng không phải. Nhiều ngôi sao thời đại cũ thì thật đáng ghét, tất nhiên, và những chuyện ấy chúng ta đã nghe hết cả rồi. Ôi," bà thảm não nói liền một mạch, "bác mới mệt và đói làm sao."

"Đây..." thấy thương hại bà, dẫn đến bên một ghế trống "bác ngồi xuống đi. Con lấy gì cho bác ăn nhé?"

"Thôi, cảm ơn. Con hãy ở đây với bác đi. Tuy rằng bác nghĩ cũng không nên giữ rịt con cho mình," bà nói có vẻ không chắc chắn lắm. "Vị khách chính của bữa tiệc mà."

"Thật đấy, không mất đến một phút đâu." Mắt tôi đảo quanh phòng. Những khay điểm tâm đang được chuyển quanh và phòng bên cạnh có một bàn đặt món chính, nhưng tôi cần nói chuyện với Hobie ngay tức khắc. "Con sẽ quay lại thật nhanh."

May là Hobie rất cao - cao hơn hầu như tất cả mọi người còn lại - nên chẳng khó khăn gì tôi đã nhìn thấy ông, một ngọn hải đăng báo hiệu an toàn giữa đám đông.

"Này," ai đó tóm lấy tay tôi khi tôi vừa đến gần ông. Đấy là Platt, mặc áo khoác nhung xanh bốc mùi băng phiến, trông nhàu nhĩ, lo âu và chưa chi đã say ngà ngà. "Hai người vẫn ổn hết chứ?"

"Sao?"

"Cậu với Kits đã nói chuyện xong với nhau rồi chứ?"

Tôi không rõ phải đáp câu này ra sao nữa. Sau vài giây im lặng,

anh ta vén một sợi tóc vàng đang ngả bạc ra sau tai. Khuôn mặt hồng đã sưng lên vì tuổi trung niên đến sớm, và tôi nghĩ, không phải lần đầu, rằng Platt khi từ chối không chịu trưởng thành lên cũng không có được chút tự do nào cả, rằng vì lười biếng quá lâu mà nay anh ta đã giết chết từng mẩu vụn cuối cùng của cái danh giá đáng ra đã được truyền lại anh ta, và sẽ vĩnh viễn lấp ló bên lề các bữa tiệc cùng cốc gin pha chanh trong khi đứa em út Toddy - còn chưa tốt nghiệp - đứng trò chuyện trong một nhóm gồm cả hiệu trưởng một trường Ivy League, một tỷ phú trong lĩnh vực tài chính, một chủ bút tờ tạp chí quan trọng.

Platt vẫn đang nhìn tôi. “Nghe này,” anh ta nói. “Tôi biết đây không phải việc của tôi, về cậu và Kits...”

Tôi nhún vai.

“Tom không yêu nó,” anh ta chợt xổ ra. “Cậu xuất hiện là việc tốt nhất trần đời từng đến với Kitsey và nó cũng biết vậy. Ý tôi là, cứ nhìn hắn đối xử với nó ra sao! Nó đang ở với hắn buổi cuối tuần mà Andy chết, cậu biết chứ? Đấy là lý do quan trọng khiến nó phải nhờ Andy lên trông bố, mặc dù Andy thì chẳng biết xoay xở thế nào với bố, đấy là lý do nó không tự mình đi. Tom, Tom, Tom. Lúc nào cũng Tom. Và, phải, tất nhiên, hắn ta là ‘Tình Yêu Vĩnh Cửu’ trong mắt nó, ‘Mối Tình Duy Nhất’ của em, nó bảo thế, nhưng tin tôi đi, sau lưng nó lại là một việc khác hẳn. Vì... ” - anh ta ngưng lại bực bội - “câu hãy tưởng tượng hắn dắt mũi nó - liên tục moi tiền, qua lại với bọn con gái khác rồi nói dối - khiến tôi phát tởm, cả bố mẹ cũng phát tởm. Vì, về cơ bản, nó chỉ là cái mỏ cho hắn đào thôi. Hắn coi con bé là thế đấy. Nhưng - đừng có hỏi tôi tại sao - nó thì cuồng lên vì hắn. Mất trí thật rồi.”

“Có vẻ bây giờ vẫn vậy.”

Platt nhăn mặt. “Thôi nào. Cậu mới là người nó sắp lấy mà.”

“Cable có vẻ không phải típ ưa kết hôn, theo ý tôi.”

“À…”anh ta tu một ngụm to “dù Tom có lấy ai đi nữa thì tôi cũng thấy thương cô ả. Kits có thể bốc đồng, nhưng nó không ngu đâu.”

“Không hề.” Kitsey hoàn toàn không ngu. Cô không chỉ dựng lên một cuộc hôn nhân khiến mẹ cô hài lòng nhất, mà còn được ngủ với người cô yêu thật sự.

“Rồi sẽ chẳng đi đến đâu đâu. Như mẹ nói đấy. ‘Chỉ là máu bốc lên đầu thôi’. ‘Ảo tưởng mà thôi’.”

“Cô ấy bảo tôi rằng cô ấy yêu hắn.”

“À, bọn con gái lúc nào cũng yêu lũ khốn,” Platt nói, không buồn cãi lại lời tôi. “Cậu còn chưa biết sao?”

Không, tôi âu sầu nghĩ, *không phải thế*. Nếu không thì vì sao Pippa không yêu tôi?

“Này, cậu cần một ly, bố ạ. Thực tế là…” nốc hết chỗ còn lại “tôi cũng cần.”

“Thế này nhé, tôi phải đi nói chuyên với một người đã. Thêm nữa mẹ anh…” tôi quay người chỉ về hướng đã đặt bà ngồi lại “bác cũng cần một ly và cần ăn gì đó nữa.”

“*Mẹ*,” Platt thốt lên, vẻ mặt như thể tôi vừa nhắc anh ta để quên ấm nước đang sôi trên bếp, và vội vàng chạy đi.

xxxiii.

“HOBIE?”

Ông có vẻ giật mình khi tay tôi chạm vào tay áo, quay phắt lại. “Mọi thứ vẫn ổn chứ?” Ông lập tức hỏi.

Chỉ cần đứng cạnh ông tôi đã thấy khá hơn - chỉ cần hít thở không khí sạch sẽ bên cạnh Hobie. “Nghe này,” tôi nói và dáo dác nhìn quanh, “bác cháu mình cần một chỗ...”

“A, đây là chú rể phải không?” Một người đàn bà trong toán người háo hức vây quanh ông reo lên.

“Phải rồi, chúc mừng anh!” Thêm nhiều kẻ lạ mặt nữa chen tới.

“Trông anh ấy trẻ quá! Trông anh thật là trẻ làm sao.” Một bà tóc vàng, cỡ giữa năm chục, bóp chặt tay tôi. “Và xinh trai nữa chứ!” quay sang bạn. “Quả là một hoàng tử dễ thương! Nói xem anh ấy có thể nào quá hai mươi hai được không chứ?”

Lịch lãm, Hobie giới thiệu tôi một vòng - hiền từ, khéo léo, thong dong, một con sư tử hiền lành bậc nhất giữa giới giao tế.

“Ừm,” tôi nói và nhìn quanh phòng, “xin lỗi phải kéo bác đi, Hobie à, cháu hy vọng bác không thấy là cháu quá vô duyên... ”

“Cần nói chuyên riêng à? Được thôi. Xin phép các vị.”

“Hobie,” tôi nói ngay khi tìm được một góc tương đối yên tĩnh. Tóc mai tôi đã ướt nhẹp. “Bác có biết ai tên là Havistock Irving không?”

Cặp mày nhạt nhíu lại. “Ai cơ?” Ông nói, rồi nhìn tôi kỹ hơn, “Cháu có thật là ổn không thế?”

Giọng điệu và vẻ mặt ông khiến tôi nhận ra ông biết rõ về trạng thái tinh thần tôi hơn là để lộ. “Có chứ,” tôi nói và đẩy kính trên sống mũi. “Cháu ổn. Nhưng mà, nghe này, Havistock Irving, cái tên ấy có quen thuộc tí gì không?”

“Không. Vì sao vậy?”

Có phần lộn xộn - tôi đang thèm muốn chết có một ly, thật là

xuẩn mới quên ghé lại ở quầy bar trên đường qua đây - tôi giải thích. Tôi càng nói, mặt Hobie càng thêm nghiêm lại.

"Hử," ông nói và nhìn quanh đầu đám đông. "Cháu có thấy ông ta không?"

"Ừm..." Cả một bầy đàn chen chúc quanh quầy búp phê, những chậu đá vụn, những người phục vụ xúc hàu ra hàng xô "kia kìa."

Hobie - ông bị cận, không mang kính - chớp mắt hai cái rồi nheo lại. "Ai," ông nói gắt, "cái kẻ có..." ông giơ hai tay lên ngang đầu ám chỉ hai túm tóc.

"Vâng chính thế."

"Ái chà." Ông khoanh tay, với vẻ lẹ làng thô tháp không giả trang khiến trong một thoáng tôi thấy Hobie kia - không phải chuyên gia đồ cổ mặc đồ may đo, mà là viên cảnh sát hay mục sư bặm trợn trong cuộc đời khác, giá ông chưa từng rời khỏi Albany.

"Bác quen à? Ai thế?"

"À." Hobie, không vui, vỗ vào túi áo ngực tìm điếu thuốc mà ở đây ông không được hút.

"Bác có quen ông ta không?" Tôi hỏi dồn, không thể không liếc về phía quầy bar nơi Havistock đang đứng. Đôi khi rất khó moi thông tin từ Hobie về những vấn đề nhạy cảm - ông thường đổi chủ đề, ngậm miệng, chuyển qua lơ đãng, và có nơi nào khó gặng hỏi ông điều gì đó nhất thì chính là cán phòng chật người lúc nào cũng có ai đó chực vui vẻ bước tới ngắt câu chuyện.

"Không thể gọi là quen được. Từng có việc với nhau. Hắn làm gì ở đây?"

"Bạn của cô dâu," tôi nói - và nhận thêm một ánh mắt giật mình trước giọng điệu của tôi. "Làm sao bác quen ông ta?"

Ông chớp mắt lia lịa. “À,” ông đáp có phần miễn cưỡng, “không biết tên thật là gì. Welty và bác biết hắn dưới cái tên Sloane Griscam. Nhưng tên thật - là một thứ khác hẳn.”

“Ông ta là ai?”

“Tu hú,” Hobie nói cụt lủn.

“À,” tôi đáp, sau một thoáng ngỡ ngàng. “Tu hú” là tiếng lóng trong nghề chỉ lũ cá mập chuyên nhờ thớ lợ mà lọt vào nhà những người già: để lừa họ lấy những đồ quý giá, hay nhiều khi cướp thẳng cánh.

“Bác...” Hobie đu đưa chân, lúng túng nhìn đi chỗ khác “ở đây thì có nhiều món ngon lành cho hắn, hẳn rồi. Lừa đảo hạng siêu - hắn cùng tên đồng bọn nữa. Cả hai đều khôn như quỷ.”

Một nhân vật đầu hói cười rạng rỡ đeo cổ áo thầy tu đang len lỏi đến chỗ chúng tôi; tôi khoanh tay, cố đứng nghiêng xoay người lại ông ta, chặn đường tiến, hy vọng Hobie sẽ không nhìn thấy mà bỏ ngang cầu chuyện để chào ông ta.

“Lucian Race. Hoặc ít nhất đấy là tên hắn dùng. Ồ, một cặp đôi hoàn hảo. Cháu hiểu không - Havistock, hay là Sloane, hay là bất cứ bộ mặt nào của hắn, sẽ tán tỉnh các bà già, và cả các ông già nữa, nắm thông tin họ sống ở đâu, ghé lại thăm nom... chúng sẽ săn đuổi họ trong các bữa tiệc tôi gây quỹ, đám tang, buổi đấu giá Di Sản Mỹ, khắp mọi nơi. Dù sao thì...” - chăm chú nhìn ly rượu - “hắn sẽ ghé thăm cùng ông bạn đáng quý của hắn, là ông Race, và trong lúc các cụ già đang mải chuyện... thực tình, kinh khủng lắm. Nữ trang, tranh vẽ, đồng hồ, đồ bạc, bất kỳ thứ gì chúng sờ tới được. Hừm,” ông chợt đổi giọng nói. “Từ lâu lắm rồi.”

Tôi khao khát muốn uống gì đấy đến nỗi khó mà không liên tục nhìn về phía quầy bar. Chưa chi đã thấy Todd chỉ trỏ tôi cho

một cặp ông bà già đang toét miệng cười với tôi, như chỉ chực lập cập đến gần tự giới thiệu, và tôi bướng bỉnh xoay lưng lại. “Người già ư?” Tôi nhắc lại với Hobie, hy vọng có thêm được chút thông tin.

“Phải - bác không muốn nói vậy, nhưng chúng rình rập nhiều người thuộc loại bất lực. Bất kỳ ai mở cửa cho chúng vào. Và phần lớn các ông bà già không có nhiều đồ lắm, chỉ một lượt là chúng khoắng sạch sành sanh, nhưng nơi nào mà có của ngon vật lạ ấy ư?... à, chúng sẽ xúc tiến những giỏ hoa quả và chuyên trò thần tín và vỗ về bàn tay hàng tuần liền...”

Ông thầy tu, hay mục sư, hay gì cũng được, đã thấy tôi đang bận và giơ tay chào thân tình - “Gặp sau nhé!” - rồi lách qua đám đông đi mất, khi tôi dành cho ông một nụ cười cảm tạ. Đấy có phải ông giám mục Tân giáo tên Gì Không Nhớ được chọn làm người cử hành hôn lễ cho chúng tôi không nhỉ? Hay là một trong mấy ông cha Công giáo ở nhà thờ St. Ignatius mà bà Barbour đã mê mẩn từ hồi Andy cùng ông Barbour qua đời?

“Miệng lưỡi ngọt ngào kinh khủng. Đôi khi chúng sắm vai người thẩm định đồ đạc, tự nguyên định giá miễn phí cho họ, nhờ thế lọt được vào nhà. Hoặc với những ca thực sự tệ hại - nằm liệt giường, ngu ngu ngơ ngơ - thì chúng gạt các hộ lý tại nhà, xưng là họ hàng. Tuy thế đi nữa... ” Hobie lắc đầu. “Cháu đã ăn gì chưa?” Ông đổi giọng, tỏ ra muốn chuyển đề tài.

“Rồi ạ,” tôi nói, dù thực ra là chưa, “cảm ơn bác, nhưng còn...” “Ôi, tốt quá!” nhẹ mình. “Có cả hàu kìa, cả trứng cá nữa. Món cua cũng ngon lắm. Hôm nay cháu không đến ăn trưa. Bác để lại đĩa thịt bò hầm cho cháu, đậu xanh và xa lát nữa - cháu không ăn, bác thấy còn nguyên trong tủ lạnh...”

“Thế bác với Welty thì có việc gì với ông ta?”

Hobie chớp mắt. “Xin lỗi?” Ông nói bằng cái giọng lơ đễnh thường lệ. “À…- hất hàm về phía Griscam - “Hắn ư?”

“Vâng.” Ánh sáng hội hè trong phòng - đèn đóm, gương, lò sưởi cháy bừng bừng, đèn chùm lấp lánh - đã đem lại cho tôi cảm giác kinh dị là bị dồn ép và theo dõi từ khắp các phía.

“À…” Ông ngoảnh đi - người ta vừa bưng ra một bát trứng cá mới, ông đã dợm chân muốn đi lại bàn ăn - rồi nhượng bộ. “Hắn xuất hiện ở cửa hiệu với cả đống nữ trang đồ bạc muốn bán, nhiều năm trước rồi, thế đấy. Kêu là đồ trong gia đình. Chỉ có điều, một hũ rắc muối - cái đó rất xưa, rất quan trọng, và Welty biết, vì ông biết bà già đã được ông bán cho. Và ông cũng biết bà vừa trúng quả lừa của một cặp tu hú lọt vào nhà, giả vờ quyên góp sách cũ cho từ thiện. Dù sao thì Welty đã nhận mấy món đó coi như ký gửi, rồi gọi cho bà già, và gọi cho cảnh sát. Còn bác, hừm, về phần bác…” thấm mồ hôi trán bằng miếng khăn hoa Liberty trong túi áo, khẽ đến mức tôi gần như không nghe thấy, nhưng sợ không dám bảo ông nói lớn lên “mười tám tháng trước đó bác còn mua hẳn một *một gói thanh lý - toàn bộ nhà* từ hắn, đáng ra bác phải nhận ra có điều không ổn, nhưng… không xác định nổi là gì, không hẳn. Tòa nhà mới tinh ở Khu 80 Đông - một bộ sưu tập kỳ dị đồ cổ Mỹ chồng đống vào nhau giữa phòng, hộp đựng trà, đồng hồ hình đàn banjo, hình người gọt bằng xương cá voi, ghế Windsor đủ để trang bị cho cả cái trường - nhưng không có thảm, không xô pha, không có chỗ nào để *ăn*, không có nơi để *ngủ* - hừm, bác tin là cháu thì sẽ nhận ra trước bác. Không có nhà, không có bà già nào. Chỉ là một căn hộ hắn thuê mấy ngày để chứa đống đồ ăn cắp. Và còn một vấn đề nữa, chính điều đã làm bác sơ ý là, bác biết tên tuổi hắn vì lúc đó hắn có cái cửa hiệu nho nhỏ, thực ra chỉ là chỗ trưng bày thôi, một phòng kho nhỏ xíu

ngay trên Madison không quá xa nhà đấu giá Parke-Bernet cũ, một chỗ rất xinh, chỉ mở cửa theo hẹn. Đồ cổ Chevallet. Nhiều món Pháp thực sự kinh điển - không phải thứ bác sành. Mỗi lần qua đó, cửa đều đóng, bác thường đứng nhìn vào cửa sổ. Không hề biết ai là chủ nơi đó cho tới khi hắn ta liên hệ với bác muốn bán hàng."

"Và?" Tôi nói, lại xoay lưng, gửi lời thần giao cách cảm mong Platt sẽ tránh xa tôi cùng với giám đốc nhà xuất bản mà anh ta đang đắc thắng dẫn về phía tôi.

"Và..." ông thở dài "nói vắn tắt, vụ đó ra tòa, bác với Welty làm chứng. Sloane - tên *delapilateur*[155]như Welty gọi - tới lúc đó đã mất tăm không tung tích - cửa hàng chớp mắt đã dọn sạch, 'cải tạo lại', không bao giờ mở lại, tất nhiên. Nhưng còn Race thì bác nhớ đã đi tù."

"Đấy là bao giờ?"

Hobie nhấm ngón trỏ, suy nghĩ. "Ôi trời đất, phải đến... ba mươi năm? Ba mươi lăm là khác?"

"Còn Race?"

Lông mày ông sầm lại. "*Hắn* cũng ở đây ư?" Lại nhìn qua đám đông.

"Cháu chưa thấy."

"Tóc thế này." Hobie làm hiệu bằng đầu ngón tay, dưới gáy một chút. "Qua cổ áo. Như người Anh vẫn để. Người Anh thuộc một thời nào đó."

"Tóc trắng à?"

"Hồi đó thì không. Có thể bây giờ. Và cái miệng nhỏ, ác độc..." - ông chu môi - "như thế này."

“Đúng là hắn.”

“Ờ...” Ông lục túi tìm đèn kính lúp, trước khi có vẻ nhớ ra là không cần đến. “Cháu đã đề xuất trả lại tiền cho hắn ta rồi. Vậy nên nếu đấy *đúng* là Race - bác không hiểu sao hắn phải làm tới nữa, vì hắn hoàn toàn không ở vị thế có thể gây rối hay đòi hỏi gì, phải không?”

“Vâng,” tôi nói sau một hồi lâu, dù lời nói dối nặng nề đến mức tôi phải cố lắm mới ép được chữ ấy khỏi mồm.

“Vậy thì thôi, đừng chau mày nữa,” Hobie nói, nhẹ người rõ rệt được thoát khỏi chủ đề này. “Đáng ra đây không nên là việc làm phiền cháu buổi tối nay. Mặc dù... ” vỗ vai tôi; ông đang nhìn quanh phòng tìm bà Barbour “hẳn là cháu nên báo động cho Samantha. Bà ấy không nên để tên lưu manh ấy vào nhà mình. Vì bất cứ lý do nào. Xin chào!” Ông nói, quay lại thấy cặp ông bà già cuối cùng đã rẽ được đám đông tới đứng mỉm cười chờ đợi sau lưng chúng tôi. “James Hobart. Tôi xin phép được giới thiệu hai người với chú rể.”

xxxiv.

BỮA TIỆC DIỄN RA TỪ SÁU đến chín giờ tối. Tôi mỉm cười, chảy mồ hôi, tìm cách đến bên quầy bar để rồi bị chặn đường hay cắt lối và mấy lần còn bị nắm tay kéo lại thẳng thừng, giống như Tantalus[156] chết khát ngay giữa khi nhìn thấy đường giải thoát - “*Anh ấy* đây rồi, nhân vật chính đây!” “Anh chàng tốt số!” “Chúc mừng!” “Này, Theodore, cậu *phải* gặp Francis anh họ Harry mới được - nhà Longstreet và nhà Abernathy dâu gia với nhau *về* đằng nội, nhánh trên Boston tức ông nội của Chance, cậu biết đấy, là anh em con cô con cậu với... Francis? Ồ, hai người biết nhau ư?

Tuyệt quá! Còn đây là... Ôi Elizabeth, cô đây rồi, cho phép tôi bắt cóc cô một giây nào, cô trông mới *thật là* dễ thương chứ, bộ vét xanh ấy hợp với cô quá chừng, tôi nóng lòng được giới thiệu cô với...” Cuối cùng tôi cũng bỏ nguyện vọng được uống (và ăn), và - bị mắc kẹt giữa một đám người lạ dồn đuổi cứ không ngừng thay đổi - đứng đó chộp lấy vài ly sâm-panh từ những người bồi bàn đi ngang qua, đôi lúc lấy được một đĩa điểm tâm, những miếng bánh quiche lorraine tí xíu, bánh xèo Nga quấn trứng cá bằng ngón tay, người lạ đến rồi đi, nhốt cứng và lịch thiệp gật đầu giữa đám đông những kẻ dòng dõi, giàu sang, quyền lực...

(*đừng bao giờ quên cậu không nằm trong số họ*, lão bạn nghiện ở phòng Kế toán đã thì thào vào tai khi thấy tôi đi lại nói cười giữa những khách hàng bệ vệ trong một buổi bán hàng Nghệ thuật Hiện đại và Ấn tượng...)

... chết cứng rồi quay lại mỉm cười trong từng đám khách ngẫu nhiên khi thợ ảnh vụt tới, bị bẫy vào những mảnh vụn chuyện trò rải rác khắp phòng với nội dung ngủ gật về các ván gôn, chính trị, đội bóng của lũ con, trường học của lũ con, ngôi nhà thứ ba và thứ tư và thứ năm ở Hyères và Hyannis và Paris và London và Jackson Hole và sao Diêm vương và chẳng phải kinh khủng biết bao là Vail đã bị *nâng cấp gờm guốc biết bao*, có nhớ hồi chỉ là một ngôi làng xinh xắn không chịu được... anh thường trượt tuyết ở đâu hả Theo? Anh có *biết* trượt không? Trời ơi, thế thì *nhất quyết* là anh và Kitsey phải tới nhà chúng tôi ở...

Tôi để mắt tìm Hobie và Pippa, nhưng chẳng mấy khi thấy họ. Kitsey đùa bỡn dẫn người này người nọ tới giới thiệu với tôi, rồi mất tích như một chú chim bay vù khỏi bệ cửa sổ. Havistock thì, may thay, không thấy tăm tích. Rốt cuộc xung quanh cũng vãn bớt, tuy không nhiều; mọi người bắt đầu di chuyển về phía giá để

áo và những người phục vụ đang bắt đầu dọn bớt cái bánh ga tô cùng những đĩa tráng miệng khỏi bàn búp phê thì - kẹt giữa câu chuyện với một đám họ hàng Kitsey - tôi liếc qua phòng tìm Pippa (như vẫn làm, không đừng được, suốt buổi tối đó, cố bắt lấy cái đầu tóc đỏ của cô, điều duy nhất thú vị hay quan trọng trong cả phòng) - và ngạc nhiên tột độ thấy cô đứng bên Boris. Trò chuyện rất phấn khích. Nó gần như trùm lấy người cô, tay vắt hờ, điếu thuốc chưa châm rung rinh trong tay. Thì thầm. Cười lớn. Nó đang cắn tai cô ư?

"Xin lỗi," tôi nói và vội vàng chạy qua phòng tới chỗ họ bên lò sưởi - và, khớp nhau như một, cả hai cùng quay lại dang tay đón tôi.

"Chào cậu!" Pippa nói. "Bọn tớ vừa bắt đầu nói về cậu!"

"Potter!" Boris nói và ôm choàng lấy tôi. Dù ăn diện đúng điệu, bộ vét sọc nhỏ màu lam (tôi vẫn thường để ý những hội người Nga túi đầy tiền trong cửa hàng Ralph Lauren trên Đại lộ Madison), nhưng có vẻ không có cách nào sửa sang nó cho sạch sẽ được: đôi mắt nhòe nhoẹt khiến trông nó dữ tợn và không đáng tin, và tóc nó tuy không hẳn là bẩn, nhưng nhìn vào có cảm giác bẩn. "Gặp anh bạn này mừng ghê!"

"Mừng ghê." Tôi đã mời Boris dù không hề tưởng tượng nó sẽ đến - tính Boris vốn không nhớ những thứ vặt vãnh như là ngày tháng hay địa chỉ, hay nếu có, cũng không nhớ đến đúng giờ. "Cậu biết đây là ai mà, phải không?" tôi quay sang Pippa nói.

"Tất nhiên là cổ biết tui rồi! Biết hết mọi chuyện của tui rồi! Bây giờ là bạn thân của nhau đấy nhớ! Giờ thì..." quay sang tôi, làm bộ điệu khoa trương "vài lời riêng với nhau nào. Cô bạn cảm phiền cho bọn tui nhớ?" nó nói với Pippa.

“Lại chuyện riêng nữa ư?” Đùa bỡn đá vào chân tôi bằng đôi giày vũ ba lê.

“Đừng lo! Sẽ mang anh bạn này trả lại thôi mà! Chào nhớ!” Hôn gió một cái. Rồi, nói nhỏ vào tai tôi, khi chúng tôi đi xa: “Cô nàng tuyệt quá. Trời ạ, tau thật là khoái các nàng tóc đỏ.”

“Tao cũng thế, nhưng đấy không phải người tao sắp cưới.”

“Không phải à?” Trông nó hết sức ngạc nhiên. “Nhưng cổ chào tau mà! Biết tên mà! A,” nó nói và nhìn tôi kỹ hơn, “mi đỏ mặt kìa! Đúng thế, Potter!” nó rên lên. “Đỏ mặt! Như một cô bé con!”

“Im mồm,” Tôi xuỵt qua kẽ răng, nhìn lại vì sợ cô nghe thấy.

“Vậy là không phải cô đó à? Không phải bé tóc đỏ à? Tiếc ghê há.” Nó đang nhìn quanh phòng. “Vậy là cô nào?”

Tôi chỉ. “Kia kìa.”

“À? Mặc áo xanh da trời ấy hả?” Nó thân mật véo cánh tay tôi. “Trời ạ, Potter! *Cô đó* hả? Người xinh đẹp nhất phòng! Thần thánh! Một nữ thần!” Làm bộ như muốn phủ phục xuống sàn nhà.

“Đừng, đừng…” tóm lấy tay nó, vội vàng xách lên.

“Một thiên thần! Thẳng từ thiên đàng xuống! Tinh khiết như giọt lệ trẻ sơ sinh! *Quá* tốt cho những đứa như mi…”

“Phải, tao nghĩ đấy là nhận định chung.”

"... mặc dù... ” Nó với lấy cốc vodka của tôi tợp một miếng lớn rồi trả lại - “trông có vẻ hơi nữ hoàng băng giá, hả? Tau thì thích các cô ấm áp hơn. Cô này - cô này là một đóa huệ, một bông tuyết! Ở chốn riêng tư thì ít lạnh lẽo hơn chứ hả?”

“Mày sẽ ngạc nhiên cho mà xem.”

Lông mày nó nhướng lên. “À. Và... đấy là cái cô...”

“Phải.”

“Cổ thừa nhận à?”

“Ừ.”

“Vậy nên mi không đứng với cổ. Mi bực mình.”

“Đại khái thế.”

“Chà...” Boris luồn tay vào tóc “mi phải ra nói chuyện với cổ thôi.”

“Tại sao?”

“Vì chúng mình phải đi.”

“Đi? Vì sao?”

“Vì tau cần mi đi dạo với tau một lúc.”

“Tại sao?” Tôi hỏi và nhìn quanh phòng, ước gì nó không lôi tôi đi khỏi Pippa, tuyệt vọng muốn tìm thấy cô trở lại. Nến và ánh lửa da cam nơi cô vừa đứng khiến tôi nghĩ đến hơi ẩm trong quán bar, như thể ánh sáng ấy có thể là con đường trở lại đêm qua, trở lại cái bàn gỗ nhỏ chúng tôi ngồi, đầu gối chạm nhau, mặt cô tắm trong chính luồng sáng nhuốm màu cam ấy. Phải có cách nào cho tôi đi qua phòng, nắm lấy tay kéo cô về lại giây phút ấy chứ.

Boris hất tóc rủ xuống mắt. “Đi nào. Mi sẽ mừng hết lớn nếu nghe tin của tau cho coi! Nhưng mi phải về nhà. Lấy hộ chiếu. Lại còn vấn đề tiền nong nữa.”

Đằng sau vai Boris: những khuôn mặt không thể khuấy động của những đàn bà lạ mặt lạnh lẽo. Gương mặt trông nghiêng của bà Barbour, hơi ngoảnh vào tường, nắm chặt bàn tay của ông thầy tu hớn hở đột nhiên có vẻ không còn hớn hở như trước.

http://tieulun.hopto.org

“Gì? Mi có nghe tau không đấy?” Lắc tay tôi. Cũng giọng nói đã lôi tôi trở lại mặt đất không biết bao nhiêu lần, từ những bầu trời hình phân dạng bốc mùi keo khi tôi nằm trên giường, mắt mở nhưng vô thức, nhìn chằm chằm những vụ nổ màu trắng-xanh ấn tượng trên trần nhà.

“Đi nào! Vào xe sẽ nói. Đi thôi. Tau có vé cho mi rồi...”

Đi? Tôi nhìn nó. Đấy là từ duy nhất tôi nghe thấy.

“Tau sẽ giải thích. Đừng có nhìn tau như vậy! Mọi thứ đều OK cả. Không việc gì phải lo. Nhưng - đầu tiên - mi phải thu xếp có thể mất tích mấy hôm đã. Ba hôm. Hết cỡ đấy. Thế nên...” phẩy tay “đi, đi nói với cô Bông Tuyết rồi biến khỏi đây thôi. Ở đây không hút thuốc được, phải không?” Nó nói và nhìn quanh. “Không ai hút cả?”

Biến khỏi đây thôi. Đấy là những chữ duy nhất có nghĩa tôi nghe được từ bất kỳ ai tối nay.

“Vì mi phải về nhà *ngay lập tức*.” Nó đang gắng hết sức nhìn vào mắt tôi như ngày xưa. “Lấy hộ chiếu. Và - tiền nữa. Mi có tại trận bao nhiêu tiền mặt?”

“À, trong nhà băng,” tôi nói và đẩy kính lên sống mũi, không hiểu sao lại tỉnh ra trước giọng điệu nó.

“Tau không nói chuyện trong nhà băng. Hay ngày mai. Tau nói chuyện có tại trận. Ngay bây giờ.”

“Nhưng...”

“Tau sẽ trả lại, tau hứa mi đấy. Nhưng chúng mình không thể đứng đây thêm chút nào nữa. Chúng mình phải đi. Ngay bây giờ. Nào mi, đi thôi,” nó nói và thân thiện đá khẽ vào ống quyển tôi.

XXXV.

"ANH ĐÂY RỒI, ANH YÊU," Kitsey nói, luồn tay qua khuỷu tay tôi và kiễng chân hôn lên má - cái hôn cùng một lúc lọt vào ống kính một bầy nhiếp ảnh gia đảo tròn quanh cô: một kẻ từ mấy trang báo xã giao, kẻ kia được Anne thuê trọn gói cho buổi tối. "Thế này có tuyệt vời không chứ? Anh đã mệt nhoài chưa nào? Em hy vọng gia đình em không làm anh ngợp quá chứ! Annie thân yêu..." chìa tay cho Anne de Larmessin, tóc vàng cứng đờ, váy taffeta cứng đờ, khoảng da trên cổ nhăn nhúm không hợp với khuôn mặt căng mịn có đường nét hoàn hảo "nghe này, thật là không thể tuyệt diệu hơn... mẹ nghĩ ta chụp chung một bức ảnh gia đình được không? Chỉ có mẹ, con và Theo? Ba người ta thôi?"

"Nghe này," Tôi sốt ruột nói, ngay khi pô ảnh gượng gạo kia đã xong và Anne de Larmessin (hẳn nhiên không hề coi tôi mảy may gọi là gia đình) đã lướt đi chào tạm biệt mấy người khách khác, quan trọng hơn. "Anh phải đi đây."

"Nhưng..." Cô có vẻ bối rối "em nghĩ Anne đã đặt bàn ở đâu đó..."

"Ờ, thế thì em sẽ phải bịa ra cớ cho anh thôi. Việc đó em thạo quá rồi còn gì, phải không?"

"Theo, đừng quá đáng."

"Vì *mẹ của em* thì không đi đâu, anh chắc chắn đấy." Gần như không thể nào bắt bà Barbour ra ngoài ăn tối ở nhà hàng được nữa, trừ khi đấy là một nơi bà tin chắc không gặp phải ai quen. "Cứ bảo là anh đã đưa mẹ về. Bảo là bà bị ốm. Bảo là *anh* bị ốm. Tưởng tượng đi. Em sẽ nghĩ ra gì đó thôi."

"Anh vẫn còn cú em đấy à?" Ngôn ngữ gia đình: *cú*. Một từ

Andy từng dùng hồi chúng tôi còn nhỏ.

"Cú à? Không đâu." Giờ chuyện đó đã lắng xuống, tôi đã quen với ý nghĩ ấy (Cable? Với Kitsey?), thì nó chỉ còn là một mẩu chuyện buôn thô lậu chẳng liên quan gì tới tôi. Cô đang đeo đôi hoa tai của mẹ tôi, tôi chợt nhận ra, bỗng dưng cảm động kỳ lạ vì cô nói rất đúng, nó chẳng hợp với cô tẹo nào, lòng nhói lên, tôi đưa tay chạm vào nó, rồi chạm vào má cô.

"Á!!!" Mấy kẻ tọc mạch rú lên ở đằng sau - hài lòng vì rốt cuộc cũng thấy chút biểu hiện thân thiết giữa đôi uyên ương hạnh phúc. Kitsey - lập tức bắt lấy cơ hội - tóm tay tôi hôn lên đó, khiến máy ảnh lại nhá lên một chập nữa.

"Được không?" Tôi nói nhỏ vào tai khi cô ghé lại gần. "Nếu có ai hỏi, thì bảo anh đi có việc. Bà già nào đó nhờ anh đến xem nhà để thanh lý."

"Được thôi." Phải lấy làm khâm phục Kitsey: cô thản nhiên như không. "Bao giờ thì anh quay lại?"

"À, chóng thôi," tôi nói nhưng không thuyết phục lắm. Tối sẵn lòng đi ra khỏi căn phòng đó và cứ đi mãi, suốt ngày, suốt tháng, tới khi ra đến bãi biển nào đó ở Mexico chẳng hạn, một bến bờ cô quạnh nơi tôi có thể lang thang một mình cho mãi đến khi bộ đồ này mủn ra rơi mất và sẽ làm gã nước ngoài điên đeo kính gọng sừng làm nghề sửa chữa ghế bàn kiếm sống. "Bảo trọng nhé. Và hãy chặn cái lão già Havistock đừng cho bước qua cửa nhà mẹ."

"À... " giọng cô nhỏ tới mức tôi hầu như không nghe thấy "gần đây ông ta quả là quấy nhiễu kinh khủng. Gọi điện *liên tục*, muốn ghé chơi, hết mang hoa lại sô-cô-la, tội nghiệp. Mẹ không chịu gặp ông ta. Cũng thấy hơi áy náy vì cứ xua đuổi ông ta."

"Ừ, đừng áy náy. Xua tận tình vào. Lão là một tên cướp giữa

ban ngày đấy. Giờ thì tạm biệt," tôi nói lớn, hôn đánh chụt lên má cô (máy ảnh rộ lên một lượt nữa, tấm ảnh mà mấy người chụp đã chờ hết buổi tối), rồi qua nói với Hobie (đang sung sướng xem một bức chân dung, cúi sát người khiến mũi chỉ còn cách tấm toan vài phân) rằng tôi sẽ phải đi xa ít lâu.

"Được thôi," Ông thận trọng nói và quay đi. Suốt thời gian làm việc với ông, tôi hầu như không bao giờ đi nghỉ, và chắc chắn là chưa bao giờ ra khỏi thành phố. "cháu với..." ông gật đầu *về* phía Kitsey.

"Không."

"Mọi thử vẫn ổn chứ?"

"Vẫn."

Ông nhìn tôi, lại nhìn qua phòng tới chỗ Boris. "Cháu biết đấy, nếu cháu cần bất cứ điều gì," ông đột ngột nói. "Cứ cho bác biết."

"Vâng, à," Tôi đáp - giật mình, không hẳn hiểu ý ông, cũng không biết cách nào đáp lại "cám ơn bác."

Ông nhún vai, có vẻ ngượng ngập, và chủ động quay lại với bức tranh. Boris đang đứng bên quầy rượu uống một ly sâm-panh và nhai chỗ bánh xèo trứng cá còn thừa lại. Thấy tôi, nó tu nốt ly và nghiêng đầu về phía cửa: *biến khỏi đây thôi*!

"Tạm biệt bác," Tôi nói với Hobie, bắt tay ông (một việc thông thường không mấy khi làm) và bỏ lại ông đang đưa mắt dõi theo tôi có phần khó hiểu. Tôi muốn chào Pippa nữa, nhưng chẳng thấy cô đâu. Cô ở đâu? Thư viện à? Nhà vệ sinh? Tôi quyết tâm phải nhìn thấy cô lần nữa - chỉ một lần thôi - trước khi đi. "Bác biết cô ấy ở đâu không?" tôi hỏi Hobie sau khi đi nhanh một vòng quanh các phòng; nhưng ông chỉ lắc đầu. Vậy là tôi lo âu đứng bên chỗ giữ áo thêm vài phút, đợi cô quay lại, tới khi, cuối cùng,

Boris với cái miệng nhét đầy đồ tráng miệng cũng tóm lấy tay tôi, kéo tuột xuống cầu thang và ra khỏi cửa.

http://tieulun.hopto.org

PHẦN 05

Chúng ta có nghệ thuật để khỏi chết vì sự thực.

— NIETZSCHE —

http://tieulun.hopto.org

11
Kênh quý ông

i.

CHIẾC LINCOLN TOWN vẫn đang chạy vòng quanh khối nhà - nhưng khi nó đỗ lại chờ chúng tôi, người lái không phải Gyuri mà là một gã tôi chưa từng gặp bao giờ, có kiểu tóc trông như được cắt trong nhà tù nhốt người say và đôi mắt xanh Bắc cực xuyên thấu.

Boris giới thiệu đôi bên bằng tiếng Nga. "*Privet*! *Myenya zovut Anatoly*[157]" gã kia nói, chìa bàn tay kín những vết tròn và sao màu chàm như hoa văn trên trứng Phục sinh Ukraina.

"Anatoly?" tôi thận trọng đáp. "*Ochyen priyatno*[158]*?*" Một tràng tiếng Nga trả lời, mà tôi không hiểu một chữ, đành quay sang Boris tuyệt vọng.

"Anatoly," Boris khoan khoái nói, "không biết một chữ tiếng Anh. Phải không hả, Toly?"

Đáp lại, Anatoly chỉ giương mắt nhìn chúng tôi nghiêm nghị trong kính chiếu hậu và làm thêm một bài diễn văn nữa. Những vết xăm trên khớp ngón tay của anh ta là một thứ mã hiệu trong tù, tôi tin chắc: các vòng mực ám chỉ thời gian kết án, thời gian đã ngồi, thời gian được đánh dấu từng nấc một như vòng tuổi trên cây.

"Nó nói mi nói giỏi," Boris mỉa mai nói. "Được dạy dỗ phép lễ độ cẩn thận."

http://tieulun.hopto.org

“Gyuri đâu?”

“À - ảnh bay qua đó hôm qua,” Boris nói. Lục lọi túi ngực áo vét.

“Qua đó? Qua đâu?”

“Antwerp.”

“Tranh của tao ở đó à?”

“Không.” Boris đã lấy ra hai tờ giấy trong túi, liếc qua trong ánh sáng yếu trước khi đưa cho tôi một tờ. “Nhưng căn hộ của tau ở Antwerp, xe cũng thế. Gyuri đi lấy xe và vài thứ, sẽ lái đến đón chúng mình.”

Giơ tờ giấy lên ánh sáng, tôi thấy đấy là bản in vé điện tử:

ĐÃ XUẤT VÉ

DECKER/THEODORE DL2334

NEWARK LIBERTY INTL (**EWR**)

đến AMSTERDAM, HÀ LAN (**AMS**)

GIỜ LÊN MÁY BAY **12:45** AM

THỜI GIAN BAY 7 GIỜ 44 PHÚT

“Từ Antwerp tới Amsterdam chỉ mất ba tiếng lái xe,” Boris nói. “Chúng mình sẽ tới Schiphol gần như cùng lúc - tau có thể sau mi một tiếng - tau nói Myriam đặt vé hai chuyến khác nhau. Tau còn quá cảnh qua Frankfurt. Mi bay thẳng.”

“Đêm nay à?”

“Ừ - ờ, mi thấy đấy, không còn nhiều thời gian…”

“Thế sao tao lại phải đi?”

“Vì có thể tau sẽ cần người giúp, mà tau không muốn đem theo ai khác vào vụ này. À - có Gyuri. Nhưng cả Myriam tau cũng không nói mục đích chuyến đi. Ồ, tất nhiên, tau *có thể* nói,” nó ngắt lời tôi. “Chỉ có điều, càng ít người biết càng hay. Dù sao thì mi cũng phải chạy vào lấy hộ chiếu và tiền đi, có bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Toly sẽ đưa chúng mình ra Newark. Tau…” nó vỗ vào cái vali nhỏ gọn, mà tôi chỉ vừa liếc thấy ở ghế sau “tau thì đầy đủ hết rồi. Sẽ đợi mi trong xe.”

“Còn tiền thì sao?”

“Có nhiêu lấy đó.”

“Đáng ra phải báo tao trước.”

“Không cần. Tiền à…” nó đang lần sờ tìm thuốc “à, tau sẽ không bắt mi phải vét kho đâu. Mi có bao nhiêu, hoặc tiện lấy bao nhiêu cũng được. Vì không quan trọng, chỉ để làm hàng thôi.”

Tôi tháo kính, lau vào tay áo. “Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là…” gõ gõ khớp ngón tay vào cạnh đầu, cử chỉ ngày xưa, *đầu đất* - “nghĩa là tau định trả tiền, nhưng không trả hết số yêu cầu. *Thưởng* cho chúng nó đã ăn cắp của tau ấy à? Vì làm thế thì có gì ngăn cản chúng nó lại cướp của tau bất cứ khi nào muốn? Điều đấy dạy cho nó bài học gì đấy? ‘Thằng này yếu rớt’ ‘Mình muốn làm gì nó cũng được.’ Nhưng…” giật chân bắt tréo nhau, lần khắp người tìm bật lửa “tau muốn chúng nó nghĩ mình sẵn sàng trả đủ. Có thể mi muốn ghé vào máy nào rút tiền, có thể trên đường hay đến sân bay cũng được. Trông sẽ đẹp, tiền mới ấy. Tau nghĩ chắc là chỉ được phép mang vào mười ngàn đơn vị tiền, ở EU…? Nhưng tau sẽ buộc chỗ còn lại bỏ trong cặp. Hơn nữa…” - chìa thuốc cho tôi - tau nghĩ bắt mi chi hết toàn bộ là không thỏa đáng. Tau sẽ đưa thêm khi nào chúng mình qua đó. Coi như tặng

mi. Và séc nữa - ít nhất thì cũng là séc dỏm - chi phiếu dỏm, ngân phiếu dỏm. Nhà băng ma dưới Trung Mỹ. Trông rất đẹp, trông xịn lắm. Tau không biết phần đó có suôn sẻ không. Chúng mình phải tùy cơ ứng biến thôi. Không ai có đầu óc mà lại nhận chi phiếu thay tiện đổi lấy một món thế này! Nhưng tau nghĩ là chúng nó thiếu kinh nghiệm, tuyệt vọng nữa, nên là…" - nó bắt tréo ngón tay - "tau vẫn hy vọng. Rồi xem!"

ii.

TRONG KHI ANATOLY cho xe vòng quanh khối nhà thì tôi chạy vào cửa hiệu, chộp lấy tất cả số tiền chưa gửi nhà băng mà không thèm đếm, đâu như khoảng mười sáu nghìn. Rồi tôi chạy lên nhà và trong khi Popper đi lại, lượn vòng, ư ử lo lắng, quẳng đồ vào túi: hộ chiếu, bàn chải, dao cạo, tất, đồ lót, cái quần dài vía đầu tiên tôi thấy, vài chiếc sơ mi dự trữ, áo len. Cái hộp Redbreast Flake ở dưới đáy ngăn để tất, tôi cũng chộp lấy và rồi buông ra, rồi dập ngăn kéo vào thật vội.

Trong lúc tôi vội vàng chạy qua hành lang, con chó sát gót, đôi bốt Hunter của Pippa ở ngoài cửa phòng ngủ khiến tôi dừng phắt lại: màu xanh lá sáng mùa hè của nó trong óc tôi hòa lẫn với cô, và với hạnh phúc. Trong một lúc tôi dừng chân, lưỡng lự. Rồi tôi trở lại phòng, lấy cuốn *Ozma* xứ Oz ấn bản đầu tiên và viết lời nhắn thật nhanh để không có thời gian đổi ý. *Đi an toàn nhé. Tớ yêu cậu. Thật đấy.* Tôi thổi cho khô rồi nhét vào cuốn sách, đặt sách trên sàn cạnh đôi bốt. Khung cảnh trên thảm lúc này (Thành phố Ngọc Lục Bảo, đôi ủng xanh, màu của Ozma) trông như thể tôi vừa rơi trúng một bài haiku hay một tập hợp chữ hoàn thiện để giải thích cho cô hiểu cô là như thế nào với tôi. Trong một giây tôi đứng im phăng phắc, đồng hồ tích tắc, những

ký ức đã nhấn chìm từ thơ ấu, cửa mở ra để lộ những giấc mơ xưa sáng ngời có chúng tôi đi dạo cùng nhau trên thảm cỏ mùa hè - rồi, quả quyết, quay lại phòng lấy chuỗi vòng cổ đã réo gọi tôi trong phòng trưng bày ở nhà đấu giá, hô tên cô: nhấc khỏi cái hộp nhung màu lam tím và nhẹ nhàng vắt lên một chiếc bốt, để một vệt vàng hứng ánh sáng. Topaz, thế kỷ 18, chiếc vòng xứng với một nữ hoàng tiên có ba viên đá treo vào chiếc nơ khảm kim cương, những viên đá to đùng, trong vắt màu mật ong: đúng sắc độ mắt cô. Khi tôi quay đi, tránh nhìn bức tường toàn ảnh cô trước mặt, rồi vội vàng chạy xuống nhà, cảm giác trong tôi là nỗi kinh hoảng pha sướng ngất thời thơ ấu khi vừa ném hòn đá vào cửa kính. Hobie sẽ biết đích xác cái vòng trị giá bao nhiêu. Nhưng tới khi Pippa tìm thấy nó, cùng lời nhắn, tôi đã đi xa rồi.

iii.

CHÚNG TÔI ĐI TỪ HAI NHÀ GA KHÁC NHAU, nên đã chia tay trên vệ đường nơi Anatoly thả tôi xuống. Cánh cửa kính trượt ra với một tiếng gió hầu như không nhận thấy. Vào trong, qua cửa an ninh, qua mặt sàn sáng bóng cửa sảnh đi trước bình minh, tôi nhìn các màn hình rồi đi qua những cửa hàng tối đèn, cửa sắt an ninh buông kín, Brookstone, Tie Rack, xúc xích Nathan, nhạc thập niên 70 réo rắt dần lọt vào ý thức (*tình yêu… tình yêu cho ta bên nhau… nghĩ về anh em nhé…*) qua những cổng ra máy bay lạnh lẽo yêu ma, chăng dây và vắng vẻ ngoại trừ bọn trẻ lứa tuổi sinh viên nằm duỗi dài trên bốn ghế một lúc gà gật ngủ, qua quán bar lẻ loi còn mở cửa, quán kem sữa chua lẻ loi, cửa hàng miễn thuế lẻ loi nơi tôi, theo lời khuyên nhắc đi nhắc lại và có phần nài nỉ của Boris, ghé vào mua một chai vodka (“cứ mua đi cho chắc ăn… cồn chỉ có trong các hiệu do nhà nước quản thôi… có thể mi sẽ cần

hai chai đấy") rồi tới tận cùng, tới cổng ra máy bay của tôi, đông đặc, toàn những gia đình dân tộc thiểu số thẫn thờ, những dân du lịch bụi ngồi khoanh chân trên sàn, và những doanh nhân mùi khét, mặt nhờn mỡ ngồi gõ laptop, dáng điệu như thể đã quen trò này rồi.

Máy bay kín chỗ. Lê chân bước, đám đông chen lấn giữa lối đi (hạng thường, chính giữa hàng năm ghế), tôi tự hỏi làm thế nào mà Myriam kiếm nổi vé cho tôi. May là tôi đang mệt tới mức chẳng muốn nghĩ thêm gì nữa, và đã ngủ thiếp hầu như từ trước khi đèn cài dây an toàn đã tắt, bỏ qua đồ uống, bỏ qua bữa tối, bỏ qua hết các phim chiếu trong chuyến bay, chỉ thức dậy khi tấm che cửa sổ đã đẩy lên khiến ánh sáng tràn ngập khoang và cô tiếp viên đẩy xe đồ ăn mang tới những suất ăn sáng gói sẵn: những chùm nho để lạnh, những cốc nước hoa quả để lạnh, những bánh sừng bò béo mỡ, vàng như lòng đỏ trứng quấn màng bọc, và hỏi chúng tôi muốn cà phê hay chè.

Chúng tôi đã hẹn gặp ở nơi lấy hành lý. Các doanh nhân lặng lẽ nhấc vali rồi ù té chạy tới các buổi họp, các kế hoạch marketing, các người tình, ai biết? Những đứa nhãi bốc mùi cần, dán hình cầu vồng trên ba lô hò hét xô đẩy nhau, tìm cách chộp lấy những túi du lịch không phải của mình và cãi nhau xem đâu là quán cà phê phục vụ hút cỏ từ sáng sớm ngon nhất nên đến - "chúng mày ạ, phải đến Chim Xanh, *thề đấy*…"

"Không, chờ tí - Haarlemmerstraat? Không, tao chắc luôn, tao còn viết lại rồi mà? Trên tờ này? Không, từ từ đã chúng mày ơi, chúng mình đi thẳng ra đấy đi? Tao không nhớ tên nhưng nó mở sớm lắm mà còn có *bữa sáng* hơi bị chuẩn? Mà còn có thể gọi bánh xèo và OJ và Apollo 13[159] và hút ngay tại bàn?"

Cả lũ hùng dũng đi, phải đến mười lăm hai mươi đứa, phởn

phơ, tóc mượt, cười giỡn oang oang, vừa xốc ba lô vừa tranh cãi xem đi xe gì vào thành phố rẻ nhất. Dù không ký gửi hành lý, tôi cũng đứng ở nơi nhận hơn một tiếng, nhìn một cái vali quấn bọc chằng chịt ủ rũ quay hết vòng này đến vòng khác cho tới khi Boris xuất hiện sau lưng, chào hỏi bằng cách vung tay kẹp lấy cổ tôi ghì xuống và tìm cách đạp lên gót giày tôi.

"Đi nào," nó nói, "trông mi tã quá. Kiếm cái gì ăn đi, rồi nói chuyện! Gyuri cho xe chờ sẵn ngoài kia rồi."

iv.

KHÔNG HIỂU SAO TÔI không hề chờ đợi thấy một thành phố đã hóa trang đỏm dáng đón Giáng sinh: những cành thông và trang kim, những đồ trang trí hình sao ngàn cánh trên các cửa sổ và cơn gió buốt phả tới trên các kênh và lửa và những quầy hàng lễ và những người đi xe đạp, đồ chơi và kẹo và màu sắc, cảnh lộn xộn và óng ánh ngày lễ. Chó con, trẻ con, những kẻ buôn chuyện cùng những kẻ đứng hóng cùng những kẻ mang vác, những chú hề đội mũ quả dưa mặc áo đại cán quân đội, một chú làm xiếc nhỏ con nhảy nhót mặc áo quần Giáng sinh như trong tranh Avercamp. Tôi vẫn còn chưa tỉnh hẳn, và tất cả mọi thứ trước mắt dường như cũng chẳng thật hơn giấc mơ ngắn ngủi về Pippa trên máy bay, khi tôi bắt gặp cô trong công viên giữa bao nhiêu đài nước cao vút với một hành tinh đeo đai như sao Thổ treo thấp đường bệ trên bầu trời.

"Nieuwmarkt[160]," Gyuri nói khi chúng tôi đâm ra một khu đất lớn có một lâu đài cổ tích đủ cả tháp, và xung quanh, một chợ trời, những bó cành thường xanh đọng chút tuyết, những người bán đi găng to bự đang dậm chân, như một bức tranh minh họa

sách thiếu nhi. “Hô, hô, hô.”

“Lúc nào cũng có cả đống cảnh sát,” Boris cau có nói, trượt dài đập vào cửa khi Gyuri ngoặt gấp.

Vì nhiều lý do mà tôi rất quan ngại về vấn đề chỗ ở, và sẵn sàng xin kiếu nếu tình hình đến mức chiếm dụng nhà hoang hay là ngủ trên sàn nhà. May thay Myriam đã đặt phòng cho tôi tại khách sạn là một ngôi nhà ống bên kênh ở khu phố cổ. Tôi vứt túi, bỏ tiền vào két khóa lại rồi trở ra phố gặp Boris. Gyuri đã đi cất xe.

Nó thả điếu thuốc xuống mặt đường lát đá, nghiến nát dưới gót chân. “Tau không đến đây cũng khá lâu rồi,” nó nói, hơi thở bay ra trắng xóa, trong lúc đưa mắt đánh giá những người đi bộ ăn mặc đứng đắn trên đường. “Căn hộ Antwerp của tau - hừm, tau đến Antwerp đều vì công việc. Cũng là thành phố xinh đẹp lắm - cũng mây biển, ánh sáng như thế này. Rồi hôm nào đó chúng mình sẽ đến đấy. Nhưng tau cũng toàn quên là ở đây thích ghê nơi. Mi đói mềm chưa hửm?” nó nói và thụi vào tay tôi. “Có phiền nếu đi quanh một chút không?”

Trên những phố hẹp chúng tôi thơ thẩn, những ngõ hẻm ẩm ướt không đủ đi xe, những cửa hàng nhỏ màu hoàng thổ váng vất khói sương đầy tranh in cũ và đồ gốm sứ bắt bụi. Cầu đi bộ qua kênh: nước nâu, vịt nâu trơ trọi. Cốc nhựa nửa chìm nửa nổi dập dềnh. Gió rát ướt, mưa đá như những mũi kim chích, quảng trường quanh chúng tôi có vẻ thật ẩm và chật chội. Mấy kênh này không đóng băng mùa đông ư? Tôi hỏi.

“Có, nhưng…” quẹt mũi “do trái đất nóng lên, chắc vậy.” Mặc cái áo choàng và bộ vét từ bữa tiệc đêm trước, trông nó vừa hoàn toàn lạc chỗ lại vừa ung dung như ở nhà. “Thời tiết chó má! Chúng mình tạt vào đây tí? Mi thấy sao?”

Quán bar, hay cà phê, hay gì cũng được bẩn thỉu ven kênh chơi gỗ tối màu và phong cách hải dương, mái chèo, phao cứu sinh, nến đỏ cháy chập chờn giữa ban ngày và cảm giác sương khói hoang hoải tuyệt vọng. Ánh sáng khói xông, ẩm ướt. Nước đọng thành giọt nhỏ bên trong cửa kính. Không có thực đơn. Tít trong cùng có một bảng phấn viết loằng ngoằng những thứ đồ ăn tôi không hiểu nổi: *dagsoep*, *draadjesvlees*, *kapucijnerschotel*, *zuurkoolstamppot*.

"Đây, để tau gọi cho," Boris nói, rồi gọi món - bằng tiếng Hà Lan, thật kinh ngạc. Sản phẩm đưa đến là một bữa ăn đặc trưng Boris, gồm bia, bánh mì, xúc xích, khoai tây với thịt lợn và dưa cải sauerkraut. Boris, vui vẻ nhồm nhoàm - đang hồi tưởng về lần đầu tiên và duy nhất cố đi xe đạp trong thành phố (đâm sầm vào nhau, một thảm họa) cũng như về việc cá trích mới ở Amsterdam ngon lắm, nhưng may là không phải mùa vì có vẻ người ta ăn bằng cách nắm đuôi giơ lên rồi thả lủng lẳng dần xuống miệng, nhưng tôi còn quá mất phương hướng trước khung cảnh xung quanh nên không để ý nghe được, và với mọi giác quan sắc bén đến gần như đau đớn tôi cầm nĩa vần mớ khoai tây hổ lốn trên đĩa và cảm thấy tính xa lạ của thành phố này tấn công mình từ khắp phía, các loại mùi thuốc lá hay mạch nha hay nhục đậu khấu, những tường quán màu nâu sầu muộn như một cuốn sách bìa da, và xa hơn nữa, những lối đi tối và nước mằn mặn vỗ nhẹ, tầng trời thấp và nhà cửa cũ cứ dựa vào nhau, dáng vẻ ủ dột, thi ca, gần như sắp rơi qua bờ vực của sự tiêu diệt, vẻ cô đơn lát đá của một thành phố cho cảm giác - ít ra đối với tôi - như một nơi người ta đến hòng cho nước khép lại trên đầu mình.

Một chốc sau Gyuri đã tới nhập bọn, má đỏ hồng, hụt hơi. "Đỗ xe - ở đây hơi khó," anh ta nói. "Xin lỗi." Anh ta chìa tay cho tôi.

“Mừng gặp lại anh!” anh ta nói và ôm lấy tôi với vẻ ấm áp xem ra là chân thực, như thể tôi là người bạn cũ bấy lâu xa cách, khiến tôi giật mình. “Mọi chuyện ổn cả chứ?”

Boris, lúc này đã sang vại thứ hai, đang mải chuyện về Horst. “Tau không hiểu sao lão không chuyển đến Amsterdam,” nó nói trong lúc hân hoan gặm một cục xúc xích. “Suốt ngày than thở về New York! Ghét ghét ghét! Thế mà từ bao giờ rồi…” vẫy tay về phía con kênh ngoài cửa sổ mờ đục “mọi thứ lão ta yêu đều ở đây. Ngay cả ngôn ngữ cũng là ngôn ngữ của lão. Nếu lão thực tình muốn vui vẻ sống trên đời, Horst ấy? Muốn có một cuộc sống vui tươi hạnh phúc kiểu gì đó? Lão nên bỏ hai xịch quay lại cái chỗ cai độc nhanh rồi đến đây hút Buddha Haze[161] và đứng trong bảo tàng cả ngày.”

“Horst…?” tôi hỏi, nhìn từ người này qua người kia.

“Sao?”

“Anh ta có biết hai người ở đây không?”

Boris nuốt ực ngụm bia. “Horst hả? Không. Không biết. Dễ dàng hơn rất rất nhiều nếu Horst chỉ biết vụ nầy khi đã xong. Bởi vì…” liếm một đụn mù tạc trên ngón tay “tau nghi trúng phóc. Thằng Sascha chết giẫm ăn trộm cái đó. *Em trai Ulrika*,” nó sôi nổi nói. “Như vậy là ả Ulrika đẩy Horst vào thế bất lợi. Thế nên - tốt hơn nhiều nếu tau tự xử vụ này, hiểu không? Tau làm thế là giúp Horst đấy và lão không quên ơn đâu.”

“Mày nói ‘xử vụ này’ là sao?”

Boris thở dài. “Vụ này…” Nó nhìn quanh cho chắc không có ai nghe lỏm, dù trong quán chỉ có đúng ba chúng tôi “ừm, vụ này phức tạp lắm, tau nói ba ngày cũng chưa hết, nhưng tau cũng chỉ cần ba câu là nói xong.”

“Ulrika có biết nó lấy không?”

Mắt đảo tròn. “Biết chết liền.” Một câu tôi đã dạy Boris từ rất lâu, khi đùa giỡn ở nhà tôi sau giờ học. *Biết chết liền. Nghỉ đi.* Chiều tà sương khói sa mạc, rèm kéo xuống. *Chốt hạ xem nào. Nói luôn cho vuông. Quên khẩn trương.* Cũng bóng tối ấy trên mặt nó. Ánh sáng vàng nảy trên khung cửa ra hồ bơi.

“Tôi nghĩ Sascha sẽ phải ngu lắm mới đi nói với Ulrika,” Gyuri nói, vẻ mặt ra chiều lo lắng.

“Tau không biết Ulrika biết gì hay là không biết gì. Không quan trọng. Ả trung thành với em trai hơn với Horst, điều này ả đã chứng tỏ quá nhiều lần rồi. Cứ tưởng rằng…” oai vệ làm hiệu với cô phục vụ mang một vại cho Gyuri “cứ tưởng rằng Sascha sẽ khôn ngoan mà ngồi chờ ít nhất cũng một chốc! Nhưng không. Nó không đem tranh đi vay được ở Hamburg hay Frankfurt vì có Horst - vì Horst sẽ được bán tin tức khắc. Thế là nó mang đến đây.”

“Ơ này, nếu mày biết ai đang giữ nó thì chúng ta gọi cảnh sát là xong.”

Sự im lặng và vẻ ngơ ngác tiếp theo sau khiến tôi cảm giác mình vừa lôi ra một can xăng, đề nghị tự thiêu cả lũ.

“Ờ, tức là,” Tôi tìm cách chữa lại, sau khi cô phục vụ đã mang bia đến cho Gyuri, đặt xuống, lại bỏ đi, mà cả Gyuri lẫn Boris đều, chưa hề nói lời nào “Không phải đấy là cách an toàn nhất à? Dễ nhất nữa? Cảnh sát lấy lại được mà mày không phải nhúng tay vào đó?”

Tiếng chuông xe đạp *keng*, người đàn bà phi qua lanh canh trên vỉa hè, nan hoa xành xạch, áo choàng đen phù thủy tung bay.

“Vì…” liếc từ người này qua người kia “nếu mày thử nghĩ xem bức tranh đã trải qua những gì - *hẳn* đã trải qua những gì - tao không biết mày có hiểu không, Boris ạ, rằng người ta phải cẩn trọng thế nào ngay trong việc *vận chuyển* một bức tranh? Ngay trong việc *đóng gói* nó tử tế? Vì sao phải liều?”

“Tau chính là nghĩ thế.”

“Gọi điện nặc danh. Cho đám điều tra tội phạm nghệ thuật ấy. Họ không giống cảnh sát bình thường - không liên hệ gì với đám cảnh sát bình thường - họ chỉ quan tâm đến bức tranh thôi. Họ biết phải làm gì.”

Boris ngả người ra sau ghế. Nó nhìn quanh, rồi nó nhìn tôi.

“Không,” nó đáp. “Đấy không phải ý hay.” Nó nói với giọng giảng giải cho một đứa bé lên năm. “Và mi có muốn biết vì sao không?”

“Mày nghĩ đi. Đây là cách dễ nhất. Mày sẽ không phải động tay động chân tí nào.”

Boris thận trọng đặt cốc bia xuống.

“Họ có nhiều khả năng mang được bức tranh về không suy suyển nhất. Hơn nữa, nếu *tao* làm việc đó - nếu *tao* gọi cho họ - mẹ khỉ, tao có thể bảo Hobie gọi cho họ cũng được…” bưng hai tay lên đầu “có xoay chuyển cách nào thì cũng không phải mày bị đặt vào thế nguy hiểm. Tức là…” - tôi đang quá mệt, quá hoang mang: hai cặp mắt như hai mũi khoan Dremel, không nghĩ được “nếu là *tao* làm việc đó, hoặc ai khác không thuộc vào - ờ - tổ chức của mày…”

Boris hú lên cười, “*Tổ chức?* À…” lắc đầu quầy quậy đến nỗi tóc rũ cả vào mắt “tau nghĩ cũng có thể coi bọn tau là tổ chức gì đó

được, vì có tận ba người hoặc hơn…! Nhưng bọn tau không đông lắm, mà cũng không được tổ chức tốt lắm đâu, mi thấy đấy."

"Anh nên ăn gì đó đi," Gyuri báo tôi, trong quãng lặng căng thẳng nối tiếp đó, khi nhìn xuống đĩa thịt lợn, khoai tây còn nguyên trước mặt tôi. "Anh ấy nên ăn," anh ta bảo Boris. "Bảo anh ấy ăn đi."

"Cứ mặc nó chết đói nếu muốn. Dù sao thì," Boris nói, xiên lấy một miếng thịt lợn trên đĩa tôi bỏ vào mồm…

"Chỉ cần một cú gọi thôi. Tao gọi cũng được."

"Không," Boris nói, thình lình quắc mắt và đẩy ghế ra. "Mi không được gọi. Không, không, má nó chứ, im đi, mi *không được* gọi," nó nói, hếch cằm lên hung hăng khi tôi cố chen lời, tay Gyuri thình lình đặt lên cổ tay tôi, một cử chỉ tôi hiểu rất rõ, ngôn ngữ Vegas bị lãng quên xưa cũ những khi bố tôi ở trong bếp gào thét đây là nhà của ai? Ai trả tiền cho cái này?…

"Và và," Boris oai nghiêm nói, lợi dụng một khoảng trầm trong thái độ của tôi mà nó không lường trước, "tau muốn mi thôi ngay mấy cái chuyện gọi gọi này. Gọi gọi cái con kẹc," nó thêm, khi thấy tôi không đáp, vung vẩy tay trong không khí rất nực cười như thể "gọi" là một từ trẻ con dớ dẩn nào đó đồng nghĩa với "rồng" hay "xứ thần tiên". "Tau biết là mi muốn giúp, nhưng đề nghị như thế chẳng giúp được gì sất. Nên quên chuyện đó đi. Đừng có gọi gọi gì nữa. Dù sao thì," nó thân tình nói, đổ một phần cốc bia sang cốc tôi đã gần cạn. "Tau đang kể với mi đấy. Vì Sascha đang cực kỳ vội? Nó có nghĩ rành rọt không? Nó có tính trước quá một bước, hay là hai bước không? Không. Sascha là người lạ ở xứ này. Những mối quen biết ở đây có hại cho nó. Nó cần tiền. Và nó làm mọi cách để tránh xa Horst đến nỗi nó đâm sầm vào tau."

http://tieulun.hopto.org

Tôi không đáp. Tự tôi gọi cho cảnh sát là một việc rất dễ dàng. Không việc gì phải lôi Boris hay Gyuri vào đó.

“Vận may khủng khiếp, không phải sao? Và bạn chúng ta, ông người Georgia - rất giàu, nhưng cách rất xa thế giới của Horst và rất xa giới sưu tập, đến nỗi thậm chí không biết tên cái tranh. Chỉ thấy một con chim - con chim vàng nhỏ. Nhưng Anh Đào tin rằng ông ta nói thật, rằng ông ta đã thấy nó. Rất hùng mạnh trong lĩnh vực địa ốc? Ở đây và cả Antwerp? Hàng xấp tờ xanh và gần như là cha của Anh Đào, nhưng không phải người có học nếu mi hiểu ý tau.”

“Thế giờ nó ở đâu?”

Boris quẹt mũi sồn sột. “Tau không biết. Chúng nó không định nói cho ta biết, hiểu không? Nhưng Vitya đã liên lạc, bảo biết một người muốn mua. Nên đã hẹn gặp một buổi.”

“Ở đâu?”

“Còn chưa quyết. Chúng nó đã đổi chỗ đến nửa tá lần rồi. Bị hoảng mà,” nó nói vả làm điệu xoắn ngón tay quanh thái dương. “Có thể bắt ta chờ một hai ngày gì đó. Có thể ta chỉ được biết trước một tiếng.”

“Anh Đào…” tôi nói, rồi ngừng lại. Vitya là cách gọi thân mật tên tiếng Nga của Anh Đào, là Viktor - hay Victor nếu Anh hóa - nhưng còn Anh Đào thì chỉ là biệt hiệu còn Sascha tôi chẳng biết tí gì: tuổi không, họ không, dáng điệu không, không biết gì hết ngoại trừ chuyện hắn là em trai Ulrika - và cả điều này cũng khó chắc được theo nghĩa thông thường, khi Boris dùng chữ đó rất tùy tiện.

Boris mút một mẩu mỡ dính trên ngón cái. “Ban đầu ý tau là - sắp xếp gì đấy ở khách sạn của mi. Mi hiểu không - mi, người Mỹ,

đại gia, để mắt đến cái tranh. Chúng nó…" nó hạ giọng khi cô phục vụ đổi cốc rỗng lấy một cốc đầy, Gyuri gật đầu lịch sự và ghé vào nghe "chúng nó sẽ đến phòng mi. Bình thường vẫn thế. Rất là làm ăn đúng mực. Nhưng…" nhún vai khó nhận thấy "chúng chưa quen làm trò này, và đang bị hoảng. Chúng nó muốn tự chọn địa điểm."

"Địa điểm nào?"

"Chưa biết! Tau vừa nói đấy thôi! Chúng nó cứ đổi ý xoành xoạch. Nếu chúng nó muốn ta đợi - thì ta đợi. Phải để chúng nó tưởng mình là chúa. Bây giờ, xin lỗi," nó nói, vươn vai và ngáp dài, đưa đầu ngón tay dụi con mắt thâm quầng, "tau mệt rồi! Muốn chợp mắt!" Nó quay sang Gyuri nói gì đó bằng tiếng Ukraina, rồi quay lại tôi. "Xin lỗi," nó ghé lại quàng tay qua vai tôi. "Mi tự tìm đường về khách sạn được chứ?"

Tôi cố gỡ mình ra mà không quá lộ liễu. "Được. Mày ở đâu?"

"Căn hộ của bạn gái - Zeedijk."

"Gần Zeedijk," Gyuri nói, quả quyết đứng dậy, thái độ lễ độ nhưng hao hao kiểu quận đội. "Khu Phố Tàu ngày xưa."

"Địa chỉ là gì?"

"Không nhớ. Mi biết tau mà. Tau không thể giữ trong đầu mấy thứ như địa chỉ được. Nhưng…" Boris vỗ túi "khách sạn của mi."

"Ừ." Hồi ở Vegas, nếu có bao giờ chúng tôi bị tách nhau ra - chạy trốn cảnh sát ở trung tâm thương mại, túi đầy những thẻ quà tặng đánh cắp - thì nhà tôi luôn luôn là điểm hẹn.

"Thế là - tau sẽ đón mi ở đấy. Mi có số tau rồi, tau có số mi. Sẽ gọi khi có gì tiếp theo. Giờ thì…" vỗ bộp vào sau gáy tôi "đừng lo lắng nữa, Potter! Đừng đứng xị cái mặt ra thế! Nếu thua, thì

chúng mình thắng, và nếu thắng, chúng mình vẫn thắng! Mọi đằng đều tốt cả! Mi biết đi về lối nào, phải không? Chỉ cần đi đằng kia, rồi rẽ trái khi đến kênh Singel. Ừ, ở đó đó. Chúng mình sẽ gặp nhau sớm."

v.

TÔI RẼ NHẦM TRÊN ĐƯỜNG về khách sạn và mất vài giờ lang thang vơ vẩn, những cửa hàng treo bóng thủy tinh và những hẻm đường xám trong mơ với những cái tên không đọc nổi, những tượng Phật mạ vàng và đồ thêu Á Đông, bản đồ cổ, đàn harpsichord cổ, những cửa hiệu màu nâu xì gà đặc khói bán bát đĩa sứ và ly kim loại và những hũ ký kiểu Dresden từ xưa. Mặt trời đã lên, không khí quanh các kênh có vẻ sáng và gắt, một ánh lấp lánh hít thở được. Mòng biển lộn nhào trên trời, kêu thê thiết. Một con chó chạy qua, mồm ngậm cua còn sống. Trong trạng thái váng vất và mệt mỏi khiến tôi cảm thấy như bị tách lìa khỏi chính mình, như đang quan sát mọi sự từ xa nhìn lại, tôi bước qua những cửa hàng kẹo, những quán cà phê, những cửa hàng bán đồ chơi cổ và gạch men Delft từ thập niên 1800, những gương cổ và bạc lóe lên trong ánh nắng đượm màu rượu cô nhắc ấm cúng, những tủ ly khảm Pháp và những bàn kiểu cung đình Pháp, khắc hình dây hoa, mặt ván lạng dán đủ khiến Hobie trố mắt ngưỡng mộ - thực tế là cả cái thành phố mù sương, thân thiện, văn hóa cao này cùng những người bán hoa, những hiệu bánh, những *antiekhandel*[162] đều có gì đó giống Hobie, không chỉ vì đầy ắp cổ vật mà còn vì một vẻ lành mạnh rất Hobie, như là cuốn sách tranh cho trẻ vẽ những người thợ mặc tạp dề quét sàn nhà bên lũ mèo mướp ngủ gật trong khung cửa sổ đầy nắng.

Nhưng có quá nhiều điều phải xem, còn tôi thì đang ngợp và

mệt lả, lại lạnh nữa. Cuối cùng, nhờ giữ người qua đường lại hỏi dường đi (những bà nội trợ má đỏ ôm hoa đẩy tay, những cậu hippie bẩn xì gà đeo kính gọng mỏng), tôi lần ngược lại những cây cầu bắc ngang kênh và trở lại những đường phố hẹp thắp đèn tiến về khách sạn, ở đó tôi lập tức đổi ít đô-la ở bàn tiếp tân, lên xả nước tắm trong phòng tắm toàn những gương cong và thiết bị xa hoa, lai giữa Art Nouveau và một tương lai lạnh lẽo kiểu khoa học giả tưởng sống trong các hộp di động, rồi thiếp ngủ, mặt úp xuống giường - ở đó tôi bị đánh thức, mấy tiếng sau, khi điện thoại, quay tít trên bàn đầu giường, tiếng réo rắt quen thuộc khiến trong phút chốc tôi ngỡ mình đang ở nhà.

"Potter?"

Tôi ngồi dậy, với lấy kính, "Ừm..." Tôi chưa kéo rèm trước khi ngủ, giờ ánh phản chiếu từ mặt kênh nhảy nhót khắp trần nhà trong bóng tối.

"Sao thế? Mi đang phê à? Đừng có bảo mi đã đi quán cà phê đấy."

"Không tao..." Đầu váng vất, tôi hé một mắt nhìn quanh - cửa sổ mái và dầm nhà, tủ chạn và mặt dốc, và ngoài cửa sổ, khi tôi đứng dậy xoa đầu - cầu kênh thắp sáng trong những nét trang trí đá, vòm cong cong soi bóng lòng nước đen.

"Thế thì tau lên đây. Mi không có cô nào trên ấy chứ hửm?"

vi.

TỪ LỄ TÂN đi lên phòng tôi phải qua hai thang máy và một quãng đi bộ, nên tôi rất ngạc nhiên khi thoắt cái đã có tiếng gõ cửa. Gyuri tế nhị đi ra cửa sổ đứng xây lưng về phía chúng tôi, trong khi Boris nhìn tôi một vòng. "Mặc đồ đi" nó nói. Tôi đang đi

chân đất, mặc áo choàng ngủ của khách sạn và tóc dựng đứng vì tắm xong đi ngủ luôn. “Mi phải, chải chuốt lại. Đi - chải đầu, cạo râu đi.”

Khi tôi chui ra khỏi phòng tắm (nơi treo bộ vét để các vết nhăn giãn ra), nó bĩu môi chê bai và bình phẩm; “Mi không có món gì khá hơn à?”

“Đây là hàng Turnbull và Asser đấy.”

“Ừ, nhưng trông như mi vừa mặc đi ngủ ấy.”

“Tao đã mặc hơi lâu rồi. Tao cũng có sơ mi sạch hơn.”

“Vậy thì đổi đi.” Nó đang mở cặp táp ở đầu giường. “Lấy tiền của mi nữa, mang ra đây.”

Khi quay vào, vừa đi vừa cài nút cổ tay, tôi dừng sững giữa phòng khi thấy nó đang đứng bên giường, đầu nghiêng nghiêng, chăm chú lắp một khẩu súng ngắn: lắp kim hỏa với vẻ thành thạo rõ ràng như khi Hobie làm việc trong xưởng, kéo khóa nòng ra sau với một tiếng “cạch” mạnh và rất thực.

“Boris,” tôi nói, “cái đéo gì vậy.”

“Binh tình,” nó liếc xéo tôi nói. Đập đập túi, lấy một băng đạn ra lồng vào: tạch. “Không phải như mi nghĩ đâu. Không hề. Để lòe thôi!”

Tôi nhìn tấm lưng rộng của Gyuri, hoàn toàn bình thản, cũng cái lối điếc chuyên nghiệp mà đôi khi tôi đã sử dụng khi quay đi, trong cửa hiệu, khỏi một cặp vợ chồng cãi vã nhau xem có nên mua món này món nọ hay không.

“Chỉ là…” Nó đang tháo lắp cái gì đó tới lui trên khẩu súng, tay nhoay nhoáy, ướm thử rồi đưa lên mắt ngắm, những cử chỉ phi thực từ một tầng ngầm sâu bên trong bộ não nơi những bộ phim

đen trắng chập chờn chiếu hai tư giờ một ngày. “Chúng mình sẽ gặp chúng nó trên đất chúng nó, và chúng nó có ba người. Hừ, thực ra chỉ là hai. Hai người đáng kể. Và giờ mới cho mi biết - tau đã hơi lo là Sascha có thể ở đây. Vì khi đó tau không đi với mi được. Nhưng mọi thứ đã diễn ra tuyệt hảo, nên tau ở đây rồi!”

“Boris…” Khi đứng đó, tất cả đã thình lình ập vào tôi một lúc, trong một luồng nôn nao, nhận ra mình đã lạc đường vào một thứ khốn nạn ngu xuẩn như thế nào…

“Không phải lo! Tau đã lo thay mi rồi. Bởi vì…” vỗ lên vai tôi “Sascha quá run. Nó sợ không dám thò mặt ở Amsterdam - sợ tin sẽ báo về Horst. Và nó sợ rất có lý. Và đấy là điều rất rất tốt cho chúng mình.

“Thế đấy.” Nó đóng nắp súng đánh xạch: bạc crom, đen như thủy ngân, đặc và bóng loáng đến bóp méo cả không gian quanh nó như một giọt dầu máy trong cốc nước.

“Đừng nói là mày mang nó đi nhé,” tôi nói trong khoảng im lặng không tin nổi tiếp sau đó.

“Ờ, có chứ. Để bao - chỉ bỏ trong bao thôi. Nhưng mà từ từ,” nó nói va giơ bàn tay lên, trước khi mi bắt đầu nói…” dù tôi chưa hề nói gì, chỉ đứng đó trợn mắt kinh khiếp “tau phải bảo bao nhiêu lần nữa? Chỉ là để lòe thôi.”

“Mày đùa đấy chắc.”

“Hóa trang ấy mà,” nó nói nhanh, như thể không nghe thấy tôi. “Hoàn toàn giả bộ. Để chúng nó sẽ sợ không dám hó háy gì nếu thấy tau đeo nó, hiểu chưa?” nó nói thêm, khi thấy tôi vẫn đứng chết sững. “Biện pháp an toàn thôi! Vì là, vì là,” nó nói át tôi, “mi là ông nhà giàu, còn bọn tau là vệ sĩ và tình hình là thế. Chúng nó sẽ muốn thấy cảnh ấy. Tất tả đều rất văn minh. Và nếu

chúng ta sửa áo một chút…" nó đeo bao súng kín ở thắt lưng "chúng nó sẽ rất cung kính không dám giở trò gì cả. Còn nguy hiểm hơn nhiều nếu đi vào theo kiểu…" nó đảo mắt quanh phòng làm bộ một cô bé ngây ngô.

"Boris. Tôi lảo đảo, mặt tái ngắt. "Tao không làm được đâu."

"Không được cái gì?" Nó hếch cằm nhìn tôi, "Không ra được khỏi xe và đứng cạnh tau năm phút trong khi tau lấy cái tranh khỉ gió về cho mi hả? Thế nào?"

"Không, tao nói thật đấy." Khẩu súng nằm trên ga giường; con mắt hút ngay vào đó; nó dường như là kết tinh và khuếch đại của tất cả số năng lượng xấu đang ro ro trong không gian. "Tao không làm được. Nói nghiêm túc đấy. Bỏ qua chuyện này đi."

"Bỏ qua?" Boris nhăn nhó. "Đừng có thế chứ! Mi đã mang tau đến đây chẳng vì cớ gì và giờ tau ở thế kẹt rồi. Và giờ…" vung một tay ra "vào phút chót, mi bắt đầu điều kiện này nọ và bảo 'không an toàn, không an toàn' và chỉ đạo tau làm này làm kia ư? Mi không tin tau à?"

"Có, nhưng…"

"Thì thế đấy. Hãy tin tau vụ này đi. Mi là người mua," nó sốt ruột nói khi không thấy tôi trả lời. "Câu chuyện là thế. Đã dựng xong rồi."

"Đáng ra chúng ta nên bàn qua từ trước."

"Ồi thôi nào," nó thốt lên bực bội, nhặt khẩu súng trên giường nhét vào bao. "Đừng có lèo nhèo với tau nữa, sẽ bị muộn mất. Mi mà ở trong phòng tắm thêm hai phút nữa thì đã không thấy gì rồi! Chẳng hề biết có vũ khí trên người tau! Vì, Potter này, nghe tau đi. Mi nghe tau một chút được không? Tất cả những gì sẽ xảy ra là thế này. Chúng ta đi vào, năm phút, đứng đứng đứng, chúng

ta nói cho xong bài, *chỉ nói thôi*, mi lấy được cái tranh, ai cũng vui vẻ, chúng ta về rồi đi ăn tối. OK?"

Gyuri vừa từ cửa sổ nhích lại đây, đang nhìn tôi từ đầu đến chân. Cau mày lo lắng, anh ta nói gì đó với Boris bằng tiếng Ukraina. Một đoạn đối thoại không sao hiểu nổi. Rồi Boris giơ cổ tay, bắt đầu tháo đồng hồ.

Gyuri nói thêm gì đó và lắc đầu quầy quậy.

"Phải," Boris đáp. "Anh nói phải." Rồi nói với tôi và gật đầu: "Cầm lấy đi."

Platinum Rolex President. Mặt số khảm kim cương. Tôi đang cố nghĩ cách nào đó từ chối lịch sự thì Gyuri tháo cái nhẫn kim cương cắt vát to khủng bố khỏi ngón út và - háo hức, như đứa bé trao món quà tự tay làm ra - đưa cả hai cho tôi trong đôi bàn tay xòe rộng.

"Phải," Boris nói khi tôi lưỡng lự. "Ảnh nói phải. Trông mi không đủ giàu. Giá mà chúng mình chuẩn bị giày khác cho mi," nó nói và nheo mắt chê bai nhìn đôi giày đen cài khóa dưới chân tôi "nhưng đành vậy thôi. Giờ thì ta sẽ để tiền trong túi này..." quai da, chất đầy những cọc tiền bên trong "rồi đi." Bàn tay khéo léo thoăn thoắt, như cô hầu phòng soạn giường. "Những tờ to nhất lên trên cùng. Cả đống tờ trăm hấp dẫn. Đẹp rồi."

vii.

NGOÀI PHỐ: cảnh huy hoàng và mê man mùa lễ. Bóng đèn nhảy nhót, lấp lánh trên mặt nước đen: mái vòm chăng dây bên trên phố, những chuỗi đèn trên các thuyền qua kênh.

"Tất cả sẽ trơn tru êm ả thôi," Boris nói, chuyển kênh radio qua

Bee Gees, qua tin tức tiếng Hà Lan, tiếng Pháp, cố tìm một bài hát. “Tau đang đặt hy vọng vào việc chúng nó cần tiền thật nhanh. Càng chóng tống được cái tranh - càng ít nguy cơ đụng đầu Horst. Chúng nó sẽ không quá săm soi mấy tờ séc hay chi phiếu đâu. Chỉ thấy con số sáu trăm ngàn mà thôi.”

Tôi đang ngồi một mình ở băng sau bên túi tiền. (“Vì, thưa anh, anh phải quen làm người khách khả kính!” Gyuri đã nói vậy khi đi vòng qua mở cửa ghế sau xe cho tôi.)

“Mi hiểu không - điều tau hy vọng sẽ lừa được nó - chi phiếu thì cực kỳ hợp pháp,” Boris vẫn nói “Séc cũng vậy. Chỉ có ngân hàng là dỏm thôi. Anguilla. Người Nga ở Antwerp - cả ở đây nữa, trên Phố P. C. Hooftstraat - họ đến đầu tư, rửa tiền, mua tranh tượng, ha! Ngân hàng này vẫn ổn sáu tuần trước, nhưng giờ thì không ổn.”

Chúng tôi đã đi qua các kênh, đi qua dòng nước. Trên phố: các thiên thần đèn tuýp đủ màu, khuất bóng, vươn ra từ những nóc tòa nhà như tượng mũi tàu. Kim sa lam, kim sa trắng, đèn pha màu, từng chuỗi đèn trắng và sao Giáng sinh, chói lọi, không cách nào xuyên thủng, cũng xa lạ với tôi chẳng khác gì viên kim cương không tưởng đang lấp lánh trên ngón út tôi.

“Thế này, tau cần bảo với mi là,” Boris đã quên bẵng cái radio, quay xuống nói với tôi ở ghế sau, “tau muốn bảo mi đừng có lo. Thề bằng cả trái tim,” nó nói, mày nhíu lại, với tay lắc vai tôi động viên. “Mọi thứ ổn cả.”

“Ngon lành cành đào!” Gyuri nói và cười tươi rói trong gương chiếu hậu, rất vui vì đã nhớ được chữ đó.

“Kế hoạch đây. Mi muốn biết không?”

“Tao đoán là tao phải bảo có thôi.”

“Chúng mình sẽ bỏ xe. Ở ngoài thành phố một tẹo. Rồi Anh Đào sẽ đón mình ở điểm đó, rồi chở mình tới chỗ hẹn bằng xe nó.”

“Và tất cả sẽ êm như ru.”

“Tất nhiên rồi. Và tại sao? Mi có tiền mặt! Chúng nó chỉ cần thế thôi. Trừ đi chỗ séc khống, vẫn lời chán. Bốn mươi nghìn đô-la mà hầu như chẳng phải động tay? Không mấy! Sau đó - Anh Đào sẽ trả chúng mình lại ga ra, với cái tranh - và rồi - chúng mình đi ăn! Đi ăn mừng!”

Gyuri lầu bầu gì đó.

“Ảnh than phiền vụ ga ra. Kể cho mi biết thôi. Ảnh nghĩ đấy là ý tồi. Nhưng - tau không muốn đi bằng xe tau, mà chúng mình tuyệt đối không nên ăn vé phạt trong tình cảnh này.”

“Hẹn ở đâu?”

“Dào - hơi đau đầu. Phải đi ra ngoài thành phố rồi quành lại. Chúng nó khăng khăng đòi ở chỗ nó và Anh Đào cũng đồng ý vì - chà, thật đấy, thế tốt hơn. Ít nhất ở đất chúng nó sẽ không lo bị cớm xía vô.”

Chúng tôi đã ra đến một đoạn đường hiu quạnh hơn, thẳng và cô độc, xe cộ thưa thớt còn đèn đường cách xa nhau, và tiếng động cùng ánh lấp lánh tràn sinh lực của thành phố cổ, những vòm cửa đá thắp sáng, cái cấu trúc ngầm bên trong của nó - giày trượt bạc, lũ trẻ con vui vẻ dưới gốc cây - đã nhường chỗ cho vẻ trơ trụi thị thành quen thuộc: Fotocadeau, Locksmith Sleutelkluis[163], những biển bằng tiếng Ả rập, Shoarma, Tandoori Kebab, cổng khóa chặt, mọi thứ đóng kín.

“Đây là Overtoom,” Gyuri nói. “Không hẳn thú vị hay dễ chịu.”

“Đây là ga ra gửi xe của Dima đệ tau. Nó đã treo biển Hết chỗ để

đêm nay không ai quấy rầy. Chúng mình sẽ ở khu dài hạn - á," nó hét lên, "*blyad*," khi một cái xe tải bấm còi ông ổng không biết từ đâu tạt vào trước mũi xe, khiến Gyuri phải quành và đạp phanh gấp.

"Thỉnh thoảng người ở đây hơi hung hăng mà chẳng để làm gì," Gyuri u ám nói khi bật xi nhan và rẽ vào ga ra.

"Đưa tau hộ chiếu của mi," Boris nói.

"Tại sao?"

"Tại vì, tau sẽ khóa chặt nó trong ngăn để đồ chờ khi chúng mình về. Tốt hơn không giữ trên người, để phòng có chuyện. Tau cũng bỏ của tau nữa," nó giơ lên cho tôi thấy, "Cả Gyuri nữa. Gyuri công dân Mỹ lương thiện sinh quán đàng hoàng - phải," nó nói, bất kể Gyuri cười lớn phản đối, "với bọn mi thì hay rồi, nhưng còn tau? hộ chiếu Mỹ rất rất khó kiếm, và tau thực không muốn mất tí nào. Mi biết mà, phải không Potter," nó nói và nhìn tôi, "rằng bây giờ luật Hà Lan buộc mang theo giấy tờ tùy thân mọi nơi mọi lúc? Kiểm tra ngẫu nhiên trên đường - không có bị phạt. Nghĩ coi - Amsterdam? Nhà nước cảnh sát gì đây chứ? Ai mà tin được? *Ở đây?* Tau - chưa bao giờ. Ngàn năm nữa cũng không. Nhưng mà…" - đóng rồi khóa ngăn để đồ - "bị phạt rồi nói xàm cho qua còn hơn để đồ xịn trên người nếu bị giữ lại."

viii.

TRONG GA RA GỬI XE, giữa luồng đèn xanh ô liu chập chờn, rất sầu thảm, còn một vài chỗ trống trong khu vực gửi dài hạn dù có biển Hết chỗ. Trong lúc chúng tôi nhích vào chỗ, một người đàn ông mặc áo vét dày tựa vào chiếc Range Rover trắng ném điếu thuốc vào một đụn xỉ màu da cam rồi đi lại gần xe chúng tôi.

http://tieulun.hopto.org

Đường chân tóc đang hói, đôi mắt kính phi công đen và thân mình quân đội rắn chắc khiến ông ta có cái vẻ sương gió của một cựu phi công, một kẻ quản lý những thiết bị tinh xảo trong một khu thí nghiệm nào đó miền Ural.

"Victor," ông ta nói khi chúng tôi đã ra khỏi xe, bóp muốn nát tay tôi trong tay mình. Gyuri và Boris được một cái đập mạnh trên vai. Sau những mào đầu căng thẳng bằng tiếng Nga, một cậu thiếu niên mặt bột tóc xoăn tít trèo ra khỏi buồng lái và được Boris chào bằng cái vỗ nhẹ vào má cùng một điệu huýt sáo bảy nốt véo von: *Trên chiếc thuyền Kẹo Mút xinh tươi*[164].

"Đây là Shirley T," nó bảo tôi và xoa những lọn tóc quăn mù. "Shirley Temple. Bọn tau ai cũng gọi nó như thế - vì sao? Mi đoán được không?" - cười lớn trong lúc thằng nhóc không cưỡng được, cũng cười theo bối rối, lộ hai bên lúm đồng tiền sâu tít.

"Đừng để vẻ ngoài đánh lừa," Gyuri nhỏ giọng bảo tôi. "Shirley trông như bé con nhưng cũng có chí khí như bất kỳ ai trong chúng ta ở đây."

Lễ độ, Shirley gật đầu chào tôi - cậu ta có biết tiếng Anh không? Xem ra là không - và mở cửa sau chiếc Range Rover cho cả ba trèo vào - Boris, Gyuri, tôi - trong lúc Victor Anh Đào ngồi đằng trước, nói chuyện với chúng tôi từ ghế lái phụ.

"Cái này dễ hiểu thôi," ông ta nói với tôi rất trịnh trọng khi xe rời khỏi ga ra, lùi lại trên Phố Overtoom. "Hoàn toàn chỉ là cầm đồ." Nhìn gần mặt ông ta rộng và có vẻ hiểu biết, cái miệng nhỏ nghiêm nghị và vẻ nhăn nhó cảnh giác khiến tôi có bớt phần kích động vì cái logic của buổi tối hôm ấy, hay đúng ra là cái thiếu logic của buổi tối hôm ấy: vụ đổi xe, vụ thiếu phương hướng và thông tin, vẻ ngoại quốc ác mộng. "Chúng ta đang làm ơn cho Sascha, và vì thế? Nó sẽ ăn ở tử tế với chúng ta."

Những nhà dài và thấp. Ánh đèn rời rạc. Có cảm giác chuyện này không thực sự xảy ra, có cảm giác nó đang xảy ra với ai đó chứ không phải tôi.

“Vì Sascha có đi vào ngân hàng mượn tiền bằng cái tranh đó được không?” Victor đang giảng giải rất mô phạm… “Không. Sascha có đi vào hiệu cầm đồ mượn tiền bằng cái tranh đó được không? Không. Sascha do hoàn cảnh của vụ trộm có đi gặp bất kỳ mối quen cũ nào qua Horst mượn tiền bằng cái tranh đó được không? Không. Vì thế Sascha cực kỳ mừng khi xuất hiện ông người Mỹ bí ẩn - là anh - do tôi dắt dây cho.”

“Sascha bắn heroin như ta thở,” Gyuri nói nhỏ với tôi. “Một mẩu tiền là nó sẽ đi ra ngoài mua hàng đống thuốc, chắc như bắp.”

Victor Anh Đào chỉnh kính. “Chính thế. Nó không yêu nghệ thuật và nó không kỹ tính. Nó dùng tranh như thẻ tín dụng lãi suất cao, hay là nó tưởng thế. Anh đầu tư - nó có tiền. Anh ứng trước tiền - anh giữ tranh làm bảo đảm - nó mua đồ, giữ một nửa, chia số còn lại đem bán, rồi quay lại trả tiền gấp đôi trong một tháng và lấy tranh. Và nếu? Trong một tháng nó không quay lại mang tiền gấp đôi? Thì tranh là của anh. Tôi nói rồi đấy. Đơn giản là cầm đồ.”

“Chỉ có điều không đơn giản vậy…” Boris duỗi người ngáp dài “vì nếu anh biến mất, còn séc thì dỏm? Nó còn làm được gì? Nếu nó chạy tới Horst đòi giúp đỡ nó sẽ được bẻ gãy cổ.”

“Tôi mừng là chúng đã đổi nơi hẹn quá nhiều lần như vậy. Như thế có hơi lố bịch. Nhưng lại tốt hơn, vì hôm nay là thứ Sáu,” Victor nói, gỡ kính chùi vào áo. “Tôi nói cho chúng tưởng anh đang muốn rút. Vì chúng cứ liên tục hủy rồi đổi kế hoạch - mãi

đến hôm nay anh mới tới, nhưng chúng không biết - vì chúng cứ liên tục thay đổi kế hoạch nên tôi bảo anh đã mệt và lo ngại cứ phải ngồi lì ở Amsterdam với vali giấy bạc chờ tin chúng, anh đã bỏ lại tiền vào ngân hàng và chuẩn bị bay về Mỹ rồi. Nghe thế chúng không vui. Thế nên…" ông ta hất đầu về phía cái túi "đang vào dịp cuối tuần, ngân hàng đã đóng cửa hết, anh chỉ mang theo người số tiền mặt còn lại, và - à, chúng đã nói chuyện với tôi suốt, chủ yếu trên điện thoại và tôi gặp chúng một lần rồi, trong quán bar khu Đèn Đỏ, nhưng chúng đã đồng ý mang cái tranh tới trao đổi đêm nay mà không cần gặp anh trước, vì tôi bảo mai anh bay rồi, và vì chính chúng đã làm hỏng bét mọi sự, nên hoặc là séc hoặc là không gì cả. Điều đó, ờ, chúng cũng không thích, nhưng chúng chấp nhận cách giải thích đó về mấy tờ séc. Nên sẽ dễ cho ta hơn."

"Dễ hơn nhiều," Boris nói. "Tau còn đang chưa nghĩ ra cách nào ấn được lũ séc vào tay chúng. Tốt hơn là để chúng nghĩ vụ séc là lỗi chúng, vì chây lười."

"Ở đâu?"

"Quán cà-phê-ăn-trưa." Ông ta nói ríu vào nhau thành "cà-phăn- trưa". "De Paarse Koe."

"Nghĩa là 'con bò tía' trong tiếng Hà Lan," Boris nhiệt tình giải thích. "Chỗ của bọn híp pi. Rất gần khu Đèn Đỏ."

Phố dài trơ trọi, những cửa hàng đồ sắt đóng cửa, những chồng gạch bên lề đường, tất cả đều hình như thật quan trọng và có ý nghĩa tối quan trọng cho dù tất cả cũng đang vùn vụt trôi trong bóng tối không nhìn thấy gì.

"Thức ăn tởm lắm," Boris tiếp. "Giá đỗ với bánh mì nướng cũ cứng ngắc kiểu gì ấy. Cứ tưởng sẽ có các em xinh tươi nhưng toàn

các bà già tóc bạc béo ị."

"Sao lại chỗ ấy?"

"Vì phố vắng vào buổi tối," Victor Anh Đào đáp. "Quán cà phê ăn trưa đóng cửa lúc chiều tối, nhưng những chỗ không tên bán công khai sẽ dễ mất kiểm soát, hiểu không?"

Khắp xung quanh: xa lạ. Vô ý, tôi đã rời khỏi hiện thực, vượt ranh giới tiến vào một cõi vô chủ nào đó nơi không có gì có nghĩa. Mơ màng và vỡ vụn. Những bó dây thép cuộn và những chồng đá sỏi, vải ni-lông trùm bị thổi bạt đi.

Boris đang nói chuyện với Victor bằng tiếng Nga; nhận ra tôi đang nhìn, nó quay sang.

"Bọn tau chỉ đang nói là tối nay Sascha ở Frankfurt," nó nói, "mở tiệc ở nhà hàng nào đó cho một đứa bạn vừa ra tù, và tất cả bọn tau đã nghe xác nhận từ ba nguồn khác nhau, Shirley nữa. Thằng chả nghĩ lánh cho xa là khôn lắm. Nếu tin đến tai Horst về vụ ở đây tối nay, nó có thể giơ tay lên trời thề thốt, tôi à, đâu có liên quan gì đâu."

"Anh," Victor nói với tôi, "anh làm ở New York. Tôi đã bảo rằng anh là một nhà buôn tranh từng bị bắt vì tội làm giả, và giờ đang chạy loại việc giống như Horst - tranh bé hơn, nhưng tiền to hơn."

"Horst... cầu trời phù hộ lão," Boris nói. "Horst sẽ giàu nhất nhì New York nếu không phải lão luôn cho đi đến đồng xu cuối cùng, Trước giờ vẫn vậy. Nuôi cả lố đứa đeo bám."

"Rất tồi cho việc kinh doanh."

"Ừa. Nhưng lão thích có bạn bầu vây quanh."

"Nhà hảo tâm sái nghiện, ha," Victor nói. Phát âm là *shái*

nghiện. “May thay thỉnh thoảng chúng nó cũng chết bớt, không thì chẳng biết có bao nhiêu đứa dặt dẹo nhồi nhét vào trong cái xó ấy của ổng nữa. Dù sao thì, vào đó anh nói càng ít càng tốt. Chúng không cần chuyện trò làm quen đâu. Đây hoàn toàn là công việc. Sẽ rất chóng. Đưa séc cho ảnh đi, Borya.”

Boris gắt lên gì đó bằng tiếng Ukraina.

“Không, phải để ảnh tự đưa ra. Bằng chính tay ảnh.”

Cả séc lẫn chi phiếu đều in dòng chữ “Farruco Frantisek, Ngân hàng công dân Anguilla”, chỉ càng đậm thêm cảm giác trong mơ, trôi trên một con đường ngày càng tăng tốc quá nhanh không cách gì kìm lại.

“Farruco Frantisek? Tôi là hắn à?” Trong hoàn cảnh này dường như đấy là một câu hỏi rất ý nghĩa - như là bằng cách nào đó tôi có thể tách khỏi thể xác mình, hay là ít nhất cũng đã vượt qua một ranh giới nào đó, tiến vào cõi được giải phóng khỏi cả những chi tiết cơ bản nhất, như là nhân thân.

“Tau không chọn tên. Tau lấy được gì thì phải nhận cái đó thôi.”

“Vậy tao sẽ tự giới thiệu bằng tên đó hả?” Giấy in séc có gì đó không ổn, nó quá mỏng nhẽo, tên ngân hàng in bằng một kiểu chữ rất quê mùa.

“Không, Anh Đào sẽ giới thiệu mi.”

Farruco Frantisek. Tôi thử nhẩm cái tên ấy trong đầu, uốn lưỡi tìm cách phát âm. Một cái tên khó nhớ, nhưng nó cũng đủ mạnh, đủ xa lạ để truyền đạt cái đậm đặc quá độ lạc lối giữa không gian của những đường phố tối đen, những đường ray xe điện, sỏi lát đường, thiên thần bằng đèn nê ông - giờ đã về lại khu phố cổ, chứa đầy lịch sử, thăm thẳm không thấu, những kênh và trụ

khóa xe đạp và đèn đóm Giáng sinh run rẩy trên mặt nước đen.

“Thế lúc nào anh mới định cho ảnh biết?” Victor Anh Đào đang hỏi Boris. “Ảnh cần biết tên mình là gì chứ.”

“Giờ nó biết rồi đấy thôi.”

Những đường phố không tên, những rẽ ngoặt không lường, những khoảng cách không định dạng. Tôi đã thôi không buồn tìm cách đọc biển đường hay cố nhớ xem vừa đi qua đâu nữa. Giữa toàn bộ những gì bao quanh tôi - toàn bộ những gì tôi thấy - mốc duy nhất là mặt trăng, đang ở tít trên trời cao hơn những đám mây, dù đang tròn đầy và rất sáng nhưng vẫn có vẻ bất ổn một cách kỳ quặc thế nào đó, không trọng lượng, không phải cái vầng trăng trinh khiết đã neo giữ tôi trong sa mạc mà đúng hơn như một mánh khóe của nhà ảo thuật, chỉ cần hắn ta nháy mắt là đột hiện, hoặc là trôi biến đi khuất tầm mắt trong màn đêm.

ix.

CON BÒ TÍA nằm trên con phố một chiều vắng người đi chỉ vừa đủ chỗ cho một thân xe qua. Mọi hàng họ xung quanh - hiệu thuốc, tiệm bánh, cửa hàng xế đạp - đã khóa kỹ, ngoại trừ một nhà hàng Indonesia tít đầu kia phố. Shirley Temple thả chúng tôi trước quán. Tường bên kia vẽ đầy graffiti: mặt cười, mũi tên, Nguy Hiểm: Phóng Xạ, tia chớp vẽ chì với chữ Shazam, các chữ cái lối phim kinh dị chảy ròng ròng xuống, *lịch sự đi!*

Tôi nhìn vào trong quán qua cửa kính. Quán dài và hẹp, thoạt nhìn tưởng không có ai. Tường màu tím đỏ; đèn trần bằng kính màu, bàn ghế không đồng bộ sơn những màu vườn trẻ và ánh sáng rất yếu, trừ một khu vực quầy cạnh bếp nướng và tủ mát lắp đèn sáng ở trong cùng. Cây cảnh quặt quẹo, tấm ảnh đen trắng

John và Yoko Lennon có chữ ký, bảng tin chi chít những tờ rơi và tờ quảng cáo lớp thiền theo nhóm satsang và yoga cùng đủ phương thức tu luyện tâm linh khác nữa. Chiếm trọn tường là tranh vẽ bộ ẩn Tarot và trên cửa sổ, một thực đơn in đen trắng oặt oẹo liệt kê một mớ đồ ăn có lợi cho sức khỏe kiểu Everett: súp-cà-rốt, súp-tầm-ma, tầm-ma-nghiền, bánh-hạt-dẻ-đậu-lăng - chẳng có gì đáng thèm cả, nhưng cũng khiến tôi nhớ ra rằng bữa ăn đàng hoàng tử tế chứ không phải cắn miếng rồi chạy cuối cùng của mình là món cà ri gọi về ăn trên giường nhà Kitsey.

Boris thấy tôi nhìn. “Tau cũng đói rồi” nó nói có phần trịnh trọng. “Chúng mình sẽ đi ăn một bữa thực ra trò cùng nhau. Ở Blake. Hai mươi phút.”

“Mày không vào à?”

“Chưa.” Nó đang đứng hờ một bên, tránh tầm nhìn từ cánh cửa kính, nhìn khắp phố. Shirley Temple, đang chạy xe vòng quanh khu. “Đừng đứng đây nói chuyện với tau. Vào với Victor và Gyuri đi.”

Kẻ vừa trờ tới bên cửa ra vào lắp kính là một tay lỏng khỏng, ám muội, tay chân giậm giật, đã ngoài sáu chục, mặt dài hẹp, tóc xờm xoàm quá vai và cái mũ lưỡi trai bò y hệt trong chương trình ca múa nhạc Soul Train năm 1973. Lão đứng đó lắc xâu chìa khóa, nhìn qua đầu Victor sang tôi và Gyuri, có vẻ nghi ngại không rõ nên cho chúng tôi vào hay không. Đôi mắt nằm sát nhau, cặp lông mày sâu róm xám cùng bộ ria mép xám xụ xù khiến lão trông như một con chó schnauzer già ngờ vực. Rồi một tên khác xuất hiện, trẻ hơn rất nhiều, to con hơn rất nhiều, cao quá nửa đầu so với cả Gyuri, dân Malaysia hoặc Indonesia với hình xăm trên mặt và đôi kim cương tổ chảng hai bên tai, cùng một búi tóc đen trên đỉnh đầu không khác gì mấy tay săn cá voi

trong *Moby Dick*[165], nếu những tay săn cá voi trong *Moby Dick* cũng biết mặc quần thể thao nhung và áo khoác bóng rổ bằng xa tanh màu hồng đào.

Lão già gân đang gọi di động. Lão ta đợi, mắt dè chừng nhìn chúng tôi. Rồi lão gọi số khác, quay lưng lại đi vào tận trong quán cà phê ăn trưa, vẫn nói, lòng bàn tay áp vào má và tai như một bà nội trợ lên cơn kích động trong lúc tay Indonesia đứng bên cửa kính quan sát chúng tôi, lặng phắc như không phải người thật. Một đoạn trao đổi ngắn, rồi lão già quay lại, mày nhăn tít, trông có vẻ rất miễn cưỡng, bắt đầu lấy xâu chìa ra xem xét và vặn chìa trong ổ khóa. Ngay khi chúng tôi lọt qua cửa, lão ta bắt đầu rền rĩ phàn nàn với Victor Anh Đào, hoa tay múa chân loạn xạ, trong lúc tay Indo lững thững đi lại, dựa vào tường và khoanh tay đứng nghe.

Có gì lộn xộn, hẳn rồi. Bất ổn. Chúng đang dùng thứ tiếng gì? Rumani? Séc? Tôi chẳng hề hay biết chúng đang nói chuyện gì, nhưng Victor Anh Đào làm vẻ mặt lạnh lùng khó chịu trong khi lão già tóc xám càng lúc càng thêm kích động - giận dữ ư? không: bức bối, phiền lòng, ỉ ôi nữa là khác, giọng mè nheo càng lúc càng rõ rệt, và suốt lúc đó tay Indo vẫn dán mắt lên chúng tôi, lặng phắc một cách đáng lo, như một con trăn. Tôi đứng cách họ chừng ba mét, và mặc cho Gyuri ôm bịch tiền áp vào tôi quá sát, làm vẻ mặt cố tình dửng dưng vờ xem xét những hình vẽ và khẩu hiệu trên tường: Hòa Bình Xanh, Khu Vực Cấm Lồng Thú, Chào Mừng Người Ăn Chay, Thiên Sứ Phù Hộ! Đã có quá nhiều kinh nghiệm mua ma túy ở những tình huống không kém ma giáo (những căn hộ đầy gián trong khu Harlem của dân nói tiếng Tây Ban Nha, những cầu thang sặc mùi nước đái trong khu nhà ở xã hội St. Nicholas), tôi biết khôn hồn thì hãy tỏ ra mặc kệ, vì - ít ra là theo kinh nghiệm của tôi - những giao dịch kiểu này nói chung

đều như nhau. Phải làm vẻ thoải mái và không để tâm, đừng nói trừ khi đến lúc bị bắt buộc, lúc ấy thì hãy nói giọng đều đều, và một khi có được thứ cần có thì biến gấp.

“Thiên sứ phù hộ cái con kẹc,” Boris nói nhỏ vào tai tôi, vừa dịch đến bên cạnh không một tiếng động.

Tôi không nói gì. Đã bao nhiêu năm rồi, nhưng chúng tôi vẫn quá dễ dàng rơi trở lại thói quen chụm đầu vào nhau thì thào như trong lớp Spirsetskaya, mà trong tình huống hiện thời có vẻ không phải ý hay lắm.

“Chúng mình đến đúng giờ,” Boris nói. “Nhưng chúng nó thiếu một đứa. Chính vì thế lão Grateful Dead đằng kia mới nhảy cẫng lên. Chúng nó muốn mình đợi thằng kia. Lỗi của chúng nó, ai bảo đổi chỗ xoành xoạch như vậy.”

“Đằng kia đang nói gì thế?”

“Cứ để Vitya liệu đi,” nó nói và đá đá giày vào một miếng lông khô quắt trên sàn - chuột chết ư? tôi nghĩ và giật mình, trước khi nhận ra chỉ là một món đồ chơi cho mèo đã bị nhai nát, giống như mấy cái khác nằm rải khắp phòng bên một khay cát vệ sinh mèo đã vón cục và đen thẫm nước giải, nằm lấp ló (đủ cả phân mèo) dưới chân bàn bốn người.

Tôi đang tự hỏi làm sao mà khay vệ sinh mèo đặt ngay nơi khách ăn dễ giẫm vào lại tiện cho việc phục vụ đồ ăn (chưa nói chuyện hút khách, hay tốt cho sức khỏe, hay thậm chí là hợp pháp) thì bỗng nhận ra câu chuyện đã dừng lại, hai người kia đã quay, sang Gyuri và tôi - Victor Anh Đào, lão già mang vẻ mặt vừa đề phòng vừa mong đợi bước lên phía trước, mắt dáo dác hết nhìn tôi lại nhìn cái túi trong tay Gyuri. Ngoan ngoãn, Gyuri bước tới, mở ra, đặt xuống và cúi đầu đầy vẻ quỵ lụy, rồi bước lùi lại cho

lão già tới xem xét.

Lão già nheo mắt nhìn vào trong, mũi nhăn lại. Thốt lên một tiếng coi thường, lão ngẩng lên nhìn Anh Đào, nhưng ông ta vẫn điềm nhiên. Lại thêm một hồi nói chuyện không hiểu nổi. Lão tóc xám có vẻ mếch lòng. Rồi lão đậy túi lại đứng lên nhìn tôi, mắt láo liên.

"Farruco," tôi căng thẳng nói, vì đã quên mất họ mình và hy vọng sẽ không bị bắt phải xổ nó ra.

Anh Đào liếc nhìn tôi: *mở giấy*.

"Ờ, ờ," tôi nói, thò tay vào túi ngực bên trong áo khoác lấy séc và chi phiếu - mở ra bằng thái độ hy vọng là tự nhiên, nhìn lại lần cuối trước khi đưa.

Frantisek. Nhưng đúng lúc tôi vừa đưa tay - thình, như một luồng gió quét qua nhà và đập sầm cánh cửa đúng ở hướng mình không chú ý-Victor Anh Đào vụt bước lên sau lưng lão tóc xám và đập thật mạnh vào gáy lão bằng báng súng lục, mạnh đến nỗi cái mũ tung ra, đầu gối quỵ xuống, lão hức lên rồi đổ rầm. Tay Indonesia vẫn còn đang dựa tường, có vẻ cũng bị bất ngờ như tôi: hắn cứng người, mắt hai chúng tôi giao nhau trong ý nghĩ xẹt qua *cái đéo gì?* gần như ánh mắt trao đổi giữa hai người bạn, và tôi không hiểu sao hắn không rời khỏi tường cho tới khi nhìn ra sau lưng, kinh hoảng thấy cả Boris và Gyuri đã chĩa súng vào người hắn: Boris đỡ báng súng trong lòng bàn tay trái rất gọn gàng, còn Gyuri dùng một tay, tay kia cầm túi tiền đang đi giật lùi ra cửa trước.

Có gì vụt lóe lên ở góc khác, ai đấy vọt ra khỏi bếp ở cuối nhà: đàn bà châu Á tre trẻ - không phải, một thằng nhóc; da trắng, mắt đen khiếp hãi quét khắp phòng, khăn nhuộm Ikat, tóc dài bay

tung, chớp cái đã biến mất.

“Có người ở đằng sau,” tôi nói gấp, nhìn quanh, mọi hướng, căn phòng quay vù vù quanh tôi như đu quay, tim đập điên cuồng tới nỗi không thốt được lời rành rẽ, không biết có ai nghe thấy tôi nói không nữa- hoặc ít nhất là Anh Đào có nghe thấy không, vì ông ta đang nắm gáy áo khoác bò của lão tóc xám xách lên, ghì lấy cổ lão, súng dí vào thái dương, quát thét lão bằng thứ tiếng Đông Âu khỉ gì đấy và lôi cổ lão về cửa sau trong lúc tên Indonesia gỡ mình khỏi tường, uyển chuyển, cẩn trọng, rồi nhìn Boris và tôi một khoảng dường như là thật lâu.

“Bọn đĩ chúng mày rồi sẽ phải hối hận,” hắn khẽ nói.

“Giơ tay lên nào,” Boris đầm ấm đáp. “Để chỗ nào tau nhìn được ấy.”

“Tao không có vũ khí.”

“Dù sao thì cũng chìa ra.”

“Đây, mời mày,” tay Indo nói, cũng đầm ấm không kém. Hắn nhìn tôi từ đầu đến chân, tay giơ lên trời - đang ghi nhớ mặt tôi, tôi nhận ra và sởn gai ốc, hình ảnh ghi thẳng vào ổ dữ liệu - rồi nhìn sang Boris.

“Tao biết mày là ai,” hắn nói.

Anh lập lòe đáy biển trong tủ mát đựng nước quả. Tôi nghe hơi thở chính mình đi vào rồi đi ra, vào rồi ra. Tiếng kim loại va loạch xoạch trong bếp. Tiếng thét không rõ rệt.

“Nằm xuống, bạn thân mến,” Boris nói và hất đầu xuống sàn.

Tuân lệnh, tay Indo quỳ xuống, rồi - cực kỳ từ tốn - duỗi dài người. Nhưng hắn không có vẻ hoảng hốt hay sợ sệt.

“Tao biết mày là ai,” hắn nhắc lại, giọng hơi ngàn ngạt.

Cái bóng vụt chạy trong khóe mắt tôi, nhanh đến nỗi tôi giật mình: con mèo, đen như quỷ, như một bóng ma sống, bóng tối bay vút vào bóng tối.

“Thế tau là ai?”

“Borya ở Antwerp, phỏng?” Không phải là hắn không có vũ khí; cả tôi cũng thấy nó phồng lên ở nách hắn. “Borya người Ba Lan? Borya phê cỏ? Bồ ruột của Horst?”

“Nếu vậy thì sao?” Boris hòa nhã hỏi.

Tên kia im lặng. Boris hất đầu cho tóc khỏi xõa vào mắt, khịt mũi khinh bỉ và hình như định nói câu gì miệt thị, nhưng đúng lúc đó Victor Anh Đào từ bên trong đi ra, một mình, lôi trong túi ra thứ gì đó trông như một sợi còng cao su - và tim tôi nhảy lên khi thấy ông ta kẹp dưới tay một gói hàng, kích thước và độ dày đều thích hợp, quấn dạ trắng và buộc bằng sợi thừng màu. Ông ta thúc một đầu gối vào lưng tên Indo, bắt đầu loay hoay lồng còng vào cổ tay hắn.

“Ra ngoài,” Boris bảo tôi, và rồi nhắc lại - cơ bắp tôi đã hóa đá và đông cứng, nó đẩy nhẹ tôi “Ra! vào xe đi.”

Tôi trân trối nhìn quanh - không thấy cửa, phải có cửa chứ - và rồi chợt thấy và tôi chạy nhào ra nhanh đến nỗi trượt chân suýt ngã vào một món đồ chơi của mèo, chạy ra với con Range Rover đang phì khói bên đường, Gyuri đứng canh đằng trước, trên đường, trong cơn mưa lay phay vừa rơi xuống - “Vào, vào,” anh ta xuýt khẽ, chuồi vào ghế sau rồi vẫy tôi theo sau, đúng lúc Boris và Victor Anh Đào bật tung cửa nhà hàng chạy ra cùng nhảy vào và xe đã chạy đi, tốc độ khá nhẩn nha chẳng có gì là giật gân cả.

X.

TRONG XE, khi đã ra đường lớn, cảnh ăn mừng huyên náo: tiếng cười, tiếng chúc tụng nhau, trong khi tim tôi đang chạy ma-ra-tông đến nỗi không thở nổi. "Chuyện gì thế?" tôi đã khào khào hỏi mấy lần - há miệng hớp không khí và nhìn qua từng người - cho đến khi, thấy chúng vẫn lờ mình mà liên tục huyên thuyên bằng một tràng tiếng Nga pha lẫn Ukraina xủng xoảng, cả bốn đứa kể luôn Shirley Temple: "*Angliyski!*"

Boris quay sang tôi quệt mắt, vung tay ốm lấy cổ tôi. "Thay đổi kế hoạch," nó nói. "Tất cả đều tại chỗ - tùy cơ ứng biến hết. Chúng mình không kiếm được lúc nào tốt hơn nữa. Người thứ ba của chúng nó không đến."

"Chộp được chúng nó tay đang luống cuống."

"Chộp được chúng nó chân dính trên sàn."

"Chộp được chúng nó quần tụt tận ngón chân! Chồm hổm trên bệ xí!"

"Mày..." tôi phải rặn mới ra được từ "mày đã bảo không dùng súng mà."

"À, không ai bị sao cả phải không? Vậy có khác gì nào?"

"Sao chúng ta không trả tiền là xong?"

"Vì chúng mình ngáp được ruồi!" Giơ hai tay lên trời. "Cơ hội ngàn năm có một! Chúng mình trúng mánh! Chúng còn làm gì được? Chúng có hai người - mình có bốn. Nếu có đầu óc đáng ra chúng nó không nên cho mình vào. Và - phải, tau biết, chỉ có bốn mươi ngàn thôi, nhưng vì sao tau lại phải trả một xu nếu có thể không trả? Trả cho chúng vì đã ăn cắp đồ của chính tau?" Boris

cười khùng khục. “Mi có thấy vẻ mặt thằng đó không? Thằng già Grateful Dead? Khi bị Anh Đào táng cho một cú vào thủ?”

“Các anh có biết con dê già ấy phàn nàn chuyện gì không?” Victor hơn hớn quay sang tôi. “Muốn trả bằng euro! ‘Gì, tiền đô hả?’ ” - bắt chước vẻ thù địch của lão. “ ‘Anh trả tôi tiền đô hả?’ ”

“Cá là nó ước nó còn có được số đô ấy.”

“Tao cá nó ước nó đã ngậm mỏ lại.”

“Tao rất khoái nghe cú điện sắp gọi cho Sascha.”

“Tao ước gì mình biết tên thằng kia. Thằng lỡ hẹn ấy. Để tao đãi nó một chầu.”

“Không hiểu nó đang ở đâu?”

“Chắc là ở nhà đang tắm gội.”

“Ôn bài Kinh thánh.”

“Xem ‘Bài ca Giáng sinh’ trên tivi.”

“Đợi nhầm chỗ, hẳn là thế.”

“Tao…” Họng tôi nghẹn lại đến nỗi phải nuốt nước bọt mới nói được. “Còn thằng nhóc kia thì sao?”

“Hửm?” Trời đang mưa, mưa nhẹ lốp bốp trên kính trước xe. Đường phố đen óng ánh.

“Thằng nhóc nào?”

“Thằng nhóc. Con nhóc. Phụ bếp. Chẳng biết nữa.”

“Gì cơ?” Anh Đào quay lại - vẫn còn quá khích, đang thở hồng hộc. “Tôi không thấy ai hết.”

“Tau cũng không.”

“Ờ, tao thấy.”

“Trông nó thế nào?”

“Trẻ.” Tôi vẫn còn in vào trí bức hình khuôn mặt trẻ ma mị, miệng hơi hé ra. “Áo khoác trắng. Trông có vẻ Nhật.”

“Thật à?” Boris tò mò hỏi. “Mi nhìn là biết ngay à? Nó ở đâu đến ấy? Nhật, Trung Quốc, Việt Nam?”

“Tao không nhìn rõ. Giống châu Á.”

“Thằng bé, hay con bé?”

“Tôi nghĩ làm ở trong bếp đó toàn con gái” Gyuri nói. “Thực dưỡng cân bằng âm dương mà. Gạo đỏ và đủ thứ nữa.”

“Tôi…” Giờ thì tôi cũng không biết nữa.

“Ờ…” Anh Đào vuốt tay qua mái tóc húi cua “may là con bé, hoặc là ai cũng vậy, đã chạy mất, vì các anh biết tôi còn tìm thấy gì trong đó không? Mossberg 500 cưa nòng.”

Tiếng cười, tiếng huýt sáo.

“Vãi chưởng.”

“Để đâu? Grozdan không…?”

“Không. Trong một cái… ” ông ta làm hiệu chỉ cái dây đeo “cái đó đó. Treo ở dưới bàn, trong vải gì đấy. Tình cờ nhìn thấy lúc tôi ở dưới sàn. Như là…nhìn lên. Nó ở ngay đó, sát trên đầu tôi.”

“Anh không để lại đó chứ?”

“Không! Tôi cũng không chê nó đâu, nhưng to quá, còn tôi đầy tay rồi. Đã tháo nó ra lấy kim hỏa vứt vào hẻm. Lại còn…” lôi trong túi ra một khẩu súng lục bạc nòng cụt, chuyển qua Boris “cái này!”

Boris giơ lên ánh sáng ngắm nghía.

“Một chú J-frame giấu kín xinh xẻo. Hẳn có bao súng đeo mắt cái trong mấy cái quấn ống loe đó! Nhưng xui cho hắn là lại quá chậm.”

“Còng cao su,” Gyuri bảo tôi, hơi nghiêng đầu. “Vitya đã nghĩ hết.”

“Ờ…” Anh Đào lau mồ hôi trên cái trán rộng “nhẹ, mỏng, dễ mang, và khối lẩn giúp tôi không phải bắn người. Tôi không muốn làm hại ai nếu tránh được.”

Thành phố trung cổ: đường phố quanh co, đèn giăng giăng trên cầu, phản chiếu trên mặt kênh mưa tuôn, tan ra trong màn nước. Vô tận những cửa hàng vô danh, cửa sổ bày hàng lấp la lấp lánh, đồ lót, đai nịt tất, đồ bếp bày như thiết bị phẫu thuật, đâu đâu cũng thấy tiếng nước ngoài, Snel bestellen, Retro-stijl, Showgirl-Sexboetiek[166].

“Cửa sau mở ra hẻm,” Anh Đào nói, đang rũ cái áo vét dày khỏi người và tu bình vodka Shirley T. vừa lôi ra dưới ghế trước - tay hơi run, mặt ông ta, nhất là cái mũi, ửng lên một sắc đỏ thơm ngát, mệt mỏi, trông như chú tuần lộc Rudolph. “Hẳn là mở để chờ hắn - người thứ ba ấy - đi vào qua lối đó. Tôi đã đóng rồi khóa lại - bắt Grozdan đóng rồi khóa lại, súng kề đầu, lão thút thít sụt sùi như em bé ấy…”

“Khẩu Mossberg ấy,” Boris bảo tôi, cầm lấy chai rượu vừa chuyển xuống từ băng trên. “Tởm lắm, kinh lắm. Cưa nữa…? Phun đạn từ đây ra Hamburg được. Có quay lưng lại tất cả mà bắn mi vẫn trúng cả nửa số người trong phòng.”’

“Mánh hay, hử?” Victor Anh Đào triết lý. “ Bảo rằng người thứ ba chưa ở đây? ‘Làm ơn đợi thêm năm phút’? 'Xin lỗi, có trục

trặc'...? 'Hắn ta sẽ đến ngay bây giờ'? Trong khi từ đầu đến cuối hắn vẫn cầm khẩu súng chờ đằng trong. Trò lội ngược dòng rất cừ, nếu chúng đã nghĩ đến... "

"Có thể đúng là chúng đã nghĩ đến. Nếu không để súng ở đó làm gì?"

"Tôi nghĩ chúng mình vừa chết hụt một quả, chính thế đấy..."

"Có một cái xe tấp vào đằng trước nhà, khiến Shirley với tôi chết khiếp," Gyuri nói "trong lúc các anh đều ở trong, hai thằng, chúng tôi nghĩ, mình chết chắc rồi nhưng chỉ là cặp bóng, người Pháp, tìm quán ăn... "

"... nhưng không có ai ở nhà trong, ơn Chúa, tôi đã bắt Grozdan ngồi xuống sàn còng lão vào máy sưởi," Anh Đào vẫn đang nói. "À, nhưng...!" - ông ta giơ cái gói bọc dạ lên - cái này trước đã. Của anh đấy."

Ông ta đưa qua đầu ghế cho Gyuri, anh này - gượng nhẹ, dùng đầu ngón tay, như một cái khay sợ bị tràn - chuyển qua cho tôi. Boris - nuốt ực một miếng, quệt miệng bằng mu bàn tay - dùng chai dúi nhẹ vào cánh tay tôi thích chí trong khi hát ư ử trong miệng *tau chúc mi một Giáng sinh vui vẻ tau chúc mi một Giáng sinh an lành*

Cái bọc trên đầu gối tôi. Vuốt khắp các mép bọc. Lớp dạ mỏng đến mức tôi cảm thấy ngay là nó dưới các đầu ngón tay, cả bề mặt và sức nặng đều chính xác.

"Nào," Boris nói và gật gật đầu, "tốt hơn là mở ra đi, cho chắc lẩn này không phải là quyển Công dân! Nó ở đâu?" nó hỏi Anh Đào trong lúc tôi bắt đầu loay hoay tháo dây buộc.

"Ngăn để chổi cực bẩn. Vali nhựa giẻ rách. Grozdan dẫn tôi đến ngay lập tức. Tôi cứ nghĩ lão sẽ quậy tí chút nhưng chó lửa gí đầu

là đủ. Chẳng việc gì chịu nổ đầu trong khi bao nhiêu thứ ngon lành vẫn còn chờ xơi."

"Potter," Boris gọi để lôi kéo sự chú ý của tôi, rồi nhắc lại: "Potter."

"Sao?"

Nhấc vali lên. "Bốn mươi củ này đưa Gyuri và Shirley T. Bôi trơn cho họ tí. Đền công giúp đỡ. Vì chính nhờ hai người họ mà chúng mình không phải trả Sascha lấy *một cắc* báo ơn nó đã đánh cắp đồ của mi. Còn Vitya..." thò tay qua siết chặt tay ông ta "chúng ta đã xóa sạch nợ cũ rồi. Giờ tui nợ anh là khác."

"Không, tôi không bao giờ trả đủ món nợ đối với anh, Borya ạ."

"Bỏ đi. Không có gì mà."

"Không có gì? *Không có gì*? Không phải, Borya ạ, vì chính đêm nay tôi còn giữ mạng được là nhờ anh, và đêm nào cũng vậy cho đến đêm cuối cùng..."

Ông ta đang kể một câu chuyện vô cùng hấp dẫn, nếu tôi còn có bụng dạ nào để nghe - ai đó đã gán cho Anh Đào một tội gì đó không được nói rõ nhưng hiển nhiên là rất ghê gớm mà ông không phạm phải, không có liên can dính líu gì, hoàn toàn vô tội, kẻ kia đã hót để được giảm hạn tù và trừ khi đến lượt Anh Đào cũng hót về những cấp trên ("vậy sẽ là không khôn ngoan, nếu tôi còn muốn thở") thì ông ta đang đối mặt với mười quyển lịch, còn Boris, Boris đã ra tay cứu mạng vì Boris đã lần ra được tên tráo trở kia đang ở Antwerp, nhởn nhơ vì đã được bảo lãnh, và câu chuyện kể rằng nó đã rất lăn xả và tận tâm còn Anh Đào thì đang nghẹn ngào thổn thức mà vẫn chưa hết nữa kia còn có đốt nhà đổ máu rồi có cưa máy gì đó nữa nhưng tới lúc ấy tôi không còn lọt tai một chữ nào vì tôi đã tháo được dây và đèn đường và

bóng chiếu từ nước chảy từ mưa rơi đang loang loáng trên bề mặt bức tranh của tôi - chú sẻ vàng của tôi - và tôi biết, một cách không cưỡng được, không nghi ngờ được, thậm chí không cần quay ngược nhìn mặt sau - đúng là nó.

"Thấy chưa?" Boris hỏi, ngắt lời Vitya ngay khúc câu chuyện đang cao trào. "'Trông vẫn đẹp đẽ, hả, *zolotaia ptitsa*[167]của mi đó? Đã bảo mi là bọn tau o bế kỹ lắm, phải không nào?"

Dò đầu ngón tay quanh mép ván, không tin nổi, như Thomas Đa Nghi lần ngón tay trên lòng bàn tay Chúa. Như mỗi nhà buôn đồ đạc đều biết, hoặc như chính thánh Thomas biết: xúc giác khó bị đánh lừa hơn thị giác, và sau từng ấy năm hai bàn tay tôi vẫn nhớ rõ bức tranh đến nỗi mấy ngón tay đưa tới ngay vết đinh đóng, ở dưới cùng tấm ván, mấy lỗ đinh tí xíu mà (ngày xửa ngày xưa, theo chuyện kể) bức tranh từng bị treo lên, để làm biển quán rượu, hay trong một chiếc tủ ly gỗ sơn, không ai biết.

"Ảnh vẫn còn sống đấy chứ?" Victor Anh Đào.

"Chắc vậy." Boris thúc khuỷu tay vào mạng sườn tôi. "Nói gì đi."

Nhưng tôi không nói được gì. Đây chính là nó; tôi biết, dù trong bóng tối. Vết sơn vàng sần lên trên cánh, lông cào vào bằng đuôi bút lông. Một miếng sứt ở góc trên bên trái trước đây chưa có, vết mẻ tí tẹo chưa đến hai milimet, nhưng ngoài ra: hoàn hảo. Tôi đã khác xưa, nhưng nó thì vẫn vậy. Và khi ánh sáng từng dải, từng dải chạy qua trên mặt nó, tôi chợt nôn nao ý thức về cuộc đời của chính mình, đặt bên cạnh, chỉ như một cú nổ năng lượng nhất thời không hình dạng, một tiếng nhiễu sinh học xèo xèo cũng ngẫu nhiên như ánh đèn đường vụt qua.

"Chà, đẹp quá," Gyuri thân tình nói và ghé nhìn từ bên phải tôi.

“Trong trẻo quá! Như bông hoa cúc ấy. Anh biết tôi đang muốn tả cái gì không?” anh ta nói và huých tôi khi không thấy tôi đáp. “Bông hoa giản dị, một mình giữa đồng? Thật là…” anh ta làm cử chỉ , *nhìn đây này! tuyệt vời kinh!* “Anh hiểu ý tôi muốn nói không?” anh ta nói và lại huých tôi, nhưng tôi vẫn còn dang ngơ ngẩn không đáp nổi.

Trong lúc đó, Boris vẫn lẩm bẩm nửa tiếng Anh nửa tiếng Nga với Vitya về con *ptitsa* cùng với cái gì đó mà tôi không nghe rõ, mẹ và con nhỏ, tình yêu đáng yêu gì gì đó. “Vẫn còn ước mi đã gọi điện cho tụi cảnh sát nghệ thuật hửm?” Nó nói và vắt tay qua vai tôi, đầu cụng đầu tôi, y hệt thời chúng tôi còn bé.

“Giờ vẫn có thể gọi được mà,” Gyuri nói và cười rú lên, đấm vào tay tôi bên kia.

“Đúng thế, Potter ạ! Gọi nhá? Không à? Có lẽ giờ không thấy là ý hay nữa, hửm?” nó nói với sang Gyuri, nhướng một bên mày.

xi.

KHI CHÚNG TÔI RẼ VÀO GA RA RỒI RA KHỎI XE, tất cả vẫn còn đang phấn khởi, cười đùa, ôn lại chi tiết này nọ của cuộc tấn công bằng đủ thứ tiếng - tất cả ngoại trừ tôi đờ đẫn và âm vang sau cú sốc, những đòn nện chớp nhoáng và cử động đột ngột vẫn còn dội lại tôi từ trong bóng tối, và quá choáng váng chưa thốt nên lời.

“Nhìn nó kìa,” Boris ngắt câu đang nói dở và đấm vào tay tôi. “Trông như vừa trải qua cú thổi kèn phê nhất trần đời ấy.”

Chúng đều ầm ĩ cười tôi, cả Shirley Temple cũng vậy, toàn thế giới là một cơn cười bật nảy trên những bức tường gạch men, phân dạng trong âm kim, là sốt sảng và ma hoặc, là cảm giác về

thế giới to lên, phồng lên như một quả bóng bay kỳ tuyệt thổi lớn đến khi căng mọng, bồng bềnh trôi về giữa những vì sao, và cả tôi cũng cười mà còn không biết mình cười cớ gì vì vẫn còn rúng động tới mức khắp người lẩy bẩy.

Boris châm thuốc. Mặt nó xanh lét trong ánh đèn dưới lòng đất. "Quấn lại đi," nó hồn hậu nói và hất đầu về phía bức tranh, "rồi chúng mình sẽ nhét vào két sắt khách sạn rồi đi kiếm cho mi một bài thổi kèn bằng da bằng thịt."

Gyuri chau mày. "Tôi tưởng là đi ăn trước chứ?"

"Anh nói cũng phải. Tui đói mèm rồi. Vậy ăn trước, kèn sau vậy."

"Blake hả?" Anh Đào hỏi, mở cửa sau chiếc Land Rover. "Một giờ nữa được chứ?"

"Có vẻ được đấy."

"Tôi ghét phải đi thế này," Anh Đào nói và búng búng cổ áo, đã trong suốt và dính vào thịt vì mồ hôi. "Mặt khác tôi cũng không chê ít cô nhắc đâu. Loại trăm ơ ấy. Tôi sẵn sàng nạp một lít vào người ngay giờ. Shirley, Gyuri..." ông ta chuyển qua nói tiếng Ukraina.

"Nó nói rằng," Boris giải thích trong tràng cười vừa rộ lên, "nó bảo Shirley và Gyuri rằng hôm nay chúng nó đãi. Bằng..." Gyuri đắc thắng giơ túi lên.

Rồi... ngưng một lát. Gyuri trông có vẻ ngẫm ngợi. Anh ta nói gì đó với Shirley Temple, và Shirley - cười anh ta, lúm đồng tiền má đào sâu hút - xua xua tay, xua cái túi mà Gyuri cứ chìa ra, rồi đảo mắt khi thấy Gyuri cố nài.

"*Ne syeiychas*,[168]" Victor Anh Đào bực mình nói. "Chưa phải

bây giờ. Chia sau đi."

"Đi mà," Gyuri nói và chìa cái túi ra lần nữa.

"Ồi thôi nào. Chia sau đi, không thì ta ở đây cả tối mất."

Ya khochu chto-by Shirli prinyala eto, Gyuri nói, một câu quá đơn giản và phát âm quá rõ ràng khẩn khoản khiến ngay cả tôi, với mớ tiếng Russki giẻ rách, cũng hiểu được. *Tôi muốn Shirley lấy hết.*

"Quên khẩn trương đi!" Shirley nói, bằng tiếng Anh rồi - không đừng được - liếc vội sang xem tôi có nghe thấy không, như một đứa trẻ kiêu hãnh vì biết câu trả lời ở lớp.

"Thôi *nào*," Boris nói - tay chống hông - mắt đánh đi sốt ruột, "Ai bỏ trong xe thì có quan trọng gì? Một trong hai người sẽ ẵm nó chuồn mất chắc? Không. Ở đây chúng ta đều là bạn bè. Thế không hai người định làm gì?" nó nói khi cả hai đều không nhúc nhích. "Bỏ trên sàn cho Dima vớ à? Một trong hai quyết định mau."

Im lặng hồi lâu. Shirley khoanh tay, lắc đầu quả quyết dù Gyuri cứ nằn nì, và rồi, vẻ mặt lo lắng, hỏi Boris gì đó.

"Được, được, tao sao cũng được," Boris bực bội đáp. "Đi đi," nó nói với Gyuri, "Ba người đi với nhau."

"Anh chắc không?"

"Chắc như bắp. Tối nay cả ba làm việc thế đủ rồi."

"Anh lái được chứ?"

"Không," Boris đáp, "hai đứa tui sẽ đi bộ! tất nhiên, tất nhiên," nó nói, gạt đi lời phản đối của Gyuri, "tui lái được rồi, đi đi," và tất cả chúng tôi đều cười lớn khi Vitya và Shirley và cả Gyuri đều vẫy

chào tạm biệt (*Davaye!*) rồi nhảy vào chiếc Range Rover đi mất, lên dốc ga ra, ra ngoài hòa vào Phố Overtoom.

xii.

"CHÀ, ĐÊM THẾ MỚI LÀ ĐÊM CHỨ," Boris nói và gãi bụng. "Đói meo con mèo! Chuồn khỏi đây thôi. Mặc dù..." nó chau mày, liếc nhìn chiếc Range Rover đang lái đi "ờ, không sao. Chúng mình sẽ ổn thôi. Đường ngắn tí ấy mà. Từ khách sạn nhà mi ra Blake có mấy bước. Còn mi nữa," nó hất hàm với tôi, "bất cẩn quá! Mi phải buộc nó lại đi chứ! Đừng có xách đi lăng tăng không dây dợ gì cả."

"Ừ," tôi nói, "phải," và đi vòng qua đầu xe đặt nó lên mũi trong lúc lần tìm sợi thừng trong túi.

"Tau xem được không?" Boris hỏi, đi tới sau tôi.

Tôi lật lớp dạ, và cả hai đứng lúng túng một lúc, như đôi quý tộc quèn người Flanders láng cháng bên một bức tranh vẽ Chúa giáng sinh.

"Cả đống rắc rối...". Boris châm thuốc, phà khói sang ngang tránh bức tranh "nhưng cũng đáng, hửm?"

"Ờ " tôi đáp. Giọng cả hai đùa cợt nhưng rất khẽ, như hai thằng bé trai ngứa ngáy trong nhà thờ.

"Tau giữ lâu hơn bất kỳ ai khác," Boris nói. "Nếu tính ngày." Rồi, chuyển giọng: "Nhớ này - nếu mi muốn, tau vẫn có thể thu xếp đổi lấy ít tiền. Chỉ đúng một vụ thôi, mi có thể giải nghệ."

Nhưng tôi chỉ lắc đầu. Lời lẽ không diễn tả được những gì tôi cảm thấy, tuy đó là một điều nguyên thủy, tận đáy lòng mà Welty có chung với tôi, và tôi với ông, trong bảo tàng chừng ấy năm trước.

“Đùa thôi. Ờ... hơi hơi đùa. Nhưng mà không, thật đấy,” nó nói và dụi nắm tay vào tay áo tôi, “của mi đấy. Trọn vẹn, không ràng buộc. Sao mi không giữ lấy ít lâu ngắm cho đã trước khi đem trả mấy ông bà bảo tàng?”

Tôi lặng im. Tôi đã bắt đầu băn khoăn rốt lại thì làm thế nào mới mang qua biên giới được.

“Nào, quấn lại đi. Chúng mình phải ra khỏi đây thôi. Cứ ngắm sau nếu mi thích. Oài, đưa đây vậy,” nó nói và chộp lấy sợi dây trong bàn tay vụng về của tôi; tôi vẫn còn đang lúng túng chưa tìm được hai đầu - “đây để tau làm, không thì ở đây cả đêm mất.”

xiii.

BỨC TRANH ĐÃ ĐƯỢC GÓI LẠI VÀ BUỘC KỸ, Boris đã cặp dưới tay và - rít một hơi cuối cùng - đã bước vòng qua bên ghế lái sắp chui vào xe thì, đằng sau chúng tôi, một giọng Mỹ thản nhiên và thân thiện cất lên, “Giáng sinh vui vẻ.”

Tôi quay lại. Có ba đứa tất cả, hai tên trung niên dáng bộ lười lĩnh, lững thững đi tới có phần thích thú, như kiểu tới giúp chúng tôi một tay - chúng vừa nói với Boris, chứ không phải tôi, thậm chí có vẻ vui mừng khi thấy nó - và đi líu ríu trước một quãng ngắn, là thằng bé người Á. Cái áo choàng trắng hoàn toàn không phải áo phụ bếp, mà là một kiểu không đối xứng, bằng len trắng dày cỡ hai phân; nó đang run rẩy và tái mét thấy rõ vì hoảng sợ. Nó không có vũ khí, hình như thế, vậy cũng tốt, vì điều đập vào mắt tôi ở hai tên kia - to con, dáng vẻ tới bàn công chuyện - là ánh kim loại trên súng ngắn mạ xanh lóe lên trong ánh nê ông lợt lạt. Ngay cả khi đó tôi vẫn chưa hiểu - giọng điệu thân thiện đã làm tôi mất cảnh giác, còn tưởng chúng bắt được thằng bé con giải

đến cho chúng tôi - cho tới khi nhìn qua Boris thấy nó đã hóa đá tại chỗ, mặt trắng bệch.

"Rất tiếc phải làm việc này với mày," thằng người Mỹ nói với Boris, dù giọng hắn không có vẻ tiếc nuối tẹo nào - hài lòng là khác. Hắn to ngang, mặt chán chường, áo khoác xám nhạt, và bất kể tuổi tác vẫn toát lên vẻ gì đó xấc láo và bầu bĩnh, chín quá độ, đôi bàn tay mềm trắng và vẻ hiền lành vô cảm của nhà quản lý.

Boris - thuốc lá trên môi - đứng đờ tại chỗ. "Martin."

"Ừ, chào!" Martin hòa nhã nói, còn tên kia - một tay đại bàng tóc vàng xỉn mặc áo khoác len ngắn, nét mặt thô tháp y như trong truyện cổ Bắc Âu - lờ lững tiến lên sát Boris, mò mẫm một hồi bên hông nó, lột súng rồi chuyển qua cho Martin. Bối rối, tôi nhìn qua thằng bé mặc áo trắng, nhưng nó thì chẳng khác nào vừa bị búa nện vào đầu: trông nó cũng chẳng hề thích thú hay hớn hở hơn tôi trước cảnh tượng này.

"Tao biết là làm vậy thì khốn cho mày lắm," Martin nói, "tuy nhiên. Uầy." Cái giọng bình thản thật đối lập ghê người với đôi mắt trông như mắt rắn lục. "Này. Tao cũng khốn lắm đấy. Frits với tao đang ở Pim, chẳng có ý muốn ra ngoài tí nào. Thời tiết con tườu, hử? Giáng sinh tuyết trắng của chúng mình đâu rồi?"

"Mày làm gì ở đây?" Boris hỏi; bất chấp thái độ lặng lẽ quá mức, nó đang sợ ở một cấp độ tôi chưa từng thấy trong đời.

"Thế mày nghĩ sao?" Nhún vai cười cợt. "Tao cũng ngạc nhiên như mày thôi, nếu điều đó an ủi mày chút nào. Không bao giờ nghĩ Sascha lại lớn mật đến mức gọi Horst vụ này. Nhưng... ề, vụ lớn đến thế thì nó còn gọi ai được nữa, hẳn? Thôi cho xong đi," hắn nói và vẩy súng thân thiện, và kinh hoảng choáng ngợp, tôi nhận ra hắn đang chĩa súng vào Boris, vẩy súng chỉ cái gói quấn

trong vải dạ trong tay nó. “Nào. Đưa đây.”

“Không,” Boris nói quyết liệt, lắc đầu cho tóc khỏi xòa vào mắt.

Martin chớp mắt, vẻ cợt đùa ngỡ ngàng. “Mày nói cái gì thế?”

“*Không*.”

“Gì?” Martin cười lớn. “*Không* hả? Mày đùa tao chắc?”

“Boris! Đưa chúng nó đi!” Tôi lắp bắp, chết cứng vì kinh hoảng, khi thằng tên Frits kê súng sát thái dương Boris rồi túm tóc nó giật ngược xuống, mạnh đến nỗi nó rên lên.

“Tao biết mà,” Martin thân tình nói, liếc về tôi ra ý đồng lõa, như muốn bảo: *đấy*, *mấy thằng Nga ngố đó - điên cả nút*, *đồng ý không?* “Nào,” hắn bảo Boris, “Đưa qua đây.”

Boris lại hự lên khi thằng kia giật tóc nó lần nữa, và ném cho tôi cái nhìn không lẫn vào đâu được từ bên kia cái xe - cái nhìn tôi hiểu rõ mồn một chẳng khác gì nó đã nói thành tiếng, một kiểu đánh mắt khẩn thiết với một ý nghĩa rất rành rẽ từ thời còn đi vặt đồ trung tâm thương mại: *co cẳng chạy đi*, *Potter*, *chạy*.

“Boris,” tôi nói, sau một quãng dừng sửng sốt, “xin mày, cứ đưa chúng nó đi,” nhưng Boris chỉ rên lên lần nữa, tuyệt vọng, khi Frits đập sầm họng súng dưới cằm nó và Martin tiến lên cầm lấy bức tranh từ tay nó.

“Tuyệt vời. Cảm ơn nhá,” hắn khoái chí nói, cắp súng vào nách rồi bắt đầu cậy cậy dứt dứt sợi dây mà Boris đã buộc thành cái nút rất khó gỡ. “Cừ đây.” Mấy ngón tay hắn không khéo léo quá, và nhìn gần khi hắn thò tay lấy bức tranh, tôi đã hiểu tại sao: hắn đang phê chín tầng mây. “Dù sao thì...” Martin liếc ra sau lưng, như muốn rủ rê bạn bè vắng mặt cùng tham gia vào chuyện đùa, rồi quay lại, lại nhún vai thích thú “tao rất tiếc. Lôi chúng nó ra

đằng kia, Frits," hắn nói, vẫn đang bận rộn với bức tranh, hất hàm về phía góc ga ra đầy bóng tối như hầm ngục, tối hơn hẳn phần còn lại, và khi Frits nghiêng người quay khỏi Boris để giơ súng vẫy tôi - *đi nào*, *thằng kia*, *cả mày nữa* - thì tôi nhận ra, lạnh toát vì hoảng sợ, cái điều Boris đã biết từ khi mới nhìn thấy hai đứa chúng: lý do nó đã muốn tôi chạy đi, hay ít nhất là cố thủ.

Nhưng trong một tích tắc Frits vẫy súng về phía tôi, tất cả đã quên mất Boris; điếu thuốc của nó phun ra một tràng tia lửa. Frits ré lên đập vào má nó, rồi bước lùi, tay bấu cổ áo nơi điếu thuốc đã giắt vào gọn gàng bên cổ nó. Đúng lúc ấy Martin - đang mải mê vào bức tranh, đứng thẳng trước mặt tôi - nhìn lên, và tôi vẫn đang giương mắt nhìn hắn qua nóc xe thì nghe thấy, bên phải mình, ba tiếng lớn đanh gọn khiến cả hai quay ngoắt sang bên cạnh. Tiếng thứ tư vang lên (rúm người, nhắm mắt) khiến một vòi máu ấm phụt qua nóc xe táp vào mặt tôi và khi mở mắt lần nữa tôi thấy thằng bé người Á đang bước giật lùi kinh hãi quệt tay xuống ngực áo thành một vết máu dây như cái tạp dề đồ tể và trước mặt tôi là cái biển hộp sáng **Beetaalautmaat op**[169] nơi mới đây còn là cái đầu Boris; máu đang trào ra dưới gầm xe còn Boris đang nằm trên sàn chống khuỷu tay, chân đạp đạp, nó đang cố dướn lên khỏi sàn, không hiểu có bị thương hay không và chắc tôi đã chạy vòng qua xe đến chỗ nọ mà không nghĩ, vì nháy mắt sau đã thấy mình ở bên kia xe tìm cách đỡ nó dậy, máu tung tóe khắp nơi, Frits rũ rượi gục vào xe, một cái lỗ trên đầu to bằng quả bóng chày và tôi vừa nhận thấy khẩu súng của hắn trên mặt sàn thì nghe Boris hét toáng và Martin đã trước mặt, mắt nheo tít, cổ tay áo dính máu bóp chặt cánh tay và loay hoay tìm cách giơ súng.

Chuyện đó xảy ra trước cả khi nó kịp xảy ra, như đĩa phim bị nhảy đẩy tôi tới một thời điểm tương lai, vì tôi chẳng hề nhớ có nhặt súng trên sàn, chỉ nhớ cú giật mạnh đẩy tay tôi văng lên

trời, còn chẳng nghe tiếng nổ tới khi cảm thấy cú giật và vỏ đạn bay vèo ra đập vào mặt, và tôi bắn tiếp, mắt nhắm hờ chống tiếng ồn, tay nảy lên sau mỗi cú bắn, cò súng cứng, cưỡng lại tay, như kéo thanh chốt cửa quá nặng, cửa ô tô vỡ tung tóe, Martin còn một tay tiến lại, kính an toàn nổ tung, những mảng xi măng từ cột nhà bắn ra, tôi bắn trúng vai hắn, thứ vải xám mềm ướt đẫm và đen lại, một vệt đen dần loang rộng, mùi thuốc nổ và tiếng ầm đinh tai đẩy tôi vào tít trong cùng hộp sọ đến nỗi không phải như âm thanh có thật đập vào màng nhĩ mà như bức tường đổ sập xuống đầu đẩy tôi lùi vào chốn đen thẫm nội tại cứng ngắc nào đó từ thơ ấu, và cặp mắt rắn của Martin đụng mặt tôi và hắn đang khật khừ tiến lại kê khẩu súng trên nóc xe thì tôi lại bắn trúng hắn bên trên con mắt, một luồng đỏ tóe lóe khiến tôi nhăn mặt và rồi, đâu đó đằng sau lưng, tôi nghe tiếng chân trần đập trên mặt xi măng - thằng bé, áo trắng đang chạy ra dốc lên cặp theo bức tranh dưới nách, nó đang chạy lên dốc ra đường, tiếng vọng âm vang trong không gian lát gạch và tôi suýt bắn nó chỉ có điều không hiểu sao đã lại sang một thời điểm hoàn toàn khác và tôi đang quay lưng lại xe, tôi đang gập người chống tay lên gối còn khẩu súng trên mặt đất, tôi chẳng hề nhớ có thả nó xuống dù âm thanh thì nhớ, nó đã rơi lạch cạch xuống sàn và cứ mãi hoài lạch cạch, và tiếng âm vang còn vọng trong đầu và rung chấn của khẩu súng còn chạy dọc cánh tay, nôn ọe, gập bụng, máu của Frits còn bò râm ran cuộn tròn trên lưỡi.

Trong bóng tối vọng đến tiếng chân chạy, và lần nữa tôi không thấy, cũng không nhúc nhích được, mọi thứ đều viền sắc đen và tôi đang ngã dù tôi không hề ngã vì chẳng hiểu sao tôi đang ngồi trên một dải tường thấp lát gạch men đầu gục giữa hai đầu gối nhìn xuống nước bọt đỏ trong veo, hay là bãi nôn, trên mặt xi măng sơn epoxy bóng loáng giữa hai chiếc giày và Boris, đây là

Boris, hụt hơi và ngột thở và lõa máu, đang chạy từ ngoài lại, giọng nó vọng đến từ nghìn dặm xa, Potter, mi có sao không? nó chạy rồi, tau không tóm được, nó chuồn rồi.

Tôi chùi tay trên mặt nhìn vết đỏ dính trên tay. Boris vẫn đang nói gì đó với tôi rất khẩn thiết nhưng dù nó lắc vai tôi thì đấy vẫn chỉ là khẩu hình miệng và những tiếng vô nghĩa vọng tới qua kính cách âm. Khói từ khẩu súng vừa bắn lạ lùng thay lại chính là mùi khai khai tỉnh ngủ của bão giông Manhattan và những vỉa hè thành phố ướt. Những đốm xanh trứng sáo trên cửa chiếc Mini xanh nhạt. Gần hơn, ngoằn ngoèo tối sẫm bò ra từ dưới gầm xe Boris, một vũng óng ánh xa tanh rộng cả mét đang tỏa rộng, nhích tới như con a míp, và tôi nghĩ không biết bao lâu nữa nó sẽ lan đến giày mình và khi đó mình phải làm gì.

Mạnh nhưng không tức giận, Boris giáng cho tôi một nắm đấm vào bên đầu: cú bợp vô tư, không hề có cảm xúc. Như thể nó đang hà hơi thổi ngạt cho tôi.

“Đi nào,” nó nói. “Kính của mi kìa,” nó thêm và hất đầu nhẹ.

Kính của tôi - dính máu, còn nguyên - nằm trên sàn bên chân. Tôi cũng không nhớ nó rơi ra lúc nào.

Boris tự mình nhặt lên, lau vào ống tay áo, chìa cho tôi.

“Đi nào,” nó nói, tóm lấy tay tôi, kéo tôi dậy. Giọng nó đều đều, rù rì, mặc dù người nó bắn đầy máu và tay nó cầm tay tôi đang run. “Xong hết rồi. Mi đã cứu chúng mình.” Cú nổ đã khởi động chứng ù tai của tôi như một đàn châu chấu đang ro ro trong đầu, “Mi giỏi lắm. Giờ thì - ra đây nào. Nhanh lên.”

Nó dẫn tôi vào sau khu vực văn phòng quây kính, khóa cửa tối om. Cái áo lông lạc đà của tôi có máu, Boris gỡ ra khỏi người tôi như người giữ áo ở lễ tân, lộn ngược mặt trong ra rồi vắt lên cây

cột xi măng.

“Mi sẽ phải tống khứ nó đi thôi,” nó nói và rùng mình thật mạnh. “Sơ mi nữa. Bây giờ thì chưa - sau này. Giờ…” mở cửa, lách vào sau lưng tôi, bật đèn “ra đây.”

Phòng vệ sinh ẩm ướt, hăng mùi băng phiến và nước tiểu. Không có bồn rửa, chỉ có vòi nước trơ trụi và lỗ thoát nước trên sàn.

“Mau, mau,” Boris nói và xả nước hết cỡ. “Không cần hoàn hảo. Chỉ cần… eo!” nhăn mặt khi thò đầu vào dưới vòi, vã nước lên mặt, chà bàn tay kỳ cọ…

“Tay mày kìa,” tôi nhận ra mình đang nói. Tư thế tay nó rất kỳ cục.

“Ừ, ừ…” nước lạnh bắn khắp nơi, trồi lên hớp khí “hắn thổi trúng tay tau, không mạnh lắm, mẻ tí thôi… ôi trời…” nhổ bọt, lắp bắp “đáng ra tau phải nghe mi. Mi đã cố nói rồi! Boris, mi bảo, có người đằng đó! Trong bếp ấy! Nhưng tau có nghe mi không? Có chú ý không? Không. Thằng nhãi khắm ấy - thằng nhóc Tàu ấy - đấy là bồ của Sascha! Woo, Goo gì đó, tau đếch nhớ tên nổi. A…” lại thò đầu dưới vòi nước, lúng búng một lúc khi nước chảy xòa trên mặt “phì! Mi đã cứu chúng mình, Potter ạ, tau tưởng chúng mình tiêu rồi…”

Đứng lùi lại, nó chà hai tay lên mặt, đỏ tươi, chảy nước. “Được rồi,” nó nói, vuốt nước khỏi mắt và vẩy đi, rồi đẩy tôi lại cái vòi đang chảy ùng ục, “giờ đến mi. Bỏ đầu xuống - ừ, ừ, lạnh lắm!” Xô tôi vào khi tôi rúm lại. “Xin lỗi! Tau biết! Tay, mặt…”

Nước như băng, nghẹt thở, chui vào mũi tôi, chưa bao giờ trong đời tôi thấy cái gì lạnh thế này, nhưng cũng làm tôi hơi tỉnh lại.

“Mau, mau,” Boris nói và xốc tôi lên. “Vét - sẫm - không thấy đâu. Sơ mi vô phương rồi, bẻ cổ lên, đây, để tau làm cho. Khăn bỏ trong xe, hửm? Quấn quanh cổ được không? Đừng đừng - bỏ đi...” Tôi đang run lẩy bẩy, chộp lấy áo khoác, răng đánh đàn vì lạnh, cả nửa thân trên ướt đẫm - “ừ, tùy mi, mi sẽ chết rét thôi, chỉ cần xoay cho mặt lót ra ngoài.”

"Tay mày.” Dù áo ngoài màu tối và ánh sáng rất yếu tôi vẫn thấy vết đạn cháy ở bắp tay nó, len đen dính nhớp vì máu.

“Bỏ đi. Không có gì. Chúa ơi, Potter.. .” quay đầu đi lại chỗ xe, gần như chạy, tôi hối hả theo, sợ điếng khi nghĩ sẽ mất dấu nó, sẽ bị bỏ lại. “Martin! Thằng khốn ấy bị tiểu đường nặng, tau đã hy vọng nó chết nhiều năm nay. Grateful Dead, tau nợ cả mày nữa!” nó nói và nhét khẩu cụt nòng vào túi, rồi - từ túi ngực áo vét - lôi ra một bọc bột trắng rồi mở ra dốc ụp xuống.

“Đấy là xong,” nó nói, phủi tay và bước giật lùi lại; mặt nó trắng như phấn, đồng tử đờ đẫn và dù nhìn lên tôi nhưng có vẻ nó cũng không thấy tôi. “Vậy là chúng nó sẽ chỉ truy cái đó thôi. Martin cũng đang mang hàng, phê lòi tĩ ra rồi, mi thấy chứ? Thế nên hắn mới chậm chạp vậy - cả Frits nữa. Chúng nó không nghĩ sẽ bị gọi - không nghĩ sẽ phải đi làm đêm nay. ơn *Chúa*...” - nhắm nghiền mắt “chúng mình may thôi là may.” Vã mồ hồi, trắng như ma, lau trán. “Martin biết tau, nó biết tau mang những gì, nó không nghĩ tau có khẩu thứ hai đó, còn mi - chúng nó chẳng hề nghĩ tới mi. Vào xe đi,” nó nói. “Không, không...” tóm lấy tay tôi; tôi đang đi theo nó qua bên ghế lái như mộng du - “không phải vào đó, trong đó tởm lắm. Ồ...” đứng phắt, một thế kỷ trôi qua trong ánh đèn xanh lét chập chờn - rồi lại khập khiễng quay lại lấy súng của nó trên sàn, lau sạch bằng miếng vải trong túi và - bọc miếng vải cầm cẩn thận - buông rơi xuống sàn.

“Phù,” nó nói và cố thở lại. “Thế sẽ làm chúng nó lúng túng. Chúng nó cứ việc tìm cách lần theo món đó hàng năm trời.” Nó dừng lại, đỡ cánh tay bị mẻ bằng bàn tay kia: nó nhìn tôi một vòng. “Mi lái xe được không?”

Tôi không đáp được. Ngơ ngẩn, quay cuồng, run rẩy. Tim tôi, sau khi nhất thời va mạnh rồi đông cứng, giờ lại bắt đầu đập từng nhịp mạnh, gắt, đau đớn, như có quả đấm đang nện giữa ngực.

Thật nhanh, Boris lắc đầu, miệng phát ra tiếng chậc chậc. “Sang bên kia,” nó nói, khi đôi chân tự động di chuyển lại dẫn tôi theo nó. “Không, không…” - dẫn tôi vòng lại, mở cửa ghế lái phụ, xô nhẹ tôi vào.

Ướt đẫm. Run bắn. Buồn ọe. Trên sàn: gói kẹo cao su Stimorol. Bản đồ đường bộ: Frankfurt-Offenbach-Hanau.

Boris đã đi vòng qua bên kia xe, ngắm kỹ. Rồi, gượng nhẹ, nó trở lại ghế lái - đi vòng vèo, cố không giẫm phải máu - rồi ngồi vào sau bánh lái, nắm bằng cả hai tay và hít thật sâu.

“Được rồi,” nó nói khi thở ra thật dài, nói chuyện, một mình như phi công chuẩn bị cất cánh làm nhiệm vụ. “Cài dây an toàn thôi. Mi nữa. Đèn phanh ổn không? Đèn hậu nữa?” Vỗ vỗ túi, dựng thẳng lưng ghế, vặn máy sưởi lên mức Cao. “Xăng nhiều - tốt. Ghế sưởi nữa - ta sẽ được ấm. Không được để bị chặn lại,” nó giải thích. “Vì tau không lái được.”

Hàng ngàn thứ tiếng li ti: tiếng cọt kẹt của da ghế, nước rỉ xuống từ ống tay áo ướt.

“Không lái được?” tôi hỏi, trong cái im lặng đặc kịt âm vang.

“À, tau lái *được*.” Chống chế “*Từng* lái rồi. Tau…” khởi động xe, lùi lại, tay để dọc ghế “hừ, chứ mi nghĩ sao tau phải kiếm tài xế?

Tau sang đến thế cơ à? Không. Tau *có*…" giơ ngón trỏ "tiền sử lái xe say rượu."

Tôi nhắm mắt khỏi nhìn thấy đống máu me chèm nhẹp khi xe đi qua.

"Vậy, mi hiểu chứ, nếu chặn tau lại chúng nó sẽ xách tau về đồn và đấy là một điều chúng ta không muốn xảy ra." Tôi hầu như không nghe thấy nó nói gì trong tiếng ầm ầm dữ dội trong đầu. "Nên mi phải giúp tau. Như là - để mắt tìm biển đường và ngăn không cho tau đi vào làn xe buýt. Lối đi xe đạp ở đây màu đỏ, cũng không được đi vào đó, nên giúp tau canh chừng cả cái đó nữa."

Lại ra Phố Overtoom, quay đầu trở lại Amsterdam: Locksmith Sleutelkluis, Vacatures, Digitaal Printen, Haji Telecom, Onbeperkt Genieten[170], chữ Ả rập, ánh sáng rớt dài, một cơn ác mộng, tôi sẽ không bao giờ thoát khỏi con đường khốn khiếp này.

"Chúa ơi, tau nên đi chậm lại thôi," Boris trầm tư nói. Trông nó thật ngác ngơ thảm hại. "Trajectcontrole[171]. Giúp tau để mắt biển đường."

Vết máu dây trên cổ tay áo tôi. Những giọt lớn.

"Trajectcontrole. Nghĩa là một thứ máy báo với cảnh sát rằng mi đang chạy quá tốc độ. Chúng nó đi xe dân sự, có cả lố ấy, và nhiều khi chúng nó chạy theo sau hồi lâu rồi mới chặn mi lại, mặc dù - chúng mình may đấy - đêm nay ở đây chẳng có mấy xe. Cuối tuần, chắc thế, với ngày nghỉ nữa. Ngoài này chẳng hẳn là vùng Giáng sinh vui vẻ nếu mi hiểu ý tau. Mi hiểu chuyện gì vừa xảy ra chứ hửm?" Boris hỏi, hết sức hít mạnh và quẹt mũi sồn sột, phát ra tiếng sụt sịt.

"Không." Đấy là ai khác nói, không phải tôi.

“Ờ - Horst. Cả hai thằng đó đều là người của Horst. Frits hẳn là người duy nhất ở Amsterdam lão quen có thể điều động gấp như vậy nhưng còn Martin - đệt.” Nó đang nói rất nhanh và lộn xộn, nhanh đến nỗi lời lẽ chẳng nghe tròn chữ nữa, mắt nó nhìn đâm đăm vô cảm. “Ai mà biết được Martin còn đang ở đây? Mi biết Horst và Martin gặp nhau ra sao chứ?” nó hỏi và liếc hờ về phía tôi. “Trại tâm thần! Trại tâm thần hạng sang ở California! ‘Hotel California’, Horst từng gọi thế! Đấy là cái hồi gia đình Horst còn chưa từ mặt lão. Horst vào đó cai nghiện nhưng Martin thì là vì hắn điên thật, điên có thớ. Điên cái loại sẵn sàng cắm dao vào mắt người ta ấy. Tau đã chứng kiến Martin làm nhiều trò mà tau không muốn kể đến nữa. Tau…”

“Tay mày.” Nó đang bị đau; tôi nhìn thấy nước mắt long lanh trong mắt nó.

Boris nhăn mặt. “*Nyah*. Cái này có đếch gì. Cái này chả là gì. A…” nó nói, nhấc khuỷu tay để tôi quấn dây sạc điện thoại quanh cánh tay nó - tôi đã giật dây ra, quấn hai vòng phía trên vết thương, buộc thật chặt hết sức có thể - “mi khôn đấy. Phòng ngừa tốt. Cảm ơn! Dù là, thực sự không cần đâu. Xước xát tí ấy mà - bị dập thì đúng hơn, tau nghĩ thế. May là áo lại dày ! Lau rửa sạch - ít kháng sinh và cái gì đó chống đau - là tau lại ngon. Tau…” - hít mạnh, rùng mình - “tau cần tìm Gyuri và Anh Đào. Tau hy vọng chúng nó đến thẳng Blake. Dima - Dima cũng cần báo một câu, về cái cảnh tởm lợm trong đó. Nó không vui đâu - sẽ có cảnh sát, đau đầu lắm - nhưng trông có vẻ rất ngẫu nhiên. Không có gì để nối tới nó cả.”

Đèn xe đối diện vùn vụt. Máu chạy rần rần trong tai. Trên đường không nhiều xe lắm nhưng từng chiếc đều khiến tôi rùng mình.

Boris rên lên, vuốt lòng bàn tay qua mặt. Nó đang nói gì đấy, rất hối hả và kích động. “Gì cơ?”

“Tau đang nói - đúng là trò khốn. Tau vẫn đang nghĩ coi.” Giọng vỡ ra, gióng một. “Vì tau đang băn khoăn một điều - có thể tau nhầm, có thể tau điên - nhưng biết đâu Horst đã biết từ đầu? Là Sascha lấy cái tranh? Chỉ có điều Sascha mang tranh ra khỏi Đức và tìm cách đem mượn tiền sau lưng Horst. Và rồi khi mọi việc tung tóe ra cả - Sascha phát hãi - thì nó còn gọi ai? tất nhiên, chỉ là tau nghĩ thành tiếng thôi, có thể Horst *không* biết là Sascha đã lấy, có thể lão sẽ chẳng bao giờ biết nếu Sascha không bất cẩn ngu đần đến mức đi…Quỷ tha ma bắt cái đường vành đai chết mẹ này!” nó đột ngột nói. Chúng tôi đã rẽ khỏi Overtoom và đang đi vòng. “Tau phải đi phía nào? Bật máy chỉ đường coi.”

“Tao…” loay hoay một hồi, chữ không hiểu được, các mục không đọc được, Geheugen, Plaats,, vặn núm số, mục khác, Gevarieerd, Achtergrond.

“Con kẹc. Thử cái này vậy. Xùy, sát nút,” Boris nói, rẽ hơi nhanh và hơi ẩu quá. “Mi cũng thuộc loại ông mãnh đấy, Potter. Frits - Frits thì xỉu rồi, gần như ngủ gật nữa, nhưng còn Martin, Chúa ơi. Rồi mi…? Vùng lên gan liều? Tuyệt hảo! Tau còn không nghĩ đến mi ở đó. Nhưng mi đã làm được! Đúng là chưa dùng vũ khí bao giờ hả?”

“Chưa.” Phố đen loáng ướt.

“Này, nghe tau nói một điều nghe có vẻ buồn cười nhé? Nhưng - thực ra là lời khen đấy. Mi bắn như con gái ấy. Mi biết tại sao lại là lời khen không? Bởi vì,” Boris nói, giọng nhừa nhựa mê sảng, “trong tình huống bị đe dọa, đàn ông chưa bao giờ bắn súng và đàn bà chưa bao giờ bắn súng? Thì đàn bà - Bobo bảo vậy - sẽ

nhiều khả năng hạ gục đối phương hơn. Phần lớn đàn ông thì sao? Muốn có vẻ anh hùng, xem nhiều phim quá, sốt ruột và bóp cò quá sớm - Con kẹc," Boris thình lình nói và đạp sầm phanh.

"Sao?"

"Không hay chút nào."

"Cái gì không hay?"

"Đường bị chặn rồi." Cài số lùi. Cho xe chạy lùi khỏi phố.

Khu vực xây dựng. Hàng rào đằng trước những xe ủi, các nhà bỏ trống căng bạt nhựa xanh trên cửa sổ. Hàng chồng đường ống, khối bê tông, graffiti tiếng Hà Lan.

"Giờ chúng ta làm gì?" tôi hỏi trong quãng im lặng tê liệt theo sau, sau khi xe đã rẽ vào đường khác dường như không có tí đèn đường nào.

"À... không có cầu nào để qua. Và kia là ngõ cụt, vậy nên..."

"Không, tao muốn hỏi giờ ta *làm gì*."

"Về việc gì?"

"Tao..." Răng tôi đập vào nhau mạnh đến mức hầu như không thốt ra lời. "Boris, chúng ta sụp hố rồi."

"Không! Không có chuyện đó. Súng của Grozdan..." nó gượng gạo vỗ túi áo "tau sẽ bỏ xuống kênh. Chúng nó sẽ không lần được ra tau, nếu không lần được ra nó? Và - không có gì móc nối tới ta cả. Vì súng của tau? Sạch bong. Không số đăng ký. Cả lốp xe cũng mới! Tau sẽ đưa xe cho Gyuri và tối nay ảnh sẽ đổi. Nghe này," Boris nói khi tôi không trả lời, "đừng lo! Chúng mình an toàn. Nghe rõ không? An. Toàn." (dứ nắm đấm vụng về ở mỗi chữ).

Xe nảy trên ổ gà, tôi vô thức co rúm, phản ứng lại trong giật

mình, tay vụt đưa lên che mặt.

“Mà vì sao, là vấn đề trên hết? Vì chúng mình là bạn cũ - vì chúng mình tin nhau. Và vì…ôi trời, có cảnh sát, để tau đi chậm lại.”

Nhìn xuống giày. Giày giày giày. Tôi chỉ còn nghĩ được, khi xỏ vào mấy giờ trước, mình còn chưa từng giết ai.

“Vì - Potter, Potter, mi nghĩ mà coi. Nghe tau một giây thôi, làm ơn. Nếu giả thử tau là người lạ - người mi không hề biết, không hề tin? Nếu bây giờ mi đang lái xe rời cái ga ra kia với một thằng người lạ? Thì đời mi đã bị trói vào cái người lạ đó vĩnh viễn. Mi sẽ phải cực kỳ cẩn thận với người lạ này, đến hết đời mi.”

Tay lạnh, chân lạnh. Snackbar, Supermarkt[172], những núi hoa quả hay kẹo hút mắt, Verkoop Gestart[173]!

“Đời mi - tự do của mi - phụ thuộc vào lòng trung thành của một người lạ? Trong trường hợp ấy? Ừ. Lo đi. Dĩ nhiên phải lo. Mi sẽ gặp phiền lớn. Nhưng - chuyện này không ai biết trừ chúng mình. Cả Gyuri cũng không!”

Không mở miệng được, tôi lắc đầu quầy quậy khi nghe câu đó, cố lấy hơi.

“Ai? Thằng bé Tàu à?” Boris phát ra một tiếng khinh bỉ. “Nó kể với ai cơ chứ? Nó chưa đến tuổi thành niên và nó ở đây bất hợp pháp. Nó không nói được thứ tiếng nào tử tế cả.”

“Boris…” hơi chúi người về phía trước, tôi cảm giác mình sắp ngất xỉu “nó cầm bức tranh.”

“À. ” Boris nhăn mặt đau đớn. “*Cái đó* thì mất rồi, tau e là thế.”

“Sao?”

“Vĩnh viễn rồi, có thể. Cái đó làm tau muốn bệnh - bệnh từ đáy lòng. Vì, tau phải nói thôi - Woo, Goo, tên gì cũng được? Sau những gì nó thấy...? Nó sẽ chỉ nghĩ được về bản thân thôi. Sợ muốn chết! Người chết! Bị trục xuất! Nó không muốn dính vào. Quên cái tranh đi. Nó không biết giá trị thực của nó đâu. Và nếu nó rơi vào cảnh ì xèo gì với cảnh sát? Thay vì ngồi trong tù dù chỉ một ngày? Nó sẽ chỉ muốn một điều là tống khứ cái tranh đi. Vì thế…” - nó nhún vai ngáp ngủ - “hãy hy vọng là nó thoát ra được, thằng nhãi thối ấy. Nếu không khả năng cao là con *ptitsa* sẽ hết đời dưới đáy kênh - hoặc là bị đốt.”

Đèn đường lấp lóa trên nóc các xe đang đỗ. Tôi thấy người lơ lửng, như bị cắt lìa khỏi bản thân mình. Trở lại vào thân thể sẽ có cảm giác ra sao, tôi không hình dung được. Chúng tôi đã vào lại khu phố cổ, sỏi lát đường lục cục, màu đơn sắc ban đêm y hệt trong bức Aert van der Neer và thế kỷ 17 đang ép sát chúng tôi từ hai bên và những đồng xu bạc nhảy nhót trên nước kênh đen.

“Oạch, đường này cũng đóng,” Boris rền lên và lại dừng khựng, cho xe lùi, “phải tìm đường khác thôi.”

“Mày có biết mình đang ở đâu không?”

“Có - tất nhiên,” Boris nói, vẻ hớn hở vô tâm rất đáng sợ. “Cái kênh của mi đằng kia kìa. Herengracht.”

“Kênh nào cơ?”

“Amsterdam là một thành phố rất dễ tìm đường,” Boris nói, như không nghe thấy tôi hỏi. “Trong khu phố cổ mi chỉ việc đi theo các con kênh đến khi... Ôi, Chúa ơi, chỗ này cũng đóng rồi.”

Thang sắc độ của đêm. Những màn đen chợt sống dậy kỳ dị. Vầng trăng nhỏ ma quái bên trên những đầu hồi treo chuông, tí tẹo đến mức trông như trăng của một hành tinh khác, mờ sương,

thần bí, những đám mây ma mị được chiếu sáng mà phải để ý kỹ lắm mới nhận ra thoáng xanh lam và nâu.

“Không lo đâu, thế suốt ấy mà. Ở đây lúc nào cũng đang xây dựng cái gì đấy. Những công trường to rất tởm. Mấy cái này - tau nghĩ là cho đường xe điện ngầm mới hay gì đấy. Ai cũng ghét. Tố cáo nào là lừa đảo các thứ vân vân. Thành phố nào cũng vậy, hửm?” Giọng nó nhòe đi đến nỗi nghe như say. “Đào đường ở đâu, quan giàu ở đấy? Chính vì thế mà ai cũng đi xe đạp, đạp nhanh hơn, chỉ có điều, xin lỗi nhé, tôi không thích đạp đi đâu cả khi còn một tuần nữa là đến Giáng sinh. Ôi mẹ ơi...” cầu hẹp, đứng chết cứng sau một hàng xe “chúng ta có nhúc nhích được không đây?”

“Tao...” Chúng tôi bị dừng trên một cây cầu đi bộ. Những giọt hồng thấy rõ trên cửa xe táp mưa. Người qua người lại cách chúng tôi không đầy ba chục phân.

“Ra ngoài xe nhìn xem. Ờ, chờ đấy,” nó sốt ruột nói trước khi tôi kịp tỉnh lại; chuyển xe sang chế độ Đỗ, tự mình chui ra ngoài. Tôi thấy cái lưng nó bắt sáng trong luồng đèn xe, trông trịnh trọng như trên sân khấu giữa những đám mây khói xăng lồng lộng.

“Xe tải,” nó nói khi lại ngồi uỵch vào trong xe. Sập cửa. Hít thật sâu, duỗi hai tay nắm chặt bánh lái.

“Nó đang làm gì?” Nhìn sang hai bên, khiếp vía, chực chờ thấy một khách bộ hành bất kỳ để ý thấy vết máu, chạy nhào đến xe, đập sầm sầm vào cửa sổ, giật cửa xe mở toang.

“Làm sao tau biết được? Có quá nhiều xe trong cái thành phố chết trôi này. Này,” Boris nói - vã mồ hôi, tái nhợt trong ánh đèn hậu đỏ choét của cái xe trước mặt; thêm nhiều xe vừa kéo đến sau lưng, chúng tôi kẹt cứng rồi - “chẳng biết sẽ phải ở đây bao lâu

nữa đâu. Chúng mình chỉ còn cách khách sạn mi mấy khối nhà thôi. Tốt hơn là mi ra đi bộ đi."

"Tao..." Có phải ánh đèn của cái xe đằng trước làm nước đọng trên kính trước trông đỏ đến thế không?

Nó phẩy tay nôn nóng. "Potter, đi đi," nó nói. "Tau không biết cái xe tải trên kia có chuyện gì. Tau chỉ sợ sẽ có cảnh sát giao thông tới. Tốt hơn cho cả đôi là hai ta không ở cạnh nhau lúc này. Herengracht - mi không nhầm được đâu. Ở đây kênh chạy vòng tròn, mi biết mà, phải không? Chỉ cần đi đằng kia..."- nó chỉ - "mi sẽ thấy thôi."

"Còn tay mày thì sao?"

"Chả sao cả! Tau có thể lột áo cho mi xem chỉ tội sẽ lằng nhằng quá thôi. Giờ thì đi đi. Tau phải nói chuyện với Anh Đào." Lôi điện thoại trong túi ra. "Có thể tau sẽ phải rời khỏi đây ít lâu trong lúc..."

"Hả?"

"... nhưng nếu chúng mình không gặp nhau chút chút, cũng đừng lo, tau biết mi ở đâu. Tốt nhất là mi đừng cố gọi cho tau hay liên lạc lại. Tau sẽ trở lại ngay khi có thể. Mọi thứ sẽ ổn thôi. Đi đi - rửa ráy đi - khăn buộc cổ, cao vào - chúng mình sẽ gặp sớm. Đừng có trắng bệch ra thế! Mi còn chút nào không? Mi có cần gì không?"

"Hử?"

Lục lọi trong túi. "Này, cầm lấy." Phong bì trổ ô bóng kính dán tem đã bị bợt. "Không nhiều lắm, nhưng rất tinh. Bằng đầu diêm thôi. Không hơn. Lúc mi tỉnh dậy, sẽ thấy không tệ quá đâu. Giờ thì, nghe này... " bấm điện thoại, tôi thấy rất rõ tiếng nó thở phì phò "quấn khăn thật cao trên cổ và cố đi phía đường tối càng

nhiều càng tốt. Đi đi!" nó quát lên khi thấy tôi vẫn ngồi đó, quát to đến nỗi một người trên vỉa hè đi bộ trên cầu ngoái lại nhìn. "Nhanh lên! *Anh Đào*," nó nói, thả người vào ghế trông nhẹ nhõm thấy rõ và bắt đầu lảm nhảm khàn đặc bằng tiếng Ukraina khi tôi ra khỏi xe - cảm giác ghê rợn như mình phơi người ra trước luồng đèn pha ma quái từ dòng xe chết tắc - và bước ngược lại trên cầu, về phía chúng tôi từng đi tới. Lần cuối cùng tôi nhìn lại, nó đang gọi điện và mở cửa sổ nhoài người ra, giữa những đám mây khói xăng dày đặc, xem tình hình cái xe tải mắc kẹt đằng trước ra sao.

xiv.

GIỜ SAU ĐÓ, hay nhiều giờ sau đó, đi loanh quanh những vòng kênh kiếm khách sạn của mình, thuộc về số những giờ khốn nạn nhất đời tôi, mà nói như vậy cũng là rất đáng kể. Nhiệt độ vừa tuột xuống, tóc tôi ẩm, quần áo thì ướt sũng, răng lập cập vì lạnh, đường phố vừa đủ tối để cái nào cũng giống cái nào mà lại không đủ tối để tôi diễu đi trong trang phục còn thấm máu người tôi vừa giết. Theo những phố tối tăm tôi bước nhanh, gót giày gõ tiếng tự tin một cách kỳ cục, cảm thấy vừa luống cuống vừa bị phơi trần như kẻ bị ác mộng thấy mình trần truồng đi lại, cố tránh đèn đường và tìm mọi cách trấn an mình, nhưng càng lúc càng vô dụng, rằng cái áo lộn trái trên người trông hết sức bình thường, không có gì bất thường cả. Có người đi bộ trên phố, nhưng không nhiều. Sợ bị nhận ra, tôi đã bỏ kính vì qua kinh nghiệm tôi biết cặp kính là điểm dễ nhận diện nhất trên người mình - là điều mọi người nhận thấy trước hết, và điều người ta nhớ nhất về sau - và dù việc đó không giúp tôi dễ tìm đường hơn là mấy, nhưng lại đưa đến một cảm giác an toàn và ẩn thân rất phi lý: những biển đường không đọc ra chữ và những quầng sáng

http://tieulun.hopto.org

đèn đường mờ sương bồng bềnh bay ra khỏi quầng tối, những luồng đèn ô tô nhòe nhoẹt và đèn pha màu ngày lễ, cảm giác bị những kẻ săn đuổi quan sát qua cặp ống nhòm hỏng tiêu cự.

Sự việc xảy ra là: tôi đã đi lố hai ba khối nhà so với khách sạn. Hơn nữa: tôi chưa quen với những khách sạn châu Âu mà quá một giờ nhất định phải gọi chuông mới vào được; khi cuối cùng cũng dạt vào đến nơi, hắt hơi sổ mũi và lạnh thấu xương, để rồi thấy cánh cửa kính khóa kỹ, tôi đã đứng một hồi lâu không tính hết, lắc tay nắm như một tên xác sống, giật lên giật xuống, giật lên giật xuống, nhịp nhàng đều đặn và bất lực một cách đờ đẫn, não đã teo lại vì cái rét đến nỗi không hiểu sao mình không vào được. Âu sầu, nhìn qua cửa, tôi ngắm cái bàn đen bóng loáng đầu kia sảnh đón: không có ai.

Rồi - hối hả từ trong chạy ra, lông mày vống lên kinh ngạc - một người tóc đen gọn gàng mặc vét đen. Một ánh chớp đáng sợ khi mắt anh ta chạm mắt tôi và tôi nhận ra mình hẳn là trông kinh khiếp lắm, rồi anh ta ngoảnh đi, loay hoay mở khóa.

“Xin lỗi quý khách, chúng tôi khóa cửa sau mười một giờ tối,” anh ta nói, Vẫn nhìn đi chỗ khác. “Đấy là vì sự an toàn của khách nghỉ.”

“Tôi bị mắc mưa.”

“Vậy đấy thưa quý khách.” Tôi nhận ra anh ta đang nhìn cổ tay áo tôi, còn dính một giọt máu đã ngả màu nâu to cỡ đồng xu. “Chúng tôi có ô ở bàn lễ tân nếu quý khách cần đến.”

“Cảm ơn.” Rồi ngớ ngẩn tiếp: “Tôi đánh đổ sốt sô-cô-la lên người.”

"Rất tiếc khi nghe điều đó, thưa quý khách. Chúng tôi rất vui lòng được giúp đỡ quý khách tìm cách tẩy nó đi ở phòng giặt.”

“Vậy thì tốt quá.” Anh ta có ngửi thấy mùi máu trên người tôi không? Trong tiền sảnh có sưởi, người tôi bốc mùi hôi rình lên, mùi sắt gỉ và mùi muối. “Lại còn là áo tôi thích nhất nữa. Su kem đổ sô-cô-la.” *Im mồm, im mồm*. “Nhưng ngon miệng lắm.”

“Tôi rất vui khi nghe vậy, thưa quý khách. Chúng tôi rất vui lòng được đặt bàn cho quý khách ở nhà hàng tối mai nếu quý khách muốn.”

“Cảm ơn anh.” Máu trong miệng tôi, mùi và vị máu khắp nơi, tôi chỉ hy vọng anh ta không ngửi thấy sặc sụa lên như tôi. “Thế thì tốt quá.”

“Thưa quý khách?” anh ta nói khi tôi dợm đi về phía thang máy.

“Vâng?”

“Hẳn là quý khách cần chìa?” Đi lại sau bàn, chọn chìa khóa từ hốc. “Phòng hai bảy phải không ạ?”

“Phải,” tôi nói, vừa cảm tạ anh ta đã cho mình biết số phòng mà lại vừa hoảng sợ thấy anh ta thuộc làu không cần hỏi.

“Chúc một đêm tốt lành, thưa quý khách. Hy vọng quý khách có kỳ nghỉ dễ chịu.”

Hai thang máy khác nhau. Hành lang vô tận, thảm trải màu đỏ. Khi vào phòng, tôi bật tất cả các đèn lên - đèn bàn, đèn giường, đèn chùm chói lọi, rũ áo khoác lên sàn, đi thẳng vào phòng tắm, vừa đi vừa tháo cái áo sơ mi đẫm máu, loạng choạng như con quái vật của Frankenstein đối diện đội quân chĩa ba. Tôi cuộn mớ vải nhớp nháp rồi quăng xuống đáy bồn tắm, mở nước thật to thật nóng hết mức có thể, những dòng suối màu hồng chảy ồng ộc dưới chân, kỳ cọ người bằng thứ sữa tắm hương hoa ly tới khi bốc mùi như một vòng hoa viếng còn da thì rát bỏng.

http://tieulun.hopto.org

Cái sơ mi coi như vứt đi: những vệt nâu còn đóng vẩy và bê bết trên cổ rất lâu sau khi nước đã trong vắt. Để mặc nó ngâm trong bồn, tôi quay sang cái khăn và áo khoác - cũng bết máu, tuy vải sẫm màu nên không rõ - và rồi, lộn trái ra, cực kỳ gượng nhẹ (Sao lại đi mặc cái lông lạc đà đến tiệc? Sao không chọn cái màu hải quân?) đến cái áo khoác. Một bên ve áo không quá tệ, bên kia thì không thể tệ hơn. Vết máu tóe màu rượu vang chứa lực chuyển động bắn tung lập tức khiến tôi sống lại cái khoảnh khắc nhiệt náo của cú bắn từ đầu đến cuối: cái giật ở tay, giây bùng nổ, đường bay của từng giọt nhỏ. Tôi dúi nó vào dưới vòi nước bồn rửa, đổ dầu gội lên kỳ lấy kỳ để bằng bàn chải đánh giày trong tủ, và sau khi dầu gội hết, lấy cả sữa tắm; tôi chà bánh xà phòng cục lên kỳ thêm một chặp nữa, như một cô hầu tuyệt vọng trong truyện cổ bị bắt phải hoàn thành một nhiệm vụ bất khả thi trước bình minh mới khỏi tội chết. Cuối cùng, mỗi ngón tay đều nhức mỏi run rẩy, tôi quay sang dùng bàn chải và kem đánh răng bóp thẳng từ tuýp vào - thật kỳ cục, lại hiệu nghiệm hơn tất cả số còn lại, nhưng vẫn chẳng ăn thua.

Cuối cùng tôi kết luận là vô vọng và đầu hàng, treo áo lên cho rỏ bớt nước trong bồn tắm: bóng ma ướt nhẹp của ông Pavlikovsky. Tôi đã cẩn thận tránh dây máu ra khăn tắm; dùng giấy vệ sinh, mà cứ vài phút lại gấp nhỏ lại, rồi giật nước đến bệnh hoạn, tôi kỳ cạch thấm cho hết những vệt hay giọt màu gỉ sắt trên sàn. Cầm bàn chải xông vào kẽ gạch. Trắng bong như bệnh viện. Tường lấp lánh như gương. Nỗi cô độc soi bóng nhau nhân bội. Rất lâu sau khi vệt hồng cuối cùng đã biến đi, tôi còn hì hục - giũ rồi giặt lại những khăn tay hoen ố, vẫn còn vương màu ưng ửng đáng nghi - và rồi, mệt rã rời, chui vào phòng tắm bật nước nóng đến gần như không chịu được và kỳ cọ mình một lượt, từ đầu xuống chân, trát cả bánh xà phòng vào tóc và bọt chảy vào

khiến nước mắt ròng ròng.

XV.

TÔI BỊ ĐÁNH THỨC vào một giờ vô định nào đó, chuông cửa réo lớn đến mức tôi nhảy bắn dậy như bị bỏng. Ga giường xoắn vặn vào nhau, ướt đẫm mồ hôi, và màn buông kín khiến tôi chẳng biết đã mấy giờ, thậm chí không biết là ngày hay đêm. Tôi vẫn còn lơ mơ chưa tỉnh. Khoác áo choàng mặc nhà, hé cửa tròng dây xích, tôi hỏi: "Boris?"

Mặt dính dấp, mặc đồng phục, một người đàn bà. "Đồ giặt, thưa quý khách."

"Xin lỗi?"

"Dưới lễ tân. Họ nói quý khách yêu cầu lấy đồ giặt sáng nay."

"Ờ... " Tôi nhìn xuống nắm đấm cửa. Sau từng ấy chuyện, sao tôi lại quên treo biển ĐỪNG LÀM PHIỀN? "Đợi chút."

Mở vali, tôi lấy cái áo sơ mi đã mặc đến tiệc của Anne - mà Boris đã nói là không đủ đẹp để đi gặp Grozdan. "Này," tôi nói, đưa bà ta qua cửa rồi nghĩ lại: "Đợi chút."

Áo vét. Khăn. Cả hai đều đen. Tôi có dám không? Trông cả hai rất thảm và sờ vào thì ướt, nhưng khi tôi bật đèn bàn săm soi thật kỹ - đeo cả kính, với con mắt được Hobie đào tạo, mũi dí sát vào mặt vải - không thể nhìn ra máu me gì. Dùng một mảnh giấy ăn trắng, tôi chấm chấm vào vài chỗ xem có thôi màu hồng ra không. Có, nhưng cực kỳ mờ.

Bà ta vẫn chờ bên ngoài, và cách nào đó đây cũng là một sự nhẹ nhõm, khi phải vội: quyết định nhanh, không chần chừ. Tôi lôi ra khỏi túi cái ví, viên Oxycontin ẩm nhưng kỳ diệu thay vẫn còn

nguyên, đã nhét vào túi trước bữa tiệc nhà de Larmessin (tôi có bao giờ nghĩ sẽ mừng vì cái thứ mê dược tác dụng chậm ấy không? Không) và phong bì ô bóng kính dày bự của Boris trước khi trao nốt cả áo vét và khăn.

Đóng cửa lại, lòng tôi dào lên cảm giác nhẹ nhõm. Nhưng chưa đầy ba chục giây sau, nỗi lo lắng lại rì rào len lỏi tới, nhanh chóng vút lên thành một tiếng la thét chỉ sau vài giây. Quyết định chóng vánh. Tâm thần. Tôi nghĩ cái gì vậy?

Tôi nằm xuống. Tôi đứng lên. Tôi lại nằm xuống cố tìm cách ngủ. Rồi tôi ngồi dậy trên giường và hối hả như trong mơ, không ngăn lại được, thấy mình đang gọi xuống lễ tân.

"Vâng thưa quý khách Decker, chúng tôi giúp được gì cho quý khách?"

"Ờ..." nhắm tịt mắt lại; sao tôi lại trả tiền phòng bằng thẻ cơ chứ? "Chỉ là tôi nghĩ - tôi vừa đưa áo vét xuống giặt khô, không biết nó còn ở khách sạn không?"

"Gì cơ ạ?"

"Các anh có gửi đồ giặt khô đi chỗ khác không? Hay là làm tại chỗ?"

"Chúng tôi gửi đi, thưa quý khách. Công ty chúng tôi chọn rất đáng tin cậy"

"Không biết anh có cách nào xem thử nó đã được đưa đi chưa? Tôi vừa nhận ra mình cần nó cho một sự kiện tối nay."

"Để tôi kiểm tra, thưa quý khách. Xin quý khách giữ máy."

Tuyệt vọng, tôi chờ máy, nhìn túi heroin trên bàn đầu giường, trên có hình cái đầu lâu cầu vồng và chữ **TIỆC ĂN MỪNG**. Trong phút chốc người lễ tân đã trở lại. "Thưa quý khách, khoảng mấy

giờ quý khách cần bộ vét ạ?”

“Sớm.”

“Tôi rất tiếc phải thông báo nó đã được gửi đi rồi. Xe vừa đi tức thì. Nhưng dịch vụ giặt khô của chúng tôi lấy trong ngày. Quý khách sẽ được nhận lại vào năm giờ, chúng tôi xin bảo đảm. Còn gì nữa không, thưa quý khách?” anh ta hỏi trong quãng im lặng tiếp theo.

xvi.

BORIS NÓI KHÔNG SAI về món bột đã đưa tôi, rất tinh - trắng tinh khiết, một hơi cỡ thông thường đã khiến tôi mềm nhũn, khiến trong một hồi lâu không đo đếm hết tôi gật gù dễ chịu, gần rồi lại xa miệng tử thần. Những thành phố, những thế kỷ. Vào rồi lại ra những giây phút tua chậm, tươi vui, màn rủ, những giấc mơ mây trống rỗng và những cái bóng biến hoá, thanh lặng như những bức vẽ vật săn tuyệt mỹ của Jan Weenix, chim chết treo ngược một chân, bộ lông vấy máu, và trong những lát ý thức ngắn ngủi còn lại với mình tôi cảm thấy đã hiểu được cái huy hoàng thầm kín của sự chết, mọi hiểu biết bị giấu biến khỏi loài người cho đến mãi giây phút cuối cùng: không có đau đớn hay sợ hãi, chỉ có dửng dưng tráng lệ, nằm đường bệ trên chuyến phà chết xa dần vào những cõi mênh mông cao cả như một đấng quân vương, mất tăm mất dạng, nhìn mọi kẻ đang hối hả lại qua trên bến bờ xa, đã giải thoát khỏi mọi thói nhỏ mọn của con người xưa cũ như yêu và sợ và buồn đau và cái chết.

Khi tiếng rít chuông cửa lại xuyên vào giấc mơ, sau đó vài giờ, mà cũng có thể là vài trăm năm, tôi còn không giật mình. Niềm nở, tôi nhỏm dậy - đung đưa sung sướng giữa không trung, vịn

vào những mẩu bàn ghế trên đường đi ra ngoài - và mỉm cười với cô bé bên cửa: tóc vàng, vẻ bẽn lẽn, đưa cho tôi gói quần áo bọc ni-lông.

“Đồ giặt của quý khách, thưa quý khách Decker.” Như mọi người Hà Lan khác, cô ta phát âm họ tôi là “Decca”, như Decca Mitford, người quen một thuở của bà DeFrees. “Cho chúng tôi xin lỗi.”

“Gì?”

“Tôi hy vọng quý khách không bị quá bất tiện.” Xinh xắn dường nào! Đôi mắt xanh kia! Cái giọng lơ lớ của cô ta đáng yêu hết sức.

“Xin lỗi?”

“Chúng tôi đã hứa sẽ đưa lại đúng năm giờ chiều. Lễ tân nói không tính vào hóa đơn của quý khách.”

“Ồ, không sao đâu.” Tôi đáp, nghĩ không biết có nên boa cho cô ta không, nhận ra rằng tiền nong và tính toán không phải là thứ đầu mình đủ sức xử lý lúc này, và rồi - khi đóng cửa, thả đống đồ xuống chân giường và lần mò tìm về được bàn đầu giường - kiểm tra đồng hồ của Gyuri: sáu giờ hai mươi; tôi mỉm cười. Cứ nghĩ đến việc liều thuốc đã giúp mình tránh được nỗi lo lắng muốn cào mặt - một giờ hai mươi phút phiền não! Nháo nhào gọi xuống lễ tân, tưởng tượng cảnh sát đang đứng đầy dưới nhà! - là tôi lại ngập đầy cảm giác thanh tĩnh rất thiền. Lo lắng à! Thật phí thời gian. Các sách kinh nói đúng quá. Hẳn nhiên “lo lắng” là dấu hiệu của một kẻ nguyên thủy, tâm thần chưa tiến hóa. Cái câu của Yeats là gì nhỉ, về những đại sư Trung Hoa hớn hở? Mọi thứ đổ xuống rồi sẽ lại xây lên. Đôi mắt ngàn xưa, lấp lánh. Đấy là trí huệ. Con người ta đã nổi cuồng và khóc lóc và hủy diệt mọi thứ từ

nhiều thế kỷ và rền rĩ về những cảnh đời cá nhân tí nị của mình, trong khi - để làm gì chứ? Mọi nỗi buồn thảm vô dụng ấy? *Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng*[174]. Vì sao người ta lại phải lo về bất cứ điều gì? Chẳng phải chúng ta, những sinh vật có trí khôn, được đưa đến thế giới này để hưởng hạnh phúc, trong khoảng thời gian ngắn ngủi phân cho mỗi kẻ?

Đương nhiên. Chính vì thế mà tôi không vò đầu bứt tóc trước mẩu thông tin in sẵn mà bộ phận dọn phòng đã luồn vào dưới cửa (*Thưa quý khách, chúng tôi đã cố gắng dọn phòng quý khách nhưng rất tiếc là không thể đi vào...*), mà tôi vô cùng hớn hở lượn ra hành lang chỉ mặc độc áo choàng tắm và chặn đường chị dọn phòng bằng cả một ôm khăn tắm sũng nước đáng ngờ - mọi cái khăn trong phòng đều ướt, tôi đã cuộn cái áo khoác bên trong để ép nước ra, còn vết hồng hồng trên vài cái mà tôi chưa để ý thấy trước khi - khăn mới à? Có ngay! à, quý khách quên chìa khóa trong phòng ư? quý khách bị kẹt ở ngoài à? Đợi một phút, chúng tôi sẽ mở cửa cho quý khách vào lại? mà tôi, ngay cả sau chuyện đó, cũng chẳng hề ngại ngần gọi thức ăn lên phòng, thậm chí còn cho phép anh phục vụ vào tận phòng, đẩy cái bàn *đến sát chân giường* (súp cà chua, xa lát, xăng-uých tam giác, khoai tây chiên giòn, phần lớn tôi đã kịp ọe ra sạch sẽ chỉ sau nửa tiếng, quả nôn êm đềm nhất trên đời, hay ho đến nỗi tôi cười phá lên: ái chà! Liều hít đệ nhất quả đất!). Tôi bị ốm, tôi biết thế, hàng giờ mặc đồ ướt giữa thời tiết 0 độ F đã khiến tôi bị sốt cao và ớn lạnh, tuy thế tôi đã lãnh đạm một cách vương giả trước tất cả. Thân thể là đây: yếu ớt, chực quỵ xuống trước bệnh tật. Ốm yếu, đau đớn. Việc gì người ta cứ phải hoắng lên vì nó? Tôi chất lên người từng món một trong vali (hai sơ mi, một áo len, thêm một quần dài, hai đôi tất) và ngồi nhấm nháp Coca-Cola trong tủ lạnh trong phòng - vẫn còn phê thuốc tuy đang dần giải bớt - lúc vào lúc ra những

cơn mộng mị cực kỳ sống động: kim cương thô, côn trùng đen lấp lóa, một giấc rõ nét bất thường có Andy, người ướt đẫm, giày thể thao lép nhép, lê theo nước vào phòng nhìn cậu ta có gì đó không thật ổn có gì đó hơi kỳ kỳ hơi lệch lạc dạo này sao Theo?

Chả có gì cậu sao?

Chả có gì này thấy bảo cậu với Kits sắp cưới à bố nói tớ thế.

Giỏi

Ờ! Giỏi nhưng bố con tớ không đến được bố kẹt sự kiện ở câu lạc bộ du thuyền.

Dở quá nhỉ

…và rồi chúng tôi cùng nhau đi đâu đó Andy với tôi vali nặng trĩu chúng tôi đi thuyền, trên kênh, có điều Andy bảo đừng hòng tớ trèo lên cái thuyền đó còn tôi bảo ừ tất nhiên tớ hiểu mà, nên tôi tháo tung cái thuyền từng đinh ốc một rồi bỏ mọi mảnh vào vali, chúng tôi sẽ xách nó qua đất liền, đủ cả buồm và mọi thứ, kế hoạch là thế, chỉ cần làm đúng một điều là đi theo các dòng kênh, kênh sẽ đưa mình đến bất kỳ mình muốn đến hay có khi là trở lại ngay nơi mình bắt đầu nhưng việc ấy nặng hơn tôi tưởng, tháo rời một con thuyền buồm rất khác tháo rời bàn hay ghế và các mảnh quá to không nhét vừa hành lý và lại có chân vịt khổng lồ tôi cố nhồi vào giữa quần áo và Andy đã chán ngấy bỏ ra ngoài chơi cờ với một kẻ trông rất đáng ghét và cậu ta bảo *dào* nếu không lên kế hoạch được hết từ trước thì đành đến đâu ứng biến đấy vậy thôi.

xvii.

TÔI TỈNH DẬY, đầu nổ bốp, buồn nôn và ngứa ngáy khắp

mình mẩy như có kiến bò dưới da. Thuốc đang giải bớt khỏi cơ thể, cơn hoảng loạn đã trở lại gấp đôi vì rõ ràng là tôi đang ốm, sốt cao và đổ mồ hôi, không cách nào chối được. Sau khi lảo đảo đi ra phòng tắm và lại nôn mửa (lần này không phải màn nôn giải trí của kẻ nghiện mà chỉ là kiểu nôn khốn khổ bình thường), tôi trở lại phòng, vừa ngắm áo vét và khăn bọc ni-lông cuối chân giường và vừa nghĩ, vừa rùng mình rằng mình may mắn biết bao. Tất cả đã thành ra ổn thỏa (phải không?), nhưng cũng đã có thể hoàn toàn không như vậy.

Vụng về, tôi bỏ áo và khăn khỏi ni-lông, sàn nhà dưới chân bập bềnh như sóng, như cơn buồn ngủ, khiến tôi phải chộp lấy tường để đứng vững - rồi với lấy kính ngồi lên giường xem xét dưới ánh đèn. Vải trông có vẻ sờn nhưng ngoài ra không sao. Tuy thế tôi cũng không dám chắc. Chất vải đen quá. Tôi thấy một đốm đen rồi lại không thấy nữa. Mắt tôi vẫn còn chưa bình thường lại. Có thể đây là một mánh lừa - có thể nếu đi xuống tiền sảnh tôi sẽ thấy cảnh sát chờ sẵn - nhưng không - dẹp ý nghĩ đó đi - ngớ ngẩn. Họ sẽ giữ lại số quần áo nếu tìm thấy gì khả nghi, phải không? Tất nhiên là không trả lại sau khi giặt và là phẳng phiu rồi.

Tôi vẫn còn lửng lơ bên lề thế giới, chưa tỉnh táo hẳn. Bằng cách nào đó giấc mơ thuyền buồm của tôi đã thấm qua, xâm nhập toàn căn phòng khách sạn, nên đây là phòng mà cũng là cabin tàu: tủ âm tường (bên trên giường và dưới mái chìa) có đinh đồng lắp chìm và tráng men đến bóng loáng như biển. Đồ gỗ kiểu tàu bè; boong nghiêng ngả, và đập vào mạn bên ngoài là dòng nước đen trên kênh. Mê sảng: mất neo, trôi dạt. Ngoài kia, sương mù dày, không một cánh gió, đèn đường bến bỉ thắp với vẻ lặng lờ tản mát, xơ xác, lặng phắc như tro, đã mềm đi, mờ đi thành sương khói.

Ngứa quá, ngứa điên được. Da rát bỏng. Buồn nôn, đầu muốn toác đôi. Liều chơi càng hoành tráng bao nhiêu, cơn khổ não - cả tâm thần và thể xác - khi nó tan đi càng khốn nạn bấy nhiêu. Tôi đã lại trở về với cái mẩu bắn ra từ trán Martin, chỉ có điều lần này gần gũi hơn, gần như là ở bên trong nó, từng nhịp đập và tia máu, và - tệ hơn nữa, một điểm đóng băng thăm thẳm - bức tranh đã mất. Áo khoác lấm máu, bàn chân thằng bé chạy trốn. Đen kịt. Thảm họa. Vốn loài người - bị giam trong những quy luật sinh lý - không có đường cứu rỗi: chúng ta sống một chút, loay hoay múa may một hồi rồi chết, mục rữa trong lòng đất như rác rến. Chóng chầy gì thời gian cũng tiêu diệt chúng ta. Nhưng hủy diệt, hay đánh mất, một thứ ở ngoài vòng sinh tử - cắt đứt những mối dây mạnh hơn liên kết thời gian - lại là tháo dỡ ở một cấp độ siêu hình vượt lên trên, một kiểu tuyệt vọng rung trời hoàn toàn mới.

Bố tôi bên bàn chơi baccarat, giữa nửa đêm đượm mùi điều hòa. *Luôn có nhiều hơn những gì ta thấy, một tầng bậc ẩn*. Vận may, trong những tấm trạng và lớp vỏ hóa trang tăm tối nhất. Đọc các vì sao, đợi cược lớn khi nào sao Thủy nghịch hành, tìm kiếm một sự hiểu biết ở ngay bên kia bờ biết được. Đen là màu may mắn, chín là con số may mắn của ông. Cái nữa nào ku. *Có một mô hình và chúng ta nằm trong đó*. Nhưng nếu đào thật sâu vào ý tưởng có một mô hình (một việc mà hiển nhiên ông chưa bao giờ bỏ công làm), rốt cuộc sẽ chỉ đâm vào cõi hư không đen đặc tới mức nó sẽ hủy diệt, từng thứ một, mọi điều ta từng thấy là hay coi là ánh sáng.

http://tieulun.hopto.org

12
Điểm Hẹn.

i.

NHỮNG NGÀY gần đến Giáng sinh nhòa nhạt cả vào nhau, vì nhờ có cơn ốm và cái có thể coi là cảnh biệt giam mà tối đã mất hết ý thức thời gian. Tôi ở lì trong phòng; tấm biển ĐỪNG LÀM PHIỀN ở lì trên cửa; và tivi - thay vì đưa tới ít nhất cũng là tiếng nền tạo cảm giác giả về tính bình thường, chỉ càng khua rộn thêm cảnh rối bời và lạc lõng đa hình thức: không có logic, không có kết cấu, tiếp theo sẽ là gì, ta không biết, có thể là bất kỳ thứ gì, chương trình *Phố Vừng*[175] bằng tiếng Hà Lan, một đống người Hà Lan ngồi nói chuyện bên bàn, lại tiếp tục người Hà Lan ngồi nói chuyện bên bàn, và dù vẫn có Sky News và CNN và BBC thì tất cả tin tức địa phương đều không bằng tiếng Anh (chẳng có gì quan trọng, chẳng có gì liên hệ tới tôi hay ga ra gửi xe) dù có một lần tôi đã choáng người khi, lướt qua các kênh gặp một bộ phim tội phạm cũ của Mỹ, nghệt ra trước hình ảnh ông bố hai mươi lăm tuổi của tôi: một trong vô số vai không có thoại của ông, một tay ba phải lượn lờ sau lưng ứng cử viên nào đó tại một buổi họp báo nào đó, gật gù khi nghe những lời hứa hẹn tranh cử của hắn và trong một giây ghê người nhìn thẳng vào máy quay, nhìn thẳng qua đại dương xuyên tới tương lai, tới chính tôi. Những sự trớ trêu này đa trùng quá nhiều lớp và quá dị thường đến nỗi tôi há hốc miệng ghê sợ. Trừ kiểu tóc và thân mình vạm vỡ hơn (nhờ tập tạ: thời đó ông đi tập thể hình rất chăm chỉ), trông ông không

http://tieulun.hopto.org

khác gì anh em song sinh của tôi. Nhưng choáng nhất là dáng vẻ ông thẳng thắn biết mấy - ông bố ngay từ lúc này (khoảng năm 1985) đã dối trá đến mức tội phạm và chớm nghiện rượu của tôi. Không có gì hiển hiện trên mặt nói lên tính cách, hay tương lai của ông. Trái lại, trông ông quyết liệt, ân cần, kiểu mẫu về tương lai chắc chắn và hứa hẹn.

Sau vụ đó tôi tắt tivi đi. Dần dà, mối liên hệ duy nhất của tôi với hiện thực chỉ còn là người mang đồ ăn lên phòng, mà tôi cũng chỉ gọi lên vào những giờ tối mịt trước bình minh khi các cậu nhân viên phục vụ đều chậm chạp và ngái ngủ. “Không, làm ơn cho tôi báo tiếng Hà Lan,” tôi nói (bằng tiếng Anh) với cậu bồi phòng chỉ biết tiếng Hà Lan vẫn mang tờ *International Herald Tribune* lên cùng những bánh mì nhân Hà Lan với cà phê, thịt nguội với trứng và đủ loại pho mát Hà Lan. Nhưng vì đằng nào cậu ta cũng chỉ mang tờ *Tribune* tới, tôi xuống bằng cầu thang phụ trước khi mặt trời lên để xem báo địa phương, đểu để xòe ra rất tiện lợi trên bàn ngay cạnh cẩu thang khiến tôi khỏng phải đi qua bàn lễ tân.

Bloedend. Moord[176]. Mặt trời dường như đến chín giờ sáng mới chịu mọc, và kể cả lúc ấy cũng là một mặt trời vẩn sương u ám, phả xuống thứ ánh sáng thấp, yếu như luyện ngục, như hiệu ứng trên sân khấu opera Đức. Hẳn là kem đánh răng tôi đã dùng chà ve áo có chứa oxy già hay một hóa chất tẩy trắng nào khác, vì chỗ đó đã nhạt đi thành một quầng trăng trắng to bằng bàn tay, mép màu trắng phấn, ôm lấy bóng ma khó lắm mới nhìn thấy của chất huyết tương trong sọ Frits, Vào khoảng ba rưỡi chiều ánh sáng đã tắt, đến năm giờ chiều thì đen đặc. Lúc ấy, nếu đường không quá đông người, tôi bẻ cổ áo lên, buộc chặt khăn trên cổ và - rất chú ý cúi đầu - chúi vào bóng tối chạy ra một cái chợ châu Á bé xíu cách khách sạn vài trăm mét, dùng những

đồng euro cuối cùng mua xăng-uých gói sẵn, táo, bàn chải mới, thuốc ho, aspirin và bia. *Is alles*?[177] Bà cụ già hỏi bằng tiếng Hà Lan có vẻ bồi. Đếm mấy đồng xu của tôi chậm đến điên lên được. Cạch, cạch, cạch. Có thẻ tín dụng nhưng tôi quyết tâm không dùng đến - thêm một luật ngẫu hứng trong trò chơi tôi tự để ra cho mình, một sự phòng ngừa hoàn toàn phi lý vì tôi định lừa ai đây chứ? Còn quan trọng gì mấy cái xăng-uých ở cửa hàng tiện lợi, khi khách sạn đã nắm được số thẻ của tôi?

Phần vì sợ hãi, phần vì ốm mà tư duy của tôi không còn sáng rõ, vì căn bệnh cảm hay trúng lạnh gì gì đó đã đến với tôi vẫn không chịu bỏ đi. Dường như cứ mỗi giờ, cơn ho lại sâu hơn và phổi lại đau hơn. Những đồn đại về tính sạch sẽ của người Hà Lan đều chính xác. Các sản phẩm tẩy rửa Hà Lan: ngoài chợ có cả chục loại nhìn đến hoa mắt, những mặt hàng chưa từng thấy bao giờ, và tôi mang về phòng một cái bình có con thiên nga trắng muốt trên nên núi đỉnh tuyết trắng xóa cùng nhãn đầu lâu xương chéo đằng sau. Nhưng dù thứ thuốc này đủ mạnh để đánh bay hết sọc trên áo sơ mi, nó lại không đủ xóa vết bẩn nơi cổ áo, đã phai từ những mảng thẫm màu gan sang những đường viết chồng lên nhau trông quái ác như vân nấm gỗ tròn. Tôi xả nước, lần thứ tư hay năm gì đấy, nước mắt giàn giụa, rồi quấn vào túi ni-lông buộc lại, đẩy vào trong cùng cái tủ chè cao. Không có thứ gì buộc cho chìm xuống, tôi biết nó sẽ nổi lềnh bềnh nếu thả xuống kênh, mà tôi lại sợ mang ra đường ấn vào thùng rác nào đó - sẽ có người nhìn thấy, tôi sẽ bị tóm, đấy là cách chuyện đó sẽ xảy ra, tôi biết từ sâu trong cốt tủy và bất cẩn lý trí như người ta vẫn biết trong mơ.

Một lát thôi. Một lát là bao lâu? Ba ngày là cùng, Boris đã nói vậy ở nhà Anne de Larmessin. Nhưng khi đó nó đâu có tính đến Frits và Martin.

Chuông với vòng hoa, sao giấy trang trí các cửa sổ, nơ và quả óc chó mạ vàng. Đêm đêm, tôi ngủ đi cả tất, áo choàng dính bẩn, áo len cổ lọ trợ sức cho chăn mỏng, vì quay ngược chiều núm vặn máy sưởi như quảng cáo trong tập giới thiệu bìa da của khách sạn cũng không giúp phòng ấm được đến mức cần cho những cơn đau nhức và ớn lạnh bệnh tật của tôi. Lông tơ ngỗng trắng, thiên nga trắng. Phòng nồng nặc mùi nước tẩy như một bể sục rẻ tiền. Mấy cô dọn phòng đi qua hành lang có ngửi thấy không? Ăn cắp tranh không quá mười năm, nhưng với Martin thì tôi đã vượt biên giới tiến vào một vùng đất khác hẳn - đường một chiều, không lối quay đầu.

Thế nhưng, cách nào đó tôi đã có một cách tàm tạm dùng được để nghĩ về cái chết của Martin, hay đúng hơn để nghĩ vòng quanh nó. Hành vi đó - hành vi vĩnh cửu đó - đã ném tôi vào một thế giới hoàn toàn khác, đến nỗi xét theo mọi mục đích thực tế tôi có thể coi như đã chết rồi. Cảm giác trong tôi là đã đi qua mọi thứ, ngoảnh lại nhìn bờ từ một tảng băng trôi dạt ra biển khơi. Điều đã làm không cách nào xóa được. Tôi đã xong rồi.

Và cũng không sao. Tôi chẳng có nghĩa mấy trong trật tự của vạn vật và Martin cũng vậy. Chúng tôi sẽ bị quên đi dễ dàng. Đấy là một bài học xã hội và đạo đức, nếu không là gì khác. Nhưng cho tới mọi khoảng thời gian tương lai lường trước được - cho tới chừng nào lịch sử còn được viết, chừng nào các núi băng hai cực chưa tan ra khiến đường phố Amsterdam ngập trong bể nước - thì bức tranh sẽ còn được nhớ tới và khóc thương. Ai biết, ai quan tâm, tên của những tay người Thổ đã cho nổ tung nóc điện Parthenon? Những giáo sĩ Taliban đã ra lệnh hủy diệt hai pho tượng Phật ở Bamiyan? Nhưng dù sống hay chết, hành vi của chúng vẫn còn lại. Đấy là sự bất tử ở dạng thức khốn nạn nhất.

Dù có chủ ý hay không, tôi đã dập tắt một ngọn lửa trong tim thế giới.

Hành động của Chúa: đấy là cách các công ty bảo hiểm gọi nhữn thảm họa quá ngẫu nhiên hay bí hiểm đến nỗi ngoài ra không còn cách nào đo lường nó. Xác suất là một việc, nhưng còn những sự kiện rơi hẳn ra ngoài bảng thống kê tử suất đến nỗi cả những công ty bảo hiểm cũng buộc phải lôi cái siêu nhiên vào giải thích - *số nhọ*, như bố tôi từng rầu rĩ nói một đêm bên bể bơi, chiều tà sập xuống, đốt hết điếu Viceroy này đến điếu khác để xua muỗi, một trong những lần hiếm hoi ông tìm cách nói chuyện với tôi về cái chết của mẹ, vì sao những chuyện xấu xảy ra, vì sao là mẹ, không đúng lúc chẳng đúng nơi, chỉ là số nó vậy thôi nhóc ạ, triệu lần có một, đây chẳng phải là cách lảng tránh hay thoái lui mà - tôi nhận ra, vì ông là người nói ra điều đó - chính là xác nhận đức tin, và là câu trả lời khá nhất ông tìm ra được để dành cho tôi, đồng đẳng với Allah Đã Viết hay là Ý Chỉ Thiên Chúa, một cú khấu đầu chân thành trước Vận Đỏ Đen, vị thần cao nhất mà ông thờ phụng.

Giá ông ở vào vị trí tôi. Tôi gần như phá lên cười khi nghĩ vậy. Tôi hình dung mồn một cảnh ông vừa rúc trong phòng, đi đi lại lại, bị nhốt, sục sạo, lại vừa nhấm nháp kịch tính trong tình huống ấy, vai gã cớm bị vu oan trong xà lim của Farley Granger. Nhưng tôi cũng hình dung được rõ cả sự thích thú của người quan sát trước cảnh ngộ tôi, với những rẽ ngoặt và đổi hướng cũng tùy tiện chẳng kém gì những nước bài, hình dung quá rõ ràng cái lắc đầu sầu muộn. *Hành tinh ở thế xấu. Việc này có một hình dạng, một mô hình lớn hơn. Nếu chúng ta chỉ đang chém gió, nhóc ạ, con hiểu đấy* . Ông sẽ tính tính toán toán thuật số hay gì đó, xem cuốn sách Bọ Cạp, tung đồng xu, đọc các sao. Có muốn chê bai gì bố tôi, cũng không thể bảo ông thiếu thế giới quan nhất

quán.

Khách sạn đang đầy lên khi ngày lễ đến gần. Toàn các đôi. Quân nhân Mỹ nói chuyện không âm sắc kiểu quân đội trong hành lang, cấp bậc và quyền uy lồ lộ trong giọng nói. Trên giường, giữa cơn mê thuốc phiện, tôi mơ về những đỉnh tuyết phủ, tinh khiết kinh hồn, những quang cảnh núi cao từ các bộ phim thời sự về Berchtesgaden[178], những luồng gió lớn lẫn vào nhau rồi thốc tung mặt biển đảo điên trong bức sơn dầu treo trên bàn: tàu buồm bé xíu nghiêng ngả, một mình giữa bể nước đen ngòm.

Bố tôi: Bỏ cái điều khiển từ xa xuống khi tao đang nói chuyện với mày.

Bố tôi: À, cũng không thể nói được là thảm họa, nhưng là thất bại.

Bố tôi: Có bắt buộc phải cho nó ăn với mình không, Audrey? Có bắt buộc phải tối đéo nào cũng để nó ngồi cùng bàn mình không? Cô không bắt Alameda cho nó ăn được trước khi tôi về à?

Bài Uno, bắn bòm, bảng tự xóa, cờ ca rô. Vài hình lính đồ chơi mặc quân phục xanh và côn trùng cao su bò trườn rợn tóc gáy bỏ trong tất tôi sáng Giáng sinh.

Ông Barbour: Tín hiệu hai cờ. Victor: Tàu tôi yêu cầu được giúp đỡ. Echo: Tàu tôi đang chuyển hướng sang trái.

Cán hộ trên Đại lộ 7. Xám như ngày mưa. Hết giờ này đến giờ khác thổi vào thổi ra đơn điệu cái đàn Harmonica đồ chơi, vào rồi ra, vào rồi ra.

Đến thứ Hai, hay có lẽ là thứ Ba, khi cuối cùng tôi cũng đủ can đảm kéo cái màn vẫn giăng kín cửa, vào chiều muộn khi ánh sáng

đang tắt dần, ngoài phố trước cửa khách sạn có một toán truyền hình đang chặn đường du khách. Giọng Anh, giọng Mỹ. Hòa nhạc Giáng sinh ở Sint Nicolaaskerk và các quầy hàng ngày lễ bán bánh rán nhân kem oliebol. “Suýt bị xe đạp tông phải nhưng ngoài ra thì rất vui.” Ngực tôi đau thắt. Tôi lại buông màn kín phòng và đứng dưới vòi sen nóng, để nước giã xuống người tới khi da tê rát. Cả khu nhà lấp lánh những nhà hàng thắp đèn tiên, những cửa hàng đẹp tuyệt bày áo khoác nhẹ len cashmere và áo len dày đan tay cùng đủ thứ đồ ấm mà tôi quên không mang theo. Nhưng tôi còn không dám gọi điện xuống nhờ đem lên ấm cà phê, vì trong mấy tờ báo tiếng Hà Lan mà tôi đã hối hả lật qua từ rất lâu trước khi mặt trời mọc sáng hôm đó, có một tờ ngay trang nhất đăng ảnh cái ga ra gửi xe có băng cảnh sát chăng ngang lối ra.

Mấy tờ báo trải trên sàn ở bên kia giường, như bản đồ dẫn đến một nơi kinh khủng nào đó mà tôi không muốn tới. Liên tục, không ngăn mình được, giữa chừng ngủ gà gật hoặc rơi vào những câu chuyện mê sảng tôi không nói, với những người tôi không gặp, tôi lại quay về săm soi dò xét tìm những từ Hà Lan chung gốc tiếng Anh rất ít xuất hiện. *Amerikaan dood aangetroffen*.[179] Heroine, cocaine. *Moord*: hữu tử, tử vong, chết chóc, giết chết. *Drugsgerelateerde criminaliteit* Frits Aaltink afkomstig ult Amsterdam en Mackay Fiedler Martin uit Los Angeles[180]. *Bloedig*: máu me. *Schotenwisseling:*[181] ai biết được, mặc dù *schoten*: liệu có phải là bắn không? *Deze moorden kwamen als en schok voor* [182] - là sao?

Boris. Tôi đi lại cửa sổ đứng đó, rồi quay trở lại. Giữa cảnh hỗn loạn trên cầu tối vẫn nhớ rõ nó đã bảo tôi đừng có gọi, nó đã day đi day lại điểm đó dù chúng tôi chia tay vội vã đến mức giờ tôi không nhớ nổi liệu nó có giải thích vì sao tôi lại phải chờ nó gọi

cho tôi trước, mà dù sao giờ tôi cũng không biết liệu điều ấy còn quan trọng hay không. Nó cũng khăng khăng rằng không bị thương, hoặc ít ra là tôi liên tục nhắc mình như vậy, dù trong bãi lầy những ký ức không mong muốn vẫn dội xuống từ tối đó đến giờ, tôi vẫn không ngừng thấy lỗ bỏng trên tay áo khoác len đen dính nhớp trong quầng đèn hơi. Làm sao tôi biết, có thể cảnh sát giao thông đã tóm lấy nó trên cầu và lôi về đồn vì chạy xe không bằng lái: quả là một cớ điên khùng, nếu đúng là vậy thật, nhưng còn khá hơn gấp bội một số khả năng khác tôi có thể nghĩ ra.

Twee doden bij bloedige[183]... Chưa hết. Vẫn còn nữa. Hôm sau, hôm sau nữa, cùng với Bữa Sáng Hà Lan Truyền Thống, tôi được phục vụ kèm tin tức về vụ thanh toán nhau trên Phố Overtoom: những cột báo ngắn hơn nhưng thông tin dày đặc hơn. *Twee dodelijke slachtoffers. Nog een of meer betrokkenen. Wapengeweld in Nederland.*[184]

Ảnh Fnts, cùng ảnh mấy thằng khác tên Hà Lan trong một bài bảo khả dài mà tôi không có hy vọng đọc được. *Dodelijke schietpartij nog onopgehelderd...*[185] Đáng ngại là họ đã thôi nói về ma túy - đòn hỏa mù của Boris - và chuyển sang xem xét những góc độ khác. Tôi đã giải phóng thứ này, nó đã chạy rông ngoài thế giới, người ta đang đọc về nó khắp thành phố, nói về nó bằng một thứ tiếng không phải của tôi.

Quảng cáo Tiffany to bự trên tờ *Herald Tnbune*, Vẻ Đẹp Và Tài Nghệ Vĩnh Hằng. Tiffany & Co. Chúc Mừng Ngày Lễ.

Ngẫu nhiên luôn chơi xỏ, ngày xưa bố tôi thích nói vậy. Các hệ thống, phân tích tỷ lệ cược.

Boris đâu? Trong cơn mê man sốt tôi đã thử - mà vô ích - giải khuây hay ít nhất cũng lãng trí bằng ý nghĩ nó vẫn luôn hiện ra

đúng vào lúc không ai nghĩ nó sẽ tới. Bẻ đốt ngón tay, khiến tụi con gái nhảy nhổm. Ló mặt nửa tiếng đồng hồ sau khi giờ thi Tiếng Anh Bản Ngữ toàn bang đã bắt đầu, tiếng cười lan khắp phòng học khi nhìn mặt nó ngớ ra sau cửa kính cường lực đã khóa kỹ: *ha, tương lai tươi sáng của ta*, nó đã khinh miệt bảo vậy trên đường về khi tôi cố giải thích khái niệm các bài thi quy chuẩn.

Trong mơ tôi không thể đến nơi cần đến. Lúc nào cũng có gì đó ngăn tôi đến với nơi tôi cần phải đến.

Nó đã nhắn cho tôi số của nó trước khi ra khỏi Mỹ, và dù sợ không dám nhắn lại (không biết tình hình bên nó ra sao, cũng không biết có cách nào từ tin nhắn lần được ra tôi không), tối vẫn liên tục nhắc mình rằng còn có cách liên hệ nó nếu đến lúc cấp thiết. Nó biết tôi ở đâu. Nhưng đêm đêm, tôi vẫn thức hàng giờ tranh luận một mình: chán ngấy nhưng bền bỉ, bàn qua bàn lại, thế này thì sao, thế kia thì sao, có hại gì chứ? Cuối cùng, vào một thời điểm mất phương hướng nào đó - đèn đêm vẫn thắp, nửa tỉnh nửa mơ, hoàn toàn phát dại – tôi đầu hàng và nhặt lấy điện thoại trên bàn đầu giường, nhắn bừa cho nó trước khi có cơ hội nghĩ lại: **Mày ở đâu?**

Suốt hai ba tiếng tiếp đó tôi nằm, cơn lo lắng dường như không trấn áp nổi, tay vắt qua mặt chắn ánh sáng dù không cỏ chút ánh sáng nào. Hại thay, khi tỉnh khỏi giấc ngủ đẫm mồ hôi đâu đó lúc gần sáng, cái điện thoại đã chết cứng vì tôi quên tắt, và - ngại không muốn xuống lễ tân, hỏi xem có sạc thừa cho mượn - tôi do dự hàng giờ rồi cuối cùng, giữa buổi chiều, cũng chịu thua.

“Tất nhiên, thưa quý khách,” người trực quầy nói, gần như không nhìn tôi. “Kiểu Mỹ à?”

Ơn Chúa, tôi nghĩ, cố không rảo bước quá nhanh khi đi lên

tầng. Cái điện thoại đã cũ, rất chậm, sau khi cắm vào đứng chờ một lúc, tôi chán chả buồn đợi logo Apple hiện lên nữa mà đi ra tủ lạnh kiếm thức gì uống rồi trở lại, ngó thêm một lúc tới khi màn hình chờ cũng hiện lên, ảnh cũ thời đi học tôi đã đùa chơi quét vào, chưa bao giờ có bức ảnh nào làm tôi mừng rỡ như thế, Kitsey lên mười bay giữa không trung khi đang đá cú phạt đền. Nhưng vừa lúc tôi toan bấm mã số vào, màn hình tắt ngúm, xì xèo chừng mười giây, những dải đen và xám đuổi theo nhau rồi rời ra thành từng hạt trước khi cái mặt buồn hiện lên và kêu đánh tạch một cái trở về đen xì.

Bốn giờ mười lăm phút chiều. Trời đang ngả màu lam thẫm trên các đầu hồi treo chuông bên kia kênh. Tôi ngồi trên thảm, lưng dựa vào giường, dây sạc trong tay, sau khi đã thử lần lượt tất cả các ổ cắm trong phòng đến hai lần - đã bật lên rồi tắt đi cả trăm lượt, giơ lên đèn xem có phải nó vẫn bật mà chỉ là màn hình bị tối đi không, tìm cách reset nó, nhưng nó tạch thật rồi: không có gì xảy ra, màn hình đen lạnh lẽo, chết ngắc củ kiệu. Rõ ràng là tôi đã làm nó chập điện: đêm ở ga ra nó đã bị ướt - có nước trên màn hình khi tôi lấy khỏi túi - nhưng dù đã mất một hai phút run sợ chờ nó bật lại, thì nó vẫn có vẻ hoạt động bình thường mãi đến lúc tôi định đem sạc. Mọi thứ đều đã sao lại trong laptop ở nhà, ngoại trừ thứ duy nhất tôi cần: số của Boris, nhắn cho tôi trong xe trên đường ra sân bay.

Bóng nước dập dờn trên trần nhà. Ngoài kia, ở đâu đó, tiếng dàn chuông Giáng sinh léo nhéo và những đội hát hỏng nhạc đang tấu lên. *O Tannenbaum, O Tannenbaum, wie treu sind deine Blättet*[186].

Tôi không có vé về. Nhưng có thẻ tín dụng. Tôi có thể bắt taxi ra sân bay. *Mày có thể bắt taxi ra sân bay*, tôi tự nhủ. Schiphol.

Chuyến bay đầu tiên về nhà. Kennedy, Newark. Tôi có tiền. Tôi đang nói chuyện một mình như trẻ con. Ai biết Kitsey đang ở đâu - có khi còn ở khu Hampton không biết chừng - nhưng trợ lý của bà Barbour là Janet (vẫn giữ nghề cũ dù bây giờ bà Barbour chẳng còn mấy thứ cần cô trợ giúp nữa) là loại người có thể giúp anh lên máy bay từ bất kỳ đâu chỉ cần vài giờ thông báo, dù đang chiều tối Giáng sinh.

Janet. Nghĩ đến Janet mà an tâm lạ lùng. Janet mà bản thân là một hệ cảm xúc hiệu năng cao, Janet béo tròn hồng hào chuyên mặc áo len lông cừu hồng và váy ca rô lắm màu như một nàng tiên rừng trong tranh Boucher bận đổ J. Crew, Janet hay nói *tuyệt hảo!* đáp lại tất cả mọi điều và uống cà phê bằng cái ca màu hồng có ghi *Janet*.

Thật nhẹ mình khi suy nghĩ rành mạch. Có ích gì cho Boris, hay bất cứ ai, nếu tôi cứ đợi ở đây? Cái lạnh, cái ẩm, cái thứ tiếng không đọc nổi. Sốt và ho. Cảm giác bị bó buộc như ác mộng. Tôi không muốn đi mà bỏ lại Boris, không biết Boris ra sao, đây chính là cái nút thắt trong các phim chiến tranh khi chạy tiếp bỏ lại chiến hữu ngã xuống mà không hề biết mình tránh vỏ dưa để chuẩn bị đạp vỏ dừa, nhưng mặt khác tôi khao khát thoát khỏi Amsterdam đến nỗi có thể hình dung mình quỳ sụp khi hạ cánh xuống sân bay Newark, dập trán xuống sàn sảnh đến.

Niên giám điện thoại. Bút chì và giấy. Chỉ có ba người từng thấy tôi: gã Indonesia, Grozdan, và thằng bé người Á. Và mặc dù rất có thể Martin và Fnts có đồng sự ở Amsteram đang săn tìm tôi (thêm một lý do nên té gấp khỏi đây), nhưng chẳng có cớ gì cho cảnh sát lùng tôi cả. Chẳng có cớ gì cảnh sát đã vào sổ đen hộ chiếu của tôi.

Rồi - như một cú đòn giáng giữa mặt - tôi nhăn lại. Không hiểu

sao tôi cứ mãi nghĩ rằng hộ chiếu của mình đang ở dưới nhà, nơi tôi đã tìm ra khi lấy phòng. Nhưng thực tế là tôi chưa hề nghĩ đến nó lần nào, kể từ khi Boris cầm lấy từ tay tôi khóa lại trong ngăn để đồ xe nó.

Hết sức, cực kỳ điềm đạm, tôi bỏ cuốn niên giám xuống, cố gắng đặt một cách trông sẽ hững hờ và thản nhiên trước mắt một kẻ quan sát vô tình. Như lệ thường thì điều này khá đơn giản. Tra địa chí, đến văn phòng, đoán xem nên đi đâu. Đứng xếp hàng. Chờ đến lượt. Nói năng thật lễ độ kiên nhẫn. Tôi có thẻ tín dụng, cán cước dán ảnh. Hobie có thể fax giấy khai sinh qua. Sốt ruột, tôi cố gạt khỏi đầu một câu chuyện Toddy Barbour từng kể mua vui trong tiệc - rằng, khi đánh mất hộ chiếu (ở Ý? Tây Ban Nha?) cậu ta từng bị bắt lôi một người chứng bằng xương bằng thịt tới để khẳng định đúng là cậu ta.

Trời màu mực đen, màu bầm dập. Ở Mỹ giờ này còn sớm. Hobie vừa nghỉ tay ăn trưa, đi bộ ra chợ Jefferson, có khi còn mua rau quả cho bữa tiệc trưa sắp tổ chức ngày Giảng sinh. Pippa còn ở California không? Tôi tưởng tượng cô lăn qua trên giường khách sạn, ngái ngủ với lấy điện thoại, mắt vẫn nhắm nghiền, Theo, cậu đấy à, có gì không ổn ư?

Bị phạt rồi nói xàm cho qua còn hơn trong trường hợp bị giữ lại.

Tôi phát ốm. Trình diện ở tòa đại sứ (hay cái gì cũng được) rồi trải qua một chặp phỏng vấn và giấy tờ nữa là rước vào người nhiều rắc rối hơn mức tôi cần, Tôi chưa hề đặt thời hạn, xem mình sẽ chờ đến bao giờ, thế nhưng bất kỳ hành động nào - hành động tùy hứng, hành động vô nghĩa, hành động như con ruồi bay loanh quanh trong hũ - dường như còn tốt hơn là bị bó giò trong phòng dù chỉ một phút nữa, thấy các bóng ma lảng vảng ngay

khóe mắt.

Thêm một quảng cáo Tiffany đại tướng trên tờ *Tribune*, chúc tôi Vạn Sự Như Ý. Rồi ở trang sau, một quảng cáo khác, máy ảnh số, vẽ ngoằn ngoèo những chữ cái ra chiều nghệ thuật ký tên Joan Miró:

Có những khi bạn ngắm bức ảnh suốt một tuần rồi không bao giờ nghĩ đến lần nữa. Có lúc khác bạn nhìn thấy bức ảnh trong một giây rồi nghĩ đến nó suốt đời mình.

Centraal Station. Liên minh châu Âu, không kiểm tra hộ chiếu ở biên giới. Bất kỳ tàu nào, đi bất cứ đâu. Tôi hình dung mình đi lòng vòng vô hướng khắp châu Âu: thác Rhine và đèo Tyrol, những đường hầm và bão tuyết đẹp như phim.

Nhiều khi quan trọng là bị chia bài xấu nhưng biết chơi đẹp, tôi nhớ bố từng nói vậy khi ngáp ngủ trên xô pha.

Nhìn điện thoại, đầu váng vất sốt, tôi ngồi thật im cố gắng nghĩ. Trong bữa trưa, Boris đã nói chuyện đi tàu từ Amsterdam qua Antwerp (và Frankfurt: nhưng tôi không hề muốn đến đâu gần Đức), nhưng cả Pans nữa. Nếu tôi đến đại sứ quán ở Pans xin cấp hộ chiếu mới: có lẽ ít có khả năng bị kết nối với vụ Martin hơn. Nhưng chẳng có cách nào quên rằng thằng bé Trung Quốc là nhân chứng. Làm sao đoán chắc được giờ này mình không xuất hiện trên mọi máy tính của các nhà tư pháp khắp châu Âu.

Tôi vào phòng tắm vã nước lên mặt. Nhiều gương quá. Tôi tắt nước, với lấy khăn tắm thấm khô. Hành động có phương pháp, từng việc một. Sau hoàng hôn là khi tâm trạng luôn tụt dốc, khi tôi luôn sợ hãi. Một cốc nước. Aspinn để trị sốt. Cả cơn sốt cũng luôn tăng cao khi tối trời. Hành động đơn giản. Tôi đang tự khiến mình lo lắng và tôi biết vậy. Tôi không biết Boris có lệnh truy nã

nào treo trên đầu, nhưng dù ý nghĩ nó bị bắt có làm tôi lo lắng, đáng lo hơn nhiều vẫn là chuyện quân của Sascha có thể đã phái người lần theo vết của nó. Nhưng đây cũng là một ý nghĩ tôi không được phép đi theo.

ii.

NGÀY HÔM SAU, đúng Giáng sinh - tôi ép mình ăn một bữa sáng tổ chảng gọi lên phòng dù không muốn, và vứt hết báo đi không xem vì sợ nếu thêm một lần nhìn thấy chữ *Overtoom* hay *Moord* thì sẽ không cách nào buộc mình làm điều phải làm. Sau khi đã ăn xong một cách máy móc, tôi vơ hết báo chí cả tuần tích lũy trên giường và xung quanh giường, cuộn hết lại ấn vào sọt rác; lấy từ trong tủ chè cái áo sơ mi đã bị tẩy trắng, và rồi - sau khi kiểm tra xem buộc kỹ chưa - luồn cái bọc vào trong một lớp túi nữa lấy ở chợ người Á (vẫn để mở, cho dễ xách hơn, vả lại biết đâu sẽ gặp được một cục gạch thuận tiện). Rồi sau khi bẻ cổ áo dựng lên và buộc khăn bên ngoài, tôi quay mặt tấm bảng báo dọn phòng ra ngoài rồi đi.

Thời tiết chết trôi, như thế rất lợi. Mưa đá ướt át rơi góc chéo, ri rỉ trên mặt kênh. Tôi bước đi chừng hai mươi phút - hắt hơi, khốn khổ, lạnh cóng - tới khi gặp được một thùng rác ở một góc đường đặc biệt vắng vẻ, không có xe cũng chẳng có người, không có cửa hàng mà chỉ toàn những nhà câm điếc đóng kín cửa tránh gió,

Nhanh chóng, tôi nhấn cái sơ mi vào thùng rồi bước tiếp, chợt thấy hân hoan lạ thường, khiến tôi đi như bay qua bốn năm con phố tiếp sau, bất chấp răng đang gõ nhịp. Chân tôi ướt, đế giày quá mỏng không đỡ nổi đường lát sỏi và tôi cũng rất lạnh. Bao giờ thì họ mang rác đi? Cũng chẳng sao.

http://tieulun.hopto.org

Chỉ trừ - tôi lắc đầu để nghĩ rõ ràng hơn - cái chợ người Á. Trên túi ni-lông có in tên cái chợ. Chỉ cách khách sạn tôi ở vài khối nhà. Nhưng thật ngớ ngẩn mới nghĩ theo hướng đó và tôi cố lập luận để phản bác lại mình. Có ai thấy tôi? Không ai cả.

Charlie: Đúng. Delta: Tàu tôi đang điều động khó khăn.

Thôi ngay. Thôi ngay. Không được quay lại.

Không biết ở đâu có bến taxi, tôi lẩm lũi đi tiếp thêm chừng hai chục phút nữa tới khi cuối cùng cũng vẫy được một chiếc trên đường. “Centraal Station,” tôi nói với người lái gốc Thổ.

Nhưng khi anh ta thả tôi trước cửa ga, sau một cuốc xe qua những phố xám ma mị trông như những thước phim thời sự cũ, trong một khắc tôi tưởng bị đưa đến nhầm địa chỉ: vì tòa nhà trước mặt trông giống bảo tàng thì hơn, một giấc mơ gạch đỏ toàn đầu hồi và tháp mái, như một tòa kiến trúc thời Victona kiểu Hà Lan. Tôi tha thẩn đi vào, giữa những đám đông hội hè, cố gắng tỏ ra mình cũng thuộc về nơi đây và tảng lờ cảnh sát hình như đứng canh bất kỳ đâu ngó tới, cảm thấy hoang mang lo ngại khi thế giới dân chủ rộng lớn lại lần nữa trào lên ào ạt quanh mình: các cụ ông cụ bà, các sinh viên, các vợ chồng trẻ dáng mệt mỏi cùng lũ trẻ con tí tẹo lôi balo sau lưng, túi đồ mua hàng và cốc Starbucks, bánh xe vali lạch xạch, thiếu niên thu thập chữ ký ủng hộ Hòa Bình Xanh, trở lại giữa tiếng rầm rì thường lệ của loài người. Có một chuyến tàu chiều đi Pans nhưng tôi muốn chuyến muộn nhất.

Các hàng xếp đểu dài vô tận, kéo đến tận quầy báo. “Tối nay à?” người bán vé hỏi khi cuối cùng tôi cũng đến được ghi-sê: một bà đậm người, tóc vàng, trung tuổi, bộ ngực mềm lún và hòa nhã chung chung như một mụ dắt gái trong tranh sinh hoạt loại rẻ

tiền.

“Vâng,” tôi nói, hy vọng cái nôn nao trong bụng không lộ ra mặt.

“Bao nhiêu?” bà ta hỏi, hầu như không nhìn tối.

“Một thôi.”

“Rồi. Xin cho xem hộ chiếu.”

“Đợi chút...” giọng khào khào vi ốm, đập đập khắp người, tôi đã hy vọng họ không hỏi “à, Xin lỗi, tôi không đem theo, để ở két sắt khách sạn rồi... nhưng...” chia cán cước bang New York, thẻ tín dụng, thẻ an sinh xã hội, đẩy qua cửa sổ. “Mời bà xem.”

“Anh cần hộ chiếu mới đi được.”

“Ôi, tất nhiên rồi.” Cố hết sức lấy giọng thông hiểu, biết lẽ. “Nhưng tối nay tôi mới đi. Thấy không...?” chỉ khoảng trống dưới chân: không hành lý. “Tôi tới tiễn bạn gái, và tiện ở đây tôi nghĩ hay là xếp hàng mua vé luồn nếu được.”

“À...” bà bán vé liếc màn hình “anh còn nhiểu thời gian. Tôi đề nghị anh mua vé sau, khi nào quay lại tối nay.”

“Vâng...” bóp mũi để khỏi hắt hơi “nhưng tôi muốn mua bây giờ.”

“Tôi e rằng không được.”

“Xin bà đấy. Như thế sẽ giúp tôi rất nhiều. Tôi đã đợi ở đây bốn mươi lăm phút rồi và không biết tối nay sẽ phải xếp hàng bao lâu nữa.” Nhờ Pippa - đã đi khắp chầu Âu bằng đường sắt - tôi tin chắc đã nghe nói người ta không kiểm tra hộ chiếu khi lên tàu, “Tôi chỉ muốn mua bây giờ để có thời gian làm nốt mấy việc trước khi quay lại đây tối nay.”

http://tieulun.hopto.org

Bà bán vé nhìn thật kỹ mặt tôi. Rồi bà ta cầm căn cước lên nhìn tấm ảnh, rồi lại nhìn tôi.

“Này,” tôi nói, khi bà ta lưỡng lự, hoặc làm bộ lưỡng lự: “Bà thấy đấy, đúng là tôi mà. Bà thấy tên tôi, thẻ an sinh xã hội của tôi - đây này,” tôi nói, thò tay vào túi lấy giấy bút. “Để tôi ký lại cho bà xem.”

Bà ta so sánh hai chữ ký để bên nhau. Lại nhìn tôi, rồi cái thẻ - và rồi, đùng một cái, dường như đã có quyết định. “Tôi không chấp nhận thứ giấy tờ này được.” Đẩy mấy tấm thẻ lại phía tôi qua ghi-sê.

“Tại sao không?”

Hàng sau lưng tôi mỗi lúc một dài.

“Tại sao?” tôi nhắc lại. “Giấy tờ rất hợp pháp mà. Tôi vẫn dùng nó thay hộ chiếu để bay trong nước Mỹ. Chữ ký khớp mà,” tôi nói khi bà ta không trả lời, “bà không thấy à?”

“Rất tiếc.”

“Bà muốn nói là...” Tôi nghe giọng mình mỗi lúc một khẩn khoản; bà ta đang đọ mắt tôi rất hung hăng, như muốn thách tôi cãi lại. “Bà muốn bảo rằng tôi sẽ phải quay lại tận đây tối nay và đứng xếp hàng lại từ đầu à?”

“Xin lỗi anh. Tôi không giúp được. Tiếp,” bà ta nói, nhìn sau lưng tôi tới người tiếp theo.

Trong lúc tôi bỏ đi - xô đẩy, va vấp qua người là người - có tiếng nói cất lên đằng sau: “Này. Này sư huynh?”

Ban đầu, còn hoang mang sau cuộc cò kè ở ghi-sê, tôi tưởng mình hoang tưởng. Nhưng khi ngại ngần quay lại, tôi thấy một thằng thiếu niên mặt chồn, mắt hoen đỏ và đầu cạo trọc, đang

nhấp nhổm trên mũi đôi giày thể thao cỡ đại. Nhìn ánh mắt dáo dác ngang dọc tôi ngỡ nó định đề nghị bán cho tôi một tấm hộ chiếu, nhưng nó chỉ cúi người tới bảo: “Đừng có thử.”

“Gì?” tôi ngập ngừng hỏi, nhìn qua bà cảnh sát đứng không đầy mét rưỡi sau lưng nó.

“Nghe này sư huynh. Đi qua đi lại cầm theo cả trăm lượt, chả bị kiểm tra lần nào. Có đúng một hôm không mang theo? Qua biên giới vào Pháp? Chúng nhốt ngoéo tớ lại, nhà tù nhập cảnh Pháp, mười hai tiếng, thức ăn thái độ đều vãi chồn, kinh con bà nó tởm. Phòng giam cảnh sát bẩn như hủi. Tin tớ đi - sư huynh cần có giấy tờ đàng hoàng. Và trong túi không có thứ củ chuối gì nữa.”

“Ờ, phải,” tôi đáp. Vã mồ hôi trong áo khoác, cái áo tôi không dám mở nút. Cái khăn tôi không dám cởi ra.

Nóng. Đau đầu. Đi khỏi chỗ nó, tôi cảm thấy ánh nhìn trợn trừng trợn trạo của cái máy quay an ninh như xói vào óc, và cố không tỏ ra đề phòng khi len lỏi qua đám đông, bồng bềnh lảo đảo vì sốt, bóp nát số điện thoại của đại sứ quán Mỹ trong túi.

Mất một lúc tôi mới tìm được điện thoại công cộng - tít ở đầu kia ga, một khu đầy chật những thiếu niên trông mờ ám ngồi thành từng bộ lạc trên sàn - và lâu hơn nữa mới nghĩ ra cách gọi.

Một tràng tiếng Hà Lan hớn hở. Rồi đập vào tai tôi là một giọng Mỹ thật dễ chịu: chào mừng đến với đại sứ quán Hoa Kỳ ở Hà Lan, tôi có muốn tiếp tục nghe bằng tiếng Anh không? Thêm nhiều mục, nhiều lựa chọn. Để cái này nhấn phím 1, để cái kia nhấn phím 2, để gặp tổng đài xin chờ máy. Tôi kiên nhẫn làm theo mọi chỉ dẫn, đứng nhìn ra đám đông cho tới khi nhận ra có lẽ phô bản mặt mình ra không phải ý hay lắm, và lại quay vào tường.

Điện thoại reo lâu đến nỗi tôi đã chìm vào một màn sương mù

ngoài thực tại thì bỗng dưng đầu dây lên tiếng, giọng Mỹ thoải mái nghe như vừa rời khỏi bãi biển Santa Cruz: “Chào buổi sáng, đây là Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Lan, quý vị cần giúp đỡ gì ạ?”

“Chào cô,” tôi nhẹ người đáp. “Tôi…” tôi đã cân nhắc có nên dùng tên giả, chỉ để hỏi thông tin cần biết, nhưng lúc này tôi đã quá mệt và kiệt sức chẳng muốn thế nữa “Tôi e rằng mình đang có chút rắc rối. Tên tôi là Theodore Decker và hộ chiếu của tôi vừa bị đánh cắp.”

“À, thật tiếc khi được biết điều đó.” Cô ta đang gõ gõ gì đó, tôi nghe thấy ở đầu dây bên kia. Xa xa có tiếng nhạc Giáng sinh. “Lại vào một thời điểm thật bất lợi trong năm - ai cũng đang đi nghỉ, anh hiểu không? Anh đã báo cho nhà chức trách chưa?”

“Sao?”

“Hộ chiếu mất cắp ấy? Vì anh sẽ phải báo ngay lập tức. Cảnh sát cần biết ngay.”

“Tôi…” nguyền rủa mình, sao tôi lại đi nói là mất cắp chứ? “không, xin lỗi, chuyện vừa mới xong. Ga trung tâm…” Tôi nhìn quanh “tôi đang gọi từ buồng điện thoại công cộng. Nói thật với cô là tôi không biết chắc có phải mất cắp hay không, tôi nghĩ có thể nó rơi khỏi túi tôi.”

“À…” lại thêm gõ lách tách “bị mất hay mất cắp, anh cũng vẫn phải báo cảnh sát.”

“Vâng, nhưng tôi đang sắp bắt tàu, cô hiểu không, và người ta không cho tôi lên tàu. Mà tôi lại phải đi Pans đêm nay.”

“Đợi một lát.” Có quá nhiều người trong nhà ga, những mùi len ẩm và mùi hơi người ngốt ngát phà ra kinh tởm trong hơi ấm quá độ. Một giây sau cô ta đã trở lại. “Giờ - cho tôi một vài thông tin của anh…”

Tên. Ngày sinh. Ngày và nơi cấp. Đổ mồ hôi trong áo khoác. Những cơ thể, ẩm ướt hít thở khắp xung quanh.

“Anh có giấy tờ gì chứng minh tư cách công dân không?” cô ta hỏi.

“Xin lỗi…?”

“Hộ chiếu hết hạn? Giấy khai sinh hoặc giấy nhập tịch?”

“Tôi có thẻ an sinh xã hội. Và căn cước bang New York. Tôi có thể fax bản sao giấy khai sinh từ Mỹ qua”

“Ồ, tuyệt. Thế là đủ.”

Thật ư? Tôi đứng bất động. Thế là hết ư?

“Anh có máy tính ở đó không?”

“Ừm…” máy tính ở khách sạn? “có chứ.”

“À…” cô ta đọc cho tôi một địa chỉ web. “Anh sẽ phải tải về, in ra rồi điền một tờ khai hộ chiếu mất hay mất cắp rồi mang đến đây. Đến văn phòng chúng tôi. Ở gần Njkmuseum. Anh biết là đâu chứ?”

Tôi nhẹ người đến nỗi chỉ đứng trơ ra đó để âm thanh đám đông huyên náo trào qua người trong một luồng ầm ào hoang tưởng.

“Vậy là - tôi sẽ cần những thứ này,” cô nàng California vẫn nói tiếp, giọng nói hoạt bát khiến tôi tỉnh khỏi cơn mơ màng đa màu sắc gây gấy sốt. “Tờ khai. Các loại giấy tờ fax sang. Hai ảnh 5x5 nền trắng. Thêm nữa, anh đừng quên, bản sao tường trình cảnh sát.”

“Sao cơ?” tôi nói, giật mình.

“Tôi vừa nói đấy. Hộ chiếu bị mất hay mất cắp, chúng tôi đểu yêu cầu phải khai báo với cảnh sát?”

“Tôi...” Trân trân nhìn một đoàn đàn bà Ả rập trùm khăn rờn rợn, lặng thầm lướt qua trong tấm khăn đen từ đầu đến kín gót chân. “Tôi không đủ thời gian làm việc đó.”

“Anh nói sao?”

“Tôi không định bay về Mỹ ngay hôm nay. Chỉ là vì...” - tôi mất một phút mới hỏi lại được; cơn ho vừa rồi đã khiến nước dâng đầy mắt - “tôi định lên tàu đi Pans trong hai tiếng nữa. Nên là, ý tôi là - tôi không biết phải làm gì. Tôi không hiểu có làm hết được những giấy tờ này rồi lại đến cả sở cảnh sát nữa không.”

“À...” giọng hối tiếc “mà này, anh biết không, thực ra văn phòng chúng tôi chỉ còn mở có bốn mươi lăm phút nữa thôi.”

“Sao?”

“Hôm nay chúng tôi đóng cửa sớm. Đêm Giáng sinh mà, anh hiểu không? Và ngày mai chúng tôi đóng cửa, suốt cuối tuần nữa. Nhưng chúng tôi sẽ mở lại lúc tám rưỡi sáng, thứ Hai sau Giáng sinh.”

“*Thứ Hai*”

“Nào, tôi rất tiếc,” cô ta nói. Cô ta có vẻ cam chịu. “Thủ tục là thế.”

“Nhưng đây là việc khẩn!” Giọng khàn khàn vì ho.

“Việc khẩn à? Việc gia đình hay y tế?”

“Tôi...”

“Vì trong một vài trường hợp rất hiếm gặp chúng tôi cũng hỗ trợ khẩn cấp ngoài giờ hành chính.” Giờ thì cô ta không thân

thiện nữa; cô ta đang nói ào ào, đọc thuộc lòng từ vở, tôi nghe có cuộc điện thoại khác đang reo đằng xa như một chương trình trò chuyên trên radio. “Rất không may là điều này chỉ dành riêng cho những tình huống khẩn cấp thuộc loại sinh tử, và nhân viên chúng tôi phải xác nhận đảm bảo có lý do đó trước khi cấp giấy miễn hộ chiếu. Vì thế, trừ khi có hoàn cảnh người thân qua đời hay có cơn bệnh nguy kịch buộc anh phải đến Pans ngay chiều nay, và trừ khi anh có thể cung cấp đầy đủ thông tin xác nhận trường hợp khẩn cấp cực điểm đó như là tờ khai của bác sĩ điều trị, mục sư, hay là nhà tang lễ…”

“Tôi…” thứ hai à? Chết tiệt! Tôi còn không muốn nghĩ về vụ báo cảnh sát nữa “này, xin lỗi, nghe này…” cô ta đang cố gắng kết thúc cuộc gọi…

“Đúng thế. Anh tập hợp đủ giấy tờ vào thứ Hai ngày 28. Và rồi, phải, một khi nhận được đơn chúng tôi sẽ xử lý cho anh nhanh hết sức có thể - xin lỗi, anh chờ tôi một giây được không?” Tiếng cạch. Giọng cô ta, nhỏ hơn. “Chào buổi sáng, đây là Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Lan, quý vị vui lòng chờ máy.” Ngay lập tức điện thoại lại reo. Cạch. “Chào buổi sáng, đây là Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Lan, quý vị vui lòng chờ máy.”

“Cô có thể làm cho tôi nhanh đến đâu?” Tôi hỏi khi cô ta trở lại.

“À, một khi anh đưa đơn rồi chúng tôi sẽ cấp được cho anh trong vòng mười ngày làm việc là nhiều nhất. Mười ngày làm việc. Tức là - bình thường tôi sẽ hết sức cố đấy nhanh giúp anh trong bảy ngày? Nhưng đang là kỳ nghỉ, anh hiểu mà, văn phòng hơi bị kẹt một chút vào thời điểm hiện tại, và giờ giấc không được ổn định lắm cho đến qua Năm Mới. Thế nên là… này, xin lỗi nhé,” cô ta nói thêm trong quãng im lặng choáng váng vừa ập xuống, “có thể sẽ hơi lâu một chút. Tin quá xấu, tôi hiểu mà.”

“Tôi phải làm gì bây giờ?”

“Anh có cần dịch vụ hỗ trợ du khách không?”

“Tôi không hiểu thế là thế nào.” Mồ hôi đổ ra như tắm. Không khí đốt nóng hôi rình, nồng nặc mùi người, gần như không thở được.

“Cần chuyển tiền không? Cần nơi ở tạm thời?”

“Làm sao tôi về nhà bây giờ?”

“Anh sống ở Pans à?”

“Không, ở Mỹ.”

“À, nếu dùng hộ chiếu tạm thời - hộ chiếu tạm thời thậm chí còn không gắn chip dùng để vào nước Mỹ nên tôi cũng không thấy có đường tắt nào để anh về lại đó nhanh hơn nhiều lắm so với cách tôi làm cho anh là...” Reng reng reng. “Đợi một phút, thưa ông, ông vui lòng chờ máy.

“Ờm, tên tôi là Holly. Anh có muốn tôi cho anh số máy bàn của tôi, để đề phòng anh gặp phải vấn để nào hay cần trợ giúp trong thời gian ở lại đây không?”

iii.

CƠN SỐT CỦA TÔI, không hiểu vì cớ gì, thường lên cực điểm khi đêm xuống. Nhưng sau một thời gian quá dài ngâm chân trong giá lạnh, nó đã bắt đầu vọt lên thành từng đỉnh lộn xộn, giật cục như một món đồ nặng bị lôi thành từng nhát, từng đợt lên mặt bên một tòa nhà cao, nên trên đường đi bộ về nhà tôi hầu như không hiểu sao mình còn di chuyển, hoặc sao mình không ngã kềnh, hoặc thật thế, sao mình có thể tiến lên được tí nào nữa,

một cảm giác vô thức lướt đi không chạm đất đưa tôi vượt lên trên chính mình qua những phố dầm mưa dọc kênh lên những tầng cao và luồng gió ngoài thân thể, cho tôi dường như từ trên đó nhìn xuống mình; thật sai lầm không bắt taxi ở ga về, trước mắt tôi cứ liên tục hiện ra cái túi ni-lông trong thùng rác và khuôn mặt hồng bóng loáng của bà bán vé và Boris mắt ậng nước, tay dính máu, ấp vào vết cháy trên tay áo; và gió cứ gào rú còn đầu tôi phừng phừng và chốc chốc không cố định tôi lại rúm mình khi thấy những gì rập rờn tối mò động kinh ngay sát cùi tay: những chớp đen, những báo hoảng, không ai ở đó, thực tế là không có ai trên đường hết, ngoại trừ rất thi thoảng, một người lờ mờ gập mình trên xe đạp trong màn mưa.

Đầu nặng, cổ sưng. Khi cuối cùng cũng vẫy được taxi trên đường, tôi chỉ còn cách khách sạn vài phút. Điều tốt đẹp duy nhất khi tôi lên đến phòng - lạnh thấu xương tủy, run như cây sấy - là người ta đã dọn phòng, chất thêm đồ vào tủ lạnh, trước đó đã bị tôi uống sạch cho tới tận chai Cointreau.

Tôi lấy cả hai chai gin mini pha với nước nóng từ vòi, ra ngồi trên ghế thêu kim tuyến bên cửa sổ, cái ly đung đưa đầu ngón tay, nhìn giờ phút trôi: gần như ngủ, gà gật mơ, ánh sáng mùa đông âm u đong nghiêng tường nọ sang tường kia thành những hình thoi trượt xuống thảm rồi hẹp dần tới khi biến mất thì đã là giờ ăn tối, dạ dày đau, họng rát vì mật trào, mà tôi vẫn ngồi đó trong bóng tối. Đâu phải là điều tôi chưa hề nghĩ đến quá nhiều lần, trong những hoàn cảnh ít căng thẳng hơn nhiều; nỗi hối thúc bất tình choán trọn tâm thần, một tiếng thì thầm rắn độc chưa bao giờ thực sự im tiếng, có những ngày lảng vảng ngay ngoài tầm nghe nhưng những ngày khác lại gầm thét không gì trấn áp nổi, thành một cơn điên cuồng thấu thị ghê rợn, tuy tôi chẳng biết vì sao, đôi khi chỉ một bộ phim tôi hay một bữa tiệc tối

quả sức chịu đựng cũng nhử nó trỗi giọng, nỗi buồn chán tức thời hay nỗi đau dài hạn, hoảng sợ đột nhiên hay tuyệt vọng thường kỳ cùng lúc ập lấy cháy bùng lên thành một luồng sáng hoang tàn tro bụi để cho tôi thấy, thấu suốt, ngược trở lại nhiều năm trong một nỗi tuyệt vọng tinh tường và rành mạch, rằng thế giới cũng như tất thảy mọi điều trong đó đã bị đọa rồi, bị đọa vĩnh cửu, không thương xót rồi và chưa từng có gì trên đời là tốt đẹp hay tàm tạm được, linh hồn quằn quại trong ngộp thở, cán phòng không cửa sổ, ngục tù không lối ra, hổ thẹn kinh hoảng ập tới từng đợt, *để tôi yên*, mẹ nằm chết trên sàn cẩm thạch, *ngừng lại ngừng lại*, thì thầm thành tiếng một mình trong thang máy, trong taxi, *để tôi yên*, *tôi muốn chết*, một nỗi điên giận lạnh lùng, lý trí, tự hủy đã hơn một lần xúi giục tôi lao bổ lên phòng trong cơn mụ mị, kiên quyết tống vào mồm lẫn lộn không phân biệt cả đống rượu thuốc bắt gặp trước mắt: chỉ có nhờn thuốc và kém cỏi đã khiến tôi thất bại, để rồi tỉnh lại trong kinh ngạc và buồn bực, dù cũng thở phào vì Hobie sẽ không phải tìm thấy tôi như vậy.

Đàn chim đen. Những tầng trời màu chì tai ương như tranh Egbert van der Poel.

Tôi đứng dậy, bật đèn bàn, hơi chao đảo trong quầng sáng yếu màu nước tiểu. Có thể đợi. Có thể chạy đi. Nhưng đấy đều chẳng phải lựa chọn mà chỉ là biện pháp cầm cự: như con chuột khỉ lúi húi chạy, khi hóa đá trong bể nuôi rắn, thảy đều vô dụng, thảy đều chỉ được một điều duy nhất là thêm kéo dài bất an và căng thẳng. Còn một lựa chọn thứ ba nữa: vì nhiều lý do khác nhau, tôi cảm thấy nhân viên đại sứ quán hẳn sẽ mau mắn trả lời nếu tôi để lại lời nhắn ngoài giờ làm việc, rằng tôi là một công dân Mỹ có nguyện vọng nộp mình vì tội sát nhân.

Hành vi nổi loạn. Đời: trống rỗng, vô nghĩa, không chịu đựng

nổi. Tôi nợ gì đời mà phải trung thành với nó? Chẳng có gì. Sao không nhanh nhảu giáng đòn khi Số phận chưa kịp xuống tay? Ném cuốn sách vào lửa và thế là hết? Chẳng thấy lối thoát nào trước mắt cho nỗi khủng khiếp hiện tại, mức độ khủng khiếp ngoại sinh và nghiệm sinh kha khá bổ sung vào lượng nội tại của tôi; và miễn là đủ liều (ước lượng cái túi: còn chưa đầy nửa), tôi sẽ sẵn sàng đổ ra một đường đầy đặn rồi ngã kềnh ra giường: bóng đêm thần diệu, bùng nổ ngàn sao.

Nhưng từng này không đảm bảo sẽ kết liễu được. Tôi chẳng muốn phí phạm số còn lại cho vài giờ bất tỉnh chỉ để rồi lại tỉnh dậy trong lồng (hay tệ hơn: trong bệnh viện Hà Lan và không hộ chiếu). Lại nhưng, độ nhờn thuốc của tôi đã giảm nhiều rồi và tôi khá chắc từng đó là đủ xong việc, nếu tôi thật say mềm đi trước đã rồi chiêu thêm viên oxy dự phòng cho chắc ăn.

Chai vang trắng ướp đá trong tủ lạnh. Sao lại không? Tôi uống nốt chỗ gin rồi bật nút chai vang, cảm thấy vừa quyết chí vừa hào hứng - tôi đang đói, người ta đã bỏ lại bánh gạo và snack vào tủ, nhưng cái này sẽ hiệu quả hơn nhiều nếu bụng rỗng.

Nhẹ mình tột độ. Phế bỏ lặng thầm. Niềm vui hoàn mỹ khi vứt hết, bỏ hết. Tôi tìm ra một kênh nhạc cổ điển trên radio - nhạc nhà thờ Giáng sinh, đầy vẻ trang trọng, và khấn nguyên, không phải giai điệu mà là âm hồn của giai điệu - và tính có nên bật nước tắm không.

Nhưng cái đó có thể để sau. Thay vào đó, tôi mở bàn viết, tìm thấy một tập giấy bút của khách sạn. Màu dạ xám thánh đường, quãng sáu thứ. *Re virginum amator.*Với cơn sốt và tiếng nước kênh lõm bõm ngoài kia, không gian quanh tôi đã lặng lẽ nhòa vào sự tồn tai song trùng ám ảnh, một cõi trung gian vừa là phòng khách sạn, vừa là cabin con tàu khe khẽ lắc lư. Sống giữa

trùng khơi. Chết trong nước thẳm. Andy, thời còn nhỏ, nói với tôi bằng cái chất giọng trẻ con sao Hỏa rờn rợn, nó đã nghe Kênh Giáo Dục bảo rằng Đức Mẹ Mana là người bảo trợ các thủy thủ, rằng kinh Mân Côi còn có tác dụng bảo hộ người ta không bao giờ chết đuối. Mary Stella Mans. Mary, Tinh Tú Của Biển Khơi.

Tôi nghĩ đến Hobie trong lễ Misa nửa đêm, quỳ gối trên hàng ghế, mặc vét đen. Mạ vàng sẽ mòn đi dần dần. Trên cảnh cửa tủ ly, trên mặt lật tủ bàn viết, thường có kha khá những vết sứt rất khó nhận thấy.

Đồ vật luôn kiếm tìm chủ nhân đích thực. Chúng cũng có các phẩm chất như người. Chúng có khi quay quắt hay trung thực, khả nghi hay thiện lương.

Những món cực kỳ có giá không bao giờ từ trên trời rơi xuống.

Bút của khách sạn không tốt lắm, tôi ước gì mình có bút tử tế hơn, nhưng giấy rất dày và láng. Bốn lá thư. Thư cho Hobie và bà Barbour sẽ phải dài nhất, vì họ là những người xứng đáng nhất có được lời giải thích từ tôi, và cũng vì đấy là những người duy nhất, nếu tôi chết đi, sẽ động lòng thực sự. Nhưng tôi sẽ viết cho cả Kitsey nữa - trấn an cô rằng đây không phải lỗi của cô. Còn thư cho Pippa sẽ ngắn nhất. Tôi muốn cô biết mình yêu cô đến dường nào, và lại cần cô hiểu rằng cô chẳng có một mảy may lỗi lầm vì không thể yêu tôi đáp lại.

Nhưng tôi sẽ không viết vậy. Tôi muốn tung cánh hoa hồng chứ không phải quăng mũi tiêu độc. Mục đích chỉ là cho cô biết, thật ngắn gọn, rằng cô đã khiến tôi hạnh phúc đến chừng nào, trong khi bỏ qua hết những điều hiển nhiên.

Nhắm mắt lại, tôi hứng vạn tia chớp rõ rệt choáng người từ ký ức được cơn sốt moi ra từ đâu không biết, bùng lên như những

đường đạn lửa giữa rừng sâu, những luồng lửa sáng rỡ cực kỳ chi tiết và thêu dệt ngàn ngàn cảm xúc. Những dây đàn ánh sáng chiếu qua cửa sổ chấn song căn hộ trên Đại lộ 7 ngày trước, thảm sợi thùa ram ráp và những ô vuông bàn cờ in trên tay cùng đầu gối khi tôi chơi trên sàn nhà. Cái váy dạ tiệc màu da quýt của mẹ, chân váy có đủ thứ lấp lánh tôi rất thích sờ. Alameda, bà giúp việc ngày xưa, đang nghiền chuối xanh trong bát thủy tinh. Andy giơ tay chào tôi trước khi loạng choạng đi qua hành lang tối tăm trong căn hộ nhà họ: *Rõ, thưa thuyền trưởng*.

Những giọng hát trung cổ, nghiêm ngắn siêu trần, vẻ đường bệ của bài hát không trang sức.

Tôi không thật thấy khổ sở, vấn đề là thế. Đúng hơn, cảm giác như khi đi rút tủy răng đến cái cuối cùng nặng nhất, khi ông nha sĩ cúi sát dưới chùm đèn và bảo *sắp xong rồi*.

24 tháng 12

Kitsey thân,

Anh vô cùng hối tiếc về chuyện này, nhưng anh cũng muốn em biết điều này không hề liên quan gì đến em, cũng như bất cứ ai trong gia đình em. Mẹ em sẽ nhận được một lá thư riêng cho biết nhiều thông tin hơn một chút, nhưng trước mắt anh muốn cam đoan riêng với em rằng việc lựa chọn hành động của anh không hề chịu ảnh hưởng bởi bất kỳ điều gì đã từng xảy ra giữa chúng ta, đặc biệt là những chuyện gần đây.

Cái giọng điệu cứng nhắc này, cùng lối viết chữ cứng nhắc bất

thường, là ở đâu ra - trái ngược hẳn với những ký ức và ảo giác đang nổ tung trong đầu, chèn ép tôi từ tứ phía - tôi cũng không biết nữa. Mưa đá đang bắn líu chíu vào cửa sổ dường như mang một sức nặng lịch sử lâu đời, nạn đói, những đoàn quân nện bước, một màn nước buồn thương không ngừng rơi.

> *Như em biết rõ, và đã tự mình chỉ ra với anh, anh có rất nhiều vấn đề đã khởi đầu từ rất lâu trước khi gặp em, và tất cả không có cái nào là lỗi do em cả. Nếu mẹ em có còn băn khoăn gì về vai trò của em trong những sự việc gần đây, anh khuyên em mời bà tham khảo thêm Tessa Margolis, hay tốt hơn nữa là Em, người sẽ rất hào hứng được chia sẻ quan điểm cá nhân về tư cách của anh. Thêm nữa - một việc hoàn toàn không liên quan - nhưng anh cũng cần khuyên em đừng bao giờ cho Havistock Irving vào trong nhà mình, vĩnh viễn không.*

Kitsey hồi bé. Tóc mịn lơ thơ trên mặt. Im đi hai thằng rồ. Thôi ngay không em mách bố mẹ.

Cuối cùng, tuy không kém phần quan trọng...

(cây bút ngập ngừng thật lâu trên dòng này).

> *cuối cùng, tuy không kém phần quan trọng, anh muốn nói rằng em trông thật xinh đẹp trong buổi tiệc, và anh hết sức cảm động khi thấy em đeo đôi hoa tai của mẹ anh. Mẹ anh mê mẩn Andy*

- hẳn là mẹ cũng sẽ rất yêu em, và chắc sẽ rất mừng nếu bọn mình đến được với nhau. Anh rất buồn là mọi chuyện lại không suôn sẻ. Nhưng anh cũng hy vọng em sẽ được suôn sẻ về sau. Thật đấy.

Nghìn lần yêu thương,

Theo

Dán lại; để địa chỉ; đặt một bên. Dưới lễ tân hẳn có tem.

Hobie thân yêu,

Viết lá thư này rất khó khăn, và cháu cũng rất buồn khi phải viết.

Khi toát mồ hôi, khi lạnh buốt. Trước mắt tôi hiện những đốm xanh lục. Nhiệt độ lên cao đến mức các bức tường hình như đang teo lại.

Đây không phải là vấn đề những món hàng giả mà cháu đã bán. Chắc là bác sẽ nhanh chóng được biết là vấn đề gì thôi,

Axit nitric. Muội than. Đồ nội thất, cũng như mọi vật sống, dần dà sẽ có vết tích và mang sẹo qua thời gian.

Tác động của thời gian, vô hình cũng như nhìn thấy.

và, cháu không biết phải nói ra sao nữa, nhưng cháu nghĩ điều mình đang nhớ lại là con chó con bị ốm mà mẹ và cháu từng gặp trên đường trong

khu Phố Tàu. Nó đang nằm bẹp trong khoảng trống giữa hai thùng rác. Đấy là một con pit bull sơ sinh. Hôi thối bẩn thỉu lắm. Toàn da bọc xương. Yếu quá không đứng dậy nổi. Mà mọi người chỉ dửng dưng đi qua. Và cháu buồn bực kinh khủng, và mẹ hứa hai mẹ con sẽ đón nó về nếu nó vẫn còn ở đấy khi mẹ con cháu ăn tối xong. Và khi mẹ con cháu ra khỏi nhà hàng thì nó vẫn ở đấy. Nên mẹ gọi taxi, cháu bế nó trong tay, và khi về đến nhà mẹ làm cho nó cái hộp nằm trong bếp, còn nó vui sướng cuồng lên, liếm mặt bọn cháu rồi uống cả đống nước và ăn hết số đồ ăn cho chó mà mẹ con cháu mua về rồi lập tức nôn ra hết sạch.

Ờ, nói vắn tắt lại là cuối cùng nó chết. Không phải lỗi của mẹ con cháu. Nhưng mẹ con cháu vẫn có cảm giác như vậy. Chúng cháu đã đưa nó đi thú y, đã mua đồ ăn đặc biệt, nhưng nó chỉ mỗi ngày một ốm hơn. Tới lúc đó thì mẹ con cháu đã yêu nó lắm rồi. Và mẹ cháu lại đưa nó đi khám, một bác sĩ chuyên khoa ở Trung tâm Thú y. Và bác sĩ bảo con chó này có bệnh, bệnh gì thì cháu quên tên rồi, nó đã mắc từ hồi bà bắt được nó, và tôi biết bà không muốn nghe tin này nhưng nếu muốn nhân đạo thì tốt nhất là bà tiêm thuốc cho nó ngay bây giờ

Tay tôi vừa bay vun vút thành từng đợt ngắt quãng trên trang

giấy. Nhưng tới hết trang thò tay lấy tờ khác, tôi chợt dừng, ghê sợ. Điều mà tôi đã cảm thấy là không trọng lượng, là đà liệng bay lần chót suốt không trung, lại hoàn toàn không phải lời từ giã văn hoa và cảm động mà tôi từng tưởng tượng. Nét chữ trồi sụt bồ lê khắp trang giấy, không hề thông minh hay mạch lạc, hay thậm chí là đọc được. Hẳn phải có cách nào gọn hơn và mộc mạc hơn để cám ơn Hobie chứ: để nói điều tôi muốn nói, là ông đừng áy náy, ông vẫn luôn đối xử rất tốt với tôi và đã làm hết sức để giúp tôi, giống như tôi và mẹ đã làm hết sức giúp con cún pit bull kia, mà - thực ra đây là một điểm cực kỳ quan trọng, chỉ có điều tôi không muốn kéo quá dài câu chuyện - dù hết sức dễ thương và hiền dịu, đã là một thế lực phá hoại thực sự trong mấy ngày trước khi chết, gần như phá tan hoang cả căn hộ và bươi nát cái xô pha nhà tôi ra từng mảnh.

Mè nheo, bi lụy, vô duyên. Cổ họng tôi khan như vừa bị lưỡi dao cạo cạo hết niêm mạc.

Nhấc nệm lên nào. Nhìn đây: có mọt rồi. Sẽ phải xịt Cuprinol thôi.

Cái đêm chơi thuốc quá liều trong phòng tắm trên nhà Hoble, đinh ninh mình sẽ không tỉnh dậy mà cuối cùng vẫn tỉnh, má áp trên viên gạch lót sàn lục giác đảo điên, tôi đã kinh ngạc khi thấy phòng tắm đồ đạc trắng kiểu trước chiến tranh có thể sáng trưng đến cỡ nào nếu nhìn từ thế giới bên kia lại.

Bắt đầu của kết thúc? Hay là kết thúc của kết thúc.

Fabelhaft. Chưa bao giờ ăn chơi sướng đời như thế.

Từng thứ một nào. Aspirin. Nước lạnh lấy trong tủ lạnh. Mấy viên thuốc cọ rột rạt rồi mắc trong ngực, như nuốt sỏi, và tôi đấm ngực tìm cách đẩy chúng xuống, rượu khiến đầu tôi còn lảo đảo

hơn nữa, vừa khát, vừa rối loạn, lưỡi câu móc họng, nước bò dọc trên má rất ngớ ngẩn, thở dốc, khò khè, tôi đã mở chai vang coi như ăn mừng nhưng nó lại chảy xuống họng như dầu nhựa thông, đốt cháy và cào cấu dạ dày tôi, có nên mở nước tắm không, có nên gọi lễ tân hỏi thứ gì đó nóng, đơn giản không, canh hay trà chẳng hạn? Không: yêu cầu chỉ là uống cho hết vang, hoặc có thể tiến lên chiến vodka đi; hình như đâu đó trên mạng tôi từng đọc được chỉ có hai phần trăm những vụ tự tử dùng thuốc quá liều là có tác dụng, một con số có vẻ thấp đến ngớ ngẩn, dù không may thay, đã được chứng minh bằng kính nghiệm. *Xẽ không mưa nữa*. Thư tuyệt mệnh của ai đó. *Đời chỉ là vở kịch hề*. Chồng Jean Harlow, người đã tự vẫn vào đêm tân hôn. Thư của George Sanders là hay nhất, một kinh điển Hollywood cũ, bố tôi đã thuộc lòng và rất ưa dẫn lại. *Gửi Thế giới, Tôi đi vì chán rồi*. Và rồi đến Hart Crane. Tung người rơi xuống, áo sơ mi căng phồng khi rơi. *Chào tất cả!* Hét lên lời chào, khi nhảy khỏi tàu.

Tôi không còn thấy cơ thể là của mình nữa. Nó đã không còn thuộc về tôi. Đôi tay tôi, vẫn chuyển động, có vẻ đã tách lìa, tự trôi nổi, và khi tôi đứng dậy thì cứ như điều khiển con rối, duỗi người ra, dựng lên từng khúc nhờ dây giật.

Hobie từng kể hồi còn trẻ ông uống Cutty Sark vì đấy là loại rượu của Hart Crane. Cutty Sark nghĩa là Váy Ngắn.

Tường lục nhạt trong phòng để dương cầm, cây cọ và kem hạt dẻ cười.

Cửa sổ đọng băng. Phòng không sưởi, Hobie thời thơ ấu.

Các Danh Họa Cổ[187], họ không bao giờ sai.

Tôi nghĩ gì, tôi cảm thấy gì vậy?

Thở cũng đau. Túi heroin để trên bàn nhỏ bên kia giường.

Nhưng dù bố tôi, người hâm mộ bất tuyệt những địa ngục showbiz, hẳn sẽ mê mẩn bối cảnh này - ma túy, gạt tàn đầy, rượu, đủ cả - tôi lại không chịu nổi ý nghĩ sẽ bị người ta tìm thấy, nằm duỗi chân tay trong áo choàng ngủ khách sạn như một ca sĩ phòng trà hết thời. Điều cần làm là dọn dẹp, rửa ráy, cạo râu rồi đóng vét để trông không quá nhếch nhác khi bị phát hiện, và chỉ tới lúc đó, cuối cùng, sau khi mấy cô dọn phòng ca đêm đã hết buổi trực, mới gỡ tấm bảng ĐỪNG LÀM PHIỀN trên cửa: tốt hơn là người ta tìm thấy tôi ngay đầu giờ sáng; tôi không muốn đợi đến khi bốc mùi.

Hình như cả một kiếp đã trôi qua từ cái đêm bên Pippa, và tôi nghĩ mình từng hạnh phúc đến thế nào, khi chạy tới gặp cô trong đêm mùa đông sắc nét, nỗi hân hoan khi nhìn thấy cô dưới ngọn đèn đường trước cửa Film Forum và giây phút dừng lại nơi góc phố tận hưởng niềm vui ấy - niềm vui ngắm cô trông tìm tôi. Khuôn mặt chăm chú hướng về đám đông. Tôi là kẻ cô đang tìm kiếm: chính tôi đây. Và cơn nhức nhối trong tim khi tin rằng, dù chỉ trong một khắc, mình vẫn còn cơ hội có được điều sẽ không bao giờ thuộc về mình.

Áo vét trong tủ. Sơ mi bẩn hết rồi. Sao tôi lại không nghĩ đến chuyện đem giặt cái nào nhỉ? Giày của tôi đều sũng nước và hỏng hết, khiến bức tranh lại thêm một vẻ đáng buồn - nhưng không (hoang mang dừng bước giữa phòng), chẳng lẽ tôi định nằm dài ra, phục trang đẩy đủ, có cả giày, như thi thể trên giường đá ấy à? Tôi đi lại toát mồ hôi lạnh, vừa run vừa rét, đủ cả bộ. Phải ngồi xuống thôi. Có lẽ sẽ phải tính lại khung cảnh từ đầu. Xé thư đi. Làm như là tai nạn. Hay hơn nhiều nếu làm ra vẻ tôi đang trên đường đi dự một buổi tiệc sang trọng bí ẩn nào đó, chỉ quất một tẹo thật nhanh trên đường ra - ngồi trên mép giường, quá đà một khắc, pháo hoa đen và tiếng lốp bốp, ngật người sướng rên. Phụp.

http://tieulun.hopto.org

Đôi cánh trắng hỗn mang. Giậm nhảy vào vô tận.

Rồi - nghe tiếng trumpet ré lên - tôi giật mình. Bài hát kinh đã chuyển sang một dàn giao hưởng tưng bừng rất trái chỗ. Du dương và lòe loẹt. Một cơn bực bội dâng lên trong tôi. Vở *Kẹp hạt dẻ*. Sai rồi. Sai hết cả rồi. Một điệu *Hoan ca chào Xuân* gào rú hết cỡ hoàn toàn chẳng phải là âm điệu để tống tiễn tôi, cả dàn nhạc ầm ĩ, điệu Hành Khúc gì đó, và lập tức ruột tôi quặn lên, nhồi một cơn lộn nhào lên họng, cảm giác như vừa nuốt cả thùng nước chanh và trong nháy mắt tôi vừa kịp nhao đến bên sọt giấy lộn thì bè lũ chúng nó đã kéo nhau lên trong một luồng chua xé, đợt lại đợt lại đợt vàng khè.

Khi đã xong, tôi ngồi trên thảm, tì trán vào mép sọt bằng kim loại mát rượi, tiếng vở ba lê cho trẻ con vẫn hơn hớn rất bực mình bên tai: thậm chí còn không say nữa, thế mới khốn chứ, chỉ buồn nôn. Trong hành lang vọng vào tiếng một bầy Mỹ, mấy cặp trai gái, vừa cười vừa ồn ã chào nhau khi rút về từng phòng: bạn cũ thời sinh viên, làm trong ngành tài chính, hơn năm năm làm luật doanh nghiệp và Fiona sắp vào lớp một mùa thu sau, ở Oaklandia đều ổn cả, vậy thôi ngủ ngon nhé, trời ơi yêu các cậu say đắm, một cuộc đời tôi cũng có thể kiếm cho mình chỉ ngoại trừ việc tôi chẳng muốn nó. Đấy là ý nghĩ cuối cùng tôi còn nhớ trước khi vận sức dựng người dậy đi tắt thứ nhạc lộng óc, và bụng dạ cồn cào, ném mình sấp xuống giường như quăng mình qua thành cầu, mọi đèn trong phòng còn sáng quắc khi tôi đã chìm sâu xuống nơi không còn ánh sáng, bóng tối khép lại trên đầu.

iv.

HỒI CÒN NHỎ, sau khi mẹ mất, tôi luôn cố nghĩ đến mẹ khi

thiếp ngủ để biết đâu có thể thấy mẹ trong mơ, nhưng chẳng bao giờ thành công. Hay đúng hơn, tôi mơ thấy mẹ thường xuyên, nhưng là mơ thấy vắng mặt chứ không phải có mặt: luồng gió phẩy qua căn nhà vừa bị bỏ lại, tuồng chữ mẹ trên tờ giấy nhớ, mùi nước hoa, đường phố trong những thành phố lạ lạc lối mà tôi biết chỉ giây trước mẹ còn rảo bước nhưng đã biến mất vừa đây, một cái bóng di chuyển trên bức tường tắm nắng trời. Thỉnh thoảng tôi thoáng thấy mẹ giữa đám đông, hay trong taxi vừa chuyển bánh, và những bức hình chớp nhoáng ấy được tôi giữ gìn cẩn trọng, dù chẳng bao giờ kịp chạy tới bên mẹ. Luôn luôn, khi kết cuộc, mẹ lẩn khỏi tôi: tôi liên tục nhấc máy khi mẹ vừa dập máy, hay để quên số mẹ ở đâu, hoặc hổn hển chạy quáng quàng đến nơi mẹ dặn chờ để thấy mẹ vừa đi khỏi. Khi lớn lên, những cú bắt hụt thường kỳ ấy hòa lẫn vào với nỗi lo âu rắc rối hơn và đau xiết hơn nhiều: tôi sẽ hoảng vía khi biết, hay nhớ lại, hay được tin từ một nguồn khó hiểu nào đó, rằng mẹ đang sống đầu bên kia thành phố, trong một căn nhà ổ chuột gớm ghiếc mà vì lý do nào không hiểu nổi tôi đã không tới gặp hay liên lạc nhiều năm rồi. Thường là tôi đang hối hả rối rít tìm cách vẫy taxi hay chạy đến chỗ mẹ thì tỉnh dậy. Những kịch bản dai dẳng ấy cố tình lặp lại và gần như tàn bạo, khiến tôi nhớ đến ông chồng làm Phố Wall hay kích động của một bà khách hàng chỗ Hobie, trong tâm trạng nào đó rất thường kể đi kể lại ba câu chuyện từ thời tham chiến ở Việt Nam, lời lẽ và điệu bộ đều máy móc y hệt: cũng tiếng súng bắn tằng tằng tằng, cũng bàn tay bổ xuống, lúc nào cũng đúng một điểm. Mặt mũi ai nấy đều lặng phắc quanh những ly rượu cuối bữa khi ông ta bắt đầu chuỗi kể lể thường lệ, vì bất kỳ ai cũng đã chứng kiến cả triệu lần và lần nào (giống như vòng quay bất tận tìm kiếm mẹ của tôi, đêm lại đêm, năm lại năm, giấc mơ này qua giấc mơ khác) cũng giống y đúc lần nào. Lần nào ông

cũng vấp rồi ngã ở đúng gốc cây ấy; và ông không bao giờ chạy tới kịp được bên cậu đồng đội Gage, cũng như tôi không bao giờ tìm được mẹ.

Nhưng đêm ấy, rốt cuộc; tôi đã tìm thấy mẹ. Hay chính xác hơn: mẹ tìm thấy tôi. Có vẻ đây sẽ là lần duy nhất, dù cũng có thể một đêm nào khác, một giấc mơ nào khác, mẹ sẽ lại đến tìm tôi như vậy - có lẽ là khi tôi hấp hối chăng, dù hy vọng như vậy cũng có vẻ là đòi hỏi quá mức. Hẳn nhiên tôi sẽ bớt khiếp hãi trước cái chết hơn (không phải chỉ là chính mình, mà cả Welty, hay Andy, Cái Chết chung chung) nếu nghĩ sẽ có một người thân thuộc tới đón mình bên cửa, vì - viết đến đây tôi muốn trào nước mắt - tôi nhớ ra Andy từng bảo tôi, mắt mở to kinh hoảng, rằng mẹ tôi là người duy nhất đã chết giữa những người cậu ta quen, và yêu. Vì thế - biết đâu khi Andy dạt vào xứ sở bên kia biển nước, ho hắng và phun bọt, biết đâu chính mẹ tôi là người quỳ xuống bên cạnh chào cậu ta trên bờ xa. Có thể là ngu xuẩn khi nói lên những hy vọng ấy. Lại nhưng, có thể ngu xuẩn hơn là không dám nói ra.

Nhưng dù sao, có là lần duy nhất hay không, thì đó cũng là một món quà; và nếu mẹ chỉ được về thăm đúng một lần, nếu đấy là tất cả những gì họ cho phép, thì mẹ đã để dành đến khi cần nhất. Vì bất thình lình, mẹ đã ở đây. Tôi đang đứng trước gương nhìn căn phòng sau lưng phản chiếu trong gương, nội thất rất giống cửa hiệu của Hobie, hoặc đúng hơn, một phiên bản cửa hiệu rộng rãi hơn, dường như vô tận, tường nâu thẫm màu gỗ đàn vi-ô-lông-xen và cửa sổ để ngỏ trông như lối dẫn vào một sân khấu nắng không hình dung nổi rộng rãi hơn nhiểu. Không gian sau lưng trong lòng gương dường như không phải không gian theo nghĩa thông thường, mà là một sự hòa điệu hoàn chỉnh, một thực tế thật hơn, rộng lớn hơn nằm lọt giữa một cõi lặng thinh thăm thẳm, nằm ngoài tiếng nói và âm thanh; trong đó tất cả là

tĩnh lặng và trong sáng, tuy cùng lúc, như trong một cuốn phim chạy ngược, vẫn có thể tưởng tượng sữa đổ rút ngược vào trong bình chứa, con mèo bay ngược lên trời để lặng lẽ đáp xuống trên bàn, một trạm dừng chân nơi thời gian không tồn tại, hoặc đúng hơn tồn tại đồng thời về mọi hướng khác nhau, mọi lịch sử và vận động diễn ra cùng lúc.

Và khi vừa ngoảnh khỏi gương một giây rồi ngoảnh lại, tôi thấy bóng mẹ sau lưng mình, trong gương. Tôi á khẩu. Không hiểu bằng cách nào tôi biết mình không được phép quay lưng lại - như thế là trái luật, dù luật ở nơi này là gì - nhưng chúng tôi nhìn thấy nhau, mắt chạm mắt trong gương, và mẹ cũng vui mừng khi thấy tôi như tôi khi thấy mẹ. Mẹ là mẹ thật. Một sự hiện diện hóa thành thân xác. Mẹ mang hiện thực tâm linh, mang chiều sâu và thông tin. Mẹ ở giữa tôi và cái chốn không biết là gì mà từ đó mẹ vừa trở lại, cái nơi ở bên kia. Và cái giây phút chúng tôi mắt chạm mắt trong gương, kinh ngạc, vui thích, cặp mắt lam tuyệt đẹp của mẹ với quầng đen bao quanh mống mắt, cặp mắt lam nhạt chứa chan ánh sáng: chào con! Âu yếm, thông tuệ, buồn rầu, hài hước. Có chuyển động và tĩnh lặng, tĩnh lặng và trầm bổng, sức hàm chứa và ma thuật của một bức tranh bậc thầy. Mười giây, vĩnh cửu. Tất cả là một vòng tròn dẫn về lại mẹ. Có thể ngộ ra trong tích tắc, có thể đắm mình hết ngàn thu: mẹ chỉ tồn tại trong gương, bên trong khoảng không gian giữa khung hình, và dù không còn sống, không hẳn thế, nhưng cũng không phải mẹ đã chết, vì mẹ còn chưa sinh ra, mà lại không có lúc nào chưa sinh ra - và tôi, kỳ lạ thay, cũng vậy. Và tôi biết rằng mẹ có thể dạy mọi điều mình muốn biết (cuộc sống, cái chết, quá khứ, vị lai) dù nó đã nằm sẵn đây rồi, trong nụ cười của mẹ, câu trả lời cho mọi vấn đề, nụ cười trước Giáng-sinh của người nắm một bí mật quá tuyệt vời không thể để lộ ra: *à, con sẽ phải đợi đến lúc đó mới biết, phải*

không ? Nhưng đúng khi mẹ mở miệng toan nói - hít vào một hơi vừa muộn phiền vừa trìu mến mà tôi nhớ rõ, mà âm thanh ngay lúc này còn vang bên tai - thì tôi tỉnh dậy.

v.

KHI TÔI MỞ MẮT, trời đã sáng. Đèn trong phòng tất cả vẫn sáng quắc, còn tôi nằm dưới chăn mà không hiểu bằng cách nào mình chui vào đó. Mọi thứ vẫn còn tắm trong, thấm đãm sự hiện diện của mẹ - cao hơn, rộng hơn, sâu hơn sự sống, một dịch chuyển quang học khiến mép màu cầu vồng, và tôi nhớ đã nghĩ rằng hẳn người ta đều thay đổi như vậy sau khi kiến diện các thánh - dù mẹ tôi không phải thánh, chỉ là cuộc viếng thăm của mẹ rõ nét và choáng ngợp như một ngọn lửa chợt phụt lên giữa phòng tối đen.

Vẫn còn mơ màng, tôi trôi nổi giữa lớp ga giường, được nâng độ bập bênh trên giấc mơ ngọt lịm đang nhẹ nhàng vỗ sóng xung quanh. Ngay cả những âm thanh trộn nhau buổi sáng trong hành lang cũng đã nhuốm sắc màu và không khí từ mẹ, vì nếu để ý nghe thật kỹ, trong trạng thái nửa tỉnh nửa mơ này, dường như tôi có thể phân tách rạch ròi âm thanh tiếng bước chân mẹ nhẹ bỗng và hân hoan lẫn trong tiếng lanh canh xe thức ăn chạy dọc hành lang và tiếng lạch xạch dây cáp thang máy, tiếng cửa thang máy mở ra đóng lại: một âm thanh rất thành thị, một âm thanh trong đầu tôi đã gắn liền với Sutton Place và mẹ.

Rồi đột ngột, òa ra giữa những sợi lân tinh cuối cùng quyến luyến lại sau giấc mơ, tiếng chuông của nhà thờ gần đây dội lên ầm ĩ man rợ đến nỗi tôi bật dậy hốt hoảng, cuống cuồng sờ tìm kính. Tôi đã quên mất hôm nay là ngày gì: Giáng sinh.

http://tieulun.hopto.org

Loạng choạng, tôi đứng dậy đi ra cửa sổ. Chuông nối tiếp chuông. Đường phố trắng xóa, sạch bóng. Băng lấp lánh trên những mái nhà lợp gạch; ngoài xa, trên kênh Herengracht, tuyết bay bay. Một toán chim đen đang la thét và liệng tròn trên mặt kênh, khiến bầu trời nhiễu loạn, đường cánh nghiêng rộng hay rập rờn như một cơ thể có trí khôn duy nhất, lộn nhào mấy vòng, và chuyển động ấy dường như đã lặn vào trong tôi xuống đến tận từng bậc tế bào, trời trắng tuyết mù và cơn gió bấc cóng người của các thi sĩ.

Nguyên tắc trên hết của việc phục chế. Không bao giờ làm việc gì không đảo ngược lại được.

Tôi tắm, cạo râu rồi mặc áo. Rồi lặng lẽ, tôi dọn phòng và đóng đồ. Tôi sẽ phải làm cách nào đó mang trả nhẫn và đồng hồ lại cho Gyuri, đấy là nếu anh ta còn sống, một điều càng lúc tôi càng ngờ: riêng chiếc đồng hồ đã là cả một gia tài - ngang một chiếc BMW dòng 7, hay là tiền cọc một chung cư. Tôi sẽ gửi FedEx tới Hobie nhờ ông giữ hộ, nhắn lại tên ông ở quầy lễ tân nhỡ Gyuri cần tìm.

Cửa sổ đóng băng, tuyết ướp trên sỏi đường, sâu và im ắng, đường không bóng xe cộ, những thế kỷ chồng lên nhau, thập niên 1940 đổ về 1640.

Tốt nhất là không nghĩ quá đà. Điều quan trọng là phải lợi dụng năng lượng của giấc mơ đã theo tôi ra tới lúc thức. Vì không biết tiếng Hà Lan, tôi sẽ phải đến đại sứ quán Mỹ nhờ họ gọi cho cảnh sát Hà Lan. Làm hỏng cả một kỳ nghỉ lễ của nhân viên sứ quán nào đó, một bữa tiệc gia đình hân hoan nào đó. Nhưng tôi không tin vào bản thân để mà đợi. Hẳn bây giờ tốt nhất là xuống nhà xem website của Bộ Ngoại giao, học thuộc các quyền của tôi với tư cách công dân Hoa Kỳ - hẳn là trên Trái đất còn khối chỗ cảnh tù tội đáng sợ hơn Hà Lan nhiều, và có lẽ nếu tôi khai thẳng

tuột mọi điều mình biết (Horst và Sascha, Martin và Frits, Frankfurt và Amsterdam) thì họ có thể kiếm ra bức tranh.

Nhưng ai biết sự thể sẽ ra thế nào. Tôi chẳng biết chắc điều gì được, ngoại trừ thời gian trốn tránh đã qua rồi. Dù có điều gì xảy ra đi nữa, tôi cũng sẽ không đi vào vết xe đổ của bố, trốn chui trốn lủi trong tính toán mưu mẹo suốt cho đến khi xe đổ, lửa bùng lên; tôi sẽ bước lên, đón nhận điều gì đến với mình, và để khẳng định, tôi đi thẳng vào phòng tắm giật nước trôi phong bì ô bóng kính xuống cống.

Thế là xong: nhanh như Martin, và cũng không đảo ngược được. Bố tôi hay nói gì ấy nhỉ? *Giơ lưng chịu đấm*. Dù bản thân ông chẳng bao giờ.

Tôi đã ngó tới mọi ngóc ngách trong phòng, làm mọi điều cần thiết, ngoại trừ mấy lá thư. Nhìn lối chữ viết là đủ phải nhăn mặt. Nhưng - ý nghĩ này khiến tôi giật mình - *đúng là* tôi cần viết cho Hobie - không phải những lời đấm ngực thương thân say khướt, mà là vài dòng vắn tắt về công việc, sổ séc, giấy má, chìa khóa két để ở đâu. Có lẽ cũng tốt hơn là tôi nên nhận lỗi luôn, bằng giấy mực, mấy vụ lừa đảo bán đồ, và nói hai năm rõ mười rằng ông không hề biết gì cả. Có lẽ tôi có thể đem công chứng ở đại sứ quán Mỹ; có thể Holly (hoặc ai cũng được) sẽ mủi lòng gọi người tới hoàn tất việc đó trước khi báo cảnh sát. Grisha có thể làm chứng cho tôi nhiều vụ mà không bị liên lụy đến anh: chúng tôi chưa bao giờ nói chuyện, anh chưa bao giờ hỏi han gì tôi, nhưng anh cũng biết những cuộc đi lại lén lút đến cơ sở trữ đồ ấy không phải là đàng hoàng gì.

Như vậy là còn Pippa và bà Barbour. Trời, cứ nghĩ đến những lá thư tôi đã viết cho cô nhưng không bao giờ gửi! Sản phẩm khá nhất, sáng tạo nhất của tôi sau cuộc viếng thăm khủng khiếp có

Everett, đã bắt đầu, và kết thúc, bằng câu mà tôi nghĩ là nhẹ nhõm và tình cảm: *Cần đi một thời gian*. Nếu là thư tuyệt mệnh tiềm năng, khi ấy, ít ra về độ súc tích, tôi đã cảm giác đấy là một tuyệt phẩm. Tiếc rằng tôi đã tính nhầm liều lượng, và tỉnh giấc sau mười hai tiếng thấy mình đã nôn mửa khắp ga giường và phải lảo đảo xuống nhà, vẫn buồn nôn như điên, dự buổi họp lúc mười giờ sáng với sở thuế.

Tuy thế: thư đi tù thì khác, và hẳn là không nên viết ra. Pippa không lầm tưởng về bản chất của tôi. Tôi chẳng có gì dâng lên cô cả. Tôi là ốm đau, bất ổn, là mọi thứ cô muốn tránh xa. Nhà tù sẽ chỉ càng khẳng định điều cô vốn đã biết sẵn. Điều tốt nhất tôi có thể dành cho cô là cắt đứt liên lạc. Nếu bố tôi đã thực sự yêu mẹ - thực sự yêu mẹ theo cái cách mà ông tự nhận, thời xưa - chẳng phải ông sẽ làm thế sao?

Và rồi - bà Barbour. Đấy là một phát hiện khi tàu đắm, là loại thông tin cực kỷ sửng sốt mà ta không hề biết về chính mình cho đến giờ khắc tận cùng, khi những thuyền cứu sinh đã hạ thủy và con tàu đã rừng rực lửa - nhưng rốt cuộc, khi tính chuyện kết liễu tính mạng mình, bà là người duy nhất khiến tôi thực sự không đang tâm làm vậy.

Rời khỏi phòng - xuống nhà hỏi về FedEx và xem website Bộ Ngoại giao trước khi gọi đến sứ quán - tôi dừng lại. Một túi kẹo thắt nơ tí xíu treo trên nắm đấm cửa, một tấm thiếp viết tay: **Giáng sinh vui vẻ!** Ở đâu đó người ta đang cười nói, mùi cà phê đậm và đường cháy cùng bánh mì mới ra lò thơm nức mũi từ xe thức ăn đang bay khắp hành lang. Sáng nào tôi cũng gọi bữa sáng của khách sạn và kiên cường tiêu diệt từng thứ một - chẳng phải Hà Lan vốn nổi tiếng vì cà phê sao? Thế mà tôi đã uống hằng ngày mà thậm chí còn không nhận ra hương vị nó.

http://tieulun.hopto.org

Tôi bỏ gói kẹo vào túi áo vét, đứng trong hành lang hít một hơi dài. Cả các tử tù còn được quyền chọn một bữa ăn cuối cùng cơ mà, đấy là để tài mà Hobie (đầu bếp cự phách, kẻ phàm ăn hớn hở) đã hơn một lần đưa ra khi đêm sắp hết, bên chai Armagnac trong khi ngó quanh quất tìm hộp thuốc hít đã hết và những chiếc tách thừa để làm gạt tàn thế thân cho các vị khách: với ông đấy là một vấn đề siêu hình, tốt nhất nên được suy nghĩ khi bụng đã no, sau khi tráng miệng đã đánh hết và đĩa caramen hương nhài cuối cùng đang được đưa quanh, bởi vì - khi nghĩ kỹ ở điểm tận cùng tất cả, khi đêm sắp qua, nhắm mắt và vẫy chào Trái đất - thì anh sẽ thực tình lựa chọn thứ gì? Một thứ dễ chịu để nhắc nhở về quá khứ? Bữa cơm gà thanh đạm từ một chủ nhật ấu thơ đã mất? Hay là lần cuối cùng được thỏa sức đập phá, ở đầu bên kia - gà tây kèm dâu mâm xôi, sô-cô-la viên trắng của Alba? Còn tôi: tôi thậm chí không biết mình đang đói trước khi bước ra hành lang, nhưng đúng lúc ấy, đứng đó với cái bụng cồn cào, trong miệng đắng ngắt, trước viễn cảnh cái dường như là bữa ăn cuối cùng được tự do lựa chọn, thì dường như cả đời tôi chưa hề ngửi thấy thứ gì thơm ngon đến như mùi đường ngào ngạt ấy: cà phê và quế, bánh mì trắng phết bơ trong bữa sáng kiểu lục địa. Thật buồn cười, tôi nghĩ khi quay vào phòng cẩm thực đơn gọi món lên: lại muốn một thứ dễ có đến vậy, lại cảm thấy thèm đến vậy chính cảm giác thèm ăn.

Vrolijk Kerstfeest[188]! Cậu bé phục vụ chào, nửa tiếng sau: một cậu thiếu niên đậm người, tóc tai bù xù y như tranh Jan Steen đeo một vòng hoa trang kim trên đầu và mỗi tai giắt một cành nhựa ruồi.

Khoa tay điệu bộ nhấc mâm bạc đậy mỗi khay. “Bánh mì Giáng sinh đặc biệt của Hà Lan,” nó nói và hài hước chỉ món đó. “Dành

riêng cho hôm nay.” Tôi đã gọi “Bữa sáng ngày lễ kèm sâm-panh ”, trong đó có một chai con sâm-panh, trứng dầu nấm truýp và trứng cá, xa lát hoa quả, một đĩa cá hồi xông khói, một vuông pa tê, nửa tá đĩa các loại nước chấm, dưa chuột bao tử muối, nụ bạch hoa, các loại gia vị và dưa hành.

Cậu ta vừa bật nắp sâm-panh rồi đi xuống (sau khi nhận boa phần lớn số euro còn lại của tôi) còn tôi vừa rót cà phê và đang nếm thận trọng, nghĩ xem bụng dạ mình có chịu nổi không (tôi vẫn còn chóng mặt và cà phê ngửi gần có vẻ không thơm như lúc nãy) thì điện thoại reo.

Đấy là người trực quầy lễ tân. “Giáng sinh vui vẻ, thưa quý khách Decker,” anh ta hối hả nói. “Tôi xin lỗi, nhưng tôi e rằng có người đang đi lên tìm quý khách. Chúng tôi đã cố chặn lại ở dưới này...”

“Sao?” Hóa đá. Cốc đưa dở lên miệng.

“Đang đi lên. Ngay bây giờ. Tôi đã cố ngăn lại. Tôi đã yêu cầu chờ nhưng người đó không chịu. Tức là... đồng nghiệp của tôi đã cố ngăn người đó lại. Người đó chạy bổ lên trước khi tôi kịp gọi...”

“À.” Nhìn quanh phòng. Mọi quyết tâm trong tôi tan biến.

“Đồng nghiệp của tôi...” xì xồ bên cạnh “đồng nghiệp của tôi vừa chạy lên cầu thang đuổi theo người đó - đột ngột quá, tôi nghĩ là mình nên...”

“Người đó có nói tên không?” tôi hỏi, đi lại cửa sổ, nghĩ xem có thể dùng ghế đập vỡ cửa được không. Tầng không cao lắm, từ đây nhảy xuống chỉ độ ba mét rưỡi.

“Không, thưa quý khách.” Nói liến thoắng. “Chúng tôi không... người đó rất quả quyết... người đó bước ngay khỏi quầy trước khi... ”

Tiếng ồn ào trong hành lang. Có kẻ hét tiếng Hà Lan.

"... sáng nay thiếu nhân viên quá, chắc quý khách cũng thông cảm..."

Tiếng đập cửa dứt khoát - từng đợt bồn chồn, lỗ mãng, như luồng phụt ra không dứt từ trán Martin, khiến cà phê của tôi đổ up. Khỉ thật, tôi nghĩ khi nhìn bộ vét và sơ mi - hỏng bét rồi. Chẳng lẽ họ không đợi được sau bữa sáng ư? Nhưng mặt khác, tôi nghĩ khi lấy khăn thấm vào áo, đăm chiêu nhìn ra cửa: có thể là người của Martin. Có thể sẽ kết thúc chóng vánh hơn tôi tưởng.

Nhưng thay vào đó, khi tôi mở tung cửa - và không tin vào mắt mình - trước mặt là Boris. Nhàu nhĩ, mắt đỏ ké, bộ dạng tơi tả. Tuyết dính trên tóc, trên vai áo khoác. Tôi quá sửng sốt quên cả nhẹ người. “Hả,” tôi nói khi nó ôm lấy tôi, rồi nói với người nhân viên mặt mày quyết liệt ngoài hành lang đang sải bước tới gần: “Không, không sao đâu.”

“Anh thấy chưa? Sao tui phải đợi? Sao tui phải đợi?” nó giận dữ quát và vung tay về phía người nhân viên vừa đứng sững lại nhìn. “Tui chả bảo rồi còn gì? Tui đã bảo anh là tui biết phòng nó ở đâu! Làm sao tui biết, nếu nó không phải bạn tui?” Rồi quay sang tôi: “Tau chả hiểu sao phải nhặng xị lên như vậy. Ngớ ngẩn! Tau đứng đó cả thế kỷ mà chẳng thấy ai ra quầy. Chẳng thấy ai cả! Như sa mạc Sahara!”- (trừng mắt nhìn người nhân viên). “Đợi hoài đợi hủy. Bấm chuông liên tục! Rồi đúng vào giây tau nhấc chân lên - ‘khoan đã ông ơi’ giọng mè nheo kiểu trẻ con “ quay *lại* - và *anh kia* còn đuổi theo tau...”

“Cảm ơn anh,” tôi nói với người nhân viên, hay đúng hơn là với cái lưng anh ta, vì sau vài phút nhìn hết tôi lại Boris vừa ngạc nhiên vừa bực mình anh ta đã lẳng lặng quay người đi mất. “Cảm

ơn anh lắm lắm. Tôi nói thật đấy," tôi nói vọng qua hành lang với anh ta; thật tốt là họ chủ động ngăn những kẻ tự mình lao bổ lên phòng.

"Không có gì thưa quý khách." Không buồn ngoảnh lại. "Giáng sinh vui vẻ."

"Thế mi có định cho tau vào không?" Boris hối, khi cuối cùng cửa thang máy cũng đóng chỉ còn chúng tôi với nhau. "Hay là chúng mình sẽ đứng đây âu yếm nhìn nhau?" Nó hôi rình, như thể chưa tắm nhiều ngày nay, và trông vừa hơi khinh khỉnh vừa rất đỗi tự mãn.

"Tao… " tim đập thinh thịch, tôi lại muốn bệnh rồi "một phút thì được."

"Một phút?" Khinh bỉ nhìn khắp người. "Mi có việc đi đâu à?"

"Thực tế là có."

"Potter… " Vẻ hơi hài hước, bỏ túi xuống, đưa khớp khuỷu tay sờ trán tôi "trông mi tệ quá. Mi sốt rồi. Trông như vừa mới đào kênh Panama vậy."

"Tao thấy rất ổn," Tôi đáp cụt lủn.

"Trông mi không ổn. Mi trắng bệch như cá. Sao mi lại ăn mặc điệu đà thế này? Sao không nghe điện thoại? Cái gì thế kia?" Nó hỏi, nhìn qua người tôi ngắm cái bàn đồ án.

"Xin mời. Cứ tự nhiên."

"À nếu mi không phiền, tau tự nhiên đây. Một tuần chết mẹ. Cả đêm qua mài đít trên xe. Đêm Giáng sinh vãi lều…" rùn vai để áo khoác tuột xuống sàn "dù thú thật, tau cũng đã qua nhiều lần tệ hơn nhiều. Ít ra thì trên đường cao tốc cũng không có xe. Bọn tau dừng ở một quán rất tởm trên đường, duy nhất còn mở, trạm

xăng, xúc xích Frankfurter mù tạc, thường thì tau thích nhưng ôi trời, cái bụng tau.

Nó đã lấy ly từ tủ bar, đang rót sâm-panh cho mình.

“Còn mi thì ở đây.” Phẩy tay. “Đang hưởng lạc, tau thấy rồi. Xa hoa tráng lệ.” Nó đã rũ giày và đang lột tất ướt. “Chúa ơi, ngón chân tau đóng thành băng rồi. Đường ướt nhẹp - tuyết đang tan hết thành nước.” Kéo ghế lại. “Ngồi với tau. Ăn gì đó đi. Chọn quá đúng thời điểm.” Nó đã bỏ nắp nồi hâm, đang hít ngửi đĩa trứng dầu nấm. “Ngon quá! Vẫn còn nóng! Cái gì đây?” Nó hỏi khi tôi thò tay vào áo đưa nó đồng hồ và nhẫn của Gyuri. “À phải! Tau quên mất. Bỏ qua đi. Mi có thể tự đưa lại cũng được.”

“Không, mày đưa hộ tao.”

“À, chúng mình nên gọi ảnh. Tiệc này đủ cho cả năm người chứ lại. Có lẽ ta nên…” Nó giơ chai sâm-panh lên, nhìn mực rượu như đang quan sát một bảng số liệu tiền nong đau đầu - “có lẽ ta nên gọi thêm một chai, chai nguyên ấy, hoặc hai chai, gọi thêm cả cà phê hay là ít trà nữa? Tau… ” kéo ghế sát hơn “tau đói muốn chết rồi! Tau sẽ bảo ảnh…” nhấc một miếng cá hồi xông khói, đung đưa trước miệng rồi ngoạm trước khi thò tay vào túi lấy di động “bảo ảnh quẳng xe đâu đó rồi lên đây, đồng ý chứ?”

“Được thôi.” Có một cái gì đó trong tôi đã chết lịm khi thấy nó, gần như hồi bé với bố tôi, sau hàng tiếng ở nhà một mình, cơn mừng rỡ không chủ tâm khi có tiếng chìa xoay trong ổ rồi tâm trạng chùng xuống ngay lập tức khi thật sự nhìn thấy ông.

“Sao?” Liếm tay sồn sột. “Mi không muốn Gyuri lên à? Người chở tau cả đêm? Người chưa hề ngủ? Ít ra cũng cho ảnh miếng ăn,” Nó đã kịp chuyển qua món trứng. “Gặp bao nhiêu chuyện rồi.”

“Tap cũng gặp bao nhiêu chuyện rồi.”

“Mi đi đâu đấy?”

“Mày thích gì cứ gọi.” Lôi thẻ chìa khóa trong túi ra, đưa cho nó. “Tao sẽ để ngỏ tổng tiền. Cứ tính vào tiền phòng.”

“Potter...” Vứt khăn ăn xuống, chạy nhào theo tôi rồi dừng lại giữa chừng và - khiến tôi cực kỳ ngạc nhiên - cười phá lên. “Đi đi. Đi mà gặp bạn mới hay trò vui mới mà mi thấy quan trọng thế!”

“Tao đã gặp bao nhiêu chuyện rồi.”

“À...” kênh kiệu “tau không biết *mi* gặp chuyện gì, nhưng tau phải nói là *tau* đã gặp những chuyện năm nghìn lần hơn. Đây đúng là một tuần ra trò. Một tuần đáng viết thành sách. Trong lúc mi ườn xác hưởng thụ trong khách sạn, thì tau...” bước tới, tay đặt lên tay áo tôi “đợi chút.” Điện thoại vừa reo; nó hơi xoay mình đi, nói như gió bằng tiếng Ukraina trước khi ngưng lại và dập máy rất đột ngột khi thấy tôi đi ra cửa.

“Potter.” Tóm lấy vai tôi, nhìn xoáy vào đáy mắt tôi, rồi xoay người tôi quay một vòng, dùng một chân đá cửa đóng sầm sau lưng. “Cái đéo gì vậy? Mi cứ như là Đêm Xác Sống ấy. Cái phim chúng mình thích là gì nhỉ? Phim đen trắng ấy. Không phải Người Chết Biết Đi đâu, mà thơ thơ ấy?”

“*I walked with a zombie*[189]. Val Lewton.”

“Đúng thế. Chính nó. Ngồi xuống đi. Cỏ bên này mạnh lắm, kể cả nếu mi quen, đáng ra tau phải báo trước...”

“Tao chẳng hút tí nào.”

“...vì nói cho mi biết, hồi tau đến đây lần đầu, hai mươi tuổi gì đó, hồi đó ngày nào cũng hút, tau cứ nghĩ mình đủ sức cân tất và ... giời đất ạ. Lỗi tại tau thôi - tau cư xử như khắm với thằng ở

quán. ‘Cho loại mạnh nhất vào.’ Thì nó cho! Ba cú là tau khỏi đi lại! Khỏi đứng luôn! Như là tau không nhớ cách nhấc chân ấy! Mắt mũi híp tịt, cơ bắp khỏi cử động. Cắt rời thực tế luôn!” Nó đã lái tôi ra chỗ giường, giờ thì đang ngồi cạnh tôi, choàng tay lên vai tôi. “Và, tau nói đấy, mi biết tau mà nhưng... chưa bao giờ! Tim đập thình thình, như là cứ chạy hoài hủy mà vẫn đứng yên một chỗ - không hiểu nổi tau đang ở đâu - đen xì kinh khủng! Có một mình và còn hơi mếu máo nữa, hiểu không, trong đầu nói với Chúa, ‘con đã làm gì’, ‘sao con phải chịu cảnh này. Còn chẳng nhớ ra khỏi đó thế nào nữa! Như một giấc mơ kinh tởm. Mà đây là cỏ nhé, nhớ đấy! Cỏ thôi! Ra ngoài phố, chân mềm như bún, túm lấy trụ khóa xe đạp gần Quảng trường Dam. Tau nghĩ xe cộ sắp trèo hết lên vỉa hè tông vào tau. Cuối cùng cũng tới được căn hộ của bạn gái tau trong khu Jordaan và nằm một thôi một hồi trong bồn tắm chẳng có tí nước nào. Thế nên...” Nó đang dán mắt ngờ vực vào vạt áo đầy cà phê của tôi.

“Tao không hút cỏ.”

“Tau biết rồi, mi nói rồi mà! Kể chuyện mi nghe chơi thôi. Dù có thể mi sẽ thấy tí thú vị. Chà... không có gì,” nó nói. “Sao cũng được.” Quãng im lặng tiếp theo tưởng như vô tận. “Tau quên nói... Tau quên nói...” nó đang rót nước khoáng cho tôi “sau cái lần kể với mi đó? Lang thang trên quảng trường đó? Tau bị rồ suốt ba ngày sau đó. Bạn gái tau bảo, ‘Đi ra ngoài thôi, Boris, anh không thể nằm đây phí phạm hết cả cuối tuần thế được.’ Nôn ọe giữa bảo tàng Van Gogh. Còn gì sang chảnh hơn.”

Nước lạnh rót xuống cổ họng rát buốt khiến toàn thân tôi nổi da gà, chìm xuống một ký ức thiếu niên đã ăn sâu vào cơ thể: ánh nắng sa mạc đau nhức, những buổi chiều tỉnh rượu đau nhức, răng đánh lập cập trong cái lạnh điều hòa nhiệt độ. Boris và tôi

mềm nhũn người liên tục nôn mửa, và cười đùa vì nôn mửa, vì thế càng nôn dữ hơn. Nghẹn vì bánh quy ôi lấy trong hộp để ở phòng tôi.

"À..." Boris liếc xéo tôi "có lẽ đang lây lan gì đó. Nếu không phải đang Giáng sinh thì tau đã chạy xuống kiếm thứ gì cho bụng dạ mi. Đây, đây..." đổ thức ăn lên đĩa, đẩy sang phía tôi. Nó cầm chai sâm-panh trong xô đá, lại nhìn mức rượu, rồi đổ nốt phần còn lại vào cốc nước cam vơi nửa của tôi (vơi nửa sau khi chui vào bụng nó).

"Nào," nó nói và giơ ly sâm-panh của nó cho tôi. "Chúc mi Giáng sinh vui vẻ! Chúc cả hai ta sống lâu! Đức Ki-tô đã ra đời, hãy ca tụng Người! Giờ thì..." nuốt ực, nó đã bỏ hết bánh mì ra khăn bàn, lấy đĩa sứ đựng bánh chất đầy đồ ăn cho bản thân "tau xin lỗi, tau biết mi muốn nghe tất tần tật mọi chuyện, nhưng tau đang đói nên phải ăn trước đã."

Pa tê. Trứng cá. Bánh mì Giáng sinh. Kệ thây mọi chuyện, tôi cũng đói, và quyết định sẽ biết ơn khoảng dừng này cùng chỗ thức ăn trước mặt, bèn bắt đầu ăn, và trong một chốc cả hai chúng tôi đều không nói gì.

"Đỡ hơn chưa?" nó bảo, liếc nhìn tôi. "Mi mệt lử rồi." Lấy thêm cá hồi cho mình. "Đang có dịch cúm nặng. Shirley cùng nhiễm."

Tôi không nói gì. Chỉ mới bắt đầu điều chỉnh trước thực tế là nó đang ở cùng phòng với mình.

"Tau tưởng mi đi đâu với bé nào đó. À - còn Gyuri và tau thì thế này," nó nói, khi thấy tôi không đáp. "Bọn tau đã đi Frankfurt. À - cái đó mi biết rồi. Thật là mấy ngày điên hết cỡ! Nhưng..." cạn hết chỗ sâm-panh, ra tủ lạnh ngồi xổm xuống ngó...

"Mày cầm hộ chiếu của tao không?"

“Có tau cầm hộ chiếu của mi. Uầy, trong này có ít vang thật ra trò! Và lại còn lũ Absolut[190] tí hon này nữa.”

“Nó đâu?”

“À...” Nhảy về bàn, cặp theo một chai vang đỏ và ba chai vodka trong tủ lạnh nhét vào xô. “Đây xin mời.” Móc trong túi ra, cẩu thả quẳng lên bàn. “Giờ thì...” ngồi xuống “chúng mình uống mừng hửm?”

Tôi ngồi trên mép giường không động cựa, đĩa đồ ăn dở vẫn bỏ trong lòng. Hộ chiếu của tôi.

Trong cảnh im lặng lâu lắc tiếp theo, Boris với qua bàn gõ ngón giữa vào cốc sâm-panh của tôi, tiếng thủy tinh đánh keng như thìa gõ vào cốc sứ sau bữa tối.

“Làm ơn lắng nghe tau một phút, được phỏng?” Nó giễu cợt hỏi.

“Hả?”

“Uống mừng?” Nghiêng ly về phía tôi.

Tôi chà tay lên trán. “Và mày làm gì, ở đây?”

“Hửm?”

“Đích xác là uống mừng cái gì?”

“Ngày Giáng sinh? Ơn lành của Chúa? Vậy có chấp nhận được không hửm?”

Cảnh im lặng giữa hai chúng tôi, dù không hẳn là thù địch, càng lúc càng có vẻ hầm hừ và sắp mất kiểm soát. Cuối cùng Boris cùng ngả người xuống ghế, hất hàm về phía cốc của tôi mà bảo, “Tau ghét phải nhai đi nhai lại, nhưng khi nào mi đã xong việc ngắm tau, thì liệu chúng mình có thể...?”

“Rồi tao sẽ phải nghĩ cho thông tất cả, một lúc nào đó.”

“Hửm?”

“Tao cho là tao sẽ phải tính cho ra nhẽ tất cả những vụ này trong đầu khi nào đó. Đấy sẽ là một công việc hẳn hoi. Như là, thứ này đi ra dây... thứ kia ra kia... Hai đống khác nhau. Ba đống khác nhau, có lẽ vậy.”

“Potter, Potter, Potter... ” âu yếm, hơi nhạo báng, chồm tới trước “mi đúng là đồ đầu đất. Mi chẳng hề có cảm nhận về cái đẹp hay lòng biết ơn gì cả.”

“‘Chẳng hề có lòng biết ơn.’ Tao nghĩ là tao uống mừng cái đó được.”

“Sao? Mi không hề nhớ kỳ Giáng sinh hạnh phúc của chúng mình hồi ấy à? Những ngày tốt đẹp đã đi qua? Không bao giờ trở lại? Ông già mi... - vung tay hào sảng - “bên bàn ăn nhà hàng? Bữa tiệc tưng bừng vui vẻ? Cuộc ăn mừng hoành tráng của chúng mình? Mi không trân quý kỷ niệm ấy trong tim ư?”

“Ôi trời đất ơi.”

“Potter...” nín thở “mi quả là một kỳ quan. Mi còn tệ hơn đàn bà nữa. ‘Mau lên, cho xong.’ ‘Đứng dậy, đi đi.’ Mi không đọc tin nhắn của tau à?”

“Sao?”

Boris - đang với tay cầm cốc - thình lình dừng lại. Nó liếc nhanh xuống sàn và, đột nhiên, tôi cực kỳ chú ý tới cái túi bỏ cạnh ghế nó.

Thú vị, Boris ấn ngón cái vào giữa hai răng cửa trước. “Làm tới đi.”

Những chữ đó lơ lửng trên bữa sáng đá tan hoang. Hình phản chiếu méo mó trên cái chụp đậy cái đĩa bạc.

Tôi cầm túi lên đứng dậy, và nụ cười trên mặt nó héo đi khi tôi đi ra cửa.

“Đợi đã!” nó kêu lên.

“Đợi gì?”

“Mi không định mở ra à?”

“Nghe này… ” Tôi biết mình quá rõ, không dám tin mình để mà đợi; tôi sẽ không để việc ấy xảy ra lần nữa đâu…

“Mi làm gì thế? Mi đi đâu thế?”

“Tao mang xuống nhà. Nhờ người ta cất vào két.” Tôi còn không biết ở đây có két không, chỉ có điều không muốn để bức tranh gần mình - nó sẽ an toàn hơn khi ở trong tay người lạ, trong phòng để áo, hay đâu cũng được. Tôi cũng định gọi cảnh sát ngay khi Boris đi, nhưng không phải trước đó; chẳng tội gì phải kéo Boris vào vụ này.

“Mi còn không thèm mở ra! Mi còn không biết là cái gì!”

“Ghi nhận.”

“Thế nghĩa là cái quái gì hửm?”

“Có thể tao không cần biết là cái gì.”

“Không à? Có thể là có đấy. Không phải cái mi nghĩ đâu,” nó nói thêm, có phần tự đắc.

“Không ư ?”

“Không.”

“Làm sao mày biết tao nghĩ gì?”

“Tất nhiên tau biết mi nghĩ là thứ gì! Và - mi đoán nhầm rồi. Xin lỗi, Nhưng...” giơ hai tay lên “là một thứ còn tốt hơn, hơn rất nhiều.”

“Tốt hơn?”

“Ừ. ”

“Làm sao có thể *tốt hơn* được?”

“Thế mà có. Tốt hơn nhiều nhiều. Mi phải tin tau thôi. Mở ra mà xem,” nó nói và hất hàm nhanh.

“Cái gì thế này?” Tôi hỏi sau chừng ba mươi giây ngơ ngác. Nhấc ra từng cục từng cục một - những tờ trăm đô.

“Không phải tất cả đâu.” Đưa cả lòng bàn tay xoa gáy, “Một mẩu thôi. ”

Tôi nhìn cái túi, rồi lại nhìn nó. “Một mẩu gì?”

“À...” cười khẩy “nghĩ là tiền mặt thì có vẻ ấn tượng hơn, hửm?”

Những tiếng pha trò nghèn nghẹt từ phòng bên vọng sang, nhịp điệu nổi rõ của tràng cười ghi âm sẵn trên tivi.

“Cho mi bất ngờ thú vị hơn! Đây vẫn chưa phải tất cả, nhớ nhé. Tiền Mỹ, tau nghĩ là tiện hơn khi mi xách về. Nguyên số mi mang tới, còn thêm một ít. Thực ra là họ còn chưa trả, tiền vẫn chưa tới. Nhưng sắp rồi - tau hy vọng.”

“Họ? Ai còn chưa trả? Trả cái gì?”

“Tiền này của tau. Riêng của cá nhân tau. Từ két nhà tau. Rẽ qua Antwerp lấy. Thế này hay hơn - mi mở ra thích hơn, hửm? Sáng Giáng sinh? Quà ông già Noel? Nhưng mi sẽ còn nhận được nhiều nữa.”

Tôi lật xấp tiền trên tay nhìn kỹ: cả trước lẫn sau. Còn nguyên đai, mới từ Citibank ra.

"'Cảm ơn mày nhiều, Boris.' 'Ờ, có gì đâu'," nó đáp lời, mỉa mai, bằng cái giọng bình thường cùa nó. "'Rất vui được giúp mi.'"

Từng xập tiền. Ngoài dự kiến. Mới cứng trong tay. Chuyện này có một hàm nghĩa hay cảm xúc rõ rành nào đấy mà tôi không tài nào nắm được.

"Tau nói rồi đấy - một mẩu thôi. Hai triệu ơ. Tính bằng đô còn nhiều nữa. Vậy đó - Giáng sinh vui vẻ! Quà tặng mi đấy! Tau có thể mở tài khoản cho mi ở Thụy Sĩ gửi hết phần còn lại và lập sổ séc cho mi, như thế... sao?" Nó hỏi, gần như chùn lại, khi tôi bỏ mấy xấp tiền vào túi, đóng nắp rồi đẩy về phía nó "Không! Của mi mà!"

"Tao không muốn."

"Tau nghĩ là mi không hiểu! Để tau giải thích đã."

"Tao đã nói là không muốn mà."

"Potter..." Khoanh tay lạnh lùng nhìn tôi, ánh mắt từng nhìn tôi trong quán bar Ba Lan - "nếu tau là người khác thi đã cười hô hố đi khỏi đây không bao giờ quay lại."

"Vậy sao mày không đi đi?"

"Tau..." Nhìn quanh phòng, như hoang mang không hiểu vì sao "tau sẽ nói cho mi biết vì sao! Vì tình nghĩa ngày xưa. Dù mi đối xử với tau như một thằng tội phạm. Và vì tau muốn đền bù lại cho mi..."

"Đền cái gì?"

"Hừm?"

“Chính xác thì là gì? Mày có giải thích cho tao được không? Tiền này từ chỗ quái nào mà đến? Việc này thì sửa chữa được cái đéo gì?”

“À, thực lòng, mi không nên quá vội nhảy tới…”

“Tao cóc cần đến tiền!” Tôi đã gần như hét lên. “Tao cần bức tranh! Bức tranh đâu rồi?”

“Chỉ cần mi đợi một giây và đừng có nổi…”

“Tiền nầy để làm gì? Nó từ đâu ra? Chính xác là từ nguồn nào? Bill Gates à? Hay ông già Noel? Hay cô tiên răng?”

“Bình tĩnh. Mi thật dễ làm toáng y như ông già mi.”

“Nó đâu rồi? Mày đã làm gì nó rồi? Nó mất rồi phải không? Mày đổi? Mày bán?”

“Không, tất nhiên tau… này…” đẩy lại ghế vội vàng “Chúa ơi, Potter, dịu lại. Tất nhiên là tau không bán rồi. Tau làm thế làm gì?”

“Tao không biết! Làm sao tao biết được? Mọi chuyện này là để làm gì? Tất cả có ích lợi gì? Tại sao tao lại đến đây với mày chứ? Sao mày phải lôi tao vào chuyện này? Mày nghĩ là mày mang tao đến đây để giúp mày giết con người ta à? Phải thế không?”

“Tau chưa bao giờ giết ai trong đời mình,” Boris kiêu ngạo nói.

“Ôi Chúa ơi. Mày nói thế đấy ư? Tao có phải cười không? Có phải đúng là tao vừa nghe mày nói rằng mày chưa bao giờ…” ‘

“Đấy là tự vệ thôi. Mi biết mà. Tau không kiếm chuyên làm hại người khác cho vui nhưng tau sẽ bảo vệ mình nếu cần. Còn mi,” nó nói, át tiếng tôi, “về Martin, ngoài chuyện tau sẽ không còn có mặt ở đây và hắn là mi cũng vậy…”

“Mày giúp tao việc này được không? Mày câm cái miệng mày lại được không? Hay là mày ra đằng kia đứng một phút đi? Vì thật sự là giờ tao không thể thấy mày hay nhìn vào cái mặt mày.”

“... về Martin thì, nếu cảnh sát biết, họ sẽ thưởng huân chương cho mi, cũng như hàng đống người vô tội khác giờ không còn sống nhờ có hắn. Martin là...”

“Hay là, đúng hơn, mày biến đi thì hơn. Thế là tốt nhất.”

“Martin là một con quỷ. Không hoàn toàn là người. Không hẳn là lỗi hắn. Hắn sinh ra đã như vậy. Không có cảm xúc, mi hiểu không ? Tau có biết Martin làm những chuyện tồi tệ hơn chuyện bắn người nhiều. Không phải *chúng mình* ” nó vội vã nói và xua xua tay, như thể đấy chính là nguồn cơn bắt đầu mọi hiểu lầm. “Chúng mình thì hắn sẽ bắn vì lòng tốt, chứ không làm mọi trò kinh tởm ma quỷ khác. Nhưng - Martin có phải là người tốt không? Có phải là con người bình thường không? Không. Không phải. Frits cũng chẳng phải thánh gì. Thế nên, cái ăn năn đau khổ của mi -mi phải nhìn nhận theo cách khác. Mi phải coi đấy là chiến tích vì lẽ phải cao quý hơn. Mi không thể lúc nào cũng nhìn đời tăm tối như thế, hiểu không, như thế rất không hay cho mi.”

“Tao hỏi mày một điều thôi được không ?”

“Hỏi đi.”

“Bức tranh ở đâu?”

“Này...” Boris thở dài, nhìn đi chỗ khác. “Tau làm được đến thế là tốt nhất rồi. Tau biết mi muốn có nó lắm. Tau chỉ không nghĩ mi sẽ bực tức đến thế này vì không có được nó thôi.”

“Mày nói thẳng ra cho tao nó ở đâu?”

“Potter..” tay đặt lên trái tim “tau xin lỗi là mi lại cáu bẳn như

thế. Tau không nghĩ sẽ ra thế này. Nhưng mi nói là đằng nào mi cũng không định giữ nó mà. Mi định trả lại. Không phải mi nói thế à?" nó thêm khi thấy tôi cứ trân mắt nhìn nó.

"Làm quái nào đây lại là điều đúng được?"

"À, tau sẽ nói cho mi nghe! Nếu mi chịu im đi để cho tau nói! Chứ không lải nhải qua lại sùi cả bọt mép làm hỏng cả Giáng sinh của chúng mình như thế!"

"Mày nói cái khỉ gì thế?"

"Thằng ngốc." Gõ gõ đốt ngón tay vào thái dương. "Mi nghĩ tiền này ở đâu ra?"

"Làm thế quái nào tao biết được?"

"Đây là tiền thưởng!"

"Tiền thưởng?"

"Ừ! Vì đã mang về an toàn!"

Mất một giây. Tôi đang đứng. Tôi phải ngồi xuống.

"Mi có cáu không?" Boris thận trọng hỏi.

Tiếng người trong hành lang. Anh nắng đông mờ xỉn chiếu vào cái chụp đèn đồng .

"Tau tưởng mi sẽ vui lòng. Không à?"

Nhưng tôi còn chưa hồi lại đủ để nói. Tôi chỉ có thể nhìn thẳng phía trước, nín lặng.

Nhìn vẻ mặt tôi, Boris lắc tóc trên mặt, phá lên cười. "Chính mi gợi ý cho tau đấy. Tau không nghĩ mi biết đấy là ý hay thế nào đâu! Thiên tài! Tau ước gì chính mình đã nghĩ ra. 'Gọi bọn cảnh sát nghệ thuật đi, gọi cảnh sát đi.' Ờ - đúng là điên! Tau đã nghĩ

thế. Mi cũng hơi khùng khi đến chủ đề này, tau thật. Chỉ có điều... " nó nhún vai "tiếp đó là những sự việc không may, mà mi biết quá rõ, và sau khi chúng mình chia tay nhau trên cầu tau nói chuyện với Anh Đào, làm gì đây, làm gì đây, vặn vẹo tay tí chút, rồi đánh hơi tí chút, và rồi. . ." giơ ly về phía tôi "à, thực tế là một ý kiến thiên tài! Sao tau lại nghi ngờ mi nhỉ? Tại sao? Mi mới là bộ não của vụ này từ đầu! Hồi tau ở Alaska - đi bộ năm dặm đến trạm xăng ăn cắp một thanh Nestlé - thì mi kia. Đầu não luôn! Sao tau lại có bao giờ nghi ngờ mi nhỉ? Vì - tau đã tra rồi, và ..." giơ hai tay lên trời "mi nói đúng. Ai mà tưởng nổi? Hàng triệu đô dành cho cái tranh của mi ngay trước mắt, tiền thưởng! Thậm chí không cần tranh! Thông tin có thể dẫn đến việc lấy lại tranh! Không tra hỏi gì! Tiền mặt, sạch sẽ không vết tích...!"

Ngoài kia, tuyết đập lộp bộp vào cửa sổ. Phòng bên có người ho sặc sụa, hay cười sặc sụa, tôi không còn phân biệt được là cái nào.

"Trao qua đổi lại trao qua đổi lại, bằng ấy năm. Một trò chơi của bọn bét dĩ. Vừa bất tiện vừa nguy hiểm. Và, câu hỏi mà bây giờ tau đang tự hỏi mình, việc gì tau phải mất công vậy? Trong khi có cả đống tiền hợp pháp bày đó chờ nhận lấy? Vì -mi nói đúng -với họ hoàn toàn là việc làm ăn. Không có bất kỳ câu hỏi nào. Họ chỉ cần biết một điều là lấy cái tranh lại." Boris châm thuốc, bỏ diêm vào cốc nước đánh xèo. "Tau không được chứng kiến, tau ước giá mà được - nghĩ quanh quẩn gần đó không phải ý hay, nếu mi hiểu. Đội SWAT của Đức! Vét chống đạn rồi súng. Bỏ hết mọi thứ! Nằm xuống! Ầm ĩ náo động ra trò! A, giá mà tau được thấy vẻ mặt Sascha!"

"Mày gọi cho cảnh sát à?"

"À, không phải tự tau! Dima đệ tau - Dima tức điên bọn Đức vì đi bắn nhau tùm lum trong ga ra nhà nó. Hoàn toàn không cần

thiết, mà lại nhức đầu nữa. Hiểu không...” nó khoanh chân không yên, thở ra một luồng khói bự “tau đoán được sơ sơ chúng nó để tranh ở đâu. Có một căn hộ ở Frankfurt. Xưa của bồ cũ Sascha. Chúng nó để cả đống thứ ở đấy. Nhưng chẳng có cách nào tau vào được, xách theo nửa tá thằng càng không. Chìa khóa, báo động, máy quay, mật mã. Vấn để duy nhất là...” ngáp, lấy mu bàn tay quẹt mồm - “à, hai vấn đề. Đầu tiên là cảnh sát cần lý do khả dĩ để khám nhà. Mi không thể chỉ gọi điện báo tên thằng trộm, công dân ẩn danh muốn giúp đỡ chính quyền nếu mi hiểu ý tau. Và hai là - tau không nhớ đích xác địa chỉ chỗ đó. Bí mật cực kỳ - tau mới chỉ đến đó một lần - vào khuya muộn mà tình trạng không được ngon lành lắm. Biết đại khái khu đó, hồi xưa toàn người chiếm nhà bất hợp pháp, giờ xịn rồi... bảo Gyuri đưa tau quanh các phố, loanh quanh loanh quanh loanh quanh. Mất đến cả nghìn năm. Cuối cùng...? Tau thu hẹp lại còn một dãy nhà nhưng không biết chính xác là nhà nào. Vậy là tau ra đi bộ. Sợ rủn người, đi trên phố ấy - sợ bị thấy - nhưng tau vẫn ra khỏi xe đi bộ. Bằng chính hai chân tau. Mắt nhắm hờ. Tự thôi miên mình tí chút, hiểu không, cố nhớ số bước chân? Cố cảm thấy bằng cơ thể mình? Dù sao thì tau đi trước mất rồi. Dima...” nó đang tấn công rất chuyên cần mấy khúc bánh mì trên khăn bàn “em vợ anh họ của Dima, em vợ cũ thì đúng hơn, lấy một tay Hà Lan, đẻ ra con trai tên là Anton - hai mốt thì phải, hoặc là hai hai, sạch bong kin kít, họ là van den Brink - Anton là công dân Hà Lan và lớn lên đã nói tiếng Hà Lan nên cái này cũng có lợi cho ta nữa nếu mi hiểu. Anton...” nhấm thử khúc bánh, nhăn mặt, phun ra hạt mạch đen giữa kẽ răng “Anton làm ở quán bar có nhiều khách giàu, trên Phố p. c. Hoofstraat, khu sang của Amsterdam - Phố Gucci, Phố Cartier. Trai ngoan. Biết tiếng Anh, Hà Lan, tiếng Nga có lẽ chỉ hai chữ. Dù sao thì Dima cũng nhờ Anton gọi cho cảnh sát báo rằng đã

nhìn thấy hai người Đức, một có hình dong y chang như Sascha - kính gọng tròn, áo Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên, hình xăm da đỏ trên bàn tay và Anton có thể vẽ lại chính xác nhờ ảnh bọn tau đưa -vậy là Anton gọi cho đám cảnh sát nghệ thuật bảo rằng đã thấy hai gã Đức say bí tỉ trong quán cãi nhau, chúng nó tức giận bực bội đến nỗi để quên cả... cái gì? Một tập tài liệu! À, tất nhiên là một tập tài liệu làm giả. Bọn tau định dùng điện thoại, một cái điện thoại làm giả, nhưng không ai đủ trình để đảm bảo làm một cái không có vết. Nên - tau đã in vài cái ảnh - ảnh tau cho mi xem đó, cả vài cái khác tau tình cờ để trong máy... con sẻ vàng với mấy tờ báo khá gần đây để đánh dấu ngày tháng, mi hiểu không. Báo cũ hai năm rồi - nhưng chẳng sao. Anton tình cờ tìm thấy tập tài liệu đó, hiểu không, dưới ghế ngồi, còn có vài tài liệu khác từ vụ Miami, hiểu không, để nối với mấy vụ báo hoảng trước đấy. Địa chỉ Frankfurt được khéo léo đưa vào, tên Sascha nữa. Tất cả là ý tưởng của Myriam, *cổ đáng được kể* công, mi nên chiêu đãi Myriam ra trò khi nào *về* lại đó. Nhờ FedEx mấy thứ từ Mỹ qua - cực kỳ đáng tin. Có cả tên Sascha, có cả... "

"Sascha đi tù à?"

"Chính vậy." Boris cười khùng khục. "Chúng mình có tiền chuộc, bảo tàng có cái tranh, cảnh sát có đáp án, công ty bảo hiểm có lại tiền, công chúng được yên tâm, tóm lại ai cũng được lợi.",

"Tiền chuộc?"

"Ờ thì tiền thưởng hay tiền chuộc, mi muốn gọi sao cũng được."

"Ai trả khoản tiền này?"

"Tau không biết." Boris huơ tay bực tức. "Bảo tàng, chính phủ, công dân giấu tên.' Có quan trọng không?"

“Quan trọng với tao.”

“À, không nên thế. Mi nên ngậm mồm và biết ơn thôi. Vì,” nó hếch cằm, nói át lời tôi, “biết sao không, Theo? Biết sao không? Đoán xem! Xem chúng mình may đến thế nào! Chúng nó không chỉ cất con chim của mi ở đấy, mà - ai mà đoán được? Còn cả đống tranh mất cắp nữa!”

“Hả?”

“Phải tới hai tá, hơn nữa! Nhiều cái mất lâu lắm rồi! Và - không phải cái nào cũng đẹp hay đáng yêu như của mi, thực tế là phần lớn thì không. Đây là ý kiến chủ quan của tau thôi. Nhưng dù sao cũng có bốn năm cái treo thưởng lớn - lớn hơn của mi nữa. Và cả những cái không nổi tiếng lắm - vịt chết, người mặt phị không ai biết chán phèo - cả mấy bức ấy cũng treo thưởng nhỏ hơn - năm chục, trăm nghìn đâu đó. Ai tưởng tượng được? ‘Thông tin dẫn tới việc tìm lại được. Cộng lại cả đống. Và tau hy vọng,” nó nói, có phần khắc khổ, “mi có thể tha thứ cho tau vụ đó?”

“Gì?”

“Bởi vì, người ta đang bảo, ‘một trong những vụ án được phá lớn nhất lịch sử nghệ thuật’. Và đấy là phần tau hy vọng sẽ làm mi vui lòng - có thể không, ai biết được, nhưng tau hy vọng vậy. Những tuyệt phẩm viện bảo tàng, được trả lại cho sở hữu công chúng! Quyền trông coi di sản văn hóa! Vui thay! Mọi thiên thần đều ca hát! Nhưng điều ấy sẽ không bao giờ xảy ra nếu không nhờ có mi.”

Tôi ngồi, kinh ngạc đến đờ đẫn.

“Tất nhiên,” Boris nói và hất đầu về cái túi đang mở trên sàn, “đây chưa phải tất cả. Trong đó còn có quà đẹp cho Myriam và Anh Đào và Gyuri ngày Giáng sinh. Và tau cũng cắt cho Anton và

Dima ba chục phần trăm từ đầu. Mỗi đứa mười lăm. Thực ra Anton là người làm tất, nên theo ý tau lẽ ra phải cho nó hai mươi còn Dima mười. Nhưng với Anton vậy đã là rất nhiều tiền nên nó vui lắm."

"Họ còn tìm lại được nhiều tranh khác. Không chỉ của tao."

"Ừ, mi không nghe tau nói à...?"

"Tranh nào?"

"À, nhiều bức rất nổi tiếng và được ca tụng! Mất tích nhiều năm rồi!"

"Ví dụ...?"

Boris khụt khịt tức tối. "Ôi. Tau không biết tên, mi biết là không nên hỏi tau mà. Có vài thứ hiện đại - rất đắt tiền và quan trọng, ai cũng hớn hở, dù nói thật, tau cũng chả hiểu vài cái trông đó có gì mà hoắng lên thế. Sao phải đắt đỏ thế, một thứ như bức vẽ mẫu giáo? 'Cục màu xấu xí'. 'Que đen gạch loạn xạ'. Nhưng mà cũng có cả nhiều cái có giá trị lịch sử. Một cái của Rembrandt."

"Không phải cảnh biển chứ?"

"Không - nhiều người đứng trong phòng tối. Chán thấy mồ. Nhưng có van Gogh đẹp, vẽ bờ biển. Rồi thì... ờ, tau cũng không biết... mấy thứ quen thuộc, Maria, Jesus, nhiều thiên thần. Có cả tượng nữa. Và đồ châu Á nữa. Tau nhìn thì chả thấy giá trị mẹ gì nhưng chắc là nhiều lắm." Boris xỉa điếu thuốc dữ tợn. "Nói đến đó nhớ ra. Nó chuồn mất rồi."

"Ai?"

"Thằng bé Tàu của Sascha." Nó đã đi ra tủ lạnh, quay lại mang theo mở nút chai và hai cái ly. "Nó không ở căn hộ lúc cảnh sát đến, may cho nó. Và -nếu nó khôn, và nó thì rất khôn -thì nó sẽ

không trở lại." Bắt tréo ngón tay cầu may. "Nó sẽ tìm ra một lão nhà giàu khác để ăn bám. Đấy là nghề của nó. Cũng ra tiền nếu mi kiếm đúng chỗ. Dù sao thì... cắn môi trong khi lôi nút chai ra, bụp! "tau ước gì chính mình đã nghĩ ra trò đó, hàng năm trước! Đúng là một tờ séc bự! Lại rất đàng hoàng! Thay vì trò Đuổi Bóng như thế này, bao nhiêu năm. Trao qua đổi lại..." lúc lắc cái mở nút chai, tích, tắc "trao qua đổi lại. Nhức cả óc! Từng ấy thời gian, từng ấy đau đầu, mà lại cả đống tiền chính phủ dọn sẵn ngay trước mũi! Cho mi biết..." tiến lại gần, đổ ùng ục cho tôi một ly đỏ "về mặt nào đó, hẳn Horst cũng mừng không kém mi là tình hình ra như thế. Lão cũng khoái kiếm tiền như ai, nhưng lão cũng biết ăn năn, cũng nghĩ về lợi ích công, thừa kế văn hóa và mấy cái ba láp kiểu đó."

"Tao chưa hiểu Horst có vai trò gi trong vụ này."

"Tau cũng thế, và chúng mình sẽ không bao giờ hiểu," Boris nói chắc nịch. "Tất cả đều rất cẩn thận và lịch thiệp. Và, phải phải..." sốt ruột và lén hớp một hơi "và phải, tau tức Horst, một tẹo, có thể tau không còn tin lão như ngày xưa nữa, có thể thực tế là tau chưa hề tin lão lắm. Nhưng - Horst bảo rằng lão sẽ không bao giờ cử Martin nếu biết là chúng mình. Và có thể là lão nói thật. 'Không bao giờ, Boris ạ - không bao giờ tôi làm vậy.' Ai biết được? Nói thực lòng - giữa hai ta với nhau - tau nghĩ có thể lão chỉ nói thế để giữ sĩ diện. Vì một khi tất cả đã tan nát, vì Martin và Frits ấy, lão còn làm gì được nữa? Ngoài chuyện lịch thiệp lùi ra xa? Bảo rằng không biết gì? Tau cũng không biết chắc chuyện đó, nhớ nhé," nó nói. "Đây chỉ là giả thiết của tau thôi. Còn Horst thì kể chuyện khác."

"Là...?"

"Horst bảo là.." Boris thở dài "là chính lão cũng không biết

Sascha lấy cái tranh, mãi cho đến khi chúng mình chộp được nó và Sascha đùng một cái gọi đến nhờ Horst lấy lại. Hoàn toàn tình cờ là Martin lại ở đó, từ Los Angeles đến nghỉ lễ. Với bọn nghiện thì Amsterdam là chốn nghỉ Giáng sinh quen thuộc. Và ừ, đến đó...” nó dụi mắt “hừ, tau khá chắc là Horst nói thật. Cú điện thoại của Sascha đúng là bất ngờ. Quỳ rạp xuống chân Horst xin thứ tội. Không kịp nói chuyện. Phải hành động nhanh. Làm sao mà Horst biết là chúng mình? Sascha còn không *ở* Amsterdam - nó cũng nghe qua người khác, từ thằng nhỏ Tàu, mà tiếng Đức cũng không ra gì - Horst thì được nghe qua hai người. Tất cả đều khớp nếu chọn góc nhìn thích hợp. Tuy thế...” nó nhún vai.

“Sao?”

“À, Horst không hề biết cái tranh ở Amsterdam, cũng không biết Sascha định đem nó đi mượn tiền, mãi cho đến khi Sascha phát hoảng gọi điện khi bị chúng mình hớt mất. Về chuyện đó? Tau khá tin. Nhưng: Horst và Sascha có toa rập với nhau làm cái tranh biến mất ngay từ đầu, đến Frankfurt, trong vụ Miami bị hỏng không? Có thể lắm, Horst thích cái tranh ấy lắm. Thích *lắm*. Tau đã kể với mi chưa - lão biết là tranh gì, ngay lần đầu nhìn thấy? Như là, mở miệng thốt ra được ấy? Tên người vẽ các kiểu?”

“Đấy là một trong những bức tranh nổi tiếng nhất thế giới.”

“À...” Boris nhún vai “tau đã nói đấy, lão rất có giáo dục. Lão lớn lên bên cạnh cái đẹp. Tuy thế, Horst cũng không biết tau đã chế ra tập tài liệu. Nếu biết lão sẽ không vui vậy đâu. Nhưng... nó cười lớn “việc đó có bao giờ nảy ra trong đầu Horst không? Tau ngờ rằng không. Từ đầu đến cuối, tiền thưởng vẫn treo ở đó? Dễ dàng, hợp pháp! Tỏa sáng giữa trời, như mặt trời! Tau biết là tau thì chưa bao giờ nghĩ đến, mãi đến bây giờ. Niềm vui và hạnh phúc toàn cầu! Những tuyệt phẩm đã mất lại trở về! Anton là anh

hùng lớn - đứng cho người ta chụp ảnh, lên phỏng vấn trên Sky News! Được cả phòng đứng lên vỗ tay trong họp báo tối qua! Ai cũng yêu nó - nhớ cái người đã đậu máy bay xuống sông mấy năm trước, cứu thoát tất cả mọi người, nhớ không? Nhưng theo tau, không phải Anton được người ta vỗ tay hoan hô - chính là mi đấy."

Có quá nhiều điều muốn nói với Boris, đến nỗi tôi không nói được gì. Nhưng trong lòng tôi chỉ có cảm giác biết ơn cực kỳ trừu tượng. Có thể, tôi nghĩ - khi thò tay vào túi lấy ra một cục tiền ngắm thật kỹ - có thể vận may cũng giống như vận rủi, phải một thời gian mới ngấm vào. Ban đầu người ta không cảm thấy gì hết. Cảm giác phải chờ sau.

"Cũng hay đấy chứ, hử?" Boris hỏi, rõ ràng nhẹ người vì tôi đã tỉnh lại. "Mi vui chứ?"

"Boris, mày phải cầm nửa chỗ này đi."

"Tin tau đi, tau đã lo xong ấm thân tau rồi. Giờ tau đã đủ sức khỏi phải làm những việc mình không thích trong một thời gian nữa. Ai biết được - có khi mở quán bar cũng nên ở Stockholm. Hoặc - có thể không. Vậy hơi nhàm. Nhưng còn mi - của mi hết đấy! Còn nữa cơ. Có nhớ hồi ông già mi cho chúng mình mỗi đứa năm trăm không? Tiền bay như lồng chim! Thật là hào hùng cao quý! Ờ, với tau hồi đó? Lúc nào cũng đói ngấu? Vừa buồn bã vừa cô độc? Chẳng có một xu? Đấy là cả gia tài nhiều hơn bất kỳ thứ gì tau từng thấy! Và mi..." mũi nó đã hồng lên, tôi nghĩ nó sắp hết hơi "Lúc nào cũng đàng hoàng tử tế, có gì cũng chia hết cho tau - và tau đã làm gì chứ?"

"Ôi thôi nào, Boris," Tôi ấp úng nói.

"Tau đã ăn trộm của mi - thế cơ chứ!" Ánh lấp lánh của rượu

trong mắt nó. “Lấy luôn món đồ quý nhất của mi. Và làm sao tau lại đối xử với mi tệ thế, trong khi tau chỉ mong điều tốt cho mi?”

“Thôi nào. Thật đấy, thôi đi,” Tôi nói khi thấy nó đang khóc.

“Tau còn nói gì được? Mi hỏi tại sao tau lấy đi? tau biết đáp lại thế nào? Chỉ có là, không bao giờ mọi việc giống như bề ngoài cả, tốt cả hay xấu cả. Nếu vậy thật thì đã dễ biết mấy. Ngay cả ông già mi… cho tau ăn, nói chuyện với tau, ở bên tau, cho tau vào nhà ổng, cho cả đồ mặc trên người ổng… mi ghét ông già mi như thế nhưng về nhiều mặt ổng là người tốt.”

“Tao thì không nói là tốt đâu.”

“Tau thì có.”

“À, mày sẽ là người duy nhất. Và mày đã lầm.”

“Này. Tau rộng lương hơn mi,” Boris nói; nó hoạt bát lên trước viễn cảnh được cãi cọ và hít mạnh cho hết sùi sụt. “Xandra - ông già mi, lúc nào mi cũng muốn nghĩ hai người đó thật xấu xa tệ hại. Và phải… ông già mi rất giỏi phá hoại… vô trách nhiệm… như một đứa trẻ. Ổng có tinh thần bự lắm. Khiến ổng đau đớn khủng khiếp! Nhưng ổng làm hại bản thân nhiều hơn bất kỳ ai khác. Và phải…” nó khoa trương nói, gạt đi sự phản đối của tôi “phải, ổng ăn cắp của mi, hay là tìm cách làm thế, tau biết, nhưng mi biết sao không? Tau cũng ăn cắp của mi và tau thoát. Đằng nào tệ hơn? Vì cho mi biết…” thúc mũi chân vào cái túi “thế giới lạ lùng hơn chúng ta biết hoặc nói được nhiều. Và tau biết mi nghĩ sao, hay là ưa nghĩ sao, nhưng có thể đây là một trường hợp mà mi không thể quy về hoặc là ‘tốt’ hoặc là ‘xấu hoàn toàn như lúc nào mi cũng muốn làm thế… ? Như là hai cái đống của mi ấy? Xấu về chỗ này, tốt ra chỗ kia? Có thể là không đơn giản đến thế. Vì trên đường đến đây, đi suốt đêm, đèn Giáng sinh trên đường cao

tốc, tau không ngượng phải nói *với* mi, tau nghẹn ngào cả người vì tau đang nghĩ, không đừng được, về cái chuyện trong Kinh thánh *ấy*...? Mi nhớ không, người quản gia ăn trộm *đồng* xu của bà góa ấy, nhưng rồi người *đó chạy trốn đến* một *nơi* xa rồi đầu tư đồng xu rất khôn ngoan và mang *về* số *tiền gấp* nghìn lần cho bà góa? Và bà đã vui mừng tha thứ, và họ đã mổ thịt con bê béo ăn mừng?"

"Tao nghĩ có lẽ không phải đều là một câu chuyện đâu."

"Ờ... trường đạo ở Ba Lan, đã lâu lắm rồi. Sao cũng được. Vì tau muốn nói là - tau đang nghĩ trên xe từ Antwerp lại là - việc tốt không phải lúc nào cũng đến sau việc tốt, mà việc xấu cũng không phải luôn theo sau việc xấu, phải không? Ngay cả người tốt bụng thông thái cũng không thể thấy hết hậu quả của mọi sự. Nghĩ mà ghê! Có nhớ công *tước* Myshkin trong *Thằng ngốc* không?"

"Tao thực sự không có đầu óc để chuyện trò triết lý bây giờ."

"Tau biết, tau biết, nhưng nghe đây này. Mi đọc *Thằng ngốc* rồi, phải không? Phải. À, tau thấy đấy là một quyển sách rất khó khăn. Thực tế là khó khăn đến mức sau đấy tau hầu như không đọc truyện nữa, trừ mấy cái Hình Xăm Rồng gì đấy. Vì..." tôi đang tìm cách chen vào "ừ, có thể mi sẽ nói được cho tau mi nghĩ gì sau, nhưng cứ để tau nói nốt sao lại thấy khó khăn đã. Vì Myshkin cả đời chỉ làm điều tốt... không hề ích kỷ... anh ta đối xử với mọi người bằng thông cảm và quan tâm và cái tốt ấy dẫn đến những gì? *Giết* người! Chứng điên! Có hồi tau băn khoăn vì cái này kinh khủng. Nằm thức trắng cả đêm mà băn khoăn! Vì - tại sao chứ? Sao lại thế được chứ? Tau đọc cuốn đó cả ba lần, nghĩ là có thể tại tau hiểu sai. Myshkin tốt bụng, yêu mọi người, dịu dàng, lúc nào cũng tha thứ, không bao giờ làm gì sai - nhưng toàn đi tin những

người không nên tin, quyết định đủ thứ sai lầm, làm hại tất cả mọi người xung quanh. Thông điệp thật quá đen, quyển sách ấy. 'Tốt làm gì'. Nhưng, đây là thứ khiến tau chợt nghĩ đến tối qua, trên đường đi xe đến đây. Nếu như lại phức tạp hơn nữa thì sao? Nếu như điều ngược lại cũng có khi đúng? Vì nếu thỉnh thoảng cái xấu nảy ra từ hành động tốt...? Thì có ở đâu, bất kỳ đâu, lại nói rằng hành động xấu chỉ sinh ra cái xấu? Có thể đôi lúc - lối sai lại là lối đúng thì sao? Mi lên một đường sai và cuối cùng nó vẫn dẫn đến nơi mi muốn đến? Hoặc đổi theo cách khác, đôi khi mi làm tất cả các thứ đều sai lầm mà cuối cùng hóa ra kết quả vẫn là đúng?"

"Tao không chắc là mình hiểu ý mày."

"À... tau phải nói là tự tau thì chưa bao giờ vạch đường thẳng băng giữa 'tốt' và 'xấu' như mi. Với tau thì đường ấy thường là giả. Hai thứ này không bao giờ tách rời nhau. Cái này không thể tồn tại mà không có cái kia. Miễn là tau cư xử bằng tình yêu, là tau cảm thấy đang làm theo cách tốt nhất mình biết. Nhưng còn mi - vùi đầu vào phán xét, lúc nào cũng tiếc nuối quá khứ, tự nguyền rủa mình, trách cứ mình, 'giá như' với chẳng 'giá như'. 'Đời ác lắm'. 'Tao ước gì mình đã chết thay cho'. Hừ, nghĩ đi. Nếu như tất cả mọi hành động và lựa chọn của mi dù tốt hay xấu, chẳng khác gì nhau trước mắt Chúa thì sao? Nếu như mô hình đã định trước thì sao? Không không - khoan đã - đây là một câu hỏi đáng suy ngẫm đấy. Nếu như nết xấu và sai lầm của chúng ta lại chính là thứ định hình số phận và mang chúng ta đến cái tốt thì sao? Nếu như một số người trong chúng ta không thể đến đó bằng đường nào khác?"

"Đến đâu?"

"Mi phải hiểu là khi nói 'Chúa', tau chỉ coi 'Chúa' là thay cho

những mô hình lâu dài mà chúng ta không giải mã được. Những hệ thời tiết khổng lồ chậm chạp tiến về phía ta từ xa, thổi lên ta ngẫu nhiên như là…" nó phẩy tay vào không khí hùng hồn như phẩy chiếc lá bay. "Nhưng, cũng có thể không ngẫu nhiên và vô danh đến thế, nếu mi hiểu ý tau."

"Xin lỗi, nhưng tao đang không thực sự nhìn ra mục đích của mày ở đây."

"Chẳng cần mục đích nào cả. Mục đích có thể quá lớn khiến ta không thể thấy hoặc tìm cách tự mình đi đến. Vì…" đôi lông mày cánh dơi nhướng cao "à, nếu mi không lấy tranh khỏi bào tàng, và Sascha không trộm lại, và tau không nghĩ đến chuyện đòi tiền thưởng. Ờ, không *phải cả tá* tranh kia vẫn sẽ còn mất tích sao? Có thể vĩnh viễn cũng nên? Bọc kín giấy nâu? Nhốt trong cái căn hộ ấy? Chẳng ai nhìn ngắm chúng? Cô đơn, tách rời thế giới? Có thể phải có một đứa mất đi để cho cả đám được tìm ra?"

"Tao nghĩ đây là 'sự *trớ trêu khó tả*' thì hợp lý hơn là 'sắp đặt của trời'."

"Ừ, nhưng sao phải đặt tên chứ? Cả hai là một không được sao?"

Chúng tôi nhìn nhau. Và tôi chợt nhận ra rằng bất chấp những khuyết điểm của nó, rất nhiều và mỗi cái đều hết chỗ nói, lý do tôi đã thích Boris và vui sướng khi ở bên nó gần như từ phút đầu tiên gặp mặt là nó không bao giờ biết sợ. Chẳng có mấy ai di chuyển tự do trong thế giới, mang theo niềm căm ghét mãnh liệt đến thế, mà lại đồng thời dành niềm tin kỳ quái không gì đánh đổ được đến thế đối với cái mà thuở thiếu thời, nó rất thích gọi là "Hành tinh Trái Đất".

"Vậy là… " Boris chiêu nốt chỗ vang, lại rót thêm cho mình một

ít "*kế hoạch to* bự của mi là gì?"

"Về cái *gì cơ*?"

"Mới phút trước mi còn đùng đùng bỏ đi mà. Sao không ở lại đây thêm một chút?"

"Ở đây?"

"Không, tau không có ý nói là *ở đây* - ở Amsterdam này - tau cũng đồng ý với mi rằng hai chúng mình cuốn xéo khỏi đây là tốt nhất, còn với tau, tau cũng sẽ lượn cho xa một thời gian. Ý tau là, tại sao không nghỉ xả hơi một chốc, tham quan trước khi bay về? Tới Antwerp với tau. Thăm nhà tau! Gặp bạn bè tau! Tránh xa mấy rắc rối tình ái của mi ít lâu."

"Không, tao đi về,"

"Bao giờ?"

"Hôm nay, nếu được."

"Nhanh thế à? Đừng! Đến Antwerp đi! Có một nơi tuyệt diệu lắm, không như đèn đỏ đâu, hai cô, hai ngàn *ơ*, phải đặt trước hai ngày. Cái gì cũng hai. Gyuri có thể chở mình, tau ngồi trước, để cho mi duỗi người ngủ một chút ở băng sau. Mi thấy sao?"

"Thực ra, tao nghĩ tốt hơn là mày nên bỏ tao ở sân bay."

"Thực ra, tau nghĩ tốt hơn là không. Nếu tau là thằng bán vé à? Tau sẽ không để mi lên máy bay nữa. Trông mi như là bị cúm gà hay SARS vậy." Nó đang tháo dây đôi giày sũng nước, tìm cách nhét chân vào đó. "Ặc! Mi trả lời tau coi? Tại sao..." giơ đôi giày đã hỏng lên "nói coi tại sao tau mua mấy thứ da Ý lòe loẹt này trong khi chỉ sau một tuần đã hỏng bố nó rồi? Trong khi, đôi bốt sa mạc cũ của tau, nhớ không? Rất tiện khi cần chạy một mạch! Nhảy ra khỏi cửa sổ! Dùng hàng năm trời! Tau cóc cần biết nó đi với bộ vét

nhìn rất tởm. Tau sẽ phải kiếm thêm mấy đôi như vậy nữa, rồi sẽ đi đến hết đời. Ờ," nó nói, cau mi nhìn đồng hồ, "Gyuri đi đâu rồi nhỉ? Hẳn ảnh không gặp rắc rối kiếm chỗ đậu xe ngày Giáng sinh chứ?"

"Mày có gọi anh ta chưa?"

Boris vỗ lên đầu. "Chưa, tau quên mất. Cái kẹc! Hẳn là ảnh ăn sáng xong rồi. Hoặc đang ngồi trong xe chết cóng." Cạn nốt chỗ vang, bỏ túi mấy chai vodka mini. "Mi đóng đồ chưa? Rồi à? Chuẩn quá. Đi thôi." Tôi nhận ra nó đang gói bánh mì phô mai thừa vào cái khăn vải. "Xuống trả tiền đi. Mặc dù..." nó chê bai nhìn cái áo khoác ố bẩn vứt trên giường "mi thực tình nên vứt thứ đó đi."

"Bằng cách nào?"

Nó hất hàm về phía dòng kênh đục ngầu ngoài cửa.

"Thật à ...?"

"Sao không ? Làm gì có luật nào cấm vứt áo xuống kênh, hử?"

"Tao nghĩ là có đấy, có."

"Ờ, ai biết được. Vậy không phải luật áp dụng rộng lắm, theo ý tau. Mi mà thấy vài quả rõ tởm tau đã thấy trôi trên mặt kênh đợt thợ rác biểu tình. Du khách Mỹ say mèm nôn mửa, gì cũng có. Mặc dù..." ngó ra cửa "tau đồng ý mi, tốt hơn không nên làm giữa ban ngày. Ta có thể bỏ trong cốp xe về Antwerp rồi ném vào lò đốt rác. Mi sẽ khoái căn hộ của tau lắm." Lấy điện thoại ; bấm số. "Tầng gác mái của nghệ sĩ, chỉ thiếu nghệ thuật ! Và chúng mình sẽ ra ngoài mua áo khoác mới cho mi khi nào cửa hàng mở lại."

http://tieulun.hopto.org

TÔI BAY VỀ NHÀ bằng chuyến đêm sau đó hai đêm (Ngày Tặng quà 26 ở Antwerp không hề có tiệc tùng cũng không có các cô em, chỉ có xúp đóng hộp, mũi tiêm penicillin, với mấy bộ phim cũ trên xô pha nhà Boris), trở lại nhà Hobie thì đã quãng tám giờ sáng, hơi thở phả thành từng cụm mây trắng, tự mở cánh cửa trước treo cành linh sam vào nhà, đi qua sảnh có cây thông đã tắt đèn và quà đã được lấy đi gần hết, vào đến tận cuối nhà để gặp một Hobie mặt sưng húp, mắt ngái ngủ, mặc áo choàng tắm và dép lê, đang đứng trên thang bếp cất tô súp và bát rượu punch dùng cho bữa tiệc trưa Giáng sinh. “Cháu đây,” tôi nói, thả rơi vali, luýnh quýnh với Popchik đang lượn quanh chân tôi thành những vòng số tám lụ khụ nhưng vững chắc thay lời chào và mãi tận khi liếc nhìn ông đang xuống thang mới nhận ra nét mặt ông rất quyết liệt: lo âu, nhưng nụ cười vừa kiên quyết vừa chống chế gắn sẵn trên mặt.

“Bác thế nào ?” Tôi hỏi, đứng dậy rời khỏi con chó, bỏ cái áo choàng mới khỏi vai rồi vắt lên lưng ghế gần đó. “Có gì vui không ?”

“Không mấy.” Không nhìn tôi.

“Chúc bác Giáng sinh vui vẻ! Ờ… Hơi muộn. Giáng sinh của bác thế nào ạ?”

“Tốt. Cháu thì sao ?” Ông hỏi, cứng nhắc, sau vài giây.

“Thực tế là không quá tệ. Cháu đi Amsterdam,” tôi nói thêm, khi không thấy ông đáp lại.

“Ố thế à ? Chắc là thích lắm.” Lơ đễnh, không chú ý

“Tiệc trưa của bác thế nào ạ?” tôi hỏi sau một lúc im lặng thận trọng.

“À, vui. Có mưa đá nhẹ nhưng ngoài ra thì là một buổi tụ tập vui vẻ.” Ông đang tìm cách gấp cái thang lại và hơi lúng túng. “Mấy món quà cho cháu vẫn còn để dưới cây đằng kia, nếu cháu muốn mở.”

“Cảm ơn bác. Tối nay cháu sẽ mở. Cháu đang đơ quá. Cháu giúp bác được không ?” Tôi hỏi và bước tới

“Không, không. Không, cảm ơn.” Cảm giác không vui lồ lộ trong giọng ông. “Bác làm được.”

“Được thôi,” tôi nói và tự hỏi sao ông chưa nhắc đến món quà tôi tặng ông : một mẫu tập thêu của trẻ con, những chữ cái và con số cuốn tròn như dây nho, các loài vật nuôi cách điệu thêu đâm xô bên cạnh, *Mẫu thêu của Marry Sturtevant 11 tuổi 1779* .Ông chu mở ra ư? Tôi kiếm được nó trong một hộp đựng quần lót polyester loại to bự ở chợ đồ cũ, so với chợ đồ cũ thì không rẻ, bốn trăm đô, nhưng tôi đã thấy nhiều món tương tự bán ở các buổi đấu giá Di Sản Mỹ gấp mười giá đó. Im lặng, tôi nhìn ông loanh quanh trong bếp ở chế độ tự động - đi lượn vòng, mở cửa tủ lạnh, đóng lại mà không lấy gì ra, đổ đầy ấm pha trà, từ đầu đến cuối vẫn náu kỹ trong kén không chịu nhìn tôi.

“Hobie, có chuyện gì thế ?” Cuối cùng tôi hỏi.

“Không có gì.” Ông đang tìm thìa, nhưng mở nhầm ngăn kéo.

“Sao, bác không muốn cho cháu biết à?”

Ông quay nhìn tôi, mắt thoáng ánh do dự, rồi quay lại với cái lò và buột ra : “Cháu cho Pippa cái vòng cổ ấy thật là không phải.”

“Sao” tôi hỏi, giật mình. “Bạn ấy giận à?”

“Bác...” Nhìn xuống sàn, ông lắc đầu. “Bác không biết cháu đang gặp chuyện gì,” ông nói. “Bác không biết phải nghĩ gì nữa.

Này, bác không muốn cấm đoán đâu," ông nói khi thấy tôi ngồi bất động. "Thật tình đấy. Đúng ra là bác không muốn nói về chuyện ấy. Nhưng..." Ông có vẻ khó tìm lời lẽ. "Cháu không thấy làm thế là rất đáng phiền lòng và không phải à? Đem cho Pippa cái vòng ba mươi ngàn đô-la?

Vào đúng *tối đính hôn* của cháu? Thản nhiên bỏ vào ủng nó như thế ? Ngay *trước cửa* ?"

"Cháu không trả ba mươi ngàn đô cho cái đó."

"Không, bác dám nói là cháu đã trả bảy mươi lăm nếu mua ở cửa hàng. Hơn nữa, còn một chuyện khác..." Thình lình ông kéo ghế ngồi xuống. "Ôi, bác không biết phải làm sao nữa," ông nói rất đau khổ. "Bác không biết phải bắt đầu từ đâu nữa."

"Sao vậy?"

"Hãy nói với bác là tất cả cái vụ làm ăn bên ngoài kia không có liên quan gì tới cháu."

"Vụ làm ăn nào?" Tôi thận trọng hỏi.

"A." Nhạc cổ điển buổi sáng từ đài bán dẫn trong bếp, bản xô nát dương cầm suy tư. "Hai ngày trước Giáng sinh, bác được tiếp ông bạn Lucius Reeve của cháu trong một chuyến thăm độc nhất vô nhị."

Cảm giác hẫng chân đến liền, vụt lẹ, sâu thẳm.

"Ông ta đưa ra một vài cáo buộc khá giật mình. Hơn cả và vượt xa những gì có thể trông đợi." Hobie đưa ngón trỏ và ngón cái ấn chặt hai mắt, ngồi một lúc. "Hãy cứ bỏ qua vấn đề kia một lúc. Không, không," ông nói, xua tay gạt tôi đi khi tìm cách nói. "Việc nào trước nói trước. Về các món hàng."

Giữa chúng tôi, một quãng im lặng không chịu nổi nở phồng

lên.

“Bác hiểu là bác đã không làm cho cháu dễ dàng muốn thổ lộ với bác hơn. Bác cũng hiểu là chính bác đã đẩy cháu vào tình thế này. Nhưng…” ông đảo mắt nhìn quanh “hai triệu đô-la ư, Theo!”

“Khoan, để cháu nói điều này đã.

“Đáng ra bác phải ghi chú lại, ông ta có bản sao, vận đơn, những món chúng ta chưa bao giờ bán và chưa bao giờ có để mà bán, những món ở cấp độ Di Sản Mỹ, không tồn tại, bác không tính nhẩm nổi hết nữa, đến một lúc bác dừng không đếm nữa. Hàng tá Bác không hình dung nổi phạm vi từng ấy. Và cháu nói dối bác về chuyện cắm. Đấy đâu có phải là điều ông ta muốn.”

“Hobie? Hobie, nghe này.” Ông đang nhìn tôi mà không hẳn thấy tôi. “Cháu xin lỗi đã để bác phải biết được bằng cách này cháu đang hy vọng dàn xếp ổn thỏa trước đã nhưng … điều này đã có cách giải quyết rồi, được chưa? Giờ thì cháu có thể mua lại hết rồi, từng món một ”

Nhưng thay vì tỏ ra nhẹ người, ông lại chỉ lắc đầu! “Kinh khủng quá, Theo. Sao bác lại để chuyện này xảy, ra được ?

Nếu bản thân bớt lẩy bẩy, tôi đã nhận xét rằng ông chỉ có tội lỗi duy nhất là tin cậy tôi và tin cậy những lời tôi nói với ông, nhưng ông có vẻ rối trí thực lòng đến nỗi tôi không nỡ nào nói gì nữa.

“Làm sao lại đi đến bước này? Làm sao bác lại không hề biết? Ông ta có…” Hoble tránh mắt đi, lại lắc nhanh đầu không tin nổi “Chữ của cháu, Theo à. Chữ ký của cháu. Bàn Duncan Phyfe… Ghế ăn Sheraton… Xô pha Sheraton đi California… Chính tay bác làm ra cái xô pha ấy, Theo à, chính hai bàn tay bác đây, cháu đã nhìn thấy bác làm, nó chẳng Sheraton gì hơn cái túi đi chợ của

Gristede đằng kia. Khung hoàn toàn mới. Cả tay vịn cũng mới. Chỉ có hai cái chân là đồ thật, cháu đã đứng kia nhìn bác khắc múi chân nó mà…"

"Cháu xin lỗi Hobie. Sở thuế hôm nào cũng gọi tới, cháu không biết phải làm gì…"

"Bác hiểu là cháu không biết," ông nói, dù trong mắt ông hiện ra cậu hỏi ngay cả lúc nói câu này. "Dưới đó thật là một cơn khủng hoảng! Chỉ có điều…" ông ngả người trên ghế, đảo mắt nhìn trần nhà "sao cháu không dừng lại? Sao cháu cứ tiếp tục? Chúng ta đã tiêu tiền không phải của mình bấy lâu nay! Cháu đã đẩy chúng ta sụp hố gần sâu đến đáy trái đất rồi! Chuyện này đã diễn ra hàng năm nay! Kể cả nếu chúng ta có chuộc lại được hết, một việc ta không thể làm được như cháu thừa biết…"

"Hoble, đầu tiên là cháu có thể chuộc được và thứ nữa…" tôi cần cà phê, tôi chưa tỉnh hẳn, nhưng trên lò không còn chút nào và đây thực sự không phải lúc nên đứng dậy đi pha "thứ nữa, ừm, cháu không muốn nói là mọi sự đều ổn đâu, vì tình thực là, rõ ràng không ổn, cháu chỉ đang cố đưa chúng ta qua đận đó và giải quyết một vài món nợ thôi, cháu cũng không biết làm sao lại đi xa đến vậy nữa. Nhưng…không, không, bác nghe đã," tôi khẩn thiết nói; tôi thấy rõ là ông đã lại trôi xa, mắt như nhòa đi, giống như mẹ tôi vẫn thường làm khi bị buộc ngồi yên chịu trận một bài nói dối rất rắc rối và tuyệt đối khó tin của bố tôi. "Cho dù hắn có nói gì với bác, và cháu không biết hắn nói gì, thì giờ cháu cũng đã có tiền rồi. Ổn rồi. Bác hiểu không?"

"Bác nghĩ là bác không dám hỏi tiền đó từ đâu ra nữa." Rồi, buồn rầu, dựa mình vào ghế. "Cháu đi đâu về đấy? Nếu không ngại bác hỏi?"

Tôi khoanh chân rồi lại duỗi ra, chùi hai tay lên mặt.

“Amsterdam.”

“Sao lại Amsterdam?” Rồi, khi thấy tôi lúng túng tìm câu trả lời: “Bác tưởng cháu không về nữa.”

“Hobie...” cháy phừng phừng vì hổ thẹn; lúc nào tôi cũng cố hết sức che giấu bản chất hai mặt của mình trước ông, chỉ chìa ra cho ông phiên bản đã được đánh bóng và cải tiến, không bao giờ là cái tôi xơ xác mà tôi đã tuyệt vọng giấu giếm: kẻ nói dối, kẻ hèn nhát, kẻ trí trá, kẻ lừa mị...

“*Tại sao* cháu quay lại?” Ông đang nói rất nhanh và sầu não, như thể chỉ muốn một điều là ẩy được những lời đó ra khỏi miệng; trong cơn kích động ông đứng dậy và bắt đầu đi loanh quanh, đôi dép bệt đập bem bép trên sàn nhà. “Bác cứ tưởng sẽ chẳng bao giờ gặp cháu nữa. Suốt đêm qua - mấy đêm qua - thức trắng nghĩ xem phải làm gì. Đắm tàu. Thảm họa. Báo nào cũng đưa tin về mấy bức tranh mất cắp ấy. Giáng sinh gì cơ chứ. Còn cháu - chẳng thấy đâu hết. Không trả lời điện thoại - không ai biết ở đâu...”

“Ôi Chúa ơi,” tôi nói, thực lòng khổ sở. “Cháu xin lỗi. Nhưng bác nghe cháu, nghe cháu này,” tôi nói - miệng ông mím lại, ông đang lắc đầu như đã kịp cách ly khỏi những gì tôi đang nói, có nghe cũng chẳng ích gì “nếu là bác lo vụ đồ bán.

“Đồ bán?” Hobie thư thái, độ lượng, ưa đấu dịu: giờ sùng sục như cái nồi hơi sắp nổ tung. “Ai nói gì đến đồ bán? Reeve nói cháu cuốn gói rồi, cao chạy xa bay rồi nhưng...” ông đứng chớp mắt lia lịa, cố gắng trấn tĩnh “bác không tin cháu lại làm thế, không tin, và bác đang sợ rằng có chuyện gì tệ hơn. Ôi, cháu biết bác muốn nói gì mà,” ông nói có phần tức giận khi cháu không đáp. “Bác phải nghĩ gì đây? Cháu sầm sầm bỏ đi khỏi buổi tiệc như thế... Pippa và bác, cháu không tưởng nổi đâu, bà chủ tiệc làm toáng

lên một chút, 'chú rể đâu rồi', lùng sục, cháu đi đột ngột quá, bác và nó không được mời tới tiệc khuya nên đi về - và rồi - tưởng tượng xem cảm giác của bác ra sao khi về đến nhà thấy cửa không khóa, gần như mở tung, tủ tiền bới lộn... chưa nói đến cái vòng cổ, tin nhắn cháu để cho Pippa quá lạ lùng, nó cũng lo lắng chẳng kém gì bác.

"Bạn ấy lo à?"

"Tất nhiên lo chứ!" Vung tay lên. Ông gần như la thét. "Chứ bọn bác phải nghĩ gì? Và rồi đến cái chuyến thăm kinh khủng của Reeve. Bác thì đang dở tay làm vỏ bánh - đáng ra không nên đi ra cửa, bác tưởng là Moira - chín giờ sáng, đứng đó há hốc miệng người đầy bột nhìn ông ta - Theo, sao cháu lại làm thế?" ông tuyệt vọng hỏi.

Không biết ý ông nói chuyện gì - tôi đã làm quá nhiều chuyện- tôi chẳng còn cách nào ngoài lắc đầu nhìn chỗ khác."

"Thật phi lý hết nước hết cái - làm sao bác có thể tin được? Thực tế là bác *không* tin. Vì bác hiểu," ông nói, khi thấy tôi không trả lời, "nghe này, bác hiểu vụ bán đồ, cháu đã làm điều phải làm, và tin bác đi, bác rất biết ơn, nếu không có cháu thì giờ này bác đang làm thuê cho ai đó và sống trong một túp lều đầy chuột nào đấy. Nhưng..." dúi nắm tay vào túi áo choàng tắm "còn cái vụ điên rồ kia? Rõ ràng là bác không thể không tự hỏi cháu ở đâu trong tất cả những chuyện này. Nhất là khi cháu đã biến mất hầu như không để lại một lời, với cái cậu đó - mà, bác ghét phải nói câu này, rất dễ thương nhưng trông như thể đã nếm mùi tù đày rồi."

"Hobie..."

"Ôi, Reeve. Đáng ra cháu phải nghe thấy ông ta nói." Sức lực

dường như đã rời bỏ ông; trông ông rũ ra, quỵ xuống. “Con rắn già. Và, bác muốn cháu biết rằng, riêng *về* vụ đó - ăn cắp tranh à? Bác đã bênh vực cháu, không băn khoăn gì cả. Dù cháu có làm những gì - thì bác tin chắc cháu cũng không làm *cái đó*. Và rồi? Chưa đầy ba hôm sau? Cái gì lên báo chứ? Chính là bức tranh nào? Cùng với bao nhiêu nữa? Có phải ông ta nói thật không?” ông hỏi, khi thấy tôi vẫn không trả lời. “Có phải là cháu không?”

“Phải. Ờ, ý cháu là, chính xác ra thì không.”

“Theo.”

“Để cháu giải thích.”

“Làm ơn giải thích đi,” ông nói và chịn bàn tày vào mắt.

“Bác ngồi xuống đã.”

“Bác. Tuyệt vọng, ông ngó quanh, như sợ sẽ mất hết quyết tâm nếu ngồi xuống bàn với tôi”.

“Không, bác ngồi đi. Chuyện dài lắm. Cháu sẽ cố rút càng ngắn càng tốt.”

vii.

ÔNG KHÔNG NÓI MỘT LỜI. Thậm chí còn không trả lời điện thoại đang reo. Tôi đã mệt bã xương tủy, toàn thân đau nhức sau chuyến bay, và dù ỉm đi chuyện hai cái xác? Tôi vẫn cố gắng tường thuật phần còn lại cặn kẽ nhất có thể; những câu ngắn, tình hình thực tế, không tìm cách bào chữa hay giải thích. Khi tôi đã kể xong ông vẫn ngồi đấy - tôi run rẩy thấy ông nín lặng, không một âm thanh trong bếp trừ tiếng ấm ư không màu của cái tủ lạnh cũ, Nhưng rốt cuộc, ông cũng ngả người khoanh tay.

“Đôi khi tình hình xoay chuyển thật lạ lùng làm sao, phải

không?" ông nói.

Tôi im lặng, không biết phải đáp gì.

"Bác chỉ muốn nói là... dụi mắt "bác chỉ hiểu ra khi đã già đi. Rằng thời gian kỳ dị đến mức nào. Nhiều bất ngờ và mánh khóe."

Chữ *mánh khóe* là chữ duy nhất tôi nghe thấy, hay hiểu được.

Rồi đột ngột, ông đứng dậy - cao đến hai mét, dáng điệu có gì đó nghiêm khắc và ân hận, hay là tôi tưởng vậy, bóng ma tiên tổ của tay cớm bước chân đu đưa hoặc có thể là một tay bảo vệ sắp đá đít ta ra khỏi quán rượu.

"Cháu đi đây" tôi nói.

Ông chớp mắt lia. "Gì cơ?"

"Cháu sẽ viết séc cho bác đủ số tiền đó. Chỉ cần giữ đến khi cháu thông báo với bác có thể rút tiền, cháu chỉ xin bác có thế thôi. Cháu chưa bao giờ có ý muốn làm hại bác, cháu thề đấy."

Ông gạt cả cánh tay xua đi những lời tôi nói, cử chỉ những ngày xưa. "Đừng, đừng. Đợi ở đây đã. Để bác cho cháu xem cái này."

Ông đứng dậy, bước chân răng rắc đi vào phòng khách. Một hồi lâu. Và - khi quay lại - ông mang theo một cuốn album đã rời ra từng mảnh. Ông ngồi xuống. Giở qua mấy trang liền. Rồi đến một trang cần tìm, ông đẩy cuốn sổ qua bàn về phía tôi. "Đây," ông nói.

Một tấm ảnh đã mờ. Một chú bé nhỏ xíu, mỏ nhọn, trông như chú chim ngồi mỉm cười bên cỗ đàn dương cầm trong căn phòng đầy cọ kiểu Belle Époque:[191] không phải kiểu Paris, không hẳn, mà kiểu Cairo. Một cặp đôn chậu cảnh, rất nhiều đồ đồng Pháp, rất nhiều bức tranh nhỏ. Một bức - những đóa hoa cắm trong cốc

thủy tinh - tôi lờ mờ nhận ra của Manet. Nhưng - mắt tôi đã trượt lên, dừng lại ở phiên bản sinh đôi của một hình ảnh quen thuộc hơn nhiều, bên trên một hai bức khác.

Tất nhiên, đấy là một bản chép. Nhưng ngay cả trong bức ảnh chụp đã phai, nó vẫn tỏa sáng cái ánh sáng cô độc, hiện đại lạ thường đó.

"Bản chép của họa sĩ" Hobie nói. "Bức Manet cũng vậy. Cũng không đặc biệt lắm, nhưng..." đan tay vào nhau trên bàn "những bức tranh ấy là một phần rất lớn trong tuổi thơ ông, phần sung sướng nhất, trước khi ông ốm - con độc, được các gia nhân yêu chiều chăm bẵm hết mực - vả, quýt, hoa nhài trên ban cổng - ông biết cả tiếng Ả rập ngoài tiếng Pháp, cháu biết mà, phải không? Và..." Hobie khoanh tay thật chặt, đập đập ngón trỏ lên môi! "ông thường bảo với những bức tranh thực sự quý giá, có khi người ta hiểu được nó tận sâu bên trong, gần như sống trong nó, dù chỉ qua bản sao. Ngay cả Proust - có một đoạn văn nổi tiếng, Odette mở cửa khi đang bị cảm, hờn dỗi, tóc xõa lung tung, da chỗ trắng chỗ đỏ, và Swann, trước thời điểm ấy không hề để mắt đến cô ta, đã lập tức phải lòng vì trông cô ta y như một thiếu nữ của Botticelli trong một bức bích họa hơi bị hư hỏng. Mà Proust chỉ biết qua bản sao. Ông chưa bao giờ được ngắm bản gốc trong nhà nguyện Sistine cả. Nhưng dù có thế - cách nào đó cả cuốn tiểu thuyết là để nói về khoảnh khắc ấy. Và ngay cả chỗ hư hỏng cũng làm nên một phần sức hút, cặp má loang lổ trên bức tranh. Dù qua một bản sao Proust vẫn có thể mơ lại giấc mơ ấy, qua nó nhào nặn lại thực tế, và từ nó rút ra cái gì đó của riêng ông đưa vào thế giới. Vì - đường thẩm mỹ là đường thẩm mỹ. Có chạy qua máy photo một trăm lần cũng không có gì thay đổi."

"Không có gì thay đổi", tôi đáp, dù không nghĩ về bức tranh mà

về những kẻ biến hình của Hobie. Những món đã được bàn tay ông truyền sức sống, đánh bóng tới khi chúng trông như đã được chính Thời gian phủ nước láng trinh tuyền vàng óng lên trên, những bản sao khiến người ta phải lòng Hepplewhite hay Sheraton, dù cả đời người ta chưa từng nhìn thấy hay nghĩ về món đồ Hepplewhite hay Sheraton nào cả.

"Ờ... bác chỉ là một gã sao chép già nói chuyện một mình mà thôi. Cháu biết Picasso nói gì đấy. "Nghệ sĩ tôi thì sao chép, nghệ sĩ giỏi thì ăn cắp". Nhưng với những điều lớn lao thật sự, ở đầu dây luôn có một cú giật. Cháu có tóm lấy sợi dây ấy bao nhiêu lần cũng vậy, hay có bao nhiêu người đã nắm vào trước cháu cũng thế. Vẫn là sợi dây ấy thôi. Đã thả xuống từ một sự sống cao hơn. Vẫn mang trong mình phân nào cú sốc xưa kia. Và những bản sao này..." cúi mình tới trước, tay nắm trên bàn "những bản sao của họa sĩ đã chứng kiến ông lớn lên đã trụi hết khi ngôi nhà ở Cairo bị cháy, và nói thật với cháu ông đã mất chúng từ trước rồi, hồi ông bị tật và người ta trả ông về nước Mỹ, nhưng - ờ, ông cũng là một người như chúng ta, ông trở nên gắn bó với các đồ vật, thấy chúng có tính cách và tâm hồn, và dù đa hầu như mất hết mọi điều khác trong cuộc đời ấy thì không bao giờ ông mất những bức tranh này, vì nguyên bản vẫn còn trên thế giới. Đã làm mấy chuyến du hành tới thăm chúng - thực tế là các bác từng đi tàu tới tận Baltimore xem bức Manet khi có đợt triển lãm ở đó, hàng năm trước cơ, tận hồi mẹ Pippa còn sống. Quả là một chuyến đi khó khăn với Welty. Nhưng ông biết mình không còn cơ hội trở lại bảo tàng Orsay nữa. Và cái hôm ông cùng Pippa tới xem triển lãm Hà Lan ấy? Cháu nghĩ xem ông chủ đích đưa nó tới xem cái gì?"

Điều thú vị nhất trong bức ảnh, là cậu bé yếu ớt đầu gối vặn vào nhau ấy - đang cười như thiên thần, trong veo trong bộ đồ

thủy thủ -lại cũng chính là ông già đã siết chặt tay tôi trong phút qua đời: hai khung ảnh riêng rẽ, chồng lên nhau, mang cùng một linh hồn. Và bức tranh trên đầu ông là điểm cố định nơi mọi thứ đều treo vào: giấc mơ hay dấu hiệu, quá khứ hay tương lai, vận mệnh và số phận. Không có ý nghĩa nào đơn lẻ. Có trập trùng ý nghĩa. Đấy là một câu đố không ngừng vươn dài vươn rộng mãi ra.

Hobie hắng giọng. "Hỏi cháu một điều được không?"

"Vâng"

"Cháu giữ nó như thế nào?"

"Trong vỏ gối.

"Vải bông à?"

"Ừm… percale có phải vải bông không?"

"Không đệm lót gì à? Không có gì bảo vệ à?"

"Chỉ có giấy và băng dính thôi. Vâng," tôi đáp, khi thấy mắt ông nhòa vì hoảng hốt.

"Lẽ ta cháu phải dùng giấy bóng kính và màng xốp hơi chứ!"

"Giờ thì cháu biết rồi."

"Xin lỗi." Nhăn mặt, áp tay lên thái dương. "Vẫn đang cố rạch ròi trong đầu. Cháu gửi bức tranh vào khoang hành lý và bay bằng Continental Airlines à?"

"Cháu nói rồi đấy. Cháu mới mười ba mà."

"Sao không bảo bác có phải là xong không? Có thể mà," ông nói khi tôi lắc đầu.

"À vâng," tôi nói hơi vội quá, dù lúc này đang mải nhớ lại cảm

giác cô độc và kinh hoàng thời gian đó: không ngừng khiếp đảm trước Sở Dịch vụ Xã hội; mùi xà phòng nồng nặc trong phòng ngủ không ổ khóa, cái lạnh lẽo ghê người trong sảnh lễ tân đá xám khi đứng chờ ông Bracegirdle, nỗi sợ sẽ bị đưa đi nơi khác.

"Nếu vậy hẳn bác đã nghĩ ra cách nào đó. Dù khi cháu hiện ra ở đây không nhà không cửa như vậy... ờ, hy vọng cháu không để bụng câu này nhưng ngay cả luật sư của cháu - ừ, cháu cũng biết mà, tình hình làm ông ta bối rối, chỉ sốt sắng muốn đẩy cháu đi ngay khỏi đây, còn về phía bác cũng vậy mấy người bạn rất lâu năm cũng bảo, 'James, thế này thì thật quá sức với ông...' à cháu cũng hiểu tại sao họ nghĩ thế," ông vội nói thêm khi nhìn thấy vẻ mặt tôi.

"À vâng, tất nhiên." Nhà Vogel, nhà Grossman, nhà Miideberger, lúc nào cũng tỏ ra lịch thiệp, nhưng lúc nào cũng bắn tín hiệu không lời (ít ra là trước mặt tôi) truyền đạt khá rõ tư tưởng Hobie-đã-đủ-nhiều-việc-lắm-rồi.

"Về mặt nào đó thì làm thế là điên. Bác biết nhìn vào có vẻ thế nào. Nhưng mặt khác, ờ, có vẻ đúng là một thông điệp rõ ràng, cái cách Welty cử cháu đến đây, và rồi cháu quay lại, rồi quay lại như một chú côn trùng nhỏ..." Ông nghĩ một lúc, trán hằn lên, vẫn cái vẻ lo âu thường trực nhưng tăng thêm mấy bậc - "bác sẽ kể cho cháu điều bác đang tìm cách nói nhưng hơi vụng, sau khi mẹ bác chết, bác cứ đi bộ liên hồi, suốt cái mùa hè kinh khủng đằng đẵng ấy, Có hồi đi bộ suốt từ Albany đến Troy. Đứng dưới mái bạt những cửa hàng đồ sắt trong mưa. Làm gì cũng được, miễn không phải trở về ngôi nhà không còn bà ở đó. Dật dờ khắp nơi như bóng ma. Bác ở trong thư viện đến khi bị đuổi ra rồi lên xe buýt Watervliet đi hoài rồi lại đi dạo thêm chút nữa.

Hồi ấy bác rất cao, mười hai tuổi nhưng to con như người lớn,

người ta tưởng là dân lang thang, các bà nội trợ vung chổi xua bác khỏi cửa. Nhưng chính vì thế mà bác mới dạt vào nhà bà De Eeyster - bà mở cửa khi thấy bác ngồi trên hiên và bảo: Chắc là cháu khát lắm, cháu có muốn vào nhà không? Chân dung, tranh tiểu họa, ảnh in Daguerre[192] ; bà dì A, ông cậu B, C, Cái cầu thang xoắn dẫn xuống dưới; Và thế là bác đã lên được thuyền cứu sinh. Bác đã tìm thấy nó. Ở trong nhà ấy, nhiều khi phải véo mình bác mới không nhầm tưởng đây đang là năm 1909. Nhiều món Cổ Điển Mỹ đẹp nhất trên đời cho đến giờ bác chưa gặp được gì hơn, và trời ơi, cái cửa kính Tiffany ấy - đây là hồi mà Tiffany chưa có gì, đặc biệt, người ta chẳng ai biết đến, chưa được săn đón như bây giờ, hẳn trong thành phố đã được trả giá cao rồi nhưng ở các cửa hàng đồ cũ nửa bắc vẫn còn tìm được rẻ như cho. Chẳng mấy chốc bác đã chuyển sang lùng sục các cửa hàng đồ cũ ấy. Nhưng mấy món này - tất cả đã truyền lại trong gia đình bà. Mỗi món đều gắn với một câu chuyện. Và bà rất hoan hỉ chỉ cho bác cần đứng vào đúng chỗ nào, đúng giờ nào, để thấy được từng món trong góc độ hoàn hảo nhất. Vào lúc hoàng hôn, khi ánh mặt trời dạo một vòng tròn quanh phòng...” ống xòe các ngón tay ra, *bụp*, *bụp* “từng món một sẽ lần lượt cháy bừng như một dây pháo.”

Ngồi ở đầy tôi nhìn rõ con tàu Nô-ê của Hobie: voi, ngựa vằn, những con thú điêu khắc sóng đôi bên nhau, cho mãi đến tận những gà mái bên gà trống, thỏ và chuột tí xíu đoạn hậu. Và ký ức đặt ở đó, bên ngoài lời lẽ, một thông điệp mã hóa gửi từ buổi chiều đầu tiên ấy: mưa dầm dề chảy xuống giếng trời, các sinh vật khiêm nhường xếp hàng trên bệ bếp chờ được cứu. Nô-ê : nhà bảo tồn vĩ đại, nhà chăm sóc vĩ đại.

“Và...” ông đã đứng dậy đi pha cà phê “bác nghĩ rằng cũng khá tầm phào khi bỏ cả đời chăm lo quá mức cho đồ vật ...”

“Ai bảo vậy ?”

“À…” rời khỏi lò “chúng ta đâu có mở bệnh viện cho trẻ con bị ốm ở đấy, cứ nói vậy đi. Có cao quý gì khi vá víu một lô bàn ghế cũ kỹ? Nó làm xói mòn tâm hồn, có lẽ. Bác đã vào quá nhiều nhà, không thể làm ngơ điều đó. Đấy là suy tôn thần tượng. Quá quan tâm đến đồ vật, người ta có thể bị hủy diệt. Chỉ có điều - nếu quan tâm tới một vật gì đến mức nào đó, thì nó sẽ mang lấy sự sống riêng, phải không ? Và chẳng phải ý nghĩa của sự vật - những vật đẹp - lá ở chỗ chúng kết nối ta với cái đẹp lớn hơn ? Những hình ảnh đầu tiên đã mở tung trái tim ta, khiến ta bỏ cả đời đuổi theo, hay tìm cách bắt lại, bằng cách nào đó ? Bởi vì, như bác nói - sửa chữa đồ cũ, bảo quản đồ cũ, chăm sóc đồ cũ - về một mặt nào đó thì không có lý do hợp lý nào cho việc đó cả.

“Chẳng hề có lý do hợp lý nào cho bất kỳ thứ gì cháu yêu mến.”

“Ờ, phải, bác cũng vậy,” ông khoan thai nói. “Nhưng…” nheo đôi mắt cận nhìn hũ cà phê, xúc bột cà phê vào bình “ờ, xin lỗi đã lan man, nhưng từ đây, từ vị trí bác đang nhìn, thấy có vẻ cũng khá kẹt, phải không nhỉ?”

“Cái gì?”

Ông bật cười. “Biết nói gì? Những bức tranh lớn - người ta đổ xô đến xem chúng, chúng lôi kéo đám đông, chúng được in lại hàng ngàn hàng vạn lần trên những ca cà phê hay bàn di chuột và cả tỉ thứ khác nữa. Và, bác cũng tính cả mình vào đây, cháu có thể bỏ cả đời đi ngắm bảo tàng cực kỳ thành thực, la cà tán thưởng mọi thứ rồi ra ngoài ăn trưa. Nhưng…” trở lại bàn ngồi xuống “nếu có bức tranh nào thực sự len vào trong tim cháu, thay đổi cách cháu nhìn, cháu nghĩ, cháu cảm nhận, thì cháu không nghĩ, ‘ồ mình yêu bức tranh này vì nó thật có tính phổ

quát'. 'Mình yêu bức tranh này vì nó chạm đến tâm hồn mọi con người'. Không có ai yêu một tác phẩm nghệ thuật nào vì lý do ấy cả. Mà đấy là tiếng thì thầm trong ngõ hẹp. *Này, chú kia. Ê, nhóc, ừ, chính chú đó*". Đầu ngón tay lướt trên tấm ảnh đã phai - ngón tay của nhà bảo quản, chạm mà không chạm, một khoảng mảnh bằng chiếc bánh thánh giữa mặt tranh và ngón tay. "Một cảm giác nhói trong tim của riêng anh. Giấc mơ của cháu, của Welty, của Vermeer. Cháu thấy một bức tranh, bác thấy một bức khác, cuốn sách ảnh đẩy nó cách thêm một tầng nữa, bà khách mua tấm bưu thiếp ở cửa hàng lưu niệm lại thấy một thứ khác hẳn, đấy là chưa kể những người cách biệt ta trong thời gian - bốn trăm năm trước, bốn trăm năm về sau - mỗi người sẽ có một ấn tượng hoàn toàn khác, và phần đông mọi người sẽ không bao giờ lưu lại ấn tượng sâu đậm nào - nhưng một bức tranh thực sự vĩ đại sẽ đủ uyển chuyển mà len lỏi vào trái tim và trí óc từ rất nhiều góc độ khác nhau, bằng những cách độc nhất và cực kỳ đặc thù. *Vì anh đấy. Tôi được vẽ ra là dành cho anh*. Và - ờ bác cũng không biết nữa, hãy ngăn bác lại nếu bác nói nhảm nhí nhé..." quệt tay lên trán "nhưng chính Welty cũng thường nói về những đồ vật mang định mệnh. Mỗi nhà buôn và chuyên gia cổ vật đều nhận ra những vật ấy. Những món trở đi trở lại.

Có thể với ai đó, không phải nhà buôn ấy, đấy không phải là đồ vật. Đấy là một thành phố, một màu sắc, một thời khắc trong ngày. Là cái đinh nơi số phận cháu hẳn sẽ mắc vào, vướng lại."

"Bác nói cứ như bố cháu."

"À - thế thì hãy nói một cách khác vậy. Ai đã nói nhỉ, rằng trùng hợp chỉ là cách để Chúa ẩn mặt trước loài người?"

"Giờ thì bác nói *y hệt* bố cháu."

"Ai dám bảo rằng không phải con bạc mới là người hiểu rõ hơn

bất kỳ ai hết? Chẳng phải mọi thứ có giá trị trên đời đều là một canh bạc sao ? Chẳng lẽ điều tốt không thỉnh thoảng được đền bù lại qua một cánh cửa sau kỳ khôi nào khác ?”

viii.

VÀ, PHẢI. Tôi nghĩ là có thể. Hoặc, lại thêm một châm ngôn tréo ngoe khác của bố tôi: đôi khi phải thua để mà thắng.

Vì giờ đã qua gần một năm rồi và suốt thời gian ấy tôi cứ đi liên tục, mười một tháng chủ yếu trôi qua trong các sảnh sân bay và phòng khách sạn cùng những chỗ đưa chân khác, *Tắt máy khi chạy trên đường băng cất cánh và hạ cánh*, những khay nhựa và không khí bẩn trong khoang lọc qua cửa thông gió hình vây cá mập - và dù còn chưa đến ngày Tạ ơn nhưng đèn trang trí đã treo khắp nơi, những bản nhạc Giáng sinh êm tai kinh điển như *Tannenbaum* của Vince Guaraldi hay *Greensleeves* của Coltrane đã chơi trong quán Starbucks sân bay, và trong số vô vàn điều tôi đã có thời gian suy nghĩ (như là cái gì đáng vì nó mà sống? Cái gì đáng vì nó mà chết? Cái gì theo đuổi thì thật là ngu xuẩn?) tôi đã nghĩ rất nhiều về điều Hobie nói: về những hình ảnh đã đập vào trái tim khiến nó bừng nở như hoa, những hình ảnh mở ra cái đẹp lớn lao hơn rất nhiều khiến người ta dành cả đời tìm kiếm nhưng không thấy.

Và đấy là phước lành cho tôi, khoảng thời gian một mình trên đường ấy. Một năm là khoảng thời gian đủ cho tôi lặng lẽ một thân đi khắp, mua lại những món hàng dỏm vẫn còn lưu lạc : một công việc tế nhị mà tôi đã phát hiện tốt nhất là chường mặt ra mà thực hiện: mỗi tháng ba hay bốn chuyến, đi New Jersey. Oyster Bay, Providence, New Canaan, và xa hơn nữa -Miami, Houston, Dallas, Charlottesville, Atlanta, là nơi nhờ lời mời của bà khách

hàng Mindy đáng yêu, vợ một đại gia phụ tùng xe hơi tên Earl, tôi đã ở ba ngày khá hòa nhã trong nhà khách một lâu đài đá san hô mới toanh bóng lộn, có cả phòng đánh bi a riêng, "phòng rượu cho các ông" (với chuyên gia pha chế xịn, nguyên quán ở Anh và nhập thẳng về từ Anh), trường bắn trong nhà với hệ thống bia dựng trên ray thiết kế riêng. Một vài khách hàng thuộc các công ty dot-com hay quỹ phòng hộ có nhà phụ ở những nơi chốn xa lạ, hay ít ra là xa lạ với tôi - Antigua, Mexico, quần đảo Bahamas, Monte Carlo, Juan-les-Píns và Sintra, vang và cocktail bản địa khá thú vị hơn vườn bậc thang cùng cọ và thừa và ô trắng xòe bên bể bơi như buồm. Giữa những nơi ấy, tôi ở trong trạng thái *bardo*[193], bay khắp nơi trong tiếng gầm màu xám, lên cao cùng những cửa sổ lấm tấm nước tới ánh nắng phân tầng, hạ thấp xuống với mây mù và mưa cùng những thang cuốn xuống mãi xuống mãi tới một biển khuôn mặt bát nháp bên băng chuyển hành lý, một dạng kiếp sau rờn rợn, không gian giữa, trái đất và phi trái đất, thế giới và phi thế giới, sàn đánh bóng lộn cùng những âm vang giáo đường trần kính và cái ánh nhòa nơi sảnh đến vô danh, một thứ nhân thân sản xuất hàng loạt mà tôi không muốn thuộc vào, thực tế không thuộc vào, chỉ có điều dường như tôi đã chết, Tôi cảm thấy rất khác, tôi *đúng là* rất khác, và có một thứ khoái thú tê đại kỳ lạ khi nhập vào rồi lại thoát ra khối tư duy tập thể, ngủ gà gật trên những ghế nhựa còng lưng hay lang thang giữa những quầy hàng miễn thuế sáng trưng và dĩ nhiên ai cũng cực kỳ dễ thương khi ta hạ cánh, những sân tennis trong nhà, những bãi biển tư nhân, rồi sau cuộc ngoạn cảnh bắt buộc, cái gì cũng tuyệt vời, chiêm ngắm những tranh Bonnard hay Vuillard, ăn nhẹ buổi trưa bên hồ bơi là đến cái séc khủng và cuốc taxi về lại khách sạn, túi đã nhẹ đi rất nhiều

Quả là một thay đổi lớn. Tôi không rõ phải giải thích bằng cách

nào. Từ muốn qua không muốn, từ để tâm qua không để tâm.

Tất nhiên, còn có tất nhiều điều hơn thế. Sốc và hào quang, Thứ gì cũng mau hơn, sáng hơn và tôi thấy mình đang lấp ló bên rìa cái gì đó không cách nào diễn đạt. Những thông điệp ẩn hình trong tạp chí máy bay. Rào Chắn Năng Lượng. Chăm Sóc Không Thỏa Hiệp. Điện năng màu sắc, ánh lóa. Cái gì cũng là một tấm biển chỉ lối tới thứ gì khác. Và khi nằm trên giường trong cái phòng khách sạn lạnh ngắt màu bích quy đâu đó ở Nice, ban công trông xuống con đường duyên hải Promenade des Anglais, tôi nhìn bóng mây trên cửa trượt và ngạc nhiên khi thấy chính nỗi buồn trong lòng cũng đưa đến niềm vui, thầm kín sàn và đồ đạc Biedermeier rởm hay giọng phát thanh viên rù rì bằng tiếng Pháp trên Canal Plus không hiểu sao cũng có vẻ tất yếu và đúng chỗ đến thế.

Tôi cũng thà quên, nhưng quên không được. Đấy gần như là tiếng rì rầm của âm thoa. Nó mãi ở đó. Nó ở đây bên tôi, mọi lúc.

Tạp âm trắng, tiếng gầm gào phi nhân. Những ga lên máy bay hạ dần nóng sáng. Nhưng ngay cả những chốn cắt rời với con người, những chốn không cần có linh hồn ấy cũng thấm đẫm ý nghĩa, vạch ngang dọc hay gầm rống lên ý nghĩa. Sky Mall. Dàn âm thanh stereo xách tay. Những đảo Drambuie, Tanqueray phản chiếu như gương, những chai Chanel No.5. Tôi nhìn khuôn mặt vô hồn của những hành khách khác - đang nhấc cặp táp, balo, lục đục nối đuôi xuống máy bay - và nghĩ đến điều Hobie nói: cái đẹp biến đổi từng thớ vân hiện thực. Và tôi cũng luôn nghĩ đến châm ngôn có phần truyền thống hơn : rằng cuộc theo đuổi cái đẹp thuần túy là một cái bẫy, là đường dẫn đến thắng cay đắng và sầu khổ, và rằng cái đẹp luôn phải đan cài vào cùng cái gì có ý nghĩa hơn.

Nhưng đấy là cái gì? Vì sao tôi lại trở thành như tôi đây ? Vì sao tôi lại lưu luyến toàn những cái không nên, chứ không hề là những cái nên? Hay để diễn đạt theo cách khác: sao tôi lại thấy rõ rệt rằng mọi thứ mình yêu, mình thương mến, đều là ảnh ảo, thế mà - ít nhất với tôi - lại chứa đựng mọi điều đáng sống trong sức hút bùa mê ấy?

Một nỗi buồn lớn, một nỗi buồn mà nay tôi mới dần dà hiểu: chúng ta không được quyền lựa chọn trái tim mình. Không thể buộc mình muốn điều gì tốt cho mình, hay điều gì tốt cho người khác. Ta không được chọn ta là ai.

Bởi vì - chẳng phải điều đó vẫn được nhồi vào óc ta từ tấm bé, liên tục, không thắc mắc, một điệp khúc trong cả nền văn hóa đó sao… ?

Từ William Blake đến Lady Gaga, từ Rousseau đến Rumi đến vở *Tosca* đến ông Rogers trên truyền hình, cái thông điệp ấy thống nhất đến ngạc nhiên, được hết thảy từ cao tới thấp đồng tình ủng hộ: khi ngờ vực, phải làm gì? Cách nào biết đi đường nào là đúng? Mọi tay chữa thần kinh, mọi chuyên gia tư vấn việc làm, mọi nữ chính trong phim Disney đều biết câu thần chú: “Hãy là chính mình ” “Hãy đi theo trái tim của bạn.”

Chỉ có điều đây chính là điểm tôi hết lòng mong muốn có ai giải thích cho mình. Giá thử như tình cờ, người ta được trao cho một trái tim không hề đáng tin cậy…? Giả thử như trái tim, vì những cớ riêng không thước nào dò tính được, lại dắt dẫn người ta, kiên tâm, giữa một vầng mây lộng lẫy không lời tả xiết, ngày một rời xa khỏi sức khỏe, tổ ấm, trách nhiệm công dân, những ràng buộc xã hội thiết tha cùng mọi điều vẫn được mặc định coi là đức tính tốt, dẫn thẳng vào một lò lửa huy hoàng chứa toàn những hủy diệt, thiêu thân, đại họa? Nếu Kitsey nói đúng thì sao?

Khi bản thể sâu thẳm nhất trong mình đang cất tiếng hát mỹ nhân ngư dẫn dụ ta thẳng vào đống lửa, phải chăng điều khôn ngoan hơn là quay gót? Bưng mắt bịt tai? Đặt bàn chân lên con đường sẽ dẫn ta, ngoan ngoãn trách nhiệm, trở về cái quy chuẩn, những giờ làm việc phải đạo, thói quen khám sức khỏe thường xuyên, những mối quan hệ bền chặt, sự nghiệp thăng tiến đều đặn, đọc *New York Times* trong bữa giữa buổi sáng chủ nhật, tất cả đều mang theo lời hứa bằng cách nào đó bạn sẽ thành người tốt hơn? Hay là tốt hơn - như Boris - hãy quặng mình trong tiếng rộ cười vào nỗi cuồng khấu thánh thần đang vẫy gọi ?

Đây không phải là vấn để thể hiện bên ngoài, mà là ý nghĩa bên trong? Cái huy hoàng nằm *trong* thế giới, nhưng không *thuộc về* thế giới, cái huy hoàng mà thế giới không hiểu được. Hình ảnh đầu lọt mắt về cái tha tính thuần túy, mà tắm trong hiện diện của nó, người ta bừng nở, nở xòe mãi ra.

Một bản thể mà ta không mong. Một trái tim không cách nào bỏ.

Dù việc hôn sự của tôi chưa bị hủy, ít ra là chưa chính thức, thì người ta cũng khiến tôi hiểu rằng y một cách uyển chuyển, theo cái lối nhẹ bỗng như không của nhà Barbour - không có ai ràng buộc tôi gì hết. Như vậy là rất hợp. Chẳng có gì đã nói ra, chẳng gì được nói ra. Khi tôi được mời qua ăn tối (như thường lệ, mỗi lần tôi ở thành phố), không khí rất dễ chịu và hoan hỉ, rôm rả là khác, thân tình và tế nhị dù hoàn toàn không đi vào cá nhân; tôi được đối xử như người nhà (gần như thế), muốn rẽ vào lúc nào cũng được; tôi đã tìm được cách dụ bà Barbour ra khỏi căn hộ một chút, và đã có vài buổi chiều vui vẻ dạo chơi với nhau, ăn trưa ở khách sạn Pierre cùng một hai buổi đấu giá; còn Toddy, không lỗ mãng tí nào, thậm chí còn tìm được cách bỏ nhỏ gần như vô tình

tên một bác sĩ rất giỏi, không hề có ý kèm theo rằng biết đâu đấy, tôi lại có thể cần một thông tin như vậy.

Còn về Pippa: cuốn sách Oz thì cô cầm, nhưng bỏ lại chuỗi vòng cổ, cùng một lá thư tôi hăm hở mở ra đến nỗi đã xé toạc phong bì và lá thư thành hai mảnh. Đại ý thư, sau khi tôi đã quỳ xuống chắp hai nửa vào nhau, là thế này; cô rất vui được quen tôi, quãng thời gian vừa qua trong thành phố có ý nghĩa rất nhiều với cô, còn ai trên đời có thể chọn cho cô chiếc vòng tuyệt đẹp như thế nữa? Chuỗi vòng hoàn hảo, hơn cả hoàn hảo, chỉ có điều cô không thể nhận nó được, nó thật quá nhiều, cô rất xin lỗi, và - có lẽ cô đang nói không phải phép, và nếu vậy hy vọng được tôi tha thứ, nhưng tôi đừng nghĩ rằng cô không đáp lại tôi, vì cô có yêu, có. (Có ư? Tôi nghĩ, hoang mang vô kể.) Chỉ có điều phức tạp lắm, cô không chỉ vì cô mà cả vì tôi nữa, vì chúng tôi đã trải qua quá nhiều những chuyện giống nhau, cô lẫn tôi, và hai chúng tôi quá giống nhau, giống kinh khủng. Và vì cả hai chúng tôi đều chịu tổn thương quá nặng nề, ở tuổi quá trẻ như vậy, chịu đựng thứ bạo lực không gì cứu vãn nổi, mà hầu hết mọi người không hiểu và không thể hiểu, chẳng phải như vậy là hơi... mong manh quá sao? Là vấn đề tự bảo toàn ? Hai con người yếu đuối chực tìm cái chết mà lại cần nương tựa vào nhau đến vậy? Dù không phải là hiện tại cô không ổn, không, cô ổn lắm, nhưng cái đó có thể biến đổi trong nháy mắt với cả hai chúng tôi, không phải sao? Đảo lộn đầu, trượt nhào xuống dưới, và chẳng phải ấy là nỗi đe dọa ư? Bởi những điểm yếu và khuyết thiếu của chúng tôi như một cặp song trùng, khiến kẻ này có thể lôi tuột kẻ kia xuống trong nháy mắt? Và dù điều này chỉ ném ra lửng lơ trong không khí không nói đến, nhưng tôi cũng nhận ra tức khắc, và không khỏi ngạc nhiên trầm trổ, cái hàm ý của cô. (Tôi thật ngu mới không nhận ra sớm hơn, sau ,bao nhiêu thương tích, cái chân bị nghiến nát, những

vụ phẫu thuật năm lần bảy lượt: âm sắc kéo dài rất đáng yêu trong giọng nói. Cái chân, kéo lê rất đáng yêu khi bước đi, cử chỉ ôm chặt tay, sắc mặt nhợt nhạt, những khăn áo tầng tầng lớp lớp, nụ cười chậm chạp ngái ngủ: chính cô, cô trong thời thơ ấu mơ màng, là cái trác việt và thảm họa, là que kẹo mút tẩm morphine tôi đã đuổi theo suốt bấy nhiêu năm.)

Nhưng như người đọc đến đây chắc chắn đã đoán chắc (nếu có bao giờ có ai đọc đến), ý tưởng bị Lôi Tuột Xuống chẳng khiến tôi kinh hoàng một mảy. Dù tôi cũng không hứng thú lôi người khác xuống cùng mình, nhưng - chẳng lẽ tôi không thể thay đổi sao? Chẳng lẽ tôi không thể là kẻ mạnh mẽ hơn ư? Vì sao chứ?

Mi có thể có được cả hai cô mà mi muốn, Boris nói khi ngồi cạnh tôi trên xô pha ở căn hộ gác mái tại Antwerp, cắn răng rắc hạt dẻ cười giữa hai răng hàm trong lúc cùng xem *Cô dâu báo thù*. [194]

Tao không có được.

Nhưng vì sao lại không? Tau thì khoái Bông Tuyết hơn. Nhưng nếu mi thích cô kia thì sao lại không?

Vì cô ấy có bạn trai rồi?

Thì?

Và hắn lại sống chung với cô ?

Thì?

Thế là tôi cũng đang nghĩ: Thì?... Nếu tôi đến London, thì...?

Và đây hoặc là câu hỏi dẫn thẳng đến đại họa, hoặc là câu hỏi khôn ngoan nhất mà tôi từng đặt ra trên đời.

Kỳ cục là tôi đang viết tất cả những điều này với ý nghĩ rằng ngày nào đó Pippa sẽ đọc đến - dù tất nhiên là không. Sẽ không ai

đọc được, vì những lý do hiển nhiên. Không phải tôi chép từ ký ức: quyển vở trắng mà ông thầy Ngữ văn cho tôi từng ấy năm về trước đã bắt đầu cả một chu trình, làm khởi điểm cho một thói quen thất thường nhưng kéo dài suốt đời từ năm mười ba tuổi trở đi, trước hết dưới dạng một loạt thư trịnh trọng nhưng lại thân mật lạ thường gửi mẹ: những lá thư dài, ám ảnh, mê mụ vì nhớ nhà, giọng điệu như thể mẹ đang còn sống và đang âu lo chờ tin tôi đâu đó, những lá thư tả lại nơi tôi "đang ở" (không bao giờ là "đang sống ở"), cùng những người tôi "đang ở cùng", những lá thư ghi chép tỉ mỉ đến sốt ruột tôi ăn gì, uống gì, mặc gì, xem gì trên tivi, đọc sách gì, chơi game gì, xem phim gì, những điều nhà Barbour nói hoặc làm hay những gì bố và Xandra nói hoặc làm - những bản tường thuật dài dòng ấy (đề ngày, ký tên, nét chữ rất cẩn thận, bất kỳ lúc nào cũng có thể xé ra khỏi sổ gửi đi) xen kẽ với những cơn uất ức cuộn trào Tôi Ghét Mọi Người và Tôi Ước Mình Chết Đi, hàng tháng trầy trật qua chỉ có một hai dòng ngoáy vội, nhà B, chưa đến trường ba ngày nay đã thứ Sáu rồi, đời mình bằng hai ku, mình đang trong tình trạng bán zombie, *chời* tối qua mới gọi là phủ phê chứ mình phải nói là ngất trắng, chúng mình chơi trò xúc xắc nói dối ăn ngũ cốc và kẹo cao su bạc hà làm bữa tối.

Ấy vậy mà sau khi về New York, tôi vẫn viết. "Cái chốn khỉ này làm sao mà lại lạnh hơn mình nhớ, còn cái đèn bàn con củ kẹc sao lại khiến mình buồn rầu thế này?" Tôi tả lại những bữa tiệc tối tức thở, chép lại những mẩu đối thoại và những giấc mơ; tôi ghi chú thật cẩn thận những điều Hobie dạy dỗ dưới cầu thang, trong xưởng.

gỗ dái ngựa tk 18 dễ khớp hơn dẻ - mắt bị lừa nhờ sắc thẫm hơn. Nếu làm nhân tạo - sẽ quá đều!

1. tủ sách bị mòn ở các ngăn dưới vì sờ và phủi bụi, nhưng trên cùng thì không

2. *với các món có khóa, úm vết xước hay sứt mẻ dưới lỗ khóa, gỗ bị chùm chìa khóa đập vào khi chìa xoay*

Len lỏi trong đó, cùng những ghi chép về kết quả đấu giá trong các cuộc bán Di Sản Mỹ ("Lô 77 Fed, giả mun 1 phần vòng 3 đá gg lồi $7500") và những bảng biểu hắc ám ngày một nhiều mà không hiểu sao tôi nghĩ không ai tình cờ cầm lên lại giải mã nổi, nhưng thực tế là hoàn toàn trong suốt:

1-8/Th12: 320,5mg

9-15/Th12: 202,5mg

16-22/Th12: 171,5mg

23-30/th12: 420,5mg

... xuyên suốt bản ghi hằng ngày này và biến nó thành một cái gì vượt lên trên chính nó, là điều bí mật chỉ mình tôi thấy: nở hoa trong bóng tối, không bao giờ được nhắc tên.

Bởi: nếu các bí mật mới làm nên chúng ta, chứ không phải bộ mặt chúng ta phô ra cho thế giới: thì bức tranh chính là điều bí mật đã nâng tôi lên trên bề mặt cuộc đời, cho phép tôi biết mình là ai. Và nó ở trong đó: trong những cuốn sổ, từng trang một, đù không đâu có nó. Giấc mơ và ma thuật, ma thuật và mê sảng. Lý thuyết Trường thống nhất. Bí mật về bí mật.

[Thằng cu con ấy? Boris đã nói trên xe tới Antwerp. Mi biết là ông họa sĩ đã *thấy* nó chứ - ông ta không vẽ theo: trí nhớ, mi biết không? Quả là đã có thằng cu con đấy, xích vào tường, trước mặt ông ta. Nếu tau thấy thằng nhóc ấy bỏ lẫn chục thằng khác thuộc cùng loài đó, tau sẽ nhặt được nó ra dễ ợt]

Và nó nói đúng. Tôi cũng vậy. Và nếu có thể đi ngược thời gian, tôi sẽ cắt đứt sợi xích trong nháy mắt, cóc cần bức tranh sẽ không bao giờ được vẽ ra.

Chỉ có điều sự tình không chi đơn giản như thế. Ai biết vì sao Fabritius lại nảy ra ý nghĩ vẽ chú chim? Một tuyệt phẩm nhỏ xíu, độc lập, có một không hai trong loại đó? Ông trẻ và nổi tiếng. Ông có những nhà bảo trợ ghê gớm (dù không may thay, phần lớn tác phẩm vẽ cho họ lại không còn tới ngày nay). Có thể tưởng tượng ông như Rembrandt thời trẻ, tới tấp nhận những đơn đặt hàng hoành tráng, xưởng vẽ ngập ngụa những bảo vật và rìu chiến, ly vàng và lông thú, da báo và giáp trụ, toàn bộ những hùng mạnh và buồn bã thuộc về những vật trần gian. Vậy sao lại chọn đề tài này? Một chú chim nhà cô độc? Chẳng hề đại biểu cho tuổi hay thời đại của ông, khi phần lớn những con vật hiện lên trong tranh đều đã chết, thành những món chiến lợi phẩm lộng lẫy, thỏ què chân, cá, chim, chất cao như núi chuẩn bị lên đường ra bữa tiệc? Tại sao tôi lại mãi vương vấn vì bức tường trống trải - chẳng có thảm, chẳng tù và săn, không một chút cảnh trí sân khấu - và vì ông lại thật cẩn thận ghi tên mình cùng năm vẽ nổi bật như vậy, bởi ông làm sao biết được rằng (hay là có?) năm 1654, năm ông vẽ bức tranh này, cũng sẽ là năm ông mất? Có bóng dáng dự cảm trong việc đó, như thể ông đã linh cảm rằng bức tranh bé bỏng, kỳ bí này sẽ thuộc về số rất ít còn ở lại sau mình. Tính bất thường của nó ám ảnh tôi trên mọi cấp độ. Sao không chọn thứ gì điển hình hơn? Sao không phải phong cảnh hay cảnh biển, đề tài lịch sử hay chân dung đặt hàng của một đại nhân nào đấy, hay cảnh đời nghèo bợm nhậu trong quán xá, hay thậm chí một bó tulip cũng được đi, thay vì kẻ tù nhân bé bỏng cô đơn này? Đang bị xích vào giá đậu? Ai biết được Fabritius đang cố nói gì với chúng ta khi ông chọn đề tài bé bỏng này? Cách ông thể hiện đề tài bé

bỏng này? Và nếu đúng như người ta vẫn nói - nếu mỗi bức tranh vĩ đại trong xương tủy đều là một bức chân dung tự họa - vậy thì Fabritius đang muốn nói gì về bản thân, mà có gì không? Một họa sĩ đã được chính những vĩ nhân thời đại mình coi là vĩ đại vượt xa bọn họ, lại chết trẻ như thế, từ xưa như thế, hầu như không để ta biết gì về thân thế mình? Còn về tư cách họa gia của mình: ông đã nói rất nhiều, Mỗi đường bút là một lời phát biểu. Cánh rắn rỏi, lông tơ những nét vạch nhanh. Tốc độ bút đi hiển hiện trên đó, độ vững chắc của bàn tay, những nhát sơn phết đặc. Thế nhưng cũng có những mảng gần như trong suốt được tô thật chăm chút bên những đường dày đậm, đến nỗi sự đối chọi ấy gần như là âu yếm, thậm chí pha trò; lớp sơn bên dưới lấp ló dưới những sợi bút lông; ông muốn chúng ta cảm nhận lông tơ mịn màng ở ức, độ mềm và cảm giác khi chạm tay, sự mong manh của bộ vuốt nhỏ đang cuộn tròn quanh giá đậu bằng đồng.

Nhưng còn bức trạnh nói gì về chính Fabritiiisi? Không nói gì về tình cảm tôn giáo, nam nữ hay gia đình; không có gì về nỗi sùng mộ của công dân, tham vọng thăng tiến hay cung kính trước tiền tài quyền lực. Chỉ có một nhịp tim bé bỏng, nỗi cô độc, mảng tường nắng sáng, cùng cảm giác không có lối thoát tại Thời gian không chuyển động, thời gian không thể gọi là thời gian. Và bị kẹt nơi trung tâm ánh sáng: tên tù nhỏ, không nao núng. Tôi nghĩ đến một điều từng đọc về Sargent: rằng khi vẽ chân dung, Sargent luôn đi tìm con thú trong người làm mẫu (sau khi biết và để ý tìm thói quen ấy, tôi nhận ra nó khắp nơi trong tác phẩm của ông: trong những cái mũi dài tai nhọn kiểu loài cáo của các tiểu thư, trong những nhà trí thức răng thỏ và kỹ nghệ gia sư tử, những trẻ con mập mạp mặt củ mèo).

Còn trong bức chân dung nhỏ kiên cường này, thật khó không nhận ra con người trong con sẻ. Đầy tự tôn, nhưng cũng yếu đuối.

Một tù nhân nhìn một tù nhân.

Nhưng ai mà biết Fabritius đã dự định thế nào? Số tác phẩm còn lại của ông không đủ để dù chỉ đưa ra lời đoán. Con chim nhìn ta từ bức tranh. Nó không được nhân cách hóa hay lý tưởng hóa. Nó vẫn hoàn toàn là một con chim. Cảnh giác, cam chịu. Không có bài học hay câu chuyện nào cả. Không có giải pháp nào cả. Chỉ có một vực thẳm song trùng: giữa người vẽ và con chim bị cầm tù; giữa bản ghi ông để lại về con chim và trải nghiệm của chúng ta về nó, hàng thế kỷ sau.

Và phải - các nhà nghiên cứu cứ việc bận bịu với kỹ thuật đưa bút cách tân và sử dụng ánh sáng mới mẻ, tác động lịch sử và vị trí không gì thay thế được trong hội họa Hà Lan của nó. Nhưng tôi thì không. Như mẹ từng nói hàng bao nhiêu năm về trước, mẹ tôi, người đã yêu bức tranh chỉ vì nhìn thấy nó trong cuốn sách mượn từ thư viện hạt Comanche khi còn nhỏ: ý nghĩa không quan trọng. Ý nghĩa lịch sử chỉ giết chết nó. Vượt qua những khoảng cách không cầu bắc ấy - giữa con chim và người vẽ, bức tranh và người xem - tôi nghe thấy rất rõ điều được nói với tôi, tiếng *ê này* từ hẻm nhỏ như Hobie nói, vượt qua bốn trăm năm thời gian, tiếng gọi hết sức cá nhân, hết sức cụ thể. Nó nằm đó trong bầu không khí tắm ánh sáng, trong những nét bút ông cho phép ta nhìn thấy đúng bản chất, nếu ghé thật gần những vệt bột màu do tay bôi lên vải, đường di chuyển rành rành của bút lông - nhưng rồi, nếu cách ra xa, lại là điều kỳ diệu, hay trò đùa như Horst gọi, dù thực tình thì nó là cả hai, là đường trượt vượt ra ngoài chất liệu khi màu vẽ là màu vẽ, mà lại cũng là lông cánh và xương. Đấy là nơi hiện thực va vào lý tưởng, nơi trò đùa trở thành nghiêm túc, còn mọi điều nghiêm túc lại là một trò đùa. Là điểm ma thuật mà mỗi ý tưởng và ý tưởng đối nghịch với nó đều đồng thời là thực.

http://tieulun.hopto.org

Và tôi cứ hy vọng ở đấy còn có chân lý lớn lao hơn về đau đớn, hay ít nhất là đau đớn theo cách hiểu của tôi - dù đến nay thì tôi đã nhận ra rằng đối với tôi, những chân lý nào còn có ý nghĩa đều là những chân lý mà tôi không hiểu, không thể hiểu được. Là những điều bí ẩn, mập mờ, không phương giải thích. Những điều không thể ghép vào câu chuyên nào, những điều tự nó không thuộc về một câu chuyện. Ánh vụt lóe lên trên sợi xích như không như có. Vạt nắng trên tường vàng. Nỗi cô đơn ngăn cách từng sinh vật sống với mọi sinh vật sống. Nỗi buồn quấn quýt trong niềm vui.

Bởi - giả thử như con sẻ đặc biệt này (và quả nó rất là đặc biệt) chưa hề bị bắt (hay sinh ra trong cảnh tù ngục), chưng ra trong ngôi nhà ai đó để chàng họa sĩ Fabritius, bắt gặp? Nó sẽ chẳng đời nào hiểu nổi sao mình lại bị buộc sống trong cảnh khổ ải trần gian ấy: xáo xác lên (tôi hình dung vậy) trước từng tiếng động, sợ hãi trước khói, trước tiếng chó sủa, trước mùi nấu nướng, chịu trận những trò quấy nghịch của đám trẻ và kẻ say, bị kìm chân không thể bay bằng sợi xích không thể ngắn hơn nữa. Nhưng đến cả người ngờ nghệch nhất cũng không thể hoài nghi phẩm cách của nó: một đốt ngón tay can đảm, một xíu lông xù và xương giòn tan. Không nhút nhát, thậm chí không hề tuyệt vọng, mà rất chững chạc, giữ lập trường. Nhất quyết không chịu rút lui khỏi thế giới.

Và càng lúc, tôi càng thấy mình mải nghĩ về điều ấy - không chịu rút lui. Vì, không cần biết người khác nói thế nào, nói thường xuyên hay lọt tai đến đâu: không một ai, không bao giờ có thể thuyết phục tôi rằng cuộc sống là một món quà cực đỉnh, vô vàn khoái thú gì gì đấy. Bởi, chân lý thế này: cuộc sống là thảm họa. Nội việc tồn tại, việc đi lại và tìm cách nuôi thân và kiếm bạn

bè và đủ thứ việc ta làm nữa - đã là thảm họa. Hãy bỏ qua mấy thứ nhảm nhí kiểu "Thị trấn của tôi"[195] mà ai nấy đều tuyên truyền đi: điều kỳ diệu khi bé thợ ra đời, niềm vui trong một bông hoa giản dị, Đời ơi Mi Tuyệt Diệu Ngoài Sức Tưởng, vân vân vi vi. Với tôi - và tôi sẽ còn đay đi đay lại đến ngày chết, đến khi cái thằng tôi vô ơn, hư vô chủ nghĩa này, ngã sấp mặt vì quá yếu không thốt lên lời: thà chưa hề sinh ra, còn hơn sinh vào cái hố cứt này. Vào cái hố sụt của toàn những giường bệnh viện, quan tài, trái tim vỡ nát. Không ân xá, không kháng cáo, không "khởi động lại" như một chữ ưa thích của Xandra, không có gì chờ phía trước ngoài tuổi già và mất mát, không lối thoát ra ngoại trừ cái chết. "Phòng tiếp nhân khiếu nại!" tôi còn nhớ Boris đã làu nhàu, hồi còn bé, một buổi chiều ở nhà nó khi chúng tôi vừa đả động sang cái chủ đề có phần nào siêu hình, là hai bà mẹ: tại sao họ - những thiên thần, những nữ thánh-lại phải chết? còn hai ông bố kinh dị thì lại sống khỏe, nhậu nhẹt, bê tha, bệ rạc ngày này qua tháng khác,, lảo đảo đi đến đâu gây vạ đến đó, với sức khỏe hình như không gì có thể mài mòn? "Họ lấy nhầm người! Trục trặc kỹ thuật ấy mà! Cái gì cũng bất công! Chúng tôi phải phàn nàn với ai, ở cái chốn cứt đái này? Ai là quản lý ở đây?"

Và - có lẽ cứ tiếp tục mạch này, là ngu xuẩn, dù cũng chẳng sao vì có bao giờ có ai đọc đến đâu, nhưng liệu có chút ý nghĩa nào chăng khi biết rằng kết cục vô hậu sẽ đến với tất cả chúng ta, ngay cả những người sung sướng nhất, và rằng chúng ta rốt cuộc sẽ đánh mất mọi điều quan trọng - trong khi đồng thời vận biết, bất chấp cái biết kia, bất chấp con xúc xắc đã lệch hẳn về một phía, rằng ta vẫn có thể tiến hành trò chơi trong một kiểu niềm vui?

Cố tìm cách chắt ra một ý nghĩa gì đó từ mọi chuyện này, việc đó mang một vẻ kỳ khôi khó tả. Có thể tôi chỉ nhìn ra mô hình vì

đã nhìn quá lâu thôi. Nhưng cũng vẫn rất có thể, mượn lời Boris, tôi nhìn thấy một mô hình, vì mô hình ấy là có thật.

Và tôi viết ra những trang này, về một mặt, là để hiểu. Nhưng về một mặt khác, tôi không muốn hiểu, cũng không muốn tìm cách hiểu, vì muốn hiểu sẽ làm cho sự kiện đổi khác đi[196]. Điều duy nhất có thể khẳng định được, là tôi chưa bao giờ cảm thấy nỗi bí ẩn tương lai rõ như bây giờ: cảm giác về chiếc đồng hồ cát đang cạn dần, về thời gian đang cuống cuồng chạy trong cơn sốt. Những lực không biết đến, không được chọn, không mong muốn. Và tôi đã đi quá lâu, những khách sạn trước bình minh trong những thành phố lạ, dành quá nhiều thời gian trên đường đến nỗi cảm thấy độ rung của cánh máy bay tận trong xương cốt, trong thể xác, cảm giác di động liên miên qua những lục địa và múi giờ, còn tiếp diễn mãi sau khi tôi đã xuống máy bay, lảo đảo trước một bàn lễ tân khác nữa, Tên tôi là Emma/Selina/Charlie/Dominic, chào mừng anh đến với thành phố ABC! Lại nụ cười mệt mỏi, ký tên bằng bàn tay run rẩy, lại kéo màn đen ở một nơi khác, nằm trên một giường lạ khác giữa căn phòng lạ khác đang đung đưa quanh tôi, mày và bóng tối, cơn nôn nao gần như là phần hứng, cảm giác như đã chết và lên thiên đàng.

Bởi vì - mới đêm qua tôi mơ thấy lên đường và rắn rết, thứ rắn sọc vằn, có nọc độc, đầu hỉnh mũi tên, và dù chúng đã đến sát gần nhưng tôi không sợ, không sợ chút nào. Và trong đầu tôi là một câu đọc từ đâu đó: *Quanh người, chúng tôi quên chết*[197]. Đấy là những bài học đến với tôi trong các phòng khách sạn mờ tối, với những tủ lạnh con sáng quắc và giọng ngoại quốc ngoài hành lang, nơi ranh giới giữa các thế giới trở thành mờ nhạt.

Và, như một dự án kéo dài, sau Amsterdam, mà thực sự là

Damascus[198] của tôi, trạm nghỉ chân và điểm cực viễn trong cuộc cải đạo của tôi như chắc ai đọc đến đây sẽ nhận xét, tôi vẫn không ngừng xúc động mãnh liệt vì tính vô thường của các khách sạn: không phải theo lối Lữ hành nghỉ mát tầm thường, mà với một niềm say sưa gần như siêu thoát. Vào một thời điểm nào đó tháng Mười, thực tế là ngay khoảng Lễ Vong Nhân; tôi nghĩ ở khách sạn ven biển Mexico nơi các hành lang căng phòng rèm no gió và mỗi phòng đều đặt tên một loại hoa. Phòng Đỗ Quyên; phòng Hoa Trà, phòng Trúc Đào. Xa xỉ và hào nhoáng, những sảnh mơn man gió dường như trải dài vào vĩnh cửu, mỗi phòng một màu cửa khác nhau. Mẫu Đơn, Tử Đằng, Hoa Hồng, Lạc Tiên. Và ai biết được - có thể đó chính là điều đang đợi ta cuối chặng đường, sự vương giả không hình dung nổi mãi cho đến cái khoảnh khắc ta nhận ra mình đang đi qua ngưỡng cửa, thấy mắt mình đang kinh ngạc ngước lên. Gì? khi rốt cuộc Thượng đế cũng, nhấc tay bịt mắt ta mà bảo: Nhìn đi!

[Mày có bao giờ tính chuyện bỏ không? tôi từng hỏi, khi đến phần rất chán trong *Cuộc sống tươi đẹp*[199], đoạn dạo chơi dưới trăng có Donna Reed, khi ở Antwerp xem Boris dùng thìa và nước trong lọ thuốc nhỏ mắt pha cho mình một "độ", như nó nói.

Thôi đi mi! Tay tau đau như dần! Trước đó nó đã chìa cho tôi xem vết đạn sượt chảy máu - rìa đen đặc lại - cắt rất sâu vào bắp tay. Đợi đến lúc *mi* bị bắn giữa Giáng sinh xem có muốn ngồi nhai aspirin không!

Ừ, nhưng mày làm thế kia thì thật điên quá.

Ờ, tin hay không tùy mi, với tau chuyện nhỏ. Tau chỉ làm lúc đặc biệt thôi.

Câu này tao từng nghe rồi.

Ờ, mà đúng mà! Vẫn còn bắn, hiện tại đã. Tau biết, nhiều thằng bắn ba bốn năm vẫn chạy khỏe, miễn là hạn chế hai ba lần một tháng? Tuy vậy, Boris nói thêm, u ám, ánh đèn xanh từ tivi lóe trên thìa, tau nghiện rượu rồi, Vụ đó thì hỏng rồi. Tau sẽ say đến lúc chết. Nếu có gì giết được tau hất hàm về phía chai Russian Standard trên bàn trà - thì là thằng kia. Mi chưa bắn bao giờ hửm?

Nói thật với mày, chẳng cần thì tao cũng đủ rắc rối rồi.

Ờ, tên tuổi xấu, sợ hãi lớn, tau hiểu. Tau à, thú thật, tau thích hít là chính - câu lạc bộ, nhà hàng, đi đó đi đây, lẻn vào phòng vệ sinh làm một đường nhanh và dễ hơn nhiều cái này - thì lúc nào cũng thèm. Trên giường hấp hối tao cũng sẽ thèm. Đừng bao giờ rớ tới thì tốt hơn. Mặc dù - thực là rất cáu khi thấy thằng đầu đất nào đó ngồi kia nhồi tẩu coca rồi huyên thuyên này nọ rằng bẩn thỉu với chẳng không an toàn, hắn thì sẽ không đời nào động đến kim, hiểu không? Tỏ vẻ như là hắn khôn ngoan hơn nhiều ấy?

Thế sao mày lại dính vào?

Thì còn sao nữa? Tau bị gái bỏ! Gái hồi đó. Muốn thành khốn nạn tự đày ải đi, ha. Ước gì được nấy vãi.

Jimmy Stewart mặc áo len của trường. Trăng dát bạc, giọng run run. Buffalo Gals các em có ra đây đêm nay, ra đây đêm nay.

Vậy sao không dừng? Tôi hỏi.

Sao phải dừng?

Tao thật sự phải nói vì sao à?

Ừ, nhưng nếu tau không muốn thì sao?

Nếu mày dừng được thì sao không dừng?

Sinh nghề tử nghiệp, Boris nói gọn, dùng cằm nhấn nút trên

cái ga rô y tế trông rất chuyên nghiệp trong lúc xắn tay áo lên.]

Và dù kinh khủng đến mấy, nhưng tôi hiểu. Ta không thể chọn mình muốn gì hay không muốn gì, và đó chính là chân lý, chân lý khó nhọc và cô độc. Đối khi ta muốn điều mình muốn, dù biết thừa nó sẽ giết ta. Ta không trốn được chính mình. (Phải công nhận một điều về bố tôi: ít nhất ông cũng *gắng* muốn điều hợp lý - mẹ tôi, cái cặp táp và tôi - trước khi phát dại hoàn toàn và tháo chạy.)

Và dù rất muốn tin có một chân lý đằng sau ảo ảnh, dần dà tôi đã kết luận rằng chẳng có chân lý sau ảo ảnh nào. Bởi giữa một mặt là "thực tế", và mặt kia là điểm nơi tư duy chạm vào thực tế, có một vùng trung gian, một cái mép màu cầu vồng nơi cái đẹp trở thành hiện hữu, nơi hai bề mặt rất khác nhau hòa trộn, hòa lẫn vào nhau để đem lại điều cuộc sống không đem lại: và đây chính là không gian tồn tại của toàn bộ nghệ thuật, cũng như của toàn bộ ma thuật.

Và, tôi muốn khẳng định thêm điều này nữa, toàn bộ tình yêu. Hoặc có lẽ chuẩn xác hơn, vùng trung gian này minh họa cho tính đứt gãy là nền tảng của tình yêu. Khi nhìn gần: bàn tay tàn nhang trên áo khoác đen, con ếch gấp giấy bị ngã nghiêng. Bước lùi ra xa, ảo ảnh lại choáng lấy chỗ: cuộc-sống-lớn-hơn-cuộc sống, không-biết-chết. Bản thân Pippa là sự hòa quyện giữa hai điều ấy, cả tình yêu và phi-tình-yêu, có mặt và không-có-mặt. Ảnh chụp trên tường, chiếc tất lẻ cuộn tròn dưới xô pha. Giây phút tôi đưa tay toan phẩy sợi bông dính trên tóc cô còn cô phá lên cười nguẩy tránh. Và cũng như âm nhạc nằm trong khoảng lặng giữa các nốt, như sao xinh đẹp nhờ không gian mênh mông, như nắng tới giọt mưa từ một góc nào đó sẽ hắt cả một phổ màu vắt qua nền trời - nên không gian nơi tối tồn tại, muốn tiếp tục

tồn tại, và thành thực là hy vọng sẽ chết trong đó, chính là khoảng cách trung gian này: nơi tuyệt vọng va chạm với tha tính thuần túy để sinh ra cái gì trác việt!

Và chính vì thế mà tôi quyết định viết những trang này như tôi đã viết đây. Vì chỉ bằng cách bước vào vùng trung gian, cái mép đa sắc giữa chân lý và phi chân lý, tôi mới có thể chịu đựng được việc tồn tại ở đây, viết ra điều này.

Điều dạy ta biết nói chuyện với mình, điều dạy ta biết cất tiếng hát đưa mình ra khỏi cơn tuyệt vọng, đều quan trọng. Nhưng bức tranh đã dạy tôi thêm rằng ta có thể nói chuyện với nhau xuyên qua thời gian. Và tôi cảm thấy mình có một điều rất quan thiết và cấp bách cần nói với người, người đọc không tồn tại của tôi ạ, cảm thấy cần phải nói tha thiết y như nếu tôi và người đang ở trong cùng một căn phòng. Rằng cuộc sống - bất kể những đặc tính nào đi nữa - thì rất ngắn. Rằng số mệnh rất hà khắc nhưng có lẽ chẳng ngẫu nhiên. Rằng Tự Nhiên (nghĩa là Cái Chết) luôn thắng cuộc, nhưng điều đó không có nghĩa ta phải lê la quỵ lụy nó. Rằng có lẽ dù không phải lúc nào ta cũng vui mừng khi được ở đây, thì nhiệm vụ của ta vẫn là phải đắm mình vào đó: lội thẳng qua đó, qua hố cứt, trong lúc vẫn giữ cho cặp mắt và trái tim rộng mở. Và giữa chừng đang chết, khi ta vừa ngoi lên khỏi giới hữu cơ, rồi lại ê chề chìm lại xuống đó, thì ta vừa vinh dự, vừa hân hạnh được yêu thứ mà Cái Chết không chạm tới. Bởi dù cho tai họa và lãng quên đã là bạn đồng hành cùng bức tranh này qua suốt tháng năm, thì tình yêu cũng vậy. Chừng nào nó còn bất tử (mà nó đúng là bất tử), tôi còn được dự phần, phần nhỏ nhưng lấp lánh không suy suyển, trong sự bất tử ấy. Nó tồn tại, sẽ còn tồn tại mãi. Và tôi nói tình yêu của chính mình vào lịch sử dòng người từng yêu những điều tuyệt đẹp, chăm lo cho chúng, giật chúng ra từ lưỡi lửa, tìm kiếm chúng khi chúng mất đi, tìm cách bảo tồn và

cất giữ trong khi chuyền tay chúng, theo nghĩa đen, cất lời ca du dương giữa cảnh tàn phá thời gian vọng tới thế hệ những người yêu sau, và sau nữa.

HẾT

http://tieulun.hopto.org

Chú Thích

[1] Trích từ chương 2 cuốn " Huyền thoại Sisyphe" của ông.

[2]De Westertoren là đỉnh tháp của nhà thờ Westerkerk, nơi chôn Rembrandt cùng con trai và người tình của ông, cũng từng là nơi ẩn trốn của Anne Frank. Krijberg là tên một nhà thờ khác.

[3]Tiếng Hà Lan là các ông các bà

[4] Tiếng Hà Lan: Một vụ án chưa được làm rõ. Chưa biết.

[5] Một tay người Mỹ có tiền án.

[6] Khu dân cư nằm ở bờ tây Manhattan, vẫn được coi là nơi tập trung của cộng đồng trí, nghệ sĩ và văn hóa phi truyền thống ở thành phố New York

[7]Nguyên gốc: Celtic Twilight - "Hoà'ng hôn Celt" là lý tưởng của văn học nghệ thuật thời kỷ phục hưng văn hóa dân tộc Celt/Gael (mạnh nhất ở Ireland, Scodand) vào cuối thế kỷ 19 – đầu thế kỷ 20, như một phân phong trào giải phóng dân tộc rộng lớn. Về sau đôi khi được dùng đế chỉ đặc trưng của văn học nghệ thuật Ireland

[8] Một trong các bộ lạc da đỏ gốc ở đông nam nước Mỹ.

[9] Tên Tiếng Anh: *The Tale of Genji*; là một trường thiên tiểu thuyết của nữ sĩ cung đình Nhật Bản có biệt danh là Murasaki Shikibu (978 - 1016)

[10]Nòi ngựa thuần chủng cổ nhất nước Mỹ.

[11]Một khu nghỉ mát ven biển Long Island, New York, với các nhà nghỉ mùa hè thuộc loại đắt đỏ nhất nước Mỹ.

[12] Franny and Zooey (1961) là một trong những tác phẩm viết

trong thời gian JD Salinger (tác giả cuốn *Bắt trẻ đồng xanh*) rời xa ánh hào quang của sự nổi tiếng. (BT)

[13]Tiếng Anh: *Breakfast at Tiffany's*. Bộ phim hài lãng mạng kinh điển của Mỹ sản xuất năm 1961. (BT)

[14]Tên tiếng Anh: *The Anatomy Ltsson*; họa phẩm của bác sĩ Nicolaes *Tulp*, thuộc loại tranh chân dung, một thể loại tiêu biểu cho nghệ thuật Hà Lan vào đâu thế kỷ 17. (BT)

[15]Johannes Vermeer hay Jan Vermeer (163211675) là họa sĩ người Hà Lan thời Baroque, nổi tiếng với các tác phẩm về đời sống hiện thực. (BT)

[16]Ý chí tác phẩm tên tiếng Anh là The Regents of the Old Men's Almshouse. (BT)

[17]Trompe-l'oeil (tiếng Pháp là "đánh lừa con mắt") là một thủ pháp sử dụng hình tượng thực tế để tạo ra ảo ảnh quang học ba chiều từ đó. (BT)

[18]Tức bức tranh Three medlars with a butterfly (Ba trái sơn trà cùng chú bướm) của danh họa Adriaen Coortc. (BT)

[19] Ý chỉ bức họa *The Jolly Toper*. (BT)

[20]Ý chi bức họa The Gypsy Girl (BT)

[21] Bức họa *Boy with a Skull* hay *Young man with a Skull* (Cũng được tác giả dùng đặt tên cho chương này). (BT)

[22] Bức họa *Banquet of the Officers of the St George Civic Guard*. (BT)

[23]Rembrandt Harmenszoon van Rijn (1606-1669) là một danh họa và nghệ sĩ khắc bản in nổi tiếng người Hà Lan. Ông thường được coi là một trong những họa sĩ vĩ đại nhất trong lịch

sử hội họa châu Âu nói chung và Hà Lan nói riêng. (BT)

[24] Họa phẩm *The Goldfinch* được danh họa Fabrltius vẽ năm 1645, hiện đang được treo tại Bảo tàng Nghệ thuật Mauritshuis ở The Hague (Hà Lan). (BT)

[25] Tên gốc tiếng Anh*: Citizen Kane*-y một bộ phim Mỹ của đạo diễn Orson Welks công chiếu năm 1941. (BT)

[26] Tiếng Pháp: xứ sở thần tiên. (BT)

[27]Tiếng Pháp: danh từ và đại từ. (BT)

[28] Khu nhà giàu ở Cairo, Ai Cập. (BT)

[29] Tiếng Pháp: Mất hết cả rồi. (BT)

[30]Thomas Gainsborough (1727-1788) là một họa sĩ người Anh, những bức tranh phong cảnh là niềm say mê chính của ông, nhưng vì vẽ chân dung kiếm được nhiều tiền hơn nên ông miễn cưỡng dành phần lớn cuộc đời cho loại tranh này. (BT)

[31]Tạm dịch: Trận chiến nước Anh; là bộ phim Anh sản xuất năm 1969 về Thế chiến Thứ hai, do Harry Saltzman và S. Benjamin Fisz sản xuất và Guy Hamilton đạo diễn (BT)

[32]Tên gốc: 2001: A space Odyssey; phim khoa học viễn tưởng sử thi năm 1968 do Stanley Kubrick sản xuất và đạo diễn. (BT)

[33]Đại hội các đại biểu từ 13 bang thuộc địa đã trở thành cơ quan quản lý nước Mỹ trong thời kỳ Cách mạng Mỹ, tách khỏi nước Anh. (BT)

[34]Một trong những trường trung học nội trú được coi là sang nhất miền Đông nước Mỹ. (BT)

[35]Cách nói tắt của Threepio, một robot mang hình dáng con người trong phim *Chiến tranh giữa các vì sao* (Star Wars). (BT)

[36] Tên gốc tiếng Anh: *Fullmetal Alchemist.* (BT)

[37]Ca khúc do Bob Dylan sáng tác và biểu diễn. (BT)

[38]*The Odd Couple* là hài kịch sitcom của Mỹ phát sóng trên đài CBS từ tháng Hai năm 2015 đến 30 tháng Một năm 2017. (BT)

[39]Tên gốc cuốn sách: *Insights in Biology.* (BT)

[40]Salvador Felipe Jacinto Dalí Domènech (1904 - 1989), thường được biết đến bằng cái tên Salvador Dalí, là nghệ sĩ sinh ra tại Figueras, xứ Catalonia, Tây Ban Nha. Ông được coi như một trong những hoạ sĩ có ảnh hưởng lớn nhất trong thế kỷ 20 với phong cách siêu thực. (BT)

[41]Câu cách ngôn: "*Nature red in tooth and claw*", ý nói tự bản thân tự nhiên đã nghiệt ngã lắm rồi. Hình tượng đúc kết nên câu cách ngôn bắt nguồn từ việc quan sát động vật tàn sát con mồi, răng, móng còn ngập máu kẻ thù. Câu cách ngôn này có thể được trích dẫn từ Kinh thánh hoặc từ Shakespeare (đến nay chưa được xác định rõ). (BT)

[42]Mandala hay Mạn đà la: một hình vẽ biểu thị vũ trụ trong cái nhìn của một bậc giác ngộ. Trong tiếng Sanskrit, mandala có nghĩa là một trung tâm (la) đã được tách riêng ra hay được trang điểm (mand). Có thể coi mandala là một hình vũ trụ thu nhỏ. (BT).

[43]Maxfield Parrish (1870 - 1966) là họa sĩ người Mỹ nửa đầu thế kỷ 20. (BT)

[44]John Constable (1776 - 1837) là một họa sĩ thuộc trường phái lãng mạn Anh. (BT)

[45]Dụng cụ giống như điếu cày, để hút cần sa.

[46]Mathew B. Brady (1822 - 1896) là nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp rất nổi tiếng trong lịch sử nhiếp ảnh Mỹ, được sinh ra vào khoảng năm 1822, ở Warren, New York. (BT)

[47]Loại đạn mũi nhọn đi kèm với súng trường có rãnh nòng do Minié sáng chế, bắt đầu dùng trong Chiến tranh Krym (1853 - 1856) và Nội chiến Mỹ (1861 - 1865). Các ưu điểm so với đạn tròn của súng hỏa mai là nặng hơn, vận tốc đầu nòng cao hơn dẫn đến dường đi chính xác hơn và sát thương cao hơn, đồng thời thời gian nạp đạn cũng nhanh hơn nên sử dụng thực chiến tăng hiệu quả rất nhiều. (BT)

[48]Nhà văn và diễn viên. Ông nổi tiếng với các vai diễn trong phim kinh dị Mỹ vào thập niên 1950 trở đi. (BT)

[49]Star Wars: Galactic Battlegrounds (Chiến tranh giữa các vi sao: Chiến trường Thiên Hà) là trò chơi máy tính thuộc thể loại chiến lược thời gian thực dựa theo loạt phim Star Wars do hãng LucasArts đồng phát triển và phát hành vào năm 2001. (BT)

[50]Tiếng Đức: Tuyệt trần. Cũng là tên một loại vang nối tiếng.

[51]Giovanni Pierluigi da Palestrina là nhà soạn nhạc người Ý thế kỷ 16. Âm nhạc của ông được coi là đỉnh cao của nhạc đa thanh thời Phục hưng và có ảnh hưởng lớn tới âm nhạc giáo đường sau này. (BT)

[52]Tổng thống có tinh thần dân tộc cao của Ai Cập, được bầu năm 1956, đã quốc hữu hóa kênh đào Suez cùng nhiều tài sản khác do các công ty châu Âu sở hữu trên đất Ai Cập. (BT)

[53]Nhân vật nhà giàu keo kiệt trong tác phẩm Bài ca mừng Giáng sinh cùa Charles Dickens. (BT)

[54]Tên gốc: “Rime of the Ancient Mariner"; là bài thơ kinh điển

của nhà thơ lãng mạn Anh S. T. Coleridge, nói về những hãi hùng ngoài biển khơi. (BT)

[55]Tiếng Tây Ban Nha: Thế nào, anh bạn nhỏ?

[56]Bố cháu muốn vào căn hộ, cần phải mở cửa

[57]Chú đi cùng được không?

[58]Một, hai, ba, bốn, năm, sáu.

[59]Tạm dịch: Những kẻ trộm xác. (BT)

[60]Tiếng Tây Ban Nha: Đúng, đó là sự thật.

[61]Tiếng Tây Ban Nha: Cẩn thận đấy!

[62]Trích tập thơ văn xuôi *Les Illuminations* của ông.

[63]Tiếng tây ban nha: Anh bạn.

[64]Tiếng Tây ban nha: Khoan! Chờ đã!

[65]Nguyên văn: Lost Wages, cách nói chệch đi từ Las Vegas. (BT)

[66]Nguyên văn: Sin City. (BT)

[67]Tiếng Tây Ban Nha: mê hồn, bị bỏ bùa.

[68]George Stubbs (1724 - 1806) là một họa sĩ người Anh, nổi tiếng với những bức họa về ngựa. (BT)

[69]Tên gốc: Black Beauty. (BT)

[70]Phim Noir: (trong tiếng Pháp gọi là phim đen) lần đầu tiên được nhắc đến chính thức vào năm 1946 bởi một nhà phê bình phim tên là Nino Frank; thời kỳ đặc thù của dòng phim này kéo dài từ thập niên 1940 đến 1950; Noir chỉ những bộ phim nói về những hành động tội ác trong thế giới ngầm của Hollywood, đặc

biệt nhấn mạnh những hành động có sự nhập nhằng giữa các chuẩn mực đạo đức, những đam mê giới tính. (BT)

[71]Tên gốc: Oceans Ekven\ là bộ phim năm 2001 của đạo diễn Steven Soderbergh. (BT)

[72]Jai-Alai là một trong những môn thể thao mà trái bóng đi nhanh nhất thế giới, gần 300 km một giờ. Các vận động viên sẽ dùng một vật dài hơn 50 cm gắn vào tay để ném trái bóng thật mạnh vào tường và đối thủ của họ cũng làm như thế. Điểm sẽ được tính nếu cầu thủ nào làm rơi bóng hoặc bóng bắn ra ngoài. Jai-Alai xuất hiện ở Tây Ban Nha vào thế kỷ 16 và ngày nay được chơi nhiều ở Pháp và Tây Ban Nha. (BT)

[73]Iguana hay còn gọi là Cự đà Nam Mỹ là một chi gồm các loài thằn lằn sống ở các khu vực nhiệt đới, số lượng và chủng loại của chúng rất đa dạng. (BT)

[74] Great expectations của Charles Dickens. (BT)

[75]Waldert của Henry David Thoreau, (BT)

[76]Boris Badenov (“Boris khốn khiếp”) và Natasha Fatale là hai tội phạm trong phim hoạt hình hài Mỹ The Bullwinkle Show. Natasha Rostova là nhân vật nữ chính trong Chiến tranh và hòa bình của Lev Tolstoy

[77]Tiếng Nga: kiểu Mỹ.

[78]Lần lượt là: thắng cương và thuần hóa; người nổi tiếng (viết đúng chính tả là “celebrity”); nhà hàng Ý; người biết tuốt; huyết thống; lơ là bổn phận.

[79]Sophomore: học sinh năm thứ hai trung học; Home education: nữ công gia chánh; Political Science: khoa học chính trị; politzei: cảnh sát (tiếng Nga).

[80]Fajita: món cuộn thịt nướng kiểu Mexico, falafel: bánh rán ngọt nhân đậu kiểu Ả rập, tetrazzini: thịt gà sốt kem vang kiểu Mỹ.

[81]Trong tiếng Nga cửa hàng là magazin nhưng cậu lại nói thành magazine (tiếng Anh là tạp chí).

[82]Tiếng Nga, ý là: văn hóa lùn.

[83]Tiếng Nga: Mày làm tao phát ọe! Cút xéo!

[84]Tiếng Nga: Mày thấy không?

[85]Tạm dịch: Quái thú năm ngón tay. (BT)

[86]Tiếng Nga: Chết tiệt.

[87]Là tựa để tiếng Anh của cuốn Terre des hommes (Một đơn vị tại Việt Nam xuất bản với tựa Xứ con người).

[88]Bài hát Giáng sinh truyền thống, sang tiếng Việt có nghĩa là: Dọn nhà đón năm mới. (BT)

[89]Tạm dịch: Các giới hạn ngoài. (BT)

[90]Tạm dịch: Tâm hồn là một kẻ săn đuổi cô đơn. (BT)

[91]White Album của nhóm the Beattles. (BT)

[92]Tên gốc: Grapes ofWrath. (BT)

[93]Tên gốc: The House of the Seven Gables. (BT)

[94]Chưa phổ biến tại Việt Nam, tạm dịch: Huân chương đỏ về lòng dũng cảm. (BT)

[95]Thelonious Sphere Monk (1917 - 1982) là nghệ sĩ dương cầm và nhà soạn nhạc jazz của Mỹ. (BT)

[96]Velvet Underground: bản nhạc rock thành lập năm 1964 tại

New York City.

[97]Đội bóng đá nhà nghề Mỹ đóng tại Green Bảy, Wisconsin. (BT)

[98]Tác phẩm của tiểu thuyết gia người Anh, Mary Anne Evans, một trong những nhà văn tiên phong của thời đại Victoria. Bà lấy bút danh nam giới, George Eliot, cho một số tác phẩm bởi không muốn bị xem là nhà văn lãng mạn đơn thuần. (BT)

[99]Tên gốc: *The War of the Worlds.* (BT)

[100]Nguyên văn tác giả dùng chữ E, ý chỉ là thuốc lắc. (BT)

[101]LSD (Lysergic acid diethylamide) là thuốc ảo giác mạnh, gây tác động tâm lý đến sự nhận biết với môi trường xung quanh, tác động đến nhận thức, cảm nhận; không gây nghiện nhưng gây phản ứng tâm thần bất lợi như lo âu, hoang tưởng, ảo tưởng. (BT)

[102]Tài khoản 529 là khi người mua trả một khoản tiền cố định định kỳ vào tài khoản, đổi lại một người hưởng lợi được chỉ định sẽ được thanh toán toàn bộ tiền học phí giáo dục ở bậc đại học cao đẳng trong tương lai. Tài khoản này do bang quản lý và có những ưu đãi về thuế đối với người hưởng lợi. (BT)

[103]UTMA (Đạo luật về chuyển nhượng cho trẻ em) cho phép chuyển giao tài sản cho trẻ vị thành niên (do một người giám hộ quản lý tạm thời) mà không cần đến nhiều thủ tục pháp lý như mở quỹ ủy thác. (BT)

[104]Đơn vị cơ bản dùng khi mua bán cocain, đá, cắn sa..., chia thành từng lượng bằng 1/8 ounce hay 3,5 g, vê thành viên hoặc bọc trong túi. (BT)

[105]Tiếng Pháp: Làm gì đây?

[106]Bracegirdle: nghĩa đen là “siết chặt dây nịt quần”

[107]Nhà soạn nhạc và nhạc sĩ sáng tác thánh nhạc người Estonia. (BT)

[108]Ở Việt Nam, Hoàng Ngọc Tuấn dịch là “Trầm tưởng trong một tình trạng khẩn cấp”. (BT)

[109]Một hiệu sách mới lẫn cũ nổi tiếng tại New York, với khẩu hiệu là “18 dặm sách.”

[110]Các chương trình đại học sớm, bắt đầu được đưa vào giáo dục trung học ở Mỹ từ năm 2002, cho phép học sinh theo học cùng lúc các môn ở trình độ trung học và đại học. Khi tốt nghiệp cấp 3, học sinh cũng đồng thời có trong tay các tín chỉ tương đương với hai năm đại học trở xuống. (BT)

[111]Chợ trời ở các nước Tây Á hoặc Bắc Phi. (BT)

[112]Edward Lear (1812 - 1888) là nghệ sĩ, nhạc sĩ, nhà thơ nổi tiếng người Anh. (BT)

[113]Chuỗi sách cẩm nang nhà hàng, khách sạn hạng sang uy tín ở châu Âu, được xuất bán bởi công ty lốp xe Michelin, Pháp. (BT)

[114]Tiếng Pháp: Vô cùng thanh lịch (BT)

[115]Tên gốc: *The bicycle thief*; phim của Italy của đạo diễn Vittorio De Sica năm 1948. (BT)

[116]Tên gốc Lamouette

[117]Một thể loại xoay quanh chủ đề chính là phụ nữ lấn lướt đàn ông trong mối quan hệ tinh cảm, đồng thời cũng bình phẩm về xung đột giữa các tầng lớp xã hội. (BT)

[118]Tên gốc: Seven Pillars of Wisdom; tự truyện của nhà văn T. E. Lawrence, kể về những trải nghệm trong thế chiến I. (BT)

[119]Tiếng Nga: con choi choi (một thứ đồ chơi); ở đây ý nói một người luôn chân luồn tay. (BT)

[120]Trích vở Die Raüber (Những tên cướp)

[121]Miko: nhân vật phổ biến trong văn học Nhật Bản, manga và anime; trong hình hài phổ biến nhất là đang quét sân đến với cây chổi tre. Trong một số truyện lãng mạn, đặc biệt là trò chơi điện tử bishoujo và visual novel, miko thường được minh họa là những cô gái xinh đẹp nhưng thường quá buồn tẻ, đồng bóng - thường do ít cảm xúc hoặc ghét con trai. (BT)

[122]Khái niệm lấy từ cuốn *Phân tích cái đẹp* (The Analysis of Beauty) của William Hogarth, 1753.

[123]Tức oxycodone (còn bán với tên Oxycontin) và roxycodone, hai loại thuốc cu IU đau có tính gây nghiện cao. (BT)

[124]Nhân vật đã đến thăm lão Scrooge trong *Christmas Carol* (Bài ca mừng Giáng sinh) của Charles Dickens. (BT)

[125]2,5 thường được dẫn ra như là số con trung bình trong một gia đình Mỹ lý tưởng. (BT)

[126]Phép lạ bảy cái bánh và con cá. Theo các Phúc Âm (Matthew 14; Mark 6; Luke 9: John 6), Chúa Jesus đã làm phép hóa năm cái bánh và hai con cá ra đủ cho đám đông gồm năm nghìn người, chưa kể phụ nữ và trẻ con, những người đã đến nghe Thầy giảng vào thời đó. (BT)

[127]Queen Anne là một phong cách thiết kế kiến trúc và nội thất xuất hiện trong triều đại của nữ hoàng Anne và được gọi theo tên của bà: Phong cách Queen Anne. (BT)

[128]Vụ việc được phát hiện năm 2008: Josef Fritzl đã giam con gái mình là Elisabeth Fritzl dưới hầm nhà trong suốt 24 năm. Khi được phát hiện, Elisabeth đã 42 tuổi và đã sinh bảy đứa con từ những lần bị ông bố cưỡng bức.

[129]Tạm dịch: Kỳ nghỉ cuối tuần bị đánh cắp

[130]Các trạm của nhà nước cung cấp bơm kim tiêm dùng một lần miễn phí hoặc với giá rất thấp nhằm giảm thiểu nguy cơ người nghiện lây nhiễm bệnh cho nhau do sử dụng chung.

[131]Diễn viên Hungary đóng vai Bá rước Dracula trong bộ phim cùng tên, phiên bản năm 1931. (BT)

[132]Chơi chữ với chữ "Polish' trong tiếng Anh: vừa có nghĩa là Ba Lan vừa mang nghĩa là lau chùi dọn dẹp. (BT)

[133]Tên gốc : *The Idiot* : tiểu thuyết của tác giả Nga, Fyodor Dostoyevsky, thế kỷ 19. (BT)

[134]Nhân vật chính trong truyện ngắn của Washington Irving. Rip van Wrinkle uống phải rượu ma nên đã ngủ quên trên núi gần hai mươi năm; khi tỉnh dậy, ông ta được biết các thuộc địa Anh ở châu Mỹ đã nổi dậy và trở thành nước Hoa Kỳ độc lập. (BT)

[135]*Vanitas* là một thể loại tranh lấy chủ đề là cái chết, sự ngắn ngủi của cuộc sống, tính vô dụng của lạc thú, thường gắn với tranh tĩnh vật của Flanders và Hà Lan thế kỷ 16-17. Đầu lâu, đồng hồ cát, hoa héo, quả thối rữa, bươm bướm... là những biểu tượng thường thấy trong loại tranh này.) Hà Lan là một cái đồng hồ tròn đen trũi, có phần hăm dọa, mặt số La Mã. Kim đen: mười hai giờ kém mười lăm. Thời gian sắp cạn.

[136]*Pelléas et Mélisande* là vở opera 5 màn của nhà soạn nhạc người Pháp Claude Debussy. (BT)

[137]*Otchayanie*, tiểu thuyết thứ bảy của Vladimir Nabokov (BT)

[138]*Sein und Zeit*, tác phẩm viết năm 1927 của triết gia người Đức, Martin Heidegger (BT)

[139]Jean-Baptiste-Camille Corot (1796 - 1875): họa sĩ người Pháp chuyên vẽ chân dung, phong cảnh và tranh in. (BT)

[140]Tiếng Đức: Dân Trung Âu.

[141]Giữ cô ta lại.

[142]Hử? Có chuyện gì thế?)

[143]Cứ nghỉ tiếp, ngủ tiếp đi

[144]Thằng nhãi đần độn! Đồ ngốc!

[145]Tên Tiếng Anh: *Storm on the Sea of Galilee*. (BT)

[146]Tên Tiếng Anh: *The Love Letter*. (BT)

[147]Tên Tiếng Anh: *Poverty*. (BT)

[148]Tên Tiếng Anh: *Tahitian Landscape*. (BT)

[149]Tên Tiếng Anh: *Nativity with St. Prancis and St. Laivrence*. (BT)

[150]Tên Tiếng Anh: Ozma of Oz. (BT)

[151]Tên gốc: *Blade Runner*; phim viễn tưởng thuộc hàng kinh điển được đạo diễn Ridley Scott chuyển thể thành phim dựa trên tiểu thuyết *Do Androids Dream of Electric Sheep'* (Người máy có mơ về cừu điện?) của Phillip K. Dick, một trong những tác giả tiểu thuyết viễn tưởng xuất sắc nhất. (BT)

[152]Tên gốc: *The Misfts*; phim chính kịch của Mỹ, sản xuất năm

1961, do Arthur Miller viết kịch bản của và John Huston đạo diễn, Clark Gable, Marilyn Monroe và Montgomery Clift thủ vai chính. (BT)

[153]Lấy từ một điển tích thế kỷ 16, nghĩa là nếu không có Chúa rủ lòng thương thì tôi cũng đã ở trong cùng cảnh ngộ ấy.

[154]Tên một vở nhạc kịch diễn lần đầu năm 1940, kể về một người da đen ham bài bạc đã cải tà quy chính sau khi linh hồn anh ta bị giành giật giữa thiên thần và ác quỷ. Câu chuyện lấy bối cảnh ở Virginia.

[155]Tiếng Pháp: kẻ gây khuynh gia bại sản. Viết đúng là "dilapidateur"

[156]Tantalus cố tình ăn trộm thức uống bất tử (Ambrosia) của các vị thần Hy Lạp và phải chịu hình phạt chịu đói khát giữa dòng sông lạnh cóng. Tantalus luôn tìm cách vươn ra lấy nước uống và trái cây, nhưng lần nào cũng vậy, cúi đầu xuống sông, sông biến thành bùn đất, vươn lên cành cầy hái quả, quả cứ cao lên mãi, vượt khỏi tầm tay của ông. (BT)

[157]Tiếng Nga: Chào! Tên tôi là Anatoly.

[158]Tiếng Nga: Rất vui được gặp anh

[159]Tên các giống cần sa.

[160]Nghĩa đen là "chợ mới", một quảng trường ở trung tâm Amsterdam.

[161]Tên một giống cần sa.

[162]Tiếng Hà Lan: hiệu bán đồ cổ.

[163]Tiếng Hà Lan: Ảnh in quà, Khóa an toàn Locksmith.

[164]Tên gốc: *On the Good Ship Lollipop*; Bài hát kinh điển của

ngôi sao điện ảnh nhí Shirley Temple thập niên 1930. (BT)

[165]*Moby Dick* hay *The Whale* (Con cá voi) là tiểu thuyết của nhà văn Mỹ, Herman Melville, xuất bản lần đầu vào năm 1851. (BT)

[166]Tiếng Hà Lan pha Anh: Đặt hàng nhanh, Phong cách retro, Showgirl-cửa hàng sex

[167]Tiếng Nga: Con chim vàng.

[168]Tiếng Nga: Chưa phải bây giờ. (BT)

[169]Tiếng Hà Lan: Máy bán vé tự động

[170]Tiếng Hà Lan pha Anh: Khóa an toàn Locksmith, Cơ hội việc làm, In kỹ thuật số, Haji Telecom, Khoái thú vô tận.

[171]Tiếng Hà Lan: Kiếm soát tốc độ.

[172]Tiếng Hà Lan: Quán ăn vặt, siêu thị.

[173]Tiếng Hà Lan: Khuyến mãi từ hôm nay!

[174]Matthew 6:28.

[175]Tên Tiếng Anh: *Sesame Street* ; là chương trình truyền hình thiếu nhi của Mỹ, mở đường cho các chương trinh kết hợp giáo dục với giải trí sau này. Chương trình được chiếu lần đầu tiên vào năm 1969 và là chương trình thiếu nhi lâu đời nhất trong lịch sử truyền hình. (BT)

[176]Tiếng Hà Lan: Máu. Giết người.

[177]Thế là hết à?

[178]Thị xã Đức trên dãy Alps, nằm dưới chân đỉnh Waltzmann là đỉnh núi cao thứ ba nước Đức. (BT)

[179]Tiếng Hà Lan: Tìm thấy một người Mỹ đã chết.

[180]Tiếng Hà Lau: Tội phạm liên quan đến ma túy: Frits Aaltink người Amsterdam và Mackay Fiedler Martin người Los Angeles.

[181]Tiếng Hà Lan: Đọ súng.

[182]Tiếng Hà Lan: Án mạng này đã gây rúng động…

[183]Tiếng Hà Lan: Hai người bị giết chết giữa vũng máu...

[184]Tiếng Hà Lan: Hai kẻ tử vong. Liên quan đến một hay nhiều người nữa. Bạo lực có vũ khí ở Hà Lan.

[185]Tiếng Hà Lan: Vụ bắn chết người vẫn chưa có lời giải…

[186]Tiếng Đức: Ô! Cây Nô-en! Cây thông xinh tươi. Mầu xanh xanh biếc đẹp suốt năm. (BT)

[187]Ý chỉ các họa sĩ bậc thầy trước thế kỷ 18. (BT)

[188]Tiếng Hà Lan: Giáng sinh vui vẻ!

[189]Tạm dịch: Tôi tản bộ với một xác sống. (BT)

[190]Absolut vodka: được sản xuất gần Ahus, nam Thụy Điển (BT).

[191]Kỷ nguyên đẹp, chỉ thời kỳ ở châu Âu từ sau chiến tranh Pháp-Phổ 1871 tôi trước Thế chiến thứ nhất, được coi là có đời sống xa hoa, văn hóa và nghệ thuật rực rỡ.

[192]Ảnh chụp bằng phương pháp của Louis Daguerre, là phương pháp chụp ảnh đầu tiên trên thế giới

[193]Còn gì là trạng thái trung hữu, là một khái niệm của Phật giáo Tây Tạng chỉ khoảng thời gian liền sau cái, chết, trước khi bước vào tái sinh; nhưng cũng có cách hiểu chỉ mọi khoảng thời

gian khi ốm, trong mộng, thiền định... khi sự sống ngưng lại và con người tiếp cận được với cõi tâm linh

[194]Tên gốc; *Kill Bill* ; phim võ thuật gồm hai phẩn của đạo diễn Quentin Tarantino. (BT)

[195]Nhắc đến vở kịch ngắn *Our Town* của nhà viết kịch Mỹ Thornton Wilder sáng tác năm 1938, ca ngợi cuộc sống ngày thường ở một thị trấn nhỏ nước Mỹ.

[196]Câu này Theo lặp lại lời của Ivan trong *Anh em nhà Karamazov*, đoạn Đại pháp quan tổn giáo. Đây để theo bản của Phạm Mạnh Hùng.

[197]Trích bài thơ "*Linh hồn núi Phú Sĩ*" của nhà thơ gốc Nhật Yone Noguchi (I903).

[198]Trong Tân ước sách Công vụ tông đồ, Thánh Paul ban đầu là người, chồng Ki-tô giáo và săn đuổi các tín đồ, cho tới khi Jesus hiện ra trước ông trong một luồng sáng chói lòa ở Damascus, khiến ông tỉnh ngộ, cải đạo và trở thành một nhà truyền giáo đắc lực, cột trụ của Giáo hội thời kỳ đầu.

[199]Phim Mỹ, tên gốc là *Its a wonderful life*; phim Mỹ, đo Frank Capra sản xuất và đạo diễn từ truyện ngắn "The Greatest Gift" của Philip Van Daren Stern. (BT)